
LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Tập 12 của bộ Toàn tập C.Mác và Ph.Ăng-ghen bao gồm các tác phẩm của hai nhà kinh điển viết vào khoảng từ tháng Tư 1856 đến tháng Giêng 1859.

Trong tập này ngoài "Lời nói đầu" của các bản thảo kinh tế 1857 – 1858, hai nhà kinh điển chủ yếu phân tích cuộc khủng hoảng kinh tế lúc bấy giờ ở nhiều nước, dưới ánh sáng triển vọng sẽ xuất hiện một cao trào cách mạng mới. Hai ông cũng chỉ rõ đặc điểm của chủ nghĩa tư bản những năm 50 của thế kỷ XIX, sự xuất hiện và vai trò của các công ty cổ phần. Hai ông dành nhiều bài để nói về phong trào giải phóng dân tộc ở các thuộc địa và quan hệ giữa phong trào này với phong trào cách mạng ở chính quốc.

Các bản thảo kinh tế 1857 – 1858 của C.Mác sẽ được xuất bản thành một tập riêng.

Tập này được dịch dựa vào bản tiếng Nga bộ Toàn tập C.Mác và Ph. Ăng-ghen, tập 12 do Nhà xuất bản sách chính trị quốc gia Liên Xô xuất bản tại Mát-xcơ-va năm 1958. Ngoài phần chính văn, chúng tôi còn in kèm theo phần chú thích và các bản chỉ dẫn, do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin Liên Xô (trước đây) biên soạn để bạn đọc tham khảo.

Đồng thời với việc xuất bản bộ Toàn tập của C.Mác và Ph.Ăng-ghen, chúng tôi sẽ tổ chức biên soạn sách giới thiệu nội dung mỗi tập và các tư tưởng cơ bản trong tác phẩm chính của hai nhà kinh điển.

Tháng 8 năm 1993

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

C.MÁC

**DIỄN VĂN ĐỌC TẠI BUỔI LỄ KỶ NIỆM BÁO
"THE PEOPLE'S PAPER" Ở LUÂN ĐÔN
NGÀY 14 THÁNG TƯ 1856¹**

Cái gọi là những cuộc cách mạng năm 1848 chỉ là những sự kiện nhỏ, những vết nứt rạn và những kẽ hở không đáng kể trên cái vỏ cứng của xã hội châu Âu. Song, những cuộc cách mạng ấy đã để lộ ra một vực thẳm nằm dưới lớp vỏ đó. Những cuộc cách mạng này đã để lộ ra ở bên dưới cái bề mặt tưởng như cứng rắn ấy một đại dương đang chao đảo mà chỉ cần làm cho nó chuyển động là có thể đập vỡ tan tành những đại lực gồm các khối đá cứng. Cả toàn bộ những cuộc cách mạng ấy đã tuyên bố một cách ồn ào và áp úng cuộc giải phóng của giai cấp vô sản - bí mật của thế kỷ XIX và của những cuộc cách mạng trong thế kỷ này.

Thực ra, cuộc cách mạng xã hội ấy chẳng phải là một cái gì mới mẻ được phát minh trong năm 1848. Hơi nước, điện và máy dệt tự động đã là những nhà cách mạng nguy hiểm hơn rất nhiều, ngay cả khi so với các công dân Béc-be, Ra-xpai, Blăng-ki. Mặc dù bầu không khí mà chúng ta đang sống đè lên mỗi người chúng ta một sức nặng là 20 000 li-vrơ, nhưng chúng ta có cảm thấy điều đó không? Không cảm thấy gì cả, cũng giống như xã hội châu Âu trước năm 1848 không cảm thấy bầu không khí cách mạng bao quanh xã hội đó từ khắp mọi phía.

Có một sự thật vĩ đại, đặc trưng cho thế kỷ XIX của chúng ta mà không một đảng phái nào dám phủ nhận. Một mặt, đã xuất hiện những lực lượng công nghiệp và khoa học mà không một thời đại nào trước kia của lịch sử nhân loại thậm chí có thể ngờ tới. Mặt khác, người ta cũng đã thấy rõ những dấu hiệu của một sự sụp đổ, vượt xa tất cả những sự kinh khủng nổi tiếng trong lịch sử thời kỳ cuối cùng của Đế chế La Mã.

Trong thời đại chúng ta, mọi sự vật đều tựa hồ như bao hàm mặt đối lập của nó. Chúng ta thấy rằng những máy móc có một sức mạnh kỳ diệu trong việc giảm bớt lao động của con người và làm cho lao động của con người có kết quả hơn, thì lại đem nạn đói và tình trạng kiệt quệ đến cho con người. Những nguồn của cải mới, từ xưa tới nay chưa ai biết, dường như do một sức mạnh thần kỳ nào đó lại đang biến thành nguồn gốc của sự nghèo khổ. Những thắng lợi của kỹ thuật dường như đã được mua bằng cái giá của sự suy đồi về mặt tinh thần. Dường như loài người càng chinh phục được thiên nhiên nhiều hơn, thì con người lại càng trở thành nô lệ của những người khác hoặc nô lệ cho sự dè tiện của chính mình. Dường như ngay cả đến ánh sáng thuần khiết của khoa học cũng không thể chiếu rọi bằng cách nào khác ngoài cách chiếu rọi vào cái bối cảnh tối tăm của sự ngu dốt. Tất cả những phát minh của chúng ta và tất cả sự tiến bộ của chúng ta tựa hồ như đang dẫn tới chỗ là những lực lượng vật chất thì được ban cho một đời sống tinh thần, còn đời sống của con người vốn đã bị tước mất cái mặt tinh thần rồi thì nay lại bị hạ thấp xuống trình độ những lực lượng vật chất đơn thuần. Mâu thuẫn đối kháng đó giữa một bên là nền công nghiệp hiện đại và khoa học với một bên là cảnh bản cùng hiện nay và sự suy đồi, mâu thuẫn đối kháng đó giữa lực lượng sản xuất và quan hệ xã hội trong thời đại chúng ta là một sự thật rõ ràng, không tránh khỏi và không thể chối cãi được. Một số đảng phái ta thán về tình hình đó; số khác lại muốn thoát khỏi những thành tựu hiện đại của kỹ thuật, để nhờ đó mà tránh được những xung đột hiện nay; một số khác nữa thì lại cho rằng sự tiến bộ trong công nghiệp càng lớn bao nhiêu thì nhất định nó sẽ được bổ sung bằng sự lạc hậu cũng lớn bấy nhiêu trong chính trị. Về phía

mình, chúng ta không hiểu nhầm bản chất của cái tinh thần lắt léo luôn luôn thể hiện ra trong tất cả các mâu thuẫn đó. Chúng ta hiểu rằng, để tác động được một cách thích đáng, những lực lượng mới của xã hội chỉ cần có một điều: những con người mới cần phải nắm lấy những lực lượng đó, và những con người mới ấy chính là công nhân. Công nhân cũng là một phát minh của thời đại mới, giống như máy móc vậy. Trong những hiện tượng khiến cho giai cấp tư sản, giới quý tộc và những kẻ tiên tri xấu số đoán trước sự thoái bộ phải lo sợ, chúng ta nhận ra người bạn tốt của mình, đó là Rô-bin Gút-phê-lâu², chú chuột đồng già biết đào đất khá nhanh, nhận ra người thợ đánh mìn vinh quang này - đó là cách mạng. Công nhân Anh là đứa con đầu lòng của nền công nghiệp hiện đại. Và tất nhiên họ sẽ không phải là những người cuối cùng đến giúp đỡ cho cuộc cách mạng xã hội do nền công nghiệp ấy sản sinh ra, một cuộc cách mạng đem lại sự giải phóng chính giai cấp họ trên toàn thế giới, một cuộc cách mạng cũng có tính chất phổ biến như sự thống trị của tư bản và chế độ nô lệ làm thuê. Tôi biết rõ cuộc đấu tranh anh dũng mà công nhân Anh đã tiến hành từ giữa thế kỷ trước, cuộc đấu tranh đó sở dĩ ít được người ta biết đến vì các nhà sử học tư sản đã bỏ nó trong bóng tối và làm ngơ không nói đến. Vào thời Trung cổ, ở nước Đức có một tòa án bí mật được gọi là "Vehmgericht"¹, lập ra để trả thù những hành động tàn bạo của các giai cấp cầm quyền. Nếu có chữ thập đỏ vẽ trên tường một nhà nào đó, thì mọi người đều hiểu rằng chủ nhà đó đã bị "Vehm" kết án. Hiện nay thì chữ thập đỏ thần bí đã được vẽ lên tất cả các nhà ở châu Âu. Giờ đây, chính lịch sử là quan tòa, còn người thi hành bản án của tòa án đó là giai cấp vô sản.

In theo đúng bản đăng trên tờ "The People's Paper" số 207, ngày 19 tháng Tư 1856

In theo bản đăng trên báo Nguyên văn là tiếng Anh

1* - "Tòa án Phê-ma"

C.MÁC

THƯỢNG NGHỊ VIỆN VÀ TƯỢNG ĐÀI CÔNG TƯỚNG I-OÓC

Đúng vào lúc huân tước Giôn Rốt-xen, cái anh chàng

"Nhãi nhép vắt mũi chưa sạch"^{1*}

này đưa ra một trong những đề án lố bịch, nhỏ mọn của mình nhằm giáo dục người khổng lồ là nhân dân để làm trò tiêu khiển cho hạ nghị viện, thì các bạn đồng sự của y trong thượng nghị viện cũng đưa ra tấm gương rõ ràng về trình độ giáo dục nhờ trời mà có của các nhà cầm quyền Anh. Đối tượng những cuộc tranh cãi của họ là bản báo cáo của một tiểu ban hạ nghị viện đề nghị đưa tượng đài công tước I-oóc ra khỏi quảng trường Oa-téc-lô vì lợi ích của khu vực này. Hầu tước Clan-ri-các-đơ phát biểu về vấn đề này như sau:

"Công tước I-oóc không những lòng lấy tiếng tăm vì dòng dõi cao quý của mình, mà còn có công lớn phò vua giúp nước... Không phải chỉ một số bạn bè thân cận của ngài, mà ai ai cũng đau đớn trước việc ông tạ thế. Tất cả mọi người đều vội vàng tranh nhau xác nhận công tước đã hoàn thành những nhiệm vụ được giao phó với một nhiệt tình như thế nào".

Theo ý kiến của hầu tước Lan-xdao-nơ thì

"không thể quá ư nhẹ dạ dạn dĩ hay di chuyển cái tượng đài vừa mới được

1* Sếch-xpia. "Giấc mộng đêm hè", hồi III, cảnh hai.

dựng lên mấy năm trước đây để kỷ niệm một con người kỳ diệu được tất cả chúng ta kính trọng".

A-bóc-đin, nhà quý tộc tan^{1*}, từng đi đây đó nhiều, đã coi tượng đài là "có phần *thiên nhiên*". Bá tước Man-mơ-xbê-ri thì

"hoàn toàn tán thành những lời phát biểu ấy của bá tước cao quý, những lời có thể coi là đã thể hiện được tình cảm của chúng ta về việc này".

Vậy thì chúng ta hãy nhìn lại cuộc đời của vị anh hùng tuyệt vời mà thượng nghị viện ca ngợi là thánh thiện như vậy xem sao.

Sự kiện đáng ghi nhớ nhất trong cuộc đời của công tước I-oóc xảy ra vào năm 1763 - đó là sự ra đời của ngài. Hai mươi sáu năm sau, ngài đã có thể làm cho toàn thể giới chú ý tới mình vì đã chối từ những lạc thú của cuộc sống độc thân để làm một ông chồng. Cuộc chiến tranh chống phái Gia-cô-banh đã mang đến cho vị hoàng thân một dịp tốt để trở thành tướng lĩnh của hoàng gia. Nếu quân đội Anh có liên tiếp bị thất bại trong thời gian cuộc hành quân lừng danh muôn thuở ở Phlan-đơ và cuộc hành quân không kém phần vinh quang ở Hen-đéc³, thì nó vẫn cứ luôn luôn được an ủi ở chỗ là vị tư lệnh hoàng gia của nó bao giờ cũng trở về nhà được toàn vẹn và bình an. Mọi người đều biết là ngài đã khéo léo bỏ mặc ông U-sa-rơ ở Hồng-xcốt-tơ như thế nào và cuộc bao vây Doong-kéc-cơ của ngài phần nào còn vượt cả cuộc vây hãm thành Tơ-roa. Cái vinh quang mà ngài đã giành được trong cuộc hành quân ở Phlan-đơ lớn lao đến nỗi Pít, vì ghen với vòng nguyệt quế của công tước, đã bắt buộc bộ trưởng chiến tranh Đan-đa-xơ phải gửi cho ngài hoàng thân bức thông điệp thượng khẩn bắt phải trở về tức khắc, dành sự dũng cảm cá nhân vào những lúc hiểm nguy hơn và phải nhớ tới câu châm ngôn cổ của Pha-bi-út: *famae etiam jactura facienda est pro patria*^{2*}. Một sĩ quan nào đó tên là Coóc-rây-nơ Giôn-xtơn, người sau này chúng tôi sẽ còn nói tới, được uỷ nhiệm đưa thông điệp này và, như một tác giả sống thời bấy giờ viết, "Giôn-xtơn đã hoàn thành sự uỷ nhiệm đó một cách nhanh chóng và kiên quyết đến mức toàn quân phải khâm

1* Quý tộc xứ Xcốt-len

2* - Vì Tổ quốc phải hy sinh đến cả vinh quang.

phục"⁴. Những kỳ tích của ngài trong lĩnh vực tài chính còn to lớn hơn so với những kỳ tích chiến đấu của công tước trong thời gian cũng cuộc hành quân đó, bởi vì một cơn hoả hoạn cứu tinh ở mỗi kho hậu cần cũng dứt khoát thanh toán được đầu vào đầy tất cả những nhân viên hậu cần, những nhân viên giám sát và những kẻ giao hàng nhỏ mọn của ngài. Mặc dù có những thành tích như vậy, năm 1799 chúng tôi lại thấy hoàng thân cầm đầu cuộc viễn chinh Hen-đéc, cuộc viễn chinh này được báo chí Anh, dưới sự bảo trợ công khai của Pít, miêu tả như một cuộc dạo chơi giản đơn, bởi vì, ai mà chẳng cảm thấy một điều khó tưởng tượng được là: chỉ riêng sự xuất hiện của một đội quân 45000 người, được hỗ trợ ở phía sau bằng một đoàn tàu chiến đã làm chủ trên vịnh Giây-đéc-Gie, dưới sự chỉ huy của người nối ngôi triều đại Brao-nơ-svai-gơ, mà lại không đánh tan được một đám ô hợp gồm 20000 người Pháp.

"dưới sự chỉ huy của một gã học nghề in ở Li-mu-danh, một thằng Bruyn nào đó, được học tập quân sự và chính trị trong các phòng chơi bóng thời cách mạng Pháp".

Song, gã học nghề in của thành phố Li-mu-danh, với thái độ vô liêm sỉ thô lỗ vốn có của các tướng lĩnh phái Gia-cô-banh, đã dám đánh cho hoàng thân thất điên bát đảo bất cứ lúc nào gã ta chạm trán hoàng thân; và khi hoàng thân quyết định rằng sống vì lợi ích của Tổ quốc mình là đáng ngại ca gấp bội so với chết vì nó nên đã tìm mọi cách để quay về Hen-đéc, thì Bruyn lại vô lễ đến mức không để cho ngài chạy về đó chừng nào công tước chưa ký Hiệp định đầu hàng An-cơ-ma-rơ⁵ nổi tiếng, trong hiệp định này người ta bắt buộc phải trao trả tám ngàn thủy thủ Pháp và Hà Lan lúc đó đang bị cầm tù ở Anh.

Vì chán ngán các cuộc hành quân nên công tước I-oóc đã khôn ngoan hạ cố để cho tên tuổi của mình chìm trong bóng tối một thời gian, điều đó là việc làm thông thường đối với một vị tổng tư lệnh nằm trong Bộ tổng tham mưu của quân đội Anh. Nhưng cả ở đây nữa ngài cũng vẫn đứng đầu một ngành mà hàng năm tiêu tốn của nhân dân 23000000 pao xtéc-linh và mang lại cho ngài một quyền lực đầy đủ mà chỉ có vua mới được kiểm tra; đó là

quyền được nâng cấp hoặc khiển trách bất cứ số lượng bao nhiêu các sĩ quan tham mưu và các sĩ quan khác trong số khoảng 12000 người.

Hoàng thân đã không bỏ lỡ cơ hội giành lấy phần báo đáp thật đáng kể của xã hội do ngài có những chỉ thị chung sáng suốt bắt cắt bỏ những queues^{1*} trên đầu tất cả các binh sĩ và hạ sĩ quan; do ngài trang bị thêm cho họ một miếng cao su giữ cho đầu sạch sẽ; do bắt chỉnh đội hình bên phải, bên trái; do bắt đi đều nhanh, đi đều chân, dồn hàng và giãn hàng, dàn hàng ngang và quay thành hàng dọc; do việc họ đã thực hiện dứt khoát những hiệu lệnh bổng súng; do ngài bắt cắt tóc và quần xà-cạp đen, lau súng và làm vệ sinh quân trang, quân dụng cũng như việc quy định cho anh chàng Giôn Bun phải bó chặt bộ ngực đồ sộ của mình trong chiếc áo lót chặt và đội lên cái đầu ngu độn của mình chiếc mũ kiểu của Áo, còn tấm lưng rộng thì bó trong cái áo khoác kệt côm; - và do tất cả những cái khác đại loại như vậy tạo thành nội dung của môn khoa học quân phong quân kỷ. Đồng thời ngài cũng thể hiện những tài năng kiệt xuất của một nhà chiến lược và chiến thuật trong cuộc nội chiến chống đại tá Coóc-rây-nơ Giôn-xton, chính là vị sĩ quan mà trước kia Pít đã uỷ nhiệm ra lệnh đình chỉ cuộc hành quân bách chiến bách thắng của công tước I-oóc ở Phlan-đơ. Năm 1801, Giôn-xton đã từng là đại tá phụ trách trung đoàn (lính da đen) Đông Ấn số 8 và làm thống đốc đảo Đô-mi-ni-cô và ông ta đã bị triệu hồi về Anh do dễ xảy ra cuộc phiến loạn ở trung đoàn này. Ông ta đã buộc tội này cho Giôn Goóc-đôn, thiếu tá ở trung đoàn mình, người trực tiếp chỉ huy trung đoàn vào thời gian xảy ra cuộc phiến loạn. Viên thiếu tá Goóc-đôn này, cũng như đại tá Goóc-đôn, thư ký của công tước, đều thuộc dòng họ Goóc-đôn nổi tiếng, một dòng họ đã sản sinh ra cho thế giới hàng đàn hàng lũ những con người vĩ đại kiểu như Goóc-đôn, người đã nặn ra Hoà ước A-đri-a-nô-pôn⁶, hay kiểu như tan A-bóc-đin, người đã từng nhiều lần đi khắp đó đây, và cậu ấm không kém phần nổi tiếng của ông ta, đại tá Goóc-đôn lưng lầy ở Crum. Do vậy, công

1* - cái đuôi tóc

tước I-oóc phải báo thù không những kẻ đã vu khống dòng họ Goóc-đôn, mà trước hết phải báo thù con người đã mang đến bức thông điệp oái oăm ấy. Bất chấp sức ép của đại tá Giôn-xton, mãi đến tháng Giêng 1804 Giôn Goóc-đôn mới phải ra toà án binh. Mặc dù toà án thừa nhận hành vi của y là không hợp pháp, là nhẹ dạ mà phạm pháp và đáng khiển trách nặng, công tước I-oóc vẫn bảo lưu cho y nguyên lương và thậm chí cả cấp hàm cũ; nhưng từ tháng Mười 1803, ngài đã gạch tên Giôn-xton trong danh sách những người được đề bạt cấp thiếu tướng, và Giôn-xton đã thấy trong danh sách này có tên những sĩ quan trẻ hơn y về tuổi quân và được hưởng ưu tiên. Sau đó chín tuần lễ, ngày 10 tháng Chạp 1803, Giôn-xton đã nhận được phúc đáp về đơn khiếu nại của y gửi hoàng thân rằng, tên y không được đưa vào danh sách đề bạt lên cấp tướng bởi vì "người ta đưa ra những lời buộc tội ông ta, mà căn cứ của những lời buộc tội này chưa được kiểm tra". Giôn-xton không thể làm gì hơn cho đến tận ngày 28 tháng Năm 1804, lúc ấy y mới biết được thiếu tá Goóc-đôn là người đã buộc tội y. Vụ xét xử Giôn-xton bị hoãn hết kỳ này sang kỳ khác, bởi lẽ toà án binh có trách nhiệm xét xử vụ của y khi thì rời sang Kên-tóc-bê-ri, khi thì sang Chen-xi, và mãi đến tháng Ba 1805, vụ án mới được đưa ra xét xử. Giôn-xton hoàn toàn trắng án, được toà minh oan, và ông ta đòi được đưa lại vào danh sách đề bạt, nhưng ngày 16 tháng Năm 1805, lại có ý kiến bác bỏ của đức hoàng thân. Ngày 28 tháng Sáu, tướng Phít-xơ-pa-tơ-rích, - một trong những thành viên của coterie Phốc-xơ⁷, - đã tuyên bố tại nghị viện rằng vì quyền lợi của Giôn-xton, - mà việc đối xử bất công với con người ấy "đã gây ra sự công phẫn hết sức mạnh mẽ trong toàn thể quân đội", - ông ta đề nghị vào đầu kỳ họp sau của nghị viện phải dành một phiên họp riêng để bàn về vụ này. Kỳ họp đó đã bắt đầu nhưng lúc đó Phít-xơ-pa-tơ-rích đã là bộ trưởng bộ chiến tranh và với cương vị bộ trưởng ông ta tuyên bố rằng sẽ không đề cập tới cái đề nghị mà trước đây ông dọa đưa ra. Ít lâu sau vị bộ trưởng bộ chiến tranh này, - một con người mà trong đời chưa hề biết đến mùi thuốc súng và chưa bao giờ nhìn thấy kẻ địch, và cách đây 20 năm đã bán cái chức đại

trưởng của mình⁸ và từ đó chưa hề tại ngũ lấy một ngày, - đã được công tước I-oóc giao cho chức chỉ huy trung đoàn, như vậy, Phít-xơ-pa-tơ-rích - bộ trưởng bộ chiến tranh tất phải nhận các bản tường trình của Phít-xơ-pa-tơ-rích - đại tá. Bằng những mảnh khoé láu cá nhà binh đại loại như vậy mà công tước I-oóc đã đè bẹp được đại tá Giôn-xton và qua đó đã chứng minh được tài chiến lược của mình.

Mặc dù trí óc có phần dần dần thừa kế được của triều đại Brao-nơ-svai-gơ vinh quang, vị công tước này vẫn là con người láu cá theo kiểu cách riêng, - điều này đã được chứng minh đầy đủ qua sự kiện là ngài đã cầm đầu "tư thất" của Gióoc-giơ III, một hội đồng hoàng gia hẹp, và đồng thời cũng là thủ lĩnh của đảng triều đình mà người ta quen gọi dưới cái tên "những người bạn của nhà vua"⁹. Còn một bằng chứng nữa là với khoản thu nhập hàng năm 61000 p.xt. ngài vẫn dùng mọ, dưới hình thức vay, để bòn rút của nội các 54000 p.xt. mà vẫn không trả những món nợ riêng của mình, mặc dù đó là khoản tín dụng nhà nước mà ngài được cấp. Để đạt những kỳ tích như vậy, cần phải có một bộ óc thật là tháo vát. Vì mọi người đều biết rằng "những quyền cao chức trọng thường bị nhiều con mắt nhòm ngó"^{1*} cho nên cũng dễ hiểu tại sao Chính phủ Gren-vin không ngại ngần đề nghị hoàng thân không đảm nhiệm một số nhiệm vụ thứ yếu có liên quan đến chức vụ của ngài, hơn nữa điều đó, - như người ta đã nhận xét trong một bài đả kích¹⁰ được công tước trả tiền, - sẽ khiến cho vai trò tư lệnh của ngài không còn ý nghĩa gì nữa. Người ta cần phải thấy rằng trong số thành viên của chính cái chính phủ này còn có cả Lan-xdao-nơ với tên gọi là công tước Hen-ri Pét-ti. Chính phủ này đe dọa giao cho người chiến sĩ quang vinh ấy một gánh nặng là hội đồng quân sự, và giả dối cam đoan rằng dường như "đất nước" hẳn sẽ tiêu vong nếu không dành riêng ra một nhóm sĩ quan để giúp đỡ vị tư lệnh không có kinh nghiệm. Bọn ti tiện này đè nén công tước đến mức đòi điều tra hoạt động của ngài trong Bộ tổng tham mưu quân đội Anh. May thay, âm mưu

1* Séc-h-pia. "Ăn miếng trả miếng", hồi IV, màn hai (phỏng theo).

của phe Gren-vin đã bị chấm dứt bởi sự can thiệp trực tiếp, hay nói đúng hơn, do có lệnh của Gioóc-giơ III, con người này tuy ai cũng biết là điên, song vẫn có đủ sáng suốt để đánh giá được tài năng đứa con yêu của mình.

Năm 1808, xuất phát từ lòng dũng cảm và lòng ái quốc, vị thống soái vô cùng tôn kính đã cố chạy vạy để được làm tư lệnh quân đội Anh tại Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha.

Song, một nỗi lo sợ bao trùm khắp thiên hạ lúc bấy giờ là nước Anh vào thời điểm quá ư nghiêm trọng có thể lại không có một vị tư lệnh như thế phục vụ ở trong nước, nỗi lo sợ đó bộc lộ một cách quá ư âm ỉ, thiếu tế nhị và hầu như không lịch sự nữa. Người ta nhắc nhở ngài về những thất bại trước đây ở nước ngoài, khuyên ngài giữ sức để chống kẻ thù bên trong và đề phòng sự căm phẫn của xã hội. Không chút ngần ngại, vị công tước cao thượng lệnh cho công bố một bài châm biếm nhằm chứng minh cái quyền cha truyền con nối của mình bị người ta đánh bại ở Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha, cũng như ngài đã từng bị đánh bại ở Phlan-đơ và ở Hà Lan. Nhưng than ôi! Tờ "Morning Chronicle"¹¹ thời bấy giờ đã viết:

"người ta biết rõ là trong trường hợp này có một sự nhất trí hoàn toàn về quan điểm giữa chính phủ và nhân dân, giữa phái chính phủ và phái đối lập".

Tóm lại, những lời đồn đại về việc bổ nhiệm công tước ý chừng đã đe dọa đẩy nước Anh vào một vụ bê bối thật sự. Chẳng hạn, trên một tờ tuần báo ở Luân Đôn thời bấy giờ¹², chúng tôi đọc thấy:

"Người ta không chỉ bàn tán về đề tài này trong các quán trọ, trong tiệm cà-phê, ngoài chợ, trên các đường phố và những chỗ bọn ngồi lê mách lẻo thường tụ tập. Những cuộc bàn tán này còn len vào trong tất cả các tư gia, chúng trở thành đề tài cơm bữa ở các bàn ăn và bàn trà; người ta bắt nhau dừng chân ngoài đường phố để bàn bạc về cuộc khởi hành của công tước I-óc sang Tây Ban Nha; người dân Luân Đôn vốn hay sốt ruột đã phải dừng chân lại cả trên đường đến Sở Giao dịch để hỏi xem có thật là công tước I-óc định lên đường sang Tây Ban Nha không. Đâu chỉ có thế! Thậm chí cả trước cổng những nhà thờ ở nông thôn, trong số những nhà chính trị khoác áo lụa rất ít khi chuyện trò về những vấn đề xã hội

vượt quá cái đề tài thuế trực thu, có thể thấy rằng có hàng chục nhân vật tiến sát đến người đang nói để nghe xem "zarten if the Duke of York be a gooen to be zent to Spain"^{1*}.

Như vậy, rõ ràng là, mặc dù bọn ganh tị soi mói công tước đã cố gắng hết sức, họ vẫn không làm lu mờ được những chiến công trước đây của ngài trước mắt thiên hạ. Bất kỳ ai cũng phải hết sức hả hê khi thấy toàn thể đất nước chỉ tâm niệm một điều là giá có cách nào mà giữ ngài ở lại nhà! Và dĩ nhiên công tước, với nỗ lực lớn lao của trí tuệ cao đẹp của mình, đã kìm bót tinh thần xả thân chiến trận của mình và yên tâm ở lại trong Bộ tổng tham mưu của quân đội Anh.

Trước khi chuyển sang thời kỳ rực rỡ nhất của cuộc đời huy hoàng này, chúng tôi phải ngắt câu chuyện của mình và xin nêu lên rằng ngay từ năm 1806 ngài công tước đã được những người trung thành với cha mình đánh giá một cách đầy đủ trước quảng đại nhân dân. Trên tờ "Political Register" của mình xuất bản năm đó, Cóp-bét viết:

"Ông ta chỉ nổi tiếng về một điều là đã cao chạy xa bay trước kẻ thù và đã làm nhục quân đội của nước Anh; đồ khôn dỏ dại, lúc ấy ông ta láu cá một cách bỉ ổi nhất, ông ta nổi bật vì vừa nhu nhược hoàn toàn theo kiểu đàn bà vừa hung bạo như quỷ dữ, vừa kiêu căng vừa dễ tiện, vừa hoang phí vừa tham lam. Nắm được quyền chỉ huy quân đội, ông ta làm hỏng công việc được giao phó và lợi dụng địa vị của mình để cướp bóc nhân dân một cách nhục nhã, nghĩa là cướp bóc những người mà ông ta được giao phó bảo vệ với tiền lương cao. Sau khi mua chuộc từ trước và hăm dọa từ trước tất cả những ai mà ông ta cho là có thể lôi ông ta ra ánh sáng, thì ông ta mặc cho những tật xấu vô vàn và muôn vẻ của mình thả sức tung hoành và ông ta đã biến thành đối tượng của sự căm ghét, tuy ngấm ngấm nhưng rộng khắp".

Ngày 27 tháng Giêng 1809, tại hạ nghị viện, đại tá Uóc-lơ đã phát biểu ý kiến đề nghị "lập uỷ ban điều tra hoạt động của viên tổng tư lệnh phụ trách việc thăng cấp và chuyển chuyển trong quân đội". Trong lời phát biểu không chút tế nhị nào của mình, ông ta

1*- "Có chắc chắn là công tước I-óc sắp được phái sang Tây Ban Nha không" (thổ ngữ).

đã kể lể cặn kẽ tất cả những sự việc có thể dùng làm căn cứ cho đề nghị của mình, đã nêu tên tất cả những người làm chứng mà ông định triệu tập đến để khẳng định những sự việc ông đã trình bày, và buộc tội người anh hùng đang được thượng nghị viện hiện nay tôn sùng, rằng tình nhân của ngài, một bà Clác nào đó, đã nắm đặc quyền đề bạt mọi cấp hàm của quân đội, rằng bà ta nắm cả quyền chuyển trong quân đội, rằng bà có thể tác động đến cả việc bổ nhiệm trong bộ tham mưu, rằng bà ta được quyền tăng cường lực lượng vũ trang của nước nhà, rằng do tất cả những nguồn đó nên bà ta đã nhận được một khoản tiền thưởng nhất định, rằng vị tổng tư lệnh không những là người bí mật cùng tham gia vào tất cả những vụ làm ăn của bà, không những được sử dụng tiền bạc của bà và nhờ đó giữ được túi tiền của mình, mà thậm chí còn tìm cách tự mình áp dụng những phương pháp của bà để thu những lợi lộc riêng cho bản thân, không kể khoản mà bà Clác đã thu được. Nói tóm lại, đại tá Uốc-lơ khẳng định rằng vị tổng tư lệnh hết sức đáng kính không những đã bao tình nhân của mình bằng tiền của quân đội Anh, mà còn để cho tình nhân bao lại chính bản thân ngài nữa. Nghe xong lời đề nghị này, hạ nghị viện quyết định tiến hành thẩm vấn các nhân chứng. Cuộc thẩm vấn kéo dài tới ngày 17 tháng Hai và khẳng định lần lượt từng điểm những lời chỉ trích không khiếm tốn của đại tá Uốc-lơ. Người ta đã chứng minh rằng thực ra Bộ tổng tham mưu quân đội Anh không phải đóng ở Oai-tơ-hôn¹³, mà ở trong dinh bà Clác tại phố Glô-xơ, nơi bà có một toà nhà lộng lẫy, vô số xe ngựa và cả một đoàn tùy tùng gồm các gia nhân mặc áo hầu, các nhạc công, ca sĩ, diễn viên, phường nhảy múa, bọn ăn bám, bọn trai gái ma cô. Bộ tổng tham mưu riêng này do vị thống lĩnh vô cùng tôn kính lập ra vào năm 1803. Mặc dù không thể chi mỗi năm 20000 p.xt. để cung phụng cho toà nhà này, - đó là chưa kể cái dinh cơ ở ngoại ô Oai-brít-giơ, - và bằng những chứng cứ rõ ràng, người ta đã khẳng định được rằng bà Clác không bao giờ móc được từ túi riêng của công tước quá 12000 p.xt. mỗi năm, số tiền này có lẽ chỉ đủ trả lương cho các gia nhân và mua sắm áo hầu. Số tiền còn lại bà Clác kiếm được nhờ bán buôn chức tước sĩ quan, còn việc thăng cấp thì giờ đây phụ thuộc vào một nhân vật mặc váy.

Người ta đệ trình lên hạ nghị viện bảng giá của bà Clác. Trong khi giá mua cấp hàm thiếu tá là 2600 p.xt. thì bà Clác bán có 900 p.xt. cấp hàm đại uý định giá 1500 p.xt. thì bà bán 700 p.xt., v.v. Ở Xi-ti thậm chí có cả một văn phòng đặc biệt chuyên bán các tước hàm với giá thấp nhất như thế, hơn nữa những nhân viên chủ chốt của văn phòng này còn tuyên bố rằng họ là những người tin cẩn của một quý bà thần thế. Mỗi lúc bà ta kêu túng tiền thì công tước lại nói với bà rằng "bà có những đặc quyền lớn hơn cả nữ hoàng và bà phải sử dụng những đặc quyền đó". Có lần ngài tổng tư lệnh đầy nhiệt tình này đã cắt của ai đó một nửa tiền lương để phạt hấn vì tội không muốn ký giao kèo bất lương với bà tình nhân của ngài; lần khác thì ngài bỏ túi riêng số tiền 5000 p.xt., lại có lần theo yêu cầu của bà Clác, ngài phong cho mấy đứa nhãi con chưa tốt nghiệp phổ thông quân hàm thiếu uý và bổ dụng làm bác sĩ quân y những người mà người ta chưa bao giờ yêu cầu họ phải bỏ việc hành nghề riêng của mình và sống tại ngũ ở đại đội của mình. Một đại tá Phren-sơ nào đó nhận được từ tay bà Clác "một công văn", nghĩa là tờ giấy uỷ quyền cho ông ta tuyển vào quân đội 5000 lính. Về vấn đề này, cuộc đối thoại của công tước với tình nhân của ngài được báo cáo trước hạ nghị viện như sau:

Công tước: Lão Phren-sơ luôn luôn làm rầy tôi về chuyện tuyển binh này. Hấn bao giờ cũng đòi kiểm chác gì đó. Thế hấn ta đối xử với nàng ra sao, hỡi em yêu quý?

Bà Clác: Cũng bình thường, không có gì đặc biệt.

Công tước: Được, lão Phren-sơ này hãy coi chừng, nếu không tôi sẽ thẳng tay thanh toán với hấn và với cuộc tuyển binh của hấn.

Người ta cũng đưa ra một số bức thư của ngài công tước đáng kính, trong đó những lời yêu thương trộn lẫn với những vấn đề móc ngoặc, buôn bán quân sự. Một trong những bức thư đó đề ngày 4 tháng Tám 1803, mở đầu như sau:

"Ta thật không có đủ những lời lẽ để diễn tả với em yêu quý, người tri kỷ, cái sung sướng mà lá thư thân thương của nàng, lá thư tuyệt diệu của nàng đã mang lại cho ta, hoặc tất cả niềm âu yếm khiến cho ta vô cùng xúc động mà nàng

đã dành cho ta trong bức thư đó. Muôn vàn lần cảm tạ nàng về điều đó, hồi thiên thần của ta".

Khi đã được thưởng thức cái kiểu mẫu văn phong đó của công tước thì người ta chẳng lấy gì làm ngạc nhiên là các nhà bác học trong Học viện Xanh-giôn ở Ốc-xphoóc đã tặng hoàng thân cái bằng tiến sĩ luật học. Chưa bằng lòng với sự buôn bán cấp hàm quân đội, đôi uyên ương này còn nghĩ đến cả chuyện buôn chức giáo chủ và trưởng tu viện.

Người ta còn làm sáng tỏ những sự việc này khác không kém phần vẻ vang cho con người nổi dõi quang vinh của triều đại Brao-nơ-svai-gơ. Chẳng hạn, có một sĩ quan nào đó tên là Đô-be, đã là tình nhân của bà Clác trong suốt nhiều năm, và bà ta muốn cùng ông này quên đi nỗi bức dọc, sự chán ghét và ghê tởm của bà ta khi ở bên cạnh ngài công tước.

Sau khi gọi thiên thần của ngài là "một con người dê tiện và trơ trẽn", bạn bè của công tước tìm cách biện bạch cho chàng trai hiền dụ đã trạc ngũ tuần của mình, kẻ đã 20 năm làm chồng, rằng chàng trai ấy đã đắm đuối say mê. Song xin nói thêm rằng sự say đắm này đã hoàn toàn không ngăn nổi công tước, - sau bảy tháng cắt đứt quan hệ với bà Clác, - thôi trả món trợ cấp hàng năm cho bà như đã giao ước và khi những đòi hỏi của bà trở nên vô cùng bức bách thì ngài đe dọa sẽ bêu xấu và bỏ tù bà. Chính sự đe dọa này là nguyên nhân trực tiếp làm cho bà Clác đã tố giác với đại tá Uốc-lơ.

Hẳn là tẻ nhạt nếu nói kỹ về tất cả những phiên họp của hạ nghị viện với tất cả những chi tiết bản thảo được đưa ra trình bày ở đó, hoặc bình luận về bức thư van nài của ngài công tước quả cảm, đề ngày 23 tháng Hai (1809), trong đó ngài đã lấy "danh dự của một ông hoàng" mà trình trọng thể nguyên với hạ nghị viện rằng ngài không hề hay biết thậm chí cả điều mà người ta đã chứng minh căn cứ trên những lá thư mà chính ngài tự tay viết. Chỉ cần dẫn những lời của tướng Phéc-giuy-xơn phát biểu tại hạ nghị viện nói rằng, "nếu công tước vẫn giữ nguyên chức vụ của mình thì điều đó sẽ gây mất tín nhiệm cho toàn bộ quân đội" cũng như thêm một chi tiết là ngày 20 tháng Ba, ông Péc-xi-van,

giám đốc ngân khố, công bố là công tước từ chức, sau đó hạ nghị viện thông qua nghị quyết do huân tước Ôn-tô-pơ đưa ra nói rằng "vì ngài công tước I-oóc đã từ chức tư lệnh quân đội nên hạ nghị viện thấy không cần tiếp tục công việc điều tra nữa", v.v., - chỉ cần như thế thôi cũng đã đủ. Huân tước Ôn-tô-pơ giải thích đề nghị của mình là mong muốn

"ghi sự công bố từ chức của công tước vào biên bản phiên họp của hạ nghị viện nhằm ghi nhận rằng công tước vĩnh viễn không còn được đất nước tin cậy nữa và do đó không được hy vọng có lúc quay trở lại địa vị mà ông đã giữ".

Để khen thưởng những lời phát biểu dũng cảm chống công tước, người ta tới tập ngổ lời cảm tạ đại tá Uốc-lơ; tất cả các thái ấp, các thành phố, thị trấn và làng mạc của Anh đều gửi lời chào mừng đại tá.

Một trong những quyết định đầu tiên trong thời kỳ nhiếp chính của hoàng tử xứ Oen-xơ, và sau đó là Gioóc-giơ IV, - là phục hồi chức vụ tổng tư lệnh cho công tước I-oóc vào năm 1811; cần phải nói rằng bước đầu tiên này thật là tiêu biểu cho toàn bộ sự trị vì của vị Kê-li-bân vô cùng tôn kính này¹⁴, kẻ được mang danh là vị trượng phu số một của châu Âu vì hấn là đứa ti tiện hết mức của loài người.

Và chính cái vị công tước I-oóc ấy, cái con người mà tượng đài của hấn có lẽ là một vật trang điểm xứng đáng cho đồng phân, lại được hầu tước Clan-ri-các-đơ gọi là "một vị tổng tư lệnh xuất chúng", và được quận công Lan-xđao-nơ gọi là "con người kỳ diệu, được tất cả mọi người kính trọng"; chính cái con người ấy được lưu danh thiên cổ "trong tượng đài thiêng liêng", như lời bá tước A-bóc-đin nói, - tóm lại, đó chính là thiên thần bảo vệ thượng nghị viện. Quả là các tín đồ xứng với vị thánh của họ.

Do C.Mác viết vào khoảng ngày 25 tháng Tư 1856

Đã đăng trên báo "The People's Paper" số 208, ngày 26 tháng Tư 1856

*In theo bản đăng trên báo Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu trên tạp chí "Cách mạng vô sản" số 1, năm 1940*

C.MÁC

XÁC-ĐI-NI¹⁵

Người ta có thể chia lịch sử triều đại Xa-voa thành ba thời kỳ. Thời kỳ thứ nhất là lúc triều đại này đang lên và mở rộng ảnh hưởng, giữ một lập trường hai mặt giữa người Ghen-phơ và người Ghi-bơ-lanh, giữa nước Cộng hoà I-ta-li-a và Đế chế Đức; thời kỳ thứ hai là lúc nó đang hưng thịnh, khi hướng về phía này, lúc chuyển sang phía nọ trong các cuộc chiến tranh giữa Pháp và Áo¹⁶; và thời kỳ cuối cùng là lúc nó cố gắng lợi dụng cuộc đấu tranh đã lan tràn khắp thế giới giữa cách mạng với phản cách mạng, giống như trước đây nó đã lợi dụng mâu thuẫn đối kháng giữa các dân tộc và các triều đại. Trong cả ba thời kỳ này, tính hai mặt là cái trục cố định mà đường lối chính trị của triều đại này xoay quanh, và dĩ nhiên những kết quả mà đường lối chính trị như thế đưa lại, xét về mặt quy mô là không đáng kể, và xét về mặt tính chất là đáng ngờ. Chúng ta thấy là vào cuối thời kỳ thứ nhất, cùng lúc với việc hình thành những nước quân chủ lớn ở châu Âu, triều đại Xa-voa đã phát triển thành một nước quân chủ nhỏ. Vào cuối thời kỳ thứ hai, Hội nghị Viên đã chiếu cố nhượng cho nó nước Cộng hòa Giê-nu-ết, trong lúc đó thì Áo nuốt chửng Vơ-ni-dơ và Lô-m-bác-di, còn Liên minh thần thánh thì bịt miệng tất cả các quốc gia đàn em, dù cho các quốc gia ấy mang tên gọi là gì đi nữa. Cuối cùng, trong suốt thời kỳ thứ ba,

Pi-ê-mông được phép tới Hội nghị Pa-ri, viết bị vong lục chống lại Áo và Na-plô¹⁷, ban những lời chỉ giáo triết lý cho giáo hoàng, nhận những lời khen ngợi rộng lượng của Oóc-lốp, những khát vọng về một chế độ lập hiến của nó đã được khích lệ thông qua coup d'état¹⁸, còn những ước mơ của nó muốn làm bá chủ ở I-ta-li-a thì lại được chính bản thân Pan-móc-xơn - cái con người đã phản bội phủ phàng Pi-ê-mông năm 1848 và năm 1849¹⁸ - ủng hộ.

Các đại biểu của Xác-đi-ni có tư tưởng hết sức phi lý là tưởng như cái chủ nghĩa lập hiến mà hiện nay họ có thể thấy tận mắt giờ hấp hối của nó ở Anh và những cuộc cách mạng năm 1848-1849 đã bóc trần sự phá sản của nó trên đại lục châu Âu, - sau khi họ đã chỉ ra rằng đứng trước lưỡi lê của nhà vua cũng như đứng trước các chiến lữ của nhân dân nó đều bất lực như nhau, - tưởng như chính cái chủ nghĩa lập hiến đó hiện nay đang chuẩn bị không những ăn mừng restitutio in integrum^{2*} của nó trên sân khấu Pi-ê-mông, mà thậm chí còn sắp trở thành một lực lượng vô địch. Tư tưởng ấy chỉ có thể nảy sinh ở những con người vĩ đại của một quốc gia nhỏ bé. Bất kỳ một nhà quan sát vô tư nào cũng thấy một điều hiển nhiên là nếu Pháp là một nước quân chủ lớn thì Pi-ê-mông tất phải là một nước quân chủ nhỏ, nếu ở Pháp có nền đế chế chuyên chế thì sự tồn tại của Pi-ê-mông may lắm cũng sẽ tùy thuộc vào lòng độ lượng của nó, và nếu Pháp trở thành một nước cộng hòa thật sự thì nước Pi-ê-mông quân chủ sẽ biến mất và hoà tan vào nước Cộng hòa I-ta-li-a. Chính những điều kiện mà sự tồn tại của Vương quốc Xác-đi-ni phải tùy thuộc vào lại ngăn trở việc thực hiện những mục tiêu đầy tham vọng của nó. Nó có thể đóng vai trò người giải phóng nước I-ta-li-a chỉ vào thời đại mà cách mạng tạm dừng lại ở châu Âu, còn phản cách mạng thì hoàn toàn thống trị ở Pháp. Trong những điều kiện như vậy nó mới có thể nghĩ đến chuyện nắm lấy vai trò cầm đầu ở I-ta-li-a với tư cách là một quốc gia duy nhất ở I-ta-li-a có xu hướng tiến bộ, có triều đại và quân đội quốc gia riêng của mình. Song cũng vì những điều kiện ấy mà nó, một mặt, phải chịu sức

1* - cuộc chính biến

2* - sự phục hồi toàn vẹn

ép của nước Pháp Đế chế và, mặt khác, lại phải chịu sức ép của nước Áo Đế chế. Trong trường hợp xảy ra những cuộc xung đột nghiêm trọng giữa hai đế quốc láng giềng này thì Xác-đi-ni tất sẽ trở thành một nước chư hầu của một trong hai đế quốc ấy và trở thành bãi chiến trường đối với cả hai đế quốc đó. Trong trường hợp giữa hai đế quốc đó ký kết entente cordiale^{1*} thì nó sẽ phải đành chịu sống qua ngày đoạn tháng, tạm thời trì hoãn được sự diệt vong của mình. Đối với nó, dựa vào đảng cách mạng ở I-ta-li-a có nghĩa là tự sát, bởi vì những sự kiện năm 1848-1849 đã xua tan những ảo tưởng cuối cùng về sứ mệnh cách mạng của đảng đó. Như vậy, những hy vọng của triều đại Xa-voa gắn liền với việc duy trì status quo^{2*} ở châu Âu, song status quo ở châu Âu lại loại trừ khả năng mở rộng biên giới Pi-ê-mông trên bán đảo A-pen-nanh và chỉ dành cho nó một vai trò nhỏ bé của một nước Bỉ ở I-ta-li-a.

Bởi vậy mà những đại diện của Pi-ê-mông, những kẻ mưu toan diễn lại cái trò năm 1847 tại Hội nghị Pa-ri, chỉ có thể đem lại cho mình một cảnh tượng khá thảm thương. Mỗi nước cờ của họ trên bàn cờ ngoại giao đều là nước *chiếu tướng* đối với chính bản thân họ. Khi kịch liệt phản đối Áo chiếm miền trung nước I-ta-li-a thì họ buộc lòng phải đề cập một cách dè dặt tới việc Pháp chiếm La Mã¹⁹, khi lên tiếng than phiền về chế độ thần quyền của Giáo hoàng La Mã thì họ phải nhấn nhé chịu đựng thái độ giả dối và cái đạo đức giả của đứa con trưởng của giáo hội^{3*}. Họ buộc phải thỉnh cầu Cla-ren-đôn - người mà năm 1848 đã đối xử rất mềm mỏng và độ lượng với Ai-xơ-len, - giảng những bài học về lòng nhân từ cho nhà vua Na-plơ^{4*}, còn đối với những viên cai ngục ở Cây-en-na, ở Lam-bét-xa và ở Be-lơ-I-lơ²⁰, thì họ đã phải van nài họ mở cửa nhà tù ở Mi-la-nô, ở Na-plơ và ở La-Mã. Trong khi tự xưng là những chiến sĩ đấu tranh cho tự do ở I-ta-li-a, họ lại phải khúm núm cúi đầu trước những lời đả kích thậm tệ của

1* - hoà ước thân thiện

2* - trật tự hiện hành, nguyên trạng

3* - Na-pô-lê-ông III

4* - Phéc-đi-năng II

Va-lép-xki đối với tự do báo chí ở Bỉ, lấy cớ là họ tin tưởng sâu sắc rằng

"hai nước khó mà giữ được quan hệ hữu hảo với nhau khi một trong hai nước ấy lại có những tờ báo truyền bá những quan điểm quá khích và công kích những chính phủ láng giềng".

Căn cứ vào thái độ ủng hộ phi lý của các đại diện Pi-ê-mông đối với những học thuyết Bô-na-pác-tơ, nước Áo lập tức kiên quyết đòi họ phải chấm dứt cuộc đấu tranh mà báo chí Pi-ê-mông đang tiến hành chống lại Áo và phải trừng phạt các báo chí đó.

Làm ra vẻ như họ đem đường lối quốc tế của các dân tộc đối lập với đường lối quốc tế của các quốc gia^{1*} những người đại diện Pi-ê-mông lại tự chúc mừng mình nhân việc ký kết hoà ước khôi phục tình hữu nghị vốn đã gắn bó triều đại Xa-voa với triều đại Rô-ma-nốp suốt mấy thế kỷ. Vì muốn tỏ rõ tài hùng biện trước mặt các đại diện của châu Âu già cỗi, họ đành chịu để cho Áo xem thường họ như một quốc gia thứ yếu không có khả năng bàn luận những vấn đề tối hệ trọng. Trong khi họ thảo bản bị vong lục với cảm giác thật thỏa mãn thì Áo được phép rải quân đội dọc biên giới Xác-đi-ni, từ sông Pô đến tận dãy A-pen-nanh, chiếm Pác-ma, củng cố Pi-a-sen-txa, bắt chấp Hiệp ước Viên, và triển khai lực lượng quân sự của mình trên bờ biển A-dri-a-tích, từ Phê-ra-ra và Bô-lô-nhơ đến tận An-cô-na. Ngày 15 tháng Tư, bảy ngày sau khi những đơn khiếu nại này được đệ trình lên hội nghị, giữa một bên là Pháp và Anh và một bên là Áo, một hiệp ước riêng đã được ký kết, hiệp ước này chứng minh hết sức rõ ràng bản bị vong lục đã gây tổn thất cho Áo biết nhường nào²¹.

Đó là lập trường tại Hội nghị Pa-ri của những đại biểu xứng đáng của chính Vích-to Ê-ma-nu-en, người mà sau thất bại của cha mình trong trận Nô-va-ra và sau khi cha mình phải thoái vị²², đã ôm hôn Ra-đét-xki, kẻ thù không đội trời chung của Sác-lơ - An-be, trước mặt một quân đội đầy phần nộ. Nếu Pi-ê-mông không cố tình nhắm mắt lại thì giờ đây nó phải thấy rằng người ta đã

1* - Trên tờ "New - York Daily Tribune" số ra ngày 31 tháng Năm 1856, người ta in là "các triều đại", chứ không phải là "các quốc gia".

dùng việc ký kết hoà ước để đánh lừa nó, cũng hết như trước đây đã lấy chiến tranh mà bịp nó. Bô-na-pác-tơ sẵn sàng lợi dụng nó để khuấy đục nước ở I-ta-li-a để câu lấy những cái vương miện trong vũng nước đục ấy²³. Nước Nga sẵn sàng vỗ vai Xắc-đi-ni nhỏ bé, với ý đồ dọa Áo ở phía nam, và qua đó mà làm cho Áo suy yếu ở phía bắc. Pan-móc-xơn, vì những mục đích mà chỉ một mình y biết, sẵn sàng lập lại những tấn tuồng năm 1847, mà thậm chí chẳng hề mất công hát khúc ca cũ theo điệu mới. Nhưng mặc cho tất cả những việc làm đó, Pi-ê-mông vẫn chỉ là một thứ công cụ trong tay các cường quốc bên ngoài mà thôi. Còn về những lời phát biểu tại Nghị viện Anh thì ngài Brô-phê-ri-ô đã tuyên bố trong Nghị viện của Xắc-đi-ni mà ngài là nghị sĩ trong đó, rằng "những lời lẽ đó luôn là những lời tiên tri ở Tô-rô-phôn, chứ không phải lời tiên tri ở Đen-phơ". Ngài chỉ có một điều nhầm lẫn là đã tưởng tiếng vọng là lời tiên tri²⁴.

Trò hề của Pi-ê-mông, nếu xét chính bản thân nó không thôi thì chẳng có gì là hay ho cả, nó chỉ chứng tỏ rằng triều đại Xa-voa lại thất bại trong đường lối lựa chiều cha truyền con nối và trong những mưu đồ cũ rích muốn biến vấn đề I-ta-li-a thành chỗ dựa cho những âm mưu triều đại riêng của mình. Song, còn một yếu tố khác, quan trọng hơn mà báo chí Anh và Pháp cố tình lờ đi, nhưng các nhà đại diện của Xắc-đi-ni lại ám chỉ rất rõ trong bản bị vong lục lừng danh của họ. Lập trường thù địch của Áo, - được biện hộ bởi lập trường của các đại biểu của Xắc-đi-ni tại Pa-ri, - "buộc Xắc-đi-ni vẫn phải vũ trang và phải áp dụng những biện pháp cực kỳ gây khó khăn cho nền tài chính của nó vốn đã bị kiệt quệ do những sự kiện năm 1848 và 1849 và do cuộc chiến tranh mà nó đã tham gia". Song chưa phải đã hết.

"Làn sóng công phần trong nhân dân", - bản bị vong lục²⁵ của Xắc-đi-ni viết, - "thời gian gần đây tựa hồ đã lắng xuống. Khi thấy một trong các vị nguyên thủ quốc gia của mình liên minh với các nước lớn phương Tây thì người I-ta-li-a... đã ôm ấp hy vọng rằng bản hoà ước sẽ không được ký kết, chừng nào những nỗi đau thương của họ chưa dịu đi, dù chỉ là đôi chút. Hy vọng ấy đã khiến họ bình tĩnh và nhẫn nhục; song, khi họ biết về những kết quả tiêu cực của Hội nghị Pa-ri, khi họ biết rằng Áo, mặc dù Pháp và Anh đã có những sự giúp sức thiện ý và đứng làm trung gian hữu nghị, vẫn chống lại ngay cả việc thảo luận vấn

đề... thì có thể không nghi ngờ gì nữa, sự bức tức tạm thời lắng xuống sẽ lại bùng lên dữ dội hơn bao giờ hết. Người I-ta-li-a một khi đã tin chắc rằng chẳng còn trông chờ gì ở giới ngoại giao nữa, thì với bầu máu nóng sẵn có của người dân miền Nam, họ lại lao vào tham gia hàng ngũ của đảng cách mạng có hành động lật đổ và nước I-ta-li-a lại biến thành cái lò để ra những vụ âm mưu và những cuộc nổi loạn mà tất nhiên sẽ có thể bị đàn áp với mức khốc liệt gấp đôi, nhưng hễ ở châu Âu có một chút chộn rộn thì chúng lại bùng lên với sức mạnh phi thường. Sự thức tỉnh của nhiệt tình cách mạng trong tất cả các nước xung quanh Pi-ê-mông có thể thu hút được cảm tình của nhân dân do những nguyên nhân gây ra những trào lưu đó, sẽ đẩy Chính phủ Xắc-đi-ni vào những tình thế cực kỳ nguy hiểm".

Chính đó là điều cốt yếu. Trong thời gian chiến tranh^{1*}, giai cấp tư sản giàu có ở Lô-m-bác-đi có thể nói là đã nín thở hy vọng một cách uống công rằng, khi cuộc chiến tranh này kết thúc thì nó dựa vào những hoạt động ngoại giao của mình và dưới sự bảo trợ của triều đại Xa-voa mà thực hiện được sự nghiệp giải phóng dân tộc hoặc giành được quyền tự do công dân mà không cần phải vượt qua biển đỏ cách mạng và không phải nhượng bộ nông dân và giai cấp vô sản, mà yêu sách về những nhượng bộ đó, - như chúng đã biết qua kinh nghiệm những năm 1848-1849, - đã trở thành gấn bó với bất cứ một phong trào nhân dân nào. Song, lần này, những hy vọng kiểu Ê-pi-cua ấy đã đổ vỡ. Kết quả nhân tiên duy nhất của cuộc chiến tranh, - ít nhất cũng là kết quả duy nhất nhân tiên đối với con mắt người I-ta-li-a, - đó là những ưu thế vật chất và chính trị mà Áo đã giành được, cụ thể là sự củng cố thêm của cường quốc đáng căm ghét này, một sự củng cố đạt được với sự trợ giúp của cái gọi là nước I-ta-li-a độc lập. Phái lập hiến Pi-ê-mông lại có trong tay những con bài tốt, và rồi họ lại thua cuộc; họ lại thấy rõ rằng họ không thể đóng vai trò lãnh tụ nước I-ta-li-a, vai trò mà họ đã hết sức lớn tiếng đòi giữ. Quân đội của chính họ đòi họ phải chịu trách nhiệm. Giai cấp tư sản lại sẽ phải tìm chỗ dựa trong nhân dân và phải đánh đồng sự nghiệp giải phóng dân tộc với sự phục hưng xã hội. Con ác mộng của Pi-ê-mông đã chấm dứt, những niềm say sưa ngoại giao đã

1* - cuộc chiến tranh Crưm

tiêu tan - và trái tim nóng bỏng của nước I-ta-li-a cách mạng lại bắt đầu đập mạnh hơn.

Do C.Mác viết vào khoảng ngày 16 tháng Năm 1856

Đã đăng trên báo "The People's Paper" số 24, ngày 17 tháng Năm 1856, ký tên C.Mác và trên báo "New - York Daily Tribune" số 4707, ngày 31 tháng Năm 1856, không ký tên

In theo bản đăng trên báo "The People's Paper" có đối chiếu với bản đăng trên báo "New - York Daily Tribune"

Nguyên văn là tiếng Anh

C.MÁC

CRÉDIT MOBILIER CỦA PHÁP

(Bài thứ nhất)

Trong một bài xã luận đề ngày 30 tháng Năm, tờ "Times"²⁶ ở Luân Đôn tỏ ra vô cùng kinh ngạc về việc khám phá ra rằng chủ nghĩa xã hội ở Pháp chẳng hề bao giờ biến mất, mà "nói đúng ra là đã bị lãng quên" trong vài ba năm gần đây. Khi công bố như vậy, tờ "Times" lợi dụng cơ hội để chúc mừng nước Anh rằng cái ung nhọt này sẽ không làm cho nước Anh lo ngại, và nước này sẽ thoát khỏi sự đối kháng giai cấp, mà trên cơ sở đối kháng đó loài cỏ độc phát triển. Thật là một lời khẳng định quá ư táo bạo của tờ báo chủ chốt của đất nước mà nhà kinh tế học xuất sắc nhất của nó, ông Ri-các-đô, đã mở đầu tác phẩm xuất sắc của mình viết về những nguyên lý của khoa kinh tế chính trị²⁷ bằng luận điểm nói rằng ba giai cấp cơ bản của xã hội, tức là của xã hội Anh, đó là địa chủ, nhà tư bản và công nhân làm thuê, đang ở trong sự đối kháng một mất một còn và không thể điều hòa được bởi vì địa tô tăng và giảm theo tỉ lệ nghịch với sự lên xuống của lợi nhuận công nghiệp, và tiền công tăng và giảm theo tỉ lệ nghịch với lợi nhuận. Như các luật gia Anh khẳng định, nếu như sự cân bằng giữa ba lực lượng kinh địch tạo nên hòn đá tảng của Hiến pháp Anh - kỳ quan thứ tám này của thế giới - thì theo ông Ri-các-đô, (chắc hẳn ông biết về điều này nhiều hơn đôi chút so

với tờ "Times") toàn bộ chế độ của xã hội Anh thắm đầy mâu thuẫn đối kháng một mặt một còn giữa ba giai cấp vốn là những động lực chủ chốt của nền sản xuất.

Khi mả mai điều cột chủ nghĩa xã hội cách mạng của nước Pháp, tờ "Times" vô tình đưa mắt nhìn thêm khát về phía chủ nghĩa xã hội để chế^{1*} của nước Pháp và hẳn sẽ lấy làm vui sướng nếu được đem nó ra đặt trước Giôn Bun để làm gương mà bắt chước, bởi vì tờ báo này vừa mới nhận được từ người truyền bá chủ yếu của chủ nghĩa xã hội đó, - tức là Crédit Mobilier²⁸, - bản "Báo cáo của ban giám đốc tại hội nghị toàn thể thường kỳ của các cổ đông họp ngày 23 tháng Tư 1856, dưới quyền chủ tọa của ông Pê-rây-rơ", gồm ba cột dày đặc dưới dạng thông báo. Bản báo cáo này đã khiến những cổ đông của tờ "Times" phải thán phục đến phát ghen và làm cho vị chủ bút tờ báo phải choáng váng, cụ thể như sau:

KHOẢN NỢ

Tính đến ngày 31 tháng Chạp 1855

	Phrăng	Xăng-tim
Vốn của công ty.....	60 000 000	00
Số dư trên các tài khoản vãng lai tăng kể từ 31 tháng Chạp 1854 từ 64 924 379 phrăng lên.....	103 179 308	64
Số tiền các kỳ phiếu phải trả cho chủ nợ và những khoản khác	864 414	81
Vốn dự trữ	1 696 083	59
Số lợi nhuận thu được trong năm 1855 sau khi đã khấu trừ số tiền phải trích chuyển vào vốn dự trữ	26 827 901	32
Tổng cộng	192 567 708	36

KHOẢN CÓ

Phrăng Xăng-tim

Hiện có: 1. Lợi tức	40 069 264	40
2. Trái phiếu	32 844 600	20
3. Các cổ phần đường sắt và những cổ phần khác.....	59 431 593	66
Tổng cộng	132 345 458	26
Trừ đi vào khoản này số tiền chưa đòi trước ngày 31 tháng Chạp	31 166 718	62
Số dư của khoản có	101 178 739	64
Tiền gửi có kỳ hạn trên các khế ước của ngân khố, tiền gửi không kỳ hạn, tiền vay dưới hình thức cổ phiếu, trái phiếu.v.v.....	84 325 390	09
Giá trị nhà cửa và đồ đạc	1 082 219	37
Tiền mặt trong két và ở ngân hàng và các khoản tiền lãi tính theo cổ phiếu phải thu được vào 31 tháng Chạp	5 981 359	26
Tổng số khoản có	192 567 708	36
Tổng số lợi tức, cổ phiếu và trái phiếu hiện có trong ngày 31 tháng Chạp 1854	57 460 092	94
Các loại nói trên đã đăng ký và mua trong năm 1855	265 820 907	03
Tổng cộng	323 280 999	97
Số tiền các khoản đã được thực hiện ^{1*} là 217 002 431 phr. 34 xăng-tim		
Cộng thêm vào số tiền này số tiền của các chứng khoán hiện còn lại là 132 345458 phr. 26 xăng-tim.....	349 347 889	60
Do đó, lợi nhuận thu được là	26 066 889	63
Số lợi nhuận 26 triệu trên số vốn 60 triệu, nghĩa là lợi nhuận		

1* Xem tập này, tr.36.

1* Tiền đầu tư vào quỹ đất đai v.v..

đạt 43 1/3%, - đó thật sự là một con số quyền rũ. Và có hoạt động nào mà cái Crédit Mobilier kỳ lạ này, với số vốn "khổng lồ" khoảng 12 triệu đô-la, lại không phát triển được! Có trong tay 60 triệu phrăng, nó ký mua công trái Pháp thoạt đầu với số tiền là 250 triệu, rồi sau đó mua thêm 375 triệu nữa; nó có phần vốn trong các công ty đường sắt chủ yếu của nước Pháp; nó phát hành công trái theo hợp đồng với Công ty đường sắt quốc gia Áo; nó trở thành người góp cổ phần vào Công ty đường sắt miền tây và miền trung Thụy Sĩ; nó tham gia vào hoạt động kinh doanh rất lớn với mục đích xây dựng các kênh đào trong lưu vực sông E-brơ từ Xa-ra-gốt đến Địa Trung Hải; nó nhúng tay vào việc hợp nhất các xí nghiệp xe chở khách ở Pa-ri và vào việc thành lập tổng công ty hàng hải; bằng việc can thiệp đó của mình, nó đã thực hiện được sự hợp nhất tất cả những công ty hơi đốt cũ của Pa-ri thành một xí nghiệp; như nó tự thừa nhận, nó đã biểu nhân dân 500 000 phr. khi bán lúa mì cho dân hạ hơn giá thị trường; bằng các khoản vay của mình nó giải quyết những vấn đề hoà bình và chiến tranh, xây dựng những tuyến đường sắt mới và duy trì những tuyến cũ, đưa ánh sáng vào các thành phố, kích thích sự phát triển công nghiệp và các hoạt động buôn bán đầu cơ và, cuối cùng, nó mở rộng ảnh hưởng của nó ra ngoài biên giới nước Pháp, sau khi đã gieo những hạt giống tốt của những thiết chế như thế ra khắp lục địa châu Âu.

Như vậy, Crédit Mobilier là một trong những hiện tượng kinh tế đáng chú ý nhất của thời đại chúng ta, đang được xem xét thật kỹ lưỡng. Không có sự nghiên cứu như vậy thì không thể nào xác định được những triển vọng của Đế chế Pháp, cũng không thể hiểu được những triệu chứng của một cuộc chấn động xã hội rộng khắp đang biểu hiện ở khắp châu Âu. Trước hết chúng ta hãy xem ban giám đốc coi cái gì là nguyên tắc lý luận của mình, rồi sau đó kiểm tra xem những nguyên tắc ấy được vận dụng vào thực tiễn ra sao. Cho đến nay, như đã trình bày trong báo cáo, những nguyên tắc này chỉ được thực hiện từng phần, song trong tương lai, chúng sẽ được phát triển sâu rộng hơn rất nhiều.

Những nguyên tắc của công ty này được trình bày trong điều lệ của nó và trong một loạt những báo cáo trình bày trước những

cổ đông, nhưng chủ yếu là trong báo cáo đầu tiên. Theo phần mở đầu của bản điều lệ thì,

"những người sáng lập Crédit Mobilier, tính đến những sự giúp ích quan trọng mà việc thành lập công ty có thể đem lại - mà mục đích của công ty là khuyến khích sự phát triển các công trình phục vụ xã hội cũng như tiến hành việc hoán đổi các loại chứng khoán khác nhau của mọi doanh nghiệp, bằng cách hợp nhất chúng vào một quỹ chung, - tính đến điều đó, họ đã quyết định thực hiện một kế hoạch hết sức hữu ích và vì vậy, đã hợp nhất lại để lập ra một công ty vô danh mang cái tên Tổng công ty Crédit Mobilier".

Đọc giả chúng ta cần phải lưu ý rằng người Pháp hiểu "công ty vô danh" có nghĩa là công ty cổ phần với trách nhiệm hạn chế của những cổ đông, và sự thành lập một công ty như vậy tùy thuộc vào đặc quyền mà chính phủ dành cho ai đó tùy theo ý muốn của chính phủ.

Như vậy, Crédit Mobilier đặt cho mình mục đích, thứ nhất là "khuyến khích sự phát triển các công trình phục vụ xã hội", điều này có nghĩa là đặt những việc làm phục vụ xã hội đó hoàn toàn phụ thuộc vào thiện ý của Crédit Mobilier và do đó, cũng tùy thuộc vào thiện ý cá nhân của Bô-na-pác-tơ, vì sự tồn tại của công ty này tùy thuộc vào ý muốn của ông ta. Ban giám đốc không quên chỉ rõ, nhờ những phương tiện nào mà nó định mở rộng sự bảo hộ của mình và sự bảo hộ của người sáng lập có quyền uy tối thượng của nó đối với toàn bộ nền công nghiệp nước Pháp. Những xí nghiệp công nghiệp khác nhau thuộc về các công ty cổ phần, được tiêu biểu bởi những chứng khoán khác nhau: cổ phiếu, trái phiếu, tín phiếu, công trái v.v.. Tất nhiên, những chứng khoán đủ mọi loại này được định giá khác nhau trên thị trường tiền tệ tùy thuộc vào số vốn đầu tư vào đó, tùy thuộc vào số lợi nhuận mà chúng mang lại, tùy thuộc vào các quan hệ cung cầu khác nhau của chúng, và tùy thuộc vào những điều kiện kinh tế khác nữa.

Crédit Mobilier định làm gì vậy? Chỉ đơn thuần thay thế các loại chứng khoán khác nhau đó, do các công ty cổ phần khác nhau phát hành, bằng những cổ phiếu thống nhất do chính Crédit Mobilier phát hành. Nhưng nó có thể thực hiện điều đó bằng cách

nào? Bằng cách mua hết các chứng khoán của các xí nghiệp công nghiệp khác nhau bằng số tiền mà Crédit Mobilier thu được nhờ phát hành cổ phiếu riêng của mình hoặc nhờ các chứng khoán khác. Song, mua hết tất cả những tín phiếu, cổ phiếu, trái phiếu v.v., - tóm lại, tất cả những chứng khoán của bất kỳ xí nghiệp nào, - điều đó có nghĩa là mua chính xí nghiệp ấy. Như vậy, Crédit Mobilier công khai thú nhận ý đồ của nó muốn biến mình thành chủ sở hữu, còn Na-pô-lê-ông nhỏ²⁹ thì trở thành giám đốc tối cao toàn bộ nền công nghiệp muôn hình muôn vẻ của nước Pháp. Đó chính là cái mà chúng ta gọi là chủ nghĩa xã hội để chế.

Để thực hiện một chương trình như thế thì tất nhiên cần có những hoạt động tài chính; ông I-xác Pê-rây-rơ, khi vạch kế hoạch hoạt động của Crédit Mobilier, dĩ nhiên cảm thấy mình đang đứng trên một miếng đất trơn và cần phải đặt ra cho công ty những hạn chế nhất định, những hạn chế này ông xem như là thuần túy có tính chất ngẫu nhiên và dự định khắc phục chúng trong tiến trình phát triển của công ty. Vốn của công ty được xác định là 60 000 000 phrăng, chia thành 120 000 cổ phần, mỗi cổ phần 500 phrăng. Tất cả những hoạt động của công ty, như đã xác định trong điều lệ, có thể phân thành ba loại: thứ nhất, những hoạt động cần thiết để nâng đỡ nền công nghiệp; thứ hai, phát hành các chứng khoán của công ty để thay thế hoặc củng cố các loại chứng khoán của các xí nghiệp công nghiệp khác; thứ ba, những nghiệp vụ ngân hàng thông thường, mua bán các loại quốc trái, các kỳ phiếu thương mại v.v..

Những hoạt động thuộc loại thứ nhất nhằm xác lập sự bảo trợ của công ty đối với công nghiệp, được liệt kê ở điều 5 của điều lệ, điều khoản này nói:

"Bằng cách đặt mua hoặc mua để thu lấy những chứng khoán nhà nước, cổ phiếu hay trái phiếu của các xí nghiệp công nghiệp khác nhau hoặc của các cơ quan tín dụng được tổ chức dưới hình thức các công ty vô danh, nhất là của đường sắt, kênh đào, hầm mỏ và của các xí nghiệp phụ trách các công trình phục vụ xã hội khác, của các xí nghiệp đang hoạt động cũng như các xí nghiệp sẽ được xây dựng. Phải nắm lấy việc phát hành mọi thứ trái khoán và việc phân phối chúng,

cũng như phải nắm cả việc cấp vốn cho tất cả các xí nghiệp có liên quan đến những công trình phục vụ xã hội".

Chúng ta thấy rằng điều khoản này đã đi xa hơn những tham vọng được trình bày trong phần mở đầu của điều lệ, bởi vì nó định biến Crédit Mobilier không những thành chủ sở hữu những xí nghiệp công nghiệp lớn như thế, mà còn trở thành tay sai phục vụ ngân khố và thành người chủ độc quyền tín dụng thương mại.

Những hoạt động thuộc loại thứ hai liên quan tới việc dùng chứng khoán do Crédit Mobilier phát hành để thay thế cho các chứng khoán của tất cả các xí nghiệp khác, những hoạt động này là như sau:

"Phát hành trái phiếu riêng của công ty ở mức bằng với số tiền cần thiết để đặt mua trái khoán và mua các chứng khoán công nghiệp".

Các điều 7 và 8 xác định hạn mức và tính chất của trái phiếu mà công ty được toàn quyền phát hành. Những trái phiếu hoặc tín phiếu này

"có thể đạt tới một con số gấp mười lần số vốn. Chúng luôn luôn được bù lại hoàn toàn bằng những chứng khoán nhà nước, cổ phiếu, trái phiếu mà công ty hiện có. Chúng chỉ có thể được thanh toán theo thông báo trước từ 45 ngày trở lên. Tổng khối lượng tiền chuyển vào tài khoản vãng lai và những công trái phát hành với thời hạn dưới một năm, không được vượt quá hai lần số vốn đã thu được".

Cuối cùng, loại hoạt động thứ ba có liên quan đến việc trao đổi các chứng khoán, kỳ phiếu thương mại. "Công ty nhận tiền gửi không có thời hạn". Nó có quyền "bán hoặc để cho vay lấy lãi tất cả các loại chứng khoán nhà nước thuộc quyền sở hữu của nó, những chứng từ tín dụng, cổ phiếu và trái phiếu và đổi chúng lấy những chứng khoán khác". Nó cho vay các "chứng khoán nhà nước, cổ phiếu và trái phiếu và mở tài khoản vãng lai cho các loại chứng khoán khác nhau đó". Nó dành cho các công ty vô danh mọi dịch vụ mà thông thường là do những ngân hàng tư nhân làm, đó là: nhận tất cả các khoản thanh toán chuyển vào tài khoản của các công ty này, trả lãi cổ phần, lợi tức cho họ v.v.. Nó thu nhận các chứng khoán, với tính chất là tiền gửi, của các xí nghiệp công nghiệp, nhưng việc tiến hành các hoạt động liên quan tới các

chứng khoán thương mại, các kỳ phiếu, các biên lai cầm đồ v.v.
"thì, có điều khoản riêng quy định rằng công ty không được tiến
hành những việc mua bán bí mật nhằm mục đích thu hoa hồng".

*Do C.Mác viết vào khoảng ngày 6
tháng Sáu 1856*

*Đã đăng trên báo "The People's
Paper" số 214, ngày 7 tháng Sáu
1856, ký tên C.Mác và trên báo "New -
York Daily Tribune" số 4735, ngày 21
tháng Sáu 1856, không ký tên*

*In theo bản đăng trên báo
"New - York Daily Tribune",
có đối chiếu với bản in trên
báo "The People's Paper"
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

CRÉDIT MOBILIER CỦA PHÁP

(Bài thứ hai)

Cần nhớ rằng Bô-na-pác-tơ đã tiến hành coup d'état^{1*} của mình với hai cố đối lập nhau ở hai cực: một mặt, ông ta tuyên bố rằng sứ mệnh của mình là cứu *giai cấp vô sản* và "chế độ kinh tế" khỏi tình trạng vô chính phủ đỏ, tình trạng này tưởng như phải bắt đầu vào tháng Năm 1852, mặt khác, ông ta phải cứu nhân dân lao động khỏi sự chuyên chế của *giai cấp tư sản* mà điểm tập trung của nó là Quốc hội. Ngoài ra, ông đã phải trả món nợ riêng của mình, cũng như phải trả những món nợ của bọn người đáng kính trong Hội Dix Décembre³⁰ và làm giàu cho bản thân cũng như cho bọn người này bằng sự thanh toán chung của *giai cấp tư sản* và *giai cấp công nhân*. Cần phải thừa nhận thẳng thắn rằng sứ mệnh của con người này đầy rẫy những khó khăn mang tính chất mâu thuẫn, bởi vì ông ta buộc phải vừa làm kẻ cướp lại vừa làm kẻ bẽ trên ban phước cho tất cả các *giai cấp*. Ông ta không thể cho một *giai cấp* này mà không tước của *giai cấp* khác, ông ta không thể thoả mãn những nhu cầu riêng của mình và những nhu cầu của bè lũ tay chân mà lại không đi cướp bóc của hai *giai cấp* kể trên. Vào thời Phrông-đơ³¹, người ta gọi công tước Ghi-dơ là kẻ cho vay nhiều nhất ở Pháp, bởi vì ông ta

1* cuộc chính biến

biến tất cả tài sản của mình thành trái phiếu mà những người sở hữu chúng đều thuộc phe phái của ông. Bô-na-pác-tơ cũng vậy, ông ta cũng muốn trở thành người cho vay nhiều nhất nước Pháp bằng cách biến toàn bộ tài sản của mình và toàn bộ nền công nghiệp của Pháp thành trái phiếu của mình, mà kẻ nắm những trái phiếu đó lại chính là Lu-i Bô-na-pác-tơ. Lấy cấp nước Pháp để rồi sau đó mua nước Pháp, đó là vấn đề vĩ đại mà con người này phải giải quyết, và trong cái vụ giao kèo nhằm lấy của nước Pháp cái mà sau đó phải trả lại cho nước Pháp thì lợi tức mà bản thân ông ta và Hội ngày 10 tháng Chạp có thể thu được là một khía cạnh không kém phần quan trọng đối với ông ta. Làm thế nào có thể điều hòa được những tham vọng đầy mâu thuẫn ấy? Làm thế nào mà giải quyết được vấn đề kinh tế gai góc ấy? Làm sao mà gỡ được cái nút rối ấy? Toàn bộ kinh nghiệm phong phú đã qua của Bô-na-pác-tơ đã chỉ ra một phương sách vĩ đại giúp ông ta thoát khỏi những khó khăn kinh tế cực kỳ nghiêm trọng: đó là *tín dụng*. Và chính là ở Pháp đã bắt ngờ xuất hiện trường phái Xanh - Xi-mông, trường phái này cả lúc ra đời lẫn lúc suy vong đều ấp ủ say sưa một giấc mơ là tất cả những mâu thuẫn giai cấp sẽ phải mất đi khi một sự thịnh vượng chung xuất hiện nhờ một kế hoạch tín dụng xã hội nào đó mới được phát kiến ra. Vào thời kỳ coup d'état, chủ nghĩa Xanh - Xi-mông dưới hình thức này vẫn chưa mất hẳn. Còn có Mi-sen Sơ-va-li-ê, nhà kinh tế học của tờ "Journal des Débats"³², còn có Pru-đông, người đã tìm cách lấy cái mặt nạ của tính quá độ để che đậy phần kém cỏi nhất trong học thuyết Xanh - Xi-mông và cuối cùng còn có hai người Do Thái ở Bồ Đào Nha trong thực tiễn gắn bó với các hoạt động đầu cơ của Sở giao dịch và với Rốt-sin, hai người này xưa kia đã là những kẻ tôn sùng cha Ăng-phăng-tanh và dựa vào kinh nghiệm thực tiễn của mình, họ đã dám cả gan nhìn nhận rằng đằng sau chủ nghĩa xã hội là sự đầu cơ của Sở giao dịch và đằng sau Xanh - Xi-mông là Lô. Những người này - Ê-min và I-xắc Pê-rây-rô - là những nhà sáng lập Crédit Mobilier và là những người sáng tạo ra chủ nghĩa xã hội theo kiểu Bô-na-pác-tơ.

Tục ngữ cổ có câu: "Habent sua fata libelli"^{1*}. Các học thuyết,

1* - "Sách có số phận của chúng".

cũng như sách, đều có số *phận* của chúng. Xanh - Xi-mông trong vai trò thần hộ mệnh cho Sở giao dịch của Pa-ri, là kẻ tiên tri của bọn bịp bợm, là đáng cứu thế của tệ tham nhũng và hối lộ lan tràn! Lịch sử không có sự châm biếm cay chua nào hơn, ngoài sự hiện hình của Xanh - Giuy-xtơ qua con người Juste-milieu^{1*} - tức là qua Ghi-dô, và sự hiện hình của Na-pô-lê-ông qua Lu-i Bô-na-pác-tơ.

Tư duy của con người không theo kịp tiến trình của các sự kiện. Trong lúc chúng ta, trên cơ sở nghiên cứu các nguyên tắc của công ty này và tình hình kinh tế, chỉ ra tính tất yếu của sự phá sản mà chính điều lệ của Crédit Mobilier báo trước, thì lịch sử đang làm công việc thực hiện những điều chúng ta dự đoán. Cuối tháng Năm, một trong các vị giám đốc của Crédit Mobilier đã bị phá sản với số tiền 10 triệu phrăng, đó là ông Pla-xơ, người mà mới chỉ mấy hôm trước khi xảy ra sự kiện "đã được ngài Đờ Moóc-ni giới thiệu với hoàng đế" như một trong những dieux de la finance. Les dieux s'en vont!^{2*} Hầu như cũng chính ngày hôm đó, báo "Moniteur"³³ công bố một đạo luật mới về sociétés en commandite^{3*}, đạo luật này, - lấy cớ ngăn chặn cơn sốt đầu cơ, - đã buộc những công ty này phải chịu quyền định đoạt của Crédit Mobilier, bằng cách quy định việc thành lập các công ty này phải phụ thuộc vào ý muốn của chính phủ hoặc của Crédit Mobilier. Còn báo chí Anh, - một giới báo chí thậm chí không biết rằng có sự khác nhau giữa sociétés en commandite với sociétés anonymes^{4*}, bởi vậy những công ty đầu được dùng làm vật hiến tế cho những công ty sau, - giới báo chí đó lấy làm khoái trá về cái "hành vi khôn ngoan" vĩ đại của tài trí kiểu Bô-na-pác-tơ đó và nghĩ rằng bọn đầu cơ ở Pháp sắp sửa có được cái vẻ đường bộ của bọn Xát-lơ, bọn Xpây-đơ và bọn Pan-mơ của nước Anh. Cũng vào đúng lúc ấy, Đạo luật về cải tạo chất đất vừa được Corps Législatif^{5*} nổi tiếng cho ban hành, đạo luật này trực tiếp phá vỡ toàn bộ nền pháp chế trước đây và Bộ luật Na-pô-lê-ông, nó cho phép tịch thu gia

1* - trung dung vàng ngọc

2* - thần tài. Thần thánh đã cuốn gói!

3* - công ty hùn vốn

4* - công ty vô danh

5* - Hội đồng lập Pháp.

sản của những kẻ vay nợ cầm cố để sung vào quỹ chính phủ Bô-na-pác-tơ, là chính phủ định dùng cái mưu kế này để chiếm đoạt ruộng đất, chẳng khác nào thông qua Crédit Mobilier để chiếm lấy nền công nghiệp và thông qua Ngân hàng Pháp để chiếm lấy nền thương mại Pháp; và tất cả những điều đó là nhằm mục đích cứu sở hữu khỏi nguy cơ chủ nghĩa xã hội!

Tuy vậy, chúng tôi cho rằng tiếp tục phân tích Crédit Mobilier không phải là một việc thừa, vì đây là một tổ chức mà chúng tôi nghĩ rằng chắc chắn nó còn cho ta thấy thêm những thành tích mà so với những thành tích này thì những điều trình bày ở trên chỉ là một sự mở đầu nhỏ bé.

Chúng tôi thấy nhiệm vụ cơ bản của Crédit Mobilier là cung cấp vốn cho các xí nghiệp công nghiệp thuộc các công ty vô danh. Xin trích dẫn báo cáo của ông I-xắc Pê-rây-rơ:

"Đối với các chứng khoán đại biểu cho vốn công nghiệp, Crédit Mobilier đóng vai trò tương tự như những chức năng mà các ngân hàng chiết khấu đảm nhiệm đối với các chứng khoán đại biểu cho vốn thương nghiệp. Nghĩa vụ đầu tiên của công ty này là giúp cho sự phát triển của nền công nghiệp quốc gia, làm dễ dàng cho việc xây dựng các xí nghiệp lớn là những xí nghiệp đang gặp phải những trở ngại lớn nếu cứ để mặc chúng tự lo liệu. Số mệnh của công ty này sẽ được thực hiện rất dễ dàng vì nó có các loại phương tiện thông tin và điều tra mà tư nhân không thể có được, để đánh giá đúng đắn tình hình thực tế hoặc triển vọng của những xí nghiệp yêu cầu nó giúp đỡ. Trong những thời kỳ phồn vinh, công ty chúng tôi sẽ làm người hướng đạo cho tư bản, gắng tìm sự đầu tư có lợi; vào những lúc khó khăn, nhiệm vụ của nó là cung ứng những nguồn vốn phong phú để duy trì việc làm cho công nhân và làm dịu những cuộc khủng hoảng do việc cắt giảm vốn nhanh gây nên. Những cố gắng của công ty chúng tôi nhằm đầu tư vốn của mình vào tất cả các xí nghiệp chỉ với quy mô và với thời gian có hạn định sao cho có thể thu hồi lại vốn mà không mạo hiểm, khiến cho công ty có thể tăng những nghiệp vụ của mình lên, có thể tạo ra trong một thời gian ngắn một số lớn xí nghiệp và giảm bớt sự rủi ro trong sự hợp tác của mình bằng cách tăng partical commandités" (đầu tư bằng cổ phiếu).

Sau khi thấy rõ I-xắc đã phát triển những tư tưởng của Bô-na-pác-tơ như thế nào, chúng tôi cho rằng việc xét xem Bô-na-pác-tơ thuyết minh những tư tưởng của I-xắc ra sao cũng

là điều quan trọng; lời thuyết minh này có thể tìm thấy trong báo cáo của bộ trưởng bộ nội vụ^{1*} đệ trình Bô-na-pác-tơ ngày 21 tháng Sáu 1854 về những nguyên tắc hoạt động và quản lý của Crédit Mobilier:

"Trong số tất cả những cơ quan tín dụng hiện có trên thế giới thì Ngân hàng Pháp là một ngân hàng có thể tự hào một cách chính đáng là một tổ chức vững nhất" (vững đến nỗi cơn bão nhỏ tháng Hai 1848 cũng đủ quật nó lật nhào chỉ trong vòng một ngày nếu như Lơ-đruy - Rô-lanh và phe cánh của ông ta không ủng hộ nó; chính phủ lâm thời không những đã tạm đình chỉ nghĩa vụ của Ngân hàng Pháp phải thanh toán giấy bạc ngân hàng bằng tiền kim loại và, như vậy, đã đẩy lùi đám người sở hữu giấy bạc và tín phiếu đứng chặt tất cả những đường phố dẫn tới ngân hàng, mà còn cho nó được quyền phát hành giấy bạc 50 phrăng trong khi dưới thời Lu-i - Phi-líp nó chưa bao giờ được phép phát hành giấy bạc trị giá dưới 500 phrăng. Như vậy là chính phủ không những đã lấy tín dụng của mình để che chở cho tình trạng không có khả năng thanh toán của ngân hàng, mà còn cầm cố cho nó những khu rừng nhà nước để đổi lấy đặc quyền được nhận tín dụng cho nhà nước). "Ngân hàng Pháp vừa là chỗ dựa vừa là kẻ hướng đạo cho nền thương mại của chúng ta, và ảnh hưởng vật chất và tinh thần của nó tạo ra cho thị trường của chúng ta một sự ổn định hết sức quý giá". ("Sự ổn định" này đạt đến mức hể Mỹ và Anh chỉ mới suy thoái nhẹ trong thương mại thì lần nào người Pháp cũng lâm vào khủng hoảng công nghiệp thường kỳ). "Nhờ sự thận trọng và khôn ngoan định hướng cho mọi hoạt động kinh doanh của nó, nên cơ quan tuyệt vời này đã, bằng cách đó, đảm nhiệm được vai trò người điều tiết. Song tài kinh doanh trước hết cần được cổ vũ, để nó đem thi thố tất cả những phép màu mà nó có đầy trong tay; và chính vì tệ đầu cơ ở Pháp bị hạn chế rất gắt gao nên không những đã không nảy sinh sự bất tiện nào đó, mà trái lại còn có ưu thế lớn ở chỗ bên cạnh Ngân hàng Pháp lại lập được một cơ quan, - cơ quan này được nghĩ ra theo những tư tưởng hoàn toàn khác - và trong phạm vi công nghiệp và thương nghiệp, cơ quan này phải là kẻ mang tinh thần chủ động.

May thay, đã có sẵn hình mẫu cho một cơ quan như vậy: quê hương của nó là đất nước đã rạng danh bởi đức tính rất chu đáo, khôn ngoan và chín chắn mà người ta đã nhận thấy qua tất cả những hoạt động kinh doanh của nó. Đem vốn, tín dụng và uy tín tinh thần của mình phục vụ cho mọi tư tưởng lành mạnh và mọi hoạt động kinh doanh hữu ích, Tổng công ty của Hà Lan đã mở rộng ở nước

1* - Péc-xi-nhi

này một mạng lưới kênh đào, đã tiến hành những công việc cải tạo chất đất và hàng ngàn hoạt động cải tiến khác làm tăng giá trị của tài sản lên gấp trăm lần. Thế thì tại sao nước Pháp lại không thể thu được lợi bằng cách đó với sự giúp đỡ của một cơ quan mà ưu thế đã được chứng minh bằng kinh nghiệm rạn rỡ đến thế? Đây chính là tư tưởng đã dẫn tới việc thành lập Crédit Mobilier trên cơ sở sắc luật ngày 18 tháng Mười một 1852.

Theo điều lệ của mình, ngoài những hoạt động khác, công ty này có thể mua hoặc bán các chứng khoán của các cơ quan nhà nước và các cơ quan công pháp, hoặc các cổ phiếu công nghiệp, cho vay và vay với sự bảo đảm của chúng, chịu trách nhiệm về các quốc trái và, nói tóm lại, là được phát hành trái khoán dài hạn của mình tới mức bằng số tiền của các chứng khoán thu được bằng cách đó.

Như vậy, công ty nắm trong tay những phương tiện để thu hút và tập trung vào bất cứ lúc nào những tài sản khá lớn với những điều kiện có lợi. Hoạt động có kết quả của cơ quan này tùy thuộc vào việc sử dụng đúng đắn những vốn ấy. Trên thực tế, công ty có thể tùy ý đầu tư (commanditer) vào công nghiệp, tham dự vào các xí nghiệp khác nhau, tham gia những hoạt động kinh doanh dài hạn, nghĩa là làm tất cả những gì Ngân hàng Pháp và ngân hàng chiết khấu bị điều lệ của họ cấm không được làm. Nói tóm lại, công ty được tự do hành động và có thể đổi hướng hoạt động tùy theo các nhu cầu của tín dụng thương mại. Nếu nó nhận rõ được trong số những xí nghiệp thường xuyên xuất hiện những xí nghiệp nào có thể kinh doanh phát đạt; nếu bằng việc can thiệp kịp thời dựa vào những khoản vốn to lớn thuộc quyền sử dụng của nó, nó có thể giúp thực hiện những việc tự bản thân hết sức có lợi, nhưng để thực hiện được lại cần đến một thời gian dài khác thường và trong trường hợp ngược lại thì những việc đó sẽ không tiến triển được; nếu sự hợp tác của nó là bằng chứng xác thực về tính hữu hiệu của một sáng kiến hoặc về sự đúng đắn của một dự án thì Công ty Crédit Mobilier đáng được và sẽ được mọi người tán dương; vốn nhàn rỗi sẽ được chuyển toàn bộ vào những luồng trong đó sự bảo hộ của công ty sẽ bảo đảm cho nó được đầu tư một cách đúng đắn nhất. Như vậy, do mẫu mực và uy tín khiến cho mọi sự ủng hộ của nó trở nên hấp dẫn, thậm chí còn lớn hơn là do bất cứ một sự giúp đỡ vật chất nào, công ty này sẽ trở thành người tham gia thực hiện mọi tư tưởng hữu ích đối với xã hội. Bằng cách đó nó sẽ tạo ra cái đà mạnh mẽ cho sự phát triển của công nghiệp và sẽ kích thích óc sáng chế ở khắp mọi nơi".

Hễ có dịp là chúng tôi sẽ cố gắng chứng minh rằng tất cả những lời khoa trương này khó có thể che đậy được cái âm mưu

đơn giản là lôi cuốn toàn bộ nền công nghiệp Pháp vào cơn lốc của thị trường chứng khoán Pa-ri và biến nó thành quả bóng quần vợt của các ngài trong Crédit Mobilier và ông bầu của họ là Bô-na-pác-tơ.

Do C.Mác viết vào khoảng ngày 12 tháng Sáu 1856

Đã đăng trên báo "New - York Daily Tribune" số 4737, ngày 24 tháng Sáu 1856

In theo bản đăng trên báo Nguyên văn là tiếng Anh

C.MÁC

CRÉDIT MOBILIER CỦA PHÁP

(Bài thứ ba)

Sự phá sản đang tiến đến gần của nền tài chính của Bô-na-pác-tơ tiếp tục tự bộc lộ dưới những hình thức hết sức đa dạng. Ngày 31 tháng Năm, bá tước Mông-ta-lăm-be, khi phản đối dự luật tăng bưu phí đối với tất cả các ấn phẩm, sách, v.v., đã đọc một bài diễn văn sau đây với giọng đầy lo âu:

"Mọi sinh hoạt chính trị đều bị bóp nghẹt, thế nhưng cái gì thay thế sinh hoạt đó? Cơn lốc đầu cơ. Dân tộc Pháp vĩ đại không thể để mình lâm vào tình trạng mê ngủ, tình trạng bất động. Cơn sốt đầu cơ, khát vọng lợi nhuận, sự say mê trò chơi chứng khoán đã thay thế sinh hoạt chính trị. Khắp nơi, ngay cả ở các thị trấn nhỏ của chúng ta, thậm chí trong các thôn xóm nước ta, người ta bị cuốn hút vào cơn cuồng loạn lo làm giàu nhanh chóng - có vô số dẫn chứng về điều này, - làm giàu mà không phải đổ mồ hôi, không phải lao động, và thường là bằng con đường bất chính. Tôi không cần tìm những dẫn chứng nào khác, ngoài cái dự luật chống sociétés en commadite^{1*} vừa nêu ra với các ngài. Dự luật vừa mới đến tay chúng tôi, tôi chưa có thì giờ xem xét kỹ, song tôi có thiên hướng ủng hộ nó, dù trong đó, theo tôi, có một số biện pháp hà khắc. Nếu như phương thuốc cần thiết và quan trọng đến thế, thì chính bệnh tình ắt cũng phải trầm trọng. Nguyên nhân thực sự của căn bệnh này là mọi tư tưởng chính trị ở Pháp đã lịm

đi... Song căn bệnh mà tôi chỉ ra đây không phải là tai hoạ duy nhất cùng một nguồn do sinh ra. Trong lúc các giai cấp bên trên - những giai cấp chính trị già cỗi - mãi mê đầu cơ, thì trong các giai cấp bên dưới của xã hội - mà phong trào của họ đã sản sinh ra hầu như mọi cuộc cách mạng mà nước Pháp đã trải qua - đang diễn ra một hoạt động khác. Đứng trước sự cuồng mê đầu cơ chứng khoán khủng khiếp này đã biến hầu như toàn bộ nước Pháp thành một sông bạc khổng lồ, một bộ phận những người vốn chịu ảnh hưởng của phái xã hội, bị lôi cuốn chưa từng thấy bởi khát vọng làm giàu. Do đó, có sự gia tăng hiển nhiên những hội kín, có sự phát triển sâu hơn, mạnh hơn của những nhiệt tình đã man có thể nói là đang bồi nhọ chủ nghĩa xã hội khi chúng mệnh danh chủ nghĩa này. Những nhiệt tình này đã biểu hiện ra với tất cả sức mạnh của chúng cách đây không lâu trong các vụ án ở Pa-ri-, An-giơ và những nơi khác".

Đây là lời Mông-ta-lăm-be, một trong những cổ đông đầu tiên của Công ty Bô-na-pác-tơ, phát biểu nhằm bảo vệ trật tự tôn giáo, quyền sở hữu và gia đình!

Chúng ta được nghe I-xắc Pê-rây-rơ cho biết rằng, một trong những bí quyết của Crédit Mobilier là quy tắc sau đây: tăng gấp bội hoạt động của mình và giảm sự rủi ro bằng cách tham gia những doanh nghiệp hết sức đa dạng và rồi bỏ chúng càng nhanh càng tốt. Song quy tắc này còn có nghĩa gì nếu lột bỏ lớp vỏ ngoài của nó gồm những câu hoa mỹ của chủ nghĩa Xanh - Xi-mông? Nó có nghĩa là: nắm lấy các cổ phiếu với quy mô rộng lớn nhất, ném chúng vào thật nhiều các vụ đầu cơ và sau khi kiếm lời nhờ vào hoạt động này, trút bỏ những cổ phiếu ấy ra khỏi tay cho thật nhanh. Điều này có nghĩa là việc đầu cơ chứng khoán phải là cơ sở của phát triển công nghiệp, hay nói chính xác hơn, toàn bộ hoạt động công nghiệp phải trở thành chỉ là cái cớ cho việc đầu cơ chứng khoán. Vậy dựa vào công cụ nào mà Crédit Mobilier có thể đạt được mục đích ấy? Bằng những phương tiện nào mà nó có thể "tăng gấp bội các hoạt động của mình" và "giảm sự rủi ro"? Vẫn là những phương tiện mà Lô đã sử dụng. Vì Crédit Mobilier là công ty có đặc quyền được chính phủ nâng đỡ và có số vốn và số tín dụng tương đối lớn, cho nên không còn nghi ngờ gì nữa, cổ phần của mỗi xí nghiệp mới do nó lập nên, trong lần phát hành đầu tiên, sẽ được bán trên thị trường với giá hời. Crédit Mobilier học được ở Lô cách phân phối những cổ phần mới cho các cổ đông

1* - công ty hùn vốn

của mình theo giá danh nghĩa tỷ lệ với số lượng cổ phần mà họ có trong công ty mẹ. Lợi nhuận được bảo đảm cho họ bằng cách làm như vậy, trước hết ảnh hưởng tới giá trị những cổ phiếu của chính Crédit Mobilier, còn tỷ giá cao của những cổ phiếu này, đến lượt nó, lại bảo đảm cho những cổ phiếu mới phát hành một giá trị cao. Bằng cách đó, Crédit Mobilier kiểm soát được một bộ phận lớn vốn cho vay để đầu tư vào các xí nghiệp công nghiệp.

Vậy là, ngoài việc thu lợi nhuận là cái trực thật sự mà hoạt động của Crédit Mobilier xoay quanh thì mục đích của nó rõ ràng là tác động vào tư bản bằng một phương thức hoàn toàn đối lập với các hoạt động của các ngân hàng thương mại. Ngân hàng thương mại, bằng các nghiệp vụ chiết khấu của mình, bằng các món vay và phát hành giấy bạc, tạm thời giải phóng được số vốn cố định, trong lúc đó thì Crédit Mobilier lại cố định số vốn thực tế là lưu động. Các cổ phiếu đường sắt, chẳng hạn, có thể là rất lưu động, song số vốn mà các cổ phiếu này đại diện, nghĩa là số vốn đầu tư vào xây dựng đường sắt, lại là vốn cố định. Chủ xưởng nào đầu tư vào nhà xưởng và trang bị máy móc một phần vốn không tương xứng với phần để trả tiền công và mua nguyên vật liệu, thì chẳng mấy chốc hẳn sẽ phải đóng cửa xưởng máy của mình. Tình hình cả nước cũng hết như vậy. Hầu như mỗi cuộc khủng hoảng thương mại vào thời đại chúng ta đều gắn liền với việc làm mất sự cân đối cần thiết giữa vốn lưu động và vốn cố định. Đối với một tổ chức như Crédit Mobilier với mục đích trực tiếp là nhằm cố định được càng nhiều càng tốt số vốn cho vay của đất nước bằng cách đầu tư vốn đó vào đường sắt, kênh đào, hầm mỏ, xưởng đóng tàu, tàu thủy, nhà máy luyện kim và những xí nghiệp công nghiệp khác, mà không tính đến những khả năng sản xuất của đất nước, - thì trong trường hợp như vậy kết quả hoạt động của nó sẽ như thế nào?

Theo điều lệ của nó, Crédit Mobilier chỉ có thể bảo trợ những xí nghiệp công nghiệp nào do các công ty vô danh hoặc công ty cổ phần với trách nhiệm có hạn điều hành. Do vậy, nhất định nảy sinh xu hướng thành lập càng nhiều càng tốt những công ty như vậy và đồng thời khóa cho tất cả các xí nghiệp công nghiệp hình thức những công ty như thế. Dĩ nhiên, không thể phủ nhận được

rằng việc áp dụng hình thức các công ty cổ phần vào công nghiệp đánh dấu một thời đại mới trong đời sống kinh tế của các dân tộc hiện nay. Một mặt, nó bộc lộ những khả năng sản xuất to lớn của các liên hợp mà trước đây người ta không thể nghĩ tới, và cho ra đời các xí nghiệp công nghiệp có quy mô to lớn mà nỗ lực của từng nhà tư bản riêng lẻ không thể với tới, mặt khác, không nên quên rằng hợp nhất lại trong các công ty cổ phần không phải là những cá nhân riêng lẻ, mà là những tư bản. Nhờ thủ đoạn này mà các chủ sở hữu biến thành các cổ đông, nghĩa là thành những kẻ đầu cơ. Việc tập trung tư bản được đẩy nhanh và sự phá sản của giai cấp tiểu tư sản, kết quả tất nhiên của sự tập trung tư bản, cũng được đẩy nhanh. Xuất hiện một loại vua công nghiệp đặc biệt, mà quyền lực của họ tỷ lệ nghịch với trách nhiệm của họ, vì họ chịu trách nhiệm chỉ ở mức những cổ phần mà họ có, trong khi đó thì họ lại chi phối toàn bộ tư bản của công ty. Họ tạo thành một thành tố ít nhiều ổn định, trong khi đó thành phần đông đảo các cổ đông lại biến động và đổi mới không ngừng. Nằm được toàn bộ ảnh hưởng và tài sản của công ty này, các vua công nghiệp đủ sức mua chuộc được những thành viên nổi loạn riêng biệt của nó. Dưới hội đồng giám đốc chớp bu là nhóm quan liêu gồm những người lãnh đạo và viên chức của công ty đảm nhiệm công việc thực tế, còn trực tiếp dưới quyền họ là khối to lớn những quần chúng công nhân làm thuê bình thường ngày một đông đảo mà sự lệ thuộc và sự bất lực của họ tăng lên một cách tỷ lệ với quy mô tư bản thuê họ, song, số người đại diện của tư bản này càng giảm đi bao nhiêu thì những công nhân làm thuê này cũng lại càng trở nên nguy hiểm bấy nhiêu. Cống hiến bất tử của Phu-ri-ê là ở chỗ ông đã tiên đoán hình thức này của nền công nghiệp hiện đại, gọi nó là *chế độ phong kiến công nghiệp*³⁴. Rõ ràng là cả ông I-xác Pê-rây-rơ, cả ông Ê-min Pê-rây-rơ, cả ông Moóc-ni, cả ngài Bô-na-pác-tơ đều không thể phát minh ra điều đó. Ngay cả trước thời đại của họ, đã từng có những ngân hàng cấp tín dụng cho các công ty cổ phần công nghiệp. Còn cái mà họ phát minh ra là ngân hàng cổ đông nhằm độc quyền hóa hoạt động phân tán và đa dạng trước đây của những tư nhân cho vay lãi và nguyên tắc chỉ đạo của nó tất nhiên là xây dựng một số rất lớn các công

ty công nghiệp, không phải nhằm mục đích đầu tư cho sản xuất mà đơn thuần chỉ vì các khoản lợi nhuận đầu cơ. Tư tưởng mới mà họ đã nghĩ ra đó là biến chế độ phong kiến công nghiệp thành kẻ nộp cống cho hoạt động đầu cơ chứng khoán.

Theo điều lệ, vốn của Crédit Mobilier được xác định ở mức 60 000 000 phrăng. Cũng chính điều lệ này đã cho phép công ty nhận số tiền gấp đôi vốn, nghĩa là 120 000 000 phrăng ký gửi vào các tài khoản vãng lai. Như vậy, số tiền thuộc quyền chi phối của công ty lên tới cả thảy là 180 000 000 phrăng. Dĩ nhiên, đó là một số tiền rất nhỏ so với cái kế hoạch táo bạo nhằm thực hiện sự bảo hộ toàn bộ nền công nghiệp của Pháp. Nhưng vì tất cả hai phần ba số tiền này đã có thể được sử dụng để mua các cổ phiếu công nghiệp hoặc những giá trị không có sự bảo đảm là chúng có thể được thực hiện ngay, chính vì số tiền này phải hoàn trả khi có yêu cầu đầu tiên. Do nguyên nhân này mà điều lệ lại mở ra cho Crédit Mobilier một nguồn khác. Điều lệ cho phép công ty phát hành trái phiếu với số tiền gấp mười lần vốn ban đầu, tức là 600 000 000 phrăng; nói cách khác, một tổ chức lập ra nhằm cho toàn thể giới vay tiền lại có quyền xuất hiện trên thị trường như là người đi vay một số tiền vượt gấp mười lần số vốn riêng của nó.

"Trái phiếu của chúng ta", - ông Pê-rây-rô nói, - "sẽ gồm hai loại. Một loại phát hành ngắn hạn phải tương ứng với những khoản đầu tư nhất thời khác nhau của chúng ta".

Những trái phiếu loại đó không được chúng tôi bàn tới ở đây, bởi vì, do điều 8 trong điều lệ, chúng chỉ được phát hành với mục đích bổ sung cho số chưa đạt đủ mức 120 000 000 phrăng, số tiền này tất phải thu vào tài khoản vãng lai và đã được thu toàn bộ bằng cách như vậy. Còn những trái phiếu loại khác, thì

"chúng được phát hành với thời hạn thanh toán dài hơn, có thể được thanh toán bằng cách khấu dần và sẽ tương ứng với những khoản đầu tư giống như những khoản mà chúng ta sẽ biến hoặc là thành quốc trái hoặc là thành cổ phiếu và trái phiếu của các công ty công nghiệp. Dựa vào hệ thống các phương tiện vật chất làm cơ sở cho hiệp hội của chúng ta, thì những chứng khoán này không những sẽ được bảo đảm bằng khoản tiền tương ứng gồm các vốn có được dưới

sự kiểm soát của chính phủ, khoản tiền này, nhờ áp dụng nguyên tắc có đi có lại, nói chung sẽ mang lại ưu thế về mặt bù đắp và chia sẻ rủi ro, ngoài ra, sẽ còn có được sự bảo đảm của số vốn mà chúng ta đã tăng lên tới mức đáng kể nhằm mục đích đó".

Như vậy, những trái phiếu này của Crédit Mobilier chỉ là sự bất chúc tín phiếu đường sắt - những trái phiếu được chuộc lại theo thời hạn nhất định, với những điều kiện nhất định và đem lại lãi suất cố định. Song cũng có một sự khác biệt. Nếu tín phiếu đường sắt thường được bảo đảm bằng văn tự cầm cố về chính đường sắt, thì trái phiếu của Crédit Mobilier được bảo đảm bằng cái gì? Bảo đảm bằng lợi tức, bằng cổ phần, bằng những trái phiếu v.v., bằng các chứng khoán của các công ty công nghiệp mà Crédit Mobilier thu được với trái phiếu riêng của mình. Trong trường hợp như vậy, việc phát hành trái phiếu được lợi gì? Được lợi khoản chênh lệch giữa lãi suất mà Crédit Mobilier phải trả cho trái phiếu với lợi tức của những cổ phiếu và những chứng khoán khác mà công ty đã đầu tư những khoản vay vào đó. Để cho hoạt động kinh doanh này có lãi khá, Crédit Mobilier phải đầu tư số vốn có được bằng phát hành trái phiếu vào những công việc hứa hẹn một sự thu nhập với lợi nhuận cao nhất, tức vào những cổ phần có những biến động lớn và những thay đổi về giá cả. Vì vậy, bảo đảm chủ yếu cho những trái phiếu của công ty sẽ là những cổ phần của chính những hãng công nghiệp mà công ty sẽ lập ra.

Như vậy, trong khi tín phiếu đường sắt được bảo đảm bằng số vốn ít ra là gấp đôi, thì trái phiếu của Crédit Mobilier chỉ được bảo đảm bằng số vốn lớn tương đương trên danh nghĩa, thế nhưng số vốn này tất phải giảm xuống cùng với sự vận động của tỷ giá theo chiều giảm xuống trên thị trường chứng khoán. Do vậy, những người giữ các trái phiếu này gánh chịu toàn bộ sự rủi ro của các cổ đông mà không được chia lãi cùng họ. Trong báo cáo tổng kết năm qua có nói:

"Nhưng những người giữ trái phiếu không những có được sự bảo đảm dưới hình thức những khoản đầu tư mà nó" (tức là Crédit Mobilier) "đưa những khoản đi vay được vào đó, mà còn có được sự bảo đảm dưới dạng vốn ban đầu của nó".

Vốn ban đầu là 60 000 000 phrăng, chịu trách nhiệm đối với 120 000 000 phrăng tiền gửi, lại còn phải bảo đảm cho 600 000 000 phrăng trái phiếu, chưa kể những bảo đảm mà có thể là nó buộc phải cấp cho một con số không hạn chế các xí nghiệp mà Crédit Mobilier có quyền lập ra. Giả như công ty đổi được các trái phiếu riêng của mình để lấy các cổ phần của tất cả các hãng công nghiệp thì có lẽ nó thực sự trở thành người điều hành tối cao và người sở hữu toàn bộ nền công nghiệp Pháp, còn đông đảo những chủ sở hữu trước đây ắt hẳn lâm vào tình trạng sống dựa vào trợ cấp với khoản thu nhập nhất định bằng số lãi suất trả cho trái phiếu. Song, trên con đường thực hiện mục đích đó, những kẻ phiêu lưu táo tợn đã bị nạn phá sản chặn bước, nạn phá sản này xảy ra là do những điều kiện kinh tế nêu trên. Tuy nhiên, điều khó chịu nhất vẫn không lọt qua mắt những nhà sáng lập thực sự của Crédit Mobilier, ngược lại, họ đã tính đến điều đó. Khi sự phá sản này đến, khi mà lợi ích của đông đảo quân chúng Pháp bị vướng víu vào đó, thì Chính phủ Bô-na-pác-tơ hình như sẽ có cơ sở để can thiệp vào công việc của Crédit Mobilier, giống như Chính phủ Anh năm 1797 đã can thiệp vào công việc của Ngân hàng Anh³⁵. Xưa kia là nhiếp chính vương nước Pháp^{1*} vị cao tổ đáng kính của Lui - Phi-líp, định trốn nợ nhà nước bằng cách chuyển đổi công trái thành trái phiếu của Ngân hàng Lô; Lu-i Bô-na-pác-tơ, nhà xã hội chủ nghĩa đế chế này, đang định chiếm lấy nền công nghiệp của Pháp bằng cách chuyển đổi trái phiếu của Crédit Mobilier thành công trái. Liệu ông ta có khả năng thanh toán hơn Crédit Mobilier không? Vấn đề là ở chỗ đó.

Do C.Mác viết vào cuối tháng Sáu 1856

Đã đăng trên báo "New - York Daily Tribune" số 4751, ngày 11 tháng Bảy 1856

In theo bản đăng trên báo

Nguyên văn là tiếng Anh

1* - Phi-líp Oóc-lê-ăng

C.MÁC***CÁCH MẠNG Ở TÂY BAN NHA**

Mặc dù những tin tức mà chiếc tàu "A-di-a" mang đến hôm qua để ngày muộn hơn ba hôm so với những thông báo chúng tôi nhận được trước đây, chúng vẫn không đủ động gì đến sự kết thúc nhanh chóng của cuộc nội chiến ở Tây Ban Nha. Mặc dù ở Ma-đrít coup d'état^{1*} do Ô'Dôn-nen tiến hành, đã thắng lợi³⁶, song người ta vẫn chưa thể coi thắng lợi đó là triệt để được. Tờ báo Pháp "Moniteur" thoát đầu miêu tả cuộc khởi nghĩa ở Bác-xê-lô-na như là một cuộc phiến loạn đơn thuần, thì giờ đây đã buộc phải thừa nhận rằng "cuộc xung đột ở đây cực kỳ ác liệt, song thắng lợi của quân đội của nữ hoàng có thể được coi là chắc chắn". Theo sự mô tả của tờ báo chính thức này thì cuộc chiến ở Bác-xê-lô-na đã kéo dài từ 5 giờ chiều ngày 18 tháng Bảy cho đến cùng giờ ấy ngày 21 tháng Bảy, nghĩa là đúng ba hôm, cho đến khi "quân phiến loạn", như đã thông báo, bị đẩy ra khỏi những vị trí của họ và bị kỵ binh truy đuổi, phải rút chạy khỏi thành phố. Tuy nhiên, người ta khẳng định rằng trong tay quân khởi nghĩa vẫn còn một số thành phố ở Ca-ta-lô-ni, trong đó có Giê-rô-na, La - Giun-kê-ra và vài ba cứ điểm ít quan trọng hơn. Ngoài ra, còn có tin là Mu-rơ-xi-a, Va-len-xi-a và Xê-vi-li-a đã tiến hành các pronunciamientos^{2*} chống lại coup d'état, rằng một tiểu đoàn đồn

1* - cuộc đảo chính

2* - cuộc binh biến

trú ở Pam-plô-na do thống đốc thành phố này chỉ huy đánh Xô-ri-a, trên đường hành quân đã tuyên bố chống chính phủ và tiến về Xa-ra-gốt để hợp nhất với nghĩa quân ở đó; và cuối cùng, có tin là ở Xa-ra-gốt, nơi mà ngay từ đầu đã được thừa nhận là trung tâm đề kháng, tướng Phan-côn đã tiến hành cuộc duyệt binh đội quân gồm 16 000 bộ binh chính quy, được tăng cường thêm 15 000 lính bảo an và nông dân vùng ngoại ô.

Vô luận thế nào Chính phủ Pháp đều cho rằng cuộc "khởi nghĩa" ở Tây Ban Nha vẫn chưa bị dập tắt, và Bô-na-pác-tơ không may mắn bằng lòng với việc phá vỡ cả một loạt tiểu đoàn để bảo vệ biên giới, đã hạ lệnh cho một lữ đoàn tiến đến Bi-da-xô-a, hơn nữa lữ đoàn này còn được bổ sung cho đủ thành một sư đoàn bằng viện binh từ Mông-pen-li-a và Tu-lu-dơ đến. Ngoài ra, theo mệnh lệnh gửi thẳng từ Plôm-be-rơ tới vào ngày 23 tháng Bảy, một sư đoàn nữa được trực tiếp tách ra từ quân đoàn Ly-ông hiện đang trên đường hành quân đến I-bê-ri-cơ, nơi mà cả một corps d'observation^{1*} gồm 25 000 người hiện đang tập trung tại đây. Nếu những người chống lại Chính phủ Ô'Đôn-nen sẽ giữ vững được những cứ điểm của họ, sự chống cự của họ mạnh đến mức buộc Bô-na-pác-tơ phải can thiệp vũ trang vào bán đảo I-bê-ri-cơ, thì coup d'état ở Ma-đrít có thể sẽ còn là một dấu hiệu báo trước sự thất bại của coup d'état ở Pa-ri³⁷.

Nếu quan sát toàn bộ diễn biến của tình hình và dranmatis personae^{2*} thì chúng ta thấy vụ âm mưu năm 1856 này ở Tây Ban Nha chỉ là sự lặp lại đơn giản cũng cái âm mưu giống như thế năm 1843³⁸, dĩ nhiên là có một vài biến đổi nhỏ. Lúc đó cũng như hiện nay, I-da-be-la vẫn ở Ma-đrít, còn Cri-xti-na vẫn ở Pa-ri; Lu-i - Phi-líp lãnh đạo phong trào từ Tuyn-lơ-ri thay vì Lu-i Bô-na-pác-tơ; một bên là Ê-xpác-te-rô và ayacuchos³⁹ của y, còn một bên là Ô'Đôn-nen, Xéc-ran-nô, Côn-sa và cả Nác-va-ê-xơ lúc đó đứng ở phía trước sân khấu, còn bây giờ thì lui vào hậu trường. Năm 1843 Lu-i - Phi-líp đã gửi bằng đường bộ hai triệu tiền vàng, còn đường

1* - quân đoàn thám sát

2* - các nhân vật chính của vở kịch

biển thì gửi Nác-va-ê-xơ và bạn bè của ông ta, sau khi thoả thuận về các cuộc hôn nhân ở Tây Ban Nha đã được ký kết giữa ông ta với bà Mu-nhi-ô-xơ⁴⁰. Sự tham gia của Bô-na-pác-tơ vào coup d'état ở Tây Ban Nha - Bô-na-pác-tơ, kẻ có thể đã thoả thuận về cuộc hôn nhân của người anh em họ của mình, hoàng thân Na-pô-lê-ông, với tiểu thư Mu-nhi-ô-xơ nào đó và, vô luận thế nào cũng đã phải tiếp tục bắt chước theo ông bác^{1*} của mình, - sự tham gia ấy đã được chứng minh rõ không chỉ qua những cuộc tấn công điên cuồng của "Moniteur" trong suốt hai tháng gần đây vào những âm mưu cộng sản ở Ca-xti-li-a và Na-va-ra; không chỉ qua thái độ của đại sứ Pháp ở Ma-đrít, ông Đờ Tuyéc-gô, trước, trong và sau coup d'état, thái độ của chính con người đã là bộ trưởng ngoại giao vào chính thời kỳ coup d'état của Bô-na-pác-tơ; không chỉ qua việc công tước An-ba, em vợ Bô-na-pác-tơ, đã giữ chức giám đốc ayuntamiento mới^{2*} ở Ma-đrít ngay sau chiến thắng của Ô'Đôn-nen; không chỉ qua việc Rô-sơ Đờ Ô-la-nô, người theo phái thân Pháp kỳ cựu, là người đầu tiên được đề nghị giữ một chức vụ trong nội các của Ô'Đôn-nen và, cuối cùng, không chỉ qua việc Nác-va-ê-xơ đã được Bô-na-pác-tơ phái tới Bai-on-nơ đúng lúc những tin tức đầu tiên về sự biến vừa dội đến Pa-ri. Sự đồng loã này còn có thể đoán được từ trước, căn cứ vào việc một số lớn đạn dược được chuyển từ Boóc-dô đến Bai-on-nơ mười bốn ngày trước khi có cuộc khủng hoảng hiện nay ở Ma-đrít. Song, chúng có chủ yếu về sự đồng loã này là kế hoạch hành động của Ô'Đôn-nen khi ông ta đột nhập cướp bóc dân chúng thành phố này. Ngay từ đầu Ô'Đôn-nen đã tuyên bố là ông ta sẽ không dừng bước trước cả việc cho nổ tung Ma-đrít, và trong thời gian chiến sự ông ta đã làm đúng như lời ông nói. Song Ô'Đôn-nen, mặc dù ông là kẻ tiểu nhân láo xược, vẫn chưa bao giờ dám làm điều táo bạo mà không chuẩn bị sẵn cho mình một sự rút lui an toàn. Cũng giống như ông bác lừng danh của mình, người anh hùng của sự bội phản, ông ta chưa bao giờ phóng hoả đốt cầu ở phía sau, khi băng qua Ru-bi-côn. Tinh thần hiếu chiến của Ô'Đôn-nen được

1* - Na-pô-lê-ông I

2* - toà thị chính

kiếm chế một cách kỳ lạ bởi sự thận trọng và tính kín đáo. Một điều hoàn toàn rõ là, bất kỳ một viên tướng nào, - kẻ hăm dọa đánh cho một thủ đô tan tành tro bụi, nhưng sau đó lại bị thất bại trong mưu toan của mình, - đều phải mất đầu. Vậy Ô'Đôn-nen đã quả quyết bước vào con đường gai góc ấy như thế nào? Điều bí mật này tờ "Jornal des Débats", cơ quan ngôn luận riêng của nữ hoàng Cri-xti-na đã tiết lộ với chúng ta.

"Ô'Đôn-nen chờ trận đánh lớn sắp xảy ra và dự tính rằng chiến thắng ít ra sẽ đạt được với giá không hời. Ông ta cũng dự kiến cả khả năng thất bại. Nếu như điều bất hạnh ấy xảy ra thì thống soái cùng với tàn quân ắt sẽ bỏ Ma-đrít, hộ tống nữ hoàng và chạy lên các tỉnh miền Bắc nhằm mục đích đến gần biên giới Pháp".

Toàn bộ điều đó chẳng nhẽ lại không phải là ông ta đã cùng Bô-na-pác-tơ vạch ra kế hoạch của mình hay sao? Vào năm 1843 Lu-i - Phi-líp và Nác-va-ê-xơ đã thoả thuận với nhau một kế hoạch giống hệt như thế, và kế hoạch này đến lượt nó, lại là bản sao thoả ước bí mật giữa Lu-i XVIII và Phéc-di-năng VII năm 1823⁴¹.

Sau khi thừa nhận sự giống nhau rõ rệt đó giữa những vụ âm mưu ở Tây Ban Nha trong những năm 1843 và 1856, chúng ta vẫn phải thấy là hai phong trào này cũng có không ít những nét khác biệt chứng tỏ rằng nhân dân Tây Ban Nha, trong khoảng thời gian ngắn ngủi như vậy, đã tiến được một bước lớn biết nhường nào. Những nét khác biệt ấy là: bản chất chính trị của cuộc đấu tranh vừa qua ở Ma-đrít, ý nghĩa quân sự quan trọng của nó, và cuối cùng là sự khác nhau giữa một bên là địa vị của Ê-xpác-te-rô và một bên là địa vị của Ô'Đôn-nen năm 1856 so với vị trí tương ứng của Ê-xpác-te-rô và Nác-va-ê-xơ năm 1843. Năm 1843, Ê-xpác-te-rô đã bị tất cả các phe phái chán ngấy. Để thoát khỏi ông ta, người ta đã thành lập một liên minh hùng mạnh giữa moderados và progresistas⁴². Những hội đồng hành chính cách mạng mọc lên như nấm trong tất cả các thành phố, đã dọn đường cho Nác-va-ê-xơ và phe cánh của ông ta. Năm 1856, chúng ta không những thấy triều đình và quân đội đứng về một phía, còn nhân dân thì đứng về một phía, mà còn thấy cả trong hàng ngũ của chính nhân dân cũng có sự phân liệt giống như đã xảy ra ở phần

còn lại của Tây Âu. Ngày 13 tháng Bảy, nội các Ê-xpác-te-rô đã buộc phải từ chức; đêm 13 rạng ngày 14, nội các Ô'Đôn-nen đã được thành lập; sáng ngày 14 lan truyền tin đồn là Ô'Đôn-nen, người được uỷ nhiệm thành lập nội các, đã mời Ri-ô-xơ-i - Rô-xa-xơ tham gia nội các, đây là vị bộ trưởng hung thần của những ngày tháng Bảy đẫm máu năm 1854⁴³. Vào hồi 11 giờ trưa, báo "Gaceta"⁴⁴ đã xác nhận tin đó. Bấy giờ quốc hội được triệu tập, 93 đại biểu đã có mặt. Theo quy chế của cơ quan này thì chỉ cần có yêu cầu của 20 đại biểu cũng đủ để triệu tập phiên họp, và có 50 đại biểu thì có quyền biểu quyết. Ngoài ra, kỳ họp quốc hội không bị ngắt quãng về mặt hình thức. Vị chủ tịch là tướng In-phan-tơ không thể không tuân theo nguyện vọng chung muốn triệu tập phiên họp thường kỳ. Một nghị quyết đã được thông qua, trong đó có nói là nội các mới không được quốc hội tín nhiệm và cần phải thông báo cho nữ hoàng biết rõ điều đó. Đồng thời, quốc hội yêu cầu đội vệ binh quốc gia phải sẵn sàng hành động. Uỷ ban của quốc hội mang nghị quyết không tín nhiệm đến gặp nữ hoàng, có đội bảo an quốc gia đi hộ tống. Khi đoàn đại biểu định bước vào hoàng cung thì đội tiêu binh đã xả súng vào chính những đại biểu và đoàn hộ tống và đẩy họ ra ngoài. Sự kiện này báo hiệu cuộc khởi nghĩa. Vào 7 giờ tối, quốc hội hạ lệnh bắt đầu dựng chiến lũy, nhưng liền sau đó phiên họp của quốc hội đã bị quân đội của Ô'Đôn-nen giải tán. Cuộc chiến nổ ra ngay đêm ấy, và chỉ có một tiểu đoàn bảo an quốc gia liên kết với quân đội của nhà vua. Đáng chú ý là ngay sáng hôm 13, ngài Ê-xcô-xu-ra, bộ trưởng nội vụ trong Chính phủ Ê-xpác-te-rô, đã đánh điện đi Bác-xê-lô-na và Xa-ra-gốt nói rằng coup d'état đã chín muồi và cần phải chuẩn bị kháng cự. Đứng đầu quân khởi nghĩa ở Ma-đrít là ngài Ma-đô-xơ và tướng Van-đe-xơ, người anh em của Ê-xcô-xu-ra. Tóm lại, không thể nghi ngờ gì nữa, việc chống lại coup d'état là xuất phát từ cánh Ê-xpác-te-rô, phái thị dân và phái tự do nói chung. Trong lúc họ cùng với bảo an binh bố trí thành một tuyến cắt Ma-đrít từ đông sang tây, thì công nhân, dưới quyền chỉ huy của Pu-sê-ta, đã chiếm lĩnh các khu phía nam và một phần các khu phía bắc của thành phố.

Sáng ngày 15, Ô'Đôn-nen giành được thế chủ động. Thậm chí,

theo sự xác nhận thiên vị của tờ "Débats" thì Ô'Đôn-nen trong suốt cả buổi sáng đó chẳng đạt được thắng lợi gì đáng kể. Đột nhiên, khoảng 1 giờ trưa, hàng ngũ bảo an quốc gia bắt đầu tan rã không có lý do gì rõ rệt; vào 2 giờ, đội ngũ họ lại thừa thốt hơn, rồi vào lúc 6 giờ thì bảo an binh chuẩn sạch khỏi chiến trường để mặc cho công nhân chịu đựng toàn bộ gánh nặng của cuộc chiến; công nhân đã chiến đấu tới 4 giờ chiều ngày 16. Như vậy, trong ba ngày chém giết đẫm máu ấy có hai cuộc giao chiến khác nhau: cuộc thứ nhất do bảo an binh thuộc phái tự do của giai cấp tư sản, được công nhân ủng hộ, tiến hành chống lại quân đội, cuộc thứ hai do quân đội tiến hành chống lại công nhân là những người bị bảo an binh bỏ rơi. Đúng như lời Hai-nơ:

"Câu chuyện cổ xưa, nhưng muôn đời

Nó vẫn còn mới mẻ!"*

Ê-xpác-te-rô bỏ quốc hội, quốc hội bỏ các vị chỉ huy vệ binh quốc gia, các vị chỉ huy bỏ quân lính của mình, còn quân lính thì bỏ nhân dân. Thế nhưng, ngày 15, khi Ê-xpác-te-rô thoảng xuất hiện thì quốc hội lại họp. Ngài A-xen-xi-ô và những đại biểu khác nhắc nhở ông ta về những lời hứa trịnh trọng mà ông đã nhiều lần đưa ra là sẽ tuốt trần thanh kiếm Luy-san-na⁴⁵ lưng tiếng của mình ngay vào ngày đầu tiên khi tự do của đất nước bị lâm nguy. Ê-xpác-te-rô khấn trời làm chứng cho lòng ái quốc sắt son của mình, và khi ông ta rời bỏ cuộc họp thì mọi người đều tràn đầy hy vọng là sắp được thấy ông chỉ huy khởi nghĩa. Đáng lẽ làm việc đó thì ông ta lại đến nhà tướng Gi-rê-a, ở đây ông trốn vào một cái hầm tránh bom à la Pa-la-phốc-xơ; và không ai còn hay biết gì thêm về ông ta nữa. Bọn chỉ huy bảo an binh vào buổi chiều hôm trước ra sức động viên quân của mình cầm vũ khí thì giờ đây cũng cố sức như vậy tìm cách tản về nhà mình. Lúc 2 giờ 30 phút chiều, tướng Van-đe-xơ, người đã giành được quyền chỉ huy bảo an ninh trong mấy giờ, đã tập hợp tại Pla-xơ Mai-ô quân lính đã từng ở dưới quyền chỉ huy trực tiếp của ông, tuyên bố với họ rằng người có nhiệm vụ chỉ huy họ không đến và bởi vậy, mỗi người trong bọn họ đều được tự do về nhà. Lúc bấy

1* - Hai-nơ. Bài thơ trong chùm thơ "Bản In-te-me-xơ trữ tình".

giờ vệ binh quốc gia bỏ chạy ừa về nhà, vội vàng trút bỏ áo lính và cất giấu vũ khí. Đây là những nét chính của bản báo cáo lấy từ một nguồn tin đáng tin cậy. Một nguồn khác thì giải thích sự đầu hàng bất thành linh như vậy trước những kẻ âm mưu là do lo sợ một điều là chiến thắng của vệ binh quốc gia sẽ có nghĩa là sự sụp đổ của nền quân chủ và là thắng lợi hoàn toàn của phong trào dân chủ cộng hoà. Tờ "Presse"⁴⁶ ở Pari cũng cho biết rằng thống chế Ê-xpác-te-rô, sau khi thấy phái dân chủ tại phiên họp của quốc hội đã làm xoay chuyển tình hình như thế nào nên đã không muốn hy sinh chiếc ngai vàng và không muốn rơi vào nguy cơ của cảnh vô chính phủ và nội chiến; vì vậy ông ta đã làm tất cả những gì có thể làm được để góp phần vào thắng lợi của Ô'Đôn-nen.

Đành rằng các tác giả khác nhau đã thông báo những chi tiết khác nhau về thời gian, hoàn cảnh khiến cho sự chống cự lại coup d'état bị bẻ gãy; nhưng tất cả đều nhất trí với nhau về một điểm chính, đó là: Ê-xpác-te-rô đã phản bội quốc hội, quốc hội đã phản bội các lãnh tụ, các lãnh tụ đã phản bội giai cấp tư sản, còn giai cấp tư sản thì phản bội nhân dân. Đây là sự minh hoạ mới về tính chất của đa số các cuộc chiến đấu trong những năm 1848 - 1849 ở châu Âu và của các cuộc chiến đấu sau này ở phần phía tây lục địa châu Âu. Một mặt, có nền công nghiệp và thương nghiệp hiện đại mà người cầm đầu tự nhiên của nó là giai cấp tư sản vốn căm ghét nền độc tài quân phiệt; mặt khác, đúng vào lúc nó vừa bắt đầu cuộc đấu tranh chống nền độc tài này thì chính những công nhân - sản phẩm của tổ chức lao động hiện đại - bước vào cuộc đấu tranh và đòi hỏi được chia phần thành quả chiến thắng. Vì sợ hãi những hậu quả của một sự liên minh mà nó bị gán ép phải chấp nhận như vậy trái với ý muốn của nó, giai cấp tư sản lại bị thụt lùi và tìm sự che chở của đại bác, của nền độc tài đáng căm ghét. Bí quyết của sự tồn tại các quân đội thường trực ở châu Âu là ở chỗ đó, cái bí quyết mà nhà sử học tương lai ắt không thể hiểu khác được. Thế là người ta đã cho giai cấp tư sản châu Âu hiểu rằng nó phải hoặc là phục tùng cái chính quyền mà nó căm ghét và từ bỏ những ưu thế của nền công nghiệp và thương nghiệp hiện đại và của những quan hệ xã

hội dựa trên cơ sở đó, hoặc là chịu hy sinh những đặc quyền mà chỉ một giai cấp duy nhất được hưởng trong giai đoạn phát triển ban đầu của tổ chức hiện đại của các lực lượng sản xuất xã hội. Có một điều thật vừa hết sức kỳ lạ, vừa hết sức bất ngờ là một bài học như thế lại có thể rút ra thậm chí từ kinh nghiệm của Tây Ban Nha.

*Do C. Mác viết ngày 25 tháng Bảy
1856*

*Đã đăng làm xã luận trên báo "New
York Daily Tribune" số 4775, ngày 8
tháng Tám 1856*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C. MÁC

* CÁCH MẠNG Ở TÂY BAN NHA

Xa-ra-gốt đã đầu hàng ngày 1 tháng Tám, vào lúc 1 giờ rưỡi trưa; như vậy là không còn nữa cái trung tâm cuối cùng chống lại bọn phản cách mạng Tây Ban Nha. Xét theo góc độ quân sự thì chỉ còn rất ít triển vọng thắng lợi sau những thất bại ở Ma-đrít và Bác-xê-lô-na, sau những hoạt động quá yếu ớt của nghĩa quân tại An-đa-lu-di-a và sau trận tấn công tập trung của những lực lượng trội hơn nhiều xuất phát từ các tỉnh Ba-xcốp, Na-va-ra, Ca-ta-lô-ni, Va-len-xi-a và Ca-xti-li-a. Mà nếu như có những khả năng thắng lợi nào đó thì chúng đã trở nên vô hiệu vì lý do là người lãnh đạo các lực lượng đề kháng là tướng Phan-côn, viên sĩ quan tuý tùng cũ của Ê-xpác-te-rô; khẩu hiệu "Ê-xpác-te-rô và tự do" được lấy làm khẩu hiệu chiến đấu còn dân chúng ở Xa-ra-gốt thì đã biết rõ trận đại bại nực cười chưa từng thấy ở Ê-xpác-te-rô ở Ma-đrít⁴⁷. Ngoài ra, Ê-xpác-te-rô từ đại bản doanh đã phát mệnh lệnh trực tiếp cho bộ hạ của ông ta ở Xa-ra-gốt phải ngừng mọi hành động kháng cự; điều đó được chỉ rõ qua đoạn sau đây trích ở một bài báo đăng trên tờ "Journal de Madrid"⁴⁸ ngày 29 tháng Bảy:

"Một trong các vị cựu bộ trưởng của Chính phủ Ê-xpác-te-rô đã tham gia các cuộc đàm phán diễn ra giữa tướng Đun-xơ với nhà cầm quyền ở Xa-ra-gốt, còn đại biểu quốc hội Hoan Mác-ti-ne-xơ A-lôn-xơ, một trong những người theo phe

Ê-xpác-te-rô, đã đảm nhiệm sứ mệnh thông báo với các thủ lĩnh nghĩa quân rằng nữ hoàng, các vị bộ trưởng và các tướng của nữ hoàng đều hết lòng mong muốn cầu hoà".

Phong trào cách mạng đã bao trùm hầu khắp lãnh thổ Tây Ban Nha - Ma-đrít và xứ Măng-sơ ở Ca-xti-li-a; Gra-na-da, Xê-vi-li-a, Ma-la-ha, Ca-di-xơ, Ha-en và những nơi khác ở An-đa-lu-di-a; Mu-rô-xi-a và Các-ta-ghe-na ở tỉnh Mu-rô-xi-a; Va-len-xi-a, A-li-can-tô, An-xi-ra và những nơi khác ở Va-len-xi-a; Bác-xê-lô-na, Rê-u-xơ, Phi-hê-rát, Giê-rô-na ở Ca-ta-lô-ni; Xa-ra-gốt, Tê-ru-en, Uê-xca, Ha-ca và những nơi khác ở A-ra-gông; Ô-vê-đô ở A-xtu-ri-a và La-cô-ru-ni-a ở Ga-li-xi-a. Không có những cuộc nổi dậy ở Ê-xtô-rê-ma-đu-ra, Lê-ôn và Ca-xti-li-a cổ, nơi mà đảng cách mạng đã bị tiêu diệt cách đây hai tháng do sự thoả thuận và sự hoan nghênh của Ê-xpác-te-rô và Ô'Đôn-nen; các tỉnh Ba-xơ và Na-va-ra cũng vẫn yên tĩnh. Tuy vậy, trong những tỉnh Ba-xơ và Na-va-ra này, cảm tình vẫn hướng về phía cách mạng, mặc dù không thể bộc lộ do sự có mặt của quân đoàn giám sát của Pháp. Điều đó càng thấy rõ hơn, nếu lưu ý rằng hai mươi năm trước đây, chính những tỉnh này đã là thành trì của chủ nghĩa Các-lôt⁴⁹, thứ chủ nghĩa được nông dân ở A-ra-gông và Ca-ta-lô-ni thời đó ủng hộ; song, lần này nông dân lại nhiệt liệt ủng hộ cách mạng và hẳn sẽ là một nhân tố chống đối đáng sợ nhất, nếu như sự ngu độn của các thủ lĩnh ở Bác-xê-lô-na và Xa-ra-gốt đã không làm trở ngại cho việc sử dụng năng lực của họ. Thậm chí cả tờ "Morning Herald"⁵⁰ ở Luân Đôn, người bảo vệ chính thống của đạo Tin lành, tờ báo mà hai mươi năm trước đây đã tranh cãi kịch liệt để bảo vệ chàng hiệp sĩ Đôn Các-lôt đóng vai Đông Ki-sốt bị hoả thiêu và nay cũng phiền lòng vì câu chuyện này, điều mà nó đã trung thực công khai thừa nhận. Đây là một trong nhiều dấu hiệu của sự tiến bộ, những dấu hiệu đã biểu hiện ở Tây Ban Nha vào thời kỳ diễn ra cuộc cách mạng gần đây, sự tiến bộ mà chỉ những ai chưa từng làm quen với tập quán và phong tục độc đáo của đất nước này - đất nước mà ở đây, "a la manana"^{1*} là khẩu hiệu của đời sống thường ngày, và ở đây, mỗi người sẵn sàng nói với anh

1* "hãy để đến mai"

rằng "cha ông chúng tôi đã phải cần đến tám trăm năm mới đuổi được người Mô-rô", - thì mới thấy được sự chậm chạp của tiến bộ ấy.

Mặc dù pronunciamientos^{1*} lan rộng khắp nơi, nhưng cách mạng ở Tây Ban Nha chỉ nổ ra ở Ma-đrít và Bác-xê-lô-na. Ở miền nam nó bị tan rã vì cholera morbus^{2*} còn ở miền Bắc - vì nạn dịch hạch, - nói cách khác, vì Ê-xpác-te-rô. Xét theo góc độ quân sự thì các cuộc khởi nghĩa ở Ma-đrít và Bác-xê-lô-na không đáng chú ý cho lắm và vị tất đã bộc lộ ra những nét mới nào đó. Ở một bên, - tức là ở quân đội, - thì mọi cái đều đã chuẩn bị sẵn sàng từ trước rồi; ở bên kia thì tất cả được tiến hành trong quá trình diễn biến sự kiện từ đầu đến cuối cuộc tấn công, chỉ được một phía tiến hành. Một đảng thì quân đội được trang bị tốt, sẵn sàng tuân theo lệnh của chỉ huy, còn đảng kia thì các thủ lĩnh chỉ tiến lên một cách miễn cưỡng dưới áp lực của quần chúng được vũ trang sơ sài. Ở Ma-đrít, những người cách mạng ngay từ đầu đã phạm sai lầm khi họ tự đóng kín trong các nội khu của thành phố trên một tuyến nối các vùng ngoại ô phía đông với ngoại ô phía tây; còn những vùng ngoại ô lại nằm dưới quyền Ô'Đôn-nen và Côn-sa, liên lạc được với nhau và với đội kỵ binh Đun-xơ qua các đường phố bên ngoài. Như vậy là các nghĩa binh lâm vào thế bị cô lập và bất lực trước cuộc tấn công vòng trong vòng ngoài mà Ô'Đôn-nen và đồng bọn đã thoả thuận từ trước. Ô'Đôn-nen và Côn-sa chỉ cần hợp nhất lại là quân cách mạng bị phân tán ra và bị dồn vào các khu bắc và nam của thành phố, và sau đó hoàn toàn mất liên lạc với nhau. Điểm nổi bật của cuộc khởi nghĩa ở Ma-đrít là ụ chiến đấu với số lượng ít ỏi chỉ được xây dựng ở các góc những đường phố chính, trong khi đó, các căn nhà lại trở thành những trung tâm đề kháng; và nghĩa binh đón đánh những đội quân tấn công bằng các trận giáp lá cà là điều chưa từng thấy đối với những trận giao tranh ở trên đường phố. Nhưng nếu nghĩa binh biết sử dụng kinh nghiệm của những cuộc khởi nghĩa ở Pari và Dre-xden⁵¹ thì bọn lính cũng học được nhiều

1* - những cuộc binh biến

2* - dịch tả

điều ở các cuộc khởi nghĩa này. Binh lính lần lượt đục thủng từng bức tường các ngôi nhà rồi tấn công tạt sườn và tập hậu vào nghĩa binh, còn các lối ra đường phố, đều bị hoả lực pháo binh quét. Một điểm nổi bật khác của cuộc giao chiến ở Ma-đrít này là, khi Côn-sa và Ô-Đôn-nen hợp nhất với nhau, thì Pu-sê-ta, sau khi bị hãm vào khu nam (khu Tô-lết) của thành phố, đã áp dụng trên các đường phố Ma-đrít lối đánh của chiến tranh du kích ở vùng đồi núi Tây Ban Nha. Nghĩa binh bị phân tán ra và ẩn dưới các vòm nhà thờ, trong những ngõ phố hẹp ở cầu thang các nhà và ở đây, họ đã chống cự đến giọt máu cuối cùng.

Ở Bác-xê-lô-na, nơi mà cuộc khởi nghĩa thiếu hẳn sự lãnh đạo thì cuộc chiến đấu còn kiên cường hơn nữa. Về phương diện quân sự, cuộc khởi nghĩa này, cũng giống như mọi cuộc khởi nghĩa trước đây ở Bác-xê-lô-na, đã bị thất bại vì thành lũy - pháo đài Môn-giuy-cơ vẫn nằm trong tay quân đội. Việc 150 tên lính đã bị thiêu trong các trại lính ở Gra-xi-a, tức vùng ngoại ô, nơi mà nghĩa binh đã kiên cường chống giữ sau khi họ bị đẩy ra khỏi Bác-xê-lô-na, đã chứng tỏ cuộc chiến đấu ác liệt biết nhường nào. Đáng chú ý là hiện tượng này: nếu như ở Ma-đrít, như chúng tôi đã trình bày ở bài trước, giai cấp vô sản đã bị giai cấp tư sản phản bội^{1*} và bỏ rơi, thì những người thợ dệt ở Bác-xê-lô-na ngay từ đầu đã tuyên bố rằng họ hoàn toàn không muốn dính líu tí gì với phong trào do phái Ê-xpác-te-rô khởi xướng, và đòi phải tuyên bố thành lập nền cộng hoà. Khi yêu sách đó bị bác bỏ thì họ, trừ những kẻ quá say mê thuốc súng, đã thụ động đứng nhìn cuộc giao tranh, một cuộc giao tranh như vậy là đã thất bại, bởi vì số phận của tất cả những cuộc khởi nghĩa ở Bác-xê-lô-na đều do hai vạ thợ dệt của thành phố này quyết định.

Cuộc cách mạng năm 1856 ở Tây Ban Nha khác hẳn với tất cả những cuộc cách mạng nổ ra trước đó ở chỗ là nó hoàn toàn mất đi tính chất triều đại. Mọi người đều rõ, phong trào từ năm 1804 đến năm 1815 mang tính chất dân tộc và triều đại⁵². Mặc dù quốc hội, vào năm 1812 đã tuyên bố một bản hiến pháp mang tinh thần gần như cộng hoà, nhưng nó vẫn hành động nhân danh

1* Xem tập này, tr. 57-60.

Phéc-đi-năng VII. Phong trào những năm 1820 - 1823⁵³, với chủ nghĩa cộng hoà nhút nhát của nó, nói chung là chưa chín muồi, còn quần chúng, mà phong trào này hướng đến tìm sự hậu thuẫn, lại đã không đồng tình với nó, bởi vì số quần chúng này gắn bó với nhà thờ và nhà vua. Quyền lực nhà vua ở Tây Ban Nha cũng có những gốc rễ sâu xa đến mức người ta đã phải cần đến lời di chúc của Phéc-đi-năng VII và phải có sự thể hiện những nguyên tắc trái ngược nhau trong hai nhánh của triều đại, nhánh Các-lốt và nhánh Cri-xti-na, mới có thể tiến hành được một cách thực sự cuộc đấu tranh giữa xã hội cũ và xã hội mới. Thậm chí để đấu tranh cho một nguyên tắc mới, những người Tây Ban Nha cũng cần có một ngọn cờ thiêng liêng của thời đại. Cuộc đấu tranh từ năm 1831 đến năm 1843 đã được tiến hành dưới những ngọn cờ như vậy. Sau đó cách mạng đi đến kết thúc và một triều đại mới lại có thể xuất hiện từ năm 1843 đến năm 1854. Như vậy, cuộc cách mạng tháng Bảy 1854 không thể không có nghĩa là sự tấn công vào triều đại mới; nhưng việc bảo vệ I-da-be-la là vô tội thể hiện sự căm thù chung đối với mẹ của bà ta, và nhân dân rộn ràng vui sướng không những vì bản thân mình được giải phóng, mà còn vì I-da-be-la là cũng được giải phóng khỏi người mẹ và bọn gian thần.

Năm 1856, bức rèm nguy trang rơi xuống, và chính I-da-be-la đã tự đứng ra thách thức dân chúng bằng việc tiến hành coup d'état^{1*}, làm bùng nổ cuộc cách mạng. I-da-be-la đã tỏ ra là tàn bạo có tính toán và giả nhân nghĩa một cách hèn hạ, xứng đáng là con gái của Phéc-đi-năng VII, một kẻ mà bản thân cũng đối trá đến mức là mặc dù hết sức cuồng tín, y vẫn chưa bao giờ tin rằng những bậc cao quý như Giê-xu Ki-tô, và các sứ đồ của Giê-xu đã nói sự thật, dầu có dùng đến toà án tôn giáo cũng vậy. Cả vụ thảm sát dân Ma-đrít do Mui-rát gây ra vào năm 1808⁵⁴ xem ra cũng chỉ là một sự vi phạm nhỏ trật tự xã hội, không thấm vào đâu so với cuộc tàn sát ngày 14 - 16 tháng bảy mà I-da-be-la vô tội đã đứng nhìn với nụ cười trên môi. Những ngày ấy đã vang lên như một tiếng kèn đưa ma đối với chế độ quân chủ ở Tây Ban Nha. Chỉ có phái chính thống dân độn ở châu Âu mới có thể nghĩ rằng sau khi I-da-be-la sụp đổ thì Đôn Các-lốt sẽ thay thế bà ta. Họ luôn

1* đảo chính

luôn nghĩ rằng nếu như sự biểu hiện cuối cùng của một nguyên tắc nào đó mất đi thì cũng chỉ là nhằm làm cho sự biểu hiện ban đầu của nguyên tắc đó lại xuất hiện mà thôi.

Năm 1856, cách mạng Tây Ban Nha không những mất đi tính chất triều đại của nó, mà còn mất cả tính chất quân sự của nó nữa. Tại sao quân đội lại đóng một vai trò nổi bật như thế trong những cuộc cách mạng Tây Ban Nha, có thể giải thích điều đó bằng đôi lời ngắn gọn. Từ lâu đã tồn tại một hệ thống tướng - đại uý, hệ thống này biến các đại uý thành những thống đốc thực sự của tỉnh họ⁵⁵; cuộc chiến tranh chống Pháp giành độc lập đã biến quân đội không những thành công cụ chủ yếu của nền quốc phòng, mà còn thành một tổ chức cách mạng đầu tiên và thành trung tâm hoạt động cách mạng ở Tây Ban Nha; những vụ âm mưu năm 1815 - 1818 hoàn toàn xuất phát từ quân đội; cuộc chiến tranh triều đại năm 1833 - 1840⁵⁶, trong đó nhân tố quyết định ở cả hai phía đều là quân đội; tình thế cô lập của giai cấp tư sản tự do buộc nó phải để cho lưỡi lê của quân đội chĩa vào giới tu sĩ ở nông thôn và nông dân, những tình huống buộc Cri-xti-na và triều thần phải dùng tới lưỡi lê chống lại phái tự do, cũng như phái tự do phải dùng lưỡi lê chống lại nông dân; truyền thống này đã được hình thành do tất cả những tiền lệ ấy - đó là những nguyên nhân đã khiến cho cách mạng ở Tây Ban Nha mang tính chất quân sự và làm cho quân đội mang tính chất kiêu binh. Trước năm 1854, cách mạng bao giờ cũng nảy sinh từ trong quân đội, và những biểu hiện riêng biệt của nó trước thời kỳ ấy không thể hiện bất cứ sự khác biệt bên ngoài nào, trừ những sự khác biệt về cấp bậc trong quân đội, nơi đã nảy sinh ra những biểu hiện ấy. Thậm chí vào năm 1854, cuộc bùng nổ đầu tiên cũng xuất phát từ quân đội; song bản Tuyên ngôn Man-xa-na-rê-xơ của Ô'Đôn-nen⁵⁷ đã chứng tỏ rằng cái cơ sở làm nền tảng cho ưu thế của quân đội trong cách mạng Tây Ban Nha đã suy giảm biết nhường nào. Trong những điều kiện nào Ô'Đôn-nen rút cuộc đã có thể đình chỉ cuộc du ngoạn không úp mở của mình từ Vi-can-va-rô đến biên giới Bồ Đào Nha và đem quân đội quay trở lại Ma-đrít? Chỉ khi mà ông ta hứa giảm ngay số lượng quân đội, đưa vệ binh quốc gia vào thay thế quân đội và không cho phép các tướng lĩnh chia nhau những thành quả của cách mạng. Như vậy, nếu cuộc cách mạng năm 1854 giới hạn chỉ ở việc biểu hiện sự không tin cậy

của nó vào quân đội thì hai năm sau nó bị quân đội ấy tấn công khai và trực tiếp, lúc bấy giờ quân đội đã tỏ ra xứng đáng đứng cùng hàng với những tên lính Crô-át của Ra-dét-xki, với những tên lính châu Phi của Bô-na-pác-tơ và bọn Pô-mê-ra-ni của Vran-ghen⁵⁸. Quân đội Tây Ban Nha đánh giá tới mức nào cái vị trí vinh quang mới mẻ của mình, điều đó có thể thấy rõ qua cuộc nổi loạn nổ ra ngày 29 tháng Bảy của một trong những trung đoàn ở Ma-đrít, trung đoàn này không thoả mãn với những điều thuốc lá của I-da-be-la, đã bãi công để đòi những đồng năm phrăng và lạp xường của Bô-na-pác-tơ⁵⁹ và rút cuộc họ đã được nhận cả hai thứ.

Thế là, lần này quân đội đã hoàn toàn chống lại nhân dân hoặc, nói cho đúng hơn, nó chiến đấu chỉ để chống lại nhân dân và chống lại đội vệ binh quốc gia. Điều đó có nghĩa là sứ mệnh cách mạng của quân đội Tây Ban Nha đã chấm dứt. Ê-xpác-te-rô, con người mà trong đó biểu hiện tập trung cả tính chất quân sự, tính chất triều đại và tính chất tự do - tư sản của cách mạng Tây Ban Nha, thì giờ đây đã suy sụp xuống đến mức thấp hơn mức mà thậm chí cả những người biết tường tận con người đó nhất cũng không ngờ tới, mặc dù có tính đến những trở trêu của số phận. Nếu như phái Ê-xpác-te-rô lại dự định tập hợp lực lượng dưới sự lãnh đạo của Ô'Đôn-nen - như người ta đang đồn đại và rất có thể là như vậy - thì với việc làm đó bọn họ chỉ khẳng định sự tự sát của mình bằng hành động chính thức của chính họ. Họ sẽ không cứu được Ê-xpác-te-rô.

Cuộc cách mạng sắp tới ở châu Âu sẽ tìm thấy một Tây Ban Nha đã chín muồi cho các hành động phối hợp với nó. Những năm 1854 và 1856 là những giai đoạn chuyển tiếp mà Tây Ban Nha tất phải trải qua để đạt đến sự trưởng thành đó.

Do C. Mác viết vào đầu tháng Tám 1856

Đã đăng làm xã luận trên báo "New - York Daily Tribune" số 4783, ngày 18 tháng Tám 1856

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

*KHỦNG HOẢNG KINH TẾ Ở CHÂU ÂU

Nét nổi bật của thời kỳ hiện nay trong cơn sốt đầu cơ ở châu Âu là tính chất toàn diện của nó. Trước đây cũng đã từng có những cơn sốt đầu cơ: ngũ cốc, đồng sắt, mỏ, ngân hàng, bông sợi, tôm lại, là những cơn sốt đầu cơ đủ mọi loại; song, vào những thời kỳ khủng hoảng thương mại nghiêm trọng năm 1817, 1825, 1836, 1846-1847, mặc dù bấy giờ tất cả các ngành công nghiệp và thương mại đều đã bị động đến, nhưng chỉ một cơn sốt đầu cơ nào đó mang lại cho mỗi thời kỳ một màu sắc và tính chất riêng là có ưu thế. Mặc dù tinh thần đầu cơ đang bao trùm lên tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế, nhưng mỗi kẻ đầu cơ vẫn tự hạn chế trong lĩnh vực riêng của mình. Ngược lại, nguyên tắc chủ đạo của Crédit Mobilier, hiện thân của cơn sốt đầu cơ hiện nay, là đầu cơ không chỉ trong một lĩnh vực nhất định nào đó, mà là đầu cơ toàn diện và mở rộng hoạt động bịp bợm ra tất cả các ngành kinh tế với mức độ như mức nó được tập trung vào công ty... Ngoài cái đó, còn có một sự khác biệt nữa về nguồn gốc và sự phát triển của cơn sốt đầu cơ hiện nay, đó chính là cái mà nó đã bắt đầu không phải ở Anh, mà ở Pháp. Thế hệ các nhà đầu cơ Pháp hiện nay cũng có mối quan hệ đối với bọn đầu cơ Anh đã hoạt động trong những thời kỳ nói ở trên hết như mối quan hệ của các nhà thần luận Pháp thế kỷ XVIII đối với các nhà thần

luận Anh thế kỷ XVII. Một bên thì cung cấp chất liệu, còn bên kia thì tạo ra hình thức khái quát khiến cho thần học được truyền bá khắp thế giới văn minh ở thế kỷ XVIII. Dân Anh thích tự chúc mừng mình vì cái lò đầu cơ đã được chuyển từ hòn đảo tự do và sáng suốt của họ sang một đại lục hỗn độn đang bị bọn chuyên chế áp bức. Song, họ lại quên rằng họ đang phải lo lắng theo dõi như thế nào những bản quyết toán hàng tháng của Ngân hàng Pháp, những bản quyết toán đang ảnh hưởng tới số dự trữ vàng của Ngân hàng Anh chí thánh. Họ quên rằng chính tư bản Anh cung cấp phần lớn thần dược cho những động mạch chủ của các Crédit Mobilier châu Âu. Họ quên rằng việc mở rộng buôn bán quá mức và tình trạng sản xuất thừa ở Anh, những hiện tượng mà họ cho là "lạnh mạnh" và hiện nay họ đang tăng bốc khi nêu lên con số xuất khẩu đạt được vào khoảng 110000 000 p.xt., là hậu quả trực tiếp của nạn đầu cơ "không lạnh mạnh" trên đại lục mà giờ đây họ đang tố giác, cũng giống như đường lối tự do của họ trong những năm 1854 và 1856 là hậu quả của coup d'état của Bô-na-pác-tơ. Song, không thể phủ nhận một điều là người Anh không có lỗi trong việc sản xuất ra cái mớ hổ lốn kỳ khôi gồm chủ nghĩa xã hội đế chế, sự đầu cơ chứng khoán theo kiểu Xanh - Xi-mông và trò lừa bịp trong lĩnh vực triết học, mớ hổ lốn ấy đã tạo ra cái tổ chức mang tên là Crédit Mobilier. Hoàn toàn trái ngược với sự tinh vi này ở đại lục, hoạt động đầu cơ ở Anh đã trở về với những hình thức lừa bịp thô bạo nhất và cổ sơ nhất của mình, một sự lừa bịp trắng trợn, không tô vẽ và không có gì làm cho nó đỡ thô lỗ. Sự lừa bịp là điều bí mật của Pôn, Xtơ-ra-en và Bây-tơ, của ngân hàng Típ-pê-rê-ri của ngài Xát-lơ đã quá cố, của những hoạt động làm ăn lớn của Côn, Đây-vít-xơn và Goóc-đôn ở khu Luân Đôn Ci-ty; và sự lừa bịp vẫn là nội dung của câu chuyện đáng buồn mà lại giản dị về Ngân hàng hoàng gia Anh ở Luân Đôn.

Bọn giám đốc không cần phải tinh vi lắm để nuốt chửng số vốn của công ty thông qua thủ đoạn an ủi những cổ đông bằng những khoản lãi cổ phần cao và mê hoặc những người gửi tiền tiết kiệm và những cổ đông mới bằng những bản báo cáo bịp

bơm. Am hiểu các đạo luật của nước Anh, đó là tất cả những gì cần có để làm được việc đó. Vụ Ngân hàng hoàng gia Anh đã gây được ấn tượng mạnh mẽ chủ yếu không phải vì quy mô số vốn, mà chủ yếu vì số công chúng thấp cổ bé họng gồm những kẻ có cổ phần lẫn những người gửi tiết kiệm được lôi cuốn vào đó. Sự phân công lao động trong tổ chức kinh doanh này tưởng chừng hết sức giản đơn. Có hai nhóm giám đốc: một nhóm thấy hài lòng với việc bỏ vào túi 10000 đô-la tiền lương hàng năm được trả cho họ về việc họ không biết tí gì về nghiệp vụ ngân hàng và giữ được lương tâm của mình trong sạch, còn nhóm kia, thì thực sự quyết chí mong muốn quản lý được ngân hàng, nhưng chỉ là để trở thành khách hàng chính của nó hoặc, nói cho đúng hơn, là những tên móc túi nó. Bởi lẽ, về mặt vay mượn, nhóm giám đốc thứ hai này phụ thuộc vào người quản lý ngân hàng, cho nên nhóm này mở đầu ngay bằng việc cho người quản lý đó được vay cho chính mình. Ngoài người quản lý ra, họ còn phải lôi kéo cả viên thanh tra và viên cố vấn pháp lý của công ty vào bí mật của mình, bởi vậy hai người này cũng nhận được tiền đút lót dưới hình thức tiền vay. Thêm vào số tiền vay mà ngân hàng đã cấp cho chính bản thân họ và cho những người thân thích của họ, các giám đốc và người quản lý còn bỏ túi cả những khoản tiền vay đứng tên vô số người mạo danh. Hiện nay toàn bộ số tiền vốn đã thanh toán bao gồm 150000 p.xt., trong đó có 121840 p.xt. bị các giám đốc biến thủ một cách trực tiếp hoặc gián tiếp. Người sáng lập ra công ty, ông Mác-Grê-go, nghị sĩ, đại biểu của thành phố Gla-xgô và là tác giả nổi tiếng của những tác phẩm viết về ngành thống kê⁶⁰, đã nợ công ty 7362 p. xt.; - một giám đốc khác, ông Hăm-phri Brao, nghị sĩ, đại biểu của Tuyéc-xbê-ri, đã lợi dụng ngân hàng để trang trải những khoản chi phí tranh cử của mình, đã có lúc vay ngân hàng 70000 p.xt. và có lẽ ông ta vẫn còn nợ một khoản độ 50000 p.xt... Một người quản lý khác, ông Ca-me-rôn, đã nhận khoản tiền vay 30000 pao xtéc-linh.

Từ khi mới bắt đầu hoạt động, hàng năm ngân hàng mất đi 50000 p.xt; vậy mà hết năm này sang năm khác các giám đốc vẫn chúc mừng các cổ đông về sự phồn vinh của ngân hàng. Lãi cổ

phần 6% được trả theo từng quý, mặc dù, theo lời công bố của ông Côn-men, chuyên viên kế toán chính thức, thì những người có cổ phần lẽ ra hoàn toàn không được nhận một khoản lợi tức cổ phần nào. Chỉ mỗi mùa hè năm ngoái thôi, những người có cổ phần mới được nghe trình bày một bản quyết toán tài chính giả với số tiền trên 370000 p.xt., trong đó các khoản tiền cung cấp cho Mác - Grê-go, Hăm-phri Brao, Ca-me-rôn và đồng bọn đã được ghi dưới đề mục mập mờ của những chứng khoản để bán. Khi ngân hàng hoàn toàn không có khả năng trả nợ nổi thì người ta phát hành những cổ phiếu mới kèm theo những bản báo cáo đầy lạc quan về kết quả các hoạt động của nó và bản nghị quyết tín nhiệm các giám đốc. Việc phát hành cổ phiếu mới này tuyệt nhiên không được xem như một phương sách tuyệt vọng cuối cùng để đưa ngân hàng ra khỏi tình trạng gay go, mà chỉ là một nguồn mới để các giám đốc xoay xở. Mặc dù một trong những điều khoản của điều lệ ngân hàng này cấm nó buôn bán cổ phiếu của chính mình, song rõ ràng vẫn tồn tại một cách làm thường xuyên là gán những cổ phiếu của chính ngân hàng cho ngân hàng dưới hình thức những sự bảo đảm, một khi những cổ phiếu này bị mất giá trong tay các giám đốc. Tại hội nghị những cổ đông, một người trong số các giám đốc, ông Ô-oen đã kể như sau về việc "bộ phận trung thực" trong bọn họ tưởng như bị lừa dối:

"Khi mọi việc chuẩn bị để khai trương cơ quan này đã xong thì ông Ca-me-rôn được bổ nhiệm làm người quản lý của chúng tôi, và chẳng bao lâu sau đã thấy rõ rằng nếu cử ra một người làm quản lý mà trước đây chưa từng có quan hệ với một ngân hàng nào ở Luân Đôn thì thật là tai họa biết chừng nào. Vì thế mà vô vàn khó khăn đã nảy sinh. Tôi sẽ kể những gì đã diễn ra cách đây hơn hai năm, khi tôi rời bỏ ngân hàng này. Thậm chí trước hôm ra đi, tôi vẫn chưa biết là có một cổ đông duy nhất nào đã nợ ngân hàng một số tiền 10000 p.xt. về các nghiệp vụ chiết khấu hoặc tiền vay hay không. Có lúc tôi đã nghe được dư luận rằng có những đơn khiếu nại nào đó về việc có người trong bọn họ đã nợ một món tiền lớn về kỳ phiếu chiết khấu, và tôi đã hỏi một kế toán viên về điều đó. Song, tôi được người ta trả lời rằng, sau khi tôi ra khỏi cửa phòng làm việc thì công việc ngân hàng không còn liên quan gì đến tôi nữa. Ông Ca-me-rôn đã nói là không ai trong các giám đốc phải xuất trình trước ban giám đốc kỳ phiếu riêng của mình

để kiểm kê. Ông tuyên bố rằng những kỳ phiếu này phải gửi cho người quản lý, bởi vì nếu xuất trình chúng trước ban giám đốc thì những nhà buôn lớn sẽ chẳng bao giờ giao dịch với chúng ta về công việc ngân hàng nữa. Tôi vẫn không rõ điều đó cho đến lúc ông Ca-me-rôn ốm nặng đến mức người ta lo cho tính mệnh ông. Lợi dụng lúc ông ta ốm, chủ tịch và một số vị giám đốc khác, nhờ tìm hiểu như thế nào đó, đã phát hiện ra rằng ông Ca-me-rôn có một cuốn sách được bảo quản bằng khóa riêng mà chúng tôi trước đây chưa hề trông thấy. Khi ông chủ tịch mở cuốn sách này ra, thì tất cả chúng tôi đều vô cùng kinh ngạc".

Cần phải đánh giá công bằng về ông Ca-me-rôn, ông ta không đợi tới lúc đó những hậu quả của những phát hiện này, ông ta đã rời bỏ nước Anh một cách rất mau lẹ để đề phòng bất trắc.

Một trong những vụ áp phe thật khác thường và độc đáo của Ngân hàng hoàng gia Anh là mối liên hệ của nó với các nhà máy sắt thép ở Oen-xơ. Trong khi số vốn đã thanh toán của công ty chỉ vền vẹn là 50000 p.xt., thì những khoản tiền vay cấp chỉ riêng cho các nhà máy đó đã đạt tới con số từ 70000 đến 80000 pao xtéc-linh. Khi lần đầu tiên công ty bắt tay vào việc nắm lấy xí nghiệp sắt thép ấy thì nó đã ở tình trạng bất lợi đối với việc khai thác. Khi người ta vực được nó dậy bằng cách đầu tư cho nó một khoản độ 50000 p.xt; thì cái xí nghiệp này lại rơi vào tay một ông Glác nào đó, ông ta đã sử dụng nó "trong một thời gian nào đó", rồi lại đẩy nó về với ngân hàng, "sau khi đã đoán chắc rằng ông ta khước từ cả một tài sản lớn", thực ra thì ông ta đã để lại cho ngân hàng thêm một món nợ 20000 p.xt. về "xí nghiệp ấy". Như vậy, cứ hề thoảng có triển vọng thu được lợi nhuận của ngân hàng thì xí nghiệp này lại rời bỏ ngân hàng, còn khi phải nhận tiền vay mới thì nó lại quay về với ngân hàng. Các giám đốc định cứ tiếp tục cái trò chơi này thậm chí cho đến tận giờ phút cuối cùng buộc phải thú nhận, họ cứ khẳng khẳng chứng minh khả năng sinh lợi của các nhà máy mà theo họ, mỗi năm dường như có thể mang lại 16000 p.xt., và họ quên rằng cứ mỗi năm công ty tồn tại, các nhà máy này tiêu tốn của các cổ đông 17742 pao xtéc-linh. Giờ đây sắp phải giải thể công ty theo quyết định của Tòa thượng thẩm⁶¹. Song, trước khi xảy ra điều đó thì tất cả những vụ phiêu lưu của

Ngân hàng hoàng gia Anh đã bị trận đại hồng thủy của cuộc tổng khủng hoảng ở châu Âu cuốn đi.

Do C.Mác viết vào khoảng ngày 26 tháng Chín 1856

Đã đăng làm xã luận trên báo "New-York Daily Tribune" số 4828, ngày 9 tháng Mười 1856

In theo bản đăng trên báo Nguyên văn là tiếng Anh

C.MÁC

KHỦNG HOẢNG TIỀN TỆ Ở CHÂU ÂU

Luân Đôn, ngày 3 tháng Mười 1856

Cuộc tổng khủng hoảng thương mại xuất hiện ở châu Âu vào khoảng mùa thu năm 1847 và kéo dài đến mùa xuân năm 1848, mở đầu bằng cơn hoảng loạn trên thị trường tiền tệ Luân Đôn, bắt đầu vào những ngày cuối tháng Tư và đạt tới đỉnh cao của nó vào ngày 4 tháng Năm 1847. Trong suốt những ngày ấy tất cả những giao dịch tiền tệ hoàn toàn bị đình đốn; song, bắt đầu từ ngày 4 tháng Năm, sự căng thẳng đã giảm bớt đến mức các thương gia và nhà báo vui mừng chúc tụng nhau là cơn hoảng loạn chỉ có tính chất hoàn toàn ngẫu nhiên và tạm thời thôi. Thế nhưng chỉ vài tháng sau lại bùng nổ cuộc khủng hoảng thương mại và công nghiệp mà so với nó, cơn hoảng loạn tiền tệ chỉ là triệu chứng và điềm báo trước.

Hiện nay trên các thị trường tiền tệ châu Âu người ta nhận thấy một sự sôi động tống tự như cuộc hoảng loạn năm 1847. Song, ở đây không phải là sự giống nhau hoàn toàn. Cuộc hoảng loạn năm 1847 thì chuyển động từ Tây sang Đông, từ Luân Đôn qua Pa-ri tới Béc-lin và Viên, còn cuộc hoảng loạn hiện nay lại chuyển từ Đông sang Tây. Khởi đầu ở Đức, từ đây nó lan sang Pa-ri và cuối cùng sang đến Luân Đôn. Lúc bấy giờ, bước phát triển chậm chạp của nó đã làm cho cuộc hoảng loạn mang tính chất

cục bộ; hiện nay thì sự lan rộng nhanh chóng của nó khiến cho nó bộc lộ ra ngay tính chất phổ biến của nó. Lúc bấy giờ, nó kéo dài một tuần hoặc khoảng chừng ấy thời gian, hiện giờ thì nó kéo dài đã ba tuần rồi. Lúc ấy chỉ một số người dự đoán rằng nó là điềm dự báo của một cuộc tổng khủng hoảng; hiện nay thì không ai nghi ngờ điều đó cả, trừ những người Anh nào tưởng rằng họ làm ra lịch sử qua việc đọc báo "Times". Lúc đó ngay cả những nhà chính trị nhìn xa thấy rộng nhất cũng chỉ lo ngại là sẽ lặp lại những cuộc khủng hoảng năm 1825 và 1836, giờ đây thì họ lại tin chắc rằng trước mặt họ sắp có một sự tái hiện mới có bổ sung, không những cuộc khủng hoảng năm 1847, mà cả những cuộc cách mạng năm 1848.

Nỗi lo lắng của các giai cấp bên trên ở châu Âu cũng lớn như sự thất vọng của họ. Từ giữa năm 1849, họ hoàn toàn làm chủ được tình hình, và chỉ có chiến tranh^{1*} là đám mây duy nhất ở phía chân trời xã hội của họ. Giờ đây, khi chiến tranh đã kết thúc hoặc được coi là kết thúc, thì ở khắp nơi họ đều đụng phải chính những điều mà người Anh đã vấp phải sau trận Oa-téc-lô và sau hoà ước năm 1815, khi những thông báo về tình trạng sa sút trong nông nghiệp và công nghiệp bắt đầu xuất hiện thay vì những bulletins^{2*} chiến sự. Nhằm mục đích giải nguy cho tài sản của mình, lúc ấy họ đã làm tất cả những gì có thể làm để trấn áp quần chúng và đè bẹp cách mạng. Giờ đây thì họ tin tưởng rằng chính mình là công cụ của cách mạng trong các quan hệ sở hữu, hơn nữa, lại là cuộc cách mạng còn lớn hơn cuộc cách mạng mà các nhà cách mạng năm 1848 đã nói đến. Họ đang đứng trước sự phá sản chung mà như họ đã biết rõ, tất phải trùng với ngày thanh toán tại trung tâm lớn của tư bản cho vay ở Pa-ri. Cũng như người Anh, sau năm 1815, khi Ca-xlê-ri, "con người luôn luôn kiên trì nghĩa vụ" đã cắt cổ tự sát, họ lấy làm kinh ngạc nhận ra rằng ông ta đã bị điên, - cũng như vậy, bọn đầu cơ ở Sở giao dịch của châu Âu cũng bắt đầu tự hỏi mình là trước lúc cái đầu của Bô-na-pác-tơ rụng xuống thì, nói chung, có lúc nào đó Bô-na-pác-tơ

1* - Chiến tranh Crim

2* - Bản tin

có đầu óc tỉnh táo hay không. Bọn họ biết rằng tất cả các thị trường đều tràn ngập hàng nhập khẩu; rằng tất cả những tầng lớp trong các giai cấp hữu sản, thậm chí những tầng lớp trước đây chưa hề bị nhiễm phải bệnh này, thì bây giờ đã bị cuốn hút vào vòng xoáy của cơn bão táp đầu cơ; rằng vùng xoáy này không hề bỏ qua một nước nào ở châu Âu và các chính phủ đã vắt kiệt khả năng của những người nộp thuế cho họ. Năm 1848 những sự kiện đã trực tiếp gây ra cuộc cách mạng đều mang tính chất thuần túy chính trị, đó là: những bữa yến tiệc cổ vũ cải cách ở Pháp, cuộc chiến tranh của Đồng minh đặc biệt ở Thụy Sĩ, những cuộc bàn cãi ở Nghị viện bang liên hợp ở Béc-lin, những cuộc hôn nhân Tây Ban Nha, những cuộc tranh cãi xung quanh vấn đề Slê-dơ-vích - Hôn-stai-nơ⁶² v.v., và khi những người lính của cách mạng - công nhân Pa-ri - tuyên bố cuộc Cách mạng năm 1848 là cuộc cách mạng xã hội, thì các tướng lĩnh của nó, cũng như toàn bộ các giới khác đều bị bất ngờ. Ngược lại, giờ đây, ngay trước lúc cuộc cách mạng chính trị được tuyên bố thì mọi người đều nghĩ rằng cách mạng là cách mạng xã hội, hơn nữa, đó là cuộc cách mạng không phải do những cuộc âm mưu bí mật của những hội bí mật trong công nhân gây nên, mà là do những âm mưu được tiến hành công khai của các Crédit Mobiliers khác nhau của chính những giai cấp cầm quyền gây nên. Vì vậy, nỗi lo lắng của các giai cấp bên trên ở châu Âu lại cộng thêm niềm cay đắng khi họ ý thức được rằng chính những thắng lợi của họ đối với cách mạng chỉ góp phần tạo nên vào năm 1857 những điều kiện vật chất để thực hiện những khuynh hướng đã chỉ tồn tại trên lý tưởng hồi năm 1848. Như vậy, toàn bộ thời kỳ từ giữa năm 1849 cho đến nay chỉ đơn thuần là thời gian tạm nghỉ mà lịch sử đã dành cho xã hội châu Âu cũ, nhằm giúp cho họ có thể thể hiện lần cuối cùng một cách tập trung tất cả các khuynh hướng của mình. Trong chính trị thì đó là khuynh hướng sùng bái gươm giáo, còn trong đạo lý thì là tình trạng mua chuộc phổ biến và quay lại một cách giả nhân giả nghĩa về với những điều mê tín dị đoan đã bị vạch trần; trong khoa kinh tế chính trị thì có khuynh hướng say mê làm giàu mà không phải bỏ sức lao động để sản xuất, - đó là những khuynh hướng đang được xã hội này thể hiện trong thời

kỳ có những cuộc hoan lạc phản cách mạng vào những năm 1849-1856.

Mặt khác, nếu chúng ta so sánh hậu quả của cơn khủng hoảng tiền tệ ngắn ngủi này với hậu quả những lời tuyên bố của Mát-di-ni và những lời tuyên bố khác, thì toàn bộ lịch sử về những ảo tưởng của các nhà cách mạng thường trực, bắt đầu từ năm 1849, sẽ mất ngay tức khắc tính huyền bí của nó. Họ không hiểu gì về đời sống kinh tế của các dân tộc, họ không hiểu gì về những điều kiện thực tế của sự phát triển lịch sử, và khi cuộc cách mạng mới bùng nổ thì họ có quyền hơn cả Pi-lát, có thể phủ tay và tuyên bố rằng họ vô tội trong cuộc đổ máu.

Chúng tôi đã nói, cuộc khủng hoảng tiền tệ hiện nay ở châu Âu xuất hiện đầu tiên ở nước Đức. Các tờ báo của Bô-na-pác-tơ đã vội vàng chụp lấy điều đó để làm cho chế độ của họ khỏi bị nghi ngờ là đã dính líu, dù chỉ là chút đỉnh, vào việc gây nên nổi kinh hoàng ấy.

Tờ báo "Constitutionnel"⁶³ ở Pa-ri viết:

"Chính phủ đã cố gắng kìm hãm tinh thần kinh doanh, ngay cả sau khi ký kết hoà ước, bằng cách hoãn việc dành một số hợp đồng tô nhượng mới và cấm thực hiện những dự án mới dựa vào Sở giao dịch. Rủi thay, nó không thể làm được gì hơn, nó không thể ngăn được tất cả những sự thái quá. Song, do đâu mà nảy sinh những sự thái quá đó? Nếu một phần những việc làm thái quá ấy cũng nảy sinh trên thị trường Pháp, thì dĩ nhiên chỉ là phần nhỏ hơn. Do tinh thần cạnh tranh nên có lẽ những công ty đường sắt của chúng ta đã quá vội phát hành những tín phiếu, mà tiền bán được những tín phiếu đó đã được dùng vào việc mở rộng mạng lưới đường sắt. Song điều đó ắt hẳn không gây ra những khó khăn, nếu như không có nhiều xí nghiệp đột nhiên xuất hiện ở nước ngoài. Đặc biệt là nước Đức, một nước không tham chiến, đã vội vã tìm cách xây dựng những xí nghiệp đủ mọi loại. Vì không có đủ nguồn dự trữ tự có, nên họ đã nhờ cậy vào nguồn của chúng ta, và cũng vì thị trường chính thức đã đóng cửa đối với họ, nên các nhà đầu cơ của nước ta đã mở đường cho họ đi vào hoạt động giao dịch chợ đen. Như vậy là nước Pháp đã trở thành một trung tâm của các hoạt động đầu cơ của chủ nghĩa thế giới, những vụ đầu cơ này có thể làm giàu cho các nước khác trên lưng những lợi ích dân tộc của nước Pháp. Do đó việc cung ứng vốn trên thị trường tiền tệ của chúng ta giảm xuống, còn những chứng khoán của chúng ta

vì ít được mua hơn nên bị mất giá, một sự mất giá khiến cho công chúng kinh ngạc trong điều kiện còn có biết bao yếu tố của sự giàu có và phồn vinh".

Sau khi đưa ra một kiểu mẫu về những lời lẽ phi lý trang trọng của hoàng đế về nguyên nhân cuộc khủng hoảng của châu Âu, chúng tôi không thể lại không nêu ra một ví dụ về cái kiểu đối lập được cho phép dưới thời Bô-na-pác-tơ:

"Có thể phủ nhận sự tồn tại của khủng hoảng", - tờ báo "Assemblée Nationale"⁶⁴ tuyên bố, - song, không thể không thừa nhận một sự thật là sự phồn vinh đã phần nào giảm sút, nếu xét đến một sự giảm sút gần đây về thu nhập của đường sắt chúng ta, về các khoản tiền vay ngân hàng lấy kỳ phiếu thương mại làm bảo đảm và sự giảm sút tiền thuế xuất khẩu trong bảy tháng đầu năm nay ở mức hai mươi lăm triệu phrăng".

Thế là, ở Đức tất cả những phần tử tích cực của giai cấp tư sản từ thời kỳ phản cách mạng năm 1848 đã cống hiến toàn bộ sức lực của mình cho hoạt động công - thương nghiệp chẳng khác nào bộ phận trí thức nước ta vì khoa học tự nhiên mà đã từ bỏ triết học. Do đứng trung lập trong cuộc chiến tranh, nên người Đức đã tích lũy được trong thời gian chiến tranh một số vốn ngang với số vốn mà láng giềng của họ là người Pháp đã mất đi trong chiến tranh. Sau khi phát hiện ra tình hình đó ở người Đức, và nhận thấy công nghiệp phát triển nhanh và sự tích lũy tư bản của họ thì Crédit Mobilier của Pháp đành phải thừa nhận rằng người Đức là đối tượng thích hợp với những nghiệp vụ kinh doanh của mình, bởi vì sự liên minh thụ động giữa Bô-na-pác-tơ với nước Áo đã thu hút sự chú ý của công ty này vào những lĩnh vực chưa được nghiên cứu ở Áo, Hung-ga-ri và I-ta-li-a. Tuy nhiên, dù đã nêu lên một mẫu mực và đặt cơ sở cho việc đầu cơ ở Đức, chính bản thân Crédit Mobilier đã phải sững sốt trước những vụ bội thu của những cơ quan đầu cơ và tín dụng mà Crédit Mobilier đã thúc đẩy cho chúng ra đời. Vào những năm 1855-1856 người Đức nhận được những điều lệ bịp bợm thật hoàn hảo của các Crédit Mobiliers của Pháp, cũng giống như vào năm 1831 họ nhận của nước Pháp những bản hiến pháp chính trị có sẵn⁶⁵. Một người Pháp ở thế kỷ mười bảy hẳn đã lấy làm kinh ngạc khi thấy cung điện của Lu-i XIV được xây dựng lại với quy mô

gấp trăm lần ở bờ bên kia sông Ranh; người Pháp trong mười năm gần đây cũng kinh ngạc không kém khi thấy ở Đức có sáu mươi hai quốc hội, mà bản thân họ thì chật vật lắm mới để ra được vẹn vẹn một quốc hội. Rút cuộc nước Đức tuyệt nhiên không phải là một nước phân quyền, chỉ có điều là sự tập trung ở nước này là sự tập trung mang tính chất phân quyền, vì thế nên có vô số trung tâm thay cho một trung tâm thôi. Vì vậy, đất nước này hoàn toàn thuận lợi để trong một thời gian ngắn nhất và trên mọi phương hướng thực hiện mọi mảnh lối mà Crédit Mobilier đã dạy cho nó, cũng giống như các kiểu y phục thời trang Pa-ri được phổ biến ở Đức nhanh hơn ở Pháp. Đây là nguyên nhân trực tiếp làm cho khủng hoảng này sinh trước tiên và lan rộng hơn hết ở Đức. Trong một bài sau, chúng tôi sẽ trình bày lịch sử của cuộc khủng hoảng này cũng như trình bày những nguyên nhân trực tiếp làm nảy sinh ra nó.

*Do C.Mác viết ngày 3 tháng Mười
1856
Đã đăng trên báo "New-York Daily
Tribune" số 4833, ngày 15 tháng
Mười 1856*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

*NHỮNG NGUYÊN NHÂN PHÁT SINH KHỦNG HOẢNG TIỀN TỆ Ở CHÂU ÂU

Cuộc khủng hoảng tiền tệ ở Đức, - bắt đầu vào khoảng giữa tháng Chín năm nay, - đã đạt đến đỉnh cao vào ngày 26 cũng tháng này, sau đó nó bắt đầu yếu dần, giống như cuộc khủng hoảng tiền tệ ở Anh năm 1847, lúc đầu bùng ra vào cuối tháng Tư và dịu dần sau ngày 4 tháng Năm, ngày mà nó lên tới tột đỉnh. Bấy giờ một số nhà ngân hàng chính ở Luân Đôn, nhằm mục đích tạo ra một khoảng thời gian lắng dịu nào đó vào lúc có khủng hoảng, đã phải chịu những hy sinh, điều đó đã mở đầu cho một tai họa mà chúng gặp phải một vài tháng sau. Những kết quả tương tự chẳng bao lâu cũng sẽ bộc lộ ra cả ở Đức, vì nguyên nhân cơ bản của cuộc khủng hoảng ở đây không phải là do thiếu phương tiện lưu thông mà là do sự mất cân đối giữa tư bản nhàn rỗi và quy mô rộng lớn của những doanh nghiệp công nghiệp, thương nghiệp và đầu cơ có sẵn lúc đó. Biện pháp để giúp khắc phục tạm thời cơn khủng hoảng là nâng lãi suất chiết khấu ở các ngân hàng chính phủ, các ngân hàng cổ đông và ngân hàng tư nhân; một số trong các ngân hàng ấy đã nâng lãi suất chiết khấu của họ lên tới 6%, thậm chí có vài ngân hàng nâng tới mức 9%. Do việc nâng lãi suất chiết khấu như vậy mà bệnh chảy máu vàng được chặn đứng lại, việc nhập sản phẩm nước ngoài bị tê liệt, tư bản nước

ngoài bị lôi cuốn bởi cái mồi lãi suất cao, những món nợ chưa thanh toán lại bị đòi, Crédit Mobilier của Pháp một tháng trước đó trả cho những khoản tiền đóng góp theo các chứng khoán đường sắt ở Đức của nó bằng những kỳ phiếu hữu nghị, thì giờ đây buộc phải trả bằng tiền mặt, và Pháp bấy giờ nói chung buộc phải thanh toán cán cân nhập khẩu của nó về ngũ cốc và lương thực bằng tiền kim loại. Như vậy, cơn khủng hoảng tiền tệ ở Đức đã ảnh hưởng ngược trở lại đến nước Pháp, ở đây nó lập tức mang một hình thức đáng sợ hơn. Theo gương các Ngân hàng Đức, Ngân hàng Pháp đã nâng lãi suất chiết khấu của mình lên 6%, -việc nâng lãi suất này đã khiến nó ngay ngày 30 tháng Chín phải yêu cầu Ngân hàng Anh cho vay số tiền trên một triệu pao xéc-linh. Do đó, ngày 1 tháng Mười, Ngân hàng Anh nâng lãi suất chiết khấu của mình lên 5%, thậm chí cũng chẳng đợi cuộc họp thường kỳ các giám đốc vào những ngày thứ năm hàng tuần - đây là biện pháp chưa từng áp dụng kể từ khi nổ ra cuộc khủng hoảng tiền tệ năm 1847. Mặc dù nâng lãi suất lên như vậy, nhưng hàng ngày, 40000 p.xt. vàng vẫn tiếp tục chảy ra từ các hầm của phố Tô-rét-nít⁶⁶, còn Ngân hàng Pháp thì mỗi ngày buộc phải bỏ ra gần 6000000 phrăng tiền kim loại, trong khi đó thì xưởng đúc tiền sản xuất mỗi ngày được có 3000000 phrăng, trong số đó chỉ có khoảng 120000 phrăng là tiền đúc bằng bạc. Để khắc phục ảnh hưởng tai hại của Ngân hàng Pháp đối với dự trữ vàng của Ngân hàng Anh, độ một tuần sau Ngân hàng Anh lại nâng lãi suất chiết khấu của mình lên tới 6% cho những kỳ phiếu có thời hạn 60 ngày và 7% cho kỳ phiếu có thời hạn dài hơn. Đáp lại sự nhả nhận này, ngày 6 tháng Mười, Ngân hàng Pháp ra một quy định mới, theo đó, nó khước từ không chiết khấu bất cứ kỳ phiếu nào có thời hạn quá 60 ngày và tuyên bố rằng nó sẽ không cho vay vượt quá mức 40% dưới hình thức chứng khoán có giá và vượt quá mức 20% dưới hình thức cổ phần đường sắt, và cũng chỉ cho vay với thời hạn một tháng. Song, mặc dầu đã áp dụng tất cả những biện pháp đó, Ngân hàng Anh vẫn không thể nào ngăn chặn được tình trạng vàng chạy sang Pháp, cũng như Ngân hàng Pháp không thể làm dịu được cơn khủng hoảng ở Pa-ri hoặc giảm được số tiền kim loại chạy sang các miền khác trên lục địa

châu Âu. Mức độ nghiêm trọng của cơn khủng hoảng ở Pháp đã được chứng minh qua việc giảm thị giá các cổ phiếu của Crédit Mobilier từ 1680 phrăng (định giá ngày 29 tháng Chín) xuống còn 1465 phrăng (ngày 6 tháng Mười), nghĩa là giảm đi 215 phrăng trong vòng tám ngày, hơn nữa, cho đến ngày 9 tháng Mười, mặc dù đã cố gắng hết sức vẫn không nâng được trị giá cổ phiếu thêm quá 15 phrăng. Chẳng cần phải nói cũng rõ, chứng khoán nhà nước có trả lãi cũng bị sụt giá theo. Còn gì nực cười hơn những lời than vãn chua chát của người Pháp về việc tư bản của họ chạy sang Đức, sau những lời quả quyết khoắc lác mà chúng ta đã nghe thấy từ cửa miệng ông I-xắc Pê-rây-rô, nhà sáng lập vĩ đại của Crédit Mobilier, rằng tuồng như tư bản Pháp được phú cho cái đặc tính toàn cầu. Trong cơn bối rối như gà mắc tóc ấy thì gã phù thủy vĩ đại của nước Pháp, Na-pô-lê-ông III, đã chế một liều thuốc vạn năng. Ông ta cấm báo chí nói đến cuộc khủng hoảng tài chính; thông qua những tên sen đầm của mình, ông ta nói bóng gió với những kẻ dối chác tiền rằng, nên gỡ khỏi tủ kính của chúng những tờ quảng cáo mua bạc có thưởng; và cuối cùng trên tờ báo "Moniteur" của mình, ngày 7 tháng Mười, ông ta cho đăng một bản báo cáo đứng tên bộ trưởng bộ tài chính của ông ta gửi cho chính ông ta, trong đó khẳng định rằng mọi chuyện thật là tốt đẹp và chỉ có công chúng đánh giá không đúng các sự kiện mà thôi. Thật không may, hai hôm sau trên sân khấu bất thần xuất hiện vị tổng giám đốc Ngân hàng Pháp với những số liệu sau đây trong bản báo cáo hàng tháng của ông ta:

	Tháng Mười (Tính bằng Phrăng)	Tháng Chín
Tiền mặt trong quỹ	77062910	113126401
Tiền mặt ở các chi nhánh	89407036	122676090
Các kỳ phiếu đã chiết khấu tại ngân hàng.....	271955426	221308498
Các kỳ phiếu đã chiết khấu tại các chi nhánh của ngân hàng	239623602	217829320
Tiền thưởng cho việc mua vàng và bạc	2128594	1496313
Nói cách khác, trong vòng một tháng mà số lượng tiền mặt trong		

quỹ giảm 69332545 phrăng, chiết khấu kỳ phiếu tăng thêm 72441210 phrăng, thế mà số tiền thưởng trả cho việc mua vàng và bạc lại vượt 632281 phrăng so với con số của tháng Chín. Cũng lại là điều không may là việc cất giữ kim loại quý hiện nay ở người Pháp đã đạt tới quy mô chưa từng có và những tin đồn rằng ngân hàng có thể đình chỉ việc trả bằng tiền kim loại cứ mỗi ngày một lan rộng. Sự can thiệp của Na-pô-lê-ông vào các hoạt động trên thị trường tiền tệ tỏ ra có hiệu quả gần ngang với hiệu quả sự tác động của ông ta vào nước sông Loa-rơ ở những vùng bị ngập lụt⁶⁷.

Cuộc khủng hoảng hiện nay ở châu Âu còn thêm rắc rối bởi tình trạng kim loại quý chạy ra ngoài - triệu chứng thông thường báo trước những chấn động thương mại - lại diễn ra đan xen với việc vàng mất giá so với bạc. Bất chấp nhân tố này hay nhân tố khác của công - thương nghiệp, sự mất giá này không thể không thúc đẩy những nước có chế độ song kim bản vị, và ở đây vàng cũng như bạc đều phải được dùng để thanh toán theo những tỉ lệ được pháp luật quy định, nhưng lại bị các sự kiện kinh tế bác bỏ, - không thể không thúc đẩy các nước ấy xuất khẩu bạc sang những thị trường có vàng làm bản vị và có giá bạc chính thức không thấp hơn giá thị trường của nó. Vì tình hình ở Pháp và ở Anh là tương ứng như vậy, cho nên dĩ nhiên bạc phải chạy từ Pháp sang Anh, còn vàng thì chạy từ Anh sang Pháp, chừng nào tiền bằng bạc ở Pháp chưa được thay thế bằng tiền vàng. Một mặt, rõ ràng là sự thay thế một phương tiện lưu thông thông thường như thế ắt là gặp phải những khó khăn tạm thời, song có thể khắc phục những khó khăn ấy, hoặc bằng cách lấy vàng làm bản vị và loại bạc ra khỏi lưu thông như người ta đã làm, hoặc không dùng vàng làm tiền và lấy bạc làm bản vị duy nhất, như người ta đã làm năm 1851 ở Hà Lan và mới đây ở Bỉ. Mặt khác, hiển nhiên là nếu như không phải là sự tác động của những nhân tố khác, ngoài sự mất giá của vàng so với bạc, thì việc bạc chảy cuộn cuộn từ khắp châu Âu và châu Mỹ hẳn đã tự nó trở nên trung hoà và tự nó trở nên vô hiệu, bởi vì việc giải phóng bất thần và loại bỏ khỏi lưu thông một khối lượng bạc như thế trong khi thiếu một bể chứa đặc biệt để chứa đựng nó, thì tất phải

làm cho nó hạ giá so với vàng, vì rằng giá thị trường của bất cứ hàng hóa nào cũng được tạm thời quy định bởi tương quan giữa cung và cầu, và chỉ trung bình trong vòng ít năm mới được quy định bởi chi phí sản xuất. Việc không dùng vàng làm tiền tệ tại các ngân hàng Hà Lan và Bỉ có thể chỉ ảnh hưởng rất ít đến giá trị của bạc, bởi vì nó là phương tiện trao đổi chính yếu ở các nước này, và vì rằng sự thay đổi này mang tính chất pháp lý hơn là tính chất kinh tế. Tuy nhiên, có thể nghĩ rằng những thay đổi này đã mở ra một thị trường nhỏ cho lượng cung về bạc và như vậy giảm được phần nào khó khăn.

Thật ra, trong vòng bốn hoặc năm tháng lại đây số lượng tiền kim loại ở Ngân hàng quốc gia Áo tăng từ 20000000 lên đến 43000000 đô-la; toàn bộ số tiền đó được bảo quản trong các hầm chứa của ngân hàng, bởi vì nước Áo vẫn chưa phục hồi chế độ thanh toán bằng tiền kim loại. Trong số tăng thêm 23000000 đô-la ấy, phần chủ yếu nhận từ Pa-ri và Đức, là những khoản tiền trả về những đường sắt mà Crédit Mobilier đã mua. Điều đó dĩ nhiên là một trong những nguyên nhân gây ra bệnh chảy máu bạc gần đây, song sẽ là sai lầm nếu như lại coi điều đó - trong một chừng mực đáng kể nào đó, - là lý do gây ra những hiện tượng nảy sinh gần đây trên thị trường tiền tệ. Không nên quên rằng từ năm 1848 đến năm 1855 người ta đã tung ra trên thị trường tiền tệ thế giới 105 triệu p.xt. vàng được khai thác ở Cali-phoóc-ni-a và ở Ô-xtrây-li-a, chưa kể số vàng khai thác được ở Nga và ở các nguồn cung cấp khác đã hoạt động từ lâu. Phái mậu dịch tự do lạc quan nhất thì cho rằng trong số một trăm linh năm triệu dùng vào việc phát triển hiện nay của thương nghiệp người ta cần đến năm mươi hai triệu là tiền, là dự trữ ngân hàng, là vàng thoi để thăng bằng cán cân thanh toán và để thanh toán qua lại trong buôn bán giữa các nước, hoặc để chế tạo các đồ trang sức. Còn năm mươi ba triệu còn lại thì, theo ý kiến của Phái mậu dịch tự do, - và chúng tôi nghĩ là ít hơn khá nhiều so với con số thực tế - con số ấy chỉ thay thế được cho số lượng bạc mà trước đây đã sử dụng ở Mỹ và Pháp: mười triệu ở Mỹ và bốn mươi ba triệu ở Pháp. Sự thay thế đó đã diễn ra thế nào, thì điều đó có thể thấy được qua các báo cáo chính thức của cơ

quan thuế quan về sự vận động của vàng và bạc ở Pháp trong năm 1855:

<i>Lượng vàng nhập năm 1855</i>	<i>Lượng bạc nhập năm 1855</i>
Vàng nén..... 11045268 p.xt.	Bạc nén 1717459 p.xt.
<i>Tiền đúc bằng vàng</i> . 306 887 p.xt.	<i>Tiền đúc bằng bạc</i> 3121250 p.xt.
Tổng cộng..... 15352 155 p.xt.	Tổng cộng..... 4838709 p.xt.

<i>Lượng vàng xuất năm 1855</i>	<i>Lượng bạc xuất năm 1855</i>
Vàng nén..... 203544 p.xt.	Bạc nén 3 067 229 p.xt.
Tiền đúc bằng vàng 6306060	Tiền đúc bằng bạc 9783345 p.xt.
Tổng cộng..... 6509604 p.xt.	Tổng cộng..... 12850 574 p.xt.
Vàng nhập siêu 8 842 551 p.xt.	Bạc nhập siêu..... 8 011 865 p.xt.

Như vậy, không ai có thể khẳng định rằng việc giải phóng một số lượng bạc lớn đến như thế (năm mươi ba triệu pao xtéc-linh) lại là do những thay đổi trong lưu thông tiền tệ ở Pháp và ở Mỹ, hoặc do việc tích lũy của cải cất trữ của Ngân hàng Áo, hoặc do cả hai nguyên nhân gộp lại. Người ta nhận xét rất đúng rằng khác với vàng, bạc không có nguy cơ bị mất giá cho nên các thương gia I-ta-li-a và Cận Đông ưa thích nó hơn hẳn các đồng tiền kim loại khác, rằng người A-rập mua và tích lũy được những số lượng lớn bạc và sau hết, những người Pháp buôn bán ngũ cốc lại ưa chuộng bạc từ Pháp, - nơi bạc vẫn giữ được tỷ giá cũ so với vàng, - sang để trả tiền mua hàng tại Hắc Hải và biển A-dốp, chứ không phải vàng, bởi vì ở miền Nam nước Nga, tỷ giá vàng so với bạc đã thay đổi. Tuy có tính đến tất cả những nguyên nhân ấy của cơn bệnh chảy máu bạc, song chúng ta sẽ không thể nào xác định được số tiền trên mười lăm hoặc mười sáu triệu pao xtéc-linh bắt nguồn từ các nguyên nhân trên đây. Trên các báo Anh, các nhà kinh tế nêu lên một cách hết sức kỳ cục rằng, tình trạng bạc chảy ra nước ngoài còn có một nguyên nhân đặc biệt khác nữa là cuộc chiến tranh ở phương Đông, mặc dù họ đã gộp số bạc chảy đi ấy vào tổng số năm mươi hai triệu pao xtéc-linh vàng cần dùng cho nhu cầu ngày càng tăng của nền thương mại đương thời. Tất nhiên, họ không thể gán cho bạc cũng những chức năng mà vàng đảm nhiệm.

Trong trường hợp như vậy, bên cạnh tất cả những nhân tố riêng biệt ấy còn có tác động của một nhân tố nào đó lớn hơn có thể giải thích được căn bệnh chảy máu bạc; nhân tố đó là việc buôn bán với Trung Quốc và Ấn Độ, và đây cũng là nét chủ yếu của cuộc khủng hoảng lớn năm 1847, một điều khá thú vị. Chúng tôi sẽ còn quay lại vấn đề này vì điều quan trọng là phải nghiên cứu những dấu hiệu kinh tế báo trước cuộc khủng hoảng đang đe dọa châu Âu.

Vô luận thế nào thì bạn đọc của chúng tôi sẽ hiểu rằng dù cho nguyên nhân tạm thời của cuộc khủng hoảng tiền tệ và của cơn chảy máu kim loại quý, mà sự chảy máu này được xem là nguyên cơ trực tiếp của cuộc khủng hoảng tiền tệ - có như thế nào đi nữa, thì tất cả những yếu tố của cuộc khủng hoảng công - thương nghiệp cũng đã tồn tại ở châu Âu. Ở Pháp những yếu tố này còn rõ rệt hơn do mùa tơ tằm xấu, nho thất thu, do nhập khẩu ngũ cốc nhiều vì năm 1855 mất mùa bộ phận và do lũ lụt năm 1856, và cuối cùng, do ở Pa-ri có tình trạng thiếu nhà ở vì hậu quả của những thủ đoạn kinh tế của ngài Bô-na-pác-tơ. Đối với chúng tôi, chúng tôi cũng thấy rằng chỉ cần chú ý đọc bản tuyên ngôn tài chính của ông Ma-nơ, - mà chúng tôi đã công bố vào ngày thứ bảy, - là đủ để tán thành giả thuyết cho rằng mặc dù đại hội lần thứ hai hiện đang nhóm họp ở Pa và mặc dù có vấn đề Na-plơ⁶⁸, Na-pô-lê-ông đệ tam vẫn có đầy đủ cơ sở để có thể tự chúc mừng bản thân mình, nếu năm 1857 sẽ không mang lại cho nước Pháp những điểm xấu hơn những điều mà cách đây một thập kỷ, đã mang lại cho năm 1847.

*Do C.Mác viết vào khoảng ngày 14
tháng Mười 1856*

*Đã đăng làm xã luận trên báo
"New-York Daily Tribune" số
4843, ngày 27 tháng Mười 1856*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

***KHỦNG HOẢNG TIỀN TỆ Ở CHÂU ÂU - TỪ LỊCH SỬ LƯU THÔNG TIỀN TỆ**

Qua bản quyết toán gần đây của Ngân hàng Pháp, chúng ta đã thấy rằng dự trữ kim loại quý của ngân hàng này đã giảm xuống đến con số hết sức ít ỏi, vào khoảng ba mươi triệu đô-la, sau khi chỉ trong một tháng trước đây, số dự trữ đó đã giảm mất 25%^{1*}. Nếu cứ tiếp tục hao hụt như vậy, thì đến cuối năm số dự trữ của ngân hàng ắt khánh kiệt và việc thanh toán bằng tiền mặt sẽ bị đình lại. Để ngăn ngừa điều vô cùng nguy hại ấy, người ta đã thực hiện hai biện pháp. Một mặt, cảnh sát phải ngăn cấm việc đúc bạc để xuất khẩu, và mặt khác, Ngân hàng Pháp quyết định tăng gấp đôi dự trữ kim loại quý của mình bằng cách ký kết - mà phải hy sinh to lớn - một hợp đồng với các ông chủ Rôt-sin về việc cung cấp cho nó sáu triệu pao xtéc-linh. Nói cách khác, để bù vào số vàng bị hụt của mình, ngân hàng còn làm tăng hơn nữa mức chênh lệch giữa giá vàng mua vào với giá vàng bán ra. Nhờ có hợp đồng này mà ngày 11 tháng Mười Ngân hàng Anh đã xuất ra 50000 p.xt., và ngày 13 tháng Mười đã xuất ra 4000 p.xt., và chiếc tàu "A-di-a" đến đây ngày hôm qua báo tin là còn tiếp tục xuất ra thêm trên nửa triệu nữa. Do đó, ở Luân Đôn rất nhiều người lo ngại là Ngân hàng Anh, vì muốn giữ cho quỹ của mình

1* Xem tập này, tr.82-83.

khỏi chạy sang Pháp, sẽ lại siết chặt thêm đai ốc bằng cách tăng mức chiết khấu lên. Để chuẩn bị cho những việc đó, Ngân hàng Anh đã đình chỉ tất cả các khoản cho vay dưới bất kỳ hình thức chứng khoán nhà nước nào, trừ những kỳ phiếu ngân khố.

Song, toàn bộ số vàng mà Ngân hàng Pháp đã thu hút được vào kho của họ, cũng sẽ chảy đi nhanh chóng như lúc nó tuôn vào, - phần thì để trả các khoản nợ nước ngoài, trang trải khoản thiếu hụt trong cân cân thương mại, phần thì để trang trải cho những nhu cầu trong nước nhằm bù cho số bạc biến khỏi lưu thông, - việc cất trữ số bạc này dĩ nhiên được gia tăng tùy theo mức độ gay gắt của cuộc khủng hoảng; và cuối cùng, để đáp ứng nhu cầu của các xí nghiệp công nghiệp lớn được xây dựng trong ba bốn năm gần đây. Chẳng hạn, những công ty đường sắt lớn tính chuyện phát hành những trái phiếu mới - mà giờ đây không còn có thể thực hiện được nữa - để tiếp tục hoạt động và thanh toán những khoản lãi cổ phần và tiền thưởng, những công ty đó đang có những ý đồ tuyệt vọng định lấp chỗ trống trong những chiếc két của họ. Chẳng hạn, Công ty đường sắt miền tây nước Pháp cần đến sáu mươi triệu phrăng, Công ty đường sắt miền Đông nước Pháp - hai mươi bốn triệu, Công ty đường sắt miền Bắc nước Pháp - ba mươi triệu, Công ty đường sắt Địa Trung Hải - hai mươi triệu, Công ty đường sắt Oóc-lê-ăng - bốn mươi triệu v.v.. Người ta đã tính toán rằng tổng số tiền cần cho tất cả các công ty đường sắt lên tới ba trăm triệu. Bô-na-pác-tơ - kẻ vẫn tự an ủi mình bằng hy vọng rằng dựa vào hoạt động đầu cơ ở Sở giao dịch mà buộc người ta quên đi vấn đề chính trị, - thì giờ đây lại ra sức dùng các vấn đề chính trị như vấn đề Na-plơ, vấn đề Đa-nuýp, vấn đề Béc-xa-ra-bi-a, vấn đề Hội nghị Pa-ri mới⁶⁹, - để đánh lạc hướng sự chú ý đến thị trường tiền tệ, - song tất cả đều vô ích. Không chỉ nước Pháp, mà toàn thể châu Âu đều tin chắc rằng, số phận của cái được mệnh danh là triều đại Bô-na-pác-tơ, cũng như hiện tình của xã hội châu Âu, đều tùy thuộc vào kết cục của cuộc khủng hoảng thương mại mà bước mở đầu của nó hiện nay rõ ràng là có thể quan sát thấy ở Pa-ri.

Như chúng tôi đã chỉ rõ^{1*}, nguyên có đầu tiên để bùng ra cuộc

1* - Xem tập này, tr.82-86.

khủng hoảng là việc tăng đột ngột giá bạc so với vàng. Việc nâng giá này, - nếu không kể đến số vàng khổng lồ khai thác được ở Ca-li-phoóc-ni-a và Ô-xơ-rây-li-a, - thì chỉ có thể giải thích được là bạc chảy ngày một nhiều từ các nước phương Tây sang châu Á, nhất là sang Ấn Độ và Trung Quốc. Từ đầu thế kỷ XVII, châu Á, đặc biệt là Trung Quốc và Ấn Độ, đã không ngừng ảnh hưởng mạnh mẽ đến các thị trường vàng và bạc ở châu Âu và châu Mỹ. Do bạc là phương tiện trao đổi duy nhất ở các nước phương Đông này, cho nên nhờ buôn bán với phương Đông nên các kho báu mà châu Mỹ thuộc Tây Ban Nha làm tràn ngập châu Âu, đã một phần chạy ra khỏi lục địa châu Âu, và như vậy việc nhập khẩu bạc từ châu Mỹ vào châu Âu được cân bằng nhờ có việc xuất khẩu bạc từ Âu sang Á. Đành rằng, cùng một lúc với hiện tượng đó, vàng lại được xuất khẩu từ Á sang Âu; nhưng nếu như không kể đến số vàng đã khai thác được ở U-ran vào giữa những năm 1840 - 1850, thì việc xuất khẩu này quả là quá ít ỏi, đến mức không đưa lại kết quả gì rõ rệt.

Sự lưu thông của bạc giữa châu Á với phương Tây tất nhiên là có những thời kỳ lên xuống xen kẽ nhau, tùy theo những biến động của cân cân thương mại. Tuy vậy, nhìn chung, trong lịch sử sự vận động toàn cầu này, người ta có thể đại thể phân biệt được ba thời kỳ như sau: thời kỳ thứ nhất bắt đầu từ thế kỷ XVII và kết thúc vào khoảng năm 1830; thời kỳ thứ hai - từ năm 1831 tới hết năm 1848, và thời kỳ thứ ba - từ năm 1849 cho đến nay. Trong thời kỳ thứ nhất, việc xuất khẩu bạc sang châu Á nói chung tăng lên; trong thời kỳ thứ hai luồng xuất khẩu đó bắt đầu giảm xuống cho đến lúc rốt cuộc, nó chảy ngược trở lại, và châu Á lần đầu tiên trả về cho châu Âu một phần những kho báu mà nó đã nuốt trong vòng gần hai thế kỷ rưỡi. Trong thời kỳ thứ ba, thời kỳ còn đang nằm trong giai đoạn phát triển đi lên, tình hình lại thay đổi, và giờ đây việc châu Á thu hút bạc đang diễn ra theo một quy mô chưa từng thấy.

Vào những thời kỳ trước đây, sau khi người ta tìm ra bạc ở châu Mỹ, và ngay cả sau khi Bồ Đào Nha lập ra thuộc địa ở Ấn Độ, việc xuất khẩu bạc từ châu Âu sang châu Á hầu như chưa có bao nhiêu. Vào đầu thế kỷ XVII, khi người Hà Lan, rồi đến

người Anh mở rộng việc buôn bán của họ với Đông Á thì số lượng bạc cần đến mới lớn hơn. Nhưng nhu cầu về bạc đặc biệt tăng lên từ khi mức tiêu thụ chè ở Anh trong suốt thế kỷ XVIII bắt đầu tăng nhanh, vì người Anh hầu như phải dùng toàn bạc để mua chè của Trung Quốc. Đến cuối thế kỷ XVIII, lượng bạc chảy từ châu Âu sang Đông Á có quy mô lớn đến mức nó ngốn một bộ phận lớn số bạc nhập khẩu từ châu Mỹ. Ngay vào thời kỳ này người ta cũng đã bắt đầu xuất khẩu bạc trực tiếp từ châu Mỹ sang châu Á, mặc dù nhìn chung việc xuất khẩu này chỉ hạn chế ở số lượng bạc do hạm đội Mê-hi-cô cung cấp từ A-ca-pun-cô sang quần đảo Phi-líp-pin. Hiện tượng bạc bị châu Á hút mạnh như thế lại càng thấy rõ nét hơn ở châu Âu vào những năm ba mươi đầu thế kỷ XIX, bởi vì do các cuộc cách mạng bùng nổ tại các thuộc địa Tây ban Nha⁷⁰, nên việc xuất khẩu bạc từ châu Mỹ vào năm 1800 đã vượt quá bốn mươi triệu đô-la, thế mà năm 1829 lại chưa đạt tới hai mươi triệu. Mặt khác, số bạc được chuyển từ châu Mỹ sang châu Á, trong thời kỳ từ năm 1796 đến năm 1825 tăng lên gấp bốn lần, còn sau năm 1809, không chỉ Mê-hi-cô mà cả Bra-xin, Chi-lê và Pê-ru cũng bắt đầu xuất khẩu bạc trực tiếp sang Đông Á, dù với quy mô ít hơn. Từ năm 1811 đến năm 1822, lượng bạc xuất khẩu từ châu Âu sang Ấn Độ và Trung Quốc đã vượt lượng vàng nhập khẩu từ những nước này với số lượng hơn ba mươi triệu pao xtéc-ling.

Thời kỳ bắt đầu từ năm 1831 đã có sự thay đổi lớn. Công ty Đông Ấn⁷¹ đã không những buộc phải từ bỏ độc quyền của mình về thương mại giữa châu Âu với những lãnh địa của nó ở phương Đông, mà còn hoàn toàn bị gạt bỏ với tính cách là một tổ chức kinh doanh thương mại, trừ những tổ chức độc quyền Trung Ấn của họ. Do hoạt động thương mại ở Đông Ấn như vậy là được giao cho tư nhân chủ động, nên việc xuất khẩu hàng công nghiệp Anh vào Ấn Độ bắt đầu vượt rất nhiều so với mức nhập khẩu nguyên liệu của Ấn Độ vào Anh. Vì vậy cán cân thương mại ngày càng nghiêng rõ rệt về phía châu Âu, và do đấy mà việc xuất khẩu bạc sang châu Á bắt đầu giảm đi một cách nhanh chóng. Mọi trở ngại mà nền thương mại Anh đã vấp phải trên các thị trường khác của thế giới thì giờ đây bắt đầu được bù đắp bằng sự

bành trướng mới của nó ở châu Á. Nếu cơn chấn động trong thương mại vào năm 1825 đã làm cho xuất khẩu của Anh sang Ấn Độ tăng lên, còn cuộc khủng hoảng Anh - Mỹ năm 1836 đã đem lại cho nó một sự kích thích còn mạnh hơn nhiều, thì nét đặc trưng của cuộc khủng hoảng ở Anh năm 1847 thậm chí là do việc xuất khẩu quá lớn sang Ấn Độ và các vùng khác của châu Á quyết định.

Khối lượng xuất khẩu sang châu Á năm 1697 suýt soát bằng một phần năm mươi hai toàn bộ xuất khẩu của Anh, đến năm 1822 đã lên gần tới một phần mười bốn, năm 1830 đạt khoảng một phần chín, và năm 1842 đạt trên một phần năm. Chứng nào quá trình kinh tế này chỉ đụng chạm đến Ấn Độ và phần phía Tây của châu Á thì tình trạng bạc chảy từ Âu sang Á có yếu đi, song không ngừng lại, và càng không đổi luồng từ châu Á sang châu Âu. Một sự đổi chiều như vậy trong lưu thông tiền kim loại chỉ diễn ra khi mà lòng từ thiện của nước Anh đã buộc Trung Quốc phải buôn bán thường xuyên thuốc phiện, đã phá sập Vạn lý trường thành bằng đại bác và dùng vũ lực bắt Thiên Triều mở cửa giao lưu với thế giới phàm tục. Như vậy, trong lúc bạc của Trung Quốc chảy về phía biên giới với Ấn Độ thì Anh và Mỹ đã tung hàng công nghiệp của mình vào tràn ngập bờ biển Thái Bình Dương của Trung Quốc. Đó là nguyên nhân giải thích hiện tượng năm 1842, lần đầu tiên trong lịch sử nền thương mại hiện đại, những chuyển vận tải bạc quy mô lớn thật sự chuyển hướng từ Á sang Âu.

Song, sự thay đổi hoàn toàn này trong lưu thông các kim loại quý giữa châu Á với phương Tây diễn ra không được lâu. Ngay vào năm 1849 đã có sự phản ứng gay gắt và ngày một tăng. Giống như việc Trung Quốc đã vạch phương hướng cho thời kỳ thứ nhất và thứ hai, thì nay nó lại vạch phương hướng cho cả thời kỳ thứ ba nữa. Cuộc khởi nghĩa ở Trung Quốc⁷² không những đã tạm ngừng lại việc buôn bán nha phiến với Ấn Độ, mà còn chấm dứt cả việc mua các hàng công nghiệp của nước ngoài, vì người Trung Quốc đòi phải thanh toán cho họ bằng bạc, còn chính họ thì lại dùng đến thủ đoạn quen thuộc của các nhà kinh tế phương Đông trong những thời kỳ có những chấn động chính trị và xã hội, nghĩa là tích lũy của báu. Việc Trung Quốc xuất siêu

khá lớn cũng còn do vụ thu hoạch tơ tằm gần đây ở châu Âu bị kém sút. Theo các báo cáo của ông Rô-bóc-xơn, lãnh sự Anh ở Thượng Hải thì xuất khẩu chè của Trung Quốc trong mười năm trở lại đây đã tăng 63%, còn xuất khẩu tơ tăng 218%, trong lúc đó thì nhập khẩu hàng công nghiệp lại giảm 66%. Ông Rô-bóc-xơn đánh giá rằng hiện nay số bạc trung bình hàng năm nhập vào Trung Quốc từ tất cả các nơi trên thế giới nhiều hơn mười năm trước là 5580000 pao xtéc-linh. Dưới đây, chúng tôi dẫn ra những số liệu chính xác về xuất nhập khẩu của Trung Quốc trong thời kỳ từ năm 1849 đến năm 1856, ở đây từng năm kết thúc vào ngày 30 tháng Sáu:

Xuất khẩu chè

(tính bằng pao)

	Sang Anh và Ai-rơ-len	Sang Mỹ
1849	47242000.....	18072000
1855	86509000.....	31515000
1856	91035000.....	40246000

Xuất khẩu tơ

	Sang Anh và Ai-rơ-len	Sang Pháp
1849	17228 pao.....	—
1855	51486 pao.....	—
1856	50489 pao.....	6458 kiện

Giá trị thực tế của xuất khẩu từ Trung Quốc	p.x.t.
sang Anh năm 1855	8746000
Giá trị thực tế của xuất khẩu từ Trung Quốc	
sang Mỹ năm 1855	2500000

Tổng cộng	11246000
Trừ 20% cước phí vận tải và những	
chi phí khác	2249200
Tổng cộng Trung Quốc thu	8996800

Nhập khẩu

p.x.t

Hàng công nghiệp từ Anh năm 1852	2503000
Hàng công nghiệp từ Anh năm 1855	1000000
Hàng công nghiệp từ Anh năm 1856	1277000
Nha phiến và bông từ Ấn Độ năm 1853	383000
Nha phiến và bông từ Ấn Độ năm 1855	3306000
Nha phiến và bông từ Ấn Độ năm 1856	3284000
Tổng giá trị nhập khẩu năm 1855.....	4306000

P.xt.

Trung Quốc đạt số dư năm 1855	4690000
Giá trị xuất khẩu của Trung Quốc sang	
Ấn Độ năm 1855.....	1000000
Tổng số dư của Trung Quốc trên cán cân	
thương mại với tất cả các nước trên	
thế giới (1855).....	5690000

Còn phải cộng thêm vào số bạc chảy từ châu Âu sang châu Á do buôn bán với Trung Quốc, số lượng bạc chảy vào Ấn Độ do cán cân thương mại mấy năm gần đây không lợi cho châu Âu, có thể thấy rõ điều đó qua biểu dưới đây:

p.xt.

Nhập khẩu của Anh từ Ấn Độ năm 1856	14578000
Trừ tiền chuyển vận của Công ty Đông Ấn	3000000
Tổng số nhập khẩu	11578000
Nhập khẩu từ Anh vào Ấn Độ	8927000
Ấn Độ đạt số dư.....	2651000

Cần nói rằng trước năm 1825, ở Ấn Độ vàng là phương tiện thanh toán hợp pháp cho đến khi ban hành đạo luật về chế độ chỉ dùng bản vị bạc. Vì ít năm sau, trên các thị trường thương mại, vàng được đánh giá cao hơn bạc, cho nên Công ty Đông - Ấn tuyên bố sẵn sàng lấy vàng để thanh toán với chính phủ. Song, sau khi người ta tìm ra vàng ở Ô-xơ-rây-li-a thì công ty, - cũng như cả Chính phủ Hà Lan, - lo ngại vàng mất giá và hoàn toàn

không thích thú cái triển vọng nhận thanh toán bằng vàng và phải trả bằng bạc, nên đã đột ngột quay trở lại chế độ chỉ dùng bản vị bạc năm 1825. Như vậy, việc cần thiết phải thanh toán bằng bạc khoản nợ về thương mại với Ấn Độ có tầm quan trọng bậc nhất, và ở Ấn Độ đã nảy sinh nhu cầu khổng lồ về thứ kim loại này. Vì từ thời điểm đó ở Ấn Độ giá bạc so với giá vàng bắt đầu lên nhanh hơn ở châu Âu, nên các thương gia Anh thấy xuất khẩu bạc vào Ấn Độ để đầu cơ là có lợi, bèn nhận đổi lấy nguyên liệu của Ấn Độ, và do đó tạo ra một sự thúc đẩy mới cho xuất khẩu của Ấn Độ. Nói chung, từ năm 1848 đến năm 1855, chỉ riêng từ Xao-hêm-pton, bạc đã được xuất khẩu tới hai mươi một triệu pao xtéc-linh và ngoài ra còn một số rất lớn được xuất từ các cảng của Địa Trung Hải. Người ta còn ước tính rằng, cũng trong năm này đã có mười triệu được xuất từ Xao-hêm-pton sang phương Đông.

Xét theo những biến đổi trong đó thương mại của Ấn Độ và tính chất cuộc cách mạng ở Trung Quốc, thì không thể trông đợi dòng bạc chảy vào châu Á mau chóng ngừng lại. Bởi vậy, chẳng phải là hấp tấp khi khẳng định rằng cuộc cách mạng Trung Quốc này có ảnh hưởng đến châu Âu lớn hơn nhiều so với ảnh hưởng của tất cả những cuộc chiến tranh ở Nga, của những bản tuyên ngôn của I-ta-li-a⁷³ và của những hội bí mật trên lục địa châu Âu.

*Do C.Mác viết vào khoảng ngày 17
tháng Mười 1856*

*Đã đăng làm xã luận trên báo
"New-York Daily Tribune" số
4848, ngày 1 tháng Mười một 1856*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần
đầu*

C.MÁC

* CHIẾN TRANH ANH - BA TƯ

Việc nước Anh, hay nói đúng hơn, việc Công ty Đông Ấn tuyên chiến với Ba Tư⁷⁴ là sự lặp lại một trong những thủ đoạn nham hiểm, phiêu lưu của đường lối ngoại giao Anh ở châu Á, nhờ vào những thủ đoạn đó mà Anh đã mở rộng lãnh địa của mình trên lục địa này. Chỉ cần công ty dán con mắt thèm khát vào lãnh địa của bất cứ một vương quốc độc lập nào, vào bất cứ miền nào có tầm quan trọng về chính trị và thương mại, hoặc nổi tiếng là nhiều vàng và đá quý, thì nạn nhân liền bị buộc tội là đã vi phạm một hiệp ước nào đó hoặc là được tưởng tượng ra, hoặc là có thật, hoặc bị buộc tội là đã không thực hiện một nghĩa vụ viển vông nào đó hay một điều kiện hạn chế nào đó, hoặc đã gây nên một sự xúc phạm nào đó mà nội dung rất mập mờ; rồi sau đó người ta tuyên chiến, và lịch sử nước Anh lại ghi thêm một sự kiện đẫm máu xác nhận sự tồn tại vĩnh hằng của tội ác, xác nhận cái đạo lý bất di bất dịch trong câu chuyện ngụ ngôn về con chó sói với con cừu non.

Trong suốt nhiều năm, nước Anh đã tìm cách chiếm một vị trí nào đó ở vịnh Ba Tư và trước hết là muốn chiếm giữ hòn đảo Ha-rắc nằm ở phía bắc vịnh này. Khi loan truyền rằng hòn đảo này đối với nước Anh có giá trị biết nhường nào, ngài Giôn Man-cơn nổi tiếng, đã nhiều lần làm đại sứ tại Ba Tư, khẳng

định rằng do hòn đảo này nằm cạnh Bu-sia, Ben-đéc - Rích, Baxra, Grin Béc-be-ri-a và En-Ca-ti-phơ, nên nó có thể trở thành một trong những lãnh địa phồn vinh nhất của Anh tại châu Á. Vì vậy, chẳng có gì là lạ khi hòn đảo này và Bu-sia đã nằm trong tay nước Anh. Ngài Giôn xem hòn đảo như là một trung tâm thương mại giữa Thổ Nhĩ Kỳ, A-rập và Ba Tư. Người ta nói khí hậu của đảo thật là tuyệt, và nó có mọi điều kiện cần thiết để trở thành một trong những chốn phồn vinh của trái đất. Hơn ba mươi năm trước, ngài đại sứ đã trình bày những ý kiến của mình với huân tước Min-tơ, bấy giờ là toàn quyền Ấn Độ, và cả hai đều có ý đồ thực hiện kế hoạch này. Trong thực tế, ngài Giôn được bổ nhiệm làm tư lệnh đội quân viễn chinh để chiếm hòn đảo và đã chuẩn bị lên đường thì nhận được lệnh quay về Can-cút-ta và ngài Hác-phoóc-đơ Giôn-xơ được phái tới Ba Tư với sứ mệnh ngoại giao. Vào lúc He-rát lần đầu tiên bị người Ba Tư vây hãm vào năm 1837 - 1838 thì Anh vin vào cái cớ hết sức yếu ớt như hiện nay, - tức là vin vào cớ bảo vệ người Áp-ga-ni-xtan, những người mà nước Anh vốn luôn luôn không đội trời chung với họ, - để chiếm lấy Ha-rắc, song, do một số tình huống lúc đó, mà chính là sự can thiệp của nước Nga, đã buộc họ phải nhả miếng mồi của mình. Cuộc tấn công lại mới đây và đã thu được thắng lợi của Ba Tư vào He-rát tạo ra cái cớ để nước Anh buộc tội quốc vương Ba Tư là bội tín với nó và chiếm hòn đảo để mở đầu cho những hoạt động quân sự của mình.

Như vậy, trong vòng nửa thế kỷ nước Anh luôn luôn tìm cách gây ảnh hưởng áp đảo của mình đối với chính phủ của các quốc vương Ba Tư, mặc dù phần lớn là vô hiệu. Tuy nhiên, không chịu thua kém những kẻ thù gian ngoan của mình, các quốc vương này tìm cách thoát khỏi vòng tay phản trắc kiểu như vậy. Chưa kể là người Ba Tư đã thấy được tận mắt người Anh xử sự ở Ấn Độ như thế nào, song chắc chắn là họ lưu ý đến điều cảnh cáo mà quốc vương Phê-thơ - A-li-sắc đã phải thốt ra vào năm 1805: "Đừng tin vào lời khuyên của đất nước có những con buồn tham lam đang buôn bán cuộc sống và ngai vàng của các quốc vương ở Ấn Độ". Như vậy là vô quýt dày có móng tay nhọn. Ở Tê-hê-ran, thủ đô Ba Tư, ảnh hưởng của nước Anh hết sức bé nhỏ, bởi lẽ -

nếu không kể đến những âm mưu bí mật của Nga, thì chiếm vị trí quan trọng ở đây là Pháp, còn đối với Ba Tư thì trong ba thành cướp biển phải cảnh giác nhất đối với thành Anh. Giờ đây, sứ bộ Ba Tư đang trên đường đi Pa-ri hoặc đã đến đấy và rất có thể là những chuyện rắc rối gần đây ở Ba Tư⁷⁵ sẽ là đối tượng của những cuộc đàm phán ngoại giao. Thật ra, Pháp không thờ ơ đối với việc chiếm hòn đảo này ở vịnh Ba Tư. Vấn đề còn rối rắm hơn nữa vì rằng Pháp đã lục ra một văn bản nào đó bị chôn vùi từ lâu, theo văn bản này thì các quốc vương Ba Tư đã hai lần nhượng Ha-rắc cho Pháp - lần thứ nhất vào năm 1708, dưới triều Lu-i XIV, và sau đó vào năm 1808 - cả hai trường hợp quả là có điều kiện, nhưng với lời lẽ khá rõ ràng, để đem lại những quyền hạn nhất định hoặc biện hộ cho những yêu sách về hòn đảo này của kẻ hiện nay đang noi theo các quốc vương có thái độ bài Anh khá mạnh.

Tờ báo Luân Đôn "Times" trong bài trả lời mới đây cho tờ "Journal des Débats" đã nhân danh nước Anh nhượng lại cho Pháp quyền điều khiển các công việc châu Âu, nhưng dành cho nước Anh quyền điều khiển không thể chối cãi các công việc ở châu Á và châu Mỹ mà không một cường quốc châu Âu nào khác được can thiệp vào. Song, chưa rõ là liệu Lu-i Bô-na-pác-tơ có tán thành cách phân chia thế giới như vậy không. Dù sao chẳng nữa trong lúc có những bất hoà mới đây giữa Anh với Ba Tư, chính sách ngoại giao của Pháp ở Tê-hê-ran đều không tỏ ra thành thực ủng hộ Anh, còn việc báo chí Pháp cứ đào bới và lật lại những yêu sách của xứ Gô-lơ đòi Ha-rắc, rõ ràng báo trước rằng nước Anh chẳng dễ dàng nhảy vào Ba Tư và phân chia nó.

*Do C.Mác viết ngày 30 tháng Mười
1856*

*Đã đăng làm xã luận trên báo
"New-York Daily Tribune" số
4904, ngày 7 tháng Giêng 1857*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần
đầu*

C.MÁC

* KHỦNG HOẢNG KINH TẾ Ở PHÁP

Trong giới tài chính châu Âu, không hề có một dấu hiệu dịu bớt nào. Qua các bưu phẩm do tàu "Ni-a-ga-ra" chở đến, chúng tôi được biết rằng luồng kim loại quý chảy từ Luân Đôn sang lục địa châu Âu giờ đây mạnh hơn bất cứ lúc nào và ý kiến đề nghị nâng cao hơn nữa tỷ suất chiết khấu đưa ra tại hội nghị các giám đốc Ngân hàng Anh, đã bị đa số, chỉ hơn có một phiếu, bác bỏ. Cũng chẳng cần phải nói rằng nguyên nhân cuộc khủng hoảng vẫn phải tìm kiếm ở Pháp, và tờ tạp chí "Economist"⁷⁶ số ra mới nhất mà chúng tôi nhận được miêu tả tình hình sự việc bằng những màu sắc hết sức ảm đạm.

Tạp chí này viết: "Thiếu một sự cải thiện nào đó, điều đó tự bản thân nó thực sự có nghĩa là tình hình trầm trọng thêm và đáng tiếc là người ta lại hoàn toàn không dự kiến bất cứ một sự cải thiện lâu dài nào cả. Sự tương phản giữa tháng này năm nay và tháng này năm ngoái hầu như về mọi mặt đều rất ảm đạm, vậy mà tháng Mười năm ngoái đất nước đã ở trong tình trạng một cuộc chiến tranh đẫm máu mà kết cục của nó còn là điều hết sức xa xôi".

Lời than vãn này đã khiến chúng tôi phải cố công đối chiếu tình hình thị trường chứng khoán Pa-ri vào tháng Mười với tình hình của tháng trước, và có thể thấy được kết quả những tìm tòi của chúng tôi qua bảng đối chiếu:

	30 tháng Chín	31 tháng Mười	Tăng	Giảm
Lãi suất 3%.....	67phr.50 x	66phr.70x	—	80 x.
Lãi suất 4 1/2%	90"	91"	1phr	—
Ngân hàng Pháp	4010"	3850"	—	160phr.
Crédit Fonci-er	600"	585"	—	15
Crédit Mobilier.....	1552"	1372"	—	180
Đường sắt Oóc-lê-ăng	1267"	1241"	—	26
Đường sắt miền Bắc.....	950"	941"	—	9
Đường sắt miền Đông.....	877"	865"	—	12
Đường sắt Pa-ri - Li-ông...	1265"	1267"	2phr.	—
Đường sắt Địa Trung Hải	1750"	1652"	—	98
Đường sắt lớn ở trung tâm.	610"	603"	—	7

Trong khoảng thời gian từ tháng Chín đến hết ngày 31 tháng Mười, tình hình giá cả cổ phiếu của các công ty khác nhau giảm sút thấy rõ qua những con số sau đây:

Gas Paris Company	30phr
Union des Gaz	35"
Lits Militaires	27 1/2"
Docks Napoléoniens.....	8 1/2"
Compagnie Maritime.....	40"
Palais d'Industrie.....	5"
Omnibus company	35"
Messageries Impériales.....	50"

Những tờ báo thuộc phái Bô-na-pác-tơ ở Pa-ri đã cố giải thích tình hình giảm sút liên tục của giá cả chứng khoán tại Sở giao dịch một cách tinh khôn nhất. Ví dụ tờ "Presse" của ông Gi-rác-đanh. Tờ báo này viết:

"Những kẻ đầu cơ vẫn chưa muốn từ bỏ niềm tin của mình rằng chứng khoán đang sụt giá. Do những biến động thường xuyên của các cổ phiếu Crédit Mobilier, người ta coi những cổ phiếu này đáng lo ngại đến nỗi nhiều kẻ đầu cơ

không dám động đến chúng và chỉ giới hạn trong những giao dịch có "primes"^{1*} nhằm giảm bớt trước khả năng thua lỗ".

Những biện pháp nghiêm ngặt mà Ngân hàng Pháp đã áp dụng nhằm phòng ngừa hoặc ít ra cũng hoãn được việc ngừng trả bằng tiền mặt, đã bắt đầu tác động gay gắt đối với các tầng lớp công thương. Quả là giờ đây đang diễn ra một cuộc chiến tranh khốc liệt thật sự giữa các giới kinh doanh công thương nghiệp bona fide^{2*} với những công ty cổ phần của bọn đầu cơ, kể cả những công ty đã hoạt động và những công ty sẽ được thành lập theo những kế hoạch vừa mới nghĩ ra; tất cả bọn chúng đều ra sức vơ vét tư bản nhàn rỗi của đất nước. Kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh đó tất phải là việc nâng lãi suất cho vay, giảm bớt lợi nhuận trong tất cả các ngành công nghiệp và làm mất giá tất cả các loại chứng khoán, thậm chí ngay cả khi không có Ngân hàng Pháp và không có căn bệnh chảy máu kim loại quý nào. Chỉ liếc qua sự phát triển của mạng lưới đường sắt Pháp là đủ để tin rằng, không kể đến tất cả những ảnh hưởng của nước ngoài, áp lực này đối với tư bản nhàn rỗi Pháp tất phải ngày một tăng. Những sự kiện mà chúng tôi muốn lưu ý bạn đọc của chúng tôi, là lấy ở báo "Journal des Chemins de Fer"⁷⁷, tờ báo này, cũng như tất cả các báo chí khác của nước Pháp, chỉ có thể công bố cái mà bản thân Chính phủ Bô-na-pác-tơ cho phép. Giấy phép đã được cấp để xây dựng một tuyến đường sắt dài cả thảy 5584 dặm, trong số đó chỉ có 2884 dặm được làm xong và đưa vào hoạt động. Bởi vậy, còn lại 2700 dặm hiện đang xây dựng hoặc chuẩn bị xây dựng. Song thế vẫn chưa hết. Chính phủ đang xây dựng đường sắt ở I-bê-ri-cơ và đã ra lệnh xây dựng những tuyến đường mới giữa Tu-lu-dơ và Bai-on-nơ, A-gien và Tác-bơ, Mông-dơ-Mác-xanh và Tô-ra-bê-xtan - dài cả thảy trên 900 dặm. Trên thực tế, ở Pháp số đường sắt đang được xây dựng thậm chí nhiều hơn số hiện có ở đây. Số tiền đã chi cho mạng lưới đường sắt cũ của nước Pháp là 300000000 đô-la; nhưng việc xây dựng mạng lưới này đã kéo dài suốt cả một thời kỳ dài - thời kỳ chứng kiến bước mở

1* - "có thưởng"

2* - thực sự

đầu và sự kết thúc của ba chính phủ - trong khi đó thì tất cả những tuyến hiện nay được phép xây dựng phải được hoàn thành trong vòng nhiều nhất là sáu năm và phải bắt đầu hoạt động trong giai đoạn gay gắt nhất của chu kỳ thương mại. Các công ty lâm vào tình thế khó khăn tới tấp đòi chính phủ cho phép họ kiếm tiền bằng cách phát hành cổ phiếu và tín phiếu mới. Chính phủ hiểu rằng điều đó ắt lại chỉ dẫn đến việc tiếp tục làm mất giá những chứng khoán cũ trên thị trường và càng làm rối ren thêm các công việc tại Sở giao dịch chứng khoán, nên không dám nhượng bộ. Nhưng mặt khác, cần phải có tiền; ngừng công việc lại sẽ có nghĩa không những là phá sản, mà còn là cách mạng.

Trong lúc yêu cầu về tư bản cần thiết cho việc thành lập và khai thác các xí nghiệp mới trong nước ngày một tăng, thì việc các xí nghiệp nước ngoài ngốn tư bản Pháp vẫn tuyệt nhiên không hề giảm bớt. Từ lâu người ta đã biết rõ là các nhà tư bản Pháp đã tự gánh lấy những nghĩa vụ to lớn ở Tây Ban Nha, I-ta-li-a, Áo và Đức, và đúng vào lúc này, Crédit Mobilier lại sốt sắng lôi cuốn họ vào những công việc mới nữa. Đặc biệt là hiện giờ Tây Ban Nha đang gây thêm khó khăn cho Pháp, vì nạn thiếu bạc ở Tây Ban Nha đã lên đến mức các chủ xưởng của Bác-xê-lô-na cảm thấy vô cùng khó khăn trong việc trả tiền công cho công nhân.

Còn về Crédit Mobilier thì chúng tôi đã nêu rõ^{1*} rằng, những thiên hướng của cơ quan này không xứng đáng chút nào với cái tên gọi của nó. Nó đang cố gắng găm tư bản lại, không làm cho nó trở thành tư bản *lưu động*^{2*}. Nếu như nó làm cho một cái gì đó trở thành lưu động thì đó chỉ là quyền sở hữu mà thôi. Các cổ phiếu của những công ty do nó thành lập thật linh hoạt lạ thường, nhưng tư bản mà chúng đại diện thì nằm một đống chết cứng. Toàn bộ bí quyết của Crédit Mobilier là hút tư bản vào các xí nghiệp công nghiệp là nơi mà nó gấn bó chặt chẽ, và sau đó thì đầu cơ trong việc bán những cổ phiếu phải đại diện cho tư bản đó. Chẳng nào các giám đốc Crédit Mobilier còn có thể được nhận thưởng vào

1* Xem tập này, tr.47 – 49.

2* Chơi chữ: "Mobilier" là "động", "to mobileze" là "làm cho nó trở thành lưu động", "đưa vào lưu thông".

đợt đầu phát hành cổ phiếu mới, thì dĩ nhiên họ có thể cứ thản nhiên mà đứng nhìn tình hình căng thẳng chung trên thị trường tiền tệ, thờ ơ với số phận cuối cùng của các cổ đông và những khó khăn mà các công ty đang hoạt động vấp phải. Điều đó giải thích vì sao lại có cái hiện tượng kỳ quặc là, trong lúc mà các cổ phiếu của Crédit Mobilier không ngừng sụt giá tại Sở giao dịch chứng khoán thì hoạt động của nó vẫn cứ liên tục được mở rộng trên toàn châu Âu.

Ngoài tình hình căng thẳng chung trên thị trường tiền tệ, còn có những tình huống khác tác động tới nền công nghiệp Pháp. Nhiều nhà máy kéo sợi ở Ly-ông phải ngừng hoạt động vì tư nguyên liệu thiếu và giá quá đắt. Cũng những nguyên nhân như vậy làm tê liệt đời sống công nghiệp ở Muyn-lu-dơ và Ru-ăng. Ở đây giá bông cao đã khiến cho giá sợi phải nâng lên nhiều, trong khi đó thì vải lại khó tiêu thụ, và các chủ xưởng không thể ký hợp đồng theo những điều kiện như cũ. Kết quả của tình hình đó là công nhân càng khốn khổ hơn và sự bất bình trong công nhân tăng lên, nhất là ở Ly-ông và ở miền Nam nước Pháp, đó là những nơi đang lan tràn một bầu không khí kích động chỉ có thể so sánh với tình hình tiếp sau cuộc khủng hoảng năm 1847.

Từ Sở giao dịch, đường sắt, thương mại và công nghiệp, giờ đây chúng tôi chuyển sang nói về nông nghiệp nước Pháp. Những bản báo cáo công bố mới đây của các sở thuế quan Pháp đã để lộ ra một thực tế là vụ mất mùa vừa rồi còn nặng nề gấp bội so với điều mà báo "Moniteur" thừa nhận. So với tháng Chín 1855 là lúc nhập 270146 tạ ngũ cốc, thì tháng Chín 1856 nhập 963616 tạ, nghĩa là nhiều hơn số nhập hồi tháng Chín 1855 là năm nổi tiếng vì mùa màng thất bát, là 693470 tạ. Song sẽ là sai lầm nếu chỉ nhìn thấy lũ lụt, thời tiết xấu và những thiên tai khác là nguyên nhân làm cho nước Pháp từ một nước xuất khẩu lúa mì trở thành nước phải nhập khẩu lúa mì. Nền nông nghiệp ở Pháp chưa bao giờ đạt tới trình độ phát triển cao, dưới chế độ hiện nay rõ ràng nó đang đi thụt lùi. Một mặt, chúng ta thấy thuế má tăng thường xuyên, mặt khác, lực lượng lao động giảm xuống bởi vì đại bộ phận quần chúng công nhân tạm thời bị chiến tranh^{1*}

1* - Chiến tranh Crưm

tách khỏi nông nghiệp và thường xuyên bị thu hút vào việc xây dựng đường sắt và các công trình công ích khác, thêm vào đó tư bản ngày càng chuyển từ nông nghiệp vào các hoạt động đầu cơ. Cái được mệnh danh là dân chủ hoá tín dụng của Na-pô-lê-ông, thực tế chỉ là sự phổ biến lan tràn khắp nơi nạn đầu cơ giao dịch chứng khoán. Công trái của hoàng đế đối với nông dân đã đóng đúng các vai trò mà Crédit Mobilier đảm nhiệm đối với giai cấp tư sản và các giai cấp bên trên. Những công trái này đã dắt dẫn Sở giao dịch tới các hộ nông dân, đã bòn rút những khoản dành dụm riêng của người nông dân và thu nhặt những số tiền nhỏ nhặt mà trước đây được dùng để cải tiến việc canh tác trong nông nghiệp.

Như vậy, tình hình khó khăn của nông nghiệp ở Pháp cũng là hậu quả của chế độ chính trị hiện nay với mức độ ngang với kết quả của thiên tai. Nếu tiểu nông thua thiệt vì giá cả thấp ít hơn so với những chủ trại lớn ở Anh thì mặt khác, họ lại khổ vì thiếu thực phẩm, cái mà đối với các chủ trại lớn ở Anh thường là một nguồn mang lại lợi nhuận. Do đó mà có sự bất mãn của nông dân thể hiện trong những vụ thiêu huỷ, đáng tiếc là diễn ra thường xuyên, mặc dù theo lệnh của hoàng đế, chúng không được nhắc tới trên báo chí Pháp. Nếu như sau cuộc Cách mạng tháng Hai, nông dân đã hết sức bất bình vì thấy rằng món thuế mới gồm 45 xăng-tim đổ lên đầu họ là để nuôi dưỡng những công xưởng dân tộc ở Pa-ri⁷⁸ thì nông dân hiện nay còn phần nộ hơn nữa, vì một sự kiện hoàn toàn không chối cãi được là những dự trữ cùng kiệt của họ bị bắt đem nộp thuế là nhằm tạo điều kiện cho dân Pa-ri được mua lúa mì theo giá thấp hơn giá thành. Hơn nữa nếu nhớ lại rằng, Na-pô-lê-ông trúng cử, nói cho cùng, là do chính những lá phiếu của nông dân bầu ra, thì tinh thần cách mạng hiện nay của giai cấp này đang rọi một ánh sáng hoàn toàn mới vào khả năng thành bại của triều đại Bô-na-pác-tơ. Triều đại này ngay giờ đây buộc phải dùng đến những mưu chước thâm hại nào để xoa dịu và trì hoãn những đòi hỏi mang tính cách đe dọa của dân cày nghèo, điều đó người ta thấy rõ qua lời lẽ của các quận trưởng trong những thông tri "khuyến khích" việc từ

thiện. Chẳng hạn như quận trưởng ở Xac-ta nói với các quận phó của ông ta những lời lẽ như sau:

"Kính mong các vị để mọi tâm sức và kiên quyết bắt tay thực hiện nhiệm vụ - nhiệm vụ này là một trong những chức năng cao quý nhất của chính quyền - cụ thể là tìm các biện pháp để nâng đỡ và kiểm việc làm cho những công dân cần nâng đỡ hay việc làm, - như thế các vị sẽ góp phần gìn giữ sự yên bình xã hội. Các vị không phải lo rằng những nguồn cứu tế sẽ bị cạn kiệt hoặc là túi tiền của tư nhân bị dốc sạch do những hy sinh của họ trong các năm gần đây, dù cho những hy sinh đó có lớn đến mấy cũng vậy. Trong thời gian qua, các địa chủ và tá điền đã thu được những món lợi nhuận lớn và là những người quan tâm đặc biệt đến việc gìn giữ cho nông thôn được bình yên vô sự nên họ sẽ hiểu rằng, cả lợi ích lẫn nghĩa vụ buộc họ phải hy sinh.

Nếu thêm vào tất cả những nguyên nhân bất mãn đã kể trên cả việc thiếu nhà ở và thiếu thực phẩm ở Pa-ri, những khó khăn trong việc bán lẻ ở thủ đô, những cuộc bãi công trong các ngành công nghiệp khác nhau của Pa-ri thì sẽ hiểu tại sao tự do báo chí vốn bị đàn áp, bỗng nhiên tìm được lối thoát trong những tờ truyền đơn nổi loạn dán trên các tường nhà. Một bức thư riêng chúng tôi nhận được của một phóng viên đáng tin cậy ở Pa-ri cho biết là khoảng ngày 1 đến ngày 12 tháng Mười đã có ít ra là chín trăm vụ bắt bớ. Cần chú ý đến một số trong các nguyên nhân của những vụ bắt bớ này, bởi vì những nguyên nhân đó là một dấu hiệu đáng kinh ngạc về sự lo lắng và sợ hãi của chính phủ. Trong một trường hợp có kẻ, như người ta thường nói, "kiếm chác ở Sở giao dịch", đã bị bắt vì đã nói rằng dường như anh ta chỉ thấy "trong cuộc Chiến tranh Crưm vô vàn người mất mạng và quân chúng thì mất tiền toi"; một người khác, một thương gia đã bị bắt vì đã quả quyết là dường như "công việc buôn bán cũng tồi tệ như là chính phủ vậy"; một người nữa cũng đã bị bắt vì người ta khám thấy trong người đó bài ca về Đa-vít Đờ Ăng-giơ và về các sinh viên⁷⁹; người thứ tư là một quan chức chính phủ, bị bắt vì đã công bố những tập sách viết về cuộc khủng hoảng tài chính; một người thợ may bị bắt vì đã dò hỏi xem có phải một vài người bạn của anh ta đã bị bắt như anh ta được nghe nói hay không; và sau rốt, một công nhân bị bắt vì nói chuyện về tình hình thực phẩm đắt đỏ với một người cùng quê làm cảnh

sát, bởi lẽ tên cảnh sát coi những nhận xét của anh công nhân là có hại cho chính phủ.

Do tất cả những sự việc này, chắc gì thương mại và công nghiệp Pháp sẽ tránh được phá sản, một sự phá sản kéo theo sau nó những sự kiện chính trị nghiêm trọng ở mức độ này hay mức độ khác và sự phá sản này ảnh hưởng một cách tai hại tới sự ổn định của tín dụng và sự bền vững trong quan hệ buôn bán không chỉ ở châu Âu mà cả ở châu Mỹ nữa. Những vụ đầu cơ khổng lồ vào các công trường đường sắt ở Nga mà giờ đây Crédit Mobilier đang cùng nhiều nhà ngân hàng lớn ở châu Âu lao vào chỉ có thể đẩy nhanh đà tuột thẳng xuống cái vực thẳm ấy.

Do C.Mác viết vào khoảng ngày 7 tháng Mười một 1856

Đã đăng làm xã luận trên báo "New-York Daily Tribune" số 4866, ngày 22 tháng Mười một 1856

In theo bản đăng trên báo Nguyên văn là tiếng Anh

C.MÁC

* KHỦNG HOẢNG Ở CHÂU ÂU

Xét theo những nguồn tin từ châu Âu do hai chiếc tàu cập bến vào tuần này mang tới thì sự phá sản hoàn toàn của nạn đầu cơ và của trò chơi ở Sở giao dịch, - sự phá sản mà những người ở cả hai bờ đại dương đều linh cảm thấy trước như một đòn không thể tránh khỏi của số mệnh - có lẽ chưa xảy ra. Tuy vậy, sự trì hoãn này tuyệt nhiên không có nghĩa là có thể tránh được phá sản. Ngược lại, cái tính chất kinh niên của cuộc khủng hoảng tài chính hiện nay chỉ báo trước một kết cục còn khốc liệt và tai hại hơn nữa của cuộc khủng hoảng này. Cuộc khủng hoảng càng kéo dài thì càng phải trả giá đắt. Châu Âu hiện giờ như một người kê bên miệng hố phá sản mà vẫn cứ buộc lòng phải tiến hành như cũ những công việc kinh doanh đã làm nó phá sản, đồng thời lại phải tìm mọi phương sách tuyệt vọng có thể có được hòng nhờ đấy mà ngăn ngừa hoặc tránh khỏi đòn cuối cùng khủng khiếp. Người ta đề xuất những yêu cầu mới về việc trả tiền đóng góp cho cổ phần các công ty mà đa số chỉ tồn tại trên giấy tờ; những khoản tiền mặt rất lớn được bỏ vào các hoạt động đầu cơ, do đó sẽ không bao giờ có thể rút chúng ra được; trong khi đó thì mức lãi suất cao - hiện nay là 7% tại Ngân hàng Anh - khác nào người mổ toà cay nghiệt của toà án sắp tới.

Thậm chí, ngay cả khi những thủ đoạn tài chính được đưa ra

thi thố hiện nay có đạt được thành công rực rỡ nhất thì vô vàn hoạt động đầu cơ của Sở giao dịch trên lục địa cũng không thể không mau chóng đi tới kết thúc. Chỉ riêng ở một nước Phổ vùng Ranh đã có 72 công ty khai mỏ mới, với số vốn cổ phần là 79 797 333 ta-le. Đúng là hiện nay Crédit Mobilier của Áo, hay nói đúng hơn, Crédit Mobilier của Pháp ở Áo, đang gặp phải những khó khăn lớn khi tìm cách thanh toán theo đề nghị thứ hai của mình, vì rằng việc quay trở lại thanh toán bằng tiền mặt bị những biện pháp của Chính phủ Áo làm tê liệt. Khoản tiền mua được để trả cho đường sắt và hầm mỏ, theo hợp đồng, phải nộp vào ngân khố của hoàng đế bằng tiền kim loại, điều đó có nghĩa là tính đến tận tháng Hai 1858, dự trữ của Crédit Mobilier hàng tháng sẽ hụt trên 1 000 000 đô-la. Mặt khác, những khó khăn về tiền của các chủ thầu đường sắt ở Pháp lớn đến mức đường sắt lớn trung tâm buộc phải sa thải trên đoạn đường Muyn-lu-đơ 500 nhân viên và 15000 công nhân, còn Công ty Ly-ông - Giơ-ne-vơ thì phải giảm bớt hoặc tạm đình toàn bộ các hoạt động của mình. Do tiết lộ những sự việc đó mà tờ "Indépendance belge"⁸⁰ đã hai lần bị tịch thu ở Pháp. Về thái độ không dung thứ như thế của Chính phủ Pháp đối với bất cứ một lời nào vạch trần tình trạng thực sự của thương mại và công nghiệp Pháp, thì những lời sau đây, những lời được tuôn ra mới đây từ miệng ông Pê-ti, trợ lý của viên chánh công tố, phát biểu lúc khai mạc kỳ họp của Toà án Pa-ri thật là thú vị:

"Xin nhìn vào con số thống kê, các vị sẽ biết được một số điều lý thú về những chiều hướng hiện nay trong thương mại. Số vụ phá sản mỗi năm một tăng. Năm 1851 là 2305 vụ; năm 1852 - 2478 vụ; năm 1853 - 2671 vụ, còn năm 1854 - 3691 vụ. Những vụ phá sản đặc biệt nghiêm trọng và những vụ phá sản bình thường đều tăng ở mức như nhau. Số vụ thuộc loại thứ nhất từ năm 1851 tăng 66%, còn số vụ thuộc loại thứ hai - 100%. Còn những trò lừa đảo về thể loại, chất lượng và số lượng hàng bán cũng như việc sử dụng các thủ đoạn cân đo dối trá tăng đến mức kinh khủng. Năm 1851 đã xử 1717 vụ như thế; năm 1852 - 3763 vụ; năm 1853 - 7074 vụ, còn năm 1854 là 7831 vụ".

Đúng là báo chí Anh, bất chấp những hiện tượng như vậy trên lục địa, cứ quả quyết với chúng ta rằng thời kỳ tồi tệ nhất của khủng hoảng đã qua rồi, nhưng chúng ta hẳn sẽ phí công đi

tìm những chứng cứ đáng tin cho điều khẳng định đó. Chúng ta sẽ không tìm thấy chúng trong việc Ngân hàng Anh nâng mức chiết khấu tới 7%, cũng như trong bản báo cáo gần đây của Ngân hàng Pháp, trong đó người ta thấy không chỉ là nó đã được làm giả mạo mà còn thấy là mặc dù đã hạn chế gặt gao các khoản vay mượn, chiết khấu các kỳ phiếu và phát hành giấy bạc ngân hàng, ngân hàng này vẫn không thể ngăn chặn được bệnh chảy máu các kim loại quý hoặc xoay sở được mà không phải trả thưởng cho việc mua vàng. Song, dù thế nào đi nữa thì người ta cũng thấy rành rành là Chính phủ Pháp không hề đồng tình với những cách nhìn lạc quan mà nó cố tình tuyên truyền cả trong nước mình cũng như ở nước ngoài. Ở Pa-ri, người ta biết rõ là hoàng đế, trong sáu tuần nay không dừng bước trước bất cứ hy sinh tài chính nào, dù những hy sinh ấy to lớn đến đâu, chỉ cốt sao để giữ được lợi tức trên 66%, bởi vì ngài không phải chỉ có tin tưởng, mà còn tâm niệm chắc chắn rằng sự giảm sút lợi tức xuống quá 66% sẽ là tiếng kèn đưa ma nền đế chế. Hiển nhiên là ở đây, Đế chế Pháp khác với Đế chế La Mã vì một đảng sợ bị diệt vong trước sự tấn công của bọn người dã man, còn đế chế kia thì sợ bị diệt vong do sự rút lui của bọn đầu cơ ở Sở giao dịch⁸¹.

*Do C.Mác viết vào khoảng ngày 21 tháng Mười một 1856
Đã đăng làm xã luận trên báo "New-York Daily Tribune" số 4878, ngày 6 tháng Chạp 1856*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

C.MÁC

BUÔN BÁN BẰNG ĐƯỜNG BIỂN CỦA ÁO

Có thể nói rằng việc buôn bán bằng đường biển của Áo bắt đầu từ thời thành phố Vơ-ni-dơ và những vùng đất phụ thuộc nó nằm trên bờ biển A-đri-a-tích lần đầu tiên được sáp nhập vào đế quốc này theo hoà ước ký tại Cam-pô-phô-mi-ô mà về sau được xác nhận bằng hoà ước ký tại Luy-nê-vin⁸². Như vậy, Na-pô-lê-ông là người sáng lập trên thực tế ngành thương mại này của Áo. Đành rằng khi thấy mình đã mang lại cho Áo những ưu thế gì, Na-pô-lê-ông bèn xoá bỏ những sự nhượng bộ ấy lúc đầu bằng Hiệp ước Prê-xbuc rồi sau đó bằng việc ký Hoà ước ở Viên vào năm 1809⁸³. Song Áo, một khi được đặt vào con đường đúng đắn đã lợi dụng cái dịp may ban đầu ấy để khôi phục lại ưu thế của mình ở lưu vực biển A-đri-a-tích dựa vào hoà ước năm 1815⁸⁴. Trung tâm buôn bán này là Tơ-ri-e-xtơ; người ta có thể thấy ưu thế của trung tâm này - thậm chí ngay cả thời kỳ trước kia - so với mọi cảng khác của Áo, qua bảng thống kê dưới đây:

	Các cảng	Phi-u-mơ	Tơ-ri-e-xtơ	Vơ-ni-dơ	Những cảng khác	Tổng cộng
(tính bằng phlo-rin)						
Năm 1838	Nhập cảng	200 000	32 200 000	9 000 000	8 000 000	49 400 000
	Xuất cảng	1 700 000	14 400 000	5 300 000	2 000 000	23 400 000
Năm 1841	Nhập cảng	200 000	22 300 000	8 500 000	5 300 000	36 300 000
	Xuất cảng	1 600 000	11 200 000	3 100 000	1 900 000	17 800 000
Năm 1842	Nhập cảng	200 000	24 900 000	11 500 000	5 100 000	41 700 000
	Xuất cảng	1 300 000	11 900 000	3 400 000	2 600 000	19 200 000

Năm 1839, giá trị nhập cảng của Vơ-ni-dơ so với giá trị nhập cảng của Tơ-ri-e-xơ là 1: 2,84, còn giá trị xuất cảng của chúng là 1: 3,8. Cũng vào năm ấy, số tàu cập bến mỗi cảng ấy với tỷ lệ 1: 4. Hiện nay Tơ-ri-e-xơ đã đạt được ưu thế làm lu mờ tất cả các cảng khác của Áo, kể cả Vơ-ni-dơ. Song, việc Tơ-ri-e-xơ chiếm mất địa vị của Vơ-ni-dơ ở biển A-đri-a-tích không thể quy là do sự bảo hộ đặc biệt của Chính phủ Áo cũng như do sự hoạt động ráo riết của Lôi-dơ nước Áo⁸⁵. Tơ-ri-e-xơ là một cái vịnh bên bờ đá lởm chởm không ai hay biết, vào đầu thế kỷ XVIII chỉ có một số ít ngư dân sống ở đấy, tới năm 1814, lúc quân Pháp rút khỏi I-xơ-ri-a, thì nó biến thành một thương cảng với số dân 23 000 người, thêm vào đó, hoạt động thương mại của nó vào năm 1815 đã lớn gấp ba lần Vơ-ni-dơ. Năm 1832, một năm trước lúc Lôi-dơ nước Áo được thành lập, dân số của Tơ-ri-e-xơ có trên 50 000 người; và ngay vào lúc mà ảnh hưởng của Lôi-dơ chưa hẳn đã có phần nào đáng kể, thì Tơ-ri-e-xơ đã đứng thứ hai sau Anh trong việc buôn bán với Thổ Nhĩ Kỳ và đứng đầu trong việc buôn bán với Ai-cập. Điều đó được thấy rõ qua bảng xuất nhập khẩu dưới đây của Xmiéc-na trong thời gian từ năm 1835 đến hết năm 1839:

	Pi-a-xơ-rơ	Pi-a-xơ-rơ
Anh	126 313 146.....	44 618 032
Tơ-ri-e-xơ.....	93 500 456.....	52 477 756
Mỹ	57 329 165.....	46 608 320

Những con số sau đây về xuất nhập khẩu của Ai-cập năm 1837 cũng khá điển hình:

	Phrăng	Phrăng
Tơ-ri-e-xơ.....	13 858 000.....	14 532 000
Thổ Nhĩ Kỳ.....	12 661 000.....	12 150 000
Pháp.....	10 702 000.....	11 703 000
Anh và Man-ta.....	15 158 000.....	5 404 000

Tại sao chiếc nôi của ngành hàng hải được phục hồi tại biển A-đri-a-tích lại là Tơ-ri-e-xơ chứ không phải Vơ-ni-dơ? Vơ-ni-dơ đã là một thành phố của những kỷ niệm; cũng giống như nước Mỹ, Tơ-ri-e-xơ có cái ưu thế là nói chung nó không có một quá khứ nào. Được sáng lập bởi các thương gia có đầu óc phiêu lưu của I-ta-li-a, Đức, Anh, Pháp Hy Lạp, Ác-mê-ni-a và Do Thái tự hội đồng đúc với nhiều màu sắc, Tơ-ri-e-xơ không bị trói buộc bởi những tập quán cổ truyền như một thành phố nằm trên các đầm phá. Chẳng hạn, trong lúc việc buôn bán ngũ cốc của Vơ-ni-dơ trong suốt thế kỷ XVIII vẫn khư khư giữ những quan hệ cũ thì Tơ-ri-e-xơ đã gắn số phận của mình với ngôi sao Ô-đét-xa đang lên và nhờ vậy, tới đầu thế kỷ XIX đã có thể lấn át hoàn toàn địch thủ của nó là Vơ-ni-dơ trong việc buôn bán ngũ cốc tại Địa Trung Hải. Một đòn vô cùng nguy hại giáng vào các nước Cộng hoà I-ta-li-a cổ, chuyên về thương mại, vào cuối thế kỷ XV, là việc khám phá ra con đường biển vòng quanh châu Phi, đòn này được lập lại dưới hình thức thu nhỏ bằng hệ thống thuế quan lục địa của Na-pô-lê-ông. Lần này thì những tàn tích cuối cùng của nền thương mại Vơ-ni-dơ bị thủ tiêu. Sau khi đã mất hết mọi hy vọng về khoản thu nhập nhờ đầu tư vào việc buôn bán bằng đường biển đang tàn lụi này, những nhà tư bản Vơ-ni-dơ dĩ nhiên chuyển vốn của mình sang bờ bên kia của biển A-đri-a-tích, nơi mà ngay lúc ấy hoạt động buôn bán bằng đường bộ của Tơ-ri-e-xơ đã có triển vọng tăng gấp đôi quy mô của mình. Thế là Vơ-ni-dơ tự mình đã nuôi béo Tơ-ri-e-xơ - đó là cái số phận chung của tất cả các lãnh chúa trên biển. Hà Lan đã đặt nền móng cho sự cường thịnh của Anh kiểu như vậy, và Anh thì tạo ra sự hùng cường của Mỹ cũng theo cách như thế.

Sáp nhập vào Đế quốc Áo, Tơ-ri-e-xơ đã chiếm ngay một địa vị hoàn toàn khác với địa vị mà Vơ-ni-dơ trước kia đã từng có. Tơ-ri-e-xơ đã mở cửa tự nhiên cho việc buôn bán với các vùng rộng lớn và giàu có nằm phía sau nó, trong khi đó Vơ-ni-dơ luôn luôn chỉ là một hải cảng cách biệt xa xôi của biển A-đri-a-tích, một hải cảng đã chiếm được thương mại đường biển của thế giới, hơn nữa việc chiếm lĩnh đó lại dựa trên tình trạng lạc hậu của những nước không ý thức được khả năng của mình. Bởi vậy, sự

phồn thịnh của Tơ-ri-e-xơ không bị ngăn chặn bởi bất cứ giới hạn nào, ngoài việc nó phải phụ thuộc vào sự phát triển của lực lượng sản xuất và phương tiện giao thông của một khối lớn các nước hiện nằm dưới sự điều khiển của Áo. Một ưu thế khác của Tơ-ri-e-xơ là nằm giáp liền với bờ phía đông của biển A-đri-a-tích, điều đó tạo cho nó cơ sở để buôn bán ven biển, một hoạt động mà người Vơ-ni-dơ hầu như không biết đến, và đồng thời đó cũng là vườn ươm cái bộ tộc thủy thủ dũng cảm mà Vơ-ni-dơ không bao giờ biết tận dụng đầy đủ. Cũng như trước đây Vơ-ni-dơ suy vi dần theo đà hưng thịnh của Đế chế Ô-tô-man, thì giờ đây, những khả năng của Tơ-ri-e-xơ cũng phát triển cùng với sự phát triển những ưu thế của Áo đối với Thổ Nhĩ Kỳ. Sự phân chia của nền thương mại phương Đông, - sự phân chia này hoàn toàn phụ thuộc vào những nguyên nhân chính trị, - đã gây trở ngại cho sự phát triển của thương mại Vơ-ni-dơ, thậm chí vào thời kỳ phồn vinh nhất của nó. Một mặt, có con đường buôn bán dọc theo sông Đa-nuýp, con đường này xưa kia vị tất đã có quan hệ với việc buôn bán bằng đường biển của Vơ-ni-dơ; mặt khác, khi mà dưới sự bảo trợ của các ông vua Cơ Đốc giáo, Vơ-ni-dơ đã giữ độc quyền buôn bán ở Mô-rê-a, Síp, Ai-cập, Tiểu Á, v.v., thì người Giê-nu-ét, được các vua Hy Lạp bảo trợ, hầu như chiếm độc quyền buôn bán với Công-xtăng-ti-nô-pơ và Hắc Hải. Tơ-ri-e-xơ lần đầu tiên đã nối liền được cả hai con đường thương mại lớn này của Cận Đông với nền thương mại dọc theo sông Đa-nuýp. Vào cuối thế kỷ XV, Vơ-ni-dơ tựa hồ như bị di chuyển về mặt địa lý. Việc khám phá ra con đường biển vòng quanh mũi Hảo Vọng đã chuyển trung tâm thương mại châu Á thoát đầu sang Li-xbon, rồi sau đó sang Hà Lan và cuối cùng sang Anh, do đó Vơ-ni-dơ mất ưu thế nằm cạnh Công-xtăng-ti-nô-pơ và A-lếch-xăng-đrô lúc bấy giờ là những trung tâm buôn bán của châu Á. Nhờ đào kênh Xu-ê, ưu thế mà Vơ-ni-dơ đã mất đi, nay hẳn lại trở về với Tơ-ri-e-xơ. Phòng thương mại Tơ-ri-e-xơ không những sáp nhập vào Công ty kênh Xu-ê của Pháp mà còn phải cả những nhân viên của mình tới để nghiên cứu Hồng Hải và các bờ biển Ấn Độ Dương nhằm phát triển những hoạt động thương mại đã manh nha trong các miền này. Khi kênh đã được khai thông thì

Tơ-ri-e-xơ tất nhiên sẽ bắt đầu cung cấp hàng Ấn Độ cho toàn bộ Đông Âu, nó cách chỉ tuyến bắc một khoảng cũng gần bằng khoảng cách hiện nay giữa nó với Gi-bran-ta, tàu của nó tới eo biển Xông-đơ bằng đường biển phải đi 5600 dặm.

Như vậy, sau khi đã phác qua đại thể triển vọng phát triển thương mại của Tơ-ri-e-xơ, chúng tôi xin bổ sung một bảng chỉ rõ sự phát triển thương mại của cảng này trong vòng mười năm lại đây:

Năm	Tàu	Trọng tải (tấn)	Năm	Tàu	Trọng tải (tấn)
1846	16782	985514	1851	24101	1408802
1847	17321	1007330	1852	27931	1556652
1848	17812	926815	1853	29317	1675886
1849	20553	1269258	1854	26556	1730910
1850	21124	1323796	1855	21081	1489197

Nếu so sánh con số trung bình trong ba năm đầu thời kỳ này với con số trung bình của ba năm cuối (973 220 so với 1 631 664), thì mức tăng trong một khoảng thời gian ngắn đến như thế thể hiện bằng tỷ số $\frac{68}{100}$. Mác-xây còn xa mới đạt được sự phát triển

nh nhanh đến như thế. Ngoài ra, cơ sở phồn vinh của Tơ-ri-e-xơ lại còn bền vững hơn nữa bởi vì nó được xây dựng nhờ vào việc mở rộng quan hệ thương mại cả với các cảng của chính nước Áo cũng như với các cảng của nước ngoài. Chẳng hạn, nội thương từ năm 1846 đến hết năm 1848 trung bình là 416 709 tấn mỗi năm; từ năm 1853 đến hết năm 1855 tăng trung bình tới 854 753 tấn mỗi năm, nghĩa là hơn gấp đôi. Đặc biệt là vào thời kỳ từ năm 1850 đến hết năm 1855, trọng tải những tàu Áo đi qua cảng Tơ-ri-e-xơ là 6 206 316 tấn, trọng tải những tàu nước ngoài là 2 981 928 tấn. Việc buôn bán với Hy Lạp, Ai-cập, Cận Đông và các nước vùng Hắc Hải trong cùng thời kỳ ấy tăng trung bình từ 257 741 tấn đến 496 394 tấn mỗi năm.

Tuy nhiên, thương mại và hàng hải của Tơ-ri-e-xơ vẫn còn lâu mới đạt tới mức là chu chuyển thương mại có được những hình thức ổn định nào đó và tự động là hậu quả của sự phát triển đầy

đủ các nguồn dự trữ trong nước. Để thấy rõ điều đó, chỉ cần nhìn qua tình hình kinh tế của Đế quốc Áo với đường giao thông nội địa chưa phát triển đầy đủ, dân cư phần lớn còn mặc áo da cừu và còn xa lạ với nhu cầu sinh hoạt văn hoá. Một khi nước Áo phát triển được đường giao thông của mình tới trình độ ít nhất ngang với đường giao thông ở các quốc gia Đức, thì nền thương mại của Tơ-ri-e-xtơ sẽ nhanh chóng và vững vàng mở đường cho mình tiến thẳng vào tận trái tim của đế quốc này. Việc xây dựng xong tuyến đường sắt từ Tơ-ri-e-xtơ đến Viên với tuyến đường phụ từ Txi-li đến Pét sẽ gây ra trong nền thương mại Áo cả một cuộc cách mạng mà trong đó không có trung tâm nào lại thụ được nhiều lợi hơn Tơ-ri-e-xtơ. Đường sắt này tất nhiên sẽ bắt đầu với khối lượng chu chuyển hàng hoá lớn hơn so với khối lượng chu chuyển hàng hoá của Mác-xây. Song, chúng ta sẽ xác định được những số lượng có thể có của lượng hàng hoá chu chuyển này, nếu lưu ý rằng, những nước mà biển A-đri-a-tích là con đường thông thương duy nhất, có số dân vào khoảng 30 966 000 người, nghĩa là ngang với số dân Pháp năm 1821, và cảng Tơ-ri-e-xtơ sẽ phục vụ cho một lãnh thổ rộng 60 398 000 ha, nghĩa là nhiều hơn lãnh thổ Pháp 7 triệu ha. Bởi vậy, trong một tương lai rất gần Tơ-ri-e-xtơ hẳn sẽ có được tầm quan trọng ngang với tầm quan trọng của các cảng Mác-xây, Boóc-đô, Nan-tơ và Ha-vơ gộp lại đối với Pháp.

*Do C.Mác viết vào cuối tháng Mười
một 1856*

*Đã đăng trên báo "New - York Daily
Tribune" số 4906, ngày 9 tháng
Giêng 1857*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

BUÔN BÁN BẰNG ĐƯỜNG BIỂN CỦA ÁO

Trong một bài báo trước đây^{1*}, chúng tôi đã nói về những điều kiện tự nhiên giúp cho nền thương mại trên biển A-đri-a-tích lại phục hồi ở Tơ-ri-e-xtơ. Sự phát triển của nền thương mại này phần lớn là kết quả hoạt động của Lôi-đơ nước Áo - một công ty do người Anh thành lập, những từ năm 1836 nằm trong tay các nhà tư bản Tơ-ri-e-xtơ. Lúc đầu Lôi-đơ chỉ có vền vện một chiếc tàu, chạy mỗi tuần một chuyến giữa Tơ-ri-e-xtơ và Vơ-ni-đơ. Ít lâu sau, ngày nào cũng có tàu chạy. Dần dần các tàu của Lôi-đơ nắm được thương mại của Rô-vi-nô, Phi-u-mơ, Pi-ra-nô, Da-ra và Ra-gu-da ở miền duyên hải I-xtơ-ri-a và Đan-ma-xi. Sau đó, được thu hút vào phạm vi hoạt động của công ty này có Rô-ma-nhơ, tiếp sau là An-ba-ni, Ê-pia và Hy Lạp. Tàu của Lôi-đơ vẫn chưa vượt quá phạm vi biển A-đri-a-tích lúc mà Ác-si-pen, Xa-lô-ni-ki, Xmiéc-na, Bãy-rút, Pơ-tô-lê-mai-đa và A-lếch-xăng-đri bắt đầu tìm cách lọt vào mạng lưới các đường tàu chạy mà công ty này đã vạch ra. Cuối cùng, các tàu của Lôi-đơ thâm nhập vào Hắc Hải và nắm được các tuyến giao thông nối liền Công-xtăng-ti-nô-pơ với Xi-nô-pơ, Tơ-ra-pê-dun, Vác-na, Brai-lốp và Ga-lát ngay trước mắt Nga và Thổ Nhĩ Kỳ. Như vậy, công ty này vốn được thành lập chỉ nhằm phục vụ ở các miền duyên hải của Áo trên biển

1* Xem tập này, tr.112-114.

A-đrì-a-tích thì nay dần dần chiếm được các vị trí ở Địa Trung Hải và, sau khi đã nắm chắc Hắc Hải thì rõ ràng nó chỉ còn đợi mở kênh Xu-ê để thâm nhập vào Hồng Hải và Ấn Độ Dương.

Vốn ban đầu của Lô-i-đơ khoảng 1 000 000 phlo-rin, nhờ liên tục phát hành cổ phiếu và trái phiếu mới, đã tăng tới 13 000 000 phlo-rin. Chu chuyển vốn của công ty và những hoạt động của nó từ năm 1836 được trình bày trong bản báo cáo gần đây của các giám đốc như sau:

	Năm 1836/37	Năm 1853/54
Vốn	1 000 000 phl.	8 000 000 phl.
Số tàu	7	47
Mã lực	630	7990
Trọng tải	1 944	23 665
Giá trị của các tàu	798 824 phl.	8.010 000 phl.
Số đường tàu chạy	87	1 465
Số dặm đã chạy	43 652	776 415
Số hành khách đã chở	7 967	331 688
Các thỏi kim loại quý trị giá	3 934 269 phl.	59 523 125 phl.
Thư từ và điện báo	35 205	748 930
Kiện, bao	5 752	565 508
Tổng số chi phí	232 267	phl. 3 611 156 phl.
Tất cả các khoản chi phí của công ty trong 17 năm (kể cả lợi tức cổ phần)		25 147 403 phl.
Tổng thu nhập		26 032 452 phl.
Thu vượt chi		885 049 phl.

Qua bảng trên có thể thấy được Lô-i-đơ là một xí nghiệp thương mại có tầm quan trọng lớn, và phục vụ đắc lực cho sự phát triển công thương nghiệp ở tất cả những nơi nào mà các tàu của nó thâm nhập vào. Theo tính toán, trị giá một tạ hàng^{1*} của Áo là 300 phlo-rin, còn hành lý của mỗi người khách là 10 phlo-rin, thì trong khoảng thời gian từ năm 1836 đến năm 1853 Lô-i-đơ đã chở:

Hàng trị giá.....	1 255 219 200 phl.
Hành lý trị giá	84 847 930 phl.
Tiền và vàng, bạc nén trị giá.....	461 113 767 phl.
Tổng cộng.....	1 801 180 897 phl.

1* – tạ tây

"Không còn nghi ngờ gì nữa", - một tác giả Pháp viết, - "ảnh hưởng khiêm tốn nhưng đều đặn của cái công ty con buôn này đối với cục diện ở Cận Đông trong vòng nhiều năm ít ra cũng hữu hiệu bằng và còn tốt đẹp gấp bội so với ảnh hưởng của nền ngoại giao Áo".

Sự hồi phục của nền thương mại và sự phát triển của ngành thủy vận bằng hơi nước ở biển A-đrì-a-tích sớm hay muộn cũng phải làm hồi phục hạm đội A-đrì-a-tích đã mất đi từ thời Vơ-ni-dơ suy tàn. Với tâm địa sẵn có, Na-pô-lê-ông đã nghĩ ra việc thành lập một hạm đội như thế mà chẳng đợi phải phục hồi thương mại đường biển; ông ta tiến hành thí nghiệm này đồng thời cả ở Ảng-ve lẫn ở Vơ-ni-dơ. Vì ông tổ chức được những đoàn quân không cần đến nhân dân ủng hộ chúng, nên ông ta vẫn định ninh rằng ông ta có thể xây dựng được một hạm đội quân sự mà không cần có đội tàu buôn để có thể lấy đó làm chỗ dựa. Nhưng ngoài việc ý đồ này tự bản thân nó không thể thực hiện được, Na-pô-lê-ông còn vấp phải những khó khăn mang tính chất địa phương hoàn toàn không lường trước được. Sau khi những kỹ sư tài ba nhất của ông ta được phái đến Vơ-ni-dơ, sau khi việc xây dựng những công sự của thành phố này đã hoàn thành, matériel^{1*} tàu thuyền đã được tu sửa lại và hoạt động trước đây của các xưởng đóng tàu đã được khôi phục lại, thì bỗng phát hiện ra rằng tiến bộ kỹ thuật trong chiến tranh trên biển và trong ngành hàng hải đều đã khiến cho cảng Vơ-ni-dơ trở nên không thích hợp, cũng hệt như những tuyến đường buôn bán mới đã vô hiệu hóa nền thương mại và ngành hàng hải của nó. Người ta thấy rõ là dù cảng Vơ-ni-dơ có thuận tiện cho những chiếc thuyền cổ xưa đến đâu chẳng nữa thì nó vẫn quá nông đối với những chiến hạm hiện đại và thậm chí cả những tàu chiến ba buồm cũng chỉ có thể vào cảng sau khi đã dỡ những khẩu pháo trên tàu đi, mà cũng chỉ vào được khi có gió nam và lúc thủy triều lên cao. Song, đối với hải cảng quân sự hiện đại thì điều hết sức cần thiết là làm sao để đường vào các cảng này phải mở ra cho các tàu vào bất cứ lúc nào và chúng phải đủ sâu và đủ rộng để bố trí được cả hạm đội

1* - dụng cụ

khi tấn công cũng như lúc phòng thủ. Ngoài ra, Bô-na-pác-tơ cũng đã hiểu được rằng ông ta còn phạm phải một sai lầm nữa. Bằng những hiệp ước ký kết tại Cam-pô-nhô-mi-ô và Luy-nơ-vin, ông ta đã cắt Vơ-ni-dơ ra khỏi bờ phía đông biển A-đri-a-tích và do đó làm mất nguồn nhân lực của nó dùng để bổ sung cho đoàn thủy thủ hạm đội. Từ cửa sông I-dôn-xơ đến Ra-ven-na, ông ta đã uống công tìm kiếm những người quen đi biển, bởi vì trong số những tay chèo ở Vơ-ni-dơ và ngư dân của các đầm (bộ lạc thừa thớt và nhút nhát) không sao tuyển được lấy một vài thủy thủ thạo nghề. Chỉ lúc này Na-pô-lê-ông mới phát hiện ra điều mà người Vơ-ni-dơ ngay vào thế kỷ X đã phát hiện ra, đó chính là quyền bá chủ ở A-đri-a-tích chỉ có thể nằm trong tay kẻ nào chiếm được bờ phía đông biển đó. Ông ta hiểu ra rằng những hiệp ước ký ở Cam-pô-phô-mi-ô và Luy-nơ-vin là một sai lầm to lớn, bởi vì bằng những hiệp ước đó ông ta đã hiến cho Áo cư dân A-đri-a-tích quen nghề đi biển mà chỉ giữ lại cho mình cái tên bến cảng đã mất ý nghĩa của nó rồi (*magni nominis umbram*^{1*}). Để sửa chữa những sai lầm lớn trước đây của mình, ông ta bèn chiếm lấy I-xơ-ri-a và Đan-ma-xi bằng những hiệp ước ký sau đó ở Prê-xbuốc và Viên.

Từ xa xưa, Xơ-ra-bôn đã nhận xét rằng⁸⁶, trong khi bờ A-đri-a-tích của I-ta-li-a hoàn toàn không có vịnh và bến cảng thì bờ I-li-ri-a đối diện lại có nhiều cảng thật tuyệt vời. Thật vậy, trong thời nội chiến ở La Mã, chúng ta thấy Pôm-pê đã thành lập được những hạm đội lớn bên bờ Ê-pia và I-li-ri-a chẳng có gì khó khăn, ấy thế mà bên bờ I-ta-li-a thì Xê-da, chỉ sau những cố gắng phi thường, mới có thể tập trung được một số ít tàu để chuyển quân từng bộ phận. Với những vịnh và đầm sâu, với những hòn đảo lởm chởm đá tai mèo hoang vu, với vô số bãi cát bồi và những bến đỗ tự nhiên tuyệt vời, bờ I-xơ-ri-a và Đan-ma-xi đã trở thành một vườn ươm thượng hảo hạng để đào tạo nên những thủy thủ giỏi, có thể lực khỏe và tinh thần dũng cảm, được tôi luyện trong những cơn bão tố nổi lên hầu như từng ngày trên biển A-đri-a-tích.

1* - cái bóng một vĩ nhân

Borà^{1*} hung thần biển này, luôn luôn nổi dậy một cách bất ngờ, nó chụp lên các thủy thủ một cơn lốc dữ dội và trong bọn họ chỉ kẻ nào lão luyện nhất mới đứng vững nổi trên bong tàu. Đôi lúc nó hoành hành không ngớt suốt mấy tuần liền, và cơn thịnh nộ của nó chủ yếu trút vào vùng giữa vịnh Cát-ta-rô và mũi phía nam của I-xơ-ri-a. Nhưng người Đan-ma-xi, từ bé đã quen đấu sức với nó, chỉ rần lại như gang thép dưới hơi thở gầm rít của nó và coi khinh những cơn bão bình thường của các biển khác. Như vậy, không khí, đất đai và biển cả dường như đồng lòng hợp sức với nhau để sản sinh ra những thủy thủ vững chãi và bình tĩnh của vùng biển này.

Xi-xmôn-di nhận xét rằng, nông dân Lô-m-bác-di vốn thạo nghề dệt lụa, như con tằm quen nhả tơ. Cũng vậy, người Đan-ma-xi thạo nghề đi biển như con chim Hải Âu. Nạn cướp biển là một đề tài cho các bài dân ca của họ, cũng hết như nạn cướp đường là đề tài của thi ca Tơ-tông cổ. Và cho đến nay người Đan-ma-xi vẫn nâng niu kỷ niệm những chiến công hiển hách của nghĩa quân U-xcô-cơ, trong suốt một thế kỷ rưỡi đã chống chọi với quân chủ lực của Vơ-ni-dơ và Thổ Nhĩ Kỳ⁸⁷. Hoạt động của họ chỉ chấm dứt sau khi hiệp ước giữa Thổ Nhĩ Kỳ và Áo được ký kết năm 1617, trong thời gian trước đó, nghĩa quân U-xcô-cơ vẫn được hoàng đế bảo trợ một cách thuận lợi. Lịch sử của nghĩa quân U-xcô-cơ chỉ có thể đem ví với lịch sử của quân Cô-dắc vùng Đơ-nhép-rốp-xcơ: một đảng bị đuổi ra khỏi Thổ Nhĩ Kỳ, một đảng bị đuổi ra khỏi Ba Lan; một đảng gây kinh hoàng ở A-đri-a-tích, một đảng - ở Hắc Hải; nghĩa quân U-xcô-cơ ban đầu được nước Áo ngấm ngấm ủng hộ, sau lại bị nó tiêu diệt, quân Cô-dắc cũng bị nước Nga đối xử như thế. Các thủy thủ Đan-ma-xi thuộc hạm đội Địa Trung Hải của đô đốc Ê-mê-ri-ô đã làm cho Na-pô-lê-ông phải thần phục. Bởi vậy, không còn phải nghi ngờ gì nữa là ở bờ phía đông A-đri-a-tích có nguồn nhân lực cần thiết cho một hạm đội hạng nhất. Những người ấy chỉ thiếu có một cái là kỷ luật. Căn cứ vào bản thống kê năm 1813, Na-pô-lê-ông xác định rằng trên bờ này có 43500 thủy thủ:

1* - gió đông bắc mạnh

Ở Tô-ri-e-xtơ	12000
Ở Phi-u-mơ	6000
Ở Da-ra	9500
Ở Xpa-la-tô	5000
Ở Ra-gu-da	8500
Ở Cát-ta-rô	2500
Tổng cộng	43500
Chính vào lúc này số thủy thủ	
có lẽ ít nhất là	55000

Sau khi đã tìm được người, Na-pô-lê-ông mới bắt đầu tìm kiếm cảng cho hạm đội A-đri-a-tích. Các tỉnh của I-li-ri-a bị ông ta chiếm hẳn theo Hiệp ước Viên năm 1809; song các tỉnh này bị quân đội Pháp chiếm ngay từ lúc diễn ra trận Oa-téc-lô, và Na-pô-lê-ông đã lợi dụng tình hình chiến tranh để chuẩn bị xây dựng những công trình lớn mà ông ta dự định sẽ thực hiện vào thời bình. Năm 1806, ông Bô-tăng - Bô-prê, người đứng đầu nhóm kỹ sư và các nhà địa lý thủy văn của hạm đội Pháp, được cử tới để nghiên cứu các miền duyên hải I-xtơ-ri-a và Đan-ma-xi nhằm mục đích chọn một điểm thích hợp nhất cho căn cứ hải quân được dự kiến tại A-đri-a-tích. Toàn bộ vùng bờ biển này đã được khảo sát và cuối cùng các kỹ sư đã chú ý tới cảng Pô-la, nằm ở mũi phía nam bán đảo I-xtơ-ri-a. Người Vơ-ni-dơ cố gắng chỉ giữ lực lượng hải quân của mình ở Vơ-ni-dơ nên họ không những có thái độ coi thường cảng Pô-la mà còn ra sức phao tin rằng tàu chiến không thể vào cảng này được vì ở đây tựa hồ có bãi cát bồi. Song ông Bô-prê xác minh rằng chẳng có bãi bồi nào ở đây cả và Pô-la đáp ứng tất cả những yêu cầu của một quân cảng hiện đại. Trong những thời đại khác nhau, nó đã là nơi đậu lại của các lực lượng hải quân A-đri-a-tích. Nó là trung tâm của những cuộc thao diễn hải quân của người La Mã vào lúc họ tiến hành những cuộc viễn chinh vào I-li-ri-a và Pan-nô-ni-a, và đã trở thành một bến đậu thường xuyên của hạm đội của Đế chế La Mã. Người Giê-nu-ét, người Vơ-ni-dơ, và cuối cùng nghĩa quân U-xcô-cơ đã đóng ở đây vào các thời đại khác nhau. Cảng Pô-la sâu và rộng ở khắp mọi hướng, phía biển có những hòn đảo bảo vệ, còn sau lưng có những

dãy núi đá khổng lồ cả vùng. Nhược điểm duy nhất của nó là khí hậu độc và bệnh sốt rét, nhưng như lời ông Bô-tăng - Bô-prê⁸⁸ khẳng định, chúng sẽ biến mất nếu áp dụng hệ thống các biện pháp tiêu thủy mà cho đến nay vẫn chưa thấy có ở các vùng này.

Người Áo rất chậm làm quen với ý nghĩ là họ sẽ trở thành một cường quốc trên biển. Cho đến gần đây, cục hải quân dưới con mắt họ vẫn chỉ là một bộ phận trong cơ quan quân sự. Hàm đại tá trong quân đội ngang bằng thuyền trưởng loại I, còn trung tá tương ứng với thuyền trưởng chiến thuyền, làm thiếu tá tương ứng với thuyền trưởng tàu buồm phòng thủ; và sự tương ứng như vậy trong thang phẩm hàm đối với người Áo là bảo đảm cho sự tương ứng thực sự của chức vụ trong lực lượng quân và hải quân. Họ cho rằng đã tìm được phương thức hay nhất để tạo ra cấp chuẩn úy hải quân sau khi đã cho tập sự làm sĩ quan khinh kỵ. Tân binh hải quân cũng được tuyển theo cách như tân binh lục quân, chỉ có một sự khác biệt duy nhất là các tỉnh I-xtơ-ri-a và Đan-ma-xi chỉ tuyển người riêng cho hải quân mà thôi. Thời hạn tại ngũ cũng như nhau, tức là 8 năm trên bộ thì trên biển cũng thế.

Sự phân biệt giữa lục quân và hải quân, cũng giống như toàn bộ sự tiến bộ hiện nay của Áo, là kết quả của cuộc cách mạng năm 1848. Kinh nghiệm của Na-pô-lê-ông không dạy được gì cho người Áo; trước năm 1848 Vơ-ni-dơ vẫn là kho quân nhu duy nhất của Áo. Người Áo không hề nghĩ đến những nhược điểm của cảng Vơ-ni-dơ, bởi vì thực tế họ không có hạm đội hiện đại. Tất cả lực lượng hải quân của họ chỉ gồm 6 chiến thuyền, 5 tàu buồm phòng thủ, 7 thuyền hai buồm, 6 thuyền rộng bản, 16 tàu thủy, và 36 thuyền có vũ trang - với cả thảy 850 khẩu pháo. Lấy có trừng phạt người I-ta-li-a ủng hộ cách mạng, người Áo đã đưa trường hải quân, đài khí tượng, trạm thủy văn, khí cụ tàu thuyền và bãi pháo ở Vơ-ni-dơ sang Tô-ri-e-xtơ. Các xưởng đóng tàu và kho nguyên vật liệu vẫn đặt ở nơi cũ, và như vậy, do việc trả thù một cách quan liêu mà các bộ phận phục vụ hải quân được bố trí ở hai điểm khác nhau. Nhưng đáng lẽ phải trừng phạt Vơ-ni-dơ, thì Áo lại chỉ làm suy yếu cả hai bộ phận của căn cứ hải quân của mình.

Chính phủ Áo mới dần dà hiểu ra rằng dù Tơ-ri-e-xơ có là một thương cảng tuyệt vời đến đâu chăng nữa thì nó vẫn không thích hợp để làm căn cứ cho một hạm đội quân sự. Rốt cuộc thì Chính phủ Áo chẳng phải làm gì khác ngoài việc nhớ lại bài học mà Napô-lê-ông đã thu được ở A-đri-a-tích và biến Pô-la thành trung tâm quản lý đường biển của mình. Chính phủ này trong mấy năm đầu sau khi dời cục hải quân về Pô-la, đã bỏ công sức vào việc xây dựng trại lính chứ không phải vào việc xây dựng các xưởng đóng tàu thuyền, điều đó hoàn toàn đúng với tinh thần thực tiễn của người Áo. Hệ thống phòng thủ Pô-la dựa trên cơ sở tổ chức hỏa lực đan chéo từ các đảo nằm cạnh cửa ngõ vào cảng, kết hợp với dây ụ pháo dày đặc có nhiệm vụ cản tàu địch bắn vào cảng. Ngoài ưu thế chiến lược của nó, Pô-la còn có thêm một đặc tính cần phải có của một cảng tốt: nó có thể bảo đảm cung cấp nguyên liệu cho một hạm đội lớn. Ở I-xơ-ri-a có những rừng sỏi chất lượng không kém gì rừng sỏi ở Na-plơ; Các-ni-ô-la, Kéc-nơ-then và Stê-ri-a có những dự trữ vô tận về gỗ thông mà ngay hiện giờ là mặt hàng xuất khẩu chính của Tơ-ri-e-xơ; Stê-ri-a có nhiều sắt; địa điểm để xuất khẩu sợi gai của An-cô-na thì không còn nơi nào thuận tiện hơn Pô-la; than cho đến nay vẫn được đưa từ Anh sang, song các mỏ của Đan-ma-xi ở Xê-bê-ni-cô cũng bắt đầu cho than có chất lượng tốt hơn, còn khi đường sắt Viên - Tơ-ri-e-xơ khai thông thì sẽ có thể có than loại tốt nhất từ Dêm-mê-rinh tới. Tất cả những nông sản của I-xơ-ri-a nhờ được trồng trên đất đá vôi, nên chúng có thể chịu được tốt sự vận chuyển dài ngày. Dầu thảo mộc thật dồi dào, bánh mì Hung-ga-ri thì ở ngay cạnh, còn thịt lợn thì có thể mua tha hồ ở triền sông Đa-nuýp. Thịt lợn ấy hiện giờ được chở tới Ga-lát và Hăm-buốc, nhưng đường sắt lại chở thịt đó về Tơ-ri-e-xơ và Pô-la.

Đối với tất cả những tiền đề tuyệt diệu ấy cho việc phục hưng sức mạnh hải quân trên biển A-đri-a-tích, chỉ có một trở ngại duy nhất: đó là bản thân nước Áo. Giả như Áo, với tổ chức hiện nay và chính phủ hiện hành của nó, có thể thành lập được một hạm đội thương mại và quân sự mạnh ở A-đri-a-tích, thì qua đó ắt là nó sẽ đoạn tuyệt với tất cả những truyền thống lịch sử

cho rằng sự hùng cường trên biển bao giờ cũng đi liền với tự do. Nhưng đối với nước Áo, từ bỏ các truyền thống sẽ có nghĩa là từ bỏ bản thân mình.

*Do C.Mác viết vào cuối tháng Mười
một 1856*

*Đã đăng trên báo "New-York Daily
Tribune" số 5082, ngày 4 tháng Tám
1857*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

QUYỀN THÁNH THƯỢNG CỦA DÒNG HỌ HÔ-HEN-TXÔ-LÉC

Hiện nay ở châu Âu người ta chỉ bận tâm có mỗi một vấn đề quan trọng: vấn đề Nơ-sa-ten⁸⁹. Ít ra là những tờ báo Phổ cũng đã quả quyết như vậy. Thực tế thì diện tích công quốc Nơ-sa-ten cộng với lãnh địa bá tước Va-lan-gien, nếu nói theo kiểu toán học, có thể được biểu thị bằng một con số khá nhỏ bé, bằng mười bốn dặm vuông. Song, như lời các nhà triết học hoàng gia ở Béc-lin thường nói, không phải số lượng, mà là chất lượng tạo ra cho sự vật sự vĩ đại hoặc sự nhỏ mọn và đóng cho chúng cái dấu ấn của sự cao quý hay sự nhục cười. Đối với họ thì vấn đề Nơ-sa-ten là sự tranh chấp muôn thuở giữa cách mạng với quyền thánh thượng, là một mâu thuẫn ít tùy thuộc vào quy mô địa lý, cũng giống như định luật về sức hút ít phụ thuộc vào sự khác nhau giữa mặt trời và quả bóng ten-nít.

Chúng tôi sẽ cố gắng phân tích xem cái mà triều đại Hô-hen-txô-léc gọi là quyền thánh thượng của mình, chính là cái gì vậy. Trong trường hợp chúng tôi xem xét ở đây, triều đại này viện đến nghị định thư đề ngày như sau: Luân Đôn ngày 24 tháng Năm 1852; theo nghị định thư này thì các đại diện của Pháp, Anh và Nga

"thừa nhận công quốc Nơ-sa-ten và lãnh địa bá tước Va-lan-gien thuộc quyền

vua Phổ, căn cứ vào nội dung các điều khoản hai mươi ba và bảy mươi lăm của Hiệp ước Viên, đó là những quyền đã được áp dụng từ năm 1815 đến năm 1848 song song với những quyền đã dành cho Thụy Sĩ theo điều khoản bảy mươi ba của hiệp ước này".

Bằng "sự can thiệp ngoại giao" này, quyền thánh thượng của vua Phổ đối với Nơ-sa-ten đã được thừa nhận chỉ trong chừng mực nó được Hiệp ước Viên quy định. Còn Hiệp ước Viên đến lượt mình lại viện đến quyền mà nước Phổ đã có được vào năm 1707. Thế nhưng sự việc năm 1707 diễn ra như thế nào?

Công tước Nơ-sa-ten và lãnh địa bá tước Va-lan-gien vào thời Trung cổ thuộc Vương quốc Buốc-gun-di, sau khi Các-lơ đũng cảm⁹⁰ bị thất bại thì biến thành những đồng minh trong Liên bang Thụy Sĩ, và khi chịu sự bảo hộ trực tiếp của Béc-nơ, chúng vẫn ở địa vị này trong suốt tất cả những cuộc đổi thay liên tục các "lãnh chúa" phong kiến của mình, cho đến lúc Hiệp ước Viên biến chúng từ chỗ là những đồng minh thành những thành viên của Liên bang Thụy Sĩ. Quyền bá chủ ở Nơ-sa-ten ban đầu được giao cho triều đại Sa-lông-xô - Ô-răng-giơ, sau đó do Thụy Sĩ can thiệp, lại chuyển sang triều đại Lông-gơ-vin và cuối cùng, sau khi tất cả những đại diện của dòng họ nội của triều đại này bị tuyệt diệt, nó được giao cho em gái của hoàng thân^{1*} là nữ công tước quả phụ Nơ-mua. Khi nữ công tước tiếp nhận những đất đai này thì Uy-li-am III, vua Anh và là công tước Na-xau - Ô-răng-giơ, đã phản đối và giao yêu sách của mình về Nơ-sa-ten và Va-lan-gien cho vua Phổ là Phri-đrich I, anh em thúc bá của mình; song sự việc này, lúc sinh thời Uy-li-am III không hề ngó ngang gì đến. Sau khi Ma-ri-a, tức là nữ công tước Nơ-mua, tạ thế thì Phri-đrich lại đưa ra yêu sách của mình, song vì trên sân khấu xuất hiện thêm mười bốn ứng cử viên nữa, cho nên ông ta khôn ngoan dành cho hội đồng đẳng cấp của Nơ-sa-ten và Va-lan-gien quyền phán quyết cuối cùng về cách giải quyết yêu sách của các đối thủ, sau khi ông ta đã mua chuộc các toà án để bảo đảm trước về sự phán quyết của hội

1* Trên tờ "New - York Daily Tribune" số ra ngày 9 tháng Giêng 1857, không phải là câu "giao cho em gái của hoàng thân" mà in là "giao cho em gái ông hoàng thân cuối cùng".

đồng này. Như vậy, bằng con đường mua chuộc, vua Phổ đã trở thành công tước Nơ-sa-ten và bá tước Va-lan-gien. Những tước vị này của ông ta đã bị cách mạng Pháp tước mất, rồi lại được Hiệp ước Viên trao lại cho ông, rồi lại bị cách mạng năm 1848 tước mất. Đối lập với quyền cách mạng của nhân dân, ông ta đã viện đến quyền thánh thượng của dòng họ Hô-hen-txô-léc, cái quyền này rõ ràng quy lại là quyền thánh thượng mua chuộc.

Nét đặc trưng của mọi cuộc xung đột phong kiến là quy mô không đáng kể. Song cũng cần nói tới những điều khác biệt lớn giữa các cuộc xung đột đó. Vô vàn những cuộc đụng độ nhỏ, những âm mưu và phản nghịch mà các vua Pháp đã dựa vào để thanh toán các chư hầu phong kiến của mình, chắc hẳn lúc nào cũng là một đề tài thích thú cho các sử gia, bởi vì chúng là những cái mốc đánh dấu quá trình hình thành một dân tộc lớn. Mặt khác, câu chuyện một nước chư hầu nào đó dùng mảnh khoé như thế nào để tước đoạt của Đế chế Đức một phần đất đai lớn hay nhỏ vì lợi ích riêng của mình, là một đề tài hết sức vô vị và tẻ ngắt, nếu như sự trùng hợp của những tình huống đặc biệt nào đó, đại loại như những tình huống trong lịch sử nước Áo, làm sống lại đề tài này. Ở đây, chúng ta thấy cũng một hoàng thân vừa được chọn làm nguyên thủ của đế chế, vừa là người cầm quyền chư hầu thừa kế của một trong những địa hạt thuộc đế chế, đang âm mưu chống lại đế chế vì lợi ích của địa hạt mình như thế nào, những mưu đồ này đã thành đạt như thế nào, bởi vì những cuộc xâm lấn của hoàng thân này ở phía nam dường như làm tái diễn những cuộc xung đột truyền thống giữa Đế chế Đức và I-ta-li-a, còn những cuộc xâm lấn của ông ở phía đông thì dường như là tiếp tục cuộc đấu tranh một mất một còn giữa các bộ lạc Giéc-manh và Xla-vơ và cuộc chống đối nhau giữa châu Âu Cơ Đốc giáo với phương Đông Hồi giáo; cuối cùng, thông qua những mối liên hệ gia tộc khéo léo, ông ta đã làm như thế nào để sự hùng mạnh của dòng họ mình lên cao tới mức, vào thời điểm nhất định nó đe dọa không chỉ nuốt chửng cả đế chế được phủ quanh nó bởi ánh hào quang loè loẹt, mà còn chôn vùi toàn thế giới trong nắm mồ của nền quân chủ toàn cầu. Sử biên niên của lãnh địa bá tước Bran-den-buốc không hề ghi những sự kiện cực kỳ to

lớn này. Trong khi lịch sử của nữ đối thủ của nó gây cho người ta cái ấn tượng của một bản sử thi của quý xa-tăng, thì lịch sử của dòng họ Bran-den-buốc chỉ là một cuốn gia phả ghi đầy những chuyện bê bối. Giữa hai bên có một sự khác biệt kỳ lạ, thậm chí ngay cả ở điểm mà người ta mong có thể tìm ra được chỗ giống nhau, nếu không phải là đồng nhất về lợi ích. Cả hai lãnh địa, Bran-den-buốc và Áo, ban đầu đều có tầm quan trọng là những tiền đồn, cả về mặt phòng thủ lẫn tấn công của Đức chống lại các bộ lạc Xla-vơ láng giềng. Nhưng thậm chí cả từ góc độ này mà xét thì lịch sử Bran-den-buốc vẫn nghèo về màu sắc, về đời sống và về sự vận động mang kịch tính, bởi vì nó bị chìm đi trong những xung đột nhỏ nhất với các bộ lạc Xla-vơ không tên tuổi ở rải rác trên một địa bàn tương đối hẹp giữa sông En-bơ và sông Ô-đê, hơn nữa, không một bộ lạc nào trong số đó kịp trưởng thành, thậm chí tới trình độ na ná như một tôn tại lịch sử. Lãnh địa bá tước Bran-den-buốc chưa bao giờ chinh phục và Đức hóa được một bộ lạc Xla-vơ nào có chút ít ý nghĩa lịch sử; và vì vậy nó vẫn không vươn được cánh tay sang biển Ven-đơ bên cạnh. Pô-mê-ra-ni - đối tượng dòm ngó của các bá tước Bran-den-buốc kể từ thế kỷ XII - mãi đến năm 1815 vẫn chưa bị sáp nhập toàn bộ vào Vương quốc Phổ⁹¹, nhưng khi các tuyển hầu Bran-den-buốc bắt đầu thôn tính nó từng phần thì nó đã từ lâu không còn là một quốc gia Xla-vơ nữa. Việc cải tạo bờ biển Ban-tích phía nam và đông - nam - được tiến hành một phần nhờ đầu óc kinh doanh tháo vát của các nhà tư sản Đức, một phần nhờ vào lưỡi kiếm của các hiệp sĩ Đức - là việc có liên quan đến lịch sử nước Đức và Ba Lan, chứ không phải có liên quan đến lịch sử Bran-den-buốc. Bran-den-buốc chỉ xuất hiện ở đây để thu hoạch một vụ mùa không phải do nó gieo trồng.

Có thể quả quyết trăm phần trăm là trong số vô vàn độc giả đã có được khái niệm nào đó về những cái tên cổ điển như A-si-lơ, Xi-xê-rôn, Nê-xtô và Hếch-tô là những người như thế nào thì chỉ có rất ít độc giả một lúc nào đó ngờ rằng mảnh đất toàn cát Bran-den-buốc không những ngày nay sản sinh ra được khoai tây và cừu, mà xưa kia từng có vô số tuyển hầu, ít ra có đến bốn vị được thiên hạ biết đến dưới cái tên An-bréch A-khin-lét, I-ô-han

Xi-xê-rôn, I-ô-a-sim I Nê-xtô-rơ và I-ô-a-sim II Hếch-tô. Chính cái tính tâm thường quý báu đã giúp cho sự phát triển chậm chạp của lãnh địa bá tước Bran-đen-buốc thành một cái gì đó mà vì xã giao người ta gọi là một cường quốc châu Âu, - cái điều tâm thường đó đã bảo tồn cái lịch sử tâm thường của nó tránh được sự gần gũi với công luận một cách quá ư thiếu khiêm tốn. Vì lưu tâm đến sự kiện đó, nên các chính khách và các tác gia Phổ đã cố gắng hết sức để làm cho toàn thế giới có ý niệm rằng dường như Phổ *par excellence*^{1*} là một nước quân chủ quân phiệt, từ đó có thể rút ra kết luận rằng quyền thánh thượng của dòng họ Hô-hen-txô-léc tất có nghĩa là quyền của lưỡi kiếm, quyền xâm lược. Song, không có gì xa chân lý hơn quan niệm đó. Ngược lại, có thể khẳng định rằng, nói cho đúng ra thì trong tất cả các tỉnh mà hiện nay dòng họ Hô-hen-txô-léc nắm được, họ chỉ thôn tính được một tỉnh duy nhất, đó là Xi-lê-di - đây là chiến công vào loại độc nhất trong biên niên sử triều đại của họ, đến nỗi Phri-đrich II nhờ thế mà được tặng biệt danh là Độc nhất. Cần phải thấy rằng, nền quân chủ Phổ trải rộng hơn 5 062 dặm vuông, trong số đó tỉnh Bran-đen-buốc, ngay trong đường biên giới hiện tại, chiếm không quá 730, còn Xi-lê-di thì chiếm không quá 741 dặm vuông. Thế thì bằng cách nào mà dòng họ Hô-hen-txô-léc lại thôn tính được Phổ với 1178 dặm vuông, Pô-dơ-nan với 536 dặm vuông, Pô-mê-ra-ni với 567 dặm vuông, Dắc-den với 460 dặm vuông, Ve-xơ-pha-li với 366 dặm vuông và nước Phổ vùng sông Ranh với 479 dặm vuông. Họ làm được như vậy là nhờ vào quyền thánh thượng là được mua chuộc nhờ mua bán công khai, nhờ ăn cắp vặt, nhờ sẵn lòng của thừa kế và nhờ những hiệp ước phân chia đầy phản trắc.

Vào đầu thế kỷ XV lãnh địa bá tước Bran-đen-buốc thuộc về triều đại Lúc-xăm-buốc, đứng đầu là Xi-gi-đơ-mun-đơ, người lúc bấy giờ đang nắm cả vương trượng hoàng đế Đức. Vì luôn túng bần tiền nong và bị các chủ nợ đòi riết, nên ông ta bèn tìm đến anh bạn dễ tính và dễ thỏa thuận là Phri-đrich, bá tước ở Nu-rem-be, một ông hoàng thuộc dòng họ Hô-hen-txô-léc. Năm 1411,

Phri-đrich được phong làm chấp chính tối cao của Bran-đen-buốc, một chức tước được đem như là một văn tự chứng nhận những món tiền mà ông ta đã cho hoàng đế vay. Giống như một chủ cho vay nặng lãi biết tính toán, bước đầu đã làm chủ được ngôi nhà của kẻ vung tay quá trán, Phri-đrich lại tiếp tục dùng những khoản cho vay mới để ràng buộc Xi-gi-đơ-mun-đơ vào những món nợ mới đến tận năm 1415, lúc mà rốt cuộc những khoản thanh toán giữa con nợ và chủ nợ được thu xếp bằng cách chuyển cho Phri-đrich lãnh địa tuyền hầu thừa kế Bran-đen-buốc. Để không ai nghi ngờ gì về thực chất của hành vi này, hành vi này được kèm theo hai điều kiện: một là, triều đại Lúc-xăm-buốc vẫn được quyền chuộc lại lãnh địa tuyền hầu này bằng 400 000 phlo-rin tiền vàng, hai là, Phri-đrich và những người kế vị ông ta phải bỏ phiếu cho triều đại Lúc-xăm-buốc trong mỗi lần bầu hoàng đế mới. Điều kiện thứ nhất đã xác định rõ ràng bản thoả ước như một giao kèo đổi chác, còn điều kiện thứ hai là sự mua chuộc. Để trở thành người chủ trọn vẹn lãnh địa tuyền hầu này, ông bạn tham lam của Xi-gi-đơ-mun-đơ chỉ còn phải làm mỗi việc: huỷ bỏ điều kiện chuộc lại. Như thế, chớp được thời cơ thuận lợi tại Hội nghị Công-xtăng-tanh⁹², lúc Xi-gi-đơ-mun-đơ lại gặp khó khăn với những khoản chi cho đoàn đại diện của hoàng gia, Phri-đrich đã vội vã rời bản địa sang đất Thụy Sĩ, dốc sạch hầu bao và thế là rũ bỏ được cái điều kiện vô cùng nguy hại kia. Đây là những thủ đoạn và những cách thức của quyền thánh thượng mà triều đại Hô-hen-txô-léc hiện vẫn đang trị vì đã dựa vào đó để chiếm lãnh địa bá tước Bran-đen-buốc. Nền quân chủ Phổ đã ra đời như thế đấy.

Người kế vị gần nhất của Phri-đrich, một con người hết sức nhu nhược, được tặng cái danh hiệu "Người thép", bởi vì theo thói lập dị bao giờ ông ta cũng thích xuất hiện trước công chúng trong bộ quân áo giáp bằng sắt, ông ta đã mua Mác-cơ Mới của đoàn hiệp sĩ Tép-tôn với giá 100 000 phlo-rin tiền vàng, cũng hệt như cha ông ta đã mua của hoàng đế Mác-cơ Cũ và tước hiệu tuyền hầu. Từ nay phương pháp mua từng phần đất đai của các vị vua chúa mắc nợ đã trở thành một việc làm thông thường đối với các tuyền hầu Hô-hen-txô-léc, cũng như xưa kia việc can thiệp vũ trang

1* - chủ yếu, phần nhiều

vốn là chuyện thông thường đối với Thượng nghị viện La Mã. Gạt ra một bên những chi tiết tẻ nhạt của việc mua bán bản thủ này, chúng ta đi thẳng sang thời đại Cải cách tôn giáo.

Chớ nên nghĩ rằng, nếu phong trào Cải cách tôn giáo đã trở thành chỗ dựa chính của triều đại Hô-hen-txô-léc thì triều đại Hô-hen-txô-léc cũng là chỗ dựa chính của phong trào cải cách tôn giáo. Hoàn toàn ngược lại. Người sáng lập ra triều đại này, Phri-đrich I, đã bắt đầu sự trị vì bằng việc đem quân đội của Xi-gi-đơ-mun-đơ chống lại phong trào Gu-xít⁹³, phong trào này đã nhen cho y nên thân về sự sứt sắng này. I-ô-a-sim I Nê-xtô-rô, trị vì từ năm 1499 đến năm 1535, đã đối xử với phong trào Cải cách tôn giáo tựa hồ như nó là phong trào của Phái Ta-bo⁹⁴. Y đã truy nã nó cho đến tận lúc y qua đời. Mặc dù I-ô-a-sim II Hêch-tô là tín đồ của đạo Lu-the, ông ta vẫn không chịu tuốt gươm bảo vệ đạo giáo mới vào đúng cái lúc mà nó dường như đã kiệt sức trong cuộc đấu tranh với những lực lượng áp đảo của Sác-lơ V. Ông ta không những khước từ việc tham gia vào cuộc chống cự vũ trang của Liên minh Sman-can-đen⁹⁵, mà còn ngầm giúp hoàng đế nữa. Như vậy, phong trào Cải cách tôn giáo ở Đức đã gặp phải thái độ thù địch công khai của triều đại Hô-hen-txô-léc ngay lúc nó mới phát sinh, gặp thái độ trung lập giả dối vào thời kỳ đầu của cuộc đấu tranh, còn vào lúc chung cục khùng khiếp của phong trào, tức là lúc có Cuộc chiến tranh ba mươi năm⁹⁶, thì nó gặp phải những dao động hèn nhát, sự khoanh tay hèn hạ và sự phản trắc đê tiện. Như mọi người đã biết, tuyển hầu Ghê-oóc Vin-hem đã mưu toan cản đường các đoàn quân giải phóng của Gu-xtáp A-đôn-phơ là người buộc phải đấm đá túi bụi để xua tuyển hầu vào trại Tin lành, sau đó tuyển hầu đã tìm cách chuồn khỏi nơi đây bằng cách ký hoà ước riêng với Áo⁹⁷. Song, nếu triều đại Hô-hen-txô-léc không phải là những hiệp sĩ của phong trào Cải cách tôn giáo Đức thì, không còn nghi ngờ gì nữa, họ là những người giữ kén bạc của nó. Việc họ không muốn chiến đấu vì sự nghiệp của phong trào Cải cách tôn giáo chỉ có thể đem sánh với họ ham muốn cướp bóc nhưng lại nhân danh nó. Đối với họ thì Cải cách tôn giáo chỉ là lý do tôn giáo của quyền thế tục hóa, do đó phần tốt nhất của những cái họ thu được trong thế kỷ XVI và XVII có thể

quy về chỉ một nguồn dồi dào là cướp bóc nhà thờ - đây là một cách biểu thị quyền thánh thượng khá kỳ khôi.

Trong lịch sử hình thành chế độ quân chủ Hô-hen-txô-léc có ba sự kiện quan trọng nhất, đó là việc chiếm lãnh địa tuyển hầu Bran-đen-buốc, việc sáp nhập công quốc Phổ vào lãnh địa tuyển hầu này và, cuối cùng, việc nâng công quốc lên hàng vương quốc. Chúng ta đã thấy việc chiếm lãnh địa tuyển hầu này diễn ra như thế nào rồi. Người ta đã đoạt được công quốc Phổ là nhờ có ba hành động. Thứ nhất, bằng cách thế tục hoá. Sau nữa, bằng cách sắp xếp những cuộc hôn nhân có tính chất khá mờ ám: tuyển hầu I-ô-a-sim - Phri-đrich thì kết hôn với cô em, nhưng con trai ông ta, I-ô-han - Xi-gi-đơ-mun-đơ, thì lấy cô chị, cả hai cô đều là con của công tước mất trí An-brêch nước Phổ, ông này không có con trai; và cuối cùng, bằng cách mua chuộc: tay phải thì hối lộ các cận thần của vua Ba Lan, tay trái thì đút lót cho Quốc hội của Rê-chơ Pa-xpô-li-ta^{1*}. Những chuyện thông đồng mua chuộc này hết sức phức tạp đến nỗi kéo dài ròng rã suốt bao năm. Một phương pháp cũng tương tự như vậy đã được áp dụng để cải biến công quốc Phổ thành vương quốc. Tuyển hầu Phri-đrich III về sau là vua Phri-đrich I phải được sự đồng ý của hoàng đế nước Đức mới được tấn phong vương hiệu. Muốn đạt được sự đồng ý đó - mà lương tâm Cơ Đốc giáo của hoàng đế lại chống lại điều đó - Phri-đrich III bèn mua chuộc tu sĩ dòng tên Vôn-phơ - cha rửa tội của Lê-ô-pôn I - và thêm nữa còn ném ra 30 000 người Bran-đen-buốc làm bia đỡ đạn trong cuộc chiến tranh của Áo nhằm thừa kế ngôi vua Tây Ban Nha⁹⁸. Tuyển hầu Hô-hen-txô-léc quay về phong tục cổ Đức là thanh toán bằng hàng tươi sống, chỉ có khác là người Đức cổ đại trả bằng súc vật, còn ông ta thì trả bằng người. Vương quốc Hô-hen-txô-léc đã được hình thành theo ý trời là như vậy đấy.

Kể từ đầu thế kỷ XVIII, dòng họ Hô-hen-txô-léc ngày càng mạnh lên, họ đã hoàn thiện những phương pháp bành trướng đất đai của mình, ngoài mua chuộc và thông đồng dối chác, còn có thêm cả những hiệp ước ký kết với Nga về phân chia đất đai nhằm

1* - tên gọi chính thức của nước Cộng hoà Ba Lan thế kỷ XVI - XVIII.

chống lại các quốc gia mà họ không thắng nổi nhưng bất thần lại nhảy tới tấn công khi các quốc gia này bị đánh bại. Chẳng hạn, chúng ta thấy họ hành động một cách nhất trí với Pi-ốt Đại đế khi phân chia đất đai của Thụy Điển, với Ê-ca-tê-ri-na II khi phân chia Ba Lan và với A-lếch-xan-đơ I khi phân chia nước Đức⁹⁹.

Như vậy, những ai lên tiếng phản đối những tham vọng của Phổ đối với Nơ-sa-ten và chỉ ra rằng đất này bị thôn tính bằng con đường mua chuộc, thì họ đều phạm sai lầm thảm hại và quên rằng cũng bằng con đường mua chuộc này mà triều đại Hô-hen-txô-léc đã thu được Bran-đen-buốc, chiếm được Phổ và cũng bằng con đường như vậy mà họ nắm được ngôi vua. Cũng không thể nghi ngờ gì nữa là họ chiếm được Nơ-sa-ten là do có cái quyền thánh thượng, cũng như khi chiếm những đất đai khác của họ, và họ cũng không thể bỏ một mảnh nào trong số đó mà lại không gây nguy cơ cho tất cả những lãnh địa khác.

*Do C.Mác viết vào khoảng ngày 2 tháng Chạp 1856
Đã đăng trên báo "The People's Paper" số 241, ngày 13 tháng Chạp 1856, ký tên C.M và trên báo "New-York Daily Tribune" số 4906, ngày 9 tháng Giêng 1857, không ký tên*

In theo bản đăng trên báo "The People's Paper" có đối chiếu với bản in trên báo New-York Daily Tribune" Nguyên văn là tiếng Anh

C.MÁC

*CUỘC XUNG ĐỘT GIỮA ANH VÀ TRUNG QUỐC

Bưu phẩm do chiếc tàu "A-mê-ri-ca" chở đến sáng hôm qua có rất nhiều tài liệu về cuộc xung đột giữa người Anh với các nhà cầm quyền Trung Quốc ở Quảng Châu và về những hành động quân sự của đô đốc Xây-mua¹⁰⁰. Bất cứ một người vô tư nào khi chú ý nghiên cứu những thư từ giao dịch chính thức giữa các nhà đương cục Anh ở Hồng Kông với các nhà cầm quyền Trung Quốc tại Quảng Châu, theo chúng tôi nghĩ, tất phải đi tới kết luận là người Anh sai trái trong toàn bộ sự việc này. Theo lời khẳng định của người Anh, nguyên nhân xung đột tưởng như do những nhà chức trách nào đó của Trung Quốc đáng lẽ phải nói chuyện với lãnh sự Anh thì đã cưỡng bức giải một số phạm nhân người Hoa đi khỏi chiếc tàu buồm vận chuyển^{1*} đậu trên sông Quảng Châu và hạ lá cờ Anh đang pháp phới trên cột buồm. Song, như báo "Times" ở Luân Đôn viết, "dĩ nhiên có cả một loạt vấn đề còn phải bàn cãi, như vấn đề chiếc tàu buồm có treo cờ Anh không và lãnh sự có hoàn toàn đúng không khi ta xét tới những biện pháp mà ông ta đã áp dụng". Sự hồ nghi diễn đạt như vậy là có căn cứ, nếu chúng ta nhớ rằng điều khoản của hiệp ước¹⁰¹,

1* - tàu buồm chạy ven bờ

theo lời khẳng định của viên lãnh sự, đáng ra phải áp dụng cho tàu buôn này, thì lại chỉ áp dụng cho các tàu Anh; thế nhưng, chiếc tàu buôn này, như nhiều cứ liệu cho thấy rõ, không thể xem là tàu Anh theo nghĩa chính xác phần nào của từ ngữ này. Song, để bạn đọc của chúng tôi có thể hình dung được đầy đủ về toàn bộ sự việc đáng tiếc đã xảy ra, chúng tôi xin trích dẫn ra đây điều chủ yếu nhất trong các thư từ trao đổi chính thức. Trước hết, có thông báo của ông Pác-cơ, lãnh sự Anh ở Quảng Châu, gửi tổng đốc E, ghi ngày 21 tháng Mười, như sau:

"Sáng ngày 8 tháng này, một toán đông sĩ quan và binh lính Trung Quốc, mặc quân phục, không hề báo trước cho lãnh sự Anh, bấp chập sự phản kháng của đại úy người Anh, đã lên chiếc tàu buôn "Ê-râu" của Anh đậu giữa những chiếc tàu khác đang thả neo cạnh thành phố, họ đã bắt trói và dẫn đi mười hai người Hoa trong số mười bốn nhân viên thuộc đoàn thủy thủ của tàu và hạ cờ trên tàu. Cũng ngày hôm đó, tôi đã thông báo với Ngài mọi chi tiết về sự xúc phạm công khai lá cờ Anh, cũng như về sự vi phạm nghiêm trọng điều khoản thứ chín của hiệp ước bổ sung và yêu cầu Ngài bồi thường về sự xúc phạm ấy và trong trường hợp này bảo đảm tôn trọng triệt để những điều kiện của hiệp ước. Song, thưa Ngài, Ngài đã quá coi thường công lý cũng như những nghĩa vụ ghi trong hiệp ước, không bồi thường danh dự, không xin lỗi về sự xúc phạm, còn việc những thủy thủ mà Ngài bắt giữ, vẫn tiếp tục bị Ngài quản chế, có nghĩa là Ngài tán thành việc vi phạm hiệp ước này và làm cho chính phủ hoàng gia không tin là trường hợp như vậy sẽ không tái diễn nữa".

Điều hết sức chắc chắn là, những người Hoa phục vụ trên tàu buôn đã bị những sĩ quan Trung Quốc bắt vì những sĩ quan này phát hiện có một số nhân viên trong đội thủy thủ đã tham gia vụ tấn công ăn cướp một chiếc tàu buôn Trung Quốc nào đó. Lãnh sự Anh quy lỗi cho viên tổng đốc Trung Quốc là đã bắt đội thủy thủ, hạ lá cờ Anh xuống, là viên tổng đốc không thêm xin lỗi một lời nào và quản chế những thủy thủ bị bắt. Trong thư gửi đô đốc Xây-mua, viên tổng đốc Trung Quốc đã khẳng định rằng, ngày 10 tháng Mười, sau khi xác minh chín người trong số bị bắt là không phạm tội, ông ta đã lệnh cho một sĩ quan trả họ về tàu, nhưng lãnh sự Pác-cơ không chịu chấp nhận. Còn về chính chiếc tàu buôn đó thì tổng đốc tuyên bố là, khi bắt những người Hoa trên đó thì người ta tưởng chiếc tàu này là tàu của Trung Quốc và điều đó

quả là có lý, vì tàu buôn này do một người Hoa đóng và thuộc về một người Hoa, người này đã dối trá kiếm được lá cờ Anh sau khi đã đăng ký tàu mình vào danh sách tàu thuộc địa Anh, - đây là cách mà bọn buôn lậu người Hoa thường làm. Còn về vấn đề xúc phạm lá cờ, thì viên tổng đốc nhận xét:

"Có một quy tắc bất di bất dịch đối với những chiếc tàu buôn thuộc Quý quốc là, hạ cờ khi tàu bỏ neo và kéo cờ khi tàu lên đường. Khi đến chiếc tàu nói trên để bắt bọn phạm tội, như đã chứng minh đầy đủ, trên tàu không có một lá cờ nào pháp phối cả. Làm thế nào mà hạ được cờ trong trường hợp như vậy? Ấy thế mà lãnh sự Pác-cơ gửi hết công hàm này đến công hàm khác, đòi phải được bồi thường về sự xúc phạm lá cờ".

Căn cứ vào những tiền đề ấy, viên tổng đốc Trung Quốc đi tới kết luận rằng không hề có sự vi phạm nào đối với hiệp định. Mặc dù vậy, ngày 12 tháng Mười, đại diện Anh^{1*} không những đòi trao trả toàn bộ đoàn thủy thủ chiếc tàu buôn đã bị bắt mà còn đòi phải xin lỗi. Viên tổng đốc trả lời như sau:

"Sáng sớm ngày 22 tháng Mười tôi đã viết thư gửi ông lãnh sự Pác-cơ và đồng thời chuyển đến ông ta mười hai thủy thủ. Ly Min Tai và Lin Ki Phu đều bị xem là can phạm do kết quả cuộc điều tra mà tôi đã cho tiến hành và nhân chứng U Ai cùng chín người khác đã được chuyển đến trước cho lãnh sự. Nhưng lãnh sự Pác-cơ không muốn tiếp nhận mười hai phạm nhân, cũng như bức thư của tôi".

Bởi vậy, Pác-cơ giờ đây có thể nhận lại tất cả mười hai thủy thủ của mình cùng với những gì đã ghi trong bức thư mà ông ta không mở và dó chắc là lời xin lỗi. Ngay chiều hôm ấy tổng đốc E lại hỏi tại sao các vị không nhận những phạm nhân mà ông ta đã chuyển giao và tại sao ông ta không nhận được một lời phúc đáp nào về bức thư của mình. Người ta đã không thêm chú ý gì đến điều đó và ngày 24 thì bắt đầu nã đại bác vào các đồn và một số đồn đã bị chiếm. Mãi đến ngày 1 tháng Mười một, đô đốc Xây-mua, trong thông điệp gửi tổng đốc, mới giải thích thái độ tưởng chừng khó hiểu của lãnh sự Pác-cơ. Ông ta viết rằng các thủy thủ đã được trao trả cho lãnh sự, nhưng "không được đưa công khai trở về chiếc tàu của họ và không xin lỗi theo như yêu

1* - Bao-rinh

cầu, về sự vi phạm quyền tài phán của lãnh sự". Như vậy, toàn bộ vấn đề qui lại là một mảnh khoé lấu cá giản đơn, tuồng như nhóm thuỷ thủ - trong đó có ba tên tội phạm đã bị kết án - không được trả về tàu với nghi thức long trọng cần thiết. Tổng đốc Quảng Châu trả lời ngay về việc này rằng mười hai thuỷ thủ thực tế đã được trao trả cho lãnh sự và "không hề có sự từ chối việc trả họ về tàu". Chỉ sau khi thành phố bị nã pháo sáu ngày thì viên tổng đốc Trung Quốc mới biết vị lãnh sự Anh này còn muốn cái gì nữa. Còn về việc xin lỗi thì tổng đốc E khẳng định rằng ông ta không phải xin lỗi vì không có lỗi gì cả. Chúng tôi xin trích dẫn lời của tổng đốc:

"Vào lúc bắt giữ, người của tôi không hề thấy một lá cờ nào của nước ngoài, hơn nữa, vì khi hỏi cung những người bị bắt, viên quan thừa hành xác định rằng chiếc tàu buồm tuyệt nhiên không phải là tàu ngoại quốc cho nên tôi khẳng định là không có lỗi gì cả".

Thật vậy, sức mạnh lô-gích của người Hoa này đã giải quyết toàn bộ vấn đề này một cách rất xác đáng, - mà có lẽ ở đây không còn vấn đề gì khác, - đến nỗi đô đốc Xây-mua chẳng còn biết làm gì hơn nữa, rốt cuộc, phải tuyên bố như sau:

"Tôi phải kiên quyết gạt bỏ tất cả những sự tranh cãi tiếp về thực chất sự việc trong vụ chiếc tàu buồm "Ê-râu". Tôi hoàn toàn thoả mãn với những điều như ông lãnh sự Pác-cơ đã trình bày về những sự kiện ấy với Ngài".

Song, sau khi viên đô đốc chiếm cứ các đồn, chọc thủng những bức tường thành và trong sáu ngày nã pháo vào Quảng Châu, ông ta bỗng phát hiện ra một đối tượng hoàn toàn mới cho hành động của mình và bèn viết cho viên tổng đốc Trung Quốc vào ngày 30 tháng Mười như sau:

"Lúc này Ngài cần cùng tôi hội đàm ngay lập tức để chấm dứt tình trạng mà hậu quả tai hại của nó giờ đây đã khá lớn, tình trạng này nếu không được dàn xếp ổn thoả, ắt sẽ trở thành nguồn gốc của những tai hoạ nghiêm trọng nhất".

Viên tổng đốc Trung Quốc trả lời là theo hiệp định năm 1849¹⁰², đô đốc không có quyền đòi hỏi một cuộc hội đàm như vậy. Ông nói tiếp:

"Về việc cho phép vào thành phố; tôi thấy cần nêu rõ rằng: tháng Tư 1849 Ngài đại diện Bôn-hêm đã có lệnh chính thức cho các khu người Âu buôn bán ở

đây, trong đó ông cấm người ngoại quốc đi vào thành phố. Lệnh đó lúc bấy giờ có đăng trên các báo và tôi nghĩ là Ngài có đọc. Xin nói thêm là, việc cấm người ngoại quốc vào thành phố là kết quả thể hiện nguyện vọng nhất trí của toàn thể dân chúng Quảng Châu. Có thể hình dung là dân chúng thành phố bất bình biết bao về hành động pháo kích các đồn và phá huỷ nhà cửa của họ; tôi e rằng, do việc làm đó mà có thể xảy ra những sự không hay đối với các nhân vật chính thức và thường dân thuộc Quý quốc, vì vậy, tôi không thể khuyên điều gì hơn về đường lối đúng đắn sẽ phải thi hành, ngoài việc tiếp tục giữ vững chính sách của Ngài đại diện Bôn-hêm. Còn về cuộc hội đàm mà Ngài đề nghị thì mấy hôm trước đây tôi đã phái Chi An, cảnh sát trưởng Liễu Châu đến gặp Ngài rồi".

Bấy giờ đô đốc Xây-mua công bố thẳng là ông ta không có liên quan gì đến sự thoả thuận của ông Bôn-hêm cả:

"Thư trả lời của Ngài làm tôi lưu ý đến thông cáo của vị đại diện Anh công bố năm 1849, cấm người ngoại quốc vào Quảng Châu. Trong trường hợp này tôi buộc phải lưu ý với ngài rằng, mặc dù trên thực tế chúng tôi có những căn cứ quan trọng để bất bình với Chính phủ Trung Quốc về việc vi phạm lời hứa đưa ra năm 1847 là sau hai năm sẽ cho phép người nước ngoài vào Quảng Châu, tuy vậy yêu cầu của tôi hiện nay cũng không liên quan gì tới những cuộc thương lượng trước đây về vấn đề này, cũng như tôi không yêu cầu để cho một người nào đó, ngoài các nhà chức trách nước ngoài, được phép vào thành phố, và đó cũng chỉ vì lý do giản đơn và khá rõ đã nêu ở trên. Về việc tôi đề nghị tiến hành những cuộc thương lượng riêng với Ngài, thì Ngài có nhã ý nói rằng trước đây mấy hôm Ngài đã cử viên cảnh sát trưởng nào đó tới. Bởi vậy, tôi buộc phải coi toàn bộ bức thư của Ngài là hết sức không thoả đáng và chỉ có thể nói thêm rằng, nếu tôi không nhận được ngay tức khắc một bản cam đoan rõ ràng rằng Ngài đồng ý với kiến nghị của tôi thì tôi lại tiến hành ngay tức thời những hành động quân sự mạnh mẽ".

Tổng đốc E lại đi sâu vào những chi tiết của bản hiệp định năm 1849 để phản đối:

"Năm 1848, vị tiền nhiệm của tôi là Xui và ngài đại diện Anh Bôn-hêm đã có một cuộc tranh cãi rất dài về vấn đề này bằng thư từ, và ngài Bôn-hêm, vì tin chắc rằng không còn có thể nói đến một cuộc hội đàm trong thành phố, nên tháng Tư 1849 đã gửi cho ông Xui một bức thư, trong đó viết: "Hiện nay tôi không có căn cứ nào hơn để tranh cãi với quý Ngài về vấn đề này". Sau đó, ông ta đã công

bố trong các khu buôn bán của người Âu lệnh không cho một người nước ngoài nào được vào thành phố, lệnh này được đăng trên các báo, và ngài đại diện đã báo cáo điều đó lên Chính phủ Anh. Không một người Trung Quốc hoặc người nước ngoài thuộc bất kỳ quốc tịch nào lại không biết rằng vấn đề này không bao giờ còn được xem là đối tượng tranh cãi nữa".

Sau đó, viên đô đốc Anh không chịu được những lời phản bác, đã dùng vũ lực mở đường vào thành phố Quảng Châu, tiến vào dinh tổng đốc và đồng thời tiêu diệt hạm đội nhà vua đang đậu trên sông. Tấn kịch ngoại giao và quân sự này, như vậy là gồm hai hồi tách biệt: ở hồi thứ nhất, người ta bắt đầu nã pháo vào Quảng Châu với cái cớ viên tổng đốc Trung Quốc vi phạm hiệp ước năm 1842, còn ở hồi thứ hai thì việc oanh kích được tiếp tục ngày càng ác liệt với cái cớ là viên tổng đốc kiên trì hiệp định năm 1849. Lúc đầu Quảng Châu bị pháo kích vì vi phạm hiệp ước, sau đó thì bị pháo kích vì tôn trọng hiệp định. Hơn nữa trong trường hợp thứ nhất thậm chí người ta viện cớ không phải vì không thoả mãn, mà chỉ vì sự thoả mãn này không được thực hiện dưới hình thức thích đáng.

Quan điểm về vấn đề này của tờ báo "Times" ở Luân Đôn có lẽ không làm tổn thương đến uy tín của ngay cả tướng Uy-li-am Oan-cơ ở Ni-ca-ra-go¹⁰³. Tờ báo này viết:

"Nhờ sự bùng nổ chiến sự này mà những hiệp định hiện hành bị xoá bỏ, và chúng ta có khả năng thay đổi được những quan hệ của chúng ta với Đế chế Trung Hoa theo ý muốn của chúng ta. Những sự kiện gần đây ở Quảng Châu báo trước cho chúng ta rằng chúng ta cần phải nắm cho được quyền đã quy định trong hiệp ước năm 1842 là được tự do nhập cảnh và đi vào những cảng mở cho chúng ta. Người ta không được phép tiếp tục nói với chúng ta rằng những đại diện của chúng ta không có quyền được đến tiếp kiến tổng đốc Trung Quốc với cớ là *chúng ta đã từ bỏ yêu sách đòi thực hiện, điều khoản cho phép người nước ngoài được đi ra ngoài ranh giới khu buôn bán của mình*".

Nói cách khác, "chúng ta" bắt đầu những hoạt động quân sự để nhằm phá hoại hiệp định hiện hành và để đạt cho được yêu sách mà "chúng ta" đã từ bỏ trong một bản thoả ước đặc biệt. Tuy nhiên, chúng tôi vui mừng báo tin là một cơ quan phản ánh dư

luận xã hội khác có tiếng tăm của nước Anh đã phát biểu với giọng nhân nghĩa và lịch sự hơn:

"Thật là điều kỳ quái", - tờ "Daily News"¹⁰⁴ viết, - "là để trả đũa về sự xúc phạm đến lòng tự hào của một viên quan người Anh nào đó và để trừng phạt sự ngu muội của một viên tỉnh trưởng châu Á, chúng ta phung phí sức lực của chúng ta vào một việc vô đạo đức, gây nên cảnh lửa đạn và tàn phá, đau khổ và chết chóc cho những ngôi nhà thanh bình của những con người vô tội, mà ngay từ đầu chúng ta đã xông lên bờ biển nước họ như những người khách không mời mà đến. Dù kết cục của việc pháo kích Quảng Châu sẽ như thế nào đi nữa thì việc đem tính mạng con người mà hiến tế một cách phi lý và vô nghĩa cho một nhãn hiệu giả và một chính sách sai lầm, tự nó đã là một sự việc xấu xa và thấp hèn".

Có lẽ còn một vấn đề nữa: liệu các nước văn minh trên thế giới có tán thành cách hành động như vậy không - đột nhập vào một đất nước hoà bình mà không có một lời tuyên chiến trước, với cái cớ là họ đã vi phạm bộ luật tưởng tượng về nhãn hiệu ngoại giao. Nếu những cường quốc khác có thái độ khoan dung đối với cuộc chiến tranh lần thứ nhất ở Trung Quốc, cho dù cái cớ gây chiến rất hèn hạ¹⁰⁵, vì cuộc chiến tranh này tạo ra hy vọng có thể buôn bán với Trung Quốc, thì há chẳng phải chắc chắn là cuộc chiến tranh lần thứ hai này sẽ gây trở ngại cho việc buôn bán như vậy trong cả một thời gian vô định? Hậu quả đầu tiên của cuộc chiến này tất nhiên phải là: Quảng Châu sẽ bị cắt đứt khỏi những vùng sản xuất chè, những vùng phần lớn hiện còn nằm trong tay những thần dân của hoàng đế¹⁰⁶, - tình hình đó có thể chỉ có lợi cho các thương gia Nga buôn chè bằng đường bộ mà thôi.

Do C.Mác viết ngày 7 tháng Giêng 1857

Đã đăng làm xã luận trên báo "New-York Daily Tribune" số 4918, ngày 23 tháng Giêng 1857

In theo bản đăng trên báo Nguyên văn là tiếng Anh In bằng tiếng Nga lần đầu

PH.ĂNG-GHEN

*CUỘC CHIẾN TRANH TRONG VÙNG RỪNG NÚI TRƯỚC ĐÂY VÀ NGÀY NAY

Khả năng vừa xuất hiện mới đây và hiện vẫn chưa hoàn toàn mất đi về một cuộc xâm chiếm Thụy Sĩ¹⁰⁷ dĩ nhiên đã làm cho mọi người không những chú ý đến các khả năng phòng thủ của nước cộng hoà miền núi này, mà còn chú ý đến cả những vấn đề chiến tranh ở miền núi nói chung. Người ta thường có xu hướng coi Thụy Sĩ là một đất nước không thể chiếm được và so sánh đội quân xâm nhập vào nước này như những đầu sỏ La Mã mà lời chào vĩnh biệt: "Ave, Caesar, morituri te salutant"^{1*}, về sau đã trở thành rất nổi tiếng. Người ta nhắc nhở chúng ta nhớ lại những địa danh như: Dem-pa-khơ và Moóc-hác-tanh, Muốc-tanh và Grăng-xơn¹⁰⁸ và điều đó có nghĩa là quân đội của kẻ địch có thể khá dễ dàng xâm nhập vào Thụy Sĩ, nhưng - như anh hể của An-brếch nước Áo đã nói - nó sẽ khó thoát ra khỏi nơi ấy. Thậm chí các quân nhân thường vẫn liệt kê hàng tá ngọn đèo và khe núi mà tại đó chỉ một nhóm ít người cũng có thể dễ dàng chống chọi thắng lợi cả hàng nghìn quân tinh nhuệ của kẻ địch.

Quan niệm lâu đời ấy - quan niệm về sự bất khả xâm phạm của Thụy Sĩ, đất nước được mệnh danh là pháo đài bằng núi -

(1* - "Hỡi chúa công Xê-da, những kẻ đi vào chỗ chết xin bái chào Người".

TRANG ĐẦU BẢN THẢO CỦA PH.ĂNG-GHEN "CUỘC CHIẾN TRANH
TRONG VÙNG RỪNG NÚI TRƯỚC ĐÂY VÀ NGÀY NAY"

có từ thời kỳ xảy ra các cuộc chiến tranh với Áo và Buốc-gun-di ở các thế kỷ XIV và XV. Trong cuộc chiến tranh với nước Áo, binh chủng chủ yếu của bên tấn công là kỵ binh bọc sắt của các hiệp sĩ; sức mạnh của nó thể hiện trong thế tấn công vũ bão đánh vào các đội quân không có súng để tự vệ. Nhưng, chính hình thức tấn công ấy lại không thể áp dụng được tại một nước như Thụy Sĩ, tại đó kỵ binh - trừ loại kỵ binh nhẹ nhất và hơn nữa, với số lượng nhỏ - thậm chí ngày nay cũng không sử dụng được, huống hồ những hiệp sĩ ở thế kỷ XIV mang trên mình gần một tạ sắt lại càng tỏ ra bất lực biết nhường nào tại đất nước này! Họ buộc phải xuống ngựa và đánh nhau trên mặt đất; như vậy là họ bị mất đi những khả năng cơ động cuối cùng, từ kẻ tấn công biến thành kẻ phòng ngự, và khi bị kẹp vào khe núi, họ tỏ ra bất lực ngay cả trước gậy gộc. Trong thời kỳ diễn ra các cuộc chiến tranh với Buốc-gun-di, bộ binh, được vũ trang bằng giáo, chiếm vị trí quan trọng hơn, hơn nữa, người ta đã sử dụng súng làm vũ khí; tuy nhiên, bộ binh vẫn bị hạn chế bởi trọng lượng của các bộ áo giáp chắn đỡ, các cỗ pháo thì nặng nề, còn súng cầm tay thì không thuận tiện và hơi vô hiệu. Tất cả các thứ trang bị của quân đội vẫn còn cồng kềnh đến nỗi chúng tỏ ra hoàn toàn vô dụng trong chiến tranh ở miền núi, đặc biệt vào thời kỳ mà có thể nói hầu như không có đường sá gì cả. Hậu quả là, mỗi khi những đội quân kém cơ động ấy rơi vào một địa hình khó đi thì chúng lại bị mắc kẹt nghiêm trọng tại đó, còn các nông dân Thụy Sĩ được trang bị nhẹ lại hoàn toàn có đủ khả năng chuyển sang các hoạt động tấn công, có điều kiện cơ động khéo hơn, tiến hành bao vây và cuối cùng là đánh thắng quân địch.

Sau các cuộc chiến tranh với Buốc-gun-di, trong suốt ba thế kỷ, Thụy Sĩ không một lần nào bị xâm lược nghiêm trọng. Quan niệm truyền thống về sự bất khả chiến thắng của Thụy Sĩ được lưu truyền hàng thế kỷ và tồn tại cho đến khi cuộc cách mạng Pháp - một sự kiện đã đập tan nhiều truyền thống được tôn thờ hàng bao thế kỷ - đã phá tan được cả cái quan niệm truyền thống ấy, chí ít cũng là đối với những người am hiểu lịch sử quân sự. Thời thế đã thay đổi. Kỵ binh mang áo giáp và các chiến binh mang giáo mác chậm chạp đã biến mất; chiến thuật ngày càng

được cách mạng hoá; tính cơ động đã trở thành chất lượng chủ yếu của các đội quân; chiến thuật dàn hàng ngang với Man-bô-rô, Ô-gien^{1*} và Phri-đrich Đại đế đã bị đánh đổ bởi lối tác chiến của các đội hình hàng dọc và các tuyến xạ thủ của các đội quân cách mạng; từ năm 1796, khi tướng Bô-na-pác-tơ vượt được đèo Ca-di-bôn-na, như một mũi dùi chọc vào giữa đội hình các đạo quân bị phân tán của người Áo và người Xéc-di-ni và đánh tan các đạo quân ấy từ phía chính diện, đồng thời cắt đứt đường rút lui của chúng trong các thung lũng chật hẹp thuộc dãy An-pơ ven biển và bắt làm tù binh đại bộ phận quân địch, - kể từ ngày ấy đã mở đầu một khoa học mới về chiến tranh ở miền núi, chấm dứt tính bất khả xâm phạm của Thụy Sĩ.

Trong thời kỳ còn áp dụng chiến thuật dàn hàng ngang, nghĩa là thời kỳ trực tiếp đi trước thời kỳ áp dụng kiểu tác chiến ngày nay, cả hai bên đối địch đều cố gắng tránh các địa hình khó đi qua. Địa hình càng bằng phẳng, thì càng được coi là bãi chiến trường tốt nhất, miễn là trên đó có một chướng ngại nào đó bảo đảm an toàn cho một hoặc cả hai phía sườn. Nhưng, các đội quân cách mạng Pháp lại áp dụng một hệ thống khác. Trong tất cả mọi trường hợp, khi tiến hành phòng thủ họ nhất thiết cố gắng tìm một vị trí có vật chướng ngại ở phía chính diện có thể dùng làm vật che đỡ cho các tuyến xạ thủ, cũng như cho các đội hậu bị. Nhìn chung, các đội quân cách mạng ưa các địa bàn khó đi; các đội quân này có tính cơ động cao, còn đội hình chiến đấu của họ - đội hình phân tán và đội hình hàng dọc - không những cho phép họ^{2*} nhanh chóng di chuyển theo bất cứ hướng nào, mà còn tạo cho họ khả năng sử dụng một cách có lợi các nơi ẩn nấp trên địa bàn lởm chởm, trong khi đối phương của họ lại cảm thấy hoàn toàn bất lực trên một địa bàn như vậy. Thật ra, thuật ngữ "địa bàn khó đi qua" hầu như bị loại ra khỏi từ điển quân sự.

Người Thụy sĩ đã cảm thấy rõ điều này vào năm 1798, khi mà bốn sư đoàn Pháp, mặc dù có sự chống cự ngoan cường của dân địa phương và ba lần nổi dậy của các bang rừng núi cũ, đã chiếm

1* - ở Xa-voa

2* Đến đây hết đoạn viết tay.

được nước này, là nơi mà trong ba năm sau đó đã trở thành một trong những chiến trường quan trọng nhất giữa nước Cộng hoà Pháp và phe đồng minh¹⁰⁹. Quân Pháp đã tỏ ra chẳng sợ hãi chút nào trước những ngọn núi không thể tới được và những khe núi nhỏ hẹp của Thụy Sĩ, điều này họ đã cho thấy ngay từ tháng Ba 1798, khi mà Ma-xê-na đã nhanh chóng mở cuộc tấn công vào bang Grau-buyn-đen là bang hiểm trở nhất và nhiều núi non nhất lúc đó đang bị quân Áo chiếm đóng. Quân Áo hồi đó chiếm giữ thung lũng Thượng Ranh. Bằng những đội hình đồng tâm, quân của Ma-xê-na đã tràn xuống thung lũng, băng qua các ngọn đèo rất khó đi đối với ngựa; chiếm giữ tất cả các lối rút ra khỏi thung lũng và đã buộc quân Áo phải hạ vũ khí sau một cuộc kháng cự ngắn ngủi. Quân Áo đã rất nhanh chóng áp dụng bài học này; dưới quyền chỉ huy của tướng Hốt-xơ, một nhân vật đã đạt tới đỉnh cao trong nghệ thuật chiến tranh miền núi, quân Áo đã chuyển sang tấn công, đã lặp lại chính lối đánh ấy và đã đánh bật quân Pháp ra khỏi các vị trí của họ. Sau đó diễn ra cuộc rút lui của Ma-xê-na về các vị trí phòng thủ ở Xuy-rích, tại đó Ma-xê-na đã đánh bại quân Nga dưới quyền chỉ huy của Coóc-xa-cốp; rồi tiếp đến là cuộc đột kích của Xu-vô-rốp vào Thụy Sĩ bằng qua ngả Xanh-Gô-tác-đơ và cuộc rút lui thảm hại của ông ta, sau cùng là cuộc hành quân mới của quân Pháp qua Grau-buyn-đen tiến về Ti-rôn, tại đó Mác-đô-nan vào giữa mùa đông khắc nghiệt đã vượt qua ba dãy núi mà hồi đó được coi là khó qua nổi ngay cả đối với những đội hình hàng dọc từng người một. Những chiến dịch lớn diễn ra sau đó của Na-pô-lê-ông đã được tiến hành tại những lưu vực rộng lớn của các sông Đa-nuýp và Pô, vì những ý đồ chiến lược to lớn - những ý đồ này là cốt lõi của các chiến dịch ấy và chúng được xây dựng lên nhằm cắt đứt quân địch khỏi trung tâm quân nhu của họ, đánh tan đội quân ấy, sau đó chiếm chính trung tâm ấy - đã đòi hỏi phải có một địa bàn ít hiểm trở hơn và phải tập trung những lực lượng lớn cho những trận có tính chất quyết định, điều đó không thể thực hiện được ở các địa bàn thuộc vùng An-pơ. Song, toàn bộ lịch sử các cuộc chiến tranh, từ chiến dịch An-pơ lần thứ nhất của Na-pô-lê-ông tiến hành vào năm 1796 và cuộc hành quân của ông ta qua dãy núi I-u-li An-pơ tiến về Viên

vào năm 1797 cho đến năm 1801, đều đã chứng minh rằng dãy núi An-pơ và các thung lũng của nó hoàn toàn không còn là mối lo sợ của các đội quân hiện đại; kể từ đó đến năm 1815, dãy núi An-pơ không một lần nào tạo ra được một vị trí phòng ngự nào đôi chút chắc chắn cho cả quân Pháp, cũng như cho quân thuộc phe đồng minh.

Nếu ta đi theo bất kỳ một khe nào trong số những khe núi sâu mà dọc theo đó có những con đường vòng vèo trên cao, chạy từ những đỉnh dốc phía bắc dãy An-pơ xuôi về sườn phía nam của nó, thì ở mỗi khúc ngoặt chúng ta sẽ gặp phải những vị trí phòng thủ đáng sợ. Ví dụ, hãy xét về vị trí phòng thủ Vi-a-ma-la được nhiều người biết đến. Sẽ không có một sĩ quan nào lại không xưng phong chiếm giữ khe núi này với một tiểu đoàn để chống lại quân địch, *với điều kiện* là sẽ không bị đánh bọc hậu. Nhưng toàn bộ vấn đề chính là ở đó. Thậm chí trên những dải cao nhất của dãy An-pơ cũng không có một con đường xuyên núi nào mà lại không đi vòng phía sau được. Na-pô-lê-ông đề ra một nguyên tắc sau đây trong cách tiến hành chiến tranh ở miền núi: "Ở đâu sơn dương qua được, thì ở đó con người cũng qua được; ở đâu một người qua được thì cả tiểu đoàn cũng qua được, và ở đâu tiểu đoàn qua được, thì cả một quân đoàn cũng qua được". Xu-vô-rốp cũng đã phải thực hiện điều đó, khi ông bị khoá chặt trong thung lũng Rây-xơ: ông đã phải dẫn cả đội quân của ông đi theo những đường mòn của những người du mục chỉ cho phép đi từng người một, trong khi đó theo sát ông là Lơ-cau-bơ, một tướng Pháp lỗi lạc trong lĩnh vực tiến hành chiến tranh ở miền núi.

Chính cái khả năng đơn giản có thể đánh bọc hậu quân địch ấy dư sức địch lại sức mạnh của các vị trí phòng thủ mà nếu tấn công vỡ mặt chúng thì thường là một hành động điên rồ hoàn toàn. Việc bảo vệ tất cả những con đường có thể đi vòng để đánh bọc hậu một vị trí như vậy đối với bên phòng thủ, sẽ có nghĩa là sự phân tán lực lượng tới mức không tránh khỏi thất bại. May mắn cũng chỉ có thể đặt những con đường ấy dưới tầm quan sát, còn việc đánh trả những cuộc tấn công của các cánh quân bọc hậu sẽ phải tùy thuộc vào việc sử dụng hợp lý những đội dự bị, tùy thuộc vào sự nhanh trí và hành động nhanh chóng của các viên chỉ

huy từng đơn vị; và dù sao thì nếu một trong ba hoặc bốn cánh quân tiến hành bọc hậu mà thành công thì phía phòng thủ sẽ bị rơi vào một tình huống khó khăn như trong trường hợp nếu tất cả các cánh quân đều đạt được thành công. Như vậy, xét về phương diện chiến lược thì trong chiến tranh miền núi, tấn công có ưu thế quyết định so với phòng ngự.

Chúng ta cũng sẽ đi đến kết luận ấy cả khi xem xét vấn đề này thuần túy trên góc độ chiến thuật. Các vị trí phòng thủ sẽ luôn luôn là những khe núi hẹp, do các cánh quân mạnh đóng ở thung lũng chiếm giữ và được yểm trợ bằng các đội hình xạ thủ bố trí trên các cao điểm. Có thể đánh bọc hậu các vị trí ấy hoặc từ phía chính diện khi các tốp xạ thủ bò lên theo các sườn dốc của thung lũng và bọc sườn các xạ thủ tinh nhuệ của phía phòng thủ, hoặc là bằng cách tung các đội quân chiếm giữ từng mỏm cao của dãy núi ở những chỗ có điều kiện, hay tung các đội ấy men theo thung lũng bên cạnh, ngoài ra, các đội quân tiến hành bọc sườn lại sử dụng một đường đèo nào đó trong núi để tấn công bọc sườn đội quân phòng thủ hoặc từ phía sau của nó. Trong tất cả các trường hợp ấy, các đội quân tiến hành bọc sườn có ưu thế là chiếm *vị trí không chế*; các đội ấy chiếm lĩnh các vị trí ở địa hình cao hơn so với thung lũng là nơi quân địch chiếm giữ. Họ có thể lăn đá và cây vào kẻ địch, bởi vì hiện nay sẽ không có một đoàn quân nào lại tỏ ra điên rồ đến mức cứ lao vào khe núi sâu mà trước đó lại không quét sạch các sườn khe núi đó; như vậy là giờ đây cái phương pháp phòng thủ cách đây không lâu còn được ưa chuộng đã trở thành bất lợi cho phía phòng thủ. Đối với phương pháp phòng thủ như vậy còn có một điều kiện bất lợi khác, đó là sức công phá của hoả khí, làm chỗ dựa chủ yếu cho công việc phòng thủ, nhưng trong địa bàn núi non thì sức mạnh ấy bị giảm nhiều. Pháo binh hầu như vô dụng, còn trong những trường hợp nó được sử dụng thật sự, thì thường lại bị bỏ lại khi phải rút lui. Cái gọi là sơn pháo, gồm những khẩu lựu pháo hạng nhẹ do lửa vận chuyển thì lại ít hiệu quả, điều này đã được chứng minh hùng hồn qua kinh nghiệm của quân Pháp ở An-giê-ri¹¹⁰. Còn về vấn đề sử dụng súng kíp và súng trường, thì những nơi ẩn nấp có khắp mọi nơi trên địa bàn núi non ấy lại

làm cho phía phòng thủ mất đi một ưu thế rất quan trọng, cụ thể là mất đi một không gian bao quát ở phía trước vị trí phòng thủ mà kẻ địch phải vượt qua dưới làn đạn. Như vậy, xét cả trên góc độ chiến thuật, cả trên góc độ chiến lược, chúng ta đều đi đến kết luận mà Đại công tước Các-lơ Áo đã rút ra - ông ta là một trong số những tướng lĩnh xuất sắc nhất chuyên về chiến tranh miền núi và là một trong số những tác giả cổ điển viết về vấn đề này - cụ thể là: trong kiểu chiến tranh này, tấn công có ưu thế to lớn hơn nhiều so với phòng thủ.

Phải chăng như thế có nghĩa là việc phòng thủ một đất nước có nhiều núi non là một việc làm hoàn toàn vô ích? Dĩ nhiên, không phải như vậy. Điều này chỉ có nghĩa là phòng thủ không thể chỉ mang tính chất thụ động, rằng phòng thủ phải khai thác sức mạnh của mình trong sự cơ động và bất cứ ở chỗ nào dễ điều kiện cho phép là phía phòng thủ phải tiến hành các hoạt động tấn công. Trên các vùng thuộc núi An-pơ hầu như không thể tiến hành những trận đánh thật sự; toàn bộ cuộc chiến là một chuỗi liên tục những cuộc đụng độ nhỏ, những mưu toan của phía tấn công muốn thọc sâu ở nơi này nơi khác vào vị trí đóng quân của địch và sau đó tiếp tục tiến lên. Tình thế đòi hỏi cả hai quân đội phải phân tán; cả hai phía bất cứ lúc nào cũng đều có thể lâm vào tình trạng bị đối phương tấn công có kết quả; cả hai phía đều phải trông cậy vào những tình huống bất ngờ. Vì vậy, ưu thế duy nhất mà phía quân phòng thủ có thể có được là ở chỗ tìm ra những chỗ yếu ấy của kẻ địch và đột nhập vào khoảng trống giữa các đơn vị phân tán của nó. Trong trường hợp này, các vị trí phòng thủ mạnh mẽ mà phía phòng thủ thuận tuý thụ động chỉ trông cậy vào đó, lại trở thành những cái bẫy đối với quân địch mà người ta có thể nhử vào bằng cách bắt nó phải hướng đòn đánh chủ yếu vào đúng những địa điểm ấy, trong khi đó những nỗ lực phòng thủ chủ yếu lại nhằm vào những đội quân thực hiện việc đánh bọc hậu, mà đến lượt mình thì mỗi đội này lại có thể bị đánh bọc hậu và bị rơi vào cái tình thế không có lối thoát mà nó định đẩy phía phòng thủ vào đó. Song, điều hoàn toàn rõ ràng là lối phòng thủ tích cực ấy đòi hỏi phải có những viên tướng đầy nghị lực, có nhiều kinh nghiệm và khéo léo, những đội quân hết sức có kỷ luật và cơ động

nh nhanh và trước hết phải có những viên chỉ huy rất khéo léo và đáng tin cậy ở các cấp: lữ đoàn, tiểu đoàn và thậm chí ở cấp đại đội, bởi vì trong những trường hợp này tất cả đều tùy thuộc vào những hoạt động nhanh chóng và thận trọng của từng đơn vị và các phân đội.

Còn có một hình thức chiến tranh phòng ngự miền núi nữa mà trong thời đại chúng ta trở thành rất quen thuộc - đó là khởi nghĩa dân tộc và chiến tranh du kích, nó đòi hỏi, ít nhất là ở châu Âu, phải có địa bàn đồi núi. Chúng ta biết bốn ví dụ về loại chiến tranh như vậy: cuộc khởi nghĩa Ti-rôn, cuộc chiến tranh du kích ở Tây Ban Nha chống Na-pô-lê-ông, cuộc khởi nghĩa của Các-lốt ở Ba-xơ và cuộc chiến tranh của các bộ tộc Cáp-ca-dơ chống Nga hoàng¹¹¹. Mặc dù tất cả những cuộc chiến tranh ấy đã gây cho kẻ xâm lược những khó khăn to lớn, song không một cuộc chiến tranh nào thuộc loại ấy đã thu được thắng lợi. Cuộc khởi nghĩa Ti-rôn chỉ đáng sợ vào năm 1809, vì lúc đó nó có được sự hậu thuẫn của quân đội chính quy của Áo. Quân du kích Tây Ban Nha, mặc dù có ưu thế to lớn là chiều rộng của đất nước, nhưng sở dĩ chống cự được lâu dài chủ yếu là nhờ có sự giúp đỡ của quân đội Anh - Bồ Đào Nha mà quân Pháp buộc phải thường xuyên hướng những sự nỗ lực chủ yếu của mình để đối phó. Cuộc chiến tranh của Các-lốt kéo dài được là do vào hồi đó quân đội chính quy Tây Ban Nha lại suy sụp và do có những cuộc đàm phán triền miên giữa phái Các-lốt và các tướng lĩnh của nữ hoàng Cri-xti-na; vì vậy cuộc chiến tranh này không phải là một ví dụ thích hợp. Sau hết, trong cuộc chiến tranh ở Cáp-ca-dơ - trong số những cuộc chiến tranh thuộc loại này thì cuộc chiến tranh ở Cáp-ca-dơ đem lại niềm vinh quang lớn nhất cho dân cư vùng rừng núi - các bộ tộc miền núi sở dĩ thu được những thắng lợi tương đối là nhờ chiến thuật tấn công mà họ phần nhiều đã áp dụng trong khi phòng thủ lãnh thổ của mình. Cứ mỗi lần quân Nga - là một quân đội, cũng như quân đội Anh, ít thích nghi nhất với cách tiến hành chiến tranh miền núi - tấn công vào quân Cáp-ca-dơ thì người Cáp-ca-dơ thường bị thua, các bản làng của họ bị tàn phá, do đó quân Nga đảm bảo cho mình có được những con đường xuyên núi nhờ vào các đồn lũy. Nhưng sức mạnh của các bộ tộc miền núi

thể hiện ở những cuộc xuất kích liên tục của họ từ trên núi đánh tràn xuống các thung lũng, ở những trận tấn công bất ngờ vào các đội quân Nga đồn trú và các đội tiên tiêu, ở những cuộc tập kích chớp nhoáng sâu vào phía sau các tuyến tiền phương của quân Nga, ở những cuộc phục kích mà họ tiến hành trên đường hành quân của các đoàn quân Nga. Nói cách khác, các đơn vị quân miền núi nhẹ hơn và cơ động hơn quân Nga và họ đã biết sử dụng ưu thế này. Trên thực tế thì trong tất cả các trường hợp, do đó thậm chí trong những trường hợp dân cư miền núi tạm thời tiến hành khởi nghĩa thắng lợi, thì những thắng lợi ấy, là kết quả của những hoạt động tấn công. Về phương diện ấy, những cuộc khởi nghĩa này khác hẳn những cuộc khởi nghĩa ở Thụy Sĩ năm 1798 và 1799, hồi đó quân khởi nghĩa đã chiếm một vị trí phòng thủ nào đó thoát mới nhìn là vững mạnh và chờ quân Pháp ở đấy, mà quân Pháp thì thế nào cũng đánh họ tan tành.

*Do Ph.Ăng-ghe-nơ viết vào khoảng
ngày 10 tháng Giêng 1857*

*Đã đăng làm xã luận trên báo "New
- York Daily Tribune" số 4921, ngày
27 tháng Giêng 1857*

*In theo bản đăng trên báo,
có đối chiếu với đoạn bản
thảo viết tay
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

CUỘC CHIẾN TRANH CHỐNG BA TƯ¹¹²

Để có thể hiểu được những nguyên nhân chính trị và mục đích của cuộc chiến tranh mà gần đây người Anh đã phát động chống Ba Tư và, theo những báo cáo gần đây nhất, cuộc chiến ấy ác liệt đến nỗi vua Ba Tư buộc phải đầu hàng, - để có thể hiểu được điều đó cần nhắc đến một số sự kiện trong lịch sử của Ba Tư. Triều đại Ba Tư do I-xma-in - người tự xưng là thuộc dòng dõi các vua Ba Tư xưa kia - sáng lập vào năm 1502, trong hơn hai thế kỷ đã duy trì được sự hùng mạnh và uy tín của một cường quốc, thì vào khoảng năm 1720 đã bị giáng một đòn chí mạng, khi người Áp-ga-ni-xtan ở các tỉnh miền đông của Ba Tư nổi dậy khởi nghĩa. Người Áp-ga-ni-xtan tràn vào miền tây Ba Tư và hai ông hoàng Áp-ga-ni-xtan trong vòng mấy năm liền đã chiếm giữ được ngôi vua Ba Tư. Nhưng chẳng bao lâu họ bị Na-đia nổi tiếng - một kẻ ban đầu hoạt động với tư cách là một tướng quân của người rập ranh kế vị ở Ba Tư - đuổi ra khỏi nước. Sau đó, Na-đia tự tôn lên làm vua và không những chinh phục được những người khởi nghĩa Áp-ga-ni-xtan, mà còn tiến hành một cuộc xâm nhập nổi tiếng vào Ấn Độ và qua đó đã góp phần rất nhiều vào sự tan rã của Đế chế Mô-gôn đã suy vong và, do đó, mở đường cho việc thiết lập nên thống trị của Anh ở Ấn Độ.

Vào lúc ở Ba Tư xảy ra tình trạng vô chính phủ sau khi vua

Na-đia tạ thế vào năm 1747, đã xuất hiện một vương quốc độc lập của người Áp-ga-ni-xtan, đứng đầu là A-khmét-sắc Đua-ra-ni, vương quốc này đã thống nhất các công quốc He-rát, Ca-bun, Can-đa-gác, Pê-sa-vác và tất cả những đất đai mà sau này rơi vào tay những người Xích¹¹³. Cái vương quốc gắn vào nhau quá lỏng lẻo này đã sụp đổ sau khi người sáng lập ra nó qua đời; nó lại phân liệt ra thành những bộ phận hợp thành của nó - thành những bộ lạc Áp-ga-ni-xtan độc lập do các thủ lĩnh riêng của họ đứng đầu và đối địch với nhau triền miên, họ chỉ hợp nhất lại trong những trường hợp hãn hữu, khi tất cả đều thấy điều đó là cần thiết để chống chọi với Ba Tư. Sự đối kháng về chính trị này giữa người Áp-ga-ni-xtan và người Ba Tư phát sinh trên cơ sở những khác biệt về bộ lạc và bị những truyền thống lịch sử làm sâu sắc thêm, được duy trì bởi những cuộc tranh chấp biên giới và những tham vọng đối với nhau, đồng thời cũng tựa hồ bị sự đối kháng về tôn giáo củng cố thêm, vì người Áp-ga-ni-xtan là người Hồi giáo xu-nít, nghĩa là Hồi giáo chính thống, còn Ba Tư thì lại là thành trì của phái Tà giáo.

Mặc dù có sự đối kháng gay gắt và toàn diện này, người Ba Tư và người Áp-ga-ni-xtan vẫn có một điểm gặp nhau, đó là mối thù chung của họ đối với nước Nga. Nước Nga đã xâm nhập vào Ba Tư lần đầu tiên dưới thời Pi-ốt Đại đế, nhưng không kiếm được gì lắm. Về mặt này A-lếch-xan-đơ I hành động có kết quả hơn, theo Hiệp ước Guy-li-xtan¹¹⁴ ông ta đã tước được của Ba Tư mười hai tỉnh mà đại bộ phận nằm ở phía nam dãy Cáp-ca-dơ. Sau khi cuộc chiến tranh những năm 1826 - 1827 kết thúc bằng Hiệp ước Tuốc-man-sai¹¹⁵ thì Ni-cô-lai lại chiếm được của Ba Tư thêm một số vùng nữa và cấm Ba Tư hoạt động hàng hải trong vùng biển Ca-xpiên của chính họ. Ký ức về những lần đất đai của mình bị xâm lược trong quá khứ, những sự chèn ép mà hiện tại Ba Tư buộc phải chịu đựng và nỗi lo sợ bị xâm lấn trong tương lai, tất cả những điều đó, ở mức độ như nhau, đều khiến cho Ba Tư có mối tử thù sâu sắc đối với nước Nga. Về phía mình, người Áp-ga-ni-xtan, mặc dù chưa bao giờ va chạm thật sự với người Nga, song vẫn quen coi họ là kẻ thù cố hữu của tôn giáo mình, là kẻ khổng lồ lăm le nuốt chửng châu Á. Thái độ coi

nước Nga như là kẻ thù tự nhiên của mình đã khiến cho cả hai dân tộc, người Ba Tư và người Áp-ga-ni-xtan, đều xem nước Anh là đồng minh tự nhiên của mình. Vì vậy, để có thể duy trì ảnh hưởng thống trị của mình, nước Anh chỉ cần giữ vai trò người trung gian tốt bụng giữa Ba Tư và Áp-ga-ni-xtan và phản đối quyết liệt sự xâm lược của người Nga. Một mặt là tình hữu nghị bên ngoài, còn mặt khác là sự phản kháng gay gắt - chỉ cần có thế, không cần gì hơn nữa.

Song, không thể nói là những ưu thế của địa vị này đã được sử dụng một cách rất có hiệu quả. Năm 1834, khi diễn ra sự lựa chọn người kế vị vua Ba Tư, thì người Anh đã buộc phải ủng hộ vị hoàng tử do Nga bảo trợ, và năm sau, lúc nổ ra cuộc đấu tranh vũ trang giữa ông hoàng này với đối thủ của ông ta thì người Anh phải cấp cho hoàng tử này tiền bạc và tích cực giúp đỡ dưới hình thức cung cấp các sĩ quan người Anh¹¹⁶. Các đại sứ Anh được cử sang Ba Tư đều được lệnh là phải can ngăn Chính phủ Ba Tư đừng để bị khiêu khích gây hấn và đừng gây chiến tranh với người Áp-ga-ni-xtan, một cuộc chiến không mang lại gì ngoài sự hao tổn tiền của vô ích; nhưng khi những đại sứ này khẩn khoản yêu cầu cấp trên cho phép ngăn chặn một cuộc chiến tranh có nguy cơ nổ ra với người Áp-ga-ni-xtan, Chính phủ Anh nhắc nhở họ một điều khoản trong hiệp ước cũ ký năm 1814 rằng, trong trường hợp xảy ra chiến tranh giữa Ba Tư và Áp-ga-ni-xtan thì người Anh không được can thiệp vào, chừng nào chưa được mời đứng làm trung gian. Theo ý kiến các đại diện ngoại giao Anh và các nhà cầm quyền Anh ở Ấn Độ thì cuộc chiến tranh này là do nước Nga xúi bẩy, nước này đã từng mong muốn lợi dụng việc mở rộng quyền lực của Ba Tư sang phía đông làm phương tiện mở đường cho quân đội Nga sớm muộn rồi sẽ có thể tràn vào Ấn Độ. Song, những lý lẽ này hẳn là không hề gây được một ấn tượng gì, hoặc dù thế nào đi nữa thì cũng chỉ gây được ấn tượng rất yếu đến huân tước Pan-móc-xtơn lúc bấy giờ đứng đầu bộ ngoại giao, và tháng Chín 1837 quân đội Ba Tư tràn vào Áp-ga-ni-xtan. Một loạt chiến thắng nhỏ đã mở đường cho họ tiến đến He-rát, họ hạ trại ở ngay trước He-rát và bắt đầu việc bao vây, dưới sự chỉ huy của đích thân bá tước Xi-mô-ni-sơ, đại sứ

Nga bên cạnh triều đình Ba Tư. Trong suốt thời gian diễn ra những hoạt động quân sự này, Mác-Nai-lơ, đại sứ Anh, phải chịu bó tay vì những chỉ thị trái ngược nhau. Một mặt, huân tước Pan-móc-xton lệnh cho ông ta phải "tránh thảo luận vấn đề về quan hệ giữa Ba Tư và He-rát", bởi lẽ những quan hệ này dường như không động chạm tới Anh. Mặt khác, huân tước Ốc-lên-đơ, toàn quyền Ấn Độ, lại mong muốn đại sứ khuyên can vua Ba Tư đừng tiếp tục những hành động quân sự nữa. Ngay từ đầu cuộc hành quân này, ông E-li-xơ đã triệu hồi các sĩ quan Anh đang phục vụ trong quân đội Ba Tư, nhưng Pan-móc-xton đã đưa họ quay trở lại. Khi toàn quyền Ấn Độ lại ra lệnh cho Mác-Nai-lơ triệu hồi các sĩ quan Anh thì Pan-móc-xton một lần nữa lại huỷ bỏ lệnh ấy. Ngày 8 tháng Ba 1838, Mác-Nai-lơ đến doanh trại của quân Ba Tư và xin đứng làm trung gian hoà giải, nhưng không phải thay mặt nước Anh, mà thay mặt Ấn Độ.

Đến cuối tháng Năm 1838, khi cuộc vây hãm đã kéo dài khoảng 9 tháng kể từ lúc bắt đầu, Pan-móc-xton mới gửi tới triều đình Ba Tư bức công hàm đe dọa, trong đó lần đầu tiên ông ta lên tiếng phản đối những sự kiện ở He-rát và lần đầu tiên khiển trách "mối quan hệ của Ba Tư với Nga". Đồng thời, Chính phủ Ấn Độ đã phái quân tới vịnh Ba Tư bằng đường biển cùng với lệnh chiếm đảo Ha-rắc - chính hòn đảo mà người Anh mới chiếm gần đây. Ít lâu sau, đại sứ Anh chuyển từ Tê-hê-ran tới Êc-dê-rum, còn đại sứ Ba Tư được phái sang Anh lại không được phép nhập cảnh. Cũng lúc đó, mặc dù bị vây hãm rất lâu ngày, He-rát vẫn không đầu hàng, những cuộc tấn công của người Ba Tư đã bị đẩy lùi, và ngày 15 tháng Tám 1838, vua Ba Tư buộc phải chấm dứt bao vây và vội vã rút quân khỏi Áp-ga-ni-xtan. Tưởng rằng những hoạt động của người Anh đến đây có thể kết thúc, thế mà sự việc quay ngược hẳn lại một cách hết sức kỳ lạ. Không vừa lòng với việc họ đã chặn đứng được mưu đồ của Ba Tư muốn chiếm đoạt một phần đất của Áp-ga-ni-xtan - mưu đồ này chắc hẳn do Nga giật dây và vì lợi ích của Nga - người Anh quyết định chiếm toàn bộ Áp-ga-ni-xtan. Cuộc chiến tranh Áp-ga-ni-xtan lừng tiếng¹¹⁷ đã mở đầu như thế đó và đã kết thúc một cách thật thảm hại cho người Anh, và mãi đến nay câu hỏi sau đây vẫn còn là

một điều bí ẩn sâu kín: ai thật sự là người chịu trách nhiệm về cuộc chiến tranh này?

Cái có thể gây ra cuộc chiến tranh hiện nay với Ba Tư là sự kiện rất giống với sự kiện xảy ra trước cuộc chiến tranh Áp-ga-ni-xtan, đó là cuộc hành quân của người Ba Tư tới He-rát, và lần này kết thúc bằng việc chiếm được thành phố. Thế nhưng, điều đáng ngạc nhiên là người Anh giờ đây lại hành động với tư cách là đồng minh và kẻ bảo vệ cho Đô-xtơ - Mô-ham-mét, chính con người mà họ đã mưu đồ lật đổ nhưng thất bại trong thời kỳ có cuộc chiến tranh Áp-ga-ni-xtan. Cuộc chiến tranh này liệu có chứa đựng những hậu quả bất ngờ và khác thường như cuộc chiến tranh trước hay không, thì tương lai sẽ cho thấy rõ.

Do C.Mác viết vào khoảng ngày 27 tháng Giêng 1857

Đã đăng làm xã luận trên báo "New - York Daily Tribune" số 4937, ngày 14 tháng Hai 1857

*In theo bản đăng trên báo Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

PH.ĂNG-GHEN

*TRIỂN VỌNG CỦA CUỘC CHIẾN TRANH ANH - BA TƯ

Chẳng phải cái gì khác ngoài vấn đề chiếm He-rát - một công quốc Áp-ga-ni-xtan vừa mới bị người Ba Tư chiếm cách đây không lâu¹¹⁸ - đã làm cho những người Anh hành động nhân danh Công ty Đông Ấn có cố chiếm hải cảng quan trọng nhất của Ba Tư ở vịnh Ba Tư - cảng Bu-sia. He-rát có ý nghĩa chính trị như hiện nay do chỗ nó là trung tâm chiến lược của toàn bộ khu vực nằm giữa vịnh Ba Tư, biển Ca-xpien cùng sông Giắc-xác-tơ ở phía tây và bắc và sông Ấn ở phía đông; vì vậy trường hợp có xung đột lớn giữa Anh và Nga trong việc tranh giành quyền thống trị ở châu Á - sự xung đột mà việc Anh xâm lược Ba Tư có thể đẩy nhanh - He-rát sẽ là đối tượng tranh chấp chủ yếu và chắc chắn có thể là trên chiến trường sẽ diễn ra những trận đánh lớn đầu tiên.

He-rát được coi một cách có căn cứ là có ý nghĩa quan trọng như vậy, bất cứ ai nắm được vị trí địa lý của nó ắt đều hiểu điều đó. Phần nội địa của Ba Tư là một bình nguyên cao, bốn bề có núi bao quanh, không cho nước chảy xuống đồng bằng ấy thoát ra ngoài. Nước đó không đủ để tạo thành một cái hồ hoặc mấy cái hồ ở giữa; nước ấy hoặc tản ra các đầm lầy rộng lớn, hoặc ngấm dần vào cát khô của sa mạc mênh mông chiếm phần lớn cao nguyên Ba Tư và tạo nên một rào chắn hầu như không đi qua

được giữa miền tây và miền đông - bắc Ba Tư. Biên giới phía bắc sa mạc ấy là núi Hô-ra-xan kéo dài từ góc đông-nam biển Ca-xpien gần như một đường thẳng về phía đông và là khâu nối giữa En-buốc và núi Hin-đu-cu-sa; He-rát nằm đúng ở nơi mà ngọn núi ngăn cách sa mạc Ba Tư với những vùng được tưới nước tốt nhất của Áp-ga-ni-xtan đi từ những núi ấy xuống phía nam; xung quanh He-rát là một thung lũng khá rộng và đặc biệt màu mỡ, cung cấp nguồn sống cho công quốc. Phía bắc dãy núi Hô-ra-xan có một sa mạc giống như sa mạc nằm ở chân núi phía nam. Ở đây, những con sông lớn như Mu-rơ-háp cũng mất hút trong cát. Sông Ốc-xu-xơ và Giắc-xác-tơ khá hùng mạnh, lách được qua cát ấy và tạo thành ở hạ lưu những thung lũng rộng lớn, thích hợp để làm nông nghiệp. Ở bên kia sông Giắc-xác-tơ, sa mạc dần dần chuyển thành thảo nguyên ở miền nam nước Nga và cuối cùng hoà nhập với thảo nguyên đó. Như vậy, giữa biển Ca-xpien và Ấn Độ thuộc Anh có ba miền có nền văn hoá tương đối phát triển: thứ nhất, các thành phố miền tây Ba Tư: Si-ra-dơ, Su-xte-rơ, Tê-hê-ran, I-xpha-gan; thứ hai, các thành phố của Áp-ga-ni-xtan: Ca-bun, Ha-dơ-ni, Can-đa-gác; thứ ba, các thành phố của Tuốc-ke-xtan: Si-va, Bu-kha-ra, Ban-khơ, Xa-mác-căng. Tất cả những thành phố này giữ mối liên hệ khá nhộn nhịp với nhau, và trung tâm của những mối liên hệ đó lẽ dĩ nhiên là He-rát. Thành phố này là nơi giao nhau của tất cả những con đường đi từ biển Ca-xpien đến sông Ấn và từ vịnh Ba Tư tới Ốc-xu-xơ. He-rát là một loại trạm dừng của các đoàn súc vật thô ở điểm giữa con đường từ Ca-bun đến Tê-hê-ran, từ Si-ra-dơ đến Ban-khơ. Tuyến ốc đảo đánh dấu con đường lớn cho các đoàn súc vật thô cắt ngang sa mạc qua I-ê-dơ-dơ và Cu-khi-xtan, đi thẳng tới He-rát; mặt khác, đi qua cao nguyên Hô-ra-xan và He-rát là con đường độc đạo từ Tây Á sang Đông Á và Trung Á vòng qua sa mạc.

Như vậy, He-rát là một điểm mà nằm trong tay một nước mạnh, nó có thể được sử dụng để thống trị cả I-ran lẫn Tuốc-ke-xtan, nghĩa là cả Ba Tư lẫn lãnh thổ ở phía bên kia sông Ốc-xu-xơ. Ai chiếm được He-rát thì hoàn toàn có tất cả các ưu thế của vị trí trung tâm, từ đó có thể mở cuộc tấn công theo mọi hướng một cách dễ dàng hơn rất nhiều và với cơ hội thành công lớn rất

nhieu so với khi tấn công từ bất cứ thành phố nào của I-iran và Tuốc-ke-xtan. Đồng thời, liên lạc giữa bất kỳ cặp nào trong số những thành phố như Ai-xơ-ra-bát, Si-va, Bu-ca-ra, Ban-khơ, Ca-bun và Can-đa-gác cũng khó khăn đến mức khiến cuộc tấn công phối hợp vào He-rát, ngay cả khi huy động quân từ tất cả những điểm ấy, cũng ít có cơ may thành công. Những đoàn quân tấn công He-rát hầu như không thể liên lạc được với nhau, và viên tướng kiên nghị chỉ huy quân đội ở He-rát có thể tấn công những đoàn quân ấy và đánh tan hết đoàn quân này đến đoàn quân khác. Tuy vậy, nếu tấn công như thế thì những đoàn quân xuất phát từ Can-đa-gác, Ca-bun và Ban-khơ sẽ có thể hoàn toàn hy vọng thành công nhanh hơn là những đoàn quân tấn công vào tâm điểm xuất phát từ A-xơ-ra-bát, Si-va và Bu-kha-ra, vì cuộc tấn công từ phía Áp-ga-ni-xtan sẽ diễn ra từ núi xuống đồng bằng và sẽ hoàn toàn vòng qua sa mạc, trong khi đó thì tấn công từ phía biển Ca-xpien và A-rắc-xơ sẽ cho phép một đoàn quân (đoàn đi từ A-xơ-ra-bát) vòng qua sa mạc; những đoàn quân khác sẽ phải đi qua sa mạc và do đó sẽ mất mọi liên lạc với nhau.

Ba trung tâm văn hoá có một trung tâm chung là He-rát, tạo thành ba nhóm quốc gia riêng biệt. Ở phía tây là Ba Tư mà Hiệp ước Tuốc-man-sai đã biến nó thành chư hầu của Nga. Ở phía đông là các quốc gia của Áp-ga-ni-xtan và Bê-lút-gi-xtan, quan trọng nhất trong số đó là Ca-bun và Can-đa-gác, hiện nay chúng ta có thể tính vào số các nước chư hầu của Đế quốc Anh-Ấn. Ở phía bắc có hai hầu quốc Tuốc-ke-xtan là Si-va và Bu-kha-ra - những quốc gia trung lập trên danh nghĩa, song nếu xung đột xảy ra thì hầu như chắc chắn sẽ hòa với phía có nhiều cơ may chiến thắng hơn. Sự độc lập thực tế của Ba Tư đối với Nga, của Áp-ga-ni-xtan đối với Anh được chứng minh bằng sự việc người Nga đã gửi quân sang Ba Tư, còn người Anh thì đã gửi quân sang Ca-bun.

Người Nga chiếm giữ toàn bộ miền duyên hải phía tây và phía bắc của biển Ca-xpien. Ba-cu nằm cách A-xơ-ra-bát 350 dặm, A-xơ-ra-khan cách A-xơ-ra-bát 750 dặm, là hai điểm tuyệt vời để lập kho quân nhu và tập trung quân dự bị. Dưới sự khống chế của hạm đội Ca-xpien của Nga trên biển nội địa này, có thể rất dễ dàng đưa quân trang quân dụng và quân tiếp viện cần thiết

đến A-xơ-ra-bát. Ở các điểm trên bờ đông biển Ca-xpien, nơi xuất phát của những con đường đi tới biển A-ran, có những đồn bốt của Nga. Xa hơn nữa về phía bắc và phía đông, tuyến đồn bốt của Nga tạo thành tuyến làng xóm của người Cô-dắc vùng U-ran, năm 1847 đã dịch lên phía trước từ sông U-ran đến sông Em-bơ và sông Tuốc-gai một quãng 150 - 200 dặm, sâu vào địa phận do những người Kiéc-ghi-di lệ thuộc Nga chiếm, và theo hướng biển A-ran. Từ đó đồn bốt được dựng ngay trên bờ biển này, hiện nay tàu thủy Nga đi lại trên biển này, cũng như cả trên sông Giắc-xác-tơ nữa. Thậm chí đã có lời đồn đại rằng quân đội Nga đã chiếm Si-va, song tin đồn này ít ra là quá sớm.

Hướng tác chiến của quân Nga trong mọi cuộc tấn công đáng kể vào Trung Á hoặc Nam Á do bản thân thiên nhiên mách bảo. Đi đường bộ từ Cáp-ca-dơ dọc bờ tây-nam biển Ca-xpien, sẽ gặp những trở ngại tự nhiên khá lớn là núi ở miền bắc Ba Tư và sẽ bắt quân đội tấn công phải vượt trên 1100 dặm mới đến được mục tiêu chủ yếu là He-rát. Con đường tiến quân trên bộ từ Ô-ren-buốc đến He-rát chẳng những phải đi qua sa mạc, nơi đội quân của Pê-rốp-xki đã tử vong trong cuộc hành quân chống Si-va¹¹⁹, mà còn phải đi qua hai sa mạc cũng không mền khách như vậy. Khoảng cách từ Ô-ren-buốc đến He-rát theo đường chim bay là 1500 dặm, nhưng Ô-ren-buốc là điểm gần nhất mà quân Nga, nếu họ tấn công từ hướng này, sẽ có thể chọn làm căn cứ tác chiến. Ngoài ra, cả Ác-mê-ni-a thuộc Nga lẫn Ô-ren-buốc đều hầu như hoàn toàn bị chia cắt với trung tâm của cường quốc Nga; Ác-mê-ni-a thuộc Nga bị chia cắt bởi Cáp-ca-dơ, Ô-ren-buốc bị các thảo nguyên chia cắt. Không thể có chuyện tập trung trang bị và quân đội cần thiết để chiếm Trung Á ở bất cứ điểm nào trong số những điểm ấy. Chỉ còn một con đường là qua biển Ca-xpien, với các cứ điểm ở A-xơ-ra-khan và Ba-cu, với điểm quan sát ở A-xơ-ra-bát trên bờ đông - nam biển Ca-xpien - cách He-rát khoảng 500 dặm. Con đường này quy tụ tất cả mọi ưu thế mà Nga có thể mong muốn. A-xơ-ra-khan trên sông Vôn-ga giữ vị trí như Tân Oóc-lê-ăng trên sông Mít-xi-xi-pi vậy. Nằm ở cửa con sông lớn nhất nước Nga, vùng thượng lưu của nó về thực chất là trung tâm của đế quốc, tạo thành nước Đại Nga, A-xơ-ra-khan có

tất cả mọi khả năng để chuyển người và đạn được nhằm tổ chức một cuộc viễn chinh lớn. Đáp tàu thủy bốn ngày, đáp tàu buồm tám ngày là có thể tới A-xơ-ra-bát ở điểm cuối đối diện của biển Ca-xpiên. Bản thân Ca-xpiên hiển nhiên là biển nội địa của Nga, còn A-xơ-ra-bát, nay vua Ba Tư trao cho Nga quản, thì nằm ở điểm xuất phát của con đường độc nhất này từ phía tây đến He-rát - con đường đi xuyên qua núi Hô-ra-xan, hoàn toàn vòng qua sa mạc.

Chính phủ Nga đã hành động chính là theo hướng này. Những lực lượng chủ yếu dành để tiến hành chiến sự chống He-rát trong trường hợp tình hình rắc rối thêm, được tập kết tại A-xơ-ra-bát. Sau đó có thêm hai cánh quân bọc sườn may ra chỉ phối hợp với quân chủ lực khi có vấn đề và vì vậy mỗi cánh quân đều có nhiệm vụ độc lập. Cánh quân bên phải tập trung ở Ta-vri-dơ, có nhiệm vụ yểm trợ biên giới phía tây Ba Tư chống lại mọi cuộc chuyển quân thù địch của Thổ Nhĩ Kỳ và nếu cần thì hành quân tới Ha-ma-đan và Su-xte-rơ, nơi đây nó sẽ yểm hộ cho thủ đô Tê-hê-ran chống cả Thổ Nhĩ Kỳ lẫn quân Anh đã đổ bộ lên Bu-sia ở vịnh Ba Tư. Cánh quân bên trái tấn công từ Ô-ren-buốc và, rất rõ ràng là hy vọng được tăng viện quân, xuất phát từ A-xơ-ra-khan tiến đến bờ đông biển Ca-xpiên, phải bảo đảm đằng sau mình phần lãnh thổ xung quanh biển A-ran và, khi tiến về Si-va, Bu-kha-ra và Xa-mác-căng sẽ tranh thủ được hoặc sự trung lập, hoặc sự hỗ trợ của những quốc gia này, cũng như tùy theo khả năng mà đi ngược sông Ốc-xu-xơ đến Ban-khơ, tạo thế uy hiếp sườn và làm hậu cứ cho quân Anh ở Ca-bun hoặc gần He-rát. Chúng tôi biết rằng tất cả những đoàn quân ấy đã lên đường hành quân và đoàn quân ở giữa và ở bên phải đã có mặt ở A-xơ-ra-bát và Ta-vri-dơ. Về việc chuyển quân của cánh quân bên trái thì rất có thể là chúng tôi sẽ chưa nghe được tin gì trong thời gian tới.

Đối với quân Anh, căn cứ tác chiến là miền Thượng lưu sông Ấn, kho tàng của họ chắc chắn là tập trung ở Pê-sa-vác. Từ đó họ đã phái một cánh quân đi Ca-bun, cách He-rát bốn trăm dặm theo đường chim bay. Nhưng nếu chiến tranh lớn nổ ra thì, ngoài Ca-bun, họ còn phải chiếm Ha-dơ-ni và Can-đa-gác nữa, cũng như cả những đồn bốt ở vùng núi bảo vệ các đèo của Áp-ga-ni-xtan. Trong việc này chưa chắc họ sẽ gặp nhiều khó khăn hơn người

Nga đã gặp trong thời gian chiếm A-xơ-ra-bát, vì họ sẽ tạo ra cái vế là giúp người Áp-ga-ni-xtan chống sự xâm lăng của Ba Tư.

Việc hành quân từ Ca-bun đến He-rát sẽ không gặp những khó khăn không thể vượt qua được. Không cần phải tách ra những cánh quân bọc sườn, vì không một cánh quân bọc sườn nào của Nga có thể tiến đến gần; còn nếu sau một loạt cuộc chuyển quân mà cánh quân Ô-ren-buốc ra khỏi Bu-kha-ra đến được Ban-khơ, thì quân dự bị mạnh ở Ca-bun sẽ lập tức nghênh chiến thích đáng với nó. Quân Anh có ưu thế là chiến tuyến của họ tương đối ngắn, tuy He-rát nằm ở chính giữa con đường từ Can-cút-ta đến Mát-xcơ-va, song căn cứ của Anh ở chỗ hội lưu của sông Ca-bun và sông Ấn cách He-rát cả thảy 600 dặm, trong khi đó căn cứ của Nga ở A-xơ-ra-khan cách He-rát 1250 dặm. Quân Anh ở Ca-bun gần He-rát hơn quân Nga ở A-xơ-ra-bát một trăm dặm và, như chúng tôi biết, về điều kiện địa hình thì quân Anh đi qua những vùng canh tác tốt hơn và đông dân hơn, đường đi tốt hơn, so với quân Nga sẽ gặp ở Hô-ra-xan. Còn về hai quân đội ấy thì chắc chắn quân Anh chịu đựng khí hậu tốt hơn. Các trung đoàn châu Âu của nó chắc chắn sẽ hành động kiên cường, không lay chuyển như đồng đội của họ ở In-ke-rơ-man, còn bộ binh Xi-pai¹²⁰ thì tuyệt nhiên không nói một cách khinh thường về nó. Ngài Sác-lơ Nây-pia - là tướng lĩnh và binh sĩ từ đầu đến chân, - đã thấy quân Xi-pai trong nhiều trận đánh và đánh giá họ rất cao. Kỵ binh chính quy Ấn Độ không đáng giá là bao nhưng kỵ binh không chính quy thì tuyệt vời và dưới sự chỉ huy của các sĩ quan châu Âu của họ, chắc chắn trội hơn quân Cô-dắc.

Dĩ nhiên, sa vào việc tiếp tục suy luận về triển vọng của cuộc chiến tranh như vậy là hoàn toàn vô bổ. Hoàn toàn không có khả năng đoán trước quân số mà bên này hoặc bên kia có thể tung ra. Không thể dự kiến tất cả những gì có thể xảy ra, nếu sẽ diễn ra những sự kiện quan trọng mà giờ đây có lẽ đang tới gần. Chỉ có thể nói dứt khoát một điều là: vì mỗi bên đều phải vượt qua một khoảng cách rất lớn, mà quân đội sẽ định đoạt kết cục của cuộc chiến đấu ở vùng He-rát, ở điểm có tính chất quyết định này, lại tương đối ít. Nhiều điều cũng sẽ phụ thuộc vào mưu kế ngoại giao và mua chuộc trong triều đình các vị vua chúa có lãnh thổ bao

quanh He-rát. Trong những công việc này, người Nga hầu như chắc chắn sẽ thắng thế. Nền ngoại giao của họ tốt hơn và mang tính chất phương Đông nhiều hơn; lúc cần, họ có thể tiêu tiền hào phóng và điều chủ yếu là họ có bạn bè trong phe địch quân. Cuộc viễn chinh của Anh ở vịnh Ba Tư chỉ vền vẹn là cuộc nghi binh có thể lôi kéo một bộ phận đáng kể quân đội Ba Tư, nhưng về mặt kết quả trực tiếp thì chỉ có thể đạt được ít thôi. Nếu ngay cả quân số đóng ở Bu-sia có 5 000 người, được tăng gấp ba, thì quân Anh nhiều lắm chỉ có thể đến được Si-ra-dơ và dừng lại ở đấy. Song người ta chẳng mong đợi gì nhiều hơn ở cuộc viễn chinh ấy. Nếu nó cho Chính phủ Ba Tư thấy rằng nước này dễ bị tấn công từ phía biển, thì nó sẽ đạt được mục đích của nó. Mong chờ ở nó nhiều hơn sẽ là vô lý. Trận tuyến trên đó vận mệnh của toàn bộ I-ran và Tuốc-ke-xtan phải thực sự được định đoạt là từ A-xtơ-ra-bát đến Pê-sa-vác, và điểm có tính chất quyết định trên tuyến này là He-rát.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào cuối tháng
Giêng 1857
Đã đăng làm xã luận trên báo
"New-York Daily Tribune" số 4941,
ngày 19 tháng Hai 1957*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

NGÂN SÁCH MỚI CỦA ANH¹²¹

Luân Đôn, ngày 20 tháng Hai 1857

Trò hề ngân sách đã bị bàn tay của ngài Gioóc-giơ Lu-ít, nay là bộ trưởng ngân khố, giáng một đòn mạnh. Dưới thời ngài Rô-bóc Pin, bản báo cáo ngân sách trình nghị viện đã trở thành một loại nghi thức tôn giáo phải được tiến hành một cách hết sức long trọng như một nghi thức quốc gia và phải được hết lời ca tụng bằng lối hùng biện hoa mỹ. Hơn nữa, nghi thức ấy phải kéo dài ít ra là năm giờ. Ngài Đi-xra-e-li bắt chước cách tiếp cận nghi lễ của ông Rô-bóc đối với ví tiền của quốc gia, còn ngài Glát-xton thì suýt vượt ông ta về mặt này. Cả ngài Gioóc-giơ Lu-ít cũng không dám vi phạm tập quán đó. Vì vậy ông đã đọc bài diễn văn dài bốn giờ, nói lè nhè, lê thê, loanh quanh, cho đến khi một trận cười nổi lên do chỗ những nghị sĩ đáng kính bắt đầu chộp lấy mũ và hàng tá người chạy ra khỏi phòng họp.

"Rất đáng buồn", - diễn viên quên than, - "là tôi phải tiếp tục bài nói của tôi trước đám thính giả đã thưa thớt; nhưng đối với những người còn ở lại, tôi phải trình bày là tác động của những thay đổi dự định tiến hành sẽ như thế nào".

Ngay vào lúc ngài Gioóc-giơ Lu-ít nằm trong số các nhà thông thái của "Edinburgh Review"¹²², ông đã nổi tiếng về lập luận nặng nề khó hiểu hơn là về lý lẽ có căn cứ hoặc về trình bày sinh động. Trên một mức độ đáng kể, những thiếu sót của cá nhân ông

chắc chắn là nguyên nhân khiến ông thất bại trong nghị viện. Song có những điều khác, do ông chi phối, có thể làm cho ngay cả người ưa nói văn hoa chính cống trong nghị viện cũng phải bối rối. Như ngài Uy-li-am Clây buột miệng một cách thiếu thận trọng trước hội nghị cử tri bầu ông ở Gun-lơ, huân tước Pan-mốc-xơn lúc đầu quyết định duy trì thuế thời chiến cả trong thời bình, nhưng nguy cơ đưa ra nghị quyết về thuế thu nhập mà ngài Đì-xra-e-li tuyên bố trong một phiên họp của hạ nghị viện với sự ủng hộ của ông Glát-xơn, lập tức bắt ông phải hiểu ra và thay đổi đột ngột sách lược tài chính của ông. Vì vậy, ngài Gioóc-giơ Lu-ít khốn khổ đã phải, trong một thời hạn hết sức ngắn, thay đổi tất cả mọi tính toán của mình, tất cả mọi con số của mình, toàn bộ sơ đồ của mình, mà bài diễn văn của ông được chuẩn bị để bảo vệ ngân sách thời chiến, giờ đây phải chuyển sang bảo vệ ngân sách gọi là thời bình - *quid pro quo*^{1*} có thể là ngộ nghĩnh, nếu nó không tỏ ra có tác dụng gây buồn ngủ như vậy. Nhưng như thế chưa phải đã hết. Các ngân sách của ông Rô-bốt Pin trong thời kỳ ông cầm quyền từ năm 1841 đến năm 1846 đã gây nên sự quan tâm đặc biệt do cuộc đấu tranh ác liệt sôi sục lúc bấy giờ giữa những người theo Phái mật dịch tự do¹²³ và những người theo phái thuế quan bảo hộ^{2*}, giữa lợi nhuận và địa tô, giữa thành thị và nông thôn. Ngân sách của ngài Đì-xra-e-li được coi là chuyện ngộ nghĩnh, vì nó chứa đựng chẳng phải chính sách thuế quan bảo hộ, chẳng phải việc từ bỏ dứt khoát chính sách đó, ngân sách của ngài Glát-xơn được coi trọng quá mức, như là việc củng cố sự tự do thương mại thắng lợi, ít ra là bảy năm, bằng các phương tiện tài chính. Những cuộc xung đột xã hội được phản ánh trong những ngân sách ấy đã làm cho chúng được quan tâm tích cực, trong khi đó ngân sách của ngài Gioóc-giơ Lu-ít thì ngay từ đầu chỉ có thể gây nên sự quan tâm tiêu cực, bị coi là đối tượng chung để những người chống nội các công kích.

Ngân sách của ngài Gioóc-giơ Lu-ít, trong dự thảo ban đầu phần

1* - sự thay thế

2* Trong bản thảo, sau từ "những người theo phái thuế quan bảo hộ" có thêm những từ "giữa các nhà tư bản công nghiệp và những người sở hữu ruộng đất".

thu của nó được nêu rất ngắn gọn. Trong ngân sách đó không có khoản 9 pen-ny phụ thu của thuế thu nhập đã được ấn định cho thời gian chiến tranh; do đó thuế giảm từ 1 si-linh 4 pen-ny tính trên một pao thu nhập, xuống còn 7 pen-ny; thuế suất này còn hiệu lực cho đến năm 1860. Mặt khác, vẫn duy trì toàn bộ thuế thời chiến đánh vào rượu và một phần thuế thời chiến đánh vào đường và chè. Tất cả chỉ có thế.

Thuế thu nhập của năm tài chính hiện nay, kể cả 9 pen-ny phụ thu thuế thời chiến, đem lại khoản thu nhập hơn 16 000 000 p.xt. do các giai cấp của xã hội nộp và được phân bổ đại thể như sau:

Phần A - Bất động sản	8 000 000 p.xt.
Phần B - Các trại chủ	1 000 000 -
Phần C - Tiền giấy nhà nước	2 000 000 -
Phần D - Buôn bán và các nghề tự do	4 000 000 -
Phần E - Lương bổng	1 000 000 -
Tổng cộng	16 000 000 p.xt.

Qua bảng trên chúng ta thấy rằng thuế thu nhập chỉ rơi vào giai cấp thượng lưu và giai cấp trung lưu của xã hội; thực ra, hơn hai phần ba số thu về thuế gồm thu nhập của giai cấp quý tộc và giai cấp đại tư sản. Nhưng với những thuế thời chiến khác, giá lương thực thực phẩm cao và tỷ suất chiết khấu tăng lên, cả giai cấp tiểu tư sản cũng thiệt rất nhiều về thuế thu nhập, vì vậy họ đặc biệt nóng lòng khao khát được thoát khỏi thuế này. Thế nhưng tiếng kêu ca của họ chưa chắc được báo chí phản ánh, và tất nhiên không được hạ nghị viện hưởng ứng, nếu giai cấp quý tộc và giai cấp đại tư sản không lãnh đạo công việc cổ động, mà sốt sắng chớp lấy khả năng ấy để che giấu thói ích kỷ vô hạn của nó dưới chiêu bài từ thiện rộng khắp và để thoát khỏi thứ thuế mà chúng không đủ sức trút gánh nặng thuế khoá lên vai quần chúng nhân dân. Trong khi ở Pháp vào thời *république honnête et modérée*^{1*}, việc thi hành thuế thu nhập đã được ngăn ngừa, bị lên án là chủ nghĩa xã hội buôn lậu, thì ở Anh giờ đây người ta cố bãi bỏ cũng thứ thuế này dưới chiêu bài đồng cảm với nỗi đau khổ của nhân dân. Trò chơi này được diễn xuất hết

1* - chế độ cộng hoà thành thực và ôn hoà

sức khéo léo. Cùng với việc thiết lập hoà bình¹²⁴, các đại biểu của giai cấp tiểu tư sản chỉ phản đối khoản phụ thu thời chiến và cách phân bổ thuế không công bằng, chứ không phản đối bản thân thuế thu nhập. Những giai cấp thượng lưu làm ra về chia sẻ sự bất bình của mọi người, nhưng cốt để xuyên tạc ý nghĩa đích thực của nó và thay yêu cầu đòi hạ mức thuế đối với những khoản thu nhập nhỏ nhất bằng yêu cầu đòi miễn thuế đối với những khoản thu nhập lớn. Trong lúc đấu tranh quyết liệt, nóng lòng muốn được giảm nhẹ thuế ngay lập tức, giai cấp tiểu tư sản không nhận thấy sự tráo trở ấy và không chăm lo những điều kiện bảo đảm cho nó được các bạn đồng minh hùng mạnh ủng hộ. Còn về giai cấp công nhân không có các cơ quan báo chí riêng của mình, cũng không có đại diện trong các cơ quan dân cử, nên không thể nói đến các yêu sách của nó.

Các biện pháp mậu dịch tự do của ông Rô-bốt Pin, như chúng ta biết, có cơ sở là thuế thu nhập. Để hiểu rằng việc đánh thuế trực tiếp là biểu hiện về mặt tài chính của chính sách mậu dịch tự do. Nếu chính sách mậu dịch-tự do nói chung có ý nghĩa nào đó, thì nó có nghĩa là bãi bỏ thuế quan, thuế gián thu và tất cả những thứ thuế cản trở trực tiếp việc sản xuất và trao đổi.

Nhưng nếu không thể thu được thuế bằng thuế quan và thuế gián thu, thì phải thu thuế trực tiếp đánh vào tài sản và thu nhập. Song với một mức thu thuế nhất định, việc giảm một loại thuế này nhất định kéo theo việc tăng tương ứng thứ thuế khác. Sự tăng giảm đó phải thay đổi theo tỷ lệ nghịch. Vì vậy, nếu công chúng Anh muốn bãi bỏ đại bộ phận thuế trực thu, thì họ phải sẵn sàng đón nhận việc thuế đánh vào hàng hoá và nguyên liệu công nghiệp sẽ lên cao, - tóm lại, họ phải sẵn sàng từ bỏ chế độ mậu dịch tự do. Trên lục địa châu Âu, phong trào hiện nay chính là được lý giải như vậy. Một tờ báo viết rằng:

"tại hội nghị ở Hen-tơ thảo luận chính sách mậu dịch tự do và chính sách thuế quan bảo hộ, một trong những diễn giả đã viện dẫn phe đối lập vừa mới xuất hiện ở Anh chống thuế thu nhập, coi đó là bằng cứ chứng minh việc dư luận Anh quay sang chính sách thuế quan bảo hộ".

Hệt như những người ủng hộ cải cách tài chính ở Li-vóc-pun,

trong một bức thư cách đây không lâu, đã biểu lộ sự e ngại rằng Anh sẽ quay trở lại các nguyên tắc hạn chế.

"Khó mà tin được", - họ nói, - "khả năng biểu hiện như vậy của sự mù quáng có tính chất toàn quốc, nhưng bất cứ người nào khôn ngoan có đầu óc bình thường không thể không thấy sự cố động hiện nay chính là nhằm vào mục đích ấy, chứ không phải nhằm vào mục đích nào khác".

Vì chính sách mậu dịch tự do, do đó, cả việc đánh thuế trực tiếp ở Anh là vũ khí tấn công trong tay các nhà tư bản công nghiệp chống giai cấp quý tộc ruộng đất, nên cuộc thập tự chinh chung của họ chống thuế thu nhập chứng tỏ trong lĩnh vực kinh tế cái điều mà trong lĩnh vực chính trị đã được việc lập Nội các liên hiệp¹²⁵ chứng minh, chứng tỏ giai cấp tư sản Anh không có nghị lực và nó muốn thoả hiệp với giới trùm sở thống trị để tránh việc nhượng bộ giai cấp vô sản.

Đầu hàng những yêu sách của Đồng minh chống thuế thu nhập, ngài Gioóc-giơ Lu-ít lập tức cho thấy cả mặt trái của tấm huy chương. Chẳng hề có việc bãi bỏ thuế giấy, chẳng hề có việc bỏ thuế đánh vào giấy bảo hiểm hoá hoạn, chẳng hề có việc giảm thuế rượu, mà trái lại có việc tăng thuế nhập khẩu chè và đường. Theo dự án tài chính của ngài Glát-xơn^{1*}, thuế đánh vào chè phải giảm xuống^{2*} từ 1 si-linh 6 pen-ny một pao lúc đầu xuống còn 1 si-linh 3 pen-ny, rồi xuống 1 si-linh, còn thuế đánh vào đường thì từ 1 p. xt. một tạ lúc đầu xuống còn 15 si-linh rồi còn 13 si-linh 4 pen-ny^{3*}. Đây là riêng đối với đường tinh. Thuế đối với đường cát trắng phải hạ từ 17 si-linh 6 pen-ny lần lượt xuống còn 13 si-linh 2 pen-ny và 11 si-linh 8 pen-ny; đối với đường cát vàng, từ 15 si-linh xuống còn 11 si-linh 8 pen-ny và 10 si-linh 6 pen-ny; đối với đường cát nâu - từ 13 si-linh 9 pen-ny xuống còn 10 si-linh 7 pen-ny và 9 si-linh 6 pen-ny; đối với mật mía - từ 5 si-linh 4 pen-ny xuống còn 3 si-linh 9 pen-ny. Chiến tranh đã cản trở việc thực hiện dự án đó; nhưng theo luật ban hành năm 1855, dự án đó phải được thực hiện triệt để vào những năm 1857 và 1858. Ngài

1* Trong bản thảo, sau chữ "Glát-xơn" có viết "thuộc năm 1855"

2* Trong bản thảo, sau chữ "giảm" có viết "vào năm 1857"

3* Trong bản thảo, sau chữ "pen-ny" có viết "vào năm 1858"

Gioóc-giơ Lu-ít, người mà ngày 19 tháng Tư 1855 đã nâng thuế chè từ 1 si-linh 6 pen-ny lên đến 1 si-linh 9 pen-ny một pao, đề nghị giảm thuế đó trong bốn năm, giảm nó xuống còn 1 si-linh 7 pen-ny vào những năm 1857 - 1858, còn 1 si-linh 5 pen-ny vào các năm 1858 - 1859, còn 1 si-linh 3 pen-ny vào các năm 1859 - 1860 và cuối cùng, xuống còn 1 si-linh. Đối với thuế đường, ông cũng đề nghị làm như vậy. Chúng ta biết rằng, cầu về đường vượt cung và dự trữ đường trên các thị trường thế giới đã giảm; ví dụ, ở Luân Đôn hiện nay chỉ có 43 700 tấn so với 73 400 tấn cách đây hai năm. Lẽ tự nhiên là giá đường tăng lên. Còn về chè thì cuộc hành quân của Pan-móc-xton vào Trung Quốc đã làm cho cung giảm xuống một cách giả tạo, do đó làm cho giá tăng lên. Không có nhà kinh tế học nào nói với bạn rằng trong thời gian thiếu hàng hoá và giá tăng, mọi sự giảm thuế đều ắt sẽ nhanh và rất rõ rệt, nếu người ta muốn việc giảm thuế đó có lợi cho người tiêu dùng phổ thông, chứ không phải chỉ có lợi cho người nhập khẩu. Nhưng mặc dù vậy, ngài Gioóc-giơ Lu-ít vẫn khẳng định rằng, trường hợp giá tăng thì việc giảm thuế càng có lợi cho người tiêu dùng. Lời khẳng định đó chỉ có thể ví với các học thuyết lạ lùng của ông rằng cước bưu điện là thuế trực thu và sự rối rắm là đặc điểm cứu nguy của mọi việc đánh thuế.

Bù việc giảm thuế thu nhập bằng việc tăng thuế chè và đường, đối tượng tiêu dùng rộng rãi ở Anh, có nghĩa là giảm hoàn toàn rõ rệt mức đánh thuế người giàu và tăng mức đánh thuế người nghèo. Song lý do đó chưa chắc đã ngăn cản hạ nghị viện bỏ phiếu tán thành biện pháp ấy. Nhưng có những nhà buôn chè đã ký những hợp đồng và hiệp định lớn thì chỉ hy vọng, theo lời họ, vào lời tuyên bố của ông Gioóc-giơ Lu-ít ngày 19 tháng Tư 1856 - lời tuyên bố được cục thuế quan nhắc lại cho những người buôn chè ngày 11 tháng Mười một 1856 - rằng "ngày 6 tháng Tư 1857 thuế chè sẽ giảm xuống còn 1 si-linh 3 pen-ny". Vì vậy, các nhà buôn chè khẳng định đòi được tạo khả năng để thực hiện cam kết của họ và đòi các cam kết tinh thần của ngân sách phải được tuân thủ. Đồng thời cả ngài Glát-xton cũng vui mừng được trả thù Pan-móc-xton, người đã tráo trở từ bỏ phái Pin sau khi đã sử dụng họ để lật đổ, trước là nội các Đốc-bi, rồi nội các Rốt-xen

và cuối cùng, nội các của nguyên lão của chính họ, vị cao niên A-bóc-đin¹²⁶. Hơn nữa, Glát-xton, tác giả của dự án tài chính năm 1853, dĩ nhiên cần phải bảo vệ ngân sách kiểu mẫu của mình để khỏi bị ngài Gioóc-giơ Lu-ít xâm phạm một cách bất nhã. Vì vậy, ông đã công bố ý định của ông^{1*} là đưa ra nghị quyết như sau:

"Hạ nghị viện này sẽ không đồng ý thêm bất cứ khoản nào vào thuế chè và thuế đường theo luật thuế quan năm 1855".

Cho đến nay tôi chỉ mới đề cập đến một mặt của ngân sách là phần thu. Giờ đây chúng ta hãy nhìn sang phần kia là phần dự chi. Nếu phần thu đã ấn định nói lên trạng thái hiện nay của xã hội Anh, thì phần dự chi càng nói lên trạng thái của chính phủ hiện nay. Pan-móc-xton cần tiền, rất nhiều tiền, không chỉ để thiết lập vững chắc nền chuyên chính của ông, mà còn để thoả mãn ham mê của ông đối với việc phao kích Quảng Châu, đối với các cuộc chiến tranh với Ba Tư, đối với các cuộc viễn chinh Na-plơ v.v.. Vì vậy, ông đề nghị một ngân sách thời bình vượt gần 8 000 000 p.xt. so với các khoản chi lớn nhất từ khi có hoà ước năm 1815. Ông đã chi 65 474 000 p. xt., trong khi ngài Đi-xra-e-li bằng lòng với con số 55 613 379 p.xt., còn ngài Glát-xton thì thoả mãn với con số 56 683 000 pao xtéc-linh. Tất nhiên, ông Giôn Bun cần phải thấy trước rằng ước mơ về vinh quang trong chiến tranh ở phương Đông dần dà sẽ thể hiện thành những phiếu thanh toán có đủ sức nặng của các viên thanh tra thuế khoá.

Nhưng việc đánh thuế bổ sung hàng năm do có chiến tranh không thể vượt quá 3 600 000 p.xt. cụ thể là 2 000 000 p.xt. về trái khoáy kho bạc tối hạn vào tháng Năm 1857; 1 200 000 p.xt. về lãi thu từ 26 000 000 p.xt. nợ mới dài hạn và từ 8 000 000 p.xt., nợ ngắn hạn; cuối cùng, gần 400 000 p.xt. về quỹ thanh toán nợ mới. Như vậy, thuế thời chiến bổ sung thực ra chưa bằng một nửa những khoản thanh toán phụ thêm mà huân tước Pan-móc-xton đòi chi. Nhưng những dự toán kinh phí chiến tranh của ông thì hoàn toàn cất nghĩa được sự tăng lên của những chi

1* Trong bản thảo, thay cho các từ "ý định của ông" đã viết: "ngày thứ tư 19 tháng Hai, ngày thứ năm, nhân việc hạ nghị viện họp với tư cách là uỷ ban tìm phương tiện, ông định".

phí phụ thêm ấy. Tổng dự toán của quân đội và hải quân từ năm 1830 đến hết năm 1840 trung bình chưa lên tới 13 000 000 p.xt., nhưng trong ngân sách của Lu-ít thì nó là 20 699 000 pao – xtéc-linh. Nếu chúng ta so sánh con số đó với tất cả những khoản dự toán kinh phí chiến tranh năm năm gần đây, trước khi chiến tranh nổ ra, thì chúng ta sẽ thấy rằng những dự toán ấy là: năm 1949 - 15 823 537 p. xt., năm 1850 - 15 320 944 p.xt., năm 1851 - 15 555 171 p.xt., năm 1852 - 15 771 893 p.xt., năm 1853 - 1854 - 17 802 000 p.xt., và lại dự toán cho những năm 1853 - 1854 được xét duyệt có tính đến cuộc chiến tranh sắp xảy ra.

Kiên trì học thuyết chính thống của đảng Vích cho rằng nhựa cây dùng để nuôi giun, ngài Gioóc-giơ Lu-ít dựa vào sự tăng trưởng tài sản quốc dân được phản ánh trong các số liệu về xuất nhập khẩu năm 1856 để tăng chi tiêu của chính phủ. Nếu thậm chí các kết luận đúng, thì các tiền đề vẫn còn sai. Chỉ cần nêu lên con số nhiều nghìn công nhân thiếu thốn gay gắt nay đang lang thang trên các phố Luân Đôn và cầu cứu các nhà tế bần¹²⁷; chỉ cần nêu ra một sự thực nhiều người biết đến qua các báo cáo chính thức về thu nhập: trong năm 1856, mức tiêu dùng chè, đường và cà-phê ở Anh giảm xuống khá nhiều, trong khi mức tiêu dùng rượu tăng không đáng kể. Cuối cùng, chỉ cần chỉ ra những báo cáo về buôn bán năm ngoái, theo chính ngài Uyn-xơn, nay là thư ký kho bạc, thú nhận, những báo cáo ấy chứng minh rõ ràng rằng lợi nhuận do thương mại Anh năm 1856 đem lại tỷ lệ nghịch với sự mở rộng của nó. Đường như sách lược tự nhiên của thủ lĩnh phe đối lập phải là chia súng của các đội pháo binh chủ lực của ông vào những khoản chi tiêu quá mức ấy. Nhưng, hành động theo cách như vậy và trực tiếp nổi lên chống lại sự lãng phí kiểu quý tộc ấy, ngài Đi-xra-e-li có cơ bị những người cùng phe^{1*} đâm một cú vào lưng. Vì vậy ông ta phải sử dụng một mảnh lời cực kỳ tinh vi^{2*} - luận chứng cho nghị quyết của ông ta chống lại ngân sách của Pan-móc-xơn không phải bằng lý do là ngân sách đề ra

những khoản chi quá mức cho năm 1857 và năm 1858, mà bằng lý do là nó không bảo đảm khối lượng thu quốc gia cần thiết cho những tài khoá 1858 - 1859 và 1859 - 1860.

Dù sao thì những cuộc tranh luận về ngân sách trong hạ nghị viện cũng hứa hẹn sẽ hết sức lý thú không chỉ vì chúng quyết định vận mệnh của chính phủ hiện nay, và chúng sẽ là cảnh tượng đáng chú ý của khối liên minh Đi-xra-e-li - Glát-xơn - Rót-xen chống Pan-móc-xơn, mà còn vì các mâu thuẫn của phe đối lập về mặt tài chính trong khi khẳng định đòi bãi bỏ thuế thu nhập và cấm tăng thuế quan đánh vào đường và chè, đồng thời không dám công khai đánh vào những khoản chi tiêu bị kích lên quá đáng, tự chúng chắc chắn sẽ là cái gì đó hoàn toàn mới trong thực tiễn của chúng ta.

Do C.Mác viết ngày 20 tháng Hai 1857

Đã đăng trên báo "New - York Daily - Tribune" số 1956, ngày 6 tháng Ba 1857

In theo bản đăng trên báo có đối chiếu với bản thảo Nguyên văn là tiếng Anh

1* Trong bản thảo, bắt đầu từ những chữ: "Nhưng, hành động theo cách như vậy" là đoạn: "Nhưng ngài Đi-xra-e-li sẽ có cơ bị chính đảng của ông tấn công tập hậu, nếu ông ta thực sự chống lại những kẻ ăn bám quý tộc [taxeaters]".

2* Trong bản thảo thay cho những chữ "mảnh lời cực kỳ tinh vi" đã viết: "mưu kế hết sức thâm hại".

C.MÁC

NHỮNG CUỘC TRANH LUẬN TẠI NGHỊ VIỆN VỀ NHỮNG HOẠT ĐỘNG QUÂN SỰ Ở TRUNG QUỐC

Luân Đôn, ngày 27 tháng Hai 1857

Các nghị quyết của bá tước Đốc-bi và của ngài Cốp-đen chỉ trích các hoạt động quân sự ở Trung Quốc, đã được đưa ra phù hợp với những lời tuyên bố trước - nghị quyết của Đốc-bi đã ra thượng nghị viện ngày 24 tháng Hai, còn nghị quyết của Cốp-đen thì đưa ra hạ nghị viện ngày 27 tháng Hai. Những cuộc tranh luận tại thượng nghị viện kết thúc vào chính cái ngày mà cuộc tranh luận ở hạ nghị viện bắt đầu. Những cuộc tranh luận ở thượng nghị viện đã giáng một đòn mạnh vào nội các Pan-móc-xơ, để lại cho nó một đa số tương đối yếu là 36 phiếu. Cuộc tranh luận ở hạ nghị viện có thể sẽ kết thúc bằng sự thất bại của nội các ấy. Nhưng cuộc thảo luận ở hạ nghị viện dù có gây hứng thú thế nào đi nữa thì cuộc tranh luận ở thượng nghị viện đã nói hết lý lẽ của các bên rồi, còn những bài phát biểu của huân tước Đốc-bi và huân tước Linh-huê-xơ đã đoán trước được lời lẽ hùng biện của ngài Cốp-đen, của ngài E.Bun-vơ, của huân tước Giôn Rốt-xen và tutti quanti^{1*}.

1* - những người cùng loại như họ.

Một thành viên duy nhất của chính phủ, người có uy tín trong lĩnh vực luật học, viên đại pháp quan^{1*} đã nhận xét rằng "nếu nước Anh không có đủ căn cứ đối với sự kiện "Ê-râu", thì tất cả mọi hoạt động của Anh từ đầu đến cuối đều không đúng". Đốc-bi và Linh-huê-xơ đã chứng minh một cách chắc chắn rằng nói chung nước Anh không có căn cứ nào đối với sự kiện chiếc tàu buôn ấy. Lập luận của họ ăn khớp với lập luận nêu trên các cột báo Tribune^{2*} sau khi công bố những thông báo đầu tiên phát đi từ Anh, ở đây tôi chỉ xin trình bày vắn tắt lập luận ấy.

Lời buộc tội Chính phủ Trung Quốc mà người ta muốn dùng để bào chữa cho chiến trận Quảng Châu¹²⁸ là ở chỗ nào? Là ở chỗ điều 9 của hiệp ước bổ sung năm 1843 đã bị vi phạm. Điều khoản ấy quy định rằng, không một tội phạm nào trong số những tội phạm Trung Quốc đang ở thuộc địa Hồng Công hoặc ở trên tàu chiến Anh, hoặc trên tàu buôn Anh, có thể bị chính các nhà cầm quyền Trung Quốc bắt giữ; họ phải được trao trả thông qua lãnh sự Anh, chính lãnh sự Anh sẽ phải giao kẻ tội phạm cho các nhà cầm quyền sở tại. Chính bọn cướp biển Trung Quốc trên tàu buôn "Ê-râu" đậu tại sông Quảng Châu đã bị các quan chức Trung Quốc bắt qua mắt lãnh sự Anh. Chính vì vậy mà nảy sinh vấn đề: "Ê-râu" có phải là tàu của Anh hay không? Như Đốc-bi chứng minh, đó là

"chiếc tàu do người Trung Quốc đóng, bị người Trung Quốc chiếm, do người Trung Quốc bán, được người Trung Quốc mua, có đội lái gồm người Trung Quốc và là sở hữu của một người Trung Quốc".

Trong trường hợp như vậy thì tại sao chiếc tàu Trung Quốc ấy lại trở thành tàu buôn Anh? Điều đó đã xảy ra do có việc mua ở Hồng Công giấy chứng nhận là tàu của Anh, tức giấy phép giao thông hàng hải. Tính chất hợp pháp của giấy chứng nhận như vậy dựa trên nghị định của chính quyền địa phương Hồng Công ban hành tháng Ba 1855. Song nghị định đó chẳng những vi phạm hiệp ước hiện hành giữa Anh và Trung Quốc, mà còn thủ

1* - Cran-uốc-thơ

2* - Xem tập này, tr. 133 – 139.

tiêu bản thân pháp luật của Anh. Vì vậy nó không có hiệu lực pháp luật. Nó có chút ít về hợp pháp trước con mắt người Anh chỉ khi gắn với điều lệ vận tải hàng hoá buôn bán, nhưng điều lệ ấy được thông qua hai tháng sau khi nghị định của Hồng Công được ban hành. Vả lại, nghị định đó không hề được phối hợp ăn khớp với các điều khoản của điều lệ ấy. Vì vậy nghị định làm cơ sở để tàu buồm "Ê-râu" nhận được giấy chứng nhận tàu thuyền chỉ là một mảnh giấy. Nhưng ngay cả căn cứ vào tờ giấy không có chút giá trị này, "Ê-râu" cũng đã bị mất sự bảo vệ của nó do chỗ chiếc tàu ấy đã vi phạm những điều kiện quy định và thời hạn của giấy phép cho chiếc tàu buồm này đã hết. Chính ông Giôn Bao-rinh^{1*} cũng thừa nhận điểm này. Nhưng, người ta nói "Ê-râu" có phải là thuyền của Anh hay không, điều đó không quan trọng, - dù sao trên tàu cũng đã treo cờ Anh, và lá cờ này đã bị sỉ nhục. Thứ nhất^{2*}, nếu cờ đã kéo lên thì nó được kéo lên một cách bất hợp pháp. Nhưng nói chung nó có được giương lên không? Về điểm này có sự không ăn khớp giữa những lời tuyên bố của Anh và của Trung Quốc. Nhưng những lời tuyên bố của Trung Quốc đã được xác nhận bởi những lời khai của thuyền trưởng và đội thủy thủ của tàu buồm Bồ Đào Nha số 83; những lời khai này được gửi đi thông qua các viên lãnh sự. Dựa vào những lời khai đó, tờ "Friend of China"¹²⁹ trong số ra ngày 13 tháng Mười một có nói rằng "giờ đây ở Quảng Châu mọi người đều biết rằng cờ Anh không được treo trên tàu buồm trong sáu ngày trước khi bị bắt". Như vậy, cùng với cái cơ hợp pháp đi tới xung đột, cũng không còn vấn đề chính thức về quốc thể nữa^{3*}.

Rất tiếc, trong bài phát biểu này huân tước Đốc-bi hoàn toàn bỏ cái thói quen bông đùa và nhờ thế đã làm cho lập luận của ông ta có tính chất pháp lý chặt chẽ. Vả lại, tuy ông ta chẳng hề nỗ

1* Trong bản thảo, sau chữ "Bao-rinh" có viết: "đã viết cho lãnh sự Pác-cơ rằng "Ê-râu" không có quyền được Anh bảo hộ".

2* Trong bản thay cho chữ "thứ nhất" đã viết: "Nhưng, thứ nhất, "Ê-râu" không có quyền treo cờ Anh, như chính ông Giôn Bao-rinh thừa nhận trong thư gửi lãnh sự Pác-cơ đề Hồng Công, ngày 11 tháng Mười. Do đó".

3* Đến đây kết thúc một đoạn trong bản thảo.

lực chút nào thế mà bài phát biểu của ông đượm màu hóm hỉnh hết sức sâu sắc. Thật ra, bá tước Đốc-bi, người đứng đầu giới quý tộc gốc Anh phát biểu là nhằm chống lại cựu tiến sĩ Giôn Bao-rinh, học trò yêu của Ben-tam nhằm bảo vệ tính nhân đạo chống lại con người đã từng chọn tính nhân đạo làm nghề nghiệp cho mình; bảo vệ lợi ích chân chính của các dân tộc chống lại kẻ vị lợi triệt để đang đòi tuân thủ rập rập nghi thức ngoại giao; kêu gọi thực thi công thức "vox populi - vox dei"^{1*} chống người chủ trương thực thi công thức - lợi nhiều nhất cho số người đông nhất¹³⁰. Lớp hậu sinh của những kẻ đi chinh phục thuyết giáo cho thế giới, trong khi một hội viên của Hội hoà bình¹³¹ lại hô hào bắn bằng những viên đạn đại bác rực đỏ; Đốc-bi phỉ nhổ hành động của hạm đội Anh là những "hành vi bỉ ổi" và những hành động quân sự nhục nhã", trong khi đó Bao-rinh, nhân khi bạo lực hèn nhát ấy không gặp sự chống cự nào, đã mừng hạm đội về "những thành tựu huy hoàng, tinh thần dũng cảm vô song của nó và sự kết hợp tuyệt vời nghệ thuật quân sự với khí phách anh dũng". Những sự tương phản ấy, bá tước Đốc-bi dường như ý thức được càng ít, thì chúng càng là một sự châm biếm sắc bén. Bên phía ông ta, sự oái ăm của lịch sử bắt nguồn không phải từ sự sắc sảo của từng người riêng lẻ, mà là từ tính chất hài của bản thân các tình huống. Trong toàn bộ lịch sử Nghị viện Anh có lẽ chưa bao giờ có trường hợp nhà quý tộc thắng kẻ anh hùng rơm như vậy về mặt trí tuệ.

Huân tước Đốc-bi ngay từ đầu đã tuyên bố rằng ông ta "sẽ chỉ phải dựa vào những lời tuyên bố và những tài liệu chính thức của chính những nhân vật mà ông định phê phán hành vi của họ", và ông coi "những tài liệu ấy hoàn toàn đủ để luận chứng cho những lý lẽ của mình". Song đã có ý kiến nhận xét đúng đắn rằng những tài liệu ấy dưới dạng được chính phủ công bố, sẽ cho phép chính phủ trút toàn bộ trách nhiệm lên vai những người thuộc quyền nó. Điều đó đúng đến mức sự công kích của những người chống chính phủ trong nghị viện chỉ chĩa vào Bao-rinh và

1* - "tiếng nói của dân là tiếng nói của Thượng đế"

đồng bọn và chính phủ có thể nhập bọn với họ mà không hề tổn hại đến địa vị của chính nó. Tôi xin dẫn lời của chính huân tước:

"Tôi không muốn nói điều gì bất kính về tiến sĩ Bao-rinh. Có thể, ông là người có những ưu điểm lớn, nhưng tôi cảm thấy ở ông vấn đề để ông sang Quảng Châu thực sự trở thành một *niềm say mê*. (Có tiếng hô tán thành và tiếng cười). Tôi tin rằng ông ta cả trong lúc mơ lẫn lúc tỉnh đều thấy mình đi đến Quảng Châu. Tôi tin rằng đó là ý nghĩ đầu tiên của ông mỗi sáng thức dậy, ý nghĩ của ông dành cho giấc mơ tiếp theo, có khi ông tỉnh dậy vào ban đêm, ý nghĩ ấy cũng hiện lên trong đầu ông vào giữa khuya. (Có tiếng cười). Tôi tin rằng ông sẵn sàng chịu mọi hy sinh, sẽ không tiếc bất kỳ sự rối loạn nào của việc buôn bán, sẽ không ân hận về bất kỳ sự đổ máu nào, ông so sánh chúng với những mối lợi to lớn sẽ thu được do chỗ ông Giôn Bao-rinh được tiếp đón chính thức tại Hạ Môn Quảng Châu. (Có tiếng cười)".

Sau đó huân tước Linh-huê-xơ phát biểu:

"Ông Giôn Bao-rinh không chỉ là phái viên, mà còn là nhà thuyết giáo tinh thần nhân đạo có tiếng tăm (có tiếng cười), chính ông thừa nhận rằng giấy chứng nhận tàu thuyền không có hiệu lực và chiếc tàu buồm không có quyền giương cờ Anh. Song các ngài hãy chú ý điều ông ta nói: "Chiếc tàu ấy không nằm dưới quyền bảo hộ của chúng ta, nhưng người Trung Quốc không biết điều đó. Ông Chúa, đừng nói với họ điều này". Ông thậm chí nhắc lại điều đó, vì về thực chất, lời của ông quy lại là: chúng ta biết rằng người Trung Quốc không có lỗi về bất kỳ sự vi phạm nào đối với hiệp ước, nhưng chúng ta sẽ không nói điều đó cho họ; chúng ta sẽ đòi bằng được họ bồi thường thiệt hại và tuân thủ một hình thức đặc biệt trong việc trao trả những người đã bị bắt. Nhưng nếu các thủy thủ không được trả lại theo hình thức ấy thì lúc đó sẽ phải dùng biện pháp nào? Rất đơn giản là sẽ chiếm một chiếc tàu, chiếc tàu chiến nào đó. Nếu làm thế chưa đủ thì chiếm nữa, chừng nào chưa ép được người Trung Quốc phục tùng, tuy chúng ta biết rằng lẽ phải thuộc về phía họ, còn ở phía chúng ta thì chẳng có chút công bằng nào cả. (Có tiếng hô tán thành). Đã bao giờ có trường hợp xử sự ghê tởm hơn, bẽ bối hơn, tôi không nói những cố bịp bợm hơn, nhưng - điều này cũng hết như ở nước ta - những cái cố dối trá hơn do một nhà chức trách phục vụ Chính phủ Anh đưa ra? (Có tiếng hô tán thành). Đáng ngạc nhiên là làm sao mà ông Giôn Bao-rinh có thể nghĩ rằng ông có quyền tuyên chiến. Tôi có thể hiểu rằng con người ở địa vị như vậy có quyền hạn lúc cần thì dùng đến biện pháp tự vệ;

nhưng thực thi những hành động tấn công trên một cơ sở như vậy, với một cái cớ như vậy - đó là một trong những trường hợp bất thường nhất có thể gặp trong lịch sử toàn thế giới. Qua những tài liệu trình hạ nghị viện, chúng ta hoàn toàn rõ ràng ngay từ đầu, khi ông Giôn Bao-rinh được bổ nhiệm vào chức vụ hiện nay, mong muốn hiệu danh của ông là đạt được cái mà các vị tiền nhiệm của ông đã hoàn toàn thất bại, cụ thể là vào được thành Quảng Châu. Lăm lăm tìm cách thực hiện mục đích ấy, nghĩa là tìm cách đến được tường thành Quảng Châu, ông ta đã đẩy đất nước vào chiến tranh, trong khi chẳng cần làm như thế; mà kết quả thì như thế nào? Tài sản của thân dân Anh trị giá một khoản tiền lớn - 1 500 000 p.xt., - giờ đây đã bị tịch thu ở Quảng Châu, thêm vào đó, các thương cục của chúng ta bị đốt cháy trụi, tất cả chỉ vì chính sách tai hại của một trong những người có ác ý nhất.

"Ôi! con người đầy kiêu hãnh,

Người có quyền lực ngắn ngủi, mỏng manh,

Là kẻ ngu si tự xưng là trượng,

Là cọng cỏ mảnh khảnh.

Nhưng người hung dữ như con khỉ độc,

Dưới mặt trời người làm những chuyện,

Khiến thiên thần phải rơi nước mắt"^{1*}

Và, cuối cùng, huân tước Grây nói:

"Thưa các ngài, nếu các ngài đọc tài liệu, các ngài sẽ thấy rõ ràng, khi Giôn Bao-rinh đề nghị tổng đốc E cho gặp thì tổng đốc tỏ ý sẵn sàng gặp ông ta, nhưng ấn định nơi gặp mặt là nhà của thương nhân Ngũ Hạo Quan nằm ở ngoại ô thành phố. Song phẩm giá của ông Giôn Bao-rinh không cho phép ông đi đến nơi nào khác, ngoài dinh tổng đốc. Nếu không thể mong đợi điều gì khác cả, thì tôi sẽ đợi ít ra là một kết quả tích cực của việc ra nghị quyết - triệu hồi ngay lập tức ông Giôn Bao-rinh".

Ông Giôn Bao-rinh cũng gặp thái độ như vậy của hạ nghị viện, còn ngài Cốp-đen thậm chí ngay khi bắt đầu diễn thuyết đã trịnh trọng tuyên bố tuyệt giao với "con người mà ông đã làm bạn hai mươi năm nay".

1* Sếch-xpia. "Đối sách vì đối sách", hồi II, cảnh 2

Những đoạn trích nguyên văn từ những bài phát biểu của các huân tước Đốc-bì, Linh-huê-xơ và Grây chứng minh rằng chính phủ của huân tước Pan-móc-xơ chỉ cần hy sinh ông Giôn Bao-rinh cũng đủ để đỡ đòn thay vì đánh đồng mình với "người thuyết giáo lòng nhân đạo nổi tiếng" ấy. Không phải sự kiên nhẫn và cũng không phải sách lược của các đối thủ của ông ta, mà chỉ là những tài liệu trình nghị viện đã cho phép chính phủ thoát khỏi tình thế một cách dễ dàng như vậy; điều đó trở nên rõ ràng khi chúng ta đi lướt qua những tài liệu ấy và những cuộc tranh luận dựa trên những tài liệu ấy.

Có thể còn sự nghi ngờ nào đó về việc ông Giôn Bao-rinh mắc "chứng say mê" xâm nhập vào Quảng Châu hay không? Lẽ nào chưa chứng minh được rằng chủ thể ấy, như báo "Times" ở Luân Đôn nói: "đã hành động chỉ theo sáng kiến của bản thân, không hỏi ý kiến thủ trưởng mình ở trong nước và không cân nhắc đến chính sách của thủ trưởng"? Vậy tại sao trong trường hợp như vậy, trong lúc tình hình Chính phủ Pan-móc-xơ lung lay, khi con đường của huân tước Pan-móc-xơ đầy rẫy đủ loại khó khăn liên quan tới tài chính, tới cuộc chiến tranh Ba Tư, tới những hiệp ước bí mật, tới cuộc cải cách bầu cử¹³², tới khối liên minh, khi ông cảm thấy rằng con mắt của hạ nghị viện hướng "vào ông một cách nghiêm túc hơn, nhưng tán dương ít hơn so với bất kỳ lúc nào trước kia", - vì sao ông lại chọn đúng thời điểm này để, lần đầu tiên trong toàn bộ bước đường công danh trên chính trường của ông, biểu lộ sự trung thành không lay chuyển với một người khác, và lại là người dưới quyền của ông, có cơ không chỉ làm cho địa vị của bản thân ông càng thêm tồi tệ, mà còn làm cho nó hỏng hoàn toàn? Vì sao trong sự say mê mới của ông, ông đi đến chỗ hy sinh mình để chuộc tội cho tiến sĩ Bao-rinh nào đó? Dĩ nhiên, không một người khôn ngoan nào lại cho rằng vị tước cao quý có thể bị nhầm lẫn lãng mạn như vậy. Chính sách mà ông theo đuổi trong những quan hệ ấy với Trung Quốc đem lại một bằng cứ chứng minh có sức thuyết phục rằng những tài liệu mà ông chuyển cho nghị viện là không đầy đủ. Ngoài những

tài liệu đã công bố, ắt phải có những tài liệu mật và chỉ thị mật có thể cho thấy rằng nếu tiến sĩ Bao-rinh bị "mê" đến Quảng Châu, thì đứng sau lưng ông là ông chủ Oai-tơ-hôn^{1*} đã cố vũ sự say mê ấy và, vì lợi ích của bản thân mình, đã thổi bùng nó từ hòn than nhỏ thành ngọn lửa thiêu cháy tất cả.

*Do C.Mác viết ngày 27 tháng Hai
1857*

*Đã đăng trên báo "New - York Daily
Tribune" số 4962, ngày 16 tháng Ba
1857*

*In theo bản đăng trên báo
có đối chiếu với đoạn
trong bản thảo
Nguyên văn là tiếng Anh*

1* - Pan-móc-xơ

C.MÁC

THẤT BẠI CỦA NỘI CÁC PAN-MỐC-XTƠN

Luân Đôn, ngày 6 tháng Ba 1857

Những cuộc tranh luận về vụ xung đột ở Trung Quốc om sòm suốt bốn buổi tối, đã im bật, cuối cùng hạ nghị viện đã "biểu quyết không tín nhiệm nội các Pan-mốc-xtơn. Pan-mốc-xtơn đáp lại sự không tín nhiệm ấy bằng việc "giải tán nghị viện bằng cách phạt vạ". Ông ta trừng trị các thành viên của hạ nghị viện bằng cách bắt họ tản về nhà.

Sự xúc động hết sức mạnh mẽ trong buổi tối tranh luận cuối cùng trong bản thân hạ nghị viện, cũng như trong dân chúng tập hợp tại các phố lân cận không chỉ do tầm quan trọng của những lợi ích bị thách thức, mà trên mức độ lớn hơn còn do các đặc điểm của cá nhân con người bị xét xử. Sự cai trị của Pan-mốc-xtơn không phải là sự cai trị của một nội các thông thường. Đó là sự chuyên chính. Ngay từ khi chiến tranh với Nga mới nổ ra, nghị viện hầu như đã bỏ các chức năng của nó do hiến pháp quy định; nó không dám lấy lại những chức năng đó cả sau khi hoà ước được ký kết. Xuống cấp dần dần và gần như khó nhận thấy, nó đã rơi xuống địa vị một Corps Législatif^{1*}, chỉ khác cơ quan theo kiểu Bô-na-pác-tơ thực thụ ở cái biển giả hiệu và những tham vọng

khoa trường của nó mà thôi. Ngay cả bản thân việc lập Nội các liên hiệp cũng chứng tỏ rằng những đảng cũ, mà sự tranh luận giữa họ quyết định sự vận hành của bộ máy nghị viện, đã trở thành số không. Sự bất lực đó của các đảng lúc đầu biểu hiện ở Nội các liên hiệp, sau đó do có chiến tranh mà thể hiện ở sức mạnh vận năng của một con người suốt nửa thế kỷ hoạt động chính trị của mình, chưa hề là đảng viên một đảng nào cả, nhưng luôn luôn lợi dụng tất cả các đảng. Nếu thậm chí không có cuộc chiến tranh với Nga thì sự kiệt quệ của những đảng chính thức cũ tự nó cũng sẽ dẫn đến những biến đổi. Cuộc sống mới sẽ hoà nhập vào nghị viện nhờ tiếp máu tươi cho cơ thể của nó, nhờ việc trao những quyền chính trị cho ít ra là một bộ phận dân chúng nào đó vẫn chưa có quyền bầu cử và chưa có đại diện trong nghị viện. Chiến tranh đã làm gián đoạn quá trình tự nhiên ấy. Chiến tranh đã ngăn cản không cho hiện tượng các mâu thuẫn cũ trong nghị viện bớt gay gắt diễn ra có lợi cho quần chúng, và nó đã lái quá trình ấy theo hướng có lợi cho độc một người. Thay vì giải phóng nhân dân Anh về chính trị, chúng ta nhận được nền chuyên chính của Pan-mốc-xtơn. Chiến tranh là nhân tố hùng hậu nhờ đó mà đạt được kết quả ấy, và chiến tranh cũng là phương tiện duy nhất để bảo đảm vững chắc kết quả ấy. Vì vậy chiến tranh đã trở thành điều kiện rất cần thiết cho nền chuyên chính của Pan-mốc-xtơn. Cuộc chiến tranh của Nga được lòng dân Anh hơn Hoà ước Pa-ri. Vậy tại sao trong trường hợp như thế chàng A-sin Anh - dưới sự chỉ đạo của người này đã để xảy ra nỗi nhục Rê-dan và sự sụp đổ của Các-xơ¹³³ - không sử dụng hoàn cảnh thuận lợi ấy? Rõ ràng vì ông ta không có quyền lựa chọn. Do đó mà có Hiệp ước Pa-ri của ông ta, tiếp sau đó là những hiểu lầm của ông ta với Hợp chủng quốc, cuộc viễn chinh của ông ta ở Na-plơ, những cuộc cãi cọ giả tạo của ông ta với Bô-na-pác-tơ, sự xâm nhập của ông ta vào Ba Tư và vụ thẩm sát của ông ta ở Trung Quốc¹³⁴.

Bằng cách biểu quyết không tín nhiệm nhân sự kiện nói sau cùng này, hạ nghị viện đã thủ tiêu các phương tiện của quyền lực đã bị Pan-mốc-xtơn tiếm đoạt. Vì vậy quyết định hiện nay của hạ nghị viện không phải là quyết định đơn thuần của nghị viện, mà là một sự báo động - một mưu toan dùng bạo lực trả lại cho

1* - Hội đồng lập pháp

ng nghị viện những chức năng hợp hiến của nó. Đó là cảm giác đã bao trùm nghị viện, và những lý do đặc biệt mà các phe phái của đa số táp nham gồm những người thuộc phái Đốc-bi, phái Pin, phái Man-se-xtơ, những người theo Rốt-xen và phái gọi là độc lập như thế nào đi nữa, thì tất cả họ đều thành thật quả quyết rằng, hoàn toàn không phải âm mưu chống chính phủ thông thường liên kết họ lại khi biểu quyết. Trong khi đó, chính việc buộc tội âm mưu là điểm chính trong lời bào chữa của Pan-móc-xtơ. Ông ta che đậy sự yếu ớt của quan điểm mà ông kiên trì bằng argumentum ad misericordiam^{1*}, tự nhận mình là nạn nhân của một âm mưu vô nguyên tắc. Không có gì đạt hơn lời đập lại của ngài Đì-xra-e-li đối với lý lẽ này, lý lẽ rất thông thường đối với bị cáo ở On-đơ- Bâ-li¹³⁵.

"Thủ tướng", - Đì-xra-e-li nói, - "là người duy nhất trên thế giới không chịu được các liên minh. Nhưng chính ông ta lại là hiện thân sống của những liên minh chính trị vô nguyên tắc rõ rệt. Các ngài hãy nhìn xem chính phủ của ông ta được thành lập như thế nào. Mỗi năm ngoái đây thôi, tất cả các thành viên nội các của ông ta tại viện này đã ủng hộ một trong những dự luật do, nếu tôi không nhầm, ai đó trong số những đồng nghiệp cũ của ông ta đưa ra. Nhưng một trong những thành viên của chính phủ đã chống lại dự luật ấy ở viện khác, hơn nữa để biện bạch cho sự không nhất quán rõ rệt của mình, người đó tuyên bố không ngưng rằng khi ông ta nhậm chức thì thủ tướng không đòi hỏi ông ta phải có bất kỳ trách nhiệm nào về bất kỳ một vấn đề nào. (Có tiếng cười). Thế nhưng huân tước cao quý đã lo lắng và bị sốc trước liên minh vô nguyên tắc đã hình thành hiện nay! Huân tước cao quý không chịu nổi các liên minh! Huân tước cao quý chỉ hành động với những người ở trong môi trường, nơi ông sinh ra và được nuôi dưỡng thành nhà chính trị. (Có tiếng vỗ tay và cười). Chàng Héc-quyn ấy (chỉ vào huân tước Pan-móc-xtơ) lúc còn bé được bế lên từ chiếc nôi của đảng Vích, và cuộc đời chính trị của ông ta nhất quán biết nhường nào! (Lại có tiếng cười). Nhìn lại nửa thế kỷ qua - thời gian ông thuyết giáo hầu hết các nguyên tắc và liên minh với hầu hết mọi đảng phái - huân tước cao quý hôm nay đã lớn tiếng nhắc nhở ngăn ngừa các liên minh, vì ông ta sợ rằng đa số trong hạ nghị viện gồm một số thành viên xuất sắc nhất của nghị viện - vốn là đồng nghiệp cũ của huân tước cao quý - có thể không tán thành chính sách của ông ta đối với Trung Quốc, cái chính sách đã bắt đầu bằng bạo lực thô bạo và nếu còn tiếp tục thì sẽ

1* - kêu gọi lòng nhân từ

kết thúc bằng thảm họa. Thưa ngài, đây là lập trường của huân tước cao quý. Vậy chúng ta đã nghe huân tước cao quý nói gì để bảo vệ chính sách ấy? Ông ta có đưa ra dù chỉ là một nguyên tắc làm cơ sở cho quan hệ của chúng ta với Trung Quốc hay không? Ông ta có nêu ra dù chỉ là một quy tắc chính trị mà chúng ta có thể dùng làm kim chỉ nam trong thời điểm nguy nan và bối rối này hay không? Trái lại, ông ta đã che đậy lập trường yếu ớt và lung lay bằng lời tuyên bố - tuyên bố là gì? - rằng ông ta là nạn nhân của một âm mưu. Ông ta không bước lên con đường bảo vệ cho cách xử sự của ông ta, bảo vệ một cách dũng cảm, xứng đáng đối với một nhà hoạt động nhà nước. Ông chỉ nêu một số nhận xét tầm phào đã phát triển trong tiến trình tranh luận và, về thực chất, đã cạn kiệt và đã bị lãng quên, theo như tôi cảm thấy, rồi dùng một cái ông ta nói rằng tất cả những điều đó chẳng qua là âm mưu cả! Quen dựa vào đa số mà ông ta giành được mà không đưa ra một nguyên tắc nào cả, cái đa số thực ra là kết quả của những điều ngẫu nhiên, về thực chất, đã nảy sinh chỉ vì một lẽ là huân tước cao quý ngồi trên ghế ấy không thấy cần phải phát biểu ý kiến của mình về bất kỳ một vấn đề đối ngoại hoặc đối nội nào có thể động chạm đến trái tim của đồng bào hoặc ảnh hưởng đến ý kiến của dân tộc, giờ đây huân tước cao quý cuối cùng sẽ hiểu rằng đã đến lúc ông ta buộc phải theo một đường lối chính trị xác định, nếu ông ta muốn là nhà hoạt động nhà nước; ông ta cũng sẽ hiểu rằng vào thời điểm phát hiện ra sai sót nghiêm trọng của nội các do ông ta đứng đầu và khi tất cả những người thường có ảnh hưởng đến ý kiến của nghị viện đều nhất trí chỉ trích chính sách của nội các thì không cần phải kêu ca với đất nước rằng ông ta là nạn nhân của một âm mưu".

Tuy vậy, sẽ hoàn toàn sai lầm nếu cho rằng những cuộc tranh luận là lý thú vì nó đề cập đến những vấn đề nóng hổi như vậy. Tranh luận diễn ra hết tối này đến tối khác, thế mà biểu quyết thì không. Để tiếp tục phần lớn cuộc chiến đấu, ý kiến của các chiến sĩ bị chìm trong cảnh ồn ào và trong không khí nói chuyện riêng om xòm. Hết tối này đến tối khác, những người ủng hộ nội các trở tài thao thao bất tuyệt, lạm dụng thời gian để tranh thủ thêm những ngày đêm nữa cho những âm mưu và thủ đoạn ngấm ngầm. Tối đầu tiên, ngài Cóp-đen đọc bài diễn văn sắc sảo. Cũng có thể nói như vậy về Vun-vơ và huân tước Giôn Rốt-xen; nhưng tổng chương lý^{1*} chắc chắn có lý khi nói với ông ta rằng "ông ta không thể nào so sánh những suy luận của họ và lập luận

1* - Bê-ten

của họ về vấn đề này với lập luận được phát biểu ở viện kia". Tối thứ hai hoàn toàn dành cho những cuộc tranh cãi nặng về tính pháp lý giữa đại biểu của hai bên - trạng sư trưởng^{1*}, ngài Oai-tơ-xai-đơ và tổng chủ công lý. Quả thật, ông Giêm-xơ Grê-hêm, cố làm cho cuộc tranh luận sôi nổi lên, nhưng bị thất bại. Khi người này - ông ta thực tế chịu trách nhiệm về việc ám sát anh em Ban-di-ê-ra¹³⁶ - đã thốt lên một cách giả dối rằng "ông ta muốn giữ hết trách nhiệm trong vụ án mà máu đã đổ một cách vô tội này", đáp lại tinh thần nồng nhiệt của ông là tiếng cười mỉa mai bị nén lại. Tối thứ ba càng buồn tẻ hơn. Người phát biểu là ông Ph. Tê-xi-giơ, tổng chủ công lý in spe^{2*} trả lời tổng chủ công lý in re^{3*} và cả luật gia Si muốn trả lời ông Ph. Tê-xi-giơ. Người trở tài hùng biện kiểu thôn quê là ông Giôn Pa-kinh-tơn. Tướng Uy-li-am-xơ Các-xki phát biểu, hạ nghị viện im lặng nghe ông nói chỉ có mấy phút, rồi dường như đã hện nhau, chẳng ai chú ý đến ông ta nữa vì hiểu ra rằng ông ta không phải là người mà hạ nghị viện đã tưởng trước đây. Phát biểu cuối cùng là ông Xít-ni Héc-bóc. Người nổi dõng dạc này của trường phái Pin đã đọc bài diễn văn quả thật là gọi cảm, sắc bén, khác thường, nhưng chế giễu lý lẽ của những người ủng hộ nội các nhiều hơn là chứa đựng những lý lẽ mới của bản thân ông. Song trong buổi tối cuối cùng, cuộc tranh luận đã lên tới đỉnh cao vốn có của hạ nghị viện. Rô-bác, Glát-xơn, Pan-móc-xơn, Đi-xra-e-li, mỗi người một vẻ, nhưng đều thực sự tuyệt vời.

Khó hơn cả là thoát khỏi bức bình phong che chắn trong thời gian tranh luận - ông Giôn Bao-rinh, - và là người trực tiếp vạch mặt bản thân huân tước Pan-móc-xơn, quy đích danh cho ông trách nhiệm về việc "đánh đập người vô tội". Rất cuộc, việc đó đã làm được. Vì cuộc tổng tuyển cử ở Anh về cơ bản sẽ xoay quanh vấn đề này, nên có thể cần trình bày thật cô đọng kết quả của cuộc tranh luận. Hôm sau, sau khi nội các thất bại và trước khi nó tuyên bố giải tán hạ nghị viện, báo "Times" ở Luân Đôn dám cả gan khẳng định như sau:

1* - Môn-críp-phơ

2* - tương lai

3* - đương nhiệm

"Quốc dân sẽ lúng túng về việc nên giải đáp vấn đề nào. Nội các của Pan-móc-xơn có làm mất lòng tin của nhân dân do một loạt hành động tiến hành ở phía bên kia địa cầu trong sáu tuần, trước khi ở đây biết được chuyện đó, và lại do những quan chức được bổ nhiệm dưới thời chính phủ trước tiến hành, hay không? Các bộ trưởng nghe về những sự kiện ấy lần đầu tiên hôm lễ Giáng sinh, và vào thời điểm ấy họ cũng không được thông báo, như tất cả những người khác vậy. Quả thật, nếu tất cả những điều đó xảy ra trên mặt trăng hoặc được kể trong "Nghìn lẻ một đêm", thì nội các hiện nay không thể có thái độ ít hơn đối với điều đó... Chẳng lẽ cần phải chỉ trích và bãi nhiệm chính phủ của huân tước Pan-móc-xơn vì việc mà nó không hề tiến hành và không thể tiến hành, vì điều mà nó chỉ biết được khi mọi người đã biết, vì điều mà những người nó không hề bổ nhiệm đã làm và cho đến nay nó không thể có bất kỳ mối quan hệ nào với những người như thế hay sao?"

Để đập lại việc phun lời một cách vô sỉ ấy của tờ báo luôn thanh minh cho vụ tàn sát ở Quảng Châu, coi đó là nước đi thành đạt nhất của giới ngoại giao Pan-móc-xơn, chúng tôi có thể đưa ra một số sự kiện khó xác định được trong thời gian tranh luận vài ngày và chưa bị Pan-móc-xơn hoặc những thuộc hạ của ông ta bác bỏ lần nào. Năm 1847, khi Pan-móc-xơn đứng đầu bộ ngoại giao, điện khẩn đầu tiên của ông ta về việc cho phép các nhà cầm quyền Anh ở Hồng Công đến Quảng Châu được viết ra bằng những lời lẽ đe dọa. Song sự hăng máu của ông ta đã bị đồng nghiệp của ông ta là bá tước Grây, lúc đó là bộ trưởng bộ thuộc địa, làm cho nguội lạnh. Grây đã gửi cho các sĩ quan chỉ huy lực lượng hải quân không chỉ ở Hồng Công, mà cả ở Xây-lan, một mệnh lệnh hết sức nghiêm khắc, trong bất cứ tình huống nào cũng không để xảy ra bất kỳ hành động xâm lược nào chống người Trung Quốc nếu không có phép đặc biệt gửi từ Anh. Thế nhưng ngày 18 tháng Tám 1849, trước khi ra khỏi nội các Rốt-xen không lâu, huân tước Pan-móc-xơn đã gửi cho toàn quyền Anh ở Hồng Công công văn khẩn sau đây:

"Mặc dù các quan chức cao cấp của Quảng Châu và Chính phủ Bắc Kinh không bị cám dỗ. Chính phủ Anh từ trước đến nay tỏ ra độ lượng không phải vì cảm thấy mình yếu mà do ý thức được lực lượng của mình trội hơn. Chính phủ Anh biết rõ rằng nếu hoàn cảnh đòi hỏi phải làm như vậy, thì *lực lượng quân sự Anh*

sẽ có thể phá trụi thành phố Quảng Châu và bằng cách đó trừng trị dân cư thành phố này một cách hết sức ác liệt".

Như vậy, việc bắn phá Quảng Châu xảy ra năm 1856, khi huân tước Pan-móc-xton làm thủ tướng, đã được thông báo vào năm 1849 trong công văn cuối cùng mà huân tước Pan-móc-xton, lúc bấy giờ làm bộ trưởng ngoại giao trong nội các Rót-xen, gửi đi Hồng Công. Tất cả những chính phủ đã tồn tại trong khoảng thời gian ấy đều không chịu làm dịu bằng cách nào đó cái mệnh lệnh dứt khoát cấm các đại diện của Anh ở Hồng Công đòi được phép đến Quảng Châu. Bá tước Gran-vin trong nội các Rót-xen, bá tước Man-mơ-xbê-ri trong nội các Đốc-bi và công tước Niu-ca-lơ trong nội các A-bóc-đin đã làm như vậy. Cuối cùng, vào năm 1852, tiến sĩ Bao-rinh được cử làm người uỷ quyền, ông này trước đó làm lãnh sự ở Hồng Công. Như ngài Glát-xton khẳng định, việc bổ nhiệm tiến sĩ Bao-rinh là việc của huân tước Cla-ren-đôn, công cụ mù quáng của Pan-móc-xton, qua mắt nội các A-bóc-đin và không được nội các này đồng ý. Khi Bao-rinh lần đầu tiên đưa ra vấn đề đang thảo luận hiện nay thì bằng công văn khẩn ngày 5 tháng Bảy 1854, Cla-ren-đôn báo cho ông ta rằng ông ta đúng, nhưng ông ta phải đợi tới khi có lực lượng hải quân cần thiết để thực hiện mục đích của ông ta. Lúc đó Anh đang đánh nhau với Nga. Đúng vào lúc nảy sinh vụ "Ê-râu", Bao-rinh biết được rằng hoà ước đã được ký kết và lực lượng hải quân đã thực sự gửi đi để ông ta sử dụng. Chính lúc đó đã tìm được cớ để cãi cộ với tổng đốc E. Ngày 10 tháng Giêng, sau khi nhận được báo cáo về tất cả mọi chuyện đã xảy ra, Cla-ren-đôn báo cho Bao-rinh biết: "Chính phủ của nữ hoàng hoàn toàn tán thành phương thức hành động mà ngài M.Xây-mua và chúng ta đã chọn". Lời tán thành ấy được nói ra bằng mấy chữ, tiếp theo chẳng có chỉ thị nào cả. Trái lại, trong thư gửi bộ trưởng hải quân, nhân danh huân tước Cla-ren-đôn, ông Ham-môn-đơ bày tỏ với đô đốc Xây-mua lòng cảm phục của chính phủ về "hành động *vừa phải*" của ông ta và thái độ thận trọng của ông ta đối với sinh mệnh và tài sản của người Trung Quốc".

Như vậy, chắc chắn là vụ tàn sát ở Trung Quốc là do chính

huân tước Pan-móc-xton sắp đặt. Dưới lá cờ nào giờ đây ông ta hy vọng tập hợp cử tri của Vương quốc liên hợp xung quanh mình - đó là vấn đề mà tôi hy vọng các bạn sẽ cho phép tôi giải đáp trong một bài khác, vì bài này đã vượt quá khuôn khổ cho phép.

*Do C.Mác viết ngày 6 tháng Ba 1857
Đã đăng trên báo "New - York Daily
Tribune" số 4910, ngày 25 tháng Ba
1857*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

CUỘC BẦU CỬ SẮP TỚI Ở ANH¹³⁷

Luân Đôn, ngày 13 tháng Ba 1857

"Ngài cần phải đứng

Giữa hai vị linh mục. Tôi

Định dựa vào sự thiêng liêng ấy".^{1*}

Pan-móc-xtơn không hoàn toàn theo đúng lời khuyên của Ba-kinh-hêm đối với Ri-sốt III. Ông ta đứng giữa một bên là vị linh mục và một bên là người buôn lậu thuốc phiện. Trong khi các hồng y giáo chủ theo khuynh hướng Phúc âm - tên bịp bợm cáo già này cho phép người bà con của mình là bá tước Sép-xbê-ri bổ nhiệm họ, - chứng minh "sự mộ đạo" của Pan-móc-xtơn, thì bọn buôn lậu thuốc phiện, bọn buôn thứ "thuốc độc ngọt ngào của thế kỷ"^{2*} lại chứng minh việc ông ta cúc cung tận tụy phụng sự thứ hàng hoá - chúa tể của thế giới^{3*}. Một người Xcôt-len tên là Bóc-cơ tự hào về "những người phục sinh" ở Luân Đôn¹³⁸. Hệt như Pan-móc-xtơn tự hào về "những kẻ đầu độc" ở Li-vóc-pun.

1* Sếch-xpia. "Hài kịch về vua Sác-lơ III", màn II, cảnh bảy.

2* Sếch-xpia. "Sự sống và cái chết của vua Giôn", màn I, cảnh một..

3* Như trên, màn II, cảnh một..

Những ngài có bộ mặt ngọt ngào này là những đại biểu xứng đáng

của cái thành phố có tầm cỡ lớn lao nhờ buôn nô lệ. Li-vóc-pun không được nổi danh như những áng thơ ca nào đó, nhưng ít ra nó cũng có thể đòi trả công lao đặc biệt về việc nó đã làm phong phú cho thi phẩm bằng đoản ca buồn nô lệ. Vì vậy, nếu Pin-đa-rơ mở đầu bài thơ ca ngợi những người chiến thắng trong các cuộc đấu trên núi Ô-lim-pơ bằng một dòng nổi tiếng: "Không có gì tốt hơn nước" (Ariston men hudor)^{1*} thì hoàn toàn có thể chờ đợi Pin-đa-rơ hiện đại của Li-vóc-pun sẽ mở đầu bài thơ ca tụng của ông ta về những người ưa nói văn hoa ở phố Đào-ninh¹³⁹ bằng câu nhập đề sắc sảo: "Không có gì tốt hơn thuốc phiện".

Kê vai sát cánh với các giáo chủ ngoan đạo và bọn buôn lậu thuốc phiện có tội là những đại thương gia buôn chè, phần lớn trực tiếp hoặc gián tiếp dính líu vào việc buôn thuốc phiện và vì vậy họ thủ tiêu những hiệp ước hiện có với Trung Quốc. Ngoài ra còn có những động cơ đặc biệt thúc đẩy họ làm việc đó. Năm ngoái, họ liên tiếp hành những vụ đầu cơ rất lớn về chè; đồng thời chiến sự kéo dài cũng sẽ nâng cao giá những khối lượng chè rất lớn họ tích trữ lại và sẽ cho phép họ hoàn thanh toán những khoản lớn cho các chủ nợ ở Quảng Châu. Như vậy, chiến tranh sẽ cho phép họ cùng một lúc lường gạt cả người Anh mua hàng của họ lẫn người Trung Quốc cung cấp hàng cho họ và do đó, thực hiện được những quan niệm của họ về "vinh quang dân tộc" và "lợi ích thương mại". Thông thường các chủ xưởng Anh không tán thành các giáo điều của sách giáo lý kiểu Li-vóc-pun ấy, do chính cái nguyên tắc cao cả đặt những người Man-se-xtơ cố đấu tranh để hạ giá bông vào phe đối lập với các ngài ở Li-vóc-pun cố đấu tranh để nâng giá bông lên. Trong thời gian cuộc chiến tranh Anh - Trung Quốc lần thứ nhất, kéo dài từ năm 1839 đến năm 1842, các chủ xưởng Anh an ủi mình bằng những hy vọng sai lệch vào việc mở rộng xuất khẩu một cách khác thường. Họ đã đo hết thuốc này đến thuốc khác những thứ vải bông dự định bán cho dân Thiên Triều mặc. Nhưng thực tiễn đời thường đã làm cho lý

1*- Trích "Bài thơ thứ nhất ca tụng Ô-lim-pơ" của Pin-đa-rơ.

trí bị các nhà chính trị Pan-móc-xtơn làm cho mê mẩn ấy của họ

tĩnh lại. Từ năm 1854 đến năm 1857 kim ngạch hàng công nghiệp Anh xuất khẩu sang Trung Quốc trung bình không vượt quá 1 250 000 p.xt. một năm, nghĩa là không vượt quá con số thường đạt được cả trong những năm trước khi có cuộc chiến tranh lần thứ nhất với Trung Quốc.

"Thực tế", - ngài Cốp-đen, đại biểu của các chủ xưởng Anh, đã tuyên bố tại hạ nghị viện, - "từ năm 1842 chúng ta" (nghĩa là Vương quốc liên hợp) "không mấy may tăng kim ngạch xuất khẩu của chúng ta sang Trung Quốc, ít ra là về hàng công nghiệp của chúng ta. Chúng ta đã tăng mức tiêu dùng của chúng ta về chè - và chỉ có thế thôi".

Chính vì vậy mà các chủ xưởng Anh nhìn vấn đề chính sách đối với Trung Quốc thoáng hơn các giáo chủ Anh, hơn những người Anh buôn lậu thuốc phiện và buôn chè. Nếu không kể những kẻ du thủ du thực và những kẻ hám danh lợi bám lấy tà áo của mỗi chính phủ, cũng như những nhà yêu nước ngây thơ - những khách hàng quen của các quán cà phê tin rằng, dưới sự bảo trợ của Pam^{1*} "tinh thần của dân tộc đang lớn lên", thì về thực chất chúng ta đã kể hết tất cả những người bona fide^{2*} ủng hộ Pan-móc-xtơn. Và chẳng chúng ta không được quên rằng tờ báo "Times" ở Luân Đôn và tạp chí "Punch" là Cốp-ta Đại đế¹⁴⁰ và ông hề của báo chí Anh; cả hai đều bị trói buộc vào chính phủ hiện nay bằng những dây xích vàng cũng như dây xích quan phương và vì vậy, với nhiệt tình gượng gạo, đã khen ngợi người anh hùng của vụ thẩm sát ở Quảng Châu. Mà điều đó có nghĩa là cần phải coi việc biểu quyết của hạ nghị viện không chỉ là sự nổi dậy chống Pan-móc-xtơn, mà còn là sự nổi dậy chống báo "Times". Vì thế, cuộc bầu cử sắp tới chẳng những phải giải quyết vấn đề xem Pan-móc-xtơn có nắm toàn bộ quyền lực nhà nước không, mà còn phải giải quyết vấn đề xem báo "Times" có hoàn toàn nắm độc quyền chế tạo ra dư luận không.

Vậy bằng khẩu hiệu nào Pan-móc-xtơn có thể tranh thủ được

1* - Pan-móc-xtơn

2* - chân thực

phiếu bầu tại cuộc tổng tuyển cử? Bằng khẩu hiệu mở rộng buôn

bán với Trung Quốc ư? Nhưng ông ta đã phá huỷ chính cái hải cảng quyết định việc buôn bán ấy rồi cơ mà. Ông ta sẽ dịch chuyển việc buôn bán ấy trong một thời gian tương đối dài từ biển vào đất liền, từ năm cảng sang Xi-bia, từ tay Anh sang tay Nga. Ông ta đã nâng thuế quan về chè nhập vào Vương quốc liên hợp, qua đó tạo trở ngại vô cùng lớn cho việc mở rộng buôn bán với Trung Quốc. Có thể, ông ta sẽ nêu khẩu hiệu bảo đảm an toàn cho các thương nhân phiêu lưu người Anh chẳng? Nhưng quyển Sách xanh với nhan đề "Thư tín nói về những vụ làm nhục ở Trung Quốc"¹⁴¹ do chính nội các trình hạ nghị viện thì cho thấy rằng trong bảy năm qua chỉ có sáu vụ làm nhục, trong đó có hai vụ do người Anh chủ mưu, còn bốn vụ kia thì do các nhà cầm quyền Trung Quốc dốc mọi cố gắng để trừng trị những người phạm tội, khiến các nhà cầm quyền Anh hoàn toàn thoả mãn. Vì vậy, nếu tài sản và tính mạng của thương nhân Anh ở Hồng Công, Xin-ga-po và những nơi khác giờ đây đang bị đe dọa, thì nguy cơ đó là do chính Pan-móc-xtơn gây ra. Nhưng vinh dự thay cho lá cờ Anh! Pan-móc-xtơn đã bán nó từng phần cho bọn buôn lậu Hồng Công với giá 50 p.xt. và đã làm hoen ố nó "bằng cuộc tàn sát hàng loạt người yếu đuối mua hàng của Anh". Trong khi đó những khẩu hiệu ấy - mở rộng buôn bán, đảm bảo an toàn cho các thương nhân phiêu lưu người Anh và danh dự của lá cờ Anh - là những khẩu hiệu duy nhất do những kẻ đoán mò của chính phủ mà hiện nay đã phát biểu trước cử tri, đề ra. Họ khôn khéo tránh đề cập đến bất cứ vấn đề nào của chính sách đối nội, vì khẩu hiệu "không cải cách gì cả" hoặc khẩu hiệu "nhiều thuế hơn nữa" sẽ không được ủng hộ. Một trong những thành viên của Chính phủ Pan-móc-xtơn, bá tước Man-grây-vơ, giám đốc Ngân khố hoàng gia, tuyên bố với các cử tri rằng ông ta không có ý định "đề ra bất cứ học thuyết chính trị nào". Một thành viên khác của chính phủ, ông Bốp Lâu, trong bài phát biểu tại Kin-đéc-min-xtơ, đã chế giễu việc bỏ phiếu kín, việc mở rộng quyền bầu cử và những "điều vớ vẩn" như vậy. Một thành viên thứ ba của chính phủ, ông La-bu-se-rơ, con người thông minh từng bào chữa cho việc bắn phá Quảng Châu với lý do là nếu nghị viện thừa nhận việc bắn

phá ấy là không chính đáng, thì nhân dân Anh sẽ phải trả gần 5 000 000 p.xt. cho những thương nhân nước ngoài có tài sản bị huỷ hoại ở Quảng Châu - trong thư gửi cử tri Tôn-tôn, chính ông La-bu-se-rơ ấy hoàn toàn coi nhẹ chính trị, chứng minh cho những tham vọng của ông ta đơn thuần bằng những hành động vĩ đại của Bao-rinh, Pác-cơ và Xây-mua.

Vì vậy, nhận xét của một tờ báo tỉnh lẻ nước Anh rằng Pan-móc-xton chẳng những không tìm được "khẩu hiệu đắt cho chiến dịch vận động bầu cử, mà nói chung không tìm được khẩu hiệu nào cả" là hoàn toàn đúng. Trong khi đó sự nghiệp của ông ta tuyệt nhiên không phải là vô vọng. Từ lúc hạ nghị viện biểu quyết, tình hình đã thay đổi căn bản. Hành động bạo lực tại địa phương ở Quảng Châu đã dẫn đến cuộc chiến tranh với toàn Trung Quốc. Chỉ còn một việc là quyết định xem ai phải tiếp tục cuộc chiến tranh ấy? Chẳng lẽ con người bào chữa cho cuộc chiến tranh ấy không thể tiến hành nó một cách kiên quyết hơn những người chống ông ta đang hy vọng trúng cử trong cuộc bầu cử vì lên án nó?

Trong khoảng thời gian khuyết ngôi, Pan-móc-xton có làm rồi công việc đến mức nếu không có ông ta thì công việc không xong được không?

Nếu như vậy thì sự thực giản đơn là cuộc tranh cử có giải quyết được vấn đề có lợi cho ông ta không? Đối với đa số cử tri Anh trong thành phần hiện nay, tranh cử có nghĩa là đấu tranh giữa đảng Vích và đảng To-ri. Nhưng vì Pan-móc-xton là người thực tế đứng đầu đảng Vích và ông ta mà thất bại thì đảng To-ri sẽ lên cầm quyền, nên đa số người thuộc cái gọi là phái tự do có bỏ phiếu cho Pan-móc-xton để làm cho Đốc-bì thất bại hay không? Những lý do thực mà những người ủng hộ nội các hy vọng vào là như vậy. Nếu những tính toán của họ đúng thì nền chuyên chính của Pan-móc-xton, mà cho đến nay người ta đã âm thầm chịu đựng, sẽ được tuyên bố công khai. Đa số mới trong nghị viện chỉ có thể tồn tại nếu nó tuyên bố vô điều kiện là sẽ thụ động tuân lệnh thủ tướng. Có thể, tiếp theo việc Pan-móc-xton quay lưng với nghị viện và hướng về nhân dân sẽ xảy ra coup d'état^{1*}

giống như nó đã xảy ra sau khi Bô-na-pác-tơ quay lưng với Assemblée Nationale² và hướng về quốc dân¹⁴². Có thể, như vậy thì cũng những con người ấy qua kinh nghiệm bản thân sẽ thấy rõ rằng Pan-móc-xton - đó là cựu thành viên của nội các Ca-xlê-ri - Xít-mút, nội các đã bịt miệng báo chí, xoá bỏ tự do hội họp, đình chỉ hiệu lực của Habeas Corpus act, hợp pháp hoá quyền của nội các được tuỳ ý bắt bớ, đầy ải và, cuối cùng, tổ chức cuộc thăm sát dân chúng ở Man-se-xơ vì họ đã phản đối các đạo luật về ngũ cốc¹⁴³.

*Do C.Mác viết ngày 13 tháng Ba 1857
Đã đăng trên báo New - York Daily
Tribune" số 4975, ngày 31 tháng Ba 1857*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

1* - đảo chính

2* - Quốc hội

C.MÁC

***BUÔN BÁN GIỮA NGA VÀ TRUNG QUỐC**

Nhân vấn đề buôn bán và quan hệ với Trung Quốc mà huân tước Pan-móc-xton và Lu-i - Na-pô-lê-ông đã tìm cách mở rộng bằng con đường bạo lực, rõ ràng là vị trí của nước Nga gây ra sự đổ ỹ không nhỏ. Quả thật, hoàn toàn có thể là do sự xung đột hiện nay với người Trung Quốc mà nước Nga không phải chi phí tiền bạc, cũng không phải hao phí lực lượng quân sự, nhưng rốt cuộc có thể được lợi nhiều hơn bất kỳ nước tham chiến nào.

Nước Nga có quan hệ hoàn toàn đặc biệt với Đế chế Trung Hoa. Trong khi người Anh và bản thân chúng ta không có đặc quyền liên hệ trực tiếp ngay cả với tổng đốc Quảng Châu, - về người Pháp, sự tham gia của họ vào những hoạt động quân sự đang diễn ra mang tính chất không chuyên nhiều hơn, vì thực ra họ không buôn bán với Trung Quốc, - thì người Nga có lợi thế là có đại sứ quán ở Bắc Kinh. Quả thật, nghe nói lợi thế đó nước Nga mua với cái giá cam chịu với tình hình là nó được phép có mặt bên cạnh triều đình của Thiên Triều chỉ trên cương vị một trong những nước lệ thuộc đang triều cống Đế chế Trung Hoa. Thế nhưng điều đó cho phép ngành ngoại giao Nga thiết lập ở Trung Quốc

một ảnh hưởng như ở châu Âu vậy - ảnh hưởng tuyệt nhiên không chỉ đóng khung ở hoạt động ngoại giao mà thôi.

Vì người Nga không buôn bán trên biển với Trung Quốc, nên họ không bao giờ tha thiết với những vụ tranh chấp về vấn đề này, trước kia và hiện nay không bao giờ nhúng tay vào những vụ ấy; vì vậy người Nga không bị sự ác cảm mà từ xa xưa người Trung Quốc đã có đối với những người nước ngoài xâm nhập nước họ từ phía biển, lẫn lộn họ không phải không có căn cứ với bọn cướp biển phiêu lưu chắc là luôn luôn nhúc nhích trên bờ biển Trung Quốc. Nhưng để bù lại việc họ không có khả năng tham gia buôn bán trên biển, người Nga tiến hành buôn bán trên bộ đặc thù đối với họ, trong đó có lẽ họ không có đối thủ cạnh tranh. Việc buôn bán đó được điều tiết bằng hiệp ước ký năm 1768, thời Ê-ca-tê-rin-na II trị vì, có địa điểm hoạt động chủ yếu, nếu không phải duy nhất, là Ki-ắc-ta nằm trên biên giới phía nam Xi-bia và Ta-ta-rơ thuộc Trung Quốc^{1*}, trên con sông chảy vào hồ Bai-can, cách thành phố Iéc-cút-xơ ngót một trăm dặm về phía nam. Việc buôn bán này diễn ra trên một hội chợ hàng năm thuộc loại đặc biệt, do mười hai người trung gian lãnh đạo, trong đó có sáu người Nga và sáu người Trung Quốc; họ gặp nhau ở Ki-ắc-ta và - vì việc buôn bán này chỉ mang tính chất trao đổi - họ xác định mức trao đổi những hàng hoá mà mỗi bên cung cấp. Về phía người Trung Quốc, sản phẩm buôn bán cơ bản là chè, về phía người Nga là vải bông và vải len. Như chúng ta thấy, trong những năm gần đây việc buôn bán ấy tăng lên đáng kể. Cách đây mười hoặc mười hai năm, số lượng chè bán cho người Nga ở Ki-ắc-ta trung bình không vượt quá bốn mươi nghìn thùng; song năm 1852 nó đã là một trăm bảy mươi lăm nghìn thùng, phần lớn là chè phẩm cấp cao, rất nổi tiếng đối với người tiêu dùng trên lục địa với tên gọi là chè thương đoàn, khác với chè phẩm cấp thấp nhập khẩu bằng đường biển. Những sản phẩm khác mà người Trung Quốc bán là một số lượng nhỏ đường, bông, bơ và hàng tơ lụa, nhưng với kim ngạch rất có hạn. Người Nga thanh toán bằng số lượng

1* - Mông Cổ

tương đương về hàng vải bông và vải len, cộng thêm một số lượng nhỏ da, hàng kim loại rèn, da lông và thậm chí cả thuốc phiện của Nga. Giá trị của tất cả những hàng hoá mua bán, theo tài liệu tổng kết đã công bố, theo giá hết sức phải chăng, đã lên tới một khoản lớn - trên mười lăm triệu đô la. Năm 1853, do làn sóng bạo động bên trong Trung Quốc¹⁴⁴ và đường sá từ những tỉnh sản xuất chè bị các đội nghĩa quân chiếm giữ, các đoàn súc vật thô của đối phương cũng bị bắt, nên số lượng chè chở đi Ki-ắc-ta giảm xuống còn năm mươi nghìn thùng và tổng giá trị buôn bán năm ấy chỉ có gần sáu triệu đô-la. Song trong hai năm tiếp theo, việc buôn bán đó sống động trở lại, và vào năm 1855 có ít nhất là một trăm hai mươi nghìn thùng được chở đến hội chợ ở Ki-ắc-ta.

Do việc buôn bán ấy phát triển mà Ki-ắc-ta nằm trên lãnh thổ Nga đã từ một đồn binh thường và địa điểm hội chợ đã trở thành một thành phố khá lớn. Nó đã biến thành trung tâm chủ yếu của vùng biên giới này và phải xứng đáng với vinh dự làm nơi đặt trụ sở của viên tư lệnh quân sự và của tỉnh trưởng dân sự. Đồng thời cách đây không lâu, giữa Ki-ắc-ta và Bắc Kinh, cách nó gần chín trăm dặm, đã thiết lập đường dây liên lạc bưu điện trực tiếp và thường xuyên để chuyển công văn đi lại.

Rõ ràng là nếu do chiến sự đang diễn ra mà việc buôn bán bằng đường biển với Trung Quốc bị chấm dứt thì châu Âu sẽ chỉ có thể cung cấp chè bằng con đường này mà thôi. Trên thực tế người ta cho rằng ngay cả sau khi việc buôn bán bằng đường biển được mở trở lại thì nước Nga, nhờ hoàn thành xây dựng mạng lưới đường sắt của mình, có thể trở thành đối thủ hùng mạnh cạnh tranh với các cường quốc hàng hải trong việc cung cấp chè cho các thị trường châu Âu. Những đường sắt ấy sẽ thiết lập sự thông tin trực tiếp giữa các cảng Crôn-stát và Li-ba-va với Hạ Nốp-gô-rôt, một thành phố cổ nằm ở trung tâm nước Nga, thủ phủ của những thương nhân buôn bán ở Ki-ắc-ta. Châu Âu sẽ được cung cấp chè bằng con đường bộ này, điều đó chắc chắn hơn rất nhiều so với việc sử dụng vào mục đích ấy con đường sắt Thái Bình Dương mà chúng ta quy hoạch. Một điều hoàn toàn có

khả năng nữa là vận chuyển bằng đường bộ một mặt hàng xuất khẩu quan trọng khác của Trung Quốc là tơ lụa, do khối lượng của nó nhỏ khác thường so với giá trị của nó; đồng thời việc buôn bán này của Trung Quốc mở ra những khả năng tiêu thụ hàng công nghiệp Nga hiện chưa tìm được nơi tiêu thụ nào nữa.

Song, có thể thấy rằng những cố gắng của Nga tuyệt nhiên không dừng lại ở việc chỉ phát triển buôn bán bằng đường bộ này. Từ khi Nga chiếm hai bờ sông A-mua, quê hương của vương triều hiện đang cai trị ở Trung Quốc, đến nay mới vẹn vẹn có mấy năm. Những cố gắng của Nga theo hướng này có bị chững lại chút đỉnh trong thời gian xảy ra cuộc chiến tranh vừa rồi^{1*}, nhưng chắc chắn sau này nó sẽ nổi lại một cách cương quyết. Nga chiếm quần đảo Cu-rin và miền duyên hải Cam-sát-ca nằm kề với quần đảo này. Nó đã có hạm đội ở những biển đó và chắc chắn nó sẽ lợi dụng mọi cơ hội thuận lợi để tranh thủ tham gia buôn bán bằng đường biển với Trung Quốc. Song đối với nó điều này không quan trọng bằng việc mở rộng buôn bán bằng đường bộ là lĩnh vực mà nó đã nắm độc quyền rồi.

Do C.Mác viết khoảng ngày 18 tháng Ba 1857

Đã đăng làm xã luận trên báo "New - York Daily Tribune" số 4981, ngày 7 tháng Ba 1857

In theo bản đăng trên báo Nguyên văn là tiếng Anh In bằng tiếng Nga lần đầu

1* - Chiến tranh Crưm

C.MÁC

CUỘC BẦU CỬ Ở ANH

Luân Đôn, ngày 20 tháng Ba 1857

Nhà sử học tương lai phải viết về lịch sử châu Âu trong thời kỳ từ năm 1848 đến hết năm 1858, sẽ ngạc nhiên về sự giống nhau giữa lời Bô-na-pác-tơ kêu gọi nước Pháp vào năm 1851 với lời Pan-móc-xtơn kêu gọi Vương quốc liên hiệp vào năm 1857. Cả hai đều miêu tả sự việc dường như họ từ nghị viện kêu gọi quốc dân, từ khối liên hiệp phản trắc của các đảng phái kêu gọi công luận chân thực. Và cả hai đều đưa ra những lý lẽ giống nhau. Nếu Bô-na-pác-tơ định cứu nước Pháp thoát khỏi cuộc khủng hoảng xã hội thì Pan-móc-xtơn cũng đang rắp tâm cứu nước Anh khỏi cuộc khủng hoảng thế giới. Pan-móc-xtơn cũng như Bô-na-pác-tơ, buộc phải bảo vệ sự cần thiết phải có quyền hành pháp mạnh để chống bệnh ba hoa rỗng tuếch và sự can thiệp phiến nhiễu của quyền lập pháp. Bô-na-pác-tơ đã cùng một lúc kêu gọi cả phái bảo thủ¹⁴⁵ và phái cách mạng; đối với phái bảo thủ thì coi như kẻ thù của bọn quý tộc, đối với phái cách mạng thì coi như kẻ thù của bọn tư sản tiếm quyền. Còn Pan-móc-xtơn - phải chăng ông ta không thoá mạ tất cả những chính phủ độc tài? Phải chăng ông ta có thể là kẻ thù của bất kỳ kẻ nào thuộc phái

tự do? Mặt khác, phải chăng ông ta không phản bội tất cả các cuộc cách mạng? Thế thì ông ta chẳng phải là người được phái bảo thủ bầu ra ư? Ông ta chống đối bất cứ cuộc cải cách nào, thế thì vị tất phái bảo thủ lại không ủng hộ ông ta? Ông ta không đề bạt phái To-ri vào các chức vụ, thế thì vị tất những kẻ hám danh thuộc phái tự do lại rời bỏ ông ta? Bô-na-pác-tơ mang một cái tên khủng khiếp đối với người ngoại quốc và thể hiện vinh quang của nước Pháp. Há chẳng phải Pan-móc-xtơn cũng là như vậy đối với Vương quốc liên hiệp? Dù sao đi nữa, trừ một số thời gian gián đoạn không lâu, ông ta đã cầm đầu bộ ngoại giao từ năm 1830, từ lúc tiến hành cuộc cải cách bầu cử¹⁴⁶, nghĩa là từ lúc khởi đầu lịch sử hiện đại của nước Anh. Do đó, địa vị quốc tế của Anh đâu có làm cho người ngoại quốc "kinh sợ" đến đâu, đâu có "vinh quang" đến đâu trước con mắt người ngoại quốc, thì vẫn gắn bó với cá nhân huân tước Pan-móc-xtơn. Bằng một đòn, Bô-na-pác-tơ đã quật tan tác tất cả các hảo hán được chính thức thừa nhận của nước Pháp, nhưng Pan-móc-xtơn phải chăng không "đập nát vụn" các phái Rôt-xen, Grê-hêm, Glát-xtơn, Rô-bác, Cốp-đen, Đì-xra-e-li và tutti quanti^{1*}? Bô-na-pác-tơ không có nguyên tắc nào hết, không có phương châm ràng buộc nào hết, nhưng ông ta đã hứa đưa lại cho đất nước cái mà nó mong ước - đó là con người. Và Pan-móc-xtơn cũng đang làm như vậy. Ông ta là một con người. Những kẻ thù độc ác nhất cũng không dám cả gan đổ lỗi cho ông ta là ông ta để xướng ra nguyên tắc.

Phải chăng chế độ Assemblée Législative^{2*} không phải là chế độ liên hiệp bao gồm phái chính thống và phái Oóc-lê-ăng¹⁴⁷, có pha trộn đôi chút với phái cộng hoà tư sản? Chính việc có sự liên hiệp đó cũng đã chứng minh sự tan rã của các đảng phái có mặt trong đó, bởi vì những truyền thống của các đảng cũ không cho phép họ thống nhất lại với nhau trong bất cứ một khối đoàn kết nào khác, ngoài khối đoàn kết tiêu cực. Khối đoàn kết tiêu cực như thế không có khả năng hành động; hành động của nó chỉ có thể

1*- những kẻ cùng chí hướng

2* - Quốc hội lập pháp

là tiêu cực; nó chỉ có thể là một sự kìm hãm; sức mạnh của Bô-na-pác-tơ từ đó mà ra. Song với cả Pan-móc-xơn tình hình lại không như vậy sao? Phải chăng nghị viện họp từ năm 1852 lại không phải là nghị viện liên hiệp và phải chăng vì thế mà nó không thể hiện ngay từ đầu trong một Nội các liên hiệp hay sao? Assemblée Nationale^{1*} tới lúc bị Na-pô-lê-ông dùng bạo lực giải tán đã không có một đa số có khả năng hành động. Hạ nghị viện, khi mà Pan-móc-xơn rút cuộc tuyên bố giải tán, thì cũng như vậy. Song đến đây đã không còn sự giống nhau nữa. Bô-na-pác-tơ tiến hành coup d'état^{2*} trước khi ông ta kêu gọi quốc dân. Bị ràng buộc bởi hiến pháp, Pan-móc-xơn phải kêu gọi quốc dân trước lúc định tiến hành coup d'état. Về mặt này, không thể phủ nhận rằng Bô-na-pác-tơ có mọi ưu thế. Những cuộc tàn sát ở Pa-ri, những đội quân càn quét ở các tỉnh, tình trạng giới nghiêm ở khắp nơi, việc đặt nhiều người ra ngoài vòng pháp luật và bắt đi đầy hàng loạt, lưới lê đằng sau và đại bác đằng trước hòm phiếu, - toàn bộ những cái đó làm cho lập luận của báo chí phái Bô-na-pác-tơ (là báo chí duy nhất không bị ngập trong trận lụt tháng Chạp) có được một sự hùng biện độc địa mà sức thuyết phục thì cả khoa ngụ biện nông cạn vốn có của nó lẫn cái lô-gích đáng ghét và những lời tán tụng giả dối, tanh lợm của nó cũng không thể nào làm giảm bớt được. Ngược lại, những tên tay sai của Pan-móc-xơn càng gân cổ gào tướng lên bao nhiêu thì chỗ đứng của ông ta càng yếu đi bấy nhiêu. Mặc dù ông ta còn là một nhà ngoại giao vĩ đại, song ông ta lại quên ra lệnh cho bọn tay chân phải nhớ lấy lời khuyên nói với thằng què muốn dắt thằng mù, - ông ta quên dạy bảo bọn chúng câu "pas de zèle"^{3*} của Ta-lây-răng. Và trên thực tế họ đã đóng vai của mình quá mức. Chẳng hạn như đoạn tán tụng sau đây trên một tờ báo ở thủ đô:

"Pan-móc-xơn muôn năm! - đó là lời tụng hô mà, như chúng ta trông đợi, sẽ vang lên trong mỗi cuộc họp cử tri... Tuyệt đối trung thành với huân tước

1* - quốc hội

2* - đảo chính

3* - "đừng háng hái quá"

Pan-móc-xơn - đó là điều giáo lý đầu tiên phải trở thành biểu tượng cho niềm tin của mỗi ứng cử viên... Cần phải bộc những ứng cử viên phái tự do thừa nhận rằng, huân tước Pan-móc-xơn ở chức vụ thủ tướng - đó là tất yếu chính trị ngày nay. Nhất thiết phải thừa nhận ông ta là anh hùng của thời đại chúng ta, không chỉ là anh hùng tương lai mà còn là anh hùng đang ở trước mặt chúng ta; không những là con người cần cho lúc nguy biến, mà còn là con người, hơn nữa là con người độc nhất trong số những kẻ cùng thời chúng ta, vốn được trao sứ mệnh đối phó với những tình huống mà đất nước chúng ta rõ ràng đang vấp phải... Người là thần tượng của ngày nay, là người được nhân dân yêu mến, là mặt trời đã và đang lên cao"¹⁴⁸.

Không lấy làm lạ là Giôn Bun không chịu nổi điều đó và đã dấy lên một sự phản ứng chống lại nhiệt cuồng tâng bốc Pan-móc-xơn.

Vì bản thân con người Pan-móc-xơn được tuyên bố là nguyên lý chính trị, cho nên không lấy làm lạ là phái đối lập với ông ta đã biến việc xét nét nhân cách ông ta thành nguyên tắc cho đường lối của mình. Thực ra, chúng ta thấy Pan-móc-xơn, tựa như có phép màu, đã cải tử hoàn sinh cho tất cả những ngôi sao sáng trước kia của nước Anh đại nghị. Để chứng minh cho lời khẳng định này, người ta có thể lấy cảnh tượng huân tước Giôn Rốt-xen (phái Vích) xuất hiện trước các cử tri thủ đô tại hội nghị ở quán rượu Luân Đôn, cũng như màn kịch do đảng viên đảng Pin, ông Giêm-xơ Grê-hêm, sắm vai trước cử tri ở Các-lây-lơ và cuối cùng là tiết mục biểu diễn của Ri-sốt Cốp-đen, đại diện cho trường phái Man-se-xơ, tại cuộc mít tinh đông đảo ở Phrít-rết-hôn vùng Man-se-xơ. Pan-móc-xơn đã hành động hoàn toàn khác với Héc-quyn. Ông ta không giết chết người khổng lồ, sau khi đã nhắc bổng hắn lên không¹⁴⁹, mà mang lại cho bọn người lùn một sức mạnh mới, sau khi quật chúng xuống đất. Nếu có kẻ nào thậm chí đã tự hạ mình trước con mắt xã hội thì tất nhiên đó là huân tước Giôn Rốt-xen, cha đẻ của tất cả những sản phẩm dễ non của ngành lập pháp, anh hùng lựa gió theo chiều, nhà ngoại giao làm trung gian ở Viên¹⁵⁰, con người mà tất cả những gì nằm trong tay anh ta đều trở thành hư không một cách bi thảm. Nhưng giờ

đây các bạn hãy nhìn xem ông ta đã xuất hiện một cách thành công rực rỡ trước cử tri Luân Đôn như thế nào. Do đâu mà có sự thay đổi đó? Sự thay đổi đó chỉ là do những hoàn cảnh mà Pan-móc-xton đặt ông ta vào. Tôi, Rốt-xen tuyên bố, là tác giả của đạo luật bãi bỏ pháp lệnh về việc tuyên thệ và về các cơ quan tự quản thành phố, của dự luật về cải cách nghị viện, của việc cải cách các cơ quan thị chính, của việc giải quyết vấn đề đất đai nhà thờ, của một số văn kiện lập pháp có tinh thần tự do nói về các giáo phái ly khai¹⁵¹ và của một loạt văn kiện khác liên quan tới Ai-rơ-len. Tóm lại, tôi là hiện thân thực chất của tất cả những gì là tiến bộ trong đường lối của phái Vích. Phải chăng các vị lại muốn hy sinh tôi vì một con người đại diện cho phái Vích mà không có những yếu tố nhân dân của nó, một con người đại diện cho phái Vích không phải với tư cách là một chính đảng mà là một nhóm những kẻ mưu cầu danh lợi hay sao? Tiếp đó, Rốt-xen đã chuyển những thiếu sót của mình thành cái có lợi cho bản thân. Tôi luôn luôn là kẻ phản đối việc bỏ phiếu kín. Phải chăng các vị nghĩ rằng nếu Pan-móc-xton không thích tôi, thì giờ đây tôi hạ mình xuống bằng cách từ bỏ những chính kiến của mình và nhận lấy nghĩa vụ ủng hộ những cuộc cải cách cấp tiến sao? Không đâu, cử tọa của ông ta kêu lên; không nên bắt buộc huân tước Giôn lúc này phải ủng hộ việc bỏ phiếu kín. Có mỗi một cái vĩ đại là ở chỗ con người nhỏ bé này, trong những hoàn cảnh như vậy, lại nhận mình là người ủng hộ những cuộc cải cách vụn vặt. Hoan hô ba lần và một lần nữa hoan hô huân tước Rốt-xen mà không bỏ phiếu kín! Sau đó thì huân tước Rốt-xen dứt khoát quyết định theo ý mình^{1*}, vì đã hỏi những người có mặt rằng, họ có cho phép một dúm bọn buôn thuốc phiện được tổ chức, theo lệnh Pan-móc-xton, thành một đoàn bầu cử để có thể ràng buộc các cử tri tự do của thủ đô vào những quyết định của họ mà chính phủ đã gợi ý và, cũng theo lệnh Pan-móc-xton, để ruồng bỏ ông ta, ruồng bỏ chính huân tước Giôn Rốt-xen, người đã là bạn của họ

1* Nguyên văn: làm nghiêng cán cân về phía mình.

trong suốt mười sáu năm ròng không? Không, không, hội nghị la lên, đả đảo bọn bè cánh! Huân tước Giôn Rốt-xen muôn năm! Và rất chắc chắn là Rốt-xen giờ đây không những sẽ lại được cử tri Luân Đôn bầu vào nghị viện, mà còn vượt lên đứng đầu bảng nữa kia đấy.

Với ngài Giêm-xơ Grê-hêm, câu chuyện còn kỳ thú hơn nữa. Nếu huân tước Giôn Rốt-xen đã làm cho mình trở thành buồn cười thì Grê-hêm đã làm cho mình trở thành thảm hại. Nay, ông ta nói với cử tri của mình ở Các-lây-lơ, phải chăng người ta cần phải thanh toán tôi như một ngọn nến đã cháy hết hay sao, hay là tôi phải cuốn xéo như một con chó mà người ta xua đuổi khi đã chạy xong đoạn đường đua, chỉ vì một lần trong đời tôi đã chót hành động theo lương tâm và dám cả gan thà chịu mất địa vị chính trị của mình còn hơn phải phục tùng mệnh lệnh của một người? Các vị đã bầu tôi làm đại biểu của các vị bất chấp tất cả những hành vi bất lương của tôi. Phải chăng các vị cách chức tôi vì tôi đã làm một việc tốt duy nhất? Dĩ nhiên là không, các cử tri ở Các-lây-lơ đồng thanh hô vang đáp lại.

Khác với Rốt-xen và Grê-hêm, ông Cốp-đen ở Man-se-xtơ buộc phải ra mắt trước những cử tri của Brai-tơ và Ghíp-xơn chứ không phải trước những cử tri của chính mình. Ông phát biểu nhân danh toàn thể trường phái Man-se-xtơ chứ không nhân danh cá nhân. Điều đó làm tăng thêm địa vị của ông. Ở Man-se-xtơ vang lên những khẩu hiệu của phái Pan-móc-xton một cách giả dối hơn bất cứ đâu. Lợi ích của bọn tư bản công nghiệp căn bản khác với lợi ích bọn buôn thuốc phiện lậu ở Luân Đôn và Li-vóc-pun. Phái đối lập chống Brai-tơ và Ghíp-xơn xuất hiện ở Man-se-xtơ, không dựa vào lợi ích vật chất của công chúng địa phương, còn lời kêu gọi bỏ phiếu cho Pan-móc-xton thì mâu thuẫn trực tiếp với tất cả những truyền thống của công chúng này. Lời kêu gọi đó xuất phát từ hai nguồn: từ những tờ báo đất tiền đang muốn báo thù về việc bãi bỏ khoản thuế báo chí và việc giảm thuế đánh vào các quảng cáo¹⁵², và từ bọn chủ xưởng thích phù hoa giàu có, vì ghen với địa vị chính trị nổi bật của Brai-tơ, nên định đóng vai

bourgeois gentilhommes^{1*} và cho rằng đoàn kết được ngọn cờ đại quý tộc của Pan-móc-xton là hợp thời hơn và phù hợp với các quy tắc bon ton^{2*} hơn là ủng hộ cương lĩnh ôn hoà của Brai-tơ. Tính cách đặc biệt này của bè lũ Pan-móc-xton ở Man-se-xtơ đã cho phép Cốp-đen lần đầu tiên kể từ thời cổ động cho Đồng minh chống các đạo luật về ngũ cốc¹⁵³, lại trở thành lãnh tụ của phái bình dân và lại có dịp kêu gọi các giai cấp lao động tập hợp dưới ngọn cờ của mình. Ông ta đã lợi dụng một cách tài tình hoàn cảnh đó. Ông ta đã chọn cái cờ cao thượng như thế nào để tấn công Pan-móc-xton, điều đó có thể suy xét qua đoạn trích sau đây:

"Vây là, một vấn đề rất có liên quan tới tất cả điều đó, mà tôi thiết tưởng nhân dân ta phải hết sức quan tâm. Liệu các vị có muốn các thành viên trong hạ nghị viện bảo vệ lợi ích của các vị, theo dõi những khoản chi tiêu (đúng, đúng) và không cho phép người ta lôi cuốn các vị vào những cuộc chiến tranh vô bổ và tốn tiền hay không? (Đúng). Hay lắm, song các vị đang sắp sửa hành động một cách sai trái, nếu như điều mà tôi biết qua báo chí của các vị, sẽ được khẳng định trong tiến trình bầu cử, bởi vì người ta nói với tôi là những thành viên của hạ nghị viện đã đoàn kết lại với nhau nhằm chăm lo cẩn thận tới những lợi ích của các vị, và đã bỏ phiếu về vấn đề cuộc chiến tranh này trên cơ sở những sự kiện hiện có - tất cả những thành viên ấy các vị dự định tống cổ họ đi và cho họ về vườn, còn chỗ của họ thì các vị sắp sửa phái những nhân vật khác đến ngồi (không, không) - để làm gì? - để gìn giữ lợi ích của các vị chăng? Không, để họ có thể đi tới đó và thực hiện một cách tận tụy công việc bản thủ, đề tiện theo lệnh của đương kim bộ trưởng. (Tiếng la hò tán thưởng). Thật ra, người ta nói với tôi rằng các vị chuẩn bị biến huân tước Pan-móc-xton thành một nhà lãnh đạo độc tài của đất nước này. (Không, không). Thế thì tốt, song nếu hạ nghị viện không kìm giữ ông ta, nếu vì hạ nghị viện có ý đồ kìm giữ ông ta mà ông ta giải tán hạ nghị viện và nếu đáng lẽ phải đưa vào hạ nghị viện những người tự chủ và có khả năng ở một chừng mực đầy đủ bảo vệ quyền của mình và quyền của các vị thì các vị lại cử những người truyền đạt tâm thường ý chí của ông ta, thì điều đó có nghĩa là gì, nếu không phải là trao cho ông ta một chính quyền độc tài? Hãy cho phép tôi nói thêm với các vị rằng, đấy là một chủ nghĩa độc tài cực kỳ thô bạo, cực

1* - trưởng giả học làm sang

2* - của một cách cư xử đúng đắn

kỳ tốn kém và đồng thời cực kỳ vô trách nhiệm trên trái đất này, bởi vì các vị khoác cho vị bộ trưởng này cái vẻ ngoài loè bịp của một hình thức chính quyền đại diện; các vị không thể đuổi kịp ông ta chừng nào ông ta còn có hạ nghị viện để có thể ẩn náu được dưới sự che chở của nó; và nếu trong cuộc bầu cử, các vị không thực hiện nghĩa vụ của mình, và không đưa vào hạ nghị viện những người sẽ giám sát chặt chẽ vị đương kim bộ trưởng thì tôi quả quyết rằng các vị sẽ lâm vào một tình thế xấu nhất, bởi vì người ta sẽ quản lý các vị một cách vô trách nhiệm hơn so với những thần dân của vua Phổ hoặc của hoàng đế Pháp. (Tiếng la hò tán thưởng)".

Bây giờ thì người ta mới hiểu tại sao Pan-móc-xton lại vội vàng xúc tiến bầu cử. Ông ta chỉ có thể thắng thông qua những hành động bất ngờ, còn thời gian lại là kẻ thù của sự bất ngờ.

*Do C.Mác viết ngày 20 tháng Ba 1857
Đã đăng trên báo "New-York Daily
Tribune" số 4980, ngày 6 tháng Tư 1857*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

SỰ TÀN BẠO CỦA ANH Ở TRUNG QUỐC

Mấy năm trước đây tại nghị viện người ta đã vạch trần một hệ thống nhục hình khủng khiếp được áp dụng tại Ấn Độ, ngài Giêm-xơ Hốc-gơ, một trong các giám đốc của Công ty Đông Ấn rất đáng trọng, đã trâng tráo khẳng định rằng dường như những lời buộc tội gửi đến công ty chẳng có một cơ sở nào. Song việc điều tra sau này đã chứng minh rằng những lời buộc tội này đều dựa trên những sự kiện mà các giám đốc tất phải biết rõ, và ngài Giêm-xơ chẳng còn cách nào khác là phải thú nhận là đã "cố tình làm ngơ", hoặc thú nhận "chịu tội có biết" trước tất cả những lời buộc tội ghê sợ mà người ta đã gửi cho Công ty Đông Ấn. Hẳn là, giờ đây ngài đương kim thủ tướng Anh, huân tước Pan-móc-xton, và bộ trưởng ngoại giao, bá tước Cla-ren-đôn, cũng đều ở trong tình trạng tội tệ hết như vậy. Trong lời phát biểu tại một bữa tiệc mới đây tại nhà huân tước - thị trưởng, ngài bộ trưởng, khi thanh minh cho sự tàn bạo đối với những người Trung Quốc, đã nói:

"Giá như chính phủ vào trường hợp này lại tán thành những biện pháp mà không có lý do xác đáng, thì rõ ràng là đã bước vào con đường đáng để nghị viện và đất nước khiển trách. Song chúng tôi tin tưởng ngược lại rằng, những biện pháp này là cấp thiết. Chúng tôi cho rằng, đất nước ta đã bị xúc phạm nghiêm trọng. Chúng tôi

cho rằng, đồng bào ta ở phần xa xăm của trái đất nhiều lần bị lăng nhục, bị hành hung và đối xử tàn bạo không thể bỏ qua được. (Vỗ tay). Chúng tôi cho rằng, những quyền của người ta được quy định trong hiệp ước đã bị vi phạm và những người mà trên cương vị của mình có nhiệm vụ phải bảo vệ lợi ích của chúng ta ở vùng đó trên thế giới không những có quyền mà còn có nghĩa vụ kiên quyết phản ứng lại những hành động bạo lực, trong chừng mực những phương tiện có trong tay họ cho phép làm điều đó. Chúng tôi cho rằng, hẳn là chúng ta sẽ phụ lòng tin của đồng bào nếu như chúng ta không tán thành những biện pháp mà chúng ta thấy là đúng đắn và bản thân chúng ta ắt cũng coi là nghĩa vụ phải áp dụng nếu như lâm vào hoàn cảnh như thế. (Vỗ tay)".

Song, nhân dân Anh và toàn thế giới dù có bị lừa bịp bởi những lời giải thích xuôi tai này thì bản thân vị huân tước tôn quý dĩ nhiên không tin những lời đó là đúng sự thật, và nếu tin thì ông ta có lỗi là cố tình làm ngơ, một cái lỗi không thể tha thứ, gần như là "tội có biết". Từ lúc có tin đầu tiên về những hành động quân sự của người Anh ở Trung Quốc đến tai chúng ta thì những tờ báo của Chính phủ Anh và một phần cả báo chí Mỹ nữa vẫn không ngừng đặt điều vu khống người Trung Quốc - buộc tội họ một cách hồ đồ là đã vi phạm những nghĩa vụ quy định trong hiệp định, là đã xúc phạm lá cờ Anh, là nhục báng những người nước ngoài sống ở Trung Quốc v. v.. Tuy nhiên, trong toàn bộ sự việc đó người ta không đưa ra được một lời buộc tội rõ ràng nào, một sự kiện nào ngoài vụ rắc rối với chiếc tàu buồm "Ê-râu" để chứng thực tất cả sự vu khống ấy. Vả lại, trong trường hợp này, hoàn cảnh xảy ra sự việc lại bị xuyên tạc và bị giải thích một cách sai trái bằng nghệ thuật hùng biện ở nghị viện đến mức những ai thật sự muốn tìm hiểu thực chất vấn đề này đều bị lầm lạc hoàn toàn.

Chiếc tàu buồm "Ê-râu" là một chiếc tàu nhỏ của Trung Quốc, với đội thủy thủ người Trung Quốc, nhưng có những người Anh nào đó đã thuê mượn nó. Chiếc tàu này tạm thời được phép hoạt động có treo cờ Anh, song thời hạn giấy phép này đã hết trước lúc xảy ra vụ "xúc phạm" mà giờ đây người ta nói đến. Người ta bảo rằng, chiếc tàu được sử dụng để chở lậu muối và trong số thủy thủ của nó có một ít người hành tung rất đen tối: những tên cướp

biển và những kẻ buôn lậu Trung Quốc mà từ lâu chính quyền tìm cách bắt giữ như những kẻ tội phạm bất trị. Trong khi chiếc tàu này bỏ neo và hạ buồm tại Quảng Châu, mà lại không treo cờ nào cả, thì cảnh binh được biết rõ là những tên tội phạm này đang ở trên tàu và bắt giữ chúng, nghĩa là đã hành động đúng hệt như cảnh binh ở cảng chúng ta nhất định phải hành động sau khi đã biết những tên trộm và những kẻ buôn lậu ở đường sông đang ẩn nấp quanh quẩn, trên chiếc tàu nước mình hay nước ngoài nào đó. Song bởi vì việc bắt bó này là một trở ngại cho công việc thương mại của các ông chủ cho nên thuyền trưởng đã khiếu nại với lãnh sự Anh. Vị lãnh sự, một người còn trẻ, mới được bổ nhiệm, thêm vào đây, như chúng tôi được biết, là một người bản tính nóng nảy và hay bị kích động, *in propria persona*^{1*} bước lên tàu, thịnh nộ biện minh với cảnh binh vừa mới làm xong nhiệm vụ trực tiếp của họ, và kết quả là không thu được gì. Từ đây ông ta lao trở lại lãnh sự quán, viết thư với giọng trích trượng cho tổng đốc tỉnh Quảng Đông, yêu cầu bồi thường và đòi xin lỗi, và đồng thời gửi thư về Hồng Công cho ông Giôn Bao-rinh và đô đốc Xây-mua, quả quyết rằng dường như là ông ta và lá cờ của đất nước ông ta bị xúc phạm đến mức không thể chịu đựng được, và bằng những câu nói khá lộ liễu ám chỉ rằng, rốt cục là thời cơ thuận lợi mong đợi bao lâu cho việc thị uy quân sự chống Quảng Châu đã đến.

Tổng đốc E trả lời nhã nhặn và bình tĩnh về những đòi hỏi trích trượng của ngài lãnh sự Anh trẻ tuổi, mất bình tĩnh. Ông giải thích lý do bắt giữ và lấy làm tiếc về việc hiểu nhầm đã xảy ra. Đồng thời ông bác bỏ một cách kiên quyết nhất lời buộc tội là đã có bất cứ ý định nào xúc phạm lá cờ Anh, và sẽ trả lại những thủy thủ mà ông ta, như người ta nói, không muốn giữ lại để gây ra những chuyện phiền toái nghiêm trọng đến như vậy, mặc dù việc bắt giữ họ là đúng luật pháp. Song tất cả những điều đó vẫn không làm hài lòng ngài lãnh sự Pác-cơ - các vị có thấy không, ngài đòi phải chính thức xin lỗi và bồi thường theo đúng mọi thủ tục, nếu không, tổng đốc E phải chịu trách nhiệm về hậu

1* - đích thân

quả. Sau đó xuất hiện đô đốc Xây-mua cùng với hạm đội Anh, và ở đây đã bắt đầu có những thư từ khác: đô đốc ra lệnh và đe dọa, viên quan Trung Quốc trả lời bình tĩnh, điềm đạm và nhã nhặn. Đô đốc Xây-mua đòi gặp riêng trong thành Quảng Châu. Tổng đốc E nói rằng điều đó trái với mọi tiền lệ, rằng ngài Gioóc-giơ Bôn-hêm đã thoả thuận là không nên đưa ra đòi hỏi như vậy. Nếu cần thì ông ta sẵn sàng gặp nhau ngoài thành Quảng Châu như thường lệ, hoặc thoả mãn ý muốn của ngài đô đốc bằng một cách nào đó mà không trái với tập quán Trung Quốc và nghi thức truyền thống. Song tất cả điều đó không làm hài lòng vị đại diện hiếu chiến của nước Anh tại phương Đông.

Cuộc chiến tranh hết sức phi nghĩa này đang được tiến hành dựa vào những lý do trình bày vắn tắt ở đây - còn những bản báo cáo chính thức hiện đã được đệ trình trước nhân dân Anh thì xác nhận hoàn toàn sự trình bày này. Những thị dân hoàn toàn vô tội và những thương nhân sống yên lành ở Quảng Châu đã bị giết hại, nhà cửa của họ bị phá trụi vì cuộc pháo kích, các luật nhân đạo bị chà đạp, và toàn bộ việc làm đó đều vin vào cái có phi lý dường như là "cuộc sống và tài sản của người Anh đang bị uy hiếp bởi những hành động xâm lược của người Trung Quốc"! Chính phủ Anh và nhân dân Anh - chí ít là những người muốn tìm hiểu vấn đề này, - đều biết rằng những lời buộc tội này là lừa bịp và giả dối như thế nào. Người ta có ý đồ đánh lạc hướng cuộc điều tra khỏi vấn đề chính và đầu độc dư luận xã hội bằng cái ý nghĩ là dường như một loạt hành động xúc phạm xảy ra trước vụ rắc rối về chiếc tàu buồm "Ê-râu" tự nó cũng đủ là *casus belli*^{*}. Song những lời khẳng định hồ đồ này thiếu căn cứ. Cứ mỗi một lời người Anh tố cáo thì người Trung Quốc ít ra cũng có thể đưa ra được chín mươi chín lời.

Song, thế mà báo chí Anh lại câm miệng hến về những sự vi phạm thô bạo hiệp định mà người nước ngoài sống ở Trung Quốc, dưới sự bảo hộ của Anh, đã gây ra hàng ngày! Chúng ta không

1* - cái cớ để gây chiến.

hề nghe nói gì về việc buôn thuốc phiện lậu có hại cho cuộc sống con người và đạo đức mà hàng năm làm giàu thêm cho ngân khố Anh. Chúng ta không hề nghe nói gì về những khoản hối lộ thường xuyên cho các quan lại cấp dưới, do đó mà Chính phủ Trung Quốc bị tước mất những khoản thu nhập hợp pháp của mình từ xuất nhập khẩu hàng hoá. Chúng ta không hề nghe nói gì về những trọng tội đến mức "thậm chí giết người" mà người ta gây ra cho những kiều dân bị lừa gạt ký giao kèo, những người bị đem bán làm nô lệ một cách tồi tệ hơn cả nô lệ ở vùng bờ biển Pê-ru và Cu Ba. Chúng ta không hề nghe nói đến những hành vi vô đạo trắng trợn của người ngoại quốc đối với những người Hoa bản tính rụt rè, hoặc về những thói xấu mà những người ngoại quốc này đã du nhập vào người Hoa tại các cảng được mở ra cho người ngoại quốc buôn bán. Chúng ta không hề nghe nói gì về tất cả những điều đó cũng như nhiều điều khác nữa, vì thứ nhất, là đa số những người ở ngoài Trung Quốc ít quan tâm đến tình hình xã hội và đạo đức nước này; thứ hai, là một trong những quy tắc của đường lối khôn ngoan là không động đến những vấn đề không mang lại những lợi lộc về tiền bạc. Như vậy, người dân thường nước Anh, với tầm mắt không vượt quá cái quây hàng thực phẩm, nơi mà họ mua chè, hoàn toàn sẵn sàng gạt đầu xuôi tai với bất cứ một lời nói dối nào mà nội các và báo chí phịa ra để buộc dư luận xã hội thừa nhận.

Trong khi đó, lửa căm thù bùng lên chống lại người Anh vào thời chiến tranh nha phiến vốn đã dịu đi, thì nay lại bùng lên ở Trung Quốc thành một ngọn lửa phẫn nộ mà chắc chắn không có bất cứ lời tuyên bố về hoà bình và hữu nghị nào¹⁵⁴ có thể dập tắt nổi.

*Do C.Mác viết vào khoảng ngày 22 tháng Ba 1857
Đã đăng làm xã luận trên báo "New-York Daily Tribune" số 4984, ngày 10 tháng Tư 1857*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyễn văn là tiếng Anh*

C.MÁC

KẺ PHẢN BỘI Ở TRÉC-KÊ-XI

Bức thư dưới đây lấy từ báo "Pester Lloyd"¹⁵⁵.

Trụ sở Bộ tham mưu ở Tréc-kê-xi, Tu-áp-xơ, ngày 26 tháng Hai.

"Chiếc tàu thủy "Căng-gu-ru" của Anh mang đến Ngài bức thư này, từ đó mà ở châu Âu hẳn là lần đầu tiên nhận được những tin tức về sự kiện có thể gây ảnh hưởng rất to lớn đến vận mệnh tương lai các dân tộc Tréc-kê-xi. Ngài đã biết rằng Mếch-mét-bây (Ban-di-a), người rất sùng ái tôi, đã đồng ý với những kiến nghị của các thủ lĩnh và đoàn đại biểu các bộ lạc Tréc-kê-xi và đã nhận chức tổng tư lệnh. Vào thứ hai, ngày 23 tháng Hai, chúng tôi đã đặt chân lên Tu-áp-xơ, nơi đặt trụ sở Bộ tham mưu của ta. Trước lúc chúng tôi khởi hành, Mếch-mét-bây đã tuyển một khoảng hai trăm huấn luyện viên quân sự xuất sắc cho các loại binh chủng, và họ sẽ theo chúng tôi tới đây. Hiện nay Mếch-mét-bây đã được trình trọng tuyên bố là tổng tư lệnh quân đội Tréc-kê-xi. Các vị hoàng thân, những người quý tộc và đoàn đại biểu nhân dân đặt tay lên sách thánh mà tuyên thệ phục tùng ông, còn giờ đây thì đoàn đại biểu Quốc hội Tréc-kê-xi đã mang lá cờ nhà tiên tri, tượng trưng cho quyền lực tối cao. Khi vị tư lệnh mới tuyên thệ trung thành với ngọn cờ thiêng liêng thì được hoan nghênh nhiệt liệt. (Bản thân lá cờ màu xanh, trên cờ có vẽ thanh bạch kiếm với vành trăng lưỡi liềm và ngôi sao). Một không khí rất phấn chấn bao trùm; dân Tréc-kê-xi quyết tâm giành độc lập hoàn toàn hoặc hy sinh trong cuộc đấu tranh để đạt tới mục đích đó. Người ta chờ đợi là đến tháng Năm, 150 000 (?) người sẽ có thể tham gia vào những cuộc hành binh. Mếch-mét-bây vừa mới nói với tôi "Nước Nga có thể nhanh chóng tin chắc rằng *những tâm trạng mới* sẽ chiếm ưu thế". Tôi đã đọc những văn kiện gửi đến cho tôi (Mếch-mét-bây đã sát cánh với người Tréc-kê-xi trong suốt cuộc chiến tranh

vừa rồi), và giữ vững ý kiến rằng, thiếu một tổ chức quân sự mà nhân dân vẫn có thể chống kẻ thù trong suốt ba mươi năm ròng thì, khi có một tổ chức quân sự đang hoàng, sẽ có thể *giành được* nền độc lập hoàn toàn của mình. Ngài có thể hy vọng sẽ nhận được một loạt tin tức quan trọng từ đất nước đầy núi non này lúc xuân sang. Chẳng nào những phương tiện liên lạc của ta cho phép, Ngài sẽ nhận được bản báo cáo của tôi về diễn biến của các sự kiện".

Ban-di-a là một trong các nhà lãnh đạo của người Hung-ga-ri, ban đầu đi với Cô-sút, rồi sau đó với Xê-mê-rơ; vào năm 1851 và 1852 sống lưu vong ở Anh; phục vụ cho Chính phủ Phổ và Chính phủ Pháp với tư cách một điệp viên và dĩ nhiên, phải hành động nhất trí với ông chủ chung của các chính phủ này; giờ đây, lợi dụng sự bảo hộ của Anh, ông ta sang Tréc-kê-xi, nơi dường như đang bao trùm *những tâm trạng mới*. Tâm trạng cũ là tâm trạng bài Nga, tâm trạng mới tất là tâm trạng thân Nga - Tréc-kê-xi tất phải *giành được* độc lập mà chưa bao giờ mất cả, và để hoàn thiện nốt cho đủ lệ bộ, người ta nghĩ ra một nghị viện mà chỉ còn mỗi việc là phải dựng nó lên thôi.

Do C.Mác viết vào khoảng ngày 25 tháng Ba 1857

Đã đăng trên báo "The Free Press" tập IV, số 34, ngày 1 tháng Tư 1857

In theo bản đăng trên báo Nguyên văn là tiếng Anh

In bằng tiếng Nga lần đầu

C.MÁC

SỰ THẤT BẠI CỦA CỐP-ĐEN, BRAI-TƠ VÀ GHÍP-XƠN

Luân Đôn, ngày 31 tháng Ba 1857

"Đa số ứng cử viên đề xuất ý kiến dự định ủng hộ một cách rộng rãi huân tước Pan-móc-xtơn, lấy đó làm bằng cứ tốt nhất giúp cho mình được tái cử vào nghị viện mới với tư cách những người phát ngôn dư luận xã hội.. Pan-móc-xtơn sẽ bước vào nghị viện không phải với tư cách thủ lĩnh đảng bảo thủ, hoặc đảng Vích, hoặc phái Pin, hoặc đảng cấp tiến, mà với tư cách lãnh tụ của nhân dân Anh, với tư cách người sáng lập và người xây dựng vĩ đại của đảng toàn quốc".

Tờ "Morning Post"¹⁵⁶, cơ quan riêng của huân tước Pan-móc-xtơn, nói như vậy. Pan-móc-xtơn là nhà độc tài, nghị viện mới là Corps Législatif^{1*} của ông ta - đó là nội dung của những lời kể trên, nội dung ấy hẳn là được xác nhận cả trong những phiếu bầu cử. Còn về "dư luận xã hội" mà tờ "Post" nói thì đúng như đã nhận xét là, Pan-móc-xtơn tự tay tạo ra một nửa, còn một nửa kia thì ông ta không tính đến.

Sự kiện lớn lao nhất trong cuộc tranh cử là thất bại hoàn toàn của trường phái Man-se-xtơ: Brai-tơ và Min-nơ Ghíp-xơn mất ghế nghị sĩ của vùng Man-se-xtơ, Cốp-đen mất ghế nghị sĩ của vùng

1*- Hội đồng lập pháp

Hát-dơ-xphin, ngài E. Ác-mi-tít mất ghế nghị sĩ của vùng Xôn-phoóc, ông Phốc-xơ mất ghế nghị sĩ của vùng Ôn-dêm và Mai-an mất ghế nghị sĩ của vùng Rô-sđen. Đặc biệt làm mọi người sững sốt, thậm chí cả Chính phủ Pan-móc-xơ nữa, là kết quả bầu cử tại Man-se-xơ¹⁵⁷. Chính phủ ít hy vọng thắng lợi ở đây ra sao, điều đó có thể khẳng định khi thấy nó hành động không dứt khoát và lưỡng lự đến mức nào. Thoạt đầu, sau khi nhận được một số lời kêu gọi cử tri ở Man-se-xơ thì Pan-móc-xơ dọa là sẽ đích thân tới trung tâm này của công nghiệp bông sợi để thách thức phái đối lập với mình trên "đồng phân của riêng họ". Nhưng sau khi suy nghĩ kỹ, ông ta đã nhượng bộ. Bấy giờ trên sân khấu xuất hiện một kẻ tay chân của nội các, đó là Bốp Lâu. Sau khi nhận được lời một nhóm chủ xưởng lớn mời ra làm ứng cử viên Man-se-xơ với sự bảo đảm rằng gặp trường hợp thất bại, ông sẽ được trả một món tiền 2 000p.xt. đủ để mua một chỗ bắn thủ ở đất bá tước, ông ta bèn công khai nhận lời đề nghị và cho phép ban vận động bầu cử bắt đầu cổ động cho tên tuổi của ông. Sau đó, tiếp đến bài diễn văn nổi tiếng của Cốp-đen tại Man-se-xơ¹⁵⁸. Thế rồi Pan-móc-xơ lệnh cho Lâu rút tên khỏi danh sách ứng cử viên, ông này cũng đã làm như vậy. Thậm chí cả khi suy nghĩ kỹ thêm thì mưu toan ở Man-se-xơ vẫn tỏ ra hoàn toàn không có một tia hy vọng thành công nào, đến nỗi tờ "Times" đã nhận được chỉ thị phải đóng vai con cáo trong câu chuyện ngụ ngôn¹⁵⁹. Bốp Lâu đã phải viết một bài xã luận bảo vệ việc tái cử của Brai-tơ và đồng bọn, và khuyên dân Man-se-xơ đừng bôi nhọ mình bằng việc từ bỏ những đại biểu cũ của họ. Có thể tưởng tượng nổi hân hoan thật là vô bờ bến và những tiếng hoan hô như điên dại nổi lên trong phe nội các khi mà, trái với tất cả những điều lo ngại ấy, bức điện mang tới phố Dao - ninh cái tin là Cốp-đen đổ nhào và Brai-tơ cũng như Ghíp-xơ thất bại, hơn nữa lại bởi tuyệt đại đa số phiếu. Còn về bản thân Pan-móc-xơ thì thắng lợi này đối với ông ta thật quá lớn, xét từ góc độ lợi ích riêng của ông ta, bởi vì lão cáo già này hiểu rất rõ là để ngăn chặn cả đến người khổng lồ thì cũng chỉ cần dẫn nó vào hạ nghị viện, mà để làm cho chính cái nghị viện này bị tan hoang nhanh chóng hơn - cái nền

móng của nó, cái đoàn cử tri đặc quyền và cái thượng tầng kiến trúc của nó, sự tiềm quyền của nội các, - thì chỉ cần loại ra khỏi nghị viện này những thành viên có tiếng tăm nhất và ném họ ra đường phố, sau khi bằng cách đó tặng cho quần chúng bị quần bách, đứng sau những cánh cửa của "Hiến pháp nước Anh", những lãnh tụ bình dân.

Sự thất bại của trường phái Man-se-xơ tại thành trì riêng của nó, do đa số của ngay quân đội cũng là riêng của nó giáng cho nó, trông tựa như là thắng lợi cá nhân của Pan-móc-xơ, tuyệt nhiên không chỉ vì việc bỏ phiếu không tín nhiệm nhằm đuổi ông ta ra khỏi nội các và được dùng làm cái cớ giải tán nghị viện là do Cốp-đen và Ghíp-xơ đưa ra. Trong nhân cách của Pan-móc-xơ, một bên, và của Brai-tơ, Cốp-đen và đồng bọn một bên, tựa hồ như thể hiện một mâu thuẫn không điều hoà giữa những nguyên tắc khác nhau và vị trí khác nhau. Pan-móc-xơ là cái loa của vinh quang dân tộc, còn họ là những thằng mõ của lợi ích công nghiệp; ông ta là vị hầu tước hoạt động ngoại giao, tập trung trong con người mình tất cả những sự tiềm quyền của nhóm đầu sỏ nước Anh, còn họ là những kẻ mị dân, parvenu^{1*}, tiêu biểu cho sức sống của giai cấp tư sản Anh; ông ta tìm sức mạnh của mình trong sự tan rã của các đảng phái, họ thì nhờ cuộc đấu tranh giai cấp mà có được sức mạnh. Ông ta là sự biểu thị vô nguyên tắc tột cùng của chủ nghĩa To-ri già cỗi đang nổi dậy chống các lãnh tụ của cái Đồng minh chống các đạo luật về ngũ cốc hiện đang chết. Như vậy, sự thất bại của Cốp-đen, Brai-tơ và đồng bọn gây ra ấn tượng về thắng lợi cá nhân của Pan-móc-xơ, nhất là khi những đối thủ tốt số của họ trong cuộc bầu cử tự mình không thể tỏ ra có một giá trị nào. Chẳng hạn, đối thủ của Brai-tơ, ngài Giôn Pô-te-rơ, nổi tiếng chỉ vì ông là người to béo nhất ở Man-se-xơ. Ông ta ắt có thể bị người ta tưởng nhầm là loại ngài Giôn Phôn-xtáp¹⁶⁰ xứ Man-se-xơ, giá như trí tuệ nhỏ nhoi của ông ta và cái dạ dày to lớn của ông ta không cứu ông thoát khỏi việc thiên hạ đem so sánh với hiệp sĩ bất tử này. A. Tôn-ne-rơ, đối

1* - những kẻ hãnh tiến

thủ của Min-nơ Ghíp-xơn, luận chứng cho những hoài bão riêng của mình rằng ông ta vốn là con người bình thường, thế cho nên không bao giờ đem những tham vọng viễn vông về tài ba và sự lỗi lạc làm tổn thương tình cảm của đồng bào mình. Cuối cùng, ngài A-crôi-đơ, đối thủ của Cốp-đen, đã buộc tội ông này là nhân vật tầm cỡ quốc gia, còn ông ta (A-crôi-đơ) thì chưa từng bao giờ, và dĩ nhiên sẽ không bao giờ là ai khác hơn là một kẻ bình thường ở Hát-đơ-xphin. Tất cả bọn họ đều tự hào là họ chẳng có tài ba, nhưng lại có tính cách, mà cái phú tính này thì hẳn là sẽ không làm cho họ, cũng như những bậc tiền bối của họ, mắc phải sai lầm, cụ thể là "đối lập với tất cả các chính phủ" và sẽ không làm cho họ, cũng giống như ông Min-nơ Ghíp-xơn, phải hy sinh những địa vị béo bở vì những điều kỳ quái nào đó về lý luận.

Tuy nhiên, trái với cái vẻ bề ngoài, lời Pan-móc-xơn kêu gọi cử tri chống lại Cốp-đen và đồng bọn không phải là nguyên nhân mà chỉ là cái cớ để cho những nhiên liệu đã tích trữ từ lâu xung quanh trường phái Man-se-xtơ bùng cháy. Vì Man-se-xtơ là hạt nhân của đảng còn Brai-tơ, như mọi người thừa nhận, là người anh hùng chân chính của nó, cho nên chỉ chăm chú theo dõi sự thất bại của ông ta cũng đủ để giải thích sự không thành công cùng lúc đã đến với các bạn chiến đấu của ông trong các trung tâm công nghiệp khác. Đóng vai trò ở đây, trước tiên là những người thuộc phái Vích và phái To-ri cũ vốn nóng lòng báo thù cho cái địa vị chính trị thấp hèn mà họ đã trải qua từ khi xuất hiện Đồng minh chống các đạo luật về ngũ cốc. Ngay những cuộc bầu cử năm 1852, khi Brai-tơ thắng họ với đa số chỉ vền vẹn 100 phiếu, cũng đã chỉ ra sức mạnh về số lượng của họ, một sức mạnh tuyệt nhiên không nên coi thường. Tất nhiên họ đã không thể thắng lợi dưới ngọn cờ của mình, song họ lại là một pháo đài kiên cố đối với bất cứ một toán đào ngũ nào trong đạo quân của Brai-tơ. Sau đó, ở hàng thứ hai là những thủ lĩnh của giới báo chí dặt tiền với mối căm thù sâu sắc thâm căn cố đế và sự thù hằn độc địa của họ đối với các vị nghị sĩ đồ đầu của báo chí rẻ tiền¹⁶¹. Ông Gác-nét, biên tập viên của báo "Manchester Guardian"¹⁶², đã ráo riết

bằng mọi cách chống lại Brai-tơ, khi ông ta kiên trì khoác những bộ cánh ít nhiều có vẻ lịch sự vào những lý lẽ đã khá tồi tàn của liên minh chống Brai-tơ; tính xa cách quần chúng mà Brai-tơ và Cốp-đen phạm phải trong thời chiến tranh với Nga¹⁶³ đã giúp cho ông ta dễ thực hiện ý đồ này. Vào thời kỳ này, họ thực không dám cả gan xuất hiện trước bất cứ một cuộc mít tinh công khai nào ở Man-se-xtơ và buộc phải giấu mình trong cái hội đã lựa chọn, thường gặp nhau để trà lá trong các phòng họp ở Niu-ôn, nơi tụ tập cũ của Đồng minh chống các đạo luật về ngũ cốc. Trong giới tư sản tự do, các chủ xưởng và các đại diện những hãng buôn lớn, tuyệt đại đa số bỏ phiếu chống Brai-tơ; trong giới tiểu tư sản và tiểu thương chỉ có những người theo giáo phái Quây-cơ và người Ai-rơ-len, nghĩa là cái thiểu số đông đảo mà ở khắp nơi trong Vương quốc liên hợp cũng đều bám từng bước theo sau những "kẻ bề trên tự nhiên" của mình là một lòng ủng hộ ông ta mà thôi. Giải thích thế nào đây sự phân biệt trong hàng ngũ của giai cấp tư sản tự do? Phần lớn là do những "con người ở Man-se-xtơ" giàu có đang rất nóng lòng muốn trở thành những kẻ "trưởng giả" giống như những đối thủ của họ ở Li-vóc-pun. Nếu họ chịu để cho con người tài ba như Brai-tơ nắm lấy ưu thế khi ông ta còn là một công cụ cần thiết cho lợi ích giai cấp của họ, thì giờ đây họ cho rằng đã đến lúc có thể cho phép mình hành động như những kẻ tầm thường gặp vận hội vốn hay làm là tổng cổ những ai mà họ ganh ghét. Tuy nhiên, họ không những nổi dậy chống cái ưu thế cá nhân của Brai-tơ, mà còn chống đối kịch liệt hơn nữa những tham vọng lỗi thời của bọn theo đuôi Đồng minh chống các đạo luật về ngũ cốc - bọn này cũng là cái gánh nặng đối với Man-se-xtơ gần như bọn theo đuôi Nghị viện trường kỳ¹⁶⁴ thuở nào với nước cộng hoà Anh; bọn theo đuôi đồng minh hội họp thường kỳ với nhau dưới sự chủ tọa của ngài Uyn-xơn, vật "trang trí bất di bất dịch" và kẻ vốn chuyên nghề buôn bột này được thư ký danh dự của đồng minh, ông Rô-bin-xơn và những nhân vật vô danh tiểu tốt khác không có địa vị xã hội, ủng hộ trong các cuộc họp đó. Được nổi lên mặt nước nhờ những làn sóng trong thời kỳ bão tố, những kẻ này giờ đây một mực ngoan cố không

chịu tụt xuống tận đáy, mặc dầu, về thực chất, họ không thể tìm được lý do nào để lưu lại mãi trên vũ đài chính trị, ngoài cái truyền thống đã tàn tạ của quá khứ và cái đối trá ước lệ của hiện tại, tựa như họ đang lên tiếng nhân danh Man-se-xơ mỗi khi Brai-tơ thấy thích hợp. Một trong những lãnh tụ của phái phiến loạn, ngài En-tui-xơ, tuyên bố một cách thành thực tại cuộc họp cử tri như sau:

"Vấn đề không phải ở cuộc chiến tranh tại Trung Quốc và không phải ở cuộc chiến tranh với Nga, cũng như không phải ở bất cứ cuộc chiến tranh nào nói chung. Vấn đề là, liệu Man-se-xơ từ nay về sau có phục tùng lệnh của những phần tử sót lại của cái đảng đang tụ tập trong những phòng họp ở Niu-ôn không".

Cuối cùng, khi đem chôn vùi cái đuôi của Đồng minh chống các đạo luật về ngũ cốc đã làm họ nghệt thở như cơn ác mộng ban đêm, các chủ xưởng ở Man-se-xơ tự an ủi mình bằng cái hy vọng là nhờ đó họ đã đóng được cửa cái câu lạc bộ Gia-cô-banh của mình, mà không ngờ, dĩ nhiên là như vậy, họ đã quét sạch cái trở ngại chính trên con đường của một phong trào cách mạng mới.

Song ý nghĩa chân thực của cuộc bầu cử ở Man-se-xơ được một cử tri ngà ngà say trong số những người đối lập với Brai-tơ bóc trần khi anh ta hét tướng lên trong lúc bỏ phiếu: "Chúng ta không cần đến đường lối đối nội, hãy cho chúng ta đường lối đối ngoại!" Nói cách khác là: đả đảo cải cách và đấu tranh giai cấp! Rốt cuộc giai cấp tư sản chiếm đa số cử tri, và đó là tất cả những gì mà chúng ta cần, ý ông ta là như vậy. Những tiếng kêu la chống lại giai cấp quý tộc đã làm cho người ta chán ngấy, chúng không đem lại lợi ích gì, chúng chỉ khích động công nhân mà thôi. Chúng ta đã đạt được tự do thương mại và cảm thấy rất thoải mái, nhất là từ khi giảm thuế thu nhập thời chiến. Thêm nữa là chúng ta rất yêu mến ngài huân tước. "Chúng ta không cần đến đường lối đối nội, hãy cho chúng ta đường lối đối ngoại". Chúng ta tất cả đoàn kết lại với nhau trên cái mảnh đất mà ở đó tất cả chúng ta đều bình đẳng; trên mảnh đất dân tộc. Tất cả chúng ta đều sẽ vẫn là người Anh, những Giôn Bun thật

sự, dưới sự lãnh đạo của một bộ trưởng người Anh chính cống, đó là huân tước Pan-móc-xơ.¹⁶⁵

Như vậy, điều bí mật thật sự của cuộc bầu cử ở Man-se-xơ là các chủ xưởng đã từ bỏ sự lãnh đạo cách mạng, sự lãnh đạo mà họ đã tiếm đoạt trong thời kỳ tuyên truyền của Đồng minh chống các đạo luật về ngũ cốc.

*Do C.Mác viết ngày 31 tháng Ba 1857
Đã đăng trên báo "New - York Daily
Tribune" số 4990, ngày 17 tháng Tư 1857*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

PH. ĂNG-GHEN

*CUỘC VIỄN CHINH MỚI CỦA NGƯỜI ANH VÀO TRUNG QUỐC

Nếu như vụ xung đột với người Trung Quốc - người Anh đã tìm được cớ để gây ra vụ này - đạt tới mức gay gắt cực độ thì có thể dự đoán rằng nó sẽ kết thúc bằng cuộc viễn chinh mới của hải quân, giống như cuộc viễn chinh đã được tiến hành vào những năm 1841 - 1842 khi xảy ra cuộc xung đột vì thuốc phiện¹⁶⁶. Điều hoàn toàn chắc chắn là việc người Anh hồi bấy giờ cuồn được dễ dàng một số lớn bạc của người Trung Quốc, có thể lại lôi cuốn vào một cuộc thí nghiệm như vậy một dân tộc vốn hết sức ghê tởm những xu hướng cướp biển của *chúng ta*, nhưng cho đến nay vẫn giữ một phần to lớn chẳng kém gì bản thân chúng ta cái tinh thần cướp biển tham tàn đặc trưng cho tổ tiên chung của chúng ta vào những thế kỷ XVI và XVII. Song những thay đổi to lớn trong cục diện ở Trung Quốc từ thời người Anh đột nhập cướp phá thành công lần đầu tiên ấy vì lợi ích của việc buôn bán thuốc phiện, đã buộc người ta phải rất nghi ngờ là một cuộc viễn chinh như vậy vào lúc này liệu có đem lại kết quả tương tự phần nào chẳng. Không nghi ngờ gì cả, cuộc viễn chinh mới, cũng như cuộc viễn chinh năm 1841 - 1842, sẽ phải lấy đảo Hồng Công làm điểm xuất phát. Cuộc viễn chinh trước do một hạm đội tiến hành

gồm hai tàu chiến loại có bảy mươi tư đại bác, tám tàu ba buồm, vô số tàu buồm phòng thủ và tàu buồm loại chở hàng, mười hai tàu thủy và bốn mươi tàu vận tải; cuộc viễn chinh có tới mười lăm nghìn quân, gồm cả lính thủy đánh bộ. Cuộc viễn chinh mới vị tất sẽ được tiến hành với lực lượng ít hơn; thực ra, một loạt những điều suy nghĩ mà chúng tôi định trình bày chỉ ra rằng người ta chuẩn bị tiến hành nó với những lực lượng lớn gấp bội.

Cuộc viễn chinh năm 1841 - 1842, xuất phát từ Hồng Công ngày 21 tháng Tám 1841, thoát đầu chiếm Hạ Môn rồi sau đó, ngày 1 tháng Mười, chiếm đảo Châu Sơn, biến nó thành căn cứ để tiếp tục chiến dịch. Mục đích của tất cả những chiến dịch này là lọt vào Dương Tử, dòng sông cái lớn, và ngược theo dòng sông này mà tiến đến thành phố Nam Kinh nằm cách cửa sông khoảng hai trăm dặm. Sông Dương Tử phân Trung Quốc thành hai phần khác biệt hẳn nhau: phần bắc và phần nam. Khoảng bốn mươi dặm phía dưới Nam Kinh có kênh Thiên Tử chảy vào con sông lớn, giao lưu với nó, kênh này là đường thông thương giữa các tỉnh phía bắc và phía nam. Chiến dịch này được định ra trên cơ sở tính toán rằng, nếu chiếm được đường giao thông quan trọng này thì sẽ làm cho Bắc Kinh khốn đốn và buộc nhà vua phải lập tức ký hoà ước. Ngày 13 tháng Sáu 1842 các lực lượng quân sự Anh, dưới sự chỉ huy của ngài Hen-ri Pốt-tin-gơ, xuất hiện ở U-xun, nơi cửa vào con sông nhỏ cũng mang tên ấy. Dòng sông này chảy từ phía nam tới và hoà vào cửa sông lớn của Dương Tử gần chỗ sông đổ vào Hoàng Hải. Cửa sông U-xun là bến cảng của Thượng Hải nằm ở phía trên dọc theo dòng sông gần đấy. Hai bên bờ sông U-xun bố trí nhiều giàn pháo; tất cả những giàn pháo này dễ bị chiếm bằng một cuộc đột kích. Sau đó, một trong số những đội quân xâm lược tiến về Thượng Hải, Thượng Hải đã đầu hàng không hề chống cự. Nhưng mặc dầu quân xâm lược hiện chưa gặp sự kháng cự đáng kể từ phía những người dân hiền hoà và nhút nhát ở hai bờ Dương Tử, giờ đây lần đầu tiên đang bị lôi vào vòng chiến sự sau gần hai trăm năm rông rã sống trong cảnh thanh bình, thế

nhưng như chúng ta biết, chính cửa sông và những lối từ biển vào cửa sông lại gây khó khăn rất lớn. Dòng Dương Tử khi đổ vào biển tạo ra một cửa khẩu rất rộng, bờ sông chỗ này ngập bùn phù sa đến một nửa và rất khó phân biệt, bởi vì biển cách bờ một quãng dài nhiều hải lý^{1*} toàn một màu vàng đục, do đó mới có tên gọi của cửa biển đó. Những tàu chiến sắp tâm tiến vào Dương Tử buộc phải tiến thận trọng dọc bờ phía nam, luôn luôn dò chiều sâu bằng quả chì đo nước để tránh những bãi cát bồi di động ngăn cản các lối vào sông. Những bãi cát này kéo dài dọc theo cửa sông ngược lên đến mũi trên của hòn đảo lớn Chun-min - đảo này nằm giữa cửa sông và chia nó thành hai dòng. Phía trên hòn đảo dài khoảng ba mươi dặm này, bờ sông bắt đầu nổi lên khỏi mặt nước nhưng dòng sông lại rất ngoằn ngoèo. Thủy triều dâng tới Triết Giang cách Nam Kinh gần khoảng một nửa ngày đường, và cái mà cho đến nay thực tế là một cửa sông rộng hoặc là một nhánh biển thì ở đây lần đầu tiên những con tàu ngược dòng mới nhận ra đường nét của một dòng sông. Trước khi tiến được tới điểm này, hạm đội Anh buộc phải đụng đầu với một loạt những chướng ngại nghiêm trọng. Nó phải mất mười lăm hôm mới vượt được khoảng cách tám mươi dặm, kể từ chỗ bỏ neo ở Châu Sơn. Gần đảo Chun-min, mấy chiếc tàu lớn mắc cạn, nhưng thủy triều lên đã giúp chúng thoát. Sau khi vượt qua được những chướng ngại này và tiến gần tới thành phố Triết Giang, người Anh đã nhận được đầy đủ bằng chứng là những người lính Mông Cổ - Trung Quốc dù có thiếu hoàn thiện về nghệ thuật quân sự đi chăng nữa thì cũng không hề thiếu dũng cảm và táo bạo. Những người lính Mông Cổ này, với số lượng chỉ tới một nghìn năm trăm người, đã liều chết xung trận và bị tiêu diệt toàn bộ, không sót một ai. Trước lúc xuất trận, tựa hồ như họ linh cảm được kết cục của cuộc chiến, đã thắt cổ hoặc nhấn chìm tất cả vợ con mình; nhiều thầy đàn bà và trẻ em bị vất xuống giếng, về sau được vớt lên. Viên chỉ huy khi thấy trận đánh thất bại thì đã đốt cháy nhà mình và nhảy vào lửa tự thiêu. Người Anh đã mất trong

1* - hải lý bằng 5,56 km

trận giáp chiến một trăm tám mươi lăm mạng và báo thù sự tổn thất này bằng những hành động dã man kinh khủng khi cướp phá thành phố, bởi vì người Anh đã tiến hành cuộc chiến tranh này từ đầu đến cuối theo tinh thần tàn bạo của sói lang, hoàn toàn phù hợp với tinh thần tham lam của bọn buôn lậu mà cuộc chiến vốn vì thế đã khởi đầu. Giá những tên xâm lược đầu đầu cũng gặp phải sức kháng cự như thế thì chúng ắt chẳng bao giờ đến được Nam Kinh. Song điều đó đã không xảy ra. Thành phố Hoa Châu ở bờ sông bên kia đã đầu hàng và trả một món tiền chuộc là ba triệu đô-la, số tiền này bọn cướp biển người Anh đã đút túi, tất nhiên là với thái độ thoả mãn.

Ngược lên phía trên điểm này, lạch sông sâu khoảng 30 xa-giê^{1*} và, bởi vậy, tàu bè đi lại không gặp khó khăn về mặt này, nhưng nhiều chỗ dòng sông chảy xiết, sáu bảy dặm trở lên một giờ. Tuy vậy, không gì có thể ngăn cản nổi bước tiến của đoàn thiết giáp hạm ngược dòng tới Nam Kinh và, rốt cuộc, ngày 9 tháng Tám người Anh đã thả neo dưới chân thành Nam Kinh này. Kết quả thu được như vậy hoàn toàn đáp ứng điều mong đợi. Hoàng đế hoảng sợ^{2*}, ngày 29 tháng Tám buộc phải ký chính cái hiệp ước mà giờ đây người Trung Quốc tựa hồ đã vi phạm¹⁶⁷, điều này lại được nêu lên thành cái cớ cho những yêu sách mới, đe dọa gây ra cuộc chiến tranh mới.

Nếu cuộc chiến tranh này thật sự bắt đầu thì chắc chắn người ta sẽ tiến hành theo kiểu như cuộc chiến tranh thứ nhất. Tuy vậy, căn cứ vào một loạt nguyên nhân, người Anh không thể chờ đón một kết quả dễ dàng giống như vậy. Kinh nghiệm cuộc chiến tranh đã qua không phải là vô ích đối với người Trung Quốc. Trong những hoạt động quân sự gần đây trên dòng sông Quảng Châu, họ đã nêu những thành tích rất lớn so với trước đây trong việc bắn pháo và trong nghệ thuật phòng thủ đến nỗi người ta đâm ra nghi ngờ là trong hàng ngũ của họ có người Âu chẳng. Trong mọi công việc thực tiễn - mà chiến tranh là một công việc

1* - xa-giê bằng -1,83m

2* - Đạo Quang

hết sức thực tiễn - người Trung Quốc vượt xa tất cả các dân tộc phương Đông khác, và không nghi ngờ gì nữa là trong công việc quân sự, người Anh sẽ tìm thấy những người học trò có năng lực trong bọn họ. Sau nữa, trong trường hợp nếu người Anh lại định tiến ngược dòng Dương Tử thì chắc hẳn sẽ gặp phải những chướng ngại nhân tạo mà rõ ràng là lần trước họ chưa gặp phải. Và ngoài ra - và đây là suy nghĩ quan trọng nhất; việc chiếm Nam Kinh lần thứ hai vị tất đã làm cho triều đình nhà vua tại Bắc Kinh khiếp sợ và lo lắng như trước. Đã mấy năm rồi, Nam Kinh cũng như phần lớn các vùng ngoại vi của nó nằm trong tay nghĩa quân, một hoặc một vài lãnh tụ nghĩa quân đã biến thành phố này thành bản doanh bộ tham mưu của mình¹⁶⁸. Trong những điều kiện như vậy, việc người Anh chiếm Nam Kinh hẳn có thể là dễ chịu hơn là khó chịu đối với nhà vua. Họ hẳn đã có thể đem lại cho nhà vua một sự giúp đỡ đắc lực bằng cách đuổi nghĩa quân ra khỏi thành phố, nhưng sau khi người Anh chiếm được thành phố thì giữ cho được nó hẳn là một việc khó khăn, phiền toái và nguy hiểm đối với chính họ; thêm vào đó, như kinh nghiệm mới đây cho thấy, việc kẻ địch chiếm được Nam Kinh không gây ra hậu quả nguy hại nào ngay tức khắc đối với Bắc Kinh và quyền lực của nhà vua.

Do Ph. Ăng-ghen viết vào đầu tháng Tư 1857

Đã đăng làm xã luận trên báo "New-York Daily Tribune" số 4990, ngày 17 tháng Tư 1857

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

KẾT QUẢ CỦA CUỘC BẦU CỬ

Luân Đôn, ngày 7 tháng Tư 1857

Thủ tục bầu cử kết thúc. Kết quả bầu cử hiển nhiên là Pan-móc-xton thắng, là có sự thay đổi lớn về personnel^{1*} của nghị viện, động đến khoảng một phần tư các thành viên cũ của nó, và giảm đến mức chưa từng thấy về trình độ trí tuệ của nó. Tuy nhiên, những tính toán của báo chí Anh về số người thuộc đa số trong nội các, những cuộc tranh luận và cãi vã vì những tính toán đó, nhất là những ý đồ của họ muốn phân các thành viên trúng cử trở lại của nghị viện vào những nhóm đã mất hết vai trò của chúng, - tất cả những cái đó là việc làm hoàn toàn lố bịch. Chẳng hạn, trong lúc tờ "Morning Post" hân hoan vì phải đa số trong nội các là 80 người, thì tờ Press¹⁶⁹ của phái Đì-xra-e-li tính là đảng họ mất bốn đại biểu trong các thành phố và khoảng 20 đại biểu tại các thái ấp. Theo tuyên bố của tờ "Times" Luân Đôn, việc loại bỏ những người thuộc phái Pin và Man-se-xtơ, cũng như cả những người rõ ràng thuộc phái bảo hộ mậu dịch đã phục hồi trong nghị viện status quo ante^{2*} và trả lại nghị viện cho những người chủ

1* - thành phần

2* - tình trạng trước đây

hợp pháp của nó: cho các đảng Vích và To-ri già cỗi. Tờ "Times" hẳn là vui sướng thuyết phục thế giới rằng "nhân dân Anh đã quay về tình trạng như ba mươi năm trước đây". Tờ "Press" của Đì-xra-e-li cũng gần như sẵn sàng ký tên dưới ý kiến của tờ "Times". Song cái kết luận lạc quan mà nhóm độc quyền thống trị đã dùng để tự an ủi này cũng phi lý như cái kết luận lạc quan của các cơ quan của phái cấp tiến giả hiệu thuộc loại "Examiner"¹⁷⁰. "Nghị viện sau cải cách", - tờ báo này viết, - "phù hợp với lời kêu gọi của huân tước Pan-móc-xton". Song chính Pan-móc-xton lại yêu cầu nhiều tay sai hơn nữa, thế mà đất nước có văn hoá, nghĩa là những cử tri có đặc quyền chiếm một thiểu số ít ỏi trong dân cư đáp lại cái nhĩa ý của ông ta bằng cách gửi đến nghị viện cho ông ta một lũ sáo mép cỡ quốc gia! Họ chỉ đánh lừa ngài hầu tước lấu lĩnh bằng những tiếng gào "Pan-móc-xton muôn năm!" Nếu nghị viện mới có khởi xướng ra một phong trào nghiêm túc nào đó thì dĩ nhiên việc này sẽ không phải là công lao của ông ta; và nước Anh cũng giống như anh chàng đi biển Xin-đơ-bát, cứ tin chắc rằng đem ném ông già đi còn khó gấp bội so với cõng lão trên vai mình^{1*}.

Để có thể so sánh nghị viện mới với những nghị viện trước nó thì có lẽ nên bắt đầu từ những nhóm đại biểu nghị viện cũ đã hoàn toàn mất biến đi trong tiến trình tranh cử: từ phái Pin và trường phái Man-se-xtơ.

Khác với phái Vích, phái To-ri và trường phái Man-se-xtơ, phái Pin không đại biểu cho một giai cấp nào hoặc cho một bộ phận của một giai cấp nào cả. Nó chỉ là một nhóm của nghị viện mà ngoài những bức tường của hai viện, có thể cũng có bạn bè, nhưng không bao giờ có thể tập hợp được quân đội. Là tàn dư của một trong những chính phủ cũ đã từ bỏ phái To-ri do cố thủ lĩnh của nó phản bội những đạo luật về ngũ cốc; không muốn hoà vào hàng ngũ phái Vích do mối thù cũ chưa nguôi đối với đảng này và do bản thân họ tin rằng dường như mình là nơi tập trung nhân

1* "Nghìn lẻ một đêm", cuộc hành trình lần thứ năm của anh chàng đi biển Xin-đơ-bát.

tài quốc gia trong đất nước, mà công chúng cũng tin ở mức độ nhất định như vậy; không liên kết thành một khối với trường phái Man-se-xơ vì những mối liên hệ quý tộc của mình; tin chắc vào ảnh hưởng của mình đối với những cuộc thảo luận của nghị viện nhờ có tài hùng biện của một vài thành viên của mình, - cái hạt nhân đầy tham vọng của những người tự xưng là các nhà hoạt động nhà nước này đã bị lung lay và không vững chắc, không có được một đặc trưng nào hết và, dưới hình thức một đảng phái đặc biệt trong nghị viện, là sản phẩm của sự phân rã của tất cả các đảng trong nghị viện, sự phân rã do luật tự do thương mại của Pin gây ra. Sự phân rã của các đảng này - do sự ra đời của chúng quy định - bị chúng làm cho trầm trọng thêm do đã góp phần làm cho nội các Đốc-bi sụp đổ, và còn do đã đưa vị lãnh tụ^{1*} hữu danh vô thực của mình ra làm kẻ cầm đầu khối thống nhất của các đảng nổi tiếng dưới cái tên là Nội các liên hiệp hoặc Nội các của mọi thiên tài¹⁷¹. Khi quá trình phân rã của nghị viện diễn ra ngày càng nhanh thêm một cách rõ ràng thì bề lũ chúng được vinh dự giương cao ngọn cờ mà dưới bóng nó tất phải diễn ra sự tự sát cùng một lúc của tất cả các đảng già cỗi. Bảo đảm cho mình địa vị thống trị bằng cách đó trong một thời hạn ngắn, phái Pin cũng đồng thời thủ tiêu luôn lý do duy nhất biện hộ cho sự tồn tại của mình với tư cách là một nhóm riêng biệt. Hệ quả tất yếu của việc hợp nhất các lực lượng của các đảng đã liên hợp lại với nhau là sự bất lực chung và toàn thể cùng phủ phục trước một con người. Phái Pin giữ thang để Pan-móc-xơ trèo lên.

Ngay từ năm 1852, phái Pin đã mất đến một nửa lực lượng trong cuộc tranh cử; cuộc bầu cử năm 1857 đã quét sạch toàn bộ quân của họ. Cả hai ngài Phi-li-mo-rơ, huân tước Hác-vi, ngài G.Clác, ngài Xtáp-phốt Noóc-cốt-tơ, huân tước U. Pau-lét, A. Goóc-đôn, Xát-tôn, Hác-cốt, La-xinh-tôn, Xmai-tơ, ngài G.U. Hốc-gơ, nhà hoạt động nổi tiếng trong Công ty Đông Ấn, ông Rau-đen Pan-mơ và cuối cùng, ông Các-đu-en, - tất cả bọn họ đều rút khỏi

1* - A-bóc-đin

sân khấu. Kẽ cuối cùng trong số các vị hào hoa phong nhã kể trên được Pan-móc-xơ, bấy giờ đã làm thủ tướng, mời ra giữ chức tổng giám đốc ngân khố, nhưng đã khước từ đề nghị này theo lời khuyên của Glát-xơ, Grê-hêm và đồng bọn. Ngay trong kỳ họp khai tử hạ nghị viện mà nay đã bị chôn vùi, Các-đu-en hy vọng vượt lên trước Glát-xơ, đã tách ra khỏi bạn bè của ông ta và cùng Pan-móc-xơ bỏ phiếu về vấn đề ngân sách. Cuối cùng, lúc có những cuộc tranh cãi về Quảng Châu, vì sợ rằng sự việc có thể sẽ chuyển hướng khác nên ông ta lại thay đổi trận tuyến, quay về nhóm Pin và ký tên vào bản kiến nghị của Cóp-đen về việc bỏ phiếu không tín nhiệm nội các. Như vậy, con người phong nhã này là một mẫu mực chân chính của sự kết hợp kỳ khôi, vốn đặc trưng cho nhóm Pin, giữa sự khát khe về đạo lý với óc địa vị vô liêm sỉ. Sau khi toàn bộ quân Pin đã bị tiêu diệt, chỉ còn sót lại ba vị tướng; ông Glát-xơ, ngài Giêm-xơ Grê-hêm và ông Héc-bóc - ba người mà không thể lập được bộ tam, bởi vì họ đối lập với nhau về nguồn gốc xuất thân và xu hướng: ngài Giêm-xơ Grê-hêm bắt đầu con đường công danh với tư cách đảng viên đảng cấp tiến, ông Glát-xơ - với tư cách đảng viên đảng To-ri cực đoan, còn ông Héc-bóc thì với tư cách như thế nào đó mà nói chung là không xác định được.

Chỉ riêng điều ông Héc-bóc vạch trần tại cuộc họp cử tri của mình ở nam Uyn-len-sia cũng miêu tả rõ cái thủ đoạn Pan-móc-xơ đã dùng để mưu toan *thanh toán* phái Pin. Không có gì làm giảm uy tín của phái Pin bằng cách xử sự của họ trong thời gian chiến tranh với Nga và nhất là việc họ gượng nhẹ với Ô-đét-xa¹⁷²; điều sau cùng này được giải thích rằng ông Héc-bóc là cháu ông hoàng Vô-rôn-xốp. Bọn tay chân của Pan-móc-xơ như "Morning Post", "Sun" và "Morning Advertiser"¹⁷³ rất nổi bật trong việc truyền bá tất cả những lời vu khống độc địa này. Và ông Héc-bóc tuyên bố với cử tri của mình là chính ông ta đã ký lệnh tấn công Ô-đét-xa, nhưng sau khi ông ta rời ghế bộ trưởng thì huân tước Pan-móc-xơ đã ban hành một lệnh khác huỷ bỏ lệnh cũ, gượng

nhẹ với thành phố này. Sự vạch trần này cũng ngang với điều mà huân tước Giôn Rốt-xen vạch trần tại cuộc họp cử tri tại Luân Đôn Xi-ti. Như người ta biết, Rốt-xen không trúng cử do sứ mệnh ngoại giao của ông tại Viên¹⁷⁴. Vào lúc rầm rộ cổ động bầu cử, tờ "Morning Advertiser" sặc mùi bia, một tờ báo riêng của bọn chủ quán có môn bài và là cơ quan của Pan-móc-xton dành cho đám đông - còn ông ta thì có báo chí đủ loại và đủ mọi khẩu vị, bắt đầu từ những phòng trà lịch sự và kết thúc bằng những quán rượu bê tha, - xuýt nữa thì quy xuống khi la ó về sự phản bội lớn của Rốt-xen ở Viên. Căm phẫn về cách đối xử vô liêm sỉ của tờ báo này, rốt cuộc Rốt-xen lấy được can đảm để báo cho thiên hạ biết rằng huân tước Cla-ren-đôn không cho phép ông ta công bố những chỉ thị do chính tay Pan-móc-xton thảo ra và quy định chính cái đường lối Viên đã làm cho ông ta (Rốt-xen) xưa kia bị mất thanh danh. Một nhà triết học Hy Lạp nói rằng đồng bào của ông, các nhà thơ, đã viết những truyện kinh khủng về những vị thần Hy Lạp mà có lẽ không ai dám kể về kẻ thù độc ác nhất của mình như thế. Nước Pháp và nước Anh hiện đại ca tụng như thần thánh những vị Bô-na-pác-tơ và những vị Pan-móc-xton, những vị này không cần đến chuyện có những nhà thơ nào đó bôi nhọ họ.

Từ những điều nói ở trên, rõ ràng là một số tướng của phái Pin sống thọ hơn quân của mình, lại xuất đầu lộ diện tại nghị viện không còn với tư cách đại diện cho một tổ chức, mà chỉ với tư cách là cá nhân riêng lẻ. Với tư cách là cá nhân, ông Glát-xton giờ đây đã thoát khỏi tiếng la ó của bè lũ đã nung nấu lòng căm giận và đương nhiên là nhà hùng biện lớn nhất của nghị viện mới, hẳn là ở đây ông ta sẽ sắm vai xuất sắc hơn bất cứ lúc nào trước đây. Trong cuộc độ sức sống mái lâu dài tại nghị viện, Glát-xton và Đì-xra-e-li đôi lúc buông vũ khí riêng của mình để chộp lấy vũ khí của đối phương như có lúc từng xảy ra trong các cuộc giao chiến ác liệt vậy. Glát-xton chừng mực nào đó đã nắm được nghệ thuật trào lộng trong luận chiến của Đì-xra-e-li, còn Đì-xra-e-li

thì bắt chước vẻ dịu dàng trang trọng của Glát-xton, song vị tất đã thắng cuộc nhờ sự đổi chác này.

Khi từ biệt phái Pin, chúng tôi còn có thể chỉ ra một sự trở trêu của lịch sử; lịch sử đã làm cho cái nhóm này ra đời trùng vào lúc các đảng cũ trong nghị viện tan rã do sự tác động của Đồng minh chống các đạo luật về ngũ cốc, còn giờ đây thì lại đang nhìn cái chết của nhóm này cùng một lúc với sự cuốn gói khỏi nghị viện của trường phái Man-se-xơ.

*Do C.Mác viết ngày 7 tháng Tư 1857
Đã đăng trên báo "New-York Daily
Tribune" số 4994, ngày 22 tháng Tư 1857*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C. MÁC

TÌNH CẢNH CỦA CÔNG NHÂN CÔNG XƯỞNG

Luân Đôn, ngày 7 tháng Tư 1857

Những bản báo cáo mới xuất bản gần đây của các viên thanh tra công xưởng về nửa năm 1856, tính đến ngày 31 tháng Mười¹⁷⁵, là những tài liệu quý giá cho môn giải phẫu xã hội Vương quốc liên hợp. Chúng cũng giúp không ít cho việc giải thích lập trường phản động của các chủ xưởng trong thời gian cuộc bầu cử nghị viện hiện nay.

Trong phiên họp năm 1856, thông qua nghị viện, người ta đã lén lút đưa ra một đạo luật công xưởng, nhờ nó mà những chủ xưởng "cấp tiến", thứ nhất, đã thay đổi được đạo luật về việc dựng những thiết bị bảo hộ chung quanh các bộ phận truyền động cơ khí và các máy, và thứ hai, đưa ra việc áp dụng nguyên tắc trọng tài trong các vụ tranh chấp giữa chủ và thợ. Một đạo luật nhằm mục đích bảo hộ hữu hiệu hơn sinh mệnh và an toàn lao động cho công nhân công xưởng; còn đạo luật kia nhằm đặt sự bảo hộ nói trên dưới quyền lực của các toà công lý ít tốn tiền¹⁷⁶. Nhưng thực ra, đạo luật sau nhằm tước bỏ quyền của công nhân công xưởng, còn đạo luật trước thì tước bỏ tay và chân của họ.

Tôi xin trích dẫn những lời sau đây từ bản báo cáo tổng hợp của các vị thanh tra:

"Theo đạo luật mới, những người do *công việc thường ngày* của mình mà phải ở gần những bộ phận truyền động cơ khí và bởi vậy, biết rõ những nguy hiểm có thể xảy ra đối với họ khi làm việc tại những bộ phận ấy, cũng như biết rõ sự cần thiết phải có những biện pháp phòng tránh - thì được đạo luật bảo hộ; nhưng sự bảo hộ này *không dành cho* những người có thể bị bắt buộc ngừng công việc thường ngày của mình để thừa hành những nhiệm vụ đặc biệt và làm cho mình lâm vào những nguy hiểm mà họ không hay biết và do không hay biết mà không thể phòng tránh cho bản thân; song có lẽ chính vì thế mà họ cần phải được sự bảo hộ đặc biệt của pháp luật".

Còn điều khoản về trọng tài thì quy định là trọng tài phải được chọn trong số những người am hiểu "cấu tạo của loại máy" đã gây thương tật cho cơ thể. Tóm lại, các kỹ sư và những người thiết kế máy được giao cho nắm độc quyền trọng tài.

"Chúng tôi thiết nghĩ", - các vị thanh tra nói, - "rằng các kỹ sư và những người thiết kế máy phải được xem là *những người không được quyền* đảm nhiệm chức năng các trọng tài của công xưởng do những mối quan hệ kinh doanh giữa họ với các chủ xưởng, bởi lẽ họ là những khách hàng của các chủ xưởng".

Không có gì đáng ngạc nhiên là trong những điều kiện như vậy, những tai nạn do máy móc gây ra như: tử thương, mất bàn tay hoặc cánh tay, mất cẳng chân hoặc bàn chân, gãy chân tay, vỡ sọ và vỡ xương mặt, bị thương, chấn thương, v.v. trong nửa năm, tính đến ngày 31 tháng Mười 1856, lên tới con số khủng khiếp: 1919 trường hợp. Trong bản tin công nghiệp nửa năm có ghi nhận hai mươi trường hợp tử vong do máy móc gây nên - gần gấp mười lần số thương vong của hạm đội Anh trong vụ tàn sát "vinh quang" ở Quảng Châu¹⁷⁷. Như vậy, vì các chủ xưởng không hề muốn bảo hộ đời sống và an toàn cho công nhân của mình, mà chỉ tìm cách trốn tránh việc phải trả tiền cho những tay và chân của công nhân đã mất đi khi làm việc cho họ, cũng như trút bỏ trách nhiệm về chi phí hao mòn cho những máy sống của mình, cho nên chẳng có gì lạ khi, theo các báo cáo chính thức, "số trường hợp kéo dài ngày lao động trái với đạo luật công xưởng tăng lên". Theo thuật

ngữ của đạo luật này, kéo dài ngày lao động có nghĩa là buộc những thiếu niên làm việc quá số giờ trong ngày mà luật pháp đã quy định. Việc đó được tiến hành bằng những cách khác nhau: hoặc bắt đầu làm việc trước sáu giờ sáng, hoặc ngừng việc quá 6 giờ chiều, hoặc rút bớt những giờ ăn của công nhân đã được luật pháp quy định. Trong cả ngày, máy hơi nước được khởi động ba lần, nghĩa là vào buổi sáng lúc bắt đầu làm việc và sau giờ nghỉ ăn sáng và ăn trưa; máy cũng đóng ba lần, vào lúc bắt đầu mỗi lần nghỉ để ăn và lúc tan tầm buổi chiều. Như vậy, có thể ăn cấp sáu lần, mỗi lần 5 phút, tổng cộng là nửa giờ một ngày. Công việc kéo dài ra 5 phút một ngày, nhân số tuần, sẽ đem lại hai ngày rưỡi lao động trong một năm; nhưng việc kéo dài ngày lao động để ăn cấp còn vượt xa phạm vi đó. Tôi xin dẫn lời ông Lê-ô-nác Hoóc-nơ, thanh tra công xưởng tại Lan-kê-sia:

"Lợi nhuận có thể thu được bằng cách kéo dài ngày lao động một cách bất hợp pháp như vậy như là một sự quyến rũ quá lớn đối với các chủ xưởng nên họ đã không chống lại được. Họ hy vọng là không bị sa lưới, còn khi họ thấy đối với những kẻ bị sa lưới, số tiền phạt và chi phí cho toà án cũng chẳng đáng là bao, thì họ cho rằng nếu có bị vạch mặt, họ cũng vẫn còn được một khoản lời lớn".

Ngoài mức tiền phạt không đáng kể quy định trong đạo luật công xưởng, bọn chủ xưởng còn tìm mọi cách để làm cho lời lẽ của đạo luật tạo ra nhiều khả năng nhất để lẩn tránh những quy định của nó, và như các viên thanh tra đã nhất trí tuyên bố, "những khó khăn hầu như không thể khắc phục được đã cản trở họ chấm dứt thật sự việc kéo dài ngày lao động một cách bất hợp pháp". Họ cũng nhất trí nghiêm khắc lên án bọn chủ xưởng lớn cố tình lừa dối dùng những mưu mẹo dè tiện, để tránh khỏi bị vạch mặt, dùng những âm mưu hèn hạ chống lại các viên thanh tra và những trợ lý thanh tra là những người được trao nhiệm vụ bảo vệ những nô lệ ở công xưởng. Khi buộc tội các chủ xưởng là kéo dài bất hợp pháp ngày lao động thì các viên thanh tra, trợ lý thanh tra hoặc các cảnh sát của họ phải sẵn sàng tuyên thệ rằng công nhân bị bắt buộc làm việc vào những giờ mà đạo luật không cho phép. Giả dụ rằng giờ đây, các thành viên thanh tra đến công xưởng sau 6

giờ chiều. Các máy trong công xưởng liên lập tức ngừng lại, và mặc dù công nhân chỉ có thể có mặt ở đây là để phục vụ những máy đó, nhưng căn cứ vào lời văn của đạo luật thì lời buộc tội là không thể chứng minh được. Sau đó công nhân bị xua hối hả ra khỏi nhà máy, và thường là có vài ba cửa để giúp cho họ biến đi một cách mau chóng. Có những trường hợp người ta tắt đèn khi các thợ lý thanh tra vừa mới bước vào nhà xưởng, làm cho họ đột nhiên phải mò mẫm trong bóng tối giữa một hệ thống máy móc phức tạp. Tại những địa phương nổi tiếng xấu vì đã thực hành việc kéo dài ngày lao động một cách bất hợp pháp thì có một hệ thống riêng báo hiệu cho công xưởng mỗi khi các viên thanh tra xuất hiện, nhờ có những nhân viên phục vụ tại các ga xe lửa và những bồi bàn ở các khách sạn được thuê làm việc này.

Phải chăng những con quỷ này, no tròn nhờ hút máu thể hệ công nhân trẻ ở chính đất nước mình, lại không là bạn đồng nghiệp xứng đáng của bọn buôn lậu thuốc phiện người Anh và không là chỗ dựa tự nhiên của các vị "bộ trưởng người Anh chính cống"?

Những báo cáo của các viên thanh tra công xưởng chứng minh một cách không thể chối cãi rằng những xấu xa trong hệ thống công xưởng Anh đang phát triển theo nhịp độ phát triển của bản thân hệ thống này; rằng những đạo luật, được ban hành nhằm hạn chế lòng tham lam tàn bạo của bọn chủ xưởng, chẳng qua chỉ là những sự lừa dối và bịp bợm, vì những đạo luật đó được thảo ra theo một cách thức khiến cho mục đích của bản thân chúng cũng bị xoá bỏ và tước vũ khí của những người được trao trách nhiệm thừa hành chúng; rằng sự đối kháng giữa chủ và thợ đang nhanh chóng tiến gần tới giới hạn một cuộc chiến tranh xã hội thật sự; rằng số trẻ em dưới tuổi 13 bị hút vào cái hệ thống ấy đang tăng lên trong một loạt ngành, còn số phụ nữ thì tăng lên trong tất cả mọi ngành; rằng mặc dù hiện nay con số công nhân tính theo số lượng súc ngựa vẫn bằng những thời kỳ trước, nhưng con số công nhân tính theo số lượng máy thì lại ít hơn; rằng nhờ sử dụng năng lượng một cách kinh tế hơn nên máy hơi

nước có thể làm chuyển động một khối lượng máy móc lớn hơn so với mười năm trước; rằng, giờ đây, nhờ tăng tốc độ vận hành của máy và nhờ những phương pháp khác, số lượng công việc được thực hiện nhiều hơn và các chủ xưởng chóng vẹt được đầy túi hơn.

Những số liệu thống kê lý thú nêu trong các báo cáo rất đáng được nghiên cứu tiếp. Nhưng điều trình bày trên đây cũng đủ để hiểu được ngay rằng những chủ nô công nghiệp của Lan-kê-sia đang cần đến một chính sách đối ngoại có khả năng đánh lạc hướng sự chú ý của công chúng khỏi những vấn đề đối nội.

*Do C.Mác viết ngày 7 tháng Tư 1857
Đã đăng trên báo "New - York Daily
Tribune" số 4994, ngày 22 tháng Tư 1857.*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C. MÁC

HỆ THỐNG CÔNG XƯỞNG Ở ANH

Luân Đôn, ngày 10 tháng T 1857

Những bản báo cáo của ban thanh tra công xưởng thuộc Vương quốc liên hợp năm 1856 có những số liệu chi tiết về thống kê và máy, chẳng hạn số nhà máy, số lượng súc ngựa được sử dụng, số lượng máy và số lượng người tham gia sản xuất. Vào năm 1835, năm 1838 và năm 1850 cũng có những bản báo cáo như vậy được làm theo lệnh của hạ nghị viện, với số liệu rút ra từ các bản kê khai do chủ xưởng điền vào. Thế là có tài liệu phong phú để so sánh các thời kỳ khác nhau trong sự phát triển của hệ thống nhà máy, hệ thống này theo luật pháp chỉ bao gồm những xí nghiệp thuộc công nghiệp dệt, nơi có sử dụng hơi nước hoặc thủy lực.

Việc mở rộng nhanh chóng hệ thống này rõ ràng là nét đặc trưng nhất của lịch sử xã hội Vương quốc liên hợp trong sáu năm lại đây. Những con số dưới đây chỉ rõ số nhà máy vào những năm tương ứng với ba bản báo cáo gần đây:

	Năm 1838	Năm 1850	Năm 1856
Nhà máy vải sợi	1819	1932	2210
" len	1322	1497	1505
" len chải kỹ.....	416	501	525
" lanh.....	392	393	417
" dệt lụa.....	268	277	460
Tổng cộng.....	4217	4600	5117

Như vậy, từ năm 1838 đến hết năm 1850 số nhà máy tăng trung bình mỗi năm là 32; từ năm 1850 đến hết năm 1856, mức tăng gần gấp ba, lên tới 86 nhà máy một năm. Bảng dưới đây phân tích mức tăng chung của số nhà máy trong từng thời kỳ:

*Mức tăng chung từ năm 1838
đến hết năm 1850*

Tỷ lệ phần trăm	
Nhà máy vải sợi	6
" len	13
" len chải kỹ.....	20

*Mức tăng chung từ năm 1850
đến hết năm 1856*

Tỷ lệ phần trăm	
Nhà máy vải sợi	14,2
" len	0,5
" len chải kỹ	4,7
" lanh	6,1
" dệt lụa	66,0

Qua bảng này người ta thấy rõ là trong suốt thời kỳ đầu số gia tăng giới hạn ở những nhà máy vải sợi, nhà máy len, nhà máy len chải kỹ, còn trong thời kỳ thứ hai số gia tăng bao gồm cả các nhà máy lanh, nhà máy dệt lụa. Tỷ trọng các ngành khác nhau trong số gia tăng chung cũng không đồng đều trong cả hai thời kỳ. Vào những năm 1838 - 1850, số gia tăng chủ yếu là ở công nghiệp len chải kỹ và công nghiệp len, còn những năm 1850 - 1856 thì công nghiệp len hầu như vẫn không có gì biến đổi mà nhịp độ tăng của công nghiệp len chải kỹ lại giảm xuống bốn lần. Mặt khác, trong thời kỳ thứ hai, các nhà máy vải sợi và nhà máy dệt lụa đều đi trước tất cả các nhà máy khác, thêm vào đó là trong số gia tăng chung thì nhà máy dệt lụa dẫn đầu về tỷ lệ phần trăm, còn nhà máy vải sợi dẫn đầu về con số tuyệt đối.

Những địa phương có sự mở rộng như thế của công nghiệp luôn luôn thay đổi, thêm vào đó, dường như có sự di chuyển công nghiệp

từ miền này sang miền khác của đất nước; song song với sự gia tăng chung của công nghiệp, ở từng nơi riêng biệt xảy ra tình trạng công nghiệp suy đồi, tình trạng này ở nhiều thái ấp và thành phố đã dẫn đến sự tiêu vong hoàn toàn của những xí nghiệp trước đây tồn tại ở đấy. Quy luật chung chi phối những biến đổi ấy - cả suy giảm cũng như gia tăng - cũng chính là quy luật đang lan tới công nghiệp hiện đại ở tất cả các ngành của nó, đó là quy luật tập trung. Chẳng hạn, Lan-kê-sia cùng những vùng của Y-oóc-sia nằm sát gần nó tạo ra một trung tâm chính của công nghiệp vải sợi, thu hút công nghiệp này từ các miền khác trong vương quốc về phía nó. Trong khi số nhà máy vải sợi ở Lan-kê-sia và Y-oóc-sia từ năm 1838 đến hết năm 1856 tăng tới 411, thì ở các thái ấp La-nác-cơ (Gla-xgô), Ren-phru (Pây-xli) và An-tơ-rim lại giảm xuống 52. Đến lượt nó, công nghiệp len được tập trung tại Y-oóc-sia; trong lúc ở đây có thêm 200 nhà máy len, thì chúng ta lại thấy ở Coóc-nu-ay, Êc-vơ-n-sia, Glô-xtơ-sia, Môn-mút, Xô-móc-xét, Uyn-len-sia, Oen-xơ và Clắc-man-nan giảm tương ứng 82 nhà máy. Công nghiệp len chải kỹ tập trung hầu như toàn bộ ở thái ấp Y-oóc-sia, ở đây có thêm 107 nhà máy mới. Công nghiệp lanh hiện nay phát triển ở Ai-rơ-len mạnh hơn rất nhiều so với bất cứ miền nào trong Vương quốc liên hợp; nhưng việc tăng thêm 59 nhà máy lanh ở An-tơ-rim, Ác-ma, Đau-nơ và Ti-rôn đi đôi với việc giảm bớt số nhà máy này tại Y-oóc-sia là 31, tại Êc-vơ-n-sia, Đóc-xét-sia và Glô-xtơ-sia là 9 và ở Phai-phơ là 18. Việc tăng thêm 76 nhà máy dệt lụa ở Sê-sia, Đéc-bi-sia, Nốt-tinh-hêm-sia và Glô-xtơ-sia tương ứng với việc giảm đi 13 nhà máy tại Xô-móc-xét. Trong một số trường hợp sự suy đồi của một ngành công nghiệp này được bù lại bằng sự phát triển của ngành công nghiệp khác khiến cho việc chuyển dịch công nghiệp có thể chỉ tỏ ra là biểu hiện rõ rệt hơn của nguyên tắc phân công lao động trên quy mô lớn. Song nhìn chung thì sự việc không phải như vậy; nói đúng hơn thì sự phát triển hệ thống nhà máy dẫn đến việc thiết lập sự phân công lao động giữa các thái ấp công nghiệp và nông nghiệp. Chẳng hạn, những thái ấp miền nam nước Anh - Uyn-len-sia, Đóc-xét-sia, Xô-móc-xét, Glô-xtơ-sia - mất nền công nghiệp nhà máy của mình một cách nhanh chóng, còn những thái ấp miền bắc - Lan-kê-sia, Y-oóc-sia, U-ô-rích-sia, Nốt-tinh-hêm-sia - lại

củng cố được độc quyền công nghiệp của mình. Trong sự gia tăng chung các nhà máy ở Vương quốc liên hợp đạt tới con số 900 vào thời gian từ năm 1838 đến hết năm 1856 thì riêng một mình Lan-kê-sia đã có 360 nhà máy, Y-oóc-sia có 344 nhà máy, U-ô-rích-sia có 70 nhà máy và Nốt-tinh-hêm-sia - 46 nhà máy, thêm nữa sự gia tăng ở hai thái ấp cuối cùng này là do áp dụng các máy cải tiến trong hai ngành sản xuất chuyên doanh, đó là việc ứng dụng cơ năng vào máy dệt tất ở Nốt-tinh-hêm và trong ngành sản xuất vải bằng ở Cô-ven-tơ-ri.

Cần phân biệt việc tăng số nhà máy với việc tăng tổng công suất của các động cơ tính bằng mã lực, bởi vì việc tăng công suất này không những tùy thuộc vào sự xuất hiện những nhà máy mới mà còn tùy thuộc vào việc trang trí những động cơ mạnh hơn tại các nhà máy cũ, vào việc thay thủy năng bằng hơi nước, vào việc tăng thêm lực hơi nước cho bánh giồng và vào những cải tiến khác tương tự.

Bảng dưới đây so sánh công suất trên danh nghĩa của các nhà máy vào những năm 1838, 1850 và 1856:

Tổng công suất của các động cơ được sử dụng tại các nhà máy của Vương quốc liên hợp (tính bằng mã lực)

	Năm 1850		
	Động cơ hơi nước	Động cơ thủy lợi	Cộng
Nhà máy vải sợi	46 826	12 977	59 803
Nhà máy len	11 525	9 092	20 617
Nhà máy len chải kỹ.....	5 863	1 313	7 176
Nhà máy lanh.....	7 412	3 677	11 089
Nhà máy dệt lụa	2 457	927	3 384
Tổng cộng	75 083	27 986	102 069

	Năm 1850		
	Động cơ hơi nước	Động cơ thủy lực	Cộng
Nhà máy vải sợi	71 005	11 550	82 555
Nhà máy len	13 455	8 689	22 144
Nhà máy len chải kỹ.....	9 890	1 625	11 515
Nhà máy lanh.....	10 905	3 387	14 292
Nhà máy dệt lụa	2 858	853	3 711
Tổng cộng	108 113	26 104	134 217

	Năm 1856	
	Động cơ hơi nước	Động cơ thủy lực
Nhà máy vải sợi.....	88 001	9 131
Nhà máy len.....	17 410	8 411
Nhà máy len chải kỹ.....	13 473	1 431
Nhà máy lạnh.....	14 387	3 935
Nhà máy dệt lụa.....	4 360	816
Tổng cộng.....	137 711	23 724

Mặc dù mức tăng năng lượng được phản ánh qua những con số này – 59 366 mã lực từ năm 1838 đến hết năm 1856 - rõ ràng là rất lớn, song vẫn thấp hơn nhiều so với số lượng thực tế về năng lượng bổ sung có thể được sử dụng và thực tế đang được sử dụng cho các mục đích công nghiệp. Tất cả những con số nêu trong báo cáo chỉ là công suất trên danh nghĩa của các động cơ hơi nước và bánh guồng nước chứ không phải là công suất thực tế được sử dụng hoặc công suất có thể được sử dụng. Máy hơi nước hiện đại 100 mã lực có thể phát ra một năng lượng lớn gấp bội so với trước đây nhờ những cải tiến trong cấu tạo của nó, nhờ cải tiến cấu trúc và tăng dung tích nồi hơi v.v.; do đó công suất danh nghĩa của nó chỉ có thể xem như một chỉ tiêu mà căn cứ vào đó có thể tính ra khả năng hiện thực của nó. Ông Nê-xmít, kỹ sư dân dụng, sau khi nói rõ thực chất của những cải tiến mới nhất của máy hơi nước khiến cho cũng một chiếc máy mà có thể làm được công việc lớn hơn lại tốn ít nhiên liệu hơn, đã tổng kết như sau:

"Hiện nay chúng ta nhận được từ một đơn vị trọng lượng của máy hơi nước trung bình ít ra là thêm 50% công, còn trong nhiều trường hợp cùng những máy hơi nước đó chỉ có 50 mã lực trong những ngày mà tốc độ của chúng không vượt quá 220 phút mỗi phút, thì hiện giờ lại đạt trên 100 mã lực"¹⁷⁸.

Từ sự đối chiếu việc tăng công suất các động cơ với việc tăng số nhà máy, chúng ta thấy rất rõ sự tập trung công nghiệp len vào tay một số ít người. Mặc dù năm 1856 số nhà máy len nhiều hơn năm 1850 cả thảy là 8, thế nhưng công suất những động cơ được dùng tại các nhà máy này cũng trong thời gian đó đã tăng

3757 mã lực. Cũng chính cái xu hướng tập trung này hiển nhiên là đang tồn tại cả trong các nhà máy vải sợi, nhà máy chải len kỹ và nhà máy kéo sợi lạnh. Số cọc sợi trong Vương quốc liên hợp vào năm 1850 và năm 1856 là 25 638 716 và 33 503 580, hơn nữa số cọc sợi bình quân trong mỗi nhà máy như sau:

	Năm 1850	Năm 1856
Nhà máy vải sợi.....	14 000	17 000
Nhà máy len chải kỹ.....	2 200	3 400
Nhà máy lạnh.....	2 700	3 700

Tại các nhà máy dệt thật ra đang có xu hướng phân bố sản xuất giữa nhiều chủ xưởng hơn là xu hướng tập trung sản xuất, trong tay một số ít người. Đồng thời, trong tổng số máy dệt trong năm 1856 là 369 205 so với 301 445 năm 1850, số máy trung bình được sử dụng tại mỗi xưởng năm 1856 lại thấp hơn so với năm 1850. Song hiện tượng có vẻ như đi chệch khỏi xu hướng phát triển chung của hệ thống nhà máy Anh này được giải thích một cách dễ dàng bằng sự kiện là trong ngành dệt, hệ thống nhà máy được bắt đầu áp dụng cách đây không lâu lắm và vẫn chưa đẩy lùi hoàn toàn hệ thống máy dệt bằng tay. Năm 1836, hơi nước được sử dụng gần như tuyệt đối cho máy dệt vải hoặc để làm ra vải có pha sợi bông; nhưng sau đó ít năm lại bắt đầu tăng nhanh số máy cơ khí để dệt mọi loại vải - vải len, vải len chải kỹ, vải lạnh và lụa, - và hiện tượng tăng này vẫn tiếp tục cho đến nay. Bảng dưới đây cho thấy việc tăng số máy cơ khí từ năm 1836:

	Năm 1836	Năm 1850	Năm 1856
Nhà máy vải sợi.....	108 751	249 627	298 847
Nhà máy len.....	2 150	9 439	14 453
Nhà máy len chải kỹ.....	2 969	32 617	38 956
Nhà máy dệt lụa.....	1 714	6 092	9 260
Nhà máy dệt lạnh.....	209	3 670	7 689
Tổng cộng.....	115 793	301 445	369 205

Số máy dệt vải sợi bông tăng lên là do mở rộng sản xuất chứ không phải do dùng cơ năng để sản xuất những loại vải trước đây được dệt chỉ bằng phương thức thủ công; nhưng ở các xí nghiệp khác, nơi mà cơ năng cho đến nay vẫn ít được sử dụng thì hiện nay nó đang được dùng chạy máy để sản xuất thảm, băng và vải bạt. Việc sử dụng cơ năng để chải len vốn đã được phổ biến rộng từ thời dùng máy lược chải, nhất là những máy Li-xơ, ở đây cũng dẫn tới tình trạng một số lớn công nhân phải thất nghiệp.

Qua so sánh các số liệu xuất khẩu thấy rõ mức độ tăng năng lực sản xuất của các nhà máy dệt. Vào năm 1850, lúc bấy giờ có 1932 nhà máy vải sợi, giá trị trung bình của hàng vải bông và sợi xuất khẩu trong 3 năm qua, tính đến ngày 5 tháng Tư 1850, tròn số là 24 600 000 xtéc-linh. Nếu như mỗi nhà máy trong số 2210 nhà máy vải sợi hoạt động vào năm 1856 chỉ sản xuất một số lượng vải hay sợi ngang với số lượng mà các nhà máy năm 1850 đã sản xuất được, thì giá trị xuất khẩu phải là 28 000 000 pao xtéc-linh. Thế nhưng giá trị trung bình của hàng xuất khẩu này trong ba năm qua, tính đến ngày 31 tháng Chạp 1855, đạt xấp xỉ 31 000 000 pao xtéc-linh. Đối với các nhà máy len và nhà máy len chải kỹ người ta thấy cũng hiện tượng như thế. Do đó, chúng ta thấy rằng, trong lúc số máy dệt chạy trung bình bằng một mã lực tăng lên một cách đáng kể thì số công nhân trên mỗi mã lực vẫn không đổi, tức trung bình là 4 người. Qua bảng dưới đây thấy rõ điều đó:

Tổng số công nhân làm việc

	Năm 1838	Năm 1850	Năm 1856
Nhà máy vải sợi.....	259 104	330 924	379 213
Nhà máy len.....	54 808	74 443	79 091
Nhà máy len chải kỹ.....	31 628	79 737	87 794
Nhà máy lanh.....	43 557	68 434	80 262
Nhà máy dệt lụa.....	34 303	42 544	56 137
Tổng cộng.....	423 400	596 082	682 497

Tổng số dân lao động gồm 682 497 người thực tế không phải là nhiều, nếu như ta lưu ý rằng chỉ riêng số thợ dệt ngồi máy dệt tay cùng gia đình họ trong năm 1838 cũng lên xấp xỉ tới 800 000 người. Bảng dưới đây cho thấy tỷ lệ phần trăm giữa các loại tay thợ khác nhau làm công việc sản xuất.

	Trẻ em dưới 13 tuổi	Thiếu niên nam từ 13 đến 18 tuổi	Thiếu niên nữ trên 13 tuổi	Đàn ông trên 18 tuổi
Năm 1838	5,9	16,1	55,2	22,8
Năm 1850	6,1	11,5	55,9	26,5
Năm 1856	6,6	10,6	57,0	25,8

Trong thời gian từ năm 1838 đến hết năm 1850, số trẻ em tham gia sản xuất tăng lên nhưng không tỷ lệ với đà tăng chung của công nhân. Số trẻ em từ năm 1850 đến hết năm 1856 tăng khá nhiều, lên tới 10 761, trong số đó có 9 655 em làm việc trong ngành dệt vải. Nên nhớ thêm rằng, luật "nhân đạo" năm 1844 đã cho phép thuê trẻ em từ 8 tuổi vào làm ở nhà máy, còn trước đây luật pháp cấm sử dụng trẻ em dưới 9 tuổi¹⁷⁹.

Do C.Mác viết ngày 10 tháng Tư 1857

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

*Đã đăng trên báo "New-York Daily
Tribune" số 4999, ngày 28 tháng Tư 1857*

PH. ĂNG-GHEN

NHỮNG CÁI TỔ TRONG QUÂN ĐỘI NGA¹⁸⁰

Khi ở châu Âu nổ ra cuộc chiến tranh vừa qua, nhiều quân nhân đã nói đến tổ chức rất đáng kinh ngạc của quân đội Nga không phải không có đôi chút tinh thần khiếp sợ đến mức tôn kính. Trong lúc ở Pháp và Anh các lữ đoàn, sư đoàn và quân đoàn phải thành lập bằng những thành tố mà trước đó chưa hề có quan hệ gì với nhau, còn chỉ huy thì phải đứng đầu những đơn vị, những binh đoàn mà trước kia họ chưa bao giờ thấy mặt, và các ban tham mưu thì phải gồm những sĩ quan từ khắp nơi trong nước tới - thì ở Nga, cả bộ máy quân sự khổng lồ đã đạt đến mức hoàn thiện đến từng chi tiết từ lâu trước chiến tranh. Mỗi trung đoàn có một vị trí không thay đổi trong tổ chức chung, mỗi đơn vị từ đại đội đến quân đoàn có một chỉ huy thường trực của mình, và mỗi một đơn vị lớn hơn thì có ban tham mưu thường trực của mình. Người ta nói rằng bộ máy đó thật sự ở trong tư thế luôn luôn sẵn sàng; nó chỉ đợi lệnh, đợi mở máy là tiến lên một cách cực kỳ nhẹ nhàng; mỗi răng cưa, mỗi bánh xe, mỗi cái vít, mỗi pu-li, mỗi giây cu-roa, mỗi van và mỗi đòn bẩy đều nằm đúng vị trí của nó và chỉ làm có công việc của mình. Đây là điều chúng ta phải thấy, như thiên hạ đã nói với chúng ta, nhưng than ôi, chúng tôi lại thấy một điều khác hẳn. Các quân đoàn hầu như

không bao giờ có đủ quân số, bởi vì có những sư đoàn trọn vẹn, mà thường là cả những lữ đoàn nữa, được điều động tới những chiến trường xa, và các quân đoàn được bổ sung bằng những đơn vị, những binh đoàn khác. Sự cố gắng đến mức tối đa giữ lại những yếu tố cấu thành của từng quân đoàn, sư đoàn, lữ đoàn, như ta thấy, đã hạn chế sự vận động của quân đội trong cuộc hành quân không kém gì những quy tắc cứng rắn đã quy định cách dàn trận; và cuối cùng tổ chức chỉ đạo phân ngành rộng rãi, tất cả những vị tướng này chỉ huy các quân đoàn, sư đoàn, lữ đoàn với những ban tham mưu tương ứng của họ, được những cấp dưới của mình hiểu biết rõ, quen biết nhau nhiều, tự xác định rõ phận sự trên vị trí của mình ngay cả khi thừa hành nhiệm vụ, - tất cả điều đó hoá ra là một sự thông đồng đồ sộ từ đầu đến cuối, nhằm cuõm tiền nhà nước và biển thủ khẩu phần của binh lính, quân trang, quân phục và tiền sinh hoạt phí của họ.

Nếu những sự thực đó còn cần được xác nhận chính thức thì bản thân Chính phủ Nga vừa mới đây đã làm điều đó. Tổ chức mới của quân đội trước hết và chủ yếu hướng vào việc thủ tiêu những cái lò thụt kết liên tục này: những ban tham mưu và ban chỉ huy cấp dưới. Các ban tham mưu quân đoàn lẫn lữ đoàn đều bị bãi bỏ. Thậm chí chính cái thuật ngữ "lữ đoàn" cũng bị loại ra khỏi quân đội Nga. Tất cả sáu quân đoàn bộ binh bây giờ đặt dưới quyền một nhân vật độc nhất, hoàng thân M.Đ. Goóc-tra-cốp I, nguyên tư lệnh quân đội ở Crưm. Đành rằng, đứng đầu mỗi quân đoàn là một vị tướng, nhưng vì vị tướng này không có ban tham mưu riêng, nghĩa là thực tế không thể đảm nhiệm chức năng của mình trong mọi chi tiết, cho nên may lắm ông ta cũng chỉ là một viên thanh tra của quân đoàn mình, một thứ kiểm soát viên đối với năm vị chỉ huy các sư đoàn dưới quyền ông ta. Trên thực tế, những vị chỉ huy của tất cả 30 sư đoàn (18 sư bộ binh, 6 sư kỵ binh và 6 sư pháo binh) hình thành nên cái gọi là "đạo quân thứ nhất", những vị này trực tiếp dưới quyền tổng tư lệnh; còn trong mỗi sư đoàn thì những người chỉ huy bốn trung đoàn, bộ binh hay kỵ binh, và các tiểu đoàn trưởng lại trực tiếp dưới quyền sư đoàn

trưởng. Các tướng chỉ huy lữ đoàn mà tổ chức mới đã xóa bỏ chức vụ của họ thì nhập vào sư đoàn bộ với tư cách những sư đoàn phó và phụ tá của sư đoàn trưởng. Nguyên do toàn bộ việc đó đã khá rõ.

Hoàng đế có thể dựa vào hoàng thân Goóc-tra-cốp, còn Goóc-tra-cốp, về phía mình, tới chừng mực nhất định, lại có thể dựa vào các sĩ quan trong bộ tham mưu của riêng ông. Trong tình trạng phức tạp mang tính cách quan liêu và trong thứ bậc của hệ thống trước đây, ảnh hưởng trực tiếp của tổng tư lệnh không xuống quá những quân đoàn trưởng. Những quân đoàn trưởng này và ban tham mưu của họ phải truyền đạt mệnh lệnh trong sư đoàn, rồi các ban tham mưu sư đoàn lại truyền mệnh lệnh cho các lữ đoàn của họ, còn từ các ban tham mưu lữ đoàn, mệnh lệnh lại được truyền đạt tới các chỉ huy trung đoàn, những vị chỉ huy này phải thực tế thi hành mệnh lệnh. Đó chẳng phải gì khác hơn là một hệ thống bấp bênh, tham ô và trộm cắp được tổ chức tuyệt vời; và bản thân quân đội được tổ chức càng tốt bao nhiêu thì việc thụt kết càng có tổ chức và nhanh chóng bấy nhiêu. Điều đó được phát hiện trong cuộc hành quân của quân đoàn thứ nhất, quân đoàn thứ hai và quân đoàn thứ ba từ Ba Lan xuống phía nam trong thời gian chiến tranh; và việc Chính phủ Nga chỉ duy trì trên danh nghĩa chức vụ quân đoàn trưởng và bãi bỏ hoàn toàn chức vụ lữ đoàn trưởng chính là do muốn chấm dứt mối hại này. Bây giờ giữa tổng tư lệnh và đại đội trưởng chỉ còn hai khâu trung gian, đó là sư đoàn trưởng và trung đoàn trưởng, và chỉ còn một ban tham mưu là ban tham mưu sư đoàn có thể được sử dụng vào mục đích thụt kết. Trường hợp nếu chính phủ diệt được tận gốc thói tham ô trong các ban tham mưu của sư đoàn thì nó có thể có đủ cơ sở để hy vọng từng bước tổng cổ thói xấu đó ra khỏi các trung đoàn.

Như vậy, toàn bộ tổ chức quân đội bị rối loạn do việc bỏ đi trong chuỗi mắt xích hai khâu rõ ràng cần phải có trong thời chiến. Chính Chính phủ Nga cũng thừa nhận rằng cả quân đoàn trưởng lẫn lữ đoàn trưởng đều không thể bị loại trừ hoàn toàn khỏi đẳng

cấp quân sự. Quân đoàn trưởng được giữ lại trong đẳng cấp quân sự này song chỉ là một nhân vật hư danh thuần túy, còn lữ đoàn trưởng thì hoàn toàn bị tước mất cái chức năng chỉ huy và biến thành một phụ tá đơn thuần của sư đoàn trưởng. Điều đó chỉ có nghĩa là những vị tướng này không có chức năng chỉ huy trong thời bình, nhưng sẵn sàng giữ những chức năng đó trong trường hợp xảy ra chiến tranh. Và trong thực tế, lữ đoàn vẫn được giữ lại trong một quân đội duy nhất còn có kẻ thù trước mắt - trong quân đội Cáp-ca-dơ. Thế thì có cần phải chứng minh thêm rằng việc bãi bỏ các lữ đoàn trong phần còn lại của quân đội chỉ vênh vện là một ý đồ muốn vô hiệu hoá các lữ đoàn trưởng và ban tham mưu lữ đoàn trong thời bình hay không?

Một sự thay đổi quan trọng khác - đó là việc giải tán một quân đoàn kỵ - bộ binh gồm mười trung đoàn, mỗi trung đoàn có tám đại đội kỵ binh, được huấn luyện vừa để đánh bộ, vừa để kỵ chiến. Quân đoàn này tất phải đóng vai trò xuất sắc trong mọi cuộc giao chiến lớn. Vào thời điểm quyết định của trận đánh, nó tất phải nhanh chóng, với một sự nhanh chóng vốn có của kỵ binh, lao tới một vị trí quan trọng nào đó bên sườn hoặc sau lưng địch, xuống ngựa, phiên chế lại thành mười sáu tiểu đoàn bộ binh và bảo vệ vị trí này dưới sự yểm trợ của trọng pháo do ngựa kéo của họ. Trong suốt cuộc chiến tranh vừa qua, quân đoàn này không hề phát huy được tác dụng gì, và sự vô dụng hoàn toàn của những đơn vị hỗn hợp như vậy đối với những hành động tác chiến chủ động hẳn là giờ đây đã được mọi người thừa nhận. Do đó, những kỵ - bộ binh hỗn hợp này đã biến thành kỵ binh thông thường và được phiên chế thành mười hai trung đoàn, mỗi trung đoàn có tám đại đội kỵ binh, ở sáu quân đoàn của "đạo quân thứ nhất". Như vậy, cả hai sáng tạo vĩ đại mà hoàng đế Ni-cô-lai tưởng dựa vào đó mà bảo đảm cho mình có một vị trí trong các nhà tổ chức quân sự vĩ đại nhất thời đại mình, đã tiêu tan vài năm sau khi ông tạ thế.

Trong số những cái tổ khác, có thể nhắc tới việc tổ chức trong mỗi quân đoàn một tiểu đoàn thứ hai và việc tổ chức hai trung

đoàn bộ binh mới trong đạo quân Cáp-ca-dơ. Việc cải tổ thứ nhất, ở chừng mực nào đó, làm dịu bớt tình hình thiếu hụt lớn về các khinh kỵ binh. Việc cải tổ thứ hai chỉ ra rằng nước Nga đã quyết tâm kết thúc càng nhanh càng hay cuộc chiến ở Cáp-ca-dơ. Cũng vì nguyên nhân này mà những lữ đoàn dự bị trong các quân đoàn ở Cáp-ca-dơ vẫn chưa bị giải tán. Bởi vậy, có thể là hiện giờ ở đây đã mở đầu những chiến sự quan trọng.

*Do Ph. Ăng-ghe-nơ viết khoảng ngày 16
tháng Tư 1857*

*Đã đăng làm xã luận trên báo "New-
York Daily Tribune" số 5006, ngày 6
tháng Năm 1857*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C. MÁC

NHỮNG VIỆC ÁM MUỘI VỀ TÀI CHÍNH Ở ANH

Luân Đôn, ngày 1 tháng Năm 1857

Việc toà án tiến hành cuộc điều tra những bí mật của Ngân hàng hoàng gia Anh về những vụ vỡ nợ đã đi tới kết thúc; từ thời vua đường sắt Hát-sơn vỡ nợ, hẳn là người ta chưa vạch trần một cách đầy đủ hơn bệnh phiêu lưu, thói đạo đức giả, thói bịp bợm và thói dễ tiện ẩn dưới vỏ vàng mạ của cái xã hội đáng kính. Một trong những kẻ thuộc giới này được bêu ra trước sự sỉ nhục của dư luận xã hội là ông Hăm-phri Brau-nơ, nguyên nghị sĩ của Tuyếc-xbê-ri, người đã được mô tả trong tờ "Bạn đồng hành của nghị viện" của ông Đốt năm 1855 "là một thương gia", "một sáng lập viên hoạt động của các công ty đường sắt", "một người có uy tín quen thuộc về thống kê đường sắt và giao thông đường sắt", "người bảo vệ cho các nguyên tắc tự do thương mại với nghĩa *đầy đủ nhất*" và "hơn nữa, là một đảng viên đảng tự do". Sau khi Ngân hàng hoàng gia Anh, cái xí nghiệp rỗng này, vỡ nợ, thì người ta biết được ngay là nhân vật có thể lực này đã lợi dụng địa vị của mình là giám đốc ngân hàng để cuôm của nó số tiền khoảng 70 000 pao xtéc-linh, song việc vạch trần sự kiện này chẳng hề ngăn cản được ông ta đảm nhiệm những chức vụ nhà

nước thường ngày của mình. Hăm-phri Brau-nơ thản nhiên tiếp tục xuất hiện cả ở hạ nghị viện cũng như ở ghế quan toà [on the benches of the "Great Unpaid"]¹⁸¹. Ông thậm chí còn công khai tỏ ra hiểu biết cao siêu về trách nhiệm của mình trước xã hội, với tư cách quan toà hoà giải của thái ấp đã trừng phạt một cách hết sức nghiêm khắc, như pháp luật quy định, một tên phu tải nghèo lấy trộm một ít khoai tây, và đọc cho kẻ phạm lỗi nghe một bản thuyết giáo ngọt ngào về chuyện làm như vậy là lạm dụng lòng tin một cách tệ hại đến thế nào. Một trong những tờ báo ở Tuyéc-xbê-ri thấy mình có quyền lợi dụng cơ hội thuận lợi này để lên tiếng phê phán cái đặc điểm của các thiết chế nước Anh là đã làm cho những tên trộm lớn trở thành những quan toà của những tên trộm nhỏ. Ông Brau-nơ bấy giờ không những dọa truy tố nhà báo bất hạnh nọ, mà còn dọa vĩnh viễn từ bỏ cái thành phố Tuyéc-xbê-ri tốt bụng, nếu dân chúng ở đây không chuộc tội xúc phạm này đối với sự vô tội bằng một hành động hối lỗi nghiêm túc. Sau đó, người ta đã lập một đoàn diễu hành long trọng để đem đến cho "nạn nhân của một âm mưu vô lương tâm" một lá thiệp chào mừng mà trong đó, theo lời báo chí hồi bấy giờ, những chỗ bỏ trống trong lời lẽ đầy nghi thức văn hoa được điền bằng những từ có sức nặng của kim loại. Bỏ lá thiệp chào mừng vào túi, ông Brau-nơ từ trên lan can cao vời của mình đã đọc cho đám đông nghe một bài diễn thuyết, tuyên bố rằng, nếu như không phải lời tuyên thệ khi nhậm chức đang buộc ông ta không được tiết lộ những bí mật của Ngân hàng Anh, thì sự vô tội của ông hẳn mọi người đều rõ như ban ngày, và ông kết thúc lời ba hoa của mình bằng ý kiến khẳng định rằng, ông là người bị người ta đối xử sai trái nhiều hơn là bản thân ông có lỗi. Trong cuộc tổng tuyển cử vừa rồi, ông ta lại xuất hiện với tư cách là ứng cử viên đại biểu quốc hội của cái thành phố nhỏ thanh bình của mình, nhưng nội các mà ông ta luôn luôn tỏ ra một dạ trung thành lại bội bạc đến nỗi không ủng hộ ông.

Ngày 29 tháng Tư, con người phong nhã hiếu danh này, rốt cuộc, được giải thoát khỏi những trói buộc của lời tuyên thệ mà

cho đến lúc ấy đã đóng cái dấu ấn im lặng lên miệng ông ta và buộc ông ta phải cắn răng chịu đựng sự xúc phạm của lời vu khống hèn hạ; viên quan toà xử các vụ võ nợ là vị linh mục rửa tội cho ông. Theo quy tắc chung, muốn trở thành giám đốc một công ty cổ phần nào đó thì cần phải có một số cổ phiếu nhất định của công ty đó. Xoay ngược cái trật tự thông thường, ông Brau-nơ thoát đầu thì làm giám đốc đã, rồi sau mới là cổ đông; nhưng ở đây khi nắm được những cổ phiếu, ông ta lại không quan tâm đến việc trả tiền cho các cổ phiếu đó. Ông ta nắm được những cổ phiếu này bằng một cách hết sức đơn giản như sau: ông Ca-me-rôn, người điều khiển Ngân hàng Anh, sau đó đánh bài chuồn, đã chuyển cho ông Brau-nơ hai mươi cổ phiếu với tổng số là 1000p.xt., ông này (Brau-nơ) lại chuyển cho ông Ca-me-rôn một kỳ phiếu cùng với số tiền như vậy, cố tình không trả một si-linh nào cho kỳ phiếu đó. Sau khi làm giám đốc vào tháng Hai 1853, Brau-nơ bắt đầu các nghiệp vụ ngân hàng của mình vào tháng Ba. Ông bỏ vào ngân hàng một số tiền rất nhỏ là 18 pao 14 si-linh và ngay trong ngày hôm ấy, vay của ngân hàng một khoản theo kỳ phiếu là 2000p.xt., qua việc này ông ta liền tỏ ra mình không phải là kẻ mới tập quản lý các công ty cổ phần. Thực ra, cả trước cũng như sau khi có quan hệ kinh doanh với Ngân hàng hoàng gia Anh, ông Brau-nơ vẫn coi trọng, - với cương vị lãnh đạo của mình là giám đốc, - công ty đặc quyền của Áo về xuất khẩu và lọc đường, công ty sản xuất gạch ngói thường và gạch ngói không thấm nước được cấp bằng sáng chế, công ty thuỷ lợi Uốc-đơ, công ty diên địa, công ty đóng tàu - tóm lại, một loạt công ty đối với tất cả bốn yếu tố tự nhiên kim, mộc, thuỷ, thổ. Ông Lin-clây-te-rơ, người được các trái chủ uỷ nhiệm, hỏi: thế rồi tất cả những công ty này đi đến đâu. Ông Brau-nơ đã trả lời khá đúng: "Có lẽ nên xem những công ty đó như đã quá cố". Tài khoản của ông ở Ngân hàng Anh, khởi đầu ghi là có 18 pao 14 si-linh và kết thúc ghi nợ là 77 000 pao xtéc-linh. Tất cả những khoản vay này thanh toán với ông ta theo lệnh của ông Ca-me-rôn, hơn nữa "không hỏi các giám đốc khác" có tán thành hay không.

"Người điều khiển công ty này", - ông Brau-nơ nói, - "là người mà mọi công việc được tiến hành đều thông qua ông ta. Cách làm của ngân hàng này là như vậy, và" - ông ta nói thêm với giọng dạy đời, - "đó là một cách làm hết sức lành mạnh".

Hẳn là thực trạng công việc ở ngân hàng này đã đến mức toàn bộ nhóm chóp bu của nó - các vị quản lý, các giám đốc, các trưởng phòng, các cố vấn pháp luật, các kế toán viên - đã tạo ra được sự liên đới trách nhiệm như kế hoạch đã định trước, và mỗi người đều làm ra vẻ là mình không biết đến phần kiểm soát được của người này hay người nọ trong số những người cùng hội. Còn bản thân ông Brau-nơ thì thậm chí còn sẵn sàng giở giọng bóng gió dường như với tư cách giám đốc ngân hàng, ông ta hầu như không hề biết gì về những hoạt động riêng của mình với tư cách là khách hàng của ngân hàng. Còn về những khách hàng không phải là nhân viên hành chính, thì lúc bị hỏi cung, ông Brau-nơ hẳn vẫn mang một ấn tượng nặng nề về chuyện có một số trong bọn họ đã cả gan xâm phạm đến đặc quyền của các giám đốc. Chẳng hạn, ông ta tuyên bố về một ông Ô-li-ve-rơ nào đó như sau:

"Tôi quả quyết rằng, Ô-li-ve-rơ đã lường gạt của ngân hàng 20 000 pao xtéc-linh. Đó là một biểu hiện rất rõ nhưng tôi không may mắn nghĩ ngờ rằng điều đó là đúng: Ô-li-ve-rơ là một tên bịp".

Ông Lin-clây-te-rơ hỏi: "Thế ông đã làm nghề gì?", ông ta thản nhiên trả lời: "Thật không may, làm một giám đốc không có đủ thông tin". Tất cả những câu trả lời của ông đều một giọng bình thản như vậy. Chẳng hạn, hiện tượng không tương xứng nực cười giữa số tiền gửi của ông ta với số tiền của các trái phiếu riêng mà ông ta chiết khấu ở ngân hàng là nguyên do cuộc đối thoại kỳ lạ sau đây giữa ông ta và ông Lin-clây-te-rơ:

Ngài Lin-clây-te-rơ: Phải chăng một điều kiện thông thường của nghiệp vụ ngân hàng là không ai có thể có trong ngân hàng một tài khoản chiết khấu nếu trong lúc đó lại không có tài khoản vãng lai trên đó phải luôn có một số tiền bằng 1/4 số tiền của các kỳ phiếu có trên tài khoản chiết khấu của mình?

Ngài Brau-nơ: Có quy tắc này và, như tôi được nghe nói, đây là hệ thống Xcốt-len.

Ngài Lin-clây-te-rơ: Ông không áp dụng hệ thống này?

Ngài Brau-nơ: Không áp dụng, vì đây là một hệ thống không đáng tin cậy.

Bất cứ lần nào mà ông Brau-nơ hạ cố đưa bảo chứng cho ngân hàng thì đó là những kỳ phiếu hoặc những hoá đơn lấy hàng mà ông đồng thời đã định đem cầm cố cho kẻ khác, bởi vì nói chung ông ta đã sử dụng những bảo chứng một cách hoàn toàn tự nhờ có những thủ đoạn mà quan toà đã ngạo ngược gọi là đại "bịp bợm". Ngày 1 tháng Ba 1856, ông Brau-nơ thực sự đã khoá tài khoản của mình tại ngân hàng, nói cách khác, hội đồng các giám đốc đã quyết định không còn cho phép ông ta tăng khoản nợ của ông lên nữa. Tuy vậy, ngày 7 tháng Sáu, hoá ra ông ta lại nhận được ở ngân hàng 1020 pao xtéc-linh. Ông Lin-clây-te-rơ hỏi: "Ngài đã thu xếp việc này bằng ảo thuật - xảo thuật nào?" Brau-nơ bình thản trả lời: "Việc đó chẳng khó gì".

Qua bức thư dưới đây ông gửi cho người bạn chí thân của ông là ngài Ca-me-rôn, có thể thấy là, nói chung ông đã có thái độ như thế nào đối với cơn phẫn nộ bùng bùng mà những lời tố cáo về Ngân hàng hoàng gia Anh đã gây ra trong giới báo chí:

"Oét-min-xtơ, phố Lít-lơ, phố Xmít, ngày 5 tháng Mười 1855

"Thưa Ngài Ca-me-rôn tôn kính! Chẳng biết hiện giờ Ngài ở đâu nên tôi nhân tiện gửi Ngài bức thư này qua tay một người trong Quý quyến. Bởi vì những tin đáng buồn lan đi nhanh chóng cho nên tôi thiết tưởng rằng Ngài đã biết rõ là người ta bêu riếu chúng ta trên mọi tờ báo lớn nhỏ ra sao rồi, rằng phần quá lớn những lời công kích chĩa vào tôi và Ngài. Tôi có cơ sở để nghĩ rằng những bài báo có lời lẽ cực kỳ gay gắt trong tờ "Times" là do một người nào đó trong số những đồng sự của chúng ta khơi lên, thông qua trung gian là kế toán viên. Tôi hoàn toàn không hay biết về tất cả những điều đã xảy ra, chỉ biết các báo cáo công khai bao hàm những nội dung gì, đọc những bản báo cáo này tôi suýt đi tới kết luận rằng trước đây chưa từng có người nào nợ tiền các ngân hàng, rằng tất cả những thông báo trước kia đều viết sai và báo "Times" đã trút toàn bộ cơn thịnh nộ của họ nhằm thoá mạ chính chúng ta... Tôi không gặp một ai trong số các giám đốc khác từ lúc ngân hàng đình chỉ thanh toán - việc đình chỉ này đã được tiến hành một cách hết sức khó hiểu.

Xin chân thành chào Ngài

Hăm-phrơ Brau-nơ

Tưởng như "trước đây chưa từng có người nào nợ tiền các ngân hàng"! Ông Brau-nơ dĩ nhiên cho rằng tất cả sự phẫn nộ hợp đạo đức đã trút lên đầu ông ta và các bạn đường của ông ta chỉ là vì hình thức giả dối bề ngoài mà thôi. "Tất cả đều là trộm cắp!" "Ti-môn"^{1*} nói thế, mà cả ông Brau-nơ cũng nói thế, ông hẳn tin tưởng rằng, trong thâm tâm mỗi một thành viên của cái gọi là xã hội đáng kính cũng đều nói như thế. Chỉ có một điều quan trọng: đừng làm một tên trộm vặt.

*Do C.Mác viết ngày 1 tháng Năm
1857*

*Đã đăng trên báo "New-York Daily
Tribune" số 5015, ngày 16 tháng Năm
1857*

In theo bản đăng trên báo

Nguyên văn là tiếng Anh

1* Sécch-xpia. "Ti-môn ở A-ten", hồi IV, màn thứ ba.

C. MÁC

CRÉDIT MOBILIER¹⁸²

I

Trong Đế chế Pháp hiện nay, những thông báo chiến sự của đạo quân vĩ đại^{1*} được thay thế bằng những báo cáo của Crédit Mobilier. Tại cuộc họp toàn thể sau cùng của các cổ đông ngày 28 tháng Tư, ông I-xắc Pê-rây-rơ đã nhân danh hội đồng các giám đốc trình bày một bản báo cáo tổng kết nhằm điểm lại thật ngắn gọn hoạt động của cái cơ quan đáng chú ý này của Bô-na-pác-tơ trong năm 1856. Nghiên cứu kỹ tài liệu được biết bằng lời lẽ khoa trương này, - ở đây theo bút pháp riêng của mình, tác giả xáo trộn những tính toán tài chính với những luận điểm, những con số với tình cảm và pha trộn đầu cơ chứng khoán với triết lý tư biện - có thể phát hiện ra những dấu hiệu suy thoái rõ rệt mà sự loè bịp tăng bốc này đã làm lộ ra, đúng hơn là che đậy lại.

Lợi nhuận của Crédit Mobilier thật sự vẫn tiếp tục làm mờ mắt công chúng. Trong năm 1856, những cổ phiếu mà thoát đầu định giá 500 phr lại được thanh toán 25phr. dưới hình thức lãi

1* - quân đội Na-pô-lê-ông I

suất và 90 phr. dưới hình thức lợi tức cổ phần, vị chi 115 phr. - bằng 23% số vốn của công ty. Tuy nhiên, để có được những kết luận đúng, cần phải so sánh Crédit Mobilier với chính bản thân nó chứ không phải với các xí nghiệp thương mại thông thường, và bấy giờ chúng ta sẽ thấy là trong vòng chỉ một năm thôi mà thu nhập của nó đã giảm gần một nửa. Cần phân biệt hai yếu tố trong thu nhập ròng hàng năm của công ty này: một là thu nhập bất biến, một nữa là thu nhập khả biến, một - đã được quy định trong điều lệ, một nữa tùy thuộc vào sự phát triển kinh doanh của công ty, một - tính dưới mục lãi suất, một nữa - dưới mục lợi tức cổ phần. Bởi vậy, khoản thu về lãi là 25 phr., tức là 5% cho mỗi cổ phiếu, là khoản cố định trong các bản quyết toán của công ty, trong lúc đó thì tiêu chuẩn thực sự về sự phát đạt của nó lại là lợi tức cổ phần được công bố. Và ngay trong bản quyết toán ta thấy lợi tức cổ phần trong năm 1855 là 178 phr. 70 xăng-tim, năm 1856 giảm xuống 90 phr. - một sự vận động không thể nào gọi được là tăng tiến. Nếu tính rằng, các cổ đông nhỏ mua các cổ phiếu, trung bình mỗi cổ phiếu 1500 phr., thì lãi lợi tức cổ phần thực tế mà họ nhận được trong năm 1856 chưa chắc đã vượt quá 7%.

Ông I-xắc Pê-rây-rơ nghĩ rằng "cố gắng chỉ ra những nguyên nhân của sự khác biệt nhau giữa lợi tức cổ phần năm 1856 và lợi tức cổ phần năm 1855 có lẽ là điều thừa". Thế nhưng ông vẫn hạ cố nhắc nhở chút đỉnh về "tính chất ngoại lệ" của lợi nhuận năm 1855. Lời khẳng định này không phải không có căn cứ; nhưng trong trường hợp như vậy rõ ràng chỉ có bằng cách duy trì tính chất ngoại lệ của lợi nhuận của mình thì Crédit Mobilier mới có thể có tham vọng, nói chung, có được một tính chất nào đó. Tính chất ngoại lệ của lợi nhuận công ty bắt nguồn từ sự mất cân đối quá lớn giữa vốn của nó với các hoạt động nghiệp vụ của nó. Sự mất cân đối này - tuyệt nhiên không mang tính chất tạm thời - thực chất là quy luật hữu cơ của sự tồn tại của công ty. Crédit Mobilier không hề hy vọng sẽ trở thành một công ty ngân hàng hay

công ty công nghiệp, mà chỉ muốn làm một đại diện - nếu có thể, trên quy mô quốc gia của những công ty ngân hàng và công ty công nghiệp khác. Tính độc đáo trong tư tưởng về tổ chức của công ty này chính là ở chỗ nó tất phải đóng vai trò một cơ quan đại diện. Bởi vậy, các hoạt động nghiệp vụ của Crédit Mobilier chứng tỏ rằng những hoạt động đó được quyết định không phải bởi vốn riêng của nó và bởi tín dụng thông thường phát sinh từ đó, mà chỉ bởi quy mô của cái tư bản mà Crédit Mobilier thực tế đang tiêu biểu hoặc tìm cách tiêu biểu. Giá như tình trạng mất cân đối giữa tư bản của nó với những hoạt động nghiệp vụ của nó mất đi, và do đó, những khoản lợi nhuận "ngoại lệ" của nó mất đi thì Crédit Mobilier ắt không phải đơn thuần chỉ suy thoái xuống địa vị một ngân hàng thông thường mà hẳn còn bị phá sản một cách thảm hại nhất. Khi đặt ra nhiệm vụ của mình là thực hiện những hoạt động nghiệp vụ vô cùng to lớn mà nó đang bị cuốn hút vào đấy theo đúng với bản chất của tổ chức mình, Crédit Mobilier tất phải trông cậy vào việc hoàn thành thắng lợi những kế hoạch mới trên những quy mô ngày càng lớn. Với tính chất như vậy của tổ chức này, mọi sự đình đốn trong kinh doanh và nhất là mọi hiện tượng suy thoái đều là triệu chứng không lành của sự diệt vong sắp tới. Hãy lấy thậm chí bản báo cáo năm 1856 làm ví dụ. Trong đó, một mặt, chúng ta thấy số vốn nhỏ nhoi là 60 000 000 phr., nhưng mặt khác, - những hoạt động nghiệp vụ lại bao gồm một số tiền lớn hơn 6 000 000 000 phrăng. Chính ông Pê-rây-rơ cũng đưa ra vài nét như sau về những hoạt động nghiệp vụ đó.

"Tờ cam kết của chúng ta về trái khoán, cuối cùng, không những vẫn chưa bị đọng tới mà nó đã tăng lên đến 40 000 000 phr., nhờ có những khoản thu nhằm mục đích giảm nhẹ cho những người cam kết khỏi phải trả những khoản lệ phí.

Doanh số trong quỹ của chúng ta đạt tới số tiền là	3 085 195 176 phr.	39 xăng-tim
Trên tài khoản vãng lai của chúng ta tại ngân hàng có.....	1 216 686 271 phr.	33 xăng-tim
Các tài khoản vãng lai khác của chúng ta đạt tới số tiền là	2 739 111 029 phr.	98 xăng-tim

Công ty chúng ta nhận những
khoản lệ phí trả cho 1 455 264
cổ phiếu và trái phiếu, tổng
cộng số tiền là 160 976 590 phr. 98 xăng-tim
Công ty chúng ta thanh toán bằng
tiền của mình cũng như bằng tiền của
những công ty mà công ty chúng ta đóng
vai chủ ngân hàng của họ, 3 754 921
phiếu biên lai các trái khoán với số tiền .. 64 259 723 phr. 68 xăng-tim
Tổng số chứng khoán của chúng ta
gồm 4 986 304 cổ phiếu hoặc trái phiếu.

Ông Pê-rây-rô không phủ nhận rằng vai trò mà Crédit Mobilier đã đảm nhiệm năm 1856 có khác đôi chút với vai trò của nó trước đây. Trong vòng ba năm đầu tồn tại, nó tất phải "sáng lập ra những xí nghiệp quan trọng ở nước Pháp", "hệ thống hoá việc thành lập các xí nghiệp lớn" và do đó, không ngừng làm cho chứng khoán mới đây ngập Sở giao dịch chứng khoán. Nhưng vào năm 1856 đã xảy ra một sự biến đổi đột ngột. Bởi vì "nhờ việc ký kết hoà ước nên đã mở ra một kỷ nguyên mới trong hoạt động xã hội", cho nên nạn đầu cơ có nguy cơ vượt quá xa giới hạn. Trong hoàn cảnh đã thay đổi này, các ngài có lương tri trong Crédit Mobilier, nhóm Pê-rây-rô, nhóm Phun-đơ, nhóm Moóc-ni, vốn có xu hướng đặc biệt muốn thúc đẩy sự phồn vinh của đất nước, bỗng cảm thấy rằng, "nghĩa vụ bức thiết" của họ là kìm hãm nơi mà trước đây họ đã kích thích, kiềm chế nơi mà trước đây họ đã cổ vũ, và phải "thận trọng" nơi mà trước đây đã tồn tại "sự táo bạo" thay vì "sự thận trọng chín chắn". Bởi vì cả nước Pháp đã chuyển mình cho nên Crédit Mobilier, cốt cho lương tâm mình được thanh thản, đã quyết định ngược lại là làm nguôi bớt nhiệt tình của mình đi. Song cũng đúng là quyết định có thiện ý này chừng mực nào đó đã bị chi phối bởi cái tin đăng trên tờ "Moniteur" ngày 9 tháng Ba 1856, trong đó "nói rõ phạm vi chính phủ muốn giới hạn việc phát hành chứng khoán mới". Thậm chí "nếu như" Crédit Mobilier có những ý đồ khác hoàn toàn, thì "tin đăng này", - lời ông Pê-rây-rô, - "ắt là một mệnh lệnh, nhất là đối với chúng ta; đó là một sự đình chỉ bắt buộc khiến phải ngừng lập ra các xí nghiệp mới".

Sự đình chỉ bắt buộc này hẳn cũng là lý do đầy đủ để công ty nhận lấy nghĩa vụ phải ôn hoà.

Vào đúng lúc sự vận động nhanh chóng của Crédit Mobilier bị dây cương chính phủ kìm lại như thế, thật không may, đã xảy ra hiện tượng là sự cạnh tranh vô nguyên tắc đã bắt đầu bằng đủ mọi cách cố làm sao để hạn chế phạm vi hoạt động của nó và giảm bớt những nguồn vốn của nó. Trong lúc mà tin đăng trên tờ "Moniteur" ngày 9 tháng Ba 1856 trực tiếp chĩa vào cái gọi là các công ty vô danh^{1*} mà việc thành lập và hoạt động của chúng tại Pháp, theo đúng luật chỉ có chính phủ mới có thể xét duyệt và kiểm tra, còn Crédit Mobilier theo điều lệ của nó không có quyền sáng lập ra chúng, thì nạn đầu cơ ở Pháp đã tìm được địa bàn hoạt động rộng lớn hơn dưới hình thức sociétés en commandite^{2*}, những tổ chức này không bị chính phủ xét duyệt và hầu như không bị kiểm tra. Như vậy, sự đầu cơ chỉ thay đổi con đường của nó mà thôi; việc kiềm chế sự phát triển của các công ty vô danh được đền bù vượt mức bằng một vụ được mùa bội thu của các sociétés en commandite. Đáng lẽ ngăn chặn nạn đầu cơ thì Na-pô-ê-ông III, với toàn bộ "trí anh minh cao cả" của mình, như lời ông Pê-rây-rô thường nói tới, chỉ làm cho một phần lớn sự đầu cơ thoát khỏi sự kiểm soát của cơ quan thân tín của mình mà thôi. Rõ ràng chín tháng đầu năm 1856, lúc cả nước Pháp bị nạn đầu cơ làm cho ngậy ngất và lúc mà Crédit Mobilier phải hốt lấy lớp kem do đầu cơ mà có thì cái công ty tận tụy này buộc phải hành động như vậy chỉ đơn thuần do "trí anh minh cao cả" thiếu chín chắn trong một "phạm vi hạn chế", và ngoan ngoãn "chờ hiệu lệnh chính thức để khôi phục lại hoạt động của mình". Nó vẫn cứ ngồi chờ hiệu lệnh chính thức và "những thời cơ thuận lợi nhất sẽ đến" khi xảy ra một sự kiện hoàn toàn vượt ra ngoài giới hạn quyền lực ngay cả của "trí anh minh cao cả" của bản thân Na-pô-ê-ông.

Nhưng chúng tôi để lần sau sẽ xét đến sự kiện này.

1* Xem tập này, tr. 34-35.

2* - công ty hùn vốn.

II

Cuộc khủng hoảng tài chính bùng nổ vào tháng Chín 1856 cùng một lúc trên lục địa châu Âu và ở Anh, đã bắt gặp Crédit Mobilier, theo cách nói của ông Pê-rây-rơ, trên bót gác "của người vệ binh khôn ngoan của tài chính và tín dụng", có cặp mắt bao quát "chân trời rộng lớn hơn" so với những người khác "đang đứng trên những bậc thang khác nhau", người vệ binh "có khả năng tránh được sự hoảng hốt và sự kích động không cần thiết", một lòng một dạ chăm lo cho mục đích cao cả: "nâng đỡ lao động của quốc dân và tín dụng của quốc gia", không quan tâm "đến lời chỉ trích thiên vị hoặc ganh tị", trả lời những "sự công kích gay gắt hoặc có chủ tâm" bằng nụ cười và kiêu hãnh đứng lên trên "những lời bịa đặt" hèn hạ "của bọn vu khống". Vào lúc gay gắt này Ngân hàng Pháp tỏ ra khá ngang ngạnh đối với những yêu cầu mà Crédit Mobilier, bị thôi thúc chỉ bởi khát vọng nóng bỏng của mình đối với phúc lợi công cộng, cho rằng mình có nghĩa vụ phải đề xuất với ngân hàng. Bởi vậy, người ta làm cho chúng ta hiểu rằng: "cường độ và tốc độ phát triển của cuộc khủng hoảng là do những biện pháp mà Ngân hàng Pháp đã áp dụng theo điều lệ mà nó tuân thủ", rằng "cơ quan này còn rất xa mới được hoàn thiện, bởi vì nó không có nghĩa vụ nào hết và không vạch ra được biện pháp nào hết để hợp tác một cách hài hòa". Vì đã khước từ việc giúp đỡ Crédit Mobilier, nên đến lượt nó, Ngân hàng Pháp lại cự tuyệt sự giúp đỡ của Crédit Mobilier. Số là Crédit Mobilier, vốn có suy nghĩ táo bạo, đã quyết định rằng khủng hoảng tài chính là thời cơ thích hợp nhất để thi hành những âm mưu tài chính to lớn. Chính vào lúc bốn bề hoảng loạn thì bạn có thể tấn công chiếm lĩnh một pháo đài mà ròng rã bao năm bạn không lấy nổi bằng một cuộc vây hãm đúng quy cách. Không lấy gì làm lạ rằng Crédit Mobilier đã đề nghị cùng cộng tác với một số ngân hàng nước ngoài mua những phiếu lợi tức hoặc trái phiếu quốc gia hiện có trong tay Ngân hàng Pháp để giúp ngân hàng này có thể "gia tăng một cách hữu hiệu dự trữ kim ngân của mình và tiếp tục cấp tiền vay cho các chứng khoán không thời hạn và cổ phiếu đường sắt". Khi Crédit Mobilier đề xuất cái ý kiến hào hiệp và nhân từ ấy thì hồ sơ của nó chất nặng các chứng khoán không thời hạn với số tiền khoảng 5 475 000 phr. và các cổ phiếu đường sắt với số

tiền là 115 000 000 phr. còn trong tay Ngân hàng Pháp bấy giờ lại có các chứng khoán không thời hạn trị giá gần 50 000 000 phrăng. Nói cách khác, Crédit Mobilier đã nắm những cổ phiếu đường sắt với số tiền vượt quá hai lần số tiền các chứng khoán không thời hạn hiện có ở Ngân hàng Pháp. Tung các chứng khoán không thời hạn ra thị trường nhằm củng cố dự trữ kim ngân của mình, Ngân hàng Pháp ắt làm giảm giá không những các chứng khoán không thời hạn, mà cả trên mức độ còn lớn hơn tất cả những chứng khoán khác, nhất là cổ phiếu đường sắt. Do đó, đề nghị của Crédit Mobilier trên thực tế chung quy lại là làm sao cho ngân hàng không ném chứng khoán không thời hạn của mình ra thị trường mà dành phần nhiều hơn trên thị trường đó cho các cổ phiếu đường sắt đang nằm trong tay Crédit Mobilier. Hơn nữa, như ông Pê-rây-rơ khẳng định, ngân hàng bấy giờ hẳn có cơ để đình chỉ cho vay dưới hình thức các cổ phiếu đường sắt. Như vậy, Ngân hàng Pháp hẳn là ngậm tiếp tay cho Crédit Mobilier, trong lúc đó thì công chúng cứ tưởng rằng ngân hàng đang bị lệ thuộc như là chư hầu vào cái cơ quan cao thượng này và ngỡ là nhờ có sự giúp đỡ của Crédit Mobilier mà nó được cứu vãn. Song ngân hàng đã bắt đầu cảm thấy mình bị chơi khăm và cho rằng đứng cách xa "tên vệ binh khôn ngoan" là tốt hơn cả.

Quyết tâm cứu nước Pháp thoát khỏi cơn khủng hoảng tài chính, cũng như người bảo hộ của nó trước đây đã từng cứu nước Pháp khỏi sa vào chủ nghĩa xã hội, Crédit Mobilier lại đưa ra một đề nghị mới, nhưng lần này thì không đề xuất với Ngân hàng Pháp mà với những ngân hàng tư nhân ở Pa-ri. Nó hào hiệp đề nghị:

"đáp lại nhu cầu của tất cả những công ty đường sắt của nước Pháp, sau khi tổ chức ký vay khoản tiền 300 000 000 phr. bằng những trái phiếu mà các công ty này phải phát hành vào năm 1857, trong đó bản thân Crédit Mobilier tuyên bố mình sẵn sàng ký vay số tiền 200 000 000 phr. với điều kiện những ngân hàng khác sẽ ký vay số 100 000 000 phr. còn lại".

Một sự ký kết như vậy tất phải làm tăng giá nhanh chóng các cổ phiếu và trái phiếu đường sắt, nghĩa là tăng giá chính ngay món hàng mà Crédit Mobilier là chủ nhân chính. Ngoài ra, Crédit Mobilier chỉ với một bước đi táo bạo biết đâu sẽ đạt được địa vị

một cổ đông lớn của tất cả các đường sắt nước Pháp và sẽ làm cho tất cả những chủ ngân hàng lớn ở Pa-ri trở thành một thứ hội viên công ty bất đắc dĩ của mình. Song cả kế hoạch này cũng sụp đổ. Buộc phải "từ bỏ ý nghĩ về những biện pháp cộng đồng nào đó", Crédit Mobilier thấy nó chỉ còn có việc tự mình xoay xở. Sự tin tưởng sâu sắc rằng "những đề nghị đại loại như thế mà nó đưa ra, tự bản thân chúng đương nhiên góp phần đắc lực trấn an được các bộ óc", đã khiến Crédit Mobilier trên một mức độ lớn cam chịu để cho cuộc khủng hoảng đi theo chiều hướng "giảm thực sự những khoản lợi nhuận mà nó tưởng có thể trông đợi".

Ngoài tất cả những điều bức bối này, Crédit Mobilier còn than vãn rằng, cho đến nay người ta vẫn ngăn không cho nó đi con át chủ bài, đó là việc phát hành công trái trị giá 600 000 000 phr., nghĩa là phát hành tiền giấy theo phát minh riêng của nó, mà thời hạn thanh toán thì rất lâu và được bảo đảm không phải bằng vốn của công ty này mà bằng những chứng khoán có thể đem đổi lấy tiền giấy đó.

"Những khoản tiền mà chúng ta ắt phải rút ra được do phát hành trái phiếu của chúng ta", - ông Pê-rây-rơ nói, "có lẽ cho phép chúng ta thu được những chứng khoán mà cho đến nay vẫn chưa có được một sự sử dụng nhất định và ra sức mở rộng sự nâng đỡ của chúng ta đối với công nghiệp".

Năm 1855, Crédit Mobilier đã hoàn toàn sẵn sàng để phát hành trái phiếu như thế trị giá 240 000 000 phr., - điều đó đã được điều lệ của nó cho phép, - nhưng "trí anh minh cao cả" của Cung điện Tuyn-lơ-ri đã ngăn cái dự định ấy lại. Crédit Mobilier cho việc phát hành tiền giấy như vậy là tăng tư bản của mình lên; những người thường dân thì lại gọi đúng hơn là tăng các khoản nợ của nó. Như vậy, việc đình chỉ bắt buộc mà Crédit Mobilier phải làm theo lệnh chính phủ vào tháng Ba 1856, việc cạnh tranh của các sociétés en commandite, cuộc khủng hoảng tài chính và việc phát hành tiền giấy riêng của nó đã không xảy ra - tất cả những tình huống đó giải thích đầy đủ sự giảm sút lợi tức cổ phần của nó.

Trong tất cả những bản báo cáo trước đây của cái công-xoóc-xi-om gian lận cỡ lớn này, việc thay thế những xí nghiệp công nghiệp tư nhân bằng các công ty cổ phần công nghiệp được rêu rao là một đặc

điểm nổi bật và là một cái mới của nó. Song trong bản báo cáo cuối cùng được chúng ta xem xét, chúng ta hẳn phải công tìm kiếm thậm chí một lời nói ám chỉ nhỏ nhất về chuyện này. Trong số 60 000 000 phr. vốn của công ty thì 40 000 000 phr. được đầu tư trong năm 1856 vào chứng khoán quốc gia; còn số tiền nó nắm được trong tay nhờ tín dụng thì đại bộ phận được dùng vào việc kéo dài những chứng khoán không thời hạn và những cổ phiếu đường sắt trong những ngày thanh toán tại Sở giao dịch; vào năm 1856, những hoạt động nghiệp vụ như vậy đã được tiến hành với số tiền 421 500 000 phr. đối với chứng khoán không thời hạn của Pháp và 281 000 000 phr. cho những cổ phiếu đường sắt và những cổ phiếu khác. Hiện nay những sự kéo dài này có nghĩa không phải cái gì khác là những khoản tiền cho bọn đầu cơ chứng khoán vay để chúng tiếp tục hoạt động kinh doanh và đồng thời tạo ra cái bề ngoài vững chắc cho những nguồn vốn rỗng của Sở giao dịch. Trong nghiệp vụ rút một phần lớn tư bản của quốc gia ra khỏi hoạt động sản xuất để đưa vào cái trò giao dịch không sinh lợi của Sở giao dịch này, Crédit Mobilier cũng đã chủ yếu tạo cơ sở cho cái tham vọng của mình muốn được nhân dân Pháp biết ơn. Lu-i -Na-pô-lê-ông thực sự được Pê-rây-rơ và đồng bọn giúp đỡ rất nhiều. Họ không những tạo ra cho các quỹ của nhà vua một giá trị giả mà còn không ngừng khuyến khích, áp dụng, ủng hộ và phổ biến tinh thần đầu cơ, vốn là nguyên tắc sống còn của đế chế hiện tại. Chỉ liếc mắt trông qua các hoạt động nghiệp vụ mà ông Pê-rây-rơ đã miêu tả một cách hết sức mẫn nguyện, cũng đủ rõ là những thủ đoạn đầu cơ của Crédit Mobilier tất nhiên có liên quan với những giao dịch bịp bợm. Một mặt, khi đảm nhiệm chức năng xã hội của người bảo hộ Sở giao dịch, Crédit Mobilier lấy tiền ở dân chúng cho các công ty đầu cơ và các cá nhân vay, nhằm giữ giá cho các cổ phiếu và chứng khoán của Pháp. Mặt khác, là một xí nghiệp tư nhân, Crédit Mobilier thường xuyên đầu cơ vì lợi riêng trên sự dao động về tỷ giá của chính những cổ phiếu và chứng khoán này, bằng trò chơi lợi dụng cả sự lên giá cũng như sự xuống giá của chúng. Để dung hoà về bề ngoài những mâu thuẫn đó, Crédit Mobilier không thể không lừa dối và bịp bợm.

Cũng như tất cả những kẻ đầu cơ chuyên nghiệp, Lu-i-Na-pô-lê-ông nghĩ ra những coups^{1*} của mình táo bạo bao nhiêu thì khi thực hiện chúng chậm rãi và thận trọng bấy nhiêu. Chẳng hạn, ông ta đã hai lần kiềm chế hoạt động vô liêm sĩ của Crédit Mobilier - đầu tiên vào năm 1855, lúc ông cấm nó phát hành trái phiếu, rồi sau đó vào năm 1856, lúc lời cảnh báo của ông đăng trên tờ "Moniteur" buộc Crédit Mobilier phải dẹp bớt hưng phấn của nó. Nhưng dù có những lời ngăn trở do Lu-i Na-pô-lê-ông gây ra, công ty này vẫn tiếp tục hoạt động ráo riết. Tất nhiên, nếu cho nó được thả sức tùy ý thì nó sẽ chết. Nếu Bô-na-pác-tơ lại sẽ tiếp tục quấy rầy nó bằng những lời kêu gọi giữ mức độ ôn hoà, thì nó sẽ không còn là nó nữa. Song, qua báo cáo của ông Pê-rây-rơ, ta thấy rõ là "sự anh minh cao cả" và "sự thận trọng chín chắn" rốt cuộc đã có thể thoả thuận với nhau. Nếu như Crédit Mobilier đã mất uy tín sẽ không được giao cái quyền nguy hiểm là phát hành tiền giấy riêng của mình, thì những phương tiện mà nếu không có chúng thì nó không thể tiếp tục tồn tại được, ắt phải trao cho nó dưới bức màn đáng kính hơn của Ngân hàng Pháp. Đây là một trong những mục đích bí mật của đạo luật mới về Ngân hàng Pháp giờ đây được chuyển tới cho "những con chó và con khỉ thông thái" của Corps Législatif^{2*} xem xét. "Chúng tôi không sợ khi công bố rằng", - ông Pê-rây-rơ nói, - "chúng tôi có lẽ ủng hộ công đi tìm kiếm ở nơi nào đó nữa ngoài Ngân hàng Pháp những phương tiện để bằng các khoản cho vay trợ giúp khẩn thiết cho tín dụng xã hội, cho các xí nghiệp lớn, cho thương nghiệp và công nghiệp", nói cách khác, cho chính Crédit Mobilier.

Do C.Mác viết ngày 12 và 15 tháng Năm 1857

Đã đăng làm xã luận trên báo "New-York Daily Tribune" số 5027 và 5028, ngày 30 tháng Năm và ngày 1 tháng Sáu 1857

In theo bản đăng trên báo

Nguyên văn là tiếng Anh

In bằng tiếng Nga lần đầu

1* - những nước cò

2* - Hội đồng lập pháp

PH.ĂNG-GHEN**BA TƯ VÀ TRUNG QUỐC¹⁸³**

Luân Đôn, ngày 22 tháng Năm 1857

Người Anh vừa mới kết thúc ở châu Á một cuộc chiến tranh và bắt đầu một cuộc chiến tranh khác¹⁸⁴. Sự phản kháng của người Ba Tư và sự phản kháng mà người Trung Quốc cho đến nay vẫn tiến hành để chống lại sự xâm lược của Anh là trái ngược nhau, một sự trái ngược đáng để chúng ta chú ý. Ở Ba Tư hệ thống tổ chức quân sự châu Âu được ghép với sự dã man châu Á. Ở Trung Quốc tình trạng nửa văn minh đang tan rã của một nhà nước cổ đại nhất thế giới đang đấu tranh với những người châu Âu bằng những phương tiện của chính mình. Ba Tư đã bị đánh bại hoàn toàn, còn Trung Quốc đã bị sụp đổ một nửa và đang đi tới tuyệt vọng thì lại biết tìm ra một hệ thống phản kháng, mà nếu được tiến hành nhất quán thì sẽ làm cho những cuộc hành quân thắng lợi của cuộc Chiến tranh Anh - Trung Quốc lần thứ nhất không có khả năng tái diễn.

Ba Tư đã lâm vào một tình thế giống tình thế của Thổ Nhĩ Kỳ trong thời gian chiến tranh với nước Nga những năm 1828 - 1829¹⁸⁵. Các sỹ quan Anh, Pháp, Nga thay phiên nhau tìm cách tổ chức quân đội Ba Tư. Hệ thống này thay thế hệ thống kia, và

mỗi hệ thống, đến lượt nó, lại gặp trở ngại do sự đổ kỵ, do mưu mô, sự dốt nát, sự thèm khát và tệt hủ hoá của những người phương Đông mà những hệ thống ấy phải đem biến thành các sĩ quan và binh lính châu Âu. Đạo quân chính quy mới đã không lần nào có cơ hội để thử thách tổ chức và sức mạnh của mình trên chiến trường. Tất cả những chiến công của nó chỉ giới hạn trong một số cuộc hành quân chống người Cuốc, người Tuốc-mê-ni-a và người Áp-ga-ni-xtan, trong thời gian những cuộc hành quân này nó đã được dùng làm một thứ hạt nhân hay dự trữ của đội kỵ binh không chính quy đông đảo của Ba Tư. Đội kỵ binh này chủ yếu là chiến đấu; còn những đội quân chính quy thường chỉ làm nhiệm vụ đánh lạc hướng kẻ địch bằng một sự thị uy có hiệu quả của những đội ngũ có vẻ khủng khiếp của mình. Nhưng cuối cùng, cuộc chiến tranh với người Anh đã nổ ra.

Người Anh tấn công Bu-sia và đã vấp phải một sự kháng cự dũng cảm, mặc dù không có kết quả. Nhưng những người chiến đấu ở Bu-sia không phải là những đội quân chính quy mà là những đội quân gồm những toán không chính quy, tuyển lựa trong người Ba Tư và người A-rập - cư dân sinh sống ở vùng bờ biển. Những đội quân chính quy chỉ mới tập trung lại và đóng cách khoảng gần sáu mươi dặm, trong vùng rừng núi. Cuối cùng, họ tiến lên phía trước. Quân Anh - Ấn đã gặp họ giữa đường; và mặc dù người Ba Tư sử dụng thành thạo pháo binh của mình và đã dàn quân theo đúng mọi nguyên tắc của nghệ thuật quân sự, nhưng một cuộc tấn công của chỉ riêng một trung đoàn kỵ binh Ấn Độ cũng đã quét sạch toàn bộ đội quân Ba Tư, cả đội quân cảnh giới lẫn đội quân chiến đấu, khỏi chiến trường. Nhưng để hiểu được đội kỵ binh chính quy này của Ấn Độ được đánh giá như thế nào trong chính quân đội Ấn Độ thì chỉ cần xem quyển sách của đại úy Nô-lân viết về đề tài này¹⁸⁶ là đủ. Trong giới sĩ quan Anh - Ấn người ta xem kỵ binh chính quy Ấn Độ là hoàn toàn vô dụng và thua xa kỵ binh không chính quy của Anh - Ấn. Đại úy Nô-lân không thể tiến hành một trận chiến đấu nào mà trong đó kỵ binh chính quy Ấn Độ tỏ ra là có mặt tốt. Ấy thế mà chưa đầy sáu trăm

binh lính như vậy đã đuổi được một nghìn lính Ba Tư! Những đội quân chính quy Ba Tư quá sợ hãi đến nỗi từ đó trở đi, nếu không kể pháo binh, họ không còn kháng cự một lúc nào và ở đâu cả. Ở Mô-ham-mê-ra, họ đóng cách xa nơi nguy hiểm, để mặc cho pháo binh bảo vệ đội pháo và họ sẽ rút lui một khi đội pháo bị đập tan; còn khi người Anh, trong một cuộc thám báo, đổ bộ lên bờ hai trăm tay súng và năm mươi kỵ binh không chính quy thì cả đạo quân Ba Tư liền rút lui, để lại hành trang, thực phẩm và pháo lọt vào tay những kẻ xâm lược chứ không phải những kẻ chiến thắng, vì không thể gọi người Anh là kẻ chiến thắng được.

Tuy nhiên, tất cả những điều đó không phải là căn cứ để chê trách người Ba Tư là một dân tộc của những kẻ hèn nhát, và không chứng minh rằng không thể dạy chiến thuật của châu Âu cho nhân dân phương Đông được. Các cuộc chiến tranh Nga - Thổ Nhĩ Kỳ những năm 1806 - 1812¹⁸⁷ và 1828 - 1829 cho ta nhiều ví dụ như vậy. Sự kháng cự chủ yếu chống lại quân Nga là từ phía các đội quân không chính quy ở trong các thành phố được bảo vệ kiên cố, cũng như ở các miền rừng núi. Còn quân đội chính quy một khi xuất hiện ở chỗ trống thì lập tức bị quân Nga đẩy lùi và rất thường bỏ chạy trước một loạt đạn đầu tiên; còn ở trong hẻm núi Vác-na thì chỉ một đại đội người Ác-na-út¹⁸⁸ không chính quy trong nhiều tuần ròn rã, cũng đã kháng cự có kết quả chống lại những hành động vây hãm của quân Nga. Nhưng trong cuộc chiến tranh mới đây, quân đội không chính quy của Thổ Nhĩ Kỳ đã đánh bại quân Nga trong tất cả các trận chiến đấu không trừ trận nào, từ Ôn-tê-nít-xa và Sê-ta-te đến Các-xơ và In-gu-rê¹⁸⁹.

Vấn đề là ở chỗ hoàn toàn chưa thể coi việc du nhập hệ thống quân sự châu Âu vào các dân tộc lạc hậu là hoàn tất sau khi đạo quân mới được phiên chế thành những đội chiến đấu riêng biệt, được trang bị và huấn luyện theo kiểu châu Âu. Tất cả những điều đó chỉ là bước thứ nhất đi đến tổ chức quân đội ấy. Du nhập một bộ luật quân sự châu Âu nào cũng không đủ; nó không có khả năng bảo đảm áp dụng kỷ luật của châu Âu, cũng như việc tập hợp những điều lệnh quân sự của châu Âu tự nó không thể

tạo ra chiến thuật và chiến lược của châu Âu. Nhiệm vụ chủ yếu, đồng thời cũng là khó khăn nhất, là tạo ra một đội ngũ sĩ quan và hạ sĩ quan được huấn luyện theo hệ thống hiện đại của châu Âu, trong các vấn đề quân sự hoàn toàn từ bỏ được những thiên kiến và tàn dư cũ của dân tộc và có khả năng tiếp thêm sức sống cho các đơn vị mới. Tất cả những điều đó đòi hỏi một thời gian dài và không tránh khỏi vấp phải những trở ngại hết sức nặng nề như sự dốt nát của phương Đông, sự thiếu kiên nhẫn, những thành kiến và cả nạn bao che cũng như những tai ương trong cuộc sống vốn có của các triều đình phương Đông. Một ông vua Xun-tan hay một ông vua Sa-khơ thường hay coi quân đội của mình là thích hợp vào mọi việc, một khi binh lính biết diễu hành, quay phải, quay trái, dàn hàng và xếp hàng mà không bị rối loạn một cách tuyệt vọng. Còn về các trường quân sự thì những thành quả có thể chờ đợi ở chúng lại đến quá chậm, cho nên khi các chính phủ phương Đông ở vào tình trạng không vững chắc thì vị tất đã có thể hy vọng thấy được những thành quả ấy ở một nơi nào đó. Thậm chí ở Thổ Nhĩ Kỳ, số sĩ quan tốt nghiệp là hoàn toàn không đáng kể, và quân đội Thổ Nhĩ Kỳ trong cuộc chiến tranh vừa qua không làm được gì nếu trong hàng ngũ của nó không có đông đảo những kẻ phản bội¹⁹⁰ và những sĩ quan châu Âu.

Pháo binh là một loại duy nhất của quân đội, ở đâu cũng tạo nên được ngoại lệ. Ở đây, nhân dân phương Đông quá vụng về, quá bất lực đến nỗi họ phải hoàn toàn giao sự lãnh đạo vào tay những người Âu dạy mình. Do đó ở Thổ Nhĩ Kỳ cũng như ở Ba Tư, pháo binh giá trị hơn nhiều so với bộ binh và kỵ binh.

Hoàn toàn tự nhiên là trong những hoàn cảnh như vậy quân đội Anh - Ấn - quân đội già nhất trong tất cả các quân đội phương Đông được tổ chức theo kiểu châu Âu, quân đội duy nhất đặt dưới sự quản lý không phải của phương Đông mà thuần túy của châu Âu và được chỉ huy hầu như hoàn toàn bởi sĩ quan châu Âu - quân đội ấy được một hậu bị mạnh của các đội quân Anh và một hạm đội hải quân hùng mạnh giúp sức, đã dễ dàng đánh tan những đội

quân chính quy Ba Tư. Sự thất bại này có lợi rất nhiều cho người Ba Tư chính bởi vì đó là một thất bại lớn. Bây giờ họ hiểu, cũng như người Thổ Nhĩ Kỳ đã hiểu, rằng bộ quân phục châu Âu và buổi tập diễu hành theo kiểu châu Âu tự chúng không phải là lá bùa hộ mệnh, và có thể xảy ra tình hình là sau hai chục năm người Ba Tư cũng sẽ tỏ ra tài nghệ trong nghề quân sự như người Thổ Nhĩ Kỳ qua những chiến thắng vừa rồi của họ.

Những đội quân đã chiếm Bu-sia và Mô-ham-mê-ra, như người ta dự đoán, sẽ được phái ngay sang Trung Quốc. Ở đây họ sẽ gặp một địch thủ khác. Ở đây họ sẽ phải đối phó không phải với những mưu toan hành quân theo lối châu Âu, mà với những đội quân không chính quy của những đám người châu Á đông đảo. Không nghi ngờ gì cả, họ dễ dàng đánh thắng những đội quân như vậy; nhưng điều gì sẽ xảy ra nếu người Trung Quốc bắt đầu một cuộc chiến tranh dân tộc chống lại họ, và nếu sự dã man tỏ ra liều lĩnh đến mức sử dụng cả thủ đoạn tự vệ duy nhất mà nó có được?

Không nghi ngờ gì cả, hiện nay tinh thần của người Trung Quốc hoàn toàn khác với hồi chiến tranh những năm 1840 - 1842. Lúc đó nhân dân còn thản nhiên; họ để mặc quân lính hoàng đế chiến đấu với bọn xâm lược và sau khi thất bại họ chịu khuất phục quyền lực của kẻ thù với lòng tin của người phương Đông vào số phận. Nhưng ngày nay, ít ra là ở các tỉnh phía nam, nơi mà cho đến nay vẫn diễn ra các hoạt động quân sự, quần chúng nhân dân đang tham gia tích cực - hơn nữa, tham gia một cách cuồng tín vào cuộc đấu tranh chống người nước ngoài. Người Trung Quốc bỏ thuốc độc một cách bình thản và có tính toán vào một số lượng lớn bánh mì ở khu vực thuộc địa Hồng Công của người châu Âu. (Một số mẫu bánh đã được gửi tới Li-bích để phân tích. Qua phân tích đã phát hiện ra một số lượng lớn thạch tín ngấm đều cả bánh mì - chứng tỏ thuốc độc đã được trộn lẫn vào trong bột. Nhưng do liều thuốc quá mạnh nên đã gây nôn và do đó làm mất tác dụng của thuốc độc). Với vũ khí giấu kín, họ lên tàu buôn, dọc đường họ giết đoàn thủy thủ và những hành khách

người Âu rồi đoạt lấy chiếc tàu. Họ cướp và giết mọi người Âu mà họ tóm được. Ngay cả những người cu-li di cư sang các nước khác cũng nổi dậy - như đã có sự thoả thuận, - trên mỗi chiếc tàu đi sang các nước khác, họ chiến đấu để giành lấy chiếc tàu đó và thà cùng chìm xuống đáy nước với nó hay chết trong ngọn lửa trên tàu chứ không đầu hàng. Thậm chí, cả ở nước ngoài người Hoa kiều cho đến nay là những người nhần nhục và dễ bảo nhất cũng tổ chức những cuộc âm mưu và đột nhiên nổi dậy khởi nghĩa ban đêm, như ở Xa-ra-vác; ở những nơi khác như ở Xin-ga-po, chỉ có vũ lực và kiểm soát chặt chẽ mới làm cho họ phải phục tùng. Cuộc tổng khởi nghĩa của tất cả những người Trung Quốc chống lại tất cả những người nước ngoài là do chính sách ăn cướp của Chính phủ Anh gây ra, chính sách này đã đem lại cho cuộc khởi nghĩa có tính chất một cuộc chiến tranh huỷ diệt.

Một quân đội có thể làm gì được để chống lại một dân tộc đang dùng đến những phương pháp như vậy để tiến hành chiến tranh? Nó có thể xâm nhập vào một đất nước thù địch ở bất cứ đâu và xa đến thế nào và nó làm thế nào để đứng vững tại đó? Những kẻ đi khai hoá đang trút bom cháy lên một thành phố không có gì để tự vệ và đang bổ sung thêm bạo lực vào những vụ giết người, hãy cứ gọi phương pháp đấu tranh đó là hèn nhát, dã man, tàn bạo đi, nhưng điều đó có nghĩa lý gì đối với người Trung Quốc, nếu chỉ có mỗi phương pháp đó mới đưa đến thắng lợi? Nếu người Anh coi người Trung Quốc là người dã man thì họ không thể không cho người Trung Quốc có cái quyền sử dụng tất cả những ưu thế bắt nguồn từ sự dã man của mình. Nếu những vụ cướp, những vụ tấn công bất thần, những vụ giết người ban đêm của người Trung Quốc, theo quan niệm của chúng ta, được coi là hèn nhát thì những người đi khai hoá không được quên rằng theo sự thừa nhận của chính họ, người Trung Quốc, không thể nhờ vào những phương pháp tiến hành chiến tranh thông thường của mình mà đứng vững được trước những phương tiện huỷ diệt của người châu Âu.

Nói một cách vắn tắt, thay vì thuyết giáo đạo đức về những sự tàn bạo khủng khiếp của người Trung Quốc, như báo chí đầy tinh thần hiệp sĩ của Anh đang làm, tốt hơn là thừa nhận rằng đó là một cuộc chiến tranh *pro aris et focis*^{1*}, một cuộc chiến tranh nhân dân để bảo vệ dân tộc Trung Hoa, một cuộc chiến tranh với tất cả những thiên kiến, quá quắt, với sự ngu xuẩn, sự dốt nát về khoa học và sự dã man cố chấp của nó, các anh muốn nói gì thì nói, nhưng nó vẫn là một cuộc chiến tranh nhân dân. Mà trong một cuộc chiến tranh nhân dân thì không nên dựa theo những quy tắc đã được mọi người thừa nhận của một cuộc chiến tranh chính quy hay dựa vào bất kỳ một tiêu chuẩn trù tuợng nào khác để đánh giá những phương sách mà dân tộc khởi nghĩa đã áp dụng, mà chỉ có thể dựa trên các trình độ văn minh mà dân tộc đã đạt tới mà thôi.

Lần này người Anh đã rơi vào một tình thế khó khăn. Cho đến nay hình như tinh thần cuồng tín dân tộc của Trung Quốc mới chỉ lan đến tất cả các tỉnh phía nam nào chưa tham gia vào cuộc khởi nghĩa vĩ đại¹⁹¹. Liệu chiến tranh có hạn chế trong những tỉnh ấy không? Trong trường hợp như vậy, chắc chắn nó sẽ không dẫn tới kết quả nào, bởi vì nguy cơ sẽ không đe dọa bất cứ trung tâm có tầm quan trọng sống còn nào của đế chế cả. Trong khi đó, chiến tranh trở thành cực kỳ nguy hiểm đối với người Anh, nếu tinh thần cuồng tín lan tràn vào dân cư các khu vực nội địa. Có thể phá sạch Quảng Châu và chiếm lấy tất cả các địa điểm có thể chiếm được ở vùng bờ biển, nhưng bất cứ lực lượng nào mà người Anh có thể tập hợp được cũng không đủ để giành và giữ được hai tỉnh - Quảng Đông và Quảng Tây. Vậy thì trong trường hợp đó, họ có thể làm gì trong tương lai? Vùng đất phía bắc Quảng Châu cho đến tận Thượng Hải và Nam Kinh nằm trong tay quân khởi nghĩa Trung Quốc; xúi giục những người khởi nghĩa này chống lại mình thì sẽ là một sai lầm nghiêm trọng,

1* - vì bàn thờ và tổ ấm

còn ở phía bắc Nam Kinh có một điểm duy nhất mà tấn công vào đó sẽ đem lại kết quả quyết định, đó là Bắc Kinh. Nhưng lấy đâu ra quân đội để xây dựng một căn cứ tác chiến mạnh, được một đội quân đồn trú hậu thuẫn ở vùng bờ biển, để khắc phục tất cả những trở ngại trên con đường hành quân, để bảo đảm liên lạc với vùng bờ biển nhờ những đơn vị đặc biệt, và để với những lực lượng ít nhiều đáng gờm, tiến đến gần chân thành của một thành phố có quy mô như Luân Đôn, nằm cách địa điểm đổ bộ của những lực lượng ấy một trăm dặm? Mặt khác, một sự phô trương quân sự có kết quả chống lại thủ đô ắt có thể phá vỡ cơ sở tồn tại chính của Đế chế Trung Hoa, thúc đẩy nhanh sự sụp đổ của triều đại nhà Thanh và tạo điều kiện cho quân Nga chứ không phải quân Anh tiến quân vào.

Cuộc chiến tranh mới giữa Anh và Trung Quốc báo hiệu quá nhiều sự phức tạp, cho nên hết sức khó dự kiến nó sẽ diễn biến như thế nào. Thiếu quân đội trong suốt mấy tháng liền và thiếu quyết tâm trong suốt một thời gian còn dài hơn, người Anh hầu như buộc phải hoàn toàn án binh bất động, có lẽ chỉ trừ những cuộc tấn công vào một điểm thứ yếu nào đó, mà trong tình hình hiện nay cũng có thể đó là Quảng Châu.

Một điều chắc chắn là: giờ tận số của nước Trung Hoa cũ đang nhanh chóng đến gần. Cuộc nội chiến đã phân chia đế chế thành phía nam và phía bắc, và vua của quân khởi nghĩa đang ở Nam Kinh, hình như được bảo vệ để tránh khỏi quân đội của hoàng đế (nếu không phải là tránh khỏi những âm mưu của những người thuộc phe ông ta), cũng với mức độ như mức độ bảo vệ chính "con trời" – hoàng đế ở Bắc Kinh đã được bảo vệ để tránh khỏi đụng quân khởi nghĩa. Quảng Châu từ trước tới nay vẫn tiến hành một thứ chiến tranh độc lập với quân Anh và nói chung với tất cả người nước ngoài. Nhưng trong khi hạm đội và quân đội Anh và Pháp tràn tới Hồng Công thì quân biên phòng Cô-dắc đóng ở Xi-bia, từ từ nhưng không ngừng di chuyển những điểm cư dân của mình từ dãy núi Đâu-rô đến bờ A-mua, còn thủy quân lục chiến Nga thì bao vây những hải cảng tuyệt vời của Mãn Châu

Lý bằng những pháo đài kiên cố. Chính sự cuồng nhiệt của người Trung Quốc phương Nam trong cuộc đấu tranh của họ chống người nước ngoài hình như nói lên ý thức về nguy cơ to lớn đang đe dọa nước Trung Hoa cũ. Không bao lâu nữa, ngay cả chúng ta cũng sẽ là những người chứng kiến giờ phút hấp hối của đế chế cổ đại nhất thế giới và bên cạnh đó là bình minh của một kỷ nguyên mới đối với toàn châu Á.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào khoảng 20 tháng
Năm 1857*

*Đã đăng trên báo "New-York Daily
Tribune" số 5032, ngày 5 tháng Sáu 1857*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

NHỮNG SỰ VẠCH TRẦN ĐÁNG CHÚ Ý

Luân Đôn, ngày 26 tháng Năm 1854

Bài phát biểu của ông Ô'Đôn-nen ngày 18 tháng Năm ở Thượng nghị viện Tây Ban Nha có những điều tố giác hết sức kỳ thú về lịch sử bí mật của Tây Ban Nha hiện đại. Vì việc ông phản bội Ê-xpác-te-rô và coup d'état^{1*} của ông đã dọn đường cho Nác-va-ê-xơ, cho nên polacos¹⁹², đến lượt mình, giờ đây lại tìm cách thoát khỏi tay này. Nhằm mục đích đó, người ta đã thôi thúc tướng Ca-lon-gơ, người đã đích thân tham gia cuộc nổi dậy của phái Cri-xti-na năm 1843 và là đại tướng Pam-plô-na vào lúc cách mạng bùng nổ năm 1854, đề xuất - vào ngày 18 tháng Năm, lúc thượng nghị viện tranh cãi về thư thỉnh nguyện gửi nữ hoàng - một loạt sửa đổi vào khoản khuyến nghị đại ân xá. Kịch liệt công kích những cuộc nổi dậy của quân đội nói chung, và cuộc nổi dậy của quân đội năm 1854 nói riêng, ông ta đòi không được để cho chính sách vô về, vốn bảo đảm là không trừng trị một ai - dẫn tới chỗ khích lệ *những kẻ làm loạn bất trị*. Đồn này, do bạn bè của Xác-tơ-ri-út, nghĩ ra trước đây, đã nhằm chống Ô'Đôn-nen cũng như chống cả công tước Va-lép-xki (Nác-va-ê-xơ). Thực ra, nhóm polacos khẳng định

1* - cuộc đảo chính

rằng Ô'Đôn-nen hẳn là đã lợi dụng ngay cơ hội đầu tiên để vạch trần Nác-va-ê-xơ là người đã mật báo với ông ta về cuộc nổi dậy trong doanh trại vệ binh. Tướng Ca-lon-gơ chính là người đã để cho Ô'Đôn-nen có thể làm được như vậy. Để có thể ngăn chặn nguy cơ bùng nổ, Nác-va-ê-xơ dám dùng đến một thủ đoạn tuyệt vọng. Ông ta, con người của trật tự, đã biện hộ cho cuộc cách mạng năm 1854, cuộc cách mạng mà, như ông nói, "được cổ vũ bởi chính lòng yêu nước cao quý và bị kích động bởi những sự thái quá của những nội các trước đây". Như vậy, ngay lúc ông Đờ Nô-xê-đan, bộ trưởng nội vụ, đưa ra trước nghị viện đạo luật hà khắc về báo chí thì Nác-va-ê-xơ, người đứng đầu chính phủ, đã hành động tại thượng nghị viện với tư cách là advocatus diaboli^{1*}, nói cách khác, là chiến sĩ bảo vệ cuộc cách mạng và cuộc nổi dậy của quân đội. Song vô ích. Trong suốt phiên họp tiếp sau của thượng nghị viện, ngày 18 tháng Năm, Nác-va-ê-xơ, người mà nhóm polacos buộc phải rút lui ý kiến của mình về việc lên án những "nội các trước đây", lại đồng thời bị dày vò vì những lời tố giác của Ô'Đôn-nen làm mất uy tín ông ta mà chính ông ta cho là xác thực, sau khi đã tỏ ra bất bình vì "Ô'Đôn-nen đã tiết lộ những cuộc nói chuyện riêng và mật" và nêu câu hỏi là "giờ đây làm sao có thể tin vào tình bạn". Dưới con mắt của triều đình thì Nác-va-ê-xơ giờ đây là kẻ phản nghịch đã bị vạch trần, và rồi sẽ buộc phải nhường đường cho Bra-vô Mu-ri-li-ô và Xác-tơ-ri-út - những kẻ tiên khu đương nhiên của một cuộc cách mạng mới.

Những dòng dưới đây là dịch sát đúng lời của Ô'Đôn-nen:

Ô'Đôn-nen: Tôi không thể im lặng trong cuộc tranh luận chính trị đặc sắc này sau khi những sự kiện quan trọng đến như vậy đã xảy ra từ phiên họp sau cùng của thượng nghị viện. Vai trò tôi đóng trong những sự kiện này buộc tôi phải lên tiếng. Là thủ lĩnh cuộc khởi nghĩa trong doanh trại vệ binh; tác giả bản cương lĩnh Man-xa-na-rê-xơ; là bộ trưởng chiến tranh nội các của công tước Vích-to-ri-a, người mà hai năm sau đó, trong những hoàn cảnh long trọng được ngôi vua giao cho sứ mệnh cứu lấy ngôi vua ấy và cứu lấy xã hội đang lâm nguy; là người

1* - kẻ bảo vệ quỷ sứ

có hạnh phúc đạt được kết quả ấy mà không cần phải đổ một giọt máu nào sau cuộc giao tranh, hoặc phải tuyên một bản án trực xuất nào, - tôi buộc phải thấy mình có nghĩa vụ tham gia cuộc tranh luận hiện đang diễn ra. Và hẳn sẽ là một tội phạm nếu giữ im lặng sau những lời tướng Ca-lon-gơ buộc tội tôi và các vị tướng đáng kính đã gắn bó với tôi trong suốt hai năm trời, và trong những ngày khủng hoảng đã giúp vào việc cứu vớt xã hội và ngôi vua. Tướng Ca-lon-gơ đã mô tả cuộc khởi nghĩa như một cuộc nổi loạn đơn thuần trong doanh trại vệ binh. Tại sao vậy? Lẽ nào ông ta lại chổng quên tất cả những sự kiện xảy ra trước cuộc khởi nghĩa và giá như chúng diễn biến bình thường thì hẳn đã đẩy đất nước vào cuộc cách mạng mà không thể nào trấn áp nổi? Tôi tỏ lòng biết ơn vị chủ tịch hội đồng bộ trưởng về việc ông đã kiên quyết bác bỏ những lời buộc tội của tướng Ca-lon-gơ. Đành rằng, khi làm như vậy, ông đã bộc lộ sự cương nghị của một con người đang bảo vệ chính sự nghiệp của mình. (Mọi người sững sốt). Buộc lòng phải trình bày những chi tiết cần thiết để xác nhận điều này, và cố gắng trước hết là gạt bỏ tất cả những gì có thể mang tính cách cá nhân ra khỏi cứ liệu của những cuộc tranh cãi, tôi hẳn rất biết ơn vị chủ tịch hội đồng bộ trưởng nếu như ngài sẵn lòng giải đáp cho những câu hỏi sau đây: Phải chăng công tước Va-lép-xki từ năm 1852 đã gắn bó chặt chẽ với các tướng ở Vi-can-va-rô? Phải chăng ông ta đã được thông báo về tất cả những hành động của họ từ lúc thượng nghị viện kết thúc kỳ họp sau lần biểu quyết thứ 105? Phải chăng ông ta định liên kết với họ để nhờ họ mà đạt được mục đích của mình? Phải chăng, không có khả năng hành động như vậy vì những lý do mà tôi coi trọng, ông ta về sau dù sao cũng phải một trong những sĩ quan tùy tùng của mình đến chúc mừng thắng lợi của chúng ta?

Nác-va-ê-xơ: Sau những lời của bá tước Luy-xen-xki nói với tôi, tôi phải tuyên bố rằng, bất luận quan hệ trước đây giữa chúng tôi như thế nào thì tôi cũng không hề tham gia bằng bất cứ cách nào vào mọi chuyện ông ta bày ra và sau đó đem thực hiện, cũng như vào bất cứ hình thức gì mà ông ta đã bày ra và thực hiện những kế hoạch của mình.

Ô Đôn-nen: Vị chủ tịch nội các đã trả lời dưới hình thức mà ngài coi là thích hợp nhất. Tôi rất muốn không phải giải thích thêm, song vì buộc phải làm điều đó nên tôi sẽ nói ra. Ai cũng biết là, vào năm 1852, trong chính trị bao trùm sự yên tĩnh tuyệt đối. Thật rủi ro cho chính phủ và đất nước, ít lâu sau đã có người nói

đến "cải cách hiến pháp", thoát đầu thì rì rầm thôi. Các ngài thượng nghị sĩ hẳn còn nhớ đến nỗi lo âu vì nguy cơ đứng trước coup d'état. Hẳn họ không quên vô vàn liên minh xuất hiện lúc đó trong các nhà chính trị, trong những liên minh này người ta đã quyết định gửi thư thỉnh nguyện lên nữ hoàng. Có nhiều người đã cùng ký tên vào, thư thỉnh nguyện này, nhưng nó đã không được chuyển theo địa chỉ đã định. Các nghị viện đã được dựng lên và ít ngày sau đó, tờ "Gaceta" đăng những dự án vốn gây ra ngay trong nghị viện này cái ấn tượng là chính phủ đã bị thất bại nghiêm trọng trong cuộc bầu cử chủ tịch. Sau đó, các nghị viện đã bị giải tán. Bấy giờ, để tỏ thái độ phản đối biện pháp này, những nhân vật quan trọng nhất trong đảng ôn hoà đã liên kết lại với nhau; công tước Va-lép-xki được cử làm chủ tịch khối liên hợp này. Vì sợ dường như chính phủ sẽ ngăn trở những liên hợp đó, một uỷ ban đã được thành lập, công tước Va-lép-xki lại được cử làm chủ tịch và trong đó, các ông Môn, Pi-đan, và những nhân vật quan trọng khác là những thành viên tích cực nhất. Ngoài việc phản kháng, uỷ ban này còn nêu vấn đề về tính pháp chế của những cuộc tuyển cử mới để thảo luận. Qua hai hoặc ba ngày sau khi công tước Va-lép-xki đi Bai-on-nơ, nội các Bra-vô Mu-ri-li-ô xin từ chức. Bra-vô Mu-ri-li-ô được bá tước Đờ An-ca thay thế. Sự chống đối vẫn nằm trong thành phần cũ và, khi nghị viện được triệu tập thì thượng nghị viện nhận được bản tuyên ngôn do công tước Va-lép-xki soạn thảo. Thượng nghị viện đã bác bỏ nó, nhưng sau đó rõ ràng là sự chống đối đã có những quy mô đáng sợ. Nội các của bá tước Đờ An-ca bị thay thế bởi nội các của tướng Léc-xun-đi, rồi sau đó nội các của bá tước Xan-Lui-xơ được thành lập. Tôi tiếc là buộc phải đi sâu vào một vài chi tiết, song đã đến lúc phải nói về những liên hệ chính trị của riêng tôi với những người liên kết với tôi trong doanh trại vệ binh. Trước khi công tước Va-lép-xki trở về Tây Ban Nha, tôi đã tiếp - cũng như mỗi người chúng ta đã làm - một trong những người tin cẩn của ông, trước đó ông đã chuyện trò rất lâu với người này. Trong buổi nói chuyện ấy, sau khi tỏ ý phản nản về tình hình đất nước, và lo lắng về nguy cơ đe dọa ngôi vua và hiến pháp thì công tước nói là chỉ còn mỗi một lối thoát: dùng bạo lực. (Hội trường sững sốt). Nội các Xác-tơ-ri-út đã ban cho công tước Va-lép-xki quyền trở về Tây Ban Nha. Thoạt đầu ông đến Ma-đrít, rồi đi xa tới A-ran-hu-ê-xơ. Ở đấy chúng tôi có một cuộc họp với ông ta. Ông nói với chúng tôi về những tình cảm yêu nước của mình, những tình cảm mà tôi sẵn sàng hoan nghênh, mặc dù tôi không thể nào ủng hộ một nội các do ông đứng đầu vào lúc đó. Ông tuyên bố rằng tình hình bấy giờ

không thể tránh khỏi việc dùng vũ lực, rằng vì một vài lý do nên ông không thể xuất hiện đầu tiên, song lưỡi kiếm thứ hai tuốt ra khỏi vỏ sẽ là của ông. Ông nói thêm là trong tình hình hiện tại, cuộc nổi dậy của hai trung đoàn kỵ binh đã đủ để cơ thể quyết định làm cách mạng. Lời tuyên bố này được nêu ra trước chúng tôi một cách kiên quyết nhất. Các nghị viện được khai mạc. Hoàn toàn tin tưởng rằng mọi phương tiện hợp pháp đều vô ích, công tước Va-lép-xki, lẽ ra xuất hiện ở thượng nghị viện và nắm lấy sự lãnh đạo phái đối lập thì đã rời đi Lô-kha. Mọi người đều biết cái gì đã xảy ra sau đó ở các nghị viện; ai cũng còn nhớ một biểu quyết nổi tiếng thứ thứ 105. Thế nhưng chính phủ lại không thấy cần phải từ chức. Các nghị viện bị giải tán và sau đó thiết lập chế độ truy nã chưa từng thấy. Những vị tướng, những nhà hoạt động chính trị xuất sắc nhất đã biểu quyết chống nội các, những nhà báo có thái độ chống đối đều bị trục xuất. Có những thay đổi căn bản theo mọi hướng đã được công bố. Người ta tuyên bố phát hành công trái cưỡng bức. Tóm lại, chính phủ tự đặt mình ra ngoài pháp luật. Giờ đây, tôi xin hỏi các vị: các vị có dám khẳng định rằng ở đất nước này, nơi mà tất cả các đảng đều đứng về phía đối lập, luôn luôn tổ chức những vụ âm mưu, có lúc nào đấy lại có một cuộc cách mạng hợp pháp hơn so với cuộc cách mạng năm 1854 không? Còn tôi, tôi rời bỏ ngôi nhà nhỏ, nơi tôi đã ẩn mình trong suốt sáu tháng trời. Tôi đã rời bỏ nó, lên ngựa, cùng đi với ít vị tướng và một vài trung đoàn, nhằm lật đổ một chính phủ đã chà đạp một cách vô liêm sỉ hiến pháp mà tôi đã thể bảo vệ với tư cách một vị tướng và một thượng nghị sĩ. Chúng tôi đã tới Vi-can-va-rô, nơi mà, thật đau đớn xiết bao cho tôi, cuộc giao tranh đã xảy ra. Ở đấy không có kẻ thắng, người bại. Quân của hai bên đều chiến đấu dũng cảm. Đội vệ binh buộc phải quay về Ma-đrít, còn chúng tôi ở lại Vi-can-va-rô. Đến ngày hôm sau, như đã ước hẹn với công tước Va-lép-xki, chúng tôi hành quân qua A-ran-hu-ê-xơ theo hướng An-đa-lu-di-a. Tướng Xéc-ra-nô, người đã hứa ủng hộ chúng tôi, dừng chân một lúc ở tỉnh Ha-en. Chúng tôi đến Man-xa-na-rê-xơ, nơi ông đã gặp chúng tôi, ông đã nói rõ là những ai hứa theo ông đều đã bỏ chạy tán loạn và ông một mình ở lại để cùng chia sẻ số phận với chúng tôi. Chính lúc đó tôi đã ra một bản tuyên bố, và vì tôi không quen chối bỏ những hành động của chính mình cho nên tôi đã kể rõ những điều đã được chuẩn bị vào thời điểm ấy. Qua các phái viên, tôi được thông báo về mọi sự kiện ở Ma-đrít. Tất cả những nhân vật quan trọng trong phái ôn hoà đều đã được lôi cuốn vào phong trào. Chỉ diễn ra cái điều tất phải diễn ra: khi vạch ra một

biện pháp nào đó, ta hãy tính đến số lượng lớn những người mà bọn hăng hái nhất trong đó sẽ biến mất đi khi giờ hành động đã điểm. Người ta báo với chúng tôi là chúng tôi chắc hẳn không được nhân dân ủng hộ, vì chính phủ đang ra sức thuyết phục nhân dân rằng, nguyên nhân gây ra phong trào tựa hồ chỉ là những hiềm khích cá nhân và tựa hồ phong trào không hề có những nguyên tắc chính trị xác định nào. Đây là lý do để công bố bản Tuyên ngôn Man-xa-na-rê-xơ gồm hai điểm quan trọng:

Cuộc cải cách hiến pháp mà tôi, với tư cách chủ tịch nội các, về sau đệ trình lên nữ hoàng, và

Cảnh sát nhân dân, không phải dưới dạng nhưng nó đã được tổ chức trong thực tế, mà như chính tôi dự định xây dựng nó thành một yếu tố thực sự hữu hiệu của trật tự.

Chúng tôi rời Man-xa-na-rê-xơ và viết cho công tước Va-lép-xki một lá thư dưới ký tên tôi cùng bốn vị tướng: chúng tôi tuyên bố rằng nếu công tước đến với chúng tôi thì chúng tôi sẽ cử ông làm tổng tư lệnh. Công tước phái tới chỗ chúng tôi một sĩ quan tùy tùng, người này thông báo rằng ông ta ốm và bị quân chế nghiêm ngặt. Người ta nói rằng tựa hồ chúng tôi đã quyết định chạy sang Bồ Đào Nha. Đây là điều bịa đặt. Trái lại, chúng tôi quyết định tới Xê-ra-Mô-rê-na nhằm lập đội kỵ binh của mình ở Ba-ri-ô-xơ, để chặn tất cả xe tải chở lương thực và lợi dụng ngay thời cơ thuận lợi đầu tiên để tới Ma-đrít, khi đó bất ngờ chúng tôi được báo tin nội các Xéc-tơ-ri-út đổ và nữ hoàng hướng tới công tước Va-lép-xki. Từ lúc đó, sứ mệnh của tôi đã hoàn thành. Tướng Xan-Mi-ghen, bộ trưởng perinterim^{1*}, đã gửi cho tôi chỉ thị quay về Ma-đrít. Tôi đã tuân lệnh, sau khi quyết định dứt khoát không tham gia nội các. Ngôi vua đã đẩy công tước Vích-to-ri-a đi xa, tôi cắt đứt mọi quan hệ với ông kể từ năm 1840. Cũng chính những người về sau này buộc tội tôi đã liên kết với nội các của ông, đã đến với tôi đúng cái đêm tôi về đến Ma-đrít, khấn nài tôi nhận chức bộ trưởng chiến tranh, điều mà dường như là phương tiện duy nhất để cứu vãn trật tự và xã hội. Tất cả những nhân vật này đều thuộc đảng ôn hoà. Tôi đã gặp công tước Vích-to-ri-a và trong những quan hệ giữa tôi với ông lúc bấy giờ, tôi hẳn cảm thấy hết sức khó xử nếu như tuyên ngôn riêng của ông không giúp tôi loại bỏ được những lời vu khống độc địa. Ê-xpác-te-rô chân thành ôm lấy tôi và nói là đã đến lúc dẹp tất cả những

1* - lâm thời

mối bất hòa giữa những người Tây Ban Nha, là đã không thể chỉ dùng lực lượng một đảng để quản lý và ông quyết định dứt khoát cầu viện tất cả những người có uy tín và đức độ. Tôi đã tìm hiểu tình hình ở Ma-đrít. Chiến lũy vẫn còn, đội vệ binh còn rất ít người, song nhân dân luôn luôn vẫn có lương tri, đã gây cho tôi một niềm tin lớn lao. Cuộc gặp gỡ thứ hai giữa tôi với Ê-xpác-te-rô đã lạnh nhạt đi nhiều: ông đề nghị tôi giữ chức bộ trưởng ngoại giao và thuộc địa. Tôi tin cho ông biết rõ là khi tham gia nội các, tôi sẽ chỉ đồng ý giữ chức bộ trưởng chiến tranh. Bấy giờ ông nói với tôi là trong số tất cả những người khác thì tôi là kẻ thích hợp nhất để đảm đương chức vụ đại tướng ở Cu Ba. Tôi trả lời rằng, vì tôi đã ở chức vụ này rồi nên không muốn quay lại Ha-ba-na và tốt hơn là được lui về cuộc sống riêng, song tôi đã khấn nài ông hãy lập tức thành lập chính phủ và đừng để cho quốc dân phải tiếp tục chịu những sự đe dọa của chính quyền lâm thời. Chẳng bao lâu sau đó, tướng Xa-lan-xa, người thoát đầu được bổ nhiệm làm bộ trưởng chiến tranh, đã nhân danh Ê-xpác-te-rô mời tôi nhận chức bộ trưởng chiến tranh, và ngay đêm ấy tôi được dẫn tới tuyên thệ cùng với những bạn đồng nghiệp của mình. Đối với tôi, chỉ có hai con đường: hoặc để cho cách mạng diễn ra theo trình tự của nó chừng nào mà những hiện tượng quá khích của nó chưa gây ra phản ứng, hoặc ngăn chặn sự vận động của nó. Con đường thứ nhất dễ dàng hơn; danh dự của tôi và lợi ích của đất nước buộc tôi đi theo con đường thứ hai. Tôi không ân hận về điều này. Cuộc tranh luận thứ nhất của chúng ta đề cập tới nghị viện lập hiến. Ngài Cô-li-a-đô, người đang ngồi giữa chúng ta, biết mọi cuộc tranh cãi của chúng ta về vấn đề này. Nỗ lực của chúng ta không có kết quả. Sắc lệnh triệu tập các nghị viện đã được phê chuẩn. Tổng tuyển cử được tiến hành - không phải dưới áp lực của chính phủ như ông Pi-đan nói mà là trong điều kiện hoàn toàn tự do. Phần lớn các đại biểu là những người thành thực mong muốn hạnh phúc cho đất nước. Với một chính phủ cứng rắn thì hiến pháp hẳn đã được thông qua trong vòng bốn tháng. Song ai cũng rõ tính tình nhu nhược của Ê-xpác-te-rô, chẳng phải với tư cách người quân nhân mà với tư cách là nhà chính trị, sự nhu nhược của ông đã làm tê liệt bất cứ hành động nào của chính phủ. Tôi vẫn tiếp tục tham gia vào thành phần của chính phủ, tuyệt nhiên không phải để phản bội các bạn đồng nghiệp của mình như công tước Vích-to-ri-a đã tưởng nhầm. Tôi vẫn gắn bó với chức vụ của mình vì chính những lý do đã khiến tôi nhận lãnh nó. Tôi ở lại để có thể ngăn chặn sự phát triển tiếp tục của cuộc cách mạng”.

Sau khi đã bảo vệ một cách hết sức vụng về cho coup d'état của mình, Ô'Đôn-nen kết thúc diễn văn bằng lời tuyên bố là ông không thể ủng hộ nội các của thống chế Nác-va-ê-xơ "sau khi Nác-va-ê-xơ nói rõ dự định của mình là theo đuổi một đường lối chính trị không phù hợp với chính quyền có tính đại diện".

*Những lời phê bình về bài phát biểu của
Ô'Đôn-nen do C.Mác viết ngày 26 tháng
Năm 1857.*

*Đã đăng trên báo "New - York Daily Tri-
bune" số 5038, ngày 2 tháng Sáu 1857*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

C.MÁC

***ĐẠO LUẬT MỚI VỀ NGÂN HÀNG PHÁP**

Đạo luật mới về Ngân hàng Pháp¹⁹³ và việc chánh giám đốc, bá tước Đờ Ác-gu từ chức là những sự kiện khá nổi bật trong lịch sử tài chính của đế chế hiện nay. Được Lu-i - Phi-líp năm 1834 bổ nhiệm đứng đầu ngành Ngân hàng Pháp, ngài Đờ Ác-gu có nét nổi bật là trong suốt hai mươi ba năm đã bám chắc cái ghế của mình, cũng như nhờ thái độ thận trọng và sự chín chắn của mình mà đứng vững qua những cơn bão tố năm 1848 và năm 1851. Cuộc cách mạng năm 1848 nhằm chống lại không những Lu-i - Phi-líp mà còn chống lại nhiều hơn haute finance^{1*}, một giới có trung tâm là Ngân hàng Pháp. Bởi vậy có thể trông chờ rằng cơ quan này và con người đứng đầu nó mà không được lòng dân thì tự nhiên là sẽ trở thành những đối tượng đầu tiên chịu đòn đả kích của cách mạng. Chưa tự mình tính đến tình thế mới một cách đầy đủ, bá tước Đờ Ác-gu tưởng mình đủ mạnh để có thể bằng cách làm cho cuộc khủng hoảng tài chính trở nên gay gắt một cách giả tạo, khiến giai cấp tư sản phải hoảng sợ và đẩy nó vào con đường phản cách mạng. Nhằm mục đích đó, ông ta bắt thần đình chỉ phát hành tín dụng vốn là chỗ Pa-ri thương mại thường

1*- giới tài phiệt

quen dựa vào; song điều nguy hại lớn mà ông ta gây ra một cách có ý thức như vậy, đáng lẽ nhằm làm lung lay địa vị của chính phủ lâm thời thì quay ra chống lại chính ngân hàng. Bá tước Đờ Ác-gu chắc hẳn là sẽ có phản cách mạng thì thiên hạ lại đổ xô hàng loạt đi rút tiền tiết kiệm không đúng kỳ hạn khỏi Ngân hàng Pháp. Song nếu Đờ Ác-gu tính nhằm về lực lượng của nhân dân thì ông ta lại đánh giá sáng suốt gấp bội về khả năng của chính phủ. Ông ta không những thuyết phục được chính phủ cho những tín phiếu của ngân hàng một thị giá cường bách và ngoan ngoãn nhận vay với những điều kiện bất lợi nhất cho mình ở chính ngay cái cơ quan vừa mới được chính phủ cứu thoát khỏi sự phá sản hoàn toàn, ông ta còn lợi dụng cơ hội để tăng nguồn thu nhập của ngân hàng, sau khi đã lạy lục xin cho nó cái đặc quyền được phát hành tín phiếu với mệnh giá bé hơn và được mở rộng sự độc quyền sau khi tước bỏ của các ngân hàng địa phương quyền in giấy bạc. Những tín phiếu nhỏ nhất do Ngân hàng Pháp phát hành trước năm 1847 mệnh giá 500 phrăng, năm 1848 nó được phép phát hành những tín phiếu mệnh giá 200 và 100 phrăng. Những chi nhánh mới của Ngân hàng Pháp chiếm chỗ của các ngân hàng địa phương đã bị tước mất quyền phát hành tín phiếu trước đây. Do những sự thay đổi này mà tổng số những tín phiếu nó phát hành ra thị trường vào cuối năm 1847 vền vẹn có 48000000 đô-la thì cuối năm 1855 lên tới 122455000 đô-la, chu chuyển của nó vào năm 1847 chưa được 375000000 đô-la thì năm 1855 đã đạt tới 940600000 đô-la, trong đó 549000000 đô-la là do hoạt động của các chi nhánh, còn cổ phiếu của nó trước cách mạng thường được định giá khoảng 2 000 phrăng, thì nay bán với giá 4500 phrăng. Trước năm 1848, Ngân hàng Pháp là một cơ quan của Pa-ri, đúng hơn là của nước Pháp. Những đặc quyền mới mà chính phủ cách mạng ban cho nó đã biến nó thành một xí nghiệp tư nhân có quy mô quốc gia. Như vậy, nhờ có sự chỉ đạo khôn khéo của Đờ Ác-gu, sự độc quyền của bọn tài phiệt mà cuộc Cách mạng tháng Hai nhằm thủ tiêu, đã thông qua con đường của chính cuộc cách mạng này mà được mở rộng, được củng cố và được tổ chức lại.

Tai biến lớn thứ hai Đờ Ác-gu đã vấp phải diện đối diện là coup d'état mà thành công của nó chủ yếu tùy thuộc vào việc dùng bạo lực chiếm các kho của ngân hàng nằm dưới sự bảo trợ của bá tước Đờ Ác-gu. Chánh giám đốc có tính tình dễ dãi, không những nhắm mắt làm ngơ vụ trộm bể khoá mà Bô-na-pác-tơ đã tiến hành, mà còn góp phần lớn vào việc làm tan biến những dự cảm u tối của giới thương mại bằng cách vẫn ngồi lại ghế của mình lúc mà tất cả những người đứng đắn và có vẻ đứng đắn đã từ bỏ hàng loạt chức vụ hành chính, đe dọa nghiêm trọng làm phương hại đến kẻ tiếm quyền. Để khen thưởng những công lao quý giá này, Bô-na-pác-tơ đã đồng ý không vận dụng khả năng xét lại điều lệ ngân hàng vào năm 1855, khả năng đã được dự kiến trong lần sau cùng khôi phục đặc quyền của ngân hàng năm 1840. Đờ Ác-gu cũng giống như thống soái Xun-tơ, người bạn quá cố của ông, chỉ giữ vững lòng trung thành đối với chức vụ của mình và đồng lương của mình mà thôi. Việc ông ta từ chức chánh giám đốc Ngân hàng Pháp lúc này chỉ có thể giải thích bằng những lý do giống hệt lý do khiến chuột cống phải rời bỏ chiếc tàu đang chìm, như thiên hạ vẫn tin vậy.

Lịch sử đạo luật mới về Ngân hàng Pháp là một trong những cuộc mặc cả đen tối rất đặc trưng đối với thời đại của đế chế hiện nay. Vào lúc cuộc khủng hoảng tài chính bùng ra ở châu Âu cuối năm 1856, vấn đề thay đổi đạo luật hiện hành về Ngân hàng Pháp lần đầu tiên đã được đưa ra thảo luận với cái lý do có vẻ hợp lý là các hoạt động nghiệp vụ to lớn của ngân hàng dựa vào số vốn quá ư nhỏ bé. Trong suốt hơn sáu tháng trời có mặt Nápô-lê-ông III, đã diễn ra những cuộc họp kín giữa một bên là các đại diện của ngân hàng, với một bên là các nhà tài phiệt Pa-ri, các bộ trưởng và Hội đồng quốc gia. Tuy vậy, bản dự luật mà chúng ta đang nói đến, đã được đệ trình lên Corps Législatif^{1*} chỉ ngay trước lúc cơ quan này sắp bị giải tán hoàn toàn. Tại các cuộc thảo luận sơ bộ ở bureaux¹⁹⁴, bản dự luật đã bị công kích dữ dội; uỷ ban được chỉ định trình bày báo cáo về bản dự luật đã thật

1* - Hội đồng lập pháp

sự xé nát nó ra từng mảnh; thậm chí người ta đe dọa bác bỏ nó hoàn toàn. Song Bô-na-pác-tơ đã biết rõ thủ hạ của mình. Ông ta ra hiệu làm cho họ hiểu được rằng quyết định của chính phủ là cứng rắn và họ phải lựa chọn: hoặc thông qua dự luật hoặc bị mất những chức vụ béo bở trong cuộc tuyển cử sắp tới. Để giúp họ ly khai với những tàn tích cuối cùng của lương tâm, việc thảo luận bản dự luật được hoãn đến ngày cuối cùng của kỳ họp. Tất nhiên là sau đó bản dự luật đã được thông qua với một ít điều sửa đổi không đáng kể. Một đạo luật mà phải cần đến bấy nhiêu mưu kế để thông qua, thậm chí ở cái cơ quan như Corps Législatif, thì tính chất của nó tất phải như thế nào?

Thực ra, cả dưới thời đại Lu-i - Phi-líp, khi Ngân hàng Pháp và dòng họ Rốt-sin được chính thức trao quyền cấm chỉ tất cả những dự luật bất lợi đối với họ, không một bộ trưởng nào dám cả gan đề nghị với nhà nước đầu hàng hoàn toàn trước mặt họ đến như vậy. Giờ đây thì chính phủ lại từ bỏ cái quyền của mình đã được bảo đảm ngay trong văn kiện về ngân hàng năm 1846, là được đưa những điều sửa đổi vào đạo luật mới về Ngân hàng Pháp trước lúc nó hết thời hạn có hiệu lực. Những đặc quyền của ngân hàng còn có hiệu lực trong mười năm nữa, được người ta rộng lượng kéo dài ra một thời hạn mới là ba mươi năm. Ngân hàng được phép hạ giá tín phiếu xuống 50 phrăng; tầm quan trọng của biện pháp này sẽ trở nên rất dễ hiểu nếu chúng ta chỉ ra rằng việc áp dụng vào năm 1848 tín phiếu trị giá 200 và 100 phrăng cho phép ngân hàng thay khoảng 300000000 đô-la vàng và bạc bằng tiền giấy riêng của mình. Nhà nước không được xó mũi gì trong số những lợi nhuận to lớn mà dĩ nhiên ngân hàng sẽ vớ được nhờ biện pháp mới này. Ngược lại, nó phải trả cho ngân hàng một khoản về sự tín nhiệm, mà nhân danh nước Pháp, ngân hàng được giao phó. Ngân hàng Pháp được đặc quyền thành lập các chi nhánh của nó tại các quận chưa có chi nhánh, không phải với tính cách là sự nhượng bộ của chính phủ đối với nó mà ngược lại, với tính cách là sự nhượng bộ của nó đối với chính phủ. Việc cho phép thu của các khách hàng của ngân hàng nhiều hơn 6% theo

luật định, chỉ được quy định bởi một nghĩa vụ duy nhất là: nhập lợi nhuận thu được bằng cách đó vào tư bản của ngân hàng chứ không nhập vào lãi suất cổ phần hàng năm của nó. Việc giảm lợi tức phần trăm từ 4 xuống 3 trên tài khoản quỹ vãng lai ở ngân khố được đền bù quá mức bằng việc bãi bỏ điều khoản trong đạo luật năm 1840, điều khoản buộc ngân hàng tuyệt nhiên không được thu lợi tức phần trăm khi số tiền nợ của ngân khố hạ xuống thấp hơn 80000000 phrăng, - mà số tiền nợ này thì thường trung bình là 82000000 phrăng. Một ưu đãi cuối cùng, nhưng không kém phần quan trọng đối với ngân hàng là 91250 cổ phiếu lại được phát hành với giá trị danh nghĩa 1000 phrăng mỗi cổ phiếu nhằm phục vụ riêng cho các chủ nhân của 91250 cổ phiếu đang thực tế tồn tại, và vào lúc các cổ phiếu của ngân hàng hiện giờ được định giá tại Sở giao dịch mỗi cổ phiếu là 4500 phrăng, thì những cổ phiếu mới này phải được chuyển sang cho các cổ đông cũ theo giá 1100 phrăng. Đạo luật này nhằm hoàn toàn làm lợi cho giới tài phiệt ngân hàng trên lưng nhà nước, đây là một bằng chứng rất đáng tin cậy chỉ rõ Chính phủ Bô-na-pác-tơ đã lâm vào tình trạng tài chính khó khăn đến nhường nào. Với tính cách là vật ngang giá cho tất cả những nhượng bộ của mình, chính phủ nhận một số tiền là 200000000 đô-la, số tiền này ngân hàng buộc phải bỏ vào phiếu lợi tức ba phần trăm phát hành riêng cho mục đích này, giá tối thiểu của phiếu này được xác nhận là 75 phrăng. Hoạt động nghiệp vụ này hẳn hoàn toàn xác nhận dư luận được lan truyền ở châu Âu là, Bô-na-pác-tơ đã vay các kho bạc của ngân hàng một khoản tiền lớn và giờ đây đang lo sao cho những giao dịch gian lận của mình được che đậy dưới hình thức ít nhiều xứng đáng.

*Do C.Mác viết ngày 2 tháng Sáu 1857
Đã đăng làm xã luận trên báo "New -
York Daily Tribune" số 5045, ngày 20
tháng Sáu 1857*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

HIỆP ƯỚC VỚI BA TƯ

Luân Đôn, ngày 12 tháng Sáu 1857

Cách đây ít lâu, lúc huân tước Pan-móc-xơ ngay tại hạ nghị viện riêng của mình, bị chất vấn về chiến tranh Ba Tư, ông ta đã trả lời một cách giấu cợt: "Một khi *hoà ước* được phê chuẩn thì nghị viện mới có thể phát biểu ý kiến của mình về *chiến tranh*". Hoà ước ký ngày 4 tháng Ba 1857 tại Pa-ri và được phê chuẩn ở Bát-đa ngày 2 tháng Năm 1857, nay được đệ trình lên nghị viện. Nó gồm mười lăm điều khoản, trong đó có tám điều khoản rất quan trọng mà những hoà ước thường phải có. Điều V quy định quân đội Ba Tư phải rút khỏi lãnh thổ của công quốc và thành phố He-rát, cũng như khỏi tất cả những phần đất khác của Áp-ga-ni-xtan trong vòng ba tháng, kể từ ngày trao đổi những văn kiện đã được phê chuẩn. Theo điều khoản XIV, Chính phủ Anh, về phía mình, một khi điều khoản nói trên đã được thực hiện, phải "lập tức rút quân đội Anh khỏi tất cả các cảng, các căn cứ và các đảo thuộc Ba Tư".

Tuy vậy, nên nhớ rằng ngay trước lúc xảy ra vụ chiếm đóng Bu-sia, đại sứ Ba Tư là Phê-ru-khơ-han trong thời gian có những cuộc thương lượng kéo dài với huân tước Xơ-rát-phơ Đờ Rết-clíp-phơ ở Công-xăng-ti-nô-pơ, đã theo sáng kiến riêng đề xuất

ý kiến rút quân đội Ba Tư khỏi He-rát. Như vậy, điều lợi mới duy nhất mà nước Anh có thể rút ra từ điều khoản này chỉ hạn chế trong đặc quyền được giữ quân đội lại trong mùa thời tiết xấu nhất với những đơn vị đã bị trói chặt vào một vùng đất khắc nghiệt của Đế chế Ba Tư. Những cảnh hoang tàn khủng khiếp mà mặt trời, đầm lầy và biển cả gây ra trong những tháng hè ngay giữa thổ dân ở Bu-sia và Mô-ham-mê-ra, đã được các nhà văn cổ đại và hiện đại nói tới trong những cuốn biên niên sử; song có đáng viện dẫn chúng ra hay không, khi mà cách đây vẹn vẹn có mấy tuần thôi, một người am hiểu tường tận sự việc này, mà hơn nữa lại là tay chân thân tín của Pan-móc-xtơn, ông Hen-ri Rô-lin-xơn, đã công khai tuyên bố rằng quân Anh - Ấn nhất định sẽ bị tiêu diệt vì cái khí hậu khủng khiếp này? Tờ "Times" ở Luân Đôn, sau khi nhận được tin chiến thắng ở Mô-ham-mê-ra, đã lưu ý ngay đến một điều là, mặc dầu có hoà ước, vẫn cần phải di chuyển đến Si-ra-dơ để cứu nguy cho quân đội. Viên đô đốc và viên tướng thống lĩnh đội quân viễn chinh đã tự vẫn chẳng qua cũng chỉ vì họ quá lo lắng đến số phận có thể xảy ra cho quân đội, mà theo chỉ thị của chính phủ thì họ không được đem quân tiến xa hơn Mô-ham-mê-ra. Như vậy, có thể chắc chắn chờ đợi việc lập lại cái tai họa Crưm với quy mô nhỏ hơn, tai họa lần này không phải do những nhu cầu của chiến tranh cũng như những sai lầm thô bạo của chính phủ, mà là do những điều kiện của hiệp ước được thảo ra bằng lưỡi kiếm của kẻ chiến thắng. Trong những điều khoản nói trên của hiệp ước có một câu, nếu Pan-móc-xtơn muốn, có thể trở thành "một nguyên nhân nhỏ gây ra xung đột".

Điều XIV quy định việc "quân Anh rút khỏi tất cả các cảng, các căn cứ và các đảo *thuộc Ba Tư*". Nhưng ngay ở đây nảy sinh một vấn đề phải tranh cãi: thành phố Mô-ham-mê-ra có *thuộc* Ba Tư hay không? Người Thổ Nhĩ Kỳ không bao giờ chịu từ bỏ tham vọng chiếm cái địa điểm này nằm ở châu thổ sông Ô-phrát và đối với họ là một hải cảng duy nhất bao giờ cũng vào được, nằm trên sông này, bởi vì cảng Ba-xra vào những thời gian nhất định trong năm sẽ trở nên quá hẹp đối với những tàu có trọng tải lớn. Như

vậy, nếu Pan-móc-xtơn nghĩ ra thì ông ta sẽ có thể chiếm giữ Mô-ham-mê-ra với lý do là nó không "thuộc" Ba Tư và phải đợi giải quyết dứt khoát vấn đề biên giới này giữa Thổ Nhĩ Kỳ và Ba Tư.

Điều khoản VI quy định rằng Ba Tư thoả thuận:

"từ bỏ tất cả những tham vọng về chủ quyền trên lãnh thổ công quốc và thành phố He-rát cũng như trên các vùng đất đai của Áp-ga-ni-xtan"; "tự kiềm chế mọi sự can thiệp vào công việc nội bộ của Áp-ga-ni-xtan"; "công nhận nền độc lập của He-rát và của toàn bộ Áp-ga-ni-xtan và vĩnh viễn từ bỏ ý đồ vi phạm nền độc lập của các quốc gia này", trường hợp có những sự bất hòa giữa He-rát và Áp-ga-ni-xtan thì kêu gọi đến "sự giúp đỡ hữu nghị của Chính phủ Anh nhằm mục đích khắc phục những sự bất hòa này và chỉ dùng vũ khí trong trường hợp những sự giúp đỡ hữu nghị đó không mang lại kết quả mong muốn".

Đến lượt mình, Chính phủ Anh phải

"luôn luôn tác động tới các quốc gia Áp-ga-ni-xtan nhằm phòng ngừa trước những nguyên cơ gây ngờ vực có thể nảy sinh từ phía họ", và "ra sức cố gắng để dàn xếp những cuộc tranh chấp những phương thức chính nghĩa và phù hợp với danh dự của Ba Tư".

Như vậy, nếu cỏi bỏ khỏi điều khoản này những lời lẽ công thức thì nó chẳng có ý nghĩa nào khác ngoài việc Ba Tư công nhận nền độc lập của He-rát, nghĩa là một sự nhượng bộ mà, theo lời tuyên bố của Phê-ru-khơ-han, ông ta đã sẵn sàng chấp nhận ngay từ hồi có những cuộc hội đàm ở Công-xtăng-ti-plơ. Đành rằng, theo điều khoản này, Chính phủ Anh được xác định là người trung gian chính thức giữa Ba Tư và Áp-ga-ni-xtan, song ngay từ đầu thế kỷ này nó đã luôn luôn đóng vai trò đó rồi. Thế còn về sau này nó có đảm nhiệm được vai trò đó hay không thì đó là vấn đề sức mạnh chứ không phải vấn đề quyền. Thêm vào đấy, nếu một Hu-gô Grôt-xi, nào đó tìm được cho mình một chỗ nương thân trong triều đình nhà vua tại Tê-hê-ran thì ông ta sẽ giảng giải cho triều đình này là, theo *jus gentium*^{1*} mọi điều khoản mà căn cứ vào đấy một quốc gia độc lập cho phép một chính phủ nước ngoài có quyền can thiệp vào quan hệ quốc tế của mình đều không có

1*- luật pháp quốc tế

hiệu lực, và điều khoản đã ký với nước Anh lại càng không có hiệu lực, vì nó coi Áp-ga-ni-xtan như một quốc gia thực sự mà Áp-ga-ni-xtan thì vốn chỉ là một danh từ thi vị để chỉ những bộ lạc và những quốc gia khác nhau. Về mặt ngoại giao, quốc gia Áp-ga-ni-xtan cũng không hơn gì quốc gia Liên Xla-vơ.

Điều khoản VII quy định rằng, trong trường hợp những quốc gia Áp-ga-ni-xtan có sự vi phạm nào đó vào biên giới Ba Tư thì "Chính phủ Ba Tư có quyền áp dụng hành động quân sự để trấn áp và trừng phạt kẻ xâm lược"; song "phải rút quân đội về lãnh thổ của mình một khi nó đã hoàn thành nhiệm vụ", - điều khoản này thực ra chỉ là lặp lại đúng từng chữ điều khoản trong hiệp ước năm 1852, điều khoản đã tạo ra lý do trực tiếp cho cuộc chinh phạt Bu-sia, chứ không có gì khác.

Theo điều khoản IX, Ba Tư thoả thuận về việc thành lập và công nhận - những chức vụ tổng lãnh sự Anh, các lãnh sự, các phó lãnh sự, và nhân viên các lãnh sự quán Anh, thêm vào đó là những người này được quyền sử dụng các đặc quyền dành cho một tối huệ quốc; song theo điều XII Chính phủ Anh phải từ bỏ

"quyền bảo hộ kể từ nay về sau đối với bất cứ một thần dân nào của Ba Tư mà thực tế không nằm trong số người phục vụ cho phái đoàn Anh hoặc các tổng lãnh sự, lãnh sự, phó lãnh sự và nhân viên lãnh sự quán Anh".

Vì Phê-ru-khơ-han ngay hồi đầu chiến tranh đã thoả thuận thành lập các lãnh sự quán Anh ở Ba Tư, cho nên bản hiệp ước hiện nay chỉ thêm vào điều khoản này việc nước Anh từ bỏ quyền bảo hộ những thần dân Ba Tư, từ bỏ chính cái quyền vốn đã là một trong những nguyên nhân chính thức gây ra chiến tranh^{1*}. Áo, Pháp và những nước khác đã thành lập được lãnh sự quán của mình tại Ba Tư mà không cần đến những cuộc chinh phạt ăn cướp nào cả.

Cuối cùng, bản hiệp ước lại một lần nữa buộc triều đình Tê-hê-ran phải tiếp nhận ngài Ma-ri và buộc phải xin lỗi ông này vì trong một bức thư của vua viết cho xa-đra-dam^{1*} đã nói ông Ma-ri là "một con người dốt nát, bất lịch sự và ương gàn", là

"thằng dần" và là tác giả của cái "văn kiện thô lậu, vô nghĩa và đáng kinh tởm". Đương thời Phê-ru-khơ-han cũng đã đề nghị gửi lời xin lỗi ông Ma-ri nhưng bảy giờ Chính phủ Anh bác bỏ đề nghị này, đòi xa-đra-dam phải từ chức và đòi phải tổ chức việc đón tiếp ông Ma-ri vào Tê-hê-ran một cách trọng thể trong tiếng "kèn, sáo, thụ cầm, trường hiệu, náo bạt, đàn xi-ta và các nhạc cụ khác". Vì ông ta hồi làm tổng lãnh sự ở Ai Cập đã nhận quà riêng của ông Ba-rô tặng; vì ngay lần đầu tiên tới Bu-sia ông đã gửi ra chợ bán công khai số thuốc lá được người ta tặng hồi bảy giờ nhân danh vua; vì ông ta ra mắt như một hiệp sĩ đi du sơn du thủy bên cạnh một bà người Ba Tư có tư cách đáng ngờ, - ông Ma-ri không thể gọi lên cho công chúng phương Đông một ý niệm quá cao về lòng hào hiệp và phẩm cách tốt đẹp của người Anh. Bởi vậy việc bắt buộc Ba Tư một lần nữa phải để cho ông ta tới triều đình Ba Tư - phải được xem là một thành công khá đáng ngờ. Ngoài những đề nghị mà Phê-ru-khơ-han đưa ra trước lúc bắt đầu cuộc chiến thì hiệp ước nói chung không có lấy một điều khoản nào đáng để tốn giấy mực, chứ chưa nói là xứng với tiền bạc và xương máu đã đổ ra. Rốt cuộc, có thể thừa nhận điều sau đây là cái lợi thuần túy rút ra được từ cuộc chinh phạt Ba Tư: lòng căm thù mà nước Anh đã khơi lên khắp toàn bộ Trung Á đối với bản thân mình; sự bất mãn ở Ấn Độ đã tăng lên do việc đưa quân Ấn Độ đi và do những gánh nặng mới đè lên ngân khố Ấn Độ; sự lặp lại gần như không tránh khỏi cái tai hoạ Crưm mới; sự thừa nhận vai trò trung gian chính thức của Bô-na-pác-tơ giữa nước Anh và các quốc gia ở châu Á và, cuối cùng, việc nước Nga thu được hai dải đất có tầm quan trọng lớn lao: dải thứ nhất ở biển Ca-xpien và dải thứ hai ở biên giới biển phía bắc của Ba Tư.

*Do C.Mác viết ngày 12 tháng Sáu 1857
Đã đăng trên báo "New - York Daily Tri
bune" số 5048, ngày 24 tháng Sáu 1857*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

1*- thủ tướng

C.MÁC

KHỞI NGHĨA TRONG QUÂN ĐỘI ẤN ĐỘ¹⁹⁶

Nguyên tắc của La Mã *divide et impera*^{1*} là nguyên tắc cơ bản mà dựa vào đó nước Anh trong khoảng một trăm năm mươi năm đã khôn khéo giữ được Đế chế Ấn Độ nằm trong thuộc địa của mình. Sự hằn thù giữa các chủng tộc, các bộ lạc, các đẳng cấp, các tôn giáo và các quốc gia khác nhau tập hợp lại thành một chỉnh thể địa lý được gọi là Ấn Độ, - sự hằn thù này bao giờ cũng vẫn là một nguyên tắc sống còn của sự thống trị của Anh. Song thời gian gần đây hoàn cảnh của sự thống trị này đã đổi thay. Với việc chiếm Xin-đơ và Pen-giáp¹⁹⁷, Đế chế Anh - Ấn không những đã đạt được những biên giới tự nhiên của mình mà còn quét sạch được cả những dấu vết cuối cùng của nền độc lập của các quốc gia Ấn Độ. Tất cả các bộ lạc bản xứ có tinh thần quật cường chiến đấu đã bị khuất phục, tất cả những cuộc xung đột nội bộ nghiêm trọng đã bị chấm dứt, và việc sáp nhập Au-đơ¹⁹⁸ mới gần đây cũng chỉ ra khá rõ ràng những tàn tích của những cái gọi là các công quốc Ấn Độ độc lập chỉ tồn tại chừng nào người ta còn chịu đựng được. Do đó, có sự thay đổi lớn trong tình hình của Công ty Đông Ấn. Nó không còn dựa vào sự giúp đỡ của

1* - chia để trị

bộ phận này để tấn công vào bộ phận khác của Ấn Độ nữa, mà đứng đầu đất nước, và toàn thể Ấn Độ nằm dưới chân nó. Nó đã trở thành kẻ xâm lược *duy nhất* của đất nước mà không còn tiến hành thêm các cuộc xâm lược nữa. Quân đội nằm dưới quyền chi phối của nó có nhiệm vụ không còn là mở rộng các vùng đất đai nó đã chiếm được mà là bảo vệ chúng. Từ người lính, họ biến thành cảnh sát; 200000000 người dân bản xứ bị duy trì trong vòng kim kẹp bởi đạo quân bản xứ gồm 200000 người với những sĩ quan là người Anh, còn đạo quân bản xứ này đến lượt nó, lại được quân đội Anh gồm cả thủy 40000 người cầm cương. Thoạt trông qua cũng thấy rất rõ là, sự ngoan ngoãn phục tùng của nhân dân Ấn Độ là dựa trên lòng trung thành của quân đội bản xứ, khi xây dựng đội quân này, những nhà cầm quyền Anh đồng thời cũng đã tổ chức lần đầu tiên một trung tâm đề kháng chung mà trước đó nhân dân Ấn Độ chưa bao giờ có. Những cuộc nổi dậy gần đây bùng ra ngay sau khi cuộc chiến tranh với Ba Tư đã rút đi hầu hết lính Âu khỏi phủ tổng thống ở Ben-gan, cũng đã chỉ rõ đội quân bản xứ này có thể tin cậy đến đâu. Trước đây, trong quân đội Ấn Độ cũng đã có những cuộc khởi nghĩa bùng ra, nhưng cuộc khởi nghĩa hiện nay¹⁹⁹ có những dấu hiệu đặc trưng và đáng sợ. Đây là lần đầu tiên những trung đoàn Xi-pai đã giết hàng loạt sĩ quan người Âu của mình; người Hồi giáo và người Ấn Độ giáo quên mối ác cảm đối với nhau, đã liên hiệp chống lại những ông chủ chung của mình, "những vụ lộn xộn bắt đầu trong những người Ấn Độ giáo thực tế đã dẫn đến việc tôn nhà vua người Hồi giáo lên ngôi ở Đê-li"; cuộc khởi nghĩa không bị hạn chế trong một số địa phương nữa, và cuối cùng, lần đầu tiên cuộc khởi nghĩa trong quân đội Anh - Ấn trùng hợp với biểu hiện của sự bất mãn phổ biến của các dân tộc lớn ở châu Á đối với sự thống trị của Anh, vì cuộc khởi nghĩa của quân đội Ben-gan đương nhiên là gắn bó chặt chẽ với những cuộc chiến tranh ở Ba Tư và Trung Quốc.

Như người ta khẳng định, nguyên nhân của sự bất mãn trong quân đội Ben-gan, sự bất mãn mà bốn tháng trước đây đã bắt

dầu lan rộng, là ở chỗ người bản xứ lo sợ chính phủ tìm cách can thiệp vào công việc tôn giáo của họ. Dấu hiệu báo trước những vụ lộn xộn ở địa phương là việc phát những viên đạn bọc trong giấy, như người ta nói, có bôi mỡ bò và mỡ lợn, nhưng vì đạn thì chắc chắn sẽ xé thủng cho nên người bản xứ xem đây là sự xúc phạm đến những điều cấm kỵ trong tôn giáo của họ. Ngày 22 tháng Giêng, những trại lính đóng gần Can-cút-ta bị đốt cháy. Ngày 25 tháng Hai, bùng ra cuộc khởi nghĩa ở trung đoàn bản xứ số 19 tại Béc-ham-pua, nhân việc binh lính trung đoàn này nổi lên chống lại việc phân phát những viên đạn nói trên. Ngày 31 tháng Ba, trung đoàn này bị giải tán. Cuối tháng Ba, binh lính trung đoàn Xi-pai số 34 đóng ở Ba-rắc-pua đã để cho một trong những chiến hữu của mình cầm súng đã lên đạn tiến lên trước hàng quân đang đứng trên bãi tập, và sau khi anh kêu gọi họ khởi nghĩa thì người ta đã không ngăn cản anh xông tới viên sĩ quan phụ tá và viên trung đoàn trưởng và làm họ bị thương. Lúc xảy ra cuộc hỗn chiến sau đó, có hàng trăm người Xi-pai đứng khoanh tay nhìn, còn những người còn lại thì tham chiến và xông tới các sĩ quan, lấy báng súng nện vào họ. Sau đó, trung đoàn này cũng bị giải tán. Tháng Tư được đánh dấu bằng những vụ đốt trại trong một số đơn vị đồn trú của quân đội Ben-gan, đó là các đơn vị ở A-la-ha-bát, A-gra, Am-ba-la, bằng việc nổi dậy của trung đoàn 3 khinh kỵ binh ở Mi-rút và bằng những biểu hiện bất mãn tương tự như thế trong các quân đội ở Ma-đrát và Bom-bay. Đầu tháng Năm, rục rịch khởi nghĩa ở Lác-nau, thủ đô Au-đơ, nhưng cuộc khởi nghĩa này được ngăn chặn bằng những hành động nhanh chóng của ngài G. Lô-ren-xơ. Ngày 9 tháng Năm, nghĩa binh trung đoàn 3 khinh kỵ binh Mi-rút bị tổng giam theo những hạn tù khác nhau mà họ đã bị tuyên án. Chiều hôm sau, binh sĩ trung đoàn 3 kỵ binh cùng với hai trung đoàn bản xứ, trung đoàn 11 và trung đoàn 20, đã tập trung trên bãi tập, giết chết những sĩ quan tìm cách trấn an họ, đốt cháy những trại lính và giết chết tất cả những người Anh rơi vào tay họ. Mặc dù bộ phận người Anh của lữ đoàn gồm những trung đoàn bộ binh, kỵ binh và một số rất lớn pháo binh ngựa kéo và pháo binh người kéo, người Anh vẫn không thể ra quân

trước lúc trời tối. Sau khi chỉ gây cho nghĩa binh một tổn thất không đáng kể, họ đã để cho quân khởi nghĩa có thể trốn ra ngoài thành phố và tiến vào Đê-li nằm cách Mi-rút khoảng bốn mươi dặm. Ở Đê-li, quân đồn trú người bản xứ gồm các trung đoàn bộ binh 38, 54 và 74 và một đại đội pháo binh người bản xứ đều gia nhập nghĩa quân. Nghĩa quân tấn công vào các sĩ quan Anh, giết chết, tất cả những người Anh rơi vào tay họ và tôn người kế tự của cố Mô-gôn²⁰⁰ ở Đê-li lên làm vua Ấn Độ. Trong các đội quân gửi đến tiếp viện cho Mi-rút, nơi mà trật tự đã được phục hồi trở lại, binh sĩ thuộc sáu đại đội công binh và lính đánh mìn người bản xứ đến đây ngày 15 tháng Năm, đã giết chết thiếu tá chỉ huy của mình là Phrây-de-rơ và lập tức rời bỏ thành phố, họ bị pháo binh ngựa kéo và một số đại đội kỵ binh thuộc trung đoàn long kỵ vệ binh số 6 truy nã. Mười lăm hoặc mười sáu nghĩa binh bị giết chết, nhưng số còn lại đã tới được thành phố Đê-li. Ở Phi-rô-dơ-pua - ở Pen-giáp, những trung đoàn bộ binh người bản xứ số 57 và 45 nổi dậy, nhưng cuộc khởi nghĩa đã bị đàn áp. Trong các bức thư riêng từ La-ho gửi về có nói là tất cả những đội quân bản xứ đều ở trong tình trạng khởi nghĩa công khai. Ngày 19 tháng Năm, quân Xi-pai đóng ở Can-cút-ta đã âm mưu chiếm đồn Xanh - Uy-li-am²⁰¹, nhưng không thành. Ba trung đoàn đưa từ Bu-sia đến Bom-bay, được lập tức phái tới Can-cút-ta.

Khi nhìn bao quát những sự kiện này, người ta sẽ lấy làm ngạc nhiên về thái độ của viên tư lệnh người Anh ở Mi-rút: sự xuất hiện muộn màng của ông ta tại chiến trường vẫn chưa khó hiểu bằng sự uể oải của ông ta khi truy lùng nghĩa binh. Vì Đê-li nằm ở hữu ngạn sông Giam-na, còn Mi-rút thì ở tả ngạn và đôi bờ chỉ được nối bằng một cái cầu duy nhất ở Đê-li cho nên chẳng có gì dễ hơn là cắt đứt đường thoái lui của những kẻ trốn chạy.

Trong khoảng thời gian đó tất cả các khu vực tràn ngập không khí bất mãn đều được tuyên bố ở trong tình trạng giới nghiêm; từ phía bắc, phía đông và phía nam tới Đê-li quân đội đến vây chặt, chủ yếu là quân bản xứ; những vị công tước lân cận, như người ta đồn, tuyên bố mình đứng về phía người Anh; các mệnh

lệnh giữ lại những toán quân của huân tước En-ghin và của tướng E-sbóc-hêm đang ở trên đường sang Trung Quốc - đã được gửi tới Xây-lan, và cuối cùng, khoảng hai tuần sau, 14000 lính Anh đã được phái từ Anh tới Ấn Độ. Khí hậu Ấn Độ trong mùa này rất khắc nghiệt và phương tiện vận tải hết sức thiếu thốn là những trở ngại nghiêm trọng biết nhường nào đối với việc di chuyển của quân đội Anh, có thể là nghĩa quân ở Đê-li sẽ đầu hàng mà không chống cự lâu dài lắm đâu. Nhưng thậm chí cả lúc bấy giờ, điều đó cũng chỉ sẽ là sự dạo đầu cho một vở bi kịch khủng khiếp nhất tất nhiên phải diễn ra.

*Do C.Mác viết ngày 30 tháng Sáu 1857
Đã đăng làm xã luận trên báo "New - York"
Daily Tribune" số 5065, ngày 15 tháng Bảy
1857*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

TÌNH HÌNH Ở CHÂU ÂU. - TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA PHÁP²⁰²

Trạng thái uể oải đến buồn ngủ, - đặc điểm của tình hình châu Âu từ lúc kết thúc cuộc chiến tranh ở phương Đông, - được nhanh chóng thay thế bởi một khí sắc sinh động, thậm chí cuồng loạn sục sôi. Hãy lấy ví dụ nước Anh với những triển vọng của nó trong cuộc đấu tranh cho cải cách và những khó khăn nó vấp phải ở Ấn Độ. Đành rằng tờ "Times" ở Luân Đôn tuyên bố với thế giới rằng, ngoài những ai có bạn bè ở Ấn Độ, thì

"công chúng Anh nói chung trông chờ tin tức hàng ngày từ Ấn Độ gửi về không sốt sắng như là chúng ta đợi một chiếc tàu từ Ô-xơ-rây-li-a đến muện hoặc chờ kết quả cuộc khởi nghĩa ở Ma-đrít".

Song cũng ngày hôm ấy, vẫn chính tờ "Times", trong bài viết về tài chính của mình đã vứt bỏ cái mặt nạ lạnh nhạt đáng cay và bộc lộ tình cảm chân thực của Giôn Bun theo tinh thần như sau:

"Sự suy thoái lâu dài như chúng ta thấy giờ đây tại Sở giao dịch chứng khoán, mặc dù dự trữ kim ngân ở ngân hàng tăng lên không ngừng và mặc dù mùa màng có triển vọng là một cái gì đấy hầu như chưa từng nghe thấy bao giờ. Nỗi lo âu do tình hình ở Ấn Độ gây nên đang gạt tất cả những ý nghĩ khác xuống hàng

thứ yếu, và nếu như mai đây nhận được những tin tức nào đấy nghiêm trọng hơn thì chắc hẳn chúng sẽ gây nên tình trạng kinh hoàng".

Giờ đây, lúc có thể trông đợi những tin tức đáng tin cậy ở mỗi chuyến bưu phẩm, thì đặt giả thuyết về diễn biến của các sự kiện ở Ấn Độ sẽ là điều vô ích. Song có điều hết sức rõ ràng là, trong trường hợp cách mạng bùng nổ lớn ở lục địa châu Âu thì nước Anh, với quân đội và tàu bè đang vướng vào cuộc chiến tranh ở Trung Quốc và cuộc khởi nghĩa ở Ấn Độ, hẳn không thể lại giữ một thái độ trịch thượng như hồi năm 1848 và năm 1849. Đồng thời, nó không thể tự cho phép đứng ngoài cuộc, bởi vì cuộc chiến tranh phương Đông và sự liên minh với Na-pô-lê-ông trong thời gian gần đây đã ràng buộc nó với đường lối lục địa và bởi vì sự tan rã hoàn toàn của các đảng phái chính trị truyền thống, cũng như mâu thuẫn đối kháng ngày càng tăng giữa các giai cấp đem lại sự giàu có của nó, hơn bao giờ hết đang làm cho cơ cấu xã hội của nó rung chuyển dữ dội. Vào những năm 1848 - 1849, lúc mà sức mạnh của nó như một cơn ác mộng đè lên cách mạng châu Âu, thì nước Anh thoát đầu có phần sợ hãi cuộc cách mạng này rồi sau đó, để xua đuổi nỗi u buồn thường ám ảnh, lại bắt đầu lấy nó làm cảnh tiêu khiển, rồi lại phản bội nó một ít, rồi lại làm đom làm dáng với nó tí chút và cuối cùng lao vào làm giàu trên lưng nó một cách nghiêm túc. Thậm chí có thể nói rằng sự phồn vinh công nghiệp của nước Anh, sau khi bị chấn động khá nặng do khủng hoảng thương mại những năm 1846 - 1847, chừng mực nào đã được phục hồi nhờ có cách mạng năm 1848. Song cuộc cách mạng mới ở đại lục châu Âu đối với nước Anh không còn là một cảnh tượng dễ chịu để giải trí, cũng không còn là cơ hội để đầu cơ trên sự bất hạnh của kẻ khác nữa, mà là một thử thách nặng nề nó sẽ phải trải qua.

Sau khi vượt qua eo biển La-Măng-sơ, chúng ta thấy rằng ở bên bờ kia, bề mặt xã hội đã gợn sóng và dâng lên dưới tác động của ngọn lửa dưới lòng đất. Những cuộc bầu cử ở Pa-ri - đó không còn là điềm báo trước một cuộc cách mạng mới mà đúng ra là sự khởi đầu thật sự của nó. Điều hoàn toàn phù hợp với quá khứ

lịch sử của nước Pháp là tên tuổi Ca-ve-nhắc được các lực lượng chống đối Bô-na-pác-tơ dùng làm khẩu hiệu, cũng như trước đây Ô-đi-lông Ba-rô đã cầm đầu những lực lượng chống đối Lu-i-Phi-líp. Đối với nhân dân Ca-ve-nhắc, cũng như Ô-đi-lông Ba-rô trước đây, chỉ là một cái có, còn đối với giai cấp tư sản thì cả hai đều thể hiện một tư tưởng nghiêm túc. Tên tuổi mà buổi đầu của cách mạng đã gắn bó, không bao giờ được viết lên ngọn cờ cách mạng trong ngày chiến thắng của nó. Trong xã hội ngày nay, các phong trào cách mạng, để có được những cơ hội thắng lợi nào đó, thoát đầu phải mượn ngọn cờ của nó ở những phần tử trong nhân dân mà, mặc dù có thái độ chống đối với chính phủ hiện tồn, nhưng lại hoàn toàn chấp nhận chế độ xã hội hiện tồn. Tóm lại, các cuộc cách mạng phải nhận vé vào sân khấu chính thức từ tay chính những giai cấp cầm quyền.

Chỉ có thể hiểu những cuộc bầu cử ở Pa-ri cũng như những vụ bất bố ở Pa-ri và những vụ truy nã ở Pa-ri dưới ánh sáng thật sự của chúng khi chú ý đến tình trạng của Sở giao dịch Pa-ri, nơi có những làn sóng đã nổi lên trước khi có cuộc vận động bầu cử và tồn tại dai dẳng hơn cuộc vận động này. Thậm chí trong vòng ba tháng cuối năm 1856, khi toàn bộ châu Âu điêu đứng vì khủng hoảng tài chính thì Sở giao dịch ở Pa-ri lại không lâm vào cảnh bị mất giá tất cả các chứng khoán một cách đáng kinh ngạc và liên tục như đã xảy ra trong suốt tháng Sáu và đầu tháng Bảy năm ấy. Ngoài ra, lần này diễn ra không phải là một quá trình xuống và lên theo kiểu nhảy vọt mà ngược lại, tất cả đều đi xuống một cách hoàn toàn có phương pháp, theo các quy luật thông thường của suy thoái, mà theo những quy luật này thì hiện tượng đi xuống ấy chỉ ở giai đoạn cuối mới trở nên nhanh vùn vụt. Cổ phiếu của Crédit Mobilier vào đầu tháng Sáu giá khoảng 1300 phr. ngày 26 tháng Sáu hạ xuống 1162 phr. ngày 3 tháng Bảy - xuống 1095 phr. ngày 4 tháng Bảy - xuống 975 phr. và ngày 7 tháng Bảy - xuống 890 phr. Cổ phiếu của Ngân hàng Pháp đầu tháng Bảy được định giá trên 4000 phr. đến 26 tháng Sáu, mặc dầu ngân hàng được có những độc quyền và đặc quyền mới, vẫn hạ xuống 3065

phr., đến ngày 3 tháng Bảy - xuống 2890 phr. và đến ngày 9 tháng Bảy chỉ trị giá dưới 2900 phrăng. Hiện tượng thị giá giảm kéo dài đó cũng đụng chạm trên một mức độ như vậy tới phiếu lợi tức ba phần trăm, tới cổ phiếu của những đường sắt chính, chẳng hạn đường sắt miền bắc, đường sắt Li-ông, đường sắt Địa Trung Hải, đường Đại liên hợp và tới cổ phiếu tất cả các công ty cổ phần khác.

Đạo luật mới về Ngân hàng Pháp^{1*} đã bộc lộ tình trạng tuyệt vọng của ngân khố Bô-na-pác-tơ, đồng thời đã làm lung lay sự tín nhiệm của xã hội đối với chính ban quản trị của ngân hàng. Bản báo cáo cuối cùng của Crédit Mobilier đã chỉ ra rõ như giữa ban ngày tính chất trống rỗng của cơ quan này và vạch trần cái phạm vi rộng lớn của những người có quan hệ lợi ích ở trong đó, đồng thời làm cho công chúng biết rằng, giữa các giám đốc của công ty và hoàng đế đang diễn ra một cuộc đấu tranh, và biết rằng một coup d'état^{2*} tài chính nào đó đang được chuẩn bị. Thực ra, muốn có thể hoàn thành những nghĩa vụ hết sức cấp bách của mình, Crédit Mobilier buộc phải tung ra thị trường những chứng khoán hiện nằm trong tay nó giá trị khoảng 20 triệu phrăng. Đồng thời, những công ty đường sắt và những công ty cổ phần khác, để trả lãi suất cổ phần của mình và thu được tiền để tiếp tục hay bắt đầu những công việc kinh doanh, cũng buộc phải bán chứng khoán của mình, phải thu những khoản đóng góp mới để thanh toán các cổ phiếu cũ hoặc kiếm vốn bằng cách phát hành cổ phiếu mới. Do đó, sự suy thoái kéo dài tại Sở giao dịch chứng khoán Pháp tuyệt nhiên không phải là kết quả của những hoàn cảnh ngẫu nhiên thuần túy; hiện tượng đó sẽ được lặp lại dưới những hình thức gay gắt hơn khi mỗi thời hạn thanh toán tiếp theo lại đến.

Có thể phán đoán về tính chất đáng lo ngại của cơn bệnh hiện nay dựa vào một sự kiện là, Ê-min Pê-rây-rơ, nhà đại lang băm về tài chính của Đế nhị Đế chế, đã xuất hiện phía trước khán đài, và đệ trình lên Lu-i - Na-pô-lê-ông một bản báo cáo có trích dẫn lời

1* Xem tập này, tr.284 – 288.

2* Nghĩa đen: cuộc đảo chính; ở đây: sự chuyển biến lớn.

ngài đọc trước Tổng hội đồng canh nông và thương mại năm 1850 như sau:

"Sự tín nhiệm - chúng ta không được quên điều này - là mặt tâm lý của những lợi ích vật chất, là tinh thần làm cho cơ thể phấn chấn: khi gây được lòng tin thì nó sẽ tăng gấp mười giá trị của tất cả những gì được sản xuất ra".

Sau đó, ông Pê-rây-rơ dùng những thủ pháp mà bạn đọc chúng ta đã biết để giải thích hiện tượng chứng khoán trong nước bị giảm 980000000 phr. trong vòng năm tháng gần đây. Ông ta kết thúc lời than thở của mình bằng những từ bi thảm như sau: "Ngân sách của sự khủng khiếp gần bằng ngân sách của nước Pháp". Nếu như, theo lời khẳng định của ông Pê-rây-rơ, ngoài số 2000000000 đô-la phải trả dưới hình thức đóng thuế để nuôi dưỡng đế chế, nước Pháp còn phải trả nhiều hơn gấp bội vì lo sợ mất đế chế, thì cái cơ quan đất tiền đến như vậy được dựng ra đương thời nhằm mục đích duy nhất là tiết kiệm tiền bạc - thật đã đến ngày tận số. Nếu những hỗn loạn tài chính của đế chế đã gây ra những khó khăn về chính trị của nó thì những khó khăn này, đến lượt chúng, nhất định sẽ tác động tới những hỗn loạn tài chính. Chính là dưới ánh sáng tình hình nói trên của Đế chế Pháp mà những xáo động gần đây ở Tây Ban Nha và ở I-ta-li-a²⁰³, cũng như những sự rắc rối sắp xảy ra ở Xcăng-đi-na-vơ^{1*} sẽ mang ý nghĩa chân thực của chúng.

*Do C.Mác viết ngày 10 tháng Bảy 1857
Đã đăng làm xã luận trên báo "New -
York Daily Tribune" số 5075, ngày 27
tháng Bảy 1857*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

1* Xem tập này, tr.339 - 341.

C.MÁC

KHỞI NGHĨA Ở ẤN ĐỘ

Luân Đôn, ngày 17 tháng Bảy 1857

Ngày 8 tháng Sáu là vừa chẵn một tháng kể từ khi nghĩa quân Xi-pai chiếm Đê-li và tôn một người trong dòng Mô-gôn^{1*} lên làm vua. Tuy nhiên, hẳn là phi lý nếu nghĩ rằng nghĩa quân sẽ có thể giữ được cố đô Ấn Độ chống lại các lực lượng vũ trang của người Anh. Công sự ở Đê-li chỉ gồm những bức thành và một cái hào thô sơ; trong khi đó những điểm cao xung quanh thành phố và chế ngự nó đã nằm trong tay người Anh, thậm chí không cần phải dùng hỏa lực phá thành họ cũng có thể dễ dàng buộc thành phố đầu hàng trong một thời hạn rất ngắn bằng cách cắt nguồn tiếp tế nước của nó. Thêm vào đấy, đám đông binh lính khởi nghĩa không thuần nhất, họ vốn đã giết sĩ quan của mình, đã vứt bỏ những ràng buộc của kỷ luật và không thể đưa ra được một người có thể đảm đương trách nhiệm tổng chỉ huy, - một đám đông như vậy rất ít có khả năng tổ chức một cuộc kháng chiến lâu dài và nghiêm túc. Tựa như để tăng thêm sự hỗn loạn, hàng ngũ pha tạp của những người bảo vệ Đê-li hàng ngày được bổ sung thêm những đoàn nghĩa binh mới liên tục đổ tới từ khắp nơi trong xứ

Ben-gan, những đoàn này tựa như theo một kế hoạch định sẵn cứ lao vào cái thành phố sắp sửa bị diệt vong ấy. Cả hai cuộc đột kích mà nghĩa quân đã liều mình tiến hành ngày 30 và 31 tháng Năm đều bị đẩy lùi với những tổn thất nặng nề và rõ ràng là kết quả của sự tuyệt vọng thì đúng hơn là của lòng tự tin và của ý thức về lực lượng của mình. Điều duy nhất khiến phải ngạc nhiên là sự chậm chạp trong việc hành quân của người Anh, mặc dù trong chừng mực nào đó có thể giải thích sự chậm chạp ấy là do những điều kiện khí hậu khắc nghiệt trong mùa này và do thiếu phương tiện vận chuyển. Ngoài viên tư lệnh, tướng An-xơn ra thì đã có khoảng 4000 lính Âu bị hy sinh do tiết trời nóng bức dữ dội, đó là theo những bản tin của Pháp, và cả báo chí Anh cũng thừa nhận rằng trong những trận giáp chiến dưới thành Đê-li, người ta bị ngã vì mặt trời nhiều hơn là vì đạn của địch. Do phương tiện vận chuyển thiếu thốn, đội quân chính của người Anh đóng ở Am-ba-la đã mất khoảng hai mươi bảy ngày để di chuyển tới Đê-li, như vậy là đi mỗi ngày khoảng một tiếng rưỡi đồng hồ. Một hoàn cảnh khác gây nên sự trì hoãn thêm là ở Am-ba-la không có trọng pháo, do đó cần phải cung ứng cho trận địa vây thành từ kho vũ khí gần nhất, tuy nó chỉ đóng ở Pơ-kin-lau-rơ, nhưng lại ở phía bờ bên kia Xát-lét-giơ.

Mặc dầu vậy, có thể chờ đợi tin Đê-li thất thủ ngày một ngày hai. Nhưng rồi sẽ như thế nào nữa? Mặc dù có thể là việc cố đô của Đế chế Ấn Độ rùng rã một tháng trời nằm dưới quyền kiểm soát hoàn toàn của nghĩa quân trở thành một chất men ủ mạnh nhất và dẫn tới sự sụp đổ hoàn toàn của quân đội Ben-gan, dẫn tới sự lan rộng của cuộc khởi nghĩa và tới tình trạng đảo ngũ từ Can-cút-ta đến Pen-giáp ở phía bắc và đến Rát-pu-ta-na ở phía tây, cũng như làm cho nền thống trị của Anh bị lung lay từ chỗ này đến chỗ nọ ở Ấn Độ - người ta vẫn sẽ phạm một sai lầm rất lớn nếu cho rằng sự sụp đổ của Đê-li, - dù nó có thể gây nên tâm trạng bàng hoàng trong hàng ngũ Xi-pai-át cũng đủ để có thể dập tắt ngọn lửa khởi nghĩa, đủ để hạn chế nó trong phạm vi địa phương hoặc phục hồi quyền thống trị của Anh. Số lượng toàn

1* Vua Ba-kha-đua-sắc II

thể quân đội bản xứ của Ben-gan, - có khoảng 80000 người - gồm độ 28000 người Rát-pu-ta-na, 23000 người Bà-la-môn²⁰⁴, 13000 người Hồi giáo, 5000 người Hin-đu thuộc đẳng cấp thấp nhất và còn lại là người Âu- giảm xuống 30000 người, do khởi nghĩa, do đào ngũ hoặc bị thảm hồi. Còn về thành phần còn lại của quân đội này thì có một số ít trung đoàn công khai tuyên bố rằng họ vẫn trung thành với lời thề và sẽ ủng hộ các nhà cầm quyền Anh, nhưng không làm như các đội quân bản xứ hiện nay đang làm: họ sẽ không giúp đỡ các nhà đương cục chống những nghĩa binh trong các trung đoàn bản xứ mà ngược lại, sẽ ủng hộ những "bơ-khai" (anh em) của mình. Họ đã hành động như vậy hầu như ở mỗi đơn vị đồn trú, bắt đầu từ Can-cút-ta. Những trung đoàn bản xứ chịu nằm yên trong một thời gian nào đó, nhưng đến khi họ tin chắc là mình đã đủ sức thì vùng lên khởi nghĩa. Một phóng viên Ấn Độ của tờ "Times" ở Luân Đôn không hề nghi ngờ gì về "sự trung thành" của những trung đoàn chưa công khai xác định lập trường của mình, và của dân bản xứ hiện vẫn chưa đồng tâm hành động với nghĩa quân.

"Nếu các bạn đọc thấy", ông ta viết, - "*là tất cả đều yên tĩnh*, thì các bạn hãy hiểu đó là quân đội bản xứ còn chưa công khai nổi loạn, là bộ phận bất mãn trong dân chúng còn chưa nằm trong tình trạng khởi nghĩa công khai, là họ hoặc quá yếu ớt hoặc tự cho là yếu ớt, hoặc đang trông chờ thời cơ thuận lợi hơn. Khi các bạn đọc thấy là có "những biểu hiện trung thành" ở trung đoàn nào đấy trong số những trung đoàn bản xứ ở Ben-gan, kỵ binh hay bộ binh, thì hãy hiểu rằng chỉ có một nửa những trung đoàn ấy được xem là trung thành, thật sự trung thành với lời thề, còn nửa khác thì chỉ giả vờ để nhờ đó mà bắt thần tóm cổ những người Âu được nhanh chóng hơn khi thời cơ đến, hoặc nhằm đánh tan sự ngờ vực để giúp đỡ bạn bè đã khởi nghĩa một cách dễ dàng hơn".

Ở Pen-giáp, cuộc khởi nghĩa công khai chỉ có thể phòng ngừa được bằng cách giải tán những đơn vị bản xứ. Ở Au-đơ có thể nói là người Anh chỉ giữ được phủ công sứ ở Lác-nau²⁰⁵, còn ở những nơi khác thì các trung đoàn bản xứ đã nổi dậy khắp nơi, họ mang theo mình những quân trang và phân tán ra mọi ngả, họ đốt trụi tất cả nhà cửa của người Anh và sáp nhập với dân chúng

đã khởi nghĩa. Tiện thể, xin nói rằng tình trạng thực tế của quân Anh tốt nhất được thể hiện như sau: ở Pen-giáp cũng như ở Rát-pu-ta-na, người ta thừa nhận là cần phải xây dựng những toán quân cơ động. Điều đó có nghĩa là người Anh không thể trông cậy vào những đơn vị Xi-pai của mình, cũng như trông cậy vào dân bản xứ để bảo đảm sự liên lạc giữa các đơn vị phân tán của họ. Chính quyền của họ cũng giống như của người Pháp trong thời chiến tranh trên bán đảo I-bê-ri-co²⁰⁶, chỉ được triển khai ở những điểm do quân đội riêng của họ chiếm đóng và ở những khu vực gần nhất mà các căn cứ đó chế ngự. Còn về sự liên lạc giữa các khâu đã bị cắt rời nhau của quân đội họ thì họ trông cậy vào những toán quân cơ động; hoạt động của những toán quân này, tự bản thân đã rất không đáng tin cậy, đương nhiên trở thành càng kém hiệu quả so với khoảng không gian càng rộng lớn mà chúng triển khai. Lực lượng của người Anh quá ư thiếu thốn, điều đó còn được khẳng định bởi sự kiện sau đây: khi sơ tán kết bạc từ những đồn nằm trong vùng khởi nghĩa, người Anh bắt buộc phải sử dụng đoàn hộ tống gồm chính những người Xi-pai mà trên đường đi dĩ nhiên đã nổi dậy khởi nghĩa và trốn đi cùng với kết bạc đã giao phó vào tay họ. Vì những đội quân từ Anh gửi sang may ra có thể đến sớm nhất là tháng Mười một, mà rút đơn vị người Âu từ các xứ Ma-đrát và Bom-bay ắt là còn mạo hiểm hơn vì trung đoàn 10 của Xi-pai ở Ma-đrát đã có dấu hiệu bất mãn, - nên buộc lòng không dám nghĩ gì đến việc thu các thứ thuế thông thường ở xứ Ben-gan và để cho quá trình tan rã tiếp tục diễn biến theo cái đà của nó. Thậm chí, nếu chúng ta giả dụ rằng dân Miến Điện không biết lợi dụng thời cơ, rằng vương công Gva-li-oóc từ rày vẫn sẽ ủng hộ người Anh, rằng nhà cai trị Nê-pan chỉ huy các đội quân Ấn Độ tình nguyện không hành động gì, rằng Pê-sa-vác bất mãn không thống nhất được với các bộ lạc miền núi đang sôi sục và vua Ba Tư sẽ không gây thơ đến nỗi phải rời bỏ He-rát - dẫu có thể đi nữa thì người Anh vẫn buộc lòng phải chiếm lại xứ Ben-gan và xây dựng lại toàn bộ quân đội Anh - Ấn. Chi phí cho cái công cuộc khổng lồ này hoàn toàn đổ vào đầu nhân dân Anh. Còn về ý kiến của huân tước Gran-vin phát biểu tại thượng

ngại viện, cho rằng Công ty Đông Ấn có thể nhờ vào những trái khoán Ấn Độ để thu được tiền bạc cần thiết cho mình - thì có thể xét xem ý kiến đó có đúng hay không căn cứ vào chỗ thị trường tiền tệ Bom-bay phản ứng như thế nào đối với tình hình náo động ở các tỉnh vùng tây - bắc. Các nhà tư bản bản xứ bỗng chốc lâm vào tình trạng phá sản, người ta rút ra khỏi ngân hàng những khoản tiền rất lớn, chứng khoán của chính phủ hầu như không bán được cho ai, và hiện tượng tích trữ vàng bạc bắt đầu có những quy mô rộng lớn không chỉ ở Bom-bay mà cả ở những vùng lân cận nữa.

*Do C.Mác viết ngày 17 tháng Bảy
1857*

*Đã đăng trên báo "New - York
Daily Tribune" số 5082, ngày 4
tháng Tám 1857*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

VẤN ĐỀ ẤN ĐỘ

Luân Đôn, ngày 28 tháng Bảy 1857

Bài diễn văn ba tiếng đồng hồ mà chiều qua ngài Đi-xra-e-li đọc tại "nghị viện chết"²⁰⁷ đã thắng lợi, đúng hơn là thất bại, khi người ta không nghe diễn văn mà là đọc. Ít lâu nay ngài Đi-xra-e-li đâm ra có thói ăn nói trang trọng hào hùng, chậm rãi một cách có dụng ý, cẩn thận và cầu kỳ một cách lạnh lùng trong cách trình bày. Tuy nhiên, những phẩm cách ấy có phù hợp với những quan niệm riêng của ông ta về phẩm giá xứng đáng với con người sắp sửa trở thành bộ trưởng đến thế nào chăng nữa thì chúng vẫn là một cực hình thật sự đối với cử tọa bất hạnh của ông. Trước đây có lúc ông ta cũng đã đưa được cái dí dỏm của các bài thơ trào phúng vào những lời tể nhạt. Giờ đây ông ta lại dùng mảnh khoé chôn vùi cả những vần thơ trào phúng dưới những kiểu cách trang trọng chán ngắt. Một diễn giả như ngài Đi-xra-e-li, con người thạo dùng dao găm hơn dùng kiếm rất nhiều, thì chớ nên quên lời cảnh cáo của Vôn-te: "Tous les genres sont bons, excepté le genre ennuyeux"^{1*}.

1* - "Tất cả mọi thể loại đều tốt, trừ loại tể nhạt" (Vôn-te. Lời nói đầu trong vở hài kịch "Đứa con bị ruồng bỏ").

Ngoài những đặc điểm về hình thức này, nói lên phong cách hùng biện hiện nay của ngài Đì-xra-e-li, thì ông ta, từ thời Pan-móc-xton lên cầm quyền, trong những bài phát biểu của mình tại nghị viện, đã thận trọng tránh không động đến tất cả những gì có thể mang chút ít ý nghĩa thời sự. Ông ta đọc diễn văn không phải nhằm để người ta chấp nhận đề nghị của mình mà là đưa những đề nghị ấy ra với mục đích chuẩn bị cho cử tọa nghe diễn văn của mình. Có thể gọi đó là những đề nghị tự phủ định, bởi vì chúng được sắp xếp sao cho không làm phương hại đối thủ nếu như chúng được chấp nhận, và chẳng làm tổn thương đến tác giả của chúng nếu như chúng bị bác bỏ. Thực ra những ý kiến này không nhằm để người ta chấp nhận hay bác bỏ mà chỉ để cho người ta gác bỏ ngoài tai. Chúng không thuộc loại a-xít, mà cũng chẳng thuộc loại kiềm; chúng trung tính theo bản chất. Không phải lời nói là sự thúc đẩy hành động, mà vẻ bề ngoài của hành động tạo ra cái có để nói. Đành rằng, có thể đó cũng là hình thức kinh điển và toàn thiện toàn mỹ của tài hùng biện ở nghị viện; song bây giờ hình thức toàn thiện toàn mỹ ấy của tài hùng biện ở nghị viện trong bất cứ trường hợp nào cũng không thể tránh khỏi số phận của tất cả những hình thức hoàn thiện của chế độ đại nghị, đó là: bị liệt vào phạm trù những trở ngại đáng buồn. Như A-ri-xtốt đã nói, hành động là quy luật chi phối vở kịch^{1*}. Điều đó cũng đúng với tài hùng biện chính trị. Lời phát biểu của ông Đì-xra-e-li về cuộc khởi nghĩa ở Ấn Độ hẳn được công bố trong số những tập sách mỏng của công ty nhằm phổ biến những tri thức bổ ích, hoặc được đọc trong nhà trường cho công nhân hoặc đệ trình lên Viện hàn lâm Béc-lin với tính cách là luận văn thi. Đáng ngạc nhiên là trong lời phát biểu của ông đã không có một sự phân biệt nào về không gian, thời gian và lý do đọc diễn văn, điều đó chứng tỏ rằng bài diễn văn không phù hợp với không gian cũng như thời gian và lý do. Chương mục nói về sự suy vong của Đế chế La Mã người ta có thể đọc say sưa trong các cuốn sách của Mông-te-xki-ơ hoặc Ghíp-bôn²⁰⁸, nhưng ắt nó sẽ là một

1* - A-ri-xtốt. "Thi ca", chương IV.

sự phi lý đến quái gở khi đặt ở cửa miệng một nguyên lão nghị viện La Mã mà nghĩa vụ chuyên môn của ông ta chính là ngăn cản sự suy vong này. Đành rằng, có thể hình dung một diễn giả có chút độc lập nào đó trong các nghị viện hiện nay của chúng ta hẳn có thể đóng một vai trò không thiếu phần danh giá, hấp dẫn, nếu như diễn giả đó, sau khi thất vọng về khả năng tác động tới tiến trình hiện thực của các sự kiện, đã tự hạn chế ở một thái độ bàng quan giấu cọt. Ông Gác-ni-ê - Pa-gie-xơ đã quá cố - không phải Gác-ni-ê - Pa-gie-xơ của chính phủ lâm thời, mà là một thành viên nổi tiếng của Viện đại biểu thời Lu-i - Phi-líp - đã đóng vai trò như thế với ít nhiều thành công; nhưng ngài Đì-xra-e-li, người được thừa nhận là lãnh tụ của một đảng đã mất vai trò²⁰⁹, e thậm chí còn xem thành công về phương diện này là một thất bại cực kỳ to lớn. Cuộc khởi nghĩa của quân đội Ấn Độ chắc chắn đã tạo ra cái lý do tuyệt vời để rèn luyện nghệ thuật hùng biện. Song, nếu không nói đến cái kiểu cách chán ngấy không bình thường mà ông Đì-xra-e-li đã sử dụng khi phát triển đề tài này thì còn gì là bản chất của kiến nghị mà ông ta đã chọn làm lý do cho bài diễn văn của mình? Đến cả kiến nghị cũng chẳng còn nữa. Ông ta làm ra vẻ tha thiết tìm hiểu hai văn kiện chính thức, nhưng ông lại không hoàn toàn tin vào sự tồn tại của một trong hai văn kiện này, còn văn kiện kia thì ông chắc rằng nó không có quan hệ trực tiếp đối với chủ đề được nói tới trong bài diễn văn. Như vậy, bài diễn văn của ông và kiến nghị của ông không hề có điểm nào gặp nhau cả, trừ một điểm là kiến nghị đã báo trước cho bài diễn văn không có chủ đề, còn chủ đề lại không đáng để đọc diễn văn vào dịp này. Tuy nhiên, với tính cách là một ý kiến đã được suy nghĩ chín chắn của một nhà hoạt động xuất sắc của nhà nước Anh mà không đứng trong chính phủ, bài diễn văn của ông Đì-xra-e-li tất được chú ý ở nước ngoài. Tôi lấy làm hài lòng truyền đạt sự phân tích ngắn gọn bằng ipsissima verba^{1*} của chính ông về "những kiến giải" của ông "đối với sự suy vong của Đế chế Anh - Ấn":

1* - lời lẽ riêng

"Những vụ lộn xộn ở Ấn Độ phải chăng có nghĩa là một cuộc binh biến hay chúng là một cuộc khởi nghĩa dân tộc? Thái độ của quân đội phải chăng là hậu quả của một sự thúc đẩy bất ngờ nào đó hay là kết quả của một âm mưu có tổ chức?"

Ông Di-xra-e-li chứng minh rằng chính đó là toàn bộ thực chất của vấn đề. Ông ta khẳng định là mãi đến mười năm lại đây thì Đế chế Anh ở Ấn Độ mới dựa vào nguyên tắc cũ *de et impera*^{1*}, nhưng khi thực hiện nguyên tắc này, thực tế chính phủ đã giữ thái độ thận trọng đối với các sắc tộc khác nhau, hợp lại thành Ấn Độ, tránh không can thiệp vào công việc tôn giáo của họ và duy trì sở hữu ruộng đất của họ. Quân đội Xi-pai đã là cái lỗ thông hơi cuốn hút những phần tử phiến động trong nước. Nhưng mười năm lại đây trong việc cai trị Ấn Độ người ta đã áp dụng một nguyên tắc mới: nguyên tắc phá hoại tính dân tộc. Nguyên tắc này được thực hiện bằng cách dùng bạo lực thủ tiêu quyền lực các hoàng thân bản xứ, phá hoại những quan hệ sở hữu đã được thiết lập và can thiệp vào công việc tôn giáo của nhân dân. Năm 1848, những khó khăn về tài chính của Công ty Đông Ấn đã đến mức bắt đầu cần phải tăng thu nhập của nó bằng cách này hay cách khác. Bấy giờ đã công bố bản báo cáo của Hội đồng²¹⁰, gần như hoàn toàn công khai tuyên bố nguyên tắc lấy việc mở rộng lãnh thổ nước Anh bằng lãnh địa của các hoàng thân bản xứ làm phương thức duy nhất để nâng cao thu nhập. Vì thế cho nên, sau khi vương công của Công quốc Xa-ta-ra từ trần, Công ty Đông Ấn không thừa nhận người con trai nuôi và là người thừa kế của ông, và công quốc bị sáp nhập vào đất đai riêng của công ty. Từ đó, chế độ xâm chiếm đất đai đã được áp dụng mỗi khi một hoàng thân bản xứ từ trần mà không có đích tử thừa kế. Nguyên tắc nhận con nuôi - nền tảng của xã hội Ấn Độ - bị chính phủ làm ngơ một cách có hệ thống. Như vậy, từ năm 1848 đến suốt năm 1854, lãnh địa của trên một tá hoàng thân độc lập bị sáp nhập bằng bạo lực vào Đế chế Anh. Năm 1854, cưỡng đoạt Công quốc Bê-rác, lãnh thổ của nó gồm 80 000 dặm vuông với số dân

1* - chia để trị

từ 4 000 000 đến 5 000 000 người và có nhiều kho tàng to lớn. Ông Di-xra-e-li kết thúc bảng danh mục đất đai bị xâm chiếm bằng việc xâm chiếm Au-đơ, sự xâm chiếm này đã dẫn Chính phủ Đông Ấn đến việc xung đột không những với người Hin-đu mà cả với người Hồi giáo nữa. Sau đó, ông Di-xra-e-li chỉ ra trong vòng mười năm lại đây hệ thống cai trị mới đã phá hoại những quan hệ sở hữu đã được thiết lập ở Ấn Độ như thế nào.

"Nguyên tắc của đạo luật về nhận con nuôi", - ông ta nói - "không phải là một đặc quyền của các hoàng thân và các công quốc ở Ấn Độ, nó có quan hệ đối với từng người ở Hin-đu-xtan có sở hữu ruộng đất và theo Ấn Độ giáo".

Tôi xin trích dẫn một đoạn trong lời phát biểu của ông:

"Đại địa chủ, hoặc Gia-ghi-đa-rơ, giữ đất đai của mình để gánh vác nghĩa vụ nhà nước đối với chúa đất của mình, và I-nam-đa-rơ giữ đất mình không phải đóng bất cứ thuế điền thổ nào, và tương ứng với Phri-hôn-đéc ở nước ta²¹¹, nếu ví như vậy không hoàn toàn chính xác, thì ít ra cũng là theo ý nghĩa được mọi người thừa nhận - hai loại này, hai loại đông đảo nhất ở Ấn Độ, trong trường hợp không có đích tử thừa kế, thì bao giờ cũng tìm ra trong nguyên tắc nhận con nuôi này một phương tiện để có được người thừa kế gia sản của mình. Lợi ích của những loại người này đã bị đụng chạm do sự sáp nhập Xa-ta-ra, chúng lại cũng bị đụng chạm do sáp nhập những đất đai thuộc mười hoàng thân tuy nhỏ hơn nhưng độc lập mà tôi đã nhắc đến, song khi Công quốc Bê-rác đã bị sáp nhập thì điều đó không những động đến lợi ích những loại đã nói mà còn làm cho họ kinh hoàng hết sức. Ai có thể cảm thấy mình không bị đụng chạm? Có địa chủ nào, có Phri-hôn-đéc nào không có đích tử ở Ấn Độ lại có thể cảm thấy mình không bị đụng đến? (Tiếng la hò tán thưởng.) Đó không phải là những điều sợ hãi vô căn cứ; những điều sợ hãi này hoàn toàn ăn khớp với cung cách hành động và thủ đoạn đã áp dụng rộng rãi. Người ta bắt đầu tước đất Gia-ghi-đa-rơ và đất I-nam-đa-rơ ở Ấn Độ lần đầu tiên. Điều không phải nghi ngờ gì là cả trước đây cũng đã từng có những ý đồ thẳng tay sửa đổi quyền sở hữu nhưng chưa hề có ai nghĩ ra được việc bãi bỏ đạo luật về việc nhận con nuôi; bởi vậy chưa bao giờ có chính quyền nào, chính phủ nào lại có thể tước đất Gia-ghi-đa-rơ và đất I-nam-đa-rơ của những người chủ không có đích tử. Một nguồn thu nhập mới được khám phá ra ở đây; song trong lúc toàn bộ việc này đang tác động đến tâm trạng những loại người Ấn Độ kể trên thì chính phủ dẫn thêm một bước khác

nữa phá bỏ những quan hệ sở hữu đã thiết lập, một bước mà giờ đây tôi buộc phải lưu ý nghị viện. Các nghị sĩ hẳn đã đọc những chứng cứ đưa ra trước uỷ ban năm 1853, bởi vậy họ biết rõ là ở Ấn Độ còn những diện tích đất đai rộng lớn không phải nộp thuế điền thổ. Việc được miễn thuế điền thổ ở Ấn Độ có một ý nghĩa to lớn gấp bội so với việc miễn thuế điền thổ trong nước ta, bởi lẽ nhìn chung và xét về toàn cục thì thuế điền thổ ở Ấn Độ là loại thuế duy nhất mà nhà nước thu.

Khó truy nguyên được là việc cấp phát những đất đai ấy bắt đầu có từ bao giờ nhưng chắc chắn là có từ thời cổ đại xa xưa. Sự cấp phát ấy có tính cách khác nhau. Ngoài những lãnh địa hết sức rộng lớn được miễn thuế của tư nhân, còn có những đất cấp phát rộng lớn không phải nộp thuế, thuộc đền thờ và chùa chiền".

Lấy lý do là còn tồn tại những đòi hỏi không chính đáng về việc miễn thuế, viên toàn quyền Anh bắt tay điều tra về quyền sở hữu ruộng đất ở Ấn Độ. Căn cứ vào hệ thống mới chế định vào năm 1848 thì,

"kế hoạch điều tra về quyền sở hữu này lập tức được thực hiện nhằm chứng tỏ là chính phủ vững mạnh, là chính quyền thừa hành kiên quyết, cũng như nhằm tìm ra nguồn thu nhập phong phú nhất của nhà nước. Nhằm mục đích này, người ta đã bổ nhiệm uỷ ban điều tra quyền sở hữu ruộng đất ở xứ Ben-gan và vùng tiếp giáp. Những uỷ ban như vậy cũng được thành lập ở xứ Bom-bay và ngoài ra người ta còn ra lệnh tiến hành việc chấn chỉnh ruộng đất ở các tỉnh mới thành lập lại nhằm sau khi chấn chỉnh xong thì hoạt động của các uỷ ban có thể tiến hành một cách khá thuận lợi. Bây giờ, không còn phải nghi ngờ gì nữa là trong vòng chín năm lại đây, hoạt động của các uỷ ban điều tra về sở hữu ruộng đất miễn thuế này ở Ấn Độ đã được mở rộng với quy mô to lớn và nó đã đem lại những kết quả lớn lao".

Ông Đì-xra-e-li ước tính là mỗi năm tước đoạt được tài sản của các chủ đất ít ra là 500 000 p.xt. ở xứ Ben-gan, 370 000 p.xt. ở xứ Bom-bay, 200 000 p.xt. ở Pen-giáp v.v.. Không chỉ thoả mãn với phương thức chiếm đoạt sở hữu của những người bản xứ như vậy, Chính phủ Anh lại còn đình chỉ việc trả tiền trợ cấp cho các chức sắc bản xứ, điều mà chính phủ này có nghĩa vụ phải làm theo các bản thoả ước.

Ông Đì-xra-e-li nói:

"Đó là một phương thức tịch thu mới, mà lại ở những quy mô rộng nhất, kỳ lạ nhất và tráo tráo nhất".

Sau đó, ông Đì-xra-e-li nói đến những trường hợp can thiệp vào công việc tôn giáo của người bản xứ - một vấn đề mà chúng ta không cần phải bàn ở đây. Căn cứ vào tất cả những tiền đề này, ông ta đi đến kết luận rằng những cuộc bạo động hiện nay ở Ấn Độ không phải là binh biến mà là một cuộc khởi nghĩa toàn dân, trong đó quân Xi-pai chỉ đóng vai trò công cụ. Kết luận bài diễn văn của mình, ông khuyên chính phủ hãy từ bỏ đường lối xâm lược hiện nay của nó và lưu ý đến việc cải thiện tình hình nội bộ Ấn Độ.

Do C.Mác viết ngày 28 tháng Bảy 1857

Đã đăng trên báo "New - York Daily Tribune" số 5091, ngày 14 tháng Tám 1857

In theo bản đăng trên báo Nguyên văn là tiếng Anh

C.MÁC

NHỮNG TIN TỨC TỪ ẤN ĐỘ²¹²

Luân Đôn, ngày 31 tháng Bảy 1857

Bưu phẩm sau cùng từ Ấn Độ đã đưa tin tức Đê-li đến ngày 17 tháng Sáu và tin Bom-bay đến tận ngày 1 tháng Bảy, bưu phẩm ấy khẳng định những điều dự đoán đen tối nhất. Khi ông Véc-nôn Xmít, chủ tịch Hội đồng thanh tra²¹³ lần đầu tiên báo cho hạ nghị viện về cuộc khởi nghĩa ở Ấn Độ, ông ta tuyên bố một cách quả quyết rằng bưu phẩm tiếp đó sẽ mang đến tin Đê-li san bằng. Bưu phẩm này đã đến mà Đê-li vẫn chưa "bị xoá khỏi các trang lịch sử". Bây giờ người ta lại bắt đầu nói là bãi pháo có thể chuyển tới sớm nhất là ngày 9 tháng Sáu và bởi vậy việc tấn công cái thành phố mà số mệnh đã được định đoạt này phải hoãn lại cho đến ngày đó. Song ngày 9 tháng Sáu đã qua rồi mà không xảy ra điều đặc biệt. Ngày 12 và ngày 15 tháng Sáu đã diễn ra vài ba sự kiện, nhưng đúng hơn lại mang tính cách trái ngược, bởi vì không phải Đê-li bị người Anh tấn công mà người Anh bị nghĩa quân tấn công, tuy nhiên những cuộc đột kích nhiều lần của nghĩa quân đã bị đẩy lùi. Như vậy, sự sụp đổ của Đê-li lại bị trì hoãn, nhưng bây giờ thì đã không phải chỉ vì thiếu pháo hãm thành mà còn do tướng Bác-nác-đơ quyết định dời viện binh, vì lực lượng

của ông - khoảng 3000 người - hoàn toàn không đủ để chiếm một cố đô có 30 000 quân Xi-pai bảo vệ với mọi kho vũ khí có thể có được. Thậm chí nghĩa binh đã lập một phòng tuyến bảo vệ cổng thành Ất-giơ-mi-rơ. Cho đến nay, tất cả những nhà văn quân đội đều nhất trí cho rằng quân Anh với 3000 người hoàn toàn đủ để đập tan quân Xi-pai độ 30 000 hoặc 40 000 người; nói cách khác, - như lời tờ "Times" ở Luân Đôn, - không biết đến khi nào nước Anh mới "chinh phục được trở lại" Ấn Độ?

Hiện nay quân Anh ở Ấn Độ có 30 000 người. Có thể gửi từ Anh sang, trong vòng nửa năm tới, một số đông nhất là 20 000 hoặc 25 000 người, trong đó 6000 phải bổ sung cho đội ngũ những binh chủng người Âu ở Ấn Độ, số 18 000 hay 19 000 còn lại do thiệt hại trên đường đi, do tổn thất gây nên bởi điều kiện khí hậu và do những nguyên nhân khác, phải giảm xuống còn khoảng 14 000 người, số này sẽ có thể ra trận. Quân Anh sẽ phải quyết định giao chiến với nghĩa binh ở thế so sánh lực lượng rất chênh lệch hoặc hoàn toàn từ bỏ việc giao chiến với họ. Tuy nhiên, có điều khó hiểu là tại sao quân Anh lại tập trung quanh Đê-li chậm chạp đến như vậy. Nếu trong mùa này, sự nóng bức đã là một trở ngại không thể khắc phục nổi chứ không như trong thời gian ông Sác-lơ Nây-pia, thì ít tháng sau, khi quân đội châu Âu tới, mưa lũ sẽ trở thành lý do vững chắc hơn để không ra quân. Chớ nên quên rằng, cuộc khởi nghĩa hiện nay thực ra đã bắt đầu vào tháng Giêng, bởi vậy, Chính phủ Anh đã được báo trước từ lâu và tất phải sẵn sàng lực lượng và súng ống đạn dược.

Mặc dù Đê-li bị quân Anh vây hãm, quân Xi-pai vẫn giữ được thành phố này trong tay mình ròng rã một thời gian dài, việc đó hẳn có những hệ quả tự nhiên của nó. Cuộc khởi nghĩa đã lan rộng đến tận cổng thành Can-cút-ta, năm mươi trung đoàn Ben-gan đã không còn tồn tại nữa, bản thân quân đội Ben-gan chỉ còn lại trong ký ức mà thôi, còn quân Âu rải ra trên lãnh thổ rộng lớn và co cụm lại trong các cứ điểm cô lập thì hoặc bị nghĩa quân đánh tan, hoặc buộc phải tự vệ một cách tuyệt vọng. Ở ngay Can-cút-ta, giáo dân đã lập một đội tình nguyện sau khi âm mưu bị bại lộ,

người ta nói là một âm mưu được vạch ra rất chu đáo và nhằm bắt thần chiếm các toà nhà chính phủ, và sau khi những trung đoàn bản xứ đóng quân ở đấy bị giải tán. Ở Bê-na-rét, mưu toan tước vũ khí trung đoàn bản xứ đã vấp phải sức chống cự của một toán người Xích²¹⁴ và của trung đoàn 13 kỵ binh không chính quy. Sự kiện này có một ý nghĩa vô cùng trọng đại, bởi vì nó chứng tỏ rằng người Xích cũng giống như người Hồi giáo đều đồng tâm nhất trí với người Bà-la-môn giáo và như vậy thì các nhóm dân cư khác nhau đã nhanh chóng đoàn kết lại thành một khối liên minh chung nhằm chống lại ách thống trị của Anh. Người Anh tin chắc rằng quân đội Xi-pai là lực lượng chủ yếu của họ ở Ấn Độ. Giờ đây họ bỗng nhiên vỡ lẽ ra rằng chính đội quân này là mối họa cực kỳ to lớn đối với họ. Ngay vào lúc có những cuộc tranh cãi gần đây về vấn đề Ấn Độ, ông Véc-nôn Xmít, chủ tịch Hội đồng thanh tra, đã tuyên bố rằng "không thể quả quyết khẳng định là giữa những hoàng thân bản xứ với cuộc khởi nghĩa không có một liên hệ nào". Hai hôm sau, cũng chính Véc-nôn Xmít đã buộc phải công bố một bức điện khẩn, có đoạn báo tin chẳng lành như sau:

"ngày 14 tháng Sáu, cựu quốc vương Au-dơ, theo những tài liệu bắt được, bị lôi cuốn vào âm mưu và đã bị quản thúc tại Phoóc-tơ - Uy-li-am, còn những người trung thành với ông thì đã bị tước vũ khí".

Ngày càng nổi rõ thêm cả những sự kiện khác có thể làm cho cả đến bản thân Giôn Bun cũng phải tin rằng phong trào mà ông cho là một cuộc binh biến thực ra là một cuộc khởi nghĩa dân tộc.

Báo chí Anh giả tảng như là nó rất hài lòng tin rằng, cuộc khởi nghĩa vẫn chưa lan rộng quá phạm vi xứ Ben-gan và không có chút nghi ngờ gì về lòng trung thành của các quân đội Bom-bay và Ma-đrát. Song cái nhìn lạc quan này đối với tình hình mâu thuẫn một cách kỳ lạ quá đối với những tin tức nhận được từ bưu phẩm cuối cùng về cuộc khởi nghĩa của kỵ binh ni-đam^{1*} bùng nổ ở Au-ran-ga-bát. Vì Au-ran-ga-bát là trung tâm của địa hạt cùng

1* - của nhà cầm quyền Công quốc Hai-đa-ra-bát

tên, thuộc xứ Bom-bay cho nên thực ra, bưu phẩm cuối cùng báo tin về cuộc khởi nghĩa đã bắt đầu trong quân đội Bom-bay. Đành rằng người ta nói là cuộc khởi nghĩa ở Au-ran-ga-bát bị tướng Vút-bóc-nơ dập tắt ngay. Nhưng há chẳng phải người ta đã nói rằng cuộc khởi nghĩa ở Mi-rút cũng đã bị dập tắt ngay? Há chẳng phải cuộc khởi nghĩa ở Lác-nau, sau khi bị ông G. Lô-ren-xơ đàn áp thì qua hai tuần cũng lại được phục hồi với hình thức còn đáng sợ hơn? Phải chăng nên nhớ rằng, ngay bản tin đầu tiên về cuộc khởi nghĩa trong quân đội Ấn Độ có kèm theo bản tin là trật tự đã được phục hồi? Mặc dù số đông trong các quân đội Bom-bay và Ma-đrát gồm những người thuộc các đẳng cấp thấp, trong mỗi trung đoàn vẫn có khoảng một trăm người Rát-pu-ta-na - một số lượng hoàn toàn đủ để lập ra một khâu liên lạc với nghĩa quân trong quân đội Ben-gan thuộc đẳng cấp cao. Người ta khẳng định rằng ở Pen-giáp tình hình vẫn yên tĩnh, nhưng cũng trong thời gian ấy chúng ta biết rằng "ngày 13 tháng Sáu những bản án tử hình của toà án quân sự đã được thi hành tại Phi-rô-dơ-pua", còn đội quân Vô-ôn - trung đoàn 5 bộ binh Pen-giáp - được ngợi khen "vì những hành động xuất sắc trong lúc truy nã trung đoàn 55 bộ binh bản xứ". Phải thừa nhận rằng đó là một kiểu "yên tĩnh" hết sức kỳ lạ.

Do C.Mác viết ngày 31 tháng Bảy 1857

Đã đăng trên báo "New - York Daily Tri bu ne" số 5091, ngày 14 tháng Tám 1857

In theo bản đăng trên báo Nguyên văn là tiếng Anh

C.MÁC

HIỆN TRẠNG CỦA CUỘC KHỞI NGHĨA Ở ẤN ĐỘ

Luân Đôn, ngày 4 tháng Tám 1857

Sau khi những bản báo cáo tỉ mỉ do bưu kiện cuối cùng từ Ấn Độ gửi tới, đã đến Luân Đôn, những bản báo cáo mà tóm tắt nghèo nàn của chúng đã được thông báo sơ bộ bằng điện tín, thì tin đồn chiếm được Đê-li đã nhanh chóng lan truyền và râm ran dai dẳng đến mức ảnh hưởng tới những vụ giao dịch ở Sở giao dịch Luân Đôn. Đây là một ấn phẩm mới tái bản huyền thoại về việc chiếm lĩnh Xê-va-xtô-pôn²¹⁵, nhưng ở dạng rút gọn, chỉ cần lướt mắt qua ngày tháng và nội dung những tờ báo ở Ma-đrát, là những tờ dường như đã cung cấp đầy đủ những tin tức tốt lành này, thì sự nhầm lẫn sẽ được đánh tan. Trong bản thông báo từ Ma-đrát có nêu rằng nó dựa vào những bức thư cá nhân từ A-gra gửi ngày 17 tháng Sáu, song bản tin tổng hợp chính thức từ La-ho, để ngày 17 tháng Sáu, lại nói là ngày 16, cho đến 4 giờ chiều, ở thành Đê-li tình hình rất yên tĩnh; còn "Bom-bay Times"²¹⁶ ngày 1 tháng Bảy thì viết rằng "sáng ngày 17, tướng Bác-nác-dơ trông chờ viện binh sau khi đã đẩy lùi một vài cuộc đột kích". Đây là tất cả những gì có thể nói về ngày tháng của thông báo từ Ma-đrát.

Còn về nội dung thì thông báo này dĩ nhiên dựa vào bản tin tổng hợp của tướng Bác-nác-dơ ngày 8 tháng Sáu nêu là ông ta đã đánh chiếm những điểm cao ở Đê-li, cũng như căn cứ vào một số thông báo cá nhân về những cuộc đột kích của quân bị vây hãm ngày 12 và ngày 14 tháng Sáu.

Sử dụng những kế hoạch không công bố của Công ty Đông Ấn, đại úy Lô-ren-xơ rốt cuộc đã lập được kế hoạch quân sự của Đê-li và của quân đồn trú ở đây. Từ kế hoạch này, ta có thể thấy là Đê-li đã được củng cố tuyệt nhiên không đến nỗi yếu như người ta khẳng định trước đây, mà cũng không đến nỗi mạnh như người ta đang cố chứng minh hiện nay. Đê-li có thành lũy có thể chiếm hoặc bằng tiến công hoặc bằng vây hãm theo đúng quy tắc. Thành chạy dài trên bảy dặm, có khối đá xây vững chắc nhưng không cao lắm. Hào thì hẹp mà không quá sâu, còn những công sự bên sườn lại không bảo đảm được một sự yểm hộ cần thiết cho các khoảng tường thành bằng hỏa lực theo chiều dọc. Ở những khoảng cách xác định, có những ngọn tháp Mác-te-lô. Chúng có hình bán nguyệt và có lỗ châu mai để đặt súng. Bên trong tháp, có thang xoáy tròn ốc dẫn từ chỗ cao nhất trên tường thành xuống dưới, tới các buồng chứa đạn được nằm ngang với hào.

Trong những buồng này, có lỗ châu mai cho bộ binh phát huy hỏa lực, điều đó có thể là rất khó chịu đối với đội quân tấn công khi vượt hào. Những pháo đài bảo vệ các khoảng tường thành cũng có bờ lũy để xạ thủ nấp bắn, song những bờ lũy này có thể bị hỏa lực pháo binh uy hiếp. Khi cuộc khởi nghĩa bùng nổ, kho vũ khí trong thành phố đã có 900 000 viên đạn, hai đoàn pháo nguyên vẹn, một số lớn pháo dã chiến và 10 000 súng trường. Trong kho thuốc súng, kho này trước đây rất lâu đã được chuyển từ thành phố vào doanh trại ở ngoài Đê-li theo nguyện vọng của dân chúng - có ít ra là 10 000 thùng thuốc nổ. Những điểm cao khổng lồ mà tướng Bác-nác-dơ đã chiếm lĩnh ngày 8 tháng Sáu, thì nằm về phía tây - bắc Đê-li; còn ở phía kia, ngoài tường thành, cũng có doanh trại đóng.

Từ lời miêu tả trên đây, dựa vào việc nghiên cứu những kế

hoạch chính cống, người ta thấy rõ thành lũy của quân khởi nghĩa nhất định thất thủ dù chỉ bị một coup de main^{1*}, giá như quân Anh hiện đóng ở Đê-li, đã có mặt tại đó ngay vào ngày 26 tháng Năm mà hẳn họ có thể có mặt tại đó được, giá như họ được cung cấp đầy đủ phương tiện chuyên chở. Phân tích danh mục đăng ở "Bom bay Times" và được đăng lại trên các báo Luân Đôn về những trung đoàn đã khởi nghĩa cho đến cuối tháng Sáu, với chỉ dẫn ngày tháng khởi nghĩa, người ta chứng minh được hết sức vững vàng là ngay ngày 26 tháng Năm ở Đê-li chỉ có vền vện 4000 hoặc 5000 nghĩa quân chiếm đóng, nghĩa là một đội quân mà đến bảo vệ bức thành dài 7 dặm cũng chưa thể nghĩ tới. Vì Mi-rút chỉ nằm cách Đê-li có bốn mươi dặm và từ đầu năm 1853 đã thường xuyên là cơ quan tham mưu cho pháo binh Ben-gan, ở đây có phòng thực nghiệm chính cho mục đích khoa học - quân sự và có những trường bắn để tập sử dụng pháo dã chiến và pháo phong toả, cho nên người ta càng không thể hiểu được tại sao chỉ huy Anh lại thiếu phương tiện cần thiết để thực hiện một trong những coups de main mà vốn dĩ nhờ chúng, quân Anh ở Ấn Độ bao giờ cũng giữ được ưu thế đối với dân bản xứ. Thoạt đầu, người ta thông báo cho chúng tôi biết là đang chờ một đoàn pháo^{2*}, sau lại viết rằng cần phải có viện binh, bây giờ thì "Press", một trong những tờ báo nhạy tin nhất ở Luân Đôn, công bố với chúng ta là:

"Chính phủ ta biết đích xác rằng tướng Bác-nác-đơ không đủ đạn được, rằng còn khoảng 24 viên cho mỗi người".

Từ bản tin tổng hợp đề ngày 8 tháng Sáu của tướng Bác-nác-đơ về việc chiếm lĩnh các điểm cao ở Đê-li, chúng ta thấy rằng, thoạt đầu ông ta dự định tấn công Đê-li vào ngày hôm sau. Song ông ta không những không thể thực hiện được kế hoạch này, mà do hoàn cảnh bất ngờ nào đó, còn đành phải giữ thế phòng ngự đối với quân bị vây hãm.

Hiện nay rất khó mà ước đoán lực lượng cả đôi bên. Những

1* - cuộc tấn công chớp nhoáng

2* Xem tập này, tr.316.

thông báo của báo chí Ấn Độ hoàn toàn mâu thuẫn nhau; song chúng tôi nghĩ là mục thư tín từ Ấn Độ, đăng trên tờ "Pays"²¹⁷ thân Bô-na-pác-tơ, hẳn là bắt nguồn từ lãnh sự Pháp ở Can-cút-ta, cũng có phần đáng tin cậy. Theo thông báo của lãnh sự Pháp thì ngày 14 tháng Sáu quân đội của tướng Bác-nác-đơ gồm khoảng 5700 người mà theo dự kiến sẽ tăng gấp đôi(?) nhờ có thêm viện binh được chờ đợi phải đến vào khoảng ngày 20 tháng này. Pháo đội của ông ta có 30 khẩu pháo phong toả hạng nặng; còn lực lượng nghĩa quân thì được xác định khoảng 40 000 người, tổ chức kém song được trang bị phong phú bằng mọi phương tiện tấn công và phòng thủ.

Chúng tôi nhận xét en passant^{1*} là 3000 nghĩa quân, đóng trại sau cổng thành Át-giơ-mi-rơ, có thể là trong phạm vi lăng tẩm Ga-di-han, tuyệt nhiên không ở sát gần với quân Anh như một số tờ báo Luân Đôn tưởng, mà trái lại, cách xa nó bởi toàn bộ lãnh thổ Đê-li, bởi lẽ cổng thành Át-giơ-mi-rơ nằm trên điểm tận cùng của phần tây - nam Tân Đê-li, về phía bắc khu đổ nát của Đê-li cổ. Ở phía này của thành phố, không có gì có thể ngăn nghĩa quân dựng thêm một số trại như vậy. Ở phía đông - bắc thành phố dọc theo triền sông, họ nắm giữ chiếc cầu phao và có liên hệ thường xuyên với đồng bào mình, có thể liên tục nhận được từ đồng bào mình nguồn bổ sung người và lương thực. Giống với Xê-va-xtô-pôn, có điều là quy mô nhỏ hơn, Đê-li là một loại pháo đài giữ được tự do giao thông với hậu phương sâu của đất nước mình.

Việc trì hoãn chiến dịch của quân Anh không những đã cho phép quân bị vây hãm tập trung được lực lượng lớn để phòng ngự, mà còn chắc chắn củng cố được tinh thần chiến đấu của quân Xi-pai, vì họ ý thức rằng mình đã có thể giữ được Đê-li trong suốt nhiều tuần lễ và có thể nhiều lần làm cho các đội quân châu Âu kinh hoảng bằng những trận đột kích; quân Xi-pai cũng được hậu thuẫn bởi lẽ họ hàng ngày nhận được tin tức về những cuộc khởi

1* - thêm

nghĩa mới trong toàn thể quân đội. Người Anh, với những lực lượng nhỏ, dĩ nhiên không thể nghĩ đến chuyện bao vây thành phố, và tất sẽ phải tấn công. Song nếu bưu kiện tiếp sau không mang lại tin tức hạ thành Đê-li, thì chúng ta có thể hầu như tin chắc là trong mấy tháng tới, người Anh sẽ phải đình hoãn mọi cuộc tấn công lớn. Bấy giờ, mùa mưa nhiệt đới đã đến, hẳn là hết sức tâm tã và sẽ bảo vệ mặt đông - bắc thành phố bằng cách làm tràn ngập đường hào bởi "dòng nước sông Giam-na sâu và chảy xiết", trong lúc đó thì nhiệt độ lên xuống từ 75 đến 102 độ^{1*}, cộng với khối trầm tích trung bình là 9 phân, sẽ làm bùng ra nạn dịch tả Á châu chính hiệu giữa những người Âu. Bấy giờ thì lời huân tước Ê-len-bô-rô sẽ thành sự thật:

"Theo ý kiến tôi, thì tướng Bác-nác-đơ không thể ở lại chỗ mà hiện giờ ông đang đóng: khí hậu không cho phép làm như vậy. Khi những trận mưa nhiệt đới bắt đầu, ông ta sẽ bị tách rời khỏi Mi-rút, khỏi Am-ba-la và Pen-giáp, ông ta sẽ bị hãm trong một dải đất hẹp và bị lâm vào - tôi không muốn nói là tình trạng hiểm nghèo, - mà là tình trạng chỉ có thể dẫn tới bại vong. Tôi mong rằng ông ta có thể kịp thời rút đi".

Như vậy, về Đê-li, tất cả đều phụ thuộc vào một điều là liệu tướng Bác-nác-đơ có đủ người và đạn dược để có thể tấn công Đê-li vào những tuần cuối cùng của tháng Sáu hay không. Mặt khác, việc tướng Bác-nác-đơ rút quân hẳn củng cố rất vững chắc sức mạnh tinh thần của nghĩa quân và, có thể là cổ vũ quân đội ở Bom-bay và Ma-đrát công khai gia nhập khởi nghĩa.

*Do C.Mác viết ngày 4 tháng Tám
1857*

*Đã đăng trên báo "New - York Daily
Tribune" số 5094, ngày 18 tháng
Tám 1857*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

1* theo Pha-ren-gây

C.MÁC

VẤN ĐỀ PHƯƠNG ĐÔNG

Luân Đôn, ngày 11 tháng Tám 1857

Vấn đề phương Đông khoảng mười bốn tháng trước đây đã được giải quyết nhờ có Hoà ước Pa-ri, người ta đã quả quyết nói với chúng ta như thế, vậy mà giờ đây lại bị khơi ra vì cuộc bãi công ngoại giao ở Công-xtăng-ti-nô-plơ. Các sứ quán Pháp, Nga, Phổ và Xắc-di-ni ở đây đã hạ cờ và cắt đứt quan hệ với triều đình Thổ Nhĩ Kỳ. Các đại sứ Anh và Áo ủng hộ sự kháng cự của Đê-van chống lại các yêu sách của bốn nước này, đồng thời tuyên bố rằng họ không sợ phải chịu bất cứ trách nhiệm nào về hậu quả của cuộc xung đột này.

Những sự kiện đó đã xảy ra vào ngày 6 tháng này. Đề tài của bản thân vở kịch đã khá cũ, song *dramatis personae*^{1*} của nó đã thay vai, và nhờ *mise en scène*^{2*} mới mà chừng mực nào đó nó có vẻ mới. Lần này đứng ở vị trí tiên phong không phải Nga mà là Pháp. Đại sứ Pháp ở Công-xtăng-ti-nô-plơ, ngài Tu-vơ-nen, với giọng hơi ra vẻ xúc động kiểu Men-si-cốp, hống hách đòi triều đình Thổ Nhĩ Kỳ bãi bỏ cuộc bầu cử ở Môn-đa-vi-a, bởi vì Cai-ma-cam

1* - nhân vật

2* - đạo diễn

Vô-gô-ri-de-xơ của Môn-đa-vi-a đã phá hoại Hoà ước Pa-ri, bằng sự can thiệp trái phép của mình, đã đạt được kết quả là phải chống đối sự thống nhất thu được đa số đại biểu²¹⁸. Triều đình Thổ Nhĩ Kỳ không chịu nhận yêu cầu này nhưng tuyên bố tán thành triệu Cai-ma-cam về Công-xtăng-ti-nô-plơ để ông ta trả lời về những lời buộc tội đối với hành động của ông. Ngài Tu-vơ-nen ngang nhiên bác bỏ đề nghị này, chủ trương giao cho Uỷ ban cải tổ châu Âu, đóng ở Bu-ca-rét, tiến hành việc điều tra về những mảnh khoé bầu cử. Bởi vì đa số trong uỷ ban này gồm những đại diện của Pháp, Nga, Phổ và Xéc-đi-ni, nghĩa là gồm đúng những nước tán thành việc thống nhất các tỉnh Đa-nuýp và đều buộc tội Vô-gô-ri-de-xơ là can thiệp trái phép, cho nên triều đình Thổ Nhĩ Kỳ, do các đại sứ Anh và Áo xúi giục, đã đương nhiên bác bỏ việc biến những kẻ rõ ràng là chống đối mình thành các quan toà xét việc riêng của họ. Thế là bây giờ tai hoạ đã xảy ra.

Rõ ràng đối tượng thực sự của cuộc tranh chấp giờ đây cũng vẫn chính là vấn đề mà từ đó đã nảy sinh cuộc chiến tranh với Nga, đó là chia cắt thật sự các tỉnh Đa-nuýp khỏi Thổ Nhĩ Kỳ, việc chia cắt ấy lần này người ta dự định thực hiện không phải dưới hình thức "một bảo đảm vật chất" mà dưới hình thức thống nhất các công quốc vào quyền hành của một hoàng thân - bù nhìn nào đó của châu Âu. Nước Nga, với thái độ điềm tĩnh dè dặt và kiên nhẫn vốn có của mình, không bao giờ chịu từ bỏ mục tiêu mà nó đã vạch ra. Trong công việc mà chỉ một mình nó quan tâm, nó đã có thể đoàn kết một bộ phận trong số những đối thủ của mình để chống lại những đối thủ còn lại và giờ đây đang có thể hy vọng bất số này phải thần phục mình dựa vào sự giúp đỡ của số kia. Còn Bô-na-pác-tơ thì động cơ của ông ta rất nhiều hình nhiều vẻ. Ông ta trông cậy vào những vụ rắc rối bên ngoài để tìm được van an toàn làm dịu sự bất mãn bên trong. Ông ta cảm thấy khoái trá vô hạn vì nước Nga tỏ ý muốn đeo mặt nạ Pháp và để cho ông ta khai mạc vũ hội. Đế chế của ông được thêu dệt bằng những sự hư cấu, buộc phải được thoả mãn bằng những thắng lợi ở kịch trường, và trong thâm tâm thì Bô-na-pác-tơ hẳn tự an

ủi mình bằng cái hy vọng dựa vào nước Nga để đặt một gã nào đó kiểu Bô-na-pác-tơ lên ngai vàng bù nhìn của Ru-ma-ni, được nặn ra một cách giả tạo nhờ những nghị định thư ngoại giao. Từ lúc có Hội nghị Vác-sa-va nổi tiếng năm 1850²¹⁹ và cuộc hành quân của quân đội Áo sang biên giới phía bắc của Đức, nước Phổ rất nóng lòng muốn báo thù Áo, dù chỉ là đôi chút, miễn sao đồng thời ở đây bản thân nó tránh được tai hoạ. Xéc-đi-ni đặt mọi hy vọng vào cuộc xung đột với Áo, nhưng đã không còn bằng một sự liên minh đầy nguy hiểm với cách mạng I-ta-li-a mà đứng sau lưng các nước độc tài trên lục địa.

Nước Nga nỗ lực thực hiện việc thống nhất các công quốc Đa-nuýp bao nhiêu thì Áo chống đối kịch liệt bấy nhiêu. Áo hiểu rất rõ động cơ chính của kế hoạch này, kế hoạch nhằm trực tiếp chống sự hùng cường của chính nó hơn là chống sự hùng cường của triều đình Thổ Nhĩ Kỳ. Cuối cùng, Pan-móc-xơn, - con người nổi tiếng chủ yếu là do sự căm ghét giả vờ đối với Nga, đương nhiên là phải giả vờ như cùng chia sẻ nỗi lo sợ thực sự của Phran-tơ - I-ô-xíp. Dù thế nào đi nữa thì ông ta cũng phải làm ra vẻ ông ta đồng lòng với Áo và triều đình Thổ Nhĩ Kỳ và chỉ nhượng bộ trước áp lực của Nga trong trường hợp bị Pháp ép buộc. Lập trường của các bên hữu quan là như vậy. Nhân dân Ru-ma-ni ở đây chỉ là một cái cớ và tự bản thân nó thì hoàn toàn không được người ta đếm xỉa đến. Thậm chí những người nhiệt tình đến tuyệt vọng cũng vị tất đã nhẹ dạ đến nỗi cho rằng Lu-i - Na-pô-lê-ông thành thực ủng hộ cuộc tuyển cử chân chính của nhân dân, còn nước Nga thì thật sự nóng lòng mong củng cố tính dân tộc Ru-ma-ni, mà từ thời Pi-ốt Đại đế những âm mưu và những cuộc chiến tranh của nước Nga bao giờ cũng nhằm mục đích phá hoại tính dân tộc này.

Tờ báo do một số người tự nhận là những nhà ái quốc Ru-ma-ni sáng lập ở Bruy-xen lấy tên là "Etoile du Danube"²²⁰, mới đây đã công bố một loạt tài liệu về cuộc tuyển cử ở Môn-đa-vi-a; tôi có ý định dẫn ra đây cho tờ "Tribine" những tài liệu quan trọng nhất trong số đó. Những tài liệu này gồm thư từ

gửi cho Ni-cô-lai Vô-gô-ri-đe-xơ, Cai-ma-cam xứ Môn-đa-vi-a của Xtê-phan - Vô-gô-ri-đe-xơ, bố ông ta, của Mu-xu-ru-xơ, con rể ông ta, và của đại sứ Thổ Nhĩ Kỳ ở Luân Đôn; của A.Vô-gô-ri-đe-xơ, người anh em của ông và bí thư đại sứ quán Thổ Nhĩ Kỳ ở Luân Đôn, của M.Phô-ti-a-đe-xơ, người rể khác và chargé d'affaires^{1*} của Chính phủ Môn-đa-vi-a ở Công -xtăng-ti-nô-plơ, và cuối cùng, của nam tước Prô-kê-sơ, In-te-nun-xơ của Áo ở triều đình Thổ Nhĩ Kỳ. Những thư từ trao đổi ấy, một thời gian sau đó đã bị mất cắp ở điện của Cai-ma-cam ở Giát-xư và "Etoile du Danube" giờ giờ đây đã khoác lác rằng hiện giờ bản chính đã ở trong tay mình. "Etoile du Danube" rõ ràng là đã cho rằng bẻ khoá ăn trộm là phương pháp hoàn toàn lịch sự để có được thông tin ngoại giao. Hơn nữa, trên quan điểm đó hình như toàn bộ giới báo chí chính thức châu Âu đều ủng hộ điều đó.

THƯ MẬT VỀ CUỘC TUYỂN CỬ Ở MÔN-ĐA-VI-A DO "ETOILE DU DANUBE" CÔNG BỐ

*Trích thư của M.K. Mu-xu-ru-xơ, đại sứ Thổ Nhĩ Kỳ
tại Luân Đôn, gửi Cai-ma-cam Vô-gô-ri-đe-xơ*

Luân Đôn, ngày 23 tháng Tư 1857

"Tôi xin mật báo với Ngài rằng huân tước Cla-ren-đôn tán thành câu trả lời của Ngài với các lãnh sự Pháp và Nga về vấn đề báo chí. Huân tước cho rằng đó là câu trả lời xứng đáng, chính nghĩa và hợp pháp. Tôi đã khen ngợi sự khôn ngoan trong hành vi ứng xử của Ngài ở hoàn cảnh hiện tại. Tôi viết cho triều đình Thổ Nhĩ Kỳ và cố gắng bảo đảm cho Ngài đạt kết quả trên con đường công danh rực rỡ mà Ngài xứng đáng được hưởng. Ngài đã cứu thoát cho đất nước tuyệt diệu này khỏi mối hiểm nguy mà bọn bội phản, bọn không xứng đáng được mang danh là người Môn-đa-vi-a đã tìm cách đẩy đất nước vào. Bị lợi ích vật chất và tiền thưởng cám dỗ, bọn họ đã vô đạo đức đến mức góp phần thúc đẩy việc biến Tổ quốc Môn-đa-vi-a của mình thành một xứ phụ thuộc đơn thuần vào Va-la-ki và chúng muốn xoá tên Tổ quốc trong số những dân tộc tự trị. Dưới chiêu bài thành

1* - đại diện lâm thời

lập một nước Ru-ma-ni tưởng tượng nào đó, chúng muốn giáng nước Môn-đa-vi-a và nhân dân xứ này xuống mức như xứ và dân Ai-rơ-len mà không sợ thế hệ này và hậu thế nguyên rủa. Trút sự khinh mạn lên đầu kẻ dè tiện trơ tráo tự xưng là đảng dân tộc, Ngài đã làm nghĩa vụ của một nhà ái quốc chân chính và tuyệt vời. Đảng của liên hợp có thể tự xưng là đảng dân tộc ở Va-la-ki, nơi mà nó phấn đấu để mở rộng Tổ quốc mình; nhưng vì chính nguyên nhân ấy ở Môn-đa-vi-a, đảng đó chỉ có thể tự xưng là đảng phản dân tộc mà thôi. Ở đây chỉ có một đảng dân tộc duy nhất, đó là đảng chống lại sự thống nhất... Chính phủ Anh thù địch với sự thống nhất. Ngài có thể hoàn toàn tin là như vậy. Xin được mật báo để Ngài rõ là những chỉ thị theo tinh thần đó, cách đây không lâu, đã được gửi cho đại diện Anh ở Bu-ca-rét (đó là bạn tôi), và Ngài, thưa tôn huynh, chẳng bao lâu nữa, Ngài sẽ được thấy kết quả của những chỉ thị đó. Ngài đã trả lời đích đáng cho các lãnh sự Pháp và Nga về vấn đề báo chí... Nghĩa vụ của Ngài với tư cách là nguyên thủ của một công quốc tự trị, là đẩy lùi mọi sự can thiệp vô sỉ và bất hợp pháp của những người ngoại quốc vào công việc nội bộ. Hoàn toàn không phải lỗi ở Ngài khi cả hai lãnh sự của hai nước ấy tự đặt mình vào một tình thế khó xử và chính phủ họ không thể giúp đỡ họ bằng cách nào khác ngoài cách gọi họ về... Tôi cũng lo rằng, dưới sức ép của sự can thiệp ngoại bang, triều đình Thổ Nhĩ Kỳ sẽ rơi vào một tình thế bất tiện đối với Ngài và trong thư từ trao đổi cùng Ngài vô tình không biểu lộ được đầy đủ những lời ngợi khen và sự hài lòng mà cách xử sự khôn ngoan và đúng mực của Ngài đã đem lại cho nó. Với tư cách là Cai-ma-cam Môn-đa-vi-a, lẽ đương nhiên, Ngài phải lệ thuộc chính phủ trung ương; nhưng đồng thời với tư cách là một vị nguyên thủ của công quốc độc lập ấy và một chiến sĩ Môn-đa-vi-a, Ngài phải hoàn thành nghĩa vụ của mình trước tổ quốc và nếu cần, hãy chỉ cho triều đình Thổ Nhĩ Kỳ rằng đặc quyền đầu tiên, ab antique^{1*} của công quốc là sự tồn tại của Môn-đa-vi-a như là một công quốc tự trị đặc biệt".

*Thư của A.Vô-gô-ri-đe-xơ, bí thư đại sứ quán Thổ Nhĩ Kỳ
ở Luân Đôn, gửi Cai-ma-cam Vô-gô-ri-đe-xơ*

"Tôi vội báo cáo để Ngài rõ rằng: người em rể của Ngài vừa tới thăm huân tước Pan-móc-xơ. Ông ta thông báo những tin tức quan trọng về thái độ của

1* - có từ xưa

tôn ông đối với việc thống nhất quốc gia. Ngài Pan-móc-xơn kiên quyết chống lại sự thống nhất ấy; ông cho rằng việc đó đã phá hoại quyền của nhà nước chúng ta và phù hợp với điều đó, những chỉ thị cần thiết đã được gửi đến Ngài Hen-ri Bun-vơ, đại diện của Anh ở các công quốc. Vậy, như tôi đã viết cho Ngài trước kia, Ngài cần phải làm hết sức mình để không cho phép những người Môn-đa-vi-a, bằng cách này hay cách khác, biểu thị ý muốn có lợi cho việc thống nhất và, để tỏ ra là xứng đáng với lòng tốt của triều đình ở Thổ Nhĩ Kỳ hoặc với sự ủng hộ của Anh, Áo. Vì ba cường quốc ấy kiên quyết chống lại việc thống nhất, cho nên Ngài không cần phải lo lắng về những dự định hay lời đe dọa của Pháp mà báo chí nước này đang đối xử với Ngài như với một người dân Hy Lạp".

Thư của người gửi nói trên gửi cho người nhận nói trên.

Luân Đôn, ngày 15 tháng Tư 1857

"Tôi khuyên Ngài không phải bàn cãi gì nữa mà cứ làm theo mọi chỉ dẫn của lãnh sự Áo, mặc dù ông ta còn có những thiếu sót, thậm chí, giả dụ như ông ta tỏ vẻ kiêu căng đi nữa. Ngài cần nhớ rằng con người đó chỉ hành động đúng theo chỉ thị của chính phủ mình. Nước Áo hoàn toàn nhất trí về mọi quan điểm với triều đình Thổ Nhĩ Kỳ cao cả và Anh, vì rằng nếu nước Áo biểu thị thỏa mãn thì Thổ Nhĩ Kỳ và Anh cũng làm như thế. Vậy, tôi nhắc lại rằng Ngài cần lắng nghe những lời khuyên và điều mong mỏi của lãnh sự Áo và đừng phản đối, mà phải sử dụng những sự giúp đỡ của các nhân vật mà ông ta giới thiệu cho Ngài, không cần tìm hiểu xem những nhân vật đó có phải là những kẻ thiếu đạo đức hay không, hoặc là họ có phải là những người nổi tiếng xấu hay không. Chỉ cần những nhân vật ấy là những người thành tâm chống lại việc thống nhất là đủ. Điều đó cũng đủ rồi, vì nếu Đì-van Môn-đa-vi-a tuyên bố sự thống nhất thì nước Áo sẽ gán cho Ngài phải chịu trách nhiệm về việc chống lại những lời khuyên của lãnh sự Áo, một con người tích cực chống đối việc thống nhất. Còn nước Anh, thì không bao giờ cho phép thực hiện sự thống nhất cả, mặc dầu tất cả Đì-van đều tán thành điều đó. Tuy nhiên, mong sao Ngài gây trở ngại cho Đì-van Môn-đa-vi-a trong việc ủng hộ sự thống nhất, vì rằng lúc bấy giờ ba cường quốc mới sẽ chống lại Pháp và Nga một cách dễ dàng hơn, Ngài xứng đáng được họ cảm ơn... Ngài đã hoàn toàn đúng, khi Ngài đã không cho phép có tự do báo chí, vì rằng những tên ngông cuồng Môn-đa-vi-a bạn của Nga, đeo mặt nạ Pháp, đã quá lạm dụng sự tự do báo chí ấy để phát động phong trào quần chúng đòi thống nhất... Ngài đừng

cho họ thi hành những gian kế như vậy. Tôi tin rằng giá như "Etoile du Danube" và những ấn phẩm khác loại thấp kém đến như thế được phát hành tại Pháp thì chính phủ hẳn không do dự dầy các tác giả của chúng sang Cây-en-na. Nước Pháp thiết tha mong muốn sao cho ở Môn-đa-vi-a và Va-la-ki được mở những câu lạc bộ tự do và được hội họp chính trị, lẽ ra trước hết phải cho phép làm như vậy ở nhà mình và không trục xuất và truy nã tất cả những nhà báo đã dám cả gan tự do nói một điều gì đó. Tục ngữ Pháp có câu: "Charité bien ordonnée commence par soi-même"^{1*}. Hiệp ước Pa-ri không nói đến sự thống nhất các công quốc; nó chỉ nói là người Đì-van phải phát biểu về sự cải tổ nội bộ đất nước; thế mà những kẻ ngông cuồng lại nêu khẩu hiệu thống nhất, bằng quên hoàn toàn điều kiện đó của hiệp ước và không quan tâm đến những cuộc cải cách trong nước, chỉ hướng về tổ chức quốc tế mới và mơ ước được độc lập dưới quyền lực của các vua chúa nước ngoài... Nước Anh hành động hoàn toàn thống nhất với Áo, kiên quyết phản đối sự thống nhất, và nhất trí với triều đình Thổ Nhĩ Kỳ cao cả là không bao giờ cho phép thực hiện điều đó. Nếu lãnh sự Pháp nói với Ngài điều ngược lại, thì Ngài chớ tin ông ta vì ông ta nói dối".

*Do C.Mác viết ngày 11 tháng Tám 1857
Đã đăng trên báo "New - York Daily
Tribune" số 5102, ngày 27 tháng Tám
1857*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

1* - "Lòng nhân ái trung thực được bắt đầu từ ở nhà mình".

C.MÁC

KHỞI NGHĨA ẤN ĐỘ

Luân Đôn, ngày 14 tháng Tám 1857

Khi lần đầu tiên có những tin tức từ Ấn Độ chuyển theo đường điện báo từ Tơ-ri-e-xtơ ngày 30 tháng Bảy và đến cùng bưu phẩm Ấn Độ ngày 1 tháng Tám^{1*}, chúng tôi đã chỉ ra ngay là, căn cứ vào nội dung và ngày tháng của chúng thì việc hạ thành Đê-li là một điều bịa đặt bĩ ố và là điều bất chước thấp kém câu chuyện mà mọi người còn nhớ về sự thất thủ của Xê-va-xtô-pôn. Song sự nhẹ dạ của Giôn Bun thật quá sâu sắc đến nỗi các bộ trưởng, những tay xoay xở ở Sở giao dịch và báo chí của ông đã thật sự làm cho ông tin tưởng rằng, ngay những tin tức chỉ nói là tướng Bác-nác-đơ giữ thế thủ cũng đủ chứng tỏ kẻ địch của ông đã bị hoàn toàn tiêu diệt. Áo giặc đó ngày lại ngày cứ tăng thêm cho đến lúc, rốt cuộc, đã trở thành thường xuyên đến nỗi nó đã làm cho ngay cả tướng Đê-Lây-xi Ê-van-xơ, người từng trải trong việc này cũng tuyên bố chiều ngày 12 tháng Tám, trong tiếng rào rào tán thưởng của hạ nghị viện, là ông cho rằng tiếng đồn Đê-li đã bị hạ là xác thực. Song tấn tuồng lố bịch này không đi

1* - Ý nói tin vịt về việc hạ thành Đê-li (xem tập này, tr.320).

đến đâu cả, vì rằng cái bong bóng xà phòng đã sắp vỡ đến nơi. Hôm sau, ngày 13 tháng Tám, người ta liên tiếp nhận được những tin điện báo từ Tơ-ri-e-xtơ và Mác-xây sớm hơn thư từ ở Ấn Độ gửi về, khiến không còn phải nghi ngờ gì nữa là ngày 27 tháng Sáu tình hình Đê-li vẫn chưa có gì thay đổi và tướng Bác-nác-đơ, người vẫn buộc phải tự hạn chế ở phòng ngự và còn mất ăn mất ngủ vì những cuộc đột kích ác liệt thường xuyên, đã rất hài lòng là cho đến ngày ấy ông ta vẫn giữ được vị trí của mình.

Theo chúng tôi phỏng đoán thì bưu phẩm tiếp sau hẳn sẽ mang đến tin quân Anh rút lui hoặc ít ra là những sự kiện báo trước một sự vận động thoái lui như vậy. Dĩ nhiên, chiều dài của thành Đê-li loại trừ mọi ý nghĩ là có thể bảo đảm sự phòng thủ có kết quả toàn bộ chiều dài của nó; ngược lại, điều đó tạo ra những điều kiện thuận lợi cho coups de main^{1*} bằng phương pháp đánh tập trung và bất ngờ. Nhưng tướng Bác-nác-đơ hẳn là bám giữ những quan điểm phổ biến ở châu Âu về những thành phố gia cường phòng thủ về bao vây và pháo kích nên không nghĩ đến những hành động táo bạo và độc đáo như ông Sác-lơ Nây-pia đã biết dùng để làm cho những đầu óc châu Á phải sửng sốt hoang mang. Đành rằng người ta nói là số quân của tướng Bác-nác-đơ đã tăng tới khoảng 12000 người, trong đó có 7000 lính Âu và 5000 "lính bản xứ tin cậy"; nhưng mặt khác, không ai chối cãi là nghĩa quân hàng ngày nhận được những viện binh mới, bởi vậy chúng ta hoàn toàn có thể cho rằng sự chênh lệch về số lượng giữa quân bao vây với quân bị bao vây vẫn như trước. Hơn nữa, một điểm duy nhất mà bất ngờ tấn công vào đây có thể bảo đảm cho tướng Bác-nác-đơ một thắng lợi nhất định là cung Mô-gôn; cung này chiếm một vị trí khổng chế, nhưng trong mùa mưa hẳn không thể đi tới đó từ phía sông, mà mùa mưa thì quả đã đến rồi, còn tấn công cung này từ địa điểm nằm giữa cổng thành Ca-sơ-mia và sông thì trong trường hợp thất bại, phía quân tấn công có thể lâm vào

1* - đột kích

một tình thế cực kỳ nguy khốn. Cuối cùng, mùa mưa đến dĩ nhiên làm cho mục đích chính của cuộc hành quân của tướng Bắc-nác-đơ lại là bảo đảm tuyến giao thông và các đường rút lui. Tóm lại, chúng ta không có cơ sở để nghĩ rằng ông ta, với lực lượng vẫn chưa đủ, lại dám liều lĩnh thực hiện vào lúc bất lợi nhất điều mà ông ta đã tránh né vào lúc thuận lợi hơn. Mặc dầu báo chí Luân Đôn đang cố tự lừa dối mình, cố tình nhắm mắt trước tình hình thực tế thì các nhóm chớp bu vẫn vô cùng lo ngại; tờ "Morning Post", cơ quan của Pan-móc-xơn, có thể là bằng chứng cho điều đó. Những ngài bị mua chuộc trong toà báo này cho chúng ta biết rằng:

"Chúng tôi nghi ngờ liệu bưu phẩm sau có cho chúng ta biết là Đê-li đã bị hạ chưa, *nhưng* chúng tôi vẫn hy vọng là *chừng* nào những đội quân hiện đang trên đường đi với *số lượng trọng pháo đầy đủ* - thứ vũ khí mà nay hẳn vẫn đang thiếu- đến tăng viện cho quân hãm thành thì chúng ta sẽ nhận được tin thành trì bọn phiến loạn thất thủ".

Một điều hết sức hiển nhiên là, do nhu nhược, do những dao động và những lỗi lầm trực tiếp, các tướng Anh đã dùng máu khoé nâng Đê-li lên hàng trung tâm chính trị và quân sự của cuộc khởi nghĩa Ấn Độ. Việc quân Anh rút lui sau khi đã vây hãm lâu dài hoặc chỉ nằm ở thế phòng ngự hẳn bị xem là một sự thất bại dứt khoát và ắt sẽ tạo ra dấu hiệu báo trước cuộc tổng khởi nghĩa. Thêm nữa, việc này ắt sẽ gây ra tử vong khủng khiếp trong quân đội Anh, điều mà cho đến nay sự kích động tột đỉnh - vốn có trong một cuộc bao vây với những cuộc đột kích và những xung đột thường xuyên, - và lòng mong muốn chóng được trả món nợ máu với kẻ thù đã ngăn ngừa họ lại. Còn những tin đồn người Ấn Độ giáo có thái độ thờ ơ hoặc thậm chí trung thành với nền thống trị Anh thì hoàn toàn là điều nhắm nhĩ. Các hoàng thân, đúng như những người châu Á chính tông, chỉ đợi thời cơ mà thôi. Nhân dân trong toàn xứ Ben-gan, nơi mà một nhúm người Âu không giữ nổi họ trong sự phục tùng, đang lấy làm khoái trá về tình trạng vô chính phủ đầy hạnh phúc, nhưng ở những nơi này

vốn cũng chẳng có ai để họ có thể nổi dậy chống lại. Hẳn là một sự quid pro quo^{1*} kỳ khôi nếu chờ đợi rằng cuộc khởi nghĩa Ấn Độ sẽ mang những đặc điểm của cách mạng châu Âu.

Tại các xứ Ma-đrát và Bom-bay, vì quân đội ở đấy vẫn chưa nói lên tiếng nói của mình cho nên dĩ nhiên, nhân dân vẫn chưa động cựa. Cuối cùng, Pen-giáp cho đến nay vẫn là trung tâm đóng quân chính của các đội quân châu Âu, còn quân đội bản xứ thì bị tước khí giới. Để có thể cổ vũ Pen-giáp nổi dậy, các hoàng thân nước độc lập lân cận buộc phải ném vào đĩa cân toàn bộ ảnh hưởng của mình. Song một âm mưu lan toả ra như âm mưu trong quân đội Ben-gan, không thể diễn ra ở một quy mô rộng lớn như thế, nếu không được nhân dân địa phương ngầm đồng tình và ủng hộ. Điều đó cũng hiển nhiên như là việc người Anh vấp phải những khó khăn lớn trong việc bảo đảm cho quân đội lương thực và giao thông, - mà chính đây mới là nguyên nhân chủ yếu làm cho những đội quân ấy tập trung chậm trễ - những khó khăn to lớn ấy không hề chứng tỏ nông dân có thái độ thiện ý đối với họ.

Những tin tức còn lại được truyền đi bằng điện thoại, chỉ có giá trị chừng nào chúng chỉ cho chúng ta thấy là cuộc khởi nghĩa đã bắt đầu ở biên giới xa xôi nhất của Pen-giáp, ở Pê-sa-vác, và mặt khác chỉ ra rằng nó nhanh chóng lan rộng về hướng nam, từ Đê-li đến xứ Bom-bay, bao trùm những đơn vị đồn trú Giơ-han-xi, Xau-goóc, Hin-đua, Mau, và cuối cùng, đến tận Au-ran-ga-bát, cách đông - bắc Bom-bay ven ven chỉ có 180 dặm. Về Giơ-han-xi ở Bun-đen-han-đơ thì chúng tôi có thể nhận xét rằng căn cứ này được củng cố và như vậy có thể trở thành một trung tâm khởi nghĩa vũ trang nữa. Mặt khác, người ta cho biết là tướng Van-Coóc-len, khi vận động từ tây - bắc tới hợp nhất với quân của tướng Bắc-nác-đơ ở Đê-li còn cách xa ông tới 170 dặm - đã đánh bại nghĩa quân ở vùng Xích-xa. Ông phải vượt qua Giơ-han-xi, nơi đây ông lại sẽ đụng phải nghĩa quân. Còn về những việc chuẩn bị mà Chính phủ Anh đang tiến hành, thì huân tước Pan-móc-xơn hẳn

1* - hiểu lầm

là cho rằng con đường quanh co nhất là con đường ngắn nhất và bởi vậy, gửi quân đội theo đường vòng mũi Hảo Vọng, chứ không phái họ đi qua Ai Cập. Sự kiện mấy ngàn người định gửi sang Trung Quốc bị giữ lại ở Xây-lan và phái đi Can-cút-ta, - ngày 2 tháng Bảy có năm trung đoàn bộ binh đã thật sự tới đó - sự kiện này đem lại cho Pan-móc-xton cơ hội để chế giễu cay độc những hạ nghị sĩ trong số người ngoan ngoãn vâng lời ông còn dám nghi ngờ cuộc chiến của ông ở Trung Quốc là một "món quà bất ngờ của số phận".

*Do C.Mác viết ngày 14 tháng Tám 1857
Đã đăng trên báo "New - York Daily
Tribune" số 5104, ngày 29 tháng Tám
1857*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần
đầu trên tạp chí "Đông
phương học Xô-viết" số 5,
năm 1957*

C.MÁC**TÌNH HÌNH CHÍNH TRỊ Ở CHÂU ÂU**

Trước lúc khai mạc khoá họp nghị viện, huân tước Pan-móc-xton lợi dụng phiên trừ bị²²¹ để thông báo vắn tắt với hạ nghị viện về những trò giải trí mà ông đã dành cho công chúng Anh trong thời gian chưa bầu lại, giữa khoá trước với khoá sau. Điểm thú nhất trong chương trình của ông là thông báo về việc tái diễn cuộc chiến với Ba Tư - cuộc chiến tranh mà như lời ông tuyên bố mấy tháng trước đây, đã kết thúc hoàn toàn bởi hiệp nghị hoà bình ký kết ngày 4 tháng Ba^{1*}. Khi tướng đồ Lây-xi Ê-van-xơ nói lên hy vọng là đại tá Giây-cốp đã được lệnh quay về Ấn Độ cùng với đơn vị chiến đấu của ông ta mà hiện đang nằm ở bờ vịnh Ba Tư, thì huân tước Pan-móc-xton tuyên bố thẳng thừng là chừng nào Ba Tư chưa thực hiện những nghĩa vụ đã ký kết trong hiệp nghị, thì quân của đại tá Giây-cốp không được rút khỏi biên giới Ba Tư. He-rát, tuy vậy, vẫn chưa rút quân. Ngược lại, thậm chí có tin đồn rằng Ba Tư đã đưa tới He-rát những lực lượng chiến đấu mới. Đành rằng, đại sứ Ba Tư ở Pa-ri đã bác bỏ những tin đồn này, song lòng thành thực của Ba Tư không phải không có căn cứ, vẫn gây ra những ngờ vực lớn và bởi vậy quân

1* Xem tập này, tr.289 - 293.

Anh dưới sự chỉ huy của đại tá Giây-cốp vẫn sẽ ở lại Bu-sia như cũ. Sang ngày hôm sau, sau lời tuyên bố của huân tước Pan-móc-xton, một bức điện đã mang đến một tin nói rằng ngài Ma-ri đã đệ lên Chính phủ Ba Tư yêu sách kiên quyết đòi phải rút quân khỏi He-rát - một yêu sách hoàn toàn có thể xem là sự báo trước một lời tuyên chiến mới. Kết quả quốc tế đầu tiên của cuộc khởi nghĩa Ấn Độ là như vậy.

Ở điểm thứ hai trong chương trình của Pan-móc-xton là thiếu sót về chi tiết được bổ sung bởi những triển vọng rộng lớn mà nó mở ra. Khi Pan-móc-xton lần đầu tiên tuyên bố đưa những lực lượng vũ trang đáng kể từ Anh sang Ấn Độ, thì ông đã giải đáp lời buộc tội của những địch thủ của ông cho rằng ông làm cho nước Anh bị tước đi những phương tiện bảo vệ của nó và do đó đem lại cho các cường quốc bên ngoài một thời cơ thuận tiện để lợi dụng sự suy yếu về vị trí của nó, như sau:

"nhân dân Anh không bao giờ cho phép làm một điều gì tương tự như vậy, và trong trường hợp bất thần như thế nào đi nữa, cũng sẽ tập trung được ngay lập tức và trong thời hạn ngắn nhất số người đúng theo yêu cầu".

Còn bây giờ, trước lúc khai mạc khoá họp hạ nghị viện, ông lại đổi giọng hoàn toàn. Ông không còn phản đối như trước đây đề nghị của tướng Đờ Lây-xi Ê-van-xơ - gửi quân sang Ấn Độ trên những chiến hạm có chân vịt - và không bảo vệ tính ưu việt của buồm so với động cơ chân vịt mà trái lại, còn tán thành với ý kiến cho rằng kế hoạch của tướng này thoát trông dường như có những ưu thế lớn. Song nghị viện có lẽ phải lưu ý rằng:

"Còn có những lý do khác buộc phải tính đến lý do cần giữ lại trong nước một số lượng đầy đủ những lực lượng hải quân. Một số hoàn cảnh nào đó chỉ ra rằng không cần gửi từ đất nước ra ngoài những lực lượng hải quân lớn hơn so với nhu cầu tuyệt đối cần thiết. Dĩ nhiên, chiến hạm chạy bằng hơi nước trước đây thường chẳng có việc gì làm và hiện giờ thì chẳng mang lại lợi ích gì lắm; song nếu như xảy ra những sự kiện tương tự như những sự kiện được nói tới ở đây, và lực lượng hải quân buộc phải ra khơi thì chúng sẽ có thể đẩy lùi được *nguy cơ đe dọa* như thế nào, nếu như chiến hạm sẽ bận vào việc chuyển quân sang Ấn Độ? Hẳn là một sai lầm nghiêm trọng nếu như phái hạm đội sang Ấn

Độ, hạm đội mà do *tình hình hiện nay ở châu Âu*, có thể là trong thời hạn ngắn nhất phải đưa vào tư thế sẵn sàng chiến đấu để bảo vệ chính mình".

Không thể phủ nhận rằng huân tước Pan-móc-xton đã đặt Giôn Bun vào một tình thế lưỡng nan rất gay cấn. Nếu Giôn Bun áp dụng những biện pháp thích đáng để kiên quyết đàn áp cuộc khởi nghĩa Ấn Độ thì ông ta sẽ bị người ta tấn công mình ở Tổ quốc, còn nếu ông để cho cuộc khởi nghĩa Ấn Độ được mạnh lên thì, như lời ông Đì-xra-e-li, ông "sẽ phát hiện ra trên sân khấu, ngoài những ông hoàng Ấn Độ, những nhân vật khác mà ông buộc phải đấu tranh với họ".

Trước khi liếc qua "tình hình ở châu Âu", tình hình mà người ta đưa ra biết bao nhiêu điều ám chỉ mật, có lẽ không phải là thừa nếu dẫn ra những lời thú nhận được phát biểu cũng tại phiên họp này của hạ nghị viện, về tình hình hiện nay của quân Anh ở Ấn Độ. Trước hết, dường như là theo một sự thoả thuận cùng nhau, người ta đã gác bỏ tất cả những niềm hy vọng phẩn chấn vào việc sẽ hạ ngay được Đê-li, và những chờ đợi quá sốt sắng trong những ngày trước đây đã nhường chỗ cho một cái nhìn tỉnh táo hơn đối với sự việc, cụ thể là cái nhìn cho rằng sẽ còn rất tốt nếu người Anh có thể giữ được những vị trí của mình cho đến tháng Mười một, là khi mà viện binh từ nước Anh tất phải đến. Thứ hai, đã xuất hiện nguy cơ là người Anh có thể mất vị trí quan trọng nhất trong số đó: Can-pua, một vị trí mà như ông Đì-xra-e-li nói, tất cả đều phải phụ thuộc vào số phận của nó và thậm chí ông cho rằng việc giải phóng nó còn có ý nghĩa to lớn hơn so với việc hạ thành Đê-li. Nhờ vào vị trí trung tâm của nó ở sông Hằng, vào ảnh hưởng của nó đối với Au-đơ, Rô-hin-can-đơ, Gva-li-oóc và Bun-đen-han-đơ, cũng lại nhờ nó là tiền đồn đối với Đê-li, cho nên Can-pua trong hoàn cảnh này thực sự là căn cứ có ý nghĩa quan trọng bậc nhất. Cuối cùng, ông Ph.Xmít, một nghị sĩ, vốn nghề nghiệp nhà binh, đã lưu ý hạ nghị viện rằng trong quân đội Ấn Độ, dưới sự chỉ huy của người Anh, hoàn toàn không có kỹ sư và công binh, vì tất cả bọn họ đều đã đào ngũ hết, và chắc chắn là "Đê-li sẽ biến thành một Xa-ra-gốt

thứ hai". Mặt khác, huân tước Pan-móc-xơn không quan tâm đến chuyện gửi từ nước Anh sang một số sĩ quan hoặc lính thuộc binh chủng công binh.

Bây giờ trở lại vấn đề về những sự kiện châu Âu, những sự kiện mà, như người ta nói, "sẽ lộ ra trong tương lai", trước hết chúng tôi lấy làm ngạc nhiên khi đọc những lời bình mà báo "Times" ở Luân Đôn viết kèm với những lời ám chỉ của huân tước Pan-móc-xơn. Điều có thể xảy ra, tờ báo viết, là chế độ hiện nay ở Pháp sẽ bị lật đổ hoặc là Na-pô-lê-ông rời bỏ cõi tục, và bấy giờ sẽ đến lúc kết thúc liên minh với Pháp, nước mà hệ thống an ninh hiện nay đang dựa vào. Nói cách khác, tờ "Times", cơ quan có ảnh hưởng của nội các Anh, cho rằng ở Pháp vào bất cứ lúc nào cách mạng cũng có thể bùng lên, và đồng thời tuyên bố là liên minh hiện nay không dựa vào cảm tình của nhân dân Pháp mà chỉ dựa vào một ước với kẻ thoán đoạt nước Pháp. Ngoài triển vọng về cách mạng ở Pháp, còn có cuộc tranh chấp Đa-nuýp²²². Nó không bị đình chỉ vì cuộc tuyển cử Môn-đa-vi-a bị bãi bỏ, mà chỉ là bước vào một giai đoạn mới. Ngoài ra, còn có miền Bắc Xcăng-di-na-vơ, miền này trong tương lai không xa nhất định sẽ trở thành vũ đài của những chấn động mạnh và, cũng có thể thậm chí là tín hiệu báo trước cuộc xung đột quốc tế ở châu Âu. Hoà bình vẫn chưa bị phá hoại ở miền Bắc, bởi vì ở đây người ta đang nóng lòng chờ đợi hai sự kiện: nhà vua Thụy Điển từ trần và nhà vua hiện nay của Đan Mạch thoái vị. Tại hội nghị gần đây của các nhà tự nhiên học ở Cri-xti-a-ni-a, hoàng tử kế vị của Thụy Điển lên tiếng kiên quyết ủng hộ một liên hợp Xcăng-di-na-vơ. Hoàng tử kế vị là một người đang độ thanh xuân, tính tình quyết đoán và cương nghị, và đảng Xcăng-di-na-vơ mà trong hàng ngũ có thanh niên hăng hái của Thụy Điển, Na-uy và Đan Mạch, sẽ xem việc lên ngôi của hoàng thái tử như một thời cơ thuận lợi để cầm vũ khí. Mặt khác, nhà vua Đan Mạch Phrê-đê-rích VII, một con người nhu nhược và lảm cẩm, cuối cùng, nghe nói là được bà vợ không môn đăng hộ đối, bá tước phu nhân Đan-nơ, cho phép rút lui về cuộc sống riêng, một sự cho phép mà cho đến nay bà ta vẫn

khước từ đối với nhà vua. Chính cũng vì bà mà hoàng thân Phéc-đi-năng, thúc phụ nhà vua, người có thể là kẻ kế vị ngôi báu Đan Mạch, đã buộc phải rời bỏ việc nước, rồi về sau lại được quay trở lại nhờ sự thoả thuận giữa các thành viên khác trong hoàng tộc. Người ta nói rằng hiện nay, nữ bá tước Đan-nơ muốn dời chỗ ở tại Cô-pen-ha-ghe sang Pa-ri, thậm chí còn khuyên nhà vua từ giả cuộc đời chính trị đầy lo âu và trao vương trượng cho hoàng thân Phéc-đi-năng. Ông hoàng Phéc-đi-năng này, khoảng 65 tuổi, bao giờ cũng giữ một lập trường đối với triều đình Cô-pen-ha-ghe như bá tước Đờ Ác-tua - về sau là Sác-lơ X - đối với triều đình Tuyn-lơ-ri. Kiên trì, nghịệt ngã và nhiệt thành với những niềm tin bảo thủ của mình, ông ta không bao giờ chịu hạ cố giả đò làm kẻ bảo vệ chế độ lập hiến. Song điều kiện đầu tiên để ông lên ngôi lại là phải tuyên thệ trước hiến pháp mà ông ta căm ghét công khai. Do đó, chắc chắn tình hình quốc tế sẽ phức tạp hơn, đảng Xcăng-di-na-vơ cả ở Thụy Điển lẫn ở Đan Mạch sẽ kiên quyết sử dụng tình hình đó cho lợi ích riêng. Mặt khác, xung đột giữa Đan Mạch với các công quốc Đức Hôn-stai-nơ và Slê-dơ-vích - mà yêu sách của các công quốc này được Phổ và Áo²²³ ủng hộ - lại làm cho tình hình trở nên phức tạp hơn, và hẳn là sẽ lôi kéo Đức vào cuộc đấu tranh ở miền Bắc, trong khi đó thì nghị định thư Luân Đôn năm 1852 bảo đảm ngôi báu Đan Mạch cho hoàng thân Phéc-đi-năng²²⁴, lại có thể lôi kéo Nga, Pháp và Anh vào cuộc đấu tranh này.

Do C.Mác viết ngày 24 tháng Tám 1857

Đã đăng làm xã luận trên báo "New - York Daily Tribune", số 5110, ngày 5 tháng Chín 1857

In theo bản đăng trên báo Nguyên văn là tiếng Anh

C.MÁC

* ĐIỀU TRA VỀ NHỮNG CUỘC TRA TẤN Ở ẤN ĐỘ

Thông tín viên Luân Đôn của chúng tôi, người có lá thư viết về cuộc khởi nghĩa ở Ấn Độ được chúng tôi đăng hôm qua²²⁵, đã chỉ ra rất đúng một loạt hiện tượng trong quá khứ làm cơ sở cho cuộc bùng nổ dữ dội này. Hôm nay, chúng tôi đề nghị dành một ít thời gian để phát triển ít nhiều những ý kiến về vấn đề này và chỉ ra rằng các nhà cầm quyền Anh ở Ấn Độ tuyệt nhiên không phải là những ân nhân dịu dàng và trong trắng của nhân dân Ấn Độ, như họ muốn bày tỏ ra trước mắt toàn thế giới. Nhằm mục đích này chúng tôi nói đến những cuốn Sách xanh quan phương viết về vấn đề cực hình ở Đông Ấn, được đệ trình lên hạ nghị viện vào thời gian các kỳ họp năm 1856 và năm 1857²²⁶. Như chúng ta sẽ thấy, cứ liệu trong những cuốn sách này rõ ràng đến mức không thể nào bác bỏ được.

Trước hết, chúng tôi có bản báo cáo của Ủy ban điều tra về những cực hình ở Ma-đrat²²⁷. Bản báo cáo công bố rằng, ủy ban "tin chắc là khắp nơi người ta đã dùng cực hình để thu thuế". Ủy ban nghi không biết có phải là

"hàng năm có bao nhiêu người bị kết tội không nộp thuế, thì về tội hình có gần như bấy nhiêu người bị tra tấn".

Ủy ban nhấn mạnh là có

"một điều khiến cho ủy ban thậm chí có ấn tượng nặng nề hơn là tin rằng có cực hình, đó là bên bị thiệt thòi khó mà được bồi thường".

Những nguyên nhân gây ra sự khó khăn này, theo ý kiến các ủy viên trong ủy ban, là như sau: 1) khoảng cách mà những kẻ muốn bồi thường phải vượt qua để tự mình mang đơn khiếu nại đến cho người thu thuế²²⁸, vì rằng những khoảng cách này kéo theo những chi phí tiền bạc và sự tổn phí thời gian cho việc đến văn phòng của người thu thuế; 2) sự lo ngại là đơn "sẽ bị trả về với dòng chữ thông thường phê rằng người khiếu nại phải đến gặp người thu thuế" là ông quan phụ trách cảnh binh và việc thu thuế trong vùng, nghĩa là đến gặp chính cái người mà đích thân hoặc thông qua bọn cai đội cảnh binh cấp dưới anh ta đã làm nhục người khiếu nại; 3) sự khó khăn của việc đưa ra toà và những biện pháp trừng phạt quá nhẹ do luật định đối với quan chức chính phủ, thậm chí cả khi về hình thức, họ bị buộc tội và vạch trần là lạm dụng như vậy. Người ta biết rằng, nếu như lời buộc tội loại như vậy được chứng minh trước quan toà, thì ông ta chỉ có thể kết án người có tội phải nộp phạt số tiền 50 ru-pi hoặc bị một tháng tù giam. Đành rằng ông ta còn có thể chuyển bên bị cáo sang tay "chánh án hình sự là người sẽ trừng phạt kẻ bị buộc tội hoặc đưa vụ án lên cho toà án địa hạt xét xử".

Trong báo cáo, người ta còn thêm rằng

"đó hẳn là một thủ tục rườm rà và chỉ được áp dụng cho một loại tội phạm duy nhất, cụ thể là tội lạm dụng quyền hành của cảnh sát, còn trong trường hợp nêu trên thì thủ tục này chẳng mang lại kết quả gì".

Quan chức cảnh sát hoặc quan chức thu thuế, - cũng vẫn chỉ là một người, vì thuế do cảnh sát thu, - vào trường hợp anh ta bị buộc tội tống tiền thì thoát đầu trợ lý của người thu thuế xét xử, sau đó người bị buộc tội có thể đưa đơn kháng án lên người

thu thuế, rồi lên thuế vụ. Thuế vụ có thể đưa người bị buộc tội ra toà án chính phủ, hoặc ra toà dân sự.

"Trong tình hình xét xử như vậy thì không một kẻ dân quê nghèo hèn nào lại có thể đấu tranh chống bất cứ một viên chức thu thuế giàu có nào, và chúng tôi không hề biết một trường hợp nào có ai đó trong nông dân đưa đơn khiếu tố dựa vào hai quy định đó (năm 1822 và năm 1828).

Thêm vào đó, sự buộc tội tống tiền này lại chỉ được áp dụng vào trường hợp viên quan cảnh sát biển thủ những số tiền của nhà nước hoặc ức hiếp người nông dân Ấn Độ²²⁹ phải trả khoản thuế phụ thu mà viên quan đem bỏ vào túi riêng. Như vậy, ta thấy rõ là luật không quy định bất cứ hình phạt nào cho việc dùng vũ lực để thu thuế nhà nước.

Báo cáo mà chúng tôi lấy trong đó những đoạn trích dẫn này, chỉ là thuộc về xứ Ma-đrát, thế nhưng chính huân tước Đan-hu-di tháng Chín 1855 đã viết cho các giám đốc^{1*} rằng

"từ lâu "ông không còn nghi ngờ việc dùng cực hình dưới hình thức nào đó được những quan chức cấp dưới đem áp dụng trong tất cả các tỉnh thuộc Anh".

Như vậy, việc áp dụng cực hình khắp nơi, như là một bộ phận không thể tách rời của cơ chế tài chính Ấn Độ thuộc Anh, được chính thức thừa nhận, thế nhưng sự thừa nhận này lại mang một hình thức nhằm che đậy cho bản thân Chính phủ Anh. Thực ra, uỷ ban Ma-đrát đi tới kết luận rằng chỉ có những viên quan cấp dưới - người Ấn Độ, phạm tội dùng cực hình, còn các quan chức chính phủ - người Âu thì dường như bao giờ cũng đã làm tất cả những gì có thể làm được để ngăn chặn điều đó, dẫu rằng chẳng có kết quả gì. Để trả lời ý kiến khẳng định này, Hội đồng hương Ma-đrát vào tháng Giêng 1856 đã đệ lên nghị viện một bản thỉnh nguyện có những điều khiếu nại về việc điều tra vấn đề dùng cực hình như sau: 1) việc điều tra gần như không hề được tiến hành vì uỷ ban chỉ họp tại thành phố Ma-đrát, và thêm nữa là trong vòng chỉ có ba tháng, trong lúc đó thì những người bản xứ mong được đưa đơn khiếu nại, trừ trường hợp ngoại lệ hết

1* Âm chỉ Hội đồng quản trị của Công ty Đông Ấn

sức hiếm hoi, lại không thể rời bỏ nhà mình; 2) những uỷ viên trong uỷ ban không tìm cách tìm đến tận nguồn của tội ác; giá như họ đã làm như vậy thì hẳn thấy được rằng tội ác nằm ngay trong hệ thống thu thuế; 3) những viên chức bản xứ bị buộc tội đã không được người ta hỏi cung về việc cấp trên của họ đã được thông báo trên mức độ nào về việc áp dụng cực hình:

"Phạm tội về việc dùng bạo lực này", - những người đưa thư thỉnh nguyện viết, - "không phải là những kẻ thực thi mà là những người có chức quyền đã ra lệnh cho họ, là những thủ trưởng trực tiếp của họ vốn chịu trách nhiệm về số tiền thuế nhất định trước những thủ trưởng người Âu của mình, những người này, đến lượt mình, lại chịu trách nhiệm cũng về điều khoản đó trước chính quyền tối cao của chính phủ".

Thực ra, chỉ cần một số đoạn trích dẫn từ những bằng cứ mà theo lời tuyên bố của Uỷ ban báo cáo Ma-đrát dựa vào, cũng đủ để bác bỏ việc uỷ ban khẳng định là "người Anh không có lỗi gì hết". Chẳng hạn, ông U.Đ. Côn-hộp-phơ, một thương gia, tuyên bố rằng:

"Những cách tra tấn được áp dụng là rất nhiều hình nhiều vẻ tùy theo óc sáng kiến của người thu thuế hoặc của những kẻ dưới quyền anh ta, song tôi khó mà nói được chính quyền tối cao liệu có bồi thường như thế nào đó cho những người bị thiệt thòi hay không, vì rằng tất cả những đơn từ khiếu nại thông thường đều do họ gửi tới những người thu thuế để nghiên cứu và báo cáo".

Trong số đơn khiếu nại của người bản xứ chúng tôi tìm thấy lá đơn sau đây:

"Năm ngoái chúng tôi không thể nộp thuế như thường lệ, vì chúng tôi mất mùa pi-xa-num (mùa lúa chính, hoặc là lúa cấy) do không đủ mưa. Khi người ta tiến hành gia-ma-ban-di^{1*}, chúng tôi đã yêu cầu giảm thuế vì mùa màng chúng tôi thất bát, theo điều kiện của bản thoả thuận mà chúng tôi đã ký năm 1837, khi đó ông I-đen là người thu thuế của chúng tôi. Vì thuế không được giảm nên chúng tôi khước từ việc nhận pát-ta^{2*}. Bấy giờ người thu thuế dùng thủ đoạn rất tàn bạo để buộc chúng tôi phải nộp; và điều này tiếp diễn từ tháng Sáu đến tháng

1* phân bổ thuế

2* giấy ghi tiền thuế

Tám. Tôi và những người khác đã bị giao cho những người đem chúng tôi ra phơi nắng. Ở đấy, người ta bắt chúng tôi khom xuống rồi đặt đá lên lưng chúng tôi và bắt chúng tôi đứng giữa cát nóng bỏng. Chỉ sau tám giờ người ta mới thả chúng tôi ra ruộng lúa. Cách đối xử tàn bạo như vậy kéo dài ba tháng, trong khoảng thời gian đó chúng tôi đã đôi lần tới đưa đơn khiếu nại cho người thu thuế, song ông ta không thêm nhận. Chúng tôi tập hợp những đơn khiếu nại này và đệ lên phiên toà lưu động, phiên toà lại chuyển chúng cho người thu thuế. Như vậy là chúng tôi lại không được công lý soi xét. Tháng Chín, chúng tôi nhận được giấy báo chính thức, và hai mươi lăm ngày sau thì tài sản của chúng tôi bị tịch biên rồi sau đó bị đem bán. Ngoài những sự việc tôi đã nêu, người ta còn ngược đãi cả đối với phụ nữ của chúng tôi; người ta dùng kim kẹp vào vú họ".

Khi trả lời câu hỏi các uỷ viên uỷ ban, người giáo dân bản xứ đã nói:

"Khi có đoàn quân người Âu hay người bản xứ đi qua làng thì người ta bắt tất cả dân quê mang nộp lương thực và các thứ khác nữa mà *không trả tiền*, và nếu có kẻ nào trong bọn họ đòi trả tiền thì người ấy sẽ bị hành hạ tàn nhẫn".

Sau đó đến trường hợp người Bà-la-môn cùng với những người đồng hương và người làng lân cận nhận được lệnh của người thu thuế bắt phải nộp gỗ ván, than củi, củi gỗ v. v. mà không trả tiền để người thu thuế có thể tiếp tục bắc cầu qua Cô-lê-run. Khi người Bà-la-môn từ chối thì mười hai người chop lấy anh ta và cho anh ta nếm nhiều loại cực hình. Người này nói thêm:

"Tôi đã đưa đơn khiếu nại cho trợ lý của người thu thuế là ông U. Ca-đen, song ông ta chẳng điều tra gì hết và xé nát đơn của tôi. Vì ông ta muốn hoàn thành việc xây cầu Cô-lê-run với giá rẻ dựa trên lưng những kẻ nghèo, và được chính phủ đánh giá là được việc, cho nên dù người thu thuế có gây ra thương tật gì đi nữa thì trợ lý của người thu thuế vẫn không hề chú ý đến điều đó".

Cách làm phi pháp này dẫn tới mức cùng cực của tệ tống tiền và bạo lực, đã được chính quyền tối cao xem xét dưới ánh sáng nào thì trường hợp ông Brit-ton, quan xứ được bổ nhiệm đứng đầu hạt Lút-hi-a-na ở Pen-giáp năm 1855, chứng minh rõ hơn cả. Theo báo cáo của cao uỷ Pen-giáp, người ta đã chứng minh rằng:

"Trong một loạt trường hợp, được sự đồng ý hoặc theo lệnh riêng của phó cao

uỷ, ông Brit-ton, người ta lục soát nhà những công dân giàu có không cần có lý do gì cả; rằng tài sản tịch thu trong dịp này bị giữ lại trong suốt một khoảng thời gian dài; rằng nhiều người đã bị tống vào ngục và giam ở đấy nhiều tuần mà không được cho biết có tội gì, và rằng đạo luật về những biện pháp phòng ngừa những kẻ tình nghi đã được áp dụng một cách tràn lan và khắc nghiệt như nhau đối với tất cả mọi người; rằng phó uỷ viên tối cao đi từ hạt này qua hạt nọ, và đi theo ông ta là một số quan chức cảnh sát và mật vụ mà ông ta sử dụng ở khắp mọi nơi ông ta tới, và rằng những người này là những kẻ chủ chốt đã gây ra mọi tai hoạ".

Huân tước Đan-hu-di, trong báo cáo của ông về vụ này, nói là:

"Chúng tôi có bằng chứng không thể chối cãi, - những bằng chứng mà cả đến ông Brit-ton cũng không chối được, - rằng viên chức này thực sự phạm lỗi về từng điểm trong danh mục đen tối về những hành động sai trái và phi pháp mà cao uỷ đã buộc tội y, những hành động làm nhục nhã cho một bộ phận những người đại diện chính quyền Anh và đẩy một số lớn thần dân Anh làm những việc rất bất công, tự tiện bỏ tù và tra tấn dã man".

Huân tước Đan-hu-di đề nghị "để răn những kẻ khác, phải nghiêm khắc trừng trị ông Brit-ton", và bởi vậy ông cho rằng:

"*Lúc này* không thể giao chức vụ phó cao uỷ cho ông Brit-ton, mà phải chuyển ông ta từ chức vụ này sang chức vụ trợ lý thứ nhất".

Có thể kết thúc những đoạn trích từ cuốn Sách xanh bằng bản thỉnh nguyện của dân cư ta-lu-ca^{1*} ở Ca-na-ra trên bờ biển Ma-la-bác. Những người này nói rằng họ đã hoài công đệ lên chính phủ những bản thỉnh nguyện khác nhau, họ so sánh tình hình trước đây với tình hình hiện nay của mình như sau:

"Dưới sự quản lý của "ra-na"^{2*} Ba-kha-đua và Típ-pu, thì khi canh tác những đất được tưới nước và đất không được tưới nước, đất đồi, đất trũng và đất rừng, chúng tôi được đóng thuế nhẹ và vì vậy được yên vui và hạnh phúc. Các quan chức của xiếc-ca-rô^{3*} bây giờ bắt chúng tôi đóng một khoản thuế phụ, song chúng tôi không bao giờ nộp. Khi thu thuế, người ta không để cho chúng tôi bị thiếu thốn, bị chèn ép hoặc ngược đãi. Song sau khi đất nước này được chuyển

1* các tỉnh

2* chính phủ

3* chính phủ

sang cho quý công ty^{1*} thì quý công ty bắt đầu nghĩ ra mọi cách có thể có để moi tiền của chúng tôi. Với mục đích độc ác này, công ty đã phát minh ra những quy tắc, đã ban hành những mệnh lệnh và phái đến những người thu thuế của mình và những toàn án dân sự nhằm làm cho những quy tắc và mệnh lệnh này được thực hiện. Song những người thu thuế trước kia và những viên chức người bản xứ dưới quyền họ, một thời gian nào đó còn chú ý đúng mức đến những đơn từ khiếu nại của chúng tôi và hành động theo nguyện vọng của chúng tôi. Trái lại, những người thu thuế bây giờ và những viên chức dưới quyền họ, *khi muốn dùng mọi cách để được thăng quan tiến chức*, đã coi thường hạnh phúc của nhân dân và lợi ích của nhân dân nói chung, bỏ ngoài tai những lời khiếu nại của chúng tôi và áp chế chúng tôi đủ mọi cách".

Ở đây chúng tôi chỉ mới nêu một lược khảo vắn tắt, viết với giọng mềm mỏng, từ lịch sử thực tế của nền thống trị Anh ở Ấn Độ. Khi lưu ý về những sự kiện như vậy, những người vô tư và thận trọng hẳn có thể hỏi rằng, liệu một dân tộc muốn tống cổ bọn xâm lược ngoại bang, những kẻ tự cho phép mình được có những sự lạm dụng như vậy đối với thần dân của mình, có đúng hay không. Và nếu người Anh có thể làm những việc như vậy một cách lạnh lùng, thì liệu có gì đáng ngạc nhiên khi những người Ấn Độ khởi nghĩa, trong sự khích động dữ dội của nổi dậy và đấu tranh, đang gây tội ác đối với họ và đối xử tàn bạo với họ?

*Do C.Mác viết ngày 28 tháng Tám 1857
Đã đăng làm xã luận trên báo "New -
York Daily Tribune" số 5120, ngày 17
tháng Chín 1857*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

1* Công ty Đông Ấn

C.MÁC

***KHỞI NGHĨA Ở ẤN ĐỘ**

Bưu kiện do chiếc tàu "Ban tích" mang tới, không cho biết gì về những sự kiện mới ở Ấn Độ, nhưng lại cung cấp nhiều chi tiết hết sức lý thú mà ở đây chúng tôi xin trình bày một cách vắn tắt để lưu ý bạn đọc. Trước hết cần phải nói rằng, cho đến ngày 15 tháng Bảy, người Anh vẫn chưa lọt được vào Đê-li. Trong lúc đó thì bệnh dịch tả phát sinh trong doanh trại của họ, những trận mưa rào nhiệt đới bắt đầu trút xuống và việc triệt vây và rút lui của các đội quân hãm thành có lẽ chỉ còn là vấn đề thời gian. Báo chí Anh muốn thuyết phục chúng ta rằng, ôn thần sau khi rước tướng quân Bác-nác-đơ đi, đã nương nhẹ binh lính của ông ta, những người vừa được nuôi dưỡng tơi tệ vừa phải lao dịch nặng nề. Do đó, chúng ta chỉ có thể hình dung đôi nét về những cảnh tàn phá do căn bệnh khủng khiếp ấy gây ra trong hàng ngũ quân công hãm bằng cách rút ra những kết luận từ những sự kiện đã được công khai thừa nhận, chứ không căn cứ vào những tài liệu chính thức dùng để thông báo với công chúng. Một sĩ quan ở doanh trại Đê-li, trong bức thư đề ngày 14 tháng Bảy, viết rằng:

"Chúng tôi không hề định đánh chiếm Đê-li, mà chỉ phòng thủ chống những cuộc đột kích của kẻ thù. Chúng tôi có những đơn vị thuộc năm trung đoàn người Âu, nhưng với một cuộc tấn công gọi là nghiêm túc đôi chút thì chỉ tập hợp được có 2000 người Âu, bởi vì mỗi trung đoàn đều để lại những toán quân lớn để bảo vệ Gian-lan-đa, Lút-hi-a-na, Xa-ba-ta, Đác-sai, Ca-xa-un, Am-ba-la, Mi-rút và Pơ-khin-lau-rơ. Thực tế mỗi một trung đoàn chỉ góp những toán quân nhỏ sáp nhập vào chúng tôi. Đối phương vượt xa chúng tôi về mặt pháo binh".

Như vậy, điều đó chứng minh rằng những toán quân từ Pen-giáp đến, đã thấy là tuyến giao thông quan trọng phía bắc, từ Gian-lan-đa đến Mi-rút, đều nằm trong tay nghĩa quân và vì vậy họ buộc phải cắt giảm quân số của mình, để lại các binh đội ở những cứ điểm quan trọng nhất. Có thể lấy điều đó để giải thích tại sao những toán quân từ Pen-giáp đến có số lượng ít hơn so với điều người ta trông đợi, song không thể lấy điều đó để giải thích việc giảm quân số người Âu xuống 2000. Phóng viên tờ "Times" Luân Đôn ở Bom-bay, trong thư đề ngày 30 tháng Bảy, tìm cách giải thích tình thế bị động của quân công hãm một cách khác. Anh ta viết:

"Viện binh thật sự đã đến với chúng tôi tại doanh trại: một bộ phận các phân đội của trung đoàn 8 (của nhà vua), một bộ phận các phân đội của trung đoàn 61, một đại đội pháo binh kéo bộ và hai khẩu pháo của đội pháo binh bản xứ, trung đoàn 14 kỵ binh không chính quy (đi hộ tống một đoàn xe lớn chở quân trang quân dụng), trung đoàn 2 kỵ binh Pen-giáp, trung đoàn 1 bộ binh và trung đoàn 4 bộ binh Xích; nhưng những đơn vị bản xứ đã sáp nhập như vậy vào quân công hãm không hoàn toàn đáng tin cậy và không được tin cậy như nhau, mặc dù họ đều được phân bố theo binh đoàn cùng với quân Âu. Trong các trung đoàn kỵ binh của quân Pen-giáp có nhiều người Hồi giáo và người Hin-đu thuộc các đẳng cấp cao nhất của chính Hin-đu-xtan và Rô-hin-can-đơ, trong khi kỵ binh không chính quy của Ben-gan chủ yếu gồm những phần tử như thế. Những người này tuyệt đại bộ phận là rất không trung thực, và sự hiện diện của họ dù với số lượng nào đi nữa trong thành phần viện binh, cũng không tránh khỏi gây ra những sự rắc rối, điều này đã được khẳng định trên thực tế. Ở trung đoàn 2 kỵ binh Pen-giáp, người ta đã thừa nhận là cần phải tước vũ khí 70 người Hin-đu-xtan và treo cổ 3 người, trong đó có một sĩ quan chỉ huy cao cấp người bản xứ. Ở trung đoàn 9 kỵ binh không chính quy,

trung đoàn này có lúc đã từng nằm trong thành phần quân viện binh, có một số kỵ binh đã bỏ ngũ, còn trung đoàn 4 không chính quy, như tôi nghĩ, hình như đã giết sĩ quan tùy tùng của mình vào lúc đem quân đi tuần tiễu".

Ở đây đã lộ ra một điều bí mật khác. Doanh trại ở Đê-li trông ra có phần giống như doanh trại A-gra-man230, và người Anh buộc phải chiến đấu không những với kẻ thù đứng đối diện, mà cả với những bạn đồng minh nằm ngay trong hàng ngũ của mình. Dẫu sao thì điều đó cũng không đủ để giải thích tại sao trong hoạt động tấn công người Anh chỉ có thể có được 2 000 người Âu. Một tác giả thứ ba, một phóng viên ở Bom-bay của tờ "Daily News", đưa ra một danh mục chính xác về những đội quân tập hợp dưới quyền chỉ huy của tướng Rít, người kế tục Bác-nác-đơ, - bằng danh mục này hẳn là đáng tin cậy, bởi vì tác giả liệt kê một cách tách bạch những yếu tố khác nhau đã tạo ra những đội quân này. Theo báo cáo của ông ta, từ Pen-giáp tới doanh trại Đê-li, từ ngày 23 tháng Sáu đến ngày 3 tháng Bảy có khoảng 1 200 người Âu, 1 600 người Xích, kỵ binh không chính quy v. v., nghĩa là khoảng 3 000 người, do tướng Sem-béc-len chỉ huy lữ đoàn thống lĩnh. Mặt khác, quân số tất cả các đội quân này hiện nay nằm dưới quyền chỉ huy của tướng Rít, theo ông ta xác định là gồm 7 000 người, kể cả pháo binh và đoàn pháo công hãm, cho nên quân đội ở Đê-li trước lúc viện binh từ Pen-giáp tới, không thể vượt quá 4 000 người. Tờ "Times" ở Luân Đôn khẳng định trong số báo ngày 13 tháng Tám là ngài G.Bác-nác-đơ đã tập hợp được một đội quân gồm 7 000 người Anh và 5 000 người bản xứ. Mặc dù điều đó là phóng đại quá xa sự thật, thế nhưng vẫn có đầy đủ cơ sở để cho rằng trong quân đội của ông ta cho đến lúc ấy có khoảng 4 000 người Âu, cộng thêm số quân bản xứ thấp hơn chút ít. Như vậy, những đội quân trước đây nằm dưới quyền chỉ huy của tướng Bác-nác-đơ cũng có số lượng ngang như những đội quân hiện giờ được tập hợp dưới quyền chỉ huy của tướng Rít. Từ đó rút ra kết luận rằng viện binh từ Pen-giáp tới chỉ bù vào những tổn thất, đã làm giảm đến gần nửa lực lượng quân công hãm, tổn thất lớn lao này, một phần do những trận đột kích

liên miên của nghĩa quân gây nên, một phần do hậu quả tàn hại của bệnh dịch tả. Như vậy, chúng ta đã hiểu được tại sao người Anh chỉ có thể động viên được có 2 000 lính Âu để tiến hành "một cuộc tấn công gọi là nghiêm túc đôi chút".

Vấn đề quân số các đội quân Anh ở Đê-li là như vậy. Bây giờ chúng tôi nói về những hoạt động của chúng. Có thể kết luận chắc chắn rằng những hoạt động của chúng chẳng lấy gì làm đặc sắc cho lắm, xuất phát từ một hiện tượng đơn giản là từ ngày 8 tháng Sáu, khi tướng Bác-nác-đơ báo tin đã chiếm lĩnh được cao điểm nằm đối diện với Đê-li, tổng hành dinh đã không cho ra một thông cáo nào. Không kể một trường hợp ngoại lệ duy nhất thì những hoạt động ấy là, quân công hãm đã đẩy lùi những cuộc đột kích của quân bị bao vây. Quân công hãm bị tấn công khi thì từ chính diện, khi thì từ các phía sườn, nhưng nhiều nhất là từ phía sau lưng ở cánh phải. Những cuộc đột kích đã diễn ra vào ngày 27 và ngày 30 tháng Sáu, ngày 3, 4, 9 và ngày 14 tháng Bảy. Ngày 27 tháng Sáu, giao tranh hạn chế trong những cuộc đụng độ ở các tiền đồn kéo dài trong mấy giờ, nhưng đến chiều những cuộc đụng độ ấy bị một cơn mưa lớn đầu mùa cắt đứt. Ngày 30 tháng Sáu, một toán nghĩa quân hùng mạnh lọt vào giữa các hàng rào từ cánh phải của quân công hãm và bắt đầu tấn công vào những đội quân tiên tiêu và những đội phòng vệ của họ. Sáng sớm ngày 3 tháng Bảy, quân bị vây hãm mở một cuộc tấn công nghi binh vào phía sau sườn phải của vị trí quân Anh, rồi tiến một vài dặm vào phía sau sườn này theo đường Các-nan đến tận A-li-pua nhằm mục đích chộp lấy đoàn xe tải chở quân trang quân dụng và kho quỹ, đoàn này được chuyển tới doanh trại, có quân hộ tống đi kèm. Trên đường tiến quân họ đụng phải tiền đồn của trung đoàn kỵ binh không chính quy Pen-giáp, tiền đồn này lập tức tháo chạy. Khi trở về thành phố ngày 4, nghĩa quân bị tấn công bởi một đoàn quân gồm 1000 bộ binh và 2 đại đội kỵ binh từ doanh trại quân Anh phái tới nhằm phục kích họ. Song nghĩa quân đã kịp rút lui với tổn thất nhẹ hoặc thậm chí không

hề bị tổn thất chút nào và bảo toàn được tất cả những khẩu pháo của mình. Ngày 8 một toán quân được phái đi từ doanh trại quân Anh nhằm phá hỏng chiếc cầu bắc qua kênh đào ở làng Bát-xi, cách Đê-li gần sáu dặm, trong những cuộc đột kích trước đây, chiếc cầu này đã tạo cho nghĩa quân khả năng tấn công vào sâu trong hậu cứ quân Anh và vào đường giao thông giữa họ với Các-nan và Mi-rút. Chiếc cầu bị phá sập. Ngày 9 tháng Bảy nghĩa quân lại tiến hành một cuộc đột kích và dùng những lực lượng lớn tấn công mặt sau sườn phải trận địa quân Anh. Trong báo cáo chính thức gửi theo đường điện báo tới La-ho cũng trong cùng ngày, thì tổn thất của quân tấn công được xác định là gần một nghìn người bị diệt, nhưng báo cáo này hẳn là phóng đại nhiều, vì trong một bức thư từ doanh trại gửi về, đề ngày 13 tháng Bảy; cho chúng tôi biết:

"Người của chúng tôi đã mai táng và hỏa táng hai trăm năm mươi xác thù, và ngoài ra một số lớn tử vong đã được kẻ thù mang vào thành phố".

Cũng chính bức thư ấy được đăng trên tờ "Daily News", không hề khẳng định là người Anh đã buộc quân Xi-pai phải rút lui mà ngược lại, nói rằng "quân Xi-pai đã đánh lui tất cả các toán quân của ta, lúc đó đang lao động, rồi đã rút lui". Tổn thất của quân công hãm rất nặng nề, lên tới hai trăm mười hai người bị giết và bị thương. Ngày 14 tháng Bảy, do một cuộc đột kích mới, lại xảy ra giao tranh ác liệt, chi tiết cuộc giao tranh này chúng tôi chưa nhận được.

Trong khi đó thì quân bị vây hãm nhận được viện binh hùng mạnh. Ngày 1 tháng Bảy, nghĩa quân Rô-hin-can-đơ từ Ba-rây-li, Mu-ra-đa-bát và Sác-gia-khan-pua, thành phần gồm bốn trung đoàn bộ binh, một trung đoàn kỵ binh và một khẩu đội pháo binh đã hợp nhất được với đồng chí của mình ở Đê-li.

"Người ta cho rằng", - một phóng viên ở Bom-bay của tờ "Times" ở Luân Đôn viết, - "họ sẽ không thể vượt qua sông Hằng, nhưng dòng sông lại không có nước lũ như người ta trông đợi, thế là họ đã vượt sông ở Ha-rơ-múc-te-xác, đi bằng qua Đô-áp và tới Đê-li. Trong suốt hai ngày, quân ta phải ngâm đống củi cay đắng

nhìn đoàn người, ngựa, xe pháo và đủ loại súc vật tải đồ (vì nghĩa quân có ngân quỹ khoảng 50 000 p.xt.) lao qua cầu phao vào thành phố như dòng nước chảy mà không thể nào cản bước họ được, cũng như không thể nào làm cho họ nao núng".

Cuộc hành quân thắng lợi này của nghĩa quân đi qua toàn bộ lãnh thổ của Rô-hin-can-đơ chứng tỏ rằng, cả miền phía đông Giam-na đến tận dãy núi Rô-hin-can-đơ, đều đóng kín đối với quân Anh, trong lúc đó thì cuộc hành quân của nghĩa quân từ Ni-ma-sơ đến A-gra không gặp trở ngại gì lại chứng tỏ rằng, nếu liên hệ nó với những cuộc nổi dậy ở Hin-đua và Mau thì toàn miền phía tây - nam Giam-na đến tận dãy núi Vin-đơ-kha đều có tình hình như vậy. Chiến dịch duy nhất thành công - và thật sự là duy nhất - của người Anh ở Đê-li là chiến dịch bình định ở miền phía bắc và tây - bắc Đê-li, dựa vào những đơn vị Pen-giáp gồm người Xích của tướng Van-Coóc-len. Trên toàn bộ khu vực giữa Lút-hi-a-na và Xích-xa, chủ yếu ông ta buộc phải đụng độ với những bộ lạc hung tợn cư trú ở những làng mạc rải rác cách quãng nhau rất xa trong bãi sa mạc hoang vu. Theo những tin tức nắm được thì ngày 11 tháng Bảy, ông ta đã rời bỏ Xích-xa và tiến vào Pha-ti-ha-bát để rồi từ đó tiến vào Hi-xa-rơ và bằng cách đó, bảo đảm cho người Anh có địa bàn ở hậu phương của quân công hãm.

Ngoài Đê-li, còn có ba điểm ở các tỉnh tây-bắc: A-gra, Can-pua và Lác-na-u đã thành những trung tâm chiến đấu giữa người bản xứ với người Anh. Chiến dịch ở A-gra có đặc điểm là, ở đây nghĩa quân lần đầu tiên đã tiến hành một cuộc tiểu phạt có kế hoạch, trên khoảng cách độ 300 dặm, nhằm mục đích tấn công vào căn cứ quân sự của người Anh ở xa. Theo thông báo của "Mofussilite"²³¹, một tờ báo xuất bản ở A-gra, thì những trung đoàn Xi-pai xuất phát từ Na-xi-ra-bát và Ni-ma-sơ với số lượng khoảng 10 000 người (khoảng 7 000 bộ binh, 1 500 kỵ binh và 8 khẩu pháo) vào cuối tháng Sáu đã tiến gần A-gra, vào đầu tháng Bảy hạ trại trên một vùng đất bằng sau làng Xa-xi-a, cách A-gra khoảng 20 dặm, ngày 4 tháng Bảy thì hình như đã chuẩn bị xong

xuôi cho cuộc tấn công vào thành phố. Được tin đó, người Âu ở trong doanh trại tại A-gra bèn ẩn náu trong pháo đài. Thủ trưởng doanh trại tại A-gra thoát đầu phái một đoàn kỵ binh, bộ binh và pháo binh cô-tác đi tiên phong chống địch; song khi đến địa điểm quy định, binh lính muôn người như một đều chạy sang phía nghĩa quân. Ngày 5 tháng Bảy, đơn vị đồn trú A-gra mà thành phần gồm trung đoàn 3 lính Âu của Ben-gan, một khẩu đội pháo binh và một toán tình nguyện quân người Âu đã xuất trận nhằm mục đích tấn công nghĩa quân và, như người ta thông báo, đã đẩy lùi họ từ trong làng ra cánh đồng sau làng, song đến lượt nó, hiển nhiên là nó đã bị đánh bật trở lại và, sau khi trong số 500 người, 49 người đã bị giết chết và 92 người bị thương thì nó buộc phải phải rút lui dưới sự tấn công của kỵ binh địch làm cho nó khủng khiếp rút lui vội vã đến nỗi "thậm chí không kịp bắn một phát súng nào vào kẻ thù", như tờ "Mofussilite" đã viết. Nói cách khác, quân Anh chỉ có tháo chạy và cố thủ trong pháo đài, trong lúc đó thì quân Xi-pai tiến về A-gra, phá hủy hết tất cả những nhà cửa của doanh trại đồn trú. Ngày hôm sau, ngày 6 tháng Bảy, họ tiến vào Bha-rát-pua nằm trên đường đến Đê-li. Ý nghĩa quan trọng của chiến dịch này là nghĩa quân đã cắt đứt tuyến giao thông của người Anh giữa A-gra và Đê-li, và có thể là sẽ xuất hiện trước thành phố Mô-gôn cổ kính.

Ở Can-pua, như bưu kiện sau cùng đã cho biết, một toán quân gần 200 người Âu, dưới sự chỉ huy của tướng Uy-le-rơ, có mang theo vợ con thuộc thành phần nhân sự của trung đoàn bộ binh 32, cố thủ trong một công sự và bị nhiều lần bao vây bởi những lực lượng nghĩa quân trội hơn hẳn, do Na-na Xa-hi-bơ từ Bít-hua tới cầm đầu. Ngày 17 tháng Sáu và từ ngày 24 đến ngày 28 pháo đài này đã bị mấy lần công kích, thêm vào đấy, trong trận công kích lần cuối, tướng Uy-le-rơ bị đạn xuyên qua chân, và ông bị tử thương. Ngày 28 tháng Sáu, Na-na Xa-hi-bơ đề nghị người Anh đầu hàng với điều kiện được phép đi thuyền xuôi theo sông Hằng mà về A-la-ha-bát. Những điều kiện này đều được chấp nhận,

song quân Anh vừa mới ra đến giữa dòng thì từ hữu ngạn sông Hằng, các khẩu pháo khai hoả bắn vào họ. Những kẻ nào ở trên thuyền tìm cách trốn chạy bơi sang bờ bên kia, đều bị đội kỵ binh tóm cổ và xé xác. Phụ nữ và trẻ em bị cầm tù. Vì rằng từ Can-pua, sứ giả luôn luôn được phái tới A-la-ha-bát để kiên trì cầu cứu, nên ngày 1 tháng Bảy, một toán gồm người phu-di-li-ơ^{1*} và người Xích ở Ma-đrát, do thiếu tá Rê-nô chỉ huy, đã được phái tới Can-pua. Cách Pha-tích-pua bốn dặm, sáp nhập vào toán này vào rạng ngày 13 tháng Bảy có Ha-vơ-lốc, tướng lữ đoàn, chỉ huy khoảng 1 300 lính Âu thuộc các trung đoàn 84 và 64, trung đoàn kỵ binh không chính quy số 13 và những tàn quân của các đội không chính quy từ Au-đơ tới, ngày 3 tháng Bảy đã đến A-la-ha-bát từ phía Bê-na-rét, và hành quân cấp tốc, đuổi theo thiếu tá Rê-nô. Ngay trong ngày sáp nhập với Rê-nô, ông ta buộc phải nhận giao chiến tại Pha-tích-pua, nơi mà Na-na Xa-hi-bơ đã dẫn quân bản xứ của mình tới đó. Sau trận giao tranh quyết liệt, tướng Ha-vơ-lốc đã đánh thọc được vào sườn địch và đẩy lùi đối phương từ Pha-tích-pua về Can-pua, tại nơi đây Ha-vơ-lốc lại buộc phải đụng độ với đối phương lần thứ hai, vào ngày 15 và 16 tháng Bảy. Vào ngày cuối cùng nói trên, Can-pua lại rơi vào quân Anh, Na-na Xa-hi-bơ rút về Bít-hua, một địa điểm nằm trên sông Hằng, cách Can-pua mười hai dặm và, như người ta nói, được phòng thủ bằng công sự rất kiên cố. Trước lúc bắt đầu cuộc hành quân tới Pha-tích-pua, Na-na Xa-hi-bơ đã tàn sát tất cả phụ nữ và trẻ em người Anh bị cầm tù. Việc chiếm lại Can-pua có ý nghĩa cực kỳ to lớn đối với người Anh, bởi vì nó bảo đảm cho họ tuyến giao thông theo đường sông Hằng.

Ở Lác-nau, thủ đô Au-đơ, quân đồn trú người Anh hầu như lâm vào tình trạng cũng khốn đốn như là tình trạng nguy kịch của các chiến hữu mình ở Can-pua; đơn vị đồn trú cố thủ trong pháo đài, bị đối phương bao vây bằng những lực lượng trội hơn hẳn, chịu thiếu thốn lương thực và mất người chỉ huy. Vị này tên là H. Lô-ren-xơ, mất ngày 4 tháng Bảy vì bệnh uốn ván do bị

1* - lính được trang bị bằng vũ khí cổ

thương ngày 2 tháng Bảy ở chân trong thời gian đột kích. Ngày 18 và 19 tháng Bảy, Lác-nau vẫn được giữ vững. Hy vọng duy nhất được giải vây của nó là ở chỗ tướng Ha-vơ-lốc cùng với toán quân của ông từ Can-pua tiến lên. Toàn bộ vấn đề là ông ta có dám cả gan làm điều đó khi Na-na Xa-hi-bơ còn ở phía sau ông ta hay không. Song mọi sự trì hoãn đều trở thành tai hại cho Lác-nau, bởi vì mùa mưa chẳng bao lâu nữa sẽ làm cho không thể tiến hành những hoạt động quân sự ở ngoài đồng trống được.

Việc phân tích tất cả những sự kiện này dẫn chúng tôi đến kết luận rằng, ở các tỉnh tây-bắc của Ben-gan, quân Anh dần dần lâm vào tình thế những đồn nhỏ nằm rải rác tựa như những mỏm đá riêng rẽ giữa biển cách mạng. Ở Hạ Ben-gan chỉ có những trường hợp bất tuân lệnh lẻ tẻ ở Mi-rơ-da-pua, Đì-na-pua và Pát-na, chưa kể đến mưu đồ thất bại của người theo đạo Bà-la-môn sống lang bạt ở những vùng ngoại ô Bê-na-rét, định đánh chiếm thành phố thần thánh này. Ở Pen-giáp, tinh thần phiến loạn bị kìm chế bằng bạo lực, vì những cuộc khởi nghĩa đã bị đàn áp ở Xi-an-cốt, và ở Giê-lam, người ta đã dập tắt được sự bất an ở Pê-sa-vác. Đã có những mưu đồ khởi nghĩa ở Gu-gia-rát, ở Păng-hác-pua, ở Xa-ta-ra, ở Nác-pua và Xau-goóc nằm trên đất Nác-pua, ở Hai-đa-ra-bát trên đất của Ni-dam và cuối cùng, ở một địa điểm miền nam như Mai-xu-rơ, cho nên sự yên tĩnh ở các xứ Bom-bay và Ma-đrát tuyệt nhiên không thể xem là hoàn toàn bảo đảm.

*Do C.Mác viết ngày 1 tháng Chín 1857
Đã đăng làm xã luận trên báo "New -
York Daily Tribune" số 5118, ngày 15
tháng Chín 1857*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

***LỢI NHUẬN CỦA NGƯỜI ANH Ở ẤN ĐỘ**

Khi xét tình hình kinh doanh hiện nay ở châu Á thì nảy ra một câu hỏi là: thực ra, đối với nhà nước Anh và nhân dân Anh, đất đai của họ ở Ấn Độ đưa lại giá trị gì? Ngân khố Anh nói chung không nhận được những khoản thu nhập trực tiếp, nghĩa là thu nhập dưới hình thức cống nạp, hoặc hình thức thu trội hơn chi ở Ấn Độ, trái lại, những khoản chi hàng năm của nó rất to lớn. Từ lúc Công ty Đông Ấn bước vào con đường xâm lược đất đai rộng lớn - điều này đã xảy ra gần một trăm năm về trước - thì tài chính của nó đã đi đến chỗ bị đảo lộn và nhiều lần đã buộc phải cầu cứu quốc hội không những giúp về quân sự để giữ được đất đai đã chiếm được, mà còn trợ giúp về tài chính để cứu nó thoát khỏi phá sản. Công việc cứ diễn tiến như vậy mãi cho đến nay, lúc mà người ta đòi hỏi quốc dân Anh một số lớn quân đội, sau đó dĩ nhiên là đòi một khoản tiền tương ứng. Tiến hành xâm lược đất đai và xây dựng một hệ thống các cơ quan của mình, Công ty Đông Ấn cho đến nay đã vay nợ nhà nước trên 50000000p.xt. đồng thời cả bản thân Chính phủ Anh ròng rã trong nhiều năm đã chi phí cho việc chuyên chở khố hồi và cho việc cấp dưỡng tại Ấn Độ một quân đội chính quy gồm ba vạn người, ngoài những lực lượng bản xứ và châu Âu thuộc quyền của bản thân công ty.

Trong tình hình như vậy, người ta thấy rõ là lợi ích đối với Đại Anh do Đế chế Ấn Độ của nó đưa lại chung quy chỉ là lợi nhuận và những món lợi rơi vào túi những người thuộc quốc tịch Anh riêng lẻ. Lợi nhuận và những món lợi đó, phải nói là hết sức to lớn.

Trước hết, có những cổ đông của Công ty Đông Ấn với số lượng khoảng 3 000 người, được bảo đảm theo hiến chương cuối cùng²³² một lợi tức cổ phần hàng năm là $10\frac{1}{2}\%$ cho số vốn đã bỏ ra là 6 triệu p.xt. nghĩa là 630 000p.xt. hàng năm. Vì tư bản của Công ty Đông Ấn gồm những cổ phiếu có thể chuyển cho những người khác, cho nên ai có đủ tiền để mua những cổ phiếu giờ đây được định giá, theo hiến chương hiện hành, cao hơn giá danh nghĩa là 125 - 150% thì có thể trở thành cổ đông. Cổ phiếu trị giá 500 p.xt. nghĩa là khoảng 6 000 đô-la, cho phép chủ sở hữu được quyền phát biểu tại các hội nghị cổ đông, nhưng muốn được quyền biểu quyết thì phải có số cổ phiếu trị giá 1 000 pao xtéc-linh. Các chủ sở hữu cổ phiếu trị giá 3 000 p.xt. có hai phiếu biểu quyết, 6 000 p.xt. thì có ba phiếu, và 10 000 p.xt. trở lên thì có bốn phiếu. Song ảnh hưởng của các cổ đông là không đáng kể nếu không tính đến việc bầu lại Hội đồng quản trị. Các cổ đông bầu ra mười hai giám đốc, còn ngôi vua, đến lượt mình, bổ nhiệm 6 giám đốc; song chỉ những người đã từng sống ở Ấn Độ ít ra là mười năm mới có thể được bổ nhiệm làm giám đốc của nhà vua này. Hàng năm, một phần ba các giám đốc ra khỏi hội đồng nhưng họ có thể được bầu lại hay được tái bổ dụng. Để trở thành giám đốc, cần phải có cổ phiếu trị giá 2 000 pao xtéc-linh. Lương mỗi giám đốc là 500 p.xt. còn chánh phó chủ tịch hội đồng thì lương gấp đôi; nhưng cái chính khiến người ta thuận nhận chức vụ giám đốc, - đó là quyền rộng lớn gắn liền với chức vụ đó - bổ nhiệm tất cả các quan lại Ấn Độ, kể cả dân sự và quân sự. Tuy nhiên, Hội đồng kiểm tra cũng nắm được quyền này trên một mức độ lớn, và việc bổ nhiệm vào những chức vụ quan trọng nhất gần như tùy thuộc vào nó hoàn toàn. Hội đồng này gồm sáu thành viên, tất cả bọn họ đều là những cố vấn mật, thông thường

thì hai hoặc ba trong số đó là thành viên nội các. Chủ tịch hội đồng, nhất thiết là thành viên của nội các, thực tế là Bộ trưởng phụ trách vấn đề Ấn Độ.

Tiếp đến là những người thông qua các giám đốc và Hội đồng kiểm tra mà được bổ dụng vào các chức vụ, được phân thành năm hạng: dân sự, tôn giáo, y tế, quân sự và hàng hải. Để có thể phục vụ ở Ấn Độ, về ngành dân sự vô luận thế nào cũng đều đòi hỏi phải hiểu biết ít nhiều về các ngôn ngữ bản xứ, và để đào tạo những người trẻ tuổi làm công tác dân sự này, Công ty Đông Ấn mở một trường quốc học ở Hây-li-bê-ri. Một trường quốc học tương ứng để đào tạo cán bộ quân sự, nhưng trong đó chủ yếu là dạy những điều cơ bản của khoa học quân sự, được thành lập ở Át-di-xcôm gần Luân Đôn. Việc nhận vào học các trường này trước đây tùy thuộc vào sự bảo hộ của các giám đốc công ty, nhưng giờ đây, sau khi có những sửa đổi do bản hiến chương mới đưa lại, thì phải đạt kết quả trong kỳ thi tuyển sinh công khai mới được nhận vào trường. Thời gian đầu sang Ấn Độ, quan dân sự thường mỗi tháng nhận được khoảng 150 đô-la, sau đó, khi đã qua một kỳ thi bắt buộc về một hoặc một số ngôn ngữ bản xứ (điều mà y buộc phải làm trong vòng mười hai tháng sau khi đến), y được nhận công tác với tiền lương từ 2 500 đến 50 000 đô-la mỗi năm. Con số sau cùng này là tiền lương của các thành viên trong Hội đồng Ben-gan; các thành viên của Hội đồng Bom - bay và Ma-đrát²³³ nhận khoảng 30 000 đô-la một năm. Ngoài các thành viên Hội đồng, không ai có thể nhận trên khoảng 25 000 đô-la mỗi năm, hơn nữa, để có thể nhận lương 20 000 đô-la hay nhiều hơn thì cần phải sống ở Ấn Độ mười hai năm. Sống ở Ấn Độ chín năm thì được quyền hưởng lương từ 15 000 đến 20 000 đô-la, ba năm thì hưởng từ 7 000 đến 15 000 đô-la mỗi năm. Theo quy định, người ta tính rằng việc bổ dụng vào ngạch dân sự được tiến hành căn cứ vào tuổi tác và cống hiến, song thực tế thì phần lớn là tùy thuộc vào sự bảo trợ. Bởi vì công tác dân sự được hưởng lương hậu hơn, cho nên có hiện tượng cạnh tranh ác liệt giữa những kẻ đang muốn đua chen vào ngành này, và nhiều sĩ quan mỗi khi có cơ hội là rời

bỏ trung đoàn của mình vì mục đích đó. Lương trung bình trả cho công tác dân sự khoảng gần 8 000 đô-la, nhưng đó là chưa kể những món phụ cấp đủ loại, thường là rất đáng kể. Quan dân sự được bổ dụng vào chức tỉnh trưởng, cố vấn, chánh án, đại sứ, bí thư, cán bộ thu thuế v. v.; tổng số bọn họ thông thường độ 800 người. Lương toàn quyền Ấn Độ là 125 000 đô-la, nhưng khoản trợ cấp phụ thường còn đạt tới số tiền lớn hơn. Có ba giáo chủ và khoảng một trăm sáu mươi linh mục làm công tác tôn giáo. Giáo chủ Can-cút-ta hưởng 25 000 đô-la mỗi năm, các giáo chủ Ma-đrát và Bom-bay - hưởng thấp hơn hai lần; linh mục hưởng từ 2 500 đến 7 000 đô-la, không kể những khoản thu về tế lễ. Khoảng 800 bác sĩ và phẫu thuật viên làm việc trong ngành y tế, hưởng lương từ 1 500 đến 10 000 đô-la mỗi năm.

Số sĩ quan người Âu công tác ở Ấn Độ, kể cả những sĩ quan trong các đội quân được những vương công chư hầu lập ra, có khoảng 8 000 người. Tiền lương trong bộ binh được quy định như sau: thiếu úy - 1 080 đô-la, trung úy - 1 344, đại úy - 2 226, thiếu tá - 3 810, trung tá - 5 520, đại tá - 7 680. Khi quân đội được bố trí theo doanh trại quân sự thì tiền lương là như vậy. Trong thời kỳ có chiến sự thì lương được tăng lên. Tiền lương trong kỵ binh, pháo binh và công binh có phần cao hơn. Được lọt vào ban tham mưu hay làm công tác theo tuyển dân sự, nhiều sĩ quan được tăng lương gấp đôi.

Như vậy, có khoảng một vạn người thuộc quốc tịch Anh giữ những chức vụ béo bở ở Ấn Độ và nhận lương về công tác phục vụ ở nước này. Cần phải cộng thêm vào đây một số lớn những người trở về Anh sau khi đã công tác ở Ấn Độ và hưởng trợ cấp, trợ cấp này áp dụng cho tất cả các ngành, tính theo số năm công tác nhất định. Tiền trợ cấp này cộng với lợi tức cổ phần và lợi tức các trái khoán được thanh toán ở Anh, hàng năm ngốn hết từ mười lăm đến hai mươi triệu đô-la thu được từ Ấn Độ, và thực tế có thể xem là một khoản cống của những người dân Ấn Độ nộp gián tiếp cho Chính phủ Anh. Mỗi năm, những người đã thôi giữ các chức vụ, mang theo về Anh những khoản tiền tiết

kiệm rất lớn do dành dụm từ đồng lương, những khoản này cũng phải cộng vào số tiền hàng năm rời khỏi Ấn Độ.

Ngoài những người Âu phục vụ chính phủ, còn có trên 6 000 người Âu khác sống ở Ấn Độ, làm nghề buôn hoặc đầu cơ tư nhân. Nếu không tính một số ít chủ đồn điền trồng chà, mía, cà-phê ở các vùng nông thôn, thì phần lớn là những thương gia, những nhà đại lý thương mại và các chủ xưởng sống trong các thành phố Can-cút-ta, Bom-bay và Ma-đrát hoặc ở những vùng lân cận các thành phố này. Ngoại thương Ấn Độ, khối lượng khoảng năm mươi triệu đô-la về nhập khẩu và khoảng cũng bằng ngần ấy về xuất khẩu, hầu như hoàn toàn nằm trong tay những người này và lợi nhuận của bọn họ dĩ nhiên là hết sức lớn.

Như vậy, rõ ràng là nhiều cá nhân đã thu được những món lợi lớn do quan hệ giữa Anh với Ấn Độ, và lợi nhuận của họ dĩ nhiên làm tăng tổng số của cải quốc gia của Anh. Song phải so sánh toàn bộ số đó với một món tiền khác rất lớn. Những khoản chi phí lấy từ túi nhân dân Anh trả cho quân đội và hạm đội có quan hệ đến Ấn Độ tăng lên không ngừng cùng với việc mở rộng đất đai xâm lược ở Ấn Độ. Cần phải thêm vào đây những khoản chi phí chiến tranh ở Miến Điện²³⁴, ở Áp-ga-ni-xtan, ở Trung Quốc và Ba Tư. Thật ra, tất cả những khoản chi phí của cuộc chiến tranh gần đây với nước Nga cũng có thể hoàn toàn tính vào Ấn Độ, bởi vì nỗi lo sợ và khiếp hãi nước Nga đã dẫn tới cuộc chiến tranh này, hoàn toàn là do những nghi ngờ về các kế hoạch của Nga đối với Ấn Độ. Nếu còn tính cả những cuộc chinh chiến liên miên và những hành vi xâm lược liên tục mà người Anh lao vào do chiếm được Ấn Độ thì các chi phí liên quan tới lãnh thổ này, nói chung có cơ lên tới con số mà vị tất nó sẽ có thể bù đắp lại được một lúc nào đó.

*Do C.Mác viết đầu tháng Chín 1857
Đã đăng làm xã luận trên báo "New
- York Daily Tribune" số 5123, ngày
21 tháng Chín 1857*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

CUỘC KHỞI NGHĨA ẤN ĐỘ

Luân Đôn, ngày 4 tháng Chín 1857

Những hành động bạo lực của quân khởi nghĩa Xi-pai ở Ấn Độ thật là khủng khiếp, ghê tởm và không bút nào tả xiết được; những hành động ấy người ta thường chỉ gặp trong những cuộc chiến tranh khởi nghĩa, chiến tranh giữa các quốc gia, chiến tranh giữa các chủng tộc và nhất là chiến tranh tôn giáo; tóm lại, đó là những hành động bạo lực mà nước Anh đứng đắn bao giờ cũng vỗ tay hoan nghênh, khi mà người Van-đéc dùng đối với " quân xanh", du kích Tây Ban Nha dùng đối với người Pháp vô thần, người Xéc-bi dùng đối với láng giềng Đức và Hung-ga-ri của họ, người Crô-a-xi dùng đối với nghĩa quân Viên, đội quân tình nguyện của Ca-ve-nhắc hoặc những tên côn đồ của Bô-na-pác-tơ trong Hội ngày 10 tháng Chạp dùng đối với những người con trai và con gái của giai cấp vô sản Pháp²³⁵. Dù cho hành động của quân Xi-pai có ghê tởm thế nào đi chăng nữa thì đó cũng chỉ là sự phản ánh dưới hình thức tập trung hành động của chính bản thân nước Anh ở Ấn Độ, không chỉ trong thời kỳ thành lập Đế chế phương Đông của nó, mà ngay cả trong suốt mười năm gần đây của sự thống trị lâu dài của nó nữa. Để đánh giá sự thống trị đó chỉ cần

nói rằng nhục hình ấy là một bộ phận không thể tách rời của chính sách tài chính của nước Anh, là đủ. Trong lịch sử nhân loại có một cái gì đấy kiểu như sự trừng phạt, và theo quy luật trừng phạt của lịch sử thì vũ khí trừng phạt và theo quy luật trừng phạt của lịch sử thì vũ khí trừng phạt không phải do người bị áp bức, mà do chính người áp bức rèn nên.

Đòn đầu tiên giáng xuống nền quân chủ Pháp là của bọn quý tộc chứ không phải của nông dân. Cuộc khởi nghĩa ở Ấn Độ đã bắt đầu bởi những người Xi-pai do người Anh cho ăn no, mặc ấm, nuôi dưỡng, vỗ béo và nuông chiều, chứ không phải bởi những người Rai-át mà người Anh đã dày vò, làm nhục và bóc lột đến tận xương tủy. Để có thể tìm được một hiện tượng tương tự như những hành động tàn bạo của quân Xi-pai, chúng ta tuyệt nhiên không cần phải quay trở lại thời Trung cổ, như một số tờ báo Luân Đôn khẳng định, hoặc thậm chí vượt ra ngoài phạm vi lịch sử của nước Anh hiện đại. Chúng ta chỉ cần tìm hiểu cuộc chiến tranh lần thứ nhất ở Trung Quốc là đủ, một sự kiện có thể nói là vừa mới xảy ra ngày hôm qua. Trong cuộc chiến tranh này, binh lính Anh đã làm những điều kinh tởm chỉ vì lý do mua vui; cơn cuồng nộ của chúng không phải là sự cuồng tín tôn giáo, cũng chẳng phải là do lòng căm thù bọn đi chinh phục ngạo mạn, cũng chẳng phải là do sự chống đối ngoan cường của kẻ thù dũng cảm. Cưỡng hiếp phụ nữ, chém giết trẻ em bằng lưỡi lê, đốt phá hàng loạt thôn xóm - những sự kiện này do chính bọn sĩ quan Anh, chứ không phải do bọn quan lại, ghi lại, - tất cả những cái đó đã được thực hiện lúc bấy giờ chỉ vì những thú vui bữa bãi.

Cũng như đối với tai họa hiện nay, sẽ là một sai lầm không thể tha thứ được nếu cho rằng tất cả những sự tàn bạo chỉ xuất phát từ quân Xi-pai, còn người Anh là hiện thân của chính ngay tính dục dăng và lòng nhân ái. Thư từ của các sĩ quan Anh viết toàn điều độc ác. Trong một bức thư từ Pê-sa-vác gửi về, một sĩ quan miêu tả việc tước vũ khí trung đoàn kỵ binh 10 không chính quy vì không chịu thi hành mệnh lệnh tấn công trung đoàn 55 bộ binh bản xứ. Anh ta khoái trá khi thấy binh lính không những bị tước vũ khí, mà còn bị lột quần áo và giày dép, sau đó mỗi người

được phát 12 pen-ni và bị xua ra bờ sông, tại đây người ta bắt họ xuống thuyền và đẩy xuôi theo dòng sông Ấn, và tác giả không dấu vẻ vui mừng khi dự đoán rằng cái chết đang chờ từng người trong bọn họ ở những khúc chảy xiết của con sông. Một tác giả khác lại cho biết là có một số cư dân Pê-sa-vác đã gây náo động đêm khuya vì cho giạt nổ những quả mìn nhỏ nhỏ bằng thuốc súng để mừng một đám cưới (theo tập quán dân tộc); sáng hôm sau, những người phạm tội bị trói lại và "bị một trận đòn mà họ sẽ nhớ đời". Từ Pin-dơ gửi tới một báo cáo nói rằng có ba lãnh tụ người bản xứ đang bàn mưu. Để đáp lại điều đó, sếp Giôn Lô-ren-xơ ra lệnh phái một tên gián điệp tới đó vào lúc những người này nhóm họp. Sau khi nhận được báo cáo của tên gián điệp, sếp Giôn gửi tới mệnh lệnh thứ hai: "Treo cổ chúng nó lên". Thế là các lãnh tụ bị treo cổ. Một viên quan dân sự từ A-la-kha-bát viết: "Chúng tôi nắm quyền sinh, sát trong tay, và chúng tôi cam đoan với các ngài rằng chúng tôi hành động thẳng tay". Một viên quan chức khác cũng từ địa phương này cho biết: "Không có ngày nào chúng tôi không treo cổ khoảng mười, mười lăm đứa trong bọn chúng (dân lành)". Một sĩ quan viết một cách hân hoan: "Khôn-mơ treo cổ chúng hàng tá, cừ khôi thật!" Một sĩ quan khác nói đến sự kiện treo cổ mà không xét xử hàng loạt người bản xứ, nhận xét: "Thế là trò vui của chúng tôi bắt đầu". Một sĩ quan nữa viết: "Chúng tôi tiến hành toà án quân sự trên mình ngựa, và mỗi tên da đen mà chúng tôi bắt gặp thì đều bị treo cổ hoặc bị bắn chết". Theo báo cáo từ Bê-na-rét, có ba chục Gia-min-đa-rô²³⁶ đã bị treo cổ chỉ vì bị tình nghi là có cảm tình với đồng bào mình, và cả một loạt làng mạc bị thiêu trụi cũng vì lý do đó. Một sỹ quan từ Bê-na-rét, mà thư đã được đăng trên tờ "Times" Luân Đôn, viết -: "Binh lính người Âu trở thành những con quỷ thật sự khi họ đụng độ với dân bản xứ".

Cũng không nên quên rằng, trong khi những hành động tàn bạo của người Anh được miêu tả như những hành vi dũng cảm của quân nhân, được miêu tả một cách đơn giản, ngắn gọn, không có những chi tiết ghê tởm, thì những hành động bạo lực của người

bản xứ, tự bản thân chúng đã khá khủng khiếp rồi, lại bị cố tình phóng đại thêm nữa. Chẳng hạn, ai là tác giả bài miêu tả tỉ mỉ những tội ác xảy ra ở Đê-li và Mi-rút, thoát đầu xuất hiện trên tờ "Times", rồi sau đó được đăng lại trên tất cả các báo chí ở Luân Đôn. Đó là vị linh mục hèn nhát nào đó sống ở Ban-ga-lu-rơ ở Mai-xu-rơ - cách nơi xảy ra sự kiện nói trên hơn ngàn dặm, tính theo đường chim bay. Những tin tức về các sự kiện có thực ở Đê-li chứng minh rằng óc tưởng tượng của gã linh mục người Anh còn có thể làm cho người ta khủng khiếp hơn cả trí tưởng tượng kỳ quái của một nghĩa binh Ấn Độ giáo. Cắt mũi, xẻo vú, v.v., tóm lại, những thương tật khủng khiếp do quân Xi-pai gây ra tất nhiên làm cho người châu Âu phần nộ mạnh mẽ hơn nhiều so với cuộc pháo kích bằng đạn trái phá nóng bỏng vào các khu nhà ở tại thành phố Quảng Châu, theo lệnh viên thư ký của Hội hoà bình ở Man-se-xtơ, hoặc so với vụ viên thống chế Pháp²³⁷ thiêu cháy những người Ả Rập bị lừa vào trong hang, hoặc so với việc lột da sống những người lính Anh bằng chiếc roi có chín dải theo bản án của các toà án dã chiến, hoặc so với những công cụ "nhân đạo" nào đó, được sử dụng tại các trại cải tạo của nước Anh. Cũng như mọi thứ khác, sự tàn bạo cũng có những mốt của nó, được thay đổi theo thời gian và địa điểm. Xê-da, một người hoàn toàn thông thái, đã thành thực kể lại việc ông ta đã ra lệnh chặt bàn tay phải của hàng nghìn binh sĩ xứ Gô-lo²³⁸ như thế nào. Na-pô-lê-ông sẽ coi cách làm như vậy là một điều sỉ nhục cho mình. Ông ta thích đầy những trung đoàn người Pháp của mình bị nghi là có xu hướng cộng hoà ra đảo Xan - Đô-min-gô hơn, nơi họ sẽ bị giết chết bởi tay người da đen hoặc bởi bệnh dịch.

Những thương tật khủng khiếp do quân Xi-pai gây ra làm người ta nhớ đến những phong tục của Đế chế Bi-dăng-tin Cơ Đốc giáo, hoặc những điều khoản trong bộ luật hình của hoàng đế Sác-lơ V, hoặc những biện pháp trừng trị về tội phản quốc ở Anh, như chánh án Bléch-xtơ²³⁹ đã từng miêu tả. Đối với những người theo Ấn Độ giáo mà tôn giáo của họ đã biến họ thành những người điêu luyện trong nghệ thuật tự hành hạ mình thì những sự hành

hạ như thế áp dụng đối với kẻ thù của nhân dân và tôn giáo họ là hoàn toàn tự nhiên, và ắt phải còn tự nhiên hơn nữa đối với người Anh, những người mà mới mấy năm trước đây vẫn còn bòn rút những thu nhập từ những cuộc cúng lễ thần Giác-giéc-nau-tơ, bằng cách khuyến khích và bảo hộ những nghi lễ đẫm máu của tôn giáo tàn bạo này²⁴⁰.

Tiếng thét giận dữ "của tờ "Times" già cỗi khát máu", như Cóp-bét gọi nó, sự lăng xăng của nó trong vai một nhân vật hung bạo trong một vở kịch của Mô-da, nhân vật này, với một giọng ca du dương, lấy làm khoái chí với ý nghĩ là thoát đầu, mình treo cổ kẻ thù lên, sau đó đem thui, rồi phanh xác, đâm thủng và cuối cùng thì lột da sống²⁴¹, nguyện vọng của tờ "Times" muốn nhen lên lòng khát khao phục thù, đẩy nó tới chỗ cuồng loạn cực độ, - tất cả những cái đó sẽ chỉ có vẻ là ngu ngốc, nếu như cái tính chất hài kịch không lộ rõ ra dưới sự thống thiết đầy vẻ bi kịch. Tờ "Times" ở Luân Đôn đã đóng quá cái vai trò của nó không phải chỉ vì kinh hoàng. Nó đưa ra một chủ đề mới cho vở hài kịch, một chủ đề mà thậm chí cả Mô-li-e cũng bỏ sót, ấy là: Tác-tuýp - kẻ báo thù. Thực ra toàn bộ cái mà nó cần là quảng cáo cho các phiếu quốc trái và ngăn cho chính phủ khỏi sụp đổ. Bởi vì thành Đê-li không bị sụp đổ chỉ vì một cơn gió như thành Giê-ri-khôn, cho nên cần phải làm cho Giôn Bun điếc hần bằng những lời gào thét báo thù, để cho hần quên rằng chính phủ của hần phải chịu trách nhiệm về những tai hoạ đã xảy ra, cũng như về việc đã để cho những tai hoạ này mang những quy mô to lớn đến như vậy.

*Do C.Mác viết ngày 4 tháng Chín 1857
Đã đăng trên báo "New - York Daily
Tribune" số 5119, ngày 16 tháng Chín
1857*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

***CRÉDIT MOBILIER CỦA PHÁP**

Crédit Mobilier, như chúng tôi đã dự kiến mấy tháng trước đây khi phân tích bản báo cáo tổng kết hào nhoáng năm 1856^{1*}, lại suy thoái; lần này thì sự suy thoái ấy lại gây một lo âu lớn trong các giới tài chính ở châu Âu. Trong mấy ngày liền, cổ phiếu công ty này hạ giá từ 950 phr. xuống gần tới 850 phr., mà con số này hẳn còn xa mới là giới hạn cuối cùng. Đối với nhà chính trị thì việc lên xuống của các cổ phiếu Crédit Mobilier cũng có ý nghĩa chẳng kém gì sự lên xuống của nước nguyên khai đối với các nhà địa chất. Trong những dao động của thị giá cổ phiếu của công ty phải phân biệt ra những thời kỳ cụ thể khác nhau. Lần phát hành thứ nhất cổ phiếu của công ty, năm 1852, đã được tổ chức rất khéo léo. Cổ phiếu được chia ra thành ba loạt, thêm vào đó là những người sở hữu loạt phiếu thứ nhất có quyền mua cổ phiếu loạt hai và loạt ba theo giá danh nghĩa. Do đó những người may mắn có loạt phiếu thứ nhất hưởng tất mỗi lợi do phát hành hạn chế cổ phiếu trong thời kỳ thị trường chứng khoán đang hưng thịnh và còn do người ta cả tin rằng chứng khoán của công ty chẳng bao lâu sẽ được định giá cao gấp bội so với giá danh nghĩa. Thị giá cổ phiếu lập tức tăng từ 250 phr. trả cho mỗi cổ phiếu được

1* Xem tập này, tr. 257 - 266.

phát hành thứ nhất lên tới 1775 phrăng. Những dao động của thị giá các cổ phiếu trong khoảng những năm 1852, 1853 và 1854 chỉ có ý nghĩa chính trị thứ yếu, bởi vì chúng phản ánh những giai đoạn khác nhau mà một xí nghiệp vừa mới hình thành ắt phải trải qua, chứ không phải là phản ánh những thử thách của một công ty đã hoàn toàn trưởng thành. Vào năm 1855, Crédit Mobilier đã đạt tới cực thịnh, cổ phiếu của nó vọt lên tới 1900 phr. trong một thời gian ngắn, do đó đã bỏ rất xa cái cảnh tất tả của những công việc trần tục. Xét cho thật kỹ, nếu lấy những khoảng thời gian trung bình, chẳng hạn khoảng bốn tháng thì từ lúc ấy, những dao động trong giá cả cổ phiếu Crédit Mobilier diễn ra theo chiều đi xuống dần dần, theo một quy luật thường xuyên và bất biến, mặc dù cũng có những sai lệch ngẫu nhiên. Quy luật này là từ cao điểm đạt được trong từng thời kỳ đó, giá cả hạ xuống điểm trung bình thấp nhất, rồi điểm này đến lượt nó, lại trở thành điểm xuất phát cao nhất đối với thời kỳ tiếp sau. Chẳng hạn, những con số 1 400 phr., 1 300 phr., 1 100 phr., lần lượt là điểm trung bình thấp nhất của thời kỳ này và là điểm trung bình cao nhất của thời kỳ kia. Trong suốt mùa hè hiện nay, cổ phiếu đã không thể vượt tới 1 000 phr., trong một thời hạn lâu dài nào đó, mà cuộc khủng hoảng hiện nay, nếu nó không dẫn tới những hậu quả xấu hơn nữa thì cũng làm cho giá trung bình cao nhất của cổ phiếu hạ xuống gần 800 phr., để rồi từ rồi từ điểm này ít lâu nữa sẽ hạ xuống mức trung bình còn thấp hơn nữa. Dĩ nhiên, quá trình này không thể tiếp tục ad infinitum^{1*}, và cũng là không phù hợp với ngay bản chất của Crédit Mobilier nếu cổ phiếu của nó hạ tới giá quy định là 500 phrăng. Sự mất cân bằng to lớn giữa quy mô tư bản của Crédit Mobilier với phạm vi những hoạt động kinh doanh của nó, mà từ đó thu được những món lợi nhuận kék sù, rồi tiếp đến, sự tăng cao lên bất thường có thị giá cổ phiếu của công ty so với giá ban đầu - đối với Crédit Mobilier là những điều kiện cho chính sự tồn tại của nó chứ không phải cho sự phồn vinh. Chúng ta không cần dừng lại ở điểm này vì chúng

1* - tới vô hạn

tôi đã trình bày nó khá rõ khi xét hiện tượng giảm sút lợi nhuận của Crédit Mobilier từ 40% năm 1855, xuống 23% năm 1856^{1*}.

Sự mất giá cổ phiếu của Crédit Mobilier hiện nay có liên quan tới những tình huống mà người ta có thể tưởng nhầm là nguyên nhân, trong khi thật ra, chúng chỉ là hậu quả. Một trong những giám đốc "đáng kính" nhất của Crédit Mobilier, ngài Ô.Tuyệt-nê-xăng, đã phải tuyên bố phá sản vì toà thừa nhận ông ta phải chịu trách nhiệm về khoản nợ 15 000 000 phr. của ngài Sác-lơ Tuyệt-nê-xăng, cháu trai của ông, tháng Năm năm nay người cháu này đã bí mật trốn khỏi Pháp. Sự phá sản của một giám đốc cá biệt không mấy may có thể giải thích hiện trạng kinh doanh của Crédit Mobilier, điều đó tất phải sáng rõ đối với bất cứ những ai còn nhớ rằng sự phá sản của ông Pla-xơ trước đây không làm rung động mấy may cái thành trì đồ sộ của chế độ Bô-na-pác-tơ. Tuy nhiên, dư luận xã hội thiên về việc quan tâm đến sự bất ngờ sa cơ lỡ vận của một cá nhân riêng lẻ hơn là theo dõi sự suy thoái dần dần của cả một cơ quan. Nỗi kinh hoàng chỉ đến với quần chúng đông đảo khi tai hoạ trở nên quá lớn và mang những hình thức rất rõ rệt. Chẳng hạn, cổ phiếu và tín phiếu Lô vẫn tiếp tục có được một sự tín nhiệm vô hạn đối với nước Pháp khi phụ chính^{2*} và các cố vấn của ông đã chịu bằng lòng làm mất giá đồng tiền kim loại mà tín phiếu phải đại diện. Công chúng không hiểu rằng khi cơ quan đúc tiền lấy một mác bạc^{3*} mà đập ra một số lượng li-vơ gấp đôi so với trước thì những tờ giấy bạc ngân hàng đại diện cho số li-vơ bạc nhất định bị giảm giá xuống một nửa. Nhưng vào lúc mà theo mệnh lệnh của hội đồng nhà vua, công giá chính thực của chính những giấy bạc ngân hàng bị hạ xuống và giấy bạc 100 li-vơ phải đổi lấy giấy bạc 50 li-vơ thì công chúng hiểu ra ngay quá trình này và bong bóng xà phòng vỡ tung. Cũng giống hệt như vậy là sự giảm sút lợi nhuận của Crédit Mobilier xuống gần 50% không phút nào làm cho cả đến những tác giả

1* Xem tập này, tr.257.

2* Phi-líp Ôóc-lê-ăng.

3* Mács - một đơn vị đo lường bạc, bằng 8 lạng (khoảng 240 gam).

người Anh viết các bài báo tài chính chú ý đến, thế mà giờ đây, về việc ngài Ô.Tuyệt-nê-xăng phá sản thì toàn thể báo chí châu Âu làm âm ỉ lên. Thực ra, sự kiện này kèm theo những tình huống nghiêm trọng hơn. Vào tháng Năm năm nay, ngài Sác-lơ Tuyệt-nê-xăng lâm vào tình trạng không có tiền chi trả, ông I-xắc Pê-rây-rơ, sau khi tỏ ra công phần một cách cao thượng hơn so với bản tính mà ông thường bộc lộ, đã phát biểu trên báo chí Luân Đôn, long trọng phủ nhận bất kỳ một liên hệ nào giữa một bên là ông Ô. Tuyệt-nê-xăng và Crédit Mobilier, với bên kia là sự phá sản đáng khinh. Song quyết định hiện nay của toà án Pháp đã hoàn toàn bác bỏ lời tuyên bố của nhà hùng biện này.

Hơn thế nữa, ngay cả Crédit Mobilier hình như cũng đang lâm vào nỗi kinh hoàng. Một trong các vị giám đốc của công ty, ngài Êc-nét Ăng-đrê, thấy mình cần phải công khai rũ bỏ mọi trách nhiệm về tương lai và dựa vào thủ tục hợp pháp mà cắt đứt mọi mối liên hệ với cơ quan này. Những kẻ khác - trong đó có nhà ngân hàng Ôt-tin-ghec, như người ta nói, cũng đánh bài chuẩn nốt. Khi chính các vị tay chèo vội vã nhảy xuống chiếc thuyền đến cứu thì hành khách có đủ cơ sở cho rằng con tàu không tránh khỏi bị đắm. Cuối cùng, mối liên hệ chặt chẽ giữa cánh Tuyệt-nê-xăng với nhà ngân hàng Xanh-Pê-téc-bua của Stinh-lít-xơ và với những bản dự án lớn về đường sắt ở Nga tất cũng phải cung cấp cho các giới tài chính châu Âu những tài liệu phong phú để suy ngẫm.

Nếu các giám đốc của Crédit Mobilier đã bắt đầu cái việc nhằm "lập ra tín dụng ở Pháp", "góp phần vào các lực lượng sản xuất của quốc gia" và ủng hộ trò chơi giao dịch trên toàn thế giới thì chớ có nghĩ rằng tất cả những điều đó họ đã làm không công mà lắm to. Mỗi một người trong bọn họ, suốt năm năm đầu tồn tại của cơ quan này, đã nhận thêm đều đặn một món lãi 5% lợi nhuận ròng - khoảng 275 000 phr., nghĩa là 55 000 đô-la, chưa kể số thu nhập trung bình khoảng 25% thu nhập hàng năm trên số vốn do cổ phần của họ đóng góp. Ngoài ra, các công ty đường sắt và những xí nghiệp khác kinh doanh những công việc xã hội được Crédit

Mobilier bảo trợ riêng thì bao giờ cũng dính líu ít nhiều với những việc riêng tây của các giám đốc. Chẳng hạn, đây chẳng phải là điều bí mật với ai cả: nhóm Pê-rây-rơ đặc biệt quan tâm đến những cổ phiếu mới của các đường sắt miền Nam Pháp. Còn bây giờ, nghiên cứu những báo cáo đã được công bố, chúng ta cũng thấy rằng công ty đã ký mua cổ phiếu của chính những đường sắt này với số tiền tổng cộng trên 623 000 000 phrăng. Song vẫn còn là ít nếu nói rằng tất cả mười lăm giám đốc chỉ đạo hoạt động kinh doanh của công ty phù hợp với những lợi ích riêng của họ: họ còn có thể làm cho những vụ đầu cơ riêng của mình hợp với những số liệu họ có về những coups de bourse^{1*} lớn mà công ty chuẩn bị, và cuối cùng, họ có thể mở rộng tín dụng riêng của mình một cách cân đối với những số tiền khổng lồ đã chính thức đi qua tay họ. Do đó mà những giám đốc này làm giàu nhanh đến nỗi người ta phải sửng sốt thật sự: do đó mà công chúng châu Âu rất lấy làm lo ngại vì những chuyện không hay về tài chính xảy ra với những giám đốc này; cuối cùng, do đó mà có sự gắn bó chặt chẽ giữa tài sản riêng của các giám đốc với tín dụng xã hội của công ty. Tuy nhiên, vẫn có một số trong những tài sản đó được chủ sở hữu của chúng bảo đảm tốt đến nỗi chắc chắn chúng sẽ còn thọ lâu hơn bản thân công ty.

*Do C.Mác viết ngày 8 tháng Chín 1857
Đã đăng làm xã luận trên báo "New -
York Daily Tribune" số 5128, ngày 26
tháng Chín 1857*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

1* - những vụ đầu cơ của Sở giao dịch

C.MÁC

*KHỞI NGHĨA Ở ẤN ĐỘ

Theo những tin tức chúng tôi nhận được chiều hôm qua từ Ấn Độ thì ở đây người Anh đã lâm vào một tình trạng rất nguy ngập và đáng sợ, mặc dù phóng viên Luân Đôn thạo tin của chúng tôi nhìn sự việc một cách khác, điều này qua những cột báo khác có thể thấy rất rõ²⁴². Và những sự kiện ở Đê-li chúng tôi có những tin tức chi tiết cho đến ngày 29 tháng Bảy, và cũng còn có một thông báo mới hơn nữa mà qua đó người ta thấy rõ là những cảnh hoang tàn mà bệnh dịch tả đã gây nên khiến quân công hãm thành phố buộc phải rút bỏ thành Đê-li và phân tán trong các trại lính ở A-gra. Đành rằng, không có tờ báo nào ở Luân Đôn chịu thừa nhận tin đó là xác thực, nhưng chúng ta có thể xem tin đó quá lắm cũng chỉ là một tin đến hơi sớm. Như chúng ta biết - căn cứ trên tất cả những thư tín từ Ấn Độ gửi về, thì quân công hãm bị thiệt hại nặng nề vì những cuộc đột kích do quân bị bao vây tiến hành vào những ngày 14, 18 và 23 tháng Bảy. Thêm vào đây là nghĩa quân đã chiến đấu với một tinh thần dũng cảm, liều lĩnh hơn bao giờ hết, và đạt được thắng lợi lớn nhờ vào ưu thế pháo binh của mình.

"Chúng tôi bắn", - một sĩ quan Anh viết, - "pháo 18 pao và lựu pháo nòng 8 in-sơ thì bọn phiến loạn đáp lại bằng pháo 24 và 32 pao". "Trong mười tám cuộc đột kích mà chúng tôi phải chống đỡ", - một bức thư khác viết, - "chúng tôi bị thiệt hại một phần ba lực lượng, kể cả chết và bị thương".

Tất cả những gì có thể chờ đợi về mặt viện binh, - đó là toán quân gồm người Xích dưới sự chỉ huy của tướng Van-Coóc-len. Tướng Ha-vơ-lốc, sau khi chỉ huy một số trận đánh thắng lợi, đã một lần nữa buộc phải rút quân về Can-pua và phải tạm gác cái ý nghĩ cứu viện Lác-nau. Cùng lúc đó thì "trong vùng Đê-li đã đến kỳ mưa rào nhiệt đới", và bệnh dịch tả đương nhiên là hoành hành dữ hơn. Thông báo nói về việc rút quân về A-gra và về việc từ bỏ ít ra là tạm thời ý đồ buộc thủ đô của Mô-gôn Đại đế phải đầu hàng - trong trường hợp này chóng chầy ắt sẽ được xác nhận, nếu như vẫn còn bán tín bán nghi.

Trên tuyến sông Hằng thì lý thú nhất là những cuộc hành quân của tướng Ha-vơ-lốc, chiến công của ông ta ở Pha-tích-pua, Can-pua và Bít-hua, thật đúng như người ta trông đợi, được bạn đồng nghiệp cầm bút ở Luân Đôn hết lời tán dương. Như chúng tôi đã nêu trên, Ha-vơ-lốc, sau khi đã từ Can-pua tiến lên trước hai mươi lăm dặm, lại buộc phải lùi về cứ điểm này, không những là nhằm để những người ốm của mình lại ở đấy mà còn để chờ viện binh nữa. Đây là một việc rất đáng buồn, bởi vì ông ta chỉ ra rằng ý đồ giải phóng Lác-nau đã đổ vỡ. Bây giờ thì doanh trại người Anh ở thành phố này chỉ còn hy vọng vào toán quân gồm 3 000 người Guốc²⁴³ do Giảng Ba-kha-đua gửi từ Nê-pan tới cứu viện cho quân bị hãm. Nếu người Guốc không giải vây nổi thì cảnh tàn sát ở Can-pua sẽ được tái diễn ngay ở Lác-nau. Song như vậy cũng chưa phải là hết. Việc nghĩa quân đánh chiếm pháo đài Lác-nau và đồng thời củng cố chính quyền của họ ở Au-đơ sẽ tạo ra sự uy hiếp ở phía sườn đối với tất cả những hoạt động của người Anh hướng vào Đê-li và sẽ đưa lại ưu thế cho lực lượng nghĩa quân ở Bê-na-rét cũng như trong toàn vùng Bi-ha. Nếu nghĩa quân vẫn giữ được pháo đài Lác-nau trong tay thì Can-pua sẽ mất

đi một nửa ý nghĩa của nó, mà sự giao thông giữa nó với Đê-li cũng như với Bê-na-rét sẽ bị uy hiếp. Viễn cảnh đó buộc ta phải chờ đợi tin tức từ vùng này với một sự chú ý và lo âu gấp đôi. Ngày 16 tháng Sáu, doanh trại ở Lác-nau cho rằng có thể giữ được sáu tuần với khẩu phần thiếu đói. Năm tuần trong hạn ấy đã trôi qua trước khi bức điện cuối cùng được gửi đi. Bây giờ tất cả đều tùy thuộc vào viện binh từ Nê-pan mà người ta đã hứa, nhưng hiện giờ vẫn chưa thấy tới.

Nếu chúng ta xuôi theo dòng sông Hằng, từ Can-pua đến Bê-na-rét và đến vùng Bi-ha, thì sẽ thấy ở đây viễn cảnh đối với người Anh còn tăm tối hơn nữa. Bức thư từ Bê-na-rét gửi cho "Bengal Gazette"²⁴⁴, đề ngày 3 tháng Tám báo tin là

"quân phiến loạn từ Đì-na-pua, vượt qua sông Xôn, tiến tới A-rắc. Dân chúng người Âu dĩ nhiên lo cho tính mạng của mình, đã gửi thư thỉnh cầu tới Đì-na-pua xin viện binh. Đáp lại, người ta đã phái hai chiếc tàu chở những đơn vị của các trung đoàn 5, trung đoàn 10 và trung đoàn 37 của đức vua đi cứu viện. Đang đêm, một chiếc bị mắc cạn và sa lầy nằm chết dí trên bãi cạn này. Quân lính vội lên bờ và tiến lên bằng đường bộ nhưng lại không có những biện pháp phòng bị cần thiết. Bỗng nhiên họ rơi vào lưới lửa bắn chéo mạnh mẽ từ một khoảng cách gần, và trong toán quân nhỏ của họ, 150 người, kể cả một số sĩ quan, đã bị hors de combat^{1*}". Người ta cho rằng tất cả những người Âu trong đơn vị đồn trú ở A-rắc, khoảng độ 47 người, đã bị tàn sát.

Thành phố A-rắc nằm trong khu vực Sa-ha-bát của người Anh ở xứ Ben-gan, theo con đường từ Đì-na-pua đến Ha-di-pua, cách Đì-na-pua hai mươi lăm dặm về phía tây, và cách Ha-di-pua bảy mươi dặm về phía đông. Thậm chí Bê-na-rét cũng bị uy hiếp. Trong thành phố này, có một pháo đài xây theo mẫu châu Âu, và nếu như nó rơi vào tay nghĩa quân thì ắt sẽ thành một Đê-li thứ hai. Ở Mi-rơ-da-pua nằm về phía nam Bê-na-rét trên bờ bên kia của sông Hằng, người ta khám phá ra âm mưu nổi loạn của người Hồi giáo, trong khi đó ở Béc-ham-pua trên sông Hằng, cách Can-cút-ta

1* - loại ra ngoài vòng chiến đấu

khoảng mười tám dặm, trung đoàn bộ binh bản xứ 63 cũng bị tước khí giới. Tóm lại, một mặt là sự bất mãn, mặt khác là sự kinh hoàng, đã lan tràn khắp xứ Ben-gan đến tận cổng thành Can-cút-ta, nơi đây người ta rất lo sợ là tuần chay vĩ đại Mu-kha-ram²⁴⁵, lúc những kẻ theo đạo Hồi cầm gươm đi đó đây trong cơn cuồng tín, sẵn sàng cầm vũ khí với bất cứ lý do gì - sẽ kết thúc bằng một cuộc tổng tấn công vào người Anh, và nơi đây viên tổng trấn đã buộc phải tước vũ khí cả đội bảo vệ riêng của mình. Như vậy bạn đọc sẽ hiểu được một cách dễ dàng là đường giao thông chính của người Anh theo dòng sông Hằng đang lâm vào nguy cơ bị gián đoạn và bị cắt đứt. Mà điều đó ắt sẽ ảnh hưởng tới bước tiến của viện binh phải đến vào tháng Mười một, và khu vực tác chiến của người Anh ở Giam-na ắt bị cô lập.

Tại xứ Bom-bay tình hình cũng hết sức nghiêm trọng. Cuộc khởi nghĩa của trung đoàn bộ binh Bom-bay bản xứ 27 ở Côn-ha-pua là một sự việc có thật, còn tin nói rằng nó bị quân Anh đàn áp thì chỉ là một lời đồn. Những cuộc khởi nghĩa của quân bản xứ Bom-bay nổ ra liên tiếp ở Nác-pua, ở Au-ran-ga-bát, Hai-đa-ra-bát và cuối cùng, ở Côn-ha-pua. Số lượng quân đội bản xứ ở Bom-bay hiện nay là 43 048 người, còn quân Âu trong xứ này thực tế chỉ có hai trung đoàn. Người ta trông cậy vào quân bản xứ không những trong việc giữ gìn trật tự trong phạm vi xứ Bom-bay, mà cả trong vấn đề cử viện binh tới tận Xin-đơ ở Pen-giáp và trong vấn đề lập các đội quân gửi tới Mau và Hin-đua nhằm chiếm lại những cứ điểm này và giữ vững chúng, cũng như nhằm phục hồi tuyến giao thông với A-gra và giải phóng cho doanh trại của nó. Đội quân của tướng Anh Xtiu-át, người được trao cái nhiệm vụ cuối cùng này, gồm 300 lính thuộc trung đoàn 3 người Âu của Bom-bay, 250 lính thuộc trung đoàn 5 bộ binh bản xứ Bom-bay, 1000 lính thuộc trung đoàn 25 bộ binh bản xứ Bom-bay, 200 lính thuộc trung đoàn 19 bộ binh bản xứ và 800 lính thuộc trung đoàn 3 kỵ binh nằm trong quân số của Hai-đa-ra-bát. Trong đội quân gồm 2 250 lính bản xứ này có khoảng 700 người

Âu, chủ yếu lấy từ thành phần thuộc các trung đoàn 86 bộ binh và trung đoàn 14 long kỵ binh của nhà vua. Ngoài ra, người Anh còn tập trung một đội quân bản xứ ở Au-ran-ga-bát để khủng bố dân chúng Khan-de-sơ và Nác-pua đang có thái độ bất mãn và đồng thời để yểm trợ cho các toán quân cơ động đang tác chiến ở Trung Ấn.

Chúng tôi được người ta cho biết là, trong vùng này của Ấn Độ "sự yên tĩnh đã được phục hồi", song chúng tôi không thể hoàn toàn tin rằng sự yên tĩnh ấy sẽ bền vững. Thực ra vấn đề này được giải quyết không phải bằng việc chiếm Mau mà là nhờ thái độ của hai ông hoàng người Ma-rát-khơ - thái độ của Hôn-ca-rơ và Xinh-khi-a²⁴⁶. Trong chính ngay bức điện báo tin Xtiu-át đã đến Mau cũng nói rằng, mặc dù Hôn-ca-rơ vẫn đáng tin cậy như trước, song quân của ông ta không còn chịu phục tùng nữa. Còn về lập trường của Xinh-khi-a thì không đủ động đến một lời nào cả. Ông ta trẻ tuổi, bình dân, có nhiệt tình và ắt có thể trở thành người cầm đầu và lãnh tụ tự nhiên của toàn dân Ma-rát-khơ. Ông ta có 10 000 quân riêng, kỷ luật khá nghiêm minh. Việc ông ta xa rời người Anh không những có nghĩa là người Anh ắt sẽ mất Trung Ấn mà hẳn còn đem lại cho liên minh cách mạng một sức mạnh to lớn và sự bền vững. Việc quân đội rút khỏi Ê-đê-li, những sự hăm dọa và yêu cầu của những kẻ bất mãn, rốt cuộc, có thể buộc ông ta đứng về phía đồng bào mình. Nhưng, ảnh hưởng chủ yếu đối với Hôn-ca-rơ cũng như đối với Xinh-khi-a vẫn là những người Ma-rát-khơ ở Ê-đê-can, nơi mà như chúng tôi đã nêu rõ* cuộc khởi nghĩa, cuối cùng, đã mang tính chất quyết liệt. Chính ở đây rất nguy hiểm là ngày lễ Mu-kha-ram. Bởi vậy, có nhiều lý do để chờ đợi một cuộc tổng khởi nghĩa của quân đội Bom-bay. Bây giờ thì quân đội Ma-đrát, có đến 60 555 lính bản xứ và được tuyển mộ trong số dân ở Hai-đa-ra-bát, Nác-pua, Man-va là những địa hạt Hồi giáo cuồng tín nhất, cũng sẽ noi gương quân đội Bom-bay ngay lập tức. Như vậy, nếu cho rằng mùa mưa rào tháng Tám và

1* Xem tập này tr.356 - 357.

tháng Chín sẽ làm tê liệt sự chuyển quân của quân Anh và làm gián đoạn giao thông của họ, thì có thể giả định một cách không phải vô căn cứ là, mặc dù trông bề ngoài thì mạnh, những viện binh từ châu Âu phái đến, nhưng đến quá chậm và chỉ đến từng đơn vị, sẽ không thể giải quyết được nhiệm vụ đặt ra cho họ. Trong chiến dịch sắp tới chúng ta hẳn có thể chờ đợi gần như là sự tái diễn của thảm hoạ Áp-ga-ni-xtan²⁴⁷.

*Do C.Mác viết ngày 18 tháng Chín 1857 In theo bản đăng trên báo
Đã đăng làm xã luận trên báo "New - Nguyên văn là tiếng Anh
York Daily Tribune" số 5134, ngày 3
tháng Mười 1857*

C. MÁC

*KHỞI NGHĨA Ở ẤN ĐỘ

Bưu kiện từ Ấn Độ gửi về qua chiếc tàu "Át-lan-tích" mà chúng tôi nhận được chiều hôm qua có hai tin tức quan trọng, ấy là tướng Ha-vơ-lốc không giải phóng được Lác-nau và quân Anh vẫn còn ở ngoài thành Đê-li. Chỉ có thể tìm thấy hiện tượng tương tự với sự kiện cuối cùng này trong lịch sử nước Anh mà thôi, ấy là trong cuộc chinh phạt Van-khe-ren. Mặc dù sự thất bại của cuộc chinh phạt này đã được biết rất rõ ngay vào trung tuần tháng Tám 1809, người Anh vẫn hoãn việc cho quân xuống tàu đến tháng Mười một. Khi Na-pô-lê-ông biết quân Anh đổ bộ lên địa điểm này thì ông ta nhận xét rằng không nên tấn công nó, và người Pháp phải để cho nó bị diệt vong vì dịch bệnh, dịch bệnh chắc chắn sẽ gây thiệt hại cho nó lớn hơn là đại bác; mà nước Pháp thì chẳng phải tốn lấy một xăng-tim. Mô-gôn Đại đế hiện nay ở trong một tình thế còn thuận lợi hơn so với Na-pô-lê-ông, nên có thể yểm trợ cho dịch bệnh bằng những trận đột kích của mình, và yểm trợ cho những trận đột kích bằng dịch bệnh.

Trong thông báo của Chính phủ Anh gửi đi từ Ca-la-ri ngày 27 tháng Chín, có nói:

"những tin tức cuối cùng về Đê-li là thuộc vào ngày 12 tháng Tám, bảy giờ

thành phố này vẫn còn trong tay bọn phiến loạn, nhưng chẳng bao lâu nữa thành phố này sẽ bị tấn công, bởi vì tướng Ni-côn-xơn với những viện binh đáng kể đang cách nhau có một ngày đường thôi".

Nếu Đê-li không bị hạ trước lúc tướng Uyn-xơn và Ni-côn-xơn bắt đầu tấn công bằng những lực lượng hiện nay của họ thì những bức thành của Đê-li vẫn sẽ đứng vững cho đến lúc chúng tự đổ sập xuống²⁴⁸. Lực lượng "đáng kể" của Ni-côn-xơn vền vẹn có khoảng 4 000 người Xích - một viện binh chẳng thấm đủ vào đâu để tấn công Đê-li, nhưng lại hoàn toàn đủ để tạo ra một lý do mới, có sức mạnh ngang với sự tự sát để không nhỡ trại cấm dưới tường thành của Đê-li.

Sau khi tướng Hiu-uyt phạm phải sai lầm, - mà dưới góc độ quân sự thì điều đó cũng có thể thậm chí gọi là tội phạm, - là đã để cho nghĩa quân Mi-rút tiến vào Đê-li, và sau khi bỏ phí hai tuần đầu một cách vô ích, để cho nghĩa quân nhờ vậy mà bất ngờ chiếm được thành phố này - thì toàn bộ kế hoạch vây hãm Đê-li tỏ ra là một sai lầm thô thiển hầu như không thể giải thích được. Một người có uy tín mà chúng tôi tự cho phép mình đặt cao hơn cả những nhà tiên tri quân sự của tờ "Times" ở Luân Đôn, người đó chính là Na-pô-lê-ông, xác định hai quy tắc tiến hành chiến tranh mà nghe ra hầu như có vẻ tầm thường: thứ nhất, "chỉ cần làm cái gì vừa với sức mình và cái gì hứa hẹn đem lại nhiều khả năng thành công nhất"; và thứ hai, "lực lượng chủ yếu chỉ được sử dụng vào chỗ có thể đạt được mục đích chủ yếu của cuộc chiến tranh - tiêu diệt địch". Cả hai quy tắc cơ bản này đều bị vi phạm khi vạch kế hoạch bao vây Đê-li. Bộ tư lệnh Anh tất phải hiểu rằng, bản thân Chính phủ Ấn Độ mới đây đã tiến hành việc củng cố Đê-li vững chắc đến mức là chỉ có thể chiếm được thành phố này bằng một cuộc bao vây đúng đắn, một cuộc bao vây đòi hỏi phải có một đội quân công hãm với số lượng ít nhất là 15 000 - 20 000 người và thậm chí còn phải lớn gấp bội, nếu việc phòng thủ thành phố này được tiến hành một cách có quy củ. Nhưng một khi cần đến 15 000 - 20 000 người để thực hiện dự định này mà lại bắt đầu từ 6 000 hay 7 000 thì thật là điên rồ. Ngoài ra, người

Anh đã biết là một cuộc vây hãm lâu dài, buộc phải tiến hành vì yếu về số lượng, nhất định sẽ làm cho quân đội của họ bị một kẻ thù khó đánh và khó thấy, tấn công ở một địa bàn nhất định, trong một thời tiết nhất định và vào một mùa nhất định, kẻ thù này sẽ gieo rắc thương vong trong hàng ngũ của họ. Như vậy, việc vây hãm Đê-li không hề may mắn có cơ thắng lợi.

Còn vì mục đích chiến tranh, thì đương nhiên là nhằm duy trì quyền thống trị của Anh ở Ấn Độ. Để đạt mục đích này thì thành phố Đê-li nói chung chẳng có ý nghĩa chiến lược nào. Đành rằng, truyền thống lịch sử đã đem lại cho nó dưới con mắt dân bản xứ, một ý nghĩa mê tín trái ngược với ảnh hưởng thực tế của nó, và điều đó đối với nghĩa quân Xi-pai là một lý do đầy đủ để chọn nó làm điểm tập hợp chính của mình. Song nếu như người Anh không xây dựng những kế hoạch quân sự của mình xuất phát từ những định kiến của dân bản xứ, mà bỏ mặc Đê-li đấy và cô lập nó, thì họ ắt đã làm cho thành phố này do đó mà mất ảnh hưởng hư truyền của nó, sau khi đã dựng lên bạt lều trước thành phố, lao đầu vào những bức tường thành của nó và tập trung lực lượng chính của mình, cũng như sự chú ý của toàn thế giới vào đấy thì họ đã tự tước bỏ ngay cả đến khả năng rút lui, hay nói đúng hơn, đã đem lại cho cuộc rút lui tính chất của một cuộc đại bại. Như vậy, họ tự nhiên đã giúp cho nghĩa quân, những người muốn biến Đê-li thành một trung tâm chính của chiến dịch. Nhưng như vậy chưa phải đã hết. Đối với người Anh không cần phải thông minh lắm cũng có thể tin chắc rằng việc quan trọng hàng đầu là xây dựng quân chính quy đã chiến, hoạt động của đội quân này ắt có thể dập tắt những tia lửa bất mãn, bảo đảm mối liên hệ giữa các đơn vị đồn trú riêng của họ, dồn kẻ địch vào một số cứ điểm riêng lẻ và cô lập Đê-li. Song, đáng lẽ hành động theo kế hoạch đơn giản và rõ ràng này thì họ lại cho đội quân chính quy duy nhất nằm trong tay họ đóng yên một chỗ bằng cách tập trung nó ở Đê-li; họ để địa bàn ngổ cho nghĩa quân, còn những đơn vị đồn trú *riêng* của họ thì chiếm những cứ điểm rải rác, không liên lạc được với nhau và nằm cách xa nhau, hơn nữa lại

bị phong toả bởi những lực lượng trội hơn hẳn của một kẻ địch có thể hành động ung dung.

Buộc chặt đội quân cơ động chính của mình vào Đê-li, người Anh vẫn không giam chân nghĩa quân được mà chỉ làm cho các đơn vị đồn trú riêng của mình bị tê liệt. Song ngoài cái sai lầm thô thiển chủ yếu này tại Đê-li thì khó mà tìm ra trong những cuốn sử biên niên quân sự một điều gì tương tự như sự ngu độn trong cách hành binh của những đội quân đồn trú nói trên, những đội quân này hoạt động lẻ loi phân tán, độc lập đối với nhau, không có sự chỉ đạo chung nào hết, hoạt động không như những thành phần của một quân đội thống nhất mà như những toán quân của các quốc gia khác nhau và thậm chí thù địch với nhau. Chẳng hạn như Can-pua và Lác-nau. Hai địa điểm cạnh nhau này có hai toán quân riêng biệt, số lượng rất ít và không thích ứng với những yêu cầu lúc bấy giờ, mỗi toán có một ban chỉ huy độc lập; và mặc dù khoảng cách giữa chúng vền vền có bốn mươi dặm, hoạt động của hai toán quân này vẫn rất ít ăn khớp với nhau, hệt như chúng nằm ở hai đối cực. Những quy tắc giản đơn nhất trong chiến lược đòi hỏi rằng ngoài Huy Uy-le-rơ, chỉ huy quân sự của Can-pua được quyền triệu tập về Can-pua vị uỷ viên tối cao của Au-đơ, ngài H. Lô-ren-xơ cùng với toán quân của ông ta, và bằng cách đó củng cố những vị trí riêng của mình, tạm thời triệt binh khỏi Lác-nau. Cách xử lý như vậy ắt sẽ cứu được *cả hai* đội đồn trú, còn toán của Ha-vơ-lốc mà sáp nhập tiếp vào hai đội đồn trú này thì hẳn tạo ra khả năng xây dựng được một đạo quân nhỏ, có thể giữ được Au-đơ trong tay và giải vây cho A-gra. Đáng lẽ làm như vậy thì cả hai cứ điểm lại hành động một cách thiếu thống nhất, cho nên đội đồn trú Can-pua đã bị tiêu diệt, đội đồn trú Lác-nau cùng với pháo đài của nó chắc sẽ rơi vào tay nghĩa quân, và thậm chí cả những nỗ lực phi thường của Ha-vơ-lốc, người đã cùng toán quân của mình làm cuộc hành quân tám ngày đi 126 dặm, ngoài ra hành quân kéo dài bao nhiêu ngày thì xông pha bấy nhiêu trận và tất cả những điều đó diễn ra trong hoàn cảnh khí hậu Ấn Độ, trong cái nóng như thiêu đốt của mùa hè, - thậm chí cả những cố gắng anh hùng ấy cũng không đem

lại kết quả gì. Sau khi làm cho những toán quân đã mệt rã rời của mình thêm kiệt sức vì những mưu toan vô hiệu hòng giải phóng Lác-nau và sau khi buộc phải chịu những hy sinh mới, vô ích trong những cuộc chinh phục liên miên xuất phát từ Can-pua, tiến hành trên một địa bàn ngày càng thu hẹp, rốt cuộc, ông ta chắc chắn sẽ phải rút về A-la-ha-bát với một số quân ít ỏi. Những hoạt động tác chiến của toán quân của ông chứng minh rõ hơn hết là, một đội quân của người Anh, dù nhỏ, hẳn đã có thể làm được gì ở Đê-li, khi nó được tập trung cho tác chiến chứ không nấu mình trong doanh trại nhiễm dịch bệnh. Cơ sở của chiến lược là tập trung. Người Anh thì đặt cơ sở cho kế hoạch của mình ở Ấn Độ là phân tán. Trước hết đáng lẽ họ phải làm cho những đội đồn trú của mình giảm xuống mức tối thiểu có thể được, phải lập tức cho di tản phụ nữ và trẻ em trong bọn họ, phải triệt binh khỏi tất cả những căn cứ không có ý nghĩa chiến lược, và như vậy phải tập hợp một đội quân đã chiến càng lớn càng tốt. Trong khi đó thì đến cả những viện binh hết sức ít ỏi từ Can-cút-ta phải đi ngược dòng sông Hằng, đã hoàn toàn bị nuốt chửng bởi vô vàn những đơn vị đồn trú riêng lẻ, đến nỗi không một toán nào đến A-la-ha-bát được.

Còn về Lác-nau thì những dự đoán đen tối nhất, căn cứ vào các thông báo trước đây^{1*} - bây giờ đã được xác nhận. Ha-vơ-lốc lại phải rút về Can-pua; việc giải phóng thành phố này bằng những liên quân của Nê-pan xem ra không thể làm nổi và bây giờ chúng ta phải chờ đợi những tin tức về việc chiếm lĩnh thành phố bằng cách dốc cạn sức lực và về việc tiêu diệt những kẻ dũng cảm bảo vệ nó cùng với vợ con họ.

*Do C.Mác viết ngày 29 tháng Chín 1857
Đã đăng làm xã luận trên báo "New -
York Daily Tribune" số 5142, ngày 13
tháng Mười 1857*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

1* Xem tập này, tr.374.

C.MÁC

KHỞI NGHĨA Ở ẤN ĐỘ

Khi bàn về tình hình hiện nay của cuộc khởi nghĩa Ấn Độ, các báo Luân Đôn vẫn một giọng đầy lạc quan như lúc sự kiện²⁴⁹ mới bắt đầu. Người ta đoán chắc với chúng ta là không những cuộc tiến công thắng lợi vào Đê-li nhất định phải xảy ra mà nó còn phải xảy ra đúng vào ngày 20 tháng Tám. Dĩ nhiên là trước hết cần xác định số lượng hiện nay của quân công hãm. Một sĩ quan pháo binh từ doanh trại ngoại ô Đê-li gửi về một bức thư đề ngày 13 tháng Tám, dẫn ra một bảng tổng hợp cận kề về thành phần chiến đấu của quân đội Anh vào ngày 10 tháng này:

	Số sĩ quan Anh	Số lính Anh	Số sĩ quan bản xứ	Số lính bản xứ	Số ngựa
Tham mưu	30	-	-	-	-
Pháo binh	39	598	-	-	-
Công binh	26	39	-	-	-
Kỵ binh	18	570	-	-	520
<i>Lữ đoàn 1</i>					
Trung đoàn 75 của đức vua	16	502	-	-	-
Trung đoàn 1 hỗn hợp của Công ty Đông Ấn	17	487	-	-	-
Tiểu đoàn Cu-ma-ôn	4	-	13	435	-
<i>Lữ đoàn 2</i>					
Trung đoàn 60 bộ binh của đức vua	15	251	-	-	-

Trung đoàn 2 Phu-di-lê-rơ của Công ty Đông Ấn	20	493	-	-	-
Tiểu đoàn Ti-mua <i>Lữ đoàn 3</i>	4	-	9	319	-
Trung đoàn 8 của đức vua	15	153	-	-	-
Trung đoàn 61 của đức vua	12	249	-	-	-
Trung đoàn 4 người Xích	4	-	4	365	-
Đội giao liên	4	-	4	196	-
Đội Cu-ca	5	-	16	707	-
Tổng cộng	229	3 342	46	2 024	520

Như vậy, thành phần chiến đấu nói chung của quân Anh tại doanh trại ngoại ô Đê-li vào ngày 10 tháng Tám là 5 641 người. Trong số đó, chúng ta phải trừ ra 120 người (112 lính và 8 sĩ quan), theo thông báo của Anh, đã bị loại khỏi vòng chiến đấu ngày 12 tháng Tám trong trận tấn công của một giàn pháo binh mới, được nghĩa quân thành lập ở bên ngoài thành, trước tả dục của quân Anh. Như vậy, trong số đó còn lại 5 529 người^{1*} có khả năng chiến đấu, tính đến trước lúc thiếu tướng lữ đoàn trưởng Ni-côn-xơn cùng với những đội quân kể dưới đây từ Phi-rô-dơ-pua tới, cộng với giàn pháo công hãm hạng nhì, sáp nhập vào quân đội công hãm: trung đoàn khinh kỵ binh 52 (gồm khoảng 900 người), một bộ phận của trung đoàn 61 (khoảng 4 đại đội, 360 người), giàn pháo binh dã chiến Bau-se-rơ, một bộ phận của trung đoàn 6 Pen-giáp (khoảng 540 người) và một số kỵ binh và bộ binh Mun-tan - cả thảy khoảng 2 000 người, trong đó có trên 1 200 người Âu. Như vậy, nếu chúng ta cộng lực lượng này vào số 5 529 người có khả năng chiến đấu đang đóng tại doanh trại trước lúc đoàn quân của Ni-cô-xơn tới thì chúng ta có tổng cộng là 7 529 người. Người ta cho biết là ngài Giôn- Lô-ren-xơ, thống đốc Pen-giáp, đã phái viện binh bổ sung gồm bộ phận còn lại của trung đoàn 8 bộ binh, 3 đại đội của trung đoàn 24 với 3 khẩu pháo thuộc đội pháo binh ngựa kéo của đội trưởng

1* Mác tính nhầm: phải là 5 521

Pây-tơn từ Pê-sa-vác, trung đoàn 2 và trung đoàn 4 bộ binh Pen-giáp và phần còn lại của trung đoàn 6 Pen-giáp, song toán quân này, - chúng ta có thể xác định nhiều nhất là 3 000 người và bộ phận lớn nhất gồm toàn người Xích - chưa tới. Nếu như bạn đọc nhớ là viện binh Pen-giáp, dưới quyền chỉ huy của Sem-béc-len^{1*}, đã tới cách đây độ một tháng, và viện binh này chỉ đủ để đưa quân số của tướng Rít lên bằng quân số thoát đầu của ông Bác-nác-đơ, thì sẽ thấy rõ rằng viện binh mới cũng chỉ đủ để đưa quân số của thiếu tướng lữ đoàn trưởng Uyên-xơn lên bằng quân số ban đầu của tướng Rít; điều duy nhất thật sự tạo ra thuận lợi cho người Anh vào thời điểm này là: giàn pháo công hãm cuối cùng đã tới. Song giả dụ 3 000 quân được chờ đợi đã đến tại doanh trại và tổng số quân Anh lên tới 10 000 người đi nữa mà lòng trung thành của một phần ba trong đó rất đáng nghi ngờ, thì người Anh sẽ có thể làm được gì? Người ta đoán chắc với chúng ta rằng họ sẽ vây chặt Đê-li. Song chưa nói đến mưu toan, với 10 000 người mà bao vây một thành phố chu vi 7 dặm, được củng cố vững chắc, là một điều hết sức buồn cười, thì người Anh trước khi nghĩ đến việc bao vây tứ phía thành phố, phải làm cho sông Giam-na đổi dòng đi đã. Nếu như người Anh vào Đê-li buổi sớm thì ắt nghĩa quân có thể rời thành phố buổi chiều, bằng cách hoặc vượt qua sông Giam-na và đến Rô-hin-can-đơ và Au-đơ, hoặc xuôi theo dòng Giam-na mà đi về hướng Ma-tơ-ra và A-gra. Vô luận thế nào, việc bao vây một thành phố tứ giác mà một mặt quân công hãm không tiếp cận được, còn quân bị bao vây lại có thể từ đó liên lạc với thế giới bên ngoài và có thể rút lui, - vẫn còn là một vấn đề chưa được giải quyết.

"Mọi người đều nhất trí rằng", - viên sĩ quan đã cho chúng tôi mượn bản dẫn ra ở trên nói, - "không thể nói đến chuyện chiếm lĩnh Đê-li bằng một cuộc công kích".

Đồng thời anh ta cũng cho chúng tôi biết là ở doanh trại người ta thực sự đang trông đợi vào cái gì, đó là: "pháo kích thành phố suốt mấy ngày liền để mở một đợt phá khẩu khá lớn ở tường thành". Nhưng cũng chính viên sĩ quan này nói thêm rằng:

1* Xem tập này, tr.350 – 351.

"theo những tính toán khiêm tốn thì lực lượng địch bây giờ tất phải gồm khoảng bốn mươi ngàn người, chưa kể một số lượng lớn pháo hoạt động tốt; bộ binh của họ cũng tinh nhuệ".

Nếu chú ý đến sự ngoan cường táo bạo mà người Hồi giáo thường thể hiện trong lúc giao chiến ở sau công sự thì điều rất và rất đáng nghi vấn là quân Anh với số lượng ít ỏi, nếu lọt được vào thành phố qua "đột phá khẩu khá lớn" thì liệu có qua đó mà tháo lui nổi hay không.

Thực ra, để có thể tấn công thắng lợi vào Đê-li bằng những lực lượng người Anh hiện có thì chỉ còn mỗi cơ hội: trong nghĩa quân nảy sinh những bất hoà nội bộ, quân trang quân dụng của họ bị cạn, quân đội của họ sa sút tinh thần và mất lòng tin vào lực lượng của mình. Song phải thừa nhận rằng những trận đánh liên miên mà họ tiến hành từ ngày 31 tháng Bảy đến hết ngày 12 tháng Tám hẳn cho ta ít căn cứ để giả định như vậy. Cũng lúc đó một bức thư từ Can-cút-ta gửi về nói toạc móng heo cho chúng ta biết tại sao tướng lĩnh Anh lại bất chấp tất cả những quy tắc tiến hành chiến tranh, đã quyết định đóng lại dưới chân thành Đê-li.

"Mấy tuần trước đây", - bức thư viết, - "nảy ra một vấn đề là phải chăng quân ta nên rút khỏi Đê-li, vì đã quá mệt mỏi do những trận đánh hàng ngày nên không thể tiếp tục chịu đựng sự căng thẳng quá sức, bây giờ ý định này đã bị Giôn Lô-ren-xơ phản đối rất kịch liệt, ông ta đã nói thẳng với các tướng rằng sự rút lui của họ là dấu hiệu cho cuộc khởi nghĩa của dân địa phương vùng này và do đó sẽ đẩy họ vào một nguy cơ không sao tránh khỏi. Ý kiến này đã thắng và ông Giôn Lô-ren-xơ đã hứa với các tướng rằng sẽ gửi tới Đê-li tất cả những viện binh mà ông ta có thể tập trung được".

Giờ đây, khi ông Giôn Lô-ren-xơ vẫn còn để cho Pen-giáp hoàn toàn không có quân đội, ở tỉnh này, đến lượt nó, cũng có thể bùng ra khởi nghĩa, trong lúc đó thì binh lính tại doanh trại ngoài thành Đê-li chắc chắn sẽ phải chịu đựng bệnh tật ốm đau và sẽ chết như rạ vì hơi độc bốc từ mặt đất lên vào cuối mùa mưa nhiệt đới này. Về toán quân của tướng Van - Coóc-len, mà theo các bản tin, bốn tuần trước đây đã đến được Hi-xa-rơ và tiếp tục tiến về phía Đê-li^{1*}, thì hiện nay không còn nhắc tới nữa. Rõ ràng là

1* - Xem tập này, tr.401 – 402.

toán quân đó hoặc đã vấp phải những khó khăn lớn, hoặc đã bị đánh tan ở dọc đường.

Tình hình người Anh ở vùng Thượng lưu sông Hằng, về thực chất là tuyệt vọng. Tướng Ha-vơ-lốc bị những hoạt động của nghĩa quân Au-đơ đe dọa, những nghĩa quân này đang tiến từ Lác-nau qua Bít-hua và tìm cách chặn đường rút lui của ông ta ở Pha-tích-pua nằm về phía nam Can-pua; trong lúc đó thì đoàn quân Gva-li-oóc đang tiến từ Can-pi, một thành phố nằm trên hữu ngạn sông Giam-na, tới Can-pua. Sự vận động theo vòng đồng tâm này, có lẽ được chỉ đạo bởi Na-na Xa-hi-bơ, người mà người ta nói là đang nắm quyền tổng chỉ huy ở Lác-nau, lần đầu tiên làm cho người ta thấy rằng nghĩa quân có một ý niệm nào về những quy tắc chiến lược, còn người Anh thì hình như chỉ mới nghĩ đến việc làm sao để cường điệu cái phương pháp ly tâm ngu xuẩn của mình về tiến hành chiến tranh. Chẳng hạn, người ta cho chúng tôi biết rằng, trung đoàn bộ binh 90 và trung đoàn Phu-đi-lê-rơ 5 được phái đi từ Can-cút-ta để tăng cường cho toán quân của tướng Ha-vơ-lốc đã bị ngài Giêm-xơ Út-rêm ngăn lại ở Đì-na-pua, ông này chợt nghĩ ra cái ý là điều các trung đoàn này đi qua Phai-da-bát để tới Lác-nau. Báo Luân Đôn "Morning Advertiser" ca tụng kế hoạch hành động này là một mưu mẹo thấu tình, vì bây giờ thì Lác-nau sẽ nằm giữa hai hoả lực: phía phải nó sẽ bị uy hiếp bởi Can-pua, còn phía trái - bởi Phai-da-bát. Theo những quy tắc thông thường trong phép hành binh, nếu như một quân đội yếu hơn rất nhiều, mà bản thân lại tự tách ra làm hai bộ phận, rải ra suốt chiều dài của chiến tuyến địch thay vì tìm cách tập trung những toán quân phân tán của mình lại thì chính điều đó sẽ giúp cho đối phương khỏi tốn công sức tiêu diệt nó. Và thực ra, đối với tướng Ha-vơ-lốc, nhiệm vụ đã không còn là cứu nguy Lác-nau, mà là cứu nguy cho những phần còn lại của các toán quân nhỏ cả của chính bản thân ông và của tướng Nai-lơ nữa. Điều hết sức chắc chắn là ông ta buộc phải rút khỏi A-la-ha-bát. A-la-ha-bát thật ra là một vị trí có ý nghĩa quyết định, bởi vì nó nằm ở chỗ hội lưu của sông Hằng

với sông Giam-na và là chìa khoá để tới Đô-áp²⁵⁰ nằm giữa hai con sông này.

Thoạt nhìn vào bản đồ cũng thấy ngay rằng hướng hành quân chủ yếu của quân Anh đang hùng thu về những tỉnh Tây - Bắc, là qua thung lũng thuộc khu vực Hạ lưu sông Hằng. Bởi vậy, những vị trí Đì-na-pua, Bê-na-rét, Mi-rơ-da-pua và, nhất là A-la-ha-bát, nơi ắt phải trở thành điểm xuất phát của các hoạt động quân sự thực sự, phải được tăng cường bằng cách tập trung vào những thành phố này tất cả những đơn vị đồn trú rút từ những cứ điểm nhỏ và không có ý nghĩa chiến lược, hiện đang đóng phân tán ở ngay Ben-ga. Hướng hành quân chủ yếu này hiện nay đang bị uy hiếp nghiêm trọng, đoạn trích dẫn sau đây trong một bức thư từ Bom-bay gửi về cho tờ "Daily News" ở Luân Đôn chứng minh điều đó:

"Do cuộc chiến loạn mới đây của ba trung đoàn ở Đì-na-pua mà mọi giao thông liên lạc giữa A-la-ha-bát và Can-cút-ta đã bị gián đoạn (trừ giao thông bằng tàu thủy trên sông). Cuộc nổi loạn ở Đì-na-pua là một sự kiện nghiêm trọng nhất trong tất cả những sự kiện xảy ra trong thời gian gần đây vì, như một đám cháy, khởi nghĩa đã bao trùm toàn bộ khu vực Bi-ha cách Can-cút-ta không quá 200 dặm. Hôm nay có tin là người Xan-tan²⁵¹ lại khởi nghĩa và tình hình Ben-gan, nơi ngập tràn 150 000 người mọi rợ, những người xem việc giết người, cướp của là chuyện cơm bữa - có thể trở nên thật là kinh khủng".

Chừng nào A-gra còn giữ được thì đối với quân đội Bom-bay những hướng hành quân thứ yếu là những đường đi qua Hin-đua và Gva-li-oóc đến A-gra, còn đối với quân đội Ma-đrát - là những đường đi qua Xau-goóc và Gva-li-oóc đến A-gra, quân đội Pen-giáp cũng như toán quân đóng ở A-la-ha-bát phải phục hồi tuyến giao thông của mình với A-gra. Song nếu những hoàng thân Trung Ấn dao động công khai nổi dậy chống người Anh và cuộc khởi nghĩa trong quân đội Bom-bay mang tính chất nghiêm trọng thì lúc đó tất cả những tính toán quân sự sẽ đi đến chỗ kết thúc và người ta sẽ chỉ có thể đoán trước một cuộc tàn sát khổng lồ trên toàn bộ khoảng không gian từ Ca-sơ-mia đến mũi Cô-mô-rin. Tất cả những gì sẽ có thể làm được may lắm là trì hoãn những sự kiện quyết định đến tháng Mười một, lúc mà quân đội từ châu Âu đã đến.

Thậm chí điều đó có thực hiện được không - cũng còn tùy thuộc vào khả năng của ông Cô-lin Kem-pơ-ben, người mà cho đến nay người ta chưa biết thế nào cả, ngoài việc ông là một con người gan dạ. Nếu như ông ta tỏ ra ngang tâm với vị trí của mình thì với bất cứ giá nào, dù Đê-li thất thủ hay không, ông vẫn sẽ xây dựng một đội quân nhỏ cũng được, nhưng có khả năng chiến đấu để có thể bắt đầu những hành động quyết định. Song chúng tôi cho là vẫn cần phải nhắc lại rằng lối thoát cuối cùng cho vấn đề là tùy thuộc ở quân đội Bom-bay.

*Do C.Mác viết ngày 6 tháng Chín 1857
Đã đăng làm xã luận trên báo "New -
York Daily Tribune" số 5151, ngày 23
tháng Mười 1857*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

KHỞI NGHĨA ẤN ĐỘ

Bưu kiện do chiếc tàu "A-ra-vi-a" chở đến, cho chúng ta biết một tin quan trọng là Đê-li thất thủ. Theo mức độ có thể phán đoán căn cứ vào những cứ liệu nghèo nàn mà chúng tôi có, thì sự kiện này xảy ra rõ ràng là do sự trùng hợp của một loạt hoàn cảnh: do những sự bất hoà rất lớn giữa nghĩa quân, do sự thay đổi về tương quan số lượng giữa hai bên chiến đấu với nhau và do giàn pháo công hãm mà người ta chờ đợi ngay từ ngày 8 tháng Sáu, đã đến vào ngày 5 tháng Chín.

Sau khi viện binh do Ni-côn-xơn chỉ huy tới, chúng tôi đã xác định số lượng quân đội ở Đê-li gồm tổng cộng là 7 529 người^{1*}, và sự tính toán của chúng tôi từ bấy giờ đã hoàn toàn được xác nhận. Sau khi sáp nhập vào những lực lượng đó còn có thêm 3 000 quân Ca-sơ-mia do vương công Ran-bia Xinh giao cho người Anh sử dụng, thì số lượng của quân Anh, theo lời "Friend of India"²⁵², lên tới khoảng 11 000 người. Về phía mình, lực lượng nghĩa quân, như lời khẳng định của báo "Military Spectator"²⁵³, giảm xuống khoảng 17 000 người, trong số đó có 5 000 kỵ binh, trong khi đó "Friend of India" lại tính nghĩa quân có khoảng 13 000, kể cả 1 000 kỵ binh không chính quy. Vì sau khi mở được đợt phá khẩu và bắt đầu cuộc chiến đấu bên trong thành phố, kỵ binh trở nên hoàn toàn vô dụng và do đó phải tháo chạy, rồi bỏ thành phố lúc người Anh đã lọt vào đây, cho nên tất cả lực lượng Xi-pai, như lời xác nhận của "Military Spectator", cũng như của "Friend of India", không

1* Xem tập này, tr.385 - 386.

thể vượt quá 11 000 hoặc 12 000 người. Như vậy, quân số của người Anh cũng gần ngang với quân số nghĩa binh, do quân Anh tăng lên thì ít mà chủ yếu là do nghĩa quân bị giảm đi. Số lượng có kém hơn đôi chút của người Anh được bù lại quá mức bằng tác động tinh thần của cuộc pháo kích hữu hiệu vào thành phố và bằng những ưu thế của cuộc tấn công khiến người Anh có thể chọn được vị trí để tấn công bằng những lực lượng chủ yếu, trong lúc đó thì những người bảo vệ thành phố buộc phải rải lực lượng rõ ràng không đủ của mình ra tất cả các cứ điểm của vùng bao quanh đang bị uy hiếp.

Số lượng của nghĩa quân giảm sút là do cả từng đoàn người đã vì những bất hoà nội bộ mà bỏ đi với mức độ lớn hơn nhiều so với những tổn thất nặng nề của họ trong những cuộc đột kích liên miên trong vòng độ mười ngày. Chưa nói là bản thân Mô-gôn, một con người ma quái, đã cảm thấy ách thống trị nặng nề của người Xi-pai không kém gì những thương nhân Đê-li, là những người đã bị quân Xi-pai tước đoạt tất cả tiền của dành dụm được đến tận đồng ru-pi cuối cùng, - thì những sự bất đồng tôn giáo giữa người Xi-pai Ấn Độ giáo và người Xi-pai Hồi giáo và những hiềm khích giữa quân đồn trú cũ với viện binh mới cũng đủ làm tan rã cái tổ chức ọp ẹp của họ và khiến cho họ chắc chắn phải thất bại. Thế nhưng nếu lưu ý rằng người Anh phải chiến đấu với một kẻ thù chỉ đông hơn họ chút ít về mặt số lượng, thiếu thống nhất trong chỉ huy, bị yếu và giảm sút về tinh thần do những hiềm khích trong hàng ngũ của chính mình, và lưu ý rằng kẻ thù đó sau cuộc pháo kích 84 giờ liên vẫn sáu ngày ròng rã chịu đựng những loạt đại bác và những cuộc chiến đấu trên đường phố ở trong nội thành, rồi sau đó bình tĩnh vượt sông Giam-na qua cầu phao - nếu tính đến tất cả những điều đó thì phải thừa nhận là, rốt cuộc, nghĩa quân, với những lực lượng chủ yếu của mình, đã làm tất cả những gì có thể làm được trong một tình thế khó khăn đến như vậy.

Những chi tiết về việc chiếm lĩnh thành phố hẳn là như thế này: ngày 8 tháng Chín, những khẩu đội pháo của Anh bố trí ở khoảng cách khá xa phía trước chỗ đóng quân chính của quân Anh, cách tường thành độ 700 i-ác-đơ. Khoảng giữa thời gian từ ngày 8 đến ngày 11, trong pháo và súng cối của người Anh dịch lại gần hơn về phía các công sự. Các khẩu đội được bố trí trong các chiến

hào chuẩn bị sẵn sàng nhằm hạn chế tổn thương đến mức thấp nhất, cần lưu ý rằng đơn vị đồn trú Đê-li đã tiến hành hai cuộc đột kích vào ngày 10 và ngày 11, đã nhiều lần tìm cách lập những khẩu đội mới và liên tục dùng hoả lực súng trường từ chiến hào nã vào quấy rối quân tấn công. Ngày 12, người Anh bị tổn thất với số lượng khoảng 56 người, cả chết và bị thương. Sáng ngày 13, một hầm thuốc súng quan trọng của địch trong một pháo đài đã nổ tung và nổ luôn cả một hòm đạn của một khẩu pháo hạng nhẹ, khẩu này bắn khống chế những khẩu đội Anh bằng hoả lực quét dọc từ vùng ngoại ô Tan-va-ra, và ở cổng thành Ca-sơ-mia những khẩu đội Anh đã mở được một đợt phá khẩu khá rộng để tấn công. Ngày 14, cuộc tấn công thành phố bắt đầu. Quân lính đã lọt vào đợt phá khẩu ở cổng thành Ca-sơ-mia mà không gặp phải sức kháng cự đáng kể, họ chiếm lĩnh các toà nhà lớn cạnh cổng thành và tiến dọc theo lũy thành tới pháo đài Mô-ri và cổng thành Ca-bun, ở đây kẻ địch kháng cự hết sức ngoan cường, vì thế tổn thất nặng hơn. Người ta đã tiến hành những sự chuẩn bị nhằm quay đại bác của những pháo đài chiếm được bắn vào thành phố và chở những đại bác và súng cối mới đến những điểm khống chế. Ngày 15 bắt đầu bắn phá các pháo đài Béc-nơ và La-ho bằng những khẩu đại bác chiếm được tại các pháo đài Mô-ri và Ca-bun; đồng thời đã mở được đợt phá khẩu vào kho vũ khí và bắt đầu pháo kích vào cung điện. Kho vũ khí bị chiếm lĩnh vào rạng ngày 16 tháng Chín bằng một cuộc đột kích, ngày 17 thì súng cối từ sau thành kho vũ khí tiếp tục nã vào cung điện.

Những tin chính thức về cuộc tấn công thành phố bỗng nhiên ngừng lại ở đây, tờ "Bom bay Courier"²⁵⁴ giải thích hiện tượng này là do bưu kiện gửi từ Pen-giáp và La-ho bị cướp ở biên giới Xin-đơ. Trong một bức thư riêng gửi cho thống đốc Bom-bay có nói là đã hoàn toàn chiếm được thành phố Đê-li vào chủ nhật ngày 20, vì hồi 3 giờ sáng cũng vào ngày ấy những lực lượng chủ yếu của nghĩa quân đã rời bỏ thành phố và qua cầu phao đi về hướng Rô-hin-can-đơ. Do trước lúc chiếm được pháo đài Xê-lim-hác nằm đối diện, ở giữa sông, người Anh không thể truy đuổi kẻ thù nên rõ ràng là nghĩa quân cứ ung dung mở đường từ điểm cực bắc của thành phố rút về vùng ngoại ô đông - nam thành phố, giữ cho đến tận ngày 20 vị trí này để yểm hộ cho quân của họ rút lui.

Còn về những hậu quả có thể xảy ra của cuộc đánh chiếm Đê-li

thì một tờ báo nghiêm túc thạo tin, tờ "Friend of India", nhận xét rằng:

"Người Anh hiện nay hẳn phải chú ý đến tình hình ở Ben-gan chứ không phải tình hình ở Đê-li. Sự trì hoãn lâu dài việc đánh chiếm thành phố này đã hoàn toàn làm cho chúng ta mất cái uy tín mà chúng ta có thể có nếu như hạ được thành phố này sớm hơn; còn lực lượng bọn phiến loạn và quân số của chúng hẳn là giảm sút rất nhiều do thành phố bị thất thủ, cũng như chúng bị giảm sút do cuộc công hãm kéo dài".

Cũng trong thời gian ấy, theo những tin tức nhận được, cuộc khởi nghĩa lan rộng ra miền đông - bắc Can-cút-ta và lan ra miền tây-bắc qua vùng Trung Ấn. Tại biên giới A-xam, hai trung đoàn mạnh của người Puốc-bi-ác^{1*} đã nổi dậy, công khai đòi tái lập cựu vương công Pa-ran-đua Xinh lên ngôi vua. Nghĩa quân Đi-na-pua và Răng-pua, dưới quyền chỉ huy của Cu-ơ Xinh, băng qua Ban-đa và Na-gốt tiến đến Giáp-ban-pua, và vương công Rê-va, dưới sức ép của quân đội mình, đã sáp nhập với họ. Ngay tại Giáp-ban-pua, trung đoàn 52 bản xứ Ben-gan đã rời bỏ doanh trại sau khi bắt một sĩ quan Anh làm con tin cho những đồng chí của mình ở lại. Nghĩa quân Gva-li-oóc, như người ta đồn, đã vượt qua Sam-ban và hạ trại tại một địa điểm nào đó giữa một bên là sông và một bên là Đơ-hôn-pua. Còn phải nêu ra một điều quan trọng nhất trong tất cả những tin tức. Số là quân đoàn Gioóc-pua chuyển sang giúp cho vương công đã khởi nghĩa từ A-va, một địa điểm cách Bê-a-vác 90 dặm về hướng tây - nam. Quân đoàn này đã đánh bại những lực lượng lớn do vương công Gioóc-pua phái tới đánh nó, thêm vào đấy là một tướng và cả đại uý Môn-cơ Mây-xơn nữa bị giết và ba khẩu súng bị chiếm. Tướng Gi.X.P. Lô-ren-xơ đã cùng với một bộ phận của toán quân Na-xi-ra-bát tiến đánh quân đoàn và buộc nó phải lùi về một thành phố; song mưu toan của Lô-ren-xơ muốn chiếm thành phố này không đạt kết quả. Việc những đội quân người Âu đóng ở Xin-đơ rút khỏi địa điểm này làm nảy sinh âm mưu nổi dậy rộng khắp, thêm vào đấy, mưu toan khởi nghĩa ít ra là đã có trong năm địa điểm khác nhau, trong đó có Hai-đa-ra-bát, Ca-ra-si và Si-các-pua. Cũng có những triệu chứng bất mãn ở Pen-giáp, nơi mà giao thông giữa Mun-tan và La-ho bị gián đoạn đã tám ngày.

1* - Puốc-bi-ác - Đông; ở đây nói về những trung đoàn ở Đông Ben-gan.

Ở một nơi khác, độc giả chúng ta sẽ tìm thấy một biểu thống kê các đội quân từ Anh gửi tới từ ngày 18 tháng Sáu, ngoài ra, ngày tới nơi của những chiếc tàu tương ứng được chúng tôi tính theo những số liệu chính thức, và do đó, sẽ vào những thời hạn thuận lợi cho Chính phủ Anh²⁵⁵. Từ biểu thống kê này, người ta sẽ thấy rõ là, không kể những toán quân nhỏ của pháo binh và công binh gửi tới bằng đường bộ thì toàn bộ quân đội chở bằng tàu thủy có tới 30 899 người, trong đó có 24 884 người thuộc bộ binh, 38 256 người thuộc kỵ binh và 2 334 người thuộc pháo binh. Biểu này cũng cho ta thấy là cho đến cuối tháng Mười không thể chờ đợi viện binh quan trọng nào tới cả.

Những đội quân gửi tới Ấn Độ

Dưới đây là những tin tức về các đội quân từ Anh gửi sang Ấn Độ từ ngày 18 tháng Sáu 1857:

Thời gian tới	Tổng cộng	Can-cút-ta	Xây-lan	Bom-bay	Ca-ra-si	Ma-drát
Ngày 20 tháng Chín	214	214	-	-	-	-
Ngày 1 tháng Mười	300	300	-	-	-	-
Ngày 15 tháng Mười	1906	124	1782	-	-	-
Ngày 17 tháng Mười	288	288	-	-	-	-
Ngày 20 tháng Mười	4235	3845	390	-	-	-
Ngày 30 tháng Mười	2028	479	1544	-	-	-
Tổng cộng trong tháng Mười	8757	5036	3721	-	-	-
Ngày 1 tháng Mười một	3495	1234	1629	-	632	-
Ngày 5 tháng Mười một	879	879	-	-	-	-
Ngày 10 tháng Mười một	2700	904	340	400	1056	-
Ngày 12 tháng Mười một	1633	1633	-	-	-	-
Ngày 15 tháng Mười một	2610	2132	478	-	-	-
Ngày 19 tháng Mười một	234	-	-	-	234	-
Ngày 20 tháng Mười một	1216	-	278	938	-	-
Ngày 24 tháng Mười một	406	-	406	-	-	-
Ngày 25 tháng Mười một	1276	-	-	-	-	1276
Ngày 30 tháng Mười một	666	-	462	204	-	-
Tổng cộng trong tháng Mười một	15115	6782	3593	1542	1922	1276
Ngày 1 tháng Chạp	354	-	-	354	-	-
Ngày 5 tháng Chạp	459	-	-	201	-	258
Ngày 10 tháng Chạp	1758	-	607	-	1151	-
Ngày 14 tháng Chạp	1057	-	-	1057	-	-

Ngày 15 tháng Chạp	948	-	-	647	301	-
Ngày 20 tháng Chạp	693	185	-	300	208	-
Ngày 25 tháng Chạp	624	-	-	-	624	-
Tổng cộng trong tháng Chạp	5893	1851	607	2359	2284	258
Ngày 1 tháng Giêng	340	-	-	340	-	-
Ngày 5 tháng Giêng	220	-	-	-	-	-
Ngày 15 tháng Giêng	140	-	-	-	-	-
Ngày 20 tháng Giêng	220	-	-	-	-	-
Tổng cộng trong tháng Giêng	920	-	-	340	-	-
Từ tháng Chín đến 20 tháng Giêng	30899	12217	7921	4431	4206	2114
Những đội quân gửi theo đường bộ						
Ngày 2 tháng Mười	235 công binh	117	-	-	118	-
Ngày 12 tháng Mười	221 pháo binh	221	-	-	-	-
Ngày 14 tháng Mười	224 công binh	122	-	-	122	-

Tổng cộng 31 599

Quân đội gửi tới quanh mũi Hảo Vọng

và đến lễ tế từng bộ phận 4000

Tổng số 35 599

Do C.Mác viết ngày 30 tháng Mười 1857

Đã đăng làm xã luận trên báo "New - York Daily Tribune" số 5170, ngày 14 tháng Mười một 1857

In theo bản đăng trên báo

Nguyên văn là tiếng Anh

C.MÁC

***ĐẠO LUẬT NĂM 1844 VỀ NGÂN HÀNG ANH VÀ
CUỘC KHỦNG HOẢNG TIỀN TỆ Ở ANH**

Ngày 5 tháng này, Ngân hàng Anh đã nâng lãi suất chiết khấu tối thiểu của mình từ 8% - như đã quy định ngày 19 tháng Mười - lên 9%. Chúng tôi cho rằng việc nâng cao lãi suất như vậy - hiện tượng chưa từng có trong lịch sử ngân hàng từ thời nó khôi phục chế độ thanh toán bằng tiền đúc, chưa phải đã là giới hạn cuối cùng. Hiện tượng này xảy ra bởi bệnh chảy máu vàng và máu bạc cũng như bởi sự giảm sút của cái gọi là dự trữ giấy bạc ngân hàng. Bệnh chảy máu vàng và máu bạc diễn ra theo hai chiều hướng trái ngược nhau: vàng chảy vào nước này^{1*}, lúc mà các ngân hàng ở nước ta phá sản, còn bạc thì chảy sang phương Đông, lúc xuất khẩu thương mại vào Trung Quốc và Ấn Độ bị giảm sút và lúc chính phủ trực tiếp chuyển tiền để thanh toán cho Công ty Đông Ấn. Để đổi được số bạc cần cho nước Anh dùng vào những mục đích ấy, thì công ty này buộc phải gửi vàng sang lục địa châu Âu.

Còn về dự trữ giấy bạc ngân hàng và về vai trò quan trọng mà nó đảm nhiệm trên thị trường tiền tệ Luân Đôn, thì cần phải nhắc vắn tắt tới Đạo luật về Ngân hàng Anh do ngài Rô-bốt Pin thi hành năm 1844 và động đến không những nước Anh mà cả nước Mỹ và toàn bộ thị trường thế giới nữa. Ông Rô-bốt Pin, người được chủ Ngân hàng Lô-i-đơ ủng hộ, hiện nay thì được huân

1* - nước Mỹ

tước Ô-vơ-xơn, và ngoài ra còn được một loạt những nhân vật có ảnh hưởng khác ủng hộ, dự định nhờ đạo luật này mà thi hành một nguyên tắc hiện hành tự động nào đấy về việc lưu thông tiền giấy. Theo nguyên tắc này thì từ nay việc lưu thông tiền giấy tất phải được mở rộng và thu hẹp đúng rắp theo những quy luật lưu thông tiền tệ thuần túy kim loại; chính vì vậy mà vĩnh viễn từ bỏ được khả năng xảy ra bất cứ cuộc khủng hoảng tiền tệ nào, Rô-bốt Pin và phái ủng hộ ông khẳng định như vậy. Ngân hàng Anh chia thành hai cơ quan: cơ quan phát hành và cơ quan ngân hàng, thêm vào đấy cơ quan thứ nhất chỉ là một nhà máy, phát hành giấy bạc ngân hàng, cơ quan thứ hai là ngân hàng chính cống. Đạo luật này cho phép cơ quan phát hành lưu hành giấy bạc với số tiền 14 000 000p.xt.; người ta tính rằng số tiền này là giới hạn mà sự lưu thông tiền tệ thực tế nếu có ở mức thấp hơn thì sẽ không bao giờ bị suy thoái, và tính rằng số tiền này được bảo đảm bằng trái khoán của Chính phủ Anh đối với ngân hàng. Đối với tất cả những giấy bạc phát hành ngoài số 14 000 000 này thì cơ quan phát hành buộc phải có bảo đảm trong kho của mình dưới hình thức số lượng vàng và bạc tương ứng. Tổng khối lượng giấy bạc được hạn chế bằng cách đó được chuyển sang cho cơ quan ngân hàng, thế là cơ quan này đưa chúng vào vòng lưu thông. Bởi vậy, nếu dự trữ vàng và bạc trong các kho của cơ quan phát hành là 10 000 000 p.xt. thì cơ quan phát hành có thể phát hành và chuyển sang cho cơ quan ngân hàng số giấy bạc 24 000 000. Nếu thực tế trong lưu thông chỉ có giấy bạc cho 20 000 000 thì số giấy bạc 4 000 000 còn lại, lưu trong két của cơ quan ngân hàng, tạo ra dự trữ giấy bạc của nó, dự trữ này thực chất cũng là bảo đảm duy nhất của những khoản tiết kiệm được các cá nhân và nhà nước uỷ thác cho cơ quan ngân hàng.

Bây giờ giả dụ là vàng và bạc bắt đầu chảy từ trong nước ra ngoài và giả dụ là rút mất một số lượng kim loại quý nào đó, chẳng hạn như vàng, bằng số tiền là 4 000 000 từ cơ quan phát hành. Bây giờ số lượng giấy bạc cho 4 000 000 sẽ bị huỷ, điều đó sẽ dẫn tới hiện tượng là, số giấy bạc mà cơ quan phát hành tung ra ngang chính xác với số giấy bạc nằm trong lưu thông, còn dự trữ giấy bạc thuộc quyền sử dụng của quỹ cơ quan ngân hàng

thì tụt xuống con số không. Nói cách khác, ở cơ quan ngân hàng sẽ không còn lấy một đồng xu để thoả mãn yêu cầu của những người gửi tiền, do đó nó buộc phải tuyên bố là mình không có khả năng thanh toán. Điều đó ảnh hưởng tai hại tới các khoản tiền gửi của những cơ quan công pháp cũng như của các cá nhân và do đó dẫn tới việc đình chỉ thanh toán lợi tức hàng quý phải trả cho những người giữ phiếu quốc trái có lãi phần trăm. Như vậy, cơ quan ngân hàng có thể đi tới vỡ nợ, mặc dù trong các kho của cơ quan phát hành còn giữ được số kim loại quý trị giá 6 000 000 pao xtéc-linh. Và điều đó không phải chỉ là một giả thiết. Ngày 30 tháng Mười 1847, dự trữ của cơ quan ngân hàng giảm xuống 1 600 000 p.xt. còn tiền gửi thì có 13 000 000 pao xtéc-linh. Giả dụ tình trạng báo động ấy, tình trạng mà chỉ có coup d'état^{1*} tài chính của chính phủ mới làm giảm nhẹ đi, còn kéo dài thêm mấy ngày nữa thì dự trữ của Ngân hàng Anh ắt là cạn kiệt và cơ quan ngân hàng hẳn buộc phải đình chỉ các khoản thanh toán, mặc dù trong các kho của cơ quan phát hành còn có số vàng trên 6 000 000 pao xtéc-linh.

Như vậy, thật rõ ràng là tình trạng vàng chảy đi và sự giảm sút dự trữ giấy bạc có ảnh hưởng qua lại đối với nhau. Trong lúc việc rút vàng trong các kho của cơ quan phát hành trực tiếp dẫn đến việc giảm sút dự trữ của cơ quan ngân hàng, thì các giám đốc Ngân hàng Anh lo rằng cơ quan ngân hàng sẽ lâm vào tình trạng không có khả năng thanh toán, bèn xiết chặt sức ép tín dụng bằng cách nâng tỷ suất chiết khấu. Song việc nâng tỷ suất chiết khấu lại kích thích một số người gửi tiền rút tiền ra khỏi cơ quan ngân hàng để cho vay với lợi tức cao hiện hành, còn việc dự trữ không ngừng bị giảm sút, đến lượt nó, lại làm cho bộ phận khác trong những người gửi tiền phải hoảng sợ và lại thúc đẩy họ rút tiền khỏi cơ quan này. Và thế là chính những biện pháp dùng để bảo tồn dự trữ lại làm cho nó đi tới khánh kiệt. Sau lời giải thích này, bạn đọc sẽ hiểu được rằng ở Anh người ta đang theo dõi hiện tượng giảm sút dự trữ của ngân hàng với thái độ lo âu như thế nào, và bài viết về tài chính đăng ở số báo mới ra

1* - nghĩa đen: đảo chính; ở đây là: biến động

gần đây của tờ "Times" Luân Đôn đã phạm phải một sai lầm nghiêm trọng như thế nào. Bài này viết:

"Những kẻ xưa kia chống đối đạo luật về hiến chương ngân hàng lại bắt đầu xầm xì, và bây giờ không còn có thể tin vào cái gì nữa. Một trong những phương thức tạo ra sự kinh hoàng mà họ rất ưa thích là việc dẫn đến những quy mô đã được thu hẹp lại của dự trữ giấy bạc không nằm trong lưu thông, tựa hồ như là nếu dự trữ này cạn thì ngân hàng sẽ buộc phải hoàn toàn đình chỉ các hoạt động chiết khấu". (Theo đạo luật hiện hành thì thực tế là trong trường hợp phá sản nó tất phải làm như vậy). "Thực ra, ngân hàng hẳn có thể, ngay cả trong những hoàn cảnh như vậy, vẫn tiếp tục các hoạt động chiết khấu, thậm chí không giảm bớt quy mô hoạt động ấy, vì việc chiết khấu hối phiếu hàng ngày dĩ nhiên sẽ mang lại cho nó một khoản tiền trung bình ngang với số mà nó thường phải xuất ra. Tăng quy mô kinh doanh thì ngân hàng ắt không thể làm được, nhưng khó mà tin rằng người ta ắt sẽ đòi hỏi ngân hàng phải làm như vậy trong tình hình khắp nơi hiện nay công việc kinh doanh đang bị thu hẹp lại. Bởi vậy, không có mấy may căn cứ gì cho những biện pháp của chính phủ".

Thủ đoạn xảo trá mà người ta dùng để dựng nên lý do này là như sau: ở đây người ta có dụng ý không tính đến người gửi tiền. Không cần phải bóp óc suy nghĩ cũng có thể hiểu rằng nếu vào một ngày nào đó, cơ quan ngân hàng lại tuyên bố vỡ nợ đối với các trái chủ của mình thì nó sẽ không thể xuất thêm cho những kẻ thụ trái của mình các trái khoán dưới hình thức tiền vay hoặc chiết khấu các hối phiếu. Nói tóm lại, đạo luật được tán dương của ông Rô-bốt Pin về Ngân hàng Anh, trong thời gian bình thường thì nói chung không có hiệu lực; còn vào lúc khó khăn thì nó làm tăng thêm cơn hoảng loạn về tài chính do chính nó tạo ra; và đúng vào lúc mà đạo luật này, theo nguyên tắc cơ bản của nó, tất phải gây được ảnh hưởng tốt lành của nó, thì không còn lại cái gì khác ngoài việc đình chỉ tác động của nó bằng sự can thiệp của chính phủ. Vào lúc bình thường thì số lượng giấy bạc tối đa mà đạo luật cho phép ngân hàng phát hành không bao giờ lại không hoàn toàn nằm trong lưu thông - đây là sự kiện được chứng minh đầy đủ bởi sự có mặt không thay đổi trong những thời kỳ này của dự trữ giấy bạc trong quỹ của cơ quan ngân hàng. Có thể kiểm tra điều đó đúng như vậy không bằng cách so sánh những bản quyết toán của Ngân hàng Anh từ năm 1847 đến hết năm 1857, hoặc thậm chí so sánh tổng số giấy bạc thực

tế đã nằm trong lưu thông từ năm 1819 đến hết năm 1847 với tổng số tiền có thể nằm trong lưu thông theo mức tối đa được quy định bởi đạo luật. Vào những lúc khó khăn, chẳng hạn như vào năm 1847 và năm nay, do Ngân hàng Anh tự ý tách hẳn thành hai cơ quan nên hậu quả của việc giảm sút dự trữ kim ngân trở nên nghiêm trọng một cách giả tạo, việc nâng lãi suất phần trăm nhanh hơn một cách giả tạo, và ngân hàng lâm vào nguy cơ phá sản không phải do nó thực tế không có khả năng thanh toán, mà do một trong những cơ quan của nó không có khả năng thanh toán một cách giả tưởng.

Khi mà sự thiếu hụt tài chính thật sự bị cơn hoảng loạn giả tạo làm cho nghiêm trọng hơn kiểu như vậy và khi mà nó gây ra một số tổn thất khá lớn thì chính phủ lâm vào tình trạng không đủ sức đứng vững trước áp lực của dư luận xã hội, và hiệu lực của đạo luật bị đình chỉ đúng vào thời kỳ mà dựa vào đó mới có đạo luật này và đúng vào thời kỳ mà trong đó đạo luật này nói chung ắt cũng chỉ có thể gây được một hiệu lực nào đó mà thôi. Chẳng hạn, ngày 23 tháng Mười 1847 những chủ ngân hàng lớn nhất ở Luân Đôn đã tới phố Dao-ninh để cầu cứu, nghĩa là yêu cầu đình chỉ hiệu lực của Đạo luật Pin. Do yêu cầu của họ, huân tước Giôn Rốt-xen và ngài Sác-lơ Vút đã gửi cho chủ nhiệm và trợ lý của chủ nhiệm Ngân hàng Anh một bức thư khuyên họ tăng việc phát hành giấy bạc và do đó mà vượt mức tối đa của lưu thông tiền tệ đã được quy định trong đạo luật; đồng thời họ nhận chịu trách nhiệm về việc vi phạm đạo luật năm 1844 và tuyên bố là mình sẵn sàng, một khi nghị viện họp, trình một dự luật bảo đảm không phải chịu tội về việc vi phạm đạo luật. Cũng cái trò hề ấy sẽ được diễn ngay cả bây giờ, sau khi tình hình sự việc trở nên hết như trong tuần qua, trước ngày 23 tháng Mười 1847, lúc mà người ta thấy là mọi hoạt động kinh doanh và mọi khoản thanh toán có nguy cơ bị hoàn toàn đình chỉ. Như vậy ưu thế duy nhất của Đạo luật Pin là như sau: nhờ nó mà toàn thể nhân dân trong nước phải chịu lệ thuộc hoàn toàn vào chính phủ quý tộc - vào cái tính đồng bóng của một con người nông nổi nào đó thuộc loại như Pan-móc-xơn chẳng hạn. Đó cũng là nguyên nhân làm cho các thành viên của nội các tỏ thái độ thiện ý đối với đạo luật năm 1844 - nó tạo ra cho họ một quyền lực đối với tư bản của các tư nhân mà họ chưa từng có bao giờ.

Chúng tôi nói tỉ mỉ về Đạo luật Pin như vậy vì hiện nay nó đang gây ảnh hưởng đối với đất nước này^{1*} và cũng vì hiệu lực của nó ở nước Anh chắc hẳn sẽ bị đình chỉ; song nếu như Chính phủ Anh có thể cất bỏ cho nhân dân Anh cái gánh nặng những khó khăn mà chính chính phủ này đã đặt lên vai họ thì không còn gì sai lầm hơn là cho rằng cái hiện tượng trên thị trường tiền tệ Luân Đôn mà chúng ta sẽ là những người chứng kiến, - sự nảy sinh và sự kết thúc cơn hoảng loạn tiền tệ - sẽ trở thành thước đo thật sự cường độ cuộc khủng hoảng mà giới thương mại Anh sắp lâm vào. Chính phủ bất lực trước cuộc khủng hoảng này.

Khi những tin tức đầu tiên về cuộc khủng hoảng ở Mỹ cập bờ nước Anh thì những nhà kinh tế Anh đã đưa ra một lý thuyết có tham vọng, nếu không phải về tính thiên tài thì ít ra cũng là về tính độc đáo. Họ khẳng định rằng nền thương mại nước Anh là lành mạnh, nhưng than ôi! Khách hàng của nó lại ốm yếu, và nhất là các chú sam. Tình trạng lành mạnh của nền thương mại, mà lành mạnh chỉ có một mặt, - tư tưởng thật sự xứng đáng với nhà kinh tế học Anh! Hãy nhìn vào bản báo cáo 6 tháng cuối năm 1857 của Bộ Thương mại Anh, bạn sẽ thấy trong tổng số xuất khẩu về sản phẩm nguyên liệu và sản phẩm công nghiệp thì 30% đổ sang Mỹ, 11% sang Đông Ấn và 10% sang Ô-xtrây-li-a. Giờ đây, thị trường Mỹ đóng cửa lâu dài đối với Anh, thị trường Ấn Độ, nếu không kể hai năm gần đây hàng bị ứ đọng, thì cũng đã suy sút quá nhiều vì khởi nghĩa bùng ra ở Ấn Độ, còn thị trường Ô-xtrây-li-a thì hàng ngập tràn đến nỗi hàng hoá Anh đủ tất cả các loại được bán ở A-đê-lai-đơ, Xít-nây, Men-buốc với giá rẻ hơn ở Luân Đôn, Man-se-xơ hoặc Gla-xgô. Về tình trạng "lành mạnh" trong hoạt động của những nhà công nghiệp Anh đã bị phá sản do khách hàng của họ bỗng nhiên biến mất thì có thể xét theo hai ví dụ. Tại cuộc họp các trái chủ của một chủ nhà máy in hoa ở Gla-xgô, người ta đã phát hiện ra các khoản nợ của ông ta là 116 000 p.xt. còn các khoản có thì thậm chí chưa đến số tiền ít ỏi là 7 000 pao xtéc-linh. Cũng như vậy, một chủ tàu ở Gla-xgô thì khoản có cả thảy là 789 p.xt. còn khoản nợ lên tới 11 800 pao xtéc-linh. Nhưng

đấy chỉ là những trường hợp cá biệt; một điều khác quan trọng là: tình trạng công nghiệp Anh căng thẳng đến nỗi trong khi cuộc tổng khủng hoảng không thể nào tránh khỏi trên các thị trường nước ngoài đã thu hẹp lại, thì tiếp sau đó là sự rung chuyển toàn bộ đời sống xã hội và chính trị của nước Anh. Cuộc khủng hoảng của Mỹ năm 1837 - 1839 đã gây ra sự giảm sút xuất khẩu của Anh từ 12 425 601 p.xt. năm 1836 xuống 4 695 225 p.xt. năm 1837, xuống 7 585 760 p.xt. năm 1838 và xuống 3 562 000 p.xt. năm 1842. Một sự tê liệt giống như vậy đã bắt đầu biểu hiện ngay ở nước Anh. Không còn nghi ngờ gì nữa, ảnh hưởng của nó sẽ hết sức to lớn.

*Do C.Mác viết ngày 6 tháng Mười một 1857
Đã đăng làm xã luận trên báo "New - York
Daily Tribune" số 5176, ngày 21 tháng
Mười một 1857*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

1* - nước Mỹ

C.MÁC

SỰ CHẤN ĐỘNG CỦA NỀN THƯƠNG MẠI ANH²⁵⁶

Sự chấn động mạnh của nền thương mại Anh trong quá trình phát triển tựa như có ba hình thức được biểu hiện rõ: những khó khăn ở các thị trường tiền tệ và hàng hoá ở Luân Đôn và Li-vóc-pun, khủng hoảng ngân hàng ở Xcốt-len và suy thoái công nghiệp ở các khu nhà máy. Những sự kiện nói trên đã được trình bày cặn kẽ trên các báo của chúng tôi vào ngày thứ sáu, dưới hình thức vô số đoạn trích dẫn từ các báo Anh, song ý nghĩa quan trọng và những hệ quả có thể có của chúng thì cần phải tiếp tục nghiên cứu.

Mặc dù chính phủ rất cuộc đã buộc phải đình chỉ hiệu lực của đạo luật năm 1844 về Ngân hàng Anh, như chúng tôi đã dự đoán trong một bài báo trước đây^{1*}, nó vẫn chỉ làm điều đó sau khi ngân hàng, với mưu toan tự cứu, đã cả gan nhận chìm rất nhiều khách hàng của chính mình. Song, cuối cùng, chiều ngày 11 tháng Mười một, các nhà lãnh đạo của ngân hàng đã lập ra một hội đồng quân sự, kết quả của hội đồng này là sự cầu cứu chính phủ; để đáp lại, chính phủ đã quyết định tạm thời đình chỉ hiệu lực của các điều khoản trong đạo luật nói trên. Biện pháp này của nội các sẽ lập tức được đưa ra nghị viện thông qua, nghị viện phải được triệu tập vào cuối tháng. Như chúng tôi đã nêu ra trước đây, việc

1* Xem tập này, tr.401.

đình chỉ hiệu lực của đạo luật này tất phải làm cho tình hình dịu đi chút ít. Nó khắc phục được nạn thiếu hụt tiền tệ giả tạo do đạo luật gây ra bổ khuyết thêm cho nạn thiếu hụt tự nhiên về tiền tệ trên thị trường tiền tệ vào lúc có những chấn động trong thương mại²⁵⁷.

Trong thời gian khủng hoảng hiện nay, Ngân hàng Anh đã năm lần nâng tỷ suất chiết khấu với hy vọng hão là chặn được dòng thác đang cuốn sạch mọi thứ trên đường đi của nó. Ngày 8 tháng Mười, tỷ suất được nâng lên 6%, ngày 12 - lên 7%, ngày 22 - lên 8%, ngày 5 tháng Mười một - lên 9% và ngày 9 - lên 10%. Tốc độ nhanh chóng của sự vận động này tương phản rất rõ với sự vận động đi kèm theo cuộc khủng hoảng năm 1847. Đồng thời tỷ suất chiết khấu tối thiểu được nâng lên 5% vào tháng Tư, lên 5½% vào tháng Sáu, và lên 8% là tột đỉnh của nó vào ngày 23 tháng Mười. Sau đó nó hạ xuống 7% - ngày 20 tháng Mười một, xuống 6% - ngày 4 tháng Chạp và xuống 5% - ngày 25 tháng Chạp. Năm năm tiếp theo là một thời kỳ giảm liên tục tỷ suất chiết khấu hết như tuột trên cầu trượt vậy. Rồi ngày 26 tháng Sáu 1852, tỷ suất xuống tới con số thấp nhất: 2%. Năm năm tiếp theo, từ 1852 đến 1857, diễn ra một sự vận động ngược lại; ngày 8 tháng Giêng 1853 tỷ suất là 2½%, ngày 1 tháng Mười 1853 - 5%; từ lúc đó, qua rất nhiều biến đổi liên tục, rốt cuộc nó đã đạt được mức hiện nay, cho đến bây giờ, những dao động của tỷ suất phần trăm trong vòng 10 năm qua chỉ là những hiện tượng thường vốn có đối với các giai đoạn chu kỳ của thương mại hiện nay. Nói tóm lại, những giai đoạn ấy là: hoàn toàn thu hẹp tín dụng vào năm khủng hoảng, rồi dần dần mở rộng, sự mở rộng này đạt đến mức tối đa của nó khi tỷ suất phần trăm bị hạ xuống mức thấp nhất; bấy giờ lại bắt đầu sự vận động ngược lại, nghĩa là dần dần thu hẹp lại, sự thu hẹp sẽ đạt đến tột đỉnh của nó khi tỷ suất phần trăm được nâng lên tới mức tối đa rồi lại đến năm khủng hoảng. Song nếu nghiên cứu kỹ hơn thì trong nửa cuối thời kỳ hiện nay có thể phát hiện ra một số hiện tượng làm cho nó khác hẳn với tất cả các thời kỳ trước. Trong những năm phồn vinh, từ năm 1844 đến năm 1847, tỷ suất phần trăm ở Luân Đôn lên xuống từ 3 đến 4%, cho nên thời kỳ ấy là một trong những

thời kỳ tín dụng tương đối rẻ. Ngày 10 tháng Tư 1847, tỷ suất phần trăm lên 5%, lúc đó đã bắt đầu khủng hoảng, và sự bùng nổ chung của khủng hoảng chỉ hoãn được có mấy tháng nhờ một loạt thủ đoạn chiến lược. Mặt khác, tỷ suất phần trăm ngày 6 tháng Năm 1854 đã lên tới 5½% lại tụt một cách liên tục xuống 5, 4½%, 4 rồi 3½%; đến con số cuối này thì nó đứng lại từ ngày 16 tháng Sáu tới ngày 8 tháng Chín 1855. Sau đó nó lại trải qua những biến đổi hết như vậy nhưng theo chiều ngược lại, tăng lên 4, 4½% rồi 5% cho đến khi rốt cuộc, vào tháng Mười 1855, đạt đúng điểm mà hồi tháng Năm 1855 nó đã đạt được: 5½%. Sau hai tuần, ngày 20 tháng Mười 1855, nó lên tới 6% đối với những hối phiếu ngắn hạn và tới 7% đối với những hối phiếu dài hạn. Nhưng sau đó lại diễn biến theo chiều ngược lại. Trong suốt năm 1856, tỷ suất chiết khấu lên xuống cho đến khi lại đạt được 6 và 7% vào tháng Mười 1856, nghĩa là đạt điểm mà nó đã đạt được vào tháng Mười năm trước. Ngày 15 tháng Mười một 1856 nó lên đến 7% nhưng không dừng lại ở con số này, mà còn lên xuống mấy lần nữa và có lần suốt ba tháng liền đã giữ được mức 5½%. Nó chỉ đạt được mức 7% lúc đầu vào ngày 12 tháng Mười năm nay, lúc mà cuộc khủng hoảng ở Mỹ bắt đầu ảnh hưởng tới Anh. Từ lúc đó, tỷ suất chiết khấu tăng một cách nhanh chóng và đều đặn, kết quả là rốt cuộc, hầu như phải hoàn toàn đình chỉ các hoạt động thanh toán.

Nói một cách khác, trong suốt nửa cuối thời kỳ từ năm 1848 đến hết năm 1857, dao động của tỷ suất phần trăm mạnh hơn và thường xuyên hơn, còn từ tháng Mười 1855 đến tháng Mười 1857 diễn ra hai năm tiền lên cao giá, bấy giờ dao động của tỷ suất phần trăm này diễn ra trong phạm vi từ 5½ đến 7%. Cũng trong thời gian đó, mặc dù tỷ suất phần trăm cao như thế sản xuất và trao đổi vẫn đều đặn phát triển theo những nhịp độ mà trước đây chưa từng mơ tới. Một mặt, hiện tượng ngoại lệ này có thể giải thích là do kịp thời nhập thêm vàng từ Ô-xơ-rây-li-a và Mỹ, điều đó cho phép Ngân hàng Anh đôi lúc làm dịu được tình hình căng thẳng của mình và mặt khác, rất hiển nhiên là vào tháng Mười 1855, cuộc khủng hoảng tất phải tới, nó đã được trì hoãn nhờ một loạt những chấn động tạm thời và do đó sự bùng nổ

cuối cùng của nó, xét theo cường độ của các triệu chứng và theo mức độ truyền lan, sẽ vượt tất cả những cuộc khủng hoảng đã từng thấy trước đây. Tỷ suất chiết khấu trở về 7% theo chu kỳ vào ngày 20 tháng Mười 1855, ngày 4 tháng Mười 1856 và ngày 12 tháng Mười 1857, sự kiện kỳ thú này hẳn có thể là một bằng chứng khá tin cậy cho tình hình vừa mới nói ở trên, nếu như chúng ta không biết là ngoài ra, năm 1854 nước Anh đã lâm vào tiền khủng hoảng và trên đại lục châu Âu, tất cả những triệu chứng hoảng loạn đã được lặp lại vào tháng Mười 1855 và 1856. Tuy nhiên, xét về đại thể, gạt ra một bên những hoàn cảnh làm nặng nề thêm ấy, thì thời kỳ từ năm 1848 đến hết năm 1857 giống những thời kỳ 1826 - 1836 và 1837 - 1847 một cách đáng kinh ngạc.

Đành rằng người ta nói với chúng tôi rằng, tất cả những điều đó sẽ đổi thay khi thực hiện chế độ tự do thương mại Anh, nhưng nếu điều đó vẫn chưa được chứng minh thì vô luận thế nào cũng đã rõ ràng là những thầy thuốc tự do thương mại chả hơn gì bọn lang băm. Cũng như trước đây, hiện tượng đó thường đã xảy ra, sau một loạt vụ được mùa thì tiếp theo là một loạt vụ thất bát. Mặc dù có phương thuốc vạn ứng tự do thương mại, giá trung bình của lúa mạch và của tất cả những nguyên liệu nông nghiệp khác ở Anh từ năm 1853 đến năm 1857 thậm chí vẫn cao hơn so với thời kỳ từ năm 1820 đến năm 1853; song một điều còn đáng chú ý hơn nữa là nền công nghiệp vào lúc đó, mặc dù giá lúa mì cao, đã có được một quy mô chưa từng thấy, thế mà hiện nay thì tựa như để cắt đứt mọi lý do quanh co có thể có, nó đã trải qua một sự suy sụp chưa từng thấy vào lúc có một vụ mùa thắng lợi.

Bạn đọc của chúng ta đương nhiên sẽ hiểu là tỷ suất chiết khấu 10% hiện nay của Ngân hàng Anh là tỷ suất danh nghĩa thuần túy và lợi tức phần trăm mà người ta thanh toán thực theo chứng khoán loại một ở Luân Đôn đã vượt xa con số này.

"Lãi suất thu được trên thị trường tự do", - tờ "Daily News" viết, - "cao hơn lãi suất ngân hàng rất nhiều".

"Ngân hàng Anh", - tờ "Morning Chronicle" viết, - "bản thân không chiết khấu được 10%, trừ một số trường hợp hãn hữu được xem là ngoại lệ chứ không phải

là bình thường; còn lợi tức phần trăm thu được trên thị trường tự do thì hoàn toàn không tương ứng với tỷ suất chính chức".

"Việc không thể thu được tiền trong bất cứ điều kiện nào với những chứng khoán loại hai và loại ba", - tờ "Morning Herald" viết, - "đã gây ra vô vàn tai hoạ".

"Do toàn bộ tình hình đó" - tờ "Globe"²⁵⁸ viết, - "kinh doanh đi vào chỗ bế tắc; xảy ra những vụ phá sản của những hãng buôn mà khoản có vượt khoản nợ; một cuộc cách mạng toàn diện tựa như đang diễn ra trong thương mại".

Những khó khăn ấy trên thị trường tiền tệ và sự tràn ngập sản phẩm Mỹ đã dẫn tới hiện tượng là giá cả mọi hàng hoá trên thị trường hàng hoá bị hạ thấp. Trong mấy tuần liền giá bông ở Li-vóc-pun hạ 20 - 25%, đường hạ 25%, lúa mì hạ 25%, rồi sau đó tiếp đến cả cà-phê, diêm tiêu, mỡ, da v. v...

"Hầu như không thể chiết khấu hối phiếu và nhận các khoản vay bằng sản phẩm" - tờ "Morning Post" viết.

"Ở Min-xinh-gơ", tờ "Standard"²⁵⁹ viết, - "thương mại hoàn toàn bị đảo lộn. Không có khả năng nào khác để tiêu thụ hàng hoá, ngoài con đường đổi hàng lấy hàng; không thể nói đến chuyện thanh toán bằng tiền".

Nhưng tất cả những tai hoạ này hẳn không thể bắt Ngân hàng Anh phải quỳ gối nhanh chóng đến thế nếu như không xảy ra cơn hoảng loạn của ngân hàng tại Xcốt-len. Ở Gla-xgô, tiếp sau sự phá sản của Ngân hàng phương Tây là sự phá sản của Ngân hàng Thành phố, sự phá sản này đến lượt nó lại làm cho giới tư sản và những người sở hữu cổ phiếu trong giai cấp lao động ulla đến rút tiền ra và rút cuộc, dẫn tới sự hỗn loạn tới bởi buộc huân tước, thị trưởng Gla-xgô phải dùng tới lưỡi lê. Ngân hàng Thành phố ở Gla-xgô là ngân hàng có cái vinh dự được đặt dưới sự quản lý của một nhân vật cao như công tước Ác-gai-lơ, người có một tư bản đã được thanh toán là 1 triệu p.xt, một tư bản dự trữ là 90 595 p.xt., và có chín mươi sáu chi nhánh rải rác khắp cả nước. Những đợt phát hành riêng của nó gồm 7 2921 p.xt, còn những đợt phát hành của Ngân hàng phương Tây ở Xcốt-len gồm 225 292 p.xt; cộng lại là 298 213 p.xt; hoặc khoảng một phần chín tổng số những phương tiện lưu thông hợp pháp ở Xcốt-len. Tư bản của những ngân hàng này phần lớn là gồm những khoản tiền nhỏ của nông dân gửi tiết kiệm.

Cuộc khủng hoảng ở Xcốt-len đương nhiên ảnh hưởng tới Ngân

hàng Anh; ngày 11 tháng Mười một, 30 000 p.xt. được rút từ các tầng hầm của nó để gửi sang Xcốt-len, và ngày 12 tháng Mười một - từ 600 000 đến 700 000 pao xtéc-linh. Ngoài ra còn những khoản tiền khác được rút ra cho những ngân hàng Ai-rơ-len và những khoản tiền gửi lớn của các ngân hàng địa phương Anh phải được trả trở lại, khiến cho cơ quan ngân hàng của Ngân hàng Anh lâm vào tình trạng phá sản đến nơi. Có thể là, đối với hai ngân hàng Xcốt-len nói trên, cuộc tổng khủng hoảng chỉ làm cái cớ để rút khỏi sân khấu một cách lịch sự, bởi vì chúng đã mục ruỗng đến tận xương cốt từ lâu. Vẫn còn lại một sự thật là hệ thống ngân hàng Xcốt-len được ca tụng, đã đứng vững trước những cơn lốc quét sạch các ngân hàng ở Anh và Ai-rơ-len vào những năm 1825 - 1826, 1836 - 1837 và năm 1847, thì nay lần đầu tiên kể từ khi Đạo luật Pin về Ngân hàng Anh có hiệu lực ở Xcốt-len năm 1845, đã đụng phải một đợt rút hàng loạt tiền gửi; là lần đầu tiên tại các ngân hàng Xcốt-len vang lên tiếng hét: "Trả vàng chứ đừng trả giấy!"; và là lần đầu tiên tại Ê-đin-bơ người ta từ chối không chịu nhận cả đến giấy bạc của Ngân hàng Anh. Tư tưởng của những kẻ bảo vệ Đạo luật Pin, những kẻ nghĩ rằng nếu như đạo luật cũng không thể ngăn ngừa được những cuộc khủng hoảng tiền tệ nói chung thì ít ra cũng có thể bảo đảm được việc đổi những giấy bạc nằm trong lưu thông, - tư tưởng này giờ đây không còn có căn cứ nữa, những kẻ giữ giấy bạc chịu chung số phận với những kẻ gửi tiền.

Còn về tình trạng chung của các giới công nghiệp Anh thì hai đoạn trích dẫn sau đây miêu tả rõ nhất - một đoạn trích ở bản thông cáo thương mại Man-se-xtơ, đăng trên tờ "Economist", và đoạn thứ hai trích ở một lá thư riêng từ Mác-cơn-phin gửi tới, đăng trên tờ "Free Press"²⁶⁰ ở Luân Đôn. Bản thông cáo Man-se-xtơ cung cấp một cái nhìn so sánh bao quát về mậu dịch bông trong năm năm lại đây rồi viết tiếp:

"Trong tuần này giá cả mỗi ngày một hạ xuống nhanh hơn. Nhiều mặt hàng không thể báo giá bởi vì không thể tìm ra khách hàng; và nói chung, ngay cả chỗ nào có để giá thì giá đó là do tình hình và tâm trạng lo sợ của chủ hãng định ra đúng hơn là do nhu cầu thực tế. *Nhu cầu hiện thời nói chung là không có.* Thị trường trong nước tích lũy hàng dự trữ nhiều hơn so với số hàng có thể hy vọng

tiêu thụ căn cứ vào triển vọng của mùa đông tới". (Còn về hiện tượng những thị trường bên ngoài tràn ngập hàng hoá thì dĩ nhiên là bản thông cáo lờ tịt). "Tuần làm việc rút ngắn giờ đây được áp dụng khắp mọi nơi tùy theo sự cần thiết; hiện nay *trên một phần năm toàn bộ nền sản xuất* đã phải áp dụng chế độ này. Những lời phản đối việc áp dụng chế độ này về sau mỗi ngày một thưa hơn và *hiện nay thì người ta bàn đến vấn đề là liệu có nên đóng cửa hẳn các nhà máy một thời gian không*".

Phóng viên thông tấn ở Mác-cơ-phin viết:

"Ít ra có 5000 thợ thủ công lành nghề cùng với gia đình, sáng dậy không biết kiếm đâu ra miếng ăn, để thoát cái cảnh túng đói của mình họ bèn cầu cứu cơ quan từ thiện, và vì họ thuộc hạng người nghèo khổ khoẻ mạnh về thể lực cho nên họ phải đứng trước một sự lựa chọn: hoặc đi đập đá để được 4 pen-ni một ngày hoặc đi vào nhà tế bần, nơi mà họ bị đối xử như tù nhân và nơi mà suất ăn nghèo nàn và thiếu vệ sinh đến tay họ qua lỗ hổng ở tường; còn đập đá đối với những người chỉ quen với những vật liệu hết sức mềm mại như lụa thì đề nghị như thế có nghĩa là từ chối giúp đỡ".

Các ký giả Anh thấy trong cuộc khủng hoảng hiện nay ở Anh, so với khủng hoảng năm 1847, có một ưu điểm là nó không mở ra địa bàn rộng lớn cho sự đầu cơ, chẳng hạn như đầu cơ cổ phiếu đường sắt, sự đầu cơ này ắt nuốt hết tư bản. Song, hoàn toàn không phải như vậy. Vấn đề là người Anh đã tham gia rất nhiều vào những vụ đầu cơ ở nước ngoài, ở đại lục châu Âu cũng như ở châu Mỹ, ngay ở nước nhà thì tư bản thừa dư chủ yếu được đầu tư vào các xí nghiệp công nghiệp khiến cho sự chấn động hiện nay mang tính cách một cuộc khủng hoảng công nghiệp hơn bất cứ lúc nào trước đây và bởi vậy nó đánh ngay vào chính gốc rễ của sự phồn vinh dân tộc.

Trên đại lục châu Âu, vì trùng truyền nhiễm lan rộng, một hướng là từ Thụy Điển sang I-ta-li-a, một hướng khác là từ Ma-đrit tới Bu-đa-pét, Hăm-buốc, một trung tâm thương mại lớn nhất của Liên minh thuế quan²⁶¹ cả về xuất khẩu cũng như nhập khẩu và là thị trường tiền tệ chính của toàn thể Bắc Đức, dĩ nhiên đã phải chịu đòn đầu tiên. Còn Pháp, thì Ngân hàng Pháp đã nâng tỷ suất chiết khấu của mình ngang mức tỷ suất chiết khấu của Ngân hàng Anh; những đạo luật cấm nhập khẩu ngũ cốc đã

bị bãi bỏ²⁶²; tất cả những tờ báo ở Pa-ri đều nhận được lời cảnh cáo mật là không được biểu lộ thái độ bi quan. Những kẻ đổi chác bị cảnh binh đe dọa, và bản thân Lu-i Bô-na-pác-tơ muốn thông báo với thần dân của mình trong một bức thư lời lẽ khá huyênh hoang, là ông ta không cảm thấy mình phải sẵn sàng đối phó với một coup d'état^{1*} tài chính và bởi vậy, "tai họa chỉ có trong trí tưởng tượng mà thôi"²⁶³.

Do C.Mác viết ngày 13 tháng Mười một 1857

Đã đăng trên báo "New - York Daily Tribune" số 5183, ngày 30 tháng Mười một 1857

In theo bản đăng trên báo

Nguyên văn là tiếng Anh

1* - nghĩa đen: đảo chính; ở đây là: biến động

PH.ĂNG-GHEN

*ĐÁNH CHIẾM ĐÊ-LI

Chúng tôi không có ý định hòa vào bản hợp xướng nhiều bè ồn ào ở Anh, bản hợp xướng đang cao giọng tâng bốc tận chín tầng mây lòng dũng cảm của quân đội đã tấn công chiếm được thành Đê-li. Không một dân tộc nào, cả đến người Pháp, cũng không thể sánh được với người Anh về cái tài dương dương tự đắc - nhất là khi nói về lòng dũng cảm. Thế nhưng phân tích các sự kiện thì trong chín mươi chín trường hợp trên một trăm, cái vĩ đại của chủ nghĩa anh hùng này sẽ rất nhanh chóng bị quy về những quy mô rất tầm thường; cho nên mỗi một người có đầu óc minh mẫn tất phải lấy làm khó chịu về sự cố công bòn rút lợi lộc từ cái dũng cảm của người khác, rất đặc trng đối với paterfamilias^{1*} Anh, là người cứ ung dung tự tại ngồi ở nhà và hết sức căm ghét tất cả những gì đe dọa anh ta bằng cơ may đạt được vinh quang quân sự, lại đang tìm cách làm cho mình tham gia vào sự dũng cảm biểu hiện trong cuộc tấn công Đê-li, sự dũng cảm không thể tranh cãi, nhưng chẳng lấy gì làm phi thường cho lắm.

Nếu đem so sánh Đê-li với Xê-va-xtô-pôn thì đương nhiên chúng ta buộc lòng phải thừa nhận rằng quân Xi-pai không sánh được với quân Nga; rằng không một cuộc đột kích nào của họ vào doanh trại quân Anh lại có thể so sánh xa xa với In-ke-rơ-man²⁶⁴; rằng

1* - người bố trong gia đình

ở Đê-li không có Tốt-tơ-lê-bên; rằng, dù cho mỗi người lính và mỗi đại đội Xi-pai trong đa số trường hợp có chiến đấu dũng cảm đến đâu, thì hầu như tất cả các tiểu đoàn của họ - chưa nói đến lữ đoàn và sư đoàn - đều không có ban chỉ huy nào hết; rằng bởi vậy mà sự phối hợp trong những hành động của họ không vượt quá một đại đội; rằng họ không có lấy một mảy may yếu tố của khoa học quân sự mà hiện nay, nếu không có khoa học này thì bất cứ quân đội nào cũng bất lực và sự phòng thủ bất cứ một thành phố nào cũng hoàn toàn vô hy vọng. Thế nhưng sự chênh lệch về lực lượng và phương tiện chiến tranh, ưu thế của người Xi-pai đối với người Âu về khả năng họ chịu đựng được khí hậu Ấn Độ, tình trạng quân đội công hãm Đê-li có lúc ít quân số một cách cực kỳ nghiêm trọng, - tất cả những điều đó làm giảm bớt những sự khác biệt nói trên và đương nhiên cho phép so sánh hai cuộc công hãm với nhau (nếu gọi những hoạt động ấy là một cuộc công hãm). Xin nhắc lại, chúng tôi không xem cuộc tấn công Đê-li là một hành vi dũng cảm phi thường, anh hùng siêu việt nào đó, mặc dù, cũng như trong mọi cuộc giao tranh, những chiến công riêng biệt tất nhiên đều được tiến hành ở cả hai bên; chúng tôi chỉ khẳng định là, quân đội Anh - Ấn công hãm Đê-li đã biểu thị thái độ bền bỉ, ngoan cường, khôn ngoan và khéo léo hơn so với quân đội Anh trong trận thủ sức giữa Xê-va-xtô-pôn và Ba-la-cla-va²⁶⁵. Sau trận In-ke-rơ-man, quân đội Anh đã chuẩn bị sẵn sàng quay trở lại tàu, và chắc chắn họ sẽ làm như vậy nếu như không có người Pháp. Trong khi đó thì quân công hãm Đê-li, những đội quân bị thôi thúc rút lui bởi thời tiết và những bệnh dịch chết người xảy ra do thời tiết ấy, bởi giao thông bị phá hoại và mọi hy vọng về quân cứu viện chóng đến đều không có, và cả bởi tình hình chung ở vùng Thượng Ấn, dẫu họ có cân nhắc đến cái lợi hại của biện pháp này, nhưng dù sao chẳng nữa, cuối cùng họ vẫn giữ vững vị trí của mình.

Khi cuộc khởi nghĩa đã đạt tới quy mô rộng lớn nhất, người Anh trước hết cần đến những đội quân cơ động ở vùng Thượng Ấn. Chỉ có hai toán quân thích hợp cho mục đích này: một toán nhỏ của Ha-vơ-lốc, người mà chẳng bao lâu đã tỏ ra là không đáp ứng với nhiệm vụ đặt ra, và một đội quân đóng gần Đê-li. Xét

theo quan điểm quân sự, trong hoàn cảnh bấy giờ mà đóng quân gần Đê-li, làm cho lực lượng hiện có bị hao hụt trong những trận chiến đấu vô ích với một kẻ thù khi ẩn khi hiện là một sai lầm; ở trạng thái vận động quân đội ít có giá trị gấp bốn lần so với đóng tại chỗ; nó hẳn đã có thể tảo thanh toàn bộ vùng Thượng Ấn, trừ Đê-li, phục hồi giao thông, làm thất bại hoàn toàn tất cả những ý đồ tập trung lực lượng của nghĩa quân và bấy giờ thì việc Đê-li thất thủ ít là kết quả giản đơn và đạt được dễ dàng của tất cả những hoạt động ấy, - tất cả những điều nói trên là những sự kiện không phải bàn cãi gì nữa. Song những lý do chính trị đã không cho phép bãi bỏ việc công hãm Đê-li. Điều đáng khiển trách chính là những kẻ thông minh trong đại bản doanh bộ tổng chỉ huy đã gửi quân tới Đê-li, chứ không phải khiển trách tinh thần bền bỉ của quân đội này, một quân đội đã kiên trì cố thủ một khi nó đã đến đóng ở đấy. Đồng thời, nên nhớ rằng mùa mưa nhiệt đới ảnh hưởng tới quân đội này một cách yếu ớt hơn nhiều so với điều người ta chờ đợi, rằng nếu như những bệnh tật gắn liền với những hoạt động quân sự tích cực vào mùa này đã lan rộng dù là gần đến mức thông thường thì việc quân đội rút lui hoặc tan rã ít không thể tránh khỏi. Đến cuối tháng Tám quân đội đã lâm vào tình thế nguy ngập. Sau đó viện binh đã bắt đầu đến; thế nhưng những bất hoà nội bộ ngày càng làm suy yếu phe nghĩa quân. Vào đầu tháng Chín giàn pháo công hãm đã đến, và từ phòng thủ quân Anh chuyển sang tấn công. Ngày 7 tháng Chín khẩu đội thứ nhất khai hoả, và chiều ngày 13 đã mở được hai đợt phá khẩu khá rộng để tấn công. Bấy giờ chúng ta xét xem có những sự kiện gì xảy ra trong suốt khoảng thời gian ấy.

Nếu như vì mục đích ấy mà chúng ta buộc phải dựa vào bản báo cáo chính thức của tướng Uyn-xơn, thì chúng ta thật sự sẽ lâm vào một tình thế cực kỳ khó khăn. Báo cáo của ông ta cũng mập mờ như những tài liệu trước kia lấy từ đại bản doanh bộ tư lệnh Anh đóng ở Crum. Trên đời chẳng có ai lại có thể căn cứ vào báo cáo này mà xác định vị trí của cả hai đợt phá khẩu hoặc vị trí tương hỗ và trình tự chiến đấu của các đội tấn công. Còn những báo cáo riêng tư thì dĩ nhiên là trong đó đầy rẫy những

nhầm lẫn tệ hại hơn nữa. May thay, một trong những sĩ quan có hiểu biết và có học thức trong thành phần của công binh và pháo binh Ben-gan, những người mà hầu như toàn bộ chiến dịch thu được thắng lợi là nhờ họ, đã đăng trên tờ "Bom bay Gazette"²⁶⁶ một bản báo cáo về những sự kiện đã xảy ra, bản báo cáo này vừa sáng rõ và thiết thực, vừa giản đơn và không vũ đoán. Trong suốt cuộc Chiến tranh Crum không thể tìm ra một sĩ quan Anh nào khả dĩ miêu tả được rõ ràng đến như vậy. Tiếc rằng viên sĩ quan này đã bị thương ngay vào ngày đầu của cuộc tấn công và bức thư của Anh kết thúc ở đây. Bởi vậy diễn biến về sau của các sự kiện vẫn hoàn toàn chưa được sáng tỏ đối với chúng ta.

Người Anh đã tăng cường củng cố Đê-li chỉ đến mức họ có thể chịu đựng được sự vây hãm của một đội quân châu Á. Theo những khái niệm hiện đại của chúng ta thì Đê-li vị tất đã xứng với cái tên pháo đài: nó chỉ được bảo vệ chống sự tấn công bằng mũi nhọn của những đội quân đã chiến. Thành đá của nó cao 16 phút, dày 12 phút, bên trên có một cái lũy dày 3 phút và cao 8 phút, không kể lũy, có 6 phút nền đá không được che chắn bằng ụ đất, lúc công kích quân tấn công có thể nhằm thẳng vào thành mà nã pháo. Tường công sự hẹp đến nỗi chỉ có thể đặt súng trong các pháo đài và trong các ngọn tháp Mác-ten-lô. Những ngọn tháp này hoàn toàn không đủ để yểm hộ mạn sườn cho thành và vì chọc thủng lũy đá dày 3 phút bằng pháo công hãm không khó gì (thậm chí có thể dùng pháo dã chiến cũng được), cho nên việc buộc pháo binh của quân thủ thành và nhất là buộc đại bác yểm trợ sườn hào phải câm bật là điều rất dễ. Giữa thành với hào có một vành đai rộng hoặc là một con đường bằng phẳng khiến cho việc mở một đợt phá khẩu rộng cho cuộc tấn công trở nên dễ dàng hơn, và trong những điều kiện như vậy thì hào không còn là coupe-gorge^{1*} đối với bất cứ toán quân nào rơi vào đấy, mà trở thành chỗ tạm nghỉ và chĩnh đốn đội ngũ đối với tất cả những đơn vị mà hàng ngũ có thể bị xộc xệch trong lúc tấn công vào chân thành.

Tấn công vào một thành như vậy mà sử dụng những đường hào thông thường theo các quy tắc công hãm thì hẳn là một điều

1* - chỗ nguy hiểm

ngu xuẩn, ngay cả khi có hẳn hai điều kiện cần thiết bậc nhất cho việc đó, nghĩa là có binh lực khá dồi dào để có thể vây kín bốn mặt thành cũng vậy. Trong tình hình chung của các công sự, trong tình trạng quân thủ thành bị rối loạn và tinh thần suy sụp nghiêm trọng thì bất cứ phương thức tấn công nào khác ngoài phương thức mà quân tấn công đã chọn - đều sai lầm nặng. Phương thức này rất quen thuộc với các nhà quân sự dưới cái tên gọi là tấn công bằng mũi nhọn (attaque de vive force). Ngoài ra vì các công sự có thể làm cái lá chắn cản sự tấn công bằng mũi nhọn chỉ khi quân công hãm không có trọng pháo, cho nên chúng sẽ bị pháo binh công phá thẳng thừng; đồng thời phần bên trong của pháo đài bị pháo kích liên tục, và một khi những đợt phá khẩu ở tường thành trở nên khá rộng thì các đội quân lao vào cuộc tấn công ngay.

Cuộc tấn công đã hướng vào đoạn thành phía bắc nằm đối diện với doanh trại quân Anh. Đoạn này gồm có hai thành nổi, ba pháo đài và tạo ra một góc lõm nhỏ ở pháo đài trung tâm (pháo đài Ca-sơ-mia). Đoạn phía đông, từ pháo đài Ca-sơ-mia đến pháo đài Nước, ngắn hơn và nhô ra đôi chút so với đoạn phía tây, giữa pháo đài Ca-sơ-mia và pháo đài Mô-ri. Khoảng không gian trước pháo đài Ca-sơ-mia và pháo đài Nước bị che phủ bởi những lùm cây thấp, những vườn tược, nhà cửa, v.v. chưa bị quân Xi-pai phá đi và dùng làm vật che chắn cho những kẻ tấn công. (Điều này giải thích tại sao quân Anh thường có thể theo dõi quân Xi-pai dưới hỏa lực đại bác của pháo đài, điều mà bây giờ được xem là đúng cảm vô song thực ra chỉ là một việc ít nguy hiểm vì quân Anh có được sự che chắn ấy). Ngoài ra, ở khoảng cách độ 400 hoặc 500 i-ác-đơ từ vị trí này, theo cùng hướng với tường thành, có một khe sâu chạy qua, đây là đường hào dọc tự nhiên để tấn công. Thêm vào đấy, vì dòng sông có thể làm chỗ dựa tuyệt vời cho cánh trái của quân Anh cho nên việc chọn đoạn tường hơi nhô ra đằng trước giữa pháo đài Ca-sơ-mia với pháo đài Nước làm điểm chính để tấn công, là điều hết sức có lợi. Đồng thời người ta đã tiến hành một cuộc tấn công thao diễn vào bức thành nổi và những pháo đài phía tây và cuộc thao diễn này thành công đến mức là quân Xi-pai phải điều lực lượng chủ yếu của mình ra để chống đỡ. Họ tập trung một toán quân mạnh ở vùng ngoại ô ngoài cổng

thành Ca-bun nhằm uy hiếp cánh phải của quân Anh. Cách điều quân như vậy của họ hẳn là hoàn toàn đúng và rất có hiệu quả nếu như đoạn thành nổi phía tây giữa pháo đài Mô-ri với pháo đài Ca-sơ-mia bị uy hiếp dữ dội nhất. Vị trí bọc sườn của quân Xi-pai hẳn là có ưu thế khi làm phương tiện phòng ngự tích cực, bởi vì mỗi một toán tấn công khi vận động lên phía trước ắt sẽ lập tức bị họ đánh tạt sườn. Song cái lợi của vị trí này không gây được ảnh hưởng gì đối với vị trí bức thành nổi phía đông giữa pháo đài Ca-sơ-mia và pháo đài Nước và như vậy việc chiếm giữ vị trí này chỉ làm cho đơn vị tinh nhuệ của lực lượng thủ thành bị cách xa địa điểm quyết định.

Việc lựa chọn vị trí cho các pháo đội, cơ cấu của chúng, trang bị và tổ chức phục vụ của chúng đáng khen ngợi vô cùng. Quân Anh có khoảng 50 đại bác và súng cối, tập trung thành những pháo đội mạnh và được che kín sau những lũy vững chắc, đáng tin cậy. Quân Xi-pai, theo những báo cáo chính thức, ở khu bị tấn công có 55 đại bác, song chúng bị phân tán ra ở những pháo đài nhỏ và những ngọn tháp Mác-ten-lô, cho nên không thể hành động phối hợp với nhau được và chúng chỉ được che chở sơ sài bằng lũy thấp độ 3 phút. Chắc chắn là chỉ vài giờ cũng đủ để buộc pháo binh của quân bị bao vây phải câm bặt và sau đó thì không còn phải làm gì nhiều nữa.

Ngày 8, khẩu đội thứ nhất với 10 đại bác đã khai hỏa cách thành 700 i-ác-đơ. Trong đêm sau, cái khe đã nói ở trên được biến thành một loại chiến hào, ngày 9, vùng đất gồ ghề và những nhà cửa ở trước khe này bị chiếm lĩnh mà không có đề kháng, ngày 10 thì khẩu đội hai với 8 đại bác bắt đầu hoạt động. Khẩu đội này bố trí cách thành khoảng 500 hoặc 600 i-ác-đơ. Ngày 11, khẩu đội ba được bố trí rất táo bạo và tài tình, cách pháo đài Nước 200 i-ác-đơ, trên vùng đất gồ ghề, đã khai hỏa với 6 đại bác; đồng thời 10 khẩu pháo cối hạng nặng đã bắn vào thành phố. Chiều ngày 13, tin tình báo cho hay là hai đợt phá khẩu: một ở thành nổi tiếp sườn phải pháo đài Ca-sơ-mia, một ở mặt trái và sườn trái pháo đài Nước - đã khá rộng để tấn công, bấy giờ người ta bèn hạ lệnh tấn công. Ngày 11, quân Xi-pai bố trí một hào cản ở chân thành giữa hai pháo đài đang bị uy hiếp này và đào một chỗ

nấp bắn cách khẩu đội Anh độ ba trăm năm mươi i-ác-đơ. Ngoài ra, từ vị trí ở sau cổng thành Ca-bun, họ vận động lên tấn công mạn sườn. Song những mưu toan phòng ngự tích cực này được thực hiện một cách không có kế hoạch chung, không liên lạc với nhau và không có khí thế cho nên chẳng đi đến kết quả gì.

Rạng ngày 14, năm toán quân Anh mở cuộc tấn công. Một toán ở sườn phải, có nhiệm vụ giao chiến với toán Xi-pai ở cổng thành Ca-bun, và nếu như thắng lợi thì tấn công cổng thành La-ho. Đánh vào mỗi đợt phá khẩu là một toán, một toán thì có nhiệm vụ đánh vào cổng thành Ca-sơ-mia để phá cổng, một toán nữa được làm dự bị. Hoạt động của tất cả các toán quân ấy, trừ toán thứ nhất, đều thu được thắng lợi. Các đợt phá khẩu được bảo vệ tương đối yếu, nhưng sự đề kháng trong những căn nhà tiếp giáp với tường thành lại rất ngoan cường. Nhờ có lòng dũng cảm của một sĩ quan và ba trung sĩ công binh (bởi lẽ đây là lòng dũng cảm *thật sự*) nên đã phá tung được cổng thành Ca-sơ-mia, và như vậy, toán quân tác chiến ở đây cũng lọt được vào thành phố. Đến chiều, toàn bộ khu vực phía bắc đã nằm trong tay quân Anh. Song tướng Uyn-xơn đã ngừng tiến quân ở đây. Cuộc tấn công lộn xộn được đình chỉ, đại bác bố trí thành cụm và nã vào tất cả những vị trí mạnh bên trong thành phố. Những trận đánh thực sự ít xảy ra, trừ cuộc tấn công vào kho vũ khí. Nghĩa quân mất tinh thần và bắt đầu lũ lượt rời bỏ thành phố. Uyn-xơn thận trọng tiến vào thành phố; sau ngày 17, ông ta hầu như không gặp phải sự chống cự nào và hoàn toàn chiếm lĩnh thành phố vào ngày 20.

Chúng tôi đã phát biểu ý kiến của mình về hoạt động của bên tấn công. Còn về những kẻ giữ thành thì mưu toan mở những cuộc phản công, vị trí bọc sườn ở cổng thành Ca-bun, những đường hào cản, những hố nấp bắn - tất cả những cái đó chứng tỏ rằng quân Xi-pai cũng có những khái niệm nào đó về nghệ thuật quân sự; song những khái niệm này hoặc chưa thật rõ ràng, hoặc chưa thật nắm vững, và bởi vậy quân Xi-pai không thể đem vận dụng chúng một cách có hiệu quả đáng kể. Dĩ nhiên khó mà xác định được là những khái niệm này xuất phát từ chính những người Ấn Độ hay từ một số người Âu hoạt động bên phía họ; song có một điều không còn nghi ngờ gì là: những mưu toan này

dù chúng không được hoàn thiện đến đâu chăng nữa thì về cơ bản vẫn rất giống với cách phòng ngự tích cực ở Xê-va-xơ-pôn; việc thực hiện những mưu toan này trông tưởng như là có một sĩ quan người Âu nào đó đã vạch ra cho quân Xi-pai một kế hoạch đúng đắn, nhưng hoặc là chính bản thân người Xi-pai không đủ trình độ thấu triệt được tư tưởng của kế hoạch này hoặc là chính sự rối loạn và thiếu chỉ huy đã làm cho những đồ án hết sức thực tế biến thành những mưu toan yếu ớt và không có hiệu quả.

*Do Ph. Ăng-ghe-ni viết ngày 15 tháng
Mười một 1857*

*Đã đăng làm xã luận trên báo "New -
Hork Daily Tribune" số 5188, ngày 5
tháng Chạp 1857*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

*KHỦNG HOẢNG THƯƠNG MẠI Ở ANH

Trong khi chúng ta đang đứng bên này bờ đại dương mà tấu khúc dạo đầu nhỏ nhỏ của chúng ta cho cái bản giao hưởng vĩ đại về sự phá sản sau đó vang lên đỉnh tai nhức óc trên toàn thế giới, thì người bạn đồng nghiệp kỳ quặc của chúng ta, báo "Times" ở Luân Đôn lại dạo những khúc biến tấu hoa mỹ trang trọng về chủ đề "tình trạng lành mạnh" của nền thương mại Anh. Tuy vậy, giờ đây "Times" đang chuyển sang một giọng khác, thấp hơn. Trong một số báo gần đây, ra ngày 26 tháng Mười một, do chiếc tàu "châu Âu" cập bến đầy hạnh phúc của chúng ta vào chiều qua mang tới, tờ báo này tuyên bố là "các giai cấp thương mại của nước Anh đã bị bệnh tật làm cho quỵ hẳn". Sau đó tỏ ra cực kỳ phấn nộ về mặt đạo đức, tờ báo kêu lên rằng:

"Chính việc chạy đua trong thương mại và công nghiệp gây một ảnh hưởng xấu đến sự phát triển của chúng trong suốt tám hay chín năm phần thịnh, đến nay vẫn chưa kết thúc, và đã dẫn tới tai hoạ khủng khiếp. Chính sự ra đời của lũ đầu cơ lòng tham không đáy và bọn phát hành tín phiếu giả mà người ta đã ca tụng là mẫu mực của tài kinh doanh có hiệu quả kiểu Anh, khiến cho thiên hạ mất tin tưởng vào những phương thức làm giàu từ từ trong hoạt động kinh doanh lương thiện, - chính cái đó đã trở thành một nguồn chất độc. Phạm vi ảnh hưởng của mỗi một lò đồi bại trong những lò đã được tạo ra bằng cách đó, ngày càng mở rộng".

Chúng tôi không có ý định bây giờ bàn đến vấn đề xét xem các nhà báo Anh có đúng hay không suốt một chục năm trời họ đã

một mực nhắc đi nhắc lại rằng cùng với việc thực thi tự do thương mại, thời đại của những chấn động thương mại đã vĩnh viễn kết thúc; giờ đây họ có đúng hay không khi từ những kẻ tán dương hèn hạ bỗng nhiên họ biến thành những nhân viên thanh tra La Mã đang lên án những phương thức làm giàu hiện đại. Những con số báo cáo tại hội nghị các trái chủ vừa mới họp ở Xcốt-len sau đây có thể dùng làm một lời bàn xác thực về "tình trạng lành mạnh" của nền thương mại Anh.

Khoản nợ vượt khoản có

(tính theo pao xtéc-ling)

Công ty Giôn Môn-tít.....	430 000
Đ. và T.Mác-đô-nan	334 000
Công ty Uy-li-am Xmit	104 000
Công ty Hốt-phri, Pát-ti-xơn.....	240 000
Công ty T.Tơ-rê-he-xơ, Rô-bin-xơn	75 000
Tổng cộng	1 183 000

"Từ những con số nêu trên", - tờ "North British Mail"²⁶⁷ viết, - "chúng ta thấy rõ là các trái chủ của năm hãng buôn này đã mất 1 183 000 p.xt. theo lời khai của chính những kẻ vô nợ".

Song ngay cả sự kiện là, những cuộc khủng hoảng, bất chấp tất cả các bài học của quá khứ, vẫn được lặp lại đều đặn sau những quãng thời gian nhất định, cũng không cho phép coi nguyên nhân cuối cùng của chúng là do thái độ khinh suất của cá nhân. Nếu như trước lúc khởi phát một thời kỳ thương mại nhất định nào đó mà hoạt động đầu cơ lại bước lên sân khấu với tư cách là điểm trực tiếp báo trước cuộc khủng hoảng thì chớ có quên rằng bản thân hoạt động đầu cơ được sản sinh trong những giai đoạn trước đó của cũng thời kỳ này và bởi vậy chính nó là hậu quả và biểu hiện chứ không phải là nguyên nhân cuối cùng và bản chất. Các nhà kinh tế - chính trị tìm cách lấy sự đầu cơ để giải thích những hiện tượng thu hẹp thường xuyên xảy ra trong công nghiệp và thương mại, cũng giống như trường phái hiện đang tàn tạ của các nhà triết học tự nhiên cho rằng nguyên nhân thực sự gây ra mọi bệnh tật là sốt rét.

Trung tâm cuộc khủng hoảng ở châu Âu cho đến nay vẫn là nước Anh, song chính ngay ở Anh, tính chất khủng hoảng đã thay đổi đúng như điều chúng tôi dự kiến^{1*}. Nếu như phản ứng đầu tiên của Anh đối với nạn khủng hoảng ở Mỹ được biểu hiện dưới hình thức một sự hoảng loạn về tiền tệ kèm theo sự suy thoái chung trên thị trường hàng hoá, rồi sau đó ít lâu là sự đình đốn của công nghiệp, thì giờ đây khủng hoảng công nghiệp lại nổi lên hàng đầu, còn khó khăn về tài chính lại lùi xuống hàng thứ yếu. Nếu như có lúc lò lửa gây hoạ đã từng xuất hiện ở Luân Đôn thì giờ đây lò lửa đó chuyển tới Man-se-xơ. Con chấn động nghiêm trọng nhất mà trước đây công nghiệp Anh từng trải qua và là con chấn động duy nhất, kéo theo những biến động xã hội lớn lao - cuộc khủng hoảng công nghiệp từ năm 1838 đến hết năm 1843 - chỉ một thời gian rất ngắn, đúng là vào năm 1839, đã kéo theo sự thu hẹp của thị trường tiền tệ; còn phần lớn thời kỳ này, tỷ suất chiết khấu vẫn thấp và thậm chí còn tụt xuống $2\frac{1}{2}$ và 2%. Chúng tôi nêu sự kiện này không phải vì cho rằng việc cải thiện tương đối tình hình trên thị trường tiền tệ Luân Đôn là triệu chứng của sự khởi bệnh hoàn toàn của nó, mà chỉ nhằm chỉ ra rằng trong một nước công nghiệp như nước Anh thì những dao động trên thị trường tiền tệ tuyệt nhiên không phản ánh sức mạnh cũng như quy mô của khủng hoảng thương mại. Chẳng hạn, hãy so sánh báo Luân Đôn với báo Man-se-xơ vào cùng một ngày. Các báo Luân Đôn chỉ theo dõi tình hình vàng xuất và nhập như thế nào, mừng rỡ khôn xiết khi Ngân hàng Anh "củng cố được địa vị của mình" bằng cách mua thêm vàng. Các báo Man-se-xơ thì ảm đạm hơn mây đen, vì họ cảm thấy rằng sự củng cố này đạt được nhờ vào túi tiền của họ, nghĩa là bằng cách nâng tỷ suất phần trăm và hạ giá sản phẩm của họ. Bởi vậy ngay cả ngài Tu-cơ, tác giả cuốn "Lịch sử giá cả"²⁶⁸, dù ông ta có am hiểu những hiện tượng của thị trường tiền tệ Luân Đôn và thị trường thuộc địa sâu sắc đến đâu cũng vẫn không thể miêu tả được, chứ đừng nói gì đến việc hiểu, những hiện tượng cơ thất xảy ra ở ngay trong trái tim của nền sản xuất Anh.

Còn thị trường tiền tệ của Anh thì lịch sử của nó trong một tuần - kết thúc vào ngày 27 tháng Mười một, chỉ ra, một mặt, sự

luân phiên thay thế thường xuyên giữa những ngày có phá sản và những ngày không, và mặt khác, sự cải thiện của tình hình Ngân hàng Anh và sự suy sụp của các ngân hàng địa phương Noóc-tôm-bóc-len và Đốc-hêm. Ngân hàng Đốc-hêm được thành lập cách đây 21 năm, có 408 cổ đông và chi phối số tư bản được thanh toán là 562 891 p.xt., có tổng cục đóng ở Niu-ca-lơ và các chi nhánh tại An-ních, Bê-ric, Hếch-xem, Moóc-pết, Noóc-tơ-sin-xơ, Xau-tơ-sin-xơ, Xan-đéc-len-đơ và Đốc-hêm. Những trái khoán của nó hiện nay có tới ba triệu p.xt., chỉ riêng một khoản tiền lương hàng tuần được thanh toán thông qua nó cũng đã tới 35 000 pao xtéc-linh. Ngân hàng Đốc-hêm mà phá sản thì tất nhiên hệ quả đầu tiên sẽ là những mỏ than đá lớn và những nhà máy luyện kim mà ngân hàng này cấp tiền sẽ ngừng hoạt động. Thế có nghĩa là hàng nghìn công nhân sẽ lâm vào cảnh thất nghiệp.

Ngân hàng Anh, theo những tin tức chúng tôi nắm được, đã tăng dự trữ kim ngân tới khoảng 700 000 pao xtéc-linh. Sự ứ ngập vàng như vậy, một phần do đình chỉ việc xuất vàng sang Xcốt-len, một phần do vàng từ nước này^{1*} và nước Nga tới, và cuối cùng, do vàng của Áo đưa sang. Không có gì lạ trong sự vận động này cả, vì một điều rất rõ là khi nâng tỷ suất phần trăm, Ngân hàng Anh thường giảm nhập khẩu, tăng xuất khẩu, thu về một phần tư bản của Anh đầu tư ở nước ngoài và bởi vậy, làm thay đổi cán cân thương mại có lợi cho Anh và gây ra hiện tượng một số lượng vàng và bạc nào đó đổ dồn vào nước Anh. Nhưng có thể dự đoán cũng chắc chắn như vậy, là chỉ cần giảm nhẹ chút ít những điều kiện chiết khấu thì vàng lại sẽ bắt đầu chảy ra nước ngoài. Chỉ còn một điều chưa rõ - ngân hàng sẽ giữ cho những điều kiện này có hiệu lực trong thời gian bao lâu.

Những báo cáo chính thức của bộ thương mại trong tháng Mười, nghĩa là trong một tháng, mà tỷ suất chiết khấu tối thiểu được nâng thoát đầu lên 6%, rồi sau đó lên 7 và 8%, chứng minh rõ ràng là hệ quả đầu tiên của việc làm này không phải là đình chỉ hoạt động công nghiệp, mà là tăng cường xuất khẩu hàng hoá Anh sang các thị trường nước ngoài và giảm bớt nhập khẩu hàng ngoại.

Mặc dù có khủng hoảng ở Mỹ, xuất khẩu trong tháng Mười

1* Xem tập này, tr.410.

1* nước Mỹ.

1857 tăng 318838 p.xt., so với tháng Mười 1856, nhưng sự giảm bớt đáng kể mức tiêu dùng về tất cả các loại thực phẩm và xa xỉ phẩm đã nêu trong cũng những bản báo cáo ấy chứng tỏ rằng hiện tượng tăng xuất khẩu nói trên về sản phẩm công nghiệp là không sinh lợi và tuyệt nhiên không phải là hệ quả tự nhiên của sự phồn vinh công nghiệp. Ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng đối với công nghiệp Anh sẽ được thấy rõ qua những báo cáo gần đây nhất của bộ thương mại. So sánh những bản báo cáo từng tháng tách biệt, từ tháng Giêng đến hết tháng Mười, ta thấy rõ là nền sản xuất của Anh đã đạt tới điểm phát triển cao nhất của nó vào tháng Năm, là lúc xuất khẩu cao hơn mức xuất khẩu hồi tháng Năm 1856 là 2 648 904 pao xtéc-linh. Vào tháng Sáu liền sau khi nhận được những tin tức đầu tiên về cuộc khởi nghĩa ở Ấn Độ thì sản xuất nói chung tụt xuống thấp hơn mức cũng tháng này năm 1856, còn xuất khẩu so với tháng này giảm 30 247 pao xtéc-linh. Tháng Bảy, mặc dù thị trường Ấn Độ bị thu hẹp, nền sản xuất không những vẫn đạt được mức cũng tháng này năm 1856, mà còn vượt cả mức đó với số tiền đáng kể là 2 233 306 pao xtéc-linh. Bởi vậy, trong tháng Bảy những thị trường khác tất phải tiêu thụ - ngoài số lượng hàng hoá mà thông thường chúng vẫn tiêu thụ - không những số hàng thường vẫn gửi sang Ấn Độ, mà cả số hàng lớn hơn nhiều so với số mà nước Anh thường sản xuất cho chúng. Bởi vậy, thị trường nước ngoài trong tháng này rõ ràng là ngập đầy hàng đến mức tổng giá trị xuất khẩu bắt đầu hạ xuống một cách liên tục khoảng từ hai, ba triệu, xuống 885 513 p.xt., vào tháng Tám, xuống 852 203 p.xt., vào tháng Chín và xuống 318 838 p.xt. vào tháng Mười. Việc nghiên cứu các bản báo cáo của Anh về thương mại sẽ đem lại lời giải đáp đúng đắn duy nhất cho bí mật của cuộc khủng hoảng mà nước Anh đang phải trải qua.

*Do C.Mác viết ngày 27 tháng Mười một 1857
Đã đăng làm xã luận trên báo "New - York
Daily Tribune" số 5196, ngày 5 tháng Chạp
1857*

*Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu
In theo bản đăng trên báo*

C.MÁC

*KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH Ở CHÂU ÂU

Bừu kiện đến sáng hôm qua cùng những chiếc tàu "Ca-na-đa" và "A-dri-a-tích" đã làm cho chúng ta nhớ lại lịch sử khủng hoảng tài chính châu Âu trong một tuần. Có thể tóm tắt lịch sử đó rất ngắn gọn. Hăm-buốc vẫn còn là trung tâm của cuộc khủng hoảng ít nhiều đã tác động đến nước Phổ một cách gay gắt và dần dần đưa thị trường tiền tệ Anh vào tình trạng bấp bênh, mà từ đó hình như nó lại bắt đầu hồi phục. Những tiếng vọng xa xôi của cơn bão táp đã từ Tây Ban Nha và I-ta-li-a vang tới. Sự tê liệt của hoạt động công nghiệp và hậu quả là cảnh bán cùng của giai cấp công nhân lan rộng nhanh chóng trên toàn châu Âu. Mặt khác, nước Pháp vẫn tiếp tục đề kháng được chút ít chống lại sự gây nhiễm này - điều đó đã đặt ra cho những ai nghiên cứu chính trị kinh tế học một bài đố mà tìm ra lời giải còn khó hơn là giải quyết chính ngay vấn đề tổng khủng hoảng.

Người ta cho rằng cuộc khủng hoảng của Hăm-buốc đã qua đỉnh cao nhất của nó sau ngày 21 tháng Mười một cùng với việc thành lập Công ty chiết khấu bảo hiểm, mà tổng số tiền đặt mua cổ phiếu của nó đã lên tới 12 000 000 mác. Mục đích tổ chức ra công ty này là bảo đảm sự lưu thông của các hối phiếu và tín phiếu có đóng con dấu của công ty. Song ít hôm sau lại xảy ra một số vụ phá sản và những tai họa đại loại như sự tụt sạt của Góp, người làm môi giới hối phiếu, báo trước những tai họa mới sắp xảy ra. Ngày 26 tháng Mười một, cuộc hoảng loạn lại bùng lên hết

sức ác liệt; và thoát đầu là Công ty chiết khấu, còn bây giờ thì đích thân chính phủ phải đứng ra tìm biện pháp nhằm giữ cho cuộc hoảng loạn khỏi lan rộng. Ngày 27 tháng Mười một, thượng nghị viện đã thông qua một kiến nghị - và được các chủ đất của thành phố đồng ý - là phát hành chứng khoán lợi tức (tín phiếu) trị giá 15 000 000 mác nhằm cho vay với điều kiện có các hàng hoá loại tốt hoặc có công trái thế chấp; mức vay phải bằng từ 50 đến $66\frac{2}{3}\%$ giá trị tương ứng của hàng hoá thế chấp. Mưu toan thứ hai này nhằm bình thường hoá trở lại tình hình thương mại đã đi đến thất bại như mưu toan thứ nhất, - cả hai đều giống như tiếng kêu cứu tuyệt vọng lúc tàu chìm. Thế là sự bảo hiểm của chính Công ty chiết khấu, đến lượt nó lại cần phải có một bảo hiểm khác; ngoài ra, các khoản tiền nhà nước cho vay, do bị hạn chế về mặt quy mô và cả mặt tính chất của những hàng hoá đem cầm, và do những điều kiện để vay được chúng, mà đã trở nên vô ích tùy theo mức độ giá cả bị hạ. Để giữ được giá cả và như vậy khắc phục được nguyên nhân thực sự của tai họa, nhà nước tất phải trả theo giá cũ trước khi xảy ra hoảng loạn thương mại, và chỉ chiết khấu những hối phiếu thuộc trái khoán của các hãng nước ngoài đã bị phá sản. Nói cách khác, sự tổn thất của những nhà tư bản tư nhân phải được đền bù bằng của cải của toàn thể xã hội mà đại diện của nó là chính phủ. Chủ nghĩa cộng sản loại này, loại mà tình thương yêu nhau chỉ bắt buộc đối với một bên thôi, trông ra khá hấp dẫn đối với các nhà tư bản châu Âu.

Ngày 29 tháng Mười một, hai mươi hãng buôn lớn ở Hăm-buốc đã phá sản, đó là chưa kể vô số hãng buôn của An-tô-na, chiết khấu hối phiếu bị đình chỉ, giá cả hàng hoá và chứng khoán đã hạ xuống rất thấp và tất cả những hoạt động thương mại đã đi vào bế tắc. Trong danh mục các vụ phá sản người ta thấy năm vụ trong số đó đã xảy ra do những hoạt động kinh doanh ngân hàng với Thụy Điển và Na-uy, thêm nữa là tiền nợ của riêng một trong những hãng bị phá sản, cụ thể là hãng U-li-béc và Cra-me-rơ, đã tới 12 000 000 mác; năm vụ phá sản đã xảy ra trong việc buôn hàng thuộc địa, bốn vụ - trong việc buôn hàng từ vùng biển Ban - tích, hai vụ - trong lĩnh vực xuất khẩu hàng công nghiệp, hai vụ

- trong lĩnh vực bảo hiểm, một vụ - ở Sở giao dịch chứng khoán, một vụ - ở công nghiệp đóng tàu. Thụy Điển phải lệ thuộc vào Hăm-buốc - là người xuất khẩu hàng, người môi giới hối phiếu và là chủ ngân hàng của nó - nhiều đến nỗi lịch sử thị trường Hăm-buốc là lịch sử của thị trường Xtóc-khôm. Bởi vậy, hai hôm sau khi xảy ra nạn phá sản thì có điện báo cho hay rằng nạn phá sản ở Hăm-buốc đã kéo theo nạn phá sản ở Xtóc-khôm và sự ủng hộ của nhà nước ở đây cũng vô hiệu quả. Về mặt này, điều đúng đối với Thụy Điển thì càng xác đáng hơn đối với Đan Mạch, là An-tô-na, trung tâm thương mại của Đan Mạch, chẳng qua chỉ là một ngoại ô của Hăm-buốc. Ngày 1 tháng Chạp đã xảy ra một số lượng lớn vụ phá sản, trong đó có hai hãng rất kỳ cựu, đó là hãng Côn-rát Vác-ne-cơ buôn hàng thuộc địa, chủ yếu là đường, với số tư bản 2 000 000 mác, có liên hệ rộng rãi với Đức, Đan Mạch và Thụy Điển, và hãng Lô-ren-tơam En-đơ và các công ty, có quan hệ kinh doanh với Thụy Điển và Na-uy. Một chủ tàu và là một nhà buôn chuyển, đã tự vẫn vì lâm vào cảnh cùng quẫn.

Có thể bàn về tổng khối lượng thương mại của Hăm-buốc căn cứ vào hiện tượng là chính vào lúc này, tại các kho của nó và ở bến cảng đã tích tụ nhiều loại hàng của các nhà buôn Hăm-buốc, trị giá khoảng 500 000 000 mác. Nước cộng hoà này giờ đây buộc phải dùng đến cách chống khủng hoảng duy nhất: xoá nợ cho công dân. Chắc là một đạo luật sẽ được thông qua cho hoãn thanh toán một tháng đối với tất cả các hối phiếu. Còn về nước Phổ thì các báo chỉ nêu qua loa tình hình nghiêm trọng của các vùng công nghiệp Ranh và Ve-xơ-pha-li, bởi vì ở đây vẫn chưa xảy ra nhiều vụ phá sản, - chỉ mới có những người xuất khẩu ngũ cốc ở Stét-tin và Đan-tích và khoảng bốn mươi nhà công nghiệp ở Béc-lin phá sản. Sự can thiệp của Chính phủ Phổ vào những việc này thể hiện ở chỗ nó uỷ thác cho Ngân hàng Béc-lin cho vay với điều kiện có hàng bảo đảm và bãi bỏ những đạo luật cho vay nặng lãi. Biện pháp đầu tỏ ra vô hiệu cả ở Béc-lin, ở Xtóc-khôm cũng như ở Hăm-buốc, biện pháp cuối chỉ đặt nước Phổ vào cùng một tình trạng như các nước thương mại khác.

Cuộc phá sản của Hăm-buốc là câu trả lời đích đáng cho những kẻ có trí tưởng tượng dồi dào cho rằng cuộc khủng hoảng hiện

nay là hậu quả của việc nâng giá cả một cách giả tạo bằng tiền giấy. Còn về lưu thông tiền tệ thì Hăm-buốc là cực đối lập hoàn toàn với đất nước này. Ở Hăm-buốc không có loại tiền nào khác ngoài bạc. Ở đây trong lưu thông tuyệt nhiên không dùng tiền giấy, và thành phố lấy làm hãnh diện là ở đây chỉ có kim loại được dùng làm phương tiện trao đổi. Ấy thế mà hiện giờ một sự hoảng loạn dữ dội đang hoành hành ở đây; và nói chung từ lúc xuất hiện những cuộc tổng khủng hoảng thương mại - chúng cũng như những ngôi sao chổi, mới được phát hiện cách đây không lâu lắm - thì bao giờ Hăm-buốc cũng là một vũ đài ưa thích của chúng. Trong suốt một phần ba thời gian cuối thế kỷ XVIII ở đây đã hai lần diễn ra những sự kiện giống hệt như bây giờ; và nếu như có một nét đặc sắc nào đó làm cho nó khác với những trung tâm thương mại lớn khác của thế giới, thì đó là dao động tỷ suất phần trăm thường xuyên mạnh mẽ.

Bỏ qua Hăm-buốc và quay về nước Anh, chúng ta thấy rằng tình hình thị trường tiền tệ Luân Đôn từ ngày 27 tháng Mười một đến ngày 1 tháng Chạp dần dần được cải thiện, nhưng sau đó lại bắt đầu một sự vận động ngược chiều. Ngày 28 tháng Mười một, giá bạc thực sự hạ xuống, nhưng sau ngày 1 tháng Chạp thì nó lại lên, và có lẽ sẽ còn lên nữa, vì cần có một số lượng bạc lớn cho Hăm-buốc. Nói cách khác, vàng sẽ lại chảy từ Luân Đôn ra để mua bạc ở lục địa, và hiện tượng chảy máu vàng trở lại này đòi hỏi ngân hàng Anh phải xiết thêm đai ốc. Ngoài việc bỗng nhiên nảy sinh nhu cầu bạc ở Hăm-buốc thì trong một tương lai không xa chính phủ nhất định sẽ phải vay tiền Ấn Độ, dù nó có cố gắng đến bao nhiêu nữa để trì hoãn cái ngày tai hại đó cũng vậy thôi. Những vụ phá sản mới, xảy ra sau ngày 1 tháng này, cũng góp phần gieo rắc những ảo tưởng cho rằng thị trường tiền tệ đã trải qua những thời kỳ xấu nhất của nó rồi. Huân tước Ô-vơ-xơ (chủ Ngân hàng Lô-i-đơ) đã nhận xét tại buổi khai mạc khoá họp thượng nghị viện như sau:

"Sức ép sắp tới đối với Ngân hàng Anh hẳn là sẽ xảy ra trước khi các khoản thanh toán được điều chỉnh, và bấy giờ khủng hoảng sẽ còn mạnh hơn so với cuộc khủng hoảng mà chúng ta giờ đây đã phải chịu khoan tay ngồi nhìn. Những khó khăn nghiêm trọng và nguy hiểm đang đe dọa đất nước ta".

Ở Luân Đôn người ta vẫn chưa cảm nhận được tai họa Hăm-buốc. Việc cải thiện tình hình ở thị trường tiền tệ đã có ảnh hưởng tốt đến thị trường hàng hoá; nhưng, không tùy thuộc vào việc có thể có một sự giảm sút mới về khối lượng tiền tệ, một điều hiển nhiên là giá cả hàng hoá hạ xuống rất thấp ở Stét-tin, Đan-tích và Hăm-buốc không thể không làm hạ giá cả ở Luân Đôn. Sắc lệnh của Pháp bãi bỏ việc cấm xuất khẩu lúa mì và bột, ngay lập tức buộc các chủ cối xay ở Luân Đôn phải hạ giá của họ xuống 3 si-linh cho 280 pao để ngăn chặn việc nhập bột từ Pháp sang. Đã có tin về một số vụ phá sản trong việc buôn bán lúa mì, song những vụ phá sản này chỉ động đến những hãng buôn nhỏ hơn và động đến cả những người đầu cơ lúa mì đã ký hợp đồng có thời hạn.

Trong các khu công nghiệp Anh không có gì mới xảy ra, trừ một điều là hàng bông sợi sản xuất riêng cho thị trường Ấn Độ như sét-tinh màu nâu, gia-cô-nét, ma-đa-pô-lam và cả sợi sản xuất cho chính thị trường này, lần đầu tiên sau năm 1847, đã bắt đầu bán ở Ấn Độ với giá có lợi. Từ năm 1847, lợi nhuận mà các chủ xưởng ở Man-se-xơ thu được do việc buôn bán này, không phải rút từ việc bán hàng của họ ở Đông Ấn mà chỉ rút từ việc bán ở Anh những hàng mà họ đích thân chở từ Đông Ấn tới. Xuất khẩu của Anh vào Ấn Độ gần như bị đình chỉ hẳn từ tháng Sáu 1857 do khối nghĩa gây nên, hiện tượng đó làm cho thị trường Ấn Độ tiêu thụ được những hàng hoá Anh đã ứ đọng và thậm chí mở ra khả năng thực hiện những cung ứng mới theo giá cao hơn. Trong những điều kiện thông thường thì điều đó ắt làm cho thương mại Man-se-xơ nhộn nhịp sôi nổi khác thường. Song hiện nay, như chúng ta đã biết qua những bức thư riêng, điều đó chỉ gây ra hiện tượng nâng giá không đáng kể cho những hàng có nhu cầu lớn nhất và đồng thời nhờ đó mà số lực lượng lao động đang đi tìm việc đổ xô vào sản xuất những hàng nói trên, đến mức là nếu có việc làm đầy đủ thì trong một thời gian rất ngắn, thành phẩm có thể đem chất ngập cả ba nước Ấn Độ. Tổng số gia tăng lực lượng sản xuất trong các khu công nghiệp Anh trong mười năm nay lớn đến nỗi là dù công việc có giảm trên một phần ba so với khối lượng trước đây của nó thì nền công nghiệp vẫn đứng vững, bởi vì các chủ xưởng đã tích lũy trong kho của mình những dự trữ hàng hoá to lớn. Ông Duy-phê, trong báo cáo của mình về tình hình thương mại hàng tháng ở Man-se-xơ, đã viết rằng: "Tháng này,

trong thương mại có sự đình đốn; hợp đồng được ký rất ít, và giá cả thì bất cứ trường hợp nào cũng hết sức thấp. Trước đây chưa bao giờ tổng số hợp đồng lại thấp đến mức như tháng Mười một".

Ở đây, có lẽ nên chú ý đến sự kiện là năm 1858, việc bãi bỏ những đạo luật về ngũ cốc của Anh lần đầu tiên bị thử thách nghiêm trọng. Một phần do ảnh hưởng của vàng nước Áo và sự phồn vinh công nghiệp, một phần do những kết quả tự nhiên của một vụ mùa xấu kém mà giá trung bình của lúa mạch trong thời kỳ từ năm 1847 đến năm 1857 nằm ở mức cao hơn so với thời kỳ từ năm 1826 đến năm 1836. Bây giờ, người ta buộc phải chịu đựng sự cạnh tranh gay gắt của nông phẩm nước ngoài trong lúc nhu cầu trong nước bị giảm sút; và, chắc hẳn lại sẽ nổ ra một cuộc khủng hoảng nông nghiệp, cuộc khủng hoảng tựa hồ đã bị chôn vùi trong biên niên sử nước Anh từ năm 1815 đến năm 1832. Đành rằng việc nâng giá cho lúa mạch và bột của Pháp tiếp theo sau những đạo dụ của hoàng đế chỉ mang tính chất tạm thời và đã ngừng lại trước khi bắt đầu có xuất khẩu rộng rãi ít nhiều vào nước Anh. Song trong tình hình thị trường tiền tệ Pháp tiếp tục bị sức ép, nước Pháp sẽ buộc lòng phải ném lúa mì và bột sang thị trường Anh là nơi mà cùng lúc ấy, nước Đức cũng sẽ kiên quyết đẩy nông phẩm của mình tới. Rồi sang xuân, những con tàu chở hàng từ Mỹ sẽ đến và sẽ giáng xuống thị trường lúa mì của Anh một đòn chí mạng. Nếu - như toàn bộ lịch sử giá cả cho chúng ta có sở để giả định - được mùa liên tiếp mấy vụ liên thì chúng ta sẽ thấy hậu quả thực thể của việc bãi bỏ những đạo luật về ngũ cốc, thứ nhất, đối với công nhân nông nghiệp, thứ hai, đối với chủ trại và cuối cùng, đối với toàn bộ hệ thống sở hữu ruộng đất nước Anh - là cái gì.

*Do C.Mác viết ngày 4 tháng Chạp 1857
Đã đăng làm xã luận trên báo "New -
York Daily Tribune" số 5202, ngày 22
tháng Chạp 1857*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

C.MÁC

***KHỦNG HOẢNG Ở CHÂU ÂU**

Bưư kiện chúng tôi nhận được chiều hôm qua do tàu "Ni-a-ga-ra" mang đến, và việc nghiên cứu kỹ những tập báo Anh có trong tay chúng tôi đã khẳng định những dự kiến mà chúng tôi đã phát biểu gần đây về bước phát triển tiếp tục của cuộc khủng hoảng ở Anh^{1*}. Tình hình thị trường tiền tệ Luân Đôn đang được cải thiện rõ rệt, nghĩa là vàng trong các tầng hầm của Ngân hàng Anh đang được tích trữ, nhu cầu chiết khấu hối phiếu ở Ngân hàng Anh đang giảm đi, chứng khoán loại một có thể chiết khấu ở phố Lô-m-bác-đi²⁶⁹ từ 9½ - 9¾% thị giá công trái vẫn đứng vững; tình hình tại Sở giao dịch chứng khoán cũng có phần được cải thiện. Song bức tranh trông có vẻ sáng sủa này đã bị ảm đạm đi nhiều vì những vụ phá sản lớn ở Luân Đôn cú vài ba hôm lại diễn ra, cũng như vì những bức điện báo hàng ngày - tin buồn về những tai biến ở các địa phương - và những tiếng gầm thét của báo "Times" ở Luân Đôn là tờ báo đang tỏ ra phần nộ dữ dội hơn so với lúc bình thường về tình trạng sa đọa toàn diện và tuyệt vọng của giai cấp thương mại Anh. Thực ra, hiện tượng có thể tương đối dễ dàng chiết khấu những hối phiếu hảo hạng rõ ràng lại bị cào bằng quá mức bởi hiện tượng ngày càng trở nên khó tìm ra được những hối phiếu có thể được thừa nhận là hảo hạng. Do đó, trong những bài báo gần đây ở Luân Đôn viết về các vấn

1* Xem tập này, tr.428-430.

đề tài chính, chúng ta đọc thấy là tại phố Tô-rết-nít, những hoạt động kinh doanh "bị hạn chế" rất nhiều, còn tại phố Lô-mác-đi thì ít có hợp đồng được thực hiện. Thế nhưng, vì lượng cung từ phía Ngân hàng Anh và các cơ quan chiết khấu tăng mà áp lực đối với chúng, nghĩa là lượng cầu từ phía khách hàng của chúng thì giảm sút, cho nên phải thừa nhận là tình hình trên thị trường tiền tệ tương đối sáng sủa. Mặc dầu vậy, các giám đốc của Ngân hàng Anh vẫn chưa dám hạ tỷ suất chiết khấu, bởi vì rõ ràng là họ tin rằng sự tái diễn của khủng hoảng tiền tệ không phải là vấn đề thời gian, mà tùy thuộc ở tỷ suất chiết khấu và bởi vậy, hạ tỷ suất chiết khấu nhất thiết kéo theo sự tái diễn khủng hoảng tiền tệ.

Trong lúc ở thị trường tiền tệ Luân Đôn tình hình có phần được cải thiện thì trên thị trường hàng hoá nước Anh sự căng thẳng ngày một tăng bởi vì, mặc dù giá cả xuống liên tục, người mua hàng vẫn trở nên ngày một thưa thớt hơn. Thậm chí những mặt hàng như mỡ, thứ mà trước đây là một ngoại lệ trong quy tắc chung, giờ đây cũng chịu chung một số phận vì phải bán tống táng đi. So sánh giá cả trong tuần, tính đến ngày 18 tháng Chạp, với giá những tuần của tháng Mười một, ta thấy là hiện tượng giá cả xuống rất thấp vào tháng Mười một nay lại tái diễn; tuy vậy lần này nó không mang hình thức giảm đột ngột mà là từ từ, có hệ thống. Còn về công nghiệp thì cuộc khủng hoảng công nghiệp nghiêm trọng mà chúng tôi đã dự đoán^{1*} giờ đây đang được xác nhận bởi sự phá sản của nửa tá nhà máy kéo sợi và nhà máy dệt ở Lan-kê-sia, ba xí nghiệp chính trong công nghiệp dệt len ở Uê-xơ-Rai-đinh và một xí nghiệp lớn trong ngành dệt thảm của Vu-xơ.

Vì hiện tượng khủng hoảng kép này cả ở thị trường hàng hoá cũng như trong lĩnh vực công nghiệp dần dần sẽ trở nên ngày một rõ ràng nên giờ đây chúng tôi chỉ cần dẫn ra đoạn trích sau đây từ một bức thư riêng ở Man-se-xơ gửi cho báo chúng tôi:

"Vị tất các anh đã có thể hình dung được phần nào về sức

1* Xem tập này, tr.410, 421 – 422.

mạnh của áp lực vẫn đang tiếp tục đối với thị trường và những hậu quả tai hại của nó. Không ai có thể bán được một thứ gì. Giá cả mỗi ngày một hạ. Tình hình đi đến chỗ là các hãng có bề thế thấy tốt hơn là hoàn toàn không bày hàng của mình ra nữa. Thợ dệt và thợ kéo sợi hoàn toàn tuyệt vọng. Những kẻ buôn sợi bán sợi cho người dệt hoàn toàn bằng tiền mặt hoặc với bảo đảm kép. Nếu tình hình này cứ tiếp tục thì nhất định sẽ dẫn đến sự phá sản khủng khiếp"²⁷⁰.

Khủng hoảng ở Hăm-buốc vừa mới dịu đi. Đây là một ví dụ rõ nhất và kinh điển nhất của khủng hoảng tiền tệ trong tất cả những cuộc khủng hoảng đã có lúc quan sát thấy trước đây. Trừ vàng và bạc ra, tất cả đều bị mất giá. Những hãng buôn cũ bị sụp đổ vì không thể thanh toán được lấy một hối phiếu nào đến kỳ hạn bằng tiền mặt, mặc dù trong các kết sất của họ có những hối phiếu trị giá cao, gấp trăm lần so với những hối phiếu đem thanh toán. Thế nhưng bấy giờ những hối phiếu này hoàn toàn vô giá trị không phải vì chúng không còn được tín nhiệm mà là vì không thể chiết khấu chúng được. Chẳng hạn, theo tin tức chúng tôi nắm được, hãng buôn lâu đời và giàu có của H.M. Srê-de-rơ trước lúc phá sản đã nhận được thư người anh em của H.M. Srê-de-rơ là L.G.Srê-de-rơ từ Luân Đôn gửi tới đề nghị đổi cho hãng này hai triệu đồng bằng bạc; song hãng này đã đánh điện trả lời: "Ba triệu hoặc không có gì". Ba triệu này không được gửi đến và H.M. Srê-de-rơ bị phá sản. Còn sau đây là một ví dụ loại hoàn toàn khác: hãng U-li-béc và các công ty mà báo chí châu Âu đã nói đến nhiều, nợ 12 000 000 mác, trong đó có hối phiếu trị giá 7 000 000 mác, nhưng như giờ đây người ta biết, trong tay vền vền chỉ có 300 000 mác làm cơ sở cho tất cả những hoạt động kinh doanh đồ sộ của mình.

Ở Thụy Điển, nhất là ở Đan Mạch, khủng hoảng trở nên rất trầm trọng. Tai họa này tái diễn, - sau khi tưởng chừng như nó đã qua - là do kỳ hạn thanh toán những khoản tiền lớn đã đến với Hăm-buốc, Xtốc-khôm và Cô-pen-ha-gen. Chẳng hạn, tháng Chạp là hết hạn những hối phiếu với số tiền chín triệu đồng do những người xuất khẩu cà-phê từ Ri-ô-đờ - Gia-nê-rô sang Hăm-buốc rút ra; tất cả những hối phiếu này đều bị đình thanh

toán, và khối chúng thư đình thanh toán này đã gây ra cuộc hoảng loạn mới. Tháng Giêng, hẳn là cũng một số phận như vậy đang chờ đón những hối phiếu về hàng đường gửi từ Ba-i-a và Péc-nam-bu-cu tới, và điều đó lại sẽ dẫn tới hiện tượng tái khủng hoảng.

*Do C.Mác viết ngày 18 tháng Chạp 1857
Đã đăng làm xã luận trên báo "New York
Daily Tribune" số 5213, ngày 5 tháng
Giêng 1858*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

C.MÁC

KHỦNG HOẢNG Ở PHÁP²⁷¹

Việc Ngân hàng Pháp lần lượt hạ tỷ suất chiết khấu của mình từ 10% do họ quy định sau ngày 12 tháng Mười một, xuống 9% - ngày 26 tháng Mười một, xuống 8% - ngày 5 tháng Chạp và xuống 6% - ngày 17 tháng Chạp dĩ nhiên được các cơ quan báo chí của hoàng đế sử dụng làm một bằng chứng không thể nào chối cãi được để chứng minh rằng chấn động thương mại đã dịu đi và "nước Pháp đang trải qua một thử thách nặng nề mà không bị một tai biến nào cả". Theo lời họ, hệ thống tài chính của Na-pô-lê-ông III đã tạo ra "một ưu thế thương mại hiển nhiên của Pháp đối với tất cả các quốc gia khác" và bảo đảm một điều là nước Pháp giờ đây cũng như trong tương lai "bao giờ cũng sẽ bị thiệt hại ít hơn vào những lúc khủng hoảng so với những nước cạnh tranh với nó". Song 6% - là tỷ suất chiết khấu ngân hàng mà nước Pháp chưa biết đến ngay từ đầu thế kỷ này - trừ tháng Hai 1800, một vài ngày sau khi ông chú^{1*} sáng lập ra Ngân hàng Pháp - cho mãi đến thời kỳ khủng hoảng vào năm 1855 và 1856 dưới thời của cháu^{2*}. Nhưng thậm chí nếu Ngân hàng Pháp có hạ tỷ suất chiết khấu xuống nữa, chẳng hạn, xuống 4% thì điều đó sẽ mang lại cái gì? Tỷ suất chiết khấu đã hạ xuống 4% ngày 27 tháng Chạp 1847, khi mà cuộc tổng khủng hoảng vẫn còn tiếp tục và cuộc khủng hoảng ở Pháp vẫn chưa đến đỉnh cao nhất của nó. Bấy

1* Na-pô-lê-ông I

2* Na-pô-lê-ông III

giờ cũng như hiện nay, chính phủ đã chúc tụng nước Pháp rằng nó đã may mắn tránh được tổng khủng hoảng, chỉ có bị xây xát mà lại là xây xát ngoài da thôi. Ấy thế mà hai tháng sau thì cơn động đất tài chính đã lật nhào ngai vua cùng với con người minh trí^{1*} ngự trên đó.

Dĩ nhiên, chúng tôi sẽ không tranh cãi về sự kiện là, cuộc khủng hoảng cho đến nay đã đụng chạm đến thương mại Pháp yếu hơn so với điều chờ đợi. Nguyên nhân của điều này rất đơn giản: trong việc thương mại với Mỹ, Anh và các thành phố Han-xơ, Pháp có - và có từ lâu - một cán cân có lợi cho mình. Như vậy, để cho những tai biến đánh vào các nước nói trên có thể trực tiếp ảnh hưởng tới Pháp thì nước Pháp tất phải hoặc là cấp cho các nước này một khoản tín dụng to lớn, hoặc là tích lũy nhằm mục đích đầu cơ những hàng hoá dự định xuất cảng sang các nước ấy. Nhưng không có gì xảy ra giống như vậy cả. Bởi vậy, những sự kiện ở Mỹ, Anh và các thành phố Han-xơ không thể làm cho Pháp phải lâm bệnh chảy máu vàng; và nếu Ngân hàng Pháp trong mấy tuần đã nâng tỷ suất chiết khấu lên bằng mức tỷ suất Ngân hàng Anh thì nó làm điều đó chỉ vì sợ rằng tư bản Pháp sẽ tìm được chỗ đầu tư có lợi hơn ở nước ngoài.

Song không thể phủ nhận là thậm chí trong giai đoạn hiện nay của nó, cuộc tổng khủng hoảng vẫn biểu hiện ở Pháp dưới hình thức phù hợp với những quan hệ thương mại của nó với Mỹ, Anh và các thành phố Han-xơ, cụ thể là dưới hình thức đình đốn kinh niên. Điều đó buộc Bô-na-pác-tơ, người đã tuyên bố trong bức thư ngày 11 tháng Mười một của mình là "điều dữ chỉ có trong trí tưởng tượng", phải phát biểu trong những thông báo chính thức khác với nội dung là, "bất chấp sự khôn ngoan vốn có của thương mại Pháp và sự cảnh giác của chính phủ, khủng hoảng thương mại đã buộc nhiều ngành công nghiệp, nếu như không đình chỉ sản xuất thì dù sao cũng làm cho nó giảm sút hoặc làm hạ thấp tiền công", đến nỗi "một số lớn công nhân phải đói khổ vì cảnh bất buộc ăn không ngồi rồi". Bởi vậy, ông ta đã mở tín dụng một triệu phrăng để giúp đỡ những kẻ túng thiếu và cung cấp cho họ phương

1* Lu-i - Phi-líp

tiện làm ăn, ra chỉ thị áp dụng những biện pháp phòng ngừa về mặt quân sự ở Ly-ông, và thông qua công cụ báo chí đã kêu gọi lòng từ thiện cá nhân. Những khoản tiền rút khỏi quỹ tiết kiệm đã bắt đầu vượt xa những khoản tiền gửi mới. Nhiều chủ xưởng đã bị thua lỗ lớn do các vụ phá sản ở Mỹ và Anh; nền sản xuất bị giảm sút một cách tệ hại ở Pa-ri, Ly-ông, Muyn-hau-den, Ru-bơ, Ru-ăng, Li-lơ, Nan-tơ, Xanh-Ê-chi-en và ở các trung tâm công nghiệp khác; khó khăn nghiêm trọng đã xảy ra cả ở Mác-xây, Ha-vơ và Boóc -đô.

Tình trạng đình đốn chung của thương mại trong toàn quốc được phản ánh rất rõ trong báo cáo cuối tháng của Ngân hàng Pháp, bản báo cáo này chỉ rõ; lưu thông tiền tệ trong tháng Chạp giảm 73 040 000 phr. so với tháng Mười và giảm 48 955 900 phr. so với tháng Mười một; trong lúc đó thì tổng số hối phiếu đã được chiết khấu hạ xuống gần 100 000 000 phr. so với tháng Mười và 77 067 059 phr. so với tháng Mười một. Trong tình hình hiện nay của báo chí Pháp, dĩ nhiên không thể vạch rõ chính xác tính chất của các vụ phá sản đang xảy ra trong các thành phố địa phương, nhưng về những vụ phá sản ở Pa-ri, thì mặc dù hiện giờ dĩ nhiên chúng chưa có gì nghiêm trọng, nhưng vẫn biểu hiện chiều hướng tăng, không những về mặt số lượng, mà cả về chất lượng của xí nghiệp bị lâm vào phá sản. Trong hai tuần - từ ngày 17 tháng Mười một đến hết ngày 1 tháng Chạp - ở Pa-ri đã xảy ra cả thảy ba mươi tư vụ phá sản, trong đó ít ra là hai mươi bốn vụ đã xảy ra trong những nhà buôn quần áo cũ, những nhà buôn sữa, những người làm nghề may, nghề tết hoa giấy, nghề mộc, nghề làm ví da, nghề mạ vàng, những nhà buôn đồ da, làm nghề kim hoàn, nghề viền tua, nghề làm dăm, nghề làm mũ lưỡi trai, những kẻ buôn hoa quả v.v.. Từ ngày 1 đến ngày 8 tháng Chạp ít ra có ba mươi một vụ phá sản, còn từ ngày 9 đến ngày 15 số vụ phá sản lại tăng lên ba mươi tư, trong đó có một số vụ phá sản của các hãng lớn hơn, chẳng hạn như Nhà ngân hàng Buốc-đôn, Công ty Đuy-buy-cơ, Tổng công ty voitures de remise^{1*}, Công ty sản xuất máy dệt Giác-ca, một công ty chế biến mỡ thực

1* - cho thuê xe ngựa

vật v.v.. Mặt khác, mưu toan của Bô-na-pác-tơ nhằm ngăn chặn sự xuống giá tai hại đối với lúa mạch và bột bằng cách bãi bỏ các lệnh cấm, đã thất bại: giá cả khoảng những ngày giữa 26 tháng Mười một và 21 tháng Chạp vẫn xuống đều, và mặc dù thu được những món lãi lớn do bán những hàng này ở Luân Đôn, cho đến ngày 22 tháng Chạp, người ta cũng chỉ gửi tới đây có 3000 bao (mỗi bao 110 ki-lô-gam), chứ không hơn.

Nhưng, nếu trong quan hệ thương mại với Mỹ, Anh và các thành phố Han-xơ, Pháp là nước xuất siêu, thì trong việc buôn bán với Nam Nga, với Liên minh thuế quan, với Hà Lan, Bỉ, Cận Đông và I-ta-li-a, xuất siêu đối với Pháp là bất lợi. Còn về Thụy Sĩ thì hiện nay nó vẫn nhập siêu không thay đổi, nhưng Pháp mắc nợ nó quá nhiều - vì đa số các nhà máy ở An-da-xơ hoạt động dựa vào tư bản của Thụy Sĩ, - đến nỗi vào những lúc thiếu tiền, Thụy Sĩ bao giờ cũng có thể gây áp lực mạnh mẽ đối với thị trường tiền tệ Pháp. Thời kỳ này, như trước đây đã từng xảy ra, ở Pháp không có khủng hoảng gay gắt chừng nào những khó khăn thương mại trong các nước nói trên chưa đạt tới một mức nhất định. Hà Lan sẽ không thể yên lành vượt qua cơn thử thách hiện nay, điều đó sẽ trở nên rõ ràng, nếu chúng ta chú ý rằng nền thương mại vẫn còn đáng kể của nó gần như bị hoàn toàn hạn chế trong những loại sản phẩm mà giá đã bị hạ và tiếp tục hạ một cách hết sức tệ hại. Ở các trung tâm công nghiệp của Liên minh thuế quan, đã bộc lộ rõ những hiện tượng báo trước khủng hoảng sắp nổ ra. Những nỗi lo lắng về sự suy sụp của thương mại ở Hắc Hải và ở Cận Đông được báo chí Tơ-ri-e-xơ nói đến, và những dấu hiệu đầu tiên về tai biến sắp xảy ra cũng đủ khiến cho một số hãng buôn lớn ở Mác-xây phải sụp đổ. Cuối cùng, đúng vào lúc cuộc hoảng loạn về tiền tệ hình như đã bắt đầu dịu đi ở phía bắc châu Âu thì nó lại bùng ra ở I-ta-li-a với một sức mạnh mới, như chúng ta có thể phán đoán dựa vào đoạn trích dưới đây ở tờ báo "Opinione"²⁷² của Mi-lan-nô, ra ngày 18 tháng Chạp:

"Những khó khăn hiện nay rất và rất lớn; những vụ phá sản đã đạt tới những quy mô khủng khiếp; sau những vụ phá sản của Công ty Pan-lê-a-ra, Ban-la-bi-ô, Si-hê-ra, Rô-da-en-la, Véc-le-rơ và Mát-xô-la, sau những vụ phá sản ở nước ngoài đã dội vào cả ở nước ta, sau sự đình chỉ thanh toán của các hãng ưu

tú ở Vê-rô-na, Vơ-ni-dơ, U-di-na và Béc-ga-mô thì những hãng buôn lớn nhất của chúng ta cũng bắt đầu rung chuyển và bắt đầu tổng kết. Mà những tổng kết này thì thật hết sức bi thảm. Chỉ cần chỉ ra rằng, trong số những hãng buôn lớn nhất của ta không có một hãng nào mà trong kho có dưới 50 000 pao lụa; do đó có thể dễ dàng tính được rằng với giá cả hiện hành thì mỗi hãng đó tất phải mất từ nửa triệu đến hai triệu phrăng, bởi vì dự trữ của một số hãng đó vượt quá 150 000 pao. Hãng của anh em Bram-bin-lơ được nâng đỡ dưới hình thức được vay triệu rưỡi phrăng; hãng Bát-ti-xơ Ga-vát-xi đình chỉ kinh doanh, những hãng khác cũng làm như vậy. Mỗi hãng tự hỏi là cái gì đang chờ đợi mình mai đây. Nhiều gia sản bị khánh kiệt, nhiều gia sản sút giảm đi một nửa; nhiều gia đình trước sống sung túc bây giờ lâm vào cảnh hết sức túng thiếu; nhiều công nhân không có công ăn việc làm, không có bánh mì, không có phương tiện gì để sinh sống".

Lúc mà cuộc khủng hoảng ở Pháp chín muồi do áp lực ngày càng tăng từ phía các nước đó thì nó sẽ phải đánh vào cả bầu đoàn bọn đầu cơ, nếu như không đánh trực tiếp vào bọn phiêu lưu thương mại, và đánh vào chính phủ ở Pháp là cái chính phủ đã đóng đúng vai trò như vai trò của thương mại tư doanh ở nước này^{1*}, ở Anh và ở Hăm-buốc. Cuộc khủng hoảng sẽ đổ toàn bộ sức nặng của nó xuống thị trường chứng khoán và làm cho chỗ dựa chính của nó - bản thân chính phủ - sẽ lâm nguy. Kết quả tất nhiên của việc thương mại và công nghiệp Pháp giảm sút sẽ là Sở giao dịch thu được tiền vào tay mình, nhất là khi Ngân hàng Pháp buộc phải cho vay theo chứng khoán nhà nước có lợi tức và chứng khoán đường sắt. Đáng lẽ phải kiềm chế đầu cơ chứng khoán ở Sở giao dịch thì sự đình đốn hiện nay của thương mại và công nghiệp Pháp lại thúc đẩy nó. Chẳng hạn, qua bản báo cáo hàng tháng mới đây của Ngân hàng Pháp, chúng tôi thấy là những khoản cho vay theo cổ phần đường sắt tăng lên cùng lúc với việc giảm chiết khấu hối phiếu và giảm lưu thông tiền tệ. Do đó, mặc dù thu nhập của đa số đường sắt Pháp giảm sút mạnh, thị giá chứng khoán của chúng vẫn tăng; chẳng hạn, thu nhập của đường sắt Oóc-lê-ăng đến cuối tháng Mười một giảm 22½% so với thời kỳ tương ứng năm ngoái, nhưng cổ phiếu của nó ngày 22 tháng Chạp

1* - nước Mỹ

vẫn giá 1355 phr., còn ngày 23 tháng Mười giá của chúng chỉ có 1310 phrăng.

Khi ở Pháp đã bắt đầu có suy thoái trong thương mại thì có một số công ty đường sắt buộc phải đình chỉ ngay hoạt động của mình, và cũng một số phận như vậy uy hiếp hầu như tất cả các công ty đường sắt còn lại. Để chấn hưng hoạt động của những công ty này, hoàng đế buộc Ngân hàng Pháp phải ký với các công ty một hợp đồng, theo hợp đồng này ngân hàng thật sự trở thành người nhận thầu đường sắt. Nó phải xuất tiền cho vay theo tín phiếu mới mà các công ty, do thỏa ước ngày 30 tháng Mười một 1856, được quyền phát hành vào năm 1858 và theo số tín phiếu mới mà ngay trong năm 1857 đã buộc phải phát hành, cộng với tổng số tín phiếu được phép phát hành vào năm 1858 là bốn mươi hai triệu rưỡi. *Crédit Mobilier* hình như cũng có nguy cơ bị phá sản ngay từ đôn đầu tiên của cuộc khủng hoảng, và ngày 3 tháng Chạp nó buộc phải phát mại với điều kiện hết sức thua thiệt cho mình một phần số lượng chứng khoán to lớn của mình. Hiện nay có dự án hợp nhất *Crédit Mobilier* với *Crédit Foncier* và *Comptoir d'Escompte*²⁷³, để có thể được hưởng quyền của hai cơ quan này là được chiết khấu hối phiếu của mình và nhận những khoản vay theo chứng khoán của mình tại Ngân hàng Pháp. Như vậy, ý đồ rõ ràng là ở chỗ làm sao để đứng vững được trước cơn bão tố, sau khi đã đặt lên Ngân hàng Pháp trách nhiệm về tất cả những công-xóc-xi-om này - một thủ đoạn chắc chắn làm cho chính bản thân ngân hàng lâm vào nguy cơ phá sản. Nhưng cả đến Na-pô-lê-ông III cũng không thể nghĩ đến việc bắt buộc ngân hàng tiến hành thanh toán theo những yêu cầu sẽ đề ra cho các cổ đông cá thể của những công ty cổ phần khác nhau. Không tính những số tiền nhỏ, đến cuối tháng Chạp phải tiến hành thanh toán theo những yêu cầu sau đây: Công ty công thương nghiệp ở Ma-đrít (hãng Rót-sin) - 30 đô-la cho mỗi cổ phiếu. Công ty hàng hải Pháp - Mỹ - 10 đô-la cho mỗi cổ phiếu, Công ty đường sắt Vích-to Ê-ma-nu-en - 30 đô-la cho mỗi cổ phiếu, Công ty các nhà máy cán thép của Êc-xê-ran-giơ - 20 đô-la cho mỗi cổ phiếu, Công ty đường sắt Địa Trung Hải - 30 đô-la cho mỗi cổ phiếu. Công ty đường sắt Áo - 15 đô-la, Công ty Xa-ra-gốt - 10 đô-la, Công ty Pháp - Thụy Sĩ - 10 đô-la, *Société*

générale de tanneries^{1*} - 10 đô-la, *Companie de la carbonisation de houilles*^{2*} - 10 đô-la v.v.. Đầu năm nay phải trả 20 đô-la cho mỗi cổ phiếu của Công ty đường sắt Si-ma - Ma-ri-en-buốc, 12½ đô-la cho mỗi cổ phiếu của Công ty đường sắt Lô-m-bác-đi - Vơ-ni-dơ, 20 đô-la cho mỗi cổ phiếu của các công ty tàu thủy Bỉ và Nam Mỹ. Do thỏa ước ngày 30 tháng Mười một 1856, yêu cầu của chỉ riêng đường sắt Pháp năm 1858 cũng đã tới số tiền khoảng 50 000 000 đô-la. Chắc chắn còn một nguy cơ nghiêm trọng là, với những món nợ lớn này, nước Pháp vào năm 1858 sẽ phá sản như nước Anh vào những năm 1846 - 1847. Ngoài ra, những nhà tư bản ở Đức, Thụy Sĩ và Hà Lan là những chủ sở hữu lớn của chứng khoán Pháp, đại bộ phận những chứng khoán này, trong điều kiện khủng hoảng vẫn tiếp tục phát triển ở những nước đó, sẽ bị những người sở hữu chúng ném vào Sở giao dịch Pa-ri để biến chúng thành tiền với bất cứ giá nào.

*Do C.Mác viết ngày 25 tháng Chạp 1857
Đã đăng làm xã luận trên báo "New -
York Daily Tribune" số 5219, ngày 12
tháng Giêng 1858*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

1* - Tổng công ty của các nhà máy thuộc da

2* - Công ty luyện than cốc

PH.ĂNG-GHEN

*CUỘC VÂY HÃM VÀ TẤN CÔNG LÁC-NAU

Bưu kiện cuối cùng từ Can-cút-ta mang những tin tức cụ thể nào đó tới đất nước ta qua những tờ báo Luân Đôn; căn cứ vào những chi tiết này có thể phán đoán về những hành động của ông Cô-lin Kem-pơ-ben ở Lác-nau. Vì báo chí Anh khẳng định chiến công loại này là vô song trong lịch sử các cuộc chiến tranh, nên không ngăn trở chúng ta xem xét vấn đề này ít nhiều kỹ lưỡng hơn.

Thành phố Lác-nau nằm trên hữu ngạn sông Gum-ti, con sông chảy qua miền này theo hướng đông-nam. Cách sông độ vài ba dặm có một con kênh chạy qua, gần song song với nó, con kênh này chạy ngang thành phố, ở phía Hạ lưu nó giáp với sông và hội lưu với sông cách thành phố độ một dặm. Nằm dọc hai bờ sông không phải là những đường phố dân cư đông đúc, mà là một loạt cung điện có vườn cây, và những tòa nhà công cộng đứng lẻ tẻ. Ở chỗ hội lưu của kênh đào với con sông, nhưng phía bờ bên phải hoặc bờ nam, nằm gần nhau là Trường quốc học mang tên La Mác-ti-ni-ép và cung săn bắn có công viên mang tên Đin-cu-sa. Phía bên kia con kênh nhưng cũng nằm ở phía nam dòng sông, ngay cạnh bờ, thoát đầu là cung và vườn Xi-can-đéc-bác, xa hơn về phía tây có trại lính và Mét-xơ-hao-xơ²⁷⁴ chạy dài, rồi sau đó, chỉ cách thủ phủ vài trăm i-ác-đơ là Mô-ti - Ma-khan (cung Ngọc Trai). Bản thân thủ phủ nằm trên điểm cao duy nhất ở vùng này; nó chế ngự thành phố và bao gồm một số cung điện cùng những nhà

phụ có tường cao bao quanh. Từ những toà nhà ấy đến phía nam là khu dân cư đông đúc của thành phố, còn công viên và cung điện A-lam-bác thì ở xa hơn về phía nam; cách đó hai dặm.

Địa thế thuận lợi của thủ phủ giải thích ngay là tại sao người Anh có thể cố thủ ở đấy chống lại một kẻ thù đông hơn nhiều; song đồng thời ngay sự kiện này cũng chỉ rõ những người Au-đơ thuộc loại chiến sĩ nào. Thực ra, nếu những người được sĩ quan người Âu huấn luyện phần nào và được trang bị nhiều pháo binh, cho đến nay vẫn không thể vượt qua được một bức tường tầm thường độc nhất mà người Âu bảo vệ thì những kẻ đó, dưới góc độ quân sự, chẳng hơn gì những người dã man, và chiến thắng họ không thể đem lại cho quân đội nhiều vinh quang, dù người bản xứ có trội hơn về số lượng bao nhiêu đi nữa cũng vậy. Còn một sự kiện nữa khẳng định rằng phải xếp những người Au-đơ vào loại những đối thủ tầm thường nhất, cụ thể là bằng cách nào mà Ha-vơ-lốc đã mở được đường qua một khu đông dân nhất của thành phố" bất chấp những lũy chướng ngại, những ngôi nhà có lỗ châu mai v.v.. Đành rằng, những tổn thất của ông ta rất to lớn, song vị tất có thể đem so trận đánh nhỏ này ngay cả với những trận chiến đấu trên đường phố ít kết quả nhất năm 1848! Hẳn không một người nào trong toán quân yếu ớt của Ha-vơ-lốc lại có thể qua được mà không bị thương vong, nếu như ở đấy xảy ra giao chiến thật sự. Những ngôi nhà, rõ ràng là hoàn toàn không được phòng vệ, nếu không thì ắt đã phải mất mấy tuần mới chiếm được một số lượng nhà nào đó để bảo đảm thông đường cho quân đội. Ha-vơ-lốc đã hành động khôn khéo đến mức nào sau khi dám nhận về phần mình một công việc khó khăn như vậy, điều này hiện giờ chúng tôi chưa thể phán đoán được; người ta nói là ông ta đã buộc phải làm như vậy vì thủ phủ lâm vào tình thế khó khăn; người ta cũng đưa ra những lý do khác nữa, song chưa biết gì đích xác cả.

Khi ông Cô-lin Kem-pơ-ben tới thì ông ta có khoảng 2 000 bộ binh người Âu và 1 000 bộ binh người Xích, 350 kỵ binh người Âu và 600 kỵ binh người Xích, 18 khẩu pháo thuộc pháo binh ngựa kéo,

4 khẩu công pháo và 300 thủy thủ với trọng pháo hải quân; tổng cộng là 5 000 người, kể cả 3 000 người Âu. Về mặt số lượng thì toán quân này không thua kém gì so với đa số những đội quân Anh - Ấn mà đương thời đã lập được những chiến công to lớn. Thật ra, những đội quân đã chiến mà ngài Sác-lơ Nây-pia dùng để đánh chiếm Xin-đơ vị tất đã bằng một nửa số này, thường còn ít hơn là khác. Mặt khác, trong toán quân của ông Cô-lin Kem-pơ-ben có một số lớn người Âu và tất cả bộ phận người bản xứ trong toán quân này thuộc bộ tộc ưu tú nhất của Ấn Độ, nhìn từ góc độ quân sự, bộ tộc Xích - những điều đó đã tạo ra cho toán quân này một sức mạnh bên trong và một tinh thần đoàn kết cao hơn nhiều so với điều thường thấy trong các đội quân Anh - Ấn. Đối phương của nó, như chúng ta đã thấy, kém cỏi, gồm đại bộ phận là bảo an binh được tổ chức tồi, chứ không phải là những binh lính đã được huấn luyện. Đành rằng, người Au-đơ được xem là bộ tộc thiện chiến nhất của vùng Hạ Hin-đu-xtan, song đó chỉ là so với những dân Ben-gan nhút nhát, mà tinh thần của dân này thì đã bị khí hậu khắc nghiệt nhất trên thế giới và ách đô hộ hàng bao thế kỷ làm cho hoàn toàn sụp đổ. Thái độ người Au-đơ sẵn sàng cúi đầu chịu sáp nhập "Phli-bu-xte" nước họ vào đất đai của Công ty Đông Ấn, cũng như toàn bộ thái độ của họ trong thời gian khởi nghĩa đương nhiên đặt họ thấp hơn người Xi-pai cả về mặt dũng cảm, cũng như về mặt khôn ngoan. Đành rằng, người ta cho chúng tôi biết là số lượng đã bù cho chất lượng. Tác giả một số bức thư viết rằng, trong thành phố có tới 100 000 người bản xứ. Không còn nghi ngờ gì nữa, họ đã vượt người Anh gấp bốn hoặc gấp sáu lần về số lượng, thậm chí có thể còn nhiều hơn; song lúc phải đụng độ với một đối phương như vậy thì điều đó hầu như không có ý nghĩa gì. Chỉ một số người nhất định thôi cũng có thể bảo vệ được bất cứ một vị trí nào, và nếu như họ đã quyết định tháo chạy thì có nhiều gấp bốn hay năm lần những anh hùng như vậy mà nằm cách nửa dặm thì cũng chẳng có ý nghĩa gì. Điều không phải nghi ngờ nữa là ngay cả những người Au-đơ ấy cũng đã biểu lộ không ít gương dũng cảm cá nhân.

Có thể là một số trong bọn họ đã giao chiến như mãnh hổ. Song phải chăng họ đã có thể làm gì có ích cho cái thành phố mà họ không có đủ lực lượng để bảo vệ, sau khi bọn dê tiện các loại trong quân đồn trú đã bỏ chạy? Hình như họ không hề có mưu toan nào nhằm thống nhất với nhau dưới một ban chỉ huy chung; những lãnh tụ địa phương của họ đã không có uy tín đối với bất cứ ai, ngoài binh lính của chính mình, và bản thân những lãnh tụ này không chịu phục tùng bất cứ ai.

Ông Cô-lin Kem-pơ-ben thoát đầu hành quân tới A-lam-bác, sau đó, đáng lẽ dùng vũ lực mở đường qua thành phố như Ha-vơ-lốc đã làm thì ông lại vận dụng kinh nghiệm mà vị tướng này đã có được và quay về Đin-cu-sa và La Mác-ti-ni-ép. Những tay súng người Au-đơ ở khoảng đất trước những bức tường bao quanh các ngôi nhà ấy đã bị quét sạch ngày 13 tháng Mười một. Ngày 15 bắt đầu cuộc tấn công. Đối phương đã vô tâm đến nỗi thậm chí đến lúc đó cũng chưa hoàn thành việc chuẩn bị đào hào xung quanh Đin-cu-sa; Đin-cu-sa bị chiếm ngay tức khắc mà không có chống cự đáng kể, cũng như Mác-ti-ni-ép vậy. Hai vị trí này bảo đảm cho người Anh tuyến kênh đào. Đối phương phản kích qua con kênh nhằm giành lại cả hai căn cứ đã mất vào buổi sáng, nhưng chẳng mấy chốc đã bị đánh lui, mang theo những tổn thất nặng nề. Ngày 16, người Anh vượt qua kênh và tấn công Cung Xi-can-đéc-bác. Ở đây đường hào tương đối tốt nên tướng Kem-pơ-ben đã hành động một cách khôn khéo sau khi đã nã pháo vào cứ điểm này. Sau khi các công sự đã bị phá hủy thì bộ binh bắt đầu tấn công và chiếm lấy cung điện. Tiếp đó thì Xa-mác, một vị trí kiên cố khác đã bị pháo kích ba tiếng đồng hồ và đã bị chiếm lĩnh "sau một trận giao chiến ác liệt chưa từng thấy", ông Cô-lin Kem-pơ-ben nói như vậy, còn một phóng viên gan dạ từ chiến trường trở về thì lại bổ sung thêm: "Ít người được thấy nhiều trận chiến đấu ngoan cường như ông ta đã thấy". Chúng tôi muốn được biết ông Kem-pơ-ben đã nhìn thấy những trận đánh này ở đâu. Chắc hẳn không phải ở Crum, nơi mà sau trận An-ma²⁷⁵ ông ta đã sống một cuộc đời rất yên tĩnh ở Ba-la-cla-va; trong

trận giao chiến ở Ba-la-cla-va chỉ có một trong các trung đoàn của ông tham gia, còn ở In-ke-rơ-man thì chẳng có trung đoàn nào chiến đấu cả.

Ngày 17, pháo binh được gửi tới các trại lính và Mét-xơ-hau-xơ là một vị trí tiếp theo trên đường đi tới thủ phủ. Cuộc pháo kích của họ kéo dài tới ba tiếng đồng hồ, sau đó thì bộ binh tấn công chiếm những cứ điểm này. Dịch tháo chạy thoát thân đã bị truy kích ráo riết. Chỉ còn lại mỗi một vị trí nằm giữa quân tấn công và thủ phủ: Mô-ti - Ma-khan. Chập choạng tối thì vị trí này cũng bị chiếm nốt, và việc giao thông liên lạc với đơn vị đồn trú được hoàn toàn thông suốt.

Dĩ nhiên, nên khen ngợi Kem-pơ-ben về sự nhanh trí, biết chọn con đường dễ hơn và sử dụng trọng pháo để công phá những vị trí kiên cố trước lúc đem quân tấn công. Nhưng vì trong trận giao chiến này, nếu so với những kẻ nửa dă man không có ai chỉ huy thì người Anh có tất cả mọi ưu thế của những binh lính dày dạn kinh nghiệm, chịu phục tùng một người chỉ huy, và như chúng ta thấy, họ đã hoàn toàn sử dụng được những ưu thế này. Họ không bắt quân của mình phải xông pha vào nguy hiểm quá mức tuyệt đối cần thiết. Họ đã sử dụng pháo binh vào tất cả những lúc mà đối tượng để công phá vẫn còn. Họ cũng chiến đấu một cách ngoan cường, điều đó không còn phải nghi ngờ gì nữa. Nhưng họ đáng khen ở chỗ thận trọng. Bằng chứng cụ thể nhất là số người chết và bị thương. Số binh lính bị thương vong vẫn chưa được công bố, nhưng sĩ quan thì có 5 người chết và 32 người bị thương. Một đội quân có 5 000 binh sĩ thì ít ra cũng phải có từ 250 đến 300 sĩ quan. Một điều chắc chắn là sĩ quan người Anh không hề bao giờ tham sống sợ chết. Nghĩa vụ duy nhất mà họ thấu suốt là luôn luôn nêu gương dũng cảm cho binh lính noi theo. Và nếu như rờn rã ba hôm liên tục chiến đấu trong hoàn cảnh như vậy và để chiếm lĩnh những vị trí đòi hỏi sự hy sinh rất lớn mới hạ nổi, mà tổn thất vền vẹn có một phần tám hoặc một phần chín, thì không thể nói là một cuộc chiến đấu ngoan cường. Hãy tạm lấy một ví dụ trong lịch sử nước Anh: tất cả những trận đánh ở Ấn Độ gộp lại đem so với một cuộc phòng thủ U-gu-môn và

La-Ê-Xanh vào lúc diễn ra trận Oa-téc-lô²⁷⁶ thì có nghĩa lý gì? Những tác giả giờ đây đang biến mỗi trận đánh nhỏ thành một cuộc giao tranh quyết liệt sẽ nói gì về những trận đánh như trận Bô-rô-di-nô, nơi mà một đạo quân bị tổn thất một nửa, còn một đạo quân khác thì mất một phần ba quân số²⁷⁷?

*Do Ph.Ăng-ghen viết ngày 4 tháng Giêng 1858
Đã đăng làm xã luận trên báo "New - York
Daily Tribune" số 5235, ngày 30 tháng Giêng
1858*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

NỀN THƯƠNG MẠI ANH

Tại khoá họp bất thường gần đây của Quốc hội Anh, huân tước Đốc-bi tuyên bố tại thượng nghị viện rằng, trong ba năm gần đây giá trị nhập khẩu của Anh đã vượt giá trị xuất khẩu là 160 000 000 pao xtéc-linh. Lời tuyên bố này đã gây ra một cuộc luận chiến ngoài quốc hội và có một số cá nhân đã chất vấn bộ trưởng thương mại - huân tước Xten-li Ốp Ôn-đéc-li, rằng lời khẳng định của huân tước Đốc-bi có đúng hay không. Bộ trưởng thương mại, trong thư viết cho những người chất vấn, đã trả lời như sau:

"Lời huân tước Đốc-bi khẳng định ở thượng nghị viện rằng giá trị nhập khẩu của ta trong ba năm gần đây đã vượt giá trị xuất khẩu 160 000 000 p. xt. là sai lầm và do huân tước Đốc-bi đã lấy tổng giá trị nhập khẩu của ta, gồm cả nhập khẩu của ta từ thuộc địa và nước ngoài, mà lại không tính tới xuất khẩu hàng hoá chúng ta thu được từ thuộc địa và nước ngoài. Bởi vậy, kết quả tính toán của huân tước Đốc-bi cho thấy:

	P.xt.
Nhập khẩu	468 000 000
Xuất khẩu	308 000 000
Chênh lệch	160 000 000
Thực ra phải là:	P.xt.
Nhập khẩu	468 000 000
Xuất khẩu	371 000 000
Chênh lệch	97 000 000"

Bộ trưởng thương mại khẳng định lời tuyên bố của mình bằng những số liệu so sánh về giá trị xuất khẩu và nhập khẩu của Vương quốc liên hợp trong những năm 1855, 1856 và 1857. Chúng tôi dẫn ra dưới đây tài liệu hết sức lý thú không được công bố trong các tờ báo ở Luân Đôn^{1*}. Trước hết, qua tài liệu này rõ ràng là người ta có thể coi những con số thống kê này là một hình thức xác nhận điều huân tước Đốc-bi đã nói, cụ thể là:

	P.xt.
Nhập khẩu nói chung	468 000 000
Xuất khẩu sản phẩm của Anh	308 000 000
Nhập khẩu vượt xuất khẩu sản phẩm của Anh	160 000 000
Tái xuất khẩu sản phẩm nước ngoài	63 000 000
Nhập siêu đối với nước Anh	97 000 000

Như vậy, tình trạng nhập khẩu của nước ngoài vượt xuất khẩu sản phẩm của Anh 160 000 000 p.xt. là có thật, đem trừ đi tái xuất khẩu sản phẩm nước ngoài là 63 000 000 p.xt. thì nhập siêu đối với Anh, theo lời thừa nhận của chính bộ trưởng thương mại, là 97 000 000 p.xt; hoặc trung bình trong ba năm: 1855, 1856 và 1857 - là trên 32 000 000 p.xt. mỗi năm. Do đó tờ "Times" ở Luân Đôn mới đây than phiền: "Thực tế những thua lỗ của thương mại nước ta đã kéo dài trong vòng năm - sáu năm lại đây, còn chúng ta thì đến bây giờ mới phát hiện ra điều đó". Song những thua lỗ ấy nảy sinh không phải do nhập khẩu vượt xuất khẩu, mà là do tính chất đặc biệt của đại bộ phận hàng xuất khẩu.

Số là một nửa tái xuất khẩu bao gồm nguyên liệu nước ngoài được dùng trong công nghiệp góp phần tăng cường sự cạnh tranh của nước ngoài làm thiệt hại đến lợi ích công nghiệp nước Anh và một phần thì trở về với người Anh dưới hình thức sản phẩm công nghiệp đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước của họ. Song nhân tố quyết định cần phải nói tới là tái xuất khẩu lớn về nguyên liệu do sự cạnh tranh của công nghiệp lục địa gây ra, đã

1* Xem tập này, tr.452 - 453 .

nâng giá nguyên liệu này cao đến mức hầu như chúng ngốn hết lợi nhuận của chủ xưởng Anh. Trước đây chúng tôi đã có dịp trình bày một số nhận xét về mặt này khi nói đến công nghiệp bông sợi Anh. Vì hiện nay khủng hoảng công nghiệp đang hoành hành rất dữ dội trong các khu công nghiệp len của nước Anh, nơi mà nạn phá sản lần lượt nối đuôi nhau, và vì báo chí Luân Đôn thận trọng bưng bít tất cả những điều đó đối với công chúng rộng rãi, nên cần nêu ra đây một ít con số chỉ rõ những chủ xưởng trên lục địa đã bị lôi cuốn một cách mạnh mẽ như thế nào vào sự cạnh tranh về len với các chủ xưởng Anh, một sự cạnh tranh đã làm cho giá nguyên liệu này tăng lên không thể lường được, một sự nâng giá tai hại đối với chủ xưởng và cổ vũ nạn đầu cơ quá đáng hiện nay về thứ hàng này. Bảng dưới đây bao quát 9 tháng đầu của mỗi năm trong năm năm gần đây:

Nhập khẩu

(tính bằng pao)

Năm	Từ nước ngoài	Từ thuộc địa	Tổng cộng
1853	37 568 199	46 277 276	83 845 475
1854	27 006 173	50 187 692	77 193 865
1855	17 293 842	53 896 173	71 190 015
1856	22 377 714	62 148 467	84 526 181
1857	27 607 364	63 053 100	90 657 464

Xuất khẩu

(tính bằng pao)

Năm	Sang các nước khác	Vào thuộc địa	Tổng cộng
1853	2 480 410	4 343 166	6 823 576
1854	5 993 366	13 117 102	19 110 468
1855	8 860 909	12 948 561	21 809 470
1856	5 523 345	17 433 958	22 957 303
1857	4 561 000	25 068 787	29 629 787

Như vậy, số lượng len nước ngoài và thuộc địa còn lại cho nhu cầu nội địa Anh được ghi bằng những con số sau đây:

Len

(tính bằng pao)

Năm	
1853.....	77 021 899
1854.....	58 083 397
1855.....	49 380 545
1856.....	61 568 878
1857.....	61 027 677

Mặt khác, số lượng len sản xuất trong nước được đem xuất khẩu của Anh gồm:

Năm	Pao
1853.....	4 755 443
1854.....	9 477 396
1855.....	13 592 756
1856.....	11 539 201
1857.....	13 492 386

Tổng số len nước ngoài nhập vào Vương quốc liên hợp đem trừ đi, thứ nhất, số tái xuất khẩu ra nước ngoài, và thứ hai là số len Anh xuất khẩu, thì chúng ta sẽ được số len nước ngoài thực tế được để lại cho nhu cầu nội địa của Anh:

Năm	Pao
1853.....	72 266 456
1854.....	48 606 001
1855.....	35 787 789
1856.....	50 029 677
1857.....	47 535 291

Nghĩa là trong lúc nhập khẩu len thuộc địa vào Vương quốc liên hợp tăng từ 46 277 276 pao trong 9 tháng đầu năm 1853 lên tới 63 050 100 pao cũng vào đúng thời kỳ này năm 1857; nhưng tổng nhập khẩu tất cả các mặt hàng len cũng vào những thời kỳ ấy

tăng từ 83 845 475 pao lên 90 657 464 pao thì nhu cầu trên lục địa châu Âu cũng đồng thời tăng vọt lên đến nỗi số lượng len nước ngoài và thuộc địa còn lại cho nhu cầu nội địa nước Anh trong năm năm bị giảm sút từ 77 201 899 pao năm 1853 xuống 61 027 677 pao năm 1857; nhưng nếu tính cả số lượng len xuất khẩu của Anh thì giảm sút chung sẽ từ 72 266 456 pao vào năm 1853 xuống 47 535 291 pao vào năm 1857. Điều trình bày ở đây sẽ dễ hiểu hơn nếu lưu ý đến một sự kiện được tiết lộ trong một bài báo viết về tài chính đăng trên tờ "Times" ở Luân Đôn, - rằng đồng thời với hiện tượng tăng xuất khẩu len từ Vương quốc liên hợp thì nhập khẩu đồ len của lục địa cũng tăng, nhất là nhập của Pháp.

Căn cứ vào những số liệu mà huân tước Xten-li Ốp Ôn-đéc-li đã cho biết, chúng tôi lập được bảng sau đây chỉ rõ là cán cân của các nước khác nhau đang buôn bán với Đại Anh là xuất siêu hay nhập siêu ở mức độ nào đối với nước này hay nước khác trong số đó.

Nhập siêu đối với Anh trong năm 1855, 1856 và 1857

P.xt.

1. Mỹ.....	28 571 764
2. Trung Quốc.....	22 675 433
3. Đông Ấn.....	19 605 742
4. Nga	16 642 167
5. Phổ.....	12 842 488
6. Ai Cập.....	8 214 941
7. Tây Ban Nha.....	7 146 917
8. Tây Ấn thuộc Anh	6 906 314
9. Pê-ru	6 282 382
10. Thụy Điển	5 027 934
11. Cu Ba và Pu-éc-tô-ri-cô.....	4 853 484

12. Đảo Mô-ri-xơ.....	4 672 090
13. Niu-Bran-xuých	3 431 303
14. Đan Mạch	3 391 144
15. Xây-lan.....	3 134 575
16. Pháp	2 696 291
17. Ca-na-đa	1 808 454
18. Na-uy	1 686 962
19. Châu Phi (Tây Phi).....	1 432 195
20. Bồ Đào Nha	1 283 075
21. Vương quốc hai xứ Xi-xin.....	1 030 139
22. Chi-lê.....	693 155
23. Bu-ê-nốt - Ai-rét.....	107 676

Xuất siêu đối với Anh những năm 1855, 1856 và 1857

P.xt.

1. Các thành phố Han-xơ	18 853 428
2. Ô-xtơ-rây-li-a	17 761 889
3. Thổ Nhĩ Kỳ	6 947 220
4. Bra-xin	7 131 160
5. Bỉ	2 214 207
6. Hà Lan	1 600 904
7. Mũi Hảo Vọng	59 661

Sự kiện giản đơn trong ba năm là nhập khẩu Anh vượt xuất khẩu 97 000 000 p.xt. tuyệt nhiên chưa thể là cơ sở cho người Anh hiện nay kêu thét lên "rằng họ đang kinh doanh với sự thua lỗ hàng năm là 33 000 000 p.xt." và chỉ làm giàu cho các nước khác bằng thương nghiệp của mình mà thôi. Số tư bản đồ sộ và ngày một tăng của Anh đầu tư vào tất cả mọi nơi trên thế giới, tất phải được trả lợi tức, lãi cổ phiếu và lợi nhuận mà đại bộ phận phải gửi sang Anh dưới hình thức sản phẩm nước ngoài và bởi

vậy, làm tăng khối lượng nhập khẩu của Anh. Ngoài nhập khẩu tương ứng với xuất khẩu, ắt còn có nhập khẩu thặng dư không phải để thanh toán cho hàng đã đặt mà với tính cách là thu nhập của tư bản. Bởi vậy, nói chung, cái gọi là cán cân thương mại bao giờ cũng phải xuất siêu đối với nước ngoài và nhập siêu đối với Anh, bởi vì nước ngoài hàng năm phải thanh toán cho Anh không những về số hàng đã mua của nó mà còn về lợi tức trả cho những khoản của nước ngoài nợ Anh. Điều duy nhất có thể thật sự làm cho nước Anh phải lo ngại có liên quan tới những con số dẫn ra ở trên là Anh rõ ràng không thể tìm ra trong nước mình địa bàn đủ rộng lớn để đầu tư số tư bản kếch sù của nó, và bởi vậy, buộc phải đem tư bản đó cho vay với số lượng ngày càng lớn và, cũng như Hà Lan, Vơ-ni-dơ và Giê-nơ vào thời các nước này suy thoái, phải tự tay mình rèn vũ khí cho những kẻ cạnh tranh với mình. Khi xuất ra những khoản tín dụng to lớn nhằm tìm ra địa bàn để đầu tư những khoản tư bản dư thừa của mình, do đó nó không tránh khỏi khuyến khích đầu cơ trong các nước khác, và như vậy là để bảo tồn và tăng cường của cải của mình, nó đang đẩy của cải ấy đến chỗ nguy hiểm. Khi buộc phải mở tín dụng rộng lớn cho các nước công nghiệp khác, chẳng hạn cho Âu lục, chính nó đang cung cấp cho đối thủ công nghiệp của mình phương tiện để cạnh tranh với nó trong việc mua nguyên liệu và như vậy, tự nó làm tăng giá nguyên liệu cho chính những nhà máy của mình. Chủ xưởng Anh do đó còn lại phần lợi nhuận ít ỏi, hơn nữa phần này lại còn bị hạ thấp do sự cần thiết thường xuyên phải luôn luôn bán rẻ hơn các nước khác, đây là sự cần thiết đối với một đất nước mà bản thân sự tồn tại của nó gắn bó chặt chẽ với địa vị độc quyền của nó với tư cách một công xưởng thế giới. Song việc hạ thấp lợi nhuận này được bù đắp bằng việc hạ tiền lương công nhân và bằng nạn nghèo đói ngày càng tăng nhanh trong nước. Đây là cái giá tự nhiên mà nước Anh đang trả cho cái ưu thế thương mại và công nghiệp của mình.

Bảng so sánh giá trị nhập khẩu của Vương quốc liên hợp từ các nước ngoài chủ yếu và các đất đai thuộc Anh và giá trị xuất khẩu vào những nước này trong những năm 1854, 1855 và 1856

Các nước	Năm	Nhập khẩu	Giá trị xuất khẩu		
		Giá trị nhập khẩu thực tính	Giá trị sản phẩm được công bố của Vương quốc liên hợp	Giá trị thực tính của sản phẩm nước ngoài và thuộc địa	Tổng cộng
tính bằng pao xtéc-linh					
Nước ngoài					
Nga	1854	4 252 288	54 301	19 738	74 039
	1855	478 169	...	...	...
	1856	11 561 924	1 595 237	1 775 617	3 370 854
Thụy Điển.....	1854	2 509 539	334 518	249 792	584 310
	1855	2 325 171	545 384	279 515	824 899
	1856	2 031 861	629 697	300 795	930 492
Na Uy	1854	1 369 440	402 290	106 244	508 534
	1855	1 099 642	487 400	102 551	589 951
	1856	947 934	488 489	143 080	631 569
Đan Mạch	1854	2 706 186	758 228	230 010	988 238
	1855	3 086 979	756 967	260 624	1 017 591
	1856	2 201 831	1 033 142	352 173	1 385 315
Phổ.....	1854	9 055 503	798 434	1 717 285	2 515 719
	1855	10 242 862	1 100 021	2 016 650	3 116 671
	1856	4 534 815	933 715	624 908	1 558 623
Những thành phố Han-xơ.....	1854	6 221 524	7 413 715	2 720 274	10 133 989
	1855	4 816 298	8 350 228	3 344 416	11 694 644
	1856	5 302 739	10 134 813	3 260 543	13 395 356
Hà Lan	1854	6 731 141	4 573 034	2 320 877	6 893 911
	1855	6 460 932	4 558 210	2 611 767	7 169 977
	1856	7 433 442	5 728 253	2 434 278	8 162 531
Bỉ.....	1854	3 631 161	1 406 932	1 948 740	3 355 672
	1855	2 533 732	1 707 693	2 239 514	3 947 207
	1856	2 936 796	1 689 975	2 323 042	4 013 017
Pháp	1854	10 447 774	3 175 290	3 216 175	6 391 465
	1855	9 146 418	6 012 658	4 409 223	10 421 881
	1856	10 386 522	6 432 650	4 038 427	10 471 077

Tây Ban Nha....	{	1854	3 594 501	1 270 464	165 642	1 436 106
		1855	4 799 728	1 158 800	135 192	1 293 992
		1856	3 645 083	1 734 483	377 820	2 112 303
Cu Ba và	{	1854	3 369 444	1 073 861	4 727	1 078 588
Pu-éc-tô Ri-cô ...		1855	2 332 753	1 077 745	22 933	1 100 678
		1856	2 654 580	1 398 837	25 190	1 424 027
Bồ Đào Nha	{	1854	2 101 126	1 370 603	148 997	1 519 600
		1855	1 962 044	1 350 791	184 580	1 535 371
		1856	2 164 090	1 455 754	433 470	1 889 224
Vương quốc	{	1854	1 411 457	563 033	109 258	672 291
hai xứ Xi-xin....		1855	1 281 940	921 220	175 221	1 096 441
		1856	1 505 582	1 202 183	197 925	1 400 108
Riêng	{	1854	2 219 298	2 758 605	317 476	3 076 081
Thổ Nhĩ Kỳ		1855	2 294 571	5 639 898	419 119	6 059 017
		1856	2 383 029	4 416 029	291 991	4 708 020
Ai Cập.....	{	1854	3 355 928	1 253 353	113 895	1 367 248
		1855	3 674 682	1 454 371	117 235	1 571 606
		1856	5 753 518	1 587 682	43 151	1 630 833
Mỹ (gồm cả	{	1854	29 795 302	21 410 369	923 034	22 333 403
Ca-li-phoóc-ni-a)		1855	25 741 752	17 318 086	744 517	18 062 603
		1856	36 047 773	21 918 105	698 772	22 616 877
Bra-xin	{	1854	2 083 589	2 891 840	119 982	3 011 822
		1855	2 273 819	3 312 728	128 550	3 441 278
		1856	2 229 048	4 084 537	179 979	4 264 516
Bu-ê-nốt-Ai-rét	{	1854	1 285 186	1 267 125	32 565	1 299 690
		1855	1 052 033	742 442	26 383	768 825
		1856	981 193	998 329	43 892	1 042 221
Chi-lê	{	1854	1 380 563	1 421 855	43 589	1 465 444
		1855	1 925 271	1 330 385	56 688	1 387 073
		1856	1 700 776	1 396 446	64 492	1 460 938
Pê-ru	{	1854	3 138 527	949 289	22 236	971 525
		1855	3 484 288	1 285 160	60 278	1 345 438
		1856	3 048 694	1 046 010	26 154	1 072 164
Trung Quốc (kể	{	1854	9 125 040	1 000 716	26 400	1 027 116
cả Hồng Công)		1855	8 746 590	1 277 944	26 052	1 303 996
		1856	9 421 648	2 216 123	70 611	2 286 734
Bồ Tây châu	{	1854	1 528 896	646 868	174 073	820 941
Phi (không kể		1855	1 516 729	839 831	219 827	1 059 658
đất thuộc Anh		1856	1 657 375	666 374	223 842	890 216
và Pháp).....						
Tổng cộng của	{	1854	118 239 554	63 800 605	15 645 612	79 446 217
nước ngoài...		1855	109 959 539	69 524 475	18 710 749	88 235 224
		1856	129 517 568	83 327 154	20 035 442	103 362 596

Đất thuộc Anh						
Ca-na-đa...	{	1854	4 007 052	3 957 085	180 569	4 137 654
		1855	2 296 277	1 515 823	90 298	1 606 121
		1856	3 779 741	2 418 250	123 591	2 541 841
Niu Bran-xích...	{	1854	2 079 674	863 704	40 273	903 977
		1855	4 379 041	370 560	27 718	398 278
		1856	1 891 707	572 542	34 322	606 864
Các đảo Tây Ấn thuộc Anh...	{	1854	3 977 271	1 870 614 ^{1*}	166 690	2 037 364
		1855	3 978 278	1 389 992	136 022	1 526 014
		1856	4 157 098	1 462 156	180 799	1 642 955
Gu-a-na-thuộc Anh...	{	1854	1 636 267	- ^{2*}	31 779	31 779
		1855	1 491 935	421 398	35 189	456 587
		1856	1 418 264	411 241	41 248	452 489
Những khu dân cư của Anh ở Áo	{	1854	4 301 868	11 931 352	1 474 634	13 405 986
		1855	4 500 200	6 278 966	942 659	7 221 625
		1856	5 736 043	9 912 575	1 759 814	11 672 389
Đông Ấn thuộc Anh...	{	1854	10 672 862	9 127 556	493 154	9 620 710
		1855	12 668 732	9 949 154	404 321	10 358 475
		1856	17 262 851	10 546 190	478 328	11 024 518
Xây Lan...	{	1854	1 506 646	382 276	31 228	413 504
		1855	1 474 251	305 576	20 321	325 897
		1856	1 304 174	388 435	22 660	411 095
Đảo Ma-ri-xơ...	{	1854	1 677 533	383 210	17 936	401 146
		1855	1 723 807	303 173	14 772	317 945
		1856	2 427 007	420 180	16 977	437 157
Mũi Hảo Vọng và đất Nam Phi thuộc Anh...	{	1854	691 352	921 957	63 309	985 266
		1855	949 640	791 313	45 437	836 750
		1856	1 502 828	1 344 338	73 127	1 417 465
Cộng đất đai thuộc Anh...	{	1854	34 149 499	33 384 121	2 990 754	36 374 875
		1855	33 583 311	26 163 610	2 292 466	28 456 076
		1856	43 026 586	32 499 794	3 357 963	35 857 757
Tổng cộng của nước ngoài và đất đại thuộc Anh	{	1854	152 389 053	97 184 726	18 636 366	115 821 092
		1855	143 542 850	95 688 085	21 003 215	116 691 300
		1856	172 544 154	115 826 948	23 393 405	139 220 353

Do C.Mác viết vào khoảng ngày 7 tháng
Giêng 1858
Đã đăng trên báo "New - York Daily
Tribune" số 5218, ngày 3 tháng Hai 1858

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh

1* Bao gồm cả Gu-a-na thuộc Anh

2* Gồm cả Đông Ấn

PH.ĂNG-GHEN

GIẢI PHÓNG LÁC-NAU

Cuối cùng chúng tôi đã nhận được báo cáo chính thức của ông Cô-lin Kem-pơ-ben về việc giải phóng Lác-nau. Báo cáo này, về mọi mặt, xác nhận những kết luận mà chúng tôi đã đưa ra dựa trên những tin tức không chính thức về chiến dịch này^{1*}. Trong tài liệu đó, tính chất kháng cự yếu ớt của người Au-đơ còn được nói rõ hơn, và mặt khác, tài liệu cho thấy rõ là bản thân Kem-pơ-ben lấy làm tự hào nhiều hơn rất nhiều về sự chỉ huy khéo léo của mình so với lòng dũng cảm đặc biệt nào đó mà bản thân ông hoặc binh sĩ của ông đã thể hiện. Theo báo cáo, lực lượng người Anh có gần 5 000 quân, trong đó có 3 200 bộ binh, 700 kỵ binh, còn lại là pháo binh, thủy binh, công binh v.v.. Chiến sự bắt đầu bằng cuộc tấn công vào Đin-cu-sa, như đã thông báo trước đây. Công viên này bị chiếm lĩnh sau một trận đánh ngắn. "Thiệt hại rất ít. Thiệt hại của kẻ địch cũng chẳng bao nhiêu vì họ rút lui nhanh chóng". Trong hoàn cảnh như vậy thực tế không thể nào thể hiện được lòng dũng cảm. Người Au-đơ rút lui vội vàng đến nỗi đi qua lãnh thổ La Mác-ti-ni-ép ngay tức khắc, thậm chí không sử dụng tuyến phòng ngự mới là cứ điểm này. Những dấu hiệu đầu tiên về một sự chống cự ác liệt hơn lộ ra khi tiến đến Xi-can-đéc-bác - một khoảnh đất vuông, ngang dọc mỗi chiều 120 i-ác-đơ, có tường cao bao quanh với những lỗ châu mai, được yểm hộ từ mạn sườn

1* - Xem tập này, tr.442 - 447.

bởi một làng có công sự kiên cố cách đây khoảng độ 100 i-ác-đơ. Chính ở đây Kem-pơ-ben đã áp dụng một phương pháp tiến hành chiến tranh khôn ngoan thì đúng hơn là táo bạo. Trọng pháo và pháo dã chiến tập trung hỏa lực vào bức tường bao quanh cung điện, trong lúc đó thì một lũ đoàn tấn công làng có công sự, còn một lũ đoàn khác thì đẩy lùi những toán địch đang tìm cách mở cuộc đột kích. Sự phòng thủ yếu ớt. Thông thường thì phải có những nỗ lực lớn mới có thể chiếm được hai vị trí kiên cố như vừa miêu tả, có hỏa lực yểm trợ lẫn nhau - ngay cả khi chúng nằm trong tay những người lính bình thường hoặc trong tay nghĩa binh thiếu rèn luyện về kỷ luật, nhưng liêu lĩnh. Nhưng ở trường hợp này rõ ràng là không có dũng cảm, mà phối hợp nhịp nhàng cũng không, thậm chí một chút lý trí lành mạnh cũng không nốt. Không hề có tin nào nói là quân giữ thành đã sử dụng pháo binh. Làng nhỏ (hiển nhiên là một nhóm nhà lưạ thưa) bị chiếm lĩnh ngay tức khắc. Những đội quân đóng ở ngoài thành bị đánh tan tác mà không phải mất công gì. Như vậy, trong một thời gian ngắn ngủi, Xi-can-đéc-bác đã bị cô lập hoàn toàn, và sau trận pháo kích một tiếng đồng hồ thì bức tường bị sập một chỗ, bảy giờ lính trung đoàn Xcôt-len tấn công vào cửa mở này và tiêu diệt toàn bộ quân phòng thủ không sót một mống. Theo lời ông Cô-lin Kem-pơ-ben thì khoảng 2 000 người bản xứ ở đây đã bị thiệt mạng.

Điểm tựa tiếp theo là Sác-Nát-gia-phơ - một vị trí có tường bao quanh và dùng để phòng thủ, với một miếu thờ dùng làm công sự. Đây cũng lại đúng là một vị trí mà bất cứ kẻ chỉ huy nào của những đội quân dũng cảm, nhưng ít được rèn luyện về kỷ luật cũng mong có được. Pháo đài này bị chiếm bằng một cuộc tấn công sau khi trận pháo kích ba tiếng đồng hồ đã mở được những đột phá khẩu ở tường thành. Hôm sau, ngày 17 tháng Mười một, Mét-xơ-hau-xơ bị tấn công. Đây là một nhóm công sự bao quanh bởi một tường đất và một hố dốc rộng 12 phút, nói cách khác thì đây là một công sự dã chiến thông thường có một hào hẹp và một tường chắn với bề dày và chiều cao đáng ngờ. Vì một lý do nào đó hình như tướng Kem-pơ-ben cho là vị trí này tương đối khó chiếm lĩnh, bởi vì trước lúc xung phong chiếm lĩnh nó, ông ta đã lập tức quyết định dành cho pháo binh một thời gian cần thiết

để đập nát vị trí này. Bởi vậy, cuộc pháo kích kéo dài suốt cả buổi sáng đến 3 giờ chiều, sau đó thì bộ binh tiến lên và chỉ một loáng đã chiếm xong vị trí. Vô luận thế nào ở đây không hề xảy ra trận đánh ác liệt nào. Mô-ti-ma-khan, điểm tựa cuối cùng của người Au-dơ trên đường đi tới thủ phủ, bị pháo kích trong suốt một tiếng đồng hồ; người ta mở được một vài đợt phá khẩu và chiếm pháo đài một cách dễ dàng. Thế là kết thúc cuộc chiến đấu để giải phóng cho quần đồn trú.

Toàn bộ hoạt động quân sự này có tính chất một cuộc tấn công của những đội quân người Âu kỷ luật tốt, có khá đầy đủ sĩ quan quen với lửa đạn và có phần dũng cảm - vào đám người châu Á chẳng có kỷ luật, chẳng có sĩ quan, chẳng có kinh nghiệm tiến hành chiến tranh, thậm chí không được vũ trang đầy đủ và mất dũng khí, vì nhận thức rằng kẻ địch của họ có ưu thế hai mặt: ưu thế của binh lính đối với dân thường và ưu thế của người Âu đối với người Á. Chúng ta thấy rằng ông Cô-lin Kem-pơ-ben tựa hồ không dụng phải sức kháng cự của pháo binh đối phương của bất cứ chỗ nào. Sau này chúng ta sẽ thấy rằng, theo báo cáo của tướng lĩnh đoàn trưởng In-gli-xơ, thì đại bộ phận nghĩa binh nói chúng chắc là không có súng; và nếu đúng là ở Xi-can-đéc-bác có 2 000 dân bản xứ bị chặt đầu thì rõ ràng là họ được vũ trang rất tồi, vì nếu không thì thậm chí cả đến những kẻ hèn nhát nhất cũng có thể bảo vệ một vị trí như vậy chống lại một đội quân duy nhất tấn công họ.

Mặt khác, nghệ thuật chiến thuật mà tướng Kem-pơ-ben dùng để tiến hành trận đánh rất đáng khen ngợi. Hẳn ông ta đã biết rằng vì đối phương không có pháo binh nên cuộc tiến quân của ông không thể gặp phải sự kháng cự; chính bởi vậy ông đã sử dụng loại binh chủng này một cách đầy đủ, thoạt đầu thì dọn đường cho các đội quân của mình, rồi sau đó ném chúng vào cuộc tấn công. Cuộc tấn công vào Xi-can-đéc-bác và vào các pháo đài bên sườn nó là một mẫu mực tuyệt vời về phương pháp tiến hành một trận đánh như vậy. Đồng thời, khi đã tin chắc là sự phòng thủ rất yếu ớt thì ông ta chẳng còn phải e dè với một kẻ thù như vậy; một khi tường bị phá thủng một chỗ thì ông đẩy bộ binh tiến lên. Nói chung, từ lúc xảy ra những trận đánh ở Lác-nau

thì có thể xem ông Cô-lin Kem-pơ-ben là một tướng lĩnh; trước đó ông chỉ mới được biết đến như một người lính mà thôi.

Đồng thời với việc giải phóng Lác-nau, cuối cùng chúng tôi nắm được tài liệu miêu tả những sự kiện xảy ra trong thời gian công hãm thủ phủ. Tướng lĩnh đoàn trưởng In-gli-xơ, người nhậm chức chỉ huy sau ngài H. Lô-ren-xơ, đã đệ báo cáo của mình lên toàn quyền. Theo lời tướng Út-rê-m và unisono^{1*} của báo chí Anh thì cuộc công hãm thủ phủ là một mẫu mực về lòng dũng cảm vô song; thực ra, sự dũng cảm như thế, sự ngoan cường như thế, sự kiên nghị như thế mà đánh đổi với sự mệt mỏi và những thiếu thốn thì chưa ai từng thấy bao giờ, và sự phòng thủ Lác-nau thật là vô song trong lịch sử các cuộc công hãm. Tướng lĩnh đoàn trưởng In-gli-xơ trong báo cáo của mình có nói là, ngày 30 tháng Sáu người Anh đã mở một cuộc đột kích vào người bản xứ lúc bảy giờ đang tập trung quanh thủ phủ; song cuộc đột kích đã bị đánh trả lại với những tổn thất nặng nề đến mức quân bị vây hãm lập tức buộc phải tự hạn chế chỉ ở việc phòng thủ thủ phủ và thậm chí phải rời bỏ và làm nổ tung nhóm công sự khác nằm bên cạnh, ở đấy có 240 thùng thuốc súng và 6 000 000 viên đạn súng trường. Kẻ địch lập tức bao vây thủ phủ sau khi đã chiếm lĩnh và củng cố những tòa nhà lân cận thủ phủ, một phần trong số đó nằm cách công sự phòng thủ chưa đầy 50 i-ác-đơ, đó là những ngôi nhà mà ngài H. Lô-ren-xơ trước đây không chịu nghe lời khuyên của công binh nên vẫn để nguyên mà không phá sập. Những bức tường chắn của các công sự phòng thủ của người Anh trước đó vẫn chưa hoàn thành trọn vẹn và chỉ có hai pháo đội là được bố trí xong xuôi; nhưng bất chấp hỏa lực dữ dội do 8 000 người "liên tục", "cùng một lúc" bắn vào "trận địa này", người Anh vẫn đủ sức hoàn thành rất nhanh chóng việc xây dựng các công sự và đặt được 30 khẩu pháo. Hỏa lực dữ dội này hẳn là bắn một cách loạn xạ, hú họa, không chút xứng đáng được gọi là bắn trúng đích như tướng In-gli-xơ đã ca ngợi; nếu không thì vị tất đã có ai còn sống sót trong thủ phủ, nơi mà có lẽ chỉ có khoảng 1200 người bảo vệ? Những dẫn chứng mà người ta đưa ra để

1* - ý kiến thống nhất

khẳng định tính chất khốc liệt của hỏa lực này, cụ thể là phụ nữ, trẻ em và người bị thương nấp trong những vị trí khá kín đáo đều bị tử vong, là những dẫn chứng rất không đạt, bởi vì những trường hợp như vậy thường hay xảy ra đúng vào lúc mà hỏa lực địch dội vào pháo đài nói chung, chứ không nã vào những mục tiêu xác định, và bởi vậy không bao giờ làm cho đích thực những kẻ giữ thành bị thương vong cả. Ngày 1 tháng Bảy, Lô-ren-xơ bị thương nặng, và In-gli-xơ nhậm chức chỉ huy. Trước đó quân địch đã có tại trận địa này 20 hoặc 25 khẩu pháo "bố trí xung quanh cứ điểm của chúng ta". Đây là một thành công lớn đối với việc phòng thủ vì rằng, nếu đối phương tập trung hỏa lực của mình vào một hay hai điểm của công sự thì vị trí này ắt hẳn đã bị chiếm lĩnh. Một binh đội trong những binh đội pháo binh này được tập trung ở những điểm mà "trọng pháo của chúng ta không dội lửa tới được". Vì thủ phủ nằm ở trên cao nên những cứ điểm này chỉ có thể bố trí sao cho pháo bên tấn công không có khả năng bắn vào công sự được, mà chỉ vào những nóc nhà bên trong thủ phủ; điều này rất có lợi cho việc phòng thủ, bởi vì bắn như vậy thì chẳng gây được thiệt hại lớn, trong lúc đó thì chính những khẩu pháo này lại có thể được sử dụng một cách đặc lực vô song để bắn vào tường chắn hoặc vào lũy chiến đấu. Nói chung, pháo binh cả hai phía xem ra đều được sử dụng tới hết chỗ nói; nếu không thì việc pháo kích trong một khoảng cách gần như vậy tất phải rất nhanh chóng đình chỉ và các khẩu đội sẽ loại trừ lẫn nhau. Tại sao lại không xảy ra hiện tượng này, cho đến nay điều đó vẫn còn là bí mật.

Ngày 20 tháng Bảy, người Au-đơ giạt mình dưới tường chắn, nhưng tường vẫn không việc gì. Tiếp ngay sau đó hai đội chủ lực tiến lên tấn công, đồng thời ở những khu vực khác cũng tấn công nghi binh. Song tác dụng của hỏa lực quân đồn trú đủ để đẩy lùi họ. Ngày 10 tháng Tám lại nổ một quả mìn khác và đã tạo ra được một cửa mở,

"qua cửa mở này cả một trung đoàn có thể đi qua một cách hoàn toàn có trật tự. Một toán lao về phía cửa mở này, hai bên sườn có những cuộc tấn công yểm trợ cho nó, song chỉ một số trong những binh lính địch quyết tâm nhất là tới được cửa mở mà thôi".

Số ít này bị tiêu diệt rất chóng bởi hỏa lực của quân đồn trú bắn từ bên sườn, trong lúc đó thì đám quân thiếu kỷ luật tấn công ở hai bên sườn bị đẩy lùi một một cách dễ dàng bằng thủ pháo và một vài loạt súng. Quả mìn thứ ba nổ vào ngày 18 tháng Tám mở ra một đột phá khẩu mới, nhưng cuộc tấn công tiếp đó còn yếu ớt hơn những cuộc tấn công trước và đã bị đẩy lùi một cách dễ dàng. Vụ nổ mìn và tấn công sau cùng xảy ra vào ngày 5 tháng Chín, nhưng cuộc tấn công lại bị đẩy lùi bằng thủ pháo và hỏa lực súng tay. Từ lúc ấy cho mãi đến lúc có viện binh tới, cuộc công hãm trông có vẻ như một cuộc phong tỏa bình thường có kèm theo hỏa lực pháo binh và súng tay ở mức độ nào đó.

Đây là một chiến dịch hết sức kỳ lạ. Một đám đông gồm 50 000 người hoặc thậm chí còn đông hơn, gồm dân chúng Lác-nau và những vùng lân cận, trong đó có thể có đến 5 000 hoặc 6 000 binh sĩ đã qua huấn luyện, bao vây một nhúm độ 1 200 hay 1 500 người Âu trong thủ phủ Lác-nau và định buộc họ đầu hàng. Thế trận của quân công hãm yếu đến nỗi, mặc dù họ đã cắt đứt được các tuyến giao thông nối liền giữa quân bị hãm với Can-pua, nhưng rõ ràng họ vẫn không cắt đứt được hoàn toàn việc tiếp tế của quân đồn trú. Toàn bộ cái gọi là "cuộc công hãm" là một mớ hỗn hợp của sự dốt nát và sự man rợ của người châu Á với những tia tri thức quân sự lẻ tẻ nào đó mà người Âu đã đưa tới đây trong thời kỳ thống trị của họ. Trong số những người Au-đơ rõ ràng là có những pháo thủ và những công binh riêng lẻ biết cách bố trí các khẩu đội, nhưng công việc của họ hẳn là chỉ bó hẹp trong việc xây dựng chỗ phòng tránh hỏa lực của địch. Thậm chí hình như họ đã làm cho nghệ thuật tự phòng hộ này hoàn hảo tới mức các khẩu đội của họ trở nên hoàn toàn vô hại không những đối với các pháo thủ, mà cả đối với người bị vây hãm, bởi vì không một khẩu pháo nào trong các chỗ ẩn nấp ấy lại có thể nã đạn mà thu được đôi chút hiệu quả. Họ cũng không bắn được cho ra trò: nếu không phải như vậy thì làm sao có thể giải thích được cái sự kiện chưa từng có là, 30 khẩu pháo bên trong và 25 khẩu pháo bên ngoài thủ phủ nã đạn vào nhau ở một khoảng cách hết sức gần, một số khẩu không xa quá 50 i-ác-đơ, ấy thế mà chúng ta không hề nghe nói gì về những khẩu pháo bị triệt hạ, cũng

như không thể nghe nói là phía này đã làm câm họng pháo binh phía kia? Còn về hỏa lực súng tay thì trước hết chúng ta phải hỏi rằng 8 000 thổ dân chiếm một vị trí cách khẩu đội Anh vừa tầm súng tay mà lại không bị pháo binh đuổi cho phải tháo chạy, liệu có thể như vậy được chăng? Còn nếu họ thật sự chiếm được một vị trí thuận lợi thì tại sao lại có thể có chuyện họ không tiêu diệt và không làm bị thương tất cả những kẻ giữ thành không để sót một ai? Tuy nhiên, người ta vẫn nói với chúng ta rằng họ đóng chốt ở đây, ngày đêm nhả đạn, và rằng bất chấp tất cả điều đó, trung đoàn 32, trung đoàn mà sau ngày 30 tháng Sáu nhiều nhất là có thể có được 500 người và buộc phải chịu đựng toàn bộ sức nặng của cuộc công hãm, đến cuối cuộc công hãm vẫn còn được 300 người! Nếu đây không phải là sự sao chép y nguyên câu chuyện "chục người sống sót cuối cùng của trung đoàn 4 (Ba Lan)", trung đoàn tiến vào nước Phổ với đội hình gồm 88 sĩ quan và 1 815 binh sĩ - thì là cái gì? Người Anh hoàn toàn đúng khi nói rằng trận đánh như trận Lác-nau, chưa từng có bao giờ, - và thật ra chưa từng có trận đánh nào như vậy. Trái với giọng khiêm tốn và có vẻ thành thực trong báo cáo của In-gli-xơ, những nhận xét kỳ khôi của ông ta về những khẩu pháo được bố trí sao cho đối phương không thể bắn vào chúng được, về 8 000 lính ngày đêm xả đạn mà vô hiệu quả, về 50 000 nghĩa binh bao vây thủ phủ, về tổn thất gây ra bởi những quả đạn bay tới nơi mà họ hoàn toàn không còn cách gì chống đỡ, về những trận tấn công diễn ra rất ác liệt và vẫn bị đẩy lùi một cách dễ như trở bàn tay, - tất cả những nhận xét đó buộc chúng ta phải thừa nhận rằng bản báo cáo đầy rẫy những lời cường điệu thô thiển nhất và làm cho giới bình luận vô tư không chịu nổi lấy một phút.

Thế nhưng tại sao những người bị vây hãm lại trông có vẻ như phải chịu đựng những thiếu thốn phi thường? Bạn hãy nghe đây:

"Nguồn gốc những nỗi cực khổ lớn vẫn là thiếu đầy tớ thổ dân. Một số mệnh phụ buộc phải tự mình chăm sóc lấy con cái của mình và thậm chí phải giặt giũ lấy áo quần của mình, cũng như phải nấu lấy bữa ăn nghèo nàn mà không được ai giúp đỡ cho cả".

Thật cơ khổ cho các vị mệnh phụ ở Lác-nau! Đành rằng, vào những thời buổi loạn ly lên voi xuống chó, khi các triều đại được dựng lên và phế bỏ trong có một ngày, còn những cuộc cách mạng và những cuộc phá sản thương mại thì đang biến tất cả những phúc lợi của cuộc sống thành một cái gì đó bấp bênh quá đỗi, người ta không trông đợi chúng ta có sự thông cảm sâu sắc khi được tin một nguyên hoàng hậu này kia lại phải tự mình lấy bát tất của chính mình và thậm chí phải giặt lấy bát tất, chứ chưa nói đến việc phải tự tay nấu lấy món thịt cừu băm viên cho mình. Song khi nói về một mệnh phụ Anh - Ấn, về một trong vô vàn những chị em, bà con, cháu chắt của những sĩ quan đã về hưu, của những quan chức Chính phủ Ấn Độ, của những thương nhân, những viên chức hành chính hoặc của bọn phiêu lưu, về một trong các vị mệnh phụ mà hàng năm người ta gửi từ ghế nhà trường đến, hoặc nói đúng hơn, gửi trước lúc nổ ra cuộc khởi nghĩa, sang thị trường hôn thê rộng lớn vào Ấn Độ - một cách cũng thiếu nhã nhặn và thường là ít có sự tự nguyện của họ, so với điều đã xảy ra với những người đẹp Tréc-kê-xi được gửi sang thị trường Công-xtăng-ti-nô-plơ, - khi nghĩ rằng một trong những mệnh phụ như thế phải giặt lấy quần áo cho mình và nấu lấy bữa ăn đạm bạc của mình - hãy hình dung xem! - không hề được một ai đỡ đần, thì ai mà máu lại chả sôi lên trong huyết quản cơ chứ! Hoàn toàn không có "đầy tớ thổ dân", lại còn phải chăm sóc lấy con cái của mình nữa chứ! Điều đó thật là đáng phẫn nộ, thật là tồi tệ hơn so với ở Can-pua^{1*}.

Đám đông bao vây thủ phủ cũng có thể là 50 000 người, song trong trường hợp này đại đa số trong bọn họ rõ ràng không thể có súng. Tám nghìn "xạ thủ thiện nghệ" có thể cũng có súng, nhưng kết quả chiến đấu của họ đủ chứng tỏ đây là xạ thủ gì và súng ống của họ ra sao. Như các sự kiện đã chỉ rõ, hai mươi lăm khẩu súng của pháo đội họ đã bắn rất tồi. Việc đào hào cũng tiến hành một cách được chẳng hay chớ hết như việc bắn súng vậy. Những cuộc tấn công không đáng gọi ngay cả là những cuộc trình sát. Đó là tình hình của bên công hãm.

1* Xem tập này, tr. 354-355.

Những kẻ bị vây hãm xứng đáng với mọi lời khen ngợi về sức mạnh ý chí to lớn đã giúp họ cố thủ được khoảng 5 tháng, thêm vào đó là phần lớn thời gian này họ không nhận được tin tức gì về quân đội Anh. Họ đã chiến đấu và hy vọng bất chấp tất cả, điều đó là xứng với những con người, khi họ buộc phải trả giá hết sức đắt cuộc đời của mình là phải bảo vệ phụ nữ và trẻ em khỏi bàn tay tàn bạo của người châu Á. Vâng, chúng ta trân trọng tính kiên nghị và sự ngoan cường của họ. Song ai có thể làm khác đi khi biết rằng việc đầu hàng của Uy-le-rơ ở Can-pua đã dẫn đến hậu quả gì?

Còn mưu toan miêu tả sự phòng thủ Lác-nau như là một trường hợp anh dũng vô song thì thật là một điều lố bịch, nhất là sau bản báo cáo vụng về của tướng In-gli-xơ. Những thiếu thốn mà quân đồn trú phải chịu đựng chỉ hạn chế trong việc thiếu nhà để có thể trú ẩn khi thời tiết xấu (tuy vậy điều này đã không gây ra bệnh hoạn nghiêm trọng); còn về thực phẩm thì thực đơn tồi nhất có "thịt bò loại xoàng và bột lại xoàng hơn nữa", nhưng bữa ăn như thế tốt hơn nhiều so với bữa ăn mà binh lính trong những pháo đài bị công hãm ở châu Âu vốn đã quen thuộc! Chỉ cần so sánh sự phòng thủ Lác-nau chống lại một đám người dã man ngu si và dốt nát với sự phòng thủ Ằng-ve năm 1832 hoặc với sự phòng thủ pháo đài Man-hê-ra gần Vơ-ni-dơ năm 1848 - 1849²⁷⁸ cũng đủ rõ, chứ đừng nói đến Xê-va-xtô-pôn, nơi mà Tôt-tơ-lê-ben đã gặp phải những khó khăn lớn hơn nhiều so với tướng In-gli-xơ. Tham gia công hãm pháo đài Man-hê-ra có những công binh và pháo binh tinh nhuệ của Áo, còn bảo vệ nó thì có một đơn vị đồn trú gồm những binh lính vừa mới được tập hợp lại; bốn phần năm quân đồn trú không có hầm tránh pháo; địa thế ảm thấp đã làm nảy sinh bệnh sốt rét cơn còn nguy hiểm hơn khí hậu Ấn Độ; có khoảng một trăm khẩu pháo nã vào pháo đài, và trong ba ngày pháo kích cuối thì cứ mỗi phút nã bốn chục quả. Ấy thế mà pháo đài vẫn đứng vững được ròng rã một tháng trời và ắt còn tiếp tục đứng vững lâu hơn nữa, nếu như quân Áo không chiếm được một vị trí khiến cho quân cố thủ phải rút lui. Hoặc lấy Đan-txích, nơi mà Ra-pơ cùng với tàn quân của các trung đoàn Pháp kiệt quệ từ Nga trở về, vẫn đứng vững được mười một tháng trời²⁷⁹ làm ví dụ.

Hãy chú ý bất kỳ một cuộc công hãm nghiêm trọng nào trong thời đại chúng ta, bạn sẽ thấy là những người bị vây hãm đều thể hiện một tài nghệ lớn hơn, có tinh thần hơn và không hề kém dũng cảm và kém chịu được so với quân đồn trú ở Lác-nau, mặc dù tình thế của họ, xét từ góc độ tương quan lực lượng, không mấy may khá hơn.

Nghĩa binh Au-đơ, dù ở chiến trường họ có tỏ ra kém cỏi như thế nào chăng nữa, họ vẫn thể hiện được sức mạnh của cuộc khởi nghĩa dân tộc ngay sau khi Kem-pơ-ben đến. Kem-pơ-ben thấy ngay rằng ông không thể dùng sức mình để tấn công thành phố Lác-nau, cũng như giữ vững được vị trí của mình. Đó là điều rất tự nhiên, và những ai chú ý nghiên cứu lịch sử cuộc xâm nhập của Pháp vào Tây Ban Nha thời Na-pô-lê-ông thì tất phải hiểu rõ. Sức mạnh của một cuộc khởi nghĩa dân tộc không phải ở trong những trận giao tranh theo đúng quy củ, mà ở chiến tranh du kích, ở việc phòng thủ các thành phố và ở việc phá hoại giao thông liên lạc của kẻ địch. Bởi vậy, Kem-pơ-ben đã chuẩn bị rút lui cũng với một tài nghệ như ông ta đã tổ chức tấn công. Ông ta đã chiếm thêm một số vị trí gần thủ phủ. Kem-pơ-ben đã làm như vậy để có thể đánh lừa đối phương về những dự định của mình và giấu kín việc chuẩn bị rút lui. Toàn quân, trừ một số dự bị ít ỏi, với một tinh thần dũng cảm hoàn toàn xứng đáng trước một đối phương như vậy, đã nhận lệnh lập một phòng tuyến kéo dài gồm những đồn canh và trạm biên phòng để sơ tán phụ nữ, bệnh binh, thương binh và tài sản ra phía sau phòng tuyến đó. Công việc chuẩn bị này vừa được tiến hành xong thì những đồn biên phòng đóng nhô lên phía trước được rút về phía sau và dần dần được tập trung thành những toán quân lớn hơn, những toán tiên phong nhất trong số này, khi đi qua tuyến sau đã hình thành lực lượng dự bị ở phía sau. Toàn bộ sự chuyển quân này được thực hiện hoàn toàn có trật tự mà không hề bị nghĩa quân ngăn trở; trừ đơn vị đồn trú ít ỏi do Ứt-rêm chỉ huy, được để lại ở A-lam-bác (hiện giờ vẫn chưa rõ là nhằm mục đích gì), còn toàn quân chuyển về Can-pua, và như vậy là quân đội Au-đơ đã rút khỏi Vương quốc Au-đơ.

Cùng lúc đó, ở Can-pua đã xảy ra những sự cố không hay. Uyn-hêm "anh hùng Rê-đan"²⁸⁰, - một sĩ quan nữa trong số những

sĩ quan mà người ta thuyết phục chúng ta tin vào tài ba quân sự của họ khi nói rằng, họ đã chứng minh những tài ba đó bằng tinh thần hết sức dũng cảm của từng cá nhân, - đã đánh tan đội quân tiên phong của đoàn Gva-li-oóc ngày 26, nhưng ngày 27 thì chính ông ta lại bị nó đánh cho đại bại; doanh trại của ông bị chiếm và bị thiêu hủy, còn bản thân ông thì buộc phải rút vào công sự cũ của Uy-le-rơ ở Can-pua. Ngày 28 nghĩa quân lại tấn công vị trí này nhưng bị đẩy lùi, rồi ngày 6 Kem-pơ-ben đánh tan họ mà hầu như không bị tổn thất, thu được toàn bộ vũ khí và đoàn xe của họ, và truy kích nghĩa quân một khoảng mười bốn dặm. Hiện giờ chúng tôi hầu như chưa có những chi tiết về tất cả những hoạt động này, nhưng có điều chắc chắn là cuộc khởi nghĩa ở Ấn Độ còn lâu mới bị dập tắt và mặc dù đại bộ phận hoặc thậm chí toàn bộ viện binh Anh đã đổ bộ lên đất Ấn Độ, nhưng họ biến mất bằng cách nào mà hầu như không thể giải thích được. Ở Ben-gan đã có khoảng 20 000 người đổ bộ lên, ấy thế mà đạo quân tác chiến hiện giờ vẫn không nhiều hơn so với những ngày hạ thành Đê-li. Ở đây có một điều gì đó không ổn. Hiển nhiên là khí hậu đang gây ra những sự hủy diệt khủng khiếp trong số những kẻ mới đến.

*Do Ph. Ăng-ghe-ni viết ngày 14 tháng
Giêng 1858
Đã đăng trên báo "New-York Daily
Tribune" số 5236, ngày 1 tháng Giêng
1858*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

MÓN NỢ SẮP TỚI CỦA ẤN ĐỘ

Luân Đôn, ngày 22 tháng Giêng 1858

Sự nhộn nhịp trên thị trường tiền tệ Luân Đôn do việc rút một khối vốn lớn ra khỏi phạm vi sử dụng chúng một cách thông thường vào sản xuất và sau đó chuyển chúng vào thị trường chứng khoán, vài tuần lại đây có phần lắng xuống vì sắp phát hành *công trái Ấn Độ* với khoản tiền là tám hoặc chín triệu pao xtéc-linh. Khoản vay này sẽ được tiến hành ở Anh và phải được quốc hội thông qua ngay khi bắt đầu kỳ họp của nó vào tháng Hai, nhằm thoả mãn những yêu sách mà những chủ nợ ở nước nhà đưa ra cho Công ty Đông Ấn, cũng như nhằm trang trải những khoản chi phí quá lớn về quân trang, quân dụng, đạn dược, chuyển quân v.v., do cuộc khởi nghĩa ở Ấn Độ gây nên. Tháng Tám 1857, trước lúc bế mạc kỳ họp quốc hội, Chính phủ Anh long trọng tuyên bố trước hạ nghị viện rằng không hề dự định phát hành một khoản công trái như vậy, vì những nguồn tài chính riêng của công ty cũng thừa đủ để khắc phục cuộc khủng hoảng. Song những ảo tưởng dễ chịu được tạo ra cho Giôn Bun bằng cách như vậy, đã chóng bị xua tan một khi người ta biết là Công ty Đông Ấn, nhờ một hoạt động rất đáng ngờ, đã thu được khoản tiền gần 3 500 000 p.xt., do các công ty khác nhau giao cho nó để xây dựng đường sắt ở Ấn Độ, và ngoài ra, đã bí mật lấy 1 000 000 p.xt. ở Ngân hàng Anh và thêm một triệu nữa ở các ngân hàng cổ phần Luân Đôn. Khi công chúng đã được chuẩn bị như vậy để đối phó với trường

hợp xấu nhất thì chính phủ, rốt cuộc, quyết định vứt bỏ chiếc mặt nạ, và trong những bài viết bán chính thức đăng trên báo "Times", "Globe", và trên các cơ quan ngôn luận chính phủ, đã công khai thừa nhận sự cần thiết của công trái.

Có thể hỏi là, tại sao để phát hành công trái này, chính quyền lập pháp lại cần có một đạo luật riêng và thứ nữa, tại sao một sự kiện như vậy ắt phải gây ra bất cứ những lo ngại nào đó? Số là, dường như mọi lối thoát cho tư bản Anh, tư bản hiện đang uống công tìm nơi đầu tư có lợi, trong hoàn cảnh này phải được xem là của quý vớ được, và là phương tiện tốt nhất để chống lại sự mất giá nhanh chóng của tư bản.

Mọi người đều biết rằng hoạt động thương mại của Công ty Đông Ấn đã đình chỉ vào năm 1834, khi mà nguồn lợi nhuận thương mại chủ yếu còn lại của nó đã bị thủ tiêu: đó là độc quyền buôn bán với Trung Quốc²⁸¹. Vì những người có cổ phần ở Công ty Đông Ấn, ít ra cũng nhận được trên danh nghĩa lợi tức của mình từ lợi nhuận thương mại của công ty, cho nên cần có biện pháp tài chính mới để bảo đảm những lợi tức đó. Việc trả lãi cổ phiếu, mà từ trước tới nay được thực hiện qua việc lấy từ lợi nhuận thương mại của công ty, đã bắt đầu được thực hiện nhờ vào thu nhập chính trị của nó. Những người có cổ phần ở Công ty Đông Ấn từ nay phải nhận lợi tức từ thu nhập mà công ty có được với tư cách là Chính phủ Ấn Độ, còn cổ phần của công ty, tổng số là 6 000 000 p.xt., với lãi suất 10%, được chuyển theo văn bản của quốc hội, thành vốn, phải được thanh toán chỉ theo giá 200 p.xt. cho mỗi cổ phiếu có giá trị 100 pao xtéc-linh. Nói cách khác, tư bản cổ phần lúc đầu của Công ty Đông Ấn với số tiền 6 000 000 p.xt. đã chuyển thành tư bản với số tiền là 12 000 000 p.xt. đem lại 5% lợi nhuận được trả bằng tiền thu thuế của nhân dân Ấn Độ. Như vậy, nợ của Công ty Đông Ấn, nhờ mảnh khoé nghị trường, đã biến thành nợ của nhân dân Ấn Độ. Ngoài ra, Công ty Đông Ấn còn vay được trên 50 000 000 p.xt. ở ngay Ấn Độ, và việc trả món nợ này tất phải được tiến hành bằng cách lấy từ thu nhập quốc dân của nước này. Những khoản vay loại như vậy mà công ty nhận được ở Ấn Độ bao giờ cũng được xem là không thuộc thẩm quyền của luật pháp quốc hội và ít liên quan

tới nó, cũng giống như, chẳng hạn, những khoản vay mà các chính phủ thuộc địa Ca-na-đa, Ôt-xơ-rây-li-a vay được.

Song ở ngay nước Anh thì Công ty Đông Ấn đã bị cấm không được nhận những khoản vay lãi mà không được quốc hội chuẩn y riêng. Một vài năm trước đây, khi công ty bắt tay làm đường sắt và đường điện thoại ở Ấn Độ, thì nó xin phép phát hành công trái Ấn Độ trên thị trường Luân Đôn, và nó đã được phép phát hành tín phiếu với tổng số tiền 7 000 000 p.xt., lãi suất 4%, được bảo đảm chỉ bằng thu nhập quốc dân của Ấn Độ. Vào đầu cuộc khởi nghĩa Ấn Độ, nợ về trái phiếu này còn 3 894 400 p.xt., và chính sự cần thiết phải cầu khẩn quốc hội lần nữa cũng chỉ ra rằng, trong thời gian khởi nghĩa Ấn Độ, Công ty Đông Ấn đã mất hết khả năng pháp luật của mình để phát hành trái phiếu ở Anh.

Giờ đây chẳng còn ai coi điều sau đây là bí mật nữa: trước khi lại áp dụng biện pháp này, Công ty Đông Ấn đã tổ chức đăng ký vay ở Can-cút-ta, song đã hoàn toàn thất bại. Một mặt, điều đó chứng minh rằng những nhà tư bản Ấn Độ nhìn triển vọng bá chủ của Anh ở Ấn Độ hoàn toàn không phải lạc quan như báo chí Luân Đôn; mặt khác, điều đó làm cho Giôn Bun vô cùng tức giận, vì ông ta biết rằng trong vòng bảy năm lại đây, việc cất trữ vốn đã diễn ra với quy mô lớn biết nhường nào ở Ấn Độ, nơi mà theo báo cáo mới công bố gần đây của hãng các ngài Hác-gác-đơ và Pích-xli, trong năm 1856 và 1857, chỉ từ một cảng Luân Đôn thôi cũng đã gửi tới đó số thỏi vàng trị giá 21 000 pao xtéc-linh. Tờ "Times" ở Luân Đôn, với giọng nói có sức thuyết phục, đã dạy khôn cho độc giả của mình, rằng

"trong tất cả những phương pháp khiến cho dân bản xứ trở thành những người trung thành, thì phương pháp đáng ngờ nhất - đó là biến họ thành những trái chủ của chúng ta; còn mặt khác, không có gì có thể gây ra đến mức như vậy sự bất bình và phản bội trong cái dân tộc hám lợi, kín đáo và dễ kích động này bằng cái ý nghĩa là hàng năm người ta bắt nó đóng thuế để chuyển lợi tức cho các trái chủ giàu có ở những nước khác".

Song, hình như những người Ấn Độ không hiểu được toàn bộ cái tuyệt diệu của kế hoạch nhằm khộng những khôi phục được sự thống trị của Anh dựa vào tư bản Ấn Độ, mà đồng thời bằng

con đường gián tiếp hẳn có thể mở kho báu của người bản xứ cho thương mại Anh. Thực ra, nếu như các nhà tư bản Ấn Độ yêu mến ách thống trị của Anh mãnh liệt như mỗi người Anh chính cống coi việc khẳng định điều này như một vật tượng trưng nào đó là cần thiết, thì hẳn không thể tạo cho họ dịp tốt hơn để biểu thị lòng trung thành và tung tiền bạc của mình ra. Song, vì những nhà tư bản Ấn Độ đóng kết của mình lại, cho nên Giôn Bun buộc phải nói ra một sự thực đáng cay, là chi phí về cuộc khởi nghĩa Ấn Độ, ít ra trong thời gian đầu, ông ta phải rút tiền túi ra trả chứ người bản xứ không hề cùng gánh vác chút nào. Hơn nữa, khoản vay sắp tới mới chỉ là tiền lệ và dường như là trang đầu một cuốn sách có nhan đề là "Món nợ bên trong của Anh - Ấn". Điều sau đây không còn là bí mật đối với bất cứ ai: Công ty Đông Ấn cần có không phải tám, chín triệu, mà hai mươi lăm đến ba mươi triệu pao xtéc-linh, và thậm chí số tiền này ắt cũng chỉ là khoản nộp đầu tiên, hơn nữa không phải để trang trải những chi phí trước mắt, mà là để trả những món nợ đã có. Sự thiếu hụt ngân sách trong ba năm gần đây là vào khoảng 5 000 000 pao xtéc-linh; nghĩa quân đã chiếm của ngân khố, tính đến ngày 15 tháng Mười năm ngoái, theo thông báo của "Phoenix"²⁸², một tờ báo của Chính phủ Ấn Độ, một số tiền là 10 000 000 pao xtéc-linh; do cuộc khởi nghĩa mà thu nhập ở các tỉnh đông-bắc bị giảm đi 5 000 000 p.xt., còn chiến phí thì ít nhất là 10 000 000 pao xtéc-linh.

Đành rằng, những khoản vay kế tiếp của Công ty Đông Ấn trên thị trường tiền tệ Luân Đôn sẽ có thể nâng được giá trị của tiền tệ và có thể phòng ngừa được sự mất giá ngày càng tăng của tư bản, nghĩa là phòng ngừa sự tiếp tục giảm sút lãi suất. Song sự giảm sút như vậy chính là cần thiết để hồi phục công nghiệp và thương mại Anh. Bất cứ sự kiềm chế giả tạo nào đối với sự hạ thấp tỷ suất chiết khấu cũng có nghĩa là nâng cao chi phí sản xuất và giá trị của tín dụng, mà công nghiệp và thương mại Anh, do tình trạng yếu kém hiện nay của chúng, lại không thể chịu đựng được một sự nâng cao như vậy. Do đó mọi người la ó tuyệt vọng khi nghe công bố công trái Ấn Độ. Mặc dù sự phê chuẩn của quốc hội không tạo ra sự bảo đảm của đế chế cho việc vay mượn của công ty, nơi buộc phải tạo ra sự bảo đảm ấy, nếu không thể vay

được tiền theo những điều kiện khác; và một khi Chính phủ Anh đã đứng vào chỗ của Công ty Đông Ấn thì món nợ của nó, bất chấp mọi sự khác biệt tế nhị, lại thuộc vào món nợ chung của nhà nước Anh. Như vậy, sự tiếp tục tăng của món nợ quốc gia lớn có lẽ sẽ là một trong những hệ quả tài chính đầu tiên của cuộc khởi nghĩa Ấn Độ.

*Do C.Mác viết ngày 22 tháng Giêng 1858
Đã đăng trên báo, "New-York Daily
Tribune" số 5243, ngày 9 tháng Hai 1858*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

PH.ĂNG-GHEN

THẤT BẠI CỦA UYN-HÊM²⁸³

Trong thời gian Chiến tranh Crưm, lúc mà toàn thể nước Anh đi tìm một người có khả năng tổ chức và chỉ huy quân đội Anh, và lúc mà việc chỉ huy được giao phó cho những kẻ bất tài như Ra-glan, Xim-pxơn và Cô-đrinh-ton thì ở Crưm có một người lính bẩm sinh có những phẩm chất của một tướng lĩnh thật sự. Chúng tôi muốn nói đến ông Cô-lin Kem-pơ-ben, người hiện giờ ở Ấn Độ hàng ngày đang chứng minh rằng ông ta là kẻ lỗi lạc trong công việc của mình. Sau khi ở Crưm, Kem-pơ-ben được giao chức chỉ huy lữ đoàn đóng tại An-ma, nơi mà chiến thuật hàng ngang cứng nhắc của quân đội Anh không cho phép ông ta phát huy được tài năng của mình, giam chân ông ta ở Ba-la-cla-va và không để cho ông ta tham gia vào các trận sau đó một lần nào nữa. Thế nhưng thiên tài quân sự của ông trước đó từ lâu ở Ấn Độ đã được chính ngay Sác-lơ Giêm-xơ Nây-pia, vị tướng lĩnh lớn nhất của nước Anh, sau Man-bô-rô chứ không phải ai khác, hoàn toàn thừa nhận. Nhưng Nây-pia là một con người có tính cách độc lập, quá tự kiêu mà không chịu cúi mình trước tập đoàn thống trị, và những lối dạy bảo của ông ta cũng đủ để người ta theo dõi Kem-pơ-ben và không còn tin cậy y nữa.

Như vậy, những sự việc biệt đãi và tôn kính trong cuộc chiến tranh này được dành cho những nhân vật khác. Trong số những nhân vật ấy có ông Uy-li-am Phê-nu-ích Uy-li-am-xơ Các-xki, người mà hiện nay tưởng là có thể yên nghỉ trên vòng nguyệt quế đạt

được bằng sự vô liêm sỉ, bằng sự dương dương tự đắc và bằng việc dùng con đường bịp bợm để vợ cho mình cái vinh quang của tướng Cmê-ti, vinh quang mà ông này xứng đáng được hưởng. Cái tước vị tòng nam tước, món bổng mỗi năm một ngàn pao, cái chức vụ béo bở ở Vu-li-giơ và cái ghế ở nghị viện - tất cả điều đó hoàn toàn đủ để ngài Uy-li-am không muốn đánh cuộc danh tiếng của mình ở Ấn Độ. Khác với ông ta, "anh hùng Rê-dan", là tướng Uyn-hêm lại tới chỉ huy lữ đoàn đánh quân Xi-pai, và ngay những trận ra quân đầu tiên của ông đã vĩnh viễn chôn vùi uy danh của ông. Chính ngài Uyn-hêm này, một đại tá chả ai biết tiếng tăm, nhưng gia đình ông ta lại có thân thế, đã chỉ huy lữ đoàn trong cuộc tấn công Rê-dan, thời gian đó ông ta hành động hết sức uể oải, rốt cuộc, vì viện binh mãi vẫn không tới, ông ta đã hai lần bỏ mặc xác quân đội của mình và đích thân quay về hậu phương để tìm hiểu tin về viện binh. Vì hành vi rất đáng ngờ như vậy, một hành vi mà ở các quân đội khác thì ắt đã phải ra toà án binh, ông ta lập tức được phong lên cấp tướng, và sau đó, chẳng mấy chốc được bổ nhiệm vào chức vụ tham mưu trưởng.

Khi Cô-lin Kem-pơ-ben bắt đầu tấn công Lác-nau, ông ta để những công sự cũ, doanh trại và thành phố Can-pua và cả chiếc cầu trên sông Hằng cho tướng Uyn-hêm trông coi cùng với một đội quân đủ để đảm đương nhiệm vụ này. Trong đội quân này có năm trung đoàn bộ binh đủ thành phần và không đủ thành phần, một số lớn khẩu pháo của pháo binh đóng chốt, 10 khẩu pháo dã chiến và hai khẩu pháo hải quân, ngoài ra còn 100 lính kỵ binh; cả đội quân có trên 2 000 người. Trong khi Kem-pơ-ben bị trói chân ở gần Lác-nau, những toán nghĩa binh khác nhau đi lang thang dọc sông Đê-áp đã hợp nhất lại để nhằm tấn công vào Can-pua. Ngoài đám người đủ loại được nghĩa quân Gia-min-đa-rơ tụ tập lại, trong hàng ngũ toán quân tấn công còn có những binh lính đã được huấn luyện (không thể gọi họ là quân có kỷ luật được); đó là tàn quân Xi-pai của Đê-na-pua và một bộ phận trong đoàn Gva-li-oóc. Trong số nghĩa quân chỉ có bộ phận cuối này được hợp nhất thành những đơn vị lớn hơn đại đội; vì hầu hết các sĩ quan của bộ phận này đều là người bản xứ cho nên, với thành phần chỉ huy cũ và những đại uý của mình, họ đã giữ lại một dáng vẻ nào đó

giống như những tiểu đoàn có tổ chức. Vì nguyên nhân này, người Anh có phần kiêng dè họ. Uyn-hêm được chỉ thị gắt gao là phải tự hạn chế ở phòng thủ, nhưng vì không nhận được đáp thư của Kem-pơ-ben về báo cáo của mình do liên lạc bị cắt đứt nên đã quyết định hành động theo trách nhiệm cá nhân của mình. Ngày 26 tháng Mười một, ông ta cùng một toán quân gồm 1 200 bộ binh, 100 kỵ binh và 8 khẩu pháo đón đánh những nghĩa quân tấn công. Sau khi đánh tan đội tiên phong của nghĩa quân một cách dễ dàng, ông nhận ra đội chủ lực của họ đang tiến tới gần nên bèn rút về tận Can-pua. Ở đây ông chiếm lĩnh một vị trí trước thành phố, sau khi đã bố trí trung đoàn 34 ở cánh trái, còn pháo thủ (khoảng 5 đại đội) và hai đại đội thuộc trung đoàn 82 thì ở cánh phải. Đường rút lui chạy ngang qua thành phố, còn phía sau cánh trái thì có một vài lò gạch phía trước, cách khoảng bốn trăm i-ác-đơ, trên những điểm khác nhau ở hai cánh và gần hơn nữa có những cánh rừng nhỏ và những bụi cây làm chỗ ẩn nấp tuyệt vời cho kẻ địch tấn công. Thật ra, khó có thể chọn được một vị trí bất lợi hơn nữa; quân Anh được bố trí ở chỗ trống, còn người Ấn Độ, lợi dụng chỗ nấp có thể tiến gần tới họ ở khoảng cách độ ba bốn trăm i-ác-đơ! Để có thể miêu tả rõ hơn "sự dửng dưng" của Uyn-hêm thì cần phải nói thêm là ngay cạnh đấy có một vị trí rất thuận lợi: một khoảng đất trống ở phía trước và ở phía sau có một kênh đào làm vật chướng ngại phía trước, song dĩ nhiên ông ta đã một mực chọn vị trí bất lợi nhất. Ngày 27 tháng Mười một địch bắt đầu nã pháo, sau khi họ đã đưa pháo đến tận bên bờ chỗ ẩn do lùm cây tạo ra. Với thái độ khiêm tốn vốn có của người anh hùng, Uyn-hêm gọi hoả lực này là "trận oanh tạc" và nói rằng quân của ông đã chịu đựng nó trong năm tiếng đồng hồ ròn rã; nhưng rồi sau đấy đã xảy ra một chuyện gì đó mà cả Uyn-hêm lẫn bất cứ ai có mặt ở đấy, cũng như bất cứ một tờ báo Ấn Độ hoặc báo Anh nào đều chưa một ai dám tiết lộ. Từ lúc cuộc pháo kích triển khai thành cuộc giao chiến, tất cả những nguồn thông tin trực tiếp của chúng tôi đều bị cạn, và chúng tôi chỉ còn mỗi việc rút kết luận riêng của mình từ những cú liệu lộn xộn, quanh co và không đầy đủ mà chúng tôi có trong tay. Uyn-hêm chỉ báo cáo rời rạc như sau:

"Mặc dù kẻ địch oanh tạc ác liệt, quân của tôi vẫn chịu đựng cuộc tấn công" (đây là một điều mới mẻ - gọi sự pháo kích của quân đội ở chiến trường là *cuộc tấn công*!) "trong năm tiếng đồng hồ liên và không rời vị trí cho đến lúc, căn cứ vào số lượng người bị lính trung đoàn 88 đâm chết, tôi tin là quân phản loạn đã hoàn toàn chiếm lĩnh thành phố; *khi tôi được tin* rằng họ tấn công pháo đài, tôi đã hạ lệnh cho tướng Đuy-puy rút lui. Trước lúc trời tối một ít lâu toàn bộ toán quân đã rút vào pháo đài cùng với tất cả quân trang quân dụng và pháo của chúng ta. Do đoàn xe tháo chạy nên tôi không kịp chở đi những quân trang quân dụng ở doanh trại và một phần đoàn xe. Tôi tin rằng, nếu không xảy ra khuyết điểm khi truyền mệnh lệnh của tôi thì ắt là tôi đã giữ được vị trí của mình trong bất cứ trường hợp nào trước lúc trời tối".

Tướng Uyn-hêm hướng vào quân dự bị theo bản năng, đúng hệt như điều đã xảy ra ở Rê-dan (bởi vì, như chúng ta kết luận, trung đoàn 88 bấy giờ đang chiếm lĩnh thành phố) và tìm thấy ở đấy số lớn lính địch bị binh sĩ trung đoàn 88 đâm chết, chứ không phải là tìm thấy kẻ địch sống và đang giao chiến. Sự việc này dẫn ông ta tới kết luận rằng, kẻ địch (cũng chẳng nhớ là sống hay chết) đã hoàn toàn chiếm lĩnh thành phố! Nói gì vậy, thật là một kết luận kinh hoàng cả đối với bạn đọc cũng như đối với người anh hùng của chúng ta, nhưng ông này vẫn không dừng lại ở đây. Ông được người ta báo cáo là pháo đài bị tấn công. Bất luận một tướng nào khác ắt cũng đều sẽ thẩm tra lại xem những tin đồn này dĩ nhiên có vẻ là không đúng, có đúng không chứ. Nhưng Uyn-hêm nào có làm như vậy. Ông ta hạ lệnh rút lui, mặc dù quân của ông ắt còn có thể giữ được vị trí của mình ít ra là cho đến lúc trời tối; dĩ nhiên là giá như không xảy ra sự sơ suất trong khi truyền một mệnh lệnh của ông! Thế là, chúng ta có, một là, kết luận của Uyn-hêm xứng đáng với kẻ anh hùng cho rằng, nơi có nhiều quân Xi-pai chết tất phải có lắm quân Xi-pai sống, hai là, có báo động nhầm về sự tấn công vào pháo đài, và ba là, có sự sai lầm khi truyền mệnh lệnh; sự hội tụ của tất cả những tai họa này đã khiến cho đám dân bản xứ đông đảo có thể đánh bại người anh hùng Rê-dan và đập tan dững khí Anh chính cống của binh sĩ ông ta.

Tác giả một bản báo cáo khác, một sĩ quan nào đó có mặt khi xảy ra các sự kiện, viết rằng:

"Tôi không nghĩ rằng có ai đó có thể miêu tả chính xác trận đánh và sự rút lui đã diễn ra vào sáng hôm ấy. Có lệnh rút; trung đoàn bộ binh 34 của đức vua đã nhận được lệnh rút về một vị trí nằm sau một lò gạch; nhưng cả sĩ quan và binh lính đều không biết vị trí ấy ở đâu cả! Ở doanh trại truyền lan nhanh chóng tin là quân ta bị đánh tan và rút chạy, thế là tất cả mọi người ba chân bốn cẳng lao vào những công sự bên trong tựa như dòng nước lũ không gì kìm giữ được của Ni-a-ga-ra. Vô số binh lính và thủy thủ, người Âu và dân bản xứ, đàn ông, đàn bà, trẻ con và ngựa, lạc đà, bò, bắt đầu từ hai giờ chiều, tuôn vào các công sự. Trước lúc trời tối, doanh trại có công sự phòng thủ, với đám đông hỗn độn của nó, nào người, nào súc vật, nào quân trang quân dụng, hành lý với hàng vạn đồ đạc linh tinh không tả xiết, giống như cỏi hỗn mang".

Cuối cùng, phóng viên Can-cút-ta của tờ "Times" báo tin rằng, ngày 27 người Anh rõ ràng đã chịu đựng "một cái gì đó gần giống như sự bại trận", song vì những lý do ái quốc nên báo chí Anh - Ấn Độ che đậy mối nhục này bằng một cái vỏ từ bi bác ái kín như bưng. Tuy vậy người ta vẫn thừa nhận rằng một trong những trung đoàn của đức vua mà đa số gồm những tân binh, trong nháy mắt đã rối loạn mặc dù không rút lui và rằng trong pháo đài - vì Uyn-hêm đã mất hết mọi uy lực đối với binh lính của mình - diễn ra cảnh hoảng loạn cực độ cho đến chiều 28, trước lúc Kem-pơ-ben đến và lập lại trật tự bằng "một đôi lời gay gắt".

Thế thì tất cả những báo cáo lộn xộn, quanh co này rõ ràng dẫn đến những kết luận gì? Chỉ có thể có những kết luận như sau: sự chỉ huy bất tài của Uyn-hêm đã dẫn quân Anh đến sự thất bại hoàn toàn, một sự thất bại mà rõ ràng là có thể tránh được; khi lệnh rút lui đã ban, các sĩ quan trung đoàn 34 thậm chí không hề chịu khó một chút để đi tìm hiểu nơi họ giao chiến, nên không thể tìm ra địa điểm mà họ được lệnh rút tới đó; trung đoàn đã rối loạn, và rút cuộc, đã tháo chạy; điều đó đã gây ra sự hoảng loạn trong doanh trại, nơi không còn gì là trật tự và kỷ luật, và dẫn tới việc bỏ mất quân trang của doanh trại và một bộ phận đoàn xe tải; cuối cùng, trái với lời khẳng định của Uyn-hêm về tài sản, 15 000 viên đạn thuộc cỡ Mi-ni-ê, những hòm tiền bạc, cả giấy dép và quần áo dùng cho nhiều trung đoàn và cho tân binh đã rơi vào tay quân địch.

Bộ binh Anh, trong chiến đấu cũng như trong hành quân, ít khi

tháo chạy. Cũng như bộ binh Nga, nó cố kết với nhau một cách tự nhiên, sự cố kết này thường chỉ ở những cựu binh mới có và phần nào do trong cả hai quân đội có nhiều lính cũ, nhưng hiển nhiên cũng có phần là một đặc điểm dân tộc nữa. Phẩm chất này, một phẩm chất không có gì chung với "lòng dũng cảm" mà trái lại, đúng hơn là một biểu hiện đặc thù của bản năng tự vệ, vẫn rất quý báu, nhất là khi phòng thủ. Ngoài ra, cũng như tính phốt Ắng-lê, nó phòng ngừa được sự hoảng loạn; nhưng phải nhận thấy rằng quân Ai-rơ-len, khi họ đã tán loạn và lâm vào hoảng loạn thì không dễ mà lập lại trật tự. Chính điều đó đã xảy đến với Uyn-hêm ngày 27 tháng Mười một. Từ nay ông ta sẽ được ghi tên vào danh sách tuy ngắn mà vinh quang của những vị tướng Anh đã buộc được quân đội của mình phải chạy thực mạng để thoát lấy thân.

Ngày 28, đoàn Gva-li-oóc, sau khi nhận được viện binh là một toán quân mạnh từ Bít-hua đến, đã tiến về những tiền đồn kiên cố của người Anh cách đây khoảng bốn trăm i-ác-đơ. Đã diễn ra một trận đánh mà trong đó quân tấn công tác chiến hết sức uể oải. Trong trận đánh này, binh lính và sĩ quan trung đoàn 64 đã nêu gương dũng cảm thật sự, một tấm gương mà chúng tôi hài lòng nêu lên, mặc dù bản thân chiến công của họ cũng vô nghĩa như cuộc tấn công lừng danh ở Ba-la-cla-va²⁸⁴. Trách nhiệm về việc này cũng như trong trường hợp xảy ra ở Ba-la-cla-va, đổ lên đầu người đã chết - lên đầu viên chỉ huy trung đoàn này - đại tá Uyn-xơn. Nghe đâu là Uyn-xơn đã xuất quân với một trăm tám mươi lính để đánh lại bốn khẩu pháo địch được một toán quân đông hơn rất nhiều bảo vệ. Chúng tôi không rõ toán quân này gồm những ai, nhưng kết quả trận đánh buộc phải kết luận rằng đây là quân Gva-li-oóc. Người Anh đột kích chiếm lấy những khẩu pháo, đóng chốt ba khẩu và giữ những vị trí đã lấy được trong ít lâu, nhưng không nhận được viện binh nên buộc phải rút, để lại tại chỗ sáu mươi lính và phần lớn sĩ quan của mình. Những tổn thất này là bằng chứng về sự căng thẳng của trận đánh. Chúng ta thấy rằng một toán quân nhỏ, - một toán quân mà xét theo những tổn thất phải gánh chịu thì đã bị đánh khá đau - đã giữ được pháo đội cho đến lúc một phần ba quân số bị diệt. Đây là một trận đánh thật sự ác liệt và hơn nữa là một mẫu mực đầu tiên về trận đánh như vậy kể từ khi diễn ra cuộc tấn công Ê-đê-li. Thế nhưng người đã vạch ra kế hoạch tấn công như vậy đáng

phải đưa ra toà án binh dã chiến mà xử bắn. Uyn-hêm nói rằng kẻ đó là Uyn-xơn. Nhưng Uyn-xơn đã toi mạng trong trận này và không thể chối cãi gì hết.

Buổi chiều toàn bộ quân Anh bị dồn vào pháo đài, nơi mà cảnh hỗn loạn vẫn như cũ, còn vị trí ở cầu thì lâm vào tình thế rõ ràng là nguy ngập. Nhưng Kem-pơ-ben đã đến đây. Ông ta đã lập lại trật tự, sáng hôm sau, đã tập hợp những lực lượng cường tráng lại và đã đẩy lùi kẻ địch xa ra một khoảng khiến cho cầu và pháo đài thoát ra khỏi vòng nguy hiểm. Sau đó, ông chuyển sang bờ sông bên kia tất cả thương binh, phụ nữ, trẻ con và tài sản mà vẫn giữ được vị trí phòng thủ cho đến lúc họ đã đi khá xa trên đường về A-la-ha-bát. Khi mọi chuyện đã thu xếp xong, ngày 6 tháng Chạp ông bắt đầu tấn công quân Xi-pai và đánh tan họ, còn kỵ binh và pháo binh của ông thì cũng ngày hôm đó đã truy kích họ một quãng mười bốn dặm. Qua báo cáo của Kem-pơ-ben ta biết là nghĩa quân hầu như không chống cự: ông ta chỉ miêu tả sự vận động của các toán quân mình mà không lần nào nhắc đến sự chống cự hay một hoạt động nào từ phía địch; chống cự cũng không mà giao chiến cũng không, chỉ có battue^{1*}. Tướng lữ đoàn trưởng Hau-pơ Gran-tơ chỉ huy sư đoàn khinh binh, truy kích quân tháo chạy và đuổi kịp họ vào ngày 8, khi vượt sang sông; bị dồn vào đường cùng như vậy, họ bèn quay mặt lại với địch thủ và chịu tổn thất nặng nề. Chiến dịch đầu của Kem-pơ-ben, chiến dịch Lác-nau - Can-pua, kết thúc ở đây. Về sau sẽ còn nhiều trận nữa đang chờ ông, diễn biến của những trận này chắc là chúng tôi sẽ biết được trong vòng vài ba tuần tới.

Do Ph. Ăng-ghen viết vào khoảng ngày 2 tháng Hai 1858

Đã đăng làm xã luận trên báo "New-York Daily Tribune" số 5253, ngày 20 tháng Hai 1858

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

1* - bị đánh bại

C.MÁC

VỤ MƯU SÁT BÔ-NA-PÁC-TƠ²⁸⁵

Quos deus vult perdere prius dementat^{1*} - có lẽ đấy gần như là ý kiến chung ở châu Âu về kẻ tiếm vị nước Pháp, người mà mới chỉ mấy tuần trước đây có vô số những kẻ xu nịnh và những kẻ hăm dọa thành tích trong tất cả các nước và bằng mọi thứ tiếng, đã đồng lòng tăng bốc như một vị thiên thần trên quả đất vậy. Và bỗng nhiên giờ đây, khi lần đầu tiên bước gần tới nguy hiểm thật sự, người ta mới cho rằng ông trời con này loạn trí. Song, đối với những kẻ không quen chịu những ấn tượng ban đầu thì điều hết sức hiển nhiên là, người anh hùng Bu-lô-nhơ²⁸⁶ hôm nay vẫn là người đúng hệt như hôm qua, - chỉ là một kẻ đánh bạc mà thôi. Nếu ông ta đặt lá bài cuối cùng của mình và liều tất thì điều đó có nghĩa là vận đỏ đen đã thay đổi chứ không phải con người đã đổi thay. Cả trước đây cũng đã có những vụ mưu sát Bô-na-pác-tơ, song những vụ ấy không hề có tác động rõ rệt nào đối với tình trạng kinh tế của đế chế. Tại sao chất thủy ngân nổ ngày 14 tháng Giêng không chỉ làm chết người mà còn chấm dứt một tình trạng? Với những thủ pháo ở đường phố Lê-pê-lê-ti-e cũng xảy ra sự việc y hệt như sự việc đã xảy ra với những viên đạn bom mìn đem phân phát ở Ba-rắc-pua^{2*}. Chúng

1* - Trời muốn hại ai thì thoát đầu lấy mất lý trí người đó

2* Xem tập này, tr. 295-296.

không làm thay đổi đế chế, chúng chỉ xé toang những lớp vải phủ ngoài che giấu những sự biến đổi đã xảy ra.

Phải tìm bí mật về sự tiến thủ của Bô-na-pác-tơ, một mặt, ở chỗ những đảng phái thù địch làm suy yếu lẫn nhau, và mặt khác - ở chỗ coup d'état^{1*} của ông ta trùng hợp với việc giới kinh doanh bước vào thời kỳ phồn vinh. Chính vì vậy cuộc khủng hoảng thương mại không tránh khỏi làm tổn hại cho cơ sở vật chất của đế chế, cơ sở này không bao giờ có một nền tảng đạo lý nào ngoài sự mất tinh thần tạm thời của tất cả các giai cấp và tất cả các đảng phái. Giai cấp công nhân, hể lâm vào tình trạng thất nghiệp, lại giữ lập trường thù địch với chính phủ hiện thời. Cuộc khủng hoảng đã đặt đại bộ phận giai cấp tư sản thương mại và công nghiệp đúng vào tình trạng như tình trạng trước đây đã thôi thúc Na-pô-lê-ông làm nhanh hơn coup d'état của mình; người ta biết rõ là sự khiếp sợ trước nhà tù giam con nợ ở Cli-si đã chấm dứt sự do dự của ông ta. Cũng cái nguyên nhân này đã thôi thúc tư sản Pa-ri năm 1848 vội xông tới các chiến lũy, còn vào lúc này thì ắt là buộc họ phải xem bất cứ cuộc khủng hoảng chính trị nào cũng là một món quà bất ngờ nào đó của số phận. Cũng như bây giờ người ta biết chính xác là, ngay vào lúc khủng hoảng trầm trọng nhất, Ngân hàng Pháp, theo lệnh chính phủ, đã gia hạn tất cả những hối phiếu quá hạn - một đặc quyền mà, nhân thể xin nói thêm, nó buộc phải ban một lần nữa vào ngày 31 tháng Giêng; song việc tạm đình thanh toán các trái khoán không những không khôi phục được hoạt động thương mại mà ngược lại, chỉ làm cho cuộc khủng hoảng mang tính chất kinh niên. Một bộ phận khác, rất đáng kể và thêm vào đây là rất có ảnh hưởng của giai cấp tư sản Pa-ri, đó là petits rentiers^{2*}, hoặc là người có thu nhập thường xuyên không nhiều, đã bị hoàn toàn phá sản do những dao động rất lớn ở Sở giao dịch, những dao động này được triều vua và bọn tay sai phiêu lưu của nó khuyến khích, và đã làm giàu cho họ. Bộ phận các giai cấp thượng lưu của Pháp, ít ra là bộ phận có tham vọng giữ vai trò đại diện cho cái gọi là nền văn minh Pháp,

1* - cuộc đảo chính

2* - tiểu chủ

không bao giờ xem đế chế là gì khác hơn một liều thuốc an thần cần thiết, không bao giờ giấu giếm ác cảm sâu sắc đối với "người cháu của ông chú" và vào thời gian gần đây đã vin mọi cớ để biểu lộ thái độ công phần của mình đối với ý đồ biến cái phương tiện chỉ là tạm thời (nó xem đế chế là như vậy) thành một thiết chế thường trực. Đây là tâm trạng chung bộc lộ ra qua vụ mưu sát ở đường phố Lê-pê-lê-ti-e. Sự biểu hiện này của tâm trạng chung, đến lượt, nó lại làm cho Bô-na-pác-tơ giả hiệu cảm thấy cơn bão tố sắp ập xuống đầu và thôi thúc y đánh lá bài cuối cùng của mình. Trên tờ "Moniteur", người ta viết nhiều về những tiếng reo vui, những lời chào và về "nhiệt tình xã hội" bộc lộ khi cặp vợ chồng nhà vua bước ra khỏi rạp Ca vũ kịch. Đoạn văn sau đây truyền lời của một người tham gia chính vào các sự biến, - đoạn văn được một tờ báo Anh rất đáng tin cậy chịu trách nhiệm về tính xác thực của nó, - chứng minh rõ cái nhiệt tình đường phố này đáng giá ra sao:

"Đêm 14, một người có chức vụ cao trong triều, đêm ấy rảnh việc, đang đi dạo trên đại lộ bỗng nghe có những tiếng nổ và thấy dân chúng chạy tới rạp Ca vũ kịch. Ông ta cũng chạy bổ tới đấy và thế là được chứng kiến toàn cảnh. Ngay lập tức người ta nhận ra ông và một trong những người đã chăm chú theo dõi toàn bộ sự việc xảy ra, nói rằng: "Ồ, Ngài... lạy Chúa, Ngài hãy tìm người nào đấy quen thuộc với Tuyn-lơ-ri, và phái hắn ta đi kiếm những xe ngựa mới. Nếu Ngài không tìm được ai cả thì Ngài hãy thân hành đi kiếm lấy". Ông ta vội lập tức đi tìm một tên thị vệ nhưng nào có dễ, bởi vì tất cả bọn họ, từ cao xuống thấp, từ thị thần xuống quân hầu mặc chế phục, trừ một vài trường hợp ngoại lệ đáng khen, còn thì hoảng hốt bỏ chạy tán loạn. Thế nhưng 15 phút sau ông ta cũng bắt gặp một kẻ chạy giầy trong triều và vội phái y về cung với những chỉ thị cần thiết. Khoảng hai mươi lăm phút hoặc nửa giờ sau, khi ông ta quay lại đường phố Lê-pê-lê-ti-e và chạt vật lăm mới len nổi qua đám đông, trở lại hàng cột hiên nhà hát. Những người bị thương vẫn còn nằm xung quanh, và khắp nơi là một cảnh vô cùng hỗn độn. Người nói trên nhìn thấy viên cảnh sát trưởng - ngài Pi-ê-tơ-ri - cách đấy không xa; ông ta gọi giật lại để viên cảnh sát trưởng chú ý và bảo đứng đợi ông ta tới. Khi len được tới nơi, ông ta bèn thốt lên: "Tôi khẩn khoản xin Ngài lập tức chặn lối đi qua phố. Chốc nữa còn có xe ngựa tới, và chúng sẽ không thể tới gần các cửa được. Hơn nữa, Ngài xem, ở đây thật là mất trật tự. Tôi khẩn khoản yêu cầu Ngài dọn quang đường phố cho". Ông Pi-ê-tơ-ri

trố mắt nhìn ông ta. "Dọn quang đường phố ! - ông ta thốt lên, - vâng, nó được dọn quang rồi; nó đã được dọn quang trong 5 phút". Người đối thoại với viên cảnh sát trưởng giương to đôi mắt nhìn ông ta. "Nhưng thế thì cả cái đám đông này nghĩa là gì? Đám người ùn ùn khiến không thể chen lọt chân này có nghĩa là gì?" "Đây là người của tôi cả, "Pi-ê-tơ-ri trả lời tiếp, - vào giờ phút này, trong đoạn đường này của phố Lê-pê-lê-ti-e, không có kẻ lạ mặt nào; tất cả những ai ông thấy ở đây đều là quân của tôi".

Nếu như bí mật của thái độ nồng nhiệt ở đường phố mà báo "Moniteur" đã ca ngợi, là như vậy, thì nhận xét của báo này về cảnh các đại lộ "tự nguyện trưng đèn sau vụ mưu sát" đương nhiên không thể làm cho những người dân Pa-ri đã chứng kiến cảnh trưng đèn này nhầm lẫn được; chỉ có những cửa hiệu bán hàng cho nhà vua và hoàng hậu trưng đèn mà thôi. Thậm chí những kẻ bán hàng này cũng mau miệng kể rằng, nửa giờ sau khi "cái máy khủng khiếp" nổ tung thì các nhân viên cảnh sát tới chỉ thị cho họ là hãy kịp thời trưng đèn lên ngay để tỏ ra rằng họ vô cùng hân hoan khi hoàng đế được cứu thoát.

Tính chất của những chúc thư và những biểu thị công khai về tình cảm trung thành càng chứng minh rõ hơn sự cô lập hoàn toàn của hoàng đế. Trong số những người ký tên dưới những bức thư này không hề có một kẻ nào không ít nhiều thuộc về cơ quan hành chính, ký sinh trùng sống bằng nhựa sống của nước Pháp nhan nhản khắp nơi này, và không kẻ nào không bị bộ trưởng nội vụ giật dây như một con rối. Báo "Moniteur" buộc phải hết ngày này qua ngày khác vào sổ những lời chúc mừng hoàng đế một cách đơn điệu do bản thân hoàng đế gửi tới để làm vô vàn bằng chứng về lòng yêu mến vô hạn của nhân dân đối với Người vì coup d'état của Người - dành rằng người ta đã thực hiện một vài mưu toan để có được lời chúc mừng của dân chúng Pa-ri gửi tới; nhằm mục đích này nhân viên cảnh sát đã mang một văn bản có nội dung như thế đi khắp nơi; nhưng vì thấy số chữ ký không được nhiều lắm nên tờ đơn bản này bị bãi bỏ. Cả đến những chủ hiệu buôn ở Pa-ri cũng dám khước từ không chịu ký vào lời chúc mừng, lấy cớ rằng lời đề nghị như thế không thể do cảnh sát đề xuất. Lập trường của giới báo chí Pa-ri, ít ra là của báo chí được công chúng ủng hộ, chứ không phải báo chí được ngân quỹ

cấp tiền, hoàn toàn phù hợp với tâm trạng của dân chúng. Họ hoặc áp dụng những lời mập mờ nào đó về quyền thừa kế như tờ "Spectateur" bất hạnh, hoặc như tờ "Phare de la Loire"²⁸⁷, trích dẫn những tờ báo bán chính thức dùng làm nguồn tin tức của mình về thái độ nồng nhiệt của công chúng, hoặc như tờ "Journal des Débats", hạn chế chặt chẽ những lời chúc mừng của mình trong khuôn khổ xã giao ước lệ, hoặc chỉ in lại bài đã đăng trong "Moniteur". Tóm lại, điều hết sức rõ ràng là nếu nước Pháp còn chưa sẵn sàng cầm vũ khí chống để chế thì nó, không nghi ngờ gì nữa, đã quyết thoát khỏi để chế một khi thời cơ thuận lợi đầu tiên đến.

"Theo lời những người mới ở Pa-ri tới nói chuyện với tôi", - phóng viên báo "Times" Luân Đôn ở Viên viết, - thì "ý kiến chung trong thành phố này là triều đại hiện nay nhất thiết đang đi tới chỗ diệt vong"²⁸⁸.

Bản thân Bô-na-pác-tô, cho đến lúc đó là người duy nhất trong toàn cõi nước Pháp tin tưởng vào thắng lợi hoàn toàn của coup d'état, bỗng giác ngộ ra tính vô căn cứ của những ảo tưởng của mình. Trong lúc mọi tổ chức xã hội và báo chí thể thốt đủ mọi cách rằng vụ tội phạm trên đường phố Lê-pê-lê-ti-e hoàn toàn là do người I-ta-lia thủ xướng, chỉ để làm nổi bật thêm lòng yêu mến của nước Pháp đối với Lu-i-Na-pô-lê-ông, thì chính Lu-i-Na-pô-lê-ông lại vội vã tới Corps Législatif^{1*} và công khai tuyên bố ở đấy rằng vụ âm mưu này mang tính chất quốc gia và bởi vậy cần phải có "những đạo luật trấn áp" mới giữ được nước Pháp phải phục tùng. Những đạo luật đã được đưa ra thảo luận và đứng đầu trong những đạo luật ấy là loi des suspects²⁸⁹, chẳng qua chỉ là sự lặp lại y nguyên những biện pháp đã được áp dụng trong những ngày đầu coup d'état. Song bảy giờ chúng được tuyên bố như những biện pháp cần thiết tạm thời, còn giờ đây thì chúng được công bố là những đạo luật hữu cơ. Như vậy, chính Lu-i Na-pô-lê-ông cũng tuyên bố rằng để chế chỉ có thể kéo dài sự tồn tại của mình nhờ vào những hành động dễ tiện mà dựa vào chúng, nên để chế đã ra đời, rằng tất cả những kỳ vọng của nó về những hình thức ít nhiều đáng tôn kính của một chính

1* - Hội đồng lập pháp

phủ hoạt động đúng đắn đều phải được vứt bỏ và rằng, đã vĩnh viễn qua rồi cái thời mà nhân dân chịu đau có khuất phục sự thống trị của Hội kẻ tiếm vị phản phúc²⁹⁰.

Trước lúc tiến hành coup d'état không lâu, Lu-i-Na-pô-lê-ông đã lập mưu tập hợp những lời chúc mừng từ tất cả các quận, nhất là những vùng nông thôn gửi tới nhằm chống quốc hội và biểu lộ lòng tin vô hạn đối với tổng thống. Vì hiện nay nguồn này đã cạn, cho nên chẳng còn gì khác, ngoài việc trông vào quân đội. Những lời chúc tụng từ quân nhân gửi đến, trong đó có một bức nói là, bộ binh "hầu như lấy làm tiếc rằng họ không có dịp được bộc lộ thật rõ ràng lòng trung thành của mình với hoàng đế - chẳng qua là một lời tuyên bố không úp mở về sự thống trị của bọn kiêu binh²⁹¹ ở Pháp. Việc chia nước Pháp thành năm quân khu lớn, có năm nguyên soái đứng đầu, dưới quyền kiểm sát tối cao của Pê-li-xi-ê với tư cách đại nguyên soái²⁹² chỉ là một kết luận giản đơn rút ra từ tiền đề này. Đến lượt nó, việc thành lập Hội đồng cơ mật - một hội đồng trong cùng một lúc phải hành động với tư cách là Hội đồng phòng khi một Mông-ti-giô nào đó lên làm nhiếp chính và bao gồm những kiểu người thô lỗ na ná như Phun-đơ, Moóc-ni, Péc-xi-nhi, Ba-rô-sơ và những kẻ tương tự, - chỉ cho nước Pháp thấy những chính khách mới xuất đầu lộ diện này đem lại cho nó một chế độ loại như thế nào. Việc thành lập hội đồng này cùng một lúc với việc dàn xếp gia đình mà bức thư của Lu-i- Na-pô-lê-ông đăng trên tờ "Moniteur" đã long trọng công bố trước thế giới đầy kinh ngạc, - do sự dàn xếp này, nguyên hoàng đế Ve-xơ-pha-li là Giê-rôm được cử làm chủ tịch các hội đồng quốc gia mà không có hoàng đế, - tất cả những điều đó, như người ta đã nhận xét đúng đắn, "giống như chuyện người hành hương đã sẵn sàng bước vào một cuộc viễn du nguy hiểm"²⁹³. Người anh hùng Xơ-ra-xbua²⁹⁴ định bước vào cuộc phiêu lưu mới nào đây? Có kẻ nói là ông ta muốn làm cho tâm hồn mình được thanh thoi bằng cuộc viễn chinh ở châu Phi; số khác nữa thì cho rằng ông ta có ý định đột nhập vào Anh. Về kế hoạch thứ nhất thì nó na ná như một trong những dự định trước đây của ông là thân hành tới Xê-va-xtô-pôn²⁹⁵, nhưng giờ đây cũng như trước kia, sự thận trọng của ông hẳn tỏ ra là phân ưu tú nhất trong sự dững cậm

của ông^{1*}. Còn về bất cứ những hành động thù địch nào với Anh thì chúng ắt cũng chỉ tỏ ra cho Bô-na-pác-tơ thấy là ông ta bị cô lập ở châu Âu đến mức nào, tựa như vụ mưu sát ở đường phố Lê-pê-lê-ti-e đã chỉ rõ rằng ở Pháp ông ta bị cô lập đến đâu. Những lời hăm dọa nước Anh, bao hàm trong những lời chúc tụng của giới quân phiệt Pháp, đã hoàn toàn chôn vùi Liên minh Anh - Pháp, liên minh mà từ lâu đã thoi thóp in articulo mortis^{2*}. Dự luật của Pan-móc-xơn về ngoại kiều²⁹⁶ chỉ giúp đẩy niềm kiêu hãnh của Giôn Bun, - một niềm kiêu hãnh vốn đã bị xúc phạm rồi, - tới sự công phần cực độ. Bô-na-pác-tơ có làm cách gì đi nữa - ông ta tất phải cố khôi phục uy tín của mình bằng cách này, cách nọ - thì ông ta cũng chỉ làm cho mình chóng đi tới diệt vong mà thôi. Ông ta đang đi gần tới chỗ kết thúc sự nghiệp kỳ lạ, đầy tội lỗi và tai hại của mình.

*Do C.Mác viết ngày 5 tháng Hai 1858
Đã đăng làm xã luận trên báo "New-York Daily Tribune" số 5254, ngày 22 tháng Hai 1858*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

1* Séc-h-xpia. "Vua Hăng-ri IV", phần I, hồi V, cảnh bốn.

2* - trong hơi thở cuối cùng.

C. MÁC

***KHỦNG KHOẢNG KINH TẾ Ở PHÁP**

Sẽ là thừa nếu chứng minh rằng cái chính quyền mà Lu-i-Na-pô-lê-ông chắt vật mới giữ được và hiện còn cho phép ông ta tự xưng là hoàng đế của người Pháp, sẽ lâm vào tình thế đại nguy nan khi cuộc khủng hoảng thương mại đã dội đi ở các nước khác sẽ đạt tới tột đỉnh của nó ở Pháp. Trong lúc này phải tìm những triệu chứng chỉ rõ đỉnh tột cùng này đã tới gần chủ yếu trong tình hình của Ngân hàng Pháp và của những thị trường nông sản ở Pháp. Bản báo cáo của ngân hàng trong tuần thứ hai của tháng Hai so với tuần cuối tháng Giêng cho những con số đặc sắc sau đây:

Giảm lưu thông tiền tệ...	8 776 400	phrăng
Giảm tiền gửi tiết kiệm...	29 018 054	"
Giảm hoạt động chiết khấu hối phiếu ở ngân hàng...	47 746 641	"
Giảm hoạt động chiết khấu hối phiếu ở các chi nhánh...	23 254 271	"
Giảm chung các hoạt động chiết khấu hối phiếu...	71 010 912	"
Tăng hối phiếu quá hạn...	2 761 435	"
Tăng dự trữ kim ngân...	31 508 278	"
Tăng tiền trả thưởng cho việc mua vàng và bạc...	3 284 691	"

Trong tất cả các nước thương mại thì cùng với việc giảm hoạt động mậu dịch, dự trữ kim ngân của các ngân hàng tăng lên. Đời sống công nghiệp càng suy giảm thì tình hình các ngân hàng nói chung càng trở nên vững vàng hơn, và bởi vậy việc tích lũy kim ngân trong các hầm của Ngân hàng Pháp hẳn chỉ có thể là một ví dụ nữa về một hiện tượng kinh tế độc đáo mà người ta thấy ở đây, ở Niu Oóc, cũng như ở Luân Đôn và Hăm-buốc. Song trong sự vận động của dự trữ kim ngân ở Pháp có một nét đặc biệt, cụ thể là hiện tượng tăng tiền trả thưởng cho việc mua vàng và bạc đến số tiền là 3 284 691 phrăng, trong lúc đó thì tổng số tiền Ngân hàng Pháp đem chi vào việc này trong tháng Hai lên tới con số 4 438 549 phrăng. Ý nghĩa nghiêm trọng của sự kiện này trở nên rõ ràng qua sự so sánh sau đây:

Tiền thưởng Ngân hàng Pháp trả cho việc mua vàng và bạc

Tháng Hai 1858...	4 438 549	phrăng
Tháng Giêng 1858...	1 153 858	"
Tháng Chạp 1857...	1 176 029	"
Tháng Mười một 1857...	1 327 443	"
Tháng Mười 1857...	949 656	"
Từ ngày 1 tháng Giêng đến ngày 30 tháng Sáu 1856...	3 100 000	"
Từ ngày 1 tháng Bảy đến ngày 11 tháng Chạp 1856...	3 250 000	"
Từ ngày 1 tháng Bảy đến ngày 31 tháng Chạp 1855...	4 000 000	"

Như vậy, chúng ta thấy rằng tiền thưởng trả vào tháng Hai nhằm có được sự tăng giả tạo tạm thời về dự trữ kim ngân tại ngân hàng - gồm một khoản gần bằng số tiền cũng chi cho mục đích này trong thời gian bốn tháng, từ tháng Mười 1857 đến hết tháng Giêng 1858, và vượt toàn bộ số lượng tiền thưởng trả trong 6 tháng của năm 1856 và năm 1855, trong lúc đó thì tổng số tiền thưởng trả từ tháng Mười 1857 đến hết tháng Hai 1858 lên tới con số 9 045 535 phr., vượt gần gấp một lần rưỡi số tiền thưởng trả trong cả năm 1856. Điều đó có nghĩa là, mặc dù tiền có vẻ dồi ra, dự trữ kim ngân của ngân hàng bây giờ thực tế là ít hơn so

với ba năm cuối vừa qua. Ngân hàng tuyệt nhiên không có dự trữ kim ngân chồng chất, và vàng tích lũy chỉ được nâng lên đến mức cần thiết một cách giả tạo. Ngay chỉ một sự kiện này cũng đủ để chứng minh rằng, ở Pháp khủng hoảng thương mại vẫn chưa bước vào giai đoạn mà Anh và Bắc Âu đã trải qua. Như hiện tượng giảm sút đồng thời lưu thông tiền tệ và hoạt động chiết khấu hối phiếu chỉ rõ, ở Pháp đã có sự suy thoái thương mại toàn diện; song khủng hoảng thật sự thì còn chưa tới, sự giảm sút tiền gửi tiết kiệm và sự gia tăng số lượng hối phiếu quá hạn trong khi có sự gia tăng đồng thời tiền thưởng cho việc mua vàng và bạc, chứng minh rõ điều này.

Ngân hàng cũng buộc phải tuyên bố rằng đại bộ phận những cổ phiếu mới của riêng nó mà hiện chưa được thanh toán đầy đủ, sẽ được bán lại. Ngoài ra, chính phủ đã biến ngân hàng thành một kẻ tổng thầu toàn bộ việc xây dựng đường sắt ở Pháp, và trong những khoảng thời gian nhất định, nó buộc phải xuất cho các công ty đường sắt vay những khoản tiền lớn, những khoản này chỉ trong tháng Giêng và tháng Hai đã chiếm tới 50 000 000 phrăng. Đáng rằng, đổi lại những khoản vay này ngân hàng đã nhận những chứng khoán của các công ty, những chứng khoán này ngân hàng có quyền phát mại, nếu có thể. Nhưng lúc này chứng khoán rất khó bán, và những bản báo cáo hàng tuần của đường sắt chỉ ra sự giảm sút liên tục về thu nhập của họ, đang vẽ ra những triển vọng không lấy gì làm phấn khởi về mặt này. Trong tháng Giêng chẳng hạn, đem so với cùng tháng này năm 1857, thì thu nhập của Công ty đường sắt Oóc-lê-ăng giảm đi 21%, của Công ty đường sắt phía Đông - giảm 18%, của Công ty đường sắt Ly-ông - giảm gần 11% và của Công ty đường sắt phía Tây - giảm 14%.

Một sự kiện mà ai cũng biết là sự chống đối của người mua đối với việc đổi giá thấp thành giá cao, và hơn nữa là sự chống đối của người bán đối với việc đổi giá cao thành giá thấp - bao giờ cũng rất mạnh; một điều cũng rõ nữa là thường có những khoảng thời gian tương đối dài, trong đó việc buôn bán gặp phải khó khăn, mà giá cả thì hạ cho đến lúc, rốt cuộc, khuynh hướng của thị trường theo hướng này hoặc hướng kia bộc lộ với một sức mạnh không gì cưỡng nổi. Cuộc đấu tranh tạm thời như vậy

giữa chủ hàng và khách hàng không có gì là bất thường, song cuộc đấu tranh kéo dài giữa giới thương nhân Pháp và giới tiêu thụ Pháp, cuộc đấu tranh đã kéo dài từ đầu tháng Mười một và đến ngày nay, thì hình như chưa từng có trong lịch sử giá cả. Trong lúc nền công nghiệp Pháp bị đình đốn, vô vàn công nhân bị thất nghiệp, phương tiện sinh sống ở tất cả mọi người đều bị sút giảm, còn giá cả ở các nước khác đã hạ trung bình khoảng từ 30 đến 40%, mà ở Pháp vẫn giữ ở mức đầu của thời kỳ trước tổng khủng hoảng. Nếu ai hỏi chúng tôi rằng, bằng cách nào mà đạt được sự kỳ diệu về kinh tế như vậy, thì chúng tôi sẽ trả lời một cách đơn giản: dưới sức ép của chính phủ Ngân hàng Pháp đã hai lần buộc phải kéo dài thời hạn của hối phiếu và các khoản nợ đã đến kỳ thanh toán, và như vậy, tiền bạc của nhân dân Pháp tích trữ trong các hầm của ngân hàng đã trực tiếp hoặc gián tiếp được dùng vào việc giữ cho giá cả tăng vọt lên làm thiệt hại cho chính nhân dân Pháp. Hình như chính phủ nghĩ rằng, bằng quá trình hết sức đơn giản như vậy - nghĩa là phân phối giấy bạc khắp những nơi nào cần - thì có thể dứt khoát tránh được tai họa. Nhưng thật ra, do cái mẹo này mà, một mặt, xảy ra tình trạng túng thiếu căng thẳng thêm cho người tiêu thụ, vì tiền của họ thì giảm đi mà giá cả lại không hạ, còn mặt khác, xảy ra hiện tượng tích trữ rất nhiều hàng hoá tại các kho thuế quan, số hàng này khi, rốt cuộc, cần phải tung ra thị trường, thì lại bị mất giá chính vì số lượng của nó. Bảng dưới đây trích từ một ấn phẩm chính thức của Pháp, kê số lượng hàng tích trữ tại các kho thuế quan Pháp, tính đến cuối tháng Chạp 1857, 1856 và 1855, khiến ta không còn nghi ngờ gì về hiện tượng tự điều chỉnh nguy hại của giá cả sẽ xảy ra ở Pháp sau này:

	Năm 1857	Năm 1856	Năm 1855
	(tính theo quin-tan - mê-tơ-rích) ^{1*}		
Ca cao...	19 419	17 799	10 188
Cà phê...	210 741	100 758	57 644
Bông...	156 006	76 322	28 766

1* Quin-tan - mê-tơ-rích bằng 100 kg

Đồng...	15 377	1 253	3 197
Thiếc...	4 053	1 853	1 811
Gang...	132 924	102 202	76 337
Hạt các loại			
cây có dầu...	253 596	198 982	74 537
Mỡ...	25 299	15 292	11 276
Chàm...	5 253	2 411	3 783
Len...	72 150	31 560	38 146
Hạt tiêu...	23 448	18 442	10 682
Đường (từ các thuộc địa)...	170 334	56 735	55 387
Đường (từ các nước khác)...	89 607	89 807	71 913

Ngoài ra, trong việc buôn lúa mì, cuộc đấu tranh về giá cả đã kết thúc bằng sự thất bại hoàn toàn của bọn chủ hăng. Ấy thế nhưng những thua thiệt của họ vẫn ít có ý nghĩa hơn nhiều so với tình trạng chung của dân làm ruộng ở Pháp trong tình hình hiện tại. Mới đây tại hội nghị các điền chủ Pháp, người ta nhận ra là giá trung bình của lúa mạch trên toàn cõi nước Pháp là 31 phrăng 94 xăng-tim mỗi héc-tô-lít (gần $2\frac{3}{4}$ bu-sen) vào cuối tháng Giêng 1854, 27 phrăng 24 xăng-tim vào cùng tháng này năm 1855, 32 phrăng 46 xăng-tim vào tháng Giêng 1856 và 27 phrăng 9 xăng-tim vào tháng Giêng 1857 và 17 phrăng 38 xăng-tim vào tháng Giêng 1858. Hội nghị đi tới một ý kiến thống nhất là,

"tình hình giá cả như vậy không thể không nguy hại đối với nền nông nghiệp của Pháp và với giá trung bình hiện nay là 17 phrăng 38 xăng-tim thì những người sản xuất trong một số vùng ở Pháp chỉ lãi rất ít, còn trong những vùng khác thì họ bị lỗ to".

Thiết tưởng, trong một nước như nước Pháp, nơi mà phần lớn đất đai thuộc về chính tay người làm ruộng và chỉ có một phần tương đối nhỏ trong tổng sản phẩm xuất ra thị trường, thì sự dồi dào ngũ cốc phải được xem là một điều tốt lành, chứ không phải là tai hoạ. Ấy thế mà ngay Lu-i XVIII trong sắc dụ ngày 26 tháng Mười một 1821 lại nói: "Không một đạo luật nào

có thể xoá bỏ được những cảnh nghèo khổ gây nên bởi vụ được mùa quá lớn". Số là đại bộ phận nông dân Pháp là chủ sở hữu chỉ trên danh nghĩa, còn chủ sở hữu thật sự thì lại là chủ nợ cầm cố và chính phủ. Nhưng liệu nông dân Pháp có đủ sức gánh những nghĩa vụ nặng nề mà một mảnh đất nhỏ đặt lên vai họ hay không, điều đó tùy thuộc vào giá cả, chứ không tùy ở số lượng sản phẩm.

Tình hình nguy khốn của nông nghiệp cộng với nạn suy thoái của thương mại, cùng với sự đình đốn trong công nghiệp và thảm hoạ tài chính vẫn đang đe dọa tất phải đưa nhân dân Pháp tới trạng thái tư tưởng khiến họ thường khởi xướng những thực nghiệm mới về chính trị. Cùng với sự biến mất của phồn vinh kinh tế và thái độ bàng quan về chính trị thường đi đôi với nó, cũng biến đi luôn mọi lý do để Đế chế thứ hai tiếp tục tồn tại.

*Do C.Mác viết ngày 12 tháng Hai 1858
Đã đăng làm xã luận trên báo "New-York Daily Tribune" số 5270, ngày 12 tháng Ba 1858*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

SỰ THỐNG TRỊ CỦA BỌN KIÊU BINH

Pa-ri, ngày 22 tháng Hai 1858

"Khi nào thì nhà đi săn sư tử Giê-rác sẽ được bổ nhiệm làm bộ trưởng giáo dục nhân dân?" Câu này đã trở thành câu nói lưu hành ở các vùng ngoại ô Pa-ri, kể từ lúc tướng Ê-xpi-nắc, người đã nổi tiếng một cách đáng buồn nhờ cuộc hành quân tới Đô-brút-gia²⁹⁷, được bổ nhiệm làm bộ trưởng nội vụ và an ninh xã hội. Ở Nga, như chúng ta biết rõ, một viên tướng kỵ binh đứng đầu Thánh vụ viện. Thế thì tại sao Ê-xpi-nắc lại không thể đứng đầu Bộ nội vụ của Pháp, vì nước Pháp đã trở thành đất thế tập đặc biệt riêng của bọn kiêu binh? Sự thống trị của lũ kiếm tuốt trần được tuyên bố thẳng thừng bằng những lời ngu xuẩn trắng trợn như vậy, và Bô-na-pác-tơ muốn cho nước Pháp hiểu rõ là chính quyền nhà vua dựa trên sức mạnh của 600 000 lính lê, chứ không phải trên ý chí của nhân dân. Do đó mà có những lời chúc tụng của bọn kiêu binh, do các chỉ huy trưởng của những trung đoàn khác nhau viết sẵn đúng theo mẫu phát đi từ Tuyn-lơ-ri, - những lời chúc tụng mà trong đó đã thận trọng gạt bỏ sự nhắc nhở dù chỉ là một chút xíu đến cái gọi là "ý chí của nhân dân"; do đó mà có việc chia nước Pháp thành năm quân khu; do đó mà có sự cải tổ bộ nội vụ thành một ngành phụ thuộc vào quân đội. Những cải tổ, tuy vậy, chưa kết thúc ở đây. Người ta nói là, khoảng 60 quận

trưởng đang sắp sửa bị thải hồi và đại bộ phận sẽ được thay thế bởi quân nhân. Việc quản lý các quận tất phải chuyển vào tay những đại tá và trung tá đã về hưu. Mâu thuẫn đối kháng này giữa quân đội và nhân dân tất phải là một bảo đảm cho "an ninh xã hội", mà chính là bảo đảm an ninh cho người anh hùng Xa-tô-ri²⁹⁸ và triều đại của ông ta.

Một nhà sử học hiện đại nổi tiếng nói rằng người ta cố tìm cách ngụy trang sự thật này như thế nào đi nữa thì nước Pháp từ thời Đại cách mạng bao giờ cũng nằm dưới quyền chi phối của quân đội. Dĩ nhiên, vào thời Đế chế, thời kỳ Phục tích, thời Lu-i - Phi-líp và thời Cộng hoà năm 1848, có những giai cấp khác nhau cầm quyền. Vào thời Đế chế thì chiếm ưu thế là nông dân, người con của Cách mạng 1789; thời Phục tích thì đại địa chủ, thời Lu-i - Phi-líp thì giai cấp tư sản; còn thời Cộng hoà năm 1848, trái với ý đồ của những người sáng lập ra nó, thực tế là một mưu toan bất thành muốn chia quyền thống trị ngang nhau giữa phái Quân chủ hợp pháp với phái Quân chủ thánh Bầy. Song tất cả những chế độ này rốt cuộc đều dựa vào quân đội. Há chẳng phải cả đến Hiến pháp cộng hoà năm 1848 cũng được thảo ra và tuyên bố trong điều kiện thiết quân luật, nghĩa là dưới áp lực của lưỡi lê? Há chẳng phải tướng Ca-ve-nhắc cũng tiêu biểu cho nền cộng hoà này? Há chẳng phải nó đã được quân đội cứu thoát vào tháng Bảy 1848 rồi một lần nữa - vào tháng Sáu 1851? Và cuối cùng, há chẳng phải cũng quân đội ấy đã kết liễu nó vào tháng Chạp 1851? Trong trường hợp như vậy thì chế độ mà hiện nay Lu-i Bô-na-pác-tơ công khai tuyên bố có cái gì là mới nào? Có phải mới ở chỗ ông ta cầm quyền thông qua quân đội? Nhưng tất cả những kẻ trước ông, kể từ thời tháng Nóng²⁹⁹, cũng đã làm như thế rồi kia mà. Song, nếu vào những thời kỳ trước, giai cấp cầm quyền, - giai cấp được đưa lên cầm quyền phù hợp với đặc thù phát triển của xã hội Pháp, - trong cuộc đấu tranh chống những kẻ thù của mình đã dựa vào quân đội với tư cách ultimatio^{1*} thì lợi ích của một giai cấp nào đó trong xã hội vẫn là lợi ích thống trị. Dưới thời Đế chế thứ hai, lợi ích của bản

1* - cố cuối cùng, phương tiện vạn bất đắc dĩ

thân quân đội tất phải thống trị. Quân đội không còn phải ủng hộ sự thống trị của một bộ phận nhân dân này đối với bộ phận nhân dân khác. Quân đội buộc phải duy trì sự thống trị của riêng mình, - sự thống trị được tiêu biểu bằng triều đại riêng của mình - đối với nhân dân Pháp nói chung.

Quân đội phải có một *nhà nước* đối lập với *xã hội*. Không nên nghĩ rằng Bô-na-pác-tơ không hiểu toàn bộ cái nguy hiểm của việc ông ta thực nghiệm. Khi tuyên bố mình là người đứng đầu bọn kiêu binh thì ông ta đã tuyên bố mỗi thủ lĩnh bọn kiêu binh là một đối thủ của mình. Phái ủng hộ của chính ông, đứng đầu là tướng Vai-ăng, đã phản đối việc chia quân đội Pháp thành năm quân đoàn khi họ nói rằng, nếu hiến pháp này là tốt đối với việc gìn giữ trật tự, thì nó tuyệt nhiên không phục vụ cho lợi ích của đế chế và vào một ngày nào đó sẽ dẫn đến nội chiến. Ở Pa-le - Roayan³⁰⁰, nơi mà sự chuyển hướng mới trong đường lối của nhà vua gây ra kích động mạnh nhất, người ta lại hồi tưởng đến những vụ bội phản của các nguyên soái của Na-pô-lê-ông, đứng đầu là Béc-ti-ê.

Về chuyện năm vị nguyên soái căm ghét nhau đến tận xương tủy sẽ xử sự như thế nào vào lúc nguy ngập nào đó trong tương lai thì tốt nhất có thể phán đoán dựa vào quá khứ của họ. Nguyên soái Ma-nhăng đã phản bội Lu-i - Phi-líp; Ba-ra-ghe đ' In-li-ê đã phản bội Na-pô-lê-ông; Bô-xơ đã phản bội nền cộng hoà mà ông ta phải mang ơn vì được đề bạt, và như chúng ta biết, với những nguyên tắc của nó thì ông ta biểu đồng tình; Cat-xtơ-lan thậm chí chẳng đợi đến lúc có tai biến thật sự mới phản bội chính Lu-i Bô-na-pác-tơ. Vào lúc chiến tranh với Nga, ông ta nhận được một bức điện viết: "Hoàng đế đã tạ thế". Ông ta bèn lập tức thảo ra một bản tuyên bố ủng hộ Hăng-ri V và gửi đem in. Quận trưởng Li-ông nhận được một bức điện chính xác hơn, viết là: "Hoàng đế Nga đã tạ thế". Bản tuyên bố đã bị im đi, nhưng câu chuyện về nó đã loan truyền rộng rãi. Còn về Can-rô-béc thì ông ta có thể là người ủng hộ đế chế, nhưng ông chỉ là một phân số thôi và cái chính là thiếu năng lực trở thành một số nguyên. Bản thân năm nguyên soái này, khi ý thức được mọi khó khăn của nhiệm vụ được giao phó, đã dao động rất lâu không biết làm thế nào mà

nhậm chức chỉ huy, cho nên không thể chờ sự đồng ý của họ; bấy giờ Bô-na-pác-tơ tự mình quyết định địa giới cho mỗi người, chuyển danh sách này cho ông Phun-đơ để ông ta bổ sung và gửi cho tờ "Moniteur", thế là tất cả bọn họ rốt cuộc đã được chính thức bổ nhiệm, họ có vui lòng hay không cũng mặc. Song Bô-na-pác-tơ không dám tiến hành kế hoạch của mình đến cùng và không dám bổ nhiệm Pê-li-xi-ê làm đại nguyên soái. Về bộ năm nguyên soái của Bô-na-pác-tơ thì chúng ta cũng có thể nói giống như ông hoàng Giê-rôm Na-pô-lê-ông đã nói với Phun-đơ, người được Bô-na-pác-tơ phái tới giao cho chú mình chức vụ cao nhất trong Hội đồng nhiếp chính. Sau khi đã cự tuyệt đề nghị này với thái độ hết sức bất nhã, nguyên hoàng đế Ve-xtơ-pha-li, như lời tuyên truyền ở Pa-ri, đã đuổi ông Phun-đơ đi với những lời như sau: "Du reste^{1*}, toàn bộ cái Hội đồng nhiếp chính của các ông được thành lập để rồi các ông chỉ có thể đảm đương một nhiệm vụ duy nhất, ấy là làm sao để tóm cổ lẫn nhau nhanh chóng hơn". Chúng tôi xin nhắc lại rằng không nên cho là Lu-i Bô-na-pác-tơ hình như không biết được cái hệ thống ông ta mới bày đặt chứa đầy những hiểm họa như thế nào. Nhưng ông ta không có cách lựa chọn nào hết. Ông ta hiểu địa vị của chính mình và nguyện vọng của xã hội Pháp là muốn thoát khỏi ông ta và khỏi cái trò hề mà đế chế của ông đang diễn càng chóng càng tốt. Ông ta biết rằng các đảng phái khác nhau đã lành bệnh bại liệt và rằng cơ sở vật chất của chế độ chứng khoán của ông ta đã bị nổ tung vì khủng hoảng thương mại. Bởi vậy ông ta không những chuẩn bị chiến tranh chống lại xã hội Pháp, mà còn lớn tiếng tuyên bố điều đó. Hoàn toàn phù hợp với quyết định giữ thái độ hiếu chiến chống nước Pháp này là thái độ thù địch của ông ta với các đảng phái hết sức khác nhau. Chẳng hạn, khi Cát-xa-nhắc trên tờ "Constitutionnel" tố cáo ông Vin-manh là "kẻ kích động lòng căm ghét" đối với đế chế và buộc tội "Journal des Débats" là "ngắm ngòm tông phạm" trong vụ attentat^{2*} thì thoát đầu người ta tưởng đó là biểu hiện nhiệt tình thiếu khôn ngoan của một con người

1* - Tuy vậy

2* - vụ mưu sát

mà Ghi-dô đã gọi là roi des drôles^{1*}. Thế nhưng chẳng bao lâu người ta lại phát hiện ra rằng bài báo này là do bộ trưởng giáo dục nhân dân, ông Ru-lan, gán cho tờ "Constitutionnel", ông này đích thân chữa bản in thử. Lời giải thích này, tịt trung lại, do chủ tờ báo "Constitutionnel", ông Mi-re-xơ, người không muốn chịu trách nhiệm về bài báo, nói với ông Đơ Xa-ri trong ban biên tập "Débats". Như vậy, lời buộc tội *tất cả các đảng*, rằng họ là những kẻ thù riêng của ông ta - là nằm trong ý định của Bô-na-pác-tơ. Điều đó là một phần trong hệ thống của ông. Ông làm cho họ hiểu rõ rằng ông không hề nuôi một ảo tưởng nào về mối ác cảm chung mà chính quyền của ông gây ra, nhưng ông sẵn sàng trả lời cái đó bằng đạn rì và quả pháo.

*Do C.Mác viết ngày 22 tháng Hai 1858
Đã đăng trên báo "New-York Daily
Tribune" số 5270, ngày 12 tháng Ba
1858*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

1* - vua hề

C.MÁC

NỘI CÁC ĐỐC-BI. - SỰ TỪ CHỨC GIẢ CỦA PAN-MỐC-XTƠN³⁰¹

Nếu Oóc-xi-ni không giết được Lu-i-Na-pô-lê-ông, thì chắc chắn anh ta đã làm cho Pan-mốc-xtơn phải hỗn xiêu phách lạc. Vì đầu thủ chính trị này được viên quan người Trung Quốc ở Quảng Châu nâng lên thành nhà độc tài của nước Anh, cho nên xét về mặt lịch sử thì điều hoàn toàn tự nhiên là rốt cuộc, ông ta tất phải bị bàn tay Các-bô-na-ri I-ta-li-a ở Pa-ri hạ xuống³⁰². Song việc Đốc-bi tất phải trở thành kẻ kế tục ông, lại là một cái gì đó vượt quá một hiện tượng lịch sử đơn thuần và gần với phạm trù quy luật lịch sử. Điều này hoàn toàn phù hợp với các truyền thống của Hiến pháp nước Anh. Sau Pít là tiếp đến Phốc-xơ, sau Phốc-xơ là Péc-xi-van, một bản sao nhợt nhạt của Pít; sau Oen-lin-tơn là Grây, bản sao nhợt nhạt của Phốc-xơ; sau Grây là Oen-lin-tơn; sau Oen-lin-tơn là Men-bước, bản sao nhợt nhạt của Grây; sau Men-bước lại là Oen-lin-tơn đội danh Pin; sau Pin lại là Men-bước đội danh Rốt-xen, sau Rốt-xen là Đốc-bi, thế phẩm của Pin; sau Đốc-bi lại là Rốt-xen. Tại sao Pan-mốc-xtơn, người đã tiếm vị Rốt-xen, đến lượt ông ta lại không bị thay thế bởi Đốc-bi được nhỉ?

Nếu ở nước Anh cũng có một lực lượng mới nào đó có khả năng chấm dứt cái thông lệ cũ rích, mà cái mẫu của nó là sự đổi

chỗ cuối cùng này giữa những quân tử tôn quý ngồi phía bên này của nghị viện với những quân tử đáng kính ngồi ở phía kia nghị viện³⁰³, nếu lại có kẻ nào đó hay nhóm người nào có khả năng đứng lên chống lại giai cấp cầm quyền cổ truyền và chiếm được chỗ của nó thì thế giới vẫn còn chưa biết đến họ. Song có một điều không thể nghi ngờ gì nữa, đó là chính quyền To-ri thuận lợi hơn rất nhiều cho mọi sự tiến bộ so với bất cứ chính quyền nào khác. Trong vòng năm mươi năm lại đây, tất cả những cuộc vận động rộng rãi hoặc đã nảy sinh, hoặc đã được thực hiện dưới thời các Chính phủ To-ri. Nội các To-ri đã ban hành đạo luật giải phóng những tín đồ Thiên chúa giáo³⁰⁴. Dưới thời Nội các To-ri, phong trào đòi cải cách nghị viện³⁰⁵ đã trở nên không gì ngăn chặn nổi. Việc áp dụng thuế thu nhập, - thứ thuế mà mặc dù dưới hình thức phi lý của nó hiện nay vẫn chứa đựng mầm mống của chế độ thuế lũy tiến, - là công việc do bàn tay Nội các To-ri làm. Hoạt động của Đồng minh chống các đạo luật về ngũ cốc yếu ớt và dè dặt dưới thời Chính phủ Vích, đã đạt tới quy mô cách mạng dưới thời Nội các To-ri; và trong lúc Rốt-xen ngay cả trong những bước táo bạo nhất của mình cũng không bao giờ dám đi xa hơn những thứ thuế cứng rắn mà cũng ôn hoà như chính bản thân ông ta, thì Pin không còn phải làm gì ngoài việc đưa những đạo luật về ngũ cốc xuống mồ của tất cả những Ca-pu-lét-ti³⁰⁶. Và chính là phái To-ri đã đại chúng hoá đẳng cấp quý tộc, có thể nói như vậy, sau khi đã tuôn vào trong đẳng cấp này sức lực và tài năng của đẳng cấp bình dân nhằm tăng cường nghị lực của nó. Nhờ phái To-ri mà Ca-ninh, con trai một nữ diễn viên, đã thống trị đẳng cấp quý tộc ruộng đất già cỗi của nước Anh; cũng như Pin, con trai một chủ xưởng kéo sợi bông hãnh tiến, xưa là một thợ dệt, ngồi máy quay tay, đã thống trị đẳng cấp này; cũng như cả Đì-xra-e-li nữa, con trai một nhà văn bình thường mà lại là người Do Thái, đã thống trị đẳng cấp này. Bản thân huân tước Đốc-bi cũng đã biến con trai một chủ hiệu buôn nhỏ ở Lui-xơ thành huân tước - thủ tướng nước Anh, mang tên huân tước Xen-Lê-ô-nác. Phái Vích, đến lượt mình, luôn luôn tỏ ra đủ mạnh để che giấu những con rối bình dân của mình đằng sau những trang trí choáng lộn, hoặc ngạo mạn vất bỏ chúng đi với những

lời sỉ nhục. Brum, linh hồn của phong trào cải cách nghị viện, đã được người ta làm cho vô hại bằng cách đưa ông lên thành huân tước, còn Cóp-đen, thủ lĩnh Đồng minh chống các đạo luật về ngũ cốc, thì cũng chính những người thuộc phái Vích được ông đưa trở lại làm bộ trưởng, đã mời ông ra giữ chức thứ trưởng bộ thương mại³⁰⁷.

Về phương diện khả năng trí tuệ thuần túy thì nội các mới dễ có thể so sánh với nội các trước đây. Những người như Đì-xra-e-li, Xten-li và Ê-len-bô-rô có thể đối sánh mà không thiệt hại gì đến mình với những người cổ như ông Véc-nôn Xmít, nguyên chủ tịch Hội đồng kiểm tra hay bộ trưởng chiến tranh, huân tước Pan-muy-rơ - mà chỉ một câu của ông "Hãy quan tâm tới Đâu-bo"³⁰⁸ cũng có thể khiến ông trở thành bất hủ - hoặc cả như ngài Gi. C.Lu-ít, hiện thân của "Edinburgh Review" buồn tẻ, hoặc thậm chí đối sánh với đại nhân đạo cao đức trọng như huân tước thủ thư Clan-ri-các-đơ. Thực tế, Pan-móc-xơn đương thời đã thay thế không những nội các của các tất cả các đảng bằng một nội các không đảng phái, mà còn thay cả nội các của tất cả những nhân tài bằng một nội các của những kẻ bất tài, trừ riêng ông là kẻ tài ba.

Điều không thể nghi ngờ gì là cả đến Pan-móc-xơn cũng không ngờ rằng ông ta bị đổ hoàn toàn. Ông tưởng là huân tước Đốc-bi cả lần này, cũng như trong thời Chiến tranh Crưm, sẽ khước từ chức vụ thủ tướng. Bấy giờ Rốt-xen ắt sẽ được nữ hoàng triệu vời, và vì đại bộ phận quân đội riêng của ông ta đã phục vụ dưới thời Pan-móc-xơn, còn đa số quân đội đối phương lại đứng dưới cờ Đì-xra-e-li, cho nên Rốt-xen hẳn buộc phải bỏ hy vọng lập nội các, hơn nữa, là một thành viên phái Vích, ông ắt không thể đi tới "biện pháp cực đoan": giải tán nghị viện được bầu ra dưới những ngọn cờ phái Vích. Việc Pan-móc-xơn trở lại cầm quyền sau một tuần lễ dao động, như vậy, hẳn là một điều tất nhiên. Điều tính toán tinh vi này đã trở thành con số không, vì Đốc-bi đã nhận lời. Người ta không rõ hiện nội các To-ri còn nắm chính quyền lâu không. Có thể là họ còn giữ được ít tháng chừng nào chưa buộc phải giải tán nghị viện - một biện pháp mà họ nhất thiết sẽ phải thực hiện trước lúc dứt khoát từ giã chính quyền. Song có hai điều chúng tôi cho là hết sức chắc chắn, đó là chính quyền To-ri

sẽ được đánh dấu bằng việc đưa những dự luật hết sức tự do vào lĩnh vực các cuộc cải cách xã hội (điều được bảo đảm bởi hoạt động của huân tước Xten-li trước đó và bởi dự luật của ông Giôn Pa-kinh-tơn về nền giáo dục nhân dân) và cái chính là họ sẽ đưa vào đường lối đối ngoại một sự thay đổi hết sức cần thiết và có lợi. Đành rằng có nhiều nhà quan sát và nhà chính luận hồi hợt, khẳng định rằng sự sụp đổ của Pan-móc-xtơn sẽ không giáng một đòn nặng vào Lu-i - Na-pô-lê-ông, bởi vì theo họ, một số thành viên của Nội các To-ri mới có quan hệ cá nhân hữu hảo với nhà độc tài Pháp, và nước Anh không ở vào tư thế để tiến hành chiến tranh với một cường quốc lục địa. Song chính vì nước Anh không đủ sức tiến hành cuộc chiến tranh mới nên chúng tôi cho rằng câu trả lời của nó đối với những sự đe dọa thô bạo và những đòi hỏi trắng trợn của bọn bạo chúa Lu-i - Na-pô-lê-ông là hết sức có ý nghĩa. Phái tự do có tinh thần độc lập trong nghị viện, khi phản ánh tâm trạng dứt khoát và được biểu thị rõ ràng của quốc dân, đã trả lời bức công hàm của Va-lép-xki bằng sự bác bỏ dự luật Pan-móc-xtơn về những cuộc âm mưu³⁰⁹, tuyệt nhiên không vì Man-mơ-xbê-ri và Đi-xra-e-li phải được vào nội các. Huân tước Đốc-bi có thể trượt chân và ngã, nhưng quyết định thông qua điều sửa đổi của Min-nơ Ghíp-xơn³¹⁰ sẽ còn lại và sẽ mang tới những kết quả của nó, bất chấp mọi hoàn cảnh.

Chúng tôi không tin vào một sự liên minh đôi chút thành thật và lâu dài giữa phái To-ri nước Anh với phái Bô-na-pác-tơ nước Pháp. Những động cơ bên trong; những truyền thống và những tham vọng của cả đôi bên đang nổi dậy chống lại cái đó. Chúng tôi không cho rằng có thể là nội các mới lại quay về dự luật Pan-móc-xtơn về những cuộc âm mưu và bắt đầu đòi thực hiện nó như báo chí Pa-ri thường nói một cách rất chắc chắn. Nếu nội các này có làm như thế thì cũng sẽ không làm sớm hơn so với việc trả lời Va-lép-xki và Đờ Moóc-ni theo tinh thần của Pít và Ca-xlê-ri. Dù có thiếu sót đến đâu, phái To-ri trước hết phải biến đổi bản chất mình đã rồi mới đồng ý biến đổi những đạo luật nước Anh theo sắc dụ của Bô-na-pác-tơ.

Tuy nhiên, giả định rằng trong một tương lai không xa giữa cả hai chính phủ sẽ xảy ra sự đoạn tuyệt thì điều đó vẫn không làm

giảm ý nghĩa của một quyết định đã được thông qua cách đây không lâu. Theo ý kiến của chúng tôi, mặt quan trọng nhất của quyết định này là nó tuyên bố trước châu Âu rằng nước Anh thôi không đóng vai trò kẻ phù trợ của nước Pháp Đế chế. Ở Bruy-xen, ở Tu-rin và thậm chí ở Viên người ta đều quan niệm như vậy; ở Béc-lin, ở Ma-đrít và ở Xanh-Pê-téc-bua rồi cũng sẽ quan niệm như vậy. Nước Anh, một nước đã làm cai ngục khá lâu của Na-pô-lê-ông Đệ nhất, đã ngang nhiên từ chối không tiếp tục đóng vai trò tay sai dưới thời kẻ kế vị ông ta nữa³¹¹.

*Do C.Mác viết ngày 25 tháng Hai 1858
Đã đăng làm xã luận trên báo "New-York Daily Tribune" số 5272, ngày 15 tháng Ba 1858*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

DẤU HIỆU CỦA THỜI ĐẠI

Pa-ri, ngày 11 tháng Ba 1858

Đêm rạng ngày thứ bảy, ngày 6 tháng Ba, đã xảy ra một cuộc bạo động nhỏ của phái cộng hoà tại Sa-lôn ở Xô-na; đêm ngày 9 rạng ngày 10 tháng Ba có cuộc hội nghị của những kẻ âm mưu ở thành phố này; bắt đầu từ ngày 24 tháng Hai, nghĩa là từ ngày kỷ niệm lần thứ mười cuộc Cách mạng tháng Hai, xảy ra những vụ bắt bớ hàng loạt, về tính chất, rất giống với những vụ vây ráp ở An-giê-ri³¹², đến nỗi là ở Pháp, như tờ "Punch" ở Luân Đôn nói, chẳng bao lâu chỉ còn lại hai giai cấp: tù nhân và cai tù; đã xuất hiện một bài công kích bán chính thức "Na-pô-lê-ông III và nước Anh"³¹³, và đồng thời trên "Moniteur" đăng những đoạn trích thư từ của Na-pô-lê-ông I; cuối cùng, một nửa dân chúng Pa-ri lo làm sao kiếm cho mình được một chỗ ngồi tại buổi xử tử Oóc-xi-ni được hoãn cho đến nay. Về món cuối cùng trong thực đơn này của hoàng đế thì phải thấy rằng, nhờ cơ hội trùng phùng mà ít ai biết đến, vấn đề Oóc-xi-ni "được về châu tiên tổ", như lời nói trắng trợn của bọn cóóc-ni^{1*}, xét về mức độ, còn nguy hại hơn cả vụ xử tử những người bạo động ở Buy-dan-xơ dưới thời Lu-i - Phi-líp³¹⁴. Bấy giờ bạo tố phần nộ của nhân dân đã nổi lên vì vụ

1* - bọn tiểu nhân ở Luân Đôn

tắm máu này, mặc dù vụ này được thực hiện thông qua toà án hợp với mọi thể thức của đạo luật nước Pháp - đã bộc lộ ra những nét ghê tởm nhất của sự trì vì nhân nghĩa giả dối của Lu-i - Phi-líp. Người ta đã kê cho công tước Pra-xlanh một độc được thay cho thuốc bệnh để ông có thể thoát khỏi cái chết nhục nhã của một tên tội phạm hình sự thông thường³¹⁵, còn những émeutiers^{1*}, những nông dân sống dở chết dở vì kiệt sức, đã giết người một cách không đắn đo suy nghĩ trước, do ảnh hưởng của nạn đói, vào thời gian xảy ra cái cọ vì việc thu thóc, đều bị thẳng tay giao cho đao phủ chém đầu. Ngược lại, Oóc-xi-ni dửng dưng cảm nhận mình đã tham gia vụ mưu sát và chịu toàn bộ trách nhiệm về mình. Anh đã bị buộc tội căn cứ vào luật, và công chúng Pa-ri có cảm tình với anh bao nhiêu đi nữa thì số phận anh tự nó cũng vẫn không có điều gì đặc biệt làm tổn thương uy tín của Đế chế thứ hai. Song, nếu chú ý đến một loạt những hoàn cảnh kèm theo vụ này thì nó lại lộ ra dưới một hình thức khác hẳn. Trong thời gian tiến hành toàn bộ thủ tục tố tụng, sự tò mò của Pa-ri bị kích động vì cách tiến hành nó không bình thường, chưa từng có trong sử biên niên các quá trình chính trị của Pháp.

Bản kết tội được diễn đạt bằng những lời lẽ mềm mỏng và ôn hoà. Trong đó chỉ có những viện dẫn mập mờ về những sự kiện được juge d'instruction^{2*} xác định, còn những lời thẩm vấn dài dòng và nhiều lần của đương cục cảnh sát thường giữ vai trò chính trong những vụ án đại loại như vậy thì lại bị bỏ qua hoàn toàn. Tựa như trong hồ sơ nổi bật lên mỗi một ý: càng ít nói đến điều đó càng tốt. Lần đầu tiên, bị cáo ra trước toà án của đức vua được đối xử lịch sự. Theo lời của kẻ được tận mắt chứng kiến thì "hoàn toàn hoặc gần như hoàn toàn không thấy có lời dọa nạt, không có thái độ hống hách hoặc ý định cất lời phát biểu". Giuylơ Pha-vơ, người bào chữa cho Oóc-xi-ni cũng không bị ngắt lời, khi ông ta dám nói lời hào hùng như sau:

"Tôi căm ghét bạo lực, nếu như nó không phục vụ cho sự nghiệp chính nghĩa. Giá như có một dân tộc nào đó đã lâm vào một tình trạng bị thảm như phải sống

1* - những người tham gia bạo động

2* - thẩm phán

dưới quyền lực một tên độc tài thì dao găm cũng hẵn chưa đủ sức chặt đứt xiềng xích trói buộc nó. Thương để tính ngày giờ cho mạng sống của kẻ độc tài và chuẩn bị cho những tên bạo chúa những nỗi nguy hiểm còn khó tránh thoát hơn so với lưỡi dao găm của kẻ giết người".

Và tiếng rì rầm nho nhỏ tán thưởng những lời này cũng không làm cho ông chánh án Đơ-lăng-lơ nổi cơn giận nghề nghiệp. Nhưng thế vẫn chưa hết. Người ta đã biết rằng Giuy-lơ Pha-vơ đích thân đưa tới Tuyn-lơ-ri bức thư của Oóc-xi-ni gửi cho đức vua, rằng đọc xong bức thư, ngài đã cho phép đăng báo, sau khi, như người ta nói, đã gạch bỏ hai câu trong đó. Nhưng bản án vừa mới tuyên bố xong thì người ta tỏ một thái độ hết sức tàn bạo đối với Oóc-xi-ni, và để trả lời cho đơn thỉnh cầu của anh về việc xin phép "sắp xếp có trật tự những giấy tờ của mình", người ta lập tức khoác cho anh camisole de force^{1*}.

Như vậy, điều đã trở nên rõ ràng là ở đây người ta chơi trò hai mặt quỷ quyết. Oóc-xi-ni đã có thể thông báo và thực tế đã thông báo cho Pi-e những điều vạch trần về sự tham gia của Na-pô-lê-ông vào phong trào Các-bô-na-ri và về những lời ông ta hứa hẹn rất rõ ràng với những người I-ta-li-a yêu nước, thậm chí cả sau coup d'état^{2*}, lúc mà ông vẫn chưa quyết định mình phải theo chiến thuật nào. Để cho Oóc-xi-ni tự kiềm chế, tuồng như vì lợi ích riêng của chính anh, và nhờ đó mà tránh được chuyện om sòm trong công chúng, người ta đã hứa với anh sẽ ân xá, mặc dù không định giữ lời hứa này lấy một phút giây nào. Những thủ đoạn như vậy trong tố tụng không phải là điều mới mẻ trong sử biên niên của Đế chế thứ hai. Bạn đọc hẵn còn nhớ vụ Be-ri-ê, con trai của trạng sư Pháp nổi tiếng và là người thuộc phái chính thống. Bấy giờ vụ án có liên quan đến việc một xí nghiệp cổ phần phạm tội lừa đảo: xí nghiệp Docks Napoléoniens^{3*}. Số là, trong tay của Be-ri-ê bố có rất nhiều tài liệu chứng minh rằng ông hoàng Na-pô-lê-ông và bà hoàng Ma-tin-đa vợ được những món tiền khổng lồ trong những vụ thông đồng gian lận nhất khiến con trai

1* - áo bó không cho cựa quậy

2* - cuộc đảo chính

3* - Xưởng đóng tàu của Na-pô-lê-ông

Be-ri-ê phải ngồi vào ghế bị cáo. Giá mà Be-ri-ê - một bậc thầy về nghệ thuật hùng biện theo phong cách Pháp, một nghệ thuật hoàn toàn dựa vào tư thế, vào giọng điệu, vào cái nhìn và cử chỉ của diễn giả để biến những lời mình nói, những lời có vẻ tẻ nhạt trên giấy, thành những lời nảy lửa, thành những tia điện phóng, - giá như ông ta công bố trước toà những tài liệu ấy và kèm theo lời bình thì ngai vàng của đức hoàng đế e phải nghiêng ngả. Bởi vậy, những nhân vật rất thân cận với nhà vua đã ra tay thuyết phục Be-ri-ê từ bỏ ý định của mình và hứa chắc với ông ta là sẽ bảo đảm cho con trai ông được trắng án để trả đền cho sự im lặng. Ông đồng ý; con trai ông bị buộc tội; và cả bố lẫn con đã trở thành vật hy sinh cho sự lừa dối. Cũng lại chính cái mảnh khoé này đã được áp dụng cho Oóc-xi-ni và cũng thu được kết quả hệt như vậy. Nhưng thế vẫn chưa hết. Người ta đã thuyết phục anh không những giữ cho Bô-na-pác-tơ khỏi bị chuyện tai tiếng, mà còn phá bỏ sự im lặng của mình và làm cho mình bị tổn thương vì lợi ích của chính Bô-na-pác-tơ. Oóc-xi-ni đã ám chỉ rằng nhà vua bí mật đồng tình với sự nghiệp giải phóng nước I-ta-li-a, và do đó người ta đã khích lệ anh viết bức thư đó. Sau đó thì diễn đến cảnh có Giuy-lơ Pha-vơ. Bức thư của Oóc-xi-ni được đăng trên tờ "Moniteur". Cần làm cho nước Áo phải e sợ và buộc nó phải đáp ứng những yêu cầu của Bô-na-pác-tơ, sau khi đã cho nó biết rõ là Bô-na-pác-tơ vẫn đủ sức chi phối những phong trào ái quốc của người I-ta-li-a. Nước Áo thậm chí cho rằng mình bị xúc phạm. Vụ xử tử Oóc-xi-ni tất đã làm cho nó nguôi bớt cơn giận, nhưng Áo vẫn phải trả giá cho điều đó bằng cách làm tăng mối thù ở I-ta-li-a đối với nó và bằng việc bóp nghẹt những mầm non yếu của tự do báo chí ở Viên. Tôi giải thích chung về sự việc Oóc-xi-ni là như vậy, không biết có đúng hay không.

Còn về vụ émeute^{1*} ở Sa-lôn thì đấy chỉ là một triệu chứng báo trước. Thậm chí giả dụ ở Pháp không có lấy một tâm hồn quả cảm nào thì chỉ vì mỗi bản năng tự vệ không thôi hẵn người ta vẫn cứ tiếp tục đi tới những cuộc khởi nghĩa. Hy sinh trong cuộc chiến đấu trên đường phố hoặc mục ruộng ở Cây-en-na - họ

1* - bạo động

không còn cách chọn lựa nào khác. Chỉ có một sự kiện duy nhất có thể dùng làm ví dụ chỉ rõ những vụ bắt bớ - mà mỗi vụ bắt bớ đều có thể dẫn tới Cây-e-na, cũng như tất cả mọi con đường đều dẫn tới La Mã, - được tiến hành vì lý do gì. Người ta biết rõ là cách đây ít lâu đã có ba luật gia Pa-ri bị bắt. Đoàn trạng sư, hoặc nói đúng hơn, một hội đồng trạng sư, đã bào chữa cho vụ này và chất vấn bộ trưởng tư pháp; để trả lời, người ta tuyên bố rằng không thể có một sự giải thích nào cả, ngoài lý do là ba vị nói trên bị bắt vì có "gian kế và âm mưu" trong thời gian tiến hành cuộc tuyển cử cuối cùng ở Pa-ri mười tháng trước đây. Bởi vậy, nếu vụ émuete ở Sa-lôn tựa hồ như hoàn toàn là chuyện thường, thì thái độ trong trường hợp này của các sĩ quan thuộc đơn vị đồn trú ở Sa-lôn vị tất đã nhất trí tới những lời chúc mừng cuồng loạn mà các đại diện của quân đội Pháp được lệnh gửi tới báo "Moniteur". Các trại lính nằm bên hữu ngạn sông Xô-na, trong lúc đó thì đa số sĩ quan lại sống trong các căn nhà ở tả ngạn, nơi cũng đã xảy ra vụ bạo động. Đáng lẽ phải lao tới chỉ huy binh sĩ của mình để bảo vệ đế chế, thì các sĩ quan lại dè dặt dùng mấy bước ngoại giao để thăm dò xem liệu nền cộng hoà có được tuyên bố ở Pa-ri không. Về sự kiện này, cả đến báo "Moniteur" cũng không dám hoàn toàn giữ im lặng. Báo này viết:

"Các sĩ quan của đơn vị đồn trú vội chạy tới dinh quận phó để hỏi xem có tin tức gì về những lời đồn đại đã bắt đầu lan rộng là, người ta đã tuốt kiếm mở đường không".

Tờ "Patrie"³¹⁶ tìm cách giải thích sự cố khó chịu này theo kiểu riêng của mình, đã quả quyết là những sĩ quan ham hiểu biết này định "bắt giữ phó quận trưởng nếu như ông này đứng về phía cộng hoà"; song thực ra là họ chạy tới dinh quận phó để hỏi ông xem có thật là nền cộng hoà đã được tuyên bố ở Pa-ri không. Và vừa được ông ta trả lời là không thì họ liền thấy cần phải thể hiện nhiệt tình nghề nghiệp của mình. Cát-xtơ-lan đã rời Li-ông để điều tra về tư cách của họ. Nói tóm lại, trong quân đội có những dấu hiệu bất mãn. Chính cái kiểu cách mà người ta đã dùng để tán dương quân đội trên những trang "Moniteur" và đã biến nó thành một trò cười cho toàn thể châu Âu, rồi sau đó đơn giản lãng quên nó là để làm đẹp lòng Giôn Bun; việc Bô-na-pác-tơ chia quân

đội thành năm quân đoàn tách biệt vì sợ phải giao quyền tổng tư lệnh vào tay Pê-li-xi-ê, người mà thời gian gần đây đã lạnh nhạt với chủ mình; những bức thư miệt thị, trong đó Săng-gác-ni-ê và Bê-đô đã cự tuyệt lệnh được phép trở về Pháp; việc bổ nhiệm Ê-xpi-nắc, - người mà sau cuộc hành quân tới Đô-brút-gia đã bị mọi người trong các trại lính căm ghét, - lên chức vụ trọng trách, và cuối cùng, một linh cảm mờ mờ về những sự biến sắp xảy ra trong tiến trình các sự kiện, một linh cảm không bao giờ đánh lừa "những lưỡi lê biết nghĩ"³¹⁷ của nước Pháp - tất cả những điều này góp phần làm cho danh tiếng các tướng lĩnh thận trọng của quân đội bị đổ sụp. Ngoài những sự kiện Sa-lôn thì thái độ của tướng Mác - Ma-gông ở Thượng nghị viện Pháp chứng minh rõ sự chuyển biến kỳ lạ và hãn là bất ngờ này. Những ý kiến nhận xét của ông về loi des suspects^{1*} có đặc điểm nổi bật là hết sức công khai, và ông ta là người duy nhất trong tất cả những quân hầu mặc lễ phục có thêu kim tuyến của Bô-na-pác-tơ đã bỏ phiếu chống đạo luật này.

*Do C.Mác viết ngày 11 tháng Ba 1858
Đã đăng trên báo "New - York Daily
Tribune" số 5285, ngày 30 tháng Ba 1858*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

1* - đạo luật về những người bị tình nghi

C.MÁC

TÌNH HÌNH HIỆN NAY CỦA BÔ-NA-PÁC-TÔ³¹⁸

Pa-ri, ngày 18 tháng Ba 1858

"Risorgere nemico ognor piu crudo

Cenere anco sepolto e spirto ignudo".

(Từ những thân ma ta sẽ sống lại thành một kẻ thù còn đáng sợ hơn, dù ta sẽ chỉ là tro tàn dưới mộ và là linh hồn trần tục). Hai câu thơ này trích trong bài "Giê-ru-xa-lem"^{1*} của Ta-xô, được Oóc-xi-ni rả vào tai người bào chữa của mình với một nụ cười khác thường, sau khi Pha-vơ nói xong - đã bắt đầu biến thành sự thật. Một người chứng kiến tận mắt đã miêu tả khí sắc đám công chúng có mặt tại buổi hành hình nhà ái quốc I-ta-i-a, như sau:

"Chính phủ khiếp sợ đến nỗi phải ra pháp trường cả một sư đoàn do một viên tướng đích thân chỉ huy. Mười lăm nghìn binh lính sẵn sàng hành động theo hiệu lệnh đầu tiên, và tất cả các lối qua lại và lối ra đều được canh gác như trong thời gian khởi nghĩa. Theo ước tính của tôi thì có từ 9 đến 10 vạn người từ những vùng ngoại ô tới, công nhân vận bờ-lu đứng đầy những khoảng đất trống và những đường phố gần Quảng trường La-Rô-két; nhưng quân đội được bố trí theo một cách khiến cho khán giả chỉ có thể hoặc là nhìn thấy rất ít hoặc là chẳng thấy được gì cả. Khi người ta nghe thấy một tiếng phập của lưỡi dao giết người rơi vào cổ Oóc-xi-ni thì đáp lại là một tiếng hét mạnh mẽ vang lên, mặc dù bị

1* - Toóc-va-tô Ta-xô. "Giê-ru-xa-lem được giải phóng" bài ca thứ IX.

nghet lại: "Vive la République !" ^{1*}. Tôi khó mà tả lại được cảnh đó bằng lời: khi thì tựa như tiếng âm âm khủng khiếp; khi thì không phải tiếng kêu, không phải tiếng gào, mà hết như tiếng rầm rì hay tiếng thở dài của muôn ngàn sinh linh. Các nhà đương cục đã thấu hiểu ý nghĩa của nó, vì ngay vào giờ phút này binh lính cất lên tiếng ồn ào không tưởng tượng nổi, họ bắt đầu khua binh khí, bắt đầu đánh ngựa của mình cho nó lồng lên và đá hậu; bằng cách đó họ đã làm át được tiếng âm âm của đám đông, mà không trực tiếp trấn áp. Nhưng câu: "Vive la République !", dĩ nhiên được mọi người nghe rõ. Tôi cố tình đi bộ về nhà; chậm rãi lách qua đám đông ở nơi tụ hội đông nhất. Tôi buộc phải thú nhận là khắp nơi tôi đã nghe thấy sự biểu đồng tình và thần phục Oóc-xi-ni; tội của anh rõ ràng là đã hoàn toàn được người ta quên đi và chỉ còn lại một ấn tượng gây nên bởi lòng dũng cảm của anh và thái độ cao thượng của anh đối với những người tòng phạm với mình. Tôi không nghe ai nói đến tên Pi-e-ri lần nào. Khí sắc của dân chúng, tôi có thể nói là cực kỳ kinh khủng; người ta thấy rõ là sự căm thù và lòng khao khát trả hận đã ăn quá sâu khiến bật ra thành lời. Tất cả những nhận xét mà tôi nghe được hầu như biến thành tiếng rì rầm tựa như mỗi bước đi người ta đều e sợ bọn mật vụ cảnh sát".

Hình như những biện pháp "an ninh xã hội" được áp dụng nhằm đào tận gốc những yếu tố cộng hoà, những vụ bắt bỏ tù và bắt đi đầy hàng loạt không thu được nhiều kết quả hơn những cités ouvrières^{2*}, những xưởng mới được lập lại và những biện pháp khác mà người ta hòng dùng để mua chuộc lương tâm giai cấp công nhân Pháp. Những điều kèm theo vụ án Oóc-xi-ni được trình bày cặn kẽ trước đây^{3*} bây giờ đã biến thành một đề tài chung được bàn tán khắp Pa-ri. Người ta còn biết rõ là, khi xem qua vô số thư từ trao đổi giữa Oóc-xi-ni và Pi-e-ri, người ta phát hiện thấy những lá thư của Lu-i - Na-pô-lê-ông viết trong nhiều năm trước đây, với chữ ký do chính tay ông ta ký. Giá như tờ báo Pháp "Constitutionnel" vẫn còn ở vào tình thế thuận lợi như nó đã từng có dưới thời ông Ghi-dô thì mỗi một ngày chúng ta hẳn được chiêu đãi bằng một câu trang trọng: "L'horizon politique s' obscurcit"^{4*}. Thực ra tình hình cũng có như vậy. Ở Tuyn-lơ-ri, người ta khiếp

1* - "Nền cộng hoà muôn năm !"

2* - khu công nhân

3* - Xem tập này, tr. 504 - 508

4* - "Cục diện chính trị trở nên u ám".

sợ đến sững sờ khi biết tin các sĩ quan của đơn vị đồn trú ở Sa-lôn đã xử sự như thế nào. Ở đây, người ta dùng dùng nỗi giận vì cái naïveté^{1*} của báo "Moniteur", báo này đã thông báo với nước Pháp và châu Âu rằng các sĩ quan ở Sa-lôn, đáng lẽ phải đưa toàn bộ câu chuyện này làm trò cười, thì lại lập tức đặt binh lính của mình vào tình trạng sẵn sàng chiến đấu và tuyên bố với binh sĩ rằng họ sẽ chiến đấu chống lại nền cộng hoà để bảo vệ đế chế, ngay dù cho ở Pa-ri đã tuyên bố nền cộng hoà di nữa cũng vậy, - đáng lẽ như vậy thì các sĩ quan ở Sa-lôn thoát tiên lại chạy tới phó quận trưởng. Như vậy, họ đã khước từ không dám liều thân và liều địa vị mình vì hoàng đế, khi chưa biết trước đích xác liệu nền cộng hoà có thật đã được tuyên bố hay không. Sự kiện này chứng tỏ rằng không thể tin cậy vào quân đội trong khối đông đảo của nó. Ngoài những sĩ quan cao cấp của nó, những người mà hoặc bị tổn thương danh dự quá nhiều, hoặc đã được tặng thưởng những huân chương quá ư lấp lánh để có thể tách số phận của mình khỏi số phận của đế chế, có lẽ chỉ còn có một bộ phận quân đội hoàn toàn đáng tin cậy, đó là: vệ binh. Quân đoàn này thật sự là rất mạnh và đương nhiên nó hiểu rõ rằng, dưới bất cứ một chính phủ nào khác chắc nó cũng sẽ bị sáp nhập vào quân chính quy, hoặc nói chung là bị giải tán. Bộ binh của vệ binh gồm bốn trung đoàn lính thủ pháo, hai trung đoàn voltigeurs^{2*}, một trung đoàn hiến binh, một trung đoàn du-a-vơ và một tiểu đoàn chasseurs^{3*} - tổng cộng là mười bảy tiểu đoàn bộ binh. Ngoài ra, vệ binh còn có hai trung đoàn giáp kỵ binh, hai trung đoàn long kỵ binh, một trung đoàn kỵ binh thủ pháo, một trung đoàn khinh kỵ binh và một trung đoàn chasseurs - tổng cộng là hai mươi một tiểu đoàn kỵ binh; pháo binh của vệ binh cũng là một lực lượng khá mạnh. Tổng số quân của vệ binh lên tới ngót nghét 20 000 người với 40 hoặc 50 đại bác; đây là một hạt nhân khá mạnh để có thể vô hiệu hoá xu hướng dao động có thể bộc lộ trong quân đội chính quy trong trường hợp chiến đấu ác liệt với dân chúng Pa-ri. Ngoài ra, người ta đã dự kiến mọi việc để có thể nhanh chóng tập trung

1* - ngây thơ

2* - khinh binh

3* - lạp binh

quân từ địa phương tới, điều đó chỉ nhìn qua bản đồ đường sắt nước Pháp cũng có thể thấy, cho nên một cuộc vận động mà không đánh úp được chính phủ một cách bất ngờ thì tất phải đụng độ với một lực lượng hùng hậu từ 6 đến 8 vạn quân. Những biện pháp ấy đã được Bô-na-pác-tô sử dụng để đàn áp khởi nghĩa vũ trang. Song chính những biện pháp ấy đã hoàn toàn loại trừ khả năng nảy sinh khởi nghĩa vũ trang, chỉ trừ trường hợp khởi nghĩa xảy ra do một sự kiện nào hết sức lớn lao không dự đoán được, khi mà lập trường rõ ràng chống Bô-na-pác-tô của giai cấp tư sản, những hội kín tiến hành hoạt động phá hoại trong các tầng lớp dưới của quân đội, sự ganh tỵ nhỏ nhen, sự phản trắc của những phần tử bị mua chuộc và những thiện cảm với phái Oóc-lê-ăng và những thiện cảm với phái chính thống mang bất hoà và các tầng lớp trên của quân đội, chắc chắn sẽ làm nghiêng cán cân về phía quân chúng cách mạng. Đối với quân chúng cách mạng thì việc mưu sát Bô-na-pác-tô thành công có lẽ lại là điều xấu nhất. Trong trường hợp này, câu trả lời của Moóc-ni vào buổi đầu cuộc chiến tranh với nước Nga cho câu hỏi của Bô-na-pác-tô là họ sẽ làm gì trong trường hợp ông ta chết bất thần, sẽ có thể là một điều tiên tri:

"Nous commencerions de jeter tous les Jerômas par la fenêtre, et puis nous tâcherions de nous arranger tant bien que mal avec les Orléans" ("Chúng ta hẳn sẽ bắt đầu ném tất cả bọn Giê-rôm ra ngoài cửa sổ, rồi sau đó sẽ cố gắng dàn xếp với triều đại Oóc-lê-ăng như thế nào cũng được").

Trước khi dân chúng ngoại ô quyết định được mình phải làm gì thì Moóc-ni ắt đã có thể tiến hành cuộc đảo chính cung đình của mình, tuyên bố lập triều đại Oóc-lê-ăng và, như vậy, kéo giai cấp tư sản vào phe phản cách mạng.

Bô-na-pác-tô càng chán ngán thất vọng trong lĩnh vực đối ngoại thì càng dấn sâu vào con đường khủng bố trong nước. Mỗi một thất bại của ông từ bên ngoài đều làm lung lay địa vị của ông và làm tăng thêm hy vọng cho phái đối lập với ông, và điều đó tất phải dẫn đến những biểu hiện mới của cái gọi là "quyền lực vững chắc của chính phủ". Thế mà số thất bại trong đối ngoại này lại tăng lên rất nhiều trong vòng mấy tuần nay. Trước hết là thất

bại lớn trong quan hệ với Anh³¹⁹. Sau đó, cả đến Thụy Sĩ, mặc dù nó có một loạt nhượng bộ hết sức hèn nhát, vẫn lấy lại can đảm và chống lại những biện pháp tiếp theo đã ràng buộc nó một cách trắng trợn nhất. Liên minh Thụy Sĩ đã buộc phải công khai tuyên bố rằng, nếu cần thiết thì cái trung đoàn bộ binh Pháp sẽ tiến vào biên thuỳ Thụy Sĩ và làm những nghĩa vụ cảnh sát mà bản thân cảnh sát Thụy Sĩ không đủ sức đảm đương. Ở đây, cả đến ông Kéc-nơ cũng thấy cần phải đòi hộ chiếu của mình, và Chính phủ Pháp buộc phải nhượng bộ Bỉ, là nước đã thay đổi đạo luật của mình theo chỉ thị của Bô-na-pác-tơ³²⁰, lại cự tuyệt yêu cầu của Bô-na-pác-tơ đòi trục xuất tướng Săng-gác-ni-ê. Ủy ban Viện Pi-ê-mông được giao xem xét dự luật về việc làm cho các thiết chế Xác-đi-ni thích ứng với *Des idées napoléoniennes*³²¹, với đa số năm phiếu trên hai đã đề nghị bác bỏ thẳng thừng dự luật của phái Bô-na-pác-tơ. Nước Áo, khi biết rất rõ rằng vụ xử tử Oóc-xi-ni đã hoàn toàn làm lộ chân tướng người anh hùng Xtơ-ra-xbua và kẻ này không còn có thể làm cho nó phải lo sợ trong quan hệ với I-ta-li-a nữa, thì tỏ thái độ rõ ràng lạnh nhạt với y.

Để cho mình rơi vào tình trạng lối bịch - đối với Chính phủ Pháp đó là con đường chắc chắn nhất để đi tới chỗ tự huỷ diệt. Bô-na-pác-tơ hiểu rằng, những mưu toan không thành công cuối cùng đóng vai trò kẻ độc tài của châu Âu đã làm cho ông ta trở thành lối bịch đến thế nào. Địa vị của ông ta ở châu Âu càng trở nên thảm hại bao nhiêu thì ông lại cảm thấy càng cần tỏ ra hung bạo trong nước Pháp bấy nhiêu. Bởi thế sự thống trị của khủng bố ngày một tăng. Tướng Ê-xpi-nắc được đưa lên làm bộ trưởng nội vụ, bây giờ có sự hỗ trợ của ông Boa-ten, nguyên là đại tá khinh kỵ binh được đưa lên làm quận trưởng cảnh sát. Tờ "Continental Review"³²² miêu tả phương pháp đã được bọn quân nhân tay sai này của Đế chế thứ hai thực hiện như sau:

"Họ nắm lấy những danh sách cũ gồm những người mà, sau các cuộc bạo động năm 1848 và năm 1851, đã bị cảnh sát cho là nguy hiểm, và bắt đầu căn cứ theo những danh sách này mà tiến hành những vụ bắt bớ hàng loạt cả ở Pa-ri, cũng như ở các quận. Người ta đã làm tất cả những điều đó mà không điều tra xem những người này từ đó đến nay có đem lại chứng cứ để buộc họ về tội gì đó hay không; hậu quả đã thu được rất là nặng nề. Chẳng hạn, có một loạt những

công dân đáng kính, năm 1848 bị lôi cuốn vào cao trào bao trùm toàn quốc và đồng tình với những tư tưởng tiến bộ, nhưng sau đó hoàn toàn rời bỏ chính trị, thêm vào đó, nhiều người trong bọn họ giờ đây đã là những người cha trong gia đình và chỉ lo buôn bán - đã bị cảnh sát bắt cắt đứt những công việc kinh doanh của mình và rời khỏi cảnh sống gia đình. Tất cả những sự việc mà mọi người đều biết này chứng tỏ những vụ bắt bớ ít có căn cứ như thế nào và thậm chí, tính hợp pháp hay sự cần thiết của cuộc khủng bố đang được tiến hành cũng thiếu rõ ràng biết bao nhiêu. Trong số những người mà cảnh sát muốn bắt, có những người đã ở nước ngoài ít ra là sáu năm, và bởi vậy, không thể phạm tội gì; thế nhưng giá như họ có mặt ở Pháp vào lúc ấy thì hẳn là nhất thiết họ đã bị tổng giam tạt hồ vì lợi ích "an ninh xã hội". Hơn nữa, có cả những trường hợp cảnh sát xông vào nhà những kẻ đã chết cách đây mấy năm để bắt bớ. Tên họ được kê trong danh sách những người trước đây có lúc đã bị bắt (hơn nữa, nhiều người trong bọn họ bấy giờ đã bị bắt chỉ vì có mặt trên đường phố giữa đám đông, đó cũng là tội phạm duy nhất của họ). Như vậy, rõ ràng là cảnh sát tiến hành một cuộc đấu tranh không phải chống những kẻ phạm tội mà chống những người bị tình nghi, và phương thức mà đạo luật này dựa vào để được thực hiện, tự bản thân nó xứng đáng với cái tên gọi mà dư luận xã hội đã tặng cho nó. Tại các quận, tình hình diễn ra cũng gần như ở Pa-ri. Cơ quan hành chính lập danh sách những kẻ tình nghi và cơ khổ cho những ai trong những cuộc tuyển cử tháng Sáu gần đây dám lên tiếng chống những ứng cử viên được quận trưởng giới thiệu, cũng như cho những ai coi hiến pháp, luật bầu cử và những thông tư của bộ trưởng nội vụ là một cái gì đó thật sự hiện thực, đã tưởng rằng có thể áp dụng những biện pháp để bầu ứng cử viên theo sự chọn lựa của mình. Những ứng cử viên này giờ đây bị xem là những kẻ tội phạm xấu xa nhất và phải hoặc là rất giàu có và rất có thể lực, hoặc được bạn bè có uy quyền bao che mới có thể tránh thoát sự báo thù của những viên quan đã bị họ ngáng trở. Trong số những kẻ bị bắt ở địa phương có tên tướng Cuốc-thơ, người mà năm 1848 đã là tư lệnh vệ binh quốc gia của Pa-ri, nhưng chín năm lại đây sống ẩn dật hoàn toàn trong một trang trại thôn dã tại quận A-li-e, xa lánh khỏi xã hội, khỏi chính trị và những hoạt động xã hội".

Dưới một hệ thống "an ninh xã hội" như vậy, với những cơn co thắt của khủng hoảng thương mại đã trở thành bệnh kinh niên, giai cấp tư sản Pháp chẳng bao lâu sẽ bị đẩy tới cái giới hạn mà

tại đó cách mạng sẽ được nó ý thức như là một cái gì đó có tính tất yếu đối với việc "khôi phục lòng tin".

*Do C.Mác viết ngày 18 tháng Ba 1858
Đã đăng trên báo "New-York Daily
Tribune" số 5287, ngày 1 tháng Tư 1858*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

SỨ MỆNH CỦA PÊ-LI-XI-Ê Ở ANH

Pa-ri, ngày 27 tháng Ba 1858

Tình trạng khó khăn nhất đối với một nhà cầm quyền là tình trạng một người dân sự mà lại đứng đầu một nhà nước quân sự độc tài. Ở phương Đông khó khăn này được loại bỏ ít nhiều do chỗ kẻ độc tài được người ta coi là thần thánh: tính chất thần quyền của một chính quyền như vậy không cho phép đặt nhà cầm quyền lên cùng một hàng với những chiến binh của y. Ở Đế quốc La Mã việc thần thánh hoá các vị hoàng đế không đem lại một sự bảo vệ như thế, nhưng cũng xuất phát từ sự cần thiết như vậy. Thế thì Lu-i Bô-na-pác-tơ - một kẻ dân sự, dù ông ta có viết lịch sử đại bác³²³, vẫn không thể lợi dụng tiền lệ La Mã. Tất cả những khó khăn ngày càng tăng trong tình thế của ông là bởi đó mà ra. Nước Pháp ngày càng không chịu nổi cái ách của quân đội thì quân đội ngày càng mạnh dạn trong ý đồ trông cái ách đó vào Bô-na-pác-tơ. Sau ngày 10 tháng Chạp³²⁴, Bô-na-pác-tơ có thể tự an ủi với ý nghĩ rằng ông ta là người được nông dân, tức tuyệt đại đa số nhân dân Pháp, bầu ra. Từ lúc có vụ mưu sát ngày 14 tháng Tư, ông biết là mình chỉ tồn tại nhờ vào lòng thương của quân đội. Bởi vì ông ta buộc phải công khai thừa nhận rằng ông cầm quyền dựa vào quân đội cho nên điều hoàn toàn tự nhiên là quân đội tìm cách cầm quyền dựa vào chính ông ta.

Việc chia nước Pháp thành năm quân khu bởi vậy chỉ là một bản nhạc dạo đầu cho việc bổ nhiệm Ê-xpi-nắc làm bộ trưởng nội vụ. Sau đó tiếp đến việc bổ nhiệm ông Boa-ten làm cảnh sát trưởng Pa-ri, ông này năm 1830 là hạ sĩ quan và phục vụ trong cùng một trung đoàn với ông Đờ Péc-xi-nhi ở La-Phê-rơ; khi cách mạng tháng Sáu bùng nổ, ông mưu toan ép buộc đồng đội của mình hô: "Vive Napoléon II !" ^{1*} Kèm theo sau việc đề bạt Boa-ten là việc bổ nhiệm Pê-li-xi-ê, công tước Ma-la-cốp, người đại diện cho đức hoàng đế tại triều đình Xanh-Giêm-xơ. Việc bổ nhiệm này chẳng khác gì một sự ve vãn đối với quân đội và một sự đe dọa đối với nước Anh. Đành rằng "Moniteur" muốn coi đó là lời chúc mừng Giôn Bun, nhưng Vây-ô trong ban biên tập "Univers" ³²⁵, người mà như chúng ta biết, có petites et grandes entrées ^{2*} của mình ở Tuyn-lơ-ri, đã dự đoán sự kiện này trong một bài báo cay độc, ở bài này có một đoạn đầy ý nghĩa như sau:

"Niềm tự hào của nước Anh bị tổn thương, và bị tổn thương đã từ lâu. Vết thương nó mang phải ở Crum, ở An-ma, ở In-ke-rơ-man, trên đồi Ma-la-cốp, khắp những nơi mà người Pháp là những kẻ đầu tiên xuất hiện trên chiến trường và lọt sâu hơn ai hết vào trận địa quân địch. Xanh-Ác-nô, Bô-xơ, Can-rô-béc, Pê-li-xi-ê, Mác-Ma-Hông - đây là những kẻ đã làm thương tổn niềm tự hào của nước Anh".

Tóm lại, Na-pô-lê-ông III đã cử Men-si-cốp của mình tới Luân Đôn, nhân tiện xin nói thêm, ông ta thậm chí lấy làm mừng được tách người này ra ít lâu vì Pê-li-xi-ê đã giữ lập trường chống đối, một khi việc bổ nhiệm ông làm tổng tư lệnh năm quân khu bị bãi bỏ. Khi tin này bắt đầu loan ra thì Sở giao dịch Pa-ri lập tức phản ứng bằng cách hạ giá.

Pê-li-xi-ê không thiếu gì cơ để trả thù Anh. Năm 1842, phát biểu trước cử tri của mình ở Thi-véc-tơn, Pan-móc-xtơn đã công khai lên án ông ta, gọi ông ta là đồ quái vật, và bật đèn xanh lạng nhục ông ta rộng khắp trên báo chí Luân Đôn. Sau Chiến tranh Crum, tướng Đờ Lây-xi Ê-van-xơ đã ám chỉ một cách quá rõ ràng ở hạ nghị viện rằng Pê-li-xi-ê chính là kẻ đã gây ra những thất bại nhục nhã cho quân đội Anh ở Xê-va-xtô-pôn. Báo chí Anh cũng nói

1* - "Na-pô-lê-ông II muôn năm !"

2* - quyền dự các buổi chiêu đãi chính thức và ra vào tự nhiên

về ông ta rất nặng lời khi bình luận những lời ám chỉ của tướng Ê-van-xơ. Rốt cuộc, chính Pê-li-xi-ê trong một bữa tiệc chúc mừng các tướng tham gia Chiến tranh Crum đã thắng thường vợ tuột toàn bộ cái vinh quang của cuộc chiến này - nếu có thể nói là vinh quang - cho quân đội Pháp, thậm chí không thêm nhắc đến sự hợp tác của Giôn Bun. Để trả thù việc đó, báo chí Luân Đôn lại công kích Pê-li-xi-ê rất kịch liệt. Hơn nữa, Pê-li-xi-ê, như người ta biết, xét cả về tính tình cũng không thể đóng vai của nhân vật trong thần thoại Hy Lạp, là người chỉ một mình anh ta mới có thể chữa lành những vết thương do anh ta gây ra ³²⁶. Tuy nhiên chúng tôi vẫn không thể đồng ý với ý kiến của những tờ báo Luân Đôn đã cố học đòi phong cách những người La Mã mà khuyên các vị lãnh sự hãy thận trọng "ne republica detrimenti capiat" ^{1*}. Pê-li-xi-ê - đó là sự dọa dẫm, chứ chưa phải là chiến tranh. Việc bổ nhiệm ông ta chẳng qua là coup de théâtre ^{2*}.

Một cái hào rộng tách perfide Albion ^{3*} khỏi la belle France ^{4*} - đó là Lacus Curtius ³²⁷ của nước Pháp, song Bô-na-pác-tơ không phải là một chàng trai lãng mạn, sẵn sàng nhảy xuống vực sâu và hy sinh để làm cho miệng vực há hốc ra phải khép lại. Trong toàn cõi châu Âu không có ai hiểu rõ hơn ông ta rằng cái chính quyền không vững chắc của ông đang lệ thuộc vào sự liên minh với nước Anh, song đối với kẻ báo thù trận Oa-téc-lô thì sự thật này là phũ phàng, và ông ta buộc phải dùng tất cả những sự thật và những sự dối để che đậy nó trước con mắt của bọn tay chân được vũ trang của mình khi ông nghiêm khắc quở trách Giôn Bun, còn bản thân sự liên minh mà Pháp ràng buộc và Anh chấp nhận thì ông buộc phải trình bày dưới hình thức một sự lệ thuộc chứ hầu.

Trò chơi đại nguy hiểm của Bô-na-pác-tơ có thể dẫn ông ta tới ngày tận số là như vậy, thế nhưng mục đích trò chơi ấy lại là để tránh xa ngày tận số này. Nếu Pê-li-xi-ê không thành công trong sứ mệnh dọa dẫm - mà chắc hẳn sẽ là như vậy, - thì lá bài cuối

1* - "sao cho nên cộng hoà không bị tổn thương".

2* - trò ảo thuật

3* - An-bi-ôn xảo quyệt

4* - nước Pháp diễm lệ

cùng sẽ bị chột, và màn kịch phải được thay bằng những hành động thực tế, nếu không thì Bô-na-pác-tơ sẽ lộ ra trước quân đội của mình như một tên bịp bị vạch trần, che giấu bộ mặt thâm hại của tên cảnh sát Luân Đôn ngày 10 tháng Tư 1848³²⁸ đằng sau vẻ ngoài Na-pô-lê-ông.

Nói trắng ra thì chỉ có liên minh với Anh mới làm cho người cháu có thể rập khuôn ông chú được ít lâu. Liên minh chặt chẽ giữa Anh và Pháp, khi giáng một đòn chí mạng vào Liên minh thần thánh và làm cho thế quân bình châu Âu thành con số không, thì tự nhiên đã đem lại cho Bô-na-pác-tơ, kẻ đại diện cho liên minh này ở lục địa, cái vẻ ngoài của kẻ chi phối các số mệnh của châu Âu. Chẳng nào cuộc chiến tranh với Nga và nội tình nước Pháp còn cho phép làm điều đó, thì ông ta vui sướng thoả mãn với sự thống trị đúng hơn là tượng trưng, chứ không phải thật sự ấy. Nhưng từ khi ở châu Âu hoà bình đã ngự trị, còn ở Pháp thì quân đội đã ngự trị, thì tình hình thay đổi hoàn toàn. Bây giờ quân đội đòi ông ta, với tư cách Na-pô-lê-ông chính hiệu, phải tỏ ra là nhà độc tài của châu Âu không phải vì được Anh uỷ nhiệm, mà chống lại Anh. Khó khăn của ông chính là từ đó mà ra. Một mặt, ông doạ dẫm Giôn Bun, mặt khác - nhấn nhủ Giôn Bun bằng những lời bóng gió là đừng nuôi ác ý gì đối với ông. Thậm chí đúng hơn là ông ta khấn khoản đề nghị Giôn Bun hãy vì xã giao mà tỏ vẻ sợ hãi những lời vờ doạ dẫm của "người bạn Liên minh thần thánh" của mình. Song điều đó cũng chính là con đường chắc chắn nhất để khiến cho Giôn Bun tỏ ra cương ngạnh; Giôn Bun hiểu rằng khi ở vào tư thế kẻ anh hùng thì anh ta không phải đánh liều một cái gì cả.

*Do C.Mác viết ngày 26 tháng Ba 1858
Đã đăng trên báo "New-York Daily
Tribune" số 5299, ngày 15 tháng Tư 1858*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC**MÁT-DI-NI VÀ NA-PÔ-LÊ-ÔNG**

Mới đây ông Mát-di-ni có gửi cho hoàng đế nước Pháp một bức thư³²⁹ mà xét từ góc độ văn học ắt phải chiếm vị trí hàng đầu trong số các tác phẩm của ông. Trong bức thư này, người ta chỉ tìm thấy một ít dấu vết của sự cao hứng giả tạo, của sự khoa trương kiểu cách, của sự rườm rà và sự thần bí tiên tri, những dấu vết rất đặc sắc đối với nhiều văn phẩm của Mát-di-ni và có thể nói là đặc trưng của trường phái văn học I-ta-li-a, mà ông là người sáng lập. Người ta cũng thấy là cả những cách nhìn của ông cũng bắt đầu rộng hơn. Cho đến nay ông vẫn đóng vai trò thủ lĩnh phái hình thức cộng hoà của châu Âu. Chỉ hoàn toàn chú ý đến những hình thức chính trị của nhà nước, những kẻ này không thể đánh giá được ý nghĩa của tổ chức xã hội làm cơ sở cho thượng tầng kiến trúc chính trị. Vênh vao về chủ nghĩa duy tâm sai trái của mình, họ cho rằng tìm hiểu hiện thực kinh tế là hạ thấp phẩm giá của mình. Chẳng có gì dễ bằng làm một nhà duy tâm dựa vào lưng túi của những kẻ khác. Một người sống phê phỡn thì dễ dàng nhạo báng chủ nghĩa duy vật của những người nghèo đói đang cần bánh mì tầm thường, chứ không phải những tư tưởng cao thượng. Những tam hùng của Cộng hoà La Mã năm 1848³³⁰ đã để cho nông dân Cam-pa-ni-a sống trong tình trạng nô lệ còn ác nghiệt hơn sự nô lệ của tổ tiên họ vào

thời Đế chế La Mã, họ dĩ nhiên dễ dàng nói thao thao bất tuyệt về đề tài trình độ tinh thần thấp kém của dân chúng vùng nông thôn.

Tiến bộ thật sự trong khoa học lịch sử hiện đại chỉ có thể đạt được lúc mà các nhà sử học đi từ bề mặt của các hình thức chính trị xuống các lớp sâu trong đời sống xã hội. Bằng việc tìm hiểu những giai đoạn khác nhau trong sự phát triển của sở hữu ruộng đất ở La Mã cổ đại, Đuy-rô Đờ La Man-lơ đã đưa ra cái chìa khoá để hiểu được các số phận của cái thành phố đã chinh phục thế giới này, - cái chìa khoá mà, bên cạnh nó, những lời bình của Mông-te-xki-ơ về sự thăng trầm của La Mã³³¹ tỏ ra hầu như chỉ là lời bình của một câu học trò. Bằng công trình nghiên cứu thận trọng của mình về những điều kiện kinh tế làm cho người nông dân Ba Lan từ nông dân tự do biến thành nông nô, ông già Lê-lê-ven³³² đã cống hiến nhiều gấp bội để làm rõ nguyên nhân nô lệ hoá của Tổ quốc mình so với cả một đám nhà văn mà toàn bộ vốn liếng của họ chỉ vển vển có những lời xỉ vả nước Nga. Giờ đây, cả ông Mát-di-ni cũng không coi thường việc chú ý đến thực tế xã hội, đến lợi ích của các giai cấp khác nhau, đến xuất nhập khẩu, đến giá cả các nhu yếu phẩm, đến việc trả tiền nhà ở và những sự việc tầm thường đại loại như thế, khi ông ta có ấn tượng, hẳn vậy, về quả đấm mạnh mẽ, nếu không phải là quả đấm trí mạng, giáng xuống Đế chế thứ hai không phải do những bản tuyên ngôn của các uỷ ban dân chủ, mà là do chấn động kinh tế bắt đầu ở Niu Oóc và lan ra toàn thế giới. Chỉ mong rằng Mát-di-ni không dừng lại ở đây và dừng tự ái một cách sai lầm, mà bắt tay viết lại tập sách vấn đáp chính trị của mình dưới ánh sáng của khoa kinh tế học. Bức thư của ông gửi Lu-i - Na-pô-lê-ông bắt đầu bằng lời giận dữ sau đây:

"Thời hạn đang đến gần: làn sóng đã nâng đế chế lên tận ngọn của nó như giờ đây người ta thấy rõ, đang dạt trở lại. Cả Ngài cũng cảm thấy như vậy. Tất cả những biện pháp mà Ngài áp dụng ở Pháp từ ngày 14 tháng Tư, tất cả những thông điệp ngoại giao và những lời kêu gọi mà Ngài tung ra khắp bốn phương từ cái hôm bất hạnh ấy đang nói lên sự lo lắng và kinh hoàng của Ngài. Những nỗi đau đớn tâm can đang dần vật tâm hồn Ngài, cũng như xưa kia chúng đã dần vật tâm hồn Mác-bét, - người ta cảm thấy điều đó trong mọi việc dù, Ngài có nói gì đi nữa, Ngài có làm gì đi nữa cũng vậy. Trong lòng Ngài xốn xang một linh cảm

là *summa dies et ineluctabile fatum*^{1*} đang tới gần. Cũng như xưa kia "tan Gla-mi-xki, tan Cáp-đoóc-xki và nhà vua", giờ đây thì kẻ sắp tâm, vị tổng thống và kẻ tiếm quyền đang bị kết án. Yêu thuật bị tiêu tan. Lương tri loài người được thức tỉnh; nó đang nghiêm khắc nhìn vào Ngài; nó đang diện đối diện với Ngài, thận trọng kiểm tra hành vi của Ngài và đòi Ngài tính sổ trong việc thực hiện những lời Ngài đã hứa. Từ nay số phận Ngài đã được quyết định. Giờ đây Ngài chỉ còn sống tính bằng tháng, chứ tuyệt nhiên không tính bằng năm".

Sau khi long trọng công bố ngày tận số của Đế chế thứ hai như vậy, Mát-di-ni bên đối chiếu tình hình kinh tế hiện nay của Pháp với những lời hứa của Na-pô-lê-ông về sự phồn vinh phổ biến như sau:

"Khi Ngài nắm lấy chính quyền một cách trái với pháp chế thì, tựa như để đền bù cho sự nảy sinh của chính quyền đó, Ngài đã hứa là sẽ trị vì sao để mang lại hoà bình cho nước Pháp, một đất nước bất an, loạn lạc và đang lôi cuốn những kẻ khác vào phiến loạn. Song phải chăng bỏ tù, khoá miệng, đưa đi đày - có nghĩa là *trị vì* ? Phải chăng sen đầm là thầy giáo? Phải chăng gián điệp là tông đồ truyền đạo đức và lòng tin cậy lẫn nhau? Với người nông dân Pháp tối tăm, Ngài đã nói rằng, cùng với sự trị vì của Ngài, một thời đại mới sẽ đến với anh ta, rằng những nỗi vất vả nhọc nhằn mà anh ta đang rên xiết chịu đựng sẽ lần lượt biến đi hết. Đã biến đi chăng dù chỉ là *một nỗi* ? Liệu Ngài có thể chỉ ra chăng dù chỉ là một điều cải thiện duy nhất trong số phận của anh ta, chỉ ra sự biến mất dù chỉ là một khoản thôi trong cái gánh nặng thuế khoá chồng chất của anh ta? Liệu Ngài có thể giải thích được, tại sao người nông dân giờ đây lại ghi tên vào hội Marianne³³³? Phải chăng Ngài có thể phủ nhận một điều là những tiền vốn mà trước đây đương nhiên được dùng cho nông nghiệp thì nay bị nuốt tuột qua những kênh đầu cơ trong lĩnh vực công nghiệp do Ngài khai phá, và điều đó khiến cho nhà nông mất khả năng vay tiền để mua dụng cụ sản xuất và để cải tạo chất đất? Ngài ném ra một miếng mồi cho người công nhân đã bị đánh lạc hướng khi tuyên bố rằng Ngài sẽ là *empereur du peuple*^{2*}, một Hăng-ri IV mới xuất hiện, rằng Ngài sẽ bảo đảm cho công nhân công ăn việc làm thường xuyên, lương bổng hậu và *la poule au pot*^{3*}. Phải chăng đúng là giờ đây *la poule au pot* ở Pháp không quá đắt? Còn tiền nhà ở và một số nhu yếu phẩm phải chăng không tăng giá cao

1* - ngày tận số và giờ phút không tránh khỏi (Viếc-gi-lơ. "Ê-nê-ít", cuốn thứ hai).

2* - đức vua của nhân dân

3* - thịt gà cho bữa ăn

hơn nữa? Ngài đã mở ra những đường phố mới - những tuyến giao thông mới vì những mục đích chiến lược trong đường lối trấn áp của Ngài, - Ngài đã phá đi rồi Ngài lại xây. Nhưng liệu có phải đại bộ phận giai cấp công nhân đều được làm việc trong những ngành xây dựng được Ngài ban phúc? Phải chăng Ngài có thể cứ mãi mãi đảo ngược Pa-ri và các thành phố lớn ở địa phương để tạo ra nguồn lao động và tiền công cho giai cấp vô sản? Phải chăng thậm chí Ngài có thể mơ ước là bằng phương tiện giả tạo, tạm thời như thế mà thay thế được sự tiến bộ đúng đắn, bình thường và thay thế được nền sản xuất có khả năng bù đắp bản thân nó? Phải chăng nền sản xuất hiện nay đang nằm trong tình trạng thoả mãn? Phải chăng ba phần năm thợ mộc - thợ làm đồ gỗ quý, thợ làm đồ gỗ thường, thợ máy giờ đây không ngồi rồi ở Pa-ri? Giai cấp tư sản là giai cấp dễ nản gân và dễ làm cho phẫn chấn thì Ngài gọi cho họ những ước mơ kỳ quái, những hy vọng về nhịp độ hoạt động công nghiệp tăng gấp đôi, về những nguồn thu nhập mới, về En-dô-ra-đô^{1*} rộn rịp hàng xuất cảng và về các giao dịch quốc tế. Tất cả những chuyện đó nằm ở đâu? Toàn bộ đời sống công nghiệp ở nước Pháp của Ngài đang lâm vào tình trạng đình đốn, những đơn hàng mậu dịch giảm sút, tư bản bắt đầu tuần đi mất. Để hái quả, Ngài đã dẫn cả cây, giống như người dã man vậy. Ngài đã cổ súy một cách giả tạo, vượt quá mọi cung cách, tẻ đầu cơ man rợ, vô đạo đức, hứa hẹn nhiều mà không bao giờ thực hiện những lời mình đã hứa; bằng những dự án thổi phồng, phóng đại khủng khiếp, Ngài đã hút về Pa-ri những số tiền tiết kiệm của các nhà tư bản nhỏ từ khắp bốn phương của nước Pháp và làm cho họ sao nhãng những nguồn của cải quốc gia thường xuyên và duy nhất đáng tin cậy - đó là nông nghiệp, thương nghiệp và công nghiệp. Những tiền tiết kiệm này tựa hồ đổ xuống cái vực không đáy và mất hút vào tay mấy chục tên trùm đầu cơ; người ta vung vãi những số tiền ấy vào sự ăn chơi xa hoa vô độ, vô nghĩa lý, hoặc là chúng được chuyển một cách lạng lẽ và theo ý đồ đã định sang những nước an toàn khác - hẳn tôi có thể lấy những thành viên trong ngay gia đình Ngài làm dẫn chứng. Một nửa tất cả những dự án đó biến mất tăm và bị lãng quên. Một bộ phận những tác giả các bản dự án đó thì đi du lịch ở nước ngoài để phòng xa. Giờ đây Ngài đứng diện đối diện với giai cấp tư sản bất mãn; tất cả những nguồn dự trữ thường xuyên của Ngài đã cạn kiệt; ý nghĩ về năm trăm triệu phrăng đã tiêu lãng phí vào những công việc xã hội phi sản xuất trong các thành phố chính của nước Pháp, theo đuổi Ngài như một cơn ác mộng; ngân sách cuối cùng của

1* - nơi để làm ăn

Ngài chỉ rõ một sự thiếu hụt ba trăm triệu phrăng; thành phố Pa-ri lâm vào tình trạng nợ đũa ra, và nó không còn lối thoát nào khác ngoài việc phát hành công trái mới với số tiền là một trăm sáu mươi triệu, không nhân danh Ngài - vì như thế hẳn không thu được kết quả gì hết, - mà nhân danh bản thân Hội đồng thị chính, thêm vào đó, để thanh toán lợi tức về khoản công trái này, người ta buộc phải mở rộng giới hạn của thứ thuế thành phố mà dân chúng căm ghét ra tận những đồn bên ngoài của thành phố. Phương sách cuối cùng này đặt một gánh nặng lên vai giai cấp công nhân và làm cho những vùng ngoại ô đến nay vẫn trung thành với Ngài lại đứng lên chống đối Ngài. Những thủ đoạn giả tạo mà Ngài dùng đã cạn kiệt rồi; từ nay Ngài có làm gì đi nữa để khắc phục những khó khăn tài chính của Ngài thì tất cả những việc làm đó chỉ làm cho chung cục bất hạnh đến nhanh mà thôi. Cho đến nay sự tồn tại của Ngài tuy thuộc vào một loạt vô tận những công trái và tín dụng, nhưng bây giờ Ngài lấy đâu ra bảo đảm để nhận được tín dụng tiếp theo? La Mã và Na-pô-lê-ông đã cướp bóc toàn thế giới; Ngài thì chỉ có thể cướp bóc được nước Pháp mà thôi. Quân đội của họ đã sống bằng chiến lợi phẩm, còn quân đội của Ngài thì không thể sống bằng cái đó. Ngài chỉ có thể mơ ước về chiến lợi phẩm nhưng Ngài không thể, không dám cả gan lao vào đó. Những nhà độc tài La Mã và ông chú Ngài đã dẫn đầu những quân đội bách chiến bách thắng; còn về Ngài thì, mặc dù Ngài rất thích thú những bộ quân phục đại lễ có kim tuyến, nhưng tôi không tin Ngài có thể dẫn đầu một toán quân đầu chỉ gồm vài ba tiểu đoàn".

Từ những tiền đồ vật chất của Đế chế thứ hai, Mát-di-ni chuyển sang những tiền đồ tinh thần của nó và, dĩ nhiên có lúng túng đôi chút khi tổng kết những bằng cứ chứng minh cho luận thuyết nói rằng tự do không khoác áo lính hầu của Bô-na-pác-tơ. Sự sờ mó thô bạo của những ai cố tìm cách hồi sinh cái thời đại đã đi vào quá khứ, không những biến hình hài của tự do thành một xác ướp, mà còn làm khô héo cả chính linh hồn nó, đời sống trí tuệ của nó nữa. Do đó, đa số những người đại diện cho nước Pháp biết suy nghĩ, tuyệt nhiên không có đặc tính quá ư chi li tính toán trong lương tri chính trị của mình và bao giờ cũng sẵn sàng phục vụ bất cứ chế độ nào, từ chế độ nhiếp chính^{1*} đến Rô-be-xpi-e, từ Lu-i XIV đến Lu-i - Phi-líp, từ Đế chế thứ nhất

1* - của Phi-líp Oóc-lê-ăng

đến nền Cộng hoà thứ hai, hiện giờ lần đầu tiên trong lịch sử nước Pháp, họ đã từ bỏ chính phủ hiện hành.

"Từ Chi-e đến Ghi-dô, từ Cu-danh đến Vin-manh, từ Mi-lô đến Gian Rây-nô, nước Pháp biết suy nghĩ đã tránh sự đụng chạm ô nhục với Ngài. Những kẻ tay chân của Ngài là Vây-ô, người ca tụng đêm thánh Bác-phô-lô-mi và toà án tôn giáo, là Gra-ni-ê Đờ Cát-xa-nhắc, người bảo hộ sự nô lệ của người da đen, và những kẻ khác đại loại như thế. Để tìm ra một nhân vật có khả năng dùng uy tín của mình mà ủng hộ bài công kích của Ngài đối với nước Anh, Ngài buộc phải đi tìm con người vốn là kẻ từ bỏ chủ nghĩa chính thống và là kẻ từ bỏ chủ nghĩa cộng hoà".

Sau đó, Mát-di-ni lý giải đúng đắn ý nghĩa chân thực của sự kiện ngày 14 tháng Tư, khi ông tuyên bố rằng những quả bom đánh trụt nhà vua, đã làm tê liệt nền đế chế và làm bộc lộ tất cả cái trống rỗng trong sự khoác lác của nó.

"Vừa mới gần đây Ngài đã khoác lác trước châu Âu rằng, quả tim của nước Pháp trầm tĩnh, hạnh phúc và thanh bình thuộc về Ngài, rằng nước Pháp ra sức cầu nguyện cho Ngài như là đấng cứu tinh của nó. Một vài tháng trôi qua, trên đường phố Lê-pê-lê-ti-e đã vang lên tiếng nổ, và bằng những biện pháp trấn áp man rợ, khủng khiếp của Ngài, bằng những lời nửa đe dọa, nửa khấn cầu mà Ngài nói với châu Âu, bằng việc Ngài chia nhỏ đất nước xuất phát từ lợi ích quân sự và đặt một kẻ anh hùng rơm lên ghế bộ trưởng nội vụ, bằng tất cả những việc đó, giờ đây Ngài chứng minh rằng, sau bảy năm thống trị không giới hạn, với một biên chế quân đội thường trực khổng lồ, sau khi đã thanh trừ tất cả những lãnh tụ nguy hiểm ra khỏi đất nước, Ngài vẫn không thể tồn tại và trị vì nếu như nước Pháp không biến thành một Bát-xi khổng lồ, và châu Âu không biến thành chỉ một tỉnh của cảnh sát nhà vua... Vâng, đế chế là sự đối trá. Thưa Ngài đáng mến, Ngài đã tạo ra nó giống đúc như Ngài vậy. Trong suốt nửa thế kỷ lại đây, ngoài Ta-lây-răng thì không ai đối trá ở châu Âu bằng Ngài; cái bí quyết của sự thống trị tạm thời của Ngài cũng chính là ở chỗ đó".

Tiếp theo, bức thư tóm tắt tất cả những lời tuyên bố đối trá của đấng cứu tinh của xã hội, bắt đầu từ năm 1831, lúc ông ta nhúng tay vào một "sự nghiệp thiêng liêng", vào cuộc khởi nghĩa của nhân dân La Mã chống giáo hoàng³³⁴, cho đến tận năm 1851, lúc mà trước coup d'état ít hôm ông ta nói với quân đội rằng: "Ta không đòi hỏi gì ở các người, ngoài quyền hạn của mình đã được

hiến pháp thừa nhận"; và kết thúc vào ngày 2 tháng Chạp, khi ông ta tuyên bố rằng "nghĩa vụ của ông là bảo vệ nền cộng hoà", bởi vì kết quả cuối cùng của những dự án thoán nghịch của ông vẫn chưa lộ. Cuối cùng, Mát-di-ni nói thẳng ra với Na-pô-lê-ông rằng, giả như không có nước Anh thì từ lâu ông ta hẳn đã thành vật hy sinh của cách mạng. Tiếp đó, sau khi bác bỏ ý kiến của Na-pô-lê-ông khẳng định rằng liên minh giữa Pháp với Anh tựa hồ đã được xác lập, Mát-di-ni kết luận như sau:

"Đường lối ngoại giao đối trá, vờ vĩnh có nói gì đi nữa thì thưa Ngài đáng mến, bây giờ Ngài đang bị cô lập trên toàn cõi châu Âu".

*Do C.Mác viết ngày 30 tháng Ba 1858
Đã đăng trên báo "New - York Daily
Tribune" số 5321, ngày 11 tháng Năm
1858*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

NHỮNG VỤ ÁN XÉT XỬ NHỮNG NGƯỜI PHÁP Ở LUÂN ĐÔN

Pa-ri, ngày 4 tháng T 1858

Khi phỉ báng người cháu bằng cái tên tục là Na-pô-lê-ông Nhỏ, chính như vậy là Vích-to Huy-gô đã thừa nhận ông chú là Na-pô-lê-ông Lớn. Đầu đề bài văn đả kích³³⁵ nổi tiếng của ông có nghĩa là một phản đề và trong chừng mực nào đó đã làm tăng sự sùng bái chính Na-pô-lê-ông, mà dựa vào đó, con trai Hoóc-ten-xơ Bô-hác-ne đã khéo kéo dựng lên được toà lâu đài đầm máu cho cuộc sống sung sướng của mình. Song đối với thế hệ bây giờ thì điều bổ ích nhiều hơn sẽ là làm cho mình sáng tỏ được rằng Na-pô-lê-ông Nhỏ thực ra đang phản ánh sự nhỏ nhen của Na-pô-lê-ông Lớn. Minh họa sáng rõ nhất cho sự thật này là "những sự hiểu nhầm đáng tiếc" gần đây giữa Anh và Pháp và những vụ án xét xử những người di cư và thợ in do Chính phủ Anh tiến hành dưới sức ép của "những hiểu nhầm" ấy. Nhìn lại lịch sử một chút sẽ thấy rõ rằng, trong toàn bộ vở ca kịch thảm hại này Na-pô-lê-ông Nhỏ chỉ lặp lại hoàn toàn y nguyên cái vai trò hèn hạ mà Na-pô-lê-ông Lớn trước đây đã nghĩ ra và đã đóng.

Chỉ trong một khoảng thời gian ngắn ngủi giữa Hoà ước A-mi-en (ngày 25 tháng Ba 1802) và bản tuyên chiến mới của Anh

(ngày 18 tháng Năm 1803), Na-pô-lê-ông đã có thể thoả mãn khát vọng can thiệp của mình vào công việc nội bộ của nước Anh. Ông ta không bỏ phí thời gian. Đang lúc diễn ra những cuộc thương lượng hoà bình thì báo "Moniteur" đã trút cơn phẫn nộ của mình lên tất cả những tờ báo Luân Đôn, là những tờ báo đã dám nghi ngờ "những ý định ôn hoà và thành thực của Bô-na-pác-tơ", và ám chỉ lộ liễu rằng "sự nghi ngờ như vậy có thể chóng chầy chuốc lấy sự trừng phạt". Song viên lãnh sự cũng không giới hạn mình trong vai trò người kiểm duyệt đối với giọng điệu và ý kiến của báo chí Anh. Tờ "Moniteur" phỉ báng huân tước Gren-vin và ông Uyn-hêm vì lập trường của họ khi thảo luận vấn đề hoà ước. Ông Ê-li-ốt, một nghị sĩ, đã bị tổng chủ trương lý Péc-xi-van gọi ra trả lời tại hạ nghị viện về việc ông đã nói lên những nghi ngờ của mình về các ý định của Bô-na-pác-tơ. Huân tước Can-xlê-ri và bản thân Pít đã trở thành những người tuyên truyền sự nhân nhượng bằng cách nhấn mạnh rằng cần phải phát biểu thận trọng hơn nữa trong các cuộc thảo luận, nếu là bàn về vị lãnh sự của nước Pháp, điều trước đây trong những trường hợp như thế chưa từng có bao giờ. Gần sáu tuần lễ đã trôi qua, kể từ lúc hoà ước được ký kết cho đến ngày 3 tháng Sáu 1802, khi Ta-lây-răng thông báo với ông Mê-ri, sứ giả Anh tại Pa-ri, là Bô-na-pác-tơ vì quý trọng nước Anh nên đã quyết định thay ông Ôt-tô, sứ giả Pháp tại Luân Đôn, bằng một đại sứ thật sự tiêu biểu là tướng Ăng-đrê-ốt-xi, song viên lãnh sự thứ nhất thành thực mong rằng "những trở ngại trên con đường đi tới hoàn toàn hoà giải giữa hai nước và chính phủ của hai nước sẽ được khắc phục" ngay trước khi nhân vật lớn này tới Luân Đôn. Nói trắng ra, ông ta đòi trục xuất ra khỏi lãnh thổ nước Anh

"tất cả những ông hoàng Pháp và những tay chân của họ, cùng với những giáo chủ Pháp và những người Pháp khác mà những nguyên tắc chính trị và hành vi của họ không tránh khỏi làm cho Chính phủ Pháp rất nghi ngờ... Nếu như tất cả những nhân vật này vẫn tiếp tục được sự bảo hộ và được trọng vọng trong một nước nằm sát cạnh như vậy với nước Pháp thì riêng một điều đó không thôi cũng có thể xem là sự khuyến khích những phần tử bất mãn có mặt ở đây, thậm chí giả sử những nhân vật này không can dự gì trong những hoạt động nào đó nhằm gây ra những cuộc phiến loạn mới ở đất nước này; nhưng Chính phủ Pháp có

trong tay những bằng cớ là họ lạm dụng sự che chở của Chính phủ Anh và dùng cái ưu thế là họ ở gần kề nước Pháp để thật sự nhúng tay vào những hành động như vậy, bởi vì mới gần đây người ta đã bắt được một số ấn phẩm mà họ có dụng ý, như người ta đã biết, gửi đi và phổ biến ở Pháp nhằm mục đích tạo ra sự đối lập với chính phủ".

Lúc này ở Anh có một đạo luật về ngoại kiều, thế nhưng đạo luật này được thảo ra hoàn toàn nhằm bảo vệ Chính phủ Anh. Phúc đáp yêu cầu của Ta-lây-răng, huân tước Hau-xơ-ri, bấy giờ là bộ trưởng ngoại giao, đã trả lời là:

"Đức vua dĩ nhiên mong muốn rằng tất cả ngoại kiều sống trong phạm vi lãnh thổ của Người không những phải tôn trọng những đạo luật nước Anh, mà còn tránh mọi hành động thù địch với chính phủ của bất cứ nước nào mà Người đang giữ quan hệ hoà bình. Song một khi ngoại kiều xử sự đúng theo những nguyên tắc như vậy thì đức vua sẽ xem là không phù hợp với phẩm cách của mình, với danh dự của mình và những đạo luật thông thường về thái độ mến khách nên từ chối bảo hộ họ, một sự bảo hộ mà những người sống trên lãnh thổ của Người chỉ có thể bị tước mất nếu họ có hành vi xấu. Đại đa số những người mà ông Ta-lây-răng nhắc đến trong buổi nói chuyện của ông, đều sống hoàn toàn chỉ lo an cư lạc nghiệp".

Ông Mê-ri, khi đưa cho Ta-lây-răng bức thông điệp của Hau-xơ-ri, không hề tiếc lời cam đoan nhằm để "mơn trớn vị lãnh sự thứ nhất, làm cho ông ta được yên lòng và thoả mãn". Song Ta-lây-răng vẫn đòi bằng được đồng pao thật^{1*} của mình, khẳng định rằng viên lãnh sự thứ nhất không đạt được gì hơn so với điều mà bản thân Chính phủ Anh đã đòi được ở Lu-i XIV, khi ngài nhiếp chính^{2*} đang ở Pháp; rằng ông ta không hề thấy gì là thấp hèn trong việc tiến hành biện pháp đã đề nghị và một lần nữa phải tuyên bố rằng, "việc thừa nhận biện pháp đó ắt hẳn rất làm hài lòng vị lãnh sự thứ nhất và ắt làm cho ông rất thoả mãn"; vị lãnh sự hẳn xem đó là một "bằng chứng đáng tin cậy nhất về ý định của đức vua muốn làm cho giữa hai nước có sự hiểu biết thân thiện lẫn nhau". Ngày 25 tháng Bảy 1802, ông Ôt-tô từ toà công sứ của mình gửi tới công viên Poóc-men cho

1* Séc-xpia. "Tên lái buôn Vơ-ni-dơ, hồi I, cảnh ba.

2* - Gia-cốp II

huân tước Hau-xơ-ri một bức thư hết sức kiên quyết đòi hỏi không hơn không kém là phải thủ tiêu tự do báo chí ở Anh trong mọi việc có liên quan tới Bô-na-pác-tơ và chính phủ của ông ta.

"Cách đây không lâu", - ông ta viết, - "tôi đã chuyển cho ông Ham-môn-đơ số báo của Pen-chi-ê có một bài vu khống rất thô bạo Chính phủ Pháp và toàn thể dân tộc; đồng thời tôi có nhận xét rằng chắc chắn tôi sẽ được lệnh yêu cầu trừng phạt sự lạm dụng báo chí như vậy. Quả thực, tôi đã nhận được lệnh đó, và tôi không thể giấu Ngài, thưa Ngài huân tước tôn quý, rằng những sự xúc phạm cứ tiếp tục được lặp lại bắt nguồn từ một nhóm nhỏ ngoại kiều tập hợp ở Luân Đôn nhằm âm mưu chống đối Chính phủ Pháp - đã gây một ảnh hưởng hết sức tai hại đối với sự hiểu biết hữu hảo giữa hai dân tộc... Tôi phải lưu ý Chính phủ Hoàng gia không những về Pen-chi-ê, mà cả về biên tập viên tờ "Courrier Francais de Londres" (Rây-nô), về Cóp-bét và về một loạt nhà văn khác đại loại như vậy... Việc thiếu những đạo luật nhất định nhằm chống những tội phạm loại này không thể thanh minh cho sự vi phạm luật pháp quốc tế mà theo đó thì việc ký hoà ước tất phải đình chỉ tất cả mọi loại hoạt động thù địch; và, không nghi ngờ gì nữa, tất cả những gì động đến danh dự và tiếng tăm của chính phủ và nhằm khơi lên sự nổi dậy của một dân tộc mà lợi ích của họ đã phó thác vào chính phủ này là hết sức thích hợp với mục đích làm giảm tính ưu việt của hoà ước và gây nên sự công phẫn của dân tộc".

Đáng lẽ trả lời một cách kiên quyết và xứng đáng những điều quả trách đầu tiên ấy, mà tiếp theo đó là sự can thiệp của Bô-na-pác-tơ vào vấn đề báo chí thì huân tước Hau-xơ-ri trong thư gửi cho ông Ôt-tơ ngày 28 tháng Bảy lại xin lỗi hết lời về việc có tự do báo chí. Trong thư ông viết:

"Chính phủ Hoàng gia không thể đọc bài báo của Pen-chi-ê mà không hết sức công phẫn và không nóng lòng muốn rằng người đã công bố bài này phải bị trừng phạt hết sức thích đáng".

Tiếp đó, sau khi phàn nàn rằng đưa ra truy tố trước toà về tội phỉ báng là "bất tiện" và "khó lòng" mà buộc tội được những kẻ vu khống, ông kết thúc bức thư bằng lời thông báo rằng ông sẽ chuyển việc này lên tổng chương lý "để ông ta kết luận có phải đây là sự phỉ báng hay không".

Khi Chính phủ Anh đã chuẩn bị như vậy một cuộc thập tự chinh chống tự do báo chí nhằm xoa dịu sự phẫn nộ của kẻ đồng minh

hùng cường mới của mình thì, ngày 9 tháng Tám, trên "Moniteur" bỗng xuất hiện một bài đe dọa không những buộc tội nước Anh là đã tiếp nhận bọn kẻ cướp và bọn giết người Pháp, cho bọn chúng trốn tránh ở Gióc-xi và phái chúng đi tiến hành những cuộc đột nhập cướp phá tại các bờ biển nước Pháp, mà thậm chí còn xem chính nhà vua Anh là kẻ khuyến khích và xúi giục những vụ giết người.

"Tờ Times", một cơ quan mà người ta nói là nằm dưới sự chỉ đạo trực tiếp của chính phủ, thường xuyên đăng đầy lời nhục mạ nước Pháp. Trong bốn trang của tờ báo, hai trang hàng ngày dành để phổ biến những lời vu khống thô bạo nhất. Tất cả những gì thấp hèn, dè tiện, bỉ ổi có thể tưởng tượng được thì tờ báo đốn mạt này đều quy cho Chính phủ Pháp. Làm như vậy nhằm mục đích gì? Ai sẽ trả tiền cho việc này? Việc này sẽ dẫn tới cái gì? Còn tờ báo tiếng Pháp ra định kỳ được xuất bản bởi một số kiều dân ti tiện, những tên sống sót trong số những phần tử cận bã ti tiện, xấu xa đồi bại nhất, không Tổ quốc, không danh dự, vấy bẩn vì những tội phạm mà không có sự ân xá nào có thể gột sạch, tờ báo này còn vượt cả tờ "Times" nữa. "Ở Luân Đôn mười một giáo chủ, đứng đầu là giáo chủ A-rát hung ác, đã tập hợp bọn phiến loạn lại để chống lại nhà thờ và đất nước mình. Chúng đăng những bài phỉ báng những giáo chủ và giới tu sĩ của nước Pháp". "Hòn đảo Gióc-xi nhưng nhúc nhúc bọn cướp mà các toà án đã khép án tử hình vì tội giết người, cướp của và đốt nhà mà chúng đã can phạm sau khi hoà ước được ký kết. Ở Luân Đôn, Gioóc-giơ^{1*} đã công nhiên mang cái băng đỏ của mình như là một tấm huân chương thưởng cho cái máy nổ độc ác đã phá sập một bộ phận của Pa-ri và giết chết ba mươi phụ nữ, trẻ em và dân lành. Sự che chở đặc biệt như vậy khiến cho người ta tin rằng giá hần ta làm được việc đã dự định thì e có khi được gắn huân chương Dây thắt". "Chỉ có một trong hai điều: hoặc là Chính phủ Anh cho phép và chịu đựng những tội phạm chính trị và hình sự ấy - trong trường hợp này không thể nói hành vi như thế là phù hợp với lòng cao thượng, sự văn minh và danh dự của nước Anh; hoặc là Chính phủ Anh không đủ sức phòng ngừa những tội phạm ấy - trong trường hợp này nó không xứng đáng được gọi là chính phủ, nhất là nếu nó không có phương tiện để ngăn chặn những vụ giết người và vu khống, cũng như để giữ gìn trật tự xã hội".

Khi lời đe dọa thật sự này của số báo "Moniteur" chiều tối

1* - Ca-đu-đan

mới tới Luân Đôn thì nó đã gây một sự công phẫn đến nỗi tờ "True Briton"³³⁶, cơ quan của chính phủ, buộc phải tuyên bố: "Bài báo này không thể được đăng ở "Moniteur" với sự biết trước hoặc sự đồng ý của Chính phủ Pháp". Ở hạ nghị viện, tiến sĩ Lô-ren-xơ đã chất vấn ông A-đinh-ton (tiếp đó là huân tước Xít-mút chất vấn) về những lời Pháp phỉ báng đức hoàng thượng. Ông bộ trưởng trả lời rằng "tiếc là ông không thể thông báo cho bậc quý nhân thông thái ấy biết những lời giải thích làm thoả mãn mà người ta đã đưa ra về vấn đề này". Để đáp lại, người ta nêu ý kiến là khi Chính phủ Anh đưa ra trước pháp luật vụ chế giễu Bô-na-pác-tơ và vợ ông ta, thì ông Pen-chi-ê bị gọi ra trước Toà án hoàng gia³³⁷ với tư cách kẻ phạm tội hình sự vì những lời ông ta chế giễu chua cay những nhân vật đó; còn khi trên tờ báo chính thức của Pháp xuất hiện bài phỉ báng dân tộc Anh, và đức vua của họ bị người ta gọi là kẻ cổ vũ bọn sát nhân thì toàn bộ sự việc được dàn xếp ổn thoả bằng "lời giải thích", hơn nữa lại là một lời giải thích bí mật đến nỗi không thể thông báo cho cả đến nghị viện biết nữa. Được khích lệ bởi những dao động rõ rệt của Nội các Anh, ngày 17 tháng Tám 1802, Ôt-tô trao cho huân tước Hau-xbơ-ri một công hàm hết sức láo xược, trắng trợn đề xuất yêu cầu: phải áp dụng những biện pháp hữu hiệu để chấm dứt tất cả những bài báo không hợp thời và có tính chất dấy loạn trên báo chí Anh, phải trục xuất khỏi Gióc-xi những nhân vật nào đó, phải đuổi những giáo chủ Pháp đi, phải chuyển Gioóc-giơ và thuộc hạ của y tới Ca-na-đa, còn những hoàng thân người Pháp thì phải tống cổ sang Vác-sa-va. Còn về đạo luật ngoại kiều thì ông Ôt-tô nhấn mạnh rằng, chính phủ phải "có quyền lực hợp pháp và khá mạnh mẽ để chặn tay ngoại kiều, mà không cần tới toà án", rồi ông viết tiếp:

"Chính phủ Pháp khi đề nghị sự có đi có lại đầy đủ trong vấn đề này, cho rằng nó đang tạo ra một bằng chứng mới cho những ý định hoà hiếu của mình bằng cách đòi trục xuất những kẻ mà mọi mưu đồ của họ đều một mực nhằm gieo rắc bất hoà giữa cả hai dân tộc".

Đáp thư của huân tước Hau-xbơ-ri, đề ngày 28 tháng Tám và được gửi theo hình thức thông điệp cho viên công sứ Anh ở Pa-ri, được trích đăng trên báo chí Luân Đôn vào thời gian xảy ra những

cuộc tranh cãi mới đây với Bô-na-pác-tơ III như là mẫu mực về phẩm cách mà nhà hoạt động nhà nước vốn có; song phải thừa nhận rằng, mặc dù bức thư này được viết với lời lẽ đầy công phần một cách có đức độ, trong đó vẫn có lời hứa hẹn đem Pháp kiều làm vật hy sinh cho những nghi ngờ và lo ngại của vị lãnh sự thứ nhất.

Vào đầu năm 1803, Na-pô-lê-ông tự đảm đương lấy nhiệm vụ chinh đồn thủ tục của Quốc hội Anh và hạn chế tự do ngôn luận của các nghị sĩ quốc hội này. Âm chỉ rõ những cựu bộ trưởng của ông Uyn-hêm - huân tước Gren-vin và huân tước Min-tơ, ông đã viết trên báo "Moniteur" của mình như sau:

"Đạo luật cấm các cựu bộ trưởng trong vòng bảy năm sau khi thôi chức vụ không được làm nghị sĩ của Quốc hội Anh hẳn là một đạo luật ái quốc và sáng suốt. Hẳn còn một đạo luật khác cũng chẳng kém phần sáng suốt là đạo luật buộc bất cứ nghị sĩ nào đã tự cho phép mình xúc phạm một dân tộc bạn và chính phủ của nó phải im lặng trong thời gian hai năm. Nếu cái lưỡi phạm tội thì cái lưỡi phải chịu trừng phạt".

Cũng trong thời gian đó, tướng Ăng-đrê-ốt-xi vừa mới đặt chân đến Luân Đôn, trong công hàm gửi huân tước Hau-xbơ-ri đã tỏ ý không hài lòng về chuyện những tác giả đáng khinh của những bài công kích và những bài phỉ báng đăng trên báo chí Anh, "trong những nhận xét láo xược của mình, luôn luôn dựa vào những câu lẽ tẻ, lấy từ những lời phát biểu của một số nghị sĩ có tên tuổi. Về những lời phát biểu này thì trong bức công hàm của ông nêu là "bất cứ một người Anh có lý trí nào cũng ắt phải coi những lời bất nhã chưa từng thấy như vậy là thấp kém đối với mình". Nhân danh lãnh sự thứ nhất ông tỏ ý mong rằng:

"sẽ có những biện pháp được áp dụng để ngăn cấm trong tương lai không được đề cập, bất luận dưới hình thức nào, trong những cuộc tranh luận chính thức hay trong những bài bút chiến đăng ở Anh, đến những gì xảy ra ở Pháp, cũng như trong những cuộc tranh luận chính thức và những tác phẩm luận chiến ở Pháp, không được đề cập đến những gì diễn ra ở Anh".

Trong lúc Bô-na-pác-tơ, bằng một giọng tương tự, trong đó sự giả dối được trộn lẫn với sự kiêu ngạo, đã tiến hành trao đổi thư từ bí mật với Chính phủ Anh, thì tờ "Moniteur" cũng vừa mới

tuôn ra nhiều lời xúc phạm đến nhân dân Anh; tờ báo này cũng công bố cả bản báo cáo chính thức của đại tá Xê-ba-xti-a-ni, trong đó có những lời kết tội gay gắt quân đội Anh ở Ai Cập. Ngày 5 tháng Hai 1803, commissaire de relation commerciale^{1*} của Pháp tại Gióc-xi, mặc dù không được giao phó tư cách đại diện chính thức gì cả, vẫn láo xược đưa ra lời phản đối một loạt chủ nhà in rằng họ đã in lại những đoạn văn xúc phạm đến Bô-na-pác-tơ, trích từ báo chí Luân Đôn và đe dọa là, nếu những mưu đồ như vậy không được chấm dứt thì Bô-na-pác-tơ nhất thiết sẽ trả đũa Gióc-xi về chuyện này. Lời hăm dọa này đã bắt đầu có tác dụng đúng như mong muốn. Khi chủ nhà in bị đưa ra Tòa án hoàng gia và tòa quyết định dứt khoát cấm chỉ họ từ nay về sau không được in một điều gì xúc phạm đến nước Pháp nữa, dù điều đó thậm chí có được trích từ báo chí Luân Đôn cũng vậy. Ngày 20 tháng Hai 1803, một ngày trước lúc mở phiên tòa xử Pen-chi-ê, huân tước Uýt-uốt, đại sứ Anh ở Pa-ri, được triệu tới gặp con người vĩ đại nhất. Uýt-uốt được tiếp trong phòng làm việc của vị này, ông ta được mời ngồi, sau khi chính Bô-na-pác-tơ đã ngồi xuống phía bên kia bàn. Bô-na-pác-tơ kể một loạt những sự khiêu khích mà theo ông, tựa hồ là do Anh gây ra.

"Ông nói đến những lời xúc phạm đối với chính ông đăng trên báo chí Anh, nhưng ông lại nói là ông không lưu ý đến những điều đó bằng những lời đã đăng trong các báo tiếng Pháp xuất bản ở Luân Đôn. Những lời này ông xem là có ác ý hơn nhiều, bởi vì chúng nhằm mục đích kích động đất nước ông chống đối lại chính ông và chính phủ ông. Ông phàn nàn về việc che chở cho Gioóc-giơ và cho những nhân vật tương tự với Gioóc-giơ; ông thú nhận rằng sự căm giận của ông đối với nước Anh ngày càng tăng, bởi vì tất cả những gì xuất phát từ Anh không mang theo cái gì khác, ngoài sự thù hận và căm giận đối với ông... Để chứng minh rằng ông mong muốn gìn giữ hoà bình, ông đã nêu lên cái lý do là ông không hề thấy mình được lợi lộc gì trong cuộc chiến tranh với Anh. Đổ bộ - đây là phương tiện duy nhất mà ông nắm trong tay để bảo vệ mình khỏi bị xúc phạm và ông quyết định thử dùng phương tiện này khi ông đích thân cầm đầu đội quân viễn chinh này. Ông thừa nhận rằng trăm may một rủi là không lợi cho ông, nhưng ông vẫn quyết định thử làm việc đó, nếu như hậu quả của những cuộc thương lượng

1* - uỷ viên về quan hệ thương mại

này sẽ là chiến tranh; ông nói thêm rằng thái độ của quân đội là họ sẽ trùng trùng điệp điệp tiến vào cuộc hành quân này... Để có thể gìn giữ hoà bình thì cần phải tôn trọng Hiệp ước A-mi-en; nếu như không hoàn toàn chấm dứt được những lời xúc phạm trên báo chí thì ít ra là phải đưa chúng vào khuôn khổ và chỉ hạn chế trong báo chí Anh, cũng như chấm dứt sự che chở công khai như vậy đối với những kẻ thù độc ác của ông".

Ngày 21 tháng Hai, Pen-chi-ê bị đưa ra toà, tham dự phiên toà có huân tước Ê-len-bô-rô và những bồi thẩm đặc nhiệm; ông ta bị buộc tội là đã công bố bài báo phỉ báng Bô-na-pác-tơ và đã "xúi giục nhân dân Pháp giết nhà cầm quyền của mình". Huân tước Ê-len-bô-rô đề tiện kết thúc bài phát biểu của mình với các vị bồi thẩm bằng những lời sau đây:

"Thưa các vị, tôi tin rằng lời phán quyết của các vị sẽ củng cố được những quan hệ mà nhờ đó, lợi ích của đất nước chúng ta gắn bó với lợi ích của nước Pháp, rằng lời phán quyết đó khắp đâu đâu cũng sẽ là sự khẳng định và sự củng cố niềm tin đã có từ lâu và phổ biến rộng khắp vào sự trong sạch không chút gợn của việc xử án ở Anh".

Các bồi thẩm, không rời khỏi chỗ, vội vàng tuyên án: phạm tội. Song do quan hệ giữa hai nước sau đó bị đứt nên ông Pen-chi-ê không bị gọi đến để trao bản án và việc truy tố của toà như thế là đình chỉ. Sau khi đã buộc Chính phủ Anh bắt đầu những cuộc truy nã như vậy chống báo chí và ép nó phải xử Pen-chi-ê, tờ "Moniteur" chân thật và dũng cảm ngày mồng 2 tháng Ba 1803 đã đăng bài bình luận sau đây:

"Một kẻ nào đó tên là Pen-chi-ê bị toà án ở Luân Đôn kết tội về việc in và phổ biến một loạt những lời phỉ báng hèn hạ chống vị lãnh sự thứ nhất. Chỉ có một điều không hiểu được là tại sao Chính phủ Anh lại cố làm dấy lên cái éclat^{1*} như vậy xung quanh sự việc này. Vì những tờ báo Anh khẳng định, tựa hồ vụ án này được đưa ra do sự đòi hỏi của Chính phủ Pháp và tựa hồ cả đại sứ Pháp cũng có mặt tại phiên toà khi các bồi thẩm tuyên án, cho nên chúng tôi được phép tuyên bố rằng không bao giờ có chuyện như vậy cả. Vị lãnh sự thứ nhất thậm chí không hề biết là có những bài phỉ báng của Pen-chi-ê trước khi đọc công báo về vụ án này... Song phải thừa nhận rằng toàn bộ vụ án này, mặc dù không có ích

1* - ồn ào

về các phương diện khác, vẫn tạo ra cho các vị thẩm phán chủ trì phiên toà một dịp để lấy sự sáng suốt và sự vô tư của mình mà chứng minh rằng họ thật sự xứng đáng nắm giữ nền công lý của một dân tộc rất văn minh và rất đáng kính trọng về nhiều phương diện".

Trong lúc báo "Moniteur" ngay trong bài này đã một mực nhấn mạnh nghĩa vụ đặt ra cho tất cả các "dân tộc văn minh ở châu Âu" là phải hợp lực tiêu trừ sạch bọn đã man trong giới báo chí, thì ông Rê-na, viên công sứ Pháp ở Hăm-buốc, lại triệu tập Hội đồng Hăm-buốc để bàn về yêu cầu của vị lãnh sự thứ nhất muốn đem đăng ở "Hamburger Correspondent"³³⁸ một bài nhục mạ Chính phủ Anh rất nặng nề. Hội đồng tỏ ý mong rằng ít ra cũng phải được phép bỏ hoặc sửa chữa những chỗ xúc phạm nặng nhất, nhưng ông Rê-na tuyên bố là ông được lệnh dứt khoát rằng bài báo phải được đăng toàn bộ và trọn vẹn. Tiếp đó, bài báo xuất hiện với tất cả sự thô bạo nguyên văn của nó. Viên công sứ Pháp yêu cầu rằng bài báo này phải được đăng ở các báo của An-tô-na, nhưng các uỷ viên Hội đồng Đan Mạch tuyên bố họ không thể giải quyết việc này nếu không được lệnh rõ ràng của chính phủ mình. Do sự từ chối này, ông Đờ A-ghe-xô, công sứ Pháp ở Cô-pen-ha-ghe-n đã nhận được từ ông bạn đồng nghiệp của mình tại Hăm-buốc gửi tới, một bản in của bài này với lời yêu cầu được phép công bố nó trên các báo Đan Mạch. Khi huân tước Uýt-uốt gặp ông Ta-lây-răng hỏi về bài công kích này, Ta-lây-răng tuyên bố rằng:

"vị lãnh sự thứ nhất, sau khi biết là bài báo đó đã được đăng theo mệnh lệnh, thì lấy làm ngạc nhiên không kém gì những vị bộ trưởng nước Anh, và ông Rê-na đã được yêu cầu lập tức giải thích điều đó v.v.."

Na-pô-lê-ông Lớn là như thế đấy.

*Do C.Mác viết ngày 4 tháng Tư 1858
Đã đăng trên báo "New - York Daily
Tribune" số 5309, ngày 27 tháng Tư
1858*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu
1858*

C.MÁC

***TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA PHÁP**

Pa-ri, ngày 13 tháng T 1858

Tình hình càng ngày càng bất buộc Đế chế Phục tịc phải bỏ những điều bộ ông ọ giả vờ và bộc lộ ra những nét chân thực trong toàn bộ cái thân hình quái dị vốn có của mình. Giờ thú nhận đến với nó hết sức bất ngờ. Nó không còn có tham vọng là một hình thức cầm quyền hợp pháp hoặc đứa con đẻ của "suffrage universel"¹*. Nó tuyên bố mình là chế độ của kẻ hãnh tiến, của mật vụ và của đại bác 12 pao³³⁹. Bây giờ nó còn đi xa hơn nữa và công khai thú nhận mình là chế độ của kẻ bịp bợm. Trong "Moniteur", số ra ngày 11 tháng Tư, có đăng tin rằng một số tờ báo đã công bố quá sớm lợi tức cổ phần của một loạt *công ty đường sắt* và những *công ty công nghiệp khác*, thêm vào đấy lợi tức cổ phần lại thấp hơn con số mà trước đây các Hội đồng giám đốc đã xác định.

"Cần phải bảo vệ công nghiệp và tư bản của đất nước khỏi những mách khỏe như vậy. *Biên tập viên của các tờ báo kể trên đã được viện trưởng Viện kiểm soát của hoàng đế* gọi đến và cảnh cáo rằng về sau những sự việc như vậy sẽ bị đưa

ra toà và bị xem như là đăng tin dối trá có dụng ý xấu. Nghĩa vụ của báo chí là phải giáo dục công chúng, chứ không phải làm cho họ hiểu nhầm".

Nói cách khác, nghĩa vụ của kẻ làm báo, nếu không muốn bị tống cổ đi Cây-en-na, là phải giữ uy tín cho Crédit Mobilier, chứ không phải là báo trước cho công chúng biết về sự phá sản đang tiến lại gần của sự lừa bịp kỳ quái, như họ đã làm vừa mới đây, mặc dù với những lời lẽ rất dè dặt và rất mềm mỏng. Cuộc họp toàn thể hàng năm của các cổ đông Crédit Mobilier, mà tại đó sẽ công bố lợi tức cổ phần của công ty này trong năm qua - được định vào ngày 29 tháng Tư. Trong lúc các giám đốc của công ty đang khoắc cho mình cái vẻ bí mật tuyệt đối thì đã loan truyền những tin đồn xấu nhất về việc làm cách nào để có thể "chế tác" ra được một lợi tức cổ phần bất ngờ, còn một tờ báo lại dám thậm chí nói bóng gió đến một sự thật là tại một cuộc họp gần đây của một công ty cổ phần có quan hệ với Crédit Mobilier, giám đốc của công ty này đã báo cáo một cách hết sức bình tĩnh rằng, mặc dù ông ta chỉ có thể công bố lợi tức cổ phần 8% thôi, *việc kinh doanh của công ty vẫn nằm trong tình trạng tốt đẹp hơn nhiều* so với năm trước đây, lúc mà lợi tức cổ phần là 25%. Tác giả bài này dám cả gan tỏ ý nghi ngờ là liệu *tất cả* những lợi tức cổ phần của công ty này "và những công ty khác" có được thanh toán bằng vốn hay không, chứ chưa nói là bằng lợi nhuận thu được. Điều đó cũng khiến cho "Moniteur" phải nổi giận. Những cổ phần của Crédit Mobilier góp ngày 10 tháng Hai giá 957 - 960 phrăng, ấy thế mà vào ngày 10 tháng Ba lại là 820 - 860 phrăng, đến 10 tháng Tư thì tụt xuống 715 - 720 phrăng và thậm chí thị giá cuối cùng này cũng chỉ hoàn toàn là danh nghĩa mà thôi. Không có cách gì có thể giấu giếm được một sự thật không hay là những cổ đông Áo và Phổ quyết định phát mại ít ra là 6000 cổ phiếu và "Tổng công ty hàng hải", một trong những tác phẩm hoang đường của anh em Pê-rây-rơ, đang in articulo mortis¹* khi bị lôi cuốn vào việc đầu cơ không hề có tính chất "hàng hải" chút nào. Thật đặc sắc là cái ý nghĩ cho rằng những lời dọa dẫm trên "Moniteur" sẽ bảo đảm cho tín dụng tăng lên và đồng thời cả cho sự im lặng nữa, cái ý nghĩ

1 - "phổ thông đầu phiếu".

1 - thôi thóp hơi thở cuối cùng

đó hoàn toàn xứng đáng với nhà kinh tế - chính trị cổ như tướng Ê-xpi-nắc. Sự đề phòng đã có tác dụng, nhưng chính là theo chiều ngược lại, nhất là điều đó lại xuất phát từ cái chính phủ mà những mảnh khoé tài chính của nó từ lâu đã trở thành đầu đề cho sự bàn tán. Người ta biết rõ là ngân sách do ông Ma-nhơ, bộ trưởng tài chính xây dựng, có dự phòng phần dư, song do lời bép xép thiếu thận trọng của một uỷ viên cour de révision^{1*}, người ta thấy lộ ra rằng trên thực tế, ngân sách thiếu hụt khoảng 100 000 000 phrăng. Khi ông Ma-nhơ được "vị cứu tinh của sở hữu"^{2*} gọi đến để giải thích, thì ông ta nói với chủ bằng một thái độ vô liêm sỉ trên rằng, khi biết chủ rất say mê "những số dư" thì ông ta đã "chế tác" ra ngân sách đúng như các bộ trưởng của Lu-i - Phi-líp đã làm trước ông ta. Sự việc đến đó cũng kết thúc, nhưng lời đồn đại về chuyện không hay này đã buộc chính phủ đưa ra một lời thú nhận. Sau khi công bố long trọng trên "Moniteur" là tiền thu thuế quan trọng tháng Hai đã tăng, chính phủ vẫn không dám quả quyết với ý kiến khẳng định của chính mình. Báo cáo hàng tháng về thuế quan công bố cuối tháng Ba chỉ ra rằng, thuế nhập cảng trong tháng Hai năm nay, thậm chí theo sự trình bày chính thức cũng chỉ có 13 614 251 phrăng, thế mà cũng tháng này năm 1857, tiền thuế này thu được là 14 160 013 phrăng; còn tháng Giêng và tháng Hai cộng lại thu được cả thảy 25 842 256 phrăng so với 28 044 478 phrăng cũng những tháng này năm 1857. "Bảo vệ công nghiệp và tư bản của đất nước khỏi những mảnh khoé âm mưu" và "giáo dục công chúng", "chứ đừng "làm cho họ nhầm lẫn" bằng ngôn ngữ chính thức có nghĩa là như thế đấy.

Việc lập lại coup d'état^{3*} ở quy mô lớn hơn, những vụ đưa đi đầy hàng loạt, việc chia nước Pháp thành những trại vệ binh, những tin đồn về chiến tranh, những vụ rắc rối bên ngoài và những âm mưu bên trong - tóm lại, những cơn co giật của Đế chế nhỏ sau vụ mưu sát ngày 14 tháng Giêng có phần làm cho mọi

1* - ban thanh tra

2* - Na-pô-lê-ông III

3* - đảo chính

người ít chú ý đến tình hình tài chính của nước Pháp. Trong trường hợp ngược lại, công chúng ắt sẽ thấy rằng, cũng trong thời gian ấy sự phồn vinh giả tạo của chế độ Bô-na-pác-tơ đã quy về những yếu tố ban đầu của nó: thụt kết và đầu cơ. Để chứng minh cho tình hình này tôi chỉ cần liệt kê một loạt những sự kiện mà đôi khi tin tức đã lọt được vào báo chí châu Âu. Chúng tôi xin bắt đầu từ ông Prô-xtơ, người đứng đầu Compagnie générale de caisses d'escompte^{1*}, một công ty không những đã lao vào mọi vụ đầu cơ giao dịch có thể có, mà còn nhận lãnh việc thiết lập những ngân hàng chiết khấu trên toàn nước Pháp. Tư bản của công ty này là 6 000 000 đô-la dưới hình thức 60 000 cổ phần. Công ty này sáp nhập với Crédit Mobilier của Bô Đào Nha và là magna pars^{2*} của Crédit Mobilier ở Ma-đrit. Song toàn bộ tư bản của nó bị dốc cạn mà các khoản nợ thì vào khoảng 3 000 000 đô-la. Ông Đa-mô-ni-ô trong Compagnie parisienne des equipages de grandes remises^{3*} bị toà án police correctionnelle^{4*} buộc tội đã lừa những cổ đông của mình lấy 100 000 đô-la bằng tiền mặt và bằng cổ phiếu, đã đưa tiền đó vào các khoản nợ với số tiền là 400 000 đô-la và tiêu vong phí toàn bộ số vốn của công ty gồm 1 600 000 đô-la. Chủ nhiệm một công ty khác - Công ty Lignéenne^{5*}, - tuồng như đã chế biến gỗ thành giấy, cũng bị buộc tội đã biến thủ số vốn 800 000 đô-la. Hai "vị cứu tinh của sở hữu" khác nữa của Bô-na-pác-tơ cũng bị buộc tội là thông đồng với một nhóm chủ ngân hàng và đã quyết định đẩy về cho công chúng những cánh rừng nào đó và những mỏ ở các bờ xa xôi của sông Đa-nuýp mà chính họ đã mua 200 000 đô-la, để lấy 10 000 000 hoặc 15 000 000 đô-la. Một trường hợp khác, người ta phát hiện ra là những người lãnh đạo công ty công nghiệp mỏ gần A-khen đã bán cho các cổ đông của mình với giá 500 000 đô-la những hầm mỏ trị giá vền vẹn có 200 000 đô-la, như lời họ buộc phải thú nhận sau này. Do những lời tố giác tương tự này kia, các cổ phần của Messageries

1* - Tổng công ty của những ngân hàng chiết khấu

2* - bộ phận quan trọng

3* - Công ty những toán xe ngựa làm thuê lớn ở Pa-ri

4* - cảnh sát cải tạo

5* - Công nghiệp gỗ

générales^{1*}, trước đây định giá là 1 510 phrăng, đã bị hạ xuống gần 500 phrăng. Cổ phiếu của Compagnie des petites voitures^{2*}, sau khi phát hành chẳng bao lâu đã nâng giá lên tới 210 phrăng, nay hạ xuống 40 phrăng. Cổ phiếu của Công ty liên hợp tụt từ 500 phrăng xuống 65 phrăng. Cổ phiếu của Công ty giao thông đường biển Pháp - Mỹ, có lúc giá lên tới 750 phrăng, giờ đây có thể mua với giá 30 phrăng. Cổ phiếu của Công ty liên hợp hơi đốt hạ giá từ 1 120 phrăng xuống 620 phrăng. Ông Mi-lô, giám đốc Caisse des actionnaires^{3*} và là một trong những triệu phú của Đế chế nhỏ đã phát lên rất nhanh chóng, đã thông báo với các cổ đông của mình rằng

"những hoạt động kinh doanh nửa năm cuối không hề thu được lợi nhuận gì hết, đến nỗi ông ta chẳng những không thể công bố lợi tức cổ phần, mà thậm chí còn không thể thanh toán lợi tức phần trăm thông thường nửa năm, tuy nhiên lợi tức này ông ta phải rút *túi riêng của mình* để thanh toán".

Những mụn nhọt xã hội của Đế chế nhỏ bộc lộ ra liên tiếp như vậy đấy. Những cuộc hội đàm liên miên giữa Lu-i Bô-na-pác-tơ với ban lãnh đạo những nhà đầu cơ giao dịch về vấn đề lấy tiền nào mà giúp thương mại và công nghiệp Pháp, dĩ nhiên là không đưa lại kết quả gì. Bản thân Ngân hàng Pháp cũng đang lâm vào tình trạng hết sức xấu, vì nó không thể bán tín phiếu của các công ty đường sắt mà nó thu được để bảo đảm những số tiền nó đã buộc phải xuất cho các công ty này hoạt động. Không ai muốn mua những tín phiếu này vào lúc toàn bộ sở hữu của các công ty đường sắt ở Pháp đang mất giá nhanh chóng và báo cáo hàng tuần của các đường sắt chỉ rõ tình trạng thu nhập không ngừng bị giảm sút.

"Còn về tình trạng thương nghiệp Pháp", - phóng viên tạp chí Luân Đôn "Economist" ở Pa-ri nhận xét, "thì vẫn như trước đây; nói cách khác, tình trạng này biểu hiện chiều hướng cải thiện, nhưng chưa được cải thiện".

Trong lúc đó Bô-na-pác-tơ vẫn kiên trì tiếp tục đầu tư tư bản vào những xí nghiệp phi sản xuất, nhưng là những xí nghiệp mà

1* - Cục giao thông

2* - Công ty xe hơi con

3* - Ngân hàng cổ phần

như lời ông Ô-xman, quận trưởng quận Xen, đã thành thực thông báo với dân chúng Pa-ri, xét về quan điểm chiến lược là quan trọng và nhằm đảm bảo để chống "những sự biến không lường trước được, có thể xảy ra vào bất cứ giờ phút nào và đưa xã hội vào vòng nguy hiểm". Chẳng hạn, nhằm mục đích phòng thủ trong trường hợp nổ ra những vụ bất mãn ngay trong thành phố, Pa-ri phải làm những đại lộ và đường phố mới trị giá 180 000 000 phrăng. Việc khánh thành đoạn đường mới của đại lộ Xê-va-xtô-pôn được tổ chức hoàn toàn thích hợp với "quan điểm chiến lược này". Ngày hội thoát đầu thuần túy có tính chất dân sự và thị chính, bỗng nhiên biến thành một cuộc diễu binh với lý do tựa hồ có một âm mưu mới nhằm sát hại Bô-na-pác-tơ. Để giải thích điều quid pro quo^{1*} này, báo "Moniteur" viết:

"Đánh dấu việc khánh thành trọng thể động mạch mới này của thủ đô bằng cuộc duyệt binh là hoàn toàn đúng đắn, và điều sau đây cũng hoàn toàn đúng: binh sĩ của chúng ta là những kẻ đầu tiên theo sau hoàng đế bước lên mảnh đất mang tên một chiến thắng vinh quang như vậy".

Do C.Mác viết ngày 13 tháng Tư 1858
Đã đăng trên báo "New - York Daily
Tribune" số 5312, ngày 30 tháng Tư
1858

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu

1* - hiểu lầm.

PH.ĂNG-GHEN

ĐÁNH CHIẾM LÁC-NAU³⁴⁰

Đã kết thúc thời kỳ nghiêm trọng thứ hai của cuộc khởi nghĩa Ấn Độ. Thời kỳ thứ nhất, lúc trung tâm khởi nghĩa là Đê-li, kết thúc bằng cuộc tấn công chiếm thành phố này: trong thời kỳ thứ hai, trung tâm là Lác-nau, và bây giờ thành phố này cũng bị hạ. Nếu như không bùng nổ những cuộc khởi nghĩa mới tại những nơi cho đến nay vẫn còn yên tĩnh thì cuộc khởi nghĩa bây giờ tất phải dần dần chuyển vào thời kỳ kết thúc, dai dẳng, trong đó những nghĩa binh, rốt cuộc, sẽ biến thành phỉ hoặc cướp và dân bản xứ trong nước sẽ thù địch với họ cũng như chính người Anh vậy.

Những tin chi tiết về cuộc tấn công chiếm Lác-nau vẫn chưa nhận được, nhưng chiến sự mở đầu và bức tranh chung của những trận đánh kết thúc thì chúng ta đã rõ. Bạn đọc của chúng tôi hẳn nhớ^{1*} là sau khi giải phóng thủ phủ ở Lác-nau, tướng Kem-pơ-ben đã làm nổ tung cứ điểm này, nhưng để tướng Út-rêm với khoảng 5 000 lính ở lại A-lam-bác, một vị trí kiên cố cách thành phố ít dặm. Ông đích thân cùng với số quân còn lại của mình vận động trở về Can-pua, nơi toán nghĩa binh đã đánh bại tướng Uyn-hêm. Kem-pơ-ben đánh bại hoàn toàn nghĩa quân và buộc họ phải vượt qua sông Giam-na ở Can-pi. Sau đó ông ở Can-pua đón

đội viện binh và trọng pháo tối, ông vạch ra một kế hoạch tấn công, ra lệnh tập trung các toán quân khác nhau nhằm tiến vào Au-đơ, và đặc biệt quan tâm đến việc biến Can-pua thành một doanh trại kiên cố, được trang bị khá đầy đủ để làm căn cứ tác chiến gần nhất và chủ yếu, nhằm đánh Lác-nau. Khi tất cả những việc này làm xong, ông quyết định hoàn thành thêm một nhiệm vụ nữa, nếu không thì không thể an tâm mà xuất quân, ngay việc đặt ra nhiệm vụ này cũng làm cho ông khác biệt với hầu hết những người cầm quân trước đây ở Ấn Độ. Ông không muốn trong doanh trại ông có đàn bà ngồi lê mách lẻo. Ông đã phát ớn về những "nữ anh hùng" ở Lác-nau và trong thời gian hành quân tới Can-pua; họ cho điều sau đây là rất tự nhiên: những cuộc chuyển quân phải tùy thuộc vào những thói đỏng đảnh của họ và phù hợp với tiện nghi của họ, ở Ấn Độ thì bao giờ cũng như vậy. Sau khi tới Can-pua, Kem-pơ-ben lập tức gửi ngay đám người thú vị nhưng khó chịu này tới A-la-ha-bát nằm ở bên cạnh, và gửi ngay theo sau toán thứ hai các bà lúc bấy giờ ở A-gra. Chỉ khi bọn họ tới Can-pua và chỉ sau khi ông di chuyển họ tới A-la-ha-bát trót lọt thì ông mới nhập vào đoàn quân tiến về hướng Lác-nau.

Việc chuẩn bị cho cuộc hành quân vào Au-đơ đã được tiến hành với quy mô cho đến nay chưa từng có ở Ấn Độ. Cuộc chinh phạt lớn nhất mà người Anh tiến hành xưa kia ở Ấn Độ là cuộc xâm nhập vào Áp-ga-ni-xtan³⁴¹; số quân tham gia cuộc chinh phạt này cũng chưa lần nào lên quá 20 000 người mà đại đa số là dân bản xứ. Trong cuộc hành quân lần này vào Au-đơ, chỉ riêng số người Âu cũng đã vượt quá số quân của tất cả những đội quân được gửi tới Áp-ga-ni-xtan. Những lực lượng chủ yếu nằm dưới quyền đích thân chỉ huy của ông Cô-lin Kem-pơ-ben, gồm ba sư đoàn bộ binh, một sư đoàn kỵ binh, một sư đoàn pháo binh và những đội công binh. Sư đoàn bộ binh thứ nhất do Út-rêm chỉ huy chiếm giữ A-lam-bác. Nó gồm năm trung đoàn người Âu và một trung đoàn người bản xứ. Sư đoàn thứ hai (bốn trung đoàn người Âu và một trung đoàn người bản xứ), sư đoàn thứ ba (năm trung đoàn người Âu và một trung đoàn người bản xứ), sư đoàn kỵ binh do ông Hau-pơ Gran-tơ chỉ huy (ba trung đoàn người Âu và bốn hoặc năm trung đoàn người bản xứ) và toàn khối pháo binh (bốn mươi

1* Xem tập này, tr. 466 - 468.

tám khẩu pháo dã chiến, một giàn pháo công hãm và những đội công binh, đây là lực lượng chiến đấu của Kem-pơ-ben đã mang theo từ Can-pua đến. Một lữ đoàn dưới quyền chỉ huy của tướng - lữ đoàn trưởng Phrên-xơ, được tập trung tại Gia-un-pua và A-dam-ga-rơ nằm giữa sông Gun-ti và sông Hằng, có nhiệm vụ phải tiến về Lác-nau dọc theo sông Gum-ti. Lữ đoàn này, ngoài quân bản xứ, có ba trung đoàn người Âu và hai pháo đội, có nhiệm vụ phải tạo ra cánh phải của Kem-pơ-ben. Cộng với lữ đoàn này thì lực lượng Kem-pơ-ben cả thảy gồm:

	Bộ binh	Kỵ binh	Pháo binh và công binh	Cộng
Người Âu	15 000	2 000	3 000	20 000
Người bản xứ	5 000	3 000	2 000	10 000

hoặc tổng cộng là 30 000 người. Cần cộng thêm vào đây 10 000 người Guốc ở Nê-pan, từ Gô-rắc-pua tiến về Xun-tan-pua, dưới quyền chỉ huy của Giăng Ba-kha-đua. Như thế là quân số của đội quân xâm nhập lên tới 40 000 người gồm hầu hết quân chính quy. Nhưng vẫn chưa hết. Về phía nam Can-pua, ông H. Râu-dơ cầm đầu một toán quân mạnh tiến từ Xau-goóc tới Can-pi và tiến về Hạ Giam-na để tóm ở đây những kẻ tháo chạy có thể len lỏi giữa các toán quân của Phrên-xơ và Kem-pơ-ben. Phía tây-bắc, tướng lữ đoàn trưởng Sem-béc-len cuối tháng Hai đã vượt qua Thượng Hằng và tiến vào Rô-hin-can-đơ nằm về phía bắc-tây-bắc Au-đơ và là một căn cứ chủ yếu mà nghĩa quân rút về đây, hoàn toàn đúng như người ta dự đoán. Trong số quân trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia chiến dịch chống Vương quốc Au-đơ, cũng phải kể đến những đơn vị đồn trú của các thành phố xung quanh Au-đơ, thế là tổng số của những đội quân này lên tới 70 000 – 80 000 binh sĩ, trong số đó, theo số liệu chính thức, ít ra cũng có 28 000 người Anh. Trong số lượng kể trên, không tính đến quân của ông Giôn Lô-ren-xơ giữ một vị trí cạnh sườn ở khu vực Đê-li và gồm 5 500 người Âu ở Mi-rút và Đê-li, và 20 000 hoặc 30 000 dân bản xứ Pen-giáp.

Việc tập trung được một lực lượng to lớn như vậy một phần là do kế hoạch của Kem-pơ-ben, nhưng một phần cũng vì việc đàn áp khởi nghĩa ở các vùng khác nhau của Hin-đu-xtan, khiến cho quân đội tự nhiên tập trung gần chiến trường. Không nghi ngờ gì cả, Kem-pơ-ben đã quyết định với một lực lượng ít hơn cũng đánh, nhưng lúc ông chờ những lực lượng này tới thì một loạt hoàn cảnh đã đẩy vào tay ông những viện binh mới, và ông lại không phải là người từ chối sử dụng họ, thậm chí trong cuộc đấu sức với một kẻ địch thấp kém như kẻ mà ông chờ gặp ở Lác-nau. Cũng không nên quên rằng, những lực lượng ấy có hùng hậu về mặt số lượng bao nhiêu đi nữa thì chúng vẫn bị phân tán trên một khoảng không gian bằng lãnh thổ nước Pháp, và rằng ở điểm quyết định, ở Lác-nau, ông ta chỉ có thể xuất quân với khoảng 20 000 người Âu, 10 000 người Ấn Độ giáo và 10 000 người Guốc, thêm vào đó, giá trị những kẻ nói sau cùng này, dưới quyền chỉ huy của những thủ trưởng người bản xứ, ít ra cũng đáng nghi ngờ. Quân đội này, chỉ với thành phần người Âu của nó, chắc chắn cũng thừa sức bảo đảm thắng lợi nhanh chóng, mặc dù số lượng của nó không vượt quá khuôn khổ của nhiệm vụ đặt ra cho nó; một điều cũng rất chắc chắn nữa là, Kem-pơ-ben quyết định lần này - để giải đáp về cuộc khởi nghĩa có thể bùng ra được nhờ vào số ít ỏi người Âu đã rải ra khắp nước - chỉ cho dân chúng Au-đơ thấy một quân đội bạch diện khủng khiếp mà chưa một dân tộc nào của Ấn Độ từng được thấy bao giờ.

Lực lượng nghĩa quân ở Au-đơ gồm tàn quân của đa số những trung đoàn khởi nghĩa ở Ben-gan và quân mới bổ sung lấy từ dân địa phương. Số thứ nhất có thể gồm nhiều lắm là không quá 35 000 hoặc 40 000 người. Chiến trận, đào ngũ và mất tinh thần ắt đã làm cho những lực lượng này, thoát đầu có tới 80 000 người, sút giảm đi ít ra cũng một nửa, còn những kẻ còn lại thì rối loạn, mất tự tin, trang bị tồi và hoàn toàn không thể dùng vào tác chiến. Số quân bổ sung mới tụ tập lại, theo những số liệu khác nhau, được xác định là 100 000 đến 150 000 người; nhưng số lượng của họ có bao nhiêu đi nữa cũng không quan trọng. Họ chỉ một phần được vũ trang bằng súng hỏa mai loại tồi nhất, đa số bọn họ chỉ có vũ khí để đánh giáp lá cà, nghĩa là để dùng vào

loại chiến trận mà họ rất ít có dịp tiến hành. Đại bộ phận lực lượng đó được tập trung ở Lác-nau và chiến đấu với toàn quân của ông Gi. Ứt-rêm, còn hai đội thì hoạt động ở các hướng A-la-ha - bát và Gia-un-pua.

Sự vận động theo vòng đồng tâm về Lác-nau được bắt đầu vào khoảng giữa tháng Hai. Từ ngày 15 đến ngày 26, quân chủ lực và đoàn xe hùng hậu của nó (chỉ tính riêng người phục vụ doanh trại cũng đã đến 60 000) vận động từ Can-pua tới thủ đô Au-đơ, không gặp sự kháng cự. Trong lúc đó kẻ địch tấn công vị trí của Ứt-rêm ngày 21 và 24 tháng Hai, nhưng không thu được kết quả. Ngày 19, Phrên-xơ tấn công vào Xun-tan-pua, đập tan trong một ngày cả hai đội nghĩa binh và truy kích họ. Ông đã gặp thuận lợi vô cùng vì đối phương không có kỵ binh. Sau khi cả hai đội quân bị đánh tan hợp nhất với nhau, Phrên-xơ lại đánh bại họ vào ngày 23, thêm vào đó họ đã mất hai mươi khẩu pháo, mất toàn bộ tài sản doanh trại và đoàn xe của mình. Tướng Hau-pơ Gran-tơ chỉ huy đội tiên phong của những lực lượng chủ yếu, cũng tách ra khỏi họ vào lúc họ hành quân cấp tốc và quay sang trái đánh tan hai pháo đài vào ngày 23 và 24 trên đường từ Lác-nau tới Rô-hin-can-đơ.

Ngày 2 tháng Ba, những lực lượng chủ yếu tập trung về phía nam Lác-nau. Từ phía này thành phố được một con kênh bảo vệ, Kem-pơ-ben đã buộc phải vượt qua kênh ngay trong trận tấn công đầu tiên vào thành phố; đằng sau con kênh này bây giờ đã dựng lên những công sự vững chắc. Ngày 3, người Anh chiếm lĩnh công viên Đin-cu-sa, bằng cuộc tấn công chiếm công viên này, cuộc tấn công lần thứ nhất vào Lác-nau cũng được bắt đầu đúng lúc. Ngày 4, tướng lĩnh đoàn trưởng Phrên-xơ hợp nhất với những lực lượng chủ yếu và bây giờ hình thành cánh phải của những lực lượng này trong khi cánh phải của chính quyền được bảo đảm bằng con sông Gum-ti. Trong lúc đó, đã có những pháo đội được bố trí đối diện với những công sự của địch và hai cầu phao được bắc qua sông Gum-ti phía dưới thành phố; vừa bắc xong cầu thì ông Giêm-xơ Ứt-rêm cùng sư đoàn bộ binh của mình, 1 400 quân kỵ và 30 khẩu pháo chuyển sang sông để chiếm lĩnh vị trí ở tả ngạn hoặc ở bờ đông - bắc. Từ đây ông ta có thể đội hoả lực dọc vào

phần lớn vị trí của kẻ địch nằm dọc con kênh và vào nhiều cung điện có công sự nằm sau lưng địch; ông cũng cắt đứt các tuyến giao thông nối giữa kẻ địch với toàn bộ miền đông-bắc của Au-đơ. Ngày 6 và 7 ông ta gặp phải sự chống cự đáng kể, nhưng đã đẩy lùi được kẻ địch. Ngày 8 ông lại bị tấn công, nhưng cuộc tấn công cũng không có kết quả. Cùng lúc đó các khẩu đội nằm bên hữu ngạn nhả đạn; các khẩu đội của Ứt-rêm bắn dọc bờ sông, vào sườn và vào lưng vị trí của nghĩa quân; còn ngày 9, thì sư đoàn 2, dưới quyền chỉ huy của ông E. Lu-gác-đơ, đánh chiếm Mác-ti-ni-ép, bắn dọc hẻm còn nhớ^{1*} đây là trường quốc học và công viên nằm ở phía nam con kênh, ở chỗ nó hội lưu với sông Gum-ti, đối diện với Đin-cu-sa. Ngày 10, mở được một đợt phá khẩu ở toà nhà ngân hàng và toà nhà bị đánh chiếm, trong lúc đó thì Ứt-rêm tiếp tục tiến công ngược theo dòng sông, đội hoả lực của đại bác vào lần lượt các vị trí của nghĩa quân. Ngày 11, hai trung đoàn Xcốt-len (trung đoàn 42 và 93) đánh chiếm cung hoàng hậu, còn Ứt-rêm thì tiến công và chiếm lĩnh những cầu đã nối liền tả ngạn với thành phố. Sau đó, ông chuyển quân sang bờ bên kia và tham gia vào trận tấn công toà nhà gần nhất. Ngày 13 tháng Ba bắt đầu cuộc tấn công một toà nhà kiên cố khác, toà I-man-ba-rơ. Để có thể bố trí pháo đội sau chỗ che chắn, người ta đã đào một cái hào về phía I-man-ba-rơ, và hôm sau, khi đã mở được đợt phá khẩu thì toà nhà bị đánh chiếm. Người Anh đã truy kích kẻ địch chạy thoát thân vào Cây-xác-bác, hoặc cung nhà vua, kiên quyết đến mức theo gót những người chạy trốn mà xộc vào trong đó. Cuộc chiến đấu ác liệt mở đầu, nhưng vào 3 giờ chiều thì cung điện đã ở trong tay người Anh. Hình như điều đó đã quyết định kết cục của cuộc chiến; ít ra, tinh thần đề kháng hình như cũng đã bị đập tan, và Kem-pơ-ben lập tức áp dụng những biện pháp truy kích và tóm những kẻ chạy trốn. Tướng lĩnh đoàn trưởng Kem-pơ-ben cùng với lĩnh đoàn kỵ binh và một phần không lớn pháo binh có ngựa chở, đã được phái tới để truy kích họ, trong lúc đó thì Gran-tơ cùng một lĩnh đoàn khác tiến quân về Xi-ta-pua, nằm trên đường từ Lác-nau tới Rô-hin-can-đơ, để bắt họ. Sau khi đã

1* Xem tập này, tr 442.

áp dụng như vậy những biện pháp đối với bộ phận quân đồn trú bỏ chạy, bộ binh và pháo binh tiếp tục vận động vào trong thành phố để quét sạch những kẻ địch còn cố thủ ở đấy. Từ ngày 15 đến ngày 19, rõ ràng là cuộc chiến diễn ra chủ yếu trên những đường phố hẹp của thành phố, bởi vì một dải cung điện và công viên dọc con sông đã bị chiếm trước rồi; còn ngày 19 thì toàn bộ thành phố đã vào tay Kem-pơ-ben. Người ta nói là có khoảng 50000 nghĩa binh tháo chạy, một bộ phận theo hướng Rô-hin-can-đơ, một bộ phận theo hướng Đô-áp và Bun-đen-han-đơ. Theo hướng sau cùng này thì họ có thể thoát, bởi vì tướng Râu-dơ cùng với đội quân của mình vẫn còn cách Giam-na ít nhất là sáu mươi dặm và ông ta, theo tin tức nhận được, phải đương đầu với 30 000 nghĩa binh. Theo hướng Rô-hin-can-đơ nghĩa quân cũng có thể tập trung lại, bởi vì Kem-pơ-ben không đủ sức đuổi theo họ thật nhanh, còn Sem-béc-len ở đâu thì chúng tôi không hề biết; tình này lại khá rộng khiến nghĩa quân có thể tìm được nơi ẩn náu trong một thời hạn ngắn. Bởi vậy điều chắc chắn nhất là giai đoạn sau của cuộc khởi nghĩa sẽ hình thành hai đội nghĩa quân ở Bun-đen-han-đơ và Rô-hin-can-đơ; thế nhưng, đội quân sau có thể bị tiêu diệt nhanh chóng bởi sự vận động theo vòng đồng tâm của những đội quân từ Lác-nau và Đê-li tới.

Trong chừng mực giờ đây chúng ta có thể xét đoán thì những hành động của ông Cô-lin Kem-pơ-ben trong chiến dịch này nổi bật lên nhờ tài trí và nghị lực vốn có của ông. Kế hoạch vận động theo vòng đồng tâm về Lác-nau của ông là tuyệt vời, còn trong việc chuẩn bị tấn công thì hình như mọi tình huống đều đã được hoàn toàn tính đến. Mặt khác, cách ứng xử của nghĩa binh hẳn còn tối tệ hơn trước. Chỉ thoáng thấy bóng quân phục màu đỏ là y như họ đã hoảng loạn. Đội quân của Phrê-xơ đã đánh tan những lực lượng đông gấp hai mươi lần quân số của ông mà hầu như không bị tổn thất; và mặc dù những bức điện bao giờ cũng nói là "sự chống cự ngoan cường" và "cuộc chiến ác liệt", tổn thất của người Anh khi được nhắc tới trong các thông báo vẫn quá ít ỏi đến mức cười, và chúng tôi e rằng lần này người Anh ở Lác-nau cũng chẳng cần phải dừng cảm hơn và họ thu được những vòng hoa

nguyệt quế ở đấy cũng chẳng nhiều gì hơn so với lần hành quân thứ nhất của họ vào thành phố này^{1*}

Do Ph.Ăng-ghen viết ngày 15 tháng Tư 1858

Đã đăng làm xã luận trên báo "New - York Daily Tribune" số 5312, ngày 30 tháng Tư 1858

In theo bản đăng trên báo Nguyên văn là tiếng Anh

^{1*} - Xem tập này, tr.410 - 447, 458 - 468.

C.MÁC

DỰ ÁN NGÂN SÁCH CỦA NGÀI ĐÌ-XRA-E-LI

Luân Đôn, ngày 20 tháng T 1858

Bài phát biểu về ngân sách mà ông Đì-xra-e-li đọc ngày 19 tháng Tư tại hạ nghị viện, mặc dù nó chiếm khoảng mười cột trong tờ báo Luân Đôn "Times", đọc vẫn thú vị, mà thậm chí có khi còn thú vị hơn cuốn tiểu thuyết "Công tước trẻ tuổi" của cùng tác giả này³⁴². Với sự phân tích sáng rõ, với bố cục giản đơn, với sự sắp xếp khéo léo và sử dụng tài tình các chi tiết, bài phát biểu này trội hơn hẳn những bài tập làm văn hùng biện dông dài và rờn rã của kẻ đi trước ông trong nội các Pan-móc-xton. Bài này không có gì thật mới, vả lại nó cũng không có tham vọng về điều đó. Ông Đì-xra-e-li lọt vào địa vị béo bở của một bộ trưởng tài chính phải gánh vác không phải khoản thiếu hụt do bản thân ông chịu trách nhiệm, mà khoản thiếu hụt do đối thủ để lại. Vai trò của ông là vai trò của thầy thuốc, chứ không phải của bệnh nhân. Thế là, một mặt, ông phải kiếm tiền để trang trải khoản thiếu hụt; mặt khác, lại không thể dă động đến tình trạng giảm sút nghiêm trọng các khoản chi phí gây ra bởi những cuộc phiêu lưu mà nước Anh đã lao vào dưới sự che chở của huân tước Pan-móc-xton. Ông Đì-xra-e-li tuyên bố thẳng với các hạ nghị sĩ rằng, nếu họ muốn thực hiện đường lối xâm lược và gây hấn thì họ phải bỏ tiền ra

trả cho đường lối đó và rằng, tiếng gào thét nhúc óc của họ về tiết kiệm chẳng qua chỉ là một sự mai mỉa, vì hạ nghị viện đồng thời đã tỏ ra sẵn sàng đi tới bất cứ những khoản chi nào. Theo lời tuyên bố của ông, những khoản chi cần cho năm tài chính 1858 - 1859 tất phải như sau:

	P.xt.
Chi phí cho những công trái dài hạn	28 400 000
Chi phí cho những khoản triển hạn.....	1 900 000
Lương thực cho quân đội	11 750 000
Chi phí cho hạm đội hải quân, kể cả tàu đưa thư	9 860 000
Cơ quan dân sự	7 000 000
Chi phí cho cơ quan thu các khoản thu nhập của nhà nước...	4 700 000
Những khoản nợ ngân khố phải	
thanh toán vào tháng Năm 1858	2 000 000
Quỹ để thanh toán dần cho nợ chiến tranh.....	1 500 000
Tổng chi.....	67 110 000
Thu nhập năm 1858 - 1859 được ước tính như sau: p.xt	
Thuế quan.....	23 400 000
Đảm phụ	18 000 000
Thu thuế tem.....	7 550 000
Thuế đất và thuế bất động sản.....	3 200 000
Thu bưu chính.....	3 200 000
Thuế tài sản và thuế thu nhập.....	6 100 000
Đất nhà nước	270 000
Những thu nhập linh tinh.....	1 300 000
Tổng thu nhập	63 020 000

So sánh những khoản dự chi với các khoản thu nhập cho thấy, bất chấp tất cả những dự tính khá lạc quan của ông Đì-xra-e-li về những khoản thu nhập có thể có về thuế quan, về thuế đảm phụ và thu bưu chính, thì khoản thiếu hụt ròng đã là 4 000 000

pao xtéc-linh. Thế thì làm cách nào mà bù cho khoản ấy được? Phái Pan-móc-xtơn tằm tằm cười với chỉ một ý nghĩ là, ông Đì-xra-e-li trong năm sau tất sẽ buộc phải hoãn việc hạ thuế thu nhập từ 7 pen-ny xuống 5 pen-ny đánh vào 1 pao xtéc-linh - một biện pháp mà ông ta và ông Glát-xtơn đã phản đối khi ông Coóc-nu-ô-lơ Lu-ít đề xuất. Bấy giờ phái Pan-móc-xtơn hẳn sẽ kêu âm lên là chống đối vô nguyên tắc và hẳn sẽ lợi dụng tính không được lòng dân của thuế thu nhập cho mục đích riêng của mình. Tóm lại, thuế thu nhập là một tảng đá ngầm, mà như phái Pan-móc-xtơn đã nói trước một cách chắc chắn, con tàu quốc gia của Đốc-bi đụng vào đấy ắt phải vỡ vụn. Song ông Đì-xra-e-li là một cáo già thành tinh, đời nào lại rơi vào cái bẫy đó. Trái với những sự chờ đợi, ông ta tuyên bố ở nghị viện là Giôn Bun trong thời gian năm năm cuối đã "xử sự" công việc tài chính như một cậu bé ngoan; ông ấy hăng hái mang cái gánh nặng chi phí quốc gia, và bởi vậy trong hoàn cảnh gay go hiện giờ không nên làm cho ông ấy phải đau khổ bởi thứ thuế mà ông ta bao giờ cũng hết sức căm ghét; hơn nữa, căn cứ vào thoả thuận năm 1853³⁴³ được đại đa số trong nghị viện thông qua thì cậu bé ngoan được người ta hứa là sẽ giảm dần thứ thuế này và bãi bỏ nó hoàn toàn sau một số năm nhất định. Phương thức riêng của ông Đì-xra-e-li nhằm trang trải khoản thiếu hụt và thậm chí để bảo đảm nâng thu cao hơn một ít so với chỉ, quy lại như sau: hoãn đến một thời hạn muộn hơn việc thanh toán những khoản nợ ngân khố với số tiền 2 triệu pao; chưa trả 1 300 000 p.xt. cho việc thanh toán dần cho nợ chiến tranh trước khi có thu nhập bổ sung bona fide^{1*}, khoản thu này ắt có thể chỉ cho việc thanh toán trên; đánh ngang nhau về thuế rượu ở Anh và ở Ai-rơ-len sau khi đã nâng thuế ở Ai-rơ-len từ 6 si-linh 10 pen-ny lên 8 si-linh đối với mỗi ga-lông, như thế tất sẽ làm cho công quỹ thu thêm được 500 000 pao xtéc-linh; và cuối cùng, đánh thuế vào séc ngân hàng bằng cách thu thuế tem 1 pen-ny, như thế sẽ có khoản thu nhập thêm là 300 000 pao xtéc-linh.

Vậy là những thứ thuế mới không đáng kể mà ông Đì-xra-e-li

1* - thật sự

áp dụng không thể gây nên những ý kiến phản đối gay gắt. Mặc dù các nhà đại diện Paddi^{1*} đương nhiên thấy mình có nghĩa vụ phản đối, song bất cứ hạn chế nào đối với nhu cầu về rượu ở Ai-rơ-len cũng phải được xem là một biện pháp bổ ích. Khi đưa ra biện pháp này, bộ trưởng tài chính không thể kiềm mình để khỏi bị quyến rũ bởi ý muốn chơi xỏ bạn bè người Ai-rơ-len của mình. "Với tinh thần thân ái thành thực nhất" ông yêu cầu "những người Ai-rơ-len đầy nhiệt tình" tán thành đề nghị đánh thuế "rượu Ai-rơ-len" và hoà "tâm hồn"^{2*} mình làm một với tâm hồn người Anh và người Xcốt-len v.v.. Thuế tem 1 pen-ny đánh vào séc ngân hàng bị công kích kịch liệt từ phía ông Glin, người đại diện cho lợi ích của các chủ ngân hàng và chủ Sở giao dịch ở Luân Đôn. Ông ta tỏ ý tin rằng đồng pen-ny bất hạnh này sẽ ngăn trở lưu thông tiền tệ của nước nhà hoàn thành nhiệm vụ của nó; song ông Glin có cảm thấy kinh khiếp bao nhiêu đi nữa hoặc làm ra vẻ như thế trong trường hợp dám cả gan đánh vào các chủ ngân hàng và chủ Sở giao dịch một khoản thuế cón con, thì vị tất tình cảm của ông đã được quảng đại nhân dân Anh hưởng ứng.

Đặc điểm quan trọng trong ngân sách của ông Đì-xra-e-li là thủ tiêu quỹ thanh toán giả tạo - một ngón đại bịp về tài chính mà ông Coóc-nu-ô-lơ Lu-ít đã phải dùng đến vì những món nợ mắc phải vào lúc xảy ra cuộc chiến tranh với nước Nga. Quỹ thanh toán dần thật sự của Anh chỉ là một trong những ảo tưởng kỳ quái làm mờ tối những năng khiếu trí tuệ của cả một thế hệ và bản chất của chúng thì thế hệ mai sau vị tất đã có thể hiểu nổi. Năm 1771, tiến sĩ Ri-sốt Prai-xơ, trong những nhận xét của mình về những khoản thanh toán kế thừa³⁴⁴, lần đầu tiên đã khám phá ra cho thế giới những bí mật của lợi tức kép và của quỹ thanh toán dần.

"Những khoản tiền", - ông viết, - "đem lại lợi tức kép, thoát đầu tăng lên chậm, nhưng về sau nhịp độ tăng nhanh không ngừng và qua một thời gian nào đó thì đạt tới tốc độ vượt quá mọi tưởng tượng. Một pen-ny cho vay lãi 5% vào năm Chúa giáng sinh đến nay ắt tăng lên thành một món tiền lớn hơn cả trí tưởng

1* - do chữ "Patrik", biệt danh gọi đùa của những người Ai-rơ-len

2 - Chơi chữ: "spirit" nghĩa là "rượu" và cũng có nghĩa là "tâm hồn"

tượng là 150 triệu quả đất gồm toàn khối đúc bằng vàng ròng. Song nếu như cho vay lãi với lợi tức đơn thì cũng trong thời gian đó nó ắt chỉ biến thành một món tiền không quá 7 si-linh 4 1/2 pen-ny. Cho đến nay chính phủ ta vẫn chuộng điều hành những hoạt động tiền tệ bằng phương thức thứ hai hơn là phương thức thứ nhất. Nhà nước bao giờ cũng đủ sức tìm ra lối thoát khỏi tình trạng khó khăn, bởi vì có trong tay những khoản tiền tiết kiệm nhỏ nhất nó có thể thanh toán những khoản nợ lớn nhất trong một thời hạn ngắn đúng như lợi ích của nó có thể đòi hỏi. Ở đây, điều hoàn toàn không quan trọng là nhà nước phải trả lợi tức nào cho khoản tiền, vì lợi tức càng cao thì từ số vốn như vậy có thể trả hết món nợ chính càng chóng".

Vì vậy, Prai-xơ đề nghị

"hàng năm để lại một số tiền cố định nào đó để sử dụng số tiền đó cùng với lợi tức rút từ tất cả các khoản tiền được trả bằng số tiền này để thanh toán nợ của nhà nước, - nói cách khác là lập quỹ trả dần".

Cái kế hoạch hoang đường này lấu cá hơn nhiều so với kế hoạch tài chính của thằng ngốc ở một trong những truyện ngắn của Xéc-van-tét^{1*}, thằng ngốc đó đề nghị toàn thể nhân dân Tây Ban Nha nhịn uống, nhịn ăn chỉ trong thời gian hai tuần lễ để có tiền trả nợ của nhà nước, ấy thế mà kế hoạch này vẫn làm mê hoặc trí tưởng tượng của Pít. Chính trên cơ sở đó, năm 1786 ông ta lập ra quỹ trả dần, sau khi xác định số tiền là 5 000 000 p.xt. phải "nhất thiết" được thanh toán hàng năm nhằm mục đích này. Hệ thống này tồn tại cho đến năm 1825, năm mà hạ nghị viện thông qua quyết nghị là chỉ thu nhập bổ sung bona fide của nước nhà mới có thể dùng để thanh toán nợ của nhà nước. Hình thức quỹ trả dần kỳ quặc này đã dẫn toàn bộ hệ thống tín dụng quốc gia vào tình trạng hỗn loạn. Một tình trạng rối bòng bong đã xảy ra giữa việc làm gì để thoát khỏi thiếu thốn với làm gì để được sung túc, giữa những trái khoáy làm tăng nợ và những trái khoáy dùng để trả nợ. Lợi tức đơn và lợi tức kép, nợ và trả nợ dần quay cuồng không bao giờ dứt như một điệu múa trước mắt con người; đấy là cái cảnh hình bóng hỗn loạn của ban công và rào nổi, trái khoáy và kỳ phiếu kho bạc, tư bản không lợi tức và lợi tức không tư bản, điều mà thậm chí cả những bộ óc sáng suốt

1* Xéc-van-tét. "Truyện luân lý". Truyện về cuộc trao đổi của những con chó.

nhất cũng không hiểu nổi. Quan điểm của tiến sĩ Prai-xơ là, nhà nước nên vay nợ với lợi tức đơn và đem tiền này cho vay với lợi tức kép. Thực tế thì Vương quốc liên hợp đã vay nợ 1 tỷ p.xt.; nhờ số tiền này mà nó thu được ước khoảng 600 triệu; còn 390 triệu trong số tiền đó không phải được dùng để trả nợ, mà là để duy trì quỹ trả dần. Các quỹ tuyệt tác này đánh dấu thời đại hoàng kim của những kẻ hành nghề giao dịch và đầu cơ, cái quỹ đó bộ trưởng tài chính của nội các Pan-móc-xtơn lại tìm cách trút lên vai Giôn Bun. Ông Đì-xrà-e-li đã giáng cho nó một coup de grâce^{1*}.

Do C.Mác viết ngày 20 tháng Tư 1858

Đã đăng trên báo "New - York Daily Tribune" số 5318, ngày 7 tháng Năm 1858

In theo bản đăng trên báo

Nguyên văn là tiếng Anh

1* - đòn cuối cùng.

C.MÁC

LIÊN MINH ANH - PHÁP

Pa-ri ngày 22 tháng T 1858

Từ lúc tiến sĩ Béc-na được tuyên bố trắng án, một bản án mà công chúng nhiệt liệt hoan nghênh, thì Liên minh Anh - Pháp bước vào một giai đoạn mới. Trước hết, tờ "Univers", một tờ báo có đủ trí thông minh để hiểu được rằng "tình cảm chân thực của nước Anh" được biểu lộ không phải trong "những lời khen xã giao mà tòa thị chính Đu-vơ đã dùng để hết lời tâng bốc công tước Ma-la-cốp-xki về bản tính cao thượng của ông ta", mà đúng hơn là trong "những tiếng thét "hoan hô" khả ố của dân chúng phát ra tại phiên tòa ở Ôn-đơ Bâ-li", - tờ báo này đã tuyên bố nước Anh không những là "sào huyệt của bọn giết người", mà còn là một dân tộc gồm những kẻ giết người, kẻ cả bồi thẩm lẫn chánh án. Điều đầu tiên do các đại tá³⁴⁵ đề xuất, như vậy là có căn cứ rộng hơn. Tiếp theo sau tờ "Univers", đến tờ "Constitutionnel" lên tiếng với bài xã luận ký tên ông Rê-nơ, con rể ông Mác-ca-rơ, ông này, như người ta biết, lại là thư ký riêng, là người thân tín và là quản gia của Bô-na-pác-tơ. Nếu như "Univers" tán thành bài nhận xét đặc điểm dân tộc Anh mà các đại tá đã gửi đến cho nó và chỉ tán rộng ý nghĩa của bài đó mà thôi, thì "Constitutionnel" nhắc lại những lời đe dọa của họ, chỉ khác mỗi điều là ra sức đem sự bất bình tưởng tượng của "các thành phố và các vùng nông thôn" để biện minh cho thái độ công phần của các trại lính. Lên giọng kẻ

lượng thiện bị xúc phạm, cái giọng rất đặc trưng cho văn học điếm của Đế chế thứ hai, tờ báo này kêu lên:

"Chúng tôi sẽ không bàn tử mĩ đến bản trắng án loại như thế, bản án này là một sự xúc phạm chưa từng thấy đối với đạo lý xã hội; bởi vì trong những người trung thực ở Pháp hoặc ở Anh ai có thể nghi ngờ về tội lỗi của Béc-na? Chúng tôi chỉ muốn làm cho những kẻ trong số những người lảng giềng của chúng tôi muốn *gìn giữ quan hệ tốt đẹp giữa hai nước* biết rõ rằng giá như bài phát biểu của kẻ biện hộ cho Béc-na, một bài phát biểu trong đó người ta *cho phép* y dùng đầy rẫy lời vu khống và những lời xúc phạm đối với hoàng đế, đối với một dân tộc đã bầu ra Người, đối với quân đội và các cơ quan của chúng tôi, giá mà bài đó chẳng may lại được lan truyền trong các thành thị, các trại lính và các vùng nông thôn của nước Pháp" (cái vị trí này mới kỳ khôi cho các trại lính chú: vị trí giữa các thành thị và các vùng nông thôn!) *"thì chính phủ có mong muốn bao nhiêu đi nữa cũng khó lòng mà ngăn ngừa được những hậu quả của sự công phần của nhân dân"*.

Thì ra sự việc là như thế đấy. Nước Pháp có đổ bộ lên nước Anh hay không, điều đó sẽ chỉ tùy ở chỗ bài phát biểu của ông Giêm-xơ mà chính tờ "Constitutionnel" đang quảng cáo, có lan truyền hay không lan truyền ở nước Pháp. Song đến hôm sau, có thể nói là sau khi có lời tuyên chiến như thế, thì trong tờ "Patrie" có một bước ngoặt lạ kỳ và đáng chú ý. Số là có thể ngăn ngừa được sự đột nhập của Pháp và nước Anh nhưng chỉ trong trường hợp Liên minh Anh - Pháp bước vào một giai đoạn mới. Sự trắng án của Béc-na đã bộc lộ ra sức mạnh ngày càng tăng của tình trạng vô chính phủ trong xã hội Anh. Huân tước Đốc-bi phải cứu vớt xã hội Anh cũng bằng cái phương thức Bô-na-pác-tơ đã dùng để cứu vớt xã hội Pháp. Đây là điều phải rút ra từ sự liên minh này và đây cũng là *conditio sine qua non*^{1*} của nó. Bá tước Đốc-bi, tờ báo này viết thêm, "một người rất có tài và gần như có quan hệ họ hàng với nhà vua", vì vậy con người có sứ mệnh phải cứu vớt lấy xã hội Anh! Những tờ báo hàng ngày ở Anh không quên chỉ ra sự nhu nhược, sự dao động và sự bất lực được che giấu đằng sau sự đổi chỗ này của sự cuồng nộ, đe dọa, nguy hiểm. Phóng viên Pa-ri của tờ "Daily News" cho là đã giải được câu đố

1* - điều kiện cần thiết

của những bức tranh mờ mịt thể hiện trong "Univers", "Constitutionnel" và "Patrie" ấy, khi dẫn ra một sự kiện được người ta biết khá rõ là Bô-na-pác-tơ có hai loại quân sự - loại quân sự nát rượu, chè chén về đêm và loại quân sự tỉnh táo về sáng. Trong các bài báo của "Univers" và "Constitutionnel" phóng viên Pa-ri ngửi thấy mùi rượu sa-tô-ma-ri-ô và xì-gà, còn trong bài báo của "Patrie" - thấy những tia nước của vòi hoa sen lạnh. Song chính cũng hai loại người này đã phát huy tác dụng ngay vào lúc có trận sống mái giữa Bô-na-pác-tơ với nền Cộng hoà Pháp. Một số người này thì sau tháng Giêng 1849 lên tiếng đe dọa coup d'état^{1*} trên những trang báo lá cải buổi chiều của mình, còn số khác thì thẳng thừng tố cáo họ nói láo trên những cột báo dày đặc của "Moniteur". Ấy thế nhưng bóng dáng những sự biến sắp xảy ra vẫn hiện lên không phải trong những bài "khoa trương" của "Moniteur", mà là trong những tiếng gào "hoan hô" sắc mùi rượu trên tờ "Pouvoir"³⁴⁶. Chúng tôi, tuy vậy, vẫn còn xa mới nghĩ rằng Bô-na-pác-tơ có trong tay tiền bạc để vượt qua nỗi "cái hào rộng"^{2*}. Những kết quả khôi hài của những thao thức ban đêm đã xuất hiện theo hướng đó, những kết quả này - mà tờ "New - York Herald"³⁴⁷ đảm nhận công bố - không thể không khiến cho cả đến những kẻ mới nhập môn trong khoa học quân sự cũng phải mỉm cười. Nhưng chúng tôi tin chắc rằng Bô-na-pác-tơ, với tư cách một thường dân - mà điều này thì không bao giờ được quên, đứng đầu một chính phủ quân sự, đã đưa lên những trang báo "Patrie" lời giải thích cuối cùng và duy nhất có thể có về Liên minh Anh - Pháp, có thể làm vừa lòng những "đại tá" của ông. Ông ta đã rơi vào một tình cảnh hết sức lố bịch và cũng vô cùng nguy hiểm. Để hồng che mắt chính phủ các nước ngoài, ông ta phải khua kiếm. Để nhằm trấn an những kỵ sĩ đeo kiếm của mình và không cho họ coi sự tự cao tự đại của ông là điều nghiêm túc, ông buộc phải dùng tới những fictions juris^{3*} khó tin như phịa ra rằng Liên minh Anh - Pháp có nghĩa là cứu xã hội Anh theo phương pháp đã được thể nghiệm của Bô-na-pác-tơ. Dĩ nhiên, sự thật dứt khoát sẽ mâu thuẫn với

1* - đảo chính

2* - La Măng-sơ

3* - những truyện hư cấu pháp lý

những học thuyết của ông ta và nếu như cách mạng không chấm dứt sự trị vì của ông ta như chúng tôi vẫn nghĩ, thì kết cục, là ngôi sao hộ mệnh của ông sẽ sa xuống cũng như nó đã mọc lên - ông ta sẽ kết thúc bằng những cuộc phiêu lưu điên rồ một expédition de Boulogne³⁴⁸ nào đó trên quy mô rộng lớn hơn. Hoàng đế sẽ biến thành kẻ phiêu lưu cũng như kẻ phiêu lưu, trước đây đã biến thành hoàng đế.

Tuy nhiên, vì "Patrie" đã nêu lên tất cả những gì mà Bô-na-pác-tơ có thể nói với thế giới về ý nghĩa của Liên minh Anh - Pháp, cho nên điều đáng phải chú ý là, những giai cấp cầm quyền của Anh hiện nay đang nói tới liên minh này với giọng điệu như thế nào. Về điểm này, bài báo đăng trên "Economist" Luân Đôn làm cho người ta đặc biệt chú ý, đầu đề bài báo là: *"Liên minh với Pháp, nó là cái gì, giá trị của nó ra sao và cái giá của nó là gì"*. Bài này được viết với giọng văn cầu kỳ có dụng ý hệt như giọng của nguyên bộ trưởng ngân khố trong Chính phủ Pan-móc-xtôn và như giọng của kẻ đại diện cho những quan điểm kinh tế của bọn tư bản Anh. Ông Uyn-xơn bắt đầu từ luận đề "đôi khi do kết quả của giao ước, anh sẽ thu được không phải hoàn toàn cái đã thoả thuận". Vị tất, - ông ta nói, - có thể đánh giá quá cao ý nghĩa của liên minh hiện nay giữa Pháp và Anh"; song liên minh thường có nhiều loại khác nhau: những liên minh thật và những liên minh giả, những liên minh chân chính và liên minh ươm trong các phòng ấm, những liên minh "tự nhiên" và những liên minh của "chính phủ", những liên minh của "chính phủ" và những liên minh của "cá nhân". Trước hết, "Economist" để cho "trí tưởng tượng" của mình hoàn toàn tự do; còn về "Economist" thì cũng có thể nói như điều người ta đã nói về các trạng sư: con người càng tâm thường bao nhiêu thì trí tưởng tượng của nó càng có thể đùa cợt với nó bấy nhiêu. "Economist" vị tất đã có thể trông cậy vào

"trí tưởng tượng của mình để nghiên cứu cận kề vấn đề liên minh chân chính giữa hai dân tộc lớn đứng đầu nền văn minh hiện đại có thể ảnh hưởng như thế nào tới số phận châu Âu và tới hạnh phúc và sự phồn vinh của tất cả các nước khác".

Thế nhưng nó cũng buộc phải thừa nhận rằng mặc dù cả hai

dân tộc, như nó hằng mong muốn và tin tưởng, "đang trưởng thành" để có được sự liên minh chân chính, "chúng vẫn còn *chưa trưởng thành hẳn* để đi tới sự liên minh đó". Song nếu Anh và Pháp còn chưa hoàn toàn trưởng thành để có một liên minh dân tộc chân chính thì một câu hỏi tự nhiên nảy ra là, thế thì Liên minh Anh - Pháp hiện nay là cái gì vậy?

"Chúng tôi cho rằng", - cựu thành viên trong Chính phủ Pan-móc-xơn và là kẻ tiên tri của bọn tư bản Anh thú nhận, - "liên minh của chúng ta được ký kết mới đây do sự cần thiết, đã là một liên minh phần lớn là với chính phủ hơn là với dân tộc, với hoàng đế hơn là với đế chế, với Lu-i Bô-na-pác-tơ hơn là với nước Pháp; hơn nữa cái ý nghĩa mà chúng ta đem lại cho liên minh này và cái giá mà chúng ta trả cho nó có phần làm cho chúng ta bị che mờ không thấy cái sự thật quan trọng và cơ bản đó".

Bô-na-pác-tơ, tất nhiên, là kẻ được nhân dân Pháp bầu lên, và là điều nhảm nhí khác cũng theo cái tinh thần như vậy, nhưng tiếc rằng,

"ông ta chỉ đại diện cho một đa số mang tính cách số lượng, chứ không phải là đa số biết suy nghĩ chín chắn của nhân dân Pháp. Rủi thay, tình hình lại là những giai cấp xã hội đứng tách ra khỏi Bô-na-pác-tơ lại bao gồm chính những đảng phái mà quan điểm của họ hầu như tương tự với quan điểm của chính chúng ta về tất cả các vấn đề quan trọng nhất của nền văn minh".

Như vậy, sau khi đã xác định dưới một hình thức hết sức thận trọng và hết sức nhã nhặn và với những lời lẽ rườm rà mà chúng tôi sẽ không làm cho bạn đọc phải bận trí - cái định đề cho rằng cái hiện nay gọi là Liên minh Anh - Pháp đúng ra là liên minh chính phủ hơn là liên minh dân tộc, từ "Economist" không dừng lại ở việc thừa nhận rằng liên minh đó thậm chí là liên minh cá nhân đúng hơn là liên minh thuần túy *chính phủ*.

"Lu-i - Na-pô-lê-ông", tờ báo viết, - "đã cho biết rõ hơn bởi đâu mà điều đó lại thích hợp với một nguyên thủ nước lớn, rằng chính *ông ta* là người bạn đặc biệt của chúng ta ở Pháp, rằng không phải chủ yếu là dân tộc ông mà chính ông mong muốn liên minh với nước Anh và duy trì sự liên minh đó; và, có thể là *chúng ta* đồng ý quan điểm này với thái độ sẵn sàng hơn và dứt khoát hơn là sự *thận trọng* và *thành thật* thực sự đòi hỏi phải làm như thế".

Xét chung và nhìn toàn cục thì Liên minh Anh - Pháp là một món

hàng giả, món hàng rởm, đó là liên minh với Lu-i Bô-na-pác-tơ, chứ không phải là liên minh với nước Pháp. Bởi vậy tự nhiên nảy sinh câu hỏi là món hàng giả này liệu có đáng với cái giá đã trả cho nó hay không? Ở đây "Economist" đâm vào ngực và nhân danh các giai cấp cầm quyền nước Anh mà thốt lên: "Pater, peccavi!"^{1*} Trước hết, nước Anh là một quốc gia lập hiến, còn Bô-na-pác-tơ là một tên độc tài.

"Chỉ vì tôn trọng chính bản thân mình mà chúng ta hẳn cần phải lưu tâm sao cho sự lễ độ chân thành và trung thực của chúng ta đối với nhà cầm quyền de facto^{2*} của nước Pháp trở thành niềm hân hoan chân thành và sự phấn chấn nồng nhiệt chỉ trong chừng mực và chỉ theo mức độ đường lối của ông ta trở thành một đường lối mà chúng ta ắt có thể tán thành một cách thành thực và chính đáng".

Như vậy, đáng lẽ dùng một cái cầu trượt để tụt xuống cái chủ nghĩa Bô-na-pác-tơ của mình thì dân tộc Anh, một dân tộc lập hiến,

"lại bày tỏ vô vàn dấu hiệu quan tâm đối với một ông vua đã thủ tiêu quyền tự do hợp hiến của thần dân mình, mà chưa từng có một ông vua lập hiến nào đã ban và tôn trọng những tự do đó lại được quan tâm như vậy. Nếu như Bô-na-pác-tơ đã từng tức giận và nổi cáu thì chúng ta đã hạ mình tới mức là trấn an ông ta bằng những lời giả dối đáng tởm mà nghe thật là kỳ lạ từ miệng người Anh. Bằng hành vi và lời lẽ của mình, chúng ta đã xua đẩy khỏi chúng ta tất cả những nhóm nhân dân Pháp mà dưới mắt họ Lu-i - Na-pô-lê-ông hoặc là một kẻ thoán nghịch, hoặc là kẻ độc tài dựa vào sức mạnh quân sự. Điều đó làm cho phái nghị viện Pháp trong phái cộng hoà, cũng như trong phái Oóc-lê-ăng đặc biệt bức tức và công phẫn".

Tờ "Economist", cuối cùng, phát hiện ra rằng sự khúm núm như vậy trước kẻ thoán nghịch gặp thời là một điều hết sức thiếu khôn ngoan.

"Không thể", - tờ báo viết, - "xem chế độ hiện hành ở Pháp là một chế độ trường tồn mà cái dân tộc tích cực và lo sợ này đồng ý sống dưới đó... Bởi vậy ký kết với *cái chính thể trong một giai đoạn nhất thời ở Pháp* một liên minh chỉ

1* - thưa cha, con có tội!

2* - hiện hữu

có thể gây hận thù với chúng ta ở giai đoạn phát triển tương lai và là giai đoạn bền vững hơn của nước này, liệu có phải là khôn ngoan chăng?".

Hơn nữa, Bô-na-pác-tơ cần liên minh với Anh hơn là Anh cần liên minh với Bô-na-pác-tơ. Năm 1852 ông ta chỉ là một kẻ phiêu lưu - một kẻ phiêu lưu gặp vận, nhưng vẫn cứ là một kẻ phiêu lưu.

"Ở châu Âu người ta đã không thừa nhận ông ta, và đó vẫn còn là vấn đề liệu người ta có thừa nhận ông ta không. Nhưng nước Anh đã công nhận ông ta nhanh chóng và không do dự; nước Anh lập tức công nhận quyền chấp chính của ông ta, cho phép ông ta nhập vào cái giới nhỏ hẹp của những nhân vật được tấn phong hoàng đế và do đó cho ông ta được quyền bước vào tất cả các triều đình của châu Âu. Hơn nữa, khi trao đổi những cuộc thăm viếng và ký kết những liên minh thân thiết, triều đình nước ta đã để cho sự giao chuyển thành thân giao... Những giai cấp kinh doanh tài chính và thương mại, mà sự ủng hộ của họ là rất quan trọng đối với ông ta, đã hiểu ngay rằng sức mạnh ông ta thu được nhờ liên minh chặt chẽ và thân thiết với nước Anh là vĩ đại như thế nào".

Liên minh đó cần thiết đối với ông ta, và ông ta "sẵn sàng trả cho nó hầu như *bằng bất cứ giá nào*". Chính phủ Anh có tỏ rõ tính nhậy bén thương mại và sự tỉnh táo cần thiết khi định giá này không? Nó không hề đòi hỏi một giá nào cả; nó không đặt điều kiện nào hết, mà tựa như những bạo chúa phương Đông, nhắm mắt lại mà trao cho ông ta cái liên minh đó như là quà tặng. Những hành động đê tiện của Bô-na-pác-tơ dù lớn đến đâu vẫn không thể giây phút nào ngăn được Chính phủ Anh trong cơn "hào phóng bạt mạng" như lời "Economist" dùng để gọi điều đó, còn chúng ta thì ắt gọi đó là một mục cùc cung quỳ rạp xuống.

"Hẳn là khó mà chứng minh", - một người Anh lắm lỗi ăn năn, - "rằng trong tất cả những biện pháp muôn hình muôn vẻ của Bô-na-pác-tơ nhằm đàn áp đạo Tin lành, đàn áp tư tưởng, ngăn trở hoạt động của các cơ quan thị chính, biến hoạt động của thượng nghị viện và hạ nghị viện thành trò hề, - chúng ta đã biểu hiện sự bất bình bằng một vẻ lạnh nhạt thoáng qua nào đó hoặc ít ra đã cau mày khó chịu dù chỉ đối với một biện pháp thôi". "Ông ta có làm gì đi nữa, có trục xuất ai đi nữa, có tịch thu hay đóng cửa bao nhiêu tờ báo đi nữa, có viện ra những cơ nhỏ nhặt đến thế nào đi nữa để cách chức các giáo sư đáng kính và có tiếng tăm, - thì thái độ của chúng ta đối với ông ta vẫn không thay đổi; đối với chúng ta ông

vẫn là con người vĩ đại, vẫn là một nhà hoạt động nhà nước sáng suốt và nhìn xa trông rộng, một nhà lãnh đạo xuất sắc và kiên nghị".

Như vậy, người Anh không những o bế, ủng hộ và cổ vũ đường lối đối nội đê hèn của Bô-na-pác-tơ, mà như lời "Economist" thú nhận, còn cho phép ông ta kim hãm, thay đổi, làm nghèo nàn và quy thành con số không đường lối đối ngoại của chính nước mình.

"Nếu tình trạng mập mờ như vậy còn kéo dài" - "Economist" kết luận, - "thì nó sẽ không góp phần chút nào vào uy tín của nước ta, vào thu nhập của nước ta cũng như vào lợi ích chung của tình hữu nghị giữa các dân tộc".

Các bạn hãy so sánh lời tuyên bố đó với lời tuyên bố của "Patrie" và các bạn sẽ không còn phải nghi ngờ gì là Liên minh Anh - Pháp sẽ đổ vỡ và đổ vỡ luôn cả chỗ dựa quốc tế độc nhất của Đế chế thứ hai.

*Do C.Mác viết ngày 22 tháng Tư 1858
Đã đăng trên báo "New - York Daily
Tribune" số 5319, ngày 8 tháng Năm 1858*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

C.MÁC

NHỮNG VĂN KIẾN QUAN TRỌNG CỦA ANH

Luân Đôn, ngày 30 tháng Tư 1858

Cách đây không lâu Chính phủ Anh có công bố một số tài liệu thống kê: những bản báo cáo của bộ thương mại về quý một năm 1858, những số liệu so sánh về tình trạng bán cùng hoá trong tháng Giêng 1857 và 1858, và cuối cùng, là những báo cáo sáu tháng của các viên thanh tra công xưởng³⁴⁹. Những báo cáo của bộ thương mại, như người ta chờ đợi, chỉ rõ sự giảm sút đáng kể cả về xuất khẩu lẫn nhập khẩu trong vòng ba tháng đầu năm 1858 so với cùng quý này năm ngoái. Tổng giá trị được công bố của tất cả hàng hoá xuất khẩu quý một năm 1857 là 28 827 493 p.xt. thì ba tháng đầu năm nay tụt xuống 23 510 290 p.xt. khiến có thể xác định sự giảm sút chung của xuất khẩu Anh là khoảng gần 19%. Bảng giá trị các khoản nhập khẩu chính, chỉ tính số liệu đến cuối tháng Hai, cho thấy sự giảm sút so với hai tháng đầu năm 1857, từ 14 694 806 p.xt. xuống 10 117 920 p.xt. khiến cho như vậy là sự giảm sút nhập khẩu tỏ ra mạnh hơn so với sự giảm sút xuất khẩu. Tình hình so sánh về xuất khẩu thương mại của Vương

quốc liên hợp Anh sang Mỹ trong ba tháng đầu năm 1857 và 1858 được phản ánh ở bảng trích sau đây (xem bảng ở trang sau).

Xuất khẩu từ Vương quốc liên hợp sang Mỹ

	Số lượng		Giá trị công bố (Pao xtéc-linh)	
	Năm 1857	Năm 1858	Năm 1857	Năm 1858
Bia và rượu (thùng).....	9504	6581	40893	29269
Than và than cám (tấn)... ..	19972	44299	11975	24818
Vải bông (i-ác-đơ).....	61198140	35371538	1128453	618540
Hàng sắt và thép (tạ)... ..	44096	14623	301275	104668
Vải gai (i-ác-đơ).....	18373022	8757750	527076	265536
Trụ sắt (tấn).....	10172	6569	39927	20344
Sắt thanh (tấn).....	70877	6417	610124	54602
Gang đúc thành thỏi (tấn)...	207	2362	4659	14475
Sắt rèn các loại.....	12578	2097	151602	29218
Thép không luyện.....	3607	1118	128178	43666
Đồng (tạ).....	11075	1954	69286	10595
Chì (tấn).....	941	60	21793	1324
Mỡ thực vật (ga-lông).....	400200	42790	62576	5768
Muối (tấn).....	66022	35205	33169	16990
Hàng lụa (pao).....	69973	22920	82280	25212
Vải len, nỉ (súc).....	106519	30624	351911	110096
Vải pha len (súc).....	9030643	6368551	401249	232202
Vải len chải kỹ (súc).....	212763	80601	249013	106913
Đồ gốm và đồ sứ trắng men... ..	-	-	155700	70998
Hàng tạp hoá và trang sức đội đầu.....	-	-	614825	288752
Tôn (tấn).....	-	-	273409	105847

Trừ một ít ngoại lệ rất nhỏ thì bảng kê này cho thấy sự giảm sút nghiêm trọng về xuất khẩu ở mọi mặt hàng. Song điều làm sững sốt là, trong nhiều trường hợp sự giảm sút về giá trị xuất khẩu vị tất đã tương ứng với sự giảm sút về số lượng của nó. Về mặt này, Mỹ tỏ ra là một thị trường tốt hơn nhiều so với nhiều nước khác, nơi mà người Anh có doanh thu ít hơn nhưng

số lượng lại nhiều hơn. Chẳng hạn, năm 1858, họ xuất sang Hà Lan 277 342 pao len so với 254 593 pao xuất năm 1857, song trong trường hợp thứ nhất họ chỉ thu được 24 949 p.xt., còn trong trường hợp thứ hai lại thu được 25 563 pao xtéc-linh. Cũng hết như vậy, với 1 505 621 pao xuất sang Pháp năm 1858 thì doanh thu vẫn vắn vện chỉ có 103 235 p.xt., trong lúc đó thì với số lượng len ít hơn, chỉ 1 445 322 pao cũng xuất sang đó năm 1857, lại thu được 108 412 pao xtéc-linh. Ngoài ra, nếu chúng ta so sánh số liệu của những bản báo cáo về toàn quý một năm 1858 với số liệu của những báo cáo về chỉ một tháng Ba không thôi, thì chúng ta phát hiện thấy có chiều hướng phục hồi mức cũ về xuất khẩu thương mại của Anh sang Mỹ. Chẳng hạn, xuất khẩu vải len chải vào tháng Ba 1858 so với tháng Ba 1857 chỉ giảm từ 66 617 p.xt. xuống 54 376 p.xt., còn trong suốt toàn quý thì nó giảm từ 249 013 p.xt. xuống 106 913 pao xtéc-linh. Song, nước duy nhất tiêu biểu cho ngoại lệ đối với quy tắc chung và tăng một cách đáng kể nhu cầu về sản phẩm công nghiệp Anh, chứ không phải giảm, là Ấn Độ. Những con số sau đây chứng minh điều đó:

	Số lượng		Giá trị được công bố (tính bằng pao xtéc-linh)	
	Năm 1857	Năm 1858	Năm 1857	Năm 1858
Bia và rượu (thùng)...	24 817	51 913	77 845	166 567
Vải bông (i-ác-đơ)...	120 092 475	151 463 533	1 385 888	1 787 943
Hàng sắt và thép (tạ)...	10 642	16 776	42 849	67 287
Cuộn giấy (i-ác-đơ)...	5 145 044	10 609 434	276 469	531 567
Sắt thanh (tấn)...	20 674	26 266	191 528	217 539
Đồng (lá và thanh, tạ)...	18 503	23 313	115 927	132 156
Vải len, dạ...	12 123	19 571	63 846	90 584
Đồ gốm và đồ sành...	-	-	9 989	19 631
Hàng tạp hoá và trang sức đội đầu...	-	-	21 350	31 427
Máy hơi nước	-	-	31 408	36 019

Việc tăng xuất khẩu của Anh sang Ấn độ về một số mặt hàng, chẳng hạn như vải len, có thể do nhu cầu chiến tranh. Song nhìn chung, nguyên nhân của hiện tượng nâng cao này phải tìm theo hướng khác. Vấn đề chỉ đơn giản là cuộc khởi nghĩa trong mấy tháng đã hoàn toàn đóng cửa thị trường Ấn Độ, nhờ vậy hàng

hoá có tại đấy bán được hết, và vì thế hình thành nên chỗ trống mà giờ đây lại được lấp đầy. Còn về Ô-xtrơ-li-a thì ngay ở đây các báo cáo cũng cho thấy hiện tượng tăng một cách đáng kể về một số mặt hàng xuất khẩu của Anh, song những bức thư từ Xít-nây và Men-buốc gửi về lại cho thấy rõ là việc gửi hàng tới đó chỉ mang tính chất thuần tuý đầu cơ và những hàng này sẽ được bán không theo giá công bố mà hạ hơn nhiều.

Những số liệu so sánh về số người bị bắn cùng hóa ở Anh và Oen-xơ đã nhận trợ cấp chính thức vào cuối tháng Giêng 1857 và 1858, chỉ ra rằng thời kỳ đầu trong những thời kỳ nêu trên có 920 773 người, còn thời kỳ thứ hai thì số này lên tới 976 773 người, tăng chung là 6,1%. Song ở vùng phía bắc của trung tâm, ở các quận hành chính tây-bắc và Y-oóc-sia, nghĩa là ở các khu công nghiệp, số người bị bắn cùng hóa tăng lên tương ứng là 20,52%, 44,87% và 23,13%. Ngoài ra, cần lưu ý rằng một bộ phận rất đáng kể trong giai cấp công nhân ngoan cường thà chịu đói chứ không chịu đến nhà tế bần. Đoạn trích sau đây từ các báo cáo chính thức đáng chú ý ở chỗ nó chỉ ra số dân của riêng nhà máy so với toàn thể khối nhân dân đông đảo ngay cả ở Anh cũng là một tỷ lệ ít ỏi đến chừng nào:

Thống kê công nghiệp

Các khu vực	Số người 20 tuổi và trên 20 tuổi	Tỷ lệ người 20 tuổi và trên 20 tuổi, làm việc ở:			
		xưởng thủ công, làm nghề buôn và nội trợ	nông nghiệp	sản xuất công nghiệp	công nghiệp than và khai khoáng
1. Thủ đô... ..	1394963	47,6	1,1	6,0	3,5
2. Phía đông-nam... ..	887 134	30,7	20,8	2,5	2,4

3. Phía nam trung tâm	660 775	28,8	25,4	7,1	2,4
4. Phía đông.....	603 720	27,4	26,5	4,0	2,3
5. Phía tây-nam	978 025	28,6	23,3	4,6	5,6
6. Phía tây trung tâm ..	1 160 387	29,1	15,5	5,2	12,6
7. Phía bắc trung tâm..	654 679	31,8	21,7	6,4	5,3
8. Phía tây-bắc	1 351 830	29,8	8,3	21,5	5,4
9. Y-oóc-sia	961 945	25,2	14,3	17,5	7,3
10. Phía bắc	521 460	27,7	16,1	4,2	12,4
11. Oen-xơ	641 680	21,8	25,7	2,5	12,4
Anh và Oen-xơ	9 816 597	31,0	16,1	8,4	6,3

Các báo cáo của những viên thanh tra công xưởng chỉ có số liệu đến hết tháng Mười 1857, không đem lại một sự bổ ích thường có, bởi lẽ, như các thanh tra viên nhất trí tuyên bố, việc đóng cửa các công xưởng, giảm giờ làm, vô vàn những vụ phá sản của chủ xí nghiệp và nạn suy thoái kinh tế chung bắt đầu chính vào lúc các thanh tra viên viết báo cáo, đã làm trở ngại cho họ trong việc thu thập những số liệu chính xác, mà dựa vào đó trước kia họ đã có thể viết được báo cáo của mình về số lượng công xưởng mới và cả về những xưởng đã tăng số lượng động cơ của mình và những xưởng đã ngừng việc. Bởi vậy, những con số của thống kê công nghiệp phản ánh hậu quả của cuộc khủng hoảng sẽ chỉ có thể tìm ra trong những bản báo cáo về sau. Điều duy nhất mới trong báo cáo hiện nay là những lời tố giác như thế nào đó về tình hình trẻ em và công nhân trẻ tuổi ở các xưởng vải hoa. Chỉ trong năm 1845 sự kiểm tra của pháp luật Anh mới được triển khai từ các xưởng dệt đến tận các xưởng vải hoa. Luật về các xưởng vải hoa nhắc lại trong mọi chi tiết những quy định của các luật công xưởng về quyền của thanh tra viên, về việc họ phải đối phó như thế nào với những kẻ vi phạm pháp luật và về những khó khăn khác nhau có thể nảy sinh khi vận dụng pháp luật được nêu ra trong các luật công xưởng. Cả ở các nhà máy dệt lẫn ở đây, luật này đều quy định phải ghi sổ những người làm việc tại xí nghiệp, phải khám sức khỏe những trẻ nhỏ trước khi nhận chúng vào làm việc thường xuyên và tuân thủ chính xác thời gian bắt

đầu và kết thúc công việc hàng ngày như đã quy định. Nó cũng sử dụng danh mục các luật công xưởng để phân loại công nhân, nhưng lại khác xa với những luật này ở chỗ xác định xem mỗi loại phải gồm những người như thế nào và bởi vậy, khác ở chỗ xác định xem phải bảo vệ ai và trong giới hạn nào bằng cách hạn chế lao động.

Những luật công xưởng được áp dụng cho ba loại: 1) cho những nam giới trên 18 tuổi mà lao động của họ không bị hạn chế; 2) cho những nam giới từ 13 đến 18 tuổi và nữ giới trên 13 tuổi mà lao động của họ phải hạn chế; 3) cho trẻ em từ 8 đến 13 tuổi mà lao động của chúng phải hạn chế và bắt buộc hàng ngày phải tới trường.

Những loại tương ứng ở xưởng vải hoa thì như sau: 1) nam giới trên 13 tuổi mà lao động không phải hạn chế; 2) nữ giới trên 13 tuổi mà thời gian lao động phải hạn chế; 3) trẻ em thuộc cả hai giới từ 8 đến 13 tuổi mà lao động phải hạn chế và phải đến trường theo định kỳ. Luật về xưởng vải hoa khác căn bản với những luật công xưởng ở chỗ nó không hề có quy định gì về những điểm sau đây: tách ra những giờ riêng để nghỉ ăn trưa, nghỉ thứ bảy, nghỉ việc vào ngày sinh và ngày thứ sáu Thánh thiện, cho phép làm việc nửa ngày theo từng thời kỳ, rào ngăn chắc chắn những cỗ máy có thể gây nguy hiểm, ghi sổ những trường hợp bất hạnh và trợ cấp cho những người bị thiệt thòi, quét vôi nhà xưởng theo định kỳ. Thời gian làm việc tại xưởng hiện nay ngang với thời gian làm việc thông thường của công nhân lành nghề và công nhân khác tại các xưởng, nghĩa là kéo dài từ 6 giờ sáng đến 6 giờ tối, có nghỉ giờ ruỗi để ăn. Thời gian lao động tại các xưởng vải hoa có thể xem là thực sự không hạn chế, mặc dù có sự hạn chế do pháp luật quy định. Sự hạn chế lao động duy nhất ghi ở § 22 trong luật về xưởng vải hoa (được phê chuẩn vào năm thứ 8 và thứ 9 triều đại nữ hoàng Vích-to-ri-a, chương 29), điều này nêu rằng trẻ em từ 8 đến 13 tuổi và phụ nữ không được làm việc ban đêm, thế nhưng đêm được xem là thời gian từ 10 giờ tối đến 6 giờ sáng hôm sau. Như vậy, trẻ em 8 tuổi có thể và thực tế đang làm việc một cách hoàn toàn hợp pháp tại nhiều nơi tương tự như tại các nhà máy dệt, phần lớn

trong những nhà xưởng có nhiệt độ cao, không có giờ giải lao để nghỉ hoặc để ăn uống từ 6 giờ sáng đến 10 giờ tối; còn trẻ em đến tuổi 13, đã có thể và thường làm việc một cách hoàn toàn hợp pháp cả ngày lẫn đêm trong suốt bao nhiêu giờ cũng được, nói chung không có hạn chế gì cả. Việc đi học của trẻ em làm việc tại các xưởng vải hoa, được quy định như sau: mỗi trẻ trước lúc vào xưởng vải hoa phải đến trường trong khoảng ít nhất là 30 ngày hoặc ít nhất là 150 giờ trong khoảng 6 tháng, ngay trước ngày đầu tiên làm việc tại xưởng vải hoa; sau đó trong suốt cả thời hạn làm việc tại đây, nó phải đến trường trong khoảng cũng 30 ngày hoặc 150 giờ trong mỗi kỳ 6 tháng tiếp theo. Thời gian đến trường được bố trí giữa 8 giờ sáng và 6 giờ chiều. Việc có mặt ở trường chưa đầy hai tiếng rưỡi hoặc trên năm tiếng đồng hồ trong cùng ngày không được tính vào số 150 giờ nói trên. Lòng nhân ái của ông chủ xưởng vải hoa được bộc lộ đặc biệt rõ ở chỗ ông ta thực hiện quy tắc đó như thế nào. Đôi khi trẻ em được gửi tới trường theo số giờ luật định vào một thời gian trong ngày, đôi khi lại vào thời gian khác, song luôn luôn bất thường; chẳng hạn, một ngày thì nó ngồi ở trường từ 8 đến 11 giờ sáng, ngày khác lại từ 1 đến 4 giờ chiều, về sau lại có thể không đến trường trong mấy ngày, rồi lại đi học, có thể là từ 3 đến 6 giờ chiều; hoặc nó có thể đi học 3 hoặc 4 ngày, hay thậm chí cả tuần liên tục, rồi lại có thể không đến trường 3 tuần hoặc 1 tháng, sau đó nó lại đi học vào những ngày ngẫu nhiên, hoặc vào những giờ ngẫu nhiên, khi chủ xưởng sực nhớ cho phép nó đi học. Như vậy, trẻ em được ném qua ném lại từ nhà trường sang chỗ làm việc và từ chỗ làm việc sang nhà trường, chừng nào câu chuyện 150 giờ ở nhà trường chưa được kể hết.

*Do C.Mác viết ngày 30 tháng Tư 1858
Đã đăng trên báo "New-York Daily
Tribune" số 5329, ngày 29 tháng Năm 1858*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

PH.ĂNG-GHEN

***NHỮNG CHI TIẾT VỀ TRẬN
TẤN CÔNG LÁC-NAU**

Cuối cùng chúng tôi đã nắm được những tin chi tiết về cuộc tấn công Lác-nau và sự thất thủ của nó. Đáng rằng, những báo cáo của ông Cô-lin Kem-pơ-ben, nguồn thông tin chính từ góc độ quân sự, cho đến nay vẫn chưa được công bố, song những tin của báo chí Anh và nhất là của những bức thư của ông Rốt-xen đăng trên tờ "Times" Luân Đôn mà nội dung phần lớn đã được thông báo với bạn đọc - đã hoàn toàn đầy đủ để có thể cung cấp một khái niệm chung về những hành động của bên tấn công.

Những báo cáo chi tiết hoàn toàn khẳng định kết luận mà chúng tôi đã rút được căn cứ vào những bức điện báo, - về sự đốt nát và sự bạc nhược thể hiện trong việc phòng thủ thành phố^{1*}. Những công sự do người Ấn Độ dựng lên, trông có vẻ khủng khiếp, nhưng thực ra chẳng có ý nghĩa gì hơn những con rồng lửa và những cái mặt nạ gốm ghiếc mà các chiến binh người Trung Quốc vẽ trên khiên của mình hay trên tường thành của họ. Mỗi một công sự riêng biệt, trông tưởng chừng như một vị trí bất khả xâm phạm - khắp nơi nhan nhản lỗ châu mai, tường thành với những lỗ xuyên và tường chắn, đủ mọi loại chướng ngại ở lối vào, khắp nơi tua tủa gươm súng. Thế nhưng sườn và lưng

1* - Xem tập này, tr.458-461, 547-550.

mỗi vị trí đều hoàn toàn bị bỏ quên, không một ai nghĩ đến việc yểm hộ lẫn nhau giữa các công sự, và thậm chí khoảng không gian giữa các công sự cũng như ở phía trước công sự không được phát quang nên có thể chuẩn bị những cuộc tấn công chính diện hoặc hai bên sườn mà không sợ quân phòng thủ hay biết; lợi dụng chỗ ẩn tuyệt vời, có thể tới gần tường chắn cách khoảng vài i-ác-đơ. Đây đúng là một mô công sự tấp nham như người ta có thể trông chờ ở một nhóm công binh thường, làm việc không có sĩ quan chỉ huy và phục vụ trong một quân đội mà tình trạng dốt nát và vô kỷ luật ngự trị. Những công sự xung quanh Lác-nau được xây hoàn toàn theo phương pháp tác chiến của người Xi-pai dưới hình thức tường đất trộn rơm và tường chắn bằng đất. Quân Xi-pai cũng am hiểu đôi chút mặt cơ khí của chiến thuật người Âu; họ khá thành thạo những thuật dùng súng và thao tác bắn súng; họ cũng có thể xây dựng pháo đội và đục lỗ châu mai trong tường; nhưng làm thế nào mà phối hợp tác chiến giữa các đại đội và các tiểu đoàn khi phòng thủ vị trí hoặc làm thế nào mà phối hợp các pháo đội với những lỗ châu mai trong các toà nhà và trong các bức tường nhằm để xây dựng một doanh trại kiên cố, có khả năng đề kháng - tất cả những điều đó họ hoàn toàn không biết. Chẳng hạn, họ đã làm cho những bức thành đá vững chắc trong các cung điện của mình yếu đi vì đục thủng vô vàn lỗ châu mai trong đó, chồng chất tầng tầng lớp lớp lỗ châu mai và lỗ xuyên kế tiếp nhau, bố trí các pháo đội được bảo vệ bằng tường chắn trên mái những cung điện ấy, và tất cả cái đó đều hoàn toàn vô ích vì còn gì dễ bằng né tránh chúng từ hai bên sườn. Đồng thời, khi hiểu được nhược điểm chiến thuật của mình so với địch, nghĩa quân đã cố gắng khắc phục bằng cách nhét vào mỗi đồn một lượng người rất đông, và làm như vậy thì chỉ khiến cho hỏa lực pháo binh Anh bắt đầu hoạt động với hiệu lực khủng khiếp, còn bất cứ sự phòng thủ có kế hoạch và có hệ thống nào cũng không thể thực hiện được, một khi những đội tấn công đã xông vào đám người ô hợp này từ phía mà họ không ngờ tới. Và thậm chí cả khi người Anh, do hoàn cảnh ngẫu nhiên nào đó, buộc phải tấn công vào một vị trí có công sự vững chắc thì, do sự bố trí sai lầm của vị trí này, họ có thể tiếp cận nó, mở đợt phá khẩu và tấn công

nó mà hầu như không có nguy cơ nào đe dọa. Trường hợp như vậy cũng đã xảy ra với I-mam-ba-rơ. Cách toà nhà này một vài i-ác-đơ có một bức tường bằng "gạch mộc" (gạch phơi nắng). Người Anh đào một đoạn hào ngắn tới bức tường này (đủ chứng tỏ rằng những lỗ xuyên và lỗ châu mai ở phần trên của toà nhà không đem lại khả năng nã đạn pháo thẳng xuống chỗ nằm sát tường) và sử dụng chính bức tường này do chính người Ấn Độ xây cho họ, làm một vị trí cho pháo đội tấn công! Họ đặt sau bức tường hai khẩu pháo 68 pao (pháo hải quân). Pháo 68 pao nhẹ nhất trong quân đội Anh trọng lượng, không kể giá, là 87 tạ, nhưng nếu cứ giả sử đây là pháo 8 in-sơ chỉ để bắn đạn rỗng thì ngay loại pháo nhẹ nhất này cũng nặng 50 tạ, kể cả giá thì ít nhất là 3 tấn. Những khẩu pháo như vậy mà nói chung có thể kéo tới gần cung điện đến như thế, một cung điện cao đến mấy tầng, lại còn có pháo đội đặt trên mái nứa, thì điều đó chứng tỏ người ta quá coi thường những vị trí khổng lồ chế và sự dốt nát về công tác công binh, một sự coi thường và một sự dốt nát mà không một anh công binh tầm thường nào trong bất cứ một quân đội văn minh nào lại có thể có được.

Trình độ hiểu biết về quân sự của kẻ địch mà người Anh phải đương đầu là như vậy. Còn về sự dũng cảm và sự ngoan cường thì quân phòng thủ đều thiếu cả hai. Từ Mác-ti-ni-ép đến Mu-xa-bác chỉ có một điều được quân bản xứ hành động nhất trí: họ cầm đầu tháo chạy một khi đội ngũ kẻ thù bắt đầu tiến vào họ để tấn công. Trong cả loạt trận đụng độ chẳng có gì có thể so với ngay cả trận huyết chiến ở Xi-can-đéc-bác (vì vị tất có thể gọi đây là một trận đánh) vào lúc Kem-pơ-ben đánh chiếm thủ phủ. Những đơn vị tấn công vừa bắt đầu tiến thì nghĩa quân đã tháo chạy tán loạn về phía sau, và ở nơi chỉ có mấy lối ra hẹp khiến đám người dồn đông phải dừng lại thì họ đã ngã dúi dụi dưới những loạt súng và lưỡi lê của quân Anh đang xô tới mà họ không hề chống cự. Trong thời gian tấn công ấy, bất cứ cuộc tấn công nào vào những người bản xứ hoảng loạn, "lưỡi lê quân Anh" đều gây thương vong lớn hơn so với thiệt hại trong tất cả những cuộc chiến tranh của người Anh ở châu Âu và châu Mỹ cộng lại. Ở phương Đông, những cuộc giáp chiến bằng lưỡi lê, trong đó chỉ có

một bên tích cực tiến, còn một bên thì thụ động thảm hại, là một hiện tượng thường thấy trong cuộc chiến; những cuộc tấn công vào hàng rào ở Miến Điện³⁵⁰ luôn luôn là một ví dụ sinh động về điều này. Theo lời ông Rốt-xen, những tổn thất chính của người Anh là do những người Ấn Độ bị cắt đường rút lui đã dựng ụ chiến đấu trong các phòng một cung điện nào đó rồi từ đấy, qua các cửa sổ họ bắn vào những sĩ quan đứng ở sân và trong vườn.

Trong cuộc tiến công I-mam-ba-rơ và Cây-xác-gác, người Ấn Độ cấm đầu tháo chạy đến nỗi những cứ điểm này chẳng cần phải chiếm bằng vũ lực, quân đội chỉ việc tiến vào. Nhưng ngay ở đây bắt đầu một cảnh hết sức lý thú, bởi vì, như ông Rốt-xen điểm tĩnh nhận xét, việc chiếm được Cây-xác-bác vào ngày hôm ấy bất ngờ đến nỗi chẳng còn thì giờ để áp dụng những biện pháp chống việc cướp bóc tràn lan. Hẳn là một cảnh tượng vui mắt đối với Giôn Bun, một con người chân chính, yêu tự do khi ngắm những người hùng nước Anh tha hồ cướp giạt châu báu, vũ khí quý, quần áo và đồ đạc khác trong nhà của đức vua Au-đơ. Người Xích, người Guốc và những kẻ phục vụ doanh trại sẵn sàng noi gương họ, và cảnh cướp phá tiếp sau đó hiển nhiên là vượt cả tài tưởng tượng của ông Rốt-xen. Mỗi một bước tiến mới đều kèm theo sự cướp bóc và tàn phá. Cây-xác-bác thất thủ ngày 14, sau đó nửa giờ thì trong quân đội mọi thứ kỷ luật đều biến mất và các sĩ quan không còn uy lực gì đối với binh lính của họ. Ngày 17, tướng Kem-pơ-ben buộc phải lập các đội tuần tra nhằm chấm dứt nạn cướp bóc và đình chỉ mọi hoạt động quân sự "cho đến lúc sự tuý tiện này chấm dứt". Dĩ nhiên là quân đội không làm chủ được mình nữa. Ngày 18, như chúng tôi biết, những hình thức cướp bóc *trắng trợn nhất* đã chấm dứt, nhưng hành động phá phách vẫn tiếp tục mà không bị ngăn chặn. Tuy vậy, trong thành phố, lúc đội tiên phong giao chiến với quân bản xứ đang từ trong các ngôi nhà bắn ra thì đội hậu quân tha hồ cướp phá. Buổi chiều lệnh mới chống cướp bóc được ban bố; mỗi trung đoàn phải phái những đội mạnh để bắt binh sĩ của mình phải quay về trung đoàn, cũng như không để cho kẻ phục vụ doanh trại được rời khỏi trung đoàn; không ai được rời doanh trại, trừ những kẻ có nhiệm vụ. Ngày 20, cũng những lệnh này đã được

nhắc lại. Ngay ngày hôm ấy, hai "sĩ quan và quân tử" người Anh, các trung uý Cây-pơ và Ta-cu-en "đã vào thành phố *tìm chiến lợi phẩm* và bị giết chết trong một ngôi nhà", còn ngày 26 thì tình hình vẫn xấu đến nỗi phải ban bố những mệnh lệnh cực kỳ nghiêm khắc cấm cướp bóc và bạo lực; lính bị điểm danh từng giờ; mọi binh sĩ bị cấm ngặt không được vào thành phố; quân phục vụ doanh trại nếu xuất hiện trong thành phố, có mang theo vũ khí thì bị treo cổ; binh lính chỉ được mang theo vũ khí lúc thi hành nhiệm vụ, còn tất cả những kẻ không trực tiếp chiến đấu đều phải nộp vũ khí. Để cho những mệnh lệnh này có hiệu lực cần thiết, người ta đã dựng ra ở "những chỗ thích hợp" cả một loạt khu tam giác để đánh roi.

Đấy thật là một tình trạng vẻ vang trong một quân đội văn minh của thế kỷ mười chín; và nếu như những quân đội nào khác trên thế giới có phạm phải dù chỉ một phần mười những sự phá hoại trật tự như thế thì báo chí Anh công phần xỉ vả họ nhục nhã như thế nào! Nhưng đây lại là chiến công của quân đội Anh, và bởi vậy người ta nói với chúng ta rằng những sự kiện như thế là hậu quả rất chi thông thường của chiến tranh. Những sĩ quan và quân tử Anh có thể điểm nhiên dứt túi những chiếc thìa bạc, những vòng đeo tay nạm ngọc và những vật kỷ niệm nhỏ khác mà họ bắt gặp trên chiến trường quang vinh của họ; nếu Kem-pơ-ben buộc phải tước vũ khí quân đội của mình vào lúc chiến tranh đang sôi sục để chặn đứng nạn cướp bóc và bạo lực tràn lan thì cũng có những lý do quân sự cho điều đó, và dĩ nhiên không ai phản nản rằng những chàng trai khốn khổ này đã được người ta cho nghỉ ngơi một tuần ngắn ngủi và có thể vui chơi chút ít sau bấy nhiêu vất vả và thiếu thốn.

Ở cả châu Âu lẫn châu Mỹ đều không có một quân đội nào thô bạo và tàn ác như quân Anh, đó là một sự thật. Cướp bóc, cưỡng bức, tàn sát - tất cả những gì mà trong mọi quân đội đều hết sức nghiêm cấm và triệt để bài trừ, - là một đặc quyền đã được thời gian xác nhận, một quyền hành đã được hợp pháp hoá của người lính Anh. Những hành vi dè tiện xảy ra trong bao nhiêu ngày sau cuộc tấn công Ba-đa-i-ốt và Xan-xê-ba-xchi-an³⁵¹ vào thời gian chiến tranh ở Tây Ban Nha là không gì so sánh được trong những

cuốn sử biên niên của bất cứ một quốc gia nào kể từ khi mở đầu cuộc Cách mạng Pháp; mà tập quán thời Trung cổ cho cướp phá thành phố bị đánh chiếm, thì mọi nơi đã nghiêm cấm, nhưng ở người Anh vẫn còn là một thông lệ. Những lý do quân sự đòi hỏi cấp bách phải dành một ngoại lệ cho Ê-đê-li, nhưng quân đội, mặc dù được bồi thường bằng một khoản phần thưởng phụ, vẫn kêu ca phàn nàn và bây giờ, ở Lác-nau, nó đã tự khen thưởng mình để bù vào cái mà nó đã nhường mất ở Ê-đê-li. Trong suốt mười hai ngày đêm ở Lác-nau không phải quân đội Anh đã hành động, mà là một đám người thô lỗ, rượu chè bê tha, phóng đảng, rã ra thành những băng cướp riêng lẻ còn phóng đảng, cần rơ và tham lam gấp bội so với quân Xi-pai là những kẻ vừa mới bị đuổi khỏi nơi đây. Cuộc cướp phá Lác-nau năm 1858 để lại một mối nhục muôn đời cho quân đội Anh.

Nếu như bọn lính tráng hung tàn, khi hành quân trên đất Ấn Độ nhân danh sự văn minh và lòng nhân đạo, đã cướp bóc chỉ những động sản của dân bản xứ thì Chính phủ Anh đi theo dấu chân bọn chúng, lại chiếm luôn cả bất động sản của họ. Người ta nói nhiều về những cuộc tịch thu ruộng đất của quý tộc và nhà thờ do Cuộc Cách mạng Pháp lần thứ nhất tiến hành! Người ta nói nhiều về việc Na-pô-lê-ông tịch thu tài sản của triều đại Ôóc-lê-ăng! Nhưng huân tước Ca-ninh đã tới, một nhà quý tộc Anh, giọng ngọt ngào, với những điệu bộ và tình cảm mềm dịu, cũng theo lệnh của thủ tướng tối cao của mình, tử tước Pan-móc-xton, tịch thu ruộng đất của cả một dân tộc, tịch thu từng khoảnh, từng tấc, từng sào đất trên khoảng không gian một vạn dặm vuông³⁵². Thật là một miếng *chiến lợi phẩm* hết sức ngon lành đối với Giôn Bun! Và hầu như chỉ có huân tước Ê-len-bô-rô nhân danh chính phủ mới mà lên án cái biện pháp chưa từng nghe thấy này, khi báo "Times" và cả một đội quân gồm những tờ báo nhỏ hơn vội lập tức lên cao giọng để thanh minh cho cuộc cướp bóc quy mô lớn đó và cãi hộ cho Giôn Bun có quyền tịch thu tất cả những gì mà anh ta thích. Chính vì Giôn - một thực thể đặc biệt, và theo ý kiến "Times", cái mà đối với kẻ khác là một điều sỉ nhục thì đối với anh ta lại là điều đức hạnh.

Đồng thời, nhờ toàn bộ quân Anh được thả ra để cướp bóc

nên nghĩa binh lẩn trốn ở ngoại vi thành phố mà không bị ai truy đuổi. Họ tập trung ở Rô-hin-can-đơ, trong lúc một bộ phận trong bọn họ bắt đầu cuộc chiến tranh du kích ở Au-đơ thì một bộ phận khác trốn chạy về hướng Bun-đen-han-đơ. Giữa lúc đó thời tiết oi bức và cơn mưa giông sắp tới, và không thể trông chờ thời tiết cũng sẽ dễ chịu một cách bất thường đối với người Âu như năm ngoái. Bây giờ đại bộ phận quân đội người Âu đã ít nhiều quen với khí hậu; nhưng đa số họ vừa mới tới Ấn Độ trong năm nay. Điều không nghi ngờ gì nữa là chiến sự vào tháng Sáu, tháng Bảy và tháng Tám làm cho người Anh tổn hại một số lớn sinh mạng và, do cần giữ những đơn vị đồn trú trong mỗi thành phố đã chiếm được nên đội quân tác chiến tan đi rất nhanh chóng. Ngay bây giờ người ta cũng đã cho chúng ta hay rằng quân bổ sung hàng tháng là 1000 người may ra sẽ đủ để giữ được khả năng chiến đấu của quân đội về mặt số lượng của nó; còn về những đơn vị đồn trú thì riêng một mình Lác-nau cũng cần ít ra là 8000 người, nghĩa là trên một phần ba quân của Kem-pơ-ben. Toán quân được tổ chức để hành quân tới Rô-hin-can-đơ vị tất sẽ mạnh hơn so với đơn vị đồn trú này ở Lác-nau. Chúng tôi cũng hay tin rằng, các sĩ quan trong quân đội Anh ngày càng tin tưởng là chiến tranh du kích, cuộc chiến tranh mà đương nhiên tiếp theo sau sự tàn mác của những toán nghĩa binh lớn, sẽ làm cho người Anh kiệt sức bội phần và tiêu hao nhiều sinh mạng hơn so với cuộc chiến hiện nay với những trận đánh và những trận công hãm của nó. Cuối cùng, cả đến người Xích cũng bắt đầu rì rầm bằng giọng không báo trước điều gì tốt lành cho người Anh cả. Người Xích cảm thấy rằng không có sự giúp đỡ của họ thì vị tất người Anh đã có thể giữ được Ấn Độ và giá như họ sáp nhập với nghĩa quân thì chắc hẳn người Anh sẽ mất Hin-đu-xtan ít ra là trong một thời gian. Họ kháo to về chuyện này và dĩ nhiên phóng đại nó lên theo kiểu phương Đông. Đối với họ người Anh không còn tỏ ra là một giống nòi thượng đẳng đã đánh bại được họ ở Mút-ca, ở Phi-ru-đơ-sắc và ở A-li-van nữa³⁵³. Từ những tâm trạng ấy đến sự thù địch công khai ở các dân tộc phương Đông chỉ còn là một bước; tia lửa có thể bùng lên thành ngọn lửa.

Nói chung, việc hạ thành Lác-nau cũng ít làm cho cuộc khởi

nghĩa kết thúc như việc hạ thành Đê-li. Chiến dịch mùa hè sắp tới có thể gây ra những sự kiện khiến cho người Anh mùa đông sau lại buộc phải thật sự hành quân qua cũng ngay những nơi ấy và thậm chí có thể lại phải chinh phục Pen-giáp một lần nữa. Nhưng cả trong trường hợp may mắn nhất thì họ cũng gặp phải một cuộc chiến tranh du kích kéo dài và làm cho mệt mỏi, mà điều đó dưới mặt trời Ấn Độ, tuyệt nhiên không phải là một tiền đề đáng mong muốn đối với người Âu.

*Do Ph.Ăng-ghen viết ngày 8 tháng Năm
1958*

*Đã đăng làm xã luận trên báo "New -
York Daily Tribune" số 5333, ngày 25
tháng Năm 1858*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

CUỘC THÔN TÍNH AU-ĐƠ³⁵⁴

Khoảng nửa năm trước đây Chính phủ Anh tuyên bố ở Quảng Châu một học thuyết mới về luật pháp quốc tế, theo học thuyết này thì một quốc gia có thể tiến hành những hành động quân sự trên quy mô lớn đánh bất cứ miền nào của quốc gia khác mà không tuyên chiến hoặc không tuyên bố tình trạng chiến tranh với quốc gia ấy. Hiện nay cũng cái Chính phủ Anh này, mà đại biểu là toàn quyền Ấn Độ, huân tước Ca-ninh, đã tiến thêm một bước trong việc vi phạm luật pháp quốc tế hiện hành. Luật pháp đó nói rõ rằng

"quyền sở hữu ruộng đất ở tỉnh Au-đơ bị tước đoạt vì lợi ích của Chính phủ Anh. Chính phủ Anh sẽ sử dụng quyền này như nó thấy là cần thiết"³⁵⁵.

Vác-sa-va thất thủ năm 1831, sau đó hoàng đế Nga tước "quyền sở hữu ruộng đất" cho đến lúc ấy vẫn thuộc đông đảo quý tộc Ba Lan, bấy giờ điều đó đã làm cho báo chí và Nghị viện Anh đều nhất trí bùng bùng phẫn nộ. Sau trận Nô-va-ra, Chính phủ Áo không tịch thu, mà chỉ niêm phong tài sản của những quý tộc Lô-m-bác-di đã tích cực tham gia vào cuộc chiến tranh vì độc lập, điều đó một lần nữa làm cho ở Anh lại nhất trí bùng lên cơn phẫn nộ. Cuối cùng, sau ngày 2 tháng Chạp 1851, Lu-i - Na-pô-lê-ông tịch thu tài sản của triều đại Oóc-lê-ăng, những tài sản này theo luật thông thường của Pháp thì, ngay khi Lu-i - Phi-líp lên ngôi, đã

phải sáp nhập vào tài sản quốc gia, nhưng thoát khỏi số phận này nhờ một mảnh lối pháp lý, - bấy giờ cơn phần nộ của Anh thật là không còn giới hạn, và báo "Times" ở Luân Đôn tuyên bố rằng hành động này phá hoại những điều cơ bản nhất của trật tự xã hội và làm cho xã hội công dân không thể tiếp tục tồn tại được nữa. Thực tiễn chỉ rõ giá trị của tất cả sự công phần thiện chí ấy. Nước Anh đã tịch thu thẳng thừng không những tài sản của một số nhân vật có tước vị, không những đất đai của hoàng gia, mà cả toàn bộ lãnh thổ một vương quốc³⁵⁶ rộng gần bằng Ai-rơ-len, "di sản của cả một dân tộc", như chính huân tước Ê-len-bô-rô đã nói.

Tuy nhiên, chúng ta hãy xét xem có những lý do gì - chúng ta không thể gọi đấy là căn cứ được - khiến huân tước Ca-ninh nhân danh Chính phủ Anh để thanh minh cho cung cách hành động chưa từng nghe thấy này; thứ nhất, "Lác-nau nằm trong quyền lực của quân đội"; thứ hai, "sự chống đối do binh sĩ phiến loạn khởi xướng đã được sự ủng hộ của dân chúng thành phố và toàn tỉnh nói chung"; thứ ba, "họ đã phạm trọng tội và chính họ tự chuốc lấy sự trừng phạt đích đáng". Nói toạc móng heo ra là: vì quân đội Anh chiếm được Lác-nau nên Chính phủ Anh có quyền tịch thu những đất đai còn chưa bị họ xâm chiếm ở Au-đơ. Vì binh sĩ người bản xứ ăn lương người Anh đã nổi loạn nên dân bản xứ Au-đơ, những người vì bạo lực mà chịu cúi đầu dưới quyền đô hộ của Anh, không có quyền nổi dậy khởi nghĩa để giành lấy độc lập dân tộc của mình. Tóm lại, nhân dân Au-đơ đã khởi nghĩa chống chính quyền hợp pháp của Chính phủ Anh, và bây giờ Chính phủ Anh to giọng tuyên bố rằng cuộc khởi nghĩa là lý do đầy đủ cho việc tịch thu. Như vậy, nếu bỏ qua tất cả những lời rườm rà của huân tước Ca-ninh thì toàn bộ vấn đề quy lại là, theo ý kiến ông ta, nền đô hộ của Anh ở Au-đơ đã được luật pháp quy định.

Thực ra, sự đô hộ của Anh ở Au-đơ được thiết lập bằng cách như sau. Khi huân tước Đan-hu-di năm 1856 quyết định rằng thời cơ hành động đã đến, ông bèn tập trung quân ở Can-pua, một đội quân mà, như người ta đã nói với nhà vua Au-đơ^{1*}, có nhiệm vụ

làm đoàn quân quan sát chống Nê-pan. Bỗng nhiên, quân đội này tràn vào Au-đơ, chiếm Lác-nau và bắt nhà vua làm tù binh. Người ta bắt đầu đòi nhà vua phải dâng đất nước mình cho người Anh cai trị, nhưng vẫn uổng công. Bấy giờ nhà vua bị dẫn về Can-cút-ta, còn đất nước thì bị sáp nhập vào đất đai của Công ty Đông Ấn. Sự xâm nhập trở mặt này đã được tiến hành dựa vào điều khoản 6 của Hiệp định năm 1801 do huân tước Oen-xli ký³⁵⁷. Hiệp định này là hậu quả tự nhiên của một hiệp định khác do ông Giôn Sô-rơ ký năm 1798. Theo chính sách thông thường của Chính phủ Anh - Ấn trong quan hệ của nó với các ông hoàng bản xứ thì hiệp định đầu tiên năm 1798 đối với cả hai bên là hiệp định liên minh phòng thủ và tấn công. Hiệp định này bảo đảm cho Công ty Đông Ấn một khoản trợ cấp hàng năm là 76 la-cơ^{1*} ru-pi (3 800 000 đô-la); nhưng do điều khoản 12 và điều khoản 13, nhà vua lại buộc phải giảm thuế trong nước. Hẳn là nhà vua không thể gánh cùng một lúc cả hai điều kiện đối lập nhau công nhiên như vậy. Do đó, đúng như Công ty Đông Ấn dự tính, đã nảy sinh những chuyện rắc rối mới và rốt cuộc, Hiệp định năm 1801 đã được ký kết. Theo hiệp định này, nhà vua buộc phải đền bù những sự vi phạm dường như đã xảy ra đối với hiệp định trước đây bằng việc nhượng bộ đất đai - một sự nhượng bộ mà, tiện thể nói thêm, ngay bây giờ ở quốc hội người ta đã phê phán là một hành động cướp bóc công khai và sự nhượng bộ này ắt đã dẫn huân tước Oen-xli ra trước một uỷ ban điều tra với tư cách bị cáo, nếu như không có ảnh hưởng chính trị của gia đình ông hồi bấy giờ.

Đánh đổi sự nhượng bộ đất đai này, Công ty Đông Ấn, theo điều khoản 3, đã đảm nhiệm việc bảo vệ cho nhà vua những đất đai còn lại chống bất cứ kẻ thù bên ngoài và bên trong nào, và theo điều khoản 6, bảo đảm cho nhà vua, cho những người kế nghiệp và những kẻ thừa tự của nhà vua, quyền sở hữu vĩnh viễn những đất đai này. Nhưng ngay điều khoản 6 này cũng lại đặt một cái bẫy cho nhà vua. Đó là: nhà vua buộc phải thiết lập một hệ thống quản lý do quan chức riêng của mình thực hiện, hệ thống này phải góp phần làm cho thần dân của nhà vua được

1* - Vua A-li-sắc

1* La-cơ bằng 100 000 ru-pi

sống sung túc và phải bảo đảm việc gìn giữ tính mệnh và tài sản của dân chúng. Bây giờ giả sử rằng vua Au-đơ vi phạm hiệp định này, rằng với bộ máy quản lý của mình, ông ta không bảo đảm được sinh mạng và tài sản của dân chúng (chẳng hạn, trói họ trước miệng súng đại bác mà bắn và tịch thu toàn bộ đất đai của họ); bây giờ Công ty Đông Ấn có thể làm gì? Theo hiệp định, nhà vua được thừa nhận là một vương quốc độc lập, một nhân vật được tự do hành động, một trong các bên ký kết hiệp ước. Bằng cách tuyên bố hiệp định bị vi phạm và do đó bị huỷ bỏ, Công ty Đông Ấn chỉ có thể hành động bằng một trong hai cách sau đây: hoặc đi tới một thoả ước mới qua con đường thương lượng, trong đó có gây một áp lực nhất định, hoặc tuyên chiến với nhà vua. Song tràn vào lãnh thổ của nhà vua mà không tuyên chiến, bắt thần bắt nhà vua làm tù binh, tước bỏ ngai vàng của ông ta và chiếm lấy đất nước của ông ta - tất cả những điều đó là sự phá hoại không những hiệp định, mà là tất cả các nguyên tắc của luật pháp quốc tế.

Có một sự kiện kỳ thú chứng minh rằng việc chiếm Au-đơ không phải là quyết định bất thần của Chính phủ Anh. Huân tước Pan-móc-xton vừa mới nhậm chức bộ trưởng ngoại giao thì lập tức năm 1831 ông ta gửi sang cho toàn quyền bấy giờ lệnh chiếm Au-đơ. Kể thuộc hạ của ông lúc đó khước từ việc thực hiện lệnh này. Nhưng tin đó lại đến tai nhà vua Au-đơ^{1*}, nhà vua đã lợi dụng được cơ nào đó để gửi một phái đoàn ngoại giao sang Luân Đôn. Mặc dù gặp đủ mọi trở ngại, phái đoàn ngoại giao vẫn báo cáo được với Vin-hem IV, người hoàn toàn không hay biết gì về toàn bộ những chuyện đã xảy ra, là Au-đơ đang bị lâm nguy như thế nào. Bởi vậy mà giữa Vin-hem IV và Pan-móc-xton đã xảy ra một vụ cãi cọ ác liệt, kết cuộc là Pan-móc-xton nhận được một mệnh lệnh cực kỳ gay gắt là không bao giờ được lập lại coup d'état^{2*} như thế nữa, nếu không sẽ bị cách chức ngay lập tức. Ở đây điều quan trọng là phải nhắc nhở rằng, việc chiếm Au-đơ hiện nay và việc tịch thu toàn bộ sở hữu đất đai của nước này đã xảy

1* - Na-đia - Ết-đin

2* nghĩa đen: đảo chính; ở đây là sự lật đổ

ra đúng vào lúc Pan-móc-xton lại lên cầm quyền. Vài tuần trước đây, hạ nghị viện đã đòi những tài liệu có liên quan đến mưu đồ đầu tiên về việc xâm chiếm Au-đơ năm 1831, nhưng ông Bây-li, thư ký Hội đồng kiểm tra, tuyên bố rằng những tài liệu ấy đã biến mất.

Năm 1837, lúc Pan-móc-xton được làm bộ trưởng ngoại giao lần thứ hai, còn huân tước Ốc-lên-đơ - làm toàn quyền Ấn Độ thì vua Au-đơ^{1*} lại buộc phải ký kết một hiệp định mới với Công ty Đông Ấn. Theo hiệp định này, khoản 6 trong Hiệp định năm 1801 bị sửa đổi, bởi vì "trong đó không dự kiến biện pháp trừng phạt trong trường hợp vi phạm những điều khoản ghi trong hiệp định" (về việc quản lý đất nước cho tốt); cho nên trong khoản 7 đặc biệt quy định rằng:

"vua Au-đơ cùng với công sứ Anh phải lập tức vạch ra những biện pháp tốt nhất để khắc phục những khuyết điểm trong hoạt động của cảnh sát và trong việc quản lý pháp chế và tài chính trên đất đai của mình; nếu như đức vua coi thường những lời khuyên và những chỉ dẫn của Chính phủ Anh và nếu sự trăn trở áp đảo và có hệ thống, tình trạng vô chính phủ và hỗn loạn trở nên phổ biến trong lãnh thổ Au-đơ rộng lớn đến nỗi sự yên bình xã hội bị lâm nguy thì Chính phủ Anh dành cho mình quyền bổ nhiệm những quan chức của mình để quản lý bất cứ bộ phận lớn hoặc nhỏ nào của lãnh thổ Au-đơ, mà ở đấy người ta phát hiện ra sự lạm dụng quyền hành như vậy, trong thời hạn mà Chính phủ Anh thấy cần thiết; trong những trường hợp như vậy những phần dư trong số tiền thu nhập được, sau khi đã trang trải tất cả các khoản chi phí, sẽ nộp vào ngân khố nhà vua, và bản quyết toán chính xác và trung thực về thu chi sẽ được đệ trình lên đức vua".

Tiếp đó, điều khoản 8 của hiệp định quy định:

"trong trường hợp nếu như toàn quyền Ấn Độ cùng Hội đồng của mình buộc phải sử dụng quyền lực đã giao phó cho ông ta theo điều khoản 7 thì ông ta, tuy theo khả năng, sẽ cố gắng giữ gìn và tuý sức mà hoàn thiện những cơ quan và những hình thức quản lý bản xứ trên các đất đai ấy, nhằm bằng việc này mà làm dễ dàng cho việc trao trả lại các đất đai ấy cho quốc vương Au-đơ một khi có thời cơ thích hợp".

1* - Mô-ham-mét A-li-sắc

Người ta chính thức xác nhận rằng hiệp định này được ký kết giữa một bên là toàn quyền Ấn Độ thuộc Anh và Hội đồng của ông ta³⁵⁸, với một bên là vua Au-đơ. Với tính cách như vậy, hiệp định đã được cả hai bên thông qua với đầy đủ mọi thủ tục và việc trao đổi các văn bản phê chuẩn đã được tiến hành theo đúng thể thức. Nhưng khi hiệp định được đệ trình lên Hội đồng giám đốc của Công ty Đông Ấn để thông qua, thì nó bị xoá bỏ (ngày 10 tháng Tư 1838) vì bị coi là phá hoại những quan hệ hữu nghị giữa công ty với nhà vua Au-đơ và coi là một mưu đồ của toàn quyền muốn xâm phạm đến quyền hành của nhà vua này. Pan-móc-xton không hỏi ý kiến công ty khi cho ký hiệp định này; và ông ta cũng chẳng hề lưu ý đến quyết định của công ty về việc xoá bỏ hiệp định. Cả nhà vua Au-đơ cũng vậy, ông không bao giờ được người ta báo cho biết là hiệp định đã bị xoá bỏ. Chính huân tước Đan-hu-di đã xác nhận điều đó (biên bản ngày 5 tháng Giêng 1856):

"Điều hết sức chắc chắn là nhà vua trong tiến trình những cuộc thương lượng sắp tới với công sứ sẽ viện đến hiệp định đã ký kết với người tiền nhiệm của ông năm 1837; vị công sứ biết rõ là hiệp định không còn hiệu lực, bởi vì nó bị xoá bỏ bởi Hội đồng giám đốc ngay sau khi người ta nhận được nó ở Anh. Sau nữa, công sứ cũng biết là, mặc dù vua Au-đơ đương thời đã được thông báo rằng có một số điều kiện nặng nề của Hiệp định năm 1837 về việc tăng cường lực lượng quân sự sẽ không được thực hiện, song *không bao giờ đức vua được thông báo về việc bãi bỏ hoàn toàn hiệp định này*. Do sự bỏ qua đi như vậy và sự thông báo không đầy đủ cho nên hiện nay xảy ra một tình trạng khó khăn. Tình trạng này càng trở nên khó khăn hơn do chỗ văn kiện đã bị xoá bỏ vẫn được đưa vào sưu tập các hiệp định, xuất bản năm 1845 theo lệnh của chính phủ".

Cũng ngay trong biên bản này, ở mục 17, có nói:

"Giá nhà vua viện dẫn Hiệp định năm 1837 và hỏi tại sao - nếu bây giờ lại đòi hỏi những biện pháp tiếp theo về việc quản lý Au-đơ - không áp dụng những quyền hành rộng lớn mà hiệp định trên dành cho Chính phủ Anh, thì phải làm cho đức vua hiểu rõ là hiệp định ấy không còn tồn tại kể từ lúc nó được đệ trình lên Hội đồng giám đốc và hội đồng đã xoá bỏ nó hoàn toàn. Phải nhắc đức kim thượng rằng triều đình ở Lác-na-u bây giờ đã được thông báo là có một số điều khoản của Hiệp định năm 1837 quy định nhà vua phải gánh những chi phí về nuôi dưỡng

những lực lượng quân sự bổ sung - đã bị xoá bỏ. Có lẽ là, về những điều khoản của hiệp định mà chưa phải thi hành ngay, lúc đương thời người ta thấy chưa cần thông báo với đức kim thượng, còn về sau thì vì sơ suất mà quên không thông báo điều này".

Nhưng hiệp định này không những được đưa vào sưu tập chính thức của các hiệp định, được ấn hành năm 1845; mà người ta đã chính thức viện dẫn nó như một hiệp định hiện hành trong thông báo của huân tước Ốc-lên-đơ gửi vua Au-đơ, đề ngày 8 tháng Bảy 1839, trong những tờ trình của huân tước Hác-đinh (là toàn quyền hồi bấy giờ) đệ lên cũng nhà vua này ngày 23 tháng Chạp 1847, và trong thông báo của đại tá Xli-mên (công sứ ở Lác-na-u) gửi cho chính ngài huân tước Đan-hu-di ngày 10 tháng Chạp 1851. Vậy tại sao huân tước Đan-hu-di lại phải khẳng khái phủ nhận như thế về tính hợp pháp của hiệp định mà tất cả những kẻ tiền nhiệm của ông và thậm chí cả những quan chức của chính ông trong thư từ trao đổi với nhà vua Au-đơ đã coi là có hiệu lực? Hoàn toàn chỉ vì, căn cứ vào hiệp định này, nhà vua có viện ra có nào đi nữa để tham dự vào công việc của mình thì sự tham dự đó tất phải được hạn chế ở chỗ, những quan chức người Anh có thể nắm lấy việc quản lý đất nước *nhân danh vua Au-đơ*, người mà họ có nghĩa vụ phải trả những phần dư trong thu nhập. Nhưng người Anh muốn đúng ra là điều ngược lại. Chỉ có sự thôn tính mới có thể thoả mãn họ. Sự phủ nhận này đối với tính hợp pháp của các hiệp định dùng làm cơ sở được chính thức thừa nhận cho quan hệ qua lại trong suốt hai mươi năm; sự thôn tính những lãnh thổ độc lập bằng vũ lực, tức là vi phạm công khai thậm chí cả những hiệp định đã được chính thức thừa nhận; việc triệt để tịch thu từng sào đất trong cả nước - tất cả những thủ đoạn tráo trở và ghê tởm này trong cách xử sự của người Anh đối với dân bản xứ Ấn Độ, bây giờ đang bắt đầu báo oán không những ở Ấn Độ mà ngay cả ở nước Anh nữa.

Do C.Mác viết ngày 14 tháng Năm 1858
Đã đăng làm xã luận trên báo "New -
York Daily Tribune" số 5336, ngày 28
tháng Năm 1858

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh

C.MÁC

MỘT TRANG SỬ KỶ LẠ

Man-se-xtơ (Anh), ngày 18 tháng Năm 1858

Chẳng bao lâu sau khi kết thúc cuộc chiến sau cùng với Nga, trên các báo đăng tin là có ông Mếch-mét-bây nào đó, đại tá trong quân đội Thổ Nhĩ Kỳ, ông ta cũng là Ban-đi-a, nguyên đại tá trong quân đội Hung-ga-ri - đã rời Công-xtăng-ti-nô-plơ cùng với một vài tình nguyện quân Ba Lan tới Tréc-kê-xi. Vừa đặt chân đến đấy, ông ta ngay lập tức đã trở thành một cái gì đó đại loại như là tham mưu trưởng của Xê-phơ-pa-sa, lãnh tụ của người Tréc-kê-xi. Những ai đã biết nghề nghiệp trước đó của người giải phóng Tréc-kê-xi gốc Hung-ga-ri này thì không hề nghi ngờ gì về việc ông ta đến đất nước này với mục đích duy nhất: bán nó cho Nga. Đương thời người ta đã chứng minh công khai và không chối cãi được là con người này đã ở Luân Đôn và Pa-ri, làm gián điệp, ăn lương của cả cảnh binh Pháp lẫn Phổ^{1*}. Điều không lấy làm ngạc nhiên là khoảng một tháng trước đây, trên các báo châu Âu chợt xuất hiện một thông báo là Ban-đi-a, ông ta cũng là Mếch-mét-bây, đã thực sự bị tố giác là có liên lạc thư từ mang tính chất phản bội với tướng Nga là Phi-líp-xơn và toà án quân sự xét xử ông đã kết án ông phải tội tử hình. Thế nhưng chẳng bao lâu sau, Ban-đi-a lại bất thần có mặt ở Công-xtăng-ti-nô-plơ và tỏ ra mình là nạn

nhân của một vụ âm mưu, tuyên bố một cách trâng tráo như ông ta vẫn thường làm, rằng tất cả những câu chuyện về phản bội, về toà án quân sự v.v. đều là những chuyện bịa hoàn toàn của những kẻ thù của ông.

Chúng tôi có được trong tay những tài liệu quan trọng nhất trong số những tài liệu liên quan tới tình tiết kỳ thú này của cuộc chiến tranh Tréc-kê-xi, và chúng tôi xin dẫn ra đây một số đoạn trích trong đó. Những tài liệu này đã được đưa đến Công-xtăng-ti-nô-plơ bởi một sĩ quan tham mưu của tiểu đoàn Ba Lan ở Tréc-kê-xi tên Phran-xi-séc Xtóc, người này là một trong những uỷ viên của toà án quân sự đã kết án Ban-đi-a. Những tài liệu này không cần có lời bàn.

Những đoạn trích từ những biên bản của toà án quân sự lập phiên toà ở A-đéc-bi, ở Tréc-kê-xi xét xử Mếch-mét-bây, y còn có tên là I-a. Ban-đi-a, từ I-lô-sơ-phan-va đến.

(Số 1) Phiên toà ngày 9 tháng Giêng 1858. Lời khai của Mu-xta-pha, quê ở tỉnh Na-đơ-ca-ni-gia:

"... Khi đại tá Mếch-mét-bây tới Sép-xu-gu-rơ, ông ta yêu cầu tôi chuyển thư cho người chỉ huy quân Cô-dắc ở Hắc Hải, tướng Phi-líp-xơn. Tôi nói là tôi không thể làm điều đó, nếu như không báo cáo với tướng Xê-phơ-pa-ra và được ông ta cho phép. Đáp lời tôi, Mếch-mét-bây bảo rằng, với tư cách phái viên và khâm sai của nhà vua và là tư lệnh quân đội ở Tréc-kê-xi, ông ta có quyền trao đổi thư từ với người Nga, rằng tướng Xê-phơ-pa-sa đã được biết về điều này, và mục đích của nó là: làm cho quân Nga bị nhầm lẫn... Khi tướng Xê-phơ-pa-sa và quốc hội chuyển cho tôi bản tuyên ngôn của Tréc-kê-xi, gửi Nga hoàng thì Mếch-mét-bây cũng đưa cho tôi một bức thư viết cho tướng Phi-líp-xơn. Tôi không tìm được tướng Phi-líp-xơn ở A-na-pa và đã chuyển thư cho thiếu tá chỉ huy những lực lượng quân sự ở đấy. Thiếu tá hứa gửi bản tuyên ngôn theo đúng địa chỉ, song không chịu nhận thư, một bức thư không đề địa chỉ, không có chữ ký. Tôi đem thư trở về, song việc trao đổi thư từ thường xuyên của Mếch-mét-bây đã khiến cho tôi nghi ngờ, và để phòng cho bản thân khỏi bị liên lụy, tôi đã đem toàn bộ sự việc này báo cáo với các nhà chức trách..."

(Số 2) Lời khai của A-khmet-ê-phên-đi, nguyên là thư ký của Mếch-mét-bây, người Thổ Nhĩ Kỳ:

"... Mếch-mét-bây rất giận dữ với Tép-phích-bây (đại tá La-pin-xki) và đánh giá

1* Xem tập này, tr. 214.

rất xấu về ông ta, khi nói rằng y sẽ chọc gậy bánh xe ông ta. Đêm thứ hai sau khi chúng tôi đến A-đéc-bi..., sáng sớm tinh mơ tên giám mã của Mếch-mét-bây đánh thức tôi dậy. Mếch-mét-bây đích thân nói với tôi là nghe từ phía Hê-len-gích có tiếng ùng oàng dữ dội của một loạt đại bác. Ông ta vùng dậy và cảm thấy không yên tâm... Tin tình báo cho hay đại tá La-pin-xki bị bắt làm tù binh cùng với toán quân của mình, đã được loan ở A-đéc-bi - tôi không biết là bằng cách nào - trước khi loạt đại bác ngừng. Tôi đã nghe Mếch-mét-bây nói về điều đó. Sau đó, khi có tin là cả đại tá lẫn người của ông chẳng có ai bị bắt làm tù binh cả thì Mếch-mét-bây đã nói một cách rất bức tức: "Hắn là hắn đã bán đại bác của mình cho quân Nga..."

(Số 3) Lời khai của các sĩ quan và binh lính trong toán quân Ba Lan đóng ở A-đéc-bi:

"Ngay trước hôm bắt thân chiếm lĩnh Hê-len-gích thì Mếch-mét-bây xuất hiện ở trại và nói là ông ta đã nhận được một lá thư từ Công-xtăng-ti-nô-plơ báo cho ông ta rằng, nếu như họ không được nơi nào trợ giúp cả thì chỉ một mình đại tá La-pin-xki có lỗi về điều đó mà thôi... Mếch-mét-bây đã ra lệnh đem rượu đến cho binh lính và hứa hẹn với họ nhiều lợi lộc về đủ mọi thứ, nếu như họ rời bỏ đại tá của mình và đi theo ông ta... Sau đó, khi người ta được biết tin ấy (La-pin-xki bị bắt làm tù binh) là không xác thực thì Mếch-mét-bây đích thân đến trại và nói chuyện với binh lính, rủ rê họ bắt phục tùng đại tá. Còn khi đại tá trở về thì Mếch-mét-bây lại làm ra vẻ không hay biết gì hết, bỏ mặc một số người đã hùa theo ông ta và để cho họ bị trừng trị mà không bênh che. Sau đó, khi đại tá vắng mặt, Mếch-mét-bây, với sự giúp đỡ của một số người Hung-ga-ri, mưu toan làm binh biến. Những người Hung-ga-ri này đã thảo một bản buộc tội đại tá và tìm cách buộc binh lính ký vào. Trừ ba người thừa nhận là họ bị dụ dỗ ký vào, còn tất cả những người khác đều thề rằng chữ ký của họ là giả mạo... Làm giả mạo như vậy càng dễ hơn, vì trong đội quân chỉ có rất ít binh lính biết viết".

(Số 4) Lời khai của Ban-đi-a trước toà án quân sự:

"Tôi đã ngấy việc lấy khẩu cung dai dẳng, và tôi xin đệ trình hội đồng từ tự thú do chính tay tôi viết và ký. Vì tôi tự thú, tránh cho các ngài khỏi phải làm việc vất vả và lâu dài, nên tôi mong các ngài thẩm phán càng sẵn sàng nhớ lại rằng số phận của gia đình hoàn toàn vô tội của tôi cũng ràng buộc với số phận của tôi*. Trước đây tên tôi là I-a-nốt Ban-đi-a, người I-lô-sơ-phan-va; tên hiện nay

1* Ở đây ý muốn nói gia đình Ban-đi-a thứ ba. Ngoài gia đình Hồi giáo ở

là Mếch-mét-bây, tuổi - 40, tôn giáo - trước đây tôi là người theo đạo Cơ Đốc - La Mã, song năm 1853 tôi lại theo đạo Hồi... Hoạt động chính trị của tôi được chỉ đạo bởi lãnh tụ trước đây của đất nước tôi là La-i-ốt Cô-sút... Nhận được thư giới thiệu của lãnh tụ chính trị của tôi, ngày 22 tháng Chạp tôi đến Công-xtăng-ti-nô-plơ... Tôi vào quân đội Thổ Nhĩ Kỳ với hàm đại tá. Bây giờ tôi thường nhận được thư từ và chỉ thị của Cô-sút nói về lợi ích của đất nước. Cũng trong thời gian đó, Cô-sút đã gửi cho Chính phủ Ôt-tô-man một công hàm, trong đó ông tha thiết yêu cầu người Thổ tránh liên minh với Pháp, Anh, hoặc Áo, và khuyên họ liên hệ chặt chẽ hơn với những người cách mạng I-ta-li-a và Hung-ga-ri... Theo những chỉ thị mà tôi nhận được, tôi phải bằng cách nào đó thâm nhập vào hàng ngũ những đội quân có nhiệm vụ tác chiến trên các bờ Tréc-kê-xi... Sau khi tới Tréc-kê-xi, thời gian đầu tôi chỉ nghiên cứu tình hình công việc trong nước và chuyển những điều quan sát được cho những bạn bè chính trị của mình... Tôi tìm cách làm thân với tướng Xê-phơ... Theo chỉ thị, tôi phải đề phòng mọi hoạt động tấn công từ phía quân Tréc-kê-xi, và chống lại mọi ảnh hưởng của nước ngoài ở Tréc-kê-xi. Không bao lâu trước lúc tôi từ Công-xtăng-ti-nô-plơ đến, đại tá Tuy-rơ, người nhận chỉ thị cũng từ một nguồn như tôi, và là người thân cận về chính trị với tôi trong nhiều năm, đã nhận được lệnh liên kết với cuộc khởi nghĩa của người Hy Lạp. Tướng Stai-nơ (Phéc-hát-pa-sa) cũng thuộc đảng chúng tôi, đã được phái tới A-na-tô-li. Còn kế hoạch kết thân với Xê-phơ-pa-sa thì đã thành công và chẳng bao lâu tôi đã được ông ta hoàn toàn tin cậy. Sau khi tranh thủ được sự tin cậy đó, tôi có thể dễ dàng theo đuổi những chỉ dẫn của mình và thực hiện chúng... Tôi thuyết phục Xê-phơ-pa-sa rằng sau cuộc chiến thì Tréc-kê-xi sẽ được trả về với chính quyền của vua Xun-tan... Với những viên chỉ huy người Thổ Nhĩ Kỳ thì tôi chứng minh rằng mọi hoạt động tấn công của quân đội họ sẽ là nguy hiểm, bởi lẽ người Tréc-kê-xi... trong giờ phút nguy ngập sẽ rời bỏ họ. Tình hình thuận lợi cho tôi, và mặc dù người Nga đã đưa quân tới vùng chiến sự, sau khi đã bỏ ngỏ biên giới, họ vẫn chưa bị trận tập kích nào nghiêm trọng của quân Tréc-kê-xi. Tôi thường xuyên gửi cho các thủ lĩnh chính trị của mình những báo cáo về hoạt động bí mật của tôi... Cũng trong thời gian đó tôi đã gặp phải những người và hoàn cảnh chống lại kế hoạch của mình. Tôi muốn nói về việc ông Lon-gu-oóc-tơ, lãnh sự Anh đến A-na-pa. Ông Lon-gu-oóc có lệnh buộc tướng Xê-phơ-pa-sa phải dùng tiền của Anh tổ chức một toán quân gồm 600 người Tréc-kê-xi và đưa tới Crưm... Tôi cũng được lệnh như thế từ chính quyền Thổ

Công-xtăng-ti-nô-plơ, ông ta còn có vợ ở Hung-ga-ri và một vợ nữa ở Pa-ri

Nhĩ Kỳ, song cũng trong lúc đó những thủ lĩnh bí mật của tôi lại gửi cho tôi một mệnh lệnh rất kiên quyết là phải đem hết sức mình làm thất bại sứ mệnh của lãnh sự Anh... Trong buổi nói chuyện giữa tôi với ông Lon-gu-oóc-tơ... tôi yêu cầu phong cho tôi một chức vụ trong quân đội Anh ở hàm đại tá hoặc cấp cho số tiền 10 000 pao xtéc-linh... Ông Lon-gu-oóc-tơ nghĩ đến chuyện lôi kéo tôi về phía ông ta, đã cấp cho tôi 50 000 pi-a-xtơ-rơ... Âm mưu của tôi thành công rực rỡ. Công tước Xê-phơ đã nhiều lần bị lừa bịp bởi những lời hứa hão, đâm ra nghi ngờ, và ông dứt khoát khước từ không làm cho lãnh sự điều mà lãnh sự đòi hỏi nhân dân ông phải làm... Trong lúc đó thì tôi lại phải chuốc lấy oán thù của công tước I-bra-him Ca-ra-ba-tư-rơ, con trai của tướng Xê-phơ-pa-sa, người được bổ nhiệm làm chỉ huy 6000 quân Tréc-kê-xi.

Ngày 21 tháng Ba 1856, tướng Xê-phơ-pa-sa báo cho tôi hay là quốc hội đã quyết định phái đoàn đại biểu tới các chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ, Pháp và Anh để yêu cầu họ sáp nhập trở lại Tréc-kê-xi vào Thổ Nhĩ Kỳ. Tôi được Xê-phơ-pa-sa đưa vào đoàn đại biểu này... Đến Công-xtăng-ti-nô-plơ... tôi đưa cho các bạn chính trị của mình và Cô-sút một báo cáo chi tiết về tình hình ở Tréc-kê-xi... Đáp lại, tôi nhận được những chỉ thị ra lệnh cho tôi liên lạc với đại tá Tuy-rơ và tướng Stai-nơ, và cùng làm việc với họ, lôi kéo người Hung-ga-ri cho thật nhiều. Đồng thời, tôi thiết lập được mối liên hệ với tướng I-xma-in-pa-sa, người đứng đầu Tổng cục bưu điện của Đế chế Ôt-tô-man, người gốc Tréc-kê-xi mà tôi cho là một nhà yêu nước có thể xả thân vì Tổ quốc mình. Tôi bàn bạc với ông về cách chúng tôi có thể dùng để gửi đến Tréc-kê-xi vũ khí, đạn dược, công cụ cho thợ chế tạo vũ khí, cũng như gửi tới đó những sĩ quan và thợ thủ công ưu tú. *Song kế hoạch thực sự của cuộc hành quân là do tướng Stai-nơ, đại tá Tuy-rơ và tôi soạn thảo. Đại úy Phrăng-ki-ni, bí thư quân sự của đặc sứ Nga, có mặt tại một số cuộc họp của chúng tôi. Mục đích của chúng tôi là lôi cuốn Tréc-kê-xi về phía người Nga bằng con đường hoà bình, chậm nhưng chắc chắn...* Giá như có thể làm cho Tréc-kê-xi chịu sự lãnh đạo của tôi và tướng Stai-nơ, thì kế hoạch của chúng tôi phải là như sau:

- 1) chọn một ông hoàng địa phương nào đó có khả năng đặt toàn quốc dưới sự quản lý của mình;
- 2) thuyết phục người Tréc-kê-xi rằng họ không cần phải chờ đợi sự giúp đỡ của vua Xun-tan cũng như của bất cứ cường quốc nào khác;
- 3) làm cho dân miền núi nản chí do những thất bại quân sự - những thất bại bịa đặt ra và được chuẩn bị trước;
- 4) làm cho họ thừa nhận Nga hoàng là hoàng đế tối thượng về danh nghĩa

của mình, họ không hề phải nạp một khoản cống phí nào, nhưng phải để cho những đội vệ binh của Nga hoàng thâm nhập vào nước mình... Ông hoàng này, theo dự định, sẽ được vây bọc bởi những người Hung-ga-ri được đưa vào Tréc-kê-xi, những kẻ có năng lực nhất trong họ phải được đặt vào những chức vụ quan trọng... Đại úy Phrăng-ki-ni đoán chắc với tôi rằng nước Nga chỉ cố gắng để đạt được sự chinh phục về hình thức... những dấu hiệu về ân sủng của hoàng đế, tiền bạc và huân chương Nga phải làm nốt những gì còn lại...

Ngày 22 tháng Chín 1856, tướng I-xma-in-pa-sa khuyên tôi lôi kéo vào hoạt động ở Tréc-kê-xi một vài trăm người Ba Lan ở các trại lính tại Xcu-ta-rơ mà trước đây phục vụ trong binh đoàn Da-môi-xki... Đề nghị này không được đưa vào những kế hoạch của chúng tôi, song bác bỏ nó cũng không tiện... Tôi biết ông La-pin-xki từ trước, bấy giờ ông phục vụ xuất sắc ở Hung-ga-ri... ông ta sống ở Xcu-ta-rơ. Chúng tôi thoả thuận với tướng Stai-nơ rằng tốt nhất là đưa đại tá La-pin-xki, người tuyệt đối tin tưởng ở tôi, vào hoạt động... Ngày 24 tháng Chín, tôi viết thư báo cho đại tá La-pin-xki là những người Tréc-kê-xi yêu nước uỷ nhiệm cho ông ta thành lập ở Tréc-kê-xi một quân đoàn Ba Lan. Phúc đáp, đại tá đòi cấp vũ khí và quân phục cho 700 người Ba Lan... Về sau, trong cuộc họp có tướng *Stai-nơ, Tuy-rơ, Phrăng-ki-ni và tôi* tham gia, đã đi tới quyết định rằng Tuy-rơ phải sang Anh để mua dụng cụ và máy móc để đúc đạn, song hiện thời thì đình hoãn việc gửi bất cứ vũ khí nào. Chúng tôi muốn kiểm tra người Ba Lan trước khi giao vũ khí cho họ... Đại tá La-pin-xki kịch liệt phản đối... khiến tôi phải vội ra đi, dù tôi không thể mang theo những sĩ quan Hung-ga-ri mà tôi mộ được... Tháng Giêng 1857, tôi nhận được thư từ và chỉ thị từ Cô-sút và các bạn chính trị khác của mình. Kế hoạch của tôi đã được tán thành... Trước khi tôi ra đi không lâu, tôi và tướng Stai-nơ làm ra vẻ như giữa chúng tôi đã xảy ra bất hoà. Tôi còn muốn đình hoãn chuyến đi của mình để tạo ra khả năng cho một số người Hung-ga-ri có thể cùng đi với tôi, *song đại úy Phrăng-ki-ni tuyên bố là không được để mất một ngày*, vì tin đồn đại về cuộc hành quân của chúng tôi đã lan khắp Công-xtăng-ti-nô-plơ, và *nếu toà đại sứ Nga không can thiệp vào việc này, thì người ta cũng có thể buộc lỗi nó là đồng loã*. Ngày 15 tháng Hai, đại tá La-pin-xki lên chiếc tàu Anh "Căng-gu-ru". Tôi cũng đi trên tàu... Khi đến Đốp (người Nga gọi là Ca-bác-đin-xơ) tôi gửi thư cho tướng Xê-phơ-pa-sa, cho Nai-bơ và những thủ lĩnh khác của các bộ lạc; trong những bức thư này, tôi báo tin rằng tôi được đức hoàng đế Xun-tan phái tới để chỉ huy những lực lượng quân sự của Tréc-kê-xi... Hành vi của đại tá La-pin-xki không làm cho tôi thật tin tưởng... Qua một vài tuần sau khi đoàn quân Ba Lan đến Sáp-xu-khơ (người Nga gọi là pháo đài Ten-gin-xki), dinh của tướng

Xê-phơ-pa-sa thì ông Ruê-mơ cũng đến Đốp bằng thuyền buồm, trên đó chở vũ khí, đạn dược mà chúng tôi để lại ở Bô-xpho... Việc đột nhập bất thần của quân Nga vào tháng Năm qua A-ta-cum khiến cho hàng ngàn chiến binh Tréc-kê-xi từ khắp nơi trong nước tập hợp lại. Lần đầu tiên người Tréc-kê-xi thấy rõ pháo binh của chính họ tấn công pháo binh Nga một cách có kết quả. Mặc dù trận này tự nó không quan trọng, song nó đem lại ý nghĩa cho toán quân Ba Lan và tôi... Tôi lợi dụng tâm trạng này của người Tréc-kê-xi để có thể thực hiện nhiệm vụ của mình. Tôi công khai phát biểu với tư cách phái viên của vua Xun-tan. Tôi yêu cầu phải phục tùng... Về sau tôi biết là đại tá La-pin-xki đã cố gắng hết sức để phá hoại những kế hoạch của tôi... Tôi tìm cách thu phục những người theo mình trong số sĩ quan và binh lính trong toán quân của ông ta, và vì toán quân này lâm vào tình hình nguy ngập, nên tôi đổ lỗi cho viên chỉ huy này... Việc chiếc tàu Nga chiếm được một số thuyền buồm nhỏ ở cảng Xút-giúc và cảng Hê-len-gích tạo ra cái cớ để tôi buộc đại tá phải đóng cách chiến trường một quãng gần A-ta-cum và cô lập ông ta hoàn toàn... Ít hôm sau tôi nhận được từ đại tá La-pin-xki một lá thư báo rằng ở Hê-len-gích không hề có lực lượng quân sự và rằng ông ta không đủ sức giữ được trận địa... Tôi đích thân đến Hê-len-gích, và đại tá La-pin-xki giải thích tại chỗ với tôi về tình hình nguy ngập của ông và về việc quân Nga tấn công là điều không tránh khỏi. Chính ngày sau dự đoán của ông ta trở thành sự thực...

Sự kích động mà tôi tiến hành trong sĩ quan và binh lính ở A-đéc-bi vào lúc xảy ra tai biến và sau đó ở Hê-len-gích, chỉ là hệ quả của cách tôi đã dùng để gieo rắc những sự bất hoà giữa đại tá La-pin-xki với toán quân của ông... Thông qua các phái viên của mình, tôi tung ra giữa quân Tréc-kê-xi tin đồn là đại tá đã bán đại bác cho người Nga... Tôi đã bị đại tá đánh lừa. Về thực thà giả vờ của ông ta đã làm cho tôi nhầm, song hoá ra, ông ta theo dõi tôi một cách cảnh giác hơn nhiều so với bất cứ lúc nào trước đây...

Theo những chỉ thị tôi nhận được, tôi phải bắt liên lạc với tướng Nga... Lá thư không ký tên của tôi mà hiện giờ nằm trong tay hội đồng, ắt phải dùng làm cơ sở cho việc liên lạc thư từ thường xuyên, nhưng vì sự ngốc nghếch của viên chỉ huy người Nga nên nó đã rơi vào tay các vị...

Bỗng nhiên đại tá La-pin-xki cất bỏ mặt nạ và sau khi thắng thùng tuyên bố với tôi ở nhà Xê-phơ-pa-sa rằng ông ta không thừa nhận tôi là thủ trưởng cũng như là tư lệnh quân đội Tréc-kê-xi, đã cắt đứt mọi liên hệ với tôi... và cũng ra một mệnh lệnh theo ý nghĩa như vậy cho toán quân Ba Lan của ông. Tôi tìm cách

cất ông ta khỏi chức vụ bằng cách ra một mệnh lệnh khác cho binh lính, song cố gắng của tôi tỏ ra vô hiệu...

(Ký tên) *Méch-mét-bây*

(Số 5) Thư của I-a-nốt Ban-đi-a gửi tướng Phi-líp-xơn:

"Phải chăng chinh phục Tréc-kê-xi không phải vì lợi ích nước Nga? Có thể trả giá bằng những tổn thất to lớn để chiếm được trong một thời gian ngắn những đồng bằng của Tréc-kê-xi, song núi non và những pháo đài tự nhiên thì không bao giờ chiếm nổi. Đại bác Nga đã mất tác dụng. Pháo binh Tréc-kê-xi sẽ đối phó thắng lợi với pháo binh Nga. Quân Tréc-kê-xi không còn là những người như năm năm về trước. Được hậu thuẫn bởi một quân đội chính quy không lớn, họ cũng chiến đấu tốt như quân Nga, và sẽ đánh đến người cuối cùng vì tín ngưỡng và Tổ quốc của họ. Tốt hơn phải chăng là sẽ cho người Tréc-kê-xi một cái gì đó đại loại như là tự do bánh vẽ, lập ra ở Tréc-kê-xi một chính quyền của một hoàng thân bản xứ nào đó và giữ hoàng thân này dưới sự bảo hộ của Nga hoàng? Tóm lại, phải chăng nên biến Tréc-kê-xi thành một Gru-di-a thứ hai hoặc một cái gì đó tương tự? Nếu như Tréc-kê-xi sẽ gắn bó chặt chẽ với nước Nga thì Nga sẽ mở được con đường vào A-na-tô-li-a và Ấn Độ. Sapiienti sat^{1*}. Trên cơ sở này hẳn có thể bắt đầu những cuộc thương lượng. Ngài hãy suy nghĩ và trả lời".

(Số 6) Bản án ngày 20 tháng Giêng 1858:

"Sau khi nghe lời thú nhận của đại tá Méch-mét-bây tại các phiên toà ngày 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 11 tháng Giêng và nghe lời khai của những người làm chứng tại phiên toà ngày 9 tháng Giêng, Toà án quân sự trong phiên toà hôm nay tuyên bố rằng Méch-mét-bây, căn cứ vào lời thú nhận của y và lời khai của những kẻ làm chứng, bị vạch tội phản bội đất nước và liên lạc thư từ bí mật với kẻ thù, toà tuyên bố y bị tước danh dự và quân hàm ở nước này và kết tội y án tử hình - nhất trí.

Ký tên: *Gia-cúp Bê-kéc-tơ*, binh nhì; *Phi-líp Téc-ten-tau-pơ*, lính pháo binh; *Ma-tây Bét-nây-déch*, trung sĩ; *Ốt-tô Li-nốp-xki*, lính bắn đại bác; *Phran-xi-séch Xtóc*, thiếu úy; *An-tô-ni Cru-sê-vích*, thiếu úy; *Mi-khan Ma-rét-xki*, trung úy; *Lê-ôn Da-vát-xki*, lính bắn đại bác; *Xta-ni-xláp Tan-xcốp-xki*, tiểu đội trưởng; *I-an Ha-ma-ni-xki*, trung sĩ; *A-léch-xan-đơ Mi-khi-xki*, thượng sĩ; *Ca-di-mia Vư-xtô-xki*, thiếu úy; *I-u-dép A-ra-nô-xki*, trung úy; *Pi-ốt Xtan-kê-vích*, đại úy; *Tê-ô-phin La-pin-xki*, đại tá".

1*- Đối với người thông thái, thế là đủ.

Chúng tôi chỉ còn phải bổ sung vào những tài liệu nói trên rằng, Xê-phơ-pa-sa không muốn thi hành bản án tử hình đối với một người mang hàm đại tá trong quân đội của vua Xun-tan, và bởi vậy ông ta cho áp giải ông này sang Tơ-ra-pê-đun. Những người Hung-ga-ri sống ở Công-xtăng-ti-nô-plơ tuyên bố rằng tin Mếch-mét-bây phản bội là điều hoàn toàn vu khống; song các sĩ quan Ba Lan lập tức phản đối lời tuyên bố này và dọa trong trường hợp cần thiết sẽ công bố những tài liệu về vụ án này. Trên đây, chúng tôi dẫn những trích đoạn trong những tài liệu đó, vì chúng chắc chắn là một đóng góp hết sức kỳ thú vào lịch sử chiến tranh Tréc-kê-xi.

Về hành vi của sứ quán Nga trong thời gian xảy ra vụ án này, chúng tôi còn có thể nêu thêm những sự việc sau đây. Ở Công-xtăng-ti-nô-plơ người ta biết rõ là chiếc tàu "Căng-gu-ru" được thuê để chở quân và đạn dược tới Tréc-kê-xi. Song sứ quán Nga không hề tiết lộ một lời nào với Poóc-tơ về cuộc hành quân này; song cũng đúng vào hôm chiếc tàu "Căng-gu-ru" rời khỏi Bô-xpho, đại sứ Nga đã gửi công hàm phản đối Poóc-tơ và đã có được cơ hội điều tra để phát hiện ra những kẻ đề xướng cuộc hành quân này. Sứ quán cố gắng để lời bá tước Da-môi-xki - người bây giờ đang ở Công-xtăng-ti-nô-plơ - vào vụ việc, song hoàn toàn thất bại. Bây giờ, rõ ràng là theo yêu cầu của Nga, tướng Stai-nơ và I-xma-in-pa-sa đã bị đưa đi đày vì đã tham gia vào vụ này. Sau mấy tháng đi đày, nhân dịp một ngày lễ nào đó trong hoàng tộc Nga, tướng Stai-nơ và I-xma-in-pa-sa, cũng lại theo yêu cầu của đại sứ Nga, đã được phép quay về Công-xtăng-ti-nô-plơ.

*Những nhận xét có tính chất phê phán
về các tài liệu do C.Mác viết ngày 18
tháng Năm 1858
Đã đăng trên báo "New - York Daily
Tribune" số 5352, ngày 16 tháng Sáu
1858*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

*** TUYÊN BỐ CỦA CA-NINH VÀ VẤN ĐỀ
CHIẾM HỮU RUỘNG ĐẤT Ở ẤN ĐỘ**

Lời tuyên bố của huân tước Ca-ninh về Au-đơ - chúng tôi đã công bố một số tài liệu quan trọng³⁵⁹ vào thứ bảy tuần trước, khi có lời tuyên bố này - lại gây ra cuộc thảo luận về vấn đề chiếm hữu ruộng đất ở Ấn Độ; vấn đề này trước đây là đối tượng của những cuộc tranh cãi và bất đồng lớn, và có ý kiến cho rằng việc hiểu sai vấn đề này đã dẫn đến những sai lầm cực kỳ nghiêm trọng về mặt thực tiễn trong công tác quản lý những phần đất đai Ấn Độ nằm dưới quyền đô hộ trực tiếp của Anh³⁶⁰. Thực ra, vấn đề chủ chốt trong cuộc tranh cãi này là vị trí của những kẻ gọi là da-min-đa-rơ, ta-lúc-đa-rơ hay xéc-đa-rơ³⁶¹ là thế nào trong hệ thống kinh tế của Ấn Độ? Nên xem họ đúng ra là chủ sở hữu đất đai hay chỉ là những kẻ thu tô?

Mọi người đều nhất trí rằng ở Ấn Độ cũng như ở đa số các nước châu Á, quyền tối cao về sở hữu ruộng đất là thuộc nhà nước. Nhưng trong lúc một bên trong cuộc tranh cãi này khẳng định rằng phải xem nhà nước là chủ sở hữu đất đai, giao khoán đất cho nhà nông cày rẽ, thì phía có quan điểm khác lại cho là về thực chất, ruộng đất ở Ấn Độ là thuộc quyền sở hữu cá nhân, cũng như ở bất cứ một nước nào khác, còn cái gọi là sở hữu nhà nước chẳng qua chỉ là phần thưởng do vua ban về quyền có ruộng

đất, được thừa nhận về mặt lý thuyết trong tất cả những nước mà các đạo luật đều dựa trên pháp chế phong kiến, còn về mặt thực tiễn thì được thực hiện trong tất cả những nước, không trừ nước nào, mà ở đây nhà nước có quyền thu thuế ruộng đất ở mức đáp ứng nhu cầu của nó, hoàn toàn không tùy thuộc vào bất cứ lý do gì về tiện nghi của điền chủ, chỉ trừ những lý do có tính chất chính trị.

Nhưng, nếu giả sử rằng đất đai ở Ấn Độ là sở hữu tư nhân và rằng quyền sở hữu đó của các điền chủ cá thể là không phải bàn cãi gì nữa và vững chắc, cũng như ở các nước khác vậy, thế thì còn phải xem ai là chủ sở hữu thật sự nữa? Có hai hạng người có tham vọng giữ địa vị này. Một trong đó là giai cấp được biết với cái tên là da-min-đa-rơ và ta-lúc-đa-rơ, những người này được coi ngang với quý tộc địa chủ và tiểu quý tộc không có tước vị ở châu Âu. Họ cũng được coi là chủ sở hữu ruộng đất thật sự, mà chỉ phải nộp một khoản thuế nhất định cho nhà nước và với tư cách những chủ sở hữu có quyền tự ý thay đổi những kẻ trực tiếp cày ruộng; theo quan điểm này người làm ruộng chỉ được xem là tá điền không có quyền hành, phải nộp một khoản tô theo bất cứ mức nào mà da-min-đa-rơ định ra cho họ. Dĩ nhiên, quan điểm này phù hợp với những khái niệm của người Anh về tầm quan trọng và sự cần thiết của tiểu quý tộc không có tước vị với tư cách là chỗ dựa chủ yếu của chế độ xã hội; bảy chục năm trước đây dưới thời huân tước - toàn quyền Coóc-nu-ô-li-xơ, quan điểm này được dùng làm cơ sở của bộ luật ruộng đất nổi tiếng của Ben-gan³⁶² - một bộ luật vẫn còn có hiệu lực nhưng, như nhiều người khẳng định, đã gây thiệt hại không nhỏ cho chính phủ, cũng như cho người trực tiếp làm ruộng. Việc nghiên cứu kỹ lưỡng hơn những tập quán của Ấn Độ và những khó khăn có tính chất xã hội, cũng như tính chất chính trị do bộ luật ruộng đất của Ben-gan gây ra - đã dẫn tới ý kiến là, theo tập quán cổ truyền của Ấn Độ thì sở hữu ruộng đất thuộc về công xã nông thôn vốn có quyền phân phối các khoảnh ruộng cho những người riêng lẻ để canh tác; còn da-min-đa-rơ và ta-lúc-đa-rơ thoát đầu chỉ là những quan chức của chính phủ được bổ nhiệm để theo dõi việc

thu các thứ thuế đặt ra ở nông thôn, để thu và nộp những thứ thuế đó cho vương công.

Quan điểm này có ảnh hưởng lớn đến việc điều chỉnh các quyền chiếm hữu ruộng đất và những khoản thu về thuế được tiến hành trong những năm gần đây ở các tỉnh của Ấn Độ mà người Anh trực tiếp nắm quyền quản lý. Có ý kiến cho rằng, những đặc quyền về sở hữu mà người ta-lúc-đa-rơ và da-min-đa-rơ đòi cho mình đã nảy sinh từ những cuộc chiếm đoạt làm thiệt hại cho nhà nước cũng như cho người làm ruộng, và người ta cố gắng để thoát khỏi những đặc quyền ấy như để thoát một cơn ác mộng đè nặng lên những người trực tiếp làm ruộng và ngăn trở tiến bộ chung của đất nước. Nhưng, vì những kẻ trung gian này, quyền của họ có nguồn gốc như thế nào chẳng nữa, vẫn có thể viện cớ bảo vệ lợi ích của mình về quyền đã có từ bao đời, cho nên không thể không thừa nhận một phần nào tính hợp pháp đằng sau những tham vọng của họ, dù đối với dân chúng những tham vọng đó là quá quắt, là lộng hành và nặng nề cũng vậy. Ở Au-đơ, dưới quyền lực yếu ớt của những ông hoàng bản xứ, những kẻ chiếm hữu ruộng đất phong kiến này đã đi rất xa trong việc cắt giảm cả những yêu cầu của chính phủ cũng như những quyền hạn của người làm ruộng, và khi vấn đề này được đem ra xét lại sau khi Vương quốc Au-đơ bị thôn tính gần đây, thì những quan chức được giao phó thực hiện đạo luật ruộng đất mới chẳng bao lâu đã bước vào một cuộc tranh cãi cực kỳ gay gắt với họ về quy mô thực sự của quyền hành của họ. Cũng vì thế mà họ đâm ra bất mãn, sự bất mãn này đã thúc đẩy họ đi theo nghĩa quân Xi-pai.

Phái ủng hộ đường lối nói trên - cụ thể là ủng hộ hệ thống cơ cấu ruộng đất công xã - xem những người trực tiếp làm ruộng là những kẻ có quyền sở hữu ruộng đất, quyền này có ưu thế hơn quyền của những kẻ trung gian, mà thông qua họ nhà nước thu được phần nông sản của mình, - phái này bảo vệ bản tuyên bố của huân tước Ca-ninh, coi đó là sự lợi dụng thành công vị trí mà ở Au-đơ đa số các da-min-đa-rơ và ta-lúc-đa-rơ đã đặt mình vào đấy; họ nói bản tuyên bố này có mục đích mở đường cho những cải cách rộng lớn hơn nhiều so với những cải cách có thể có trong

những hoàn cảnh khác; quyền sở hữu bị bản tuyên bố này thu hồi, theo họ nói, chỉ là quyền của da-min-đa-rơ và ta-lúc-đa-rơ, và chỉ động đến một bộ phận rất nhỏ bé trong dân chúng, hơn nữa bộ phận này tuyệt nhiên không có người trực tiếp làm ruộng.

Mặt khác, lập trường của nội các Đốc-bì đối với bản tuyên bố của huân tước Ca-nin - nếu gạt bỏ mọi lý lẽ về sự công bằng và bác ái - thì hoàn toàn phù hợp với những nguyên tắc chung mà đảng To-ri hoặc đảng bảo thủ kiên trì về tính bất khả xâm phạm của các quyền hợp pháp và về tầm quan trọng của việc ủng hộ những lợi ích của quý tộc địa chủ. Khi nói về những giai cấp có quan hệ tới ruộng đất ở Anh, đảng To-ri bao giờ cũng lưu ý đến những chủ sở hữu ruộng đất và những kẻ thu tô hơn là những kẻ nộp tô và những người trực tiếp làm ruộng, và bởi vậy mà không lấy làm lạ rằng họ có thiên hướng xem lợi ích của da-min-đa-rơ và ta-lúc-đa-rơ cũng ngang với lợi ích của quảng đại quần chúng nhân dân, dù số đó trong thực tế có ít ỏi đến đâu cũng vậy.

Song một trong những điều bất tiện và khó khăn hết sức lớn trong việc quản lý Ấn Độ của nước Anh chính là ở chỗ, khi xét những vấn đề Ấn Độ dễ có thể bị ảnh hưởng bởi những thiên kiến và những quan niệm thuần túy Anh vận dụng vào một hoàn cảnh xã hội, một tình trạng mà trong thực tế những thiên kiến và quan niệm ấy hầu như không có quan hệ gì. Trong thông báo được công bố hôm nay, huân tước Ca-ninh bảo vệ đường lối đã vạch ra trong bản tuyên bố của mình một cách rất vững chắc, bất chấp những lời phản đối của đại biểu Au-đơ, ông Giêm-xơ Út-rêm, mặc dù bề ngoài Ca-ninh tỏ ra nhân nhượng những ý kiến của ông ta, đưa vào bản tuyên bố của mình một câu mềm dẻo hơn, không có trong văn bản đầu tiên được gửi về Anh, là văn bản làm cơ sở cho bức điện của huân tước Ê-len-bô-rô³⁶³. Ý kiến của huân tước Ca-ninh là cần phải xét từ cách những điền chủ ở Au-đơ đã đi theo khởi nghĩa, dưới ánh sáng nào - có lẽ không khác gì lắm với ý kiến của ông Giêm-xơ Út-rêm và huân tước Ê-len-bô-rô. Huân tước Ca-ninh khẳng định rằng lập trường của những điền chủ này khác biệt rất xa không những với lập trường của người Xi-pai đã dấy loạn, mà còn với lập trường của dân

chúng những vùng khởi nghĩa mà ở đây người Anh đã quản lý từ lâu. Ông cho rằng đối với họ phải có thái độ như đối với những người bị xúi giục mà hành động; nhưng đồng thời ông cũng chủ trương là cần phải làm cho họ thấy rằng không thể dấy loạn mà không chuốc lấy những hậu quả nghiêm trọng cho mình. Rồi chúng ta sẽ biết việc phát hành bản tuyên bố này gây một tác động như thế nào, và ai là người gần với chân lý hơn trong việc phán đoán về những hậu quả có thể xảy ra của bản tuyên bố đó - huân tước Ca-ninh hay ông Giêm-xơ Út-rêm.

*Do C.Mác viết ngày 25 tháng Năm 1858
Đã đăng làm xã luận trên báo "New -
York Daily Tribune" số 5344, ngày 7
tháng Sáu 1858*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

* NHỮNG MÁNH LỜI TÀI CHÍNH CỦA BÔ-NA-PÁC-TÔ. - CHẾ ĐỘ ĐỘC TÀI QUÂN SỰ

Pa-ri, ngày 27 tháng Năm 1858

Ngày nay không ai còn tranh cãi về việc ngân khố của Bô-na-pác-tô đang ở trong tình trạng sụp đổ. Chính "vị cứu tinh của sở hữu"³⁶⁴ đã công khai tuyên bố điều đó. Nếu không thì không thể giải thích được bức thư luân lưu của tướng Ê-xpi-nắc gửi các quận trưởng Pháp kêu gọi họ dùng ảnh hưởng của mình, và "nếu cần thì phải dùng cả quyền lực", để buộc những người đỡ đầu các bệnh viện và những cơ quan từ thiện khác chuyển số bất động sản mà từ đó họ có thể rút ra được thu nhập của mình thành những khoản tiền đem lại lợi tức 3%. Số tài sản đó được định giá là 100 000 000 đô-la nhưng, như Bô-na-pác-tô nhân danh những người nghèo đã phàn nàn, nó đem lại không quá 2½% thu nhập. Nếu đầu tư nó vào chứng khoán nhà nước thì thu nhập tăng lên ít ra là một nửa. Với tình cảm quan tâm của một người cha, cách đây không lâu Bô-na-pác-tô đề nghị Hội đồng nhà nước đưa ra đạo luật về chuyển sở hữu đất đai của các cơ quan từ thiện thành chứng khoán nhà nước có lãi phân trăm; nhưng, dù có kỳ lạ thế nào chăng nữa thì Hội đồng nhà nước của chính ông ta cũng ngoan cố không chịu hiểu sự gợi ý của ông ta. Như vậy, điều mà Bô-na-pác-tô không đạt được bằng con đường lập pháp, thì ông ta

giờ đây lại tìm cách thực hiện "bằng quyền lực hành pháp", nhờ vào *orde du jour*^{1*} quân sự. Có một số người khá ngờ nghệch cho rằng, bằng mánh lời này, ông ta chỉ tìm cách tăng thêm số chứng khoán của nhà nước mà thôi. Không có gì là xa với sự thật cả. Nếu sở hữu đất đai nói ở trên được bán theo giá danh nghĩa của nó là 100 000 000 đô-la thì một phần lớn tiền để mua nó, dĩ nhiên sẽ được lấy từ số vốn cho đến nay vẫn được đầu tư vào những khoản cho vay và những chứng khoán khác của nhà nước, thành thử lượng cầu được tạo ra một cách giả tạo về chứng khoán sẽ được thỏa mãn bằng cách ném ra thị trường một số lượng lớn những chứng khoán ấy. Kết quả là hoạt động như vậy ắt sẽ có thể thậm chí dẫn đến một sự sa sút thêm nữa trên thị trường chứng khoán. Nhưng kế hoạch của Bô-na-pác-tô mang tính chất thực tiễn và đơn giản hơn nhiều. Đối sở hữu đất đai thành số tiền 100 000 000 đô-la, ông ta dự định tạo ra 100 000 000 đô-la lợi tức mới. Một tay ông ta tìm cách nắm lấy sở hữu của các tổ chức từ thiện, còn tay kia, ông ta bù lại cho họ bằng cách giao cho họ tờ séc ở "grand livre"^{2*} của quốc gia. Trước đây đã có lúc, khi xem xét Đạo luật năm 1857 về Ngân hàng Pháp^{3*}, chúng ta đã nghiên cứu tỉ mỉ vấn đề những đặc quyền to lớn mà Bô-na-pác-tô ban cho ngân hàng nhờ vào nhà nước nhằm mục đích đảm bảo cho mình một khoản vay thảm hại là 20 000 000 đô-la. Lúc đó chúng ta đã coi đạo luật đó về Ngân hàng Pháp là tiếng kêu cấp cứu về tài chính của "vị cứu tinh của xã hội", nhưng từ đó tai họa giáng lên thương nghiệp, công nghiệp và nông nghiệp Pháp đã dội lại cả vào ngân khố nhà nước, mà những khoản chi tiêu của ngân khố thì cũng tăng lên trên một quy mô khủng khiếp. Các bộ khác nhau năm 1858 thực tế đã yêu cầu thêm 79 804 004 phr. so với năm 1855. Chi phí cho chỉ riêng quân đội đã bằng 51% toàn bộ chi phí ngân sách của đất nước. *Crédit Mobilier*, mà báo cáo vừa qua của nó, nếu xem xét kỹ hơn sẽ chỉ rõ rằng khoản nợ tăng hơn rất nhiều so với khoản có và nó không có khả năng trả lãi cho các cổ đông của chính nó, *Crédit Mobilier* đã không còn có thể, như năm

1* - nhật lệnh

2* - "sổ nợ"

3* Xem tập này, tr.284 – 288.

1854 và năm 1855, làm việc cứu trợ và giúp vào việc phát hành trái khoán trên cơ sở "dân chủ". Như vậy, Bô-na-pác-tơ không còn cách nào khác là phải quay trở về những nguyên tắc ban đầu của coup d'état^{1*} của mình trong lĩnh vực tài chính, cũng như ông ta đã buộc phải làm như vậy trong lĩnh vực chính trị. Chính sách tài chính, bắt đầu bằng việc cướp bóc trong hầm ngân hàng 25 000 000 phr. và về sau biểu hiện trong việc tịch thu tài sản của gia đình Ốc-lê-ăng, giờ đây ắt phải được phát triển thêm dưới hình thức tịch thu sở hữu của các cơ quan từ thiện.

Song những hoạt động kinh doanh cuối cùng này sẽ làm cho Bô-na-pác-tơ mất đi một trong những đạo quân của ông ta, cụ thể là đạo quân những thầy tu của ông ta, là những người đang quản lý một số hết sức lớn các cơ quan từ thiện. Tờ "Univers" lần đầu tiên kể từ thời coup d'état đã dám công khai không đồng ý với "vị cứu tinh của xã hội" và thậm chí còn cầu khẩn "Siècle"³⁶⁵ đoàn kết lại để đấu tranh chống sự xâm phạm đang được chuẩn bị đối với "sở hữu tư nhân".

Trong khi "người con cả của nhà thờ"^{2*} đang ở trong một tình hình khá mập mờ nước đôi như vậy đối với đạo quân thiêng liêng của mình, thì đạo quân trần tục của ông ta cũng đe dọa không chịu ngoan ngoãn phục tùng. Nếu ông ta thật sự nghiêm túc tìm cách can thiệp vào những trò tiêu khiển của các vị hảo hán, như các ngài Đờ Méc-xi, Lê-ô-đơ và I-en, thì ông ta sẽ mất uy tín của mình trong bộ phận quân đội duy nhất mà ông ta có thể dựa vào. Còn như trái lại, nếu ông ta để cho tề tham nhũng của bọn vệ binh hoành hành, tề tham nhũng mà ông ta đã khuyến khích một cách có hệ thống ngay từ ngày diễu binh ở trại Xa-tô-ri, thì mọi kỷ luật sẽ không còn, và quân đội sẽ tỏ ra không đủ khả năng chống lại sự đụng độ nhỏ nhất từ bên ngoài. Còn có một sự kiện nữa là việc ám sát biên tập viên tờ "Figaro"³⁶⁶, và sự đụng độ đó sẽ xảy ra. Về sự bất bình chung lan tràn khắp mọi nơi, chúng ta có thể xét thấy qua chỉ mỗi một việc là khi tin về vụ quyết đấu bay đến

1* - đảo chính

2* - Na-pô-lê-ông III

Pa-ri, thì khoảng gần 5 000 người trẻ tuổi đã lũ lượt từng tốp ủa đến bureaux^{1*} báo "Figaro", yêu cầu ghi tên của họ vào danh sách những người sẵn sàng đấu với bất cứ tên thiếu ụy nào nhận lời thách đấu. Dĩ nhiên, chính tờ "Figaro" là đứa con đẻ của Bô-na-pác-tơ đang cầm đầu cái lũ nhà báo chuyên gây chuyện tai tiếng, dọa dẫm và vu khống, lũ nhà báo này bỗng chốc mọc lên sau cuộc trấn áp báo chí chính trị bằng bạo lực nhờ tìm được miếng đất và bầu không khí thuận lợi cho sự nảy nở sum suê của mình trong điều kiện của Đế chế Nhỏ hiện nay. Sự trở trêu của lịch sử được biểu hiện rất tể nhị ở chỗ cuộc độ sức đổ máu giữa những đại biểu báo chí và những đại biểu quân sự của bè lũ Bô-na-pác-tơ có thể là hiệu lệnh cho cuộc xung đột đang tới gần.

*Do C.Mác viết ngày 27 tháng Năm 1858
Đã đăng trên báo "New - York Daily
Tribune" số 5348, ngày 11 tháng Sáu
1858*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

* - toà soạn

PH.ĂNG-GHEN

* KHỞI NGHĨA Ở ẨM ĐỘ

Mặc dù có những chiến dịch lớn của người Anh thoát đầu chiếm Đê-li, rồi sau chiếm Lác-nau, những thành phố lần lượt làm trung tâm chính cho cuộc khởi nghĩa của người Xi-pai, công cuộc bình định ẨM ĐỘ vẫn còn lâu mới kết thúc. Thực ra có thể khẳng định rằng những khó khăn thật sự về mặt này chỉ mới bắt đầu. Chừng nào nghĩa quân Xi-pai còn tập trung thành những khối người đông đảo, chừng nào chiến tranh mang tính chất những cuộc công hãm và những cuộc giao tranh ác liệt qui mô lớn, thì ưu việt to lớn của quân Anh trong những hành động quân sự loại như vậy vẫn còn tạo cho họ tất cả những lợi thế. Nhưng cuộc chiến tranh hiện nay mang một tính chất mới, mà với tính chất này thì những lợi thế đó chắc sẽ bị giảm sút rất nhiều. Việc chiếm Lác-nau vẫn chưa làm cho Au-đơ phải khuất phục, và thậm chí có khuất phục được Au-đơ thì vẫn chưa bình định được ẨM ĐỘ. Toàn thể Vương quốc Au-đơ có nhan nhản những pháo đài lớn nhỏ, và dù có thể là không một pháo đài nào trong số đó đủ sức chịu đựng lâu dài một cuộc công hãm đúng đắn, việc lần lượt hạ những pháo đài này vẫn không những là hết sức khó khăn và kéo dài, mà sẽ còn chuốc lấy những tổn thất lớn hơn nhiều so với những chiến dịch đánh chiếm những thành phố lớn như Đê-li và Lác-nau.

Song sẽ phải đánh chiếm và bình định không chỉ một mình Vương quốc Au-đơ mà thôi. Quân Xi-pai bị đánh tan, bị đẩy ra khỏi Lác-nau, tản mác và chạy về mọi hướng. Một số lớn đã tìm được chỗ ẩn náu ở phía bắc, trong những vùng núi của Rô-hin-can-đơ là nơi vẫn đang nằm hoàn toàn trong tay nghĩa quân. Số khác chạy về hướng đông, tới Gô-rắc-pua, quân đội Anh mặc dù trong khi hành quân tới Lác-nau đã đi qua vùng này, bây giờ vẫn phải chinh phục nó một lần nữa. Nhiều nghĩa binh đã lọt được về phía nam, tới Bun-đen-han-đơ.

Thực ra, hình như cũng đã có cả những cuộc tranh cãi về vấn đề làm thế nào thì tốt hơn, và phải chăng nên thoát đầu thì bình định tất cả những vùng xa xôi, nơi mà nghĩa quân ắt có thể tìm được chỗ ẩn náu, và chỉ sau đó mới hướng những chiến dịch của mình vào lực lượng chính của nghĩa quân tập trung tại Lác-nau. Người ta nói đây là kế hoạch tác chiến mà giới quân nhân thích chọn; song điều khó hiểu là bằng cách nào mà có thể, với số quân hạn chế có trong tay người Anh, chiếm đóng tất cả những khu vực lân cận này nhằm ngăn không cho quân Xi-pai tháo chạy lọt vào đấy, sau khi họ bị đuổi sạch ra khỏi Lác-nau, và đồng thời khỏi phải đánh chiếm những khu vực này lần thứ hai, như điều đã xảy ra ở Gô-rắc-pua.

Từ khi hạ được Lác-nau thì lực lượng chính của nghĩa quân hình như đã rút lui theo hướng Ba-rây-li. Có tin là cả Na-na Xa-hi-bơ cũng ở đấy. Người ta thừa nhận là phải mở một cuộc hành quân vào mùa hè tới thành phố và khu vực này, cách Lác-nau trên một trăm dặm về phía tây - bắc, và theo tin tức sau cùng thì ngài Cô-lin Kem-pơ-ben đã đích thân tới đó.

Trong lúc ấy thì chiến tranh du kích hình như đang lan rộng ở các hướng khác nhau. Trong lúc mà quân đội tiến về hướng bắc thì những nhóm nghĩa binh tản mác lẻ tẻ vượt qua sông Hằng tới Đô-áp, cắt đứt liên lạc với Can-cút-ta và bằng những cuộc tàn phá của họ, làm cho người nông dân không còn khả năng trả được thuế ruộng, hoặc ít ra là tạo cho họ lý do để không nộp thuế.

Thậm chí việc chiếm được Ba-rây-li không những sẽ không phải là phương tiện chống lại được tất cả những cảnh tàn phá ấy, mà

chắc chắn còn làm tăng thêm nữa. Ưu thế của người Xi-pai chính là nằm trong cái phương thức tác chiến lộn ẩu này. Về tốc độ vận động họ cũng vượt quân Anh như là quân Anh có thể vượt họ trong chiến đấu. Quân Anh không thể vận động với tốc độ hai chục dặm một ngày, còn quân Xi-pai thì đi bốn chục dặm, thậm chí sáu chục dặm một ngày khi hành quân cấp tốc. Tốc độ vận động nhanh như vậy cũng là ưu điểm chính của quân Xi-pai, ưu điểm này cộng với khả năng chịu đựng khí hậu của họ và việc tương đối dễ kiếm lương thực của họ làm cho họ trở thành những người cần thiết cho cuộc chiến tranh ở Ấn Độ. Thiệt hại của quân Anh trong lúc chiến đấu, nhất là trong những chiến dịch mùa hè, là to lớn. Ngay bây giờ cũng đã cảm thấy rất thiếu người. Có lẽ cần phải truy nã những nghĩa binh lẻ trốn từ vùng này sang vùng khác ở Ấn Độ. Quân người Âu vị tất đã có thể dùng vào mục đích này, còn sự tiếp xúc của những nghĩa binh lang thang khắp nơi với những trung đoàn người bản xứ cho đến nay vẫn giữ vững lời thề từ Bom-bay và Ma-đrát tới thì có thể dẫn tới những cuộc khởi nghĩa mới.

Nhưng ngay cả nếu như không có sự gia nhập của những nghĩa binh mới trong vùng có chiến sự đi nữa thì vẫn có ít nhất là mười lăm vạn người được vũ trang, trong lúc đó thì dân chúng không vũ khí lại không hề ủng hộ người Anh và không báo cho họ biết những tin tức cần thiết.

Thêm vào đó, hạn hán ở Ben-gan đang đe dọa đưa tới nạn đói - một tai họa chưa từng thấy trong thế kỷ này, mặc dù trong những thời gian trước đây, và thậm chí sau khi Ấn Độ bị người Anh xâm chiếm, hạn hán vẫn là nguồn gốc gây ra những nỗi đau khổ khủng khiếp.

*Do Ph.ăng-ghen viết cuối tháng Năm 1858
Đã đăng làm xã luận trên báo "New - York
Daily Tribune" số 5351, ngày 15 tháng Sáu
1858*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

PH.ĂNG-GHEN

QUÂN ĐỘI ANH Ở ẤN ĐỘ

Sở thích viết những bài tường thuật có màu sắc rực rỡ đã thúc đẩy người bạn đồng nghiệp làm báo xốc nổi của chúng tôi, ông Uy-li-am Rốt-xen phóng viên của tờ "Times" ở Luân Đôn, một lần nữa lại mô tả cảnh cướp bóc Lát-nau khiến cho ở nước ngoài thiên hạ có một quan niệm không thật hay ho lắm về tính cách dân tộc Anh. Bây giờ mới tỏ tường rằng Đi-li là một nguồn "chiến lợi phẩm" cực kỳ to lớn và rằng, ngoài Cây-xác-bác thì chính thành phố Lát-nau cũng phải thưởng công cho lính Anh vì những thiếu thốn trước đây và những nỗ lực anh hùng của họ. Chúng tôi trích dẫn lời ông Rốt-xen:

"Có những đại đội có thể khoe rằng trong hàng ngũ của họ có những binh sĩ có của cải trị giá hàng ngàn pao xtéc-linh. Họ cho tôi biết là, một anh lính, với vẻ tự mãn, đã nói với một sĩ quan là có thể vay "bao nhiêu tiền tùy ý, nếu viên sĩ quan này muốn mua hàm đại uý". Số lính khác gửi cho bạn bè những khoản tiền lớn. Bức thư này chưa kịp tới nước Anh thì vô vàn kim cương, ngọc bích và ngọc trai thượng hạng đã kể lại một cách ôn tồn và hấp dẫn nhất câu chuyện của chúng về cuộc tấn công và cướp phá Cây-xác-bác. *May thay, các nàng mỹ miều đeo những đồ trang sức lấp lánh ấy... không thấy chúng được người ta lấy bằng cách nào và không hình dung những cảnh đi kèm theo sự cướp đoạt những báu vật ấy...* Một số sĩ quan đúng là đã kiếm được cho mình cả một tài sản... Trong những túi áo đã sờn của bộ quân phục hành quân, có khi lại ẩn giấu những chiếc hộp nhỏ chứa đựng cả một dinh cơ ở Xcốt-len và ở Ai-rơ-len và những ngôi nhà

xinh xắn, ẩm cúng ở ngoại ô dành cho những người thích săn bắn và câu cá ở những nơi có nhiều chim rừng và cá hương ngư trên địa cầu".

Đây hẳn là lý do khiến quân đội Anh nằm ý sau khi chiếm được Lác-nau. Hai tuần dành để cướp bóc thật không uổng phí. Sĩ quan và binh lính khi vào thành phố là những kẻ nghèo hoặc nợ như chúa chổm, mà khi ra thì bỗng trở nên giàu sụ. Đây không còn là những người như trước đây, những người mà người ta chờ đợi họ sẽ quay về với những nghĩa vụ nhà binh trước đây của mình, quay về phục tùng, ngoan ngoãn vâng lời, sẵn sàng chịu đựng mệt mỏi, thiếu thốn và tham gia chiến đấu. Song chẳng còn có thể nói gì đến những điều như vậy nữa. Quân đội được thả cho đi cướp bóc, đã vĩnh viễn thay đổi khác đi rồi; không mệnh lệnh nào, không uy lực nào của thủ trưởng quân sự có thể làm cho họ trở về tình trạng cũ. Bạn hãy nghe một lần nữa lời ông Rốt-xen.

"Thật là kỳ khôi khi thấy sự giàu có làm cho thứ bệnh hoạn nào đó phát triển như thế nào, tác động của thứ đã cướp được khiến con người trở nên lỗ mãng như thế nào và một vài tinh thể các-bon có thể gây ra những tan nát lớn như thế nào trong gia đình người đó, giữa những người gần gũi nhất và thân thiết nhất... Thất lưng nặng trĩu, đầy những ru-pi và tiền vàng khiến anh tin vào những mơ ước của mình" (về cảnh sống an lạc, tự do nơi quê nhà) "có thể biến thành hiện thực, và không lấy làm lạ rằng khẩu lệnh "đứng nghiêm! đứng nghiêm!" làm cho anh bực tức... Hai trận giao chiến, hai lần chia chiến lợi phẩm, sự cướp bóc hai thành phố và nhiều trường hợp kiếm chác nhỏ nhuhn lúc đi qua - tất cả những cái đó làm cho một số trong binh lính của ta quá giàu có so với nhà binh nghiệp".

Do đó, chúng tôi biết là trên 150 sĩ quan nộp đơn xin giải ngũ cho ông Cô-lin Kem-pơ-ben, - một hành vi thật sự chưa từng có trong các đội quân đang mặt đối mặt với kẻ thù, một hành vi mà trong đó bất cứ quân đội nào khác cũng hẳn phải dẫn tới việc hạ chức trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ và những hình phạt khác nghiêm khắc nhất; nhưng, như chúng ta thấy, trong quân đội Anh người ta coi hành vi đó như là một điều rất tự nhiên đối với "sĩ quan và quân tử" đột nhiên vớ được tài sản. Còn về binh lính thường thì sự việc lại khác. Việc cướp bóc sinh ra thêm muốn cướp bóc nữa; và nếu như cạnh đấy không còn những kho tàng

Ấn Độ để mà cướp thì tại sao lại không cướp những kho tàng của Chính phủ Anh? Bởi vậy, như ông Rốt-xen kể:

"Đã có trường hợp, hai xe tải chở những hòm tiền bạc bị đổ nhào một cách đáng ngờ, những chiếc xe này được đội vệ binh người Âu bảo vệ, thêm vào đó, người ta phát hiện thấy mấy một số ru-pi, vì vậy để làm nhiệm vụ khó khăn như hộ tống ngân quỹ người ta lại thích dùng lính bản xứ".

Thật quả là khá! Lính Hin-đu và lính Xích có kỷ luật hơn, ít trộm cắp và ít tham lam hơn lính Anh, hơn cái mẫu mực chiến binh vô song này đấy! Tuy nhiên, cho đến nay chúng ta chỉ mới thấy từng người Anh riêng biệt hành động như thế nào. Bây giờ hãy xem quân đội Anh nói chung hám "chiến lợi phẩm" ra sao:

"Của cải chiến lợi phẩm tăng lên từng ngày một, và, theo người ta đánh giá, đem bán hết sẽ được 600 000 pao xtéc-linh. Người ta nói rằng thành phố Can-pua chất đầy của cải cướp được ở Lác-nau; và giá có thể tính được giá trị tổn thất gây cho các công trình công cộng, giá trị tài sản tư nhân bị phá hoại, giá trị thiệt hại gây cho các ngôi nhà và các khoảnh ruộng đất và tổng cộng được kết quả sự huỷ diệt dân chúng thì ắt là thủ đô Au-dơ bị thiệt hại tới năm hoặc sáu triệu pao xtéc-linh".

Bây bộ lạc Can-mức của Cát Tư Hãn và Ti-mua đổ tới các thành phố tựa như những đám mây châu chấu đen rợp trời và tàn phá tất cả những gì chúng gặp phải trên đường chắc hẳn còn là phúc lành cho đất nước so với sự đột nhập của binh lính Anh Cơ Đốc giáo văn minh, hào hiệp và cao thượng này. Những kẻ thứ nhất, ít ra cũng đã đi qua nhanh chóng trên con đường du mục của mình; còn những người Anh có tập quán nền nếp này thì đi đâu cũng dẫn theo bên mình những nhân viên kiểm kê chiến lợi phẩm, những kẻ này biến cướp bóc thành hệ thống, ghi sổ những thứ cướp được, đem bán đấu giá chúng và cảnh giác theo dõi nhằm để cho những anh hùng nước Anh không bị lừa dối trong việc tự khen thưởng mình. Thật là kỳ thú khi thấy quân đội này, với kỷ luật đã bị lỏng lẻo vì cướp bóc tràn lan, sẽ tỏ rõ khả năng ra sao, lúc mà những khó khăn của cuộc hành quân vào mùa nóng nực đòi hỏi một kỷ luật chặt chẽ nhất.

Tuy nhiên, người Ấn Độ vào lúc này tất còn kém thích nghi với những cuộc tác chiến chính quy hơn so với lúc họ ở Lác-nau, nhưng

vấn đề chính bây giờ không phải ở chỗ đó. Điều quan trọng hơn nhiều là, phải làm gì trong trường hợp nếu nghĩa quân, sau khi vỡ chống cự, bèn chuyển vùng tác chiến - chẳng hạn chuyển vào Rát-pu-ta-na, một vùng còn lâu mới bình định được. Ông Cô-lin Kem-pơ-ben buộc phải để lại quân đồn trú khắp nơi; quân đội đã chiến của ông tản đi trên một nửa so với số lượng quân đội của ông tác chiến ở Lác-nau. Mà nếu buộc phải chiếm đóng Rô-hin-can-dơ thì ông ta còn lực lượng nào để tác chiến ở chiến trường? Hiện nay ông ta đang vấp phải mùa oi bức; và tháng Sáu những trận mưa rõ ràng đã làm gián đoạn những hoạt động quân sự tích cực và cho phép nghĩa quân nghỉ ngơi. Tổn thất của lính Âu vì bệnh tật chắc hẳn tăng lên từng ngày một, từ trung tuần tháng Tư, lúc mà thời tiết trở nên oi bức không chịu nổi, và chắc là những lính trẻ được chở tới Ấn Độ mùa đông trước sẽ bị chết vì điều kiện khí hậu khắc nghiệt nhiều gấp bội so với những kẻ tham gia các cuộc hành quân ở Ấn Độ đã được tôi luyện, những kẻ mà mùa hè trước đã chiến đấu dưới quyền chỉ huy của Ha-vơ-lốc và Uyn-xơn. Rô-hin-can-dơ không phải là cứ điểm có ý nghĩa quyết định hơn so với Lác-nau hay Đê-li. Đành rằng, nghĩa quân phần lớn đã mất khả năng tiến hành những cuộc giao chiến quyết định, nhưng hiện nay họ tản mác khắp nơi nên còn nguy hiểm hơn nhiều khiến người Anh phải hao binh tổn tướng do những cuộc hành quân trong điều kiện khí hậu bất lợi. Hãy chú ý đến một số lớn trung tâm đề kháng mới. Đó là Rô-hin-can-dơ, nơi tập trung đông đảo quân Xi-pai cũ; đó là vùng đông - bắc Au-dơ nằm ở phía Gô-gra, nơi mà người Au-dơ đã cố thủ; đó là Can-pi hiện nay làm địa điểm tập trung cho nghĩa quân Bun-đen-han-dơ. Điều rất chắc chắn là, một vài tuần nữa, nếu như không phải sớm hơn, chúng ta sẽ nghe tin Ba-rây-li và Can-pi thất thủ. Việc chiếm được Ba-rây-li sẽ ít có ý nghĩa, vì chiến dịch này nuốt tất cả hoặc hầu như tất cả những lực lượng nằm trong tay Kem-pơ-ben. Quan trọng hơn sẽ là việc chiếm Can-pi, nơi hiện giờ đang bị uy hiếp bởi tướng Uýt-lốc dẫn quân từ Nác-pua vào thành phố Ban-đa ở Bun-đen-han-dơ và tướng Rô-dơ từ phía Giơ-han-xi tiến đến và đã đánh bại đội tiền quân của quân Can-pi; Can-pi thất thủ sẽ giải phóng Can-pua - căn cứ tác chiến của

Kem-pơ-ben - khởi nguy cơ duy nhất đe dọa thành phố này và như vậy, có lẽ sẽ cho phép Kem-pơ-ben bổ sung vào quân đã chiến của mình một số lượng quân của những đội quân nhờ đó đã được giải phóng. Song điều rất đáng ngờ là liệu ông ta còn đủ quân để làm một cái gì đó nữa, ngoài việc quét sạch nghĩa binh khỏi Au-dơ.

Như vậy, đội quân Anh hùng mạnh nhất, một đội quân mà xưa kia đã tập trung tại một điểm ở Ấn Độ, bây giờ lại phân tán ra mọi hướng và sẽ phải làm nhiều việc hơn so với khả năng đảm nhiệm của nó. Những sự huỷ diệt do khí hậu vào mùa hè nóng bức và mưa rào tất nhiên là khủng khiếp; và dù cho người Âu có ưu thế tinh thần so với người Ấn Độ bao nhiêu đi nữa, thì vẫn còn một câu hỏi lớn là ưu thế thể chất của người Ấn Độ không sợ nóng bức và mưa rào của mùa hè Ấn Độ liệu có là phương tiện để tiêu diệt lực lượng quân sự của Anh không. Hiện nay trên đường sang Ấn Độ chỉ còn một số ít quân Anh, và trước tháng Bảy hoặc tháng Tám người ta không định gửi viện binh lớn sang đây. Bởi vậy, cho mãi đến tháng Mười và tháng Mười một trong tay Kem-pơ-ben vẫn chỉ có mỗi một quân đội này, mà với nó ông cần phải giữ vững vị trí của mình, nhưng nó lại đang nhanh chóng tan đi. Tình hình sẽ như thế nào nếu như những người Ấn Độ nổi loạn trong thời gian này lại dấy lên được cuộc khởi nghĩa ở Rát-pu-ta-na và trong đất nước của dân Ma-rát-kho? Nếu người Xích - mà trong quân đội Anh có 80 000 người, những người có xu hướng giành lấy cho mình toàn bộ danh dự chiến thắng và có thái độ không thật là hữu hảo đối với người Anh - nổi dậy thì sao?

Rốt cuộc thì người Anh, có lẽ ít ra cũng còn một chiến dịch mùa đông nữa ở Ấn Độ, và chiến dịch này sẽ không thể tiến hành được, nếu không có một đội quân nữa từ nước Anh gửi sang.

Do Ph.ăng-ghen viết vào khoảng ngày 4 tháng Sáu 1858

Đã đăng làm xã luận trên báo "New - York Daily Tribune" số 5361, ngày 26 tháng Sáu 1858

In theo bản đăng trên báo Nguyên văn là tiếng Anh

C.MÁC

TÌNH HÌNH THƯƠNG MẠI CỦA ANH

Luân Đôn, ngày 8 tháng Sáu 1858

Những tài liệu thống kê về thương mại và về hàng hải vừa mới được bộ thương mại Anh đưa ra có những số liệu về giá trị được công bố về xuất khẩu của Vương quốc liên hợp trong ba tháng của năm 1858, tính đến hết ngày 31 tháng Ba, so sánh với cùng thời kỳ này của năm 1857; những số liệu về số lượng và về trọng tải của các tàu vận tải hàng hoá, mà các tàu này đã cập bến và nhỏ neo rời bến trong bốn tháng của năm 1858, tính đến hết ngày 30 tháng Tư, so sánh với cùng thời kỳ này của các năm 1856 và 1857, và cuối cùng là những số liệu về các điều khoản chủ yếu của xuất khẩu và nhập khẩu trong thời gian bốn tháng, tính đến hết ngày 30 tháng Tư 1858. Giá trị xuất khẩu trong tháng Tư 1858 là 9 451 100 p.xt., so với 9 965 000 p.xt. trong năm 1857 và 9 424 000 p.xt. trong năm 1856, còn giá trị xuất khẩu trong bốn tháng đầu của năm 1858 đã giảm xuống gần 6 000 000 pao xtéc-linh. Vậy là việc xuất khẩu của nước Anh trong tháng Tư 1858 hình như không chỉ vượt mức của năm 1856, mà hầu như đã đạt được các chỉ tiêu của năm 1857, trong khi đó, cách đây vài tháng ở Mỹ đã nổ ra cuộc khủng hoảng thương mại. Từ đó có thể kết luận rằng những vết tích cuối cùng của cuộc khủng hoảng biến mất một cách nhanh chóng và nền thương mại Anh ít ra lại bước vào một thời kỳ sôi động mới. Tuy vậy, kết luận như thế

có thể sai lầm nghiêm trọng. Trước hết cần phải thấy rằng thống kê chính thức, trong chừng mực nó đề cập đến giá trị đã được công bố, phản ánh không phải số liệu thực tế, mà là những sự đánh giá riêng của những người xuất khẩu. Hơn nữa, nghiên cứu kỹ hơn những số liệu về xuất khẩu làm chúng tôi tin rằng sự sôi động bề ngoài của nền thương mại Anh chủ yếu là do xuất khẩu quá mức sang Đông Ấn, điều đó tất phải dẫn tới chỗ thu hẹp rất nhiều thị trường này. Trong bản thông báo thương mại gần đây của hãng Gioóc-giơ Phrây-de-rơ và các công ty có đoạn viết:

"Những tin vừa mới nhận được từ phương Đông chỉ rõ những triệu chứng về sự hạ giá so với mức giá cả cao bất thường ở Bom-bay và Can-cút-ta trong thời kỳ những sự cung cấp cho các thành phố này bị hạn chế. Một sự hạ giá rất nhiều đã xảy ra sau khi hàng hoá được vận chuyển từ Anh đến không chậm quá tháng Chạp. Từ đó cả hai thị trường được cung cấp rất rộng rãi, nói đúng hơn, thậm chí quá phong phú, cho nên có lẽ chúng tôi phải chờ đợi trong khoảng thời gian nào đấy mức giá sẽ được giữ vững chút ít do lượng cầu tăng lên ở phương Đông từ đầu tháng Giêng quyết định".

Ngoài Ấn Độ ra, nhiều nước châu Âu và những nước khác cho đến giờ chưa bị cuộc khủng hoảng thương mại đụng chạm tới đã tràn ngập hàng hoá của Anh không phải vì nhu cầu tăng lên, mà chỉ là để thí nghiệm. Nước Bỉ, Tây Ban Nha và những thuộc địa của nó, một vài quốc gia I-ta-li-a - đặc biệt Vương quốc của hai xứ Xi-xin, Ai Cập, Mê-hi-cô, Trung Mỹ, Pê-ru, Trung Quốc và một vài thị trường nhỏ nhỏ là những nước đã có được điểm phúc như thế. Cũng vào đúng thời gian đó, nhân vì những tin tức rất xấu từ Bra-xin đưa về, tổng xuất khẩu sang đất nước này đã bị chặn lại, một số những ngành riêng biệt của nền công nghiệp Anh bị buộc phải tìm kiếm những lỗ hổng để tuồn những sản phẩm thừa của mình, không những thu hẹp mà thậm chí còn đẩy mạnh việc chuyển hàng hoá sang thị trường này. Chẳng hạn, trong suốt tháng Tư cả số lượng, cả giá hàng đã công bố của vải gai, đồ gốm và đồ sứ xuất sang Bra-xin đã tăng lên. Việc xuất khẩu các loại hàng đó hoàn toàn không thể nào được xem là việc xuất khẩu bona fide^{1*}. Sự nhận định này cũng còn quan hệ đến cả Ô-xtrây-li-a nữa,

1* - chân chính

trong những tháng đầu tiên của cuộc khủng hoảng, nước này chỉ là trung tâm co giãn thu hút hàng hoá. Lúc ấy và ngay cả hiện giờ Ô-xtrây-li-a đã và đang bị hàng hoá tuồn vào đầy ắp; một sự phản ứng nào đấy bất ngờ đã tới; tổng xuất khẩu sang nước này đã giảm đi, những mặc dù các báo chí địa phương ở Ô-xtrây-li-a đã cảnh cáo, một số ngành riêng biệt của nền công nghiệp Anh đáng lẽ phải giảm bớt việc cung ứng của nó, thì thực tế lại tăng việc cung ứng lên, dĩ nhiên với những mục đích đầu cơ trực lợi. Vì thế những bản báo cáo về xuất khẩu trong suốt tháng Tư cần được xem xét không phải như là dấu hiệu sôi động bona fide của nền công nghiệp Anh, mà chỉ như là những cái vôi thò ra để xác định xem lúc này các thị trường khác nhau của thế giới có khả năng chịu đựng được áp lực nào. Bảng sau đây nêu ra những số liệu về giá trị đã được công bố về xuất khẩu từ Anh và Ai-rơ-len trong ba tháng của năm 1858, tính đến hết ngày 31 tháng Ba, với cùng thời kỳ này của năm 1857:

Những nước ngoài có hàng Anh xuất sang

	Năm 1857	Năm 1858
	P.xt.	
Nước Nga, các cảng ở miền bắc.....	3 015	8 853
Nước Nga, các cảng ở miền nam.....	72 777	42 493
Thụy Điển.....	48 007	3 717
Na-uy.....	30 217	5 911
Đan Mạch.....	92 046	40 148
Phổ.....	133 000	78 917
Méch-len-buốc.....	9 502	3 099
Han-nô-vơ.....	288 648	236 689
Ô-đen-buốc.....	3 520	19 57
Những thành phố Han-đây.....	2 318 260	1 645 419
Hà Lan.....	1 305 606	975 428
Bỉ.....	515 175	546 033
Pháp.....	1 631 672	1035 096
Bồ Đào Nha.....	380 160	356 178
Quần đảo A-dốp.....	10 793	12 581
Ma-đây-ra.....	9 955	16 245
Tây Ban Nha.....	496 788	584 287

Quần đảo Ca-na-ra.....	18 817	8475
Xác-di-ni.....	29 0131	293 138
Tô-xca-na.....	189 584	257 508
Các lãnh địa của Toà thánh.....	69 953	123 059
Vương quốc của hai xứ Xi-xin.....	284 045	375 177
Những lãnh thổ Áo.....	253 042	323 086
Hy Lạp.....	40 860	69 570
Thổ Nhĩ Kỳ.....	969 288	821 204
Va-la-ki và Môn-đa-vi-a.....	111 052	93 135
Xi-ri và Pa-le-xtin.....	199 070	81 874
Ai Cập (những cảng ở Địa Trung Hải).....	449 497	483 516
Tuy-ni-đi.....	865	2 323
An-giê-ri.....	4 790	4 831
Ma-rốc.....	55 826	37 206
Bờ phía Tây châu Phi (không thuộc Anh).	235 527	196 484
Bờ phía Đông châu Phi.....	301	1 927
Những cảng châu Phi trên biển Hồng Hải.....	1 130	567
Quần đảo Cáp Ve.....	2 419	3965
Gia-va.....	234 071	149 493
Quần đảo Phi-líp-pin.....	144 992	212 942
Trung Quốc (không kể Hồng Công).....	290 441	389 647
Quần đảo Pô-li-nê-di-a.....	-	585
Tây Ấn (không thuộc Anh).....	620 022	321 435
Mỹ (những cảng trên Thái Bình Dương).	6 231 501	2 565 566
Ca-li-phoóc-ni-a.....	50 219	94 147
Mê-hi-cô.....	112 277	151 890
Trung Mỹ.....	22 453	46 201
Tân Gra-na-da.....	88 502	117 411
Vê-nê-xu-ê-la.....	105 417	62 685
Ê-qua-đo.....	2 099	-
Bra-xin.....	1 292 325	826 583
U-ru-goay.....	145 481	177 281
Bu-ê-nốt - Ai-rét.....	285 187	279 913
Chi-lê.....	336 309	270 176
Pê-ru.....	209 889	299 725
Tổng cộng sang những nước ngoài.....	20 636 473	14 940 756

Đất thuộc địa của Anh

Quần đảo La-Măng-sơ.....	136 071	120 431
Gi-bran-ta.....	152 826	21 575
Man-ta.....	116 821	131 238
Quần đảo I-ô-niêng.....	66 148	52 849
Bờ phía Tây châu Phi (thuộc Anh).....	135 452	62 343
Mũi Hảo Vọng.....	442 796	403 579
Na-tan.....	26 605	23 106
Đảo Vô-dơ-nê-xê-ni-a.....	3 832	2 308
Đảo Ê-lê-na.....	3 837	8 416
Đảo Mô-ri-xơ.....	142 303	164 042
A-đen.....	11 263	11 996
Lãnh địa của Anh ở Đông Ấn..... (không kể Xin-ga-po và Xây-lan).....	2 822 000	3 502 664
Xin-ga-po.....	101 535	308 545
Xây-lan.....	98 817	153 090
Hồng Công.....	133 743	242 757
Tây Ô-xơ-rây-li-a.....	15 515	13 813
Nam Ô-xơ-rây-li-a.....	180 123	249 162
Miền nam xứ Oen-xơ mới.....	706 337	682 265
Vích-to-ri-a.....	1 427 248	1 056 537
Ta-xma-ni-a.....	67 550	82 942
Tân Tây Lan.....	96 893	93 768
Những thuộc địa của Anh ở Bắc Mỹ.....	818 560	439 433
Những quần đảo thuộc Anh ở Đông Ấn.....	334 024	426 421
Gu-a-na thuộc Anh.....	122 249	95 385
Hôn-đu-rát (những nơi có dân thuộc Anh).....	28 362	31 869
Tổng cộng sang những đất thuộc địa của Anh.....	8 191 020	8 569 534
Tổng cộng sang những nước ngoài và những đất thuộc địa của Anh.....	28 827 493	23 510 290

Theo nhận định của tờ "Economist", việc phân tích tỉ mỉ những con số này "phát hiện ra một sự kiện thú vị là xuất khẩu của nước Anh giảm đi chỉ hoàn toàn là đối với việc buôn bán với các

nước ngoài, không phải đối với những đất *thuộc địa* riêng của nước Anh". Thật vậy, có thể mô tả bảng đã được nêu ra ở trên dưới dạng vắn tắt như sau:

Xuất khẩu trong ba tháng

	Năm 1857	Năm 1858
	P.xt.	
Sang những nước ngoài.....	20 636 473	14 940 756
Sang những đất thuộc địa của Anh.....	8 191 020	8 569 534
Tổng cộng.....	28 827 49	23 510 290

Thế nhưng chúng tôi thấy những kết luận do tờ "Economist" đưa ra là sai. Theo số liệu tổng kết thì việc buôn bán với những nước ngoài đã giảm với số tiền là 5 695 717 p.xt., còn việc buôn bán với những nước thuộc địa cũng trong thời gian đó đã tăng lên 378.514 pao xtéc-linh. Song nếu không tính đến việc tăng xuất khẩu sang những trung tâm buôn lậu của Anh như: Gi-bran-ta, Man-ta, Hồng Công là những điểm như Xin-ga-po, - những nơi này chỉ là những kho để buôn bán với các nước ngoài - thì giảm sút chung về buôn bán với các thuộc địa trở nên rõ ràng, còn nếu không tính đến Ấn Độ, thì sự giảm sút này rất lớn. Về buôn bán với các nước ngoài, sự giảm sút chủ yếu rơi vào những nước sau đây:

	Năm 1857	Năm 1858
	P.xt.	
Mỹ.....	6 231 501	2 565 566
Bra-xin.....	1 292 325	826 583
Những thành phố Han-dây.....	2 318 260	1 645 410
Pháp.....	1 631 672	1 035 096
Hà Lan.....	1 305 606	975 428

Những số liệu về hàng hải chỉ ra rằng con số và trọng tải của những tàu Anh trở về nước Anh đã tăng lên chút ít, nhưng con số và trọng tải của những con tàu rời bến đã giảm đi. Trong số các nước ngoài thì Mỹ vẫn chiếm vị trí thứ nhất về giao lưu

hàng hải. Những con số sau đây chỉ ra số lượng tàu Mỹ đã đi đến và rời những bến cảng của Anh:

Năm 1856		Năm 1857		Năm 1858	
<i>Cập bến</i>					
Số lượng tàu	Trọng tải	Số lượng tàu	Trọng tải	Số lượng tàu	Trọng tải
Mỹ..... 382	383 255	367	366 407	366	366 650
<i>Rời bến</i>					
Mỹ..... 414	3 595 102	440	427 221	343	321 015

Từ những số liệu đó thấy rõ rằng Na-uy, Đan Mạch và Nga là những nước mà giao lưu hàng hải chịu sự tác động đặc biệt nặng nề của khủng hoảng thương mại.

*Do C.Mác viết ngày 8 tháng Sáu 1858
Đã đăng trên báo "New - York Daily
Tribune" số 5356, ngày 21 tháng Sáu
1858*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

C.MÁC

CÁC CHÍNH ĐẢNG Ở ANH – TÌNH HÌNH CHÂU ÂU

Hiện nay nước Anh đang bày ra cảnh tượng đáng chú ý về một sự tan rã diễn ra ở những bộ phận đầu não của nhà nước, trong khi nền tảng xã hội nói chung dường như vững chắc. Không nghe thấy những sự xao xuyến nào trong quần chúng nhân dân, thế nhưng những sự thay đổi rõ rệt đang diễn ra trong giới những người lãnh đạo họ. Thực tế các tầng lớp đầu não của xã hội đang tan rã, trong khi các tầng lớp dưới vẫn ở trong tình trạng khô cứng, trị trệ như trước hay sao? Đương nhiên, chúng tôi không muốn nói đến những mưu toan tráo tráo của Pan-móc-xtơn, và của những tên tay sai của ông ta nhằm "chiếm lấy cho mình" cơ quan ngân khố³⁶⁷. Cuộc đấu tranh giữa những người đang nắm chính quyền và phái đối lập là một đặc điểm thường xuyên của lịch sử Nghị viện Anh, giống như cuộc xung đột vũ trang giữa những người bị trục xuất về chính trị và những người xua đuổi họ trong biên niên sử thời Trung cổ của các thành phố I-ta-li-a. Nhưng đang đứng trước chúng ta là một nhà lãnh đạo của đảng To-ri ở hạ nghị viện^{1*}, ông ta đã kết thúc bài diễn văn của ông bằng lời tuyên bố báo điều không lành:

"giữa chúng ta" (những người cấp tiến và To-ri) "có một cái gì đó làm chúng

1* - Đì-xra-e-li

ta liên hiệp lại ở trong nghị viện cũng như ở trong nước - đó là chúng ta sẽ không còn muốn trở thành những công cụ hay những nạn nhân của tập đoàn thống trị đã lỗi thời".

Còn đây là thượng nghị viện, kế tiếp nhận một trong những điểm của Hiến chương nhân dân - huỷ bỏ các điều kiện tối thiểu về tài sản đối với những thành viên của hạ nghị viện³⁶⁸, đây là hậu bối của người cải lương thuộc đảng Vích, huân tước Grây, đang cảnh cáo những bạn đồng nghiệp quý phái của mình, rằng họ "đang đi đến một cuộc cách mạng triệt để trong toàn bộ hệ thống cai trị của mình và trong tính chất bản hiến pháp của mình". Đây là công tước Rốt-len, người đã sợ đến chết khiếp cái viễn cảnh phải nuốt "tất cả năm điểm của bản hiến chương và có lẽ thêm vào đó là một cái gì nữa". Còn đây là báo Luân Đôn "Times", hôm nay bằng giọng rất gở đã cảnh cáo giai cấp tư sản rằng Đì-xra-e-li và Bun-vơ không muốn điều tốt lành cho giai cấp tư sản và có thể thống nhất với bọn dân đen để tiện để kìm giữ giai cấp tư sản, nhưng đến ngày hôm sau lại cảnh cáo quý tộc ruộng đất phải đề phòng nguy cơ bị bóp cổ bởi bọn tiểu thương là những người tựa hồ sẽ bắt đầu có sức mạnh do đạo luật của Lốc Kinh vừa mới được thông qua ở hạ nghị viện trong lần đọc thứ hai, bởi vì đạo luật này đã mở rộng quyền bầu cử ở các lãnh địa bá tước cho những người thuê nhà trả 10 p.xt. tiền thuê trong một năm.

Vấn đề là ở chỗ hai đảng thống trị đang cầm quyền ở Anh từ lâu đã biến thành những bọn tầm thường không có những nguyên tắc nhất định nào cả. Sau những mưu toan không thành công nhằm xây dựng lúc đầu là một khối liên minh, rồi sau đấy là nền độc tài, hiện giờ hai đảng này đã đi đến tình trạng là một trong hai đảng có thể hy vọng kéo dài cuộc đời của mình chỉ sau khi đã trao lợi ích chung của họ vào tay kẻ thù chung của họ là đảng tư sản cấp tiến, đảng này có một người đại diện có thể lực ở hạ nghị viện là ngài Giôn Brai-tơ. Trước đây những người theo phái To-ri là những quý tộc thay mặt cho giới quý tộc cầm quyền, còn những người theo phái Vích là những quý tộc thay mặt cho giai cấp tư sản cầm quyền; nhưng từ khi giai cấp tư sản bắt đầu cầm quyền nhân danh chính bản thân mình thì vai trò của

những người theo phái Vích đã chấm dứt. Để không cho những người theo phái Vích nắm lấy chính quyền, những người theo phái To-ri sẽ nhượng bộ áp lực của đảng của giai cấp tư sản cho đến khi những người theo phái Vích không còn kiên nhẫn được nữa và nhóm quả đầu này tin rằng để cứu vãn lợi ích của bè lũ mình họ cần phải hoà vào hàng ngũ của những người theo phái bảo thủ và cần phải từ bỏ những tham vọng truyền thống của mình là làm người đại diện cho những lợi ích của phái tự do hoặc là tổ chức thành một lực lượng độc lập. Phái To-ri nuốt chửng phái Vích và cả hai phái đó biến thành một đảng quý tộc duy nhất đối lập với đảng mới của giai cấp tư sản, là đảng đang hoạt động dưới sự lãnh đạo của các lãnh tụ riêng của nó, dưới những ngọn cờ và dưới những khẩu hiệu riêng của nó - đó là quá trình mà hiện nay chúng tôi đang chứng kiến ở nước Anh.

Nếu chúng ta chú ý đến tình hình đối nội của nước Anh, và thêm vào đó, đem tình hình ấy đối chiếu với hoàn cảnh là cuộc chiến tranh Ấn Độ sẽ vẫn còn thu hút người và tiền bạc của nước Anh như trước, thì chúng ta sẽ thấy hoàn toàn rõ ràng nước Anh sẽ không thể ngăn cản nổi cuộc cách mạng rõ ràng đang đến gần ở châu Âu như hồi năm 1848, nếu như mười năm về trước cường quốc vĩ đại này đã kìm hãm hết sức mạnh mẽ dòng thác của cách mạng. Chúng tôi muốn nói đến nước Nga. Nhưng ngày nay chính dưới chân nó đã tàng trữ những nhiên liệu và chỉ cần một cơn gió mạnh từ phương Tây thổi tới là lập tức sẽ bùng cháy. Những triệu chứng chiến tranh của nông nô ở trong lòng nước Nga rõ ràng đến nỗi để giải thích sự sục sôi bất thường đó bản thân các chính quyền địa phương phải đổ tội cho nước Áo là nước dường như đang thông qua các phái viên bí mật mà truyền bá những học thuyết xã hội chủ nghĩa và cách mạng trên cả nước. Hãy nghĩ xem, người ta không những nghi ngờ nước Áo, mà còn công khai buộc nó vào tội dường như nó hành động với tư cách là phái viên của cách mạng! Sự thật thì cuộc thăm sát ở tỉnh Ga-li-xi-a³⁶⁹ đã chỉ cho toàn thế giới thấy rõ trong trường hợp cần thiết Nội các Viên biết dạy cho những người nông nô về chủ nghĩa xã hội theo sự phát minh riêng của mình như thế nào. Thêm vào đó, nước Áo đang phần nộ chống lại sự buộc tội như thế và

đang khẳng định rằng các tỉnh miền đông của nó đã bị tràn ngập và bị đầu độc bởi những tên gián điệp Nga theo chủ nghĩa đại Xla-vơ, còn những người I-ta-li-a thần dân của nó thì bị vướng vào mạng lưới mưu kế chung của Bô-na-pác-tơ và Nga hoàng. Cuối cùng, Phổ cảm thấy được sự nguy hiểm của tình hình, nhưng Phổ đã bị trói chặt cả tay chân nên không thể làm gì được. Vương quyền thực tế đã bị tê liệt do sự loạn trí của nhà vua và do quan nhiếp chính không có đầy đủ quyền lực. Cuộc đấu tranh giữa bọn triều thần của quốc vương - mà quốc vương thì đang từ chối không muốn bỏ ngai vàng và bọn tay chân của hoàng tử - mà hoàng tử thì chưa thể trị vì - đang mở ra địa bàn rộng rãi cho phong trào của quần chúng nhân dân.

Bởi vậy, mọi việc tùy thuộc vào nước Pháp, nhưng ở nước Pháp thì tình hình nghiêm trọng của nền thương mại và của nông nghiệp, coup d'état^{1*} tài chính và sự thay thế nền thống trị dựa vào quân đội bằng sự thống trị của chính quân đội đang góp phần đẩy nhanh sự bùng nổ. Ngay cả báo chí Pháp, cuối cùng cũng đã thừa nhận rằng, giờ đây tất cả những hy vọng về sự trở lại kỷ nguyên phồn vinh đều tan vỡ. "Chúng tôi cho rằng sẽ là ngu xuẩn nếu chọc tức công chúng bằng những hy vọng hão huyền về một sự phản động sắp tới", - tờ "Constitutionnel" viết như vậy. "Tình trạng đình đốn đang tiếp tục diễn ra, và mặc dù có những nhân tố thuận lợi, chúng tôi cũng không nên chờ đợi sự thay đổi nhanh chóng", - tờ "Patrie" viết như vậy; Tờ "Union"³⁷⁰ và tờ "Univers" lặp lại những lời than vãn đó như một tiếng vang. "Mọi người thừa nhận rằng từ thời kỳ Cách mạng 1848, Pa-ri chưa trải qua một cuộc khủng hoảng thương mại nào như hiện nay", - phóng viên của báo Luân Đôn "Times" ở Pa-ri viết như vậy: còn các cổ phiếu Crédit Mobilier thì đã giảm xuống 550 phrăng hoặc gần như thế, nghĩa là còn thấp hơn giá cả danh nghĩa mà theo đó các cổ phiếu đã được bán cho đông đảo công chúng. Mặt khác, kho bạc của hoàng đế trống rỗng buộc Na-pô-lê-ông phải kiên trì kế hoạch tịch thu^{2*} của ông ta. "Vấn đề duy nhất mà chúng tôi có thể nêu ra", - tờ

báo của nhà thờ - xuất bản ở An-giê viết, - "là có nên tôn trọng chế độ sở hữu hay không"... Hiện nay là chế độ sở hữu phải không! Bô-na-pác-tơ đáp lại, vấn đề duy nhất hiện nay cần đặt ra là làm thế nào để bảo đảm lòng trung thành của quân đội đối với mình và ông ta giải quyết vấn đề này bằng phương thức quen thuộc của ông ta. Cần phải mua toàn bộ quân đội một lần nữa. Ông ta ra lệnh tăng lương cho mọi người. Trong khi đó nước Anh lo ngại và nước Áo thì kinh hoàng. Mọi người coi chiến tranh là không thể tránh khỏi. Lu-i - Na-pô-lê-ông không có phương sách nào khác để tránh khỏi sự thất bại sắp tới. Sự bắt đầu của sự kết thúc đã tới gần.

*Do C.Mác viết ngày 11 tháng Sáu 1858
Đã đăng làm xã luận trên báo "New -
York Daily Tribune" số 5359, ngày 24
tháng Sáu 1858*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

1*- nguyên văn: cuộc đảo chính; ở đây: sự chuyển biến lớn

2*- Xem tập này, tr. 602 – 605.

C.MÁC

CHÍNH PHỦ ANH VÀ VẤN ĐỀ BUÔN BÁN NÔ LỆ

Luân Đôn, ngày 18 tháng Sáu 1858

Trong phiên họp của Thượng nghị viện Anh ngày 17 tháng Sáu, giáo chủ Óc-xphoóc đã nêu ra vấn đề buôn bán nô lệ và nhân danh giáo khu thánh Ma-ri-a trên hòn đảo Gia-mai-ca, đã đệ đơn thỉnh cầu chống lại việc buôn bán này. Cuộc tranh luận này ở Thượng nghị viện chắc chắn sẽ gây ra cho bất kỳ người nào ít nhiều không thiên vị ấn tượng rằng Chính phủ Anh hiện giờ đã tỏ ra hết sức kiềm chế trong vấn đề này và đã kiên quyết tránh mọi lý do tranh chấp với Hợp chúng quốc. Bằng lời tuyên bố dưới đây, huân tước Man-mơ-xbê-ri đã hoàn toàn gạt bỏ vấn đề về "quyền kiểm tra", khi vấn đề này có liên quan đến những con tàu mang cờ Mỹ.

"Hợp chúng quốc tuyên bố rằng trong bất cứ hoàn cảnh nào, vì bất cứ mục đích nào, dù có nảy sinh sự nghi ngờ gì đi nữa thì cũng không cho phép một con tàu nào, ngoài tàu Mỹ, có thể chạy sát cạnh con tàu mang cờ Mỹ; nếu thuyền trưởng của con tàu đó tiến lại gần thành của con tàu Mỹ hoặc làm cho tàu Mỹ chậm chễ, phải chịu mọi trách nhiệm và hậu quả của hành động này. Tôi không thừa nhận điều mà Bộ trưởng ngoại giao Mỹ nêu ra là phù hợp với công pháp quốc tế khi nó chưa được các quan toà của nhà vua tán thành và phê chuẩn. Nhưng đã thừa nhận điều đó rồi thì tôi nghiêm khắc báo trước cho Chính phủ Mỹ biết,

nếu như người ta biết rằng cờ Mỹ đang che đậy một sự phi pháp nào đó thì mỗi một tên cướp biển và mỗi một kẻ buôn nô lệ sẽ tìm cách dùng tàu có treo cờ này để đi lại; rằng điều đó hiện đang làm nhục lá cờ Mỹ đáng kính; và đáng lẽ phải giữ danh dự cho đất nước, thì bằng cách bám chặt lời tuyên bố hiện nay của họ, người Mỹ lại đạt được kết quả hoàn toàn ngược lại; kết cục là người ta sẽ làm cho lá cờ Mỹ ô nhục vì những mục đích rất thấp hèn. Cũng như trước đây, tôi sẽ đòi kỳ được rằng trong thế kỷ văn minh của chúng ta, khi mà hằng hà sa số con tàu đang rẽ sóng trên đại dương, thì cảnh sát phải thường xuyên tuần tra trên những vùng biển cả mệnh mông; rằng các nước - nếu điều này chưa được công pháp quốc tế dự kiến - phải tự mình thoả thuận với nhau về thủ tục nhận dạng quốc tịch của mỗi con tàu và về việc xác định quyền con tàu đó khi chạy mang cờ của nước này hay nước khác. Giọng điệu những lời lẽ của tôi, những cuộc đàm thoại của tôi với viên bộ trưởng - công sứ Mỹ ở đây, ở nước Anh, và những ý kiến nhận xét do tướng Ca-xơ trình bày một cách rất khéo trong bức thư của ông về một vấn đề này gây cho tôi một hy vọng lớn lao là nước Mỹ có thể sẽ thoả thuận về một hiệp nghị mà, sau khi nhận được những chỉ thị nào đó của những nhân vật trọng trách ở cả hai nước, thì hiệp nghị này sẽ đem lại cho chúng tôi khả năng tiến hành kiểm tra quốc kỳ của mọi nước mà không xúc phạm mạo hiểm đến nước có con tàu này hoặc con tàu khác".

Phái đối lập đã không có ai đứng lên tìm cách bảo vệ quyền kiểm tra của Đại Anh quốc đối với tàu Hợp chúng quốc, nhưng bá tước Grây đã nhận xét:

"Người Anh trước đây đã ký hiệp ước với Tây Ban Nha và những cường quốc khác nhằm mục đích ngăn chặn việc buôn bán nô lệ. Nếu họ có những lý do xác đáng để nghi ngờ rằng con tàu này hoặc con tàu khác đã được dùng vào việc buôn bán nô lệ, rằng con tàu tuy không phải là tàu Mỹ, nhưng lại sử dụng quốc kỳ Mỹ để làm việc đó, thì họ có quyền khám xét kỹ con tàu đó và tiến hành lục soát trên tàu. Nhưng nếu con tàu có thể xuất trình những giấy tờ của nước Mỹ - dù con tàu này chở chạt ních những người nô lệ - thì họ buộc phải phóng thích con tàu đã bị bắt giữ này, và phó cho Hợp chúng quốc chuốc lấy cái nhục về việc buôn bán bất chính đó. Tôi hy vọng và tin chắc rằng những tuần dương hạm của chúng ta sẽ nhận được những mệnh lệnh nghiêm ngặt về mặt này và tất cả những nhà chức trách nào cho phép vi phạm những luật lệ này thì sẽ phải chịu sự trừng phạt đích đáng".

Từ nay vấn đề chỉ hoàn toàn xoay quanh có một điểm này, nhưng ngay cả điểm này - cụ thể là có thể hay không thể yêu cầu những con tàu bị nghi ngờ sử dụng quốc kỳ Mỹ một cách bất hợp pháp xuất trình giấy tờ - dường như đã bị huân tước Man-mơ-xbê-ri lãng quên. Huân tước A-bóc-đin đã thắng thần phủ nhận khả năng nảy sinh bất cứ một cuộc tranh luận nào từ thực tiễn tương tự, bởi vì nhà chức trách Anh đã nhận được những chỉ thị mà căn cứ vào đó, họ cần phải hành động trong trường hợp như vậy. Những chỉ thị đó do tiến sĩ La-sinh-tơn và ngài Gi.Cốc-bi-ô-rơ-nơ khởi thảo đã được kịp thời thông báo cho Chính phủ Mỹ và được người đại diện của Chính phủ Mỹ là ngài Uên-bơ-xtéc tán thành. Vì thế, nếu những chỉ thị đó không bị sửa đổi và nếu những nhà chức trách hành động trong phạm vi của những chỉ thị đó, thì "Chính phủ Mỹ đã không thể có lý do gì để phàn nàn cả". Trên thực tế, hình như dư luận cũng đã bắt đầu nghi ngờ Pan-móc-xtơn rất nhiều về việc ông ta đã sử dụng một trong những thủ đoạn thông thường của ông ta, khi ông ta đưa một số điều sửa đổi tùy tiện vào những mệnh lệnh đối với những tuần dương hạm Anh trước đây. Người ta biết rằng Pan-móc-xtơn khoe khoang về sự nhiệt thành của mình trong cuộc đấu tranh chống lại việc buôn bán nô lệ, nhưng trong suốt mười một năm làm bộ trưởng ngoại giao cho đến tận năm 1841, ông ta lại vi phạm tất cả những hiệp ước hiện có liên quan đến việc buôn bán nô lệ, đồng thời ông ta đã đưa ra những quy định mà các nhà chức trách ngành tư pháp Anh coi là phạm tội, những quy định thực tế đã là nguyên nhân khiến một trong những người thi hành những mệnh lệnh của ông ta bị đưa ra toà, còn một kẻ buôn nô lệ thì lại được luật pháp của nước Anh bảo vệ chống lại ngay chính phủ của mình. Pan-móc-xtơn đã lựa chọn nghề buôn nô lệ làm bãi chiến trường của mình và biến nó thành một công cụ đơn thuần để gây ra những cuộc tranh cãi giữa nước Anh và các nước khác. Trước khi từ chức vào năm 1841, ông ta đã đưa ra những chỉ thị, mà theo lời của ngài Rô-bốt Pin, "ắt phải đưa đến sự đụng độ với Hợp chúng quốc, nếu như người ta không bãi bỏ chúng kịp thời". *Chính Pan-móc-xtơn đã nói rằng ông ta đã ra lệnh cho các sĩ quan hải quân "không được quá tôn trọng luật quốc tế".* Huân

tước Man-mơ-xbê-ri nói bóng gió - đành rằng với lời lẽ hết sức kìm chế - rằng "sau khi đã phái đoàn tàu Anh đến vùng biển Cu Ba, đáng lẽ phải để nó lại ở bờ biển châu Phi" thì Pan-móc-xtơn đã rút nó khỏi cái địa điểm mà tại đó, trước khi bắt đầu cuộc chiến với nước Nga, nó hầu như đã thanh toán được việc buôn bán nô lệ, và đã phái nó đến địa điểm mà tại đó nó chỉ có thể là nguyên do dẫn đến cuộc gây gổ với Hợp chúng quốc. Còn cựu đại sứ ở triều đình Xanh-Pê-téc-bua, huân tước Vút-hau-xơ, bộ hạ của Pan-móc-xtơn, thì tán thành sự trình bày đó và nhận xét:

"Những chỉ thị nào đã được đưa ra, điều đó không quan trọng; nếu chính phủ đã ra lệnh, theo lệnh đó một số lớn tàu Anh được phái đến vùng biển châu Mỹ, - điều này sớm hoặc muộn ắt phải dẫn đến những sự hiểu lầm giữa chúng ta với Hợp chúng quốc".

Song những kế hoạch của Pan-móc-xtơn có bí mật như thế nào đi nữa thì cũng rõ ràng là Chính phủ To-ri đã làm đổ vỡ những kế hoạch đó trong năm 1858 này, cũng như nó đã làm như thế vào năm 1842, và những tiếng kêu gào về chiến tranh vang lên rất to trong nghị viện và được báo chí ủng hộ, hoá ra là "gào to nhưng không ra đâu vào đâu cả".

Còn về chính vấn đề buôn bán nô lệ thì giáo chủ Ốc-xphoóc, cũng như huân tước Brum đã vạch mặt Tây Ban Nha là cái lò chính của việc buôn bán đê tiện này. Cả hai người đã kêu gọi Chính phủ Anh, bằng tất cả những phương tiện có sẵn trong tay, buộc Tây Ban Nha phải theo một chính sách phù hợp với những hiệp ước hiện có. Ngay vào năm 1814, một hiệp ước chung giữa Anh và Tây Ban Nha đã được ký kết và ngay trong hiệp ước này Tây Ban Nha cũng đã lên án hết sức rõ ràng việc buôn bán nô lệ. Vào năm 1817, một hiệp ước đặc biệt đã được ký kết, theo hiệp ước này, từ năm 1820 trở đi Tây Ban Nha buộc phải cấm những người thuộc quốc tịch mình buôn bán nô lệ và để bồi thường những sự thiệt hại do việc thực hiện hiệp ước này gây ra đối với những người thuộc quốc tịch Tây Ban Nha, Tây Ban Nha đã nhận số tiền bồi thường là 400 000 pao xtéc-linh. Người ta đã đút tiền vào túi, nhưng người ta không làm tròn nghĩa vụ. Vào năm 1835, một hiệp ước mới đã được ký kết, theo hiệp ước này Tây Ban

Nha chính thức có nghĩa vụ đưa ra một đạo luật hình sự khá khắt khe để làm cho những công dân của Tây Ban Nha không có khả năng tiếp tục buôn bán nô lệ nữa. Nhưng sự dây dưa lại tái diễn, người ta lại làm theo đúng câu tục ngữ Tây Ban Nha: "A la mānana"^{1*} Mười năm sau đạo luật hình sự này mới được công bố, nhưng do nguyên nhân lạ lùng nào đó, trong đạo luật này không nói đến một điều khoản cơ bản mà nước Anh đã kiến trì, cụ thể là điều khoản so sánh nghề buôn nô lệ với nghề cướp biển. Tóm lại, chưa một cái gì được tiến hành cả; trái lại, đại tướng Cu Ba, bộ trưởng nội vụ, bọn quần thần và, nếu tin vào lời đồn thì thậm chí cả những thành viên của hoàng gia, đã vớ được những món lợi trong việc này, bằng cách thu thuế từ những người buôn bán nô lệ và bằng cách bán giấy phép về quyền buôn bán thịt và máu người, cứ mỗi đầu người được mấy đu-bơ-lôn^{2*}.

"Tây Ban Nha", - giáo chủ Ốc-xphoóc đã nói, - "không có thể tự biện hộ được, bằng cách nói rằng sự buôn bán này là một chế độ mà Chính phủ Tây Ban Nha không thể thủ tiêu được, bởi vì Chính phủ Tây Ban Nha không đủ mạnh. Chính tướng Van-đe-xơ đã chứng minh rằng lý do thoái thác như thế không có vẻ gì là sự thật cả. Sau khi đến hòn đảo, ông ta triệu tập những người buôn bán nô lệ lừng danh nhất, cho họ một thời hạn sáu tháng để chấm dứt mọi hợp đồng buôn bán nô lệ và tuyên bố với họ rằng ý định của ông là hết thời hạn đó việc buôn bán nô lệ phải đình chỉ. Và kết quả thế nào? Năm 1840, nghĩa là một năm trước khi tướng Van-đe-xơ cầm quyền, trên đảo có 56 tàu chở đầy nô lệ từ các bờ biển châu Phi đến Cu Ba; năm 1842, khi tướng Van-đe-xơ trở thành đại tướng, chỉ có 3 tàu. Năm 1840, không dưới 14 470 nô lệ bị chở đến đảo; năm 1842 chỉ có 3 100 người".

Nước Anh cần phải làm gì đối với Tây Ban Nha? Lại phản đối, tăng số lượng các bức thông điệp của mình, khôi phục lại các cuộc đàm phán? Chính huân tước Man-mơ-xbê-ri công nhận rằng số văn kiện mà hai chính phủ trao đổi với nhau một cách vô ích có thể trải kín toàn bộ hải phận, từ bờ biển Tây Ban Nha đến Cu Ba. Hoặc là có lẽ nước Anh cần phải đòi thực hiện những yêu cầu của mình đã được xác nhận trong nhiều hiệp ước như vậy?

1*- "Chúng ta sẽ để đến ngày mai".

2*- đồng tiền vàng Tây Ban Nha.

Nhưng những trở ngại chính bắt đầu ở đây. Trên sân khấu xuất hiện một nhân vật độc địa của "nước đồng minh trứ danh" là nước hiện nay được thừa nhận là thần hộ mệnh của việc buôn bán nô lệ. Bô-na-pác-tơ III, người bảo hộ của chế độ nô lệ dưới mọi hình thức của nó, đang ngăn cấm nước Anh hành động theo những quan niệm và những hiệp ước của nó. Như mọi người đều biết, người ta rất nghi ngờ huân tước Man-mơ-xbê-ri về việc ông ta kết thân một cách phi pháp với người anh hùng Xa-tô-ri. Nhưng điều đó không cản trở huân tước Man-mơ-xbê-ri phát biểu rất công khai, vạch mặt Bô-na-pác-tơ là một kẻ buôn nô lệ nổi tiếng trên toàn châu Âu, một kẻ đã khôi phục lại nghề buôn bán ô nhục này dưới hình thức dễ tiện nhất của nó - với lý do "di cư tự nguyện" của những người da đen đến những thuộc địa Pháp. Bá tước Grây còn bổ sung thêm khi tuyên bố rằng "những cuộc chiến tranh ở châu Phi được tiến hành nhằm mục đích bắt được những người tù rồi sau đó bán họ cho những tay chân của Chính phủ Pháp". Bá tước Cla-ren-đôn bổ sung rằng "Tây Ban Nha cũng như Pháp đang cạnh tranh nhau ở thị trường châu Phi, đang đưa ra một giá cả nhất định cho mỗi một người; và không có sự khác biệt nào trong việc đối xử với những người da đen này, dù rằng người ta chở họ đến Cu Ba hay đến thuộc địa Pháp".

Thế thì nước Anh hiện đang ở vào một địa vị tốt đẹp nào sau khi nó đã giúp đỡ con người này trong việc lật đổ nền cộng hoà. Nền cộng hoà thứ hai cũng như nền cộng hoà thứ nhất đã tiêu diệt chế độ nô lệ. Bô-na-pác-tơ, người đã giành được chính quyền chỉ bởi một lẽ là ông ta quy lụy trước những khát vọng thấp hèn nhất của con người, có thể giữ vững quyền lực đó chỉ bằng cách thường xuyên mua những kẻ tòng phạm mới. Bằng cách ấy ông ta không chỉ khôi phục chế độ nô lệ nói chung, mà còn mua chuộc những chủ đồn điền bằng cách khôi phục lại nghề buôn bán nô lệ. Tất cả những cái đang hạ thấp lương tâm của dân tộc, đối với ông ta là một đảm bảo mới cho quyền lực. Việc biến nước Pháp thành một nước buôn bán nô lệ hẳn là phương tiện chắc chắn nhất để nô dịch nước Pháp. Thế mà bản thân nước Pháp ngày xưa đã có đủ can đảm để lên tiếng kêu gọi toàn thế giới: Đả đảo thuộc địa và những nguyên lý muôn năm! Bô-na-pác-tơ đã

đạt được ít nhất một điều: việc buôn bán nô lệ đã trở thành khẩu hiệu đấu tranh giữa những người gắn bó với đế chế và những người cộng hoà. Nếu hôm nay nền cộng hoà Pháp sẽ được khôi phục, thì ngay ngày mai Tây Ban Nha sẽ *buộc phải* đình chỉ việc buôn bán nhục nhả này.

*Do C.Mác viết ngày 18 tháng Sáu 1858
Đã đăng trên báo "New - York Daily
Tribune" số 5366, ngày 2 tháng Bảy 1858*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

C.MÁC

* THUẾ KHOÁ Ở ẤN ĐỘ

Theo tin tức của các báo chí ở Luân Đôn thì trong thời gian gần đây những chứng khoán có giá và cổ phiếu đường sắt Ấn Độ tại Sở giao dịch Luân Đôn có khuynh hướng sụt giá, điều đó không mấy may chứng tỏ sự thành thật của những quan điểm đầy lạc quan mà Giôn Bun thích nói ra về sự tiến triển của chiến tranh du kích ở Ấn Độ, và vô luận thế nào điều đó cũng là dấu hiệu nói lên sự không tin cậy một cách ngoan cố vào tính co giãn của nguồn tài chính của Ấn Độ. Đối với những nguồn tài chính đó có hai ý kiến trái ngược nhau. Một mặt, người ta khẳng định rằng thuế khoá ở Ấn Độ nặng nề và chồng chất hơn bất cứ ở nước nào khác trên thế giới, rằng trong đa số các xứ, đặc biệt là những xứ chịu sự cai trị của Anh lâu nhất thì những người dân cày - nghĩa là quần chúng cơ bản trong dân chúng Ấn Độ, theo thường lệ, ở vào tình trạng bần cùng hoá và tuyệt vọng hoàn toàn, rằng do đó thuế khoá ở Ấn Độ đã tăng lên đến mức cao nhất và vì vậy không thể làm lành mạnh nền tài chính của Ấn Độ được. Hiện nay, đó không phải là một kết luận đặc biệt khả dĩ làm yên lòng, bởi vì theo lời của ngài Glát-xton thì trong những năm tới đây chỉ riêng những khoản tiền chi phí bất thường hàng năm của Ấn Độ cũng sẽ lên tới gần 20 000 000 pao xtéc-linh. Mặt khác, người ta khẳng định - và người ta minh hoạ sự khẳng định này bằng một loạt số liệu thống kê, - rằng không có một nước nào

dân chúng lại đóng thuế ít như ở Ấn Độ; rằng nếu tiền chi phí tăng lên thì thu nhập cũng có thể sẽ tăng; và sẽ hết sức sai lầm nếu cho rằng dường như nhân dân Ấn Độ sẽ không thể chịu đựng nổi những khoản thuế mới. Nhân lần đọc thứ hai bản Dự luật mới về Chính phủ Ấn Độ³⁷¹, ngài Brai-tơ - có thể nói là một đại biểu có uy tín và nhiệt tình nhất của học thuyết "không làm yên lòng" - đã phát biểu như sau:

"Việc quản lý nước Ấn Độ làm cho Chính phủ Ấn Độ tốn kém nhiều hơn so với việc chính phủ này có thể bóp nặn dân chúng của mình, mặc dù chính phủ không mấy may ngăn ngại gì trong việc đánh các thứ thuế cũng như trong phương thức thu thuế. Việc quản lý nước Ấn Độ tốn trên 30 000 000 p.xt. - đó cũng là con số tổng thu nhập và thuế khoá ở Ấn Độ, - trong khi đó ngân sách nhà nước lại không ngừng bị thiếu hụt, và phải bù vào sự thiếu hụt này bằng những khoản vay nặng lãi. Hiện nay tổng số tiền nợ của Ấn Độ lên tới 60 000 000 p.xt. và còn tiếp tục tăng lên nữa, trong khi đó tín dụng của chính phủ giảm sút một phần, bởi vì chính phủ đôi lúc đã đối xử với những người cho vay không hoàn toàn thành thật, còn giờ đây thì cũng là do những tai hoạ đã xảy ra không lâu ở Ấn Độ. Tôi đã nói đến toàn bộ những thu nhập về thuế khoá ở Ấn Độ; nhưng vì những thu nhập đó được ghi vào khoản thu nhập do buôn bán thuốc phiện, - mà những thu nhập này thì vị tất có thể gọi là tiền thuế đánh vào dân chúng Ấn Độ - cho nên có lẽ tôi phải xác định thực tế tiền thuế đánh vào dân chúng Ấn Độ là 25 000 000 pao xtéc-linh. Nhưng không nên so sánh số tiền 25 000 000 p.xt., với số tiền 60 000 000 p.xt. thu được ở đất nước chúng ta. Nghị viện cần phải nhớ rằng với cùng một số tiền vàng hoặc bạc như nhau thì ở Ấn Độ có thể mua được mười hai ngày lao động, còn ở Anh chỉ có thể mua được một ngày lao động mà thôi. Số tiền 25 000 000 p.xt. ấy dùng để mua lao động ở Ấn Độ thì sẽ được một số lượng lao động, mà ở Anh, để mua cũng số lượng lao động ấy thì phải trả tới 30 000 000 pao xtéc-linh. Người ta có thể hỏi tôi rằng giá trị lao động của một người Ấn Độ như thế nào, tôi sẽ trả lời: Nếu giá lao động của một người Ấn Độ chỉ là 2 pen-ny một ngày thì rõ ràng chúng tôi không thể hy vọng anh ta sẽ nộp một khoản thuế như thể giá trị lao động của anh ta là 2 si-linh được. Ở Đại Anh quốc và Ai-rơ-len chúng ta có số dân là 30 000 000 người; còn ở Ấn Độ thì 150 000 000 người. Ở trong nước chúng ta thu thuế được 60 000 000 p.xt., ở Ấn Độ tính theo ngày công lao động của dân chúng - chúng ta thu được 300 000 000 p.xt., hoặc gấp 5 lần số tiền thu được tại nước Anh. Nếu chú ý rằng dân chúng Ấn Độ đông gấp năm lần dân chúng Ai-rơ-len, người ta sẽ có thể nói rằng việc đánh

thuế vào từng đầu người dân ở Ấn Độ và ở Anh là gần như nhau, và vì thế không nên cho rằng cái gánh đó là quá nặng nề. Song ở Anh đã có sức mạnh khổng lồ của máy móc và hơi nước, các phương tiện vận tải và tất cả những gì mà vốn liếng và trí sáng tạo của con người có thể tạo ra để giảm nhẹ lao động của nhân dân. Ở Ấn Độ không có gì như vậy. Ở đây vị tất đã có được một đường giao thông ra trò".

Cần phải thừa nhận rằng cách so sánh thuế khoá ở Ấn Độ với thuế khoá ở Anh như trên là không hoàn toàn đúng. Một mặt, số dân Ấn Độ đông hơn số dân Anh gấp năm lần, mặt khác, toàn bộ tiền thuế ở Ấn Độ gộp lại chỉ bằng một nửa tiền thuế ở Anh. Nhưng ngài Brai-tơ nói rằng, trái lại lao động ở Ấn Độ rẻ hơn lao động ở Anh xấp xỉ mười hai lần. Vậy thì 30 000 000 p.xt. tiền thuế ở Ấn Độ sẽ tương ứng với 300 000 000 p.xt. tiền thuế ở Anh, chứ không phải tương ứng với 60 000 000 p.xt., đã thu được ở Anh. Vậy ngài Brai-tơ cần phải kết luận như thế nào? Cần phải kết luận rằng, nếu tính đến sự nghèo khổ tương đối của dân Ấn Độ thì theo tỷ lệ số dân, nhân dân Ấn Độ nộp một khoản thuế *ngang như* dân chúng Anh nộp; do đó 30 000 000 p.xt., là một gánh nặng đè lên 150 000 000 người Ấn Độ ngang như 60 000 000 p.xt. đè lên 30 000 000 người Anh. Nhưng với tiền đề như vậy thì dĩ nhiên ông ta cũng sẽ sai lầm, nếu nói rằng người nghèo không thể nộp được bấy nhiêu tiền thuế như người giàu, bởi vì mức độ nghèo khổ tương đối của dân chúng Ấn Độ đã được tính đến khi chứng minh rằng người Ấn Độ cũng nộp bấy nhiêu tiền thuế như người Anh. Trong thực tế có thể nảy ra một câu hỏi khác. Xin được hỏi, liệu có thể nghĩ rằng một người làm được 12 xen-tơ một ngày, nộp thuế 1 xen-tơ cũng dễ dàng như một người khác làm được 12 đô-la một ngày thì nộp thuế 1 đô-la được chăng? Về mặt tỷ lệ thì cả hai người đều trả một phần như nhau trong khoản thu nhập của mình, nhưng khoản thuế đó đã ảnh hưởng đến sự thoả mãn các nhu cầu của họ ở mức độ hoàn toàn khác nhau. Nhưng cho đến đây, ngài Brai-tơ vẫn chưa đặt vấn đề dưới hình thức ấy. Trong khi đó, nếu giả sử ông ta làm điều đó thì so sánh gánh nặng thuế khoá, một mặt, đè lên người công nhân Anh, mặt khác, đè lên nhà tư bản Anh hoá ra lại rõ ràng và có sức thuyết phục hơn là so sánh thuế khoá ở Ấn Độ với ở Anh. Hơn

nữa, chính ông ta cũng thừa nhận rằng trong số thuế ở Ấn Độ là 30 000 000 p.xt. cần phải trừ đi 5 000 000 p.xt. thu được do buôn bán thuốc phiện, bởi vì khoản thu nhập đó, nói đúng ra, không phải là thuế đánh vào nhân dân Ấn Độ, mà chính là thuế xuất khẩu đánh vào người tiêu thụ Trung Quốc. Hơn nữa, những kẻ bênh vực Chính phủ Anh - Ấn gọi cho chúng tôi nhớ lại rằng số tiền 16 000 000 p.xt. trong các khoản thu nhập của chính phủ có nguồn gốc từ ruộng đất, hoặc là địa tô, từ xưa tới nay vẫn thuộc về quốc gia như thuộc về một người chủ ruộng đất tối cao, chứ không bao giờ là phần tài sản riêng của dân cày và vì thế, về thực chất, cũng ít có thể liệt vào khoản tiền thuế đúng với nghĩa đen của từ đó, giống như khoản địa tô mà những chủ trại quý tộc Anh đã nộp, không thể liệt vào khoản tiền thuế của người Anh. Theo quan điểm đó, số tiền thuế của Ấn Độ sẽ gồm có các loại sau:

	P.xt.
Tổng số tiền thu được là.....	30 000 000
Trừ đi số tiền thu nhập về thuốc phiện.....	5 000 000
Trừ đi tiền địa tô.....	16 000 000
Tiền thuế chính cống là.....	9 000 000

Ngoài ra, cũng cần phải thừa nhận rằng trong số tiền 9 000 000 p.xt. nói trên có một số khoản thu quan trọng, như thu về bưu điện, thu về tem và thuế quan chỉ động đến đông đảo dân chúng ở mức độ rất ít. Phù hợp với điều đó, trong bản báo cáo gửi cho cơ quan thống kê Anh gần đây về tình hình tài chính Ấn Độ, ngài Hen-đrich-xơ, dựa vào những tài liệu của nghị viện và những tài liệu chính thức khác, đã cố chứng minh rằng trong tất cả những số tiền thu được từ dân chúng Ấn Độ, hiện nay không quá một phần năm được thu dưới hình thức thuế, tức là lấy từ thu nhập thực tế của dân chúng; rằng ở Ben-gan thuế thực sự chỉ là 27%, ở Pen-giáp là 23%, ở Ma-đrát là 21%, ở các tỉnh tây-bắc là 17% và ở Bom-bay chỉ là 16% tổng thu nhập.

Từ bản báo cáo của ngài Hen-đrich-xơ chúng tôi rút ra được những số liệu so sánh sau đây về tiền thuế trung bình thu được

từ mỗi người dân Ấn Độ và mỗi người dân Vương quốc liên hợp trong những năm 1855 - 1856:

	Tổng số tiền thu được ở mỗi người dân		Trong số đó tiền thuế thực sự là		
	si-linh	pen-ni	p.xt.	si-linh	pen-ni
Ben-gan.....	5	0	-	1	4
Những tỉnh					
tây - bắc.....	3	5	-	0	7
Ma-đrát.....	4	7	-	1	0
Bom-bay.....	8	3	-	1	4
Pen-giáp.....	3	3	-	0	9
Vương quốc					
liên hợp.....	-	-	1	10	0

Tướng Brit-xơ đã làm con tính về số tiền thuế trung bình đánh vào mỗi đầu người ở các nước trong các năm như sau:

	p.xt	si-linh	pen-ni	
Ở Anh trong năm 1852..		1	19	4
Ở Pháp.....	1	12	0	
Ở Phổ.....	-	19	3	
Ở Ấn Độ trong năm 1854	-	3	8½	

Dựa vào những con số trên, những kẻ bênh vực Chính phủ Anh - Ấn kết luận rằng ở châu Âu không có một nước nào mà thuế khoá lại nhẹ như ở Ấn Độ, ngay cả khi có tính đến tình hình nghèo khổ tương đối của dân Ấn Độ. Như vậy, chúng ta thấy vấn đề thuế khoá ở Ấn Độ không những có những ý kiến khác nhau, mà bản thân các sự kiện mà những ý kiến ấy tựa hồ dùng làm căn cứ cũng đối lập nhau. Một mặt, chúng ta phải thừa nhận rằng số tiền thuế danh nghĩa ở Ấn Độ tương đối không lớn, nhưng mặt khác, chúng tôi cũng có thể đưa ra rất nhiều cứ liệu từ những tài liệu của nghị viện, cũng như từ các công trình của những người có thẩm quyền lớn nhất về vấn đề Ấn Độ chúng

minh hoàn toàn rõ ràng số tiền thuế gọi là nhẹ đó đang đè lên đầu lên cổ quần chúng nhân dân Ấn Độ với một sức nặng khổng lồ và để thu được thuế chính phủ phải dùng đến những thủ đoạn hèn hạ, như tra tấn chẳng hạn. Nhưng ngoài những món nợ của Ấn Độ ngày càng gia tăng nhanh chóng và số tiền thiếu hụt trong ngân sách Ấn Độ ngày càng lớn thì liệu nói chung có cần thiết phải đưa ra những dẫn chứng khác nữa chẳng? Đương nhiên, không ai lại khẳng định rằng Chính phủ Ấn Độ thích tăng những món nợ và những khoản tiền thiếu hụt, bởi vì chính bản thân Chính phủ Ấn Độ không muốn làm cạn kiệt nguồn tài sản của dân chúng. Chính phủ Ấn Độ lao vào con đường vay mượn, bởi vì nếu không thì đơn giản là nó không thể tìm ra lối thoát. Năm 1805 nợ của Ấn Độ là 25 626 631 pao xtéc-linh; năm 1829 lên tới gần 34 000 000 pao xtéc-linh; năm 1850 là 47 151 018 pao xtéc-linh; và hiện nay đã xấp xỉ 60 000 000 pao xtéc-linh. Ấy là chúng tôi chưa tính đến nợ của Công ty Đông Ấn ở Anh mà họ phải thanh toán bằng các nguồn thu nhập của mình.

Số tiền thiếu hụt của cả năm 1805 là khoảng 2 500 000 p.xt., nay dưới sự điều khiển của huân tước Đan-hu-đi, hàng năm trung bình lên tới 5 000 000 pao xtéc-linh. Ngài Gioóc-giơ Kem-pơ-ben, một viên quan dân sự ở Ben-gan rất có cảm tình với Chính phủ Anh - Ấn, vào năm 1852 cũng buộc phải công khai thừa nhận:

"Tuy không một ai trong số những kẻ xâm chiếm lãnh thổ ở phương Đông lại có được ưu thế đầy đủ và sự thống trị êm thấm, toàn diện và hiển nhiên như chúng ta ở Ấn Độ, vậy mà tất cả họ đã trở nên giàu có nhờ vào việc thu thuế của đất nước và rất nhiều người trong bọn họ đã chi những khoản tiền rất lớn trích từ tài sản của mình cho việc xây dựng công cộng... Còn chúng ta lại bị mất khả năng đó... Tổng số thuế" (dưới sự cầm quyền của Anh) "không hề giảm sút, song chúng ta không có được những khoản dư".

Khi đánh giá về cái gánh nặng của thuế khoá không nên chỉ chú ý đến số tiền danh nghĩa của nó, mà còn phải tính nhiều hơn đến những biện pháp thu thuế và những cách chi tiêu tiền thuế. Biện pháp thu thuế ở Ấn Độ thật là ghê tởm, và nếu nói về thuế ruộng đất chẳng hạn, thì với biện pháp hiện hành có lẽ nó bóp chết nhiều hơn là đem lại sản phẩm nông nghiệp. Còn về

việc sử dụng tiền thuế đã thu được thì chỉ cần nói như thế này là đủ: không có một phần nhỏ nào của nó được trở lại với dân chúng dưới hình thức xây dựng các công trình phúc lợi công cộng cần thiết ở các nước châu Á hơn ở bất kỳ đâu, và theo nhận xét có lý của ngài Brai-tơ thì không có nơi nào mà giai cấp thống trị lại vớ được những món kếp xù như ở Ấn Độ.

*Do C.Mác viết ngày 29 tháng Sáu 1858
Đã đăng làm xã luận trên báo "New -
York Daily Tribune" số 5383, ngày 23
tháng Bảy 1858*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

PH.ĂNG-GHEN

QUÂN ĐỘI ẤN ĐỘ³⁷²

Cuộc chiến tranh ở Ấn Độ dần dần chuyển sang giai đoạn chiến tranh du kích lộn xộn mà chúng tôi đã nhiều lần chỉ ra^{1*} như là một giai đoạn nhất thiết phải đến và nguy hiểm nhất trong quá trình phát triển của nó. Sau một loạt thất bại trong những trận đánh quyết định, cũng như khi phòng thủ các thành phố và các doanh trại kiên cố, nghĩa quân dần dần phân tán thành những phân đội nhỏ hơn, từ hai đến sáu hoặc tám ngàn người mỗi phân đội, ở chừng mực nhất định tác chiến độc lập với nhau, nhưng luôn luôn sẵn sàng thống nhất lại để đánh một toán quân Anh nào đó trong một thời gian ngắn nếu bất chợt gặp chúng đi lẻ. Đối với đạo quân chủ yếu của nghĩa quân thì điểm ngoặt về mặt này là việc để mất thành phố Ba-rây-li mà không đánh, sau khi những đội đã chiến trong đạo quân tác chiến của ông Cô-lin Kem-pơ-ben đã rút khỏi Lác-nau khoảng tám chục dặm; đối với tập đoàn lớn thứ hai của các đội quân người bản xứ thì việc bỏ Can-pi cũng có ý nghĩa như vậy. Trong cả hai trường hợp, những căn cứ tác chiến trung tâm cuối cùng có thể phòng thủ được đã bị rời bỏ và vì thế không còn có thể tiến hành chiến tranh bằng lực lượng cả một quân đội, cho nên nghĩa quân rút lui theo những hướng khác nhau, phân tán thành những phân đội nhỏ hơn. Những phân đội

1* Xem tập này, tr.466, 579 - 580, 606 – 608.

quân cơ động này không cần lấy thành phố lớn làm căn cứ tác chiến trung tâm. Họ có thể tìm được phương tiện để tồn tại, để bổ sung trang bị và quân số cho mình tại các vùng mà họ đi qua, và một thành phố nhỏ hoặc một làng lớn đều có thể trở thành, đối với mỗi toán quân, những trung tâm tiện lợi để chỉnh đốn tổ chức, như Đì-li Lác-nau, hoặc Can-pi, cho những đạo quân lớn hơn. Trong biến chuyển tình hình chiến cuộc như vậy thì chiến tranh mất phần lớn cái lý thú của nó, không thể theo dõi đủ mọi chi tiết về những cuộc chuyển quân của các toán nghĩa binh khác nhau, vì tin tức về họ trở nên lộn xộn; hành động của những người chỉ huy quân Anh hầu như không được bình luận đến, vì trong hoàn cảnh như vậy người ta không rõ những tiền đề xuất phát của họ; còn lại một tiêu chuẩn duy nhất là thành công hay thất bại, mà đây dĩ nhiên là một tiêu chuẩn hào huyền nhất trong mọi tiêu chuẩn.

Những cuộc chuyển quân của người bản xứ ngay bây giờ cũng đã rất khó lường. Sau khi người Anh lấy được Lác-nau thì nghĩa quân rút lui theo những hướng khác nhau: một bộ phận theo hướng đông - nam, một bộ phận theo hướng đông - bắc, một bộ phận theo hướng tây - bắc. Quân rút theo hướng sau cùng này là toán mạnh nhất, và Kem-pơ-ben truy kích họ tới Rô-hin-can-đơ. Nghĩa quân được tập trung lại và chỉnh đốn đội ngũ ở Ba-rây-li, nhưng khi người Anh xuất hiện, thì họ rời bỏ cứ điểm này mà không chống cự, và lại rút theo những hướng khác nhau. Không biết được gì chi tiết về những đường rút lui khác nhau này. Chúng tôi chỉ biết rằng một bộ phận quân bản xứ đi về phía dãy núi ở biên giới Nê-pan, còn một bộ phận hoặc là một vài đội quân nữa hẳn vận động theo hướng ngược lại, đi về phía sông Hằng và Đô-áp (vùng giữa sông Hằng và sông Giam-na). Nhưng Kem-pơ-ben vừa lấy được Ba-rây-li thì nghĩa quân rút theo hướng đông đã hợp nhất với mấy toán nữa tại biên giới Au-đơ và tấn công vào Sắc-gia-khan-pua, nơi được để lại một đơn vị đồn trú nhỏ người Anh; và những đội nghĩa binh khác cung cấp tốc vận động theo hướng này. May cho đơn vị đồn trú, ngay ngày 11 tháng Ba, tướng lữ đoàn trưởng Giôn-xơ cùng với viện binh đã đến và đánh tan được quân bản xứ; song nghĩa quân, đến lượt mình, lại được

những toán tập hợp về Sắc-gia-khan-pua tăng viện, và ngày 15 lại bao vây thành phố này. Cũng vào ngày ấy Kem-pơ-ben, sau khi để lại đơn vị đồn trú ở Ba-rây-li, đã đến ứng cứu cho thành phố; song chỉ đến ngày 24 tháng Năm ông ta mới tấn công và đẩy được nghĩa quân ra, thêm vào đấy, những toán nghĩa quân khác nhau đã tham gia vào chiến dịch này lại tản ra nhiều hướng.

Trong lúc Kem-pơ-ben hành động như vậy tại biên giới Rô-hin-can-đơ, thì tướng Hau-pơ Gran-tơ dẫn quân quay lui quay tới ở nam Au-đơ mà không thu được kết quả gì, ngoài việc quân sĩ bị tiêu hao vì mùa hè oi bức ở Ấn Độ làm cho kiệt sức. Nghĩa quân lại quả mau lẹ đối với ông. Họ ở khắp nơi, trừ những chỗ mà ông ta lùng họ, và khi ông ta mong tìm được họ ở trước mặt thì họ lại ở sau lưng ông từ lâu rồi. Phía dưới, xuôi dòng sông Hằng, ở vùng khoảng giữa Đi-na-pua, Giác-di-xpua và Búc-xác, tướng Lu-gác-đơ cũng rượt theo một bóng ma như vậy. Quân bản xứ buộc ông ta phải vận động liên tục, còn sau khi họ đã dụ ông ra khỏi Giác-di-xpua, thì đột nhiên họ tấn công vào đơn vị đồn trú thành phố này. Lu-gác-đơ quay trở lại, và căn cứ vào những bản tin điện báo, thì ngày 26 tháng Năm ông đã giành được thắng lợi. Chiến thuật của những nghĩa binh này với chiến thuật của nghĩa binh Au-đơ và Rô-hin-can-đơ rõ ràng có sự giống nhau. Song chiến thắng mà Lu-gác-đơ giành được vì tất đã có được ý nghĩa to lớn. Những toán quân như vậy có thể chịu thất bại nhiều lần trước khi mất tinh thần và suy yếu.

Như vậy, đến giữa tháng Năm, tất cả những toán nghĩa binh Bắc Ấn đã thôi không tiến hành chiến tranh theo quy mô lớn, trừ quân đội ở Can-pi. Quân đội này trong một thời gian tương đối ngắn đã tổ chức trong thành phố này một căn cứ tác chiến thật sự; ở đấy họ có nhiều lương thực, thuốc súng và những quân trang quân dụng khác, nhiều đại bác và thậm chí có những xưởng đúc và xưởng vũ khí. Mặc dù những đội quân này cách Can-pua 25 dặm, Kem-pơ-ben vẫn để họ yên; ông ta chỉ coi chừng họ sau khi đã bố trí một toán quân trên bờ hướng về phía Đô-áp, hoặc bờ tây sông Giam-na. Các tướng Rô-đơ và Uýt-lốc từ lâu đã hành quân về Can-pi; cuối cùng, Rô-đơ tới và đánh tan nghĩa quân trong một loạt trận đánh ở các ngõ vào Can-pi. Trong khi đó toán

quân cảnh giới đóng ở bờ kia sông Giam-na pháo kích vào thành phố và pháo đài; đột nhiên nghĩa quân rời bỏ cả hai nơi sau khi đã phân tán đội quân lớn cuối cùng này thành những toán độc lập. Những tin tức nhận được hoàn toàn không cho biết rõ là họ đã chọn những con đường nào để rút lui; chúng tôi chỉ biết có một số trong bọn họ đi về Đô-áp, còn một số thì theo hướng Gva-li-oóc.

Như vậy, toàn vùng từ Hi-ma-lay-a tới Bi-ha và dãy núi Vin-đơ-kha và từ Gva-li-oóc và Đi-li tới Gô-rắc-pua và Đi-na-pua ngập tràn những toán nghĩa binh hoạt động tích cực, những toán này đã họ được nghệ thuật tổ chức ở chừng mực nhất định qua kinh nghiệm mười hai tháng chiến tranh và mặc dù gặp một loạt thất bại, họ vẫn giữ được tinh thần lạc quan, bởi vì thất bại của họ không có ý nghĩa quyết định, còn thắng lợi người Anh đạt được thì hết sức bé nhỏ. Đành rằng họ bị mất tất cả pháo đài và những điểm tựa, mất đại bộ phận quân trang quân dụng và pháo, và tất cả những thành phố quan trọng đều nằm trong tay kẻ thù của họ. Nhưng mặt khác, trong toàn miền rộng bao la này, người Anh chỉ chiếm được có thành phố, còn ngoài thành phố ra thì chỉ có những khu vực mà những toán quân cơ động của họ lúc này lúc khác có mặt ở đấy; họ buộc phải rượt theo kẻ thù tinh nhanh của mình mà không hề có hy vọng đuổi bắt được nó; và họ đứng trước tình hình cần phải chuyển sang phương thức chiến tranh làm kiệt sức này vào ngay mùa tàn khốc nhất. Người bản xứ Ấn Độ chịu đựng tương đối dễ dàng cái nóng nực buổi trưa hè của mình, còn đối với người Âu thì chỉ việc ở dưới nắng cũng đã có nghĩa gần như là chắc chắn chết; người bản xứ vào mùa này có thể đi mỗi ngày bốn chục dặm, còn kẻ thù người phương Bắc của họ thì sau mười dặm đã quy rồi; thậm chí những cơn mưa nhiệt đới và rừng lầy lội với thổ dân cũng chẳng tai hại gì lắm, thế những đối với người Âu thì bất cứ sự căng thẳng sức lực nào vào kỳ mưa hoặc đóng quân gần những nơi sinh lầy đều dẫn theo bệnh kiết lỵ, dịch tả và sốt rét. Chúng tôi không có những số liệu chính xác về tình hình vệ sinh của quân đội Anh; nhưng, so sánh số người trong quân đội của tướng Rô-đơ bị nắng và đạn thù đánh gục, và xuất phát từ tin tức cho biết rằng đơn vị đồn trú ở Lác-nau đang khốn đốn vì bệnh tật, rằng trung đoàn 38 đến vào mùa thu năm ngoái có quân số trên 1 000 người, mà

bây giờ thì còn chưa đầy 550, cũng như căn cứ vào những cứ liệu khác - chúng ta có thể đi tới kết luận là cái oi bức mùa hè vào tháng Tư, tháng Năm gây tàn hại khủng khiếp cho những người đàn ông trai tráng mới đến, những người vốn được gửi tới để thay cho lính cũ đã được tôi luyện, thay cho những kẻ tham gia chiến dịch năm ngoái ở Ấn Độ. Với số quân đang có trong tay, Kem-pơ-ben không thể thực hiện được những cuộc hành quân cấp tốc như Ha-vơ-bốc đã làm, hoặc tiến hành một cuộc công hãm như ở Đì-li vào thời kỳ mưa rào nhiệt đới. Và mặc dầu chính phủ Anh lại gửi sang những toán viện binh mạnh, chắc gì họ đã đủ đông để bù vào tổn thất đã xảy ra trong mùa chiến dịch hè này nhằm đánh một kẻ thù chỉ giao chiến với người Anh trong điều kiện thuận lợi nhất đối với mình.

Cuộc chiến tranh mà nghĩa quân giờ đây đang tiến hành, về tính chất, bắt đầu giống với cuộc chiến đấu của người du mục Bê-đu-anh An-giê-ri chống Pháp, chỉ có khác là người Ấn Độ còn xa mới cuồng nhiệt đến như vậy và không phải là một dân tộc cuối ngựa. Điều cuối cùng này có ý nghĩa lớn trong một nước vốn là bình nguyên bao la. Trong nghĩa quân có đông đảo người Hồi giáo có thể lập thành một đội kỵ binh giỏi không chính quy; song những bộ tộc chính cung cấp kỵ sĩ ở Ấn Độ vẫn chưa tham gia cuộc khởi nghĩa. Sức mạnh của nghĩa quân là ở bộ binh, và vì loại binh chủng này ít có lợi cho cuộc chiến đấu với người Anh ở ngoài đồng trống cho nên nó trở thành một trở ngại trong chiến tranh du kích ở đồng bằng, bởi lẽ ở địa bàn này kỵ binh không chính quy là hạt nhân của chiến tranh du kích. Tương lai sẽ chỉ rõ nhược điểm này được nghĩa quân khắc phục ra sao vào thời gian người Anh buộc phải ngừng hoạt động quân sự trong thời kỳ mưa. Thời gian tạm nghỉ này giúp cho người bản xứ hoàn toàn có thể chỉnh đốn và bổ sung lực lượng. Ngoài tổ chức kỵ binh, còn có hai nhân tố quan trọng nữa. Hết mùa rét đến thì một mình chiến tranh du kích không thôi là không đủ. Muốn làm cho người Anh không được nghỉ ngơi cho đến cuối mùa lạnh thì cần phải có những điểm tựa, cần có quân trang quân dụng, pháo binh, doanh trại kiên cố hoặc các thành phố; nếu không thì chiến tranh du kích sẽ kết thúc ngay trước lúc mùa hè tới là mùa có thể tiếp cho

nó những sức mạnh mới. Gva-li-oóc hẳn là một trong những cứ điểm có lợi cho nghĩa quân chỉ cần họ chiếm giữ được nó thật sự. Thứ hai, số phận của cuộc khởi nghĩa tùy thuộc ở chỗ nó có thể tiếp tục lan rộng đến chừng nào. Nếu những toán quân rải rác sẽ không thể vượt từ Rô-hin-can-đơ sang Rát-pu-ta-na và sang đất nước của người Ma-rát-khơ, nếu phong trào chỉ bó hẹp ở miền trung-bắc, thì không còn nghi ngờ gì nữa, mùa đông tới sẽ đủ để giải tán những toán quân bản xứ và biến họ thành thổ phỉ là những kẻ mà dân chúng còn căm ghét hơn cả bọn xâm lược mặt trắng bạc.

*Do Ph.ăng-ghen viết ngày 6 tháng Bảy 1857 In theo bản đăng trên báo
Đã đăng làm xã luận trên báo "New - York Nguyên văn là tiếng Anh
Daily Tribune" số 5381, ngày 21 tháng Bảy
1858*

C. MÁC

ĐẠO LUẬT VỀ ẨM ĐỘ³⁷³

Đạo luật cuối cùng về Ẩm Độ đã được đọc lần thứ ba tại hạ nghị viện, và vì thượng nghị viện, dưới ảnh hưởng của Đốc-bi, vị tất đã chống lại đạo luật này, nên số phận của Công ty Đông Ấn có thể xem là đã được quyết định. Cần thừa nhận rằng công ty này đang hấp hối trước một cái chết tuyệt nhiên không phải anh hùng; nó đem đổi chác quyền lực của mình theo cách giống như nó đã dùng để đạt được quyền lực ấy, - đổi chác từng phần, bằng một loạt hợp đồng khôn khéo. Thực ra, toàn bộ lịch sử của nó là một truyện ngắn về mua và bán. Lịch sử đó bắt đầu từ chỗ nó mua chủ quyền và kết thúc ở chỗ bán chủ quyền. Nó *sup* đổ không phải trong một trận giao tranh quyết định, mà đã được bán đấu giá và rơi vào tay kẻ trả giá cao nhất tại cuộc đấu giá. Vào năm 1693, công ty đã giành được ở nhà vua một bản hiến chương cho hai mươi một năm, sau khi đã trả cho hoàng thân Lít-xơ và những nhà chức trách nhà nước khác những khoản tiền lớn. Năm 1767 nó kéo dài thời hạn quyền lực của mình thêm hai năm bằng cách hàng năm phải trả cho ngân khố để chế 400 000 pao xtéc-linh. Năm 1769 nó lại ký một hợp đồng tương tự trong năm năm; song chẳng bao lâu sau, vì không chịu nộp cho ngân khố khoản đóng góp hàng năm đã quy định và vì được vay 1 400 000 p.xt. với lãi 4%, nó đã nhượng những yếu tố nào đó trong chủ quyền của mình, bằng cách chuyển cho quốc hội lần đầu tiên

quyền bổ nhiệm toàn quyền và bốn cố vấn của toàn quyền, hoàn toàn để cho nhà vua bổ nhiệm chánh án tối cao và ba thẩm phán bên cạnh chánh án và đồng ý biến Hội đồng cổ đông từ một cơ quan dân chủ thành cơ quan tập đoàn thống trị³⁷⁴. Năm 1858, sau khi trang trọng hứa với Hội đồng cổ đông là sẽ đấu tranh chống việc chuyển quyền lực hành chính của mình cho nhà vua bằng một "phương tiện" mà hiến pháp cho phép, Công ty Đông Ấn lại tự mình thông qua nguyên tắc này và tán thành dự luật bất lợi đối với nó, nhưng bảo đảm được thu nhập và chức vụ cho các tổng giám đốc của công ty. Nếu như cái chết của người anh hùng, như Si-lơ nói, giống như cái lặn của mặt trời^{1*}, thì việc Công ty Đông Ấn rời bỏ sân khấu lại giống nhiều hơn với hợp đồng kỳ kết giữa những kẻ vỡ nợ với chủ nợ của mình.

Theo dự luật nói trên, các chức năng hành chính cơ bản được chuyển cho Bộ trưởng phụ trách các vấn đề Ẩm Độ và cho Hội đồng của ông ta³⁷⁵ giống như ở Can-cút-ta, viên toàn quyền và Hội đồng của ông này đảm nhiệm các công việc quản lý. Song cả hai nhà chức trách này - Bộ trưởng phụ trách các vấn đề Ẩm Độ ở Anh và toàn quyền ở Ẩm Độ - đều có quyền coi thường những lời khuyên của các phụ tá của mình và hành động theo ý riêng. Dự luật mới cũng cho Bộ trưởng phụ trách các vấn đề Ẩm Độ mọi quyền mà giờ đây đang được thực hiện bởi Chủ tịch Hội đồng thanh tra thông qua Ủy ban cơ mật, đó là quyền trong trường hợp khẩn cấp, được gửi sang Ẩm Độ những mệnh lệnh mà không cần hỏi ý kiến hội đồng. Khi thành lập hội đồng này, người ta, rất cuộc, phải nhờ tới Công ty Đông Ấn, coi đây là nguồn thực tế duy nhất từ đó có thể lấy người vào hội đồng, trừ những người do nhà vua bổ nhiệm. Những uỷ viên cử vào hội đồng phải do các giám đốc Công ty Đông Ấn chọn chính trong số giám đốc ấy.

Như vậy, cái tên Công ty Đông Ấn, rất cuộc, đã buộc phải để cho thực chất của nó sống lâu hơn nó. Đến phút cuối cùng, Nội các Đốc-bi thú nhận rằng dự luật của ông không có những khoản xoá bỏ Công ty Đông Ấn, vì công ty này được đại diện bởi hội đồng

1* Si-lơ. "Kẻ cướp", hồi III, cảnh hai.

các giám đốc, song từ nay nó lại mang tính chất ban đầu của một công ty cổ phần, chia những lợi tức cổ phần được đảm bảo bởi những quyết định khác nhau mang tính cách pháp luật. Dự luật của Pít năm 1784 thực tế đã làm cho đường lối của công ty phụ thuộc vào quyền lực của nội các, quyền lực này được nội các thực thi dưới cái tên Hội đồng thanh tra. Đạo luật năm 1813 đã tước bỏ của nó độc quyền thương mại, trừ quan hệ thương mại với Trung Quốc. Đạo luật năm 1834 hoàn toàn tước bỏ tính cách doanh nghiệp thương mại của nó, còn Đạo luật 1854 thì thủ tiêu những tàn tích quyền lực cuối cùng của nó, những vấn đề cho nó quản lý Ấn Độ. Lịch sử được lặp lại - Công ty Đông Ấn, năm 1612 biến thành công ty cổ phần, lại mang hình thức ban đầu của nó. Chỉ có điều là giờ đây nó là một thương hội không buôn bán và là một công ty cổ phần không có vốn để kinh doanh, mà chỉ có quyền nhận lợi tức cổ phần đã được quy định.

Lịch sử ra đời của Đạo luật về Ấn Độ được đánh dấu bởi những biến đổi bi thảm hơn bất cứ hoạt động lập pháp nào khác của nghị viện hiện nay. Khi bùng ra cuộc khởi nghĩa của người Xi-pai, tất cả các giai cấp trong xã hội Anh đã lớn tiếng đòi cải cách ở Ấn Độ. Tin tức về những vụ cực hình ở Ấn Độ đã gây ra trong nhân dân sự khích động mạnh. Những sĩ quan thuộc cơ quan chỉ huy cao nhất và những kẻ giữ chức vụ cao về dân sự đã phục vụ ở Ấn Độ công khai lên án chính phủ về việc can thiệp vào công việc tôn giáo của dân bản xứ. Chính sách thôn tính tàn bạo là do huân tước Đan-hu-di, công cụ của phò tá Đạo-ninh, thực hiện; sự sục sôi trong đầu óc của dân châu Á bùng lên một cách phi lý bởi những cuộc chiến tranh kẻ cướp ở Ba Tư và Trung Quốc, - những cuộc chiến tranh được bày mưu và tiến hành theo lệnh của chính Pan-móc-xtơn; những biện pháp yếu ớt mà họ đã sử dụng để chống lại cuộc khởi nghĩa - chuyển quân bằng tàu buồm chứ không bằng tàu thủy, mà lại theo con đường quanh co quanh mũi Hảo Vọng, chứ không qua kênh Xu-ê - tất cả những điều này đã làm tăng sự bất mãn khiến người ta lớn tiếng đòi cải cách ở Ấn Độ, cải cách chế độ quản lý Ấn Độ do Công ty Đông Ấn lập ra, cải cách đường lối của Chính phủ Anh đối với Ấn Độ. Pan-móc-xtơn đã chộp lấy đòi hỏi này của nhân dân, song

lại quyết định sử dụng nó vào lợi ích thuần túy của riêng mình. Một khi rõ ràng là cả chính phủ lẫn công ty đã làm nhục nhau thậm tệ, thì cần phải hy sinh công ty, còn chính phủ thì phải trở nên hùng mạnh. Chỉ cần chuyển quyền lực của công ty sang cho nhà độc tài hiện nay, người có tham vọng đại diện cho quyền lực của nhà vua đối lập với quốc hội và đại diện cho quốc hội đối lập với quyền lực nhà vua, và chính do đó mà thống nhất vào một mình ông ta đặc quyền của cả bên này lẫn bên kia. Dựa vào quân đội Ấn Độ, sử dụng ngân khố Ấn Độ và sau khi đã nắm lấy quyền bổ nhiệm các chức vụ ở Ấn Độ, Pan-móc-xtơn hẳn đã tạo được cho mình một vị trí vô cùng vững chắc.

Đạo luật của ông ta được thông qua trót lọt ở lần đọc thứ nhất, nhưng đạo luật nổi tiếng về những vụ âm mưu lật đổ, rồi về sau - việc đảng To-ri lên cầm quyền, đã chấm dứt bước tiến của ông trên đường công danh.

Ngay trong ngày đầu tiên chính thức trở về ghế các bộ trưởng, những người theo phái To-ri đã tuyên bố rằng, do tôn trọng ý chí kiên quyết của hạ nghị viện, họ thôi không chống lại việc chuyển sự quản lý Ấn Độ từ công ty sang cho nhà vua. Sự thất bại về lập pháp của huân tước Ê-len-bô-rô dường như đã dẫn tới việc Pan-móc-xtơn nhanh chóng trở lại nắm chính quyền, song huân tước Giôn-Rót-xen đã can thiệp vào nhằm đẩy nhà độc tài đi đến thoả hiệp, và cứu vãn chính phủ, bằng cách đề nghị xem Đạo luật về Ấn Độ như một đạo luật không do chính phủ, mà do quốc hội đề xuất. Bây giờ vì lợi ích của mình Pan-móc-xtơn vội vã lợi dụng công hàm của huân tước Ê-len-bô-rô về Ấn Độ, lợi dụng việc ông ta đột nhiên từ chức và sự lộn xộn do việc đó gây ra trong phái nội các. Đảng To-ri lại phải rơi vào cái bóng lạnh lẽo của phái đối lập, sau khi đã phí toàn bộ thời hạn nắm giữ chính quyền ngăn ngui của mình vào việc đập tan sự kháng cự của chính đảng mình, nhằm chống lại việc tịch thu Công ty Đông Ấn. Song chỉ cần biết rõ bằng cách nào mà tất cả những tính toán tinh vi này đã bị lập tầy, là đủ. Đáng lẽ đứng lên trên đồng tro tàn của Công ty Đông Ấn thì Pan-móc-xtơn lại bị chôn vùi dưới đó. Trong suốt thời gian diễn ra những cuộc tranh cãi về vấn đề Ấn Độ, thì nghị viện dường như đã được đặc biệt thoả mãn ở chỗ là đã làm nhục

bằng đủ mọi cách *civis romanus*³⁷⁶ này. Tất cả những điều bổ sung của ông ta, cả lớn đến nhỏ, đều bị bãi bỏ một cách nhục nhĩ; những lời nói cạnh khoé hết sức khó chịu về chiến tranh Á-p-ga-ni-xtan, chiến tranh ở Ba Tư và chiến tranh ở Trung Quốc đã tuôn ra không ngớt trước mặt ông ta - còn đề nghị của ông Glát-xtơn về việc tước của Bộ trưởng phụ trách các vấn đề Ấn Độ quyền khởi chiến ngoài biên giới Ấn Độ - một đề nghị có ý nghĩa ngang như bỏ phiếu không tín nhiệm đối với toàn bộ chính sách đối ngoại được thi hành trước đây của Pan-móc-xtơn, - đã được thông qua với đại đa số phiếu áp đảo, mặc dù Pan-móc-xtơn phản kháng một cách điên cuồng. Song, dù con người này đã bị vứt bỏ, những nguyên tắc của y nói chung vẫn còn hiệu lực. Nhờ vào sự thôn tính Ấn Độ về mặt hình thức, quyền hành pháp dù có phần bị hạn chế bởi những quyền hạn đầy đủ có tác dụng kìm chế của Hội đồng Ấn Độ, một hội đồng mà thực ra chỉ là bóng ma được trả giá cao của Hội đồng các giám đốc trước đây - đã được nâng cao đến mức là để cân bằng với chính quyền này thì cần phải ném vào đĩa cân của quốc hội một quả tạ dân chủ.

*Do C. Mác viết ngày 9 tháng Bảy 1858
Đã đăng làm xã luận trên báo "New -
York Daily Tribune" số 5384, ngày 24
tháng Bảy 1858*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu
trên tạp chí "Cách mạng vô
sản" số 2, năm 1940*

C. MÁC

VIỆC GIAM GIỮ BÀ QUÝ TỘC BUN-VƠ-LÍT-TƠN

Luân Đôn, ngày 23 tháng Bảy 1858

Câu chuyện tai tiếng âm ỉ trong gia đình Bun-vơ, mà tờ báo "Times" ở Luân Đôn cho là đã được dàn xếp "êm thấm" bằng con đường thoả thuận thân ái trong gia đình, trên thực tế vẫn hoàn toàn chưa lắng dịu. Đành rằng, mặc dù trong câu chuyện ấy các lợi ích của các đảng phái đã bị lôi vào, báo chí ở thủ đô, trừ rất ít ngoại lệ, đã làm tất cả những gì có thể làm được để dập tắt câu chuyện xảy ra bằng âm mưu giữ thái độ im lặng - vì ngài Ết-uốt Bun-vơ là một trong những lãnh tụ của đám ký giả đang thống trị tinh thần của các nhà báo ở Luân Đôn một cách chuyên chế hơn cả những mối liên hệ đảng phái, và đám người này mà thịnh nộ lên thì những chàng thư sinh trong giới ký giả thường đành chịu bỏ cuộc khi vấn đề đi tới đấu tranh công khai. Tờ "Morning Post" là tờ báo đầu tiên báo cho công chúng biết rằng bạn bè của bà Bun-vơ đang có ý định tìm cách đạt được một cuộc điều tra về mặt pháp lý. Tờ "Times" ở Luân Đôn chỉ đăng lại nhận xét ngắn ấy của tờ "Morning Post"; và thậm chí báo "Advertiser" là tờ báo hình như không lo sợ gì về vị trí của mình trong làng báo, bởi vì nó không có được một vị trí như vậy, chỉ dám đăng lại những tin tức nghèo nàn nào đó của tờ "Somerst Gazette"³⁷⁷. Thậm chí Pan-móc-xton, tuy rất có ảnh hưởng, nhưng trong lúc này cũng không thể bóp nặn gì ở những ký giả tay sai của y, nhưng khi trên báo chí đã xuất hiện bức thư than phiền

hoàn toàn không nghiêm túc của con trai Bun-vơ thì tất cả những nhân vật quan phương bảo vệ tự so cá nhân đã từ chối bất cứ một sự can thiệp thiếu khiêm tốn nào thêm vào "sự kiện đau buồn" ấy bằng cách tuyên bố rằng họ toàn toàn thoả mãn. Báo chí của đảng To-ri, dĩ nhiên, từ lâu đã trút hết nỗi bất bình cao quý của mình lên bá tước Clan-ri-các-đô, còn báo chí cấp tiến lĩnh hội được phần nào sự phẫn chấn ở trường phái Man-se-xơ thì rất lo lắng làm sao tránh gây ra những điều khó chịu đối với chính phủ hiện nay. Nhưng bên cạnh báo chí đáng kính, hay gọi là đáng kính của thủ đô, còn có báo chí không đáng kính, hoàn toàn chịu sự chi phối của những ông chủ chính trị là những người không bị vị trí nào trong giới viết lách ràng buộc, bao giờ cũng sẵn sàng thu tiền về từ quyền tự do ngôn luận của báo chí và tìm cách lợi dụng mọi trường hợp để xuất hiện trước con mắt công chúng như những kẻ duy nhất có tinh thần dũng cảm. Mặt khác, một khi những bản năng đạo đức của quần chúng cơ bản trong nhân dân được thức tỉnh thì sự cần thiết phải tiếp tục dùng mảnh khoé biến mất. Chỉ cần đưa công chúng vào trạng thái phẫn chấn về đạo đức, thế là lúc đó ngay cả đến tờ "Times" ở Luân Đôn cũng có thể lột bỏ mặt nạ của sự kiềm chế, và dĩ nhiên là, với nỗi đau buồn về tinh thần, có thể giáng một đòn vào Chính phủ Đốc-bi, bằng cách công bố sự phán quyết của "dư luận xã hội" ngay cả đối với kẻ cầm đầu giới ký giả như ngài Ét-ốt Bun-vơ-Lít-tơn.

Hiện nay tình hình có xu hướng như vậy. Người đạo diễn vở kịch một cách bí mật, như chúng tôi nhận xét ban đầu³⁷⁸, là huân tước Pan-móc-xơ, giờ đây điều đó đã trở thành, nói theo lời người Pháp "un secret qui les rues"^{1*}.

"On dit"^{2*}, một tờ tuần báo Luân Đôn viết, - "rằng trong toàn bộ câu chuyện này bà Pan-móc-xơ tỏ ra là người có quan hệ nhiều nhất với bà Bun-vơ-Lít-tơn. Tất cả chúng ta đều nhớ là những người thuộc phái To-ri đã nhiệt tình bênh vực ngài Noóc-tơn như thế nào khi huân tước Men-buốc rơi vào tình thế khó chịu trong quan hệ với bà vợ của gien-tơ-lơ-man đó. Có đi có lại, điều đó là lẽ phải. Nhưng, khi suy nghĩ kỹ, chúng ta sẽ thấy điều khá đáng buồn là trong thời đại

1*- một điều bí mật mà ai cũng biết

2*- Người ta nói

chúng ta có một ông bộ trưởng đã lợi dụng địa vị quan trọng của mình để thực hiện những hành vi cường bức, còn bà vợ của một ông bộ trưởng thì lại xúi bà vợ của một ông bộ trưởng khác chống lại chính phủ".

Thường có tình hình là chân lý luôn được vào một góc nào đó của báo chí Anh chỉ là thông qua những con đường quanh co của âm mưu chính trị. Sự bức tức đối với một hành vi thực sự độc ác, thoạt tiên là thành thật, cuối cùng lại hoá ra chỉ là một cái nhún nhó có tính toán; và kêu gọi đến công lý xã hội chỉ là nhằm mục đích làm nguôi sự bức bối cá nhân. Còn về phần những hiệp sĩ cầm bút dũng cảm, thì về thực chất họ không có chuyện gì với bà Bun-vơ, nếu như bà ta thậm chí vĩnh viễn nằm tại nhà thương điên ở Luân Đôn, hoặc nếu như người ta tránh xa bà ta một cách lạnh lẽo và bí mật hơn là điều đó đã xảy ra ở Xanh Pê-téc-bua hay Viên; quy tắc của những cái nhún văn học có lẽ đã tước mất của bà ta mọi cơ hội tuyên bố về quyền của mình, nếu hạnh phúc cho bà, con mắt sắc của Pan-móc-xơ không coi bà là công cụ mà ông ta dùng để hy vọng gây chia rẽ trong Chính phủ To-ri.

Một sự phân tích sơ qua bức thư của con trai Bun-vơ gửi các báo Luân Đôn sẽ giúp nhiều vào việc làm rõ sự thật của câu chuyện. Ông Rô-bóc Bun-vơ Lít-tơn bắt đầu bằng lời tuyên bố rằng "cần phải tin không mấy may hoài nghi những lời đơn giản", bởi vì ông ta "với tư cách là con của bà Bun-vơ Lít-tơn, hơn bất cứ ai hết, có quyền bảo vệ bà ấy và, dĩ nhiên, được biết về mọi việc chính xác hơn bất cứ ai khác". Nhưng cậu con trai đáng yêu ấy không những không quan tâm đến mẹ mình, không những không trao đổi thư từ với bà, mà thậm chí không nhìn thấy bà ấy gần mười bảy năm nay, cho nên khi gặp bà tại hội nghị bầu cử ở Hác-phoóc, nơi cha ông ta được bầu lại vào nghị viện. Khi bà Bun-vơ rời hội nghị bầu cử và đi đến chỗ thị trưởng Hác-phoóc để yêu cầu ông cho sử dụng phòng tự trị làm thánh phòng thì ông Rô-bóc Bun-vơ Lít-tơn đã cử một bác sĩ đến nhà thị trưởng với nhiệm vụ theo dõi trạng thái thần kinh của mẹ mình. Về sau, khi mẹ ông ta bị bắt cóc ở Luân Đôn, tại nhà ngài Hây-lơ tôm-xơ ở phố Cla-rơ-giét, con chị em họ bà này, cô Ray-vơ-dơ, khi chạy bỏ ra đường phố đã nhìn thấy ngài Lít-tơn đang đứng trước nhà, liền

khẩn khoản nhờ ông ta can thiệp và đừng để mẹ ông ta bị đưa đến Bren-phoóc, thì ngài Lít-tơn tuyên bố một cách lạnh lùng rằng tất cả điều đó không liên quan gì đến ông cả. Lúc đầu hành động như một trong những người tham gia chủ yếu vào âm mưu của cha ông ta, ngài Lít-tơn giờ đây lại thay đổi lập trường và đứng ra làm vai trò người bảo vệ tự nhiên của mẹ ông ta. Điểm thứ hai mà ngài Lít-tơn dựa vào để biện hộ cho mình là mẹ ông ta "đã không may mắn một lần nào bị đưa vào một trại an dưỡng dành cho người điên", mà trái lại là vào "nhà tư" của một thầy thuốc là ông Rô-bóc Hác-di-ne-rơ Hin. Nhưng điều đó chỉ là một mảnh lối xảo trá. Vì Oai-cơ-hau-xơ do ông Hin quản lý, về mặt pháp lý, nó không được liệt vào loại "trại an dưỡng", mà là loại "nhà thương điên của tư nhân ở thành phố được chính phủ cấp giấy phép", cho nên về mặt hình thức hoàn toàn đúng là bà Bun-vơ đã bị giam không phải trong một "trại an dưỡng của người điên", mà là trong nhà thương điên.

Bác sĩ Hin, người hành nghề chữa trị "những rối loạn tâm thần", mà phải nhận lấy nguy cơ và rủi ro, cũng đứng ra bào chữa và tuyên bố rằng bà Bun-vơ hoàn toàn không bị giữ ở nhà giam, mà trái lại, có sẵn xe trượt để sử dụng và trong thời gian bà bị an trí bắt buộc ở đây hầu như chiều nào bà cũng đi trượt tuyết ở Tích-mơn, Ác-tơn, Han-oen hay Ai-dơ-lu-éc. Ngài Hin đã quên cho công chúng biết rằng "cách chữa trị đã được cải tiến cho người điên" mà ông ta tiến hành đó hoàn toàn phù hợp với chỉ thị chính thức của Ủy ban chăm sóc những bệnh nhân tâm thần. những cái nhăn nhó hữu hảo, những nụ cười thông cảm, những câu nói hợp với trẻ con, những lời lẽ đường mật, những nháy mắt láu lỉnh và sự thanh thản vờ vịt của một đám người hộ lý nghiêm nghị có thể làm mất lí trí bất cứ một người đàn bà biết điều nào cũng có hiệu quả như những cái vôi hoa sen tẩm, những bộ quần áo bó, những người giám thị thô bạo, và những căn buồng tối. Dù ở đấy có như thế nào đi nữa thì những lời đoan chắc của ông bác sĩ Hin và của ngài Lít-tơn cũng chỉ giản đơn quy lại là: người ta đã thực sự coi bà Bun-vơ như một người điên, nhưng theo những quy tắc của một hệ thống mới, chứ không phải một hệ thống cũ.

"Tôi thường xuyên liên hệ với mẹ tôi", - ngài Lít-tơn nói trong một bức thư như vật, - "và tôi đã thực hiện lời chỉ dẫn của cha tôi, cha tôi đã cho tôi biết đầy đủ về mọi kế hoạch của mình... và đã khuyên tôi tuân theo những lời khuyên của huân tước Sép-xbê-ri về tất cả những gì có thể đem lại lợi ích và sự an ủi cho bà Lít-tơn".

Huân tước Sép-xbê-ri, như mọi người đều biết, là tổng chỉ huy đạo quân mà hành dinh đặt ở Ec-xe-tơ-hôn³⁷⁹. Đánh tan mùi ứ xú của vụ bắn thủ bằng cái hơi thơm tho của tính thánh thiện của ông ta đó là coup de théâtre^{1*} xứng đáng với trí tưởng tượng thiên tài của nhà viết tiểu thuyết. Huân tước Sép-xbê-ri cũng đã nhiều lần sử dụng theo hướng đó, chẳng hạn trong vấn đề Trung Quốc và trong vụ âm mưu ở Căm-brít-giơ-hau-xơ. Nhưng ngài Lít-tơn chỉ vạch ra cho công chúng thấy có một nửa bí mật, nếu không thì ngài đã phải công khai kể ra rằng ngay sau vụ bắt cóc mẹ ngài, bức thư ra lệnh của bà Pan-móc-xtơn đã làm hỏng kế hoạch của ngài Ết-uốt và đã buộc ông này "tuân theo những lời khuyên của huân tước Sép-xbê-ri", là người đã miễn cưỡng phải làm con rể của Pan-móc-xtơn và đồng thời là chủ tịch Ủy ban chăm sóc những bệnh nhân tâm thần. Để tìm cách lừa dối công chúng, về sau ngài Lít-tơn tuyên bố:

"Từ cái phút mà cha tôi tự coi là mình buộc phải chấp nhận những biện pháp được giải thích theo nhiều cách xuyên tạc như vậy, ông đã tìm cách hỏi ý kiến của những thầy thuốc có kinh nghiệm và có uy tín nhất, để không hạn chế tự do của mẹ tôi thêm một phút nào nữa, vì điều đó là hoàn toàn cần thiết. Đó là những điều ông đã chỉ bảo tôi".

Từ cách diễn đạt lờ mờ của tất cả những câu nói vụng về người ta thấy rõ rằng lời khuyên có thẩm quyền về y học tựa hồ là cần cho ngài Ết-uốt Bun-vơ không phải để cách ly vợ mình như một người điên, mà chỉ nhằm giải thoát bà ta như một người mentis compos^{2*}. Trong thực tế, các thầy thuốc đã đồng ý với việc bắt cóc bà Bun-vơ hoàn toàn không phải là "những thầy thuốc có kinh nghiệm và có uy tín nhất". Những đối tượng mà ngài Ết-uốt nhờ đến là ông Rốt nào đó, một người bán thuốc

1* trò hề

2* có lý trí bình thường

ở Luân Đôn mà như người ta thấy, giấy phép bán thuốc đã lập tức biến ông thành một danh y tâm thần, và ông Hây-tôm-xơn nào đó, một người đã có lúc có liên hệ với bệnh viện Vét-min-xơ, nhưng không có quan hệ gì với giới khoa học. Chỉ do một áp lực nhẹ nhàng từ bên ngoài, khi ngài Ết-uốt đây lo âu, cảm thấy rằng cần phải nhượng bộ, thì ông mới kêu gọi đến những người thật sự có một vị trí quan trọng trong nghề y. Người con của ông đã công bố những chứng cứ của họ, nhưng chúng chứng minh điều gì? Bác sĩ Phốc-xơ uyn-xlâu, biên tập viên của tờ "Journal of Psychological Medicine"³⁸⁰, mà những người biện hộ cho bà Bun-vơ đã hỏi ý kiến trước kia, tuyên bố rằng, sau khi "tìm hiểu trạng thái thần kinh của bà Bun-vơ", ông ta cho rằng "hạn chế tự do của bà ta lâu hơn nữa là hoàn toàn không thể chấp nhận được". Đối với công chúng không cần phải chứng minh rằng trả lại tự do cho bà Bun-vơ là điều có thể chấp nhận, mà trái lại, phải chứng minh xem liệu tước mất tự do của bà ta có hợp pháp hay không. Ông Lít-tơn không dám đụng đến khía cạnh tế nhị có ý nghĩa quyết định ấy của vấn đề. Phải chăng một người cảnh sát bị buộc tội là đã giam giữ bất hợp pháp một người Anh tự do, lại không bị cười nhạo, khi anh ta nói để tự bào chữa rằng anh ta không làm điều gì xấu sau khi anh ta trả lại tự do cho người bị bắt giam? nhưng thực tế bà Bun-vơ có được trả tự do không?

"Mẹ tôi", - ông Lít-tơn nói tiếp, - "*Hiện nay đang ở chỗ tôi*, bà không bị câu thúc trong hành động của mình, bà có ý định sắp tới sẽ đi chơi với tôi và một người bạn gái của bà cùng những người thân thuộc mà bản thân bà chọn làm người đồng hành cho mình".

Bức thư của ông Lít-tơn ghi: "Công viên Lây-nơ, nhà số 1", tức địa chỉ nơi ở của cha ông tại thành phố. Điều đó há chẳng có nghĩa là bà Bun-vơ được đưa từ nơi giam giữ bà ở Bren-phoóc đến một nơi giam giữ mới ở Luân Đôn và hoàn toàn bị phó vào tay kẻ thù tệ hại nhất? Ai bảo đảm rằng bà "không bị câu thúc trong hành động của mình"? Vô luận thế nào, trong khi ký kết sự thoả hiệp do bà đề nghị, bà không được tự do, mà phải chịu đau khổ vì hệ thống được hoàn thiện của bác sĩ Hin. Tình huống quan trọng nhất trong vụ này là như sau: trong suốt thời gian ngài Ết-uốt nói thì bà Bun-vơ lặng thinh. Mặc dù người ta biết rằng bà có

khieu cầm bút, nhưng không một tuyên bố nào của bà đến với công chúng. Một bản báo cáo do bà viết về cách người ta đối xử với bà đã bị tước mất một cách khéo léo để không đến được tay người bà gửi báo cáo đó.

Dù cho ông chồng và bà vợ hiện nay đã thoả thuận với nhau như thế nào đi nữa, thì công chúng Nga cũng chỉ quan tâm đến vấn đề sau đây: liệu những nhân vật vô nguyên tắc, khá giàu để đưa ra một món thù lao hấp dẫn cho hai thầy thuốc đang đối, có quyền đưa ra lettres de cachet^{1*} dưới chiêu bài của đạo luật về người điên hay không? Và còn một vấn đề nữa: liệu một bộ trưởng có được phép xuất xoa một tội lỗi rõ ràng bằng một sự thoả hiệp gia đình thuần tuý hay không? Cách đây không lâu người ta đã biết rõ là năm nay, khi nghiên cứu tình hình ở một trại tâm thần ở Y-oóc-sia, Uỷ ban chăm sóc các bệnh nhân tâm thần đã phát hiện ra ở đó có một người hoàn toàn có lý trí bình thường đã bị bí mật giam mấy năm trong một nhà hầm. Khi ngài Phít-xơ-rôi hỏi về trường hợp đó tại hạ nghị viện, thì ông U-ôn-pôn trả lời rằng ông ta không tìm thấy "một tài liệu nào về sự kiện đó" cả, như vậy là ông ta phủ nhận sự tồn tại của tài liệu, chứ không phải sự kiện. Câu chuyện không kết thúc ở đó, người ta có thể kết luận như vậy căn cứ vào tuyên bố của ông Tai-tơ nói rằng "đầu khoá hợp sau ông sẽ đưa ra đề nghị về việc thành lập một uỷ ban đặc biệt để nghiên cứu vấn đề áp dụng đạo luật về người điên như thế nào".

*Do C. Mác viết ngày 23 tháng Bảy 1858
Đã đăng trên báo "New York Daily
Tribune" số 5393, ngày 4 tháng Tám
1858*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

1*- lệnh bắt

C. MẮC

* SỐ NGƯỜI MẮC BỆNH TÂM THẦN
TĂNG LÊN Ở ANH

Trong lịch sử xã hội Anh, tiếc thay không thấy có sự kiện nào lại được xác định chính xác hơn sự kiện về tình hình tăng trưởng tương ứng của sự giàu có hiện đại và sự bần cùng. Điều kỳ lạ là rõ ràng cái quy luật ấy cũng có hiệu lực cả về phương diện số người mắc bệnh tâm thần. Tình hình số người mắc bệnh tâm thần ở Anh tăng lên ngang sự gia tăng xuất khẩu và vượt quá sự gia tăng dân số. Số người mắc bệnh tâm thần ở Anh và ở Oen-xơ tăng lên nhanh chóng trong thời kỳ phồn vinh chưa từng thấy của thương nghiệp từ năm 1852 đến hết năm 1857, sự gia tăng đó được chỉ ra rõ ràng trong bảng so sánh sau đây lấy từ các báo cáo thống kê hàng năm về những người nghèo, người bị bệnh tâm thần và những người đàn độn qua các năm 1852, 1854 và 1857³⁸¹:

Ngày tháng	Số dân	Bệnh nhân ở các bệnh viện tâm thần thuộc các lãnh địa bá tước và các t.p	Bệnh nhân ở các bệnh viện tư nhân	Bệnh nhân ở các nhà tế bần	Bệnh nhân được bạn bè bảo trợ	Tổng số bệnh nhân tâm thần và đàn độn	Tỷ lệ bệnh nhân so với số dân
1-1-1852	17927609	9412	2584	5055	4107	21158	1:847
1-1-1854	18649849	11956	1878	5713	4940	24487	1:762
1-1-1857	19408464	13488	1908	6800	5497	27693	1:701

Tỷ lệ giữa số bệnh kịch phát và có thể chữa khỏi với số bệnh kinh niên và rõ ràng không chữa khỏi vào cuối năm 1856 ít hơn 1: 5 chút ít, điều đó có thể thấy qua tài liệu thống kê chính thức sau đây:

Người bệnh thuộc tất cả các loại bệnh tâm thần	Được coi là có thể chữa khỏi
Trong các bệnh viện tâm thần ở các lãnh địa bá tước và các thành phố... .. 14 393	2 070
Trong các bệnh viện..... ..1 742	304
Trong các bệnh viện tâm thần tư nhân ở thủ đô có giấy phép của chính phủ. 2 578	390
Trong các bệnh viện tâm thần tư nhân ở các tỉnh. 2 598	527
Tổng cộng..... ..21 311	3 327
Được coi là không thể chữa khỏi..... ..3 327	
Được coi là có thể chữa khỏi..... .. 17 984	

Để nhất những người bị bệnh tâm thần và những người đàn độn tất cả các loại và tất cả các mức độ ở Anh và Oen-xơ có 37 trại tâm thần công cộng, trong số đó có 33 trại ở các khu bá tước và 4 ở các thành phố; sau đó còn có 15 bệnh viện, 116 bệnh viện tư có giấy phép của chính quyền, trong số đó có 37 ở thủ đô và 79 ở các tỉnh, và cuối cùng, là những nhà tế bần. Các trại tâm thần công cộng hay, để gọi một cách giản đơn, nhà người điên, theo luật chỉ dành để tiếp nhận người bị tâm thần xuất thân từ các tầng lớp nghèo trong dân cư, hơn nữa, chúng phải dùng làm bệnh viện với những sự phục vụ y tế thích đáng, chứ không phải đơn thuần làm nơi cách ly người loạn trí. Nói chung có thể cho rằng, ít ra là ở các khu bá tước, chúng là những cơ quan được tổ chức đúng đắn, mặc dù quá rộng để có thể đảm bảo quản lý chung một cách thích đáng; chúng chứa đầy áp người, không có sự phân chia rạch ròi các bệnh nhân theo loại, và hơn nữa chỉ có thể bố trí

trong những nhà đó xấp xỉ hơn một nửa so với toàn bộ số người bị bệnh trong dân nghèo. Cuối cùng, 37 trại ấy phân tán trên khắp đất nước, xét theo diện tích của chúng, chỉ đủ để tiếp nhận tất cả là gần 15 690 bệnh nhân. Nhu cầu của bệnh nhân tâm thần về những trại hiện có rất ít ỏi lớn biết nhường nào, có thể lấy một ví dụ để minh họa. Khi mà vào năm 1831 trại Han-uên (ở Mít-đơn-xếch) được xây dựng cho 500 bệnh nhân tâm thần, người ta đã cho rằng trại này đủ cho nhu cầu của cả khu bá tước. Nhưng sau hai năm trại đó đã đầy ắp người bệnh; sau hai năm nữa người ta phải mở rộng nó để tiếp nhận thêm 300 bệnh nhân; và hiện nay (mặc dầu trong thời gian đó đã xây dựng trại Côn-nây Hát-chơ để có chỗ cho 1 200 người nghèo bị bệnh cũng của khu bá tước đó) ở Han-uên đã có trên 1 000 bệnh nhân. Côn-nây Hat-chơ được mở cửa năm 1851; trong chưa đầy năm năm người ta thấy cần phải kêu gọi mọi người đóng thuế để xây dựng một trại tâm thần mới; và những báo cáo mới đây chỉ ra rằng vào cuối năm 1856 trong dân chúng khu bá tước có hơn 1 100 người nghèo bị bệnh tâm thần, nhưng không được nhận vào trại nào cả. Trong khi đó số bệnh viện tâm thần hiện có thì lại quá nhiều, nhưng số bệnh viện được quản lý tương đối tốt thì lại quá ít, không đáp ứng kịp sự gia tăng nhanh chóng của bệnh nhân tâm thần. Trước hết cần phải phân chia một cách cụ thể trại tâm thần thành hai loại: trại an dưỡng cho những người bệnh không thể chữa khỏi, và những bệnh viện cho những người bệnh có thể chữa khỏi. Nếu nuôi người không thể chữa khỏi và người có thể chữa khỏi cùng một chỗ thì cả hai loại người này đều không được chăm sóc thích đáng, cũng như không được chữa trị. Nói chung, những bệnh viện tâm thần tư nhân được chính quyền cấp giấy phép được dành cho những người bệnh khá giả hơn. Nhưng cả "những nơi trú ẩn ám cúng" ấy, như những người chủ thích gọi chúng như vậy, trong thời gian gần đây đã gây bất bình cho công chúng nhân việc bà Bun-vơ bị giải đến Oai-cơ-hau-xơ bằng bạo lực và việc đối xử độc ác với bà Tơ-nơ tại Ấy-cơ-han-xơ ở Ý-óc-sia. Vì trong thời gian tới sẽ có một cuộc điều tra của nghị viện về những bí mật trong việc mua bán xung quanh bệnh tâm thần ở Anh, nên chúng ta có thể bàn đến phần này trong chủ đề của chúng ta sau này.

Giờ đây, chúng ta hãy chú ý đến điều kiện nuôi dưỡng 2 000 người bị bệnh tâm thần xuất thân từ các tầng lớp nghèo trong dân cư bị các cơ quan bảo trợ người nghèo và các cơ quan địa phương khác, căn cứ vào hợp đồng, mà giao phó cho các bệnh viện tâm thần tư nhân được chính quyền cho phép hoạt động. Mỗi tuần, số tiền mà những nhà kinh doanh tư nhân ấy cấp cho từng đầu người về ăn uống, chữa bệnh và mặc là từ 5 đến 12 si-linh, nhưng thực tế thì chi phí cho người bệnh trung bình là từ 5 si-linh đến 8 si-linh 4 pen-ny. Dĩ nhiên, tất cả tính toán của những nhà kinh doanh đều nhằm vào một mục đích duy nhất - rút được những món tiền lớn từ những khoản thu khiêm tốn ấy và chi ra một cách tương ứng những số tiền tối thiểu để nuôi dưỡng người bệnh. Trong báo cáo gần đây của mình³⁸² Ủy ban chăm sóc những người bị bệnh tâm thần nhận xét rằng, thậm chí những bệnh viện tư này nhận được khá nhiều tiền để nuôi dưỡng người bệnh, nhưng thực tế đã không tạo ra được những điều kiện nào, còn sự chăm sóc người bệnh thì hết sức thảm hại.

Dành rằng đại pháp quan có quyền, theo lời khuyên của Ủy ban chăm sóc những người bị bệnh tâm thần, huỷ bỏ giấy phép cấp cho các bệnh viện tư nhân chữa bệnh tâm thần hoặc không cho dùng lại giấy phép ấy; nhưng trong nhiều trường hợp, ở nơi nào không có trại tâm thần công cộng cho bệnh nhân tâm thần gần đó, hoặc ở nơi nào những nhà hiện có đều đã chật ních thì ủy ban không còn có cách nào khác là triển hạn giấy phép, hoặc đưa hàng loạt người nghèo mắc bệnh tâm thần vào các nhà tế bần khác nhau. Nhưng chính ủy ban ấy cũng cho rằng, dù cho các bệnh viện tư có tồi tệ đến đâu, thì sự tồi tệ đó vẫn chưa bằng cái nguy cơ và cái tệ hại gắn liền với tình trạng những người bệnh nghèo khổ ấy bị bỏ mặc, hầu như không được chăm sóc trong các nhà tế bần. Trong những nhà này hiện có khoảng 7 000 bệnh nhân tâm thần. Lúc đầu khu vực chữa bệnh tâm thần trong những nhà tế bần chỉ để tiếp nhận những người nghèo nào mắc bệnh mà chỉ đòi hỏi một sự chăm sóc hầu như không nhiều hơn bình thường và có thể giao tiếp với những người khác ở trong những nhà ấy. Nhưng vì khó kiếm được chỗ cho những người nghèo mắc bệnh tâm thần trong những trại được tổ chức tốt, và cũng vì lý

do tiết kiệm mà những hội đồng tế bản của nhà thờ dần dần biến nhà tế bản thành bệnh viện tâm thần, nhưng chỉ là thành những nơi không có sự chăm sóc, chữa trị và kiểm soát, nghĩa là không có cái cơ bản mà người bệnh cần phải có trong những trại được tổ chức đúng quy cách. Trong nhiều nhà tế bản lớn hơn có những khu dành cho người tâm thần chứa từ 40 đến 120 bệnh nhân. Đó là những chỗ ở ảm đạm, trong đó người bệnh không có bất cứ một công việc gì để làm, không có chỗ đi dạo và giải trí. Chăm sóc họ phần lớn là những người nghèo sống trong những nhà đó, những người hoàn toàn không thích hợp đối với những nhiệm vụ giao cho họ. Việc nuôi dưỡng, ngoài những việc khác, có một ý nghĩa đặc biệt đối với những kẻ bất hạnh mắc bệnh rối loạn thần kinh, thường là không thích thú so với việc nuôi dưỡng những người bình thường về mặt thể chất và tinh thần sống trong những nhà đó. Hoàn toàn tự nhiên là, do tất cả tình hình ấy mà việc cư trú trong những nhà tế bản, trước hết là dành cho người nghèo mắc chứng rối loạn thần kinh, không những làm xấu thêm tình trạng của những người này, mà còn đe dọa biến những trường hợp bệnh đáng lẽ có thể kịp thời chữa khỏi thành ra mãn tính và thường xuyên. Nhưng đối với việc bảo trợ người nghèo thì tiết kiệm là nhân tố quyết định.

Theo luật thì người nghèo mắc bệnh tâm thần lúc đầu phải đến khám ở thầy thuốc khu vực theo đạo, người thầy thuốc này phải thông báo về người bệnh cho nhân viên bảo hộ người nghèo; nhân viên này lại phải báo cho nhà chức trách là người sẽ ra lệnh cho người bệnh phải chuyển đến trại tâm thần. Trên thực tế, không một quy định nào trong số đó được thực hiện. Những người nghèo bị bệnh tâm thần bị đưa ngay đến nhà tế bản, tại đó họ sống suốt đời, chỉ cần họ không gây náo loạn lên. Những ý kiến của các uỷ viên Uỷ ban chăm sóc bệnh nhân tâm thần khi họ đi thăm các nhà tế bản về việc chuyển đến bệnh viện tâm thần tất cả những bệnh nhân có thể chữa trị được hoặc không được chăm sóc thoả đáng, những ý kiến này thường bị gạt đi, vì nhân viên y tế của cơ quan bảo trợ người nghèo chứng nhận rằng người bệnh nói trên "không gây náo loạn". Điều kiện sinh hoạt của bệnh nhân tâm thần tại những nhà tế bản là như thế nào thì chúng

ta có thể thấy qua những sự thực lấy trong báo cáo gần đây về các bệnh nhân tâm thần, báo cáo này "mô tả một cách trung thực bức tranh chung về những điều kiện sinh hoạt của người bị tâm thần ở trong các nhà tế bản".

Trong những bệnh viện tâm thần ở No-rít-giơ, đệm và gối của ngay cả những người bệnh yếu về thể lực cũng đều độn bằng rơm rạ. Nền nhà trong ba mươi phòng hẹp đều bằng đá. Không có nhà xí. Sự canh giữ ban đêm đối với phía nam giới đã bị bãi bỏ. Thiếu rất nhiều vải trải giường, khăn tay, vải choàng, áo chèn, chậu thau, ghế, đĩa, thìa và những đồ dùng khác cho bàn ăn. Thông gió rất tồi. Chúng ta hãy trích một đoạn trong bản báo cáo đó:

"Không thể tin được ngay cả một cái gì đó nhìn từ vẻ bên ngoài thì lúc đầu có thể gây được một ấn tượng dễ chịu. Chẳng hạn, người ta phát hiện ra rằng phần nhiều giường bẩn thỉu của các bệnh nhân bị lấy đi vào buổi sáng và trong ngày được thay thế chỉ để có vẻ ngoài của những cái giường thơm mát và sạch sẽ hơn, để làm việc đó người ta trải lên giường những cái ra và thảm sạch sẽ, mà theo thường lệ thì đến chiều người ta lại lấy đi và kê vào đấy những chiếc giường bẩn.

Hãy lấy một ví dụ khác là nhà tế bản Bléch-béc-nơ:

"Những căn phòng ban ngày ở tầng dưới dành cho đàn ông thì nhỏ hẹp, thấp, tối và bẩn, và phần lớn diện tích dành cho 11 người bệnh là đầy những chiếc ghế nặng nề mà bệnh nhân bị cột vào đấy bằng những dây thừng và cả bằng một tấm lưới lớn bảo vệ lò sưởi nhô ra phía trước. Những căn phòng của đàn bà ở tầng trên cũng chật ních, và trong mỗi căn phòng ấy cũng dùng làm phòng ngủ thì một phần lớn diện tích được ngăn ra để làm hố xí; giường đặt sát cạnh nhau. Trong phòng ngủ chen chúc 16 bệnh nhân nam, thì không khí ngột ngạt và ở đấy có mùi hôi thối. Phòng này dài 29 phút, rộng 17 phút 10 pu-xơ và cao 7 phút 5 pu-xơ. Như vậy mỗi người bệnh được 2,39 phút khối. Tất cả đệm đều nhồi rơm, không loại trừ cả trường hợp những người bệnh đang ốm hay bị nằm liệt giường. Đồ đạc trên giường đều rất bẩn và hoen ố do gỉ sắt của thành giường. Việc dọn dẹp giường rõ ràng chủ yếu là phó mặc cho người bệnh làm. Nhiều người bệnh ăn mặc rất bẩn, sờn cũ như vậy chủ yếu là do thiếu sự chăm sóc thích đáng và thiếu sự quan tâm. Đồ dùng cho ban đêm rất ít, và ở giữa nhà ngủ lớn ban đêm có đặt một cái chậu cho những người nam giới dùng chung. Sân để đi dạo - hai cho nữ và hai cho nam - thì rải sỏi, có tường cao bao bọc và không có ghế ngồi.

Sân lớn nhất trong số đó dài 74 phút, rộng 30 phút 7 pu-xơ, sân nhỏ nhất là 32 phút trên 17 phút 6 pu-xơ. Trong số những cái sân đó có một cái sân có buồng riêng, thỉnh thoảng dùng để cách ly những người bệnh gây náo loạn. Nó được xây hoàn toàn bằng đá, và có một lỗ vuông nhỏ cho ánh sáng lọt vào, với những thanh sắt cài chắn nhằm ngăn không cho bệnh nhân chạy trốn, nhưng không có cánh cửa và khung cửa. Trên nền buồng có một cái giường lót rơm và trong một góc có một cái ghế nặng. Phòng này hoàn toàn giao phó cho một hộ lý và một bà xơ kiểm soát. Người lãnh đạo nhà tế bần ít khi can thiệp vào công việc của họ và nói chung không kiểm tra phòng này một cách cẩn thận như các phòng khác".

Một cảm giác hết sức ghê rợn không cho phép chúng tôi trích ra ở đây những đoạn trong bản báo cáo của các nhân viên uỷ ban về nhà tế bần Xen-tơ - Pan-crát ở Luân Đôn, nhà này là một thứ địa ngục. Nói chung, so với những phòng dành cho bệnh nhân tâm thần trong các nhà tế bần thì ở Anh hiếm thấy những chuồng ngựa nào lại dường như không trở thành phòng khách, trong đó việc đối xử với những con vật bốn chân không thể không gọi là tình cảm hơn so với việc đối xử với những người bị bệnh tâm thần xuất thân từ tầng lớp dân cư nghèo.

*Do C. Mác viết ngày 30 tháng Bảy 1858
Đã đăng làm xã luận trên báo "New -
York Daily Tribune" số 5407, ngày 20
tháng Tám 1858*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C. MÁC

*** ĐẠO LUẬT NĂM 1844 VỀ NGÂN HÀNG ANH**

Bạn đọc chắc hẳn nhớ rằng năm 1857 Nghị viện Anh đã được gấp rút triệu tập nhân việc đình chỉ hiệu lực của đạo luật về Ngân hàng Anh mà thủ tướng và bộ trưởng ngân khố đã ban bố theo trách nhiệm cá nhân mình bằng bức thư đề ngày 12 tháng Mười một, ngay trong lúc tình trạng hoảng loạn về tài chính đang sôi sục^{1*}. Một khi đã thông qua dự luật làm cho chính phủ thoát khỏi trách nhiệm về sự vi phạm đạo luật, thì nghị viện tuyên bố ngừng họp, nhưng lập ra một tiểu ban đặc biệt của nghị viện "để nghiên cứu hiệu lực của những đạo luật năm 1844 và 1845 về Ngân hàng Anh, và cả nguyên nhân của cuộc khủng hoảng thương mại mới đây". Trên thực tế tiểu ban đã họp từ đầu năm 1857 và đã công bố được hai tập dày cộp về hiệu lực và hậu quả của những đạo luật năm 1844 - 1845 về Ngân hàng Anh - một tập thuyết minh bằng chứng, một tập ghi những phụ lục³⁸³. Công việc của tiểu ban hầu như đã bị lãng quên, khi cuộc khủng hoảng thương mại bắt đầu lại làm cho tiểu ban sống lại và cung cấp cho nó "tài liệu bổ sung cho công việc nghiên cứu". Trong hai tập dày cộp mà chúng tôi nói tới ở trên, tiểu ban đã tuyên bố, đúng hai tháng trước khi xảy ra cuộc phá sản to lớn về thương mại, rằng thương mại Anh là "lành mạnh" và nó "không lo sợ gì cả".

1* Xem tập này, tr. 404.

Còn về hiệu lực của đạo luật của ngài Rô-bóc Pin về Ngân hàng Anh, thì huân tước Ô-vóc-xton đã phát biểu trước tiểu ban ngày 14 tháng Bảy 1857 với những câu ca ngợi hết lời như sau:

"Nhờ thực hiện chính xác và nhanh chóng những nguyên tắc của Đạo luật năm 1844 - ông nói - "mọi việc đều trôi chảy và dễ dàng; hệ thống tiền tệ là vững chắc và không gì lay chuyển được; sự phồn vinh của đất nước là không nghi ngờ gì nữa; lòng tin của xã hội vào sự sáng suốt của Đạo luật năm 1844 tăng lên hàng ngày; và nếu tiểu ban muốn có những bằng chứng thực tiễn thêm nữa về sự lành mạnh của các nguyên tắc làm cơ sở cho đạo luật ấy, hay tìm hiểu xem nó dẫn tới những kết quả tốt đẹp như thế nào, thì câu trả lời thích đáng và đầy đủ cho tiểu ban sẽ là: hãy nhìn quanh ra, hãy nhìn tình hình hiện nay của nền thương mại đất nước, hãy nhìn xem sự thoả mãn của nhân dân, hãy nhìn xem sự giàu có và sự phồn vinh của tất cả các giai cấp trong nước. Và sau khi làm như vậy, tiểu ban hãy quyết định xem liệu nó có nên xoá bỏ đạo luật mà nhờ đó đã đạt được những kết quả như vậy hay không".

Sáu tháng sau chính cái tiểu ban ấy lại phải hoan nghênh chính phủ về việc nó đã đình chỉ hiệu lực của chính đạo luật đó!

Tiểu ban đã tính trong số thành viên của mình có ít ra là năm bộ trưởng và nguyên bộ trưởng ngân khố, cụ thể là: ông Đì-xra-e-li, ngài Gi. C. Lu-ít, ông Glát-xton, ngài Sác-lơ Vút và ngài Phrên-xít Bê-rinh, lại còn có thêm ông Uyn-xơn và ông Các-đu-en, hai người này từ lâu đã quen cung cấp cho Bộ tài chính Anh những ý kiến và lời khuyên. Ngoài những nhân vật ấy ra, trong tiểu ban còn có tất cả những nhân vật của giới quan liêu Anh. Thực tế tiểu ban đã có trên hai tá thành viên và là một sự tập trung xuất sắc trí tuệ tài chính và kinh tế. Nó phải quyết định những vấn đề sau đây: một là, những nguyên tắc của Đạo luật năm 1844 về Ngân hàng Anh; hai là ảnh hưởng đối với các cuộc khủng hoảng thương mại của việc phát hành giấy bạc ngân hàng, những giấy bạc có thể được trả theo yêu cầu, và cuối cùng, là những nguyên nhân chung của cuộc khủng hoảng mới đây. Chúng tôi có ý định điểm lại ở đây một cách ngắn gọn những câu trả lời của tiểu ban đối với tất cả những vấn đề ấy.

Ngài Rô-bóc Pin, người cha đỡ đầu ở nghị viện cho Đạo luật năm 1844 và huân tước Ô-vóc-xton, người cha tinh thần của đạo

luật đó, đã cấm Ngân hàng Anh phát hành giấy bạc ngân hàng với số tiền trên 14 500 000 p.xt., nếu không có bảo đảm bằng vàng, đã lấy làm thích thú với hy vọng rằng họ đã phòng ngừa được khả năng xảy ra những khó khăn và hoảng loạn về tiền tệ như thường định kỳ xảy ra trong khoảng từ năm 1815 đến năm 1844. Nhưng trong suốt một thập kỷ hy vọng của họ đã hai lần bị lừa dối, mặc dù đạo luật đã có được một sự ủng hộ hết sức rõ ràng và bất ngờ nhân việc phát hiện ra những mỏ mới có nhiều vàng. Như chúng ta thấy qua những bằng chứng đưa ra cho tiểu ban, cuộc hoảng loạn trong năm 1847 và 1857 còn mạnh hơn và có sức phá hoại nhiều hơn bất cứ lúc nào trước đây. Hai lần vào năm 1847 và năm 1857 chính phủ buộc phải vi phạm Đạo luật về Ngân hàng Anh để cứu vãn ngân hàng và thế giới tài chính xoay quanh nó.

Hoá ra là tiểu ban ắt đã phải đi tới một trong hai kết luận rất giản đơn: hoặc là chính phủ định kỳ vi phạm đạo luật và làm như thế là đúng, vậy thì trong trường hợp này bản thân đạo luật là không đúng, hoặc là đạo luật được đưa ra là đúng, thì lúc đó cần cấm chính phủ vi phạm nó một cách tùy tiện. Nhưng liệu độc giả có tin rằng tiểu ban đã tìm cách đồng thời biện hộ cả cho sự cần thiết phải có đạo luật và cho việc định kỳ vi phạm nó hay không? Các đạo luật thường có mục đích hạn chế quyền lực vô hạn của chính phủ. Trong trường hợp này, trái lại, hình như người ta giữ hiệu lực của đạo luật chỉ là nhằm để cho cơ quan hành pháp có được quyền lực vô hạn để bỏ qua nó. Bức thư của chính phủ uỷ nhiệm toàn quyền cho Ngân hàng Anh tiến hành chiết khấu và cho vay có một sự bảo đảm chắc chắn cao hơn giới hạn của lưu thông tiền tệ được quy định trong Đạo luật năm 1844, bức thư đó được công bố ngày 12 tháng Mười một, nhưng mãi cho đến ngày 30 tháng Mười một, Ngân hàng Anh vẫn phải hàng tuần ném giấy bạc vào lưu thông trung bình với một số tiền cao hơn giới hạn do đạo luật quy định gần nửa triệu pao xtéc-linh. Ngày 20 tháng Mười một mức vượt bất hợp pháp của số tiền trong lưu thông là gần một triệu. Sau tình hình đó có cần phải chứng minh mưu toan của ngài Rô-bóc Pin nhằm "điều chỉnh" lưu thông tiền tệ là có hại hay vô ích như thế nào không? Tiểu ban hoàn toàn

đúng khi khẳng định rằng "không một hệ thống lưu thông tiền tệ nào có thể bảo vệ một nước thương mại tránh khỏi những hậu quả do sự thiếu lý trí của chính mình gây ra". Nhưng nhận xét thông minh này là không đúng chỗ. Vấn đề đúng ra là ở chỗ những biện pháp lập pháp có thể hay không thể làm tăng thêm một cách giả tạo sự hoảng loạn tiền tệ vốn chỉ là một trong những giai đoạn của khủng hoảng thương mại.

Để biện hộ cho Đạo luật về Ngân hàng Anh tiểu ban nói:

" Mục đích chủ yếu của pháp luật nói đến ở đây, không nghi ngờ gì cả, là bảo đảm cho những biến đổi trong quy mô lưu thông tiền giấy ở vương quốc phù hợp với chính những quy luật mà theo đó quy mô của lưu thông tiền kim loại biến đổi. Không ai lại khẳng định rằng mục đích ấy đã không đạt".

Trước hết chúng ta nhận thấy rằng tiểu ban không chịu nêu ý kiến của mình về những quy luật mà theo đó quy mô của lưu thông tiền kim loại biến đổi; nguyên nhân của điều đó là ở chỗ tiểu ban lo ngại rằng nó sẽ "không đi tới bất cứ kết luận nào mà lại không làm nảy sinh những bất đồng lớn về ý kiến". Theo ý kiến những người thuộc phái lưu thông tiền kim loại thuần túy do ngài Rô-bốt Pin cầm đầu thì sự lưu thông ấy phải thu hẹp hay mở rộng là tùy theo tình hình tỷ giá hối phiếu, hay nói cách khác, là vàng phải chạy vào đất nước có tỷ giá thuận lợi và chạy ra khỏi nước đó khi tỷ giá không thuận lợi. Trong trường hợp thứ nhất mức giá cả chung phải tăng lên; trong trường hợp thứ hai nó phải hạ xuống. Nhưng nếu giả định rằng những dao động mạnh mẽ như vậy của giá cả chỉ hoàn toàn là cái vốn có của lưu thông kim loại thì không nghi ngờ gì cả, ông Gi-Xt. Mìn là đúng khi ông ta khẳng định trong tiểu ban rằng, mục đích mà lưu thông tiền giấy phải phục vụ là ở chỗ sửa chữa và ngăn ngừa những dao động tai hại như vậy, chứ hoàn toàn không phải là bắt chước chúng.

Nhưng sự thực lại chỉ ra rằng những tiền đề mà phái lưu thông tiền kim loại thuần túy dùng làm điểm xuất phát trong lập luận của mình chỉ là kết quả của sự tưởng tượng của họ mà thôi. Trong những nước không có hoạt động tín dụng, và do đó, không có lưu thông tiền giấy thì ở đâu dự trữ vàng và bạc cũng tích trữ

trong tay tư nhân; giống như tình hình đã diễn ra ở Pháp cho đến thời gian gần đây, và cho đến nay tình hình vẫn là như vậy trên mức độ rất lớn ở tất cả các nước châu Á. Khi tỷ giá hối phiếu không thuận lợi gây nên tình trạng kim loại quý chạy khỏi đất nước thì những dự trữ ấy được hút vào vòng chu chuyển do tỷ suất phần trăm chiết khấu tăng lên. Còn khi tỷ giá hối phiếu trở nên thuận lợi, thì số kim loại quý dôi ra lại chuyển thành dự trữ. Trong trường hợp này, cũng như trường hợp kia trong lưu thông đều không nảy sinh một chỗ trống, hoặc trái lại, một khoản thừa tiền tệ. Sự chạy đi và chạy đến của kim loại quý ảnh hưởng đến tình trạng dự trữ của tư nhân, chứ không ảnh hưởng đến tình trạng lưu thông tiền tệ, và không mảy may tác động đến mức giá cả chung. Thế thì lúc đó còn lại cái gì trong sự biện hộ của tiểu ban đối với Đạo luật năm 1844 về Ngân hàng Anh, khi tiểu ban này khẳng định rằng tựa hồ trong những thời kỳ căng thẳng của thị trường tiền tệ, đạo luật ấy có khuynh hướng tạo ra những dao động đột ngột của giá cả, những dao động này, như tiểu ban giả định một cách sai lầm, diễn ra trên cơ sở lưu thông tiền kim loại thuần túy? Nhưng tiểu ban nói, đạo luật của ngài Rô-bốt Pin bảo đảm, ít ra là, tính chuyển đổi của giấy bạc ngân hàng, mà đó là nghĩa vụ đầu tiên của ngân hàng. Ủy ban còn nói thêm:

" Số tiền bảo đảm cần thiết được cất giữ trong các hầm của cơ quan này theo các quy định của Đạo luật năm 1844 là lớn hơn số tiền bảo đảm có lúc nào đó đã được cất giữ ở đó trong thời kỳ căng thẳng trước đây của thị trường tiền tệ. Trong thời gian khủng hoảng năm 1825 dự trữ kim loại quý giảm tới 1 261 000 p. xt., năm 1837 - tới 3 831 000 p. xt. và năm 1839 - tới 2 406 000 p. xt.; trong khi đó, những điểm thấp nhất của nó sau năm 1844 là: 8 313 000 p. xt. năm 1847 và 6 080 000 p. xt. năm 1857".

Trước hết, trong những thời kỳ hoảng loạn nêu ra ở đây sự chuyển đổi giấy bạc ngân hàng được duy trì không phải vì Ngân hàng Anh có dự trữ về kim loại quý đủ để thực hiện nghĩa vụ của mình, mà đơn thuần vì người ta không đòi hỏi nó trả nợ bằng vàng. Chẳng hạn, năm 1825 ngân hàng đứng vững được trước yêu cầu dồn dập nhờ phát hành giấy bạc ngân hàng trị giá 1 pao xtéc-linh. Nếu như dự trữ kim loại tương đối lớn hơn năm 1847

và năm 1857 được coi là hậu quả đơn thuần của Đạo luật năm 1844, thì cũng vì lý do ấy phải gán cả sự thực sau đây cho đạo luật ấy. Sự thực đó là năm 1857 dự trữ kim loại, mặc dù có vàng của Ô-xtơ-rây-li-a và Ca-li-phoóc-ni-a, đã giảm xuống hơn 2 000 000 p. xt. so với mức của năm 1847. Và mặc dầu Ngân hàng Anh có số lượng vàng nhiều hơn gấp hai hoặc gấp ba so với số nó có năm 1825 và năm 1836, nhưng do quy định của đạo luật của ngài Rô-bốt Pin, nó vẫn đứng bên bờ phá sản trong những năm 1847 và 1857. Theo lời của nhà lãnh đạo ngân hàng, toàn bộ dự trữ của khu vực ngân hàng ngày 12 tháng Mười một 1857, nghĩa là vào ngày công bố bức thư của ngân khố, chỉ có 580 751 p. xt.; cũng chính trong thời gian đó số ký gửi của nó được biểu hiện bằng số tiền là 22 500 000 p. xt., trong số đó khoảng 6 500 000 p. xt. thuộc Ngân hàng Luân Đôn. Nếu không có bức thư của ngân khố thì toàn bộ của hàng đã phải đóng cửa. Tăng hay giảm tỷ suất phân trăm chiết khấu - mà ngân hàng thừa nhận rằng nó không có thủ đoạn nào khác để tác động vào lưu thông tiền tệ - là một biện pháp được áp dụng cả trước khi công bố Đạo luật năm 1844, và, dĩ nhiên cũng có thể áp dụng cả sau khi xoá bỏ nó. Nhưng, ngân hàng tuyên bố, các giám đốc muốn rằng giá trị của họ sẽ được củng cố nhờ có đạo luật, và sẽ là không thoả đáng nếu "phó mặc họ hoạt động phù hợp với sự thông minh và sự quyết tâm của họ". Trong những thời gian bình thường khi đạo luật về ngân hàng rõ ràng là một tử chết, thì các giám đốc muốn tìm sự ủng hộ trong câu chuyện tưởng tượng rằng nó đang hoạt động một cách thoả đáng, còn trong những thời điểm căng thẳng - những thời điểm duy nhất mà đạo luật đó nói chung có thể có tác dụng - thì họ muốn lánh xa nó nhờ vào lệnh của chính phủ.

*Do C. Mác viết ngày 6 tháng Tám 1858
Đã đăng làm xã luận trên báo "New-
York Daily Tribune" số 5409, ngày 23
tháng Tám 1858*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C. MÁC*** KHỦNG HOẢNG THƯƠNG MẠI VÀ
LƯU THÔNG TIỀN TỆ Ở ANH**

Có lẽ trong kinh tế chính trị không có một sự lầm lạc nào phổ biến hơn ý nghĩ cho rằng các ngân hàng phát hành tựa hồ có khả năng ảnh hưởng đến mức giá cả chung bằng cách mở rộng hoặc thu hẹp lưu thông tiền tệ. Ý kiến cho rằng các ngân hàng mà mở rộng quá mức việc ném tiền tệ vào lưu thông thì sẽ bằng cách đó gây nên một sự tăng giá có tính chất lạm phát, sự tăng giá này chỉ có thể xoá bỏ bằng cưỡng chế do một sự phá sản tiếp theo, là một sự giải thích quá đơn giản và do đó cũng là nguyên nhân của bất cứ một cuộc khủng hoảng nào. Cần thấy rằng vấn đề không phải là ở chỗ ngân hàng có thể giúp vào việc lập một hệ thống tín dụng giả tưởng hay không, mà là ở chỗ chúng có thể điều chỉnh được số tiền nằm trong tay công chúng hay không.

Vị tất có ai tranh cãi cái luận điểm cho rằng lợi ích của mỗi ngân hàng phát hành thúc đẩy nó giữ trong lưu thông một số giấy bạc ngân hàng của chính mình càng nhiều càng hay. Nếu trên thế giới có một ngân hàng nào không chỉ có nguyện vọng như vậy, mà còn có khả năng thực hiện nó thì dĩ nhiên đó là Ngân hàng Anh. Nhưng nếu chúng ta xét thời kỳ, chẳng hạn từ năm 1844 đến hết năm 1857, thì chúng ta sẽ thấy rằng, trừ những thời điểm khủng hoảng, ngân hàng này không một lần nào có thể đưa giấy

bạc của mình đã ném vào lưu thông lên tới số bạc giới hạn mà đạo luật cho phép nó làm, mặc dù nó có đặc quyền ném giấy bạc của nó vào thị trường bằng cách mua các chứng khoán của nhà nước và mặc dù tỷ suất lợi tức phần trăm liên tục giảm sút. Nhưng cũng có một hiện tượng khác, còn đáng ngạc nhiên hơn. Trong thời kỳ khoảng giữa những năm 1844 - 1857 tổng chu chuyển thương mại của Vương quốc liên hợp đã tăng gần gấp ba lần. Còn xuất khẩu của Anh trong mười năm gần đây, như chúng ta đều biết, tăng gấp hai lần. Nhưng đồng thời với sự tăng trưởng to lớn ấy của thương mại, số giấy bạc của Ngân hàng Anh nằm trong lưu thông thực tế lại giảm và vẫn đang còn tiếp tục giảm.

Hãy xem những con số sau đây:

Năm	Xuất khẩu	Lưu thông giấy bạc
	p.xt..	p.xt.
1845	60 110 000	20 722 000
1854	97 184 000	20 709 000
1856	115 826 000	19 648 000
1857	122 155 000	19 467 000

Như vậy, đồng thời với việc xuất khẩu tăng 62 645 000 p.xt., thì lưu thông tiền tệ giảm 1 255 000 p. xt., mặc dù trong cùng khoảng thời gian ấy, nhờ Đạo luật năm 1844 về Ngân hàng Anh, số chi nhánh của ngân hàng đó tăng thêm, số ngân hàng phát hành địa phương cạnh tranh với nó giảm bớt, còn giấy bạc của chính nó thì chuyển thành phương tiện thanh toán hợp pháp đối với các ngân hàng địa phương. Người ta nói rằng, có thể là tiền vàng tuôn ra từ những nguồn của cải mới đã góp phần đẩy lùi một phần giấy bạc của Ngân hàng Anh bằng cách lấp đầy những kênh lưu thông tiền tệ trước đây vốn do những giấy bạc ấy chiếm lĩnh. Thật vậy, giám đốc Ngân hàng Anh năm 1857 là ông Uên-gơ-lin đã tuyên bố trong tiểu ban hạ nghị viện rằng, những nhân vật có thẩm quyền xác định mức tăng của lưu thông vàng trong sáu tháng gần đây là 30%. Chính ông cho rằng, toàn bộ lưu thông vàng đạt tới số tiền là 50 000 000 pao xtéc-linh. Nhưng sự gia tăng số lượng tiền vàng ấy ít liên quan tới sự giảm bớt tiền

giấy đến nổi ngược lại, số lượng giấy bạc ngân hàng thuộc loại có giá trị nhỏ hơn 5 p.xt. và 10 p.xt. là loại duy nhất có thể được thay thế bằng tiền vàng trong thương nghiệp bán lẻ và trong việc thanh toán giữa người bán và người mua - lại thực tế tăng lên chính vào lúc số lượng tiền kim loại trong lưu thông cũng tăng lên. Bảng dưới đây chỉ rõ tỷ lệ gia tăng số lượng giấy bạc ngân hàng:

Năm	Giấy bạc ngân hàng 5 và 10 p. xt.	Tính theo % đối với tất cả giấy bạc ngân hàng trong lưu thông
1845	9 698 000 p.xt	46,9
1854	10 565 000	51,0
1855	10 628 000	53,6
1856	10 680 000	54,4
1857	10 659 000	54,7

Như vậy, sự giảm sút diễn ra do giấy bạc ngân hàng có giá trị cao hơn, loại từ 200 đến 1000 p.xt. làm những chức năng lưu thông trong nước, còn tiền thì nói một cách nghiêm túc, hầu như đã bị loại ra khỏi những chức năng này. Những giấy bạc ngân hàng này được sử dụng một cách tiết kiệm đến mức, mặc dù thương nghiệp mở rộng, giá cả tăng phổ biến và lưu thông tiền giấy loại nhỏ tăng, lưu thông giấy bạc ngân hàng nhìn chung vẫn tiếp tục giảm dần. Số lượng giấy bạc ngân hàng có giá trị từ 200 đến 1000 p.xt. năm 1857 giảm từ trên 5 856 000 p.xt. mà nó đạt được trong năm 1852, xuống 3 241 000 pao xtéc-linh. Trong khi năm 1844 những giấy bạc ngân hàng ấy vẫn còn chiếm 26% tổng số giấy bạc lưu thông thì năm 1854 chúng chỉ chiếm 20,5%, năm 1855 - 17,5%, năm 1856 - 16,9% và năm 1857 chỉ có 16,7%.

Nét mới này trong lưu thông tiền giấy của nước Anh xuất hiện là do sự cạnh tranh giữa các ngân hàng cổ phần của Luân Đôn và các ngân hàng tư nhân, và cũng là do sự tích lũy những số tiền lớn trong tay các ngân hàng cổ phần, nhờ vào việc trả lãi phần trăm cho các món tiền gửi do chúng quản lý. Ngày 8 tháng Sáu 1854, sau một cuộc chống đối lâu dài nhưng vô ích, các chủ

ngân hàng tư nhân ở Luân Đôn buộc phải thoả thuận để cho các ngân hàng cổ phần tham gia vào những hoạt động thanh toán, và chẳng bao lâu sự kết toán được tiến hành tại trụ sở Ngân hàng Anh. Vì những sự thanh toán hàng ngày giờ đây được tiến hành bằng cách chuyển theo tài khoản mà những ngân hàng khác nhau có tại cơ quan này, cho nên những giấy bạc lớn trước đây được các chủ ngân hàng sử dụng để tiến hành những khoản thanh toán giữa họ với nhau, đã không còn được áp dụng rộng rãi nữa, và do đó phần lớn số giấy bạc này rời khỏi lưu thông. Trong khi đó, trong tất cả chín ngân hàng cổ phần của Luân Đôn, như những báo cáo do họ công bố chỉ rõ, những khoản tiền gửi đã tăng từ 8 850 774 p.xt. năm 1847 lên 43 100 724 p.xt. năm 1857. Như vậy, các ngân hàng muốn gây được ảnh hưởng đối với phương hướng chung của thương mại và giá cả thì phải nhờ vào những hoạt động ký gửi, nghĩa là bằng hoạt động tín dụng, chứ không phải bằng việc phát hành quá nhiều giấy bạc mà các ngân hàng tỏ ra không có khả năng giữ lại trong lưu thông ngay cả ở những giới hạn của số tiền tối đa được quy định trước đây.

Tiền mặt, vàng, và giấy bạc của Ngân hàng Anh tham gia vào những hợp đồng buôn bán của thương mại Anh ít như thế nào, điều đó được chỉ rõ một cách có sức thuyết phục qua việc phân tích những hoạt động thương mại liên tục với quy mô nhiều triệu pao xtéc-linh mỗi năm mà ông Clây-te-rơ, hội viên của một trong những hãng lớn nhất ở Luân Đôn, đã trình bày trước tiểu ban hạ nghị viện. Quy mô những khoản tiền thu và tiền trả trong năm 1856 chỉ đạt tới 1 000 000 p.xt. và được trình bày dưới dạng sau đây:

<i>Khoản thu</i>	<i>P.xt.</i>
Hối phiếu và kỳ phiếu ngân hàng theo thời hạn khác nhau	533 596
Séc của ngân hàng trả theo yêu cầu.....	357 715
Giấy bạc ngân hàng của các ngân hàng địa phương.....	9 627
Cộng	900 938
Giấy bạc ngân hàng của Ngân hàng Anh	68 554
Vàng.....	28 089
Bạc và đồng	1 486

Tiền gửi qua bưu điện	933
Cộng	99 062
Tổng cộng.....	1 000 000
<i>Khoản trả</i>	<i>p.xt.</i>
Hối phiếu kỳ hạn khác nhau	302 674
Séc ở Ngân hàng Luân Đôn	663 672
Cộng	966 346
Giấy bạc của Ngân hàng Anh.....	22 743
Vàng	9 427
Bạc và đồng	1 484
Cộng	33 654
Tổng cộng.....	1 000 000

Những con số này có thể dùng làm minh họa cho thương nghiệp bán buôn Anh mà trung tâm là Luân Đôn. Từ những con số ấy người ta thấy rõ là giấy bạc Ngân hàng Anh chiếm chưa đến 10%, còn vàng và bạc chỉ chiếm 3% toàn bộ số thu. Trong các khoản trả chỉ có 2% là thực hiện bằng giấy bạc Ngân hàng Anh và chỉ 1% bằng vàng và bạc. Mặt khác, gần 90% toàn bộ các khoản thu vào và gần 97% các khoản trả được thực hiện nhờ vào các khoản tín dụng và vốn của chính các thương nhân.

Một sự phân tích tình hình phát hành của các ngân hàng Niu Oóc, sáu năm vừa qua chẳng hạn, ắt cũng đưa chúng ta đến kết luận như vậy, cụ thể là số lượng giấy bạc ngân hàng nằm trong lưu thông không phụ thuộc vào bản thân các ngân hàng và thực tế đã giảm sút chính vào lúc thương nghiệp được mở rộng và người ta chứng kiến tình hình giá cả tăng có tính chất lạm phát, chừng nào tình hình chưa kết thúc bằng một cuộc phá sản. Cho nên quan niệm tâm thường đem cuộc khủng hoảng mới đây cũng như các cuộc khủng hoảng nói chung gắn liền với việc phát hành quá nhiều giấy bạc ngân hàng phải được gạt bỏ, coi đó là một sự tưởng tượng hoàn toàn nhầm nhứ.

*Do C. Mác viết ngày 10 tháng Tám năm 1858
Đã đăng làm xã luận trên báo "New-York
Daily Tribune" số 5414, ngày 28 tháng Tám
1858*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

LỊCH SỬ BUÔN BÁN THUỐC PHIỆN³⁸⁴

Tin tức về một hiệp ước mới³⁸⁵, mà các đại diện toàn quyền của các đồng minh ở Trung Quốc bác bỏ, hình như đã để ra những triển vọng tưởng tượng về sự mở rộng thương mại một cách vô hạn, như những triển vọng hiện lên trong trí óc những thương nhân năm 1845, sau khi kết thúc cuộc Chiến tranh Trung Quốc lần thứ nhất. Nếu thậm chí cho rằng những bức điện tín từ Pê-téc-bua là phù hợp với hiện thực, thì liệu có thể hoàn toàn tin rằng, gia tăng số cảng mở ra cho thương mại nhất định sẽ đem lại sự phát triển buôn bán với Trung Quốc? Liệu có thể cho rằng cuộc chiến tranh những năm 1857 - 1858 dẫn tới những kết quả tốt đẹp hơn cuộc chiến tranh những năm 1841 - 1842 không? Thế thì hoàn toàn chắc chắn rằng hiệp ước năm 1843, đáng lẽ làm tăng xuất khẩu của Anh và Mỹ sang Trung Quốc, thì lại chỉ góp phần đẩy nhanh và làm sâu sắc thêm cuộc khủng hoảng thương mại năm 1847. Hiệp ước hiện nay cũng hết như vậy, bằng cách tạo ra những ước mơ về một thị trường vô hạn và kích thích sự đầu cơ chứng khoán, nó có thể góp phần vào việc chuẩn bị cho một cuộc khủng hoảng mới chính vào lúc thị trường thế giới đang phục hồi dần dần từ cuộc tổng chấn động gần đây. Bên cạnh kết quả tiêu cực như vậy của nó, cuộc Chiến tranh nha phiến lần thứ nhất cũng khuyến khích việc buôn bán thuốc phiện phát triển nhờ vào việc buôn bán thông thường và cuộc Chiến tranh nha

phiến lần thứ hai này cũng sẽ có một kết quả đúng như vậy, chỉ cần là sức ép của toàn thế giới văn minh không buộc được nước Anh từ bỏ việc bắt buộc sản xuất thuốc phiện ở Ấn Độ, và việc tuyên truyền bằng bạo lực để tiêu thụ nó ở Trung Quốc. Chúng ta sẽ không nói tử mỉ về khía cạnh đạo đức của việc buôn bán này, việc làm mà thậm chí một người Anh là Mông-tơ-gô-mê-ri Mác-tin cũng đã viết như sau:

"Phải! buôn bán nô lệ chỉ đơn thuần là đáng thương hại so với buôn bán thuốc phiện; chúng ta đã không phá hủy cơ thể của người da đen châu Phi, vì lợi ích trực tiếp của chúng ta đòi hỏi phải giữ gìn sinh mạng của họ; chúng ta không hạ thấp bản chất con người của họ, không huỷ hoại tâm hồn của họ, không giết chết tinh thần của họ. Còn người bán thuốc phiện thì giết chết thể xác sau khi đã huỷ hoại, hạ thấp và huỷ diệt thực thể đạo đức của người có tội bất hạnh; mỗi một giờ thân Mồ-lô-khơ thêm khát đòi được tất cả những lễ vật mới, và cả người Anh sát nhân và người Trung Hoa tự sát đều thi nhau dâng những lễ vật ấy lên bàn thờ của thần"³⁸⁶.

Người Trung Quốc không thể cùng mua một lúc cả hàng hoá lẫn ma tuý; trong điều kiện hiện nay mở rộng thương mại với Trung Quốc có nghĩa là mở rộng buôn bán thuốc phiện; còn sự phát triển của việc buôn bán thuốc phiện thì không đi đôi được với sự phát triển của thương mại hợp pháp - những luận điểm này cách đây hai năm đã được hầu như mọi người thừa nhận. Năm 1847 một tiểu ban của hạ nghị viện được chỉ định để xem xét tình hình các quan hệ thương mại giữa Anh và Trung Quốc, đã báo cáo như sau:

"Chúng tôi lấy làm tiếc mà thừa nhận rằng, việc buôn bán với nước này trong thời gian vừa qua ở vào một tình trạng rất không đáng hài lòng, rằng *kết quả việc mở rộng những quan hệ buôn bán của chúng tôi không mấy may đáp ứng những sự chờ đợi chính đáng* mà, dĩ nhiên là được xây trên cơ sở được *tự do đi vào thị trường to lớn này*. Chúng tôi cho rằng trở ngại đối với việc phát triển ngành buôn bán này hoàn toàn không phải là do ở Trung Quốc không có nhu cầu về hàng hoá của Anh, cũng không phải do sự cạnh tranh của các quốc gia khác; *khoản tiền mua thuốc phiện* đã ngốn hết tất cả bạc, làm thiệt hại lớn cho việc buôn bán chung của người Trung Quốc; còn những hàng hoá khác thì họ đã phải trả bằng chè và lụa".

Tờ "Friend of China" ngày 28 tháng Bảy 1849 khái quát cũng những sự thực ấy và phát biểu hoàn toàn rõ ràng rằng:

"Buôn bán thuốc phiện không ngừng phát triển. Nhu cầu về chè và lụa ở Anh và Hợp chúng quốc tăng lên chắc sẽ chỉ dẫn tới chỗ phát triển hơn nữa việc buôn bán thuốc phiện; các nhà sản xuất không còn triển vọng buôn bán với Trung Quốc nữa".

Một thương nhân cỡ bự người Mỹ ở Trung Quốc viết một bài đăng trong tháng Giêng 1850 trên báo "Merchant's Magazine"³⁸⁷ do Hơ-nơ-tơ xuất bản, đã quy toàn bộ vấn đề buôn bán với Trung Quốc lại như sau:

"Cần xoá bỏ ngành thương mại nào - thương mại thuốc phiện hay thương mại xuất khẩu hàng hoá của Mỹ và Anh?".

Bản thân người Trung Quốc cũng nhìn sự việc đúng như vậy. Mông-tơ-gô-mê-ri Mác-tin kể:

"Tôi hỏi ông Tao Tai^{1*} ở Thượng Hải rằng, theo ông, cách nào có thể tạo điều kiện một cách tốt nhất cho việc mở rộng buôn bán của chúng tôi với Trung Quốc, và ông ta, với sự có mặt của đại tá Ban-phua, lãnh sự của Đức nữ hoàng đã trả lời tôi về điều đó như sau: "Hãy ngừng việc gửi cho chúng tôi nhiều thuốc phiện đến như vậy, và chúng tôi sẽ có thể mua hàng hoá của các ông".

Lịch sử toàn bộ nền thương mại tám năm qua đem lại một sự minh hoạ mới, nổi bật cho luận điểm này; nhưng trước khi xem xét ảnh hưởng tai hại của việc buôn bán thuốc phiện đối với việc buôn bán hợp pháp, chúng ta hãy điểm qua nguồn gốc và sự phát triển của việc buôn bán bất thường này, sự buôn bán có một không hai trong biên niên sử của loài người, nếu tính đến những xung đột bị thảm tạo nên, nếu có thể nói được như vậy, một cái trục mà nó xoay quanh, hoặc là ảnh hưởng của nó đối với tất cả các quan hệ giữa thế giới phương Đông với thế giới phương Tây.

Trước năm 1767, số lượng thuốc phiện xuất khẩu từ Ấn Độ không vượt quá 200 thùng, mỗi thùng nặng khoảng 133 pao. Nhập thuốc phiện nhằm mục đích chữa bệnh được pháp luật Trung Quốc cho phép, nhưng phải nộp thuế quan gần 3 đô-la mỗi thùng;

1* - một quan chức cao cấp

và những nhà duy nhất xuất khẩu thuốc phiện vào Thiên Triều là người Bồ Đào Nha, họ lấy thuốc phiện từ Thổ Nhĩ Kỳ.

Năm 1773, đại tá Oát-xơn và phó chủ tịch Uy-le-rơ, một nhân vật xứng đáng với vị trí bên cạnh E-rơ-man-ti-ê, Pan-mơ và những người đầu độc khác mà cả thế giới đều biết, đã gợi ý cho Công ty Đông Ấn bắt đầu buôn bán thuốc phiện với Trung Quốc. Kết quả là đã thiết lập một kho chứa thuốc phiện trên những chiếc tàu thả neo ở một vịnh phía tây - nam Ma Cao. Vụ áp-phe này đã thất bại. Năm 1781, một chiếc tàu có vũ trang chở thuốc phiện được Chính phủ Ben-gan phái đến Trung Quốc, và năm 1794 thì một chiếc tàu lớn của công ty chở thuốc phiện đến đậu ở Hàm Phố - nơi neo tàu của cảng Quảng Châu. Hình như, Hàm Phố là một kho thích hợp hơn Ma Cao, bởi vì hai năm sau khi nó được chọn làm việc đó, Chính phủ Trung Quốc đã coi là cần phải ban bố một đạo luật đe dọa trừng trị những người Trung Quốc buôn lậu thuốc phiện bằng gậy tre và bị mang gông đưa đi diễu trên đường phố. Khoảng năm 1798 Công ty Đông Ấn ngừng việc trực tiếp xuất khẩu thuốc phiện, nhưng lại trở thành người sản xuất thuốc phiện. Ở Ấn Độ đã thiết lập độc quyền sản xuất thuốc phiện, và trong khi tàu của công ty bị cấm buôn bán thứ thuốc ấy một cách giả nhân giả nghĩa thì giấy phép mà công ty cấp cho các tàu tư nhân buôn bán với Trung Quốc lại có điều khoản quy định những tàu này sẽ bị phạt, nếu chở thuốc phiện không phải do chính công ty sản xuất.

Năm 1800, số thuốc phiện nhập khẩu vào Trung Quốc đã lên tới 2 000 thùng. Nếu trong suốt thế kỷ XVIII cuộc đấu tranh giữa Công ty Đông Ấn và Thiên Triều còn mang tính chất giống như những cuộc đụng độ nói chung giữa thương nhân ngoại quốc và nhân viên thuế quan Trung Quốc, thì từ đầu thế kỷ XIX, nó có những nét hoàn toàn đặc thù và khác thường. Trong khi hoàng đế Trung Quốc, nhằm mục đích chặn đứng sự tự sát của các thần dân mình, đã cấm chỉ đồng thời cả việc người ngoại quốc nhập và người Trung Quốc dùng thứ thuốc độc ấy, thì Công ty Đông Ấn đã rất nhanh chóng biến việc sản xuất thuốc phiện ở Ấn Độ và việc bán lậu nó vào Trung Quốc thành một bộ phận không thể tách rời trong hệ thống tài chính của nó. Trong khi những người

nửa đã man bảo vệ nguyên tắc đạo đức, thì những đại biểu của thế giới văn minh đem nguyên tắc làm giàu đối lập với nó. Một đế chế khổng lồ có số dân gần bằng một phần ba nhân loại, đang sống vất vưởng bất chấp tinh thần của thời đại, bị cô lập bằng sự thu mình giả tạo tách khỏi hệ thống các quan hệ thế giới và do đó tìm cách tự lừa dối mình bằng những ảo tưởng về “sự hoàn thiện của nhà trời” của mình, một đế chế như vậy cuối cùng phải chết trong một cuộc đấu kiếm chí tử, trong đó đại diện của thế giới già cỗi tuân theo những sự thúc đẩy của đạo đức, còn đại diện của xã hội hết sức hiện đại thì đấu tranh cho đặc quyền được mua trên những thị trường rẻ nhất và bán trên những thị trường đắt nhất, - đó thật sự là một bi kịch mà chủ đề bất thường của nó thì ngay cả trí tưởng tượng của một nhà thơ cũng không bao giờ dám sáng tạo ra.

*Do C.Mác viết ngày 31 tháng Tám 1858
Đã đăng làm xã luận trên báo "New -
York Daily Tribune" số 5433, ngày 20
tháng Chín 1858*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC**LỊCH SỬ BUÔN BÁN THUỐC PHIỆN³⁸⁸**

Chính việc Chính phủ Anh nắm độc quyền sản xuất thuốc phiện ở Ấn Độ là một biện pháp dẫn tới việc cấm buôn bán thuốc phiện ở Trung Quốc. Những hình phạt khắc nghiệt mà nhà lập pháp Thiên Triều buộc thần dân không vâng lời của mình phải gánh chịu, và sự cấm đoán nghiêm ngặt của thuế quan Trung Quốc đối với việc nhập khẩu thuốc phiện đã tỏ ra bất lực như nhau. Kết quả trực tiếp của sự phản kháng về mặt đạo đức của người Trung Quốc là người Anh đã huỷ hoại tinh thần các nhà cầm quyền đế chế, các nhân viên thuế quan và, nói chung, tất cả các quan lại. Tệ tham nhũng thấm sâu vào toàn bộ hệ thống quan liêu của Thiên Triều, và phá huỷ thành trì của chế độ gia trưởng, tệ nạn này đã được nhập lậu cùng với những thùng thuốc phiện vào đế chế qua những chiếc tàu Anh dùng làm kho chứa thả neo ở Hàm Phố.

Do được Công ty Đông Ấn nuôi dưỡng, còn chính phủ trung ương ở Bắc Kinh thì ngăn cấm một cách vô hiệu quả, nên việc buôn bán thuốc phiện không ngừng tăng lên về khối lượng và năm 1816 đã đạt tới số tiền khoảng 2 500 000 đô-la. Việc cho phép tự do buôn bán ở Ấn Độ năm 1816 - chỉ trừ việc buôn bán chè cho đến nay vẫn tiếp tục là độc quyền của Công ty Đông Ấn, - đã tạo nên một sự thúc đẩy mới và mạnh mẽ cho hoạt động của bọn buôn lậu người Anh. Năm 1820, số thùng thuốc phiện nhập lậu vào Trung

Quốc lên tới 5 147, năm 1821 - 7 000, còn năm 1824 thì có 12 639 thùng. Trong khi đó, Chính phủ Trung Quốc, một mặt, đưa ra những công hàm phản đối và đe dọa đối với thương nhân ngoại quốc, đồng thời đã phạt các thương nhân Hồng Công mà họ biết là đồng lõa với chúng, mặt khác, đã triển khai một hoạt động kiên quyết bất thường trong việc truy nã những người bán xú dùng thuốc phiện và đã áp dụng những biện pháp ngày càng nghiêm khắc hơn trong các sở thuế quan của mình. Kết quả cuối cùng của tất cả những cố gắng ấy, cũng như năm 1794, chỉ dẫn đến việc chuyển những kho thuốc phiện từ những chỗ không đáng tin cậy đến những chỗ thuận tiện hơn cho việc buôn bán chúng. Từ Ma Cao và Hàm Phố chúng được chuyển lên đảo Lin-tin ở cửa sông Quảng Châu, nơi mà những chiếc tàu đặc biệt thích hợp được trang bị tận răng với những đội thủy thủ rất đông đã trở thành nơi tập kết của chúng. Cũng như thế, khi Chính phủ Trung Quốc tạm thời ngăn chặn được hoạt động kinh doanh của các hãng buôn cũ ở Quảng Châu thì việc buôn bán chỉ chuyển sang tay những kẻ khác, sang tay những thương nhân nhỏ hơn, là những người sẵn sàng kinh doanh buôn bán với bất cứ rủi ro và thủ đoạn nào.

Trong những điều kiện mới, thuận lợi hơn cho nó, việc buôn thuốc phiện qua mười năm - từ năm 1824 đến hết năm 1834 - đã tăng từ 12 639 lên 21 785 thùng.

Năm 1834, cũng giống các năm 1800, 1816 và 1824, đánh dấu một thời đại trong lịch sử buôn bán thuốc phiện. Công ty Đông Ấn không chỉ bị tước mất đặc quyền của mình về buôn chè Trung Quốc vào năm ấy, mà nói chung phải đình chỉ mọi công việc buôn bán. Do công ty chuyển như vậy từ cơ quan thương nghiệp sang cơ quan thuần túy hành chính, nên việc buôn bán với Trung Quốc hoàn toàn chuyển sang những xí nghiệp tư nhân Anh, những xí nghiệp này đã bắt tay vào việc một cách kiên quyết đến mức, năm 1837, mặc dù Chính phủ Thiên Triều phản kháng một cách tuyệt vọng, họ đã nhập lậu được vào Trung Quốc 39 000 thùng thuốc phiện trị giá 25 000 000 đô-la. Ở đây có hai sự kiện đáng chú ý: một là, bắt đầu từ năm 1816, cứ mỗi giai đoạn phát triển của thương nghiệp xuất khẩu Anh với Trung Quốc, thì phần lớn - lớn đến mức mất cân xứng luôn luôn thuộc về buôn lậu thuốc

phiện, và hai là, đồng thời với việc Chính phủ Anh - Ấn dần dần quên đi sự quan tâm thuần túy thương mại đối với việc buôn bán thuốc phiện, thì sự quan tâm của nó về thuế trong việc buôn lậu ấy cũng tăng lên. Năm 1837, cuối cùng Chính phủ Trung Quốc đã lâm vào một tình thế khiến cần phải lập tức có những biện pháp kiên quyết. Tình hình bạc không ngừng chạy ra ngoài do nhập thuốc phiện, đã bắt đầu gây hỗn loạn trong công quỹ, cũng như trong lưu thông tiền tệ của Thiên Triều. Xiu Hai Xi, một trong những nhà hoạt động nhà nước nổi tiếng của Trung Quốc, đã đề nghị hợp pháp hoá việc buôn bán thuốc phiện để từ đó có được nguồn thu nhập. Nhưng sau một cuộc thảo luận toàn diện kéo dài hơn một năm, mà tất cả những quan chức cao cấp của đế chế đều tham gia, Chính phủ Trung Quốc đã đi tới quyết định rằng "do cái hại của việc buôn bán ghê tởm ấy gây ra cho nhân dân, nó không thể được hợp pháp hoá". Ngay trong năm 1830 một khoản thuế quan 25% đáng lẽ đã đem lại cho công quỹ một khoản thu nhập là 3 850 000 đô-la, và năm 1837 nó hẳn đã tăng gấp đôi, nhưng người dã man "nhà trời" không muốn thu thuế vì thuế này không tránh khỏi tăng lên theo mức độ sa đoạ của nhân dân nó. Năm 1853 hoàng đế hiện tại là Hàm Phong lâm vào những hoàn cảnh còn khó khăn hơn và hoàn toàn ý thức được rằng mọi cố gắng ngăn chặn việc nhập khẩu thuốc phiện đang ngày càng tăng là vô ích, tuy nhiên, ông vẫn trung thành với chính sách nhất quán của các bậc tiền bối của ông. Tôi xin lưu ý *en passant*^{11*} rằng, trong khi truy nã việc dùng thuốc phiện như một tà đạo, hoàng đế đã bằng cách đó đem lại cho việc buôn bán thuốc phiện tất cả những lợi thế của việc tuyên truyền một thuyết tôn giáo đã bị cấm. Những biện pháp đặc biệt của Chính phủ Trung Quốc trong những năm 1837, 1838 và 1839 mà đỉnh cao là việc đưa phái viên của chính phủ là ông Lâm đến Quảng Châu, việc tịch thu và huỷ bỏ số thuốc phiện lậu theo lệnh của ông này là lý do cho cuộc Chiến tranh Anh - Trung Quốc lần thứ nhất, cuộc chiến tranh này đến lượt nó lại dẫn đến cuộc khởi nghĩa ở Trung Quốc, đến sự khánh kiệt công quỹ của hoàng đế, đến sự xâm nhập thành công của Nga từ

11* - nhân tiện

phía bắc và đến sự phát triển trên quy mô to lớn việc buôn bán thuốc phiện ở phía nam. Mặc dù việc buôn bán thuốc phiện đã bị cấm bởi hiệp ước kết thúc cuộc chiến tranh giữa Anh và Trung Quốc, cuộc chiến tranh này được bắt đầu và tiến hành nhằm bảo vệ việc buôn bán đó, nhưng trên thực tế từ năm 1843 việc buôn bán đó vẫn tiếp tục mà hoàn toàn không bị trừng phạt. Tổng giá trị nhập khẩu thuốc phiện vào Trung Quốc năm 1856 ước tính vào khoảng 35 000 000 đô-la, trong khi cũng trong năm ấy, Chính phủ Anh - Ấn đã nhận được từ sự độc quyền thuốc phiện này một khoản thu nhập là 25 000 000 đô-la, nghĩa là đúng một phần sáu tổng thu nhập của nhà nước Anh. Những sự kiện dùng làm lý do cho cuộc Chiến tranh nha phiến lần thứ hai thuộc về một quá khứ rất gần và không cần bất cứ sự bình luận nào.

Đã kết thúc sự phân tích của chúng tôi, chúng tôi không thể không nói về một mâu thuẫn bên trong hết sức chướng tai gai mắt của cái Chính phủ Anh bề ngoài sùng đạo, nhưng lại đầu cơ nền văn minh này. Với tính cách là một chính phủ đế quốc, nó làm ra vẻ tựa hồ không dính dáng gì đến buôn lậu thuốc phiện, thậm chí còn ký kết hiệp ước cấm chỉ điều đó. Nhưng với tính cách là Chính phủ Ấn Độ, nó buộc Ben-gan phải sản xuất thuốc phiện làm tổn hại lớn cho lực lượng sản xuất của đất nước này; nó ép buộc một bộ phận người Rai-át Ấn Độ trồng cây thuốc phiện, dù dĩ bộ phận khác trồng cây thuốc phiện bằng thủ đoạn cho vay tiền. Nó nắm trong tay độc quyền hoàn toàn về toàn bộ ngành sản xuất thứ thuốc độc có hại ấy, với cả một đạo quân mật vụ chính thức, nó theo dõi việc trồng cây thuốc phiện, việc chuyển nó tới những điểm quy định, việc cô lại và chế biến thuốc phiện phù hợp khẩu vị người tiêu dùng Trung Quốc, việc đóng gói thuận tiện cho buôn lậu và, cuối cùng, việc chở về Can-cút-ta, nơi mà thuốc phiện được bán đấu giá cho các tổ chức thương nghiệp nhà nước và các nhân viên nhà nước để chuyển nó cho những kẻ đầu cơ, và những người này là những người buôn lậu sẽ chở nó sang Trung Quốc. Cái thùng mà Chính phủ Anh chỉ mua mất khoảng 250 ru-pi, được bán cho các cơ quan thương nghiệp ở Can-cút-ta theo giá từ 1210 đến 1600 ru-pi. Nhưng, không bằng lòng với sự đồng lõa thực tế như vậy, bản thân chính phủ này

ngay cả hiện nay vẫn đang tham dự trực tiếp vào các khoản lời và lỗ của thương nhân và chủ tàu, là những kẻ lao mình vào công việc kinh doanh đầy rủi ro nhằm đầu độc cả một đế chế.

Tài chính của Chính phủ Anh ở Ấn Độ thực tế không chỉ phụ thuộc vào việc buôn bán thuốc phiện với Trung Quốc, mà chính là phụ thuộc vào tính chất bất hợp pháp của việc buôn bán này. Nếu Chính phủ Trung Quốc hợp pháp hoá việc buôn bán thuốc phiện và đồng thời cho phép trồng cây thuốc phiện ở Trung Quốc, thì điều đó có nghĩa là gây tai hoạ nghiêm trọng cho ngân khố Anh - Ấn. Công khai tuyên truyền tự do buôn bán thuốc độc, Chính phủ Anh lại bí mật giữ độc quyền sản xuất nó. Mỗi lần chúng ta chăm chú nhìn vào thực chất của sự buôn bán tự do của nước Anh thì ở đâu chúng ta hầu như cũng thấy độc quyền là cơ sở cho sự "tự do" buôn bán ấy.

*Do C.Mác viết ngày 3 tháng Chín 1858
Đã đăng làm xã luận trên báo "New -
York Daily Tribune" số 5438, ngày 25
tháng Chín 1858*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

LẠI THÊM MỘT CHƯƠNG KỶ LẠ NỮ
CỦA LỊCH SỬ HIỆN ĐẠI

Luân Đôn, ngày 7 tháng Chín 1858

Mấy tháng trước tôi đã gửi đến các anh một loạt tài liệu liên quan đến mưu toan của Mếch-mét-bây, hẳn cũng là đại tá Ban-di-a, nhằm phản bội người Tréc-kê-xi^{1*}. Từ đó một chương mới đã được viết thêm vào câu chuyện kỳ lạ ấy của cuộc chiến tranh Tréc-kê-xi; những lời trình bày ngược lại của các bên hữu quan khác nhau đã gây nên, một là, những sự tranh chấp nghiêm trọng giữa những người lưu vong Hung-ga-ri và Ba Lan ở Công-xtăng-ti-nô-plơ, và sau đó là những cuộc tranh cãi gay gắt trong trụ sở của bọn lưu vong châu Âu ở Luân Đôn về vấn đề một số nhân vật có tên tuổi tựa hồ đã tham gia vào vụ Ban-di-a. Vì biết rất rõ bọn lưu vong cách mạng thuộc mọi màu sắc và dân tộc quan tâm như thế nào đến tất cả những gì mà tờ "Tribune" đã công bố, tôi không trở lại chủ đề này, cho đến lúc tận mắt thấy được nguyên bản của một số bức thư đã xuất hiện trên các báo Công-xtăng-ti-nô-plơ, nhưng tính chân thực của chúng thì về sau đã bị bác bỏ, và như vậy là cho đến lúc tôi hoàn toàn tin chắc vào những sự thực của vụ đó. Tuy nhiên, tôi cho rằng sẽ là vi phạm nghĩa vụ, nếu không chống lại những mảnh khoé hèn nhát

nhằm bưng bít việc tiếp tục nghiên cứu và phủ một tấm màn bí mật lên trên tất cả câu chuyện này. Nếu trong phái lưu vong cách mạng có những người có khuynh hướng tham gia vào vụ âm mưu với Chính phủ Nga, hay thậm chí đứng về phía những tên gián điệp nhà nghề như Ban-di-a, thì họ hãy đứng ra và dũng cảm bảo vệ quan điểm của mình đi.

Bạn đọc hẳn nhớ rằng sự thú nhận của Ban-di-a và những tài liệu còn lại liên quan đến anh ta được Xtốc - một sĩ quan trong đạo quân Ba Lan ở Tréc-kê-xi đưa đến Công-xtăng-ti-nô-plơ, Xtốc là người chuyển công hàm của thủ trưởng mình, tức đại tá La-pin-xki, và là uỷ viên Hội đồng quân sự xử vụ Ban-di-a. Xtốc đã lưu lại bốn tháng ở Công-xtăng-ti-nô-plơ để, bằng chứng cứ của mình, xác nhận lời của La-pin-xki tố cáo Ban-di-a phản bội là đúng, trong trường hợp cần phải tiến hành việc đưa ra toà xét xử. Trong lời thú nhận của mình, Ban-di-a đã nói đến sự tham gia của Cô-sút, tướng Stai-nơ, đại tá Tuy-rơ và của một bộ phận giới lưu vong Hung-ga-ri do Cô-sút cầm đầu vào những âm mưu ở Tréc-kê-xi. Những người Ba Lan sống ở Công-xtăng-ti-nô-plơ, sau khi nhận được tin tức và tài liệu do Xtốc đưa đến, ngay lập tức họ đã không tin vào những lời tố cáo của Ban-di-a đối với những người đồng hương của mình, và do nghi ngờ tính xác thực của những tài liệu đó, họ đã quyết định giữ chúng lại. Trong khi chờ đợi những tin tức tiếp theo từ Tréc-kê-xi, họ chỉ làm có việc đăng lên tờ "Presse d'Orient" một tin ngắn về sự phản bội của Mếch-mét-bây, tức Ban-di-a, và về lời kết tội của toà án quân sự. Sau khi xuất hiện tin đó, một số người Hung-ga-ri đã đến chỗ họ, trong số đó có đại tá Tuy-rơ là người đã tuyên bố rằng tin đó là một sự sỉ nhục đối với ông ta, một người Hung-ga-ri, và đối với tất cả những người lưu vong nói chung. Nhưng sau khi đọc những tài liệu từ Tréc-kê-xi gửi đến, Tuy-rơ lúc đầu còn bác bỏ một cách rất yếu ớt những lời khẳng định của Ban-di-a đề cập đến sự tham gia của chính ông ta, và sau đó kêu lên rằng phải treo cổ Ban-di-a, và yêu cầu người Ba Lan gửi phái viên đến Xê-phơ-pa-sa để thúc ép hẳn ta khẳng định và chấp hành sự phán quyết của toà án quân sự. Lúc đó ông ta đã được người Ba Lan cho phép giữ bức thư của Ban-di-a, trong đó ông này khuyên những

1* Xem tập này, tr. 588 - 596.

người đồng hương của mình đứng ngoài mọi cuộc thâm nhập vào Tréc-kê-xi và mọi âm mưu chống người Ba Lan.

"Còn về những kế hoạch của chúng ta", - Ban-đi-a nói trong thư, - "thì đã hoàn toàn đổ vỡ, và số phận của tôi đang nằm trong tay La-pin-xki".

Người Ba Lan không đồng ý chuyển cho Tuy-rơ và những người Ba Lan khác những tài liệu mà về sau được đăng trên tờ "Tribune", họ còn đưa ra một bằng chứng không thể bác bỏ về lòng trung thực của mình. Để tranh thủ sự khoan dung của quan toà sau khi kết tội mình án tử hình và chứng minh cho quan toà thấy mình sẵn sàng thành thật thú nhận tất cả những gì mình biết, Ban-đi-a đã vạch ra trước La-pin-xki, chánh án toà án quân sự, toàn bộ lịch sử chuẩn bị của những người đồng hương mình chống lại nước Áo. Ban-đi-a đã kể cho ông ta biết họ có những nguồn lực thuộc loại nào, nêu tên những thành phố có kho cất giấu vũ khí của họ, và tên những nhân vật được giao bảo quản những kho ấy. Người Ba Lan đã lập tức báo cáo người Hung-ga-ri biết về những nguy cơ đe dọa họ, chỉ cho họ tất cả những tài liệu chưa được công bố mà họ đã nhận được nhân có vụ này, và để làm cho người Hung-ga-ri tin rằng những tài liệu ấy vĩnh viễn được giữ bí mật, người Ba Lan đề nghị niêm phong chúng lại, với sự có mặt của người Hung-ga-ri, bằng con dấu của chính mình. Những tài liệu ấy tồn tại cho đến nay, và dấu vẫn còn nguyên vẹn. Trong số những người đã niêm phong tài liệu có Tuy-rơ, Tu-cơ-ni (Xê-lim-a-ga), Tan-mây-ơ (Ếc-min-a-ga) và những thủ lĩnh khác của giới lưu vong ở Công-xtăng-ti-nô-plơ do Can-ma lãnh đạo, về sau đã ký tuyên ngôn bảo vệ Ban-đi-a.

Chẳng bao lâu sau khi Tuy-rơ gặp người Ba Lan thì trên tờ tin tức in li-tô của hãng Ha-vát ở Pa-ri đã xuất hiện bức điện có nội dung như sau:

"Bức thư mà đại tá Tuy-rơ nhận được ở Mác-xây vạch rõ lời khẳng định dối trá của tờ "Presse d'Orient" về sự phản bội và việc xét xử đại tá Mếch-mét-bây".

Mẫu tin này được phần lớn các báo ở châu Âu đăng lại. Trong khi một số người Hung-ga-ri đưa đến ban biên tập tờ "Presse d'Orient" những bức thư từ Tréc-kê-xi nói rằng Mếch-mét-bây được tự do và vẫn duy trì như trước mối liên hệ với Xê-phơ-pa-sa.

Ban-đi-a đã được giới thiệu với công chúng như một người chịu đau khổ vì sự nghiệp tự do; đại tá La-pin-xki bị buộc tội là giả mạo và những tội khác, còn người Ba Lan ở Công-xtăng-ti-nô-plơ thì được xem như là đồng lõa với ông ta. Thậm chí có mưu toan buồn cười nhằm hù dọa người Ba Lan. Chỉ lúc đó người Ba Lan mới công bố trên tờ "Tribune" và tờ "Free Press" ở Luân Đôn lời thú nhận của Ban-đi-a và một loạt tài liệu về vụ này. Trong khi đó Ban-đi-a đến Công-xtăng-ti-nô-plơ và xuất hiện ở ban biên tập báo "Presse d'Orient". Các biên tập viên tờ báo này nói với ông ta rằng họ đã công bố tin tức liên quan đến ông ta, vì họ không có may mắn căn cứ để nghi ngờ về sự đúng đắn của nó, rằng họ sẵn sàng bác bỏ nó, nếu Ban-đi-a có thể đưa ra những bằng chứng không thể bác bỏ được về sự dối trá của nó. Để trả lời, Ban-đi-a chỉ có thể nói rằng tất cả những chuyện đó đều là dối trá, rằng ông ta là vật hy sinh của một âm mưu, và sau đó ông ta kể rất nhiều chi tiết liên quan đến những sự kiện ở Tréc-kê-xi, mà không ai hỏi ông ta cả. Nhưng khi người ta hỏi ông ta rằng, làm thế nào mà ông, một người sĩ quan Thổ Nhĩ Kỳ và tổng chỉ huy Tréc-kê-xi, lại có thể viết một bức thư rõ ràng là nhằm gửi cho tướng Nga Phi-líp-xơn, một bức thư tự nó là một bằng chứng hoàn toàn đủ cho tất cả những lời buộc tội đối với ông ta thì Ban-đi-a tìm cách lảng tránh cái điểm nguy hiểm ấy đi, bằng cách nói qua quýt rằng ông ta đang chuẩn bị trả lời về lời thú nhận mà người ta gán một cách giả dối cho ông. Ông ta kết thúc cuộc nói chuyện bằng lời hứa sẽ trả lời trên báo về những lời buộc tội đối với ông; lời đề nghị này được chấp nhận với điều kiện là trong bức thư của ông sẽ không có một sự công kích cá nhân nào. Trong cuộc nói chuyện này có mặt một sĩ quan Pháp, một thầy tu Pháp, và một nhà báo Mỹ, những người này tỏ ý sẵn sàng đứng ra làm nhân chứng trước mọi toà án. Trong cuộc nói chuyện thứ hai, ngày 25 tháng Tư, Ban-đi-a trao cho ban biên tập báo "Presse d'Orient" bức thư của mình, trong đó, trái với điều kiện đã thoả thuận, chứa đựng những lời công kích hèn nhát đối với đại tá La-pin-xki và I-bra-him-bây; trong khi đó tên của trung uý Xtốc, không may cho Ban-đi-a, ông này vẫn đang ở Công-xtăng-ti-nô-plơ - lại không được nhắc đến. Sau khi đã sửa chữa một số chỗ trong bức thư theo lời khản khoản của ban biên tập, bức thư đã được đăng trên báo "Presse d'Orient". Sau đây là nội dung cơ bản của bức thư đó:

"Tôi là vật hy sinh của những âm mưu hèn hạ của I-bra-him-bây và của ông La-pin-xki. Chiều ngày 31 tháng Chạp năm ngoái, I-bra-him-bây mời tôi đến nhà để nói chuyện riêng. Tôi đã đến mà không đem theo vũ khí. Tôi vừa vào phòng I-bra-him-bây, nơi những kẻ thù của tôi đã tụ tập, thì tôi bị bắt và ngay trong đêm đó đã bị đưa đến A-đéc-bi. Vì tôi chịu sự chi phối của kẻ thù mình, cho nên sinh mệnh của tôi và sinh mệnh của cả gia đình tôi lâm vào tình thế cực kỳ nguy hiểm và, nếu không có sự đe dọa của người Tréc-kê-xi, thì tôi đã bị giết chết. Nhưng, rốt cuộc, ngày 19 tháng Ba, các thủ lĩnh Tréc-kê-xi đã giải phóng tôi, và giờ đây đến lượt La-pin-xki, I-bra-him-bây và bản thân Xê-phơ-pa-sa run sợ và xin lỗi tôi về tất cả những điều độc ác mà họ gây ra cho tôi. Chỉ một lời của tôi cũng đủ để cho đầu họ lìa khỏi cổ... Còn về việc tịch thu những tài liệu chứng minh sự phản bội hay cuộc họp của các thủ lĩnh Tréc-kê-xi và các sĩ quan châu Âu, cũng như một cuộc thảo luận nào đó... thì tất cả những chi tiết lý thú ấy đều là sự bịa đặt của người phóng viên - mặt vụ và tay chân của ông La-pin-xki... Tài liệu được coi là điều tra lịch sử mà bản sao nằm trong tay các ông là một *sự bịa đặt, một phần được ông T... vẽ ra ở Công-xtăng-ti-nô-plơ* và được ông La-pin-xki xác nhận. Đó là âm mưu đã được nghĩ ra từ lâu và *được chuẩn bị sau khi tôi đến Tréc-kê-xi*. Tài liệu ấy nhằm làm hại danh dự một người có tiếng tăm và để moi tiền ở một cường quốc lớn".

Mấy ngày sau khi công bố bức thư đó trên "Presse d'Orient", Ban-đi-a, vì những động cơ mà chỉ một mình ông ta mới biết, đã tuyên bố, với một thái độ trắng trợn đặc trưng cho ông ta, trên "Journal de Constantinople"³⁸⁹, tựa hồ biên tập viên "Presse d'Orient" đã xuyên tạc thư của ông ta đến nỗi ông ta không thể thừa nhận tính xác thực của nó. Nhưng tôi đã thấy nguyên bản bức thư, tôi biết nét chữ của Ban-đi-a và có thể chứng thực rằng, tất cả những sự thay đổi mà ông ta than phiền chỉ đơn giản là thay tên bằng những chữ cái đầu của tên và thêm vào, với tính cách mở đầu, một vài dòng trong đó ban biên tập tờ "Presse d'Orient" ngợi khen sự chính xác của những thông tin của các tờ báo. Tất cả mục đích của Ban-đi-a là nhằm gây hoài nghi trong dư luận công chúng. Bởi vì ông ta không nói gì thêm, ông ta đã quyết định, - như thể *re bene gesta*^{1*} - say sưa trong sự im lặng buống bình của lương tâm một kẻ bị truy tố. Trong khi đó ở Luân Đôn, trên báo

1* - mọi việc đều tốt đẹp

chỉ xuất hiện hai tài liệu: một tài liệu ký tên các thủ lĩnh của những người lưu vong Hung-ga-ri ở Công-xtăng-ti-nô-plơ, một tài liệu khác ký tên đại tá Tuy-rơ. Trong tài liệu thứ nhất, cũng những người đã in dấu của mình vào tờ giấy chứng minh tội lỗi của Ban-đi-a, đã tỏ ra tin rằng "Ban-đi-a có thể tự biện hộ", làm ra vẻ tựa hồ họ "xem toàn bộ vụ Mếch-mét-bây là một vấn đề chỉ liên quan đến cá nhân ông ta" và "không có bất cứ tính chất quốc tế nào". Đồng thời họ vạch mặt bạn bè của đại tá La-pin-xki là "những con quỷ, mà mục đích của chúng là gieo rắc bất hoà giữa hai nhóm người lưu vong". Tuy-rơ là người lúc đó đã biến thành A-khmét Ki-a-min-bây, đã tuyên bố trong bức thư của mình như sau:

"Vừa nghe nói Mếch-mét-bây đến Công-xtăng-ti-nô-plơ, tôi cùng với đại uý Các-bát (người Ba Lan) đến gặp ông ta và hỏi thẳng ông ta xem những lời thú nhận nằm trong bị vong lục đã được công bố trên các báo có đúng không. Ông ta trả lời rằng, do có sự phản bội mà ông ta bị bắt và đưa ra xét xử ở một hội đồng gồm những người Ba Lan; nhưng sau hai phiên họp của hội đồng này, ông La-pin-xki chỉ huy một đội quân Ba Lan ở Tréc-kê-xi gồm 82 người đã đến gặp ông ta tại nơi giam ông ta và tuyên bố với ông ta rằng tất cả những lời thú nhận của ông ta trước hội đồng không đem lại cho ông ta một lợi ích nào và để giúp phục vụ kế hoạch của ông này (La-pin-xki), ông ta (Mếch-mét-bây) phải tự mình viết bị vong lục, do La-pin-xki đã chuẩn bị và viết sẵn. Ông ta (Mếch-mét-bây) *từ chối chép lại bản bị vong lục đầu tiên* mà người ta đưa cho ông, tức chính cái bản mà các báo đã công bố. Lúc đó La-pin-xki bèn sửa chữa lại bản này và đưa ra một bản thứ hai mà ông ta (Mếch-mét-bây) *đã chép lại và ký tên*; ông ta đã làm điều đó vì bị đe dọa rằng người ta sẽ bắn ông ta và như vậy sẽ mất cơ hội tự bảo vệ chống lại những sự buộc tội mà chắc La-pin-xki sẽ dùng để bôi nhọ ông ta sau khi ông ta chết. Nguyên bản tài liệu này cho đến nay không ai thấy cả.

Sau lời tuyên bố ấy của Mếch-mét-bây, *tôi không thể quyết định trong hai người đó thì người nào là kẻ đều giả*".

Như vậy, chúng ta thấy rõ ràng rằng Tuy-rơ khẳng định tựa hồ Ban-đi-a đã ký vào lời thú nhận của mình chỉ là do bị La-pin-xki ép buộc và vì sợ sự đe dọa của ông này, trong khi đó bản thân Ban-đi-a lại tuyên bố rằng sự thú nhận của ông ta được bịa ra ở Công-xtăng-ti-nô-plơ và thậm chí trước khi ông ta đến Tréc-kê-xi.

Rốt cuộc, tất cả những âm mưu mãnh khoẻ ấy đều bị chấm dứt, khi những bức thư của Xê-phơ-pa-sa và một số đồng người Tréc-kê-xi đã đến Công-xtăng-ti-nô-plơ. Một đoàn đại biểu của những người này đã đến thăm ban biên tập tờ "Presse d'Orient", xác nhận tất cả những chi tiết về sự phản bội của Ban-di-a và biểu thị sẵn sàng đưa ra những bằng chứng trước mặt Ban-di-a và bất cứ nhân chứng nào, nhằm với lời thề của kinh Co-ran chứng minh rằng những lời khẳng định của mình là đúng. Nhưng Ban-di-a không dám ra trước toà án lương tâm đó, và Tuy-rơ, Tu-cơ-ni, Can-ma, Vê-rê-sơ và những người bảo vệ khác của ông ta cũng không ép ông ta đứng ra chứng minh cho sự vô tội của mình.

Ngay trong thời kỳ chiến tranh với Nga, ông Tu-vơ-nen, đại sứ Pháp, đã gửi thư về Pa-ri nhằm mục đích hỏi tin tức về Ban-di-a; người ta báo cho ông biết rằng Ban-di-a là một tên gián điệp phục vụ cho bất cứ ai trả tiền cho anh ta. Ông Tu-vơ-nen yêu cầu đẩy Ban-di-a đi khỏi An-na-pa, nhưng Ban-di-a đã tự bảo vệ bằng những bức thư khuyến nghị của Cô-sút. Để đáp lại lời kêu gọi về tình hữu nghị của các dân tộc trong bản Tuyên ngôn Hung-ga-ri mà chúng ta đã nói đến ở trên, người Ba Lan hoàn toàn có quyền trả lời như sau:

"Các anh nói với chúng tôi về tình hữu nghị giữa các dân tộc; chúng tôi đã chỉ ra cho các anh những ví dụ của tình hữu nghị đó trong những hẻm núi Các-pát, trên tất cả những con đường của Tơ-ran-xin-va-ni, tại các vùng đồng bằng Ti-xơ và Đa-nuýp. Nhân dân Hung-ga-ri không quên điều đó, như những người lập hiến đã quên khi vào năm 1848 họ biểu quyết thông qua hàng triệu phlo-rin và bỏ phiếu cho việc gửi hàng ngàn người đi chống lại I-ta-li-a, như những người cộng hoà đã quên khi họ khấn cầu vua Nga năm 1849, như những nhà lãnh đạo nhà nước nọ đã quên khi họ đòi hỏi, ngay trong cao trào của chiến tranh vì độc lập và tự do, phải đuổi khỏi lãnh thổ Hung-ga-ri tất cả nhân dân Va-la-ki, như những nhà hùng biện trên đường phố đã quên khi họ đi khắp đó đây trên đất nước Mỹ. Liệu ông ta có nói, ít ra là với những người Mỹ, - là những người đã trả tiền cho ông ta như họ đã trả tiền cho Lô-la Mông-tét và Gien-ni Lin-đơ, - liệu ông ta có nói với họ rằng ông ta, người hùng biện ấy, là người đầu tiên rời bỏ Tổ quốc đang hấp hối và là người cuối cùng rời bỏ đất nước đang chảy máu, đang chịu đau khổ ấy, là Bem, một vị tướng già, vị anh hùng, người Ba Lan không?

Để bổ sung vào những điều chúng tôi nói ở trên, chúng tôi dẫn ra thêm bức thư sau đây của tướng La-pin-xki:

Đại tá La-pin-xki gửi... pa-sa

(trích thư)

A-đéc-bi, Tréc-kê-xi...

Thưa Ngài kính mến! Đã gần hai năm kể từ khi tôi đáp ứng yêu cầu của Ngài và tin ở lời nói của Ngài, tôi đã đến đây. Tôi không cần nhắc lại với Ngài rằng người ta đã giữ lời hứa ấy như thế nào. Người ta đã để tôi không có vũ khí, không có áo quần, không có tiền và không có ngay cả số lượng thực phẩm đủ dùng nữa.

Tôi hy vọng rằng tất cả những điều đó không phải do một sự thiếu thiện chí nào đó của Ngài, mà do những nguyên nhân khác, và đặc biệt là do những mối quan hệ rủi ro của Ngài với những người có những lợi ích trái ngược với lợi ích của đất nước Ngài. Suốt cả năm, người ta ép tôi phải nhận một trong những tên gián điệp Nga xảo quyệt nhất. Nhờ trời tôi đã phá tan những âm mưu của hắn, đã chỉ cho hắn rằng tôi biết hắn là ai, và giờ đây tôi nắm hắn trong tay. Rất mong Ngài cắt đứt mọi quan hệ với người Hung-ga-ri; đặc biệt là hãy tránh xa Stai-nơ và Tuy-rơ - đó là những tên gián điệp của Nga. Những người Hung-ga-ri còn lại đều phục vụ bọn Nga, một phần thì chính bản thân họ cũng không hay biết nữa. Xin đừng để mắc lừa về bất cứ loại kế hoạch nào về những nhà máy, về những mỏ quặng, về việc mở rộng buôn bán. Mỗi đồng chi phí như vậy là một đồng ném qua cửa sổ, - mọi cố gắng của ông Tu-rơ đều nhằm làm điều đó, ông này chỉ muốn Ngài tiêu phí tiền bạc mà không đem lại lợi ích gì cho đất nước Ngài và không làm thiệt hại gì cho người Nga. Ở đây chúng tôi cần: một xưởng thuốc súng, một máy đúc tiền, một máy in nhỏ, một máy xay bột mỳ và vũ khí, là những thứ ở đây không chỉ chất lượng xấu, mà còn đắt gấp hai lần ở Công-xtăng-ti-nô-plơ; thậm chí yên ngựa địa phương xấu cũng phải trả tiền gấp đôi so với yên ngựa chiến của Pháp. Còn về mỏ quặng thì nghĩ đến đã là điều trẻ con. Ở đây mỗi đồng tiền đều phải nhằm bảo vệ đất nước, chứ không phải để đầu cơ. Xin hãy chi mọi phương tiện tài chính của Ngài cho việc huấn luyện quân đội; bằng cách đó không những ngài sẽ góp phần vào hạnh phúc của đất nước Ngài, mà còn làm tăng ảnh hưởng của cá nhân Ngài. Xin Ngài đừng có chi phí tiền khi tìm cách tranh thủ đảng này hay đảng nọ đứng về phía mình. Hiện nay tình hình đất nước có vẻ yên tĩnh, nhưng trên thực tế tình hình lại nguy hiểm

chết người. Xê-phơ-pa-sa và nai-bơ chưa hoà giải với nhau, và như vậy là vì bọn gián điệp Nga ngăn cản họ. Xin ngài chớ tiếc số tiền mà Ngài chi phí cho việc huấn luyện quân đội ở đây. Chỉ có như vậy tiền mới được chi tiêu có ích. Xin ngài chớ nghĩ đến những khẩu đại bác. Là một người đã nghiên cứu bộ binh, tôi biết rất rõ giá trị của chúng. Điều mà tôi dự kiến trước khi ra đi đã diễn ra. Lúc đầu người Nga bị tiếng gầm của đại bác làm cho ngạc nhiên, nhưng giờ đây họ cười nhạo chúng. Ở chỗ nào tôi bố trí hai đại bác thì chúng bố trí hai mươi; và nếu tôi không có những đội quân chính quy để bảo vệ đại bác của tôi - mà người Tréc-kê-xi thì không biết bảo vệ chúng - thì bọn Nga sẽ chiếm mất chúng, và bản thân chúng tôi có thể bị chúng bắt làm tù binh.

Xin thêm một vài lời. Tôi và người của tôi, pa-sa ạ, sẵn sàng hy sinh thân mình để bảo vệ đất nước Ngài, và qua tám tháng, kể từ hôm nay tôi sẽ tăng đội quân của tôi lên đến 600 tay súng, 260 kỵ binh, 200 bộ binh, nếu Ngài gửi cho tôi tất cả những gì cần thiết để cung cấp và trang bị cho họ.

Nếu suốt trong hai tháng tôi không nhận được gì thì tôi sẽ lên tàu và trở về Thổ Nhĩ Kỳ, và mọi tội lỗi Ngài phải gánh chịu chứ không phải tôi, cũng không phải người Ba Lan. Tôi không có ý định lợi dụng người Tréc-kê-xi vào mục đích của mình, cũng như lừa dối họ. Nếu tôi không thể phục vụ họ và sự nghiệp của chính mình một cách xứng đáng thì tôi sẽ rời bỏ họ.

Tôi đã phái Xtốc đến Công-xtăng-ti-nô-plơ. Xin Ngài hãy giao cho ông ta tất cả những gì thuộc về thẩm quyền của Ngài và lập tức để ông ta trở về. Cầu chúa phù hộ Ngài. Tôi khẩn thiết xin Ngài đừng trì hoãn gì đến ngài mai. Xin Ngài đừng để phí một phút nào, vì Ngài sẽ phải trả giá đắt cho thời gian bị mất.

La-pin-xki

*Do C.Mác viết ngày 7 tháng Chín 1858
Đã đăng trên báo "New - York Daily
Tribune" số 5436, ngày 23 tháng Chín
1858*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

*HIỆP ƯỚC ANH - TRUNG QUỐC

Hiệp ước Trung Quốc do ngài Hen-ri Pốt-tin-gơ ký ngày 29 tháng Tám 1842, cũng giống như mọi hiệp ước mới với Trung Quốc, được áp đặt dưới họng súng, hoá ra không đạt kết quả xét về mặt thương mại, giờ đây ngay cả tờ "Economist" ở Luân Đôn, một cơ quan nổi tiếng của phái tự do mậu dịch cũng thừa nhận như vậy. Tờ báo này, một trong những tờ báo ca ngợi không mệt mỏi cuộc xâm lược gần đây vào Trung Quốc, giờ đây cũng tự cảm thấy buộc phải "làm dịu" những hy vọng sôi nổi được nuôi dưỡng trong những giới khác. Ảnh hưởng của Hiệp ước năm 1842 đối với thương nghiệp xuất khẩu Anh được "Economist" coi là một "tiền lệ ắt phải che chở cho chúng ta tránh được hậu quả của những hoạt động sai lầm". Lời khuyên này chắc chắn là khôn ngoan. Nhưng những lý do mà ông Uyn-xơn dẫn ra để giải thích thất bại của mưu toan đầu tiên nhằm dùng bạo lực mở rộng thị trường Trung Quốc cho hàng hoá phương Tây tỏ ra ít có sức thuyết phục.

Người ta chỉ ra nguyên nhân quan trọng thứ nhất của thất bại rõ ràng ấy là tình trạng hàng hoá do đầu cơ mà tràn ngập thị trường Trung Quốc trong ba năm đầu, sau khi hiệp ước được Pốt-tin-gơ ký kết, và cả việc thương nhân Anh không chú ý tới tính chất nhu cầu của người Trung Quốc. Xuất khẩu của Anh sang Trung Quốc năm 1836 là 1 326 388 p.xt., năm 1842 sụt xuống

960 000 pao xtéc-linh. Sự phát triển nhanh chóng và không ngừng của nó trong suốt bốn năm sau đó thể hiện trên những con số sau đây:

Năm	P.xt.
1842	969 000
1843	1 456 000
1844	2 305 000
1845	2 396 000

Nhưng sự giảm sút của xuất khẩu năm 1846 xuống dưới mức của năm 1836, và cả những tai hoạ giáng xuống các hãng buôn Trung Quốc ở Luân Đôn trong thời kỳ khủng hoảng năm 1847, đều chứng minh rằng giá trị *đã được dự tính* của xuất khẩu từ năm 1843 đến hết năm 1846, như nó được chỉ ra trong những bản báo cáo chính thức, hoàn toàn không phù hợp với *giá trị thực tế* của nó. Như vậy, nếu các nhà xuất khẩu Anh sai lầm về số lượng hàng hoá được đưa đến cho người tiêu dùng Trung Quốc, thì họ cũng không kém sai lầm trong việc lựa chọn chúng. Để chứng minh cho lời khẳng định vừa qua đó, tờ "Economist" dẫn những lời sau đây của ông U.Cúc, nguyên phóng viên của báo "Times" Luân Đôn tại Thượng Hải và Quảng Châu:

"Trong những năm 1843, 1844 và 1845, khi những cảng phía bắc vừa mở ra cho việc buôn bán thì người Anh rơi vào trạng thái bi kịch dữ dội. Một hãng buôn nổi tiếng ở Sép-phin đã gửi sang Trung Quốc một lượng lớn dao và nĩa, và tuyên bố rằng nó sẵn sàng cung cấp những bộ dao, nĩa cho toàn Trung Quốc. Hàng được bán theo giá hầu như không bù lại được tiền chuyên chở. Một hãng buôn rất nổi tiếng khác của Luân Đôn đã gửi đi một lượng lớn pi-a-nô cũng chịu số phận như vậy. Điều đã xảy ra với hàng dao, nĩa và pi-a-nô cũng xảy ra cả với hàng len và vải bông, mặc dù dưới một hình thức ít gay gắt hơn. Khi các cảng mở ra, Man-se-xtơ đã tiến hành một hoạt động lớn nhưng không tính toán kỹ, và hoạt động ấy không đạt kết quả. Từ đó nó rơi vào tình trạng mất hứng thú và chỉ còn trông chờ ở ngẫu nhiên".

Cuối cùng, để chứng minh sự phụ thuộc của tình trạng giảm sút, ổn định hay tăng trưởng của thương nghiệp vào việc nghiên

cứu nhu cầu của người tiêu dùng, tờ "Economist" mượn ở cũng tác giả này những số liệu sau đây cho năm 1856:

	Năm 1845	Năm 1846	Năm 1856
Vải len chải (súc)	13 569	8 415	7 428
Len sợi	13 374	8 034	4 470
Vải long-ghe	91 530	75 784	36 642
Vải len	62 731	56 996	88 583
Vải bông nện	100 615	81 150	281 784
Vải bông trơn	2 998 126	1 854 740	2 817 624
Sợi bông (pao)	2 640 098	5 324 050	5 579 600

Nhưng tất cả những luận cứ và minh hoạ đều không giải thích được điều gì ngoài sự phản ứng đối với thị trường đầy ứ hàng hoá những năm 1843 - 1845. Hiện tượng như vậy xảy ra khi sự mở rộng buôn bán đột ngột được thay thế bằng một sự giảm sút mạnh mẽ việc buôn bán, hay khi một thị trường vừa mới mở ra hoàn toàn tràn ngập hàng thừa ứ của Anh, mà hàng hoá được ném vào thị trường này lại không có sự tính toán chính xác nhu cầu thật sự và khả năng mua của người tiêu dùng, - hiện tượng như vậy hoàn toàn không phải chỉ riêng việc buôn bán với Trung Quốc mới có. Trên thực tế, đó là hiện tượng thông thường trong lịch sử thị trường thế giới. Sau sự sụp đổ của Na-pô-lê-ông, khi lục địa châu Âu được mở ra cho thương mại thì nhập khẩu từ nước Anh đã tỏ ra không phù hợp với khả năng mua của lục địa, đến nỗi "quá độ từ chiến tranh sang hoà bình" trở nên tai hại hơn chính sự phong toả của lục địa. Việc Ca-ninh thừa nhận nền độc lập của các thuộc địa Tây Ban Nha ở châu Mỹ cũng góp phần làm nảy sinh cuộc khủng hoảng thương mại năm 1825. Những hàng hoá dự trữ cho thị trường Mát-xcơ-va lúc đó đã hướng vào Mê-hi-cô và Cô-lôm-bi-a. Và cuối cùng, trong thời đại chúng ta, thậm chí Ô-xtrây-li-a, mặc dù có những khả năng to lớn đã không tránh khỏi số phận chung của tất cả các thị trường mới, nó đã tràn ngập hàng hoá, và để tiêu thụ hết, nó không có đủ người tiêu dùng và phương tiện thanh toán. Đặc trưng của thị trường Trung Quốc là từ khi nó mở ra do Hiệp ước năm 1842, xuất khẩu lụa và chè

Trung Quốc sang Anh không ngừng tăng lên, trong khi nhập khẩu hàng công nghiệp Anh vào Trung Quốc nói chung vẫn không thay đổi. Sự mất cân đối dần dần và ngày càng tăng trong cán cân thương mại có lợi cho Trung Quốc có lẽ có thể ví với tình trạng cán cân thương mại giữa Nga và Anh. Nhưng trong trường hợp sau tất cả là do chính sách bảo hộ mậu dịch của Nga, trong khi đó thuế nhập khẩu vào Trung Quốc lại thấp hơn bất cứ ở nước nào mà nước Anh có quan hệ buôn bán. Tổng số xuất khẩu của Trung Quốc sang Anh trước năm 1842 là khoảng gần 7 000 000 p.xt., năm 1856 đã lên đến gần 9 500 000 pao xtéc-linh. Trong khi số lượng chè nhập vào Anh trước năm 1842 không bao giờ vượt quá 50 000 000 pao, thì năm 1856 đã tăng lên đến khoảng 90 000 000 pao. Mặt khác, việc Anh nhập tơ lụa Trung Quốc có một ý nghĩa lớn chỉ từ năm 1852 trở đi. Về sự gia tăng nhập khẩu này, có thể xét thấy qua những số liệu sau đây:

	Năm 1852	Năm 1853	Năm 1854	Năm 1855	Năm 1856
Nhập khẩu tơ lụa (pao)	2 418 343	2 838 047	4 576 706	4 436 862	3 723 693
Giá trị (p.xt.)	-	-	3 318 112	3 013 396	3 676 116

Mặt khác, giờ đây chúng ta hãy xem sự vận động của xuất khẩu Anh sang Trung Quốc:

Năm	P.xt.	Năm	P.xt.
1834.....	842 852	1836.....	1 326 388
1835.....	1 074 708	1838..	1 204 356

Trong thời gian sau khi mở thị trường năm 1842 và lúc người Anh đã chiếm Hồng Công, chúng ta có những số liệu sau đây:

Năm	P.xt.	Năm	P.xt.
1845.....	2 359 000	1853.....	1 749 597
1846.....	1 200 000	1854.....	1 000 716
1848.....	1 445 950	1855.....	1 122 241
1852....	2 508 599	1856..	trên 2 000 000

Tờ "Economist" tìm cách gán sự đình trệ và sự giảm sút tương

đối của nhập khẩu hàng công nghiệp Anh sang thị trường Trung Quốc là do sự cạnh tranh của nước ngoài, và ngay trong trường hợp này, nó cũng viện đến những tài liệu của ông Cúc. Theo ý kiến người có thẩm quyền này thì sự cạnh tranh trung thực trên thị trường Trung Quốc sẽ đánh bại người Anh ở nhiều ngành thương mại. Người Mỹ, ông ta nói, vượt Anh về nhập khẩu vải màn và vải trải giường. Năm 1856 ở Thượng Hải đã nhập 221 716 súc vải màn Mỹ so với 8 745 súc của Anh và 14 420 súc vải trải giường Mỹ so với 1 240 súc của Anh. Mặt khác trong lĩnh vực buôn bán hàng len, hình như Đức và Nga đang đẩy lùi mạnh những người Anh cạnh tranh với mình. Chúng ta không cần đến những bằng chứng khác ngoài những ví dụ đó để có thể tin chắc rằng cả ông Cúc và tờ "Economist" đều sai lầm trong sự đánh giá của họ về thị trường Trung Quốc. Họ gán cho riêng thương mại Anh - Trung Quốc những đặc điểm mà người ta cũng thấy đúng như vậy cả trong sự buôn bán giữa Hợp chúng quốc và Thiên Triều - Năm 1837 xuất khẩu của Trung Quốc sang Hợp chúng quốc vượt nhập khẩu của Hợp chúng quốc vào Trung Quốc khoảng gần 860 000 pao xtéc-linh. Trong thời kỳ sau Hiệp ước năm 1842, Hợp chúng quốc nhận được sản phẩm của Trung Quốc trung bình hàng năm là 2 000 000 p.xt., và trả cho sản phẩm đó 900 000 p.xt., bằng hàng hoá của mình. Trong tổng số nhập khẩu vào Thượng Hải năm 1855 đạt tới số tiền là 1 602 849 p.xt. - không tính tiền kim loại và thuốc phiện - phần của Anh là 1 122 241 p.xt., phần của Mỹ là 272 708 p.xt. và phần của các nước khác là 207 900 p.xt., trong khi đó xuất khẩu đạt tổng số là 12 603 540 p.xt., trong số đó 6 405 040 p.xt., là phần của Anh, 5 396 406 p.xt. là phần của Mỹ và 102 088 p.xt. là phần của các nước khác. Hãy chỉ so sánh riêng xuất khẩu của Mỹ sang Thượng Hải trị giá là 272 708 p.xt. với nhập khẩu của Mỹ từ Thượng Hải vượt quá 5 000 000 pao xtéc-linh. Tuy nhiên, nếu sự cạnh tranh của Mỹ vẫn có thể làm cho thương nghiệp Anh phải chịu một thiệt hại lớn nào đó, thì thị trường Trung Quốc ắt phải là một thị trường hoạt động rất hạn chế đối với toàn bộ thương mại của các nước ngoài.

Rốt cuộc, nguyên nhân cuối cùng mà người ta dẫn ra để giải thích ý nghĩa không đáng kể của thị trường nhập khẩu Trung

Quốc từ khi nó mở cửa năm 1842, - đó là Cách mạng Trung Quốc³⁹⁰, nhưng, mặc dù có cuộc cách mạng ấy, xuất khẩu sang Trung Quốc năm 1851 - 1852 đã tăng lên cùng với sự gia tăng chung của thương mại, còn việc buôn bán thuốc phiện trong suốt thời kỳ cách mạng thì không những không giảm đi, mà còn nhanh chóng đạt đến những quy mô khổng lồ. Nhưng dù cho ở đây có xảy ra chuyện gì thì cũng hoàn toàn rõ ràng là tất cả những trở ngại đối với nhập khẩu ngoại quốc, do sự lộn xộn trong đế chế gây ra, ắt phải tăng thêm, chứ không giảm đi do cuộc chiến tranh ăn cướp vừa qua và những vụ làm nhục mới mà triều đại cầm quyền đã gặp phải.

Sau khi nghiên cứu cẩn thận lịch sử thương mại Trung Quốc, chúng tôi đi tới kết luận rằng lượng cầu của các thần dân của Thiên Triều và khả năng mua của họ, nói chung đã được đánh giá quá cao. Trong khuôn khổ chế độ kinh tế hiện nay của xã hội Trung Quốc mà trục chính của nó là nền kinh tế tiểu nông và thủ công nghiệp, không thể nói đến việc nhập khẩu một số lượng đáng kể nào đó sản phẩm của nước ngoài. Tuy nhiên, Trung Quốc ắt có thể dần dần thu được một số lợi hơn so với số lượng hiện nay của hàng hoá Anh và Mỹ lên tới 8 000 000 p.xt. là con số tính một cách đại khái, biểu hiện cân cân thanh toán chung có lợi cho nó khi buôn bán với Anh và Hợp chúng quốc, nhưng chỉ với điều kiện xoá bỏ việc buôn bán thuốc phiện. Kết luận này được rút ra một cách lô-gích từ sự nghiên cứu cái sự thực đơn giản là tài chính Trung Quốc và lưu thông tiền tệ Trung Quốc, bất chấp cân cân thương mại tích cực, đang lâm vào tình trạng hết sức rối loạn do nhập thuốc phiện với số tiền tới gần 7 000 000 pao xtéc-linh.

Nhưng Giôn Bun đã quen vênh váo với đạo đức cao quý của mình, lại thích sửa chữa cân cân thương mại tiêu cực của mình bằng cách đều kỳ thu những khoản đảm phụ chiến tranh bóp nặn được ở Trung Quốc dưới lý do thuần tuý có tính chất cướp bóc. Ông ta chỉ quên một điều là, - kết hợp trong tay một người những biện pháp bóp nặn tiền của các dân tộc khác theo phương thức Các-ta-giơ và theo phương thức La Mã chắc chắn sẽ dẫn

tới sự xung đột giữa phương thức này và phương thức kia và tới sự tiêu diệt lẫn nhau của chúng.

*Do C.Mác viết ngày 10 tháng Chín 1858
Đã đăng làm xã luận trên báo "New -
York Daily Tribune" số 5446, ngày 5
tháng Mười 1858*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

NỀN THƯƠNG MẠI VÀ NỀN TÀI CHÍNH CỦA ANH

Luân Đôn ngày 14 tháng Chín 1858

Khi xét đến bản báo cáo về cuộc khủng hoảng năm 1857-1858 do Ủy ban thuộc hạ nghị viện thảo ra, trước tiên, chúng tôi chỉ rõ các khuynh hướng có hại của Đạo luật Rô-bốt Pin về Ngân hàng Anh, tiếp đó, chúng tôi đã vạch trần quan điểm sai lầm cho rằng hình như cơ quan phát hành có thể tác động đến mức giá cả chung^{1*} bằng cách tùy tiện tăng hay giảm việc lưu thông tiền giấy. Nhưng như thế thì mọi vấn đề mới lại được đặt ra trước chúng ta: vậy nguyên nhân thực sự của cuộc tổng khủng hoảng là gì? Ủy ban đó tuyên bố: họ đã xác định được "một cách thoả đáng rằng khủng hoảng thương mại vừa qua nổ ra ở Anh, cũng như ở Mỹ và các nước Bắc Âu chắc chắn chủ yếu là do nạn đầu cơ quá quắt và việc lạm dụng tín dụng gây ra". Lẽ dĩ nhiên giá trị của kết luận này không hề giảm đi bởi lẽ thế giới có thể đi tới kết luận này mà không cần có sự hỗ trợ của Ủy ban quốc hội và tất cả những bài học mà xã hội có thể rút ra từ sự phát triển đó hiện nay đã mất hết mọi ý nghĩa thực tiễn. Giả dụ luận điểm trên là đúng - chúng ta không hề nghĩ đến việc tranh cãi về luận điểm đó - song liệu nó có giải quyết được vấn đề xã hội không, hay chỉ

1*- Xem tập này, tr.665 – 675.

thay đổi dạng nêu vấn đề mà thôi? Để cho một hệ thống tín dụng giả tưởng xuất hiện, bao giờ cũng cần có hai vế: người vay và kẻ cho vay. Người vay bao giờ cũng tìm cách buôn bán nhờ vào tiền vốn của người khác và cố gắng làm giàu trên sự rủi ro của thiên hạ, - khuynh hướng này quá rõ ràng đến nỗi khuynh hướng ngược lại sẽ đơn giản là khó hiểu đối với chúng ta. Vấn đề đứng ra là ở chỗ vì sao mà trong tất cả các nước công nghiệp hiện đại, từng chu kỳ người ta lại bị cuốn theo một ham muốn không cưỡng được, ham muốn lìa bỏ số tiền vốn của mình do bị ảnh hưởng của những ảo tưởng rõ ràng và bất chấp những điều báo trước rõ ràng là dễ sợ cứ lặp đi lặp lại sau mười năm? Những điều kiện xã hội nào đã làm tái xuất hiện hầu như đều đặn những thời kỳ mà ai cũng tự lừa dối mình - những thời kỳ đầu cơ quá quắt và xuất hiện tín dụng giả tưởng như vậy? Chỉ cần chúng ta nghiên cứu những điều kiện đó dù chỉ một lần, chúng ta sẽ đi đến một kết luận rất đơn giản. Chỉ có thể là một trong hai trường hợp sau đây: hoặc xã hội có thể điều chỉnh những điều kiện ấy, hoặc chúng vốn có trong hệ thống sản xuất hiện hành. Trong trường hợp thứ nhất, xã hội có thể ngăn ngừa trước các cuộc khủng hoảng; còn trong trường hợp sau thì khủng hoảng nhất thiết phải xảy ra tương tự như các mùa trong một năm nối tiếp nhau xuất hiện, chừng nào hệ thống này còn tồn tại.

Theo chúng tôi, thiếu sót lớn không chỉ của bản báo cáo này, mà cả của bản "Báo cáo về khủng hoảng thương mại năm 1847" cũng như của các bản báo cáo khác tương tự trước đó, là ở chỗ những bản báo cáo này đều xét mỗi cuộc khủng hoảng mới như một hiện tượng riêng rẽ, xuất hiện lần đầu tiên trên bình diện xã hội và do vậy được giải thích như là những sự kiện, những sự vận động hay những nhân tố đặc biệt vốn có - hay xem như đặc biệt vốn có - chỉ của một thời kỳ, cụ thể là thời kỳ giữa cuộc chấn động cuối cùng và cuộc chấn động trước đó. Nếu giả sử các nhà khoa học về vật lý cũng áp dụng phương pháp ngây thơ ấy thì thậm chí mỗi lần xuất hiện một ngôi sao chổi đều làm mọi người phải sửng sốt. Trong khi cố gắng vạch ra những quy luật chi phối các cuộc khủng hoảng của thị trường thế giới, chúng ta cần phải giải thích không chỉ tính chất chu kỳ của khủng hoảng,

mà cả ngày tháng chính xác của chu kỳ ấy. Hơn nữa, không nên để cho những nét đặc trưng vốn có của mỗi cuộc khủng hoảng thương mại mới làm lu mờ những nét chung vốn có trong tất cả các cuộc khủng hoảng. Nếu chúng ta tìm cách đưa ra ngay cả một phác thảo chung nhất của công trình nghiên cứu như thế thì chúng ta ắt sẽ vượt quá giới hạn những nhiệm vụ mà chúng ta tự đặt ra cho mình. Rõ ràng là sẽ không có ai tranh cãi rằng: Ủy ban hạ viện nước Anh không những đã không giải quyết được vấn đề, mà thậm chí đã không biết nêu vấn đề một cách đúng đắn nữa.

Những yếu tố mà ủy ban này dựa vào để minh họa hệ thống tín dụng giả tưởng, lẽ dĩ nhiên không có gì là mới mẻ cả. Bản thân hệ thống đó ở Anh đã tồn tại theo một phương thức rất đơn giản. Tín dụng giả tưởng đã hình thành nhờ vào những tín phiếu giả. Những tín phiếu này chủ yếu được các ngân hàng cổ phần các tỉnh chiết khấu, đến lượt chúng, các ngân hàng này lại chiết khấu lại những tín phiếu này ở những tên mỗi lá tín phiếu ở Luân Đôn. Những tên mỗi lá này không nhìn vào chính những tín phiếu, mà chỉ nhìn vào chữ ký chuyển tài khoản của ngân hàng, đến lượt mình lại không dựa vào khoản tài sản của riêng mình, mà dựa vào những khả năng mà Ngân hàng Anh bảo đảm cho mình. Nguyên tắc của những tên mỗi lá tín phiếu ở Luân Đôn đặc trưng bằng sự kiện sau đây mà ngài Đích-xơn, cựu giám đốc điều hành của ngân hàng thành phố Li-vóc-pun đã báo cáo cho ủy ban:

"Trong một cuộc đàm thoại tình cờ về tất cả những điều đó, một tên mỗi lá tín phiếu đã nhận xét rằng: nếu không có Đạo luật Rô-bóc Pin thì Ngân hàng thành phố đã không cần phải ngừng thanh toán. Để trả lời, tôi nói dù đạo luật của ngài Rô-bóc Pin có giá trị như thế nào đi nữa thì về phần mình, tôi cũng không hề mấy may tìm cách giúp đỡ Ngân hàng thành phố này khi nó gặp khó khăn, nếu tôi biết làm như vậy là tôi góp phần kéo dài sự tồn tại của cái hệ thống điều hành kém cỏi như đã có từ trước tới nay, và tôi đã nói thêm rằng, nếu trước khi bắt tay làm công việc của một giám đốc điều hành mà tôi biết được về cách làm của Ngân hàng thành phố dù chỉ một nửa những điều ngài ắt phải biết khi thấy được số lượng lớn những tín phiếu mà ngân hàng chiết khấu, thì không bao giờ các anh kéo được tôi làm cổ đông", và tiếp đó là câu trả lời: "Nhưng chính ngài cũng không kéo được tôi làm cổ đông của ngân hàng; đối với

tôi, chiết khấu tín phiếu là rất có lợi, còn làm cổ đông thì tôi cũng không đồng ý".

Rõ ràng là thắng cuộc trong việc lạm dụng tín dụng là Ngân hàng thành phố Li-vóc-pun, Ngân hàng miền tây Xcốt-len ở Gla-xgô, cũng như Ngân hàng tỉnh Noóc-tơm-bóc-len và Đốc-hêm, hoạt động của những ngân hàng này đã được ủy ban nghiên cứu hết sức kỹ lưỡng. Ngân hàng miền tây ở Gla-xgô có 101 chi điểm rải khắp Xcốt-len và có các quan hệ kinh doanh ở Mỹ, đã cho phép chuyển tới cho mình những tín phiếu chỉ vì tiền hoa hồng. Tiền lãi của ngân hàng này tăng lên từ 7 đến 8% trong năm 1854, từ 8 - 9% trong năm 1856 và tuyên bố đạt 9% thậm chí trong tháng Sáu 1857, trong khi đó phần lớn tiền vốn của ngân hàng đã hết sạch. Tổng số tín phiếu do nó chiết khấu trong năm 1853 là 14 947 000 p.xt., năm 1857 tăng lên đến 20 691 000 pao xtéc-linh. Số tín phiếu mà ngân hàng này chiết khấu lại ở Luân Đôn trong năm 1852 là 407 000 p.xt., mặc dầu toàn bộ vốn của ngân hàng vốn vẹn chỉ có 1 500 000 pao xtéc-linh. Tháng Mười một 1857, khi ngân hàng này bị vỡ nợ, tổng số tiền của nó trên sổ sách là 1 603 000 pao xtéc-linh. Đó chỉ là khoản nợ của bốn hãng: Mác-đô-nan, Môn-tít, Oan-lê-xơ và Pát-ti-xơn. Một trong những hoạt động chủ yếu của ngân hàng ấy là cho vay có "bảo đảm" độc đáo, cụ thể là: các chủ xưởng sẽ được cung cấp số vốn do việc bán sản phẩm mà có, nhưng sản phẩm ấy phải nhờ vào số tiền ứng trước mới làm ra.

Tình hình như nêu dưới đây làm lộ ra sự tính toán thiếu thận trọng: có 127 hãng và tư nhân nhận thanh toán chuyển khoản những tín phiếu của Mác-đô-nan; người ta đã kiểm tra tình hình của 37 đơn vị, trong số này 21 đơn vị được nhận xét là không đạt yêu cầu hoặc được nhận xét là tiêu cực ở mức độ nhất định. Tuy nhiên tín dụng của Mác-đô-nan vẫn không bị giảm bớt. Từ năm 1848, trong sổ sách của ngân hàng người ta đã áp dụng một thủ thuật để biến khoản nợ thành khoản cho tín dụng và các khoản lỗ thành khoản có.

"Để có thể hiểu phương pháp mà nhờ đó có thể nguy trang được như thế" báo cáo ghi, - "tốt hơn hết có lẽ là tìm hiểu xem món nợ được gọi là nợ của Xcốt-tơ và được ghi vào mục khác của các khoản có, đã được thanh toán như thế nào. Món nợ đó là 120000 p.xt., đáng lẽ phải được ghi vào số những tín phiếu còn tranh cãi.

Song nó được chia làm 4 hoặc 5 biên lai thanh toán tín dụng công khai mang tên những người nhận tín phiếu của Xcát-tơ. Những biên lai thanh toán đó được ghi thành khoản nợ của con nợ bằng số tiền của những người nhận tín phiếu và cuộc sống còn nợ được bảo đảm với số tiền là 75 000 pao xtéc-linh. Trong số đó 33 000 p.xt., được chính ngân hàng trả dưới dạng phần thưởng. Giờ đây tất cả các khoản đó trong sổ sách đều ghi là khoản có".

Cuối cùng, qua điều tra người ta thấy rằng những cổ đông chính cống của ngân hàng lại mắc nợ ngân hàng đó 988 000 pao xtéc-linh.

Trong khi toàn bộ tư bản của ngân hàng tỉnh Noóc-tơm-bóc-len và Đóc-hêm vền vện chỉ có 600 000 p.xt., thì ngân hàng cho Công ty sắt thép Đe-ru-en-tơ vay gần 1 000 000 p.xt., mà công ty này thì không có khả năng thanh toán. Mặc dù ông Giôn-na-tan Ri-sác-xơn, nhân vật chủ chốt trong ngân hàng, thực tế là người điều khiển mọi công việc, không phải là người chung cổ phần trong công ty, song ông lại vô cùng quan tâm đến cái xí nghiệp không có tiền đồ ấy, vì ông nhận được địa tô của những mảnh đất đang được khai quặng. Như vậy, trường hợp này là một ví dụ thú vị nói lên rằng một trong những giám đốc trực tiếp quản lý đã sử dụng đặc cách tiền vốn chung của ngân hàng cổ phần vào mục đích đầu cơ tư nhân như thế nào.

Hai kiểu tố cáo nói trên ghi trong bản báo cáo của uỷ ban đã rọi một ánh sáng ảm đạm vào những nguyên tắc đạo đức và mọi công việc của các xí nghiệp công nghiệp cổ phần. Rõ ràng là những thiết chế ấy - mà vị tất đã có thể đánh giá cao ảnh hưởng ngày càng tăng của chúng đối với nền kinh tế quốc dân của các nước - còn xa mới tìm được cho mình một cơ cấu thích đáng. Là đòn xeo mạnh mẽ trong sự phát triển sức sản xuất của xã hội hiện đại, các xí nghiệp ấy, cũng giống như các nghiệp đoàn thời trung thế kỷ, chưa có một lương tâm nghiệp đoàn thay cho trách nhiệm cá nhân mà họ có thể trút bỏ nhờ vào chính tổ chức của mình.

*Do C.Mác viết ngày 14 tháng Chín 1858
Đã đăng trên báo "New - York Daily
Tribune" số 5445, ngày 4 tháng Mười
1858*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

PH.ĂNG-GHEN

KHỞI NGHĨA Ở ẤN ĐỘ

Trong những tháng hè oi bức và mưa nhiều, chiến sự ở Ấn Độ hầu như hoàn toàn đình lại. Ông Cô-lin Kem-pơ-ben ra sức hoạt động vào đầu mùa hè và chiếm được tất cả các vị trí quan trọng ở vùng Au-đơ và Rô-hin-can-đơ. Sau đó, ông đã hành động rất đúng đắn là bố trí quân đội ở các khu nhà, còn trừ lại một vùng trống thuộc nghĩa quân, ông hạn chế hoạt động của mình ở việc giữ vững đường giao thông. Trong thời kỳ này ở Au-đơ chỉ có một sự kiện đáng chú ý mà thôi: đó là cuộc hành quân của ông Hau-pơ Gran-tơ được phái đến vùng Sác-găng-giơ để giải thoát cho Man Xinh - một lãnh tụ của nghĩa quân, người mà sau cả một loạt chao đảo mới đây đã ký hoà với quân Anh và hiện nay đang bị vây chặt bởi những người bản xứ - đồng minh cũ của mình. Cuộc hành quân đó có vẻ như một buổi dạo chơi quân sự đơn giản, mặc dầu chắc chắn người Anh đã phải chịu những tổn thất nặng nề do bị say nắng và bệnh dịch tả. Nghĩa quân không kháng cự mà rút lui và Man Xinh đã liên kết được với người Anh. Mặc dầu thắng lợi dễ dàng của cuộc hành quân ấy không thể là một dấu hiệu chứng tỏ toàn bộ vùng Au-đơ cũng dễ dàng bị bình định như vậy, nhưng dấu sao nó cũng nói lên rằng nghĩa quân đã hoàn toàn mất tinh thần. Nếu quân Anh muốn nghỉ ngơi trong thời gian nóng bức, thì, ngược lại, đối với nghĩa quân, điều quan trọng là phải quấy rầy bọn Anh càng nhiều càng hay. Nhưng đáng lẽ phải tổ

chức một cuộc chiến tranh du kích tích cực, cắt đường liên lạc giữa các thành phố bị địch chiếm, phục kích những toán nhỏ, cản trở việc cung cấp thức ăn cho ngựa và không cho địch vận chuyển lương thực, mà thiếu lương thực thì không một thành phố lớn nào bị quân Anh chiếm đóng có thể tồn tại được, - đáng lẽ phải làm như vậy thì người bản xứ đã thoả mãn với việc thu thuế và hưởng thụ sự nghỉ ngơi mà đối phương đã dành cho họ. Hơn nữa, họ lại tỏ ra bất hoà với nhau. Dĩ nhiên nghĩa quân không lợi dụng mấy tuần lễ yên tĩnh đó để tổ chức lại lực lượng của mình, bổ sung quân trang quân dụng, hàn gắn những tổn thất về pháo binh của họ. Hơn bất cứ một sự thất bại nào trước kia, việc rút chạy của nghĩa quân ở Sác-găng-giơ chứng tỏ rằng họ không còn tin tưởng vào lực lượng của mình và vào lãnh tụ của mình. Trong khi ấy, một số lớn lãnh tụ của họ và Chính phủ anh đã trao đổi thư từ mật với nhau. Chính phủ Anh cuối cùng cũng đã thừa nhận rằng khó lòng nuốt hết được toàn bộ đất đai vùng Au-đơ, và sẵn sàng trao trả nó cho bọn chủ cũ với những điều kiện có thể chấp thuận. Như vậy, vì lúc này thắng lợi cuối cùng của quân Anh đã quá hiển nhiên, cuộc khởi nghĩa ở Au-đơ chắc chắn dần dần lắng đi mà không trải qua giai đoạn chiến tranh du kích tích cực. Ngay sau khi đa số bọn chúa đất ký thoả thuận với người Anh, thì các đội nghĩa quân tan rã, và một số nghĩa quân có quá nhiều lý do để sợ chính phủ, đã trở thành giặc cướp (dacoits), còn nông dân thì sẵn sàng giúp đỡ để lùng bắt họ.

Phần đất miền đông-nam Au-đơ, vùng rừng rậm chắc là nơi tập trung những tên cướp như thế. Những rừng tre rậm rạp và những bụi cây nhỏ đã ở trong tay đội nghĩa quân do A-ma Xinh cầm đầu. Ông này đã tỏ ra khá tích cực và biết tiến hành chiến tranh du kích, vô luận thế nào ông ta đã tự mình tấn công bọn Anh bất cứ nơi nào có thể tấn công được, chứ không thụ động ngồi chờ. Nếu, người ta lo ngại rằng, nếu một bộ phận nghĩa quân Au-đơ mà liên kết được với ông ta trước khi ông ta bị đẩy ra khỏi thành lũy của mình, thì quân Anh sẽ đứng trước một nhiệm vụ khó khăn hơn so với thời gian vừa qua. Gần tám tháng trời, những khu rừng rậm ấy là nơi trú ẩn của những đội nghĩa quân. Họ đã làm cho việc đi lại trên tuyến đường lớn từ

Can-cút-ta đến A-la-ha-bát - con đường giao thông chủ yếu của quân Anh - trở nên vô cùng nguy hiểm.

Ở miền tây Ấn Độ, tướng Rô-bóc và đại tá Hôn-mơ-xơ vẫn lo truy nã nghĩa quân Gva-li-oóc. Trong thời gian chiếm Gva-li-oóc, vấn đề đội quân rút lui chạy theo hướng nào là vô cùng quan trọng, vì rằng toàn thể đất nước của những người Ma-rát-khơ và một phần đất Rát-pu-ta-na, rõ ràng là đã sẵn sàng khởi nghĩa một khi ở đây xuất hiện một toán quân chính quy đủ mạnh có thể làm hạt nhân cho một cuộc khởi nghĩa. Sự rút lui của đội quân Gva-li-oóc về phía tây-nam lúc bấy giờ hình như là hành động đúng đắn nhất để thực hiện một kế hoạch như vậy. Nhưng nghĩa quân, vì động cơ nào mà chúng ta không thể đoán biết trên cơ sở những báo cáo mà chúng ta có được, đã chọn hướng tây-bắc. Họ chạy lên Gia-pua, rồi từ đó quay về phương nam theo hướng U-đai-pua, tìm cách chạy tới những con đường dẫn đến đất nước của những người Ma-rát-khơ. Nhưng con đường vòng đó đã tạo cho Rô-bóc khả năng phục kích họ và không cần phải cố sức nhiều cũng hoàn toàn đánh bại họ. Tàn quân vô tổ chức của nghĩa quân, không có đại bác và quân trang quân dụng, không có lãnh tụ có uy tín nên không thể thúc đẩy một cuộc khởi nghĩa mới. Ngược lại, số lượng khổng lồ những của cải họ cướp được và mang theo, làm cho họ khó di chuyển, rõ ràng là đã khơi dậy lòng tham lam của nông dân. Nông dân đã giết những người lạc ngũ của đội quân Xi-pai và đoạt lấy số tiền vàng của họ. Nếu như sự việc đã đến mức đó, thì tướng Rô-bóc có thể bình thản để cho dân quê hoàn toàn phá tan những người Xi-pai ấy. Sự cướp bóc các kho báu của Xinh-khi-a do quân đội của ông ta tiến hành đã cứu quân Anh khỏi một cuộc khởi nghĩa mới trong một vùng nguy hiểm hơn vùng Hin-đu-xtan, vì cuộc khởi nghĩa trên đất người Ma-rát-khơ sẽ làm cho quân đội Bom-bay chịu những thử thách khá nặng nề.

Ở những miền ngoại ô Gva-li-oóc đã bùng nổ một cuộc khởi nghĩa mới. Một chư hầu nhỏ của Xinh-khi-a là Man Xinh (không phải là Man Xinh ở Au-đơ) đã liên kết với nghĩa quân và chiếm pháo đài không lớn lắm là Pau-ri. Nhưng pháo đài đó đã bị quân Anh vây chặt và chẳng bao lâu sau thì bị chiếm.

Trong khi đó các khu bị chiếm đã dần dần được bình định. Người ta nói rằng ngài Giôn Lô-ren-xơ đã thiết lập được một sự yên tĩnh hoàn toàn ở vùng ngoại ô Đê-li, khiến những người Âu có thể dạo chơi ở đây hoàn toàn an tâm, không cần có súng và bảo vệ. Bí quyết của điều đó là ở chỗ dân cư mỗi làng phải chịu trách nhiệm tập thể về mọi hành động tội lỗi, hoặc bạo lực xảy ra trên vùng đất của họ, ở chỗ một tổ chức cảnh sát quân sự đã được người Anh thiết lập, và chủ yếu là ở chỗ những toà án quân sự đã chiến với những thủ tục tố tụng đã gây một ấn tượng vô cùng mạnh mẽ cho người phương Đông, mặc sức hoạt động khắp nơi. Tuy nhiên, rõ ràng kết quả đó là một ngoại lệ, bởi vì chúng ta không hề nghe thấy ở vùng nào khác lại có được một tình hình tương tự như thế. Việc bình định hoàn toàn vùng Rô-hin-can-đơ và Au-đơ, Bun-đen-han-đơ và nhiều tỉnh lớn khác đòi hỏi một thời gian dài hơn rất nhiều và buộc quân đội Anh và các toà án quân sự đã chiến phải làm việc nhiều hơn.

Nhưng trong lúc cuộc khởi nghĩa ở Hin-đu-xtan bị thu hẹp đến phạm vi hầu như không đáng chú ý về mặt quân sự nữa, thì ở vùng đất xa xôi sát tận biên giới Á-p-ga-ni-xtan xảy ra một sự kiện mà trong tương lai có thể dẫn tới tình hình rất phức tạp. Trong một số trung đoàn quân Xích đóng ở vùng Đê-ra-I-xma-in-Khan, người ta đã khám phá ra một âm mưu nhằm giết các sĩ quan và nổi dậy chống người Anh. Chúng ta không thể biết chân thực của âm mưu đó kéo dài như thế nào. Cũng có thể âm mưu đó chỉ mang tính chất địa phương và xảy ra trong một nhóm người Xích riêng rẽ. Song chúng ta không thể khẳng định rõ điều đó. Vô luận thế nào thì đó cũng là một triệu chứng hết sức nguy hiểm. Hiện tại, trong quân đội Anh có gần 10 vạn người Xích và chúng ta đã nghe nói họ có đặc điểm là rất gan góc. Hôm nay, theo lời họ, họ chiến đấu trong đội ngũ quân Anh, nhưng ngày mai, nếu theo ý trời, thì họ lại sẽ chiến đấu chống lại chúng. Họ dũng cảm, hăng hái, nhưng không kiên định; hơn những người phương Đông khác, họ có khuynh hướng thay đổi bất ngờ. Nếu trong những người đó nổ ra một cuộc khởi nghĩa nghiêm trọng, thì thực tế quân Anh khó mà giữ vững các vị trí của mình. Trong số những người bản xứ Ấn Độ, thì người Xích bao giờ cũng có đối thủ đáng sợ nhất

của quân Anh; trước đây, họ đã thành lập một quốc gia khá hùng mạnh³⁹¹; họ thuộc một giáo phái Bà-la-môn đặc biệt, họ căm ghét cả người Hin-đu lẫn người theo Hồi giáo. Họ thấy sự "raj"^{1*} của người Anh sắp đến ngày tận số; họ đã góp phần rất nhiều làm cho nó hồi phục và thậm chí đã tin rằng trong việc này, họ đã đóng một vai trò quyết định. Phải chăng nếu như họ nảy ra ý nghĩ rằng đã đến lúc "raj" của người Anh phải được thay thế bằng "raj" của người Xích và vua gốc Xích ở Đê-li hay Can-cút-ta phải trị vì Ấn Độ, thì đó cũng sẽ là một điều hoàn toàn tự nhiên sao? Có thể là ý nghĩ đó còn xa mới chín muồi trong người Xích, có thể trong quân đội, họ được khéo léo bố trí sao cho cân bằng với người Âu, và vì thế mọi cuộc bạo động trong bọn họ đều có thể bị dập tắt dễ dàng; song, chúng ta tất phải cho rằng bất kỳ một ai đã đọc những thông báo về hành vi của người Xích sau vụ Đê-li và Lác-nau, thì đều thấy rõ rằng ý nghĩa ấy có trong người Xích.

Tuy nhiên hiện giờ quân Anh đã lại chiếm được Ấn Độ. Cuộc khởi nghĩa to lớn, bắt đầu từ vụ binh biến của quân đội Ben-gan, rõ ràng đã thực sự bị dập tắt. Nhưng cuộc xâm chiếm lần thứ hai đó không làm tăng thêm quyền lực của người Anh đối với tâm hồn người dân Ấn Độ. Những biện pháp trừng trị tàn khốc của quân đội Anh đã bị kích thích bởi những câu chuyện phóng đại và sai về những hành vi dã man mà tựa hồ người bản xứ đã làm và mưu toan tịch thu toàn bộ hay từng phần Vương quốc Au-đơ đã không gây được thiện cảm đặc biệt nào đối với kẻ chiến thắng. Ngược lại, chính người Anh thừa nhận rằng người Hin-đu, cũng như người theo đạo Hồi, vẫn nuôi mối căm thù truyền kiếp đối với những người theo đạo Thiên chúa - những khách không mời mà đến; bây giờ sự căm thù đó mạnh mẽ hơn lúc nào hết. Dù cho hiện nay lòng căm thù ấy có bất lực như thế nào đi nữa thì nó cũng vẫn mang một ý nghĩa nào đó, khi mà đám mây đen đang treo lơ lửng trên thành phố Pen-giáp của người Xích. Nhưng không phải tất cả chỉ có thế. Giờ đây, hai cường quốc châu Á, Anh và Nga, đã gặp nhau tại một địa điểm giữa Ấn Độ và Xi-bia, nơi mà

1*- "bá chủ"

những lợi ích của Anh và Nga nhất thiết phải trực tiếp xung đột nhau. Địa điểm đó là Bắc Kinh. Chẳng bao lâu nữa, từ địa điểm này kéo dài về phía tây, xuyên qua toàn bộ đại lục châu Á là tuyến đường, mà trên đó sẽ thường xuyên diễn ra những sự xung đột về lợi ích giữa các cường quốc đối thủ ấy. Như vậy, có lẽ không đến nỗi xa xôi gì lắm cái thời điểm mà "quân Xi-pai và quân Cô-dắc gặp nhau trên đồng bằng Ốc-xu-xơ". Và nếu cuộc gặp gỡ ấy thực sự diễn ra thì tinh thần bài Anh của 150 000 người bản xứ Ấn Độ sẽ là đề tài cho những sự suy nghĩ rất nghiêm túc.

*Do Ph.Ăng-ghen viết khoảng ngày 17
tháng Chín 1858*

*Đã đăng làm xã luận trên báo "New-
York Daily Tribune" số 5443, ngày 1
tháng Mười 1858*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

TUYÊN NGÔN MỚI CỦA MÁT-DI-NI

Luân Đôn, ngày 21 tháng Chín 1858

Vì tờ báo cuối cùng có tư tưởng cộng hoà ở Giê-nơ "Dio e Popolo" xuất bản trên đất I-ta-li-a bị Chính phủ Xác-đi-ni truy bức thường xuyên, không chịu nổi, cuối cùng đã phải đóng cửa, cho nên ông Mát-di-ni, một con người bất khuất, đã xuất bản tờ báo I-ta-li-a ở Luân Đôn. Đó là tờ bán nguyệt san "Pensiero ed Azione" ("Tư tưởng và hành động").

Chúng tôi dịch bản tuyên ngôn mới của ông đăng trong số báo mới nhất và xem bản tuyên ngôn ấy là một văn kiện lịch sử, tạo điều kiện cho độc giả tự mình đánh giá về sức sống và tiền đồ trong tương lai của nhóm lưu vong cách mạng đã tập hợp dưới ngọn cờ của vị tam hùng La Mã. Đáng lẽ phải nghiên cứu những nhân tố xã hội to lớn làm cho cuộc Cách mạng 1848 - 1849 thất bại và cố gắng miêu tả những điều kiện thực sự đã ngấm ngầm chín muồi trong mười năm gần đây và đang tạo nên mảnh đất tốt cho một phong trào mới, mạnh mẽ hơn, thì, như chúng ta thấy, Mát-di-ni lại trở về với những ảo tưởng cũ của mình và đặt ra cho mình một vấn đề hư ảo. Điều đó, đương nhiên, chỉ có thể dẫn tới cách giải quyết sai lầm. Ông ta vẫn cho rằng vấn đề quan trọng hàng đầu là vì sao những người lưu vong, với tư cách là những tổ chức, vẫn không thành công trong ý đồ đổi mới thể

giới; và ông vẫn cố cấp cho họ một liều thuốc để chữa cho họ khỏi căn bệnh bại liệt chính trị. Ông nói:

"Vào năm 1852, trong bức giác thư gửi phái dân chủ châu Âu tôi đã hỏi: hiện nay khẩu hiệu, lời kêu gọi chiến đấu của đảng là gì? Câu trả lời hết sức đơn giản. Nó chỉ gồm có mỗi một chữ: *hành động*, nhưng hành động thống nhất, toàn châu Âu, liên tục, nhất quán, dũng cảm. Các vị chỉ có thể giành được tự do khi các vị đạt được sự giác ngộ về tự do mà sự giác ngộ đó các vị chỉ có thể giành được bằng hành động. Các vị nắm vận mệnh của mình trong tay của chính các vị. Hoà bình đang chờ đón các vị. *Sáng kiến* có thể nảy sinh ở bất cứ nơi nào mà nhân dân có ý định khởi nghĩa, chuẩn bị đấu tranh và nếu cần thì chết để cứu lấy toàn thể những nơi mà nhân dân viết lên lá cờ của mình những từ: Thượng đế, nhân dân, công lý, sự thật, phẩm hạnh. Hãy khởi nghĩa vì phúc lợi chung và mọi người sẽ đi theo các bạn. Cần sao cho toàn đảng hiểu rõ vấn đề đó. Mỗi người tự do tìm cách giải quyết ở nơi mà, theo họ nghĩ, họ đã thoáng nhìn thấy được tia chân lý, nhưng mong sao họ đừng bảo vệ chỉ con đường riêng của mình, mong sao họ đừng đào ngũ khỏi đội quân vĩ đại của tương lai... Chúng ta không phải là phái dân chủ, chúng ta chỉ là đội tiên phong của phái này. Nhiệm vụ của chúng ta chỉ là dọn đường cho phái này đi. Tất cả những điều chúng ta mong muốn là: thống nhất tư tưởng, cùng chung sức lực... Từ ngày có bản kêu gọi đó ra đời đến nay đã sáu năm, nhưng vấn đề vẫn nguyên vẹn. Đảng đã trưởng thành về mặt số lượng, nhưng sự thống nhất trong đảng thì chưa thực hiện được. Một số nhóm nhỏ có tổ chức đã chứng minh sức mạnh của sự thống nhất bằng sức sống vô tận của mình và bằng nỗi khùng khiếp mà họ đã gieo rắc trong lòng kẻ thù. Còn đa số đảng viên thì vẫn thiếu tổ chức, biệt lập như xưa và, do đó, không hành động và bất lực. Những nhóm người trung thành với sự nghiệp không thể chịu đựng được cái cảnh khoanh tay ngồi nhìn một cách nhục nhã, đã chiến đấu đầy đó với tư cách những tirailleurs^{1*} trên tất cả các khu vực của mặt trận, mỗi một người theo sức của mình, chỉ vì Tổ quốc của mình, không biết đến mục đích chung; họ quá yếu không đủ sức để chiến thắng bất kỳ ở đâu, họ tuyên bố phản đối và sẽ hy sinh. Đơn vị chủ lực quân không thể tới giúp đỡ họ được vì không có kế hoạch, không có phương tiện, không có lãnh tụ. Đã có lúc liên minh các quốc gia bị tan vỡ. Chiến tranh Crưm đã đem lại cho các dân tộc bị áp bức một

1* - cây súng tự nguyện

cơ hội thuận lợi mà đáng lẽ họ phải lập tức lợi dụng. Vì thiếu tổ chức, họ đã bỏ lỡ cơ hội ấy. Chúng tôi thấy những nhà cách mạng chân chính đã gắn liền sự giải phóng đất nước mình với những kế hoạch do một người nào đó đề xướng, mà đối với người này thì can thiệp vào công việc của một dân tộc và kêu gọi khởi nghĩa có nghĩa là chắc chắn diệt vong. Chúng ta thấy người Ba Lan đã quên lãng Xô-bê-xki và sứ mạng lịch sử mà Ba Lan đã hoàn thành ở châu Âu Cơ Đốc giáo, họ lại đi phục vụ cho Thổ Nhĩ Kỳ trong vai trò những tên Cò-dắc. Có những dân tộc như Ru-ma-ni cho rằng họ có thể giành được thống nhất bằng con đường ngoại giao; dường như là có một lúc nào đó trong lịch sử thế giới đã có một dân tộc xuất hiện bằng cách nào khác chứ không phải do kết quả đấu tranh của những đứa con mình. Những dân tộc khác, chẳng hạn như người I-ta-li-a đã quyết định chờ cho tới khi nước Áo bị cuốn vào chiến tranh, tựa hồ như nước Áo có thể giữ một vị trí khác nào đó không phải là trung lập về quân sự. Chỉ một mình Hy Lạp lao vào cuộc chiến; nhưng nó không hiểu được là, khi còn tồn tại một liên minh các quốc gia thì không thể có một phong trào dân tộc nào của Hy Lạp cả, nếu như không có một cuộc cách mạng đập tan được những lực lượng ấy và nếu như thành phần Hy Lạp không liên kết được với thành phần Ru-ma-ni - Xla-vơ, khiến cho một cuộc khởi nghĩa trở thành hợp pháp. Không ở đâu lại có tình trạng thiếu tổ chức và thiếu kế hoạch đến như vậy và, theo tôi nghĩ, đó là nguồn gốc của tai hoạ. Cũng do đó mà đôi khi trong hàng ngũ của chúng ta đã có những hiện tượng nản chí nặng nề. Một con người cá biệt, đơn độc, cô lập, hoàn toàn không có hay hầu như thiếu phương tiện thì có thể làm được gì để giải quyết một vấn đề liên quan đến toàn châu Âu? Chỉ có sự liên hiệp mới đủ sức hoàn thành được nhiệm vụ đó... Năm 1948, ở hàng chục địa điểm, chúng ta đã vùng lên khởi nghĩa vì tất cả những gì là vĩ đại và thiêng liêng. Tự do, đoàn kết, nhân dân, liên minh, Tổ quốc, châu Âu - tất cả đều thuộc về chúng ta. Sau đó chúng ta bị lừa dối, chúng ta sa vào những sự mê hoặc dè hèn và tội lỗi nào đó, chúng ta đã để cho những phong trào đó mang tính chất địa phương... Chúng ta, những người đã lật đổ được Lu-i - Phi-líp, lặp lại câu nói báng bổ, tóm tắt tính chất vương triều của y: "Chacun pour soi, chacun chez soi"^{1*}. Vì thế chúng ta đã thất bại. Phải chăng kinh nghiệm cay đắng ấy đã không cho ta một bài học nào? Phải chăng, cho

1* - "mỗi người hãy lo cho mình, đèn nhà ai, nhà ấy rạng".

đến nay chúng ta vẫn chưa hiểu được, rằng đoàn kết và chỉ có đoàn kết mới có sức mạnh?

Con người ta cốt ở tư tưởng và hành động. Tư tưởng mà không thể hiện thành hành động thì chỉ là cái bóng của con người, còn hành động mà không được soi sáng và hướng dẫn bởi tư tưởng thì chỉ là một thây ma được kích thích của con người - một cái xác không hồn. Thượng đế là Thượng đế, bởi vì Người là sự đồng nhất tuyệt đối với tư tưởng và hành động. Con người thực sự là con người chỉ với điều kiện không ngừng bằng mọi cách hướng tới lý tưởng đó. Chúng ta không thể chiến thắng, nếu chúng ta đi tới chỗ tách rời một cách phi đạo đức và vô nghĩa lý giữa lý thuyết với thực hành, giữa nghĩa vụ tập thể và nghĩa vụ cá nhân, giữa nhà văn và người bày mưu hoặc chiến sĩ và giữa việc phân chia đảng ta ra thành những nhà tư tưởng và nhà thực tiễn, thành người lo nghĩ và người làm việc. Tất cả chúng ta đều tuyên truyền rằng đoàn kết là khẩu hiệu của thời đại mà chúng ta là những người báo trước, nhưng, thực tế, trong chúng ta đã có nhiều người đoàn kết với anh em mình để cùng hành động hay chưa? Tất cả chúng ta đều nói *khoan dung, tình yêu, tự do*, nhưng trong khi đó thì chúng ta xa rời đồng chí mình, nếu quan điểm của họ về một vấn đề nhất định nào đó không giống quan điểm của chúng ta. Chúng ta nhiệt liệt hoan hô những người ngã xuống để dọn đường cho ta hành động, nhưng chúng ta không bước theo họ. Chúng ta cho rằng những mưu toan tiến hành ở quy mô nhỏ bé là nông nổi, song chúng ta không làm gì để thực hiện chúng với mức độ mạnh mẽ, to lớn hơn. Tất cả chúng ta đều đau buồn vì đảng ta thiếu phương tiện vật chất, nhưng có nhiều người trong chúng ta làm tăng thêm quỹ chung bằng cách thường xuyên đóng góp phần nhỏ mọn của mình hay không? Chúng ta giải thích là do kẻ thù có một tổ chức vững mạnh nên chúng ta chưa thành công, nhưng liệu có bao nhiêu người trong chúng ta đã cố gắng làm cho đảng ta trở nên lớn mạnh bằng một tổ chức chung thống nhất đóng vai trò quyết định hiện nay và khả dĩ đem lại kết quả trong tương lai? Phải chăng không thể nào đưa đảng ta thoát khỏi tình trạng thiếu tổ chức thảm hại hiện nay... Tất cả chúng ta đều cho rằng, tư tưởng là thiêng liêng, rằng việc bội lụy tư tưởng đó phải là tự do và không bị trừng phạt; rằng tổ chức xã hội là tồi, nếu do sự bất bình đẳng quá mức về vật chất, nó buộc công nhân phải giữ vai trò phụ thuộc vào máy móc, làm cho công nhân mất đi cuộc sống tinh thần. Chúng ta cho rằng cuộc sống cá nhân của một con người là thiêng liêng. Chúng ta nghĩ rằng một liên hiệp nhiều người cũng thiêng liêng như thế; nó là khẩu hiệu biểu thị sứ mạng đặc biệt của thời đại ta. Chúng ta cho rằng nhà nước không nên du nhập một sự liên hiệp như vậy bằng con đường cưỡng bức mà phải khuyến khích nó. Chúng ta vui sướng chờ đợi cái lúc mà với sự liên hiệp phổ biến của các nhà sản xuất, tiền lương sẽ được thay thế bằng việc tham gia chia lợi nhuận. Chúng ta tin rằng, lao động là thiêng liêng và cho rằng bất cứ xã hội nào, trong đó con người mong muốn sống bằng lao động của mình mà không thể thực hiện được điều đó, đều là một xã hội tội lỗi. Chúng ta tin tưởng vào dân tộc, chúng ta tin tưởng vào loài người... Chúng ta hiểu nhân loại là một liên hiệp

các dân tộc tự do và bình đẳng trên hai cơ sở: độc lập trong việc phát triển bên trong và hữu nghị trong việc xây dựng nề nếp sinh hoạt quốc tế và sự tiến bộ chung của mọi dân tộc. Chúng ta cho rằng để cho các dân tộc và nhân loại, như chúng tôi quan niệm, có thể tồn tại, phải làm lại bản đồ châu Âu; chúng ta cho rằng cần phải có một sự phân chia lại lãnh thổ, thay thế cho việc phân chia tùy tiện theo Hiệp ước Viên, dựa trên sự giống nhau về ngôn ngữ, truyền thống, tôn giáo và xuất phát từ những điều kiện địa lý và những đặc điểm chính trị của mỗi nước. Các vị có cho rằng những quan niệm chung đó là đủ cho một tổ chức có tính chất anh em hay không? Tôi không kêu gọi các vị phụ thuộc vào một học thuyết duy nhất, một quan điểm độc nhất nào cả. Tôi chỉ nói: hãy cùng nhau đấu tranh chống sự phủ nhận bất kỳ học thuyết nào; hãy cùng nhau giành lấy một thắng lợi ma-ra-tông thứ hai đối với nguyên tắc sức ỳ phương Đông, nguyên tắc này ngày nay đang có nguy cơ lại lan tràn sang châu Âu. Tất cả mọi người cùng có những quan niệm vừa kể trên với tôi, dù họ thuộc phái cộng hoà nào, cũng phải cùng thành lập một thứ đảng hành động châu Âu, trong đó, nước Pháp, I-ta-li-a, Đức, Thụy Sĩ, Ba Lan, Hy Lạp, Hung-ga-ri, Ru-ma-ni và những dân tộc bị áp bức khác phải là những chi nhánh riêng; mỗi một chi nhánh dân tộc phải tồn tại độc lập và có quỹ riêng của mình; ban chấp hành trung ương quản lý quỹ trung ương phải được thành lập từ các đại biểu của những chi nhánh dân tộc v.v..

Khi đã giành được sự thống nhất trong đảng, vấn đề châu Âu sẽ được thay thế bằng vấn đề bắt đầu từ đâu. Trong cách mạng cũng như trong chiến tranh, thắng lợi tùy thuộc vào việc tập trung nhanh chóng những lực lượng có thể được ở mức tối đa vào một địa điểm nào đó. Nếu đảng phấn đấu cho một cuộc cách mạng thắng lợi, thì nó phải chọn trên bản đồ châu Âu một địa điểm mà tại đó sáng kiến được khởi xướng dễ dàng nhất và có lợi nhất và ném vào đó tất cả những lực lượng mà những chi nhánh riêng biệt có thể có được. La Mã hay Pa-ri là hai điểm chiến lược, mà tại đó phải bắt đầu hành động chung. Nước Pháp nhờ sự thống nhất mạnh mẽ, những hồi ức về cuộc cách mạng vĩ đại của nó và về những đội quân của Na-pô-lê-ông, nhờ ảnh hưởng của mỗi phong trào ở Pa-ri đối với tinh thần của châu Âu, nên đến giờ vẫn là một nước mà nói đúng ra là sáng kiến của nó làm lay động các dân tộc bị áp bức khác, mặc dù bất kỳ một hành động cách mạng chân chính nào của nó cũng không tránh khỏi làm cho tất cả các lực lượng của các quốc gia châu Âu thống nhất lại để chống lại nó. Không kể ngoại lệ duy nhất đó, thì chỉ có I-ta-li-a ngày nay là một nước rõ ràng hội đủ được những tính chất cần thiết cho một sáng kiến. Không cần phải nói đến sự cộng đồng quan điểm thúc đẩy nó tiến lên phía trước. Trong suốt mười năm trời ở I-ta-li-a đã có một loạt những cuộc nổi dậy tuyệt diệu, hoàn toàn khác thường đối với châu Âu. Sự nghiệp của dân tộc I-ta-li-a - đó là sự nghiệp của tất cả các dân tộc bị Hiệp ước Viên áp chế hoặc chia cắt. Cuộc khởi nghĩa ở I-ta-li-a giáng một đòn vào nước Áo, và ngay lập tức tạo điều kiện hành động cho các phần tử Xla-vơ, Ru-ma-ni, là những phần tử nằm trong lòng để chế đang tìm cách vất bỏ cái ách của đế chế. Các đạo quân của I-ta-li-a đóng phân tán trong tất cả những vùng của

để chế, nơi đang có sự bất mãn cao nhất, ắt sẽ ủng hộ phong trào của những vùng đó. Hai mươi ngàn người Hung-ga-ri - lính của quân đội Áo trên đất I-ta-li-a sẽ có thể nổi dậy dưới lá cờ khởi nghĩa của chúng ta. Vì vậy, phong trào ở I-ta-li-a sẽ không mang tính chất địa phương. Vị trí địa lý và 25 triệu dân nước I-ta-li-a sẽ bảo đảm cho phong trào khởi nghĩa một khoảng thời gian đủ để các dân tộc khác kịp lợi dụng cơ hội đó. Nước Áo và nước Pháp, nước Pháp và nước Anh không có sự thống nhất về lợi ích ở I-ta-li-a, khiến có thể dẫn đến sự thống nhất chính sách của họ. Khởi nghĩa ở I-ta-li-a - vì nó không thể không lật đổ quyền lực của giáo hoàng - cho phép đất nước đó giải quyết vấn đề tự do tín ngưỡng ở châu Âu - điều đó sẽ tranh thủ được sự đồng tình của tất cả những người yêu quý tự do".

*Những nhận xét có tính chất phê phán
về bản Tuyên ngôn của Mát-di-ni do
C.Mác viết ngày 21 tháng Chín 1858
Đã đăng trên báo "New - York Daily
Tribune" số 5453, ngày 13 tháng Mười
1858*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

C.MÁC**HIỆP ƯỚC GIỮA TRUNG QUỐC VÀ ANH**

Luân Đôn, ngày 28 tháng Chín 1858

Cuối cùng, Chính phủ Anh đã công bố bản tóm tắt chính thức của Hiệp ước Anh - Trung Quốc³⁹². Về đại thể, bản tóm tắt hiệp ước đó không cung cấp thêm được bao nhiêu ngoài những tin tức mà công chúng đã biết trước đây theo những con đường khác nhau. Đối với nước Anh, về thực chất, chỉ điều khoản đầu và cuối của hiệp ước là đáng chú ý mà thôi. Bởi vì điều khoản đầu "hiệp ước bổ sung và quy chế chung của thương mại" được quy định sau khi ký Hiệp ước Nam Kinh, đã "bị bãi bỏ". Hiệp định bổ sung đó đã dự kiến rằng ở Hồng Công và ở năm hải cảng của Trung Quốc được mở cho Anh vào buôn bán, các lãnh sự Anh phải cùng hợp tác với nhà cầm quyền Trung Quốc khi có những tàu Anh chở nha phiến xuất hiện trong những vùng thuộc quyền tài phán của lãnh sự. Như vậy, về mặt hình thức, bọn con buôn Anh bị cấm chở thứ hàng lậu đó và, Chính phủ Anh trong một phạm vi nhất định, đã tự nhận lấy vai trò của một nhân viên thuế quan của Thiên Triều. Cuộc chiến tranh nha phiến lần thứ hai đã kết thúc bằng việc bãi bỏ lệnh cấm buôn thuốc phiện, mà cuộc chiến tranh nha phiến lần thứ nhất đặt ra một cách hình thức. Đó là một kết quả hoàn toàn lô-gích đối với chúng ta và là một thành tựu lý tưởng đối với những giới thương mại Anh là những người

đã nhiệt liệt hoan hô tán thưởng những đêm hoa đăng ở Quảng Châu của Pan-móc-xơn. Song chúng ta sẽ lầm to, nếu cho rằng việc nước Anh chính thức từ chối chống buôn thuốc phiện giả vờ sẽ không dẫn đến những hậu quả hoàn toàn ngược với điều mà người ta chờ đợi ở sự từ chối ấy. Khi mời Chính phủ Anh tham gia xoá bỏ việc buôn thuốc phiện, Chính phủ Trung Quốc đã thú nhận là bất lực không thể nào đạt được điều đó. Hiệp ước Nam Kinh bổ sung là mưu toan cuối cùng, và có lẽ là tuyệt vọng để loại trừ nạn nhập thuốc phiện có sự giúp đỡ của nước ngoài. Mưu toan ấy đã thất bại - và ngày nay người ta công khai nói về sự thất bại này - và Chính phủ Anh đã hợp pháp hoá việc buôn thuốc phiện. Vì vậy vị tất đã có thể ngờ rằng Chính phủ Trung Quốc sẽ thủ áp dụng một phương pháp xuất phát từ những lý do cả về chính trị lẫn về kinh tế, cụ thể là cho phép trồng cây thuốc phiện ở Trung Quốc và đánh thuế nhập khẩu thuốc phiện của nước ngoài. Dù Chính phủ Trung Quốc hiện nay đã có dự kiến gì đi nữa thì chính hoàn cảnh mà Hiệp ước Thiên Tân đẩy nó vào cũng chỉ ra cho nó con đường ấy.

Ngay khi biện pháp đó được thi hành, bọn độc quyền thuốc phiện Ấn Độ và cùng với nó là ngân khố Ấn Độ đã bị giáng một đòn chí tử, còn việc buôn bán thuốc phiện của Anh thì giảm xuống ngang mức một ngành thương nghiệp bình thường và rất nhanh chóng bị lỗ vốn. Cho đến nay đó vẫn là một trò chơi mà trong đó Giôn Bun đã sử dụng con xúc xắc giả. Vì vậy những tính toán của ông ta hoàn toàn bị phá sản, chắc chắn đó là kết quả rõ ràng nhất của cuộc Chiến tranh nha phiến lần thứ hai.

Chính phủ Anh đã tuyên bố "một cuộc chiến tranh chính nghĩa" với nước Nga, nhưng khi ký kết hoà ước với nước này, Chính phủ Anh hào hiệp đã không đòi hỏi khoản bồi thường chiến tranh nào cả. Nhưng trong khi luôn luôn tuyên bố sống hoà bình với chính nước Trung Quốc thì nước Anh lại bắt Trung Quốc phải bồi thường theo đúng quy tắc đã định những tổn phí, mà theo ý kiến của chính các bộ trưởng Anh hiện nay, là do những hành động

ăn cướp của Anh gây ra. Vô luận thế nào thì những tin tức đầu tiên về việc dân chúng của Thiên Triều phải trả 15 hay 20 triệu pao xtéc-linh cũng đã tác động làm yên lòng đến ngay cả lương tâm những con người Anh khó tính nhất, còn tờ "Economist", cũng như các tác giả của những bài báo tài chính nói chung, thì ra sức vui vẻ tính toán về ảnh hưởng tốt đẹp của những nén bạc Trung Quốc tới cán cân thương mại Anh và tới tình trạng dự trữ kim ngân của Ngân hàng Anh. Nhưng than ôi! Những ấn tượng đầu tiên mà giới báo chí Pan-móc-xơn lao tâm khổ tứ tạo dựng nên đã tỏ ra quá yếu ớt, nên không chịu nổi đòn phản ứng của những tin tức về thực trạng tình hình.

"Một điều khoản đặc biệt dự kiến một số tiền hai triệu ta-en^{1*}" phải trả để "đền bù sự thiệt hại của các công dân Anh do hành vi có ác ý của giới cầm quyền Trung Quốc ở Quảng Châu gây nên, và thêm vào đó, một số tiền hai triệu để bồi thường chiến tranh".

Như vậy, cả hai số tiền trên cộng lại chỉ là 1 334 000 p.xt. trong khi đó thì năm 1842 hoàng đế Trung Quốc phải trả 4 200 000 p.xt., trong số này 1 200 000 p.xt. để bồi thường cho số thuốc phiện lậu bị nhà nước Trung Quốc tịch thu, còn 3 000 000 p.xt. thì để bồi thường chiến phí. Từ 4 200 000 p.xt. cộng thêm Hồng Công hạ xuống 1 334 000 p.xt., rốt cuộc điều đó há chẳng phải là một thoả ước tuyệt diệu sao; song chúng ta chưa nói đến điều tồi tệ nhất. Vì, như hoàng đế Trung Quốc nói, các ngài không tiến hành chiến tranh với Trung Quốc, mà chỉ tiến hành "chiến tranh địa phương" với một tỉnh Quảng Châu mà thôi, thì tự các ngài hãy tìm cách bóp nặn từ tỉnh Quảng Đông khoản tiền bù thiệt hại mà các chiến hạm đáng yêu của các ngài đã buộc tôi phải giành cho các ngài. Và trong khi đó tướng quân Xơ-rô-ben-di quang vinh của các ngài có thể chiếm giữ Quảng Châu làm vật bảo đảm - và vẫn như trước kia, lấy vũ khí Anh làm trò du hí, thậm chí trước con mắt các chiến binh Trung Quốc. Những cảm giác đau khổ của Giôn Bun đây nhiệt huyết về những điều kiện nặng nề phải gánh chịu để

1* đơn vị tiền tệ Trung Quốc

có được món chiến lợi phẩm nhỏ nhất 1 334 000 p.xt. đã biến thành những lời nức nở.

"Đáng lẽ", - một tờ báo Luân Đôn viết, - "để có thể đưa 53 chiếc tàu chiến của chúng ta ra khỏi Trung Quốc và có thể thấy sự trở về thắng lợi cùng với hàng triệu nén bạc, chúng ta lại thấy có sự cần thiết để chịu phải gửi tới đó một đội quân là 5000 người để nó lại chiếm và giữ Quảng Châu và giúp cho hạm đội tiến hành cuộc chiến tranh địa phương mà người phụ tá của lãnh sự chúng ta đã tuyên bố. Nhưng cuộc chiến tranh địa phương này có thể mang theo những hậu quả khác, ngoài việc đưa thương nghiệp của chúng ta từ Quảng Châu tới những cửa biển Trung Quốc khác hay không? Tiếp tục chiến tranh địa phương liệu có dẫn đến chỗ phần lớn thương mại chệch rơi vào tay nước Nga không? Và liệu việc cung cấp chè cho lục địa châu Âu và cho ngay cả nước Anh có phụ thuộc vào Nga và Hợp chúng quốc không?"

Việc Giôn Bun lo sợ "cuộc chiến tranh địa phương" sẽ ảnh hưởng đến ngành mua bán chè không phải là không có đôi chút căn cứ. Qua "biểu giá thương nghiệp" của Mác-Grê-go³⁹³ chúng ta thấy rõ là, trong năm cuối cùng của cuộc chiến tranh đầu tiên ở Trung Quốc, nước Nga đã nhận được 120 000 hòm chè qua Ki-ắc-ta. Một năm sau khi ký hoà ước với Trung Quốc, nhu cầu về chè của Nga giảm 75%, chỉ còn 30 000 hòm. Vô luận thế nào, những khoản chi phí mà do việc chiếm giữ Quảng Đông người Anh còn phải gánh chịu nhất định sẽ làm tăng cán cân thanh toán bất lợi lên đến mức mà cuộc chiến tranh Trung Quốc lần thứ hai chưa chắc đã bù lại được, và điều đó - như nhận xét xác đáng của ngài Ê-méc-xơn - theo ý kiến người Anh là một tổn thất nặng nề nhất đối với mọi doanh nghiệp.

Thành quả to lớn khác của cuộc tấn công của nước Anh được ghi nhận trong điều 51. Theo điều khoản này "trong bất kỳ một văn bản chính thức nào của nhà cầm quyền Trung Quốc, thuật ngữ "kẻ dã man" không được dùng để chỉ Chính phủ Anh, cũng như công dân Anh". Dưới con mắt các nhà cầm quyền Trung Quốc, Giôn Bun, người tự phong là "Thiên Triều" là một người khiêm tốn biết nhường nào! Ông ta không đòi hỏi phải gọi mình là Chúa

hay Thần mà chỉ thoả mãn với việc loại bỏ những chữ Hán có nghĩa là "dã man" ra khỏi các văn bản chính thức!

Những điều khoản của hiệp ước có liên quan trực tiếp đến thương nghiệp không mang lại cho nước Anh những món lợi nào mà địch thủ của Anh lại sẽ không lợi dụng, và trong những điều kiện hiện nay thì sẽ chỉ là những lời hứa mập mờ, phần lớn không bằng giá trị tờ giấy dầu ghi những khoản đó. Khoản 10 ghi:

"Các tàu buôn Anh được phép buôn bán dọc theo con sông lớn (Dương Tử), nhưng trong tình hình bất ổn hiện nay ở thượng và hạ lưu, không một cảng nào có thể mở cửa cho việc buôn bán, trừ cảng Chen-xi-an, cửa sông này phải được mở sau khi ký hiệp ước được một năm. Khi hoà bình đã được lập lại, tàu bè Anh chỉ có thể buôn bán tại các cảng không quá Hán Khẩu và số lượng không quá ba cảng, đó là những cảng mà sứ giả Anh được sự thoả thuận của quốc vụ khanh Trung Quốc sẽ xác định cho mục đích ấy".

Do điều khoản này, trên thực tế người Anh không được vươn tới luồng buôn bán lớn của toàn Trung Quốc, tới "một tuyến duy nhất" - đúng như nhận xét của báo "Morning Star"³⁹⁴, "mà theo tuyến đó, họ có thể đưa những hàng công nghiệp của mình vào sâu trong đất nước". Nếu họ là những chú bé ngoan và có thể giúp chính phủ để chế đuổi được nghĩa quân khỏi những vùng đang bị chiếm thì có lẽ là, họ sẽ đi được trên con sông lớn, nhưng chỉ có quyền ghé vào một vài hải cảng. Còn về những cửa biển mới mở để buôn bán, thì nếu như lúc đầu là "tất cả" các cửa thì bây giờ chỉ còn năm cửa, thêm năm cửa do Hiệp ước Nam Kinh quy định; đó là những cửa biển mà, theo một tờ báo ở Luân Đôn thì, "thường là những cửa xa xôi hoặc nằm ở các đảo". Và đã đến lúc phải chấm dứt những quan điểm sai lầm rằng: hình như thương nghiệp phát triển tỷ lệ với số cảng mở ra để buôn bán. Hãy nhìn những hải cảng trên bờ biển của Đại Anh quốc, Pháp hay Hợp chúng quốc, phải chăng nhiều cảng trong số đó đã phát triển thành trung tâm thương mại thực thụ? Trước chiến tranh Trung Quốc lần thứ nhất, người Anh chỉ buôn bán dọc ở Quảng Châu.

Nhường thêm năm của biển mới đã không tạo thêm năm trung tâm thương nghiệp mới mà dần dần lại dẫn tới việc đưa thương nghiệp từ Quảng Châu đến Thượng Hải, như chúng ta thấy ở các số liệu dưới đây lấy trong cuốn Sách xanh của Quốc hội về thương mại ở các địa điểm khác nhau trong những năm 1856 - 1857. Đồng thời, cần nhớ là việc nhập khẩu ở Quảng Châu, bao gồm cả những hàng hoá cho Hạ môn và Phúc Châu, khiến Quảng Châu thêm nặng gánh.

Năm	Nhập khẩu của Anh (đô-la)		Xuất khẩu sang Anh (đô-la)	
	Ở Q.Châu	Ở T.Hải	Từ Q. Châu	Từ T.Hải
1844	15 500 000	2 500 000	17 900 000	2 300 000
1845	10 700 000	5 100 000	27 700 000	6 000 000
1846	9 900 000	3 800 000	15 300 000	6 400 000
1847	9 600 000	4 300 000	15 700 000	6 700 000
1848	6 500 000	2 500 000	8 600 000	5 000 000
1849	7 900 000	4 400 000	11 400 000	6 500 000
1850	6 800 000	3 900 000	9 900 000	8 000 000
1851	10 000 000	4 500 000	13 200 000	11 500 000
1852	9 900 000	4 600 000	6 500 000	11 400 000
1853	4 000 000	3 900 000	6 500 000	13 300 000
1854	3 300 000	1 100 000	6 000 000	11 700 000
1855	3 600 000	3 400 000	2 900 000	19 900 000
1856	9 100 000	6 100 000	8 200 000	25 800 000

Tờ "Daily Telegraph"³⁹⁵ là tờ báo theo đuôi đáng khinh nhất của Pan-móc-xton đã kết luận rằng: "những điều khoản của hiệp ước liên quan đến thương nghiệp là không thoả mãn". Nhưng chính cũng tờ báo này đã cười nhạo "tiết mục tuyệt diệu nhất của chương trình", mà cụ thể là "ở Bắc Kinh phải có một sứ giả Anh, còn một ông quan nào đó thì lại ngụ ở Luân Đôn và, có thể là, sẽ mời nữ hoàng đến vũ hội nào đó ở An-béc-tơ-gây-tơ". Song dù cho Giôn Bun có đùa dai với cái trò đó như thế nào đi nữa thì cũng không thể nghi ngờ rằng, nếu như có một ai đó đã có một ảnh hưởng chính trị ở Bắc Kinh, thì đó là nước Nga, nước mà nhờ

có hiệp ước mới đây nên đã có được một lãnh thổ mới rộng bằng nước Pháp, với một biên giới mà phần lớn chỉ cách xa Bắc Kinh có 800 dặm. Dĩ nhiên, Giôn Bun không vui khi nghĩ rằng, với cuộc Chiến tranh nha phiến lần thứ nhất, bản thân ông ta đã đảm bảo cho nước Nga một hiệp ước cho phép Nga đi lại trên sông A-mua và buôn bán tự do ở vùng biên giới, còn với cuộc Chiến tranh nha phiến lần thứ hai, ông ta đã giúp cho nước Nga kiếm được một diện tích đất đai quý giá nhất từ vịnh Ta-ta-rơ đến hồ Bai-can - một lãnh thổ mà nước Nga đã kiên trì giành lấy cho bằng được, từ thời Nga hoàng A-lếch-xây Mi-khai-lô-vích đến Ni-cô-lai đều luôn luôn có âm mưu xâm chiếm. Tờ báo "Times" ở Luân Đôn bức tức đến nỗi, khi công bố những tin tức từ Xanh-Pê-téc-bua, trong đó thổi phồng quá mức những món lợi mà Đại Anh quốc thu được, đã cố ý bỏ quên phần trong điện tín nói về việc nước Nga giành được vùng thung lũng A-mua theo hiệp ước.

*Do C.Mác viết ngày 28 tháng Chín 1858
Đã đăng trên báo "New - York Daily
Tribune" số 5455, ngày 15 tháng Mười
1858*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

VẤN ĐỀ XOÁ BỎ CHẾ ĐỘ NÔNG NÔ Ở NGÀ

Có lẽ là, hiện nay vấn đề chế độ nông nô ở Nga có một bước ngoặt quan trọng; bằng chứng rõ rệt nhất là Nga hoàng A-lếch-xan-đơ II buộc phải thi hành một biện pháp khác thường, cụ thể là triệu tập ở Xanh-Pê-téc-bua một đoàn đại diện chung của quý tộc để thảo luận vấn đề xoá bỏ chế độ nông nô. Hoạt động của Tổng ban về vấn đề nông dân³⁹⁶ đã kết thúc mà không đạt được kết quả gì và chỉ làm cho các thành viên tổng ban bất đồng ý kiến sâu sắc mà thôi. Sự bất đồng ấy biểu hiện ở chỗ chủ tịch của tổng ban đó là đại công tước Côn-xtan-tin đã đứng về phía phái nước Nga cũ chống lại Nga hoàng. Về phía mình, đại đa số các uỷ ban quý tộc hàng quận hình như đã lợi dụng cái khả năng ấy để công khai thảo luận những biện pháp chuẩn bị cho công cuộc giải phóng nông dân với mục đích duy nhất là phá hoại biện pháp đó. Dĩ nhiên, trong tầng lớp quý tộc Nga có phái ủng hộ việc xoá bỏ chế độ nông nô, nhưng phái đó không những chỉ chiếm thiểu số, mà còn không thống nhất ý kiến kể cả về những vấn đề quan trọng nhất. Người ta làm ra vẻ chống ách nô lệ, nhưng lại chỉ cho chấp nhận công cuộc giải phóng với điều kiện là cuộc giải phóng ấy quy lại chỉ là một sự lừa bịp đơn thuần. Rõ ràng một lập trường như vậy là một cái "mốt" ngay cả trong lớp quý tộc có tư tưởng tự do ở Nga. Thực ra thì việc công khai

chống lại sự giải phóng nông dân như vậy hay sự ủng hộ nửa vời là điều hoàn toàn tự nhiên đối với người chủ nô. Giảm bớt thu nhập, hạ thấp giá trị sở hữu ruộng đất của họ và những hạn chế quan trọng về quyền lực chính trị mà họ đã quen sử dụng với tư cách là những kẻ chuyên chế nhỏ xoay quanh một kẻ đại chuyên chế, tất cả những cái đó là kết quả trực tiếp mà họ đã thấy trước, nhưng chưa chắc họ đã hết sức tự nguyện tiếp nhận. Ngay từ bây giờ ở một số quận huyện đã không thể vay nợ bằng cách lấy sở hữu ruộng đất làm đảm bảo, vì không ai có thể tin được rằng, trong một tương lai gần đây, trang ấp sẽ còn có giá trị. Phần lớn sở hữu ruộng đất ở Nga lại được cầm cố cho chính nhà nước, và những người có sở hữu ấy tự hỏi: làm thế nào để hoàn thành nghĩa vụ của mình đối với nhà nước? Nhiều trang trại của địa chủ lại phải gánh chông chất những món nợ riêng. Nhiều địa chủ sống bằng khoản tô do các nông nô là thương nhân, người buôn thúng bán mẹt, người làm nghề thủ công, người làm thợ sống ở thành thị cống nạp cho họ. Dĩ nhiên là những khoản thu đó cũng sẽ biến mất với việc huỷ bỏ chế độ nông nô. Cũng có những quý tộc nhỏ có một số rất ít nông nô và ít ruộng đất hơn. Nếu mỗi một nông nô chiếm một mảnh đất như trong trường hợp họ được giải phóng thì chủ của họ sẽ trở thành những kẻ nghèo khổ. Đối với những người sở hữu ruộng đất lớn thì, xét theo quan điểm của họ, giải phóng nông dân hầu như có nghĩa là tước bỏ các quyền của họ. Nếu như nông nô sẽ được giải phóng, thì những địa chủ ấy còn lại cái lá chắn thực sự nào để tự bảo vệ chống lại sự chuyên quyền của hoàng đế? Ngoài ra, thuế má mà nước Nga đang rất cần đến, thứ thuế phụ thuộc vào giá trị thực của ruộng đất, sẽ ra sao? Sau nữa, những nông nô của nhà nước sẽ ra sao? Tất cả những câu hỏi đó được đặt ra để thảo luận và hình thành những vị trí kiên cố mà đằng sau đó là phe những kẻ bảo vệ chế độ nông nô. Lịch sử đó cũng cũ rích như lịch sử các dân tộc. Thực vậy, không thể giải phóng giai cấp bị áp bức mà không làm thiệt hại tới giai cấp sống nhờ vào sự áp bức giai cấp đó và không đồng thời làm tan rã toàn bộ cái thượng tầng kiến trúc nhà nước dựa trên một cơ sở xã hội khốn khổ như vậy. Khi đã tới lúc thay đổi thì đầu tiên có một tâm trạng phấn khởi

lớn lao: mọi người vui sướng chúc mừng nhau về tấm lòng tốt đối với nhau, người ta tuôn ra những lời lẽ trịnh trọng về tình yêu phổ biến đối với cái tiến bộ và v.v.. Nhưng đến khi phải thay lời nói bằng hành động thì một số người sợ hãi rút lại trước tình thần mà họ đã khơi lên, còn đa số thì biểu thị quyết tâm đấu tranh cho những lợi ích thực tế hay tưởng tượng của mình. Các chính phủ chính thống ở châu Âu chỉ có thể xoá bỏ được chế độ nông nô dưới áp lực của cách mạng hoặc do kết quả của chiến tranh. Chính phủ Phổ chỉ dám nghĩ đến việc giải phóng nông dân khi nó bị cái ách sắt của Na-pô-lê-ông đè lên cổ; thậm chí lúc bấy giờ nó đã giải quyết vấn đề này theo một cách mà đến nỗi sau này, vào năm 1848, người ta phải giải quyết lại một lần nữa và mặc dầu dưới một hình thức đã thay đổi, vấn đề này lại vẫn phải chờ đến cuộc cách mạng tương lai mới được giải quyết triệt để. Ở Áo vấn đề đó được giải quyết không phải do chính phủ hợp pháp, cũng không phải do thiện chí của các giai cấp cầm quyền, mà do cuộc khởi nghĩa ở Hung-ga-ri năm 1848. Ở Nga không phải vì những động cơ nhân đạo nào đó, mà xuất phát từ những lý do thuần túy có tính chất nhà nước mà A-lếch-xan-đơ I và Ni-cô-lai đã tìm cách thay đổi tình cảnh của quần chúng nhân dân bằng con đường hoà bình³⁹⁷. Nhưng cả hai đều thất bại. Cần phải nói thêm rằng, thực tế là sau cuộc Cách mạng 1848 - 1849 Ni-cô-lai đã từ bỏ những dự án cũ của mình về giải phóng nông nô và trở thành một kẻ nhiệt tâm đứng về phe bảo thủ. Còn A-lếch-xan-đơ II thì vị tất ông đã có sự lựa chọn: có nên đánh thức các lực lượng tự phát đang ngủ yên hay không. Cuộc chiến tranh mà ông ta thừa kế của vua cha đã đòi hỏi những hy sinh to lớn của quần chúng nhân dân Nga, những hy sinh mà quy mô của nó có thể đánh giá căn cứ vào một sự kiện giản đơn là, trong khoảng thời gian từ năm 1853 đến năm 1856, tổng số bạc giấy không có bảo đảm đang được lưu thông tăng từ 333 triệu lên tới gần 7 triệu rúp, hơn nữa, số lượng bạc giấy tăng thêm thực tế chỉ là số thuế mà chính phủ đã thu trước. Khi A-lếch-xan-đơ II hứa giải phóng nông dân để làm cho họ phấn khởi, thì ông cũng chỉ noi gương A-lếch-xan-đơ I trong thời gian chiến tranh chống Na-pô-lê-ông mà thôi. Thêm vào đó, cuộc chiến tranh vừa qua đã thất bại nhục

nhã, ít ra là theo cách nhìn của nông nô, những người mà người ta không trông đợi có sự am hiểu về bí mật ngoại giao. Phải bắt đầu sự trị vì của mình với một thất bại rõ ràng và nỗi nhục nhã, giờ lại công khai phản bội lời hứa với nông dân trong thời gian chiến tranh, - dám làm như vậy là quá nguy hiểm cả đối với Nga hoàng.

Điều đáng ngờ là liệu bản thân Ni-cô-lai, dù cho chiến tranh ở phương Đông có xảy ra hay không - có khả năng tạm gác vấn đề đó lại lâu hơn hay không. Vô luận thế nào, đối với A-lếch-xan-đơ II thì không thể được. Nhưng ông đã tính - và không phải hoàn toàn không có căn cứ - rằng giới quý tộc nói chung đã quen vâng lời sẽ không thoái thác trước mệnh lệnh của ông, và, thậm chí nếu cho phép họ - thông qua các uỷ ban quý tộc - đóng một vai trò nào đó trong màn kịch vĩ đại ấy thì họ cũng lấy làm vinh dự. Song sự tính toán đó đã sai lầm. Mặt khác, nông dân vốn quá tin vào điều mà Nga hoàng định làm đối với họ, đã không thể kiên nhẫn được nữa khi thấy ông chủ của họ hành động lẽ mề. Những vụ đốt nhà bắt đầu trong các quận huyện lẻ tẻ là một dấu hiệu đáng sợ, mà ý nghĩa thì đã rõ ràng. Về sau người ta biết rằng ở nước Đại Nga và ở các khu vực trước kia thuộc Ba Lan đã có những cuộc nổi dậy, mà kèm theo là những cảnh khủng khiếp, tình hình đó buộc bọn địa chủ phải chạy từ nông thôn ra thành thị, nơi mà nhờ có bức thành và các đội đồn binh che chở, họ có thể không sợ những nô lệ của mình nổi loạn. Trong hoàn cảnh như vậy, Ni-cô-lai thấy cần phải triệu tập một hội nghị đại loại như đại hội các đại quý tộc. Nếu hội nghị đó là một bước ngoặt trong lịch sử nước Nga thì sao? Nếu giới quý tộc bỗng nghĩ đến việc kiên trì sự giải phóng chính trị của chính mình như một điều kiện tiên quyết của bất kỳ sự nhượng bộ nào đối với Nga hoàng trong công cuộc giải phóng nông nô của họ, thì sao?

*Do C.Mác viết ngày 1 tháng Mười 1858
Đã đăng làm xã luận trên báo "New -
York Daily Tribune" số 5458, ngày 19
tháng Mười 1858*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

SỰ ĐIÊN LOẠN CỦA VUA PHỔ

Béc-lin, ngày 2 tháng Mười 1858

Trong một câu chuyện của mình, nhà văn Đức Hau-phơ đã kể lại, vào một buổi sáng đẹp trời nào đó, một thành phố nhỏ mà sống ở đó là một con người chuyên ngồi lê mách lẻo và thích chuyện tai tiếng, đã thoát ra khỏi trạng thái tự mãn thông thường như thế nào, khi họ phát hiện ra rằng con người hào hoa số một - con người hùng xa-lông ở phố đó hoá ra chỉ là chú khỉ hoá trang mà thôi^{1*}. Bây giờ nhân dân Phổ, hay một bộ phận nhân dân Phổ hình như đang có cảm tưởng nặng nề còn khó chịu hơn khi phát hiện ra rằng trong suốt hai mươi năm gần đây họ bị một kẻ mất trí lãnh đạo. Vô luận thế nào, trong tâm trí người dân cũng dăm ra nghi ngờ rằng người ta đã khéo léo dùng một thủ đoạn lừa dối quy mô lớn của triều đình để dắt mũi "những thần dân" trung thành của nước Phổ. Lẽ dĩ nhiên, hoàn toàn không phải do những hành động của vua Phổ trong thời gian chiến tranh với Nga mà nảy sinh ra nỗi hoài nghi đó như Giôn Bun và những biên tập viên khéo léo của ông ta nghĩ. Trái lại, việc Phri-đrich Vin-hem

IV tránh không tham gia vào cuộc đổ máu bỉ ổi đó được coi là một hành động chính trị sáng suốt nhất mà ông ta có thể tự hào.

Khi bỗng nhiên phát hiện ra rằng con người dù ở vị trí xã hội thế nào đi nữa, dù có khiêm tốn đến đâu chẳng nữa mà hoàn toàn không phải là con người như người ta vẫn tưởng thì, thông thường những người xung quanh y - những người tức giận và bị lừa dối - không tránh khỏi bắt đầu bối lại lịch sử đời y, lục lại tất cả quá khứ của y, nhớ lại tất cả mọi khuyết điểm của y, hình dung lại những hành vi lạ lùng và những việc làm kỳ cục của y trong quá khứ, và cuối cùng, họ tạm thoả mãn với kết luận là đáng ra họ phải đoán biết vấn đề này từ trước. Như vậy, bây giờ người ta đã nhớ lại và tôi có thể khẳng định điều đó vì chính tôi cũng nhớ lại - trong tháng Năm 1848, ngài Cam-pơ-hau-den, lúc bấy giờ là người đứng đầu nội các, bỗng nhiên triệu bác sĩ trưởng là I-a-cô-bi, bác sĩ trưởng của nhà thương điên Ranh ở Đích-buốc, về Béc-lin để giúp chữa bệnh cho vua Phổ, như người ta nói, đang bị viêm màng não. Theo tin đồn đại trong các nhóm nhỏ tay chân của nội các mới, thì hệ thống thần kinh của nhà vua bị chấn thương nặng trong những ngày tháng Ba và đặc biệt do ấn tượng về cảnh nhân dân buộc nhà vua phải đứng trước thi thể các công dân bị giết hại do sự hiểu lầm mà người ta cố ý gây ra và buộc nhà vua phải ngả mũ và xin lỗi những cái xác người đầm máu và còn ấm đó³⁹⁸. Không nghi ngờ gì cả, sau đó Phri-đrich Vin-hem đã bình phục. Nhưng điều ấy hoàn toàn chưa chứng tỏ rằng nhà vua, giống như Gioóc-giơ III, sẽ không bị tái phát định kỳ căn bệnh cũ, người ta càng bỏ qua một số hành động kỳ lạ ngẫu nhiên của hoàng đế, vì như người ta biết, nhà vua vẫn thường lao vào các cuộc lễ dâng rượu mà trước kia có lần làm cho các vị nữ tư tế của một vị thần nổi tiếng ở The-bo³⁹⁹ nổi trận lôi đình.

Tuy nhiên, tháng Mười 1855 có nhiều tin đồn lạ lùng về nhà vua khi Ngài thăm nước Phổ trong dịp đặt móng chiếc cầu mới ở Ranh, chiếc cầu đáng ra phải xây ở Khuên. Với bộ mặt nhăn

1* Hau-phơ. "Chuyện một ngời Anh trẻ tuổi"

nhỏ, đi đứng không vững, mang cái bụng phưỡn ra phía trước, với cái nhìn hốt hoảng không yên, nhà vua chỉ là cái bóng của mình mà thôi. Khi đọc diễn văn, nhà vua nói ấp úng, trúc trắc, không mạch lạc, hình như Ngài hoàn toàn lúng túng, còn hoàng hậu đứng bên vua thì hồi hộp, lo lắng theo dõi từng cử chỉ của chồng. Khác với thói quen cũ, nhà vua không tiếp ai cả, không nói chuyện cùng ai và không đi đâu, nếu không có hoàng hậu đi kèm không rời nửa bước. Khi đức vua trở về Béc-lin, thỉnh thoảng lại xuất hiện những on dits^{1*} kỳ quặc về việc nhà vua có những hành động làm nhục các bộ trưởng của mình, thậm chí cả với Man-toi-phen, lúc cơn điên của Ngài nổi lên bất thành hình. Để trấn an tinh thần quần chúng, người ta nói là vua bị bệnh phù thũng. Về sau càng ngày càng lan truyền những tin tức về các trường hợp không may xảy ra với vua trong vườn riêng của Ngài ở Xăng-Xu-xi, khi thì nhà vua vấp phải cây mà chấn thương mắt, khi thì Ngài va vào đá, đập chân. Tới đầu năm 1856, khắp nơi đều xì xào rằng thỉnh thoảng hoàng thượng vẫn lên cơn điên. Đặc biệt, người ta nói rằng nhà vua tưởng mình là một chân hạ sĩ quan nên cần được đến huấn luyện ở một nơi, mà theo tiếng lóng của giới cai đội nước Phổ, là Übungs-marsche^{2*}. Vì thế nhà vua thường chạy một mình trong các vườn của mình ở Xăng-Xu-xi và Sác-lốt-ten-buốc, điều đó đã dẫn đến những hậu quả tai hại.

Giờ đây người ta cố xác định mối liên quan giữa những trường hợp ấy với các trường hợp khác đã xảy ra trong vòng mười năm trở lại đây. Người ta tự hỏi: tại sao lại không thể có chuyện người ta đã khéo léo giấu nhân dân Phổ về ông vua mất trí đó, khi mà giờ đây rõ ràng rằng, ít nhất thì người ta cũng giữ Phri-đrich Vin-hem IV ở ngai vua trong một năm rưỡi gần đây, mặc dầu nhà vua bị bệnh tâm thần, rằng hoàng hậu và các bộ trưởng thì núp dưới danh hiệu nhà vua mà lừa dối dân chúng, như giờ đây điều đó đã được tiết lộ ra do những cuộc cãi vã của những

1* tin đồn

2* loại trường quân chính hà khắc

người trong hoàng tộc. Khi bệnh điên loạn là do đầu óc suy nhược, thì người bệnh trước lúc chết thường có những lúc tỉnh táo. Vua Phổ cũng vậy; nhờ tính chất đặc biệt đó của bệnh điên của nhà vua, người ta có dịp tốt để lừa bịp.

Hoàng hậu thường xuyên theo dõi chồng mình, lợi dụng những thời kỳ nhà vua tỉnh táo để đưa ông ta ra mắt dân chúng và tạo khả năng cho vua phát biểu trong những dịp long trọng, và buộc nhà vua phải học thuộc lòng vai trò mà vua phải đóng. Một lần khác, hoàng hậu đã tính sai nghiêm trọng. Ví dụ như nhà vua phải là per procura^{1*} có mặt ở nhà thờ trước công chúng, khi cử hành hôn lễ của hoàng hậu Bồ Đào Nha, mà như các vị chắc đã biết, được tiến hành ở Béc-lin. Khi mọi việc đã được chuẩn bị đầy đủ, các bộ trưởng, tùy viên, triều thần, đại sứ ngoại quốc và chính cô dâu đang chờ đợi nhà vua, thì bỗng nhiên, bất chấp những cố gắng tuyệt vọng của hoàng hậu, hoàng thượng đã rơi vào trạng thái hoang tưởng, tưởng rằng mình chính là chú rể. Do một vài nhận xét kỳ quặc mà nhà vua thốt ra khi nói về số phận kỳ lạ của mình - tức là đi lấy vợ hai khi vợ đầu còn sống - và về một điều bất tiện là nhà vua (với tư cách là chàng rể) lại mặc binh phục. Sau tất cả sự việc đó những người đưa vua ra trình làng chỉ còn cách là thôi không tiến hành hôn lễ đã định.

Qua ví dụ vừa rồi, chúng ta có thể đánh giá rằng hoàng hậu đã dám tiến hành những dự định táo bạo như thế nào. Cho đến nay, ở Pốt-xđam vẫn còn có lệ cũ là cứ mỗi năm dân chài cống nạp cá cho nhà vua một lần. Nhân dịp này hoàng hậu muốn chứng minh cho ngư dân rằng những tin đồn lan khắp nơi lúc bấy giờ về tình trạng thần kinh của nhà vua là không đúng, bà đã quyết định mời một số đại biểu dân chài tới dự bữa tiệc gồm toàn những món ăn bằng cá do nhà vua đích thân chủ trì. Thực tế, bữa tiệc đã tiến hành khá tốt, nhà vua lấp bắp vài lời đã được học thuộc, mỉm cười và nói chung, đã xử sự lịch thiệp. Sự màn kịch đóng tốt này sẽ không diễn ra trót lọt, hoàng hậu vội ra hiệu cho

1* Nghĩa đen: theo sự tin cậy; ở đây là người giới thiệu chú rể

ngư dân giải tán thì bỗng nhà vua đứng dậy và lớn tiếng đòi bỏ mình vào chảo. Ngài đã biến thành hiện thực câu chuyện A-rập về con người biến thành cá^{1*}. Chính vì có những hành vi thiếu tế nhị mà hoàng hậu phải liều mạng tiến hành vì sự cần thiết, nên tấn hài kịch đã thất bại.

Không phải bàn cãi gì nữa, không một nhà cách mạng nào có thể nghĩ ra một phương pháp nào tốt hơn để hạ thấp giá trị của nhà vua. Trong công chúng đông đảo người ta không còn nghi ngờ rằng chính hoàng hậu, công chúa Ba-vi-e và người chị của bà Xô-phi-a Áo (mẹ của Phran-tơ - I-ô-xíp), người đã nổi tiếng xấu, đang đứng đầu bọn quần thần ở Béc-lin. Trước năm 1848, bà ta đã nổi tiếng với danh hiệu "bà mẹ dịu hiền của đất nước" (die milde landesmutter), người ta nghĩ rằng bà ta hoàn toàn không có một ảnh hưởng nào tới công việc chung và do thiên hướng tự nhiên của trí tuệ, bà hoàn toàn đứng ngoài chính trị. Sự bất bình đối với bà ta chỉ biểu hiện ở mỗi một điều là: công chúng phàn nàn về một giáo phái gia-tô bí mật mà người ta gán cho bà ta là người thuộc phái đó, và người ta phẫn nộ vì bà là người cầm đầu hội thần bí "Thiên nga" được vua⁴⁰⁰ lập ra do sự khẩn cầu của bà. Tất cả chỉ có thể thôi. Khi nhân dân chiến thắng ở Béc-lin, nhà vua xin nhân dân khoan hồng nhân danh "bà mẹ dịu hiền của đất nước" và lời kêu gọi ấy đã được tất cả những người nghe hưởng ứng. Song, sau chiến thắng của bọn phản cách mạng, quan hệ của nhân dân với bà chị Xô-phi-a Áo dần dần thay đổi. Nhân vật, mà nhân danh kẻ đó có thể làm cho nhân dân chiến thắng rủ lòng bao dung, đã làm ngơ trước những lời cầu khẩn của những bà mẹ, bà chị, của những nạn nhân bị rơi vào tay bọn phản cách mạng thắng thế. Trong khi "bà mẹ dịu hiền của đất nước", hình như đồng tình với việc làm tùy hứng của phái quân chủ - xử tử một số dân vệ (Landwehrleute) bất hạnh ở Xa-rơ-lu-i vào ngày sinh nhật của vua năm 1850, nghĩa là khi hình như tội lỗi mà những người bảo vệ quyền của nhân dân gây ra đã bị lãng quên, thì bà

ta đã trút hết bầu tình cảm tôn giáo của mình vào việc cúi đầu kính cẩn trước các nắm mồ của những tên lính đã chết khi tấn công vào đám dân chúng tay không ở Béc-lin và những hành vi tương tự, trong đó bà ta công khai biểu hiện những xu hướng phản động của mình. Dần dà cả những cuộc cãi cọ nảy lửa giữa bà và công chúa Phổ cũng trở thành một đề tài bàn tán chung trong xã hội, song hình như hoàn toàn tự nhiên là, vì bà ta không có con cho nên bà ta đã nuôi dưỡng một nỗi căm hờn chống lại người vợ kiêu kỳ của người thừa kế hợp pháp đức vua. Tôi sẽ còn trở lại đề tài này.

*Do C.Mác viết ngày 2 tháng Mười 1858
Đã đăng trên báo "New - York Daily
Tribune" số 5462, ngày 23 tháng Mười
1858*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

1* "Nghìn lẻ một đêm". Câu chuyện về người cá.

PH. ĂNG-GHEN

SỰ BÀNH TRƯỚNG CỦA NGA Ở TRUNG Á⁴⁰¹

Cách đây mấy tuần lễ chúng tôi đã đề cập^{1*} đến việc nước Nga trong những năm gần đây đã xâm nhập thắng lợi vào miền Đông Á, tức vùng bờ biển phía tây Thái Bình Dương. Hôm nay chúng tôi lưu ý độc giả về một quá trình thâm nhập cũng thắng lợi như thế của cũng cường quốc ấy nhưng ở hướng khác là Trung Á.

Từ năm 1839, khi Anh và Nga cùng đồng thời điều quân tới miền Trung Á⁴⁰², người ta vẫn bàn luận là có thể xảy ra một cuộc đụng độ giữa hai đại cường quốc châu Á, Anh và Nga ở một nơi nào đó giữa Xi-bia và Ấn Độ, một cuộc đụng độ giữa quân Cô-dắc và quân Xi-pai trên bờ sông Ốc-xu-xơ. Sự thất bại của những cuộc viễn chinh ấy trong cả hai trường hợp do thiên nhiên khắc nghiệt và khí hậu của đất nước, có một thời đã làm cho những cuộc đàm luận ấy mất hứng thú. Nước Anh xem sự thất bại của mình là một cuộc hành quân thắng lợi, nhưng vô bổ vào vùng Ca-bun. Nước Nga thì hình như ngậm đắng nuốt cay trước nỗi nhục nhã của mình; nhưng giờ đây chúng ta thấy nước Nga ít nghĩ đến việc từ bỏ những kế hoạch của mình như thế nào và đã thực hiện có

1* Xem tập này tr.724 - 725.

kết quả mục đích của mình ra sao. Khi cuộc chiến tranh vừa qua bùng nổ, một lần nữa lại nảy sinh vấn đề nước Nga có thể tấn công Ấn Độ, nhưng lúc bấy giờ rất nhiều người không biết gì về việc những đội tiền quân Nga sẽ đến địa điểm nào và họ trình sát theo hướng nào. Báo chí Ấn Độ đăng một thông báo ngẫu nhiên rằng, quân Nga đã xâm chiếm một số nơi ở Trung Á, nhưng cũng không chú ý đến những nơi đó. Cuối cùng, trong cuộc chiến tranh Anh - Ba Tư năm 1856, toàn bộ vấn đề lại được đem ra bàn cãi.

Song, trong thời gian gần đây tình hình ở Trung Á đã thay đổi nhiều và đang tiếp tục thay đổi nhanh chóng^{1*}. Năm 1812, khi

1* Trong bài của "Free Press" đăng ngày 24 tháng Mười một 1858, phần đầu bài báo đến chữ "Năm 1812", viết như sau: "Tôi xin kèm theo đây *vài đoạn trích* từ những bài viết của tôi về việc Nga tiến vào Trung Á trong những năm gần đây. Có thể là những tin tức đó, phần nào đối với các vị là mới mẻ, vì theo chỗ tôi được biết, những văn kiện chính thức của nước Nga công bố ở Xanh-Pê-téc-bua bằng tiếng Nga và là những nguồn chính của các tin tức đó - vẫn chưa gửi đến nước Anh.

Cần chú ý đến trật tự ngày tháng để phát hiện ra mối liên hệ giữa hành động của huan tước Pan-móc-xôn và việc xâm nhập vào Trung Á của Nga. Chẳng hạn: Nga tiến vào Si-va năm 1839, mặc dầu bị thất bại về quân sự; Nga bình định hoàn toàn Si-va năm 1854, mặc dầu nước Nga chỉ tiến hành một cuộc điều binh tuần hành đơn giản, mà không bắn một phát súng nào; Nga hành quân cấp tốc qua thảo nguyên Kiếc-ghi-dơ và vùng đông-nam Tuốc-ke-xtan năm 1856 và cuộc khởi nghĩa ở Ấn Độ trùng hợp với việc hành quân của Nga. Trong những văn kiện chính thức của Nga, người ta chỉ ghi những sự kiện đã rồi (*faits accomplis*); nguyên nhân sự việc, lẽ đương nhiên là được che giấu kỹ lưỡng, còn lực lượng vũ trang chỉ đóng vai trò trang trí suốt màn kịch thì được mô tả như một nhân vật chính. Vì các vị đã quá quen thuộc toàn bộ lịch sử ngoại giao của công việc đó, trong các đoạn trích nêu ở đây, tôi chỉ đưa ra những *sự kiện* đúng như chính nước Nga trình bày. Tôi chỉ thêm một số ý kiến về việc nước Nga xâm chiếm miền Trung Á có ý nghĩa gì đối với Ấn Độ xét về mặt quân sự.

Có thể nảy ra câu hỏi: tại sao A-lếch-xan-đơ II lại công bố những văn kiện về việc nước Nga xâm nhập Trung Á - những văn kiện mà Ni-cô-lai lại luôn luôn lo giấu dư luận của thế giới. Nhìn chung, về vua A-lếch-xan-đơ có thể nói rằng, ông ta đã hoàn thành điều mà vua cha chưa thực hiện được, tức là gần châu Âu vào kế hoạch "Á châu" bí mật của nước Nga, và như vậy, làm cho châu Âu trở thành người cộng sự rõ rệt của mình trong việc vạch ra kế hoạch đó. Hai là, về thực chất, chỉ những nhà khoa học Đức, những người biết đánh giá A-lếch-xan-đơ, là có thái độ rộng rãi đối với vấn đề phát triển khoa học địa lý, mới nắm được những tài liệu đó. Cuối cùng, sau Chiến tranh Crưm, phái Mát-xơ-va cổ đã khẳng khái tỏ rõ sự bất mãn về việc nước Nga tựa hồ đã mất hết uy tín của mình. A-lếch-xan-đơ đã trả lời phái này bằng cách cho công bố các văn kiện, qua đó không những nêu rõ thành tích to lớn mà

đánh dấu Mát-xơ-va trên bản đồ của mình và coi đây là một cơ sở chiến dịch để hành quân sang Ấn Độ, Na-pô-lê-ông chỉ bắt chước theo Pi-ốt Đại đế mà thôi. Ngay từ năm 1717, ông vua nhìn xa này đã vạch ra cho những người thừa kế của mình tất cả những phương hướng chinh phục đất đai có thể được, sau đó ông ta đã cất quân viễn chinh đánh Si-va, cuộc viễn chinh dĩ nhiên là không có kết quả. Sau đó trong một thời gian dài, nước Nga không xâm phạm những thảo nguyên Tuốc-ke-xtan yên tĩnh, nhưng trong thời gian ấy vùng đất giữa sông Vôn-ga và sông U-ran có người Cô-dắc đến ở và trên sông U-ran đã hình thành những vùng cư trú của quân Cô-dắc. Tuy nhiên, dọc phía bên này triền sông đó, chính quyền Nga vẫn chỉ chi phối ba bộ lạc hay bộ tộc Kiéc-ghi-dơ về mặt danh nghĩa mà thôi, và khi tướng Va-xi-li Pê-rốp-xki chưa được phái đến Ô-ren-buốc năm 1833 với tư cách là tư lệnh trưởng, thì những đoàn thương nhân Nga vẫn bị cả người Kiéc-ghi-dơ lẫn người Si-va cướp bóc. Ông ta đã phát hiện ra rằng do bị bọn du mục tấn công mà quan hệ thương mại của Nga với các vùng Trung và Nam Á hoàn toàn bị cắt đứt, vì ngay cả những đội áp tải quân sự, trong suốt những năm gần đây cũng không thể bảo vệ được các đoàn thương nhân. Để chấm dứt hiện tượng này, trước hết Pê-rốp-xki tổ chức những đội cơ động chống người Kiéc-ghi-dơ và sau đó ít lâu bắt đầu bố trí những đồn quân sự Cô-dắc trên lãnh thổ của họ. Bằng cách ấy, trong vòng mấy năm, ông ta đã buộc người Kiéc-ghi-dơ phải chịu sự kiểm soát thực sự và phục tùng chính quyền Nga, còn sau đó ông bắt tay vào việc thực hiện những kế hoạch từ lâu của Pi-ốt Đại đế chống Si-va.

Nhận được quyết định của hoàng đế, Pê-rốp-xki đã tổ chức một đội quân có số lượng gần bằng một sư đoàn bộ binh (8000 người) gồm những đội kỵ binh Cô-dắc nửa chính quy và kỵ binh Kiéc-ghi-dơ và Ba-skia không chính quy có quân số đông. Để vận

nước Nga đạt được trong năm gần đây, mà chính sự công bố ấy là một lời thách thức, một sự khẳng định tuyệt đối cái "uy tín!". Đó là một hành động mà Ni-cô-lai không bao giờ dám làm".

Phần bài báo tiếp theo có đầu đề là "Nhìn qua các văn kiện của Nga".

chuyển lương thực qua những thảo nguyên sa mạc, người ta tập trung 15 nghìn lạc đà. Vì thiếu nước nên không thể thực hiện cuộc vận chuyển về mùa hè. Bởi vậy, Pê-rốp-xki chọn chuyển đi về mùa đông và xuất phát từ Ô-ren-buốc vào tháng Mười một 1839. Kết quả đã rõ ràng. Những trận bão tuyết, cái giá rét khắc nghiệt đã huỷ diệt quân đội của ông, làm chết ngựa và lạc đà và đã buộc ông ta rút lui với những tổn thất nặng nề. Tuy vậy, mục đích chính của cuộc hành quân đã đạt được. Trong khi nước Anh cho đến nay vẫn chưa thể trả thù được cho việc các đại sứ của mình (Xtốt-dác-tơ và Cô-nô-li bị giết ở Bu-kha-ra), thì vua Si-va đã trả tự do cho tất cả những người Nga bị bắt và đặt đại sứ quán ở Xanh-Pê-téc-bua để cầu hòa.

Lúc bấy giờ Pê-rốp-xki bắt tay vào việc làm con đường giao thông qua thảo nguyên Kiéc-ghi-dơ. Kể từ khi những đoàn cán bộ khoa học, kỹ sư bắt đầu công việc cho đến nay chưa đến một năm rưỡi. Nhờ được bảo vệ bằng quân sự, những đoàn đó đã nghiên cứu toàn bộ vùng đất phía bắc Giắc-xác-tơ (Xi-rơ-Đa-ri-a) và biển A-ran. Chất đất, hướng tốt nhất để làm đường, chỗ thuận lợi nhất để đào giếng to đều đã được nghiên cứu. Người ta khoan hay đào những giếng đó cách nhau không xa lắm và người ta bố trí những đồn lính xung quanh khá mạnh để chống lại những cuộc tấn công của quân du mục, và khá rộng để chứa một số lương thực dự trữ quan trọng. Ca-ra-bu-lắc trên sông Ốc-xu-xơ và I-rơ-ghi-dơ trên con sông cùng tên là những địa điểm trung tâm bảo vệ ở phần nam thảo nguyên Kiéc-ghi-dơ; giữa những địa điểm ấy và các thành phố trên sông U-ran dọc theo những con đường, người ta bố trí cách nhau mười, hay mười hai dặm^{1*} những pháo đài nhỏ hơn và cả những cái giếng nữa.

Năm 1847, bước tiếp theo được thực hiện khi một pháo đài được xây dựng trên sông Xi-rơ-Đa-ri-a, cách cửa sông ấy khoảng 45 dặm; pháo đài này gọi là pháo đài A-ran. Trong pháo đài này có thể chứa được một đồn quân thường trú số lượng của một tiểu đoàn,

1* Trong "Free Press", chữ "mười hai" in là "hai mươi"

thậm chí nhiều hơn. Chẳng bao lâu sau, pháo đài A-ran trở thành trung tâm vùng di dân rộng lớn của dân cày Nga, trải dài từ hạ lưu sông đến những bờ biển A-ran, lúc bấy giờ nước Nga, về mặt hình thức, đã chiếm toàn bộ đất đai phía bắc biển đỏ và vùng châu thổ Xi-rơ-Đa-ri-a. Năm 1848, 1849 lần đầu tiên biển đã được nghiên cứu kỹ càng, một nhóm các đảo mới được phát hiện và các đảo đó lập tức bị biến thành bến đỗ chính của tiểu hạm đội A-ran. Trên hòn đảo đối diện với cửa sông Xi-rơ-Đa-ri-a, người ta xây dựng một pháo đài khác, đồng thời việc làm đường giao thông giữa Ô-ren-buốc và biển A-ran được đẩy mạnh hơn và đã hoàn thành.

Giờ đây, Pê-rốp-xki, người mà năm 1842 đã rời bỏ chức vụ chỉ huy những binh đoàn Ô-ren-buốc, đã trở lại vị trí cũ của mình, và mùa xuân năm 1853 ông ta tiến vào A-ran với một lực lượng khá lớn. Cuộc hành quân qua sa mạc đã được thực hiện mà không gặp khó khăn đặc biệt nào cả; sau đó, quân đội tiến lên phía trên, dọc theo sông Xi-rơ-Đa-ri-a, trong khi đó tàu thủy cỡ nhỏ hộ tống quân đội tiến dọc theo sông. Khi tiến gần đến Ấc-mê-xết, pháo đài nằm cách khoảng 450 dặm về phía trên dọc theo sông và thuộc quốc vương Cô-can, người Nga đánh chiếm pháo đài và nhanh chóng biến nó thành chiến lũy của mình và sử dụng nó có kết quả đến mức vào tháng Mười hai năm đó, quân Cô-can tấn công pháo đài đã bị thất bại hoàn toàn.

Năm 1854, khi châu Âu đang chú ý đến những hành động quân sự ở Đa-nuýp và Crưm thì Pê-rốp-xki dẫn đạo quân 17 nghìn người tiến vào Si-va, xuất phát từ căn cứ quân sự mới ở Xi-rơ-Đa-ri-a. Nhưng, vua Si-va không chờ đến lúc ông tiến tới sông Ốc-xu-xơ, đã phái các sứ giả của mình đến doanh trại quân Nga, họ ký kết các hiệp ước, *theo hiệp ước này vua Si-ra phải công nhận chính quyền tối cao của nước Nga*, nhường cho Nga quyền tuyên chiến và quyền ký kết hoà ước, chuyển sang tay người Nga quyền lực vô hạn đối với thần dân của mình, dành cho Nga quyền lập các đường giao thông, đặt các loại thuế và

vĩnh viễn chi phối việc buôn bán trên toàn lãnh thổ nước Si-va. Ở Si-va có một lãnh sự Nga, đại biểu cho nhà nước Nga làm cả nhiệm vụ như một trọng tài tối cao trong tất cả mọi công việc chính trị của Si-va.

Sau khi Si-va bị chinh phục, vấn đề chinh phục Tuốc-ke-xtan về cơ bản sẽ được giải quyết; có thể lúc này vấn đề cũng đã thực sự được giải quyết rồi. Các vua Cô-can, Bu-ca-ra cũng đặt đại sứ quán ở Xanh Pê-téc-bua, những hiệp ước ký với họ không được công bố, nhưng người ta dễ dàng đoán ra nội dung hiệp ước đó. Dù nước Nga có ý duy trì cho các quốc gia nhỏ một sự độc lập ở mức độ nào đó, mà sức mạnh duy nhất của họ là tính kiên định, nay không còn tồn tại nữa - ít ra là đối với nước Nga - thì sự độc lập đó cũng sẽ chỉ là hình thức mà thôi, vì rằng chỉ cần phái từ Si-va hoặc Ấc-mê-sét tới những thung lũng mầu mỡ hơn ở Thượng Tuốc-ke-xtan một đạo quân 2 vạn người cũng đủ để đàn áp bất kỳ mưu toan chống đối nào và đi khắp đất nước, từ đầu đến cuối. Cần phải cho rằng ngay cả sau năm 1854, nước Nga đã chú ý đến những vùng đó, mặc dầu nó vẫn giữ hành động của nó trong vòng bí mật; còn sau những thành tích mà nước Nga đạt được một cách nhanh chóng, không ồn ào và liên tục ở Tuốc-ke-xtan trong hai mươi năm gần đây, thì có thể dự đoán một cách chắc chắn rằng chẳng bao lâu nữa cờ Nga sẽ tung bay trên các đèo Hin-đu-cu-sơ và Bô-lốc-tác.

Xét theo quan điểm quân sự thì ý nghĩa to lớn của những cuộc xâm chiếm ấy là ở chỗ nhờ đó mà hạt nhân căn cứ quân sự cho một cuộc tấn công vào Ấn Độ đã được thiết lập; và trong thực tế, sau khi nước Nga xâm nhập sâu vào trung tâm Á châu như vậy, thì kế hoạch tấn công Ấn Độ từ phía bắc xuống không còn là những giả định mờ mịt, mà đã có những đường nét nhất định ở mức độ nào đó. Vùng xích đạo Á châu khác với những nước thuộc vùng ôn đới ở chỗ nó có một dải sa mạc lớn chạy dài từ bờ vịnh Ba Tư thẳng qua đại lục tới nguồn sông A-mua. Dải đất ấy - chưa kể vùng ven A-mua - cho đến thời gian gần đây hầu

như không thể đi qua được đối với các đạo quân; một con đường tưởng tượng duy nhất đi qua sa mạc là con đường từ A-xơ-ra-bát đến biển Ca-xpien qua He-rát đến Ca-bun và tới sông Ấn. Nhưng giờ đây, khi quân Nga đã đóng tại Hạ lưu sông Giắc-xác-tơ (Xi-rơ-Đa-ri-a) và Ốc-xu-xơ (A-mu-Đa-ri-a) và khi có những con đường quân sự và pháo đài cung cấp lương thực, nước cho quân đội khi hành quân, thì sa mạc Trung Á không còn là một chướng ngại về mặt quân sự nữa. Thay thế cho một con đường không có trang bị từ A-xơ-ra-bát qua He-rát, đến sông Ấn bây giờ nước Nga có ba con đường khác nhau, mà trong tương lai không xa sẽ có thể được hoàn tất để cho quân đội đi lại. Trước hết là con đường cũ qua He-rát, như tình hình thực tế chỉ rõ, không còn đóng chặt đối với nước Nga; hai là, có lưu vực sông Ốc-xu-xơ từ Si-va đến Ban-khơ; ba là, lưu vực sông Giắc-xác-tơ từ Ác-mê-sét đến Hốt-gien-tơ, từ đây một đội quân có thể đi qua vùng có nhiều nước và đông dân ở Xa-mác-căng và Ban-khơ. He-rát, Xa-mác-căng và Ban-khơ có thể trở thành những căn cứ chiến dịch ưu việt nhằm chống Ấn Độ. Ban-khơ chỉ cách Pê-sa-vác có 500 dặm mà thôi. Pê-sa-vác là tiền đồn phía tây-bắc của đế quốc Anh - Ấn. Xa-mác-căng và Ban-khơ thuộc vua Bu-ca-ra, hiện đã hoàn toàn thần phục Nga, và khi A-xơ-ra-bát (địa điểm hoặc đã bị quân Nga chiếm lĩnh, hoặc sẽ bị họ chiếm trong một ngày nào đó) và Ban-khơ rơi vào tay quân Nga, thì không thể giữ vững nổi cả He-rát, nếu Nga quyết định chiếm nó. Một khi căn cứ chiến dịch ấy thực sự rơi vào tay quân Nga, thì nước Anh phải chiến đấu cho đế quốc Ấn Độ của mình. Từ Ban-khơ đến Ca-bun không chắc xa hơn từ Ca-bun đến Pê-sa-vác và chỉ riêng một sự thực này cũng chỉ rõ dải đất trung lập giữa Xi-bia và Ấn Độ giờ đây đã trở nên chật hẹp như thế nào rồi.

Rõ ràng là, nếu quân Nga vẫn tiếp tục tiến quân bằng một nhịp độ, với một nghị lực và một trình tự nhất quán như trong suốt hai mươi lăm năm gần đây, thì mười hay mười lăm năm sau, những người Mát-xơ-va sẽ đến gõ cửa nước Ấn Độ. Họ chỉ cần vượt qua thảo nguyên Kiéc-gi-dơ sẽ tới một vùng được khai

phá khá tốt và màu mỡ của miền đông-nam Tuốc-ke-xtan và việc chiếm miền này thì không ai có thể tranh chấp với họ, và vùng này không cần phải cố gắng và nỗ lực nhiều cũng có thể nuôi sống trong nhiều năm một đạo quân năm mươi, sáu mươi nghìn người, hoàn toàn đủ để tiến đến bất kỳ chỗ nào tận sông Ấn. Trong vòng mười năm, một đội quân như thế có thể chinh phục hoàn toàn đất nước, bảo vệ các công trình giao thông và công cuộc đưa nông dân nước Nga đến sinh sống trên những khoảng đất rộng bao la (như hiện đang làm ở các bờ biển A-ran), làm cho tất cả các quốc gia lân cận sợ hãi và chuẩn bị một căn cứ chiến dịch và những đường giao thông để tiến vào Ấn Độ. Một cuộc hành quân như thế có được tiến hành vào một lúc nào đó^{1*} hay không, điều đó tùy thuộc vào những điều kiện chính trị mà hiện tại có thể chỉ là đối tượng của những giả thiết xa xôi mà thôi.

Do Ph.Ăng-ghen viết vào khoảng ngày 8 tháng Mười 1858

Đã đăng làm xã luận trên báo "New-York Daily Tribune" số 5471, ngày 3 tháng Mười một 1858, có cả bổ sung của Mác trên báo "The Free Press", t.VI, số 23, ngày 24 tháng Mười một 1858

In theo bản đăng trên báo "New-York Daily Tribune" Nguyên văn là tiếng Anh

^{1*} Thay vì câu cuối này, trong "Free Press" in: "Chúng tôi cam đoan rằng không một nhà quân sự nào đã nghiên cứu địa lý đất nước này, lại phủ nhận điều đó. Và nếu những giả thiết của chúng tôi là đúng, thì sự xung đột giữa "người Cô-dắc và người Xi-pai" (nếu vào lúc đó vẫn còn có những người Xi-pai muốn đấu tranh cho người Anh) sẽ diễn ra không phải trên bờ sông Ốc-xu-xơ, như người ta đã nghĩ trước đây, mà trên bờ sông Ca-bun và sông Ấn".

C. MÁC

SỰ ĐIÊN LOẠN CỦA VUA PHỔ

Béc-lin, ngày 12 tháng Mười 1858

Hôm nay nhà vua rời Béc-lin và lên đường en route^{1*} đi Ti-rôn và nước I-ta-li-a. Giữa những hàng người lặng im có mặt trên sân ga Pốt-xdam lúc nhà vua xuất hành, có nhiều nhân vật năm 1840 đã từng chứng kiến lễ đăng quang của hoàng thượng và sau đó nghe bài diễn văn huyênh hoang đầu tiên mà nhà vua đọc trước công chúng, khi ngài long trọng tuyên thệ rằng không bao giờ ngài cho phép "một mẩu giấy Gô-lơ nào xen vào giữa ngài và dân chúng"^{2*}. Về sau, cũng con người đó đã gặp một sự bất hạnh là không những phải thề trung thành với "mẩu giấy Gô-lơ" - bản hiến chương hay là hiến pháp có cái tên mới lảng mạn làm sao! - mà còn trở thành người cha đỡ đầu bản Hiến pháp nước Phổ, và thậm chí, trong chừng mực nào đó, còn để mất ngai vàng do chính cái "mẩu giấy" tai hại đó. Giữa chiếu chỉ của nhà vua gửi hoàng thân Phổ và chiếu chỉ của hoàng thân gửi nội các có sự khác nhau mà, chắc là độc giả đã nhận biết. Trong chiếu chỉ của mình nhà vua viết:

1* du lịch

2* Xem tập này, tr. 756.

"Tôi vẫn không thể đích thân lãnh đạo các công việc của nhà nước được, vì thế tôi đề nghị tôn ông, người anh em yêu quý của tôi, lãnh nhiệm tạm thời v.v. quyền lực nhà vua tối cao với tư cách là vị nhiếp chính thay tôi, phù hợp với sự sáng suốt và lương tâm của Ngài, và chỉ chịu trách nhiệm trước Thượng đế".

Trong bức chiếu của hoàng thân viết:

"Thề theo yêu cầu đó của nhà vua và căn cứ trên điều khoản 56 của hiến pháp, tôi, với tư cách là người thừa kế ngai vua gần nhất về dòng họ nam, tự nhận nhiếp chính trên toàn quốc và theo đúng điều khoản 56 của hiến pháp, tôi triệu tập hai viện dân biểu của triều đình".

Như vậy, trong chiếu chỉ của mình, nhà vua hành động như là một người tự do, và theo ý chí tự do của riêng mình, tạm thời thoái vị. Còn chính hoàng thân thì đồng thời viện dẫn đến "yêu cầu của nhà vua" và cả đến "điều 56 của hiến pháp", trong đó nói rằng nhà vua bị bệnh tâm thần hay là bị cầm tù và do đó không thể tự mình tiến cử nhiếp chính được. Hơn nữa, trong chiếu chỉ của mình, nhà vua kêu gọi người nhiếp chính thực hiện quyền lực tối cao của mình và chỉ "chịu trách nhiệm trước Thượng đế", trong khi đó hoàng tử, khi viện dẫn đến hiến pháp, đã trao toàn bộ trách nhiệm cho nội các hiện hành. Theo điều khoản mà nhà nhiếp chính dẫn ra, "người thừa kế ngai vua gần nhất" có nhiệm vụ lập tức triệu tập các viện dân biểu, những viện này, trong một khoá họp chung, phải giải quyết vấn đề về "sự cần thiết của nhiếp chính". Để tước quyền đó của viện dân biểu, người ta nhấn mạnh việc nhà vua tự nguyện từ bỏ quyền lực; song để tránh khỏi phụ thuộc vào triều thần, người ta viện dẫn đến hiến pháp. Như vậy, trong những lời yêu cầu của người nhiếp chính có một chỗ yếu, vì rằng ông ta xuất phát từ hai nguồn gốc của quyền lực loại trừ lẫn nhau. Điều khoản 58 của hiến pháp ghi rằng:

"từ khi ngài" (người nhiếp chính) "thề trung thành với hiến pháp" (trước Nghị viện liên hợp) "thì nội các hiện hành vẫn chịu trách nhiệm về tất cả những hành động của nhà nước".

Làm sao có thể gắn điều đó với "trách nhiệm trước Thượng đế"? Việc thừa nhận chiếu chỉ của nhà vua chỉ là một cái cớ, vì

nhờ vậy mới có thể triệu tập viện dân biểu, nhưng chính việc triệu tập đó cũng chỉ là một cái cớ mà thôi, vì vấn đề "sự cần thiết" của nhiếp chính lại không do viện "quyết định". Vì hoàn cảnh, năm 1850 hoàng thân Phổ đã từ chối không tuyên thệ trung thành với hiến pháp, giờ đây rơi vào một tình thế khó xử; ông ta buộc phải không những thừa nhận hiến pháp, mà còn cầu viện đến hiệp pháp. Chúng ta không nên quên rằng từ mùa thu năm 1848 đến đầu năm 1850, những người thuộc phái ủng hộ chế độ chuyên chế, đặc biệt trong hàng ngũ quân đội, ấp ủ một kế hoạch, thậm chí ngẫu nhiên còn nói toạc ra kế hoạch đó, nhằm thay thế ông vua thiếu cương quyết bằng vị hoàng thân sáng suốt, mà trong con người này thì một sức mạnh nào đó của ý chí trong bất cứ trường hợp nào cũng không bị sự mềm dẻo đặc biệt của trí tuệ lấn át. Và ngoài ra, người đó, nhờ những hành động trong những ngày tháng Ba, nhờ việc chạy sang Anh, nhờ sự căm thù của quần chúng đối với mình, và cuối cùng, nhờ những thành tích của mình trong thời kỳ chiến dịch Ba-đen⁴⁰³ đã trở thành người hoàn toàn có đủ khả năng đứng đầu một nhà nước hùng mạnh ở Phổ, tương tự như Phran-tơ-I-ô-xíp và con của Hoóc-ten-xơ^{1*} ở biên giới phía nam và phía tây thuộc lãnh địa của triều đại Hô-hen-txô-léc. Hoàng thân thực sự là không bao giờ thay đổi quan niệm của mình. Nhưng những nổi tức giận mà ông ta, nhất là vợ ông ta, một học trò của Gơ-tơ, một người phụ nữ có văn hoá cao, có tính tự tôn và tự hào, phải chịu sự rẽ rúng của hoàng hậu và lũ quan thần, không thể không làm cho ông ta có thái độ đối lập ở một mức độ nào đó. Bệnh tật của nhà vua không để lại cho ông một điều gì khác, ngoài việc hoặc là chuyển giao mọi quyền hành cho hoàng hậu, hoặc phải thừa nhận hiến pháp. Ngoài ra, bây giờ một trở ngại đặc trưng cho con người đó đã từng ràng buộc ông từ năm 1850, không còn nữa. Lúc bấy giờ ông ta chỉ là một sĩ quan đầu tiên của quân đội Phổ thể chỉ trung thành với nhà vua, chứ không phải với hiến pháp. Nếu như năm 1850, ông ta thể trung thành với hiến pháp,

1* Na-pô-lê-ông III

thì nhờ vậy ông đã ràng buộc được quân đội mà ông là người đại biểu. Trong tình hình hiện nay, ông ta có thể tuyên thệ; nhưng nếu ông muốn, thì bằng việc từ nhiệm, ông ta có thể tạo điều kiện cho con trai mình huỷ bỏ được hiến pháp nhờ sự giúp đỡ của quân đội. Chính cái tấm gương trị vì của vua Anh trong tám năm gần đây là một bằng chứng đầy đủ - nếu cần có thêm một bằng chứng nào đó nữa - chỉ ra rằng hiến pháp chỉ ràng buộc đặc quyền của nhà vua trên giấy tờ, trong khi xét theo quan điểm tài chính thì nó thật sự là của trời cho. Các vị hãy nhớ lại, dù chỉ là những khó khăn kinh tế của nhà vua trong thời kỳ từ năm 1842 đến năm 1848, những mưu toan vô ích nhằm lấy tiền thông qua Sechandlung⁴⁰⁴, những lời từ chối lạnh lùng của bọn Rốt-sin không cho nhà vua vay vài triệu đô-la; việc Nghị viện liên hợp không chuẩn y những món nợ nhỏ năm 1847, việc ngân khố nhà nước khánh kiệt hoàn toàn - và sau đó, các vị hãy so sánh điều đó với những khả năng tài chính xuất hiện ngay từ năm 1850, năm đầu tiên có hiến pháp, lúc mà ba ngân sách thiếu hụt đến 70 000 000 được hai viện bù đắp cùng một lúc trong nháy mắt. Thực ra, chỉ có kẻ quá ngu dốt mới từ chối một cơ chế làm tiền vĩ đại như thế! Theo quan điểm của nhân dân thì Hiến pháp nước Phổ chỉ cộng thêm ảnh hưởng chính trị của bọn quý tộc vào sự thống trị truyền thống của bọn quan liêu, trong khi quyền lực nhà vua, ngược lại, nhờ có hiến pháp mà có được khả năng tạo ra một món nợ công cộng và tăng ngân sách hàng năm hơn 100 phần trăm.

Chính lịch sử của cái hiến pháp ấy là một trong những chương hết sức không bình thường của lịch sử hiện đại. Bản dự thảo đầu tiên của hiến pháp do nội các Cam-pơ-hau-den vạch ra ngày 20 tháng Năm 1848. Nội các này đem bản dự thảo đó trình lên Quốc hội Phổ. Hoạt động của quốc hội này chủ yếu là sửa đổi bản dự thảo của chính phủ. Quốc hội vẫn chưa bắt tay làm được công việc đó thì bị giải tán bằng lưỡi lê của những người Pô-mê-ra-ni. Ngày 5 tháng Chạp 1848, nhà vua ban bố hiến pháp riêng của mình, những bản hiến pháp này - vì rằng đó là lúc mà tinh thần cách

mạng ở trong nước chưa phải là hết - chỉ là một câu trả lời trống rỗng tạm thời. Để xét lại cái hiến pháp đó, người ta triệu tập các viện và hoạt động của các viện đó thì chính là trùng với thời kỳ phản động điên cuồng. Những nghị viện đó làm người ta nhớ lại chambre introuvable⁴⁰⁵ nổi tiếng của Lu-i XVIII theo quy mô nước Phổ. Dẫu sao nhà vua vẫn dao động. "Mẫu giấy", mặc dẫu đã được làm dịu đi, thấm đầy tinh thần trung thành và được tô điểm bằng những hình ảnh đặc trưng kiểu Trung thế kỷ, nhưng vẫn không hợp khẩu vị nhà vua. Nhà vua đã tìm mọi cách làm cho những người ủng hộ hiến pháp chán ngán không muốn thảo hiến pháp nữa, nhưng những người này đã nhất quyết để cho bất cứ sự sỉ nhục nào làm cho mình bối rối, không lùi bước trước những sự nhượng bộ nào, miễn sao đạt được một bản hiến pháp hình thức, dù với nội dung gì thì cũng được, miễn sao đạt mục đích của mình, dù có phải bỏ trong rác bần. Thực vậy, những công hàm của nhà vua gửi đến hết cái nọ đến cái kia, như là những loạt súng của một đại đội, đã bác bỏ không phải những quyết nghị của các viện đang xét lại hiến pháp - vì những viện này chỉ giữ thái độ hoàn toàn thụ động - mà trái lại, đã bác bỏ những đề nghị do các vị bộ trưởng của nhà vua nhân danh chính Ngài liên tục đệ trình theo chu kỳ. Hôm nay họ đề nghị một điều khoản. Hai ngày sau khi các viện đã thông qua điều khoản này, người ta đã phát hiện ra những khiếm khuyết, và hoàng đế tuyên bố phải thay đổi sine qua non^{1*}. Cuối cùng, mệt mỏi với trò chơi đó, trong công hàm ngày 7 tháng Giêng 1850, nhà vua đã tiến hành bước quyết định cuối cùng, tìm cách buộc những thần dân trung thành của mình phải từ bỏ một cách tuyệt vọng những tham vọng lập hiến của họ. Trong bức công hàm viết nhằm riêng mục đích đó, hoàng đế đã đề nghị một loạt điều bổ sung, mà theo suy nghĩ của ngài, thì chắc chắn, thậm chí cả hai viện cũng không thể nuốt trôi được. Song họ đã nuốt hết, thậm chí không hề phải nhăn mặt. Như vậy, chỉ còn cách là kết thúc tất cả cái trò tẻ ngán đó và công bố hiến

1* dứt khoát

pháp mà thôi. Lời tuyên thệ của nhà vua có dư vị của cái cảnh hài hước đi kèm theo sự ra đời của hiến pháp. Nhà vua thừa nhận hiến pháp với điều kiện, nếu Ngài "thấy có thể cầm quyền được nhờ sự giúp đỡ của hiến pháp"; và các viện chấp nhận lời tuyên bố hai nghĩa ấy như một lời tuyên thệ và như một sự thanh toán đầy đủ theo các nghĩa vụ; quần chúng nhân dân thì lãnh đạm hoàn toàn trước việc làm đó.

Lịch sử của hiến pháp đó là như thế. Trong một bài khác^{1*}, tôi sẽ trình các vị bản tóm tắt nội dung bản hiến pháp, vì rằng, do một sự trùng hợp kỳ lạ của các hoàn cảnh, cái "bóng ma vô bổ" ấy ngày nay đã, ít ra cũng là chính thức, trở thành một căn cứ tác chiến đối với các chính đảng đang cạnh tranh với nhau, những chính đảng này ở Phổ, cũng như ở khắp nơi, buộc phải bắt đầu tiến hành một phong trào chung, mà trong một thời điểm cần thiết tất phải xuất hiện trên vũ đài.

*Do C. Mác viết ngày 12 tháng Mười 1858
Đã đăng trên báo "New-York Daily
Tribune" số 5465, ngày 27 tháng Chín
1858.*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

1*. Xem tập này, tr. 755 - 760.

C. MÁC

CHẾ ĐỘ NHIỆP CHÍNH Ở PHỔ

Béc-lin, ngày 13 tháng Mười 1858

Sau thời gian đấu tranh quyết liệt, cuối cùng, cuộc đảo chính trong cung đình đã là *fait accompli*^{1*}. Từ một phó vương bình thường và là người đặc mệnh toàn quyền thay mặt nhà vua, hoàng thân Phổ đã trở thành vị nhiếp chính quốc gia. Thậm chí trong màn cuối tấn kịch của triều đại này, người ta cũng đã thấy rõ là hoàng hậu và bọn quần thần đã rời bỏ những vị trí của mình một cách miễn cưỡng như thế nào. Bộ trưởng nội vụ, ngài Phôn Ve-xtơ-pha-len - vị đại biểu chính thức của họ - đã từ chối không ký vào bản sắc lệnh quy định việc nhà vua nhường quyền bính cho người anh em của mình; ông ta đã từ nhiệm và ngài Phôn Phlốt-ven lên thay. Mặt khác, nhà vua đã thoái vị không phải vô điều kiện, mà, như đã nói trong sắc lệnh "chỉ tạm thời, cho đến khi bản thân tôi lại có thể thực hiện nghĩa vụ thuộc chức trách nhà vua của mình", trừ "những việc của hoàng gia có liên quan đến riêng cá nhân tôi thì thuộc quyền của tôi". Điều bảo lưu thứ nhất quy định chế độ nhiếp chính là có tính chất tạm thời, còn điều thứ hai thì, vẫn giữ như trước đây, cho hoàng hậu quyền

1* một sự kiện kết thúc

quản lý các chi phí của nhà vua. Hình thức có điều kiện đó của sự đầu hàng chỉ rõ ràng, mặc dầu bọn quần thần buộc phải từ bỏ thành lũy của mình, song họ vẫn quyết định không ngừng đấu tranh. Thực tế, không một ai không biết rằng, sau khi nhà vua bị chúng bại liệt quật ngã trong tuần qua, các nghị y của nhà vua cho biết là họ không thể bảo đảm cho nhà vua sống dù chỉ một năm nữa thậm chí với những điều kiện tốt nhất. Lời tuyên bố này có vai trò lớn trong việc ngài Phôn Man-toi-phen quyết định chạy sang phái khác và giương cao ngọn cờ của hoàng thân Phổ. Nhờ có những nhận thức nào đó về lịch sử gần đây, ông ta biết được rằng ảnh hưởng của Ma-da-ri-ni đã sống lâu hơn Lu-i XIII. Ông ta cũng biết rằng Péc-xi-van, - mặc dầu ông ta với tính cách là một công cụ mù quáng của bọn quần thần nổi danh dưới cái tên "những người bạn của nhà vua", cũng hành động theo chỉ thị của hoàng hậu và đại công tước I-óc, do đó làm cho hoàng thân thừa kế ngôi vua rất bức tức với ông ta; nhưng bất chấp những mưu mô và linh cảm không lành của những người thuộc đảng Vích đi tìm chỗ ẩn thân, ông ta biết lấy lòng vị nhiếp chính (về sau là Gioóc-giơ IV) và giữ nguyên chức vụ cũ. Chính sự đào ngũ của Man-toi-phen đã làm cho bọn quần thần và phái địa chủ quý tộc vẫn ủng hộ nhóm đó phải lùi bước. Nếu không như vậy, thì hoàng thân Phổ chỉ có thể chọn một trong hai khả năng: hoặc chỉ bằng lòng với cái bình phong của chính quyền nhà vua, hoặc kêu gọi nhân dân giúp đỡ, điều này sẽ trái với những nguyên tắc riêng của Ngài, cũng như với truyền thống của triều đại Hô-hen-txô-léc. Sự khôn khéo của Man-toi-phen đã giúp Ngài thoát khỏi cái tình cảnh lằng mằng khó xử nhất. Tương lai sẽ trả lời là Ngài có khen thưởng cho kẻ hàng thần hay không. Chỉ riêng một điều là tên tuổi của Man-toi-phen gắn liền mật thiết với sự thất bại của cuộc Cách mạng Tháng Ba, ông ta là kẻ thủ xướng *coup d'état*^{1*} ở Phổ và vì thế nội các của ông ta là sự đối nghịch sinh động và thường xuyên chống lại "cuộc tiếm vị" của nhân dân - chỉ riêng

1* - Cuộc đảo chính

điều đó thôi cũng có thể buộc hoàng thân, tuy không ưa ông ta, cũng cố giữ không cắt đứt ngay tức khắc và lộ liễu với "Mann der rettenden Tat"^{1*}.

Tính cách của hoàng thân và nhà vua trái ngược hẳn nhau là nét thường có trong triều đại Hô-hen-txô-léc. Một vai hài ít nhiều chạy theo sự phóng túng, ít nhiều thấm nhuần những tư tưởng thần học mùi vị Bi-dăng-xơ, ít nhiều ve vãn chủ nghĩa lãng mạn thời Trung cổ, nhất định được thay thế bằng một kiểu người khác, tiêu biểu cho sự kết hợp rầu rĩ giữa một thượng sĩ, một ông quan và một ông giáo trung học. Sự tương phản giữa thái độ kỳ quặc vô hại của Phri-đrich-Vin-hem IV và sự tầm thường tẻ ngắt của nhà nhiếp chính ngày nay, cũng giống như sự tương phản giữa Phri-đrich I và con ông ta, Phri-đrich-Vin-hem I, giữa Phri-đrich-Vin-hem II và Phri-đrich-Vin-hem III.

Ngày nay trong nhiều giới - và báo chí Anh đang ra sức phổ biến quan điểm này - người ta chờ đợi sự trị vì của nhà nhiếp chính sẽ lập tức dẫn tới một bước ngoặt trong đường lối ngoại giao của nước Phổ theo tinh thần giải phóng nó khỏi ảnh hưởng bao trùm của nước Nga và làm cho nó dịch lại gần hơn với nước Anh. Rất rõ ràng là chính vị nhiếp chính cũng nung nấu những tư tưởng đó. Lẽ dĩ nhiên, ông chưa quên thái độ sỉ nhục của Ni-cô-lai tại hội nghị Vác-sa-va đối với bá tước Bran-đen-buốc, đại sứ đặc mệnh của Phổ, người bà con gần gũi trong hoàng tộc, thái độ đó đã làm cho bá tước phải tự tử⁴⁰⁶. Mối hận riêng đó càng tăng khi, cũng lúc bấy giờ và với thái độ hết sức vô lễ, Ni-cô-lai buộc nước Phổ phải nhân nhượng những yêu sách của Áo, phải đồng ý để cho quân đội Áo đi tới Hăm-buốc và tới Slê-dơ-vích - Hôn-stai-nơ và ngoan ngoãn chịu đựng sự sỉ nhục trước con mắt toàn châu Âu. Sau đó ít lâu, khi những tin tức bí mật của đại sứ Anh ở Pê-téc-bua được công bố ở Anh thì hoàng thân, con người không hề có ý quên nỗi tức giận, một lần nữa lại bị xúc phạm nặng nề vì sự khinh thường rõ rệt của vị hoàng

đế quá cố, khi Ngài thảo luận về lập trường có thể có của các đại cường quốc châu Âu trong trường hợp đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ bị chia cắt, đã thậm chí không thêm nhắc tới nước Phổ. Như chúng ta biết, trong cuộc gặp gỡ ở Pra-ha hoàng thân Phổ, sau những bước hung hăng đầu tiên, đã im lặng một cách bướng bỉnh để phản ứng thái độ kiêu ngạo độc tài của người anh em rể xứ Mát-xcơ-va của mình. Trong thời kỳ chiến tranh với nước Nga, bọn quần thần nghi ngờ hoàng thân có cảm tình riêng với các đồng minh phương Tây và do đó đã tiến hành surveillance^{1*} và theo dõi riêng đối với ông ta. Điều này tình cờ bị tiết lộ trong thời gian xảy ra một vụ án tai tiếng ở Pốt-xdam. Về phía mình, hoàng thân tin rằng những kẻ cầm đầu bọn quần thần và sủng thần của nhà vua, tướng Phôn Ghéc-la-khơ cùng cố vấn triều đình Ni-bua (con trai nhà sử học nổi tiếng) hành động như những tên tay sai trực tiếp của Chính phủ Pê-téc-bua, thông báo với chính phủ này một cách chính xác về tất cả những gì đã xảy ra trong nội các và nhận được của Chính phủ Nga những chỉ thị, thậm chí cả về những vấn đề đặc biệt, như sự phân bố những corps d'armée^{2*} khác nhau trên lãnh thổ của vương quốc. Khi Ni-cô-lai chết, những lý do về đối kháng cá nhân cũng mất đi. Hơn nữa, không có cơ sở để cho rằng A-lếch-xan-đơ II có thể gây cho chú mình cái cảm giác kinh sợ như Ni-cô-lai xưa, sau khi kết hôn với con gái cả của Phri-đrich - Vin-hem III, ông đã biết cách gieo cảm giác ấy vào lòng những đại diện của triều đại Hô-hen-txô-léc. Rất chắc chắn là những quan hệ gia đình mới mẻ với Anh quốc đã có một vài ảnh hưởng đến phương hướng của chính sách đối ngoại của vị nhiếp chính. Nhưng trong thực tế thì chính sách ấy không phải do những khuynh hướng cá nhân của hoàng thân, mà do tình hình của quốc gia quyết định. Nếu như nước Phổ chỉ là một trong những cường quốc Đức, thì vấn đề cũng đã được giải quyết một cách rất đơn giản; song nước Phổ không những là đối thủ của

1* - "người cứu giúp"

1* - giám sát

2* - quân đoàn

Áo, và nước Áo là địch thủ của Nga, mà nguyên tắc cơ bản nhất của Vương quốc Phổ còn là thôn tính đất đai của nước Đức nhờ sự giúp đỡ của Nga. Chính nhờ sự liên minh với Nga của vua Phri-đrich - Vin-hem I mà nước Phổ có thể cướp Pô-mê-ra-ni của Thụy Điển. Mặt khác, chẳng qua cũng là nhờ liên minh với Ê-ca-tê-ri-na mà Phri-đrich Đại đế mới có thể giữ được vùng Xi-lê-di của Áo và nhận được một phần đất quan trọng của Ba Lan; Phri-đrich - Vin-hem II, Phri-đrich Vin-hem III cũng lặp lại chính cung cách đó và đạt được kết quả tương tự. Chính nhờ sự bảo hộ của A-lếch-xan-đơ I, nước Phổ có được những tỉnh vùng Ranh đồng thời có thể bành trướng lãnh thổ của mình tới vùng Dắc-den. Và trong trường hợp bị Pháp tấn công thì Phổ lại phải dựa vào nước Nga. Vì vậy, thật đáng ngờ quá đối không biết liệu đến một khi nào đó tình hình nước Phổ có cho phép các nhà cầm quyền của nó thoát khỏi ách bề trên của nước Nga hay không, và liệu có chắc là công chúng khỏi bị lừa dối trong sự chờ đợi của mình trên vấn đề này, cũng như trên những vấn đề thuộc đường lối đối nội hay không.

*Do C. Mác viết ngày 13 tháng Chín 1858
Đã đăng trên báo "New-York Daily
Tribune" số 5465, ngày 27 tháng Mười
1858*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C. MÁC

TÌNH HÌNH Ở PHỔ

Béc-lin, ngày 16 tháng Mười 1858

Nếu thế giới bên ngoài không hay biết gì, hoặc hầu như không biết gì về Hiến pháp nước Phổ, thì người ta có thể ít ra là tự an ủi bằng một sự thật đáng chú ý là chính nhân dân Phổ cũng ở trong tình trạng u u, minh minh như thế. Đúng là trong lúc này, những uỷ ban bầu cử ở Béc-lin, Brê-xláp, Khuê-ních-xbéc, Khuên và ở tất cả những trung tâm lớn và nhỏ của phái tự do đang vùi đầu lật từng trang giấy vàng ệch của bản Hiến pháp nước Phổ, nhằm tìm xem có thể khai thác ở kho tàng huyền bí ấy thứ vũ khí tấn công hay phòng ngự hợp pháp nào thích dụng đối với mục đích hiện nay. Trong suốt mười năm gần đây, khi bản hiến chương ấy được lập ra như một vật có giá trị tự thân, như một kết quả cuối cùng, một quyết định dứt khoát, thì đa số người Phổ vẫn hết sức lạnh nhạt đối với nó, họ chú ý đến hiến pháp không hơn gì các đạo luật của Ma-nu⁴⁰⁷. Nhưng khi đã biết rằng thứ đồ cũ quan phương ấy, do hoàn cảnh, đã biến thành con dao hai lưỡi, thì rõ ràng là tất cả mọi người đều khao khát muốn tìm hiểu "những điều chưa hiểu vĩ đại" ấy. Mặt khác, trong các giới chính thức tràn ngập một điều lo ngại hết sức khó chịu, tựa hồ trong trường hợp này, kết quả của nhận thức, giống như điều đã xảy

ra từ thời đại trước hồng thủy, hoá ra là kết quả của tội lỗi và người ta nhìn bệnh cuồng say hiến pháp, một căn bệnh bỗng đứng lan tràn trong nhân dân Phổ - với một mối hoài nghi ảm đạm và - tôi không thể không nhận thấy - hoàn toàn có lý do xác đáng. Chính lúc này, hoàng thân Phổ đang cân nhắc khả năng coup d'état như là một thủ đoạn mà ông ta có thể buộc phải sử dụng trong tương lai sắp tới. Nếu các uỷ ban tuyển cử hoàn thành kế hoạch của mình tập hợp được một đa số trong viện bầu cử gồm những người thuộc phái tự do của thời Quốc hội năm 1848, những phần tử Van-de-xơ, I-a-cô-bi, Rốt-béc-tút, Un-rơ, Kiéc-smán, v.v., thì hoàng thân lại buộc phải chiến đấu ở ngay cái chiến trường mà tại đó hình như tháng Chạp 1848, chính quyền nhà vua đã giành được thắng lợi. Ngay một tiếng thở, một tiếng còi, một tiếng động của cuộc sống nhân dân đang được thức tỉnh cũng làm cho ông hoảng hốt. Nếu ông ta phải - như một bộ phận quân thần khuyên ông ta - thành lập Chính phủ Bi-xmác - Suên-hau-den và bằng cách đó công khai thách thức cách mạng và thẳng tay bóp chết từ trong trứng những hy vọng tựa hồ gắn liền với việc ông lên cầm quyền, thì viện bầu cử, phù hợp với điều 56 của hiến pháp và với chỉ dụ của riêng ông, có thể đưa ra thảo luận về "sự cần thiết" của chế độ nhiếp chính của ông. Lúc đó sự trị vì của ông ta sẽ bắt đầu bằng những cuộc bàn cãi náo nhiệt và khủng khiếp để xét xem chính quyền của ông là hợp pháp hay tiếm vị. Mặt khác, nếu ông, dù chỉ trong một thời gian ngắn, để cho phong trào được mở rộng và mang những hình thái rõ nét mà không bị cản trở, thì ông ta càng gặp khó khăn nặng nề hơn, do phải bảo hoàng cũ sẽ thay đổi mặt trận và tấn công vào ông ta, vì ông đã lại mở cửa cho cách mạng tràn vào, mà theo quan điểm của đảng này thì, nhờ sự sáng suốt vốn có của nó trong các công việc nhà nước, nó có thể giữ cho những cửa đó vẫn đóng, khi nó vẫn được phép lãnh đạo dưới ngọn cờ của ông vua mất trí cũ. Lịch sử các triều vua chỉ rõ: trong những thời đại cách mạng xã hội không có gì nguy hiểm cho một con người kiên quyết, thẳng thừng, nhưng đồng thời lại thô lỗ có những quan điểm cũ, hơn là tiếp

thu một di sản của một kẻ cầm quyền dao động, yếu hèn và giả dối để lại. Gia-cốp I, người mà Phri-đrich - Vin-hem sau này rất giống, đã đứng vững được trước cơn bão táp đã ném Sác-lơ I lên đoạn đầu đài, còn Gia-cốp II trong cuộc đi đày biệt xứ đã chuộc lại những ảo tưởng về quyền thần thánh của ông vua, những ảo tưởng mà lúc đương thời thậm chí đã làm cho Sác-lơ II nổi tiếng lạ thường. Có thể là hoàng thân Vin-hem dựa theo những linh cảm bản năng của ông về những khó khăn cùng loại đang chờ đợi ông, khi ông ngoan cố chống lại việc vua tuyên bố hiến chương, chính ông vua mà năm 1847, trong khi khai mạc nghị viện liên hợp của các tầng lớp quý tộc hàng tỉnh đã cao giọng tuyên bố:

"Tôi thấy cần thiết phải trình trọng tuyên bố rằng không bao giờ một lực lượng trần tục lại có thể thúc đẩy tôi biến đổi những quan hệ tự nhiên và bền vững giữa nhà vua và nhân dân thành những quan hệ thương lượng, hiến chính và không bao giờ, không bao giờ tôi cho phép đặt ra giữa chúa tể trên thiên đình và đất nước tôi một mảnh giấy viết, như người ta nói, một Thượng đế thứ hai cai quản bằng những điều khoản của mình và thay thế sự tin cậy thiêng liêng trước kia bằng những điều khoản ấy".

Trong bài trước^{1*} tôi đã nói rằng cơ sở của bản hiến pháp ngày nay là bản dự thảo hiến pháp do nội các Cam-pơ-hau-den và do Hội đồng cách mạng năm 1848 tu sửa. Nhưng nó là cơ sở của bản hiến pháp ngày nay chỉ sau khi coup d'état đã huỷ bỏ bản dự thảo đầu tiên và bản hiến chương vua ban sao chép nó dưới dạng xuyên tạc đi, chỉ sau khi hai viện được triệu tập để xem xét lại bản hiến pháp đó đã sửa lại bản hiến chương vua ban, còn vô số sắc lệnh của nhà vua thì đã được sửa chữa thành bản hiến chương để xem xét lại. Toàn bộ quá trình ngán ngấm ấy được tiến hành nhằm xoá sạch những nét cuối cùng nhắc nhở đến nguồn gốc cách mạng của sự sáng tạo vá vúi đó. Nhưng dẫu sao người ta cũng không đạt tới mục đích ấy một cách trọn vẹn, vì tất cả những hiến chương đã có sẵn chắc chắn là ít nhiều đều phỏng theo kiểu mẫu Pháp, và dù người ta có làm gì đi nữa, thì chúng cũng không

1* Xem tập này, tr. 746 - 749.

thể có tham vọng giống với nguyên bản rực rỡ được. Như vậy, nếu lướt nhanh qua chương hai của Hiến pháp tháng Giêng 1850 nói về "các quyền của người Phổ", về những cái có thể nói là *droits de l'homme*^{1*} của nước Phổ ấy, thì thoát tiên chúng ta thấy những điều khoản của chương này vang lên khá kêu:

"Tất cả những người Phổ đều bình đẳng trước pháp luật. Tự do cá nhân được bảo đảm. Nhà riêng là bất khả xâm phạm. Không một ai có thể được miễn khỏi phải đưa ra tòa, nếu người đó phạm tội. Những hình phạt, trừ những trường hợp quan tòa quy định khi họ chấp hành nghĩa vụ của mình theo pháp luật, đều không có mục đích đe dọa. Sở hữu là bất khả xâm phạm. Pháp luật hiện hành loại trừ việc tước quyền công dân và tịch thu tài sản. Nhà nước không có quyền đụng đến tự do di cư, trừ trường hợp có liên quan đến nghĩa vụ quân sự. Tự do tín ngưỡng, tự do tổ chức những hội tôn giáo, tự do thờ cúng chung ở nhà riêng, cũng như trong đình chùa miếu mạo được bảo đảm. Việc sử dụng quyền công dân và quyền chính trị không phụ thuộc vào tín ngưỡng tôn giáo. Cho phép các cuộc kết hôn được thực hiện đúng theo luật công dân. Khoa học và các học thuyết khoa học được tự do. Giáo dục thanh niên phải được các trường công bảo đảm ở mức độ đầy đủ. Mỗi người có quyền dạy học và mở học đường. Việc quản lý các công việc tài chính của những trường công do các cộng đồng thực hiện. Trong những trường vỡ lòng công cộng, học tập không mất tiền. Mỗi một công dân Phổ có quyền tự do phát biểu ý kiến, bằng lời nói, bằng thư từ và trên báo chí. Những sai phạm mắc phải khi sử dụng quyền đó do những tòa án thường xét xử. Tất cả mọi người Phổ đều có quyền tổ chức hội họp, nhưng chỉ ở trong những địa điểm kín và không mang theo vũ khí. Họ có quyền tổ chức các liên đoàn và các câu lạc bộ vì những mục đích không trái với các đạo luật. Mọi người Phổ đều có quyền khiếu tố. Bí mật thư tín là bất khả xâm phạm. Mọi người dân nước Phổ đều phải thực hiện nghĩa vụ quân sự. Chỉ trong những trường hợp đặc biệt do luật định, mới được dùng lực lượng vũ trang. Chế độ thừa kế theo con trưởng bị pháp luật cấm và sở hữu phong kiến hiện hành phải được cải tạo thành sở hữu tư nhân. Cho phép tự do chia sẻ ruộng đất.

Còn bây giờ, nếu từ những "quyền của người Phổ" ấy, như đã ghi trên giấy, các vị chú ý đến việc thực hiện chúng một cách

đáng buồn trong thực tế, thì các vị sẽ có một quan niệm đầy đủ, - nếu trước đây các vị chưa bao giờ có một quan niệm như vậy, rằng giữa lý tưởng và thực tế, giữa lý thuyết và thực hành có một khoảng cách khác thường biết chừng nào. Mỗi một bước, thậm chí chỉ là mỗi sự di chuyển của các vị đều được quy định bởi những hành động của một bộ máy quan liêu toàn năng của vị chúa tể thứ hai có nguồn gốc thuần túy Phổ ấy. Các vị không thể sống, không thể chết, không thể kết hôn, không thể viết thư, không thể suy nghĩ, không thể xuất bản, không thể buôn bán, không thể dạy học, không thể học, không thể tổ chức hội họp, không thể xây nhà máy, không thể di cư, không thể làm bất cứ một việc gì, nếu không "obrigkeitliche Erlaubnis", tức là không được phép của chính quyền. Còn về tự do khoa học và tự do tín ngưỡng, hoặc là thủ tiêu quyền tài phán của chế độ cha truyền con nối, hoặc là bỏ đặc quyền đẳng cấp, hay xóa bỏ chế độ kế thừa theo con trưởng và quyền của tộc trưởng, thì tất cả những cái đó chỉ là điều hoàn toàn nhảm nhí. Trong tất cả mọi quan hệ, năm 1847 nước Phổ còn tự do hơn bây giờ. Vậy thì giải thích mâu thuẫn đó như thế nào? Tất cả mọi quyền tự do mà hiến chương nước Phổ mang lại đều bị một điều bảo lưu quan trọng kìm hãm. Những quyền ấy đều nằm "trong giới hạn của luật pháp". Nhưng luật hiện hành chẳng qua chỉ là một đạo luật chuyên chế có từ thời Phri-đrich II, chứ không phải vào thời kỳ bản Hiến pháp nước Phổ ra đời. Như vậy, giữa đạo luật của hiến pháp và hiến pháp của luật lệ có một mâu thuẫn không thể điều hòa được, hơn nữa, hiến pháp của luật lệ thực tế đã quy luật lệ của hiến pháp thành con số không. Mặt khác, ở những điểm quyết định nhất hiến chương lại viện dẫn đến những đạo luật cơ cấu, là những đạo luật tất phải phát triển tỉ mỉ những điều khoản không rõ ràng của hiến chương. Nhưng bản thân những đạo luật cơ cấu ấy thì đã được thảo ra dưới áp lực mạnh mẽ của phái phản động. Những đạo luật ấy đã xóa bỏ những bảo đảm từng có ngay cả trong những thời kỳ tồi tệ nhất của chế độ quân chủ chuyên chế, ví dụ như tính độc lập của các quan tòa đối với quyền lực hành

1* - quyền làm người

pháp. Không thoả mãn với sự hỗn hợp của hai dung dịch đó, - những luật cũ và những luật mới được phát minh ra - bản hiến chương dành cho nhà vua có quyền đình chỉ hoạt động của nó về bất kỳ vấn đề chính trị nào, mỗi lúc mà vua thấy cần.

Tuy nhiên, mặc dù có những điều đó, vẫn có hai nước Phổ - nước Phổ của hiến chương và nước Phổ của triều đại Hô-hen-txô-léc. Những uỷ ban bầu cử giờ đây đang cố gắng làm sao để giải quyết mâu thuẫn đó, bất chấp những trở ngại mà những luật bầu cử đã đặt ra trên con đường của mình.

*Do C. Mác viết ngày 16 tháng Mười 1858
Đã đăng trên báo "New-York Daily
Tribune" số 5471, ngày 3 tháng Mười một
1858*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C. MÁC

TÌNH HÌNH Ở PHỔ

Béc-lin, ngày 19 tháng Mười 1858

Các viện sẽ phải họp chung vào ngày 21 tháng này, khi hoàng thân đề nghị họ "thừa nhận sự cần thiết của chế độ nhiếp chính"; không cần phải nói rằng, yêu cầu đó sẽ được thoả mãn ngay, hơn nữa, với một sự phục tùng hoàn toàn. Song mọi người có cảm nghĩ rằng, nếu sự tồn tại hình thức của hiến pháp bắt đầu từ ngày 30 tháng Giêng 1850, thì sự tồn tại thực tế của nó với tính cách là một vũ khí thực tế nhằm chống lại đặc quyền của nhà vua phải được tính từ ngày 21 tháng Mười 1858. Đồng thời, để làm nguội lạnh sự nhiệt tình vô bổ, trong chương trình nghị sự, người ta đề ra việc tịch thu một loạt tờ báo. Điều đó thật đáng tiếc, nếu ta chú ý đến tính chất hiền hoà của những kẻ xấu chơi. Các tờ báo "Volks - Zeitung" và "National - Zeitung"⁴⁰⁸ là những tờ nổi tiếng nhất. Tờ "National - Zeitung" là cơ quan ngôn luận mà nhờ vào những tính chất của nó như sự tầm thường đáng kính, tính thoả hiệp nhút nhát và những biểu hiện thường xuyên của nhiệt tình đặc biệt kiểu Phổ đã khôn khéo tìm cách sống được qua cơn bão táp phản cách mạng và biến thành đồng tiền kêu lêng xêng những tàn dư thảm hại của một phong trào mà lúc đương thời nó đã có cái khôn ngoan là không đồng tình

với bọn cực đoan nguy hiểm. Sau trận đại hồng thủy, những sinh vật sống trên trái đất có hình dạng đẹp đẽ hơn và có kích thước bé hơn so với cha ông chúng trước thời đó. Quy luật này cũng chi phối quá trình hình thành xã hội. Và tuy nhiên tất cả chúng ta vô hình trung phải đi đến một kết luận là hình như bản thân cách mạng Đức có một quy mô nhỏ bé, nếu như những tên lùn trong báo chí Béc-lin - mà cách mạng thì, cuối cùng lại tìm được biểu hiện của mình trong báo chí này - được coi là đại biểu hợp pháp của cách mạng. Song, dù tình hình có thế nào đi nữa, nếu các biên tập viên của những báo đó không phải là anh hùng, hoặc thậm chí là những chiến sĩ bình thường, thì vô luận thế nào họ cũng biết tính toán một cách tinh vi. Họ cảm thấy rằng đã bắt đầu có một sự sục sôi nào đó và chế độ đã làm bối cảnh cần thiết cho cái chủ nghĩa tự do giả hiệu của họ và đã trả cho những hàng hoá của họ một cái giá tương ứng, đang nhanh chóng đi tới sụp đổ. Cho nên, để cho khách hàng của họ tin rằng họ đang thực sự bảo vệ chế độ đó, họ dám in những lời than phiền rì rào và tiếng rên than thở. Lẽ dĩ nhiên, họ không cần và thậm chí không sửa. Tất cả sự dửng dưng của họ lúc này là ở chỗ họ tăng bốc hoàng thân lên tận mây xanh. Thậm chí họ kêu gọi ông ta, như cách đây ít lâu tờ "National - Zeitung" đã làm, không nên dè dặt đối với ngân khố nhà nước; song - và tất cả sự hài hước của tình hình là ở chỗ đó - tất cả những lời tán tụng họ phung phí nhằm vào những việc chưa được thực thi của hoàng thân đã biến thành những lời chỉ trích đối với những hoạt động đã qua của Nội các Man-toi-phen. Họ làm cho hoàng thân tức giận bằng cách công hiến trước sự tin cậy của mình cho hoàng thân và sau đó lại sỉ nhục nội các bằng cách biểu lộ sự thiếu tin tưởng đối với nó. Song, để đánh giá họ một cách đúng đắn, phải đọc tác phẩm của họ theo nguyên bản. Không một thứ ngôn ngữ khác nào, thậm chí cả tiếng Pháp theo phong cách thánh Chạp, toát ra ít nhất là cái odeur de mauvais lieu^{1*} của riêng nó, có thể truyền đạt được những

1* - mùi hôi thối

lời ba hoa chán ngán, vô vị và lòng thông của các báo đó. Có thể giả thiết rằng họ đơn thuần nói theo lối bóng gió, vì họ chơi trò ú tim với cảnh sát; nhưng đó sẽ là một sai lầm lớn. Về thực chất họ nói tất cả những gì họ có để nói, nhưng đồng thời họ kết hợp rất khéo và có lợi cho mình những phương pháp trị bệnh dùng liều cao và liều thấp; họ cho một liều thuốc vô cùng thấp vào trong một đại dương chất lỏng trung tính. Mặt khác, hình như các bộ trưởng đã quen với cái hiện tượng địa chất là tác động thường xuyên của nước sẽ bào mòn tảng đá kiên cố nhất và làm nó vỡ ra thành mảnh nhỏ. Họ tức giận vì trạng thái chung của dư luận xã hội mà tựa hồ các báo đang phản ánh hơn là vì cái giọng lấp bấp của những đầu óc thông minh thận trọng ấy. Vì vậy, cũng như thường lệ, họ là những kẻ quan liêu cận thị, họ đánh con lừa để đấm vào bị, nghĩa là vào dư luận xã hội. Việc tịch thu lần nữa báo chí đánh dấu sự bắt đầu một chế độ mới - như các nhà quân chủ đã nói - là một câu trả lời đích đáng đối với sự biểu hiện ồn ào của những hy vọng mà người ta đặt vào hoàng thân. Không - các nhà tự do quan phương nói - chế độ của hoàng thân chưa bắt đầu; chừng nào hoàng thân chưa được các viện thừa nhận và chưa tuyên thệ với tư cách là vị nhiếp chính, thì lòng tôn trọng sâu sắc của ông ta đối với đạo luật hiến pháp buộc ông phải cho phép các bộ trưởng hoạt động, phù hợp với hiến chương, theo trách nhiệm riêng của mình. Nhưng tất cả những bản hiến pháp của chế độ quân chủ ở nước ta, dù chúng có bị gọt dẽo theo kiểu Pháp hoặc kiểu Anh, thì "tinh thần trách nhiệm của các bộ trưởng" ấy là một khái niệm rất khó hiểu. Ở Anh, nơi mà trách nhiệm ấy có lẽ là tồn tại dưới một hình thức hiện thực nhất, cụ thể nhất, nó có nghĩa là trong những thời điểm trọng đại nào đó, thì hoặc người phái Vích chuyển cái vô trách nhiệm của mình cho người thuộc phái To-ri, hoặc người theo phái To-ri chuyển cho người phái Vích. Ở đây tinh thần trách nhiệm của bộ trưởng, rốt cuộc, chỉ là việc chạy đua tìm những địa vị ấm thân, đó là hoạt động chính của các Đảng nghị trường. Ai mà có được một chức vụ ở bộ thì tạm thời hết trách nhiệm, vì rằng người đó đại biểu

cho đa số lập pháp mà đa số này, để giúp đỡ anh ta chiếm được địa vị, thì lại phụ thuộc vào đầu lĩnh của đảng anh ta. Ở nước Phổ, mục đích của những cố gắng nồng nhiệt và trung thực nhất của giai cấp tư sản là nhằm biến những ghế bộ trưởng thành giải thưởng có thể đạt được trong các trận đấu loại ở nghị trường. Song cho đến nay trách nhiệm của các bộ trưởng nước Phổ, về mọi ý nghĩa, chỉ là chuyện hoang đường. Điều 44 của bản hiến chương ghi:

"Những bộ trưởng của nhà vua đều có trọng trách. Mọi pháp lệnh của nhà vua chỉ có hiệu lực về mặt pháp chế, khi các bộ trưởng đã ký, do đó các bộ trưởng chịu toàn bộ trách nhiệm".

Song không có một đạo luật nào nói về trách nhiệm đó. Trong chính điều khoản trên không nói rõ các bộ trưởng chịu trách nhiệm trước ai. Trong thực tế, mỗi lần các viện dám dọa các bộ trưởng bằng việc bỏ phiếu không tín nhiệm, thì các ngài ấy trả lời thẳng thừng rằng: họ không hề chống lại việc làm đó, vì các bộ trưởng thực sự chịu trách nhiệm, nhưng chỉ trước nhà cầm quyền tối cao mà thôi. Vấn đề về trách nhiệm của các bộ trưởng ở Phổ, cũng như ở Pháp dưới thời Lu-i - Phi-líp, có một ý nghĩa đặc biệt, vì rằng, thực tế thì đó là vấn đề trách nhiệm của bộ máy quan liêu. Các bộ trưởng lãnh đạo cái phường ăn bám toàn năng và nhúng vào mọi chuyện ấy và, theo điều 106 của hiến pháp: những quan cấp dưới bộ trưởng - những người không cần phải xét đến tính hợp pháp của các mệnh lệnh của bộ trưởng và không chịu trách nhiệm đối với việc hoàn thành mệnh lệnh đó - chỉ phải tuân thủ một mình bộ trưởng mà thôi. Như vậy, sức mạnh của bộ máy quan liêu và, nhờ bộ máy đó, sức mạnh của quyền hành pháp là hoàn toàn bất khả xâm phạm, trong khi đó thì những "quyền của người Phổ" do hiến pháp quy định biến thành những từ chết.

Cuộc bầu cử sắp tới là một đòn bẩy mà tất cả các đảng hiện đang có ý định sử dụng; nhưng chính trong những vấn đề có liên quan đến bầu cử, hiến pháp được ban bố hiện nay đã xoá sạch tận gốc những dấu vết về nguồn gốc cách mạng của mình. Đúng

là với mục đích tăng tiền lương còn thấp của các quan chức bằng cách cộng thêm vào khoản lương đó một số thu nhập lấy từ nguồn nghị viện, người ta vẫn duy trì đạo luật rất bình dân về việc trả lương cho các đại biểu nhân dân. Quyền của mỗi người dân Phổ từ 25 tuổi trở lên được ứng cử, cũng được bảo đảm. Song các quyền bầu cử và cơ chế bầu cử được chế định sao cho không những loại trừ được đa số nhân dân, mà phần còn lại có đặc quyền trong nhân dân - vẫn nằm trong vòng chi phối lộng hành của bọn quan liêu. Bầu cử được tiến hành theo hai cấp. Đầu tiên người ta bầu những đại biểu đi bầu và sau đó, những người này bầu ra các đại biểu nghị viện. Ngoài việc tất cả những ai chưa đóng thuế trực tiếp đều bị loại không được tham gia cuộc bầu cử đợt đầu, thành phần cử tri đi bầu đợt đầu được chia làm ba nhóm, nhóm đóng thuế cao, nhóm đóng thuế vừa, nhóm đóng thuế thấp, hơn nữa mỗi nhóm trong những nhóm đó, giống như những bộ lạc của hoàng đế Xéc-vi-út Tu-li-út⁴⁰⁹, bầu ra một số lượng đại biểu như nhau. Nhưng, có lẽ là, người ta cho rằng quá trình thanh lọc phức tạp đó cũng vẫn chưa đủ, vì rằng, ngoài ra, bọn quan liêu còn có quyền phân chia, kết hợp, thay đổi, cắt rời và hợp nhất lại các khu vực bầu cử tùy theo ý mình. Ví dụ, nếu một thành phố nào đó bị nghi ngờ là theo chủ nghĩa tự do, thì người ta có thể hoà tan nó vào khối phiếu phản động của các cử tri nông thôn. Với một lệnh đơn giản, bộ trưởng có thể gán thành phố theo chủ nghĩa tự do và một vùng nông thôn phản động thành một khu bầu cử chung. Những xiềng xích trói buộc những cuộc vận động bầu cử là như thế và ở những thành phố lớn, thì những xiềng xích ấy có thể bị phá vỡ chỉ trong những trường hợp ngoại lệ.

*Do C.Mác viết ngày 19 tháng Mười 1858
Đã đăng trên báo "New-York Daily
Tribune" số 54-75, ngày 8 tháng Mười
1858*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

*NHỮNG THẮNG LỢI CỦA NGA Ở VIỄN ĐÔNG

Cuộc phục thù mà nước Nga ắt phải tiến hành với Pháp và Anh để rửa hận sự thất bại của mình ở Xê-va-xtô-pôn giờ đây đã được thực hiện. Mặc dầu những trận đánh quyết liệt kéo dài ở bán đảo Hê-rắc-lây đã làm tổn thương lòng tự hào của nước Nga và làm cho Nga mất một khoảnh lãnh thổ nhỏ⁴¹⁰, sau khi chiến tranh kết thúc nước Nga vẫn hoàn toàn được cuộc. Tình cảnh của "người bệnh"⁴¹¹ trở nên rất tồi tệ; giáo dân đất Thổ Nhĩ Kỳ thuộc châu Âu gốc Hy Lạp, cũng như Xla-vơ, hơn lúc nào hết đều hướng tới việc thủ tiêu ách thống trị của Thổ Nhĩ Kỳ và, hơn lúc nào hết, nhìn thấy ở Nga người bảo vệ duy nhất của mình. Không nghi ngờ gì nữa, những gián điệp Nga tham gia vào tất cả các cuộc khởi nghĩa và những âm mưu ở Bô-xni-a, Xéc-bi, Tréc-nô-gô-ri và ở đảo Cri-tơ trong thời gian gần đây; nhưng sự kiệt quệ cùng cực và sự suy yếu của Thổ Nhĩ Kỳ thể hiện rõ ngay trong chiến tranh và trầm trọng thêm vì những nghĩa vụ mà Thổ Nhĩ Kỳ phải gánh vác căn cứ vào hoà ước, cũng đã đủ để giải thích những làn sóng khởi nghĩa bao gồm hết tất cả những thần dân công giáo của vua Thổ Nhĩ Kỳ. Như vậy, bằng cái giá của sự mất mát tạm thời một khoảnh đất nhỏ - vì hoàn toàn rõ ràng là nước Nga sẽ không quên giành lại ngay khi có cơ hội đầu tiên, - nước Nga đã tiến rất gần tới việc thực hiện những chương trình

của mình về Thổ Nhĩ Kỳ. Làm cho nước Thổ Nhĩ Kỳ nhanh chóng suy sụp và thiết lập sự bảo hộ của mình cho các thần dân công giáo của Thổ Nhĩ Kỳ - là những mục tiêu mà nước Nga hướng tới từ đầu chiến tranh, nhưng ai có thể khẳng định rằng hiện nay nước Nga không thực hiện công cuộc bảo hộ ấy ở mức độ lớn hơn bất kỳ thời gian nào?

Như vậy, nước Nga đã được cuộc thậm chí do kết quả của cuộc chiến tranh không thành công ấy đối với nó. Nhưng dẫu sao nước Nga cũng phải trả thù, và để thực hiện điều đó, nó đã chọn một lĩnh vực mà nó không có đối thủ - lĩnh vực ngoại giao. Trong khi Anh và Pháp tiến hành cuộc chiến tranh tốn kém với Trung Quốc, Nga vẫn là một nước trung lập và chỉ can thiệp vào lúc kết thúc mà thôi. Kết quả thì hoá ra Pháp và Anh tiến hành chiến tranh với Trung Quốc chỉ độc nhất vì lợi ích của nước Nga. Trên thực tế, vị trí của Nga trong trường hợp này vô cùng thuận lợi. Ở đây là nói về một trong những đế chế châu Á đang suy vong, những đế chế này đã lần lượt trở thành miếng mồi của bọn người Âu năng động; về một đế chế suy yếu, lung lay đến nỗi không đủ sức để vượt qua cuộc khủng hoảng của cách mạng nhân dân, vì rằng ở đó thậm chí một cuộc bùng nổ gay gắt của khởi nghĩa cũng sẽ biến thành một chứng bệnh kéo dài và hình như không chữa khỏi; về một đế chế mục nát đến nỗi không còn có thể nắm được dân chúng của mình, cũng không thể chống cự được ngoại xâm. Trong khi người Anh đang cãi lộn với những viên quan nhỏ người Trung Quốc ở Quảng Châu, và thảo luận ngay ở Anh một vấn đề quan trọng là, có phải thực sự viên quan E đã hành động theo đúng ý của hoàng đế mình không, thì người Nga đã chiếm một lãnh thổ phía bắc sông A-mua và phần lớn bờ biển Mãn Châu Lý ở phía nam sông đó; họ củng cố vị trí ở đấy, tiến hành những cuộc thăm dò để đặt đường sắt và dự định những nơi xây dựng thành phố và những bến tàu tương lai. Cuối cùng, khi nước Anh quyết định đến Bắc Kinh bằng một cuộc chiến tranh, và khi Pháp đi theo Anh với hy vọng kiếm chác chút gì đó, thì nước Nga, mặc dầu lúc bấy giờ đã cướp đoạt của Trung Quốc một vùng đất bằng cả nước Pháp và Đức cộng lại, chiếm một con sông dài bằng sông Đa-nuýp - Nga đã khôn khéo hành động như một người bảo

hộ vô tư của nước Trung Quốc yếu hèn, còn khi ký hoà ước thì Nga đã đóng vai trò có lẽ là trung lập; và nếu so sánh những hiệp ước thoả thuận khác nhau ký kết vào dịp đó, thì không thể không thừa nhận cái sự thật mà mỗi người đều rõ là chiến tranh hoá ra không phải có lợi cho Pháp, Anh, mà là cho Nga.

Những mối lợi mà các bên tham chiến nhận được, trong đó có phần của Nga và Hợp chúng quốc, mang tính chất thuần túy thương mại và, như chúng tôi đã có dịp chỉ ra trước đây^{1*}, phần lớn là ảo tưởng. Trong điều kiện hiện nay, nền thương mại Trung Quốc, trừ thuốc phiện và một số lượng bông của Đông Ấn, cũng như trước, chủ yếu chỉ là xuất khẩu hàng hoá Trung Hoa, chè và lụa, hơn nữa việc xuất khẩu ấy lại phụ thuộc vào nhu cầu nước ngoài hơn là vào những sự dễ dãi ngoại lệ nhiều hay ít mà Chính phủ Trung Quốc tạo ra. Thế giới đã khôn khéo kiếm được chè và lụa ngay cả trước khi có Hiệp ước Nam Kinh, còn sau khi ký hiệp ước đó thì việc mở năm cảng cho thương mại đã dẫn đến chỗ một phần thương mại của Quảng Châu chuyển sang Thượng Hải. Những cảng khác nói chung hầu như không buôn bán gì cả, riêng một địa điểm độc nhất là Sán Dâu có một ý nghĩa thương mại nào đó thì lại không thuộc năm cảng mở nói trên. Còn vấn đề mở đường buôn bán trên sông Dương Tử thì như đã định, tạm gác lại cho đến khi đức hoàng thượng hoàn toàn phục hồi quyền lực của mình tại những phần lãnh thổ bị quân khởi nghĩa chiếm đóng dọc các bờ sông Dương Tử, nghĩa là gần như đến một thời gian vô định. Nhưng những sự nghi ngờ thuộc loại khác về giá trị của hiệp ước mới đó đã nảy sinh. Có người nào đó khẳng định rằng: thuế đánh vào hàng quá cảnh ghi trong điều khoản XVIII của Hiệp ước Anh - Nga là một sự bịa đặt hoàn toàn. Trước kia người ta cho rằng thuế đó có tồn tại, nhưng ý kiến đó hoàn toàn dựa trên cơ sở là người Trung Quốc có nhu cầu rất ít về hàng hoá của Anh, do vậy những hàng hoá đó không mấy may lọt sâu vào được Trung Quốc, trong khi một số loại vải Nga thoả mãn được yêu cầu của người Trung Quốc và được chở qua Ki-ắc-ta hay Ti-bê lọt được tới cả vùng miền biển. Người ta quên rằng, nếu những

1* Xem tập này, tr.715 - 725.

thứ thuế ấy tồn tại, thì chúng sẽ đánh vào hàng hoá Nga với mức độ như hàng hoá Anh. Vô luận thế nào, ngài Uyn-grốp Cúc, được đặc biệt phái đi công cán vào sâu nội địa Trung Quốc, cũng không thể phát hiện ra những thứ gọi là "thuế quá cảnh" đó và khi trả lời những câu phỏng vấn công khai về vấn đề này, ông ta thú nhận rằng ông đã đi đến "một khẳng định chưa xốt là sự thiếu hiểu biết của chúng ta về Trung Quốc - đó là một sự dốt nát có hậu quả rõ rệt"⁴¹². Mặt khác, ngài Gi.U Hen-li, Bộ trưởng thương mại Anh, khi trả lời trên báo câu hỏi "có những cứ liệu về sự tồn tại của những thuế nội địa như vậy không", đã nói rất rõ: "Tôi không thể báo cáo cho các ngài những tin tức mà các ngài quan tâm là có những cứ liệu về các khoản thuế nội địa ở Trung Quốc không". Như vậy, bên cạnh sự khẳng định không thoả mái lắm rằng huân tước En-ghin đã thương lượng về việc bồi thường mà không quy định thời hạn trả và đã chuyển chiến tranh từ Quảng Châu đến thủ đô hoàn toàn chỉ để ký kết một hoà ước đưa quân Anh ra khỏi thủ đô và phái họ trở lại đánh nhau ở Quảng Châu - bên cạnh sự khẳng định ấy thì trong đầu Giôn Bun nảy ra một mối ngờ đen tối, rằng bản thân ông ta phải xuất tiền túi của mình để bồi thường những tổn thất như hiệp ước đã quy định, vì điều khoản XXVIII là một sự quấy rối lớn đối với nhà cầm quyền Trung Quốc nhằm đánh vào những hàng hoá công nghiệp Anh một khoản thuế quá cảnh là 7,5%; khoản thuế mà vào bất cứ lúc nào cũng có thể biến thành 25% thuế nhập khẩu. Để ngài Giôn Bun khỏi phải suy nghĩ quá nhiều về bản hiệp ước của mình, nhật báo Luân Đôn "Times" đã nhận ra là cần làm ra vẻ phần nộ chính đáng đối với đại sứ Mỹ và công kích ông ta một cách quyết liệt về chỗ tựa hồ ông ta đã làm hỏng mọi việc, mặc dầu thực tế thì, trong sự thất bại của cuộc chiến tranh Anh - Trung Quốc lần thứ hai, ông ta đã tham gia không nhiều hơn một kẻ rơi từ cung trăng xuống.

Như vậy, hoà ước, trong chừng mực có liên quan đến thương mại Anh, chỉ đưa ra được một loại thuế nhập khẩu mới và một loạt những điều kiện mà, hoặc là không có một ý nghĩa thực tiễn nào, hoặc là người Trung Quốc không thực hiện được và do đó có thể trở thành cái cớ cho một cuộc chiến tranh mới vào bất kỳ

lúc nào. Anh không được nhận thêm mảnh đất mới nào cả - nó không có quyền đòi hỏi điều đó khi không cho phép Pháp có được quyền ấy, còn như sự xuất hiện những lãnh thổ thuộc Pháp trên bờ biển Trung Quốc như là kết quả của cuộc chiến tranh do Anh tiến hành thì đó là điều cực kỳ bất lợi đối với nước Anh. Còn nước Nga thì có một vị trí khác hẳn. Ngoài việc nước Nga được hưởng mọi cái lợi hiển nhiên, dù đó là cái lợi gì mà Anh và Pháp được hưởng, thì Nga còn nhận được toàn bộ vùng ven A-mua là vùng mà nước Nga đã chiếm được một cách êm thấm. Không thoả mãn với điều đó, nước Nga còn thành lập một ban hỗn hợp Nga - Trung Quốc để xác định biên giới, chúng ta thừa biết loại ban như vậy trong tay Nga là gì rồi. Chúng ta đã thấy những ban ấy làm việc ra sao ở biên giới châu Á của Thổ Nhĩ Kỳ, ở đó, trong vòng hơn hai mươi năm trời, những ban này đã cắt của đất nước ấy hết mảnh đất này đến mảnh đất khác, cho đến khi hoạt động của chúng bị cuộc chiến tranh gần đây làm gián đoạn, khiến cho ngày nay công việc đó lại phải bắt đầu trở lại. Hơn nữa, trong hiệp ước có điều khoản quy định dịch vụ bưu điện giữa Ki-ắc-ta và Bắc Kinh. Những gì mà trước kia là một tuyến liên lạc không chính quy và chỉ có chính quyền Trung Quốc là buộc phải chịu đựng, thì nay biến thành một dịch vụ được tổ chức một cách chính quy và được quy định thành pháp luật. Giữa hai địa điểm ấy, người ta dự định lập một dây liên lạc bằng bưu điện hàng tháng, hơn nữa, khoảng cách giữa hai địa điểm là hàng ngàn dặm được thông liên lạc trong mười lăm ngày. Ngoài ra, cứ ba tháng một kỳ lại có một đoàn súc vật vận chuyển đi trên chính con đường ấy. Rõ ràng là người Trung Quốc hoặc giả không muốn, hoặc không làm nổi dịch vụ đó; và vì sự liên lạc bằng bưu điện đã được bảo đảm cho nước Nga về mặt pháp lý, cho nên dần dần nó được chuyển qua tay người Nga. Chúng ta biết người Nga đã xây dựng một tuyến đồn bốt quân sự trên thảo nguyên Kiếc-ghi-do^{1*}; và không nghi ngờ gì nữa, chỉ sau mấy năm nữa thôi, một tuyến đường tương tự như thế sẽ được thiết lập qua sa mạc Gô-bi. Lúc bấy giờ thì "xin vĩnh biệt" cái mộng về quyền thống trị của Anh

1* Xem tập này tr. 736 - 743.

ở Trung Quốc, vì quân đội Nga có thể hành quân đến Bắc Kinh vào một ngày nào đó.

Chúng ta dễ dàng hình dung được kết quả của việc thành lập các cơ quan đại sứ quán thường trú ở Bắc Kinh. Chỉ cần các vị hãy nhớ lại một Công-xtăng-ti-nô-plơ hoặc Tê-hê-ran. Dù giới ngoại giao Nga gặp giới ngoại giao Anh hoặc Pháp ở nơi nào đi nữa, thì nhất định người Nga cũng thắng cuộc. Mà ai có thể nghi ngờ rằng đại sứ Nga sau vài năm có thể bố trí ở Ki-ắc-ta, nơi cách Bắc Kinh một tháng đường, một đạo quân đủ mạnh để thực hiện bất kỳ mục đích gì, cũng như một con đường được chuẩn bị đầy đủ trên suốt toàn bộ chiều dài để cho đội quân ấy hành quân, - ai có thể nghi ngờ rằng đại sứ Nga đó sẽ là đáng toàn năng ở Bắc Kinh?

Hoàn toàn rõ ràng là Nga nhanh chóng trở thành một cường quốc đứng đầu ở châu Á và chẳng bao lâu nữa sẽ vượt hẳn nước Anh ở trên đại lục ấy. Chiếm được Trung Á và sáp nhập được vùng Mãn Châu Lý, nước Nga đã chiếm đóng thêm một lãnh thổ có diện tích bằng châu Âu, trừ đế chế Nga, từ miền Xi-bia tuyết trắng đến tận miền ôn đới. Trong tương lai sắp tới những lưu vực các con sông Trung Á và sông A-mua sẽ có thực dân Nga đến cư trú. Những vị trí chiến lược chiếm được bằng cách đó cũng có một ý nghĩa quan trọng đối với châu Á, như vị trí ở Ba Lan đối với châu Âu. Việc chiếm Tuốc-ke-xtan đe dọa Ấn Độ; việc chiếm Mãn Châu Lý đe dọa Trung Quốc. Mà Trung Quốc và Ấn Độ với dân số 450 triệu người, ngày nay là những nước quyết định mọi vấn đề ở châu Á.

Do Ph.Ăng-ghen viết khoảng ngày 25 tháng Mười 1858

Đã đăng làm xã luận trên báo "New-York Daily Tribune" số 5484, ngày 18 tháng Mười một 1858

In theo bản đăng trên báo Nguyên văn là tiếng Anh

PH.ĂNG-GHEN

SỰ TRUY NÃ MÔNG-TA-LĂM-BE

Pa-ri, ngày 6 tháng Mười một 1858

Bá tước Mông-ta-lăm-be là người đầu tiên nổi tiếng ít nhiều ở Pháp đã tham dự vào coup d'état của Lu-i - Na-pô-lê-ông. Dưới thời Lu-i - Phi-líp, ông đại biểu cho đảng Thiên chúa giáo ở nghị viện; trong thời cộng hoà, ông thuộc cái đảng phản động ở quốc hội gồm những kẻ thuộc phái Oóc-lê-ăng và phái chính thống là đảng làm ra vẻ thừa nhận nền cộng hoà để phá hoại nó triệt để hơn; trong khi đảng này có ý định hành động vì lợi ích của dòng này hay dòng khác của phái Buốc-bông, thì trong thực tế nó chỉ là một trò chơi trong tay chính Lu-i Bô-na-pác-tơ là người mà, vào một buổi sáng đẹp trời nọ, đã bắt giam và đuổi cổ tất cả các đại biểu của nó và nhờ vào ân huệ của lũ lính tráng say rượu đã giành lấy chính quyền chuyên chế. Cùng với những người khác bị giải tán bằng bạo lực như vậy, Mông-ta-lăm-be vốn là một người trước đây thuộc phái Oóc-lê-ăng, là người đầu tiên và "chỉ trừ một trường hợp ngoại lệ đáng khinh" của ngài Duy-panh, hiện nay vẫn là một nhà hoạt động nghị trường lớn duy nhất ở Pháp chạy sang phe Bô-na-pác-tơ. Trong tình trạng bệnh tê liệt về chính trị lan tràn khắp nước Pháp lúc bấy giờ, vụ Mông-ta-lăm-be đào ngũ là một sự kiện có ý nghĩa lớn; đó là một sự kiện quan trọng đối với

chính phủ mới đang bị tách rời khỏi toàn nước Pháp bởi một bức tường binh lính làm lá chắn cho nó. Khuynh hướng công giáo biểu hiện một cách rõ rệt của Chính phủ Lu-i - Na-pô-lê-ông đã làm cho Mông-ta-lăm-be bị mua chuộc. Theo lời đồn đại, thì còn một sự mua chuộc khác, cụ thể hơn đã buộc ông phải thay đổi lập trường. Có một thời kỳ Mông-ta-lăm-be ủng hộ chính phủ với tư cách là uỷ viên Hội đồng lập pháp; ông ta xu nịnh và xun xoe trước một kẻ đã thay thế những cuộc tranh cãi ở nghị trường bằng độc tài quân sự; ông ta đủ đề hèn để cảm thấy vinh hạnh khi được làm một trong những tên bù nhìn mà kẻ tiếm vị thành công đã giao cho quyền bỏ phiếu cho các đạo luật và các khoản tín dụng theo lệnh của hắn - bỏ phiếu, chứ không phải nói, còn nếu nói thì chỉ một mực ca tụng hắn mà thôi. Nhưng Mông-ta-lăm-be không nhận được phần thưởng nào vì tự nguyện hạ mình như vậy; làm công việc của mình, ông vĩnh viễn xa rời những bạn chính trị cũ, vĩnh viễn bị bôi nhọ; ông chẳng còn bao giờ có thể trở thành một đối thủ đáng sợ; người ta vắt kiệt ông như một quả chanh - cần gì phải gượng nhẹ với ông nữa? Khi không còn là đối tượng của sự chú ý, Mông-ta-lăm-be đã phát hiện ra rằng cái phương thuốc mà Lu-i Bô-na-pác-tơ dùng để cứu và đang tiếp tục cứu nước Pháp bằng cách bắt mọi người hành động theo mình, xét cho cùng là không thật tốt lắm. Tự nhiên ông ta so sánh vị trí của ông ở trong viện dân biểu với vị trí của ông cũng chính trong toà nhà này mười hay hai mươi năm về trước, và ông dần dần bắt đầu chuyển sang phái đối lập với chính phủ. Người ta chịu đựng điều đó tới một mức độ nhất định thôi, thậm chí đã cho phép ông ấn hành hai hay ba bài phát biểu đầu tiên của mình. Từ đó, ông và cả một số ít đại biểu phái cộng hoà đã thể trung thành với chính phủ, và một số những người thuộc phái Bô-na-pác-tơ bất mãn đang tạo nên ở trong cái quốc hội thảm hại ấy một thứ phái đối lập cũng thảm hại như cái cơ quan mà nó nằm trong đó vậy.

Việc chống lại những sự lộng hành hơn nữa của nhà vua hình như đã đem lại cho Mông-ta-lăm-be một sự nổi tiếng nhỏ nhoi và thoả qua nào đó trong vài giới tư sản, và ông, rõ ràng là chờ dịp

để củng cố cho mình cái ưu thế ấy bằng một hành động táo bạo và bất ngờ nào đó. Ông đã liên hệ với "Correspondant"⁴¹³, một tạp chí hầu như hoàn toàn thuộc về dòng họ Brôi và bởi vậy tạp chí theo đuổi một đường lối Oóc-lê-ăng. Lợi dụng khi chủ tờ báo đi khỏi Pa-ri, Mông-ta-lăm-be cho đăng bài báo của mình dưới tiêu đề "Những cuộc tranh cãi về Ấn Độ ở Nghị viện Anh". Bài báo đó dưới hình thức lúc bấy giờ của nó sẽ không được phép đăng, nếu những ông Brôi thận trọng và nhút nhát có mặt ở Pa-ri và có thể tỏ rõ ảnh hưởng của mình. Trong bài báo đó, Mông-ta-lăm-be tìm cách thực hiện amende honorable^{1*} về việc ông ta chạy sang phía Bô-na-pác-tơ; bằng cách tâng bốc tận mây xanh sự cai trị bằng nghị viện ở Anh, ông ta lên án hoàn toàn không úp mở chế độ cai trị hiện hành ở Pháp.

"Tôi bị diếc tai đôi khi vì những tiếng rì rầm của những thông tin viên ngoài hành lang nghị viện; đôi khi vì tiếng la hét của những kẻ cuồng tín tự cho mình là những ông chủ của chúng ta, hoặc là của bọn đạo đức giả coi chúng ta là những vật hy sinh của chúng; khi tôi thấy ngột ngạt trong bầu không khí nặng nề chứa đầy uế khí của thói nô lệ và hủ hoá, tôi vội vàng đi khỏi để thở hít cái không khí trong lành hơn và tắm mình trong biển tự do của nước Anh... Nếu trong số những người đang giở những trang này ra có những người hiện đang bị "cái mốt đó" (Bô-na-pác-tơ và chuyên chế) chi phối, thì tôi nói thẳng và nói thật với họ rằng: hãy dừng đọc nữa, hãy dừng đi xa hơn nữa; không có một điều gì tôi viết làm cho các anh vui lòng và thú vị đâu; hãy đi đi mà thông thả nhai lại thức ăn trên bãi cỏ phì nhiêu của sự yên tĩnh đầy mãn nguyện của các anh, hãy dừng ghen tị với những người không thêm muốn được như các anh, đang sử dụng cái quyền *vẫn giữ lòng trung thành với quá khứ cũ của mình*, với những cố gắng tư duy và những ước vọng của mình vươn tới tự do... Lần đầu tiên tôi xúc cảm mạnh khi rời khỏi cảnh tượng hùng vĩ đó" (các cuộc tranh cãi ở hạ nghị viện), "cũng như bất kỳ một người nào khác xúc cảm khi nhìn thấy chính phủ không hơn gì một lũ tay sai và khi chờ đợi gặp ở một dân tộc văn minh một cái gì tốt hơn là một đàn cừu chỉ dùng được để cắt lấy lông hoặc để cho gặm cỏ lặng lẽ dưới bóng của một sự yên tĩnh làm cho rã rời".

Điều đó nghe rất hay và thực tế là khá mạnh. Giôn Bun trong những năm gần đây chỉ quen với những sự thô bạo và những lời

nhạo báng của giới báo chí Pháp, lẽ dĩ nhiên vô cùng cảm ơn Mông-ta-lăm-be đã hết lời khen nịnh. Ông ta cảm kích đến nỗi không nghĩ đến cả việc nhìn lại cái "quá khứ" mà Mông-ta-lăm-be, theo chính lời ngài đó nói, vẫn tỏ ra trung thành. Mọi người đều biết rằng Mông-ta-lăm-be đã từng tự mình liên kết với những thông tin viên ở hành lang nghị trường, với những kẻ cuồng tín và đạo đức giả mà giờ đây những lời rì rầm, những tiếng la hét của họ đang làm diếc tai ông; ông ta không phải đổ lỗi cho ai, ngoài chính bản thân mình cả, nếu như ông ta có chủ định và tự giác tắm mình trong không khí đầy uế khí của thói quen nô lệ và hủ hoá mà sức nặng của nó hiện đang làm ông ta ngột ngạt. Nếu như "ở Pháp cái mốt mới nhất là tỏ ra ghê tởm đối với tất cả những gì giống với sự hồi ức hay sự nuôi tiếc sinh hoạt chính trị trong quá khứ", thì ngài Mông-ta-lăm-be là một trong những người đầu tiên tạo ra mốt đó, khi ông ta giống trống mỗ cò chạy sang chính cái phe đã tuyên bố một kỷ nguyên mới dựa trên sự sụp đổ hoàn toàn và triệt để của "sinh hoạt chính trị trong quá khứ". Còn những người bằng lòng thông thả gặm cỏ trên bãi cỏ phì nhiêu của sự yên tĩnh đầy mãn nguyện thì Mông-ta-lăm-be không thể quả trách họ. Coup d'état được thực hiện chính dưới chiêu bài là cần phải trấn an những khát vọng chính trị và mở ra một thời đại của chính cái thanh bình, cái yên tĩnh đầy mãn nguyện đó. Và nếu Mông-ta-lăm-be đã đi theo coup d'état không phải do nguyên nhân đó, thì vì nguyên nhân gì mà nói chung ông đã đi theo nó vậy? Thực ra, dù người ta có nói gì đi nữa để chống lại Lu-i - Na-pô-lê-ông, thì cũng không thể kết tội ông này về chỗ, sau coup d'état ông này đã nguy trang đường lối chính trị hay những dự định của mình. Đã không thể có và đã không có một sự lầm lạc nào trong ý định của ông biến nhân dân Pháp thành một đàn cừu, chỉ được dùng để cắt lấy lông và để cho gặm cỏ lặng lẽ dưới bóng của một sự yên tĩnh làm cho rã rời. Điều đó Mông-ta-lăm-be biết không kém những người khác. Nếu giờ đây ông ta vẫn hiên ngang đứng thẳng lên và kêu gọi chúng ta ngưỡng mộ ông như một người không ghen ghét những bạn thân Bô-na-pác-tơ xưa kia của mình, vẫn trung thành với quá khứ của mình, thì chúng ta chỉ còn cách là hỏi ông ta: thưa ngài Đờ Mông-ta-lăm-be, ngài muốn nói về cái

1* - sự ăn năn công khai

quá khứ nào vậy? Có phải cái thời kỳ quá khứ của ngài tại nghị viện quân chủ, nơi mà ngài phát biểu và bỏ phiếu cho lợi ích của bọn phản động, cho những cuộc đàn áp, cho sự cuồng tín thầy tu hay không? Hay là cái thời kỳ quá khứ của ngài tại Quốc hội cộng hoà, khi ngài bí mật thoả thuận với nhiều ông bạn nghị trường cũ của ngài về việc phục hồi chế độ quân chủ, khi ngài, bằng cách bỏ phiếu từng bước, từ bỏ các quyền tự do của nhân dân, tự do báo chí, quyền hội họp và lập hội và, khi ngài tự tay mình rèn đúc vũ khí để cho tên phiêu lưu sử dụng chính vũ khí ấy đuổi ngài và những kẻ đồng bọn với ngài ra khỏi cửa? Hay là, cuối cùng, ngài nói về cái thời kỳ quá khứ của ngài trong Hội đồng lập pháp của Bô-na-pác-tơ, nơi mà ngài tự hạ mình trước tên phiêu lưu thành đạt ấy, tự nguyện và có chủ định chạy sang phía hấn với tư cách là một trong những gia nhân ở phòng chờ của hấn? Thừa ngài Mông-ta-lăm-be, những khát vọng tự do của ngài thuộc về thời kỳ nào trong ba thời quá khứ đó? Chúng ta thiên về hướng cho rằng nhiều người đã phải vận dụng nhiều "cố gắng tư duy" mới hiểu nổi điều đó. Trong khi đó Chính phủ Lu-i - Na-pô-lê-ông đã trả thù người đầy tớ không trung thành của mình bằng cách truy tố trước toà án và phiên toà sẽ được mở ngay trong tháng này. Chúng ta có điều kiện so sánh sự công phần cao quý của ngài Đờ Mông-ta-lăm-be với sự công phần cao quý của ngài biện lý phái Bô-na-pác-tơ, và ngay lúc này chúng ta đã có thể nói rằng, xét về tính thành thật thì có thể đặt cả hai người gần như ngang hàng nhau được. Bản thân vụ án xét xử đó cũng gây nên một chấn động không nhỏ ở Pháp, và mặc dù kết quả của nó như thế nào đi nữa nó cũng là một sự kiện quan trọng trong lịch sử. Để chế thứ hai. Ngay việc Mông-ta-lăm-be cho rằng cần phải đoạn tuyệt thật công khai với chính phủ hiện thời và chịu sự truy tố cũng là một bằng chứng hùng hồn chứng tỏ rằng giai cấp tư sản Pháp đã bắt đầu thức tỉnh để tham gia đời sống chính trị. Chỉ có sự lãnh đạm hoàn toàn, sự suy nhược về chính trị và blasé^{1*} về trí tuệ của giai cấp đó mới cho phép Lu-i - Na-pô-lê-ông thiết lập được chính quyền của mình. Chỉ có nghị

1* - sự uể oải

viện là chống lại hấn thôi, nhưng nghị viện lại không dựa vào cả giai cấp tư sản lẫn giai cấp công nhân, cho nên hấn đã có được sự ủng hộ thụ động của giai cấp tư sản và sự giúp đỡ tích cực của quân đội. Các nghị viện bị đánh bại ngay lập tức, nhưng giai cấp công nhân - thì chỉ sau một tháng đấu tranh trên toàn nước Pháp. Trong một thời gian dài, giai cấp tư sản đã phục tùng, đành rằng với những lời eo sèo, nhưng đầu sao thì cũng phục tùng và xem Lu-i - Na-pô-lê-ông như một vị cứu tinh của xã hội và do đó, như một nhân vật cần thiết. Giờ đây, hình như giai cấp tư sản dần dần thay đổi ý kiến. Nó thiết tha quay về cái thời kỳ mà giai cấp tư sản, hay ít ra, một bộ phận giai cấp tư sản, lãnh đạo đất nước và khi diễn đàn và báo chí đều chỉ phục vụ cho những lợi ích chính trị và xã hội của riêng họ. Rõ ràng là, họ lại đầy tin tưởng vào bản thân mình, vào khả năng quản lý đất nước của mình; và nếu đúng như vậy thì họ tìm cách thể hiện điều đó. Như vậy, có thể chờ đợi ở Pháp một phong trào tư sản tương ứng với phong trào hiện đang xảy ra ở nước Phổ, là phong trào tiên khu rõ ràng của một phong trào cách mạng mới, giống như phong trào tư sản ở I-ta-li-a những năm 1846 - 1847 đã là kẻ báo trước của cách mạng năm 1848. Hình như Lu-i - Na-pô-lê-ông hiểu rất rõ điều đó. Ở Séc-bua, có lần ông ta nói với một người đã nhiều năm ông không gặp rằng: "Rất tiếc là những giai cấp đã hình thành trong nước không muốn đi với tôi; đó là lỗi của họ; nhưng quân đội theo tôi, và tôi không quản ngại gì cả". Nhưng chẳng bao lâu sau ông ta đã thấy cái gì vẫn thường xảy ra với quân đội - đặc biệt là với quân đội có những sĩ quan và tướng lĩnh thuộc phái Bô-na-pác-tơ - một khi quần chúng tư sản tỏ ra công khai chống đối lại. Vô luận thế nào thì đối với đại lục châu Âu hình như thời kỳ bão tố cũng đang đến.

*Do Ph.Ăng-ghen viết khoảng ngày 2 tháng Mười một 1858
Đã đăng trên báo "New-York Daily Tribune" số 5489, ngày 24 tháng Mười một 1858*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

NỘI CÁC MỚI

Béc-lin, ngày 6 tháng Mười một 1858

Sau một thời gian dao động khá dài, cuối cùng, nội các mới đã được thành lập. Có thể đánh giá một cách đúng đắn nhất rằng đó là nội các của công chúa Phổ. Sắc thái chung của nội các mới có phần tự do chủ nghĩa hơn điều mà những người phi-li-xtanh ở Béc-lin dám chờ đợi, và như người ta có thể chờ đợi ở một cuộc bầu cử phụ nữ, khi sắp xếp cuộc bầu cử này, người ta ít chú ý đến tương quan giữa các phần tử khác nhau trong cuộc bầu cử, miễn là đạt được mục đích cơ bản - bảo đảm sự nổi tiếng tạm thời. Để xứng với một người đàn bà thật sự, công chúa biết dùng lời ngọt ngào nói với từng người: với những người theo đạo Thiên chúa thì bà nói về sự bổ nhiệm một giáo dân^{1*} làm thủ tướng - đó là một việc chưa từng có trong biên niên sử nước Phổ; với những người theo đạo Tin lành có tính đố kỵ, thì giao bộ giáo dục nhân dân cho phái Kiền thành Phúc âm^{2*}; với trào lưu bài Nga, thì bộ chiến tranh được uỷ thác cho tướng^{3*} trước đây đã từng bị giải nhiệm chỉ hoàn toàn là theo yêu cầu của Nga hoàng

1* - Hô-hen-txô-léc - Dích-ma-rin-ghen

2* - Bết-man – Hôn-véch

3* - Bô-nin

Ni-cô-lai; với những người có xu hướng chống Áo - thì chuyển chức bộ trưởng ngoại giao cho người^{1*} trước đây đã hai lần khước từ chức đó để khỏi phải phục tùng mệnh lệnh của công tước Svác-xen-béc; với người thuộc truyền thống quan liêu - thì bổ nhiệm làm bộ trưởng nội vụ, tức là bộ trưởng mà thực tế là cầm đầu toàn bộ đội quân quan liêu trong cảnh sát, cũng như trong các cơ quan hành chính (Regierung), một bậc lão thành^{2*} thời đại Phri-drích - Vin-hem III đẹp dễ thuở xưa; với người thuộc phái tự do thì dành những ghế bộ trưởng không bộ ở trong nội các, tương tự như chức huân tước Chủ tịch Hội đồng nhà nước⁴¹⁴ trong Nội các Anh, cho người^{3*} đã từng làm thủ tướng trong nội các đầu tiên mà cuộc Cách mạng năm 1848 đã lập ra; với những kẻ thuộc phái buôn bán tự do - thì đưa ngài Phôn Pa-tốp vào bộ tài chính; còn với những người thuộc phái bảo hộ thuế quan thì giữ Phôn-de Hây-tơ ở ghế bộ trưởng thương mại; với tầng lớp quý tộc thì hứa rằng đứng đầu toàn bộ nội các là hoàng thân trong hoàng gia và tất cả những chức vụ chính trị trong nội các đều do quý tộc nắm giữ; với giai cấp tư sản - thì giành những ghế bộ trưởng chuyên môn thường, tư pháp, thương mại, giáo dục quốc dân và nội vụ cho những người tư sản bình thường hay tư sản đã vào giới quý tộc; với những kẻ thù của giới quân thần thì hứa rằng đại đa số nội các mới gồm những kẻ thù riêng của Ghéc-la-khơ và đồng bọn; còn với những người bảo thủ là những kẻ sợ rằng ở Phổ lại áp dụng cái mốt thay đổi nội các theo ý nghĩa nghị trường của từ đó, thì hứa rằng một số bộ trưởng, bạn đồng nghiệp của Man-toi-phen do y chọn và đã ký tên vào sắc lệnh tuyên bố coup d'état vào tháng Chạp 1848, đều được giữ nguyên lương bổng.

Như vậy, nét đặc trưng của nội các mới là tính chất chiết trung - một thứ chiết trung do lòng ham muốn chạy theo uy tín, quyết định, song được kìm giữ lại bởi một quyết tâm vững chắc

1* - Slai-ni-xơ

2* - Philôt-ven

3* - Au-ơ-xvan

là: không hy sinh một điều cơ bản nào để giành lấy uy tín đó. Tôi chỉ đề cập sơ qua đến một đặc điểm của nội các mới, một sắc thái hoàn toàn không cơ bản đối với những nhà quan sát chính trị lạnh nhạt, nhưng lại hết sức hấp dẫn đối với dân thường Béc-lin. Trong số những bộ trưởng được bổ nhiệm lại, không có một người nào mà tên tuổi lại tựa như con chủ bài chuẩn bị sẵn để chống lại hoàng hậu nước Phổ, hoặc tựa như một đoạn văn trào phúng cá nhân mà người con dâu độc ác của bà dùng để đả kích bà. Tôi sẽ nhường lời cho một trong những người bạn của tôi ở Béc-lin nói về cảm tưởng chung của những người Béc-lin hay suy nghĩ nhất về việc bổ nhiệm nội các mới. Tin tức chính thức vừa mới được đăng trong "Staats-Anzeiger"⁴¹⁵ chiều nay, tức là vào khoảng 6 giờ chiều; song trước đó rất lâu những danh sách chính xác của các nhân vật được bổ nhiệm đã được chuyển tay nhau trong những nhóm người tập hợp ở Un-tơ-đen-Lin-đen⁴¹⁶. Khi gặp người bạn vừa nói ở trên, - một gã chính khách bình thường ở quán bia Béc-lin - tôi hỏi anh ta rằng anh suy nghĩ gì về nội các mới và nói chung "trong thành phố" người ta suy nghĩ gì về điều đó. Song trước khi thuật lại câu trả lời của anh ta, tôi cần phải giải thích để các vị rõ rằng gã chính khách bình thường ở quán bia Béc-lin là người như thế nào. Đó là người thẩm nhuần quan điểm rằng Béc-lin là thành phố số một trên thế giới, rằng không có nơi nào, ngoài Béc-lin, có thể tìm được "Geist"^{1*} (khái niệm không dịch nổi, mặc dầu tiếng Anh ghost^{2*} về mặt từ nguyên học cũng là cùng một từ ấy thôi; tiếng Pháp esprit^{3*} - là hoàn toàn khác) và rằng Weißbier^{4*} - thức uống rất tởm lợm đối với mỗi tên man rợ qua đường - chính là thức uống được nhắc tới trong "I-li-át" có tên gọi là rượu trường sinh; còn trong "E-đa"⁴¹⁷ - có tên là mật ong. Ngoài những định kiến vô hại đó, ngôi sao Béc-lin bình thường của chúng ta là một kẻ huênh hoang bất trị, không giữ mồm giữ miệng, một kẻ thích ba hoa thiên về một loại hài

1* - "linh hồn"

2* - linh hồn, đáng toàn năng

3* - sự thông minh, rất thông minh

4* - Bia trắng

hước rẻ tiền, nổi tiếng ở Đức với cái tên là Berliner Witz^{1*}, từ này nhằm chơi chữ hơn là chơi nghĩa; đó là một mớ tạp nham kỳ quặc gồm một liều lượng nhỏ hài hước, một liều lượng nhỏ chủ nghĩa hoài nghi và một liều lượng lớn sự tầm thường - nói chung không phải là một kiểu mẫu người lỗi lạc lắm và cũng không đáng buồn cười lắm, nhưng dẫu sao cũng là một điển hình khá đặc sắc. Và đây, ông bạn Béc-lin của tôi, với giọng hài hước thuần tuý Béc-lin, trả lời tôi bằng cách dẫn ra đoạn thơ sau đây trong bài "Cái chuông" của Si-lơ. Cần phải lưu ý en passant^{2*} rằng người Béc-lin bình thường của chúng ta thường hay tán dương Gơ-tơ, nhưng lại chỉ trích dẫn Si-lơ mà thôi.

"O zarte Sehnsucht, süßes Hoffen,
Der ersten Liebe goldne Zeit!
Das Auge sieht den Himmel offen,
Es schwelgt das Herz in Seligkeit.
O, daß* sie ewig grünen bliebe,
Die schöne Zeit der jungen Liebe!"

(Ồi! Những đau khổ êm dịu, những hy vọng ngọt ngào, thời hoàng kim của tình yêu ban đầu! Trước tầm mắt là khoảng trời không gợn chút mây, trái tim đắm đuối trong hạnh phúc. Than ôi! Mong cho thời kỳ tuyệt diệu của tình yêu thanh xuân vẫn mãi mãi xanh tươi)^{3*}.

Bây giờ, từ con người sính thơ ca, nhà chính khách nơi quán bia của Béc-lin, chúng ta hãy trở về nội các mới của nước Phổ và, theo như câu ngạn ngữ xưa của Pháp: "à tout seigneur tout honneur"^{4*}, chúng ta hãy lưu ý trước hết đến hoàng thân Hô-hen-txô-léc-Dích-ma-rin-ghen, thủ tướng và là bạn thân của công chúa Phổ. Ông ta là bố của hoàng hậu Bồ Đào Nha và đương thời đã dứt khoát chối từ không làm bố vợ của Đế chế thứ hai nước Pháp. Tuy nhiên, ông có họ gần với Bô-na-pác-tơ. Mẹ ông ta là chị của Mui-rát, một trong những ông vua do Na-pô-lê-ông đặt ra, còn

1* - sự hài hước Béc-lin

2* - Si-lơ. "Cái chuông"

3* - nói thêm

4* - "mỗi lãnh chúa được phong cấp theo công lao của y".

vợ ông là con gái thứ hai của công tước phu nhân vĩ đại, quả phụ Ba-đen Xtê-pha-ni-a thuộc dòng họ Bô-hác-ne. Như vậy, hoàng thân ấy là một mắt xích nối liền những quan hệ họ hàng giữa các triều đại Phổ, triều đại Cô-buốc-gơ và triều đại Bô-na-pác-tơ. Những người theo phái tự do miền Nam Đức đã đem đặt cho ông nhiều tội oan, vì năm 1849, ông đã từ chối lên ngôi ở quốc gia nhỏ của mình - Hô-hen-txô-léc-Dích-ma-rin-ghen và, theo thoả thuận trong gia đình, ông bán ngôi vua cho nhánh Hô-hen-txô-léc cầm quyền ở Phổ. Khi ông ký kết thoả thuận đó, không có một công quốc Đức nào đáng giá dù chỉ bằng thu nhập ba năm của mình, và người ta càng ít có thể chờ đợi hoàng thân đề nghị duy trì sự tồn tại của sắc tộc Hô-hen-txô-léc-Dích-ma-rin-ghen để lấy lòng những kẻ mị dân Hô-hen-txô-léc-Dích-ma-rin-ghen. Hơn nữa, nước Áo, cũng như những tên mị dân Ba-đen và Vuyếch-tem-béc, không vừa lòng về việc giương cao ngọn cờ Phổ ở miền Nam nước Đức. Sau khi từ chối ngôi vua, hoàng thân phục vụ trong quân đội Phổ với chức tướng, và chọn Đuyt-xen-đoóc-phơ làm nơi ở cho mình, đây là một thành phố của hội họa, điêu khắc và trại lính, là nơi mà trước đây một trong những chi của triều đại Phổ duy trì một triều đình nhỏ. Để trừng phạt những người Đuyt-xen-đoóc-phơ vì đã tham gia vào cuộc Cách mạng năm 1848, mà đỉnh cao nhất là cuộc biểu tình quần chúng chống nhà vua khi người đi qua thành phố, thành phố Đuyt-xen-đoóc-phơ đã bị tước mất cái diễm phúc được làm trụ sở của triều đình hoàng thân Phri-đrich và bị giáng xuống hàng những thành phố bình thường, phải tìm cách sống mà không có khách hàng của cung đình. Vì vậy, sự xuất hiện của hoàng thân Hô-hen-txô-léc ở Đuyt-xen-đoóc-phơ là một sự kiện có thật. Không làm điều gì thật đáng chú ý, ông ta nổi bật lên chỉ nhờ sự có mặt của mình, giống như con người vĩ đại mà Gơ-tơ đã nói là người đó đã trả tiền bằng việc anh ta *có mặt*, chứ không phải bằng việc anh ta *làm*. Danh tiếng của ông ta vượt khỏi biên giới Đuyt-xen-đoóc-phơ nhanh chóng một cách khác thường. Ông ta vừa là hoàng thân dòng dõi nhà vua, vừa là người thuộc giáo hội Thiên chúa giáo - điều đó hoàn tất mọi điều khác. Đối với bộ phận dân chúng cuồng tín ở vùng Ranh thuộc Phổ, người ta không

đòi hỏi những đức tính khác. Có thể tin rằng giới tu sĩ Thiên chúa giáo được tổ chức rất tốt và rất mạnh ở nước Phổ vùng Ranh, ở Ve-xtơ-pha-li, ở Xi-lê-di và Pô-dơ-nan đưa tất cả sức lực ra để ủng hộ Nội các Phổ do một người thuộc nhà thờ Thiên chúa giáo La Mã cầm đầu và đó, nhân tiện nói thêm, là điều rất đáng mong muốn. Không có gì làm hại nhiều cho cuộc Cách mạng năm 1848 bằng thái độ đối lập của giới tăng lữ Thiên chúa giáo La Mã đối với nó. Nhờ cách mạng mà bọn họ có được những món lợi lớn, cụ thể như: quyền liên hệ trực tiếp với giáo hoàng, mở những tu viện nam và nữ, và một điều không kém phần quan trọng là quyền có được sở hữu ruộng đất. Để tặng thưởng về tất cả những đặc quyền mà họ đã giành được ấy, bọn cha cố lẽ dĩ nhiên là đã điên cuồng chống lại cách mạng, khi nó thất bại. Bọn họ hành động như là những công cụ tàn bạo của bọn phản động, và giờ đây tốt nhất là không tạo cho họ cơ để lần nữa chạy sang phe đối lập. Về các bộ trưởng khác tôi sẽ còn có dịp trình bày sau.

Do C.Mác viết ngày 6 tháng Mười một 1858

Đã đăng trên báo "New-York Daily Tribune" số 5489, ngày 24 tháng Mười một 1858

In theo bản đăng ký trên báo Nguyên văn là tiếng Anh

C.MÁC

NỘI CÁC MỚI

Béc-lin, ngày 9 tháng Mười một 1858

Sự xoay vần của thời gian đem theo nó sự báo phục^{1*}. Như tôi đã đề cập trong bài báo vừa rồi^{2*}, ngài Phôn Au-ơ-xvan, phó chủ tịch nội các mới, là một người cầm đầu về mặt danh nghĩa nội các đầu tiên của thời đại cách mạng, được thành lập theo con đường bình thường. Trong thời kỳ đó, việc bổ nhiệm ông ta được xem là một triệu chứng của sự phản động, còn ngày nay, mười năm sau, người ta lại coi sự kiện đó là một triệu chứng của tiến bộ. Ông ta nguyên là người kế tục nhà buôn ngũ cốc Cam-pơ-hau-den, mà bão tố cách mạng đã ném từ cửa hàng ông ta ở Khuên đến Béc-lin trên thang bậc của ngai vàng nước Phổ. Nội các Au-ơ-xvan chỉ tồn tại từ cuối tháng Sáu đến ngày 7 tháng Chín 1848. Hoàn toàn không tùy thuộc vào việc ông có thể làm hay không làm được gì cả, chỉ mỗi cái tên ông ta ở đầu danh sách nội các tháng Sáu 1848 cũng đã có một ý nghĩa to lớn rồi. Bậc tiền bối của ông ta - ngài Cam-pơ-hau-den, một người sinh ra ở vùng Ranh nước Phổ, Au-ơ-xvan lại sinh ra ở Đông Phổ, người thứ nhất là nhà buôn không giữ một chức vụ nào, người sau là quan

chức nhà nước; người thứ nhất là tư sản, người thứ hai là quý tộc, người thứ nhất giàu, người thứ hai nghèo. Như vậy, rõ ràng là ngay từ cuối tháng Sáu 1848, chỉ ba tháng sau những ngày tháng Ba, con lắc cách mạng Phổ đã dao động từ Tây sang Đông, từ chỗ là lảng giềng của Pháp sang lảng giềng của Nga, từ bạch đình sang quan lại, từ tư sản sang quý tộc, từ bị tiền sang phẩm hàm. Nếu không tính xem tên ông ta có một ý nghĩa gì thì không nói được rằng Au-ơ-xvan đã làm được một điều gì đáng kể trong thời gian ba tháng, khi nội các của ông còn tồn tại. Nếu các vị hỏi một công dân Phổ rằng nội các của Au-ơ-xvan trước kia ra sao, thì chắc là người đó đặt ngón tay trở lên trán, miết vào trán một cách nghiêm túc giống như Hu-đi-brát⁴¹⁸ thực sự và cuối cùng, như thể sức nhớ ra, kêu lên rằng "A, ngài muốn nói đến nội các Han-dơ-man!" Và, trong thực tế thì linh hồn của Nội các Au-ơ-xvan là bộ trưởng tài chính Han-dơ-man, trước đó đã từng là thành viên của nội các Cam-pơ-hau-den. Như vậy, để đánh giá hoạt động của Au-ơ-xvan với tư cách là một thủ tướng chúng ta cần nói về Han-dơ-man.

Han-dơ-man, nhà buôn ở A-khen, đã nói lên quan điểm chính trị của mình qua lời nhận xét nổi tiếng sau này về quyền lực nhà vua Phổ tại Nghị viện liên hợp năm 1847: "Trong tiền tài không có chỗ cho lòng tốt". (In Geldsachen hört die Gemütlichkeit auf). Câu châm ngôn này nếu như *parva componere magnis*^{1*} trong hoàn cảnh lúc bấy giờ cũng có nghĩa như câu danh ngôn Xi-ây-ét: "Le tiers - e'tat e'est tout"⁴¹⁹. Dưới thời Phri-đrich - Vin-hem III, vào lúc không một ai, ngoài các phó giáo sư Trường đại học Tổng hợp nước Phổ dám viết về chính trị, Han-dơ-man cho ra cuốn sách so sánh nước Phổ với nước Pháp⁴²⁰ đậm đà lòng thiện cảm sâu sắc đối với Pháp, song viết rất khéo và với một giọng văn ôn hoà đến nỗi thậm chí nhà kiểm duyệt Phổ cũng thấy không thể ngăn cấm sự đối chiếu nhục mạ đó. Trong thời đại những công ty cổ phần ở Đức không còn là *rara avis*^{2*} nữa thì Han-dơ-man có tham vọng

1* Sếch-xpia. Đêm thứ mười hai, hay là gì cũng được, cảnh V, màn một.

2* Xem tập này, tr. 778 - 779.

1* - so sánh cái nhỏ với cái lớn

2* - hiếm có đặc biệt

trở thành Hát-sơn nước Đức và tỏ ra là một chuyên gia thực sự trong việc môi giới giao dịch đó, một việc làm hiện đang phổ biến ở các nước văn minh và thậm chí đã được một cơ quan như Crédit Mobilier biến thành hệ thống. Trong thời đại những người Đức "mốt" cổ vắn cho rằng sự võ nợ bồi nhọ thanh danh con người, thì Han-dơ-man cố gắng chứng minh rằng các cuộc võ nợ thay thế nhau lần lượt hầu như cũng có lợi cho thương nghiệp, tương tự như việc luân canh trong nông nghiệp. Công việc quản lý của con người đó, được tiến hành nhân danh Au-ơ-xvan, dựa trên quan điểm sai lầm cho rằng tựa hồ mấy tuần cách mạng đã lay chuyển ở mức độ đầy đủ những trụ cột cũ của nhà nước, tựa hồ triều đại, tầng lớp quý tộc và quan liêu đã bị hạ xuống đến mức đầy đủ; tựa hồ ưu thế chính trị của giai cấp tư sản đã được đảm bảo vĩnh viễn và vì vậy, bây giờ chỉ còn việc làm lắng dịu những làn sóng cách mạng đang dâng lên không ngừng.

Nội các đã thực hiện nhiệm vụ đó có kết quả - tiêu diệt tất cả những ai muốn phá đổ chế độ hiện hành - đến nỗi sau khi tồn tại được ba tháng, thì tự bản thân nó đã bị đánh đổ và những người nịnh hót thuộc phái tự do tư sản ấy đã bị ném ra rìa một cách không thương tiếc bởi phái cung đình đứng sau lưng họ và dùng họ chỉ như công cụ của chúng mà thôi. Au-ơ-xvan và Han-dơ-man đóng vai trò đáng buồn của những kẻ đối trá bị mắc lừa. Hơn nữa, Au-ơ-xvan đã rơi vào một tình thế rất đen tối của người chịu trách nhiệm về đường lối đối ngoại của nước Phổ, vì rằng ông ta đã kết hợp trong con người mình chức thủ tướng và chức bộ trưởng ngoại giao. Nếu đường lối đối nội của nội các được quyết định ít nhất là bởi những lợi ích rõ rệt của giai cấp tư sản hoảng sợ trước thành quả của cách mạng, thì đường lối đối ngoại hoàn toàn chỉ do đám quần thần chỉ đạo và trong tay họ Au-ơ-xvan chỉ là bù nhìn mà thôi. Tháng Sáu 1850, ông ta được cử làm chủ tịch tỉnh Ranh thuộc Phổ, còn sau đó chẳng bao lâu thì bị ngài Phôn Ve-xơ-pha-len cho giải nhiệm, ngài Phôn Ve-xơ-pha-len cũng bị đuổi một cách lạnh lùng khỏi giới quan liêu Phổ của phái tự do, như nhà quý tộc Xcốt-len đã đuổi nông dân

khỏi lãnh địa của mình. Với tư cách là thành viên của hạ nghị viện (Abgeordnetenhaus) Au-ơ-xvan tự bằng lòng với sự chống đối dưới một hình thức pha loãng đến nỗi chỉ có con mắt của nhà lương y chính trị mới nhận ra được. Au-ơ-xvan là một trong những đại biểu quý tộc theo chủ nghĩa tự do ở tỉnh Đông Phổ. Những yếu tố tạo nên chủ nghĩa tự do, đó là ký ức về những cuộc chiến tranh chống Na-pô-lê-ông và những hy vọng lúc đó của những nhà ái quốc có học thức nhất; một số tư tưởng chung mà Khuê-ních-xbéc, với tư cách là trung tâm của triết học Can-tơ, coi hầu như là của riêng địa phương mình; sự cộng đồng các lợi ích của những địa chủ sản xuất lúa mì và của những người dân các thành phố ven biển xuất khẩu lúa mì; mọi loại thuyết tự do thương mại, vì rằng tỉnh đó của nước Phổ không phải là một vùng công nghiệp và sống chủ yếu bằng cách bán những sản phẩm nông nghiệp của mình sang Anh.

Ngài Phôn Slai-ni-xơ, bộ trưởng ngoại giao, trong quá khứ, năm 1849, đã có lần nhận được quyết định bổ nhiệm vào chức vụ đó và trong một thời gian lãnh đạo ngắn ngủi của mình, đã dịch lại rất gần với phái Gô-ta⁴²¹ - là phái mà nếu họ thắng thì sẽ chia nước Đức thành hai phần - phần phía bắc sáp nhập vào nước Phổ, còn phần phía nam thì sáp nhập vào nước Áo. Việc nước Đức bị hai nước quân chủ lớn đối địch nhau ấy nuốt chửng đi thực tế cũng là mục đích được công khai thừa nhận của phái Gô-ta. Nếu phái đó thành công trong việc lập ra hai nước Đức, thì kết quả là một cuộc xung đột chí tử sẽ nảy sinh, một cuộc Chiến tranh mười ba năm mới sẽ xảy ra, và cuối cùng, trận sống mái giữa hai nước Đức đối địch nhau sẽ chấm dứt khi nước Nga chiếm một nửa nước Đức, còn nước Pháp thì chiếm nửa kia.

Về bộ trưởng chiến tranh, ngài Phôn Bô-nin thì tôi đã nói đến trong bài trước^{1*}. Ở đây tôi chỉ nói thêm: là người cầm quân trong thời gian chiến tranh ở Slê-dơ-vích - Hôn-stai-nơ⁴²² ông ta nổi bật lên chủ yếu không phải do việc truy nã những người Đan

1* Xem tập này, tr.778.

Mạch, mà do việc truy nã những người tình nguyện thuộc phái dân chủ chiến đấu dưới ngọn cờ Phổ. Như chúng ta biết, cuộc chiến tranh - đó là một trong những tấn hài kịch đẫm máu nhất của nền ngoại giao hiện đại. Bộ trưởng tài chính, ngài Phôn Pa-tốp, là thành viên của nội các Cam-pơ-hau-den. Vài năm về trước, ở Hạ nghị viện Krautjunker^{1*}, người ta đã buộc tội ông là người theo cách mạng. Thêm vào đó, việc ông bị làm nhục về thân thể đã dẫn ông đến chỗ đấu súng với bá tước Phây-lơ, trận đấu súng này một thời đã làm cho ông trở thành người được công chúng Béc-lin yêu mến. Ở Anh thì Pa-tốp đã có thể trở thành thành viên của Hội cải cách tài chính Li-vóc-pun.

Về bá tước Puých-clơ, bộ trưởng nông nghiệp, chỉ có thể nói một điều là ông ta là cháu của tác giả vở mộng "Những bức thư của người quá cố"⁴²³. Bết-man-Hôn-vếch, trước kia nguyên là người đỡ đầu cho Trường đại học Bon; chức vụ của những người đỡ đầu ấy thực tế quy lại là chức vụ của các quan toà tôn giáo mà Chính phủ Phổ bố trí đầy ở các trung tâm khoa học chính thức. Dưới thời Phri-đrich - Vin-hem III, họ đã săn lùng những người mị dân, dưới thời Phri-đrich - Vin-hem IV - thì săn lùng những người theo dị giáo. Bết-man lãnh nhiệm vụ thứ hai trong số những nhiệm vụ đó. Trước cách mạng, trên thực tế ông thuộc về đám quần thần của nhà vua, chỉ khi đám này đi "quá xa" thì ông mới tách ra.

Bộ trưởng tư pháp Xi-môn-xơ và bộ trưởng thương nghiệp Phôn Đơ Hây-tơ là những thành viên độc nhất của Nội các Man-toi-phen đứng vững được lâu hơn thủ trưởng của họ. Cả hai người đều gốc ở vùng Ranh nước Phổ, song họ thuộc bộ phận tân giáo của nước đó nằm trên hữu ngạn sông Ranh. Vì có ý định đưa vào nội các mới một vài con em nước Phổ vùng Ranh và đồng thời đưa ra khỏi nội các những người có xu hướng tự do ở Ranh, nên hai người đó giữ nguyên chức vụ của mình. Xi-môn-xơ có thể khoác lác được là y đã hạ thấp toà án nước Phổ đến mức mà ngay cả

trong thời kỳ xấu nhất của nền quân chủ ở Phổ cũng chưa hề xuống thấp như thế. Phôn Đơ Hây-tơ, một nhà buôn giàu có xuất thân từ En-bơ-phen-đơ đã nói về nhà vua trong năm 1847 như sau: "Con người đó thường lừa dối chúng ta, đến nỗi chúng ta không còn có thể tin vào y được" (Dieser Mensch hat uns so oft belogen, daß wir ihm nicht länger trauen können). Tháng Chạp 1848, y đã được đưa vào nội các coup d'état. Hiện nay, y là bộ trưởng độc nhất của nước Phổ bị nghi ngờ là lợi dụng chức vụ để làm lợi riêng cho bản thân. Khắp nơi người ta nói nhiều về việc bí mật quốc gia trong tay y thường phục vụ cho lợi ích những công việc thương mại của hãng Hây-tơ và các công ty ở En-bơ-phen-đơ.

Do C.Mác viết ngày 9 tháng Mười một 1858

Đã đăng trên báo "New-York Daily Tribune" số 5492, ngày 27 tháng Mười một 1858

In theo bản đăng trên báo Nguyên văn là tiếng Anh

1* - những địa chủ ti tiện

C.MÁC

TÌNH HÌNH Ở PHỔ

Béc-lin, ngày 16 tháng Mười một 1858

Vì tính chất chiết trung và nhiều màu sắc khác nhau của nội các mới, như tôi đã vạch ra trong một bài báo trước đây^{1*}, tờ "Kreuz-Zeitung"⁴²⁴, lại bình luận bằng những lời nhạo báng hùng hồn sau đây:

"Sẽ có sự thay đổi của cả hệ thống. Nhưng chúng ta đánh bạo chất vấn xem đó là sự thay đổi như thế nào? Cái hệ thống bị thay đổi là gì và nguyên tắc của chế độ mới sẽ được công nhận là gì? Người nào là đại biểu cho tư tưởng chủ đạo của các hệ thống ấy, hoàng thân - người công giáo cầm đầu nội các hay là hội viên của Liên minh phúc âm truyền giáo, bộ trưởng văn hoá và giáo dục? Và liệu có thể tính rằng bộ trưởng bộ tài chính, nguyên đại biểu của những nhà dân chủ có đoàn kết được với những nhân vật kể trên hay không? Hơn nữa, liệu bậc lão thành của bọn quan liêu nước Phổ có thể làm cho những quan điểm của mình thích ứng với các quan điểm của ngài Phôn Pa-tốp hay không?"

Ngày 12 tháng Mười một, trong toàn vương quốc đều tiến hành Urwahlen (cuộc bầu cử sơ bộ). Những Wahlmänner^{2*} được bầu ra như vậy, đến lượt mình, lại sẽ bầu ra các đại biểu vào ngày 23

tháng Năm. Không một ai thích cái trong trắng vừa phải của vợ mình, hoặc khả năng thanh toán vừa phải của con nợ của mình, song cái tự do vừa phải lại là khẩu hiệu được truyền bá vừa phải trong số các Urwähler^{1*}. Cái bộ phận trong xã hội Phổ cho đến nay vẫn cầm đầu phong trào - và quan điểm chính trị của nó có thể xác định như là chủ nghĩa liberalismus vulgaris^{2*} - cái bộ phận ấy có những đặc điểm gì thì mặc, chứ tuyệt nhiên không có chủ nghĩa anh hùng. Năm 1848 nó không dám động đậy, khi cách mạng ở Na-plơ, Pa-ri và Viên không bùng nổ. Nhưng hiện nay do một sự trùng hợp kỳ lạ của các hoàn cảnh, những kẻ đó ở vào một tình thế khiến họ phải phát tín hiệu mở đầu cho một cuộc húng khởi chính trị trên đại lục. Có sau lưng mình một quân đội hùng hậu, bị bao vây, một mặt, bởi nước Pháp của ngày 2 tháng Chạp, mặt khác, bởi một nước Áo mới được tập trung lại, mặt thứ ba, bởi nước Nga thường xuyên rình thời cơ, họ đưa ra một đối tượng khá thuận tiện cho một cuộc tấn công đồng tâm khiến họ không thể không cảm thấy khá hoang mang. Ngoài ra, trong ký ức họ còn tươi rói những hồi ức về cách mạng, và cuối cùng, theo họ thì không nên làm cho vị hoàng thân nhiếp chính phải sợ hãi để ngài không đánh mất chế độ lập hiến của mình mới giành được cách đây không lâu. Và đây, một nhân vật tự do đã cầu xin một người khác giúp anh ta một việc tốt tương tự như việc mà một gã chồng yêu cầu vợ mình, khi vợ anh ta bị một tên sĩ quan nào đó công khai làm nhục trên đường phố: "Hãy giữ lấy tôi, - gã dũng cảm kêu lên, - nếu không tôi sẽ trả thù và lúc bấy giờ thì sẽ có đổ máu". Thực tế là không nên có ảo tưởng nào về vấn đề đó. Phong trào Phổ, theo ý nghĩa địa phương của từ đó, chỉ có thể có trong một giới hạn rất hẹp; có cần phải đi ra ngoài những giới hạn đó khi nó phải hoặc là thoái lui, hoặc là hoà vào trong phong trào chung trên đại lục không. Khả năng cuối cùng này làm cho cả giới tư bản lớn lẫn hoàng thân nhiếp chính kinh sợ. Đó là điều mà có lẽ không một tờ báo nào đưa tin cả, nhưng tôi thì cam

1*. Xem tập này, tr.778 - 779.

2* - những cử tri sơ tuyển

1* - những cử tri sơ tuyển

2* - chủ nghĩa tự do tầm thường

đoan là chính xác: trong thời gian đi thăm Brê-xláp vừa qua, hoàng thân đã tuyên bố hết sức long trọng trong buổi tiếp các quan chức của thành phố đó, rằng ngọn lửa cách mạng vẫn chưa tắt, rằng vẫn còn nguy cơ một sự bùng nổ mới ở châu Âu, và vì vậy nghĩa vụ và lợi ích của những giai cấp trung gian đều cùng đòi hỏi họ đoàn kết xung quanh ngai vàng và, cái chính là: gìn giữ cái tính chất ôn hoà nghiêm túc trong những hành động chính trị của mình và nhờ vậy lấp kín tất cả những kẽ hở mà những người mị dân vô nguyên tắc (gesinnungslose Demagogen) có thể lọt qua. Điều đó hoàn toàn phù hợp với điều mà cách đây không lâu một nhà quý tộc Phổ rất thông minh đã nói với tôi; ông ta nói "Ngài có biết cái gì đã làm cho nhà vua mất trí? Bóng ma của một nền cộng hoà đỏ; và người anh em của ngài - mặc dầu là một con người cao đạo mất hết mọi ảo tưởng tâm thường và vô vị, cũng thường xuyên lo sợ trước chính cái bóng ma đó".

Nói chung, những Wahlmänner thuộc phái tự do đã giành thắng lợi ở những thành phố lớn hơn, còn những tên phản động cực đoan thì giành được thắng lợi ở nông thôn. Các vị có thể xét đoán việc bầu cử ở nông thôn đã được tổ chức như thế nào dựa vào một điều là: những viên quận trưởng theo đường riêng của mình đã cho lưu hành những thông tư - mỗi người trong khu vực của mình yêu cầu những Urwähler (những cử tri sơ tuyển) chọn người này, người nọ. Cần phải nói rằng quận trưởng ở nước Phổ có một vị trí hoàn toàn đặc biệt. Trong tất cả các tỉnh của nước Phổ, trừ vùng Ranh thuộc Phổ, thì đó là một tên địa chủ, một kẻ sở hữu ruộng đất lớn, mà lãnh địa của y - cũng giống như sở hữu ruộng đất của các quan toà hoà giải Anh trên đất bá tước - nằm trong giới hạn vùng hành chính thuộc quyền của y. Đồng thời y là mắt xích trong cả một chuỗi xích quý tộc được địa phương của mình bầu ra, được nhà vua bổ nhiệm, đặt dưới quyền Regierung^{1*} (cơ quan tập thể) mà trụ sở đóng tại một trong những trung tâm của một khu hành chính lớn hơn, nhưng ở trong khu vực của mình

1* - Ban quản trị khu

(hoặc là Ressort, như những người Phổ nói) y là người đại diện cao nhất của chính phủ. Như vậy, những quận trưởng đó kết hợp trong con người mình những tính chất của Krautjunker (người đi săn cáo)⁴²⁵ và của tên quan liêu. Khác với đa số các quan chức nhà nước khác, họ không hoàn toàn phụ thuộc vào tiền lương nhà nước cấp, trong trường hợp xấu nhất, họ tựa như những đứa con út trong gia đình quý tộc nông thôn, nhận của nhà nước 1200 đô-la trong một năm để thay cho số tiền mà lẽ ra họ nhận ở cha, chú hay anh mình. Vì vậy, những lợi ích của họ nói chung gắn bó với lợi ích của giai cấp và đảng phái quý tộc ruộng đất một cách chặt chẽ hơn là với những lợi ích của tầng lớp quan liêu. Họ là chỗ dựa chính cho nội các vừa bị lật đổ. Họ hoàn toàn không xem bản thân mình là công cụ của chính quyền trung ương, mà đúng ra, họ xem nhà nước là công cụ để đạt được những lợi ích xã hội riêng của họ. Ngày nay, họ chống lại nội các mới, mà nội các này thì không dám cho họ về vườn, một phần vì một biện pháp triệt để như thế sẽ thúc đẩy mạnh mẽ tất cả những khuynh hướng cách mạng và sẽ vi phạm tính thủ cựu của nền hành chính Phổ; một phần cũng vì hoạt động của cá quận trưởng ở một mức độ nào đó có thể được sử dụng để kìm giữ dân nông nghiệp, và nhờ vậy mà tạo nên một sự đối trọng với chủ nghĩa tự do của các thành phố. Cho đến nay người ta chỉ mới huyền chức có một quận trưởng là bá tước Phôn Cra-xốp ở Pô-mê-ra-ni, người đã tự cho phép mình lãng mạ nội các trong thông tư gửi cho Urwähler.

Từ năm 1852, người ta không công bố số liệu thống kê dân số nào; song con số của bản thống kê cuối cùng gần đây cũng hoàn toàn đủ để các vị có một khái niệm nào đó về tương quan giữa dân cư nông thôn và dân cư thành thị. Trong số mười bảy triệu dân thì mười hai triệu được phân bố ở các thôn xã, và chỉ có năm triệu dân tập trung ở các thành phố, mà phần lớn là ở những thị trấn nông thôn. Trong số 984 thành phố của vương quốc, chỉ có 12 thành phố lớn là có thể tự hào rằng, nói chung dân số của họ gồm một triệu người, còn hơn 500 thành phố có không đến 2 500 người. Dân công nghiệp chiếm 11% ở tỉnh Phổ,

15% ở Pô-mê-ra-ni, 18% ở Pô-dơ-nan, 23% ở Xi-lê-di, 26% ở Vex-tơ-pha-li, 28% ở Dắc-den, 25% ở vùng Ranh thuộc Phổ, 37% ở Bran-đen-buốc. Hơn nữa, trong tỉnh Bran-đen-buốc, hầu hết dân công nghiệp tập trung ở Béc-lin. 60% dân số trong vương quốc hoàn toàn làm nông nghiệp và trung bình cứ 263 người thì có một quý tộc.

*Do C.Mác viết ngày 16 tháng Mười
một 1858*

*Đã đăng trên báo "New-York Daily
Tribune" số 5497, ngày 3 tháng Chạp
1858*

*In theo bản đăng ký trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

* DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH GIÁ LÚA MỠ Ở PHÁP

Hoàng đế Pháp vừa bắt tay vào thực hiện dự án ưa thích của mình, đó là dự án điều chỉnh giá lúa mỳ trên toàn đế chế. Ngay từ năm 1854, trong một bài phát biểu trước Hội đồng lập pháp nhân dịp tuyên chiến với Nga, nhà vua đã nói rõ ý nghĩ đó. Lời tuyên bố của ông ta lúc bấy giờ về vấn đề này cần được nhắc lại, và dưới đây là đoạn do chúng tôi ghi lại:

"Tôi đặc biệt lưu ý các ngài đến hệ thống hiện đang được thành phố Pa-ri áp dụng, vì nếu như hệ thống đó, như tôi hy vọng, được áp dụng rộng rãi trên toàn nước Pháp, thì trong tương lai, nó sẽ tránh cho giá cả ngũ cốc khỏi có những dao động quá mạnh, khiến nông nghiệp đình trệ do giá lúa mỳ bị hạ thấp trong những thời kỳ được mùa, còn trong những năm mất mùa thì lại là nguyên nhân gây nên những nổi cơ cực của các giai cấp nghèo khổ do giá lúa mỳ quá đắt. Hệ thống đó cốt ở chỗ lập ra những cơ quan tín dụng dưới danh hiệu các Ngân hàng bánh mỳ (Caisse de la boulangerie) ở tất cả những điểm dân cư lớn, những ngân hàng này trong những năm thiếu thực phẩm có thể cung cấp cho nhân dân bánh mỳ với giá hạ hơn rất nhiều so với giá thị trường chính thức, với điều kiện là trong những năm dư dật thì giá bánh mỳ cao hơn giá thị trường một ít. Vì các vụ được mùa thường là nhiều hơn các vụ mất mùa, cho nên dễ hiểu rằng bù lại giá hạ sẽ không khó. Thêm vào đó sẽ thu được một cái lợi lớn do chỗ những hội tín dụng sẽ tồn tại, đó là những hội không hướng tới việc thu lợi khi giá lúa mỳ tăng cao mà, cũng như mọi người, họ mong cho giá cả rẻ đi vì, trái với thực tế tồn tại

cho đến nay, những hội đó sẽ có thu nhập trong những năm được mùa và bị lỗ vốn trong những năm đất đỏ".

Nguyên tắc được thể hiện trong các từ ấy là bán lúa mì hạ hơn "rất nhiều" so với giá thị trường trong những năm mất mùa và chỉ cao hơn giá đó "một ít" trong những năm được mùa, hơn nữa hy vọng vào việc bù lại có lợi xuất phát từ giả định là: số lượng những năm được mùa nhiều hơn số những năm mất mùa. Khi Ngân hàng bánh mì ở Pa-ri đã được thành lập theo sắc lệnh của hoàng đế ngay từ tháng Chạp 1853, giá cao nhất của một súc bánh mì bốn pao được quy định là 40 xăng-tim; các chủ lò bánh mì có quyền đòi hỏi ngân hàng bù lỗ cho mình, về phần mình, ngân hàng lại lập một quỹ cần thiết để làm việc đó, bằng cách phát hành công trái do toà thị chính Pa-ri bảo đảm, còn toà thị chính, đến lượt mình, lại lập một quỹ đảm bảo nhờ những món nợ mới và nhờ nâng cao thuế gián tiếp đánh vào những vật phẩm tiêu dùng tại các cửa khẩu vào Pa-ri. Ngoài ra, nhà nước trực tiếp bỏ ra một số tiền lấy từ ngân khố quốc gia. Đến cuối năm 1854, những món nợ ấy của toà thị chính Pa-ri cùng với những khoản tiền nhà nước bỏ ra đã đạt đến tổng số 80 triệu phrăng. Lúc bấy giờ chính phủ buộc phải lùi lại và tăng giá tối đa của bánh mì lên 45 và sau đó lên 50 xăng-tim. Như vậy, dân Pa-ri một phần phải trả bù cho việc tiết kiệm được về giá bánh mì dưới hình thức thuế gián thu tăng thêm, còn phần nước Pháp còn lại thì phải trả khoản thuế từ thiện chung giúp cho thủ đô dưới hình thức tiền trợ cấp trực tiếp của chính phủ chỉ cho toà thị chính Pa-ri. Nhưng cuộc thí nghiệm đó đã hoàn toàn thất bại: giá bánh mì ở Pa-ri cao hơn giá tối đa chính thức trong những năm mất mùa từ năm 1855 đến hết năm 1857 và thấp hơn giá đó trong những thời kỳ được mùa của những năm 1857 và 1858.

Không may may lúng túng trước sự thất bại của công cuộc thí nghiệm trong một phạm vi tương đối nhỏ bé đó, Lu-i - Na-pô-lê-ông giờ đây trên cơ sở sắc lệnh của bản thân đã bắt tay vào việc tổ chức việc nướng bánh mì và buôn bán lúa mì trong toàn vương quốc. Cách đây vài tuần lễ, một trong những tờ báo của ông ta ở Pa-ri đã tìm cách thuyết phục công chúng rằng trong tất cả những thành phố quan trọng cần phải có "dự trữ ngũ cốc". Người ta

chứng minh rằng trong những năm mất mùa, mức thiếu hụt tối đa về ngũ cốc bằng số ngũ cốc dân chúng sử dụng trong hai mươi tám ngày và con số trung bình những năm thất thu liên tiếp là ba. Từ những tiền đề đó, người ta đi đến kết luận là "dự trữ đủ cho ba tháng - đó là tất cả những gì con người có thể nhìn thấy trước". Nếu điều đó chỉ áp dụng cho những thành phố có ít nhất 10 vạn người, vị chi là 3 770 000 người cho toàn nước Pháp (không kể Pa-ri), thì với mức sử dụng trung bình trong ba tháng là 45 ki-lô-gam lúa mì theo đầu người và với giá lúa mì hiện nay là gần 14 phrăng một héc-tô-lít thì lượng lúa mì dự trữ theo tính toán đó sẽ là từ 30 000 000 đến 32 000 000 phrăng! Và ngày 18 tháng Mười một, tờ "Moniteur" đã đăng bản sắc lệnh dưới đây:

"Điều 1. Dự trữ lúa mì của những thợ nướng bánh mì ở tất cả những thành phố mà việc nướng bánh mì do các sắc lệnh và chỉ thị điều chỉnh, được xác định bằng số lượng ngũ cốc hay bột dùng để nướng hàng ngày ở mỗi lò nướng bánh mì trong vòng ba tháng.

Điều 2. Trong thời hạn một tháng, bắt đầu từ hôm nay, những quận trưởng các quận, sau khi tham khảo ý kiến của toà thị chính, phải quyết định dự trữ sẽ là bằng lúa mì hay bằng bột mì, cũng như quy định thời hạn thu thập số mì dự trữ và quyết định phân dự trữ phải bảo quản ở các kho công cộng".

Người ta đính theo sắc lệnh đó một bản danh sách các thành phố "trong đó việc nướng bánh mì được điều chỉnh" và do đó cần phải lập dự trữ. Trong danh sách đó có tất cả các thành phố lớn hay nhỏ của nước Pháp, trừ Pa-ri và Ly-ông, nơi đã có dự trữ và do đó không phải chịu sự quy định của sắc lệnh này. Trong danh sách có ghi ít nhất là 161 thành phố, trong số đó có: Mác-xây, Xanh - Căng-tanh, Mu-len, Ca-nô, An-gu-lem, Đi-giông, Buốc-giơ, Bơ-dăng-xông, E-vri-ô, Sác-tơ-rơ, Brê-xơ, Nim, Tu-lu-dơ, Boóc-dô, Mông-pen-li-ê, Ren, Tua, Grơ-nô-bơ, Xanh - Ê-chiê, Nan-tơ, Oóc-lê-ăng, Ăng-giơ, Rây-mơ-xơ, Sa-lôn, Mét-xơ, Li-lơ, Đu-ê, Va-lan-xi-en, Bô-ve, A-rát, Xanh-Ô-me-rơ, Ca-lơ, Bu-lông-xiu-Me-rơ, Xơ-ra-xbua, Muyn-lu-dơ, Ru-ăng, Ha-vrơ, Ma-côn, Lê-măng, A-mi-en, Áp-vin, Tu-lông. Theo thống kê dân số gần đây, tổng số dân của 161 thành phố đó hiện nay có thể vào khoảng 8 triệu người. Do đó dự trữ lúa mì nói chung phải đạt tới 5 500 000

héc-tô-lít với giá là từ 70 triệu đến 80 triệu phrăng. Khi gửi sắc lệnh tới các quận trưởng các quận, bộ trưởng bộ nông nghiệp và thương mại báo cho họ biết rằng, mặc dầu họ "không phải bắt buộc các thợ nướng bánh lập tức hoàn thành nghĩa vụ mà sắc lệnh đặt cho họ", song họ phải "định một thời hạn hợp lý để hoàn thành nghĩa vụ đó". Bộ trưởng để cho chính các quận trưởng quyết định, tùy điều kiện địa phương, xem phải dự trữ bằng bột mỳ hay bằng lúa mỳ hạt. Sau đó ông lại nói thêm rằng, dù những biện pháp này đã rộng lớn như thế nào đi nữa thì trong tương lai còn có thể mở rộng hơn nữa.

"Thưa ngài quận trưởng, chính phủ phóng đại tầm quan trọng của biện pháp mà tôi đã trình bày, chính phủ hiểu rằng sắc lệnh chỉ dùng đến một bộ phận dân chúng không lớn và vì thế giờ đây đang nghiên cứu khả năng mở rộng phạm vi hiệu lực của nó. Dân chúng các xóm và làng quê tự nướng bánh cho mình và để lại một khối lượng lúa mỳ nhất định trong số thu hoạch của mình để chi dùng cho gia đình trong suốt một năm. Việc chính phủ can thiệp vào kinh tế của họ có lẽ là vô ích và không thực hiện được. Nhưng trong một loạt thành phố chính của các khu và trong một số còn lớn hơn những trung tâm của vùng phụ cận và của tổng, và thậm chí ở những thôn xã đông dân, một phần bánh mỳ tiêu dùng đáng kể là do các chủ lò làm ra, nhưng trong khi đó họ không phải là đối tượng của một sự điều chỉnh nào cả và không buộc phải lập dự trữ nào cả. Liệu có nên buộc những người nướng bánh mỳ ở những nơi đó thực hiện chế độ nói trên và đề nghị họ tuân theo đạo luật phòng xa tốt lành đó hay không? Chính phủ nghĩ rằng những quy định của chính phủ về mặt này sẽ không gặp một sự chống đối đáng kể nào".

Song trước khi áp dụng sắc lệnh nói trên trong các vùng còn lại của nước Pháp, trừ những làng nhỏ, bộ trưởng đề nghị các vị quận trưởng thảo luận vấn đề này cùng với toà thị chính ở những nơi chưa chịu sự chi phối của sắc lệnh này. Sau đó ông thông báo cho các quận trưởng biết cần bảo quản số lúa mỳ dự trữ như thế nào:

"Những người nướng bánh, tùy theo khả năng, phải sử dụng các gian phụ thuộc của hiệu của họ, vì sẽ dễ dàng tiến hành surveillance^{1*} đối với những chỗ đó. Song các ngài phải yêu cầu toà thị chính xây dựng và giao cho những người nướng bánh sử dụng các kho công cộng nhằm thu theo một biểu giá nhất định một khoản tiền thuê bảo quản số dự trữ mà người nướng bánh không thể bảo

1* - giám sát

quản ở chỗ mình được. Tôi không nghi ngờ, rằng sự cộng tác sáng suốt của các nhà chức trách thị chính sẽ làm dễ dàng cho những công việc đó".

Sau đó bộ trưởng đi đến mục quan trọng nhất - lấy tiền ở đâu để đưa sắc lệnh vào cuộc sống:

"Còn về việc tạo ra một khoản vốn cần thiết thì tôi tin rằng những người nướng bánh sẽ cố gắng hết sức mình để có được những số tiền cần thiết. Một sự đầu tư như thế sẽ có những cái lợi hết sức lớn về thương nghiệp và hứa hẹn thu được những lợi nhuận hợp pháp trên những quy mô lớn khiến cho thợ làm bánh vị tất đã gặp khó khăn trong việc vay tín dụng, đặc biệt trong lúc này, khi lãi suất tiền vay thấp như vậy. Liệu chúng ta có đánh giá quá cao lòng tốt của người giàu ở trong tất cả các công xã, nếu chúng ta tỏ lòng hy vọng vào sự cộng tác của họ với thợ làm bánh? Lẽ nào họ không thấy những dự trữ đã được tạo ra là một đảm bảo chắc chắn cho những món tiền ứng trước của họ, hơn nữa, là một đảm bảo sẽ phải tăng hơn là giảm về giá trị? Tôi sẽ rất vui sướng, nếu những cố gắng của các vị theo hướng đó đạt được kết quả. *Tôi tự hỏi: lẽ nào các toà thị chính, nếu cần, lại không thể theo gương Caisse de Paris, tìm ra những khoản tiền và dùng chúng cho người làm bánh vay?* Để khuyến khích và làm dễ dàng cho những khoản cho vay đó và nhân chúng lên bằng con đường lưu thông, có thể đem lại cho những kho chứa ngũ cốc dùng để tiếp nhận dự trữ tính chất của những kho chứa hàng ở sở thuế quan (magasins généraux). Điều đó tạo cho chúng có điều kiện để phát hành những chứng từ mà các cơ quan tài chính của chúng ta và đặc biệt là Ngân hàng nước Pháp sẵn sàng chấp thuận".

Ngài bộ trưởng kết thúc thông tư của mình bằng chỉ thị là trong thời hạn hai mươi ngày các quận trưởng phải báo cáo cho ngài rõ họ dự định làm gì để hoàn thành điều hai của sắc lệnh còn trong vòng một tháng thì phải thông báo cho ngài biết các toà thị chính ở thành phố và nông thôn không được đề cập trong sắc lệnh, nhìn nhận vấn đề này ra sao.

Trong lúc này chúng ta không định xét vấn đề kho chứa ngũ cốc công cộng; nhưng cũng không cần phải giải thích dài dòng về ý nghĩa lớn lao của coup d'état^{1*} kinh tế đó. Rất rõ ràng là, hiện ở Pháp giá ngũ cốc rất thấp và do đó trong nông dân có dấu hiệu bất mãn. Thông qua một nhu cầu giả tạo nảy sinh do việc tổ chức dự trữ lương thực ba tháng, Na-pô-lê-ông tìm cách tăng giá một

1* - nguyên văn: đảo chính; ở đây: bước ngoặt

cách nhân tạo và bằng cách đó mà bịt miệng nước Pháp nông nghiệp lại. Mặt khác, ông tỏ ra cho giai cấp vô sản thành thị thấy mình là một kẻ đại loại như vị cứu thế xã hội chủ nghĩa, mặc dù vai trò đó ông ta cũng không đạt được, bởi vì kết quả rõ rệt đầu tiên của sắc lệnh do hoàng đế ban hành là công nhân phải mua bánh mì đắt hơn trước. "Vị cứu tinh của sở hữu" đã chỉ cho giai cấp tư sản thấy, rằng không cần đến ngay cả sự can thiệp hình thức của bộ máy lập pháp biếm họa của ông, mà chỉ cần một sắc lệnh riêng đơn giản của ông cũng đủ để tự do khua khoảng trong cái bị của nó, chi phối sở hữu thị chính, phá hoại tiến trình thương mại và bắt các hoạt động kinh doanh tiền tệ của giai cấp tư sản phải phụ thuộc vào sự bày vẽ tùy tiện của ông.

Cuối cùng, vấn đề còn phải được xem xét theo quan điểm Bô-na-pác-tơ thuần túy. Trong toàn nước Pháp đã xuất hiện sự cần thiết phải lập những nhà kho lớn để làm kho công cộng bảo quản ngũ cốc. Môi trường hoạt động mới mẻ biết bao đã được mở ra ở đây cho đầu cơ và biển thủ! Việc buôn lúa mì cũng có một bước ngoặt bất ngờ. Crédit Mobilier và những công ty đầu cơ khác của đức hoàng đế đã dút vào túi mình những món lợi nhuận lớn biết bao! Vô luận trường hợp nào, chúng ta cũng có thể tin tưởng rằng nhà xã hội chủ nghĩa đội mũ miện thành công trong việc tăng giá bánh mì hơn là trong mưu toan hạ giá của nó xuống.

*Do C.Mác viết khoảng ngày 19 tháng
Mười một 1858*

*Đã đăng làm xã luận trên báo "New-
York Daily Tribune" số 5507, ngày 15
tháng Chạp 1858*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

TÌNH HÌNH Ở PHỐ

Béc-lin, ngày 23 tháng Mười một 1858

Hôm nay là ngày bầu cử. Các cử tri cấp hai - một nhóm người hoàn toàn không đồng - với tư cách là những người được uỷ nhiệm của đám đông xao xuyến đã tập trung một cách nghiêm túc để thực hiện hành vi bầu cử. Từ hòm phiếu mà có lúc đã đem đoạ biến thành hòm Păng-đo-rơ⁴²⁶, chủ nghĩa tự do đã nảy ra dưới hình thức ôn hoà nhất của nó, chủ nghĩa tự do tư sản khoác bộ quần áo quan liêu, chủ nghĩa tự do đang tự phủ nhận chính bản thân mình. Ngay những quan chức của những người được lựa chọn ở thành phố chúng ta cũng chỉ ra rằng họ không thể có những ý đồ xấu. Trong số những người ấy có một Generalsteuerrdirektor (kiểm soát trưởng về thu thuế), một Oberbürgermeister (thị trưởng), một bộ trưởng, một cựu bộ trưởng, một Gerichtspräsident (chủ tịch pháp viện), một Geheimer Archivrat (người quản lý tài liệu lưu trữ của nhà vua) và một Geheimer Rat (cố vấn mật); có hai nhà tư sản được chọn ra để giúp đỡ cái đám quan cao chức trọng và "bí mật" đó: một là ngài Rai-mơ, người bảo thủ, người xuất bản sách và cung ứng cho hoàng đế, hai là ngài Phai-tơ, cũng là người xuất bản sách được những giới tài chính chọn ra vì ông theo đạo Do Thái; bởi vì ở đây cũng như ở mọi nơi những giới

này có pha hợp nhiều dòng máu Xê-mít. Lại nữa, có thể khẳng định chắc chắn rằng những người tư sản cấp tiến năm 1848, I-a-cô-bi, Un-ru, Van-đếch-cơ, Rốt-béc-tút, Stai-nơ, En-xơ và những người khác, tóm lại, những con người, như tôi đã viết cho các vị cách đây khoảng một tháng^{1*} hình như có mọi khả năng trúng cử ở các thành phố lớn, - thật sự đã đóng một vai trò chỉ đạo trong các hội nghị cử tri sơ tuyển, là tác giả của các chương trình bầu cử, và ở Brê-xláp, Khuê-ních-xbéc, Mác-đơ-buốc, En-bin-gơ người ta đã đề nghị dành ghế trong nghị viện cho họ. Changement de décoration^{2*} đột ngột này do đâu mà có? Họ đã khiêm tốn từ chối những đề nghị vinh dự đó, mặc người ta đã chuẩn bị sẵn cho họ. Một vài người trong bọn họ đã hành động như vậy không phải một cách hoàn toàn tự nguyện, mà quyết định từ chối chỉ sau một cuộc nói chuyện khó chịu và không chút tự nguyện với Polizeidirector^{3*}. Những người khác đã nhân nhượng do áp lực của một bộ phận không được yên lòng trong giai cấp tư sản vào lúc này đang lên giọng làm gương. Tuy thế, cả viên giám đốc cảnh sát cũng như các ứng cử viên và cử tri đều cùng hành động dưới ảnh hưởng mạnh mẽ của những hoàn cảnh đã thay đổi một cách đột ngột. Tôi muốn nói chính xác hơn, không phải hoàn cảnh đã thay đổi, mà cơn giông bão đã xua tan màn sương mù ảo tưởng bao phủ những người đó. Như những người Pháp nói, la situation s'était dessinée^{4*}. Cơn sợ hãi đã bao trùm lấy chính phủ, và chính sự sợ hãi đó đã làm cho chính phủ gan dạ lên. Bộ trưởng nội vụ, ngài Phlốt-ven, đã công bố một thông tư chưa bao giờ xuất hiện trong một thứ ngôn ngữ nào cả - đầy rẫy lỗi văn phạm, trình bày lộn xộn, vô nghĩa trong lập luận, tuy nhiên nó đã biểu thị khá rõ cơn thịnh nộ. Dĩ nhiên, các vị đã biết rằng ở Pháp, qua sự cảnh cáo trước một cách chính thức đối với báo chí, người ta muốn ngụ ý gì. Thì đây, bản thông tư của ngài Phlốt-ven là một sự cảnh cáo chung đối với các cử tri, được tăng cường thêm bằng những

chỉ thị mật cho cảnh sát. Ông ta đã trực tiếp chỉ ra những bài diễn văn bầu cử, những chương trình bầu cử và những bản tuyên ngôn bầu cử của những người cấp tiến, cựu thành viên Quốc hội năm 1848. Bởi vì giai cấp đại tư sản có khuynh hướng nắm lấy pháo đài bằng sự ôn hoà, còn đa số nhân dân dân chủ hơn lại hiểu rằng trong lúc này sáng kiến chính trị thuộc về giai cấp đại tư sản, cho nên những lời nói bóng gió của ngài bộ trưởng lập tức đã có hiệu lực, grands airs^{1*} của thời kỳ đổi mới đã được lựa chọn, và người ta đã sắp xếp lại cuộc bầu cử theo tiêu chuẩn của chính phủ. Tuy nhiên, khi người ta đưa các vị từ một giấc mộng đẹp trở về thực tế bằng một sự thúc đẩy thô bạo thì các vị cũng sẽ cảm thấy không có gì là dễ chịu. Những con người, những bài diễn văn, những bản cương lĩnh mà người ta đã biết đến, trong tinh thần bay bổng dũng cảm nhất của mình, đều đã được giữ lại "trong những giới hạn của lý trí thực tiễn" một cách chặt chẽ đến nỗi ngay cả bộ phận hồi hộp lo âu trong giai cấp tư sản cũng cảm thấy mình bị sự lo âu của chính phủ xúc phạm. Cách thức mà chính phủ dùng để du nhập một chế độ tự do mới tỏ ra khá khiếm nhã. Vì vậy trong công chúng rộng rãi đã dấy lên những lời xì xào thất vọng, nhưng các cơ quan của đám quần thần cũ đã bắt đầu tranh nhau chúc mừng nội các mới một cách mỉa mai về chỗ, cuối cùng, nội các đã tỏ rõ "Selbstbesinnung"^{2*}. Lúc này, ngài Phlốt-ven bất hạnh đã công bố thêm một bản thông tư khác, mà một vài tuần lễ trước đây ông ta đã bí mật gửi đến các quận trưởng, và trong bản thông tư ấy ông ta đã cảnh cáo họ đừng ủng hộ các ứng cử viên có quan điểm cực đoan này hoặc quan điểm cực đoan khác. Để đem lại cho việc làm lỗi thời này một chút sức nặng nào đó, tờ "Preußische Zeitung"⁴²⁷, cơ quan của bộ trưởng, đã sử dụng chỉ dụ cổ xưa để bình luận như sau:

"Tất cả các đảng đều thoả thuận cùng đi với nhau trên cơ sở cương lĩnh quân chủ và lập hiến, và như thế ở một chừng mực nào đó làm dịu đi sự bất đồng của các cương lĩnh chính trị nhiều hình nhiều vẻ của họ, đó là sự kiện cực kỳ thuận

1*. Xem tập này tr. 755 - 756.

2* - Sự thay đổi trang trí

3* - Viên giám đốc cảnh sát

4* - tình hình đã được đoán trước

1* - về ngoài lòng lấy

2* - "sự chín chắn"

lợi đặc trưng cho cuộc tuyển cử hiện nay. Đường lối chính trị tiến bộ, nhưng vững chắc và ôn hoà mà chính phủ theo đuổi sẽ lấy việc đạt được sự nhất trí như vậy làm mục đích chủ yếu của nó. Chính phủ không để cho mình xa rời những nguyên tắc tự do, nhưng ôn hoà của mình vì những hy vọng hoặc những yêu cầu quá trốn. Mặt khác, chính phủ không thể cho phép một đảng nào xa lánh việc công nhận nền tảng của hiến pháp một cách không điều kiện, mà chỉ thừa nhận tính chất chính đáng của bản hiến chương tùy theo mức độ bản hiến chương này là phù hợp với lợi ích riêng của nó, lại tự gán cho mình đặc quyền được gọi là "những người bảo hoàng". Chính phủ phủ nhận sự đúng đắn của việc khẳng định rằng, dường như đa số các diễn chủ thuộc về đảng đó".

Về thực chất, nội các đã khổ công một cách vô ích. Hoàng tử không củng cố được vị trí của mình bằng những bài diễn văn phản động ở Staatsrat^{1*} khi giới thiệu con trai mình, cũng như bằng những bài diễn văn phản động khác trong hội nghị của những hội viên tam điểm, hay bằng lời phản động kêu gọi Treubund (một loại tổ chức Ô-răng-giơ ở Phổ)⁴²⁸, nhưng ông ta đã làm cho nội các hoảng sợ bằng những cơn thịnh nộ dữ dội của ông về tình hình công việc dưới sự lãnh đạo của nội các. Bản thông tư thứ nhất của ngài Phlôt-ven đã có dụng ý tốt cảnh cáo giai cấp tư sản đừng bao giờ đẩy chủ nghĩa lập hiến vừa mới được xào nấu của quan nhiếp chính vào những cơn thử thách. Khi mà do kết quả của biện pháp đó, các bộ trưởng hiểu rõ địa vị cá nhân của mình không vững chắc thì họ gửi điện đến công chúa nước Phổ, công chúa lập tức đi từ Cô-blen-tơ đến Béc-lin, và bằng coup de baguette^{2*}, đã xoay chuyển ngược tình hình. Trong suốt một năm qua công chúa đã sống luân phiên ở Vây-mác, Các-lơ-xru-ê và Cô-blen-tơ. Công chúa chỉ đến Béc-lin vào lúc giải quyết vấn đề nhiếp chính. Bởi vì tất cả các thầy thuốc được hỏi ý kiến trong thời gian ấy đã từ chối tuyên bố một cách dứt khoát căn bệnh của quốc vương có thể chữa khỏi được hay không, cho nên hoàng hậu, thông qua sự trung gian của ngài Clai-xơ-Rét-xốp, đã tìm được một thầy thuốc quân đội, ông Buê-ghéc nào đó, ông này đã

1* - Hội đồng quốc gia

2* - phép thần thông biến hoá

ghi vào giấy rằng quốc vương có thể bình phục. Lúc đó công chúa Phổ đã giả vờ ốm và cho gọi chính người thầy thuốc đó đến chỗ mình, buộc ông ta chữa bệnh cho mình, công chúa làm ông ta mê muội bằng sự mơn trớn và bằng những dấu hiệu thiện cảm. Và khi ông ta đã tỏ ra sẵn sàng rồi thì công chúa hỏi thẳng ông ta rằng, liệu ông là một người thông thái, có lương tâm, ông có thực sự tin vào lời tuyên bố của mình về tình trạng sức khoẻ của quốc vương không? Ông Buê-ghét dần dần đã thú nhận rằng chỉ có những giọt lệ của hoàng hậu mới bắt buộc được ông tuyên bố điều đó. Công chúa rung chuông, hai quan thị vệ lập tức chạy vào và người thầy thuốc quân đội tuân lệnh người bề trên tự nhiên của mình, đã phải nhắc lại không chỉ bằng lời nói, mà còn phải xác nhận bằng chữ viết trên giấy lời thú nhận mà ông vừa mới bị buộc phải nói ra. Khi công chúa đã đạt được mục đích bằng cách như vậy thì nàng đã bị đẩy ra khỏi Béc-lin. Sau khi chồng nàng được đưa lên làm nhiếp chính, công chúa đã tự nguyện tiếp tục lưu lại ở Cô-blen-tơ. Cũng như tất cả những con người tầm thường, hoàng tử Vin-hem đau khổ vì sự ưu việt về tinh thần của một nửa ưu tú của mình và dù hoàng tử cần được người ta dắt đi bằng dây thừng thì chàng cũng không thú vị khi nhìn thấy những bàn tay đang nắm dây thừng. Vì vậy phu nhân của hoàng tử đã buộc phải gây ảnh hưởng tới hoàng tử bằng con đường vòng. Hơn nữa, những mối quan hệ giữa hai nhân vật này rất lạnh nhạt và trịnh trọng. Khi còn trẻ hoàng tử Vin-hem đã yêu say đắm nàng Brốc-hau-dơ và muốn kết duyên với nàng. Nhưng cha của chàng đã ngăn cấm cuộc hôn nhân này và nàng Brốc-hau-dơ đã mất ở Pa-ri vì bệnh đau tim. Cuộc hôn nhân với công chúa ở Vây-ma được gán ép cho người hậu duệ ương ngạnh của triều đại Hô-hen-txô-léc và để trả thù, trong suốt những năm đầu mới kết hôn, hoàng tử không che giấu mối tình say đắm của mình đối với nàng Ph... Như vậy, những mối quan hệ của hoàng tử với phu nhân của chàng không có gì là đậm ấm gia đình, và đối với công chúa cách tốt nhất để đặt nội các của mình ở Béc-lin là rời đến Cô-blen-tơ ở ẩn.

Trong khi đó hoàng hậu đã đi đến một trong những thủ đoạn xảo trá, mà những độc giả cuốn biên niên sử Oeil de boeuf¹²⁹ rất quen thuộc. Chắc các vị đã đọc trong những tờ báo, rằng quốc vương và hoàng hậu đã rời Béc-lin, đi đến Lai-pxích thì chiếc cặp của hoàng hậu đã bị mất cắp, mặc dù cảnh sát Đức có hàng trăm con mắt, hàng trăm cánh tay đã làm hết sức, nhưng không tìm được kẻ ăn cắp. Lạ lùng thay chiếc cặp đó hoá ra lại nằm trên bàn làm việc của quan nhiếp chính, và ở trong cặp đó thấy có một tập thư dày của phu nhân quan nhiếp chính, tức công chúa, đã trao đổi với mọi loại nhà hoạt động chính trị. Trong đó có những bức thư viết cho Gerichtspäsident Ven-sen ở Ra-ti-bo, một trong những dân biểu vừa được bầu ở Béc-lin, một thành viên của phái đối lập ở hạ nghị viện của Man-toi-phen, cũng còn có những bức thư gửi cho Rai-khân-spe-gơ, một lãnh tụ của phái đối lập Thiên chúa giáo ở Phổ và còn có những bức thư khác, tất cả những bức thư đó đều chứa đựng đầy rẫy chủ nghĩa tự do giả dối và những ước mơ về một nước Đức thống nhất. Bằng cách đó vị hoàng tử, như mọi người biết, bị cơn ác mộng về nước cộng hoà đỏ theo đuổi, càng hoảng sợ hơn khi phát hiện ra rằng chính phu nhân của chàng lại rất gần gũi với những nhà cách mạng. Những mưu kế khác cũng đã được đưa ra sử dụng. Tôi thông báo chronique scandaleuse^{1*} này, - tôi có thể cam đoan chuyện này chính xác, - bởi vì trong những nước quân chủ sự thối nát của các triều đại báo hiệu cho một cuộc cách mạng đang tới gần trước khi cách mạng mang hình thức phong trào quần chúng nhân dân.

*Do C.Mác viết vào ngày 23 tháng Mười
một 1858*

*Đã đăng trên báo "New-York Daily
Tribune" số 5505, ngày 13 tháng Chạp
1858*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

1* - câu chuyện nổi tiếng xấu

PH.ĂNG-GHEN

* CHÂU ÂU NĂM 1858

Vào sáu tháng cuối năm 1858, người ta nhận thấy tính tích cực chính trị đặc biệt sôi động lên ở châu Âu. Từ ngày 2 tháng Chạp 1851 đến giữa năm nay, lục địa châu Âu về mặt chính trị tựa hồ được bao phủ bằng một tấm vải liệm. Những thế lực mà, nhờ sự ủng hộ của quân đội, đã ra khỏi cuộc xung đột cách mạng vĩ đại như những kẻ chiến thắng, đã có khả năng quản lý một cách tùy tiện, công bố và bãi bỏ, tuân theo hoặc vi phạm các đạo luật theo ý của mình. Ở khắp nơi các cơ quan đại diện đã thoái hoá thành chỉ là ảo ảnh đơn thuần; hầu như không một nơi nào còn tồn tại một phái đối lập nghị trường; các báo chí phải ngậm miệng; và nếu không có một làn sóng công phần nổ ra bất ngờ ở nơi này, nơi nọ: cuộc khởi nghĩa ở Mi-la-nô, cuộc đổ bộ vào Xa-léc-nô⁴³⁰ cuộc phiên loạn ở Sa-lôn^{1*}, cuộc mưu sát Lu-i - Na-pô-lê-ông^{2*}; nếu không có một số vụ án chính trị ở An-giê và những nơi khác, mà trong thời gian xử án, tinh thần cách mạng trước đây đã thể hiện ra và đe dọa bằng cách tuyên bố về sự tồn tại của mình, tuy là trong một thời gian ngắn và bằng một giá rất đắt, - thì có thể nghĩ rằng sau kinh nghiệm của năm 1848, lục

1* Xem tập này, tr. 504 - 509.

2* Xem tập này, tr. 481 - 485.

địa châu Âu đã cự tuyệt mọi tư tưởng có liên quan đến chính trị, và có thể nghĩ rằng chế độ độc tài quân sự và chế độ Xê-da đã được thừa nhận ở khắp nơi là một hình thức cầm quyền duy nhất có thể chấp nhận được. Ngay cả ở Anh tinh thần của cải cách chính trị cũng không ngừng giảm xuống. Mọi sự chú ý của Nghị viện Anh đều bị thu hút vào bộ luật pháp lý, thương mại và hành chính, hơn nữa, bộ luật hành chính lại có khuynh hướng tuyệt đối đi tới chế độ tập trung. Những mưu toan phục hồi phong trào chính trị của quần chúng đã kết thúc bằng một thất bại thảm hại. Đảng tư sản đấu tranh cho việc cải cách đã bình thản yên giấc sau khi chịu một thất bại nặng nề trong cuộc phổ thông đầu phiếu dưới thời thủ tướng Pan-móc-xtôn vào năm 1857, trong khi phong trào Hiến chương lâm vào tình trạng suy sụp hoàn toàn.

Trong tất cả các quốc gia ở châu Âu, Nga là nước đầu tiên đã thức tỉnh khỏi giấc ngủ triền miên. Cuộc Chiến tranh Crưm đã kết thúc mà không có sự tổn thất ít nhiều quan trọng về lãnh thổ và thậm chí - nếu nói về phương Đông - không có sự thiệt hại về uy tín, vẫn làm tổn thương đến lòng tự hào của nước Nga. Lần đầu tiên người ta đã bắt nước Nga phải từ chối nguyên tắc - không bao giờ từ bỏ lãnh thổ đã có lúc sáp nhập vào nước Nga. Toàn bộ hệ thống hành chính của Nga trong lĩnh vực được tổ chức một cách tốt nhất của nó - trong lĩnh vực quân sự - đã hoàn toàn phá sản và sụp đổ. Công trình mà Ni-cô-lai đã ra công làm suốt ngày đêm trong khoảng 25 năm ròng đã bị chôn vùi dưới những đống nát của các thành lũy, các pháo đài ở Xê-va-xtô-pôn. Trong khi đó, trong những điều kiện chính trị tồn tại ở đất nước này đã không thể có được một hệ thống hành chính nào khác, ngoài hệ thống quan liêu đã thống trị hoàn toàn ở đây và đã được phát triển đến tột độ. Để đặt cơ sở cho một hệ thống thích hợp hơn, A-lếch-xan-đrơ II một lần nữa đã buộc phải quay lại tư tưởng giải phóng những người nông nô. Ông ta phải đấu tranh với hai đối thủ ghê gớm: quý tộc và các bộ máy quan liêu mà ông ta bắt đầu có ý định cải cách bất chấp ý nguyện riêng của nó và trong khi đó bộ máy này lại phải là công cụ thực hiện những kế hoạch của

ông ta. Ông ta đã không tìm được sự ủng hộ ở đâu cả, ngoài tính ngoan ngoãn cổ truyền và thụ động của đám quần chúng vốn có sức ỳ là những nông nô và thương nhân Nga, đám quần chúng cho đến nay đã bị tước mất ngay cả đến quyền nghĩ về vị trí chính trị của mình. Để làm cho sự ủng hộ của họ trở thành hiện thực, ông ta đã phải tạo ra một cái gì đó đại loại như dư luận xã hội và chỉ ít là một thứ báo chí. Vì thế mà sự kiểm duyệt báo chí đã được giảm bớt và cơ hội đã được tạo ra cho các cuộc tranh luận lịch sử, có thiện ý và với lời lẽ lễ độ, thậm chí một sự phê phán nhẹ nhàng, đúng mức đối với những hành động của các quan chức cũng được cho phép. Mức độ tự do tranh luận hiện có ở nước Nga được coi là nhỏ nhoi đến nỗi bị bỏ ở bất cứ một nước châu Âu nào khác, ngoài nước Pháp, nhưng đối với những người đã hiểu biết nước Nga của Ni-cô-lai thì điều đó hình như cũng đã là một bước tiến lớn về phía trước; cùng với những khó khăn đang phát sinh một cách tất yếu do việc thủ tiêu chế độ nông nô, thì sự thức tỉnh này đối với đời sống chính trị của các giới có học vấn hơn ở xã hội Nga là điều hoàn toàn tốt.

Sự sôi động của đời sống chính trị cũng đã diễn ra ngay cả ở Phổ. Chẳng bao lâu sau khi nhà vua tạm thời rút khỏi việc lãnh đạo quốc gia, ông ta đã bắt đầu biết rằng, bệnh loạn trí của ông ta không thể chữa khỏi được và sớm hoặc muộn người em trai ông ta sẽ được chỉ định là người nhiếp chính với đầy đủ mọi quyền hành. Thời kỳ khuyết ngôi ấy đã tạo cơ sở để cho một cuộc cổ động, viện cớ đòi hỏi một chế độ nhiếp chính thường xuyên, cuộc cổ động này trên thực tế đã nhằm chống lại nội các đang tồn tại lúc đó không được dân tín nhiệm. Khi mà hai tháng trước đây, chế độ nhiếp chính đã hoàn toàn được thiết lập, thành phần nội các đã được thay đổi và viện dân biểu mới đã được bầu ra, thì cuộc vận động chính trị bị kìm hãm trong thời gian dài đã lập tức dọn sạch cho mình một con đường và đuổi ra khỏi cơ quan lập pháp cái đa số cũ hủ như cho đến tận người cuối cùng. Sự sôi động hiện nay của đời sống xã hội Phổ rút cuộc sẽ dẫn tới cái gì - vấn đề này đã được phân tích trên những trang của tờ báo này^{1*}; ở đây chúng tôi chỉ cần đơn giản nêu ra một sự thực là sự sôi động chính trị đã bắt đầu.

1* Xem tập này, tr. 744 - 749, 750 - 765, 778 - 794, 801 - 806.

Sự tồn tại của một cuộc vận động như vậy không thể không được mọi người ở phần còn lại của nước Đức nhận thấy. Thật vậy, cuộc vận động này đã lộ ra ở các quốc gia nhỏ: sự thay đổi nội các, sự biến chuyển trong tương quan lực lượng của các đảng, những sự dao động trong chính sách chắc chắn sẽ phát triển cả ở những quốc gia đó, tùy theo mức độ mà cuộc vận động sẽ có hình thức xác định hơn ở chính ngay nước Phổ. Và cuộc vận động này cũng đã trở nên rất rõ ràng không những chỉ ở hàng loạt các tiểu vương quốc Đức, mà còn cả ở Áo. Phái lập hiến ở Áo giờ đây không có khả năng làm cho chính phủ chấp nhận một cuộc thử thách thứ hai của các cơ quan đại diện, thành thử thủ đoạn duy nhất để lôi cuốn dư luận vào vấn đề này là ca tụng "việc quay trở về một chính quyền lập hiến lành mạnh" ở Phổ; và thật là kỳ lạ khi thấy Phổ bất ngờ được lòng dân đến như thế nào ở Áo và miền Nam Đức. Song dù hình thức của cuộc vận động này là như thế nào đi nữa thì điều quan trọng là cuộc vận động cũng đã nảy sinh ngay cả ở nước Áo.

I-ta-li-a là một lò bùng nổ khác của cuộc vận động. Cơn sốt chính trị do những mưu mô của Bô-na-pác-tơ nuôi dưỡng đã tương đối dịu đi sau việc ký kết hoà ước với nước Nga, nhất định phải lan sang dân tộc dễ bị kích động này. Ở Lô-m-bác-di chiến dịch chống độc quyền thuốc lá đã có từ lâu nay được phục hồi lại; bất chấp đơn vị đồn trú của Áo ở Pi-a-sen-txa, nữ công tước thành Pác-ma đã cho phép Ri-xtô-ri tuyên truyền chống những người Áo trong vai trò I-u-di-phi là người đang dự báo một cuộc chiến tranh thần thánh với những người Át-xi-ri⁴³¹. Ở La Mã, tình cảnh của các đội quân chiếm đóng Pháp trở nên rất khó khăn, cũng giống như tình cảnh của chính phủ giáo hoàng. Thậm chí Na-plơ cũng chuẩn bị khởi nghĩa và, thêm vào đó, Vích-to - Ê-ma-nu-en ở Xác-di-ni đang kêu gọi các tướng lĩnh của mình chuẩn bị sẵn sàng, bởi vì có khả năng vào mùa xuân họ sẽ lại phải ngửi thuốc súng.

Ngay cả nước Pháp cũng bị trào lưu mới này xâm chiếm. Bài báo của Mông-ta-lăm-be chống chủ nghĩa Bô-na-pác-tơ⁴³² là biểu hiện rõ rệt của sự thức tỉnh mới ấy về tính tích cực của giai cấp tư sản Pháp. Lúc này người ta đã thấy rõ rằng không những Mông-ta-lăm-be đã chuẩn bị xong bài tùy bút khác, mà ngài Phan-lu, cựu bộ trưởng của Lu-i - Na-pô-lê-ông cũng đang chuẩn bị cho đăng một bài báo gay gắt chống lại trật tự hiện hành. Vụ án Mông-ta-lăm-be đã làm dâng lên một sự phản kháng hùng hồn của những nhân vật có danh tiếng ở Nghị viện Pháp chống lại hệ thống thống trị, và dẫn tới sự tuyên bố rằng họ vẫn tìm cách khôi phục lại quyền của nghị viện. Đơ Brô-li, Ô-di-lông Bârô, Vin-manh và nhiều người khác thuộc loại này đã có mặt trong vụ xử án, và Be-ri-ê đã thay mặt họ phát biểu, khi các trạng sư sử dụng đến mức độ nào đấy quyền bất khả xâm phạm trong những lời phát biểu của mình tại toà án, thì ông kêu lên:

"Không, không bao giờ và không vì một giá nào chúng tôi lại phản bội quá khứ của mình. Các ngài đánh giá đất nước của chúng ta rẻ quá. Các ngài cho rằng đất nước hay thay đổi và luôn biến cải. Trong trường hợp như vậy tại sao các ngài lại tin rằng, vào một ngày nào đó đất nước không muốn quay trở về những thể chế mà nó đã yêu mến và nó đã sống nửa thế kỷ dưới các thể chế đó? Vâng, sức của chúng tôi đã quá kiệt do cuộc đấu tranh kéo dài của chúng tôi, do những thử thách của chúng tôi, do nỗi đắng cay trong tâm trạng thất vọng của chúng tôi, - *thế nhưng khi nào Tổ quốc chúng tôi kêu gọi chúng tôi thì bao giờ cũng sẽ tìm thấy chúng tôi ở cương vị của mình*; chúng tôi sẽ cống hiến cho Tổ quốc bản thân mình với nhiệt tình, với sự ngoan cường và với lòng vô tư, như trong những ngày đã qua, và tiếng hô cuối cùng của chúng tôi sẽ là: "Tự do và nước Pháp!"".

Chắc chắn, diễn giả sẽ không bao giờ dám cả gan tuyên chiến công khai như vậy chống toàn bộ hệ thống chính quyền của nước Pháp hiện tại, nếu không có sự ủng hộ tinh thần mạnh mẽ ở bên ngoài phòng họp. Cuối cùng, chúng tôi thấy rằng ngay cả ở Anh việc tuyên truyền cho cải cách đã được phục hồi lại, và mọi chuyện đều dẫn đến chỗ vấn đề này được đặt ra trước nghị viện dưới hình thức này hay hình thức khác cho đến khi cải cách sẽ được chấp nhận, - một cuộc cải cách sẽ làm thay đổi tương quan lực

lượng của các đảng phái một cách căn bản, và chính do đó mà sẽ làm tổn hại đến nền tảng của Hiến pháp Anh đáng kính, song còi cọc.

Nhưng cái gì ẩn nấp dưới phong trào thuần nhất và cho đến nay là đồng điệu một cách khác thường đó ở hầu khắp tất cả các nước của châu Âu?

Khi những vụ nổ núi lửa vào năm 1848 bất ngờ phun ra trước mắt giai cấp tư sản tự do rất đổi kinh ngạc của châu Âu bóng ma khổng lồ của giai cấp công nhân được vũ trang đang chiến đấu cho sự nghiệp giải phóng chính trị và xã hội của mình, thì giai cấp tư sản - mà đối với nó thì việc sở hữu an toàn tư bản của mình còn quan trọng hơn nhiều so với quyền lực chính trị trực tiếp, - đã hy sinh quyền lực đó và tất cả các quyền tự do mà trước đây nó đã đấu tranh để giành lấy nhằm đảm bảo việc đàn áp cuộc cách mạng vô sản. Giai cấp tư sản đã tự thú nhận là chưa trưởng thành về chính trị và chưa có khả năng điều hành công việc của dân tộc, và nó đã phục tùng chế độ độc tài quan liêu quân phiệt một cách ngoan ngoãn. Lúc đó bắt đầu công cuộc xây dựng hối hả những công xưởng, hầm mỏ, đường sắt, tàu thủy, thời đại của Crédit Mobilier, của các công ty cổ phần giả mạo, của sự bịp bợm, của những vụ đầu cơ giao dịch - là thời đại trong đó giai cấp tư sản châu Âu đã tìm cách tặng thưởng cho mình những thắng lợi kinh tế để bù cho những thất bại chính trị của mình, sự giàu có cá nhân để bù cho sự yếu hèn tập thể của mình. Nhưng cùng với sự phát triển về của cải thì sức mạnh xã hội của giai cấp tư sản cũng phát triển và những lợi ích của nó cũng mở rộng một cách tương ứng; giai cấp tư sản một lần nữa đã bắt đầu cảm thấy xiềng xích chính trị áp đặt cho nó. Cuộc vận động hiện đang được triển khai ở châu Âu là hậu quả và biểu hiện tự nhiên của cái cảm giác ấy, cảm giác này được củng cố bởi niềm tin về quyền lực của mình đối với công nhân của mình mà mỗi nhà tư sản đã lấy lại được do kết quả của sự phát triển công nghiệp không gì ngăn cản được trong mười năm. Năm 1858 về nhiều mặt giống với năm 1848 là năm đã đặt nền tảng cho sự sôi động chính

trị ở đa số các nước châu Âu, và cũng là năm được đánh dấu bằng sự xuất hiện một số đông người ủng hộ cải cách trong số những người cầm quyền, những người cầm quyền này hai năm sau đã tỏ ra bất lực trước sự tấn công của dòng thác cách mạng mà chính họ đã mở đường và bị cách mạng đẩy ra một bên.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào cuối tháng
Mười một 1858
Đã đăng làm xã luận trên báo "New-
York Daily Tribune" số 5514, ngày 23
tháng Chạp 1858*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

C.MÁC

* TÌNH HÌNH Ở PHỔ

Béc-lin, ngày 4 tháng Chạp 1858

Ở một trong những bức thư trước^{1*} tôi đã nói về các vị rõ lời cảnh cáo mật của ngài Phlốt-ven với giai cấp tư sản - là chỗ có đi quá xa trong màn kịch "đổi mới" - đã đem lại cho cuộc bầu cử phổ thông một cục diện bất ngờ như thế nào. Việc này làm cho những người tư sản cấp tiến hoàn toàn lúng túng. Mặt khác, những giai cấp bên dưới không cần đến sự cảnh cáo nào cả, bởi vì họ đã từ chối tham gia trò hề bầu cử một cách tự nguyện và thậm chí còn khinh bỉ nữa. Căn cứ của luật bầu cử thì nó hoàn toàn không có một ý nghĩa nào cả, nếu như trong trường hợp này, những cử tri vòng thứ nhất và vòng thứ hai theo cùng một đường lối chung. Đành rằng, ở một vài nơi, ví dụ như Béc-lin, có một bộ phận nhỏ người đóng thuế trong giai cấp công nhân đã tham gia bầu cử, nhưng có thể nói chắc chắn rằng những công nhân này đã hành động theo một d'ordre^{2*} của chủ mình. Thậm chí "phóng viên riêng" của tờ "Times" ở Luân Đôn thấy mọi điều đều là couleur de rose^{3*}, cũng đã buộc phải công nhận trên những trang

1* Xem tập này, tr. 802 – 804.

2* Theo mệnh lệnh

3* màu hoa hồng

đặc biệt của báo chí Anh rằng tính thụ động của quần chúng nhân dân đang gọi lên trong con tim dũng cảm của ông ta những mối lo ngại ảm đạm. Như vậy, nói chung cuộc bầu cử tỏ ra là tự do hiểu theo ý nghĩa chính thống của từ đó. Đảng "Kreuz - Zeitung" đã biến mất như thần thông biến hoá. Hai trong số những người chỉ huy của đảng thậm chí đã phải quay về buồn thảm phán, nơi mà trước đây họ đã quản lý, còn một số người thì được bầu chỉ là nhờ lòng khoan dung của các đối thủ của mình. Hàng ngũ của họ trống rỗng như thế nào, điều đó có thể thấy được qua mỗi một sự kiện là trong số 77 quận trưởng chỉ có 27 người được bầu lại. Nói chung đảng này một lần nữa sẽ lại xuất hiện trên sân khấu dưới dạng hoàn toàn thiếu số.

Song sự yếu đuối tự nhiên của chủ nghĩa lập hiến Phổ đạt đến mức là nó đã sợ cả ý nghĩa trọng đại của thắng lợi của chính bản thân nó. Vì kết quả của cuộc bầu cử là những viện đại diện cho chủ nghĩa tự do của nội các đã xuất hiện, cho nên rõ ràng là nội các đại diện cho chủ nghĩa tự do của các viện đã được bầu ra và do quá trình đơn giản này, nội các thực tế trở thành nội các của một đảng, nội các của nghị viện, nghĩa là trở thành một cái quái đản đáng lẽ không nên có. Do đấy các bộ trưởng buộc phải lập tức phản ứng với tình huống mới được hình thành đối với họ ở trên tờ "Staats-Anzeiger". Những cố vấn được chọn ra ấy của hoàng thân bồng nhiên tựa hồ như biến thành quyền hành pháp được bầu ra để lãnh đạo đất nước theo quyền hạn và khả năng mà nhân dân giao phó cho họ. Trong lời phản đối của họ - chỉ có thể gọi bản tuyên ngôn có tính nguyên tắc của họ đăng trên tờ "Staats-Anzeiger" như vậy mà thôi - bằng những câu khoa trương, họ nhấn mạnh rằng ở Phổ không thể nói đến vấn đề nội các của nghị viện hoặc chính phủ của một đảng; rằng nhờ ơn Thượng đế, quốc vương vẫn cần phải là nguồn gốc duy nhất của quyền lực; rằng các vị bộ trưởng không thể phụng sự hai chủ; đất nước đã hành động hoàn toàn đúng đắn khi tiến hành bầu cử theo tinh thần của nội các, nhưng lúc này không phải đất nước chờ đợi nội các thực hiện ý chí của các viện, mà ngược lại, nội

các chờ đợi rằng các viện sẽ ngoan ngoãn đi theo dấu chân của chính phủ.

Các vị biết chúng ta sẽ đi đến cái gì. Nội các là chính phủ của nghị viện và đồng thời nội các không phải là chính phủ của nghị viện. Nhờ cuộc tuyển cử nó đã loại trừ đảng của hoàng hậu, nhưng nó cũng đã biểu lộ lòng mong muốn sâu sắc đập vỡ cái cầu thang mà nó đã leo lên nắm chính quyền. Vì quốc vương vẫn còn sống, vì hoàng hậu còn lập mưu tính kế và những phe lũ có tổ chức mạnh mẽ còn núp sau những lá cờ của họ, cho nên hoàng thân không thể củng cố được địa vị của mình bằng cách nào khác hơn là bầu ra nội các tự do, còn nội các này thì không thể đứng vững trên cương vị của mình bằng cách nào khác hơn là nhờ đến phổ thông đầu phiếu. Vì các cử tri đã hưởng ứng âm điệu mà người ta đã khê hát cho họ nghe từ trên cao, cho nên nội các đã trở thành nội các của đảng phái, còn hoàng thân thì trở thành kẻ độc tài của giai cấp tư sản. Nhưng đột nhiên hoàng thân, người mà nhờ ơn Thượng đế, đang muốn trở thành người thừa kế ngai vàng nước Phổ, hiểu rõ: do những biến cố nên ông ta đã rơi vào một tình thế giả tạo nào, và trong cơn bức tức bất lực của mình, ông ta tưởng tượng rằng chỉ bằng lời nói ông ta có thể thủ tiêu các sự kiện, bằng những câu nói nửa giáo huấn, nửa đe dọa, ông ta có thể làm thay đổi những điều kiện thực tế của việc ông ta lên nắm chính quyền và bằng việc hoàn tất mảnh khoé bầu cử, ông ta sẽ có thể lấy lại tư thế cổ truyền của quốc vương Phổ. Trong khi tưởng tượng rằng có thể lừa bịp được đất nước, ông ta và phe lũ của ông ta chỉ làm bộc lộ sự xảo trá của bản thân mình và chỉ là một cảnh tượng vô lý đáng buồn cười của *malade malgré lui*^{*}. Bằng những cố gắng ngăn chặn sự sôi động chính trị, bọn họ chỉ giải phóng nó khỏi vòng kiểm soát của họ. Thêm vào sự phản đối của nội các, còn phải xem xét cả bài phát biểu của hoàng thân ở Hội đồng quốc gia, bài phát biểu này đã được công bố đầy đủ, vì

^{*} - của người mắc bệnh tưởng (Mô-li-e. "Người mắc bệnh tưởng").

đám quần thần của hoàng hậu đã biết được một vài câu của bài đó.

Như vậy, hoàng thân cũng như các bộ trưởng của mình đang xoay tròn trong vòng những mâu thuẫn nội tại gay gắt nhất. Ông ta đã chọn một nội các mới, bởi vì ông ta không coi việc giải tán nội các cũ là một sự thay đổi thực sự, ông ta muốn một cái gì đó mới, nhưng cái mới ắt chỉ là sự tái bản cái cũ. Ông ta chê trách tình trạng những thành phố mà chính phủ trước đây đã gán cho đất nước, vì tình trạng này đã xóa bỏ những vết tích cuối cùng của quyền tự quản của các thành phố; nhưng ông ta không muốn thay đổi nó, bởi vì một sự thay đổi như vậy có thể gây nên những hậu quả nguy hiểm trong tình hình sức sôi hiện nay của tâm trạng quần chúng. Ông ta yêu cầu mở rộng ảnh hưởng của Phổ chỉ bằng con đường hoàn toàn ôn hoà, cho nên ông ta cho việc tăng số lượng quân đội là cần thiết, vì quân đội là một khối u lớn đang suy kiệt. Ông ta thừa nhận rằng cần có tiền để thực hiện mục đích này, rằng mặc dù những món nợ của nhà nước đã phát sinh từ thời cách mạng, ngân khố vẫn bưng tai bịt mắt trước những yêu cầu đề ra cho nó. Ông ta trịnh trọng tuyên bố áp dụng những thuế mới và đồng thời phần nộ về sự gia tăng ghê gớm của lỗ tén dụng ở Phổ trong khoảng mười năm gần đây. Nếu các bộ trưởng của ông ta muốn có các cử tri theo tinh thần của mình, chứ không tán thành làm bộ trưởng theo tinh thần của các cử tri của mình, thì ông ta, tức quan nhiếp chính, cũng muốn có tiền cho quân đội của mình, mà không muốn nghe nói về những con người có tiền. Trong bài diễn văn của ông ta chỉ có một đoạn duy nhất, mà ở đó có thể thấy sự phản kháng rõ ràng đối với chế độ đã qua, - đó là sự đả kích của ông ta chống lại tính giả nhân giả nghĩa của tôn giáo. Về phía ông ta, đó là một sự châm chọc đối với hoàng hậu, nhưng để công chúng không dám có một hành vi quá trớn như vậy, ông ta, một ông hoàng theo tôn giáo, cũng trong thời gian đó đã ra lệnh cho cảnh sát giải tán hội nghị của những người Thiên chúa giáo tự do ở Béc-lin.

Các vị sẽ đồng ý rằng một chính sách không xác định, chứa đầy mâu thuẫn nội tại và mang tính chất tự sát như vậy ngay trong hoàn cảnh bình thường cũng đã là một chính sách có tính chất khiêu khích và nguy hiểm; thế nhưng không thể đánh giá tình hình hiện nay là bình thường được. Nguy cơ cách mạng đang chín muồi ở Pháp và để chống lại nguy cơ đó, Chính phủ Phổ cần phải cảm thấy mình yên tâm trong đất nước của mình. Khả năng duy nhất làm trì hoãn cuộc cách mạng ở nước Pháp, là một cuộc chiến tranh ở châu Âu. Trong cuộc chiến tranh này nước Nga, Pháp và Xéc-di-ni đã liên kết lại để chống nước Áo. Lúc đó để không trở thành vật hy sinh chung, Phổ vẫn phải chuẩn bị sẵn sàng để tiến hành một cuộc chiến tranh giải phóng, cuộc chiến tranh vì nền độc lập của nước Đức, bởi vì nếu Phổ dấn vào một cuộc chiến tranh chống lại thần dân của mình thì như năm 1806, Phổ sẽ bị lật nhào chỉ bằng một đòn tấn công thôi⁴³³. Chính phủ Phổ hoàn toàn hiểu rõ rằng nó sẽ lâm vào tình trạng khó khăn như thế nào do hậu quả của một cuộc cách mạng ở nước Pháp hay một cuộc chiến tranh ở châu Âu. Chính phủ Phổ cũng hiểu rằng vào lúc này châu Âu đang do dự giữa hai cách giải quyết tình trạng lưỡng nan này. Nhưng, mặt khác, Chính phủ Phổ hiểu rằng, nếu dành cho phong trào nhân dân một sự tự do hoàn toàn, thì từ bên trong sẽ nảy sinh mối nguy hiểm mà người ta ắt có thể bằng cách đó đề phòng được từ bên ngoài. Nhượng bộ dân chúng trên giấy tờ và trên thực tế thì quy những nhượng bộ ấy thành không còn gì - đó là một trò chơi mà có lẽ, tiến hành với dân Đức thì nguy hiểm, nhưng Chính phủ Phổ thảm hại không đủ can đảm ngay cả đến thử bắt đầu trò chơi ấy. Ví dụ: tại sao không cho phép giai cấp đại tư sản tự an ủi mình bằng ý nghĩ dễ chịu là để cho nó bầu ra nội các sau khi quan nhiếp chính chỉ định? Bởi vì ngay cả về ngoài nhượng bộ nhân dân cũng sẽ xúc phạm đến lòng tự hào của vương triều. Chính sách đối nội như thế nào thì chính sách đối ngoại như thế ấy. Một cuộc chiến tranh ở châu Âu không làm một quốc gia nào kinh hoàng như Phổ. Song một cuộc chiến tranh nhỏ vì lợi ích riêng, chẳng hạn cuộc xung đột với Đan Mạch vì Slê-dơ-vích - Hôn-stai-nơ hay là sự trao đổi những viên đạn nổi

da nấu thịt với Áo và bá quyền lãnh đạo ở Đức đã có thể tỏ ra là một sự giương đông kích tây hết sức khôn khéo và có thể làm cho chính phủ được lòng dân bằng giá rẻ - nhờ một lượng máu nào đó của nhân dân. Nhưng cả ở đây cái điều tự nó là đáng mong muốn cũng không phải đồng thời là điều có thể thực hiện được. Đằng sau vấn đề Đan Mạch và Nga, còn Áo thì tự mình lại là status quo của châu Âu không hơn không kém. Như thế, nếu những sự nhân nhượng về hiến pháp sẽ mở đường cho cách mạng thì một sự đụng độ nhỏ sẽ dẫn đến cuộc chiến tranh ở châu Âu. Cho nên các vị có thể tin chắc rằng những tiếng kêu gào chiến tranh của Phổ chống lại Đan Mạch cuối cùng sẽ chỉ còn là sự phản đối bằng lời trên những trang của tờ báo "Staats - Anzeiger" mà thôi.

*Do C.Mác viết ngày 4 tháng Chạp 1858
Đã đăng trên báo "New-York Daily
Tribune" số 5517, ngày 27 tháng Chạp
1858*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

VẤN ĐỀ QUẦN ĐẢO I-Ô-NIÊNG

Luân Đôn, ngày 17 tháng Chạp 1858

Phiên toà xử ngài Uy-li-am Hát-xơn Guéc-xi, nói cách khác là ngài Oa-sinh-tơn Guéc-xi, người đã bị truy tố hình sự vì vụ án cấp hai bản báo cáo tối mật trong thư viện của Bộ thuộc địa Anh - một bản vào ngày 10 tháng Sáu 1857, một bản vào ngày 18 tháng Bảy 1858, - hai bản báo cáo đó do ngài Giôn I-ăng, huân tước cao uỷ của quần đảo I-ô-niêng đệ trình lên cựu chính phủ của huân tước Pan-móc-xtơn, vừa mới được xem như là phiên toà hình sự trung ương đối sự chủ toạ của nam tước Mác-tin và đã kết thúc bằng sự trắng án của kẻ bị cáo. Xét theo quan điểm chính trị cũng như quan điểm pháp lý, vụ án là đáng chú ý. Nên nhớ rằng ngài Glát-xtôn vừa mới từ giã Luân Đôn với mục đích thực hiện sứ mệnh đặc biệt đã giao cho ngài về việc lập lại hoà bình trên quần đảo I-ô-niêng⁴³⁴, thì bản báo cáo của ngài Giôn I-ăng đã xuất hiện trên các cột của tờ "Daily News", giống như mũi tên của bộ lạc Xki-phi-a được một bàn tay vô hình bắn ra, trong bản báo cáo đó ngài đề nghị bỏ chế độ bảo hộ đối với quần đảo và trao trả chúng cho Hy Lạp, song trước tiên là cắt đi phần tốt nhất của quần đảo - Coóc-phu - và nhập nó vào đất thuộc địa của nước Anh. Mọi người đều hết sức kinh ngạc. Một bộ phận của cơ quan ngôn

luận Luân Đôn thù địch với nền ngoại giao bí mật, đã chúc mừng nội các của huân tước Đốc-bi về hành động dũng cảm là đã khám phá ra những bí mật của mưu kế ngoại giao, còn tờ "Morning Star" phần khởi hồn nhiên thậm chí đã tuyên bố rằng, một kỷ nguyên mới của chính sách quốc tế đã bắt đầu trong Vương quốc liên hợp. Nhưng những giọng phê phán gay gắt và độc địa lập tức át cả lời khen ngọt ngào. Báo chí thù địch với nội các vội nắm lấy "sai lầm thô bạo có chủ ý" - tờ báo gọi việc này là như thế, theo lời của tờ báo, thì việc đó không có mục đích nào khác hơn là trước hết xoá bỏ tính độc lập về chính trị của ngài Glát-xtôn và tạm thời đẩy ông ta khỏi nghị trường. Nhưng chính trong thời gian đó những tên tay sai riêng của ông ta, bằng mảnh khoé vô lương tâm được thực hiện một cách xảo quyệt hoàn toàn theo kiểu Ma-ki-a-ven, ắt đã cản trở việc thực hiện sứ mệnh giao cho ông ta bằng cách công bố các văn kiện khiến ông ta lập tức bị đặt vào một tình hình khó xử đối với đối phương trong các cuộc đàm phán ngoại giao sắp tới, cũng như đối với dư luận xã hội của nước Anh và đối với công pháp quốc tế của châu Âu. Để đánh bại đối phương quá cả tin, các tờ "Times", "Globe", "Observer" và những tờ báo nhỏ thù địch với nội các đã viết, nội các Đốc-bi không do dự khi làm một việc thiếu tế nhị mà trong hoàn cảnh đó thì không phải là gì khác hơn một sự phản bội. Ngài Glát-xtôn đã có thể tiến hành đàm phán như thế nào khi những người I-ô-niêng không những biết rõ rằng nước Anh đã có một quyết định từ trước, mà cả khi những người I-ô-niêng yếu sức có thể lực cũng bị xúc phạm bởi tin loan truyền phản bội về sự kiện là họ đã đồng ý với kế hoạch dự kiến chia cắt bảy hòn đảo ra? Ông ta đã có thể tiến hành đàm phán như thế nào, khi châu Âu dứt khoát sẽ phản đối việc vi phạm Hiệp ước Viên, là hiệp ước theo đó nước Anh hoàn toàn không còn là người chủ của đảo Coóc-phu, mà chỉ là nước bảo hộ bảy hòn đảo, và là hiệp ước đã vĩnh viễn xác định bản đồ phân chia lãnh thổ châu Âu? Sự xuất hiện những bài báo này thực tế đã gặp phải những sự phản đối từ phía Nga và Pháp.

Chúng ta hãy nhận xét en passant^{1*}, rằng Hiệp ước Viên, bộ luật công pháp quốc tế duy nhất được công nhận ở châu Âu, là một trong những *fictiones juris publici*^{2*} quái gở nhất, nổi tiếng lúc nào đấy trong biên niên sử của nhân loại. Trong điều khoản thứ nhất của hiệp ước này nói về cái gì? Về sự lật đổ vĩnh viễn triều đại Bô-na-pác-tơ khỏi ngai vàng của nước Pháp, thế nhưng Lu-i - Na-pô-lê-ông đang ngự trên ngai vàng, là người sáng lập ra Đế chế thứ hai, được tất cả các ông vua ở châu Âu thừa nhận và tôn làm người anh, được họ đón tiếp thăm thiết và kính cẩn. Điều khoản khác quy định rằng Bỉ bị trao cho Hà Lan vĩnh viễn; trong khi đó thì việc tách Bỉ ra khỏi Hà Lan mười tám năm nay không những là *fait accompli*^{3*}, mà còn là sự kiện đã được hợp pháp hoá. Hơn nữa, Hiệp ước Viên quy định rằng, Cra-cốp đã được sáp nhập với Áo vào năm 1846, mãi mãi là một nước cộng hoà độc lập, và một điều khoản cuối cùng, nhưng không kém phần quan trọng là Ba Lan đã được Ni-cô-lai sáp nhập vào thành phần của Đế chế Nga, phải là một vương quốc quân chủ lập hiến, độc lập, gắn với nước Nga chỉ bằng một mối liên hệ cá nhân thông qua triều đại Rô-ma-nốp. Như thế là từng tờ giấy lần lượt được tháo ra từ cuốn sách thiêng liêng *jus publicum*^{4*} ở châu Âu, và người ta chỉ viện đến cuốn sách ấy khi điều đó được quyết định bởi những lợi ích của phía này hoặc sự nhu nhược của phía kia.

Nội các Đốc-bi rõ ràng do dự: hoặc là nhận những lời khen không đáng có của một bộ phận báo chí, hoặc là bác bỏ lời vu khống không đáng có của một bộ phận khác. Song sau khi do dự một tuần lễ, nội các đã quyết định điều thứ hai và chính thức tuyên bố rằng, những bản báo cáo của ngài Giôn I-ăng đã được công bố mà nội các không hay biết và hiện nay cuộc điều tra kẻ phạm tội làm sai trái này đang được tiến hành. Cuối cùng kẻ phạm tội đã bị phát hiện, chính là ngài Uy-li-am Hát-xơn Guéc-xi; ông

1* - thêm vào đó

2* - những sự bịa đặt của công pháp quốc tế

3* - sự kiện đã được thực hiện

4* - của công pháp quốc tế

ta đã bị Toà án hình sự Trung ương xét xử và bị buộc tội ăn cắp hai bản báo cáo. Kết quả là Nội các Đốc-bi ra khỏi cuộc đấu tranh với tư thế là người chiến thắng, sau khi vụ án mất ý nghĩa chính trị của nó. Nhưng vì vụ án này mà mối quan hệ giữa Anh và quần đảo I-ô-niêng lại lôi cuốn sự chú ý của toàn thế giới. Kế hoạch của ngài Giôn I-ăng không phải là kết quả bịa đặt của cá nhân ông ta, điều đó đã được chứng minh một cách hiển nhiên bởi đoạn sau đây, trích trong lời kêu gọi công khai của người tiên nhiệm của ông ta là ngài Hen-ri Uốc-đơ đối với Quốc hội I-ô-niêng ngày 13 tháng Tư 1850:

"Tôi không được uỷ quyền thay mặt vương triều Anh quốc nói về cái tương lai xa xăm - mà viễn cảnh của nó chỉ được phác ra một cách lơ mơ trong lời kêu gọi - khi mà những đại biểu của dân tộc Hy Lạp đã bị tách ra sẽ lại có thể, với sự đồng ý của các cường quốc châu Âu, thống nhất thành một đế chế hùng mạnh. Nhưng tôi dễ dàng bày tỏ ý kiến riêng của mình" (ông ta đã thay mặt vương triều Anh) rằng, "nếu sự kiện như thế nằm trong giới hạn những khả năng của con người, thì nhà vua và Nghị viện Anh sẽ có thái độ thiện ý như nhau đối với việc những người I-ô-niêng một lần nữa lấy lại được địa vị của mình với tư cách là những thành viên của một cường quốc mới, cường quốc này lúc ấy, đến lượt nó, lại sẽ giành được địa vị thích đáng trong nền chính trị thế giới".

Trong khi đó những tình cảm nhân đạo đang được nước Anh nuôi dưỡng đối với quần đảo đã được thể hiện trong sự tàn bạo thật sự như ở Áo, mà ngài Hen-ri Uốc-đơ đã dùng để đàn áp cuộc khởi nghĩa nổ ra trên quần đảo lúc đó. Trong số 200 000 người dân thì 8 000 người đã bị hành quyết bằng cách treo cổ, bị trừng phạt bằng roi mây, kết án tù và đưa đi đày; người ta đã đánh đập đàn bà và trẻ con đến chảy máu. Để người ta không nghi ngờ là tôi nói phóng đại, tôi sẽ trích dẫn một tờ báo Anh, cụ thể là tờ "Morning Chronicle" số ra ngày 25 tháng Tư 1850:

"Những biện pháp trừng phạt khủng khiếp mà các toà án quân sự mặt trận thi hành theo mệnh lệnh của huân tước cao uỷ đã làm cho chúng tôi phải rung mình. Trong hàng loạt trường hợp, người ta đã kết án những người phạm tội bất hạnh bằng án tử hình, đi đày và bằng những nhục hình mà không cần phải xét xử gì cả, còn trong những trường hợp khác thì bằng cách tiến hành xét xử

nhANH *trên cơ sở của luật thời chiến*. Hai mươi một người đã bị kết án tử hình và số lớn những người còn lại đã bị những sự trừng phạt khác".

Mặc dù thế những người Anh đang khoe khoang khoác lác rằng họ đã đem lại hạnh phúc cho những người I-ô-niêng bằng một bản hiến pháp tự do và đã phát triển nguồn lực vật chất của họ đến một trình độ tương phản hiển nhiên với tình hình kinh tế bi đát của chính Hy Lạp. Nhân tiện nói thêm rằng, về hiến pháp thì trong thời gian huân tước Grây được giao trách nhiệm mặc cả về những bản hiến pháp cho tất cả đế chế thuộc địa của Anh, ông ta cho là hoàn toàn không thể bỏ qua các đảo I-ô-niêng. Nhưng ông ta chỉ trả lại cho quần đảo cái mà nước Anh nhiều năm trước đây đã tước đoạt của nó bằng con đường lừa dối⁴³⁵.

Theo hiệp ước được ngài bá tước Ca-pô-di-xơ-ri thảo ra và nước Nga đã ký ở Pa-ri vào năm 1815, thì chế độ bảo hộ trên quần đảo I-ô-niêng được trao cho Anh với điều kiện rõ ràng là nước Anh sẽ giữ vững bản hiến pháp do Nga ban cho quần đảo vào năm 1803. Ngài huân tước cao uỷ đầu tiên của Anh là ngài Tô-mát Mây-tơ-len đã huỷ bỏ bản hiến pháp đó và thay nó bằng bản hiến pháp khác, bản hiến pháp này đã trao quyền hành vô hạn cho ông ta. Vào năm 1839, một người I-ô-niêng là quan kỹ sư Mu-xtô-xi-đi-xơ khẳng định trong "Pro memoria" của mình đăng ngày 22 tháng Sáu 1840 về cách giải quyết của hạ nghị viện như sau:

"Những người dân I-ô-niêng không được hưởng những đặc quyền mà các cộng đồng người Hy Lạp thường đã được hưởng ngay cả trong các thời kỳ bạo chính của Thổ Nhĩ Kỳ, cụ thể là đặc quyền lựa chọn những quan chức có chức vụ riêng của mình và quyền tự trị mà họ lại bị lệ thuộc vào các quan lại do cảnh sát đặt lên trên họ. Họ đã bị tước quyền được tự mình sử dụng những khoản thu nhập của mình, quyền này đã được giao trong những giới hạn rất nhỏ hẹp cho các ban quản lý công xã của mỗi một đảo, và để làm cho họ càng bị lệ thuộc nhiều hơn, những khoản thu nhập đó đã được chuyển vào kho bạc nhà nước".

Còn về sự phát triển các nguồn lực vật chất, thì chỉ cần nói rằng nước Anh, nước theo thuyết tự do buôn bán, đã không xấu hổ mà đánh thuế xuất khẩu vào những người I-ô-niêng, - một thủ đoạn vô nhân đạo hình như chỉ có trong bộ luật tài chính của Thổ

Nhĩ Kỳ. Ví dụ như nho khô đen không hạt, một sản phẩm chủ yếu của quần đảo bán ra đã bị đánh thuế xuất khẩu là 22¼.

"Những eo biển" - một người I-ô-niêng nói, - "tạo nên như là một con đường chính đối với các đảo, hiện giờ đã bị ngăn chặn theo phương pháp hàng rào chắn, bởi vì ở mỗi một bến tàu đều tiến hành đánh thuế quá cảnh vào tất cả các loại hàng hoá *trao đổi giữa các đảo với nhau*".

Nhưng như thế chưa phải là hết. Trong suốt thời gian hai mươi ba năm đầu cai trị của Anh, việc đánh thuế đã tăng hai lần, còn những chi phí - tăng năm lần. Về sau tiền thuế có giảm đi đôi chút, nhưng sau đấy vào năm 1850 đã có một sự thiếu hụt bằng một nửa tổng số tiền thuế trước kia, điều này thể hiện rõ trong bảng sau:

Năm	Thu thuế hàng năm (Tính bằng pao xtéc-linh)	Những chi phí
1815	68 459	48 500
1817 ^{1*}	108 997	87 420
1850	147 482	170 000

Như thế thì thuế xuất khẩu những sản phẩm riêng của họ, thuế quá cảnh giữa những hòn đảo riêng rẽ, việc tăng thuế và những chi phí quá sức - chính đó là những quyền lợi kinh tế mà Giôn Bun đã ban cho những người dân I-ô-niêng. Theo những lời phán truyền từ vườn hoa Prin-tinh-hao-xơ⁴³⁶, Giôn Bun chiếm những thuộc địa chỉ nhằm mục đích duy nhất là khai hoá cho họ theo nguyên tắc tự do của nhân dân, nhưng nếu chúng ta xem xét các sự kiện thì chúng ta thấy rằng tấm gương của quần đảo I-ô-niêng giống như Ấn Độ và Ai-rơ-len chỉ chứng minh rằng, để cho mình được tự do ở trong nước, Giôn Bun cần phải nô lệ hoá các dân tộc ngoài biên giới quốc gia mình. Cũng vậy, chính lúc ông ta, với tất cả lòng phần nộ cao thượng của mình, công kích kịch liệt hệ thống gián điệp của Bô-na-pác-tơ ở Pa-ri, thì chính ông ta lại cũng thực thi nó ở Đu-blin.

1* - Năm đầu tiên dưới sự bảo hộ của Anh.

Ý nghĩa pháp lý của phiên toà đang nói tới tập trung ở mỗi một điểm: người bào chữa cho Guéc-xi đã công nhận lấy cắp mười bản sao lục báo cáo, nhưng đã chứng minh sự vô tội của khách hàng mình ở chỗ người ấy không có ý đồ sử dụng chúng với mục đích riêng. Nếu tội ăn cắp chỉ phụ thuộc vào chỗ sở hữu của người khác được lấy một cách không hợp pháp với ý đồ gì thì về mặt này luật hình sự đã đi vào chỗ bế tắc. Những công dân đáng kính trọng ngồi trên ghế thẩm phán chưa chắc đã có ý định tiến hành cuộc cách mạng như thế trong các quan hệ sở hữu; bằng sự phán xét của mình, họ chỉ muốn tuyên bố rằng những văn kiện xã hội là tài sản không phải của chính phủ, mà của xã hội.

*Do C.Mác viết ngày 17 tháng Chạp 1858
Đã đăng trên báo "New-York Daily
Tribune" số 5520, ngày 6 tháng Giêng
1859*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC**LÀN SÓNG SÔI SỤC Ở AI-RƠ-LEN**

Luân Đôn, ngày 24 tháng Chạp 1858

Một chính phủ như nội các hiện giờ của Anh, đại diện cho một đảng đang tan rã, luôn luôn từ bỏ những nguyên tắc cũ của mình dễ dàng hơn là cắt đứt những mối quan hệ cũ. Sau khi dọn đến phố Dao-ninh, huân tước Đốc-bi chắc chắn đã quyết định chuộc lại những sai lầm mà ngày trước đã làm cho tên tuổi ông ta trở thành câu chuyện đàm tiếu ở Ai-rơ-len; còn viên tổng chưởng lý của ông được cử đến Ai-rơ-len, ngài Oai-tơ-xai-đơ nổi tiếng là con người do dự, thì chẳng suy nghĩ lấy một lát, ông ta đã từ bỏ lời thề ràng buộc ông ta với những báng súng của những tên Ô-ran-giơ⁴³⁷. Nhưng vấn đề là ở chỗ việc huân tước Đốc-bi lên cầm quyền đã đem lại cũng trong thời gian ấy cho một nhóm nhất định của giai cấp cầm quyền tín hiệu xông lên phía trước và đoạt lấy những chức vụ vừa mới bỏ trống do nhóm khác bắt buộc phải rút lui. Việc thành lập Nội các Đốc-bi có nghĩa là tất cả những vị trí trong chính phủ phải được phân chia cho những thành viên của đám người muôn hình muôn vẻ vẫn được thống nhất lại với danh hiệu là một đảng đã mất hết mọi ý nghĩa, đám người vẫn đi như trước dưới một ngọn cờ chung đã rách nát, mặc dù trong thực tế các thành viên của nó không có gì gắn

lại với nhau, ngoài những ký ức về quá khứ, ngoài những âm mưu ở các câu lạc bộ, mà chủ yếu là lòng quyết tâm sắt đá cùng nhau chia sẻ những mối lợi trần tục do những chức vụ mới đem lại. Vì vậy, huân tước Ê-linh-tơn, - vị Đông-kì-sốt này đã khao khát muốn làm sống lại những cuộc đấu hiệp sỹ ở nước Anh hăm lợi, - phải chiếm lấy chức vụ phó vương của Ai-rơ-len ở lâu đài Du-blin, còn huân tước Na-xơ, một người nổi tiếng là người quyết liệt đứng về phía các chúa đất Ai-rơ-len, thì phải trở thành thủ tướng của ông ta. Vừa rời Luân Đôn, cặp người xứng đôi này, arcades ambo^{1*}, dĩ nhiên đã được những người lãnh đạo mình khẩn thiết khuyên phải quyết tâm từ bỏ thói đồng đảng của mình, đối xử lịch thiệp và không làm cho những người chủ nhà của mình lo ngại bằng những hành vi trái khoáy bất ngờ nào cả. Chúng ta không nghi ngờ rằng con đường của huân tước Ê-linh-tơn qua eo biển đã được lát bằng những ý đồ tốt đẹp, và ông ta đã dễ dàng trí thông minh trẻ con của ông ta bằng những mơ ước về những búp bê phó vương; về phía mình, huân tước Na-xơ khi tới lâu đài Du-blin đã nhất quyết tin chắc rằng việc thu sạch ruộng đất của quần chúng, sự thiêu huỷ các căn nhà của nông dân, việc đuổi thẳng tay những người dân nghèo khổ ra khỏi nhà của họ sẽ được tiến hành bằng những nhịp độ thích đáng. Song do sự tất yếu của đảng đã buộc huân tước Đốc-bì bổ nhiệm những người không thích hợp vào những vị trí không thích hợp, cũng chính sự tất yếu đó của đảng đã lập tức đặt những người đó vào vị trí khó xử, dù cho ý đồ cá nhân của họ như thế nào đi nữa. Trước đó, tổ chức Ô-ran-giơ đã chính thức bị chỉ trích vì thái độ trung thành khó chịu của nó; bản thân chính phủ dường như đã buộc phải công nhận một cách công khai rằng tổ chức này là không hợp pháp, và người ta đã thẳng thừng tuyên bố rằng nó không cần thiết cho bất kỳ người nào trên đời này nữa và nó sẽ phải mất đi. Nhưng việc nắm chính quyền của nội các thuộc đảng To-ri và việc đặt ngài Ê-linh-tơn và Na-xơ khét tiếng vào lâu đài Du-blin cũng đủ đem lại những hy vọng mới cho bọn Ô-ran-giơ đã bị đánh quỵ.

1* - một đôi ụng (Viếc-gi-li. "Ếch-lô-gi").

Mặt trời lại bắt đầu toả ánh sáng đối với những "người To-ri chân chính" này. Đối với họ hình như họ sẽ độc quyền cai trị đất nước như trong những ngày của Ca-xlê-ri, và ngày phục thù đối với họ đã đến gần một cách rõ rệt. Từng bước một họ đã buộc những người đại diện phổ Dao-ninh dân độn, yếu đuối và do đó mà khinh suất phải đi từ tình thế khó xử này đến tình thế khó xử khác, cho đến cuối cùng, vào một buổi sáng tuyệt đẹp, thế giới bị chấn động bởi truyền đơn của ngài phó vương tuyên bố Ai-rơ-len, có thể nói, ở trong tình trạng giới nghiêm, và bằng cách hứa hẹn những món thưởng 100 và 50 p.xt. biến nghề gián điệp, chỉ điểm, chiêu hồi và khiêu khích thành nghề nghiệp có lợi nhất ở Ê-rin Xanh^{1*}. Những lời tuyên bố hứa tặng thưởng về việc khám phá những hội bí mật chỉ vừa mới nêu ra thì một tên vô lại tên là Ô' Xa-li-ven, một học sinh của cửa hàng dược phẩm ở Kín-lác-ni, đã tố cáo chính bố mình và một số người trẻ tuổi ở Kín-lác-ni, Ken-mê-rơ, Ban-tơ-ri và Xki-bê-rin, là những người tham gia vào một âm mưu lớn, hoạt động theo một thoả thuận bí mật với bọn cướp biển đang hoạt động phía bên kia Đại Tây Dương - tựa hồ có ý định, giống như ngài Brai-tơ, không những muốn "Mỹ hoá những thiết chế của Anh", mà còn muốn sáp nhập Ai-rơ-len vào nước cộng hoà kiểu mẫu. Kết quả là những tên chỉ điểm ở các vùng đất bá tước Co-ri và Coóc đã bắt đầu hoạt động, những vụ bắt bớ vào ban đêm bắt đầu xảy ra, những báo cáo mật đầy rẫy lên; việc lùng bắt những người âm mưu đã lan từ phía tây-nam đến phía đông-bắc, ở vùng đất bá tước Mô-na-khan đã diễn ra những tấn hải kịch và những người dân đầy lo âu của Ben-phát đã nhìn thấy tận mắt cảnh người ta giải trên các đường phố hàng chục giáo viên, nhân viên văn phòng, nhân viên nhà hàng và đẩy họ vào nhà tù. Tính chất bí mật mà người ta che giấu trong công việc xét xử càng làm cho tình hình tồi tệ thêm. Người ta không phóng thích một người bị bắt nào có sự bảo đảm cả, những cuộc vây ráp vào ban đêm đã trở thành hiện tượng thông thường, tất cả các cuộc điều tra của toà án được giữ rất kín,

1* - tên nước Ai-rơ-len thời cổ

những bản sao tài liệu làm cơ sở để tiến hành bắt bớ thường không giao cho ai cả, các quan toà thường đi đi lại lại giữa phòng xử án của mình và phòng khách của lâu đài Đu-blin, còn về Ai-rơ-len nhìn chung có thể nói một điều như ngài Ri-a, luật sư của các bị cáo ở thành phố Ben-phát đã nói về Ben-phát: "Tôi nghĩ rằng Hiến pháp Anh đã rời bỏ Ben-phát trong tuần lễ trước".

Song qua tất cả những sự âm ỉ đó và qua tất cả tính chất bí mật đó, sự lo ngại của chính phủ ngày càng bộc lộ rõ, chính phủ đã nhượng bộ áp lực của các gián điệp Ai-rơ-len nhẹ dạ, đến lượt chúng, những gián điệp này lại tỏ ra là một thứ đồ chơi đơn thuần trong tay những tên Ô-ran-giơ, và chính phủ không biết làm thế nào để thoát ra khỏi tình thế khó xử mà đồng thời không mất tiếng tăm và những chức vụ của mình. Trước hết người ta tuyên bố, hình như âm mưu nguy hiểm có chi nhánh trên khắp lãnh thổ Ai-rơ-len từ tây-nam đến đông-bắc đã được bắt nguồn từ Hội Phê-ni-ăng ở Mỹ⁴³⁸. Sau đấy âm mưu này dường như đã biến thành sự phục hưng của phong trào Ri-bô-ních⁴³⁹, còn hiện giờ thì điều này là một cái gì hoàn toàn mới, hoàn toàn chưa biết và chính vì thế mà còn khủng khiếp hơn. Có thể phán đoán về những mảnh khoé mà chính phủ buộc phải dùng qua những mảnh khoé của cơ quan ngôn luận của chính phủ, của tờ báo ở Đu-blin "Daily Express"⁴⁴⁰, tờ báo này ngày này qua ngày khác đã chiêu đãi độc giả của nó bằng những lời bịa đặt bậy bạ về tội giết người, về những vụ cướp bóc có vũ trang và về những cuộc tụ họp vào ban đêm. Song rất đáng buồn cho tờ báo, những người bị giết đang bật dậy khỏi phần mộ của mình và tỏ rõ ngay trên các trang của tờ báo sự phản đối của mình nhằm chống lại ban biên tập là người đã thanh toán họ bằng cách như vậy.

Có lẽ một tổ chức như câu lạc bộ Phê-ních-xơ cũng đang tồn tại, nhưng vô luận thế nào giá trị của nó không lớn, vì bản thân chính phủ coi việc bóp chết Phê-ních-xơ ngay trong đồng tro của nó là đúng lúc. Còn về phần Ri-bô-ních, thì phong trào này không bao giờ dựa vào những người âm mưu bí mật cả. Vào cuối thế kỷ XVIII "Các chàng trai hành động trước lúc bình minh" [Peep -

o'Day boys] theo đạo Tin lành đã liên hiệp lại để tiến hành cuộc chiến tranh chống lại những người Thiên chúa giáo ở miền Bắc Ai-rơ-len, thì Hội "những người bảo vệ"⁴⁴¹ đã xuất hiện để làm đối trọng với họ. Vào năm 1791, khi "Những chàng trai hành động trước lúc bình minh" đã hoà được vào môi trường của những tên Ô-ran-giơ, thì "những người bảo vệ" đã biến thành những người Ri-bô-ních. Cuối cùng, vào lúc này, khi Chính phủ Anh công khai cắt đứt với phong trào Ô-ran-giơ, thì Hội của những người Ri-bô-ních đã mất cơ sở tồn tại của mình và tự nó đã bị tan rã. Những biện pháp bất thường mà huân tước Ê-linh-tơn dùng, quả thật có thể làm cho chủ nghĩa Ri-bô-ních hồi phục trở lại, cũng như có thể phục hồi lại cả những mưu toan hiện nay của những tên Ô-ran-giơ ở lâu đài Đu-blin muốn đưa những sĩ quan người Anh lên cầm đầu bộ máy cảnh sát Ai-rơ-len và bổ sung vào hàng ngũ cảnh sát những người ủng hộ mình. Hiện nay ở Ai-rơ-len không còn những hội kín, trừ những hội ở khu vực nông thôn. Nhưng buộc tội Ai-rơ-len để cho những hội tương tự mọc ra, e cũng không lô-gích hơn là buộc tội rừng lại để cho nấm mọc. Những lãnh chúa ở Ai-rơ-len đã liên hợp nhau lại để tiến hành cuộc chiến tranh tàn bạo và thảm khốc chống lại những người tá điền nghèo khổ, hoặc như họ nói, để tiến hành cuộc thử nghiệm kinh tế - dọn sạch đất nước khỏi những nhân khẩu thừa. Họ dự định tiêu diệt thẳng thừng những tá điền nhỏ người Ai-rơ-len, như cô hầu nào đó giết côn trùng vậy. Về phía mình, những người bất hạnh ấy bị đẩy đến chỗ tuyệt vọng đang tìm cách phản kháng lại một cách yếu ớt, bằng cách thành lập những hội bí mật rải ra khắp nước chỉ có khả năng tiến hành những hành động trả thù cá nhân.

Nhưng nếu âm mưu mà người ta tìm cách khám phá ở Ai-rơ-len cũng là điều bịa đặt hoàn toàn của những tên Ô-ran-giơ, thì nhờ những phần thưởng mà chính phủ đã hứa hẹn, những sự bịa đặt viển vông này cũng có thể mang những hình thức rõ ràng. Những đồng si-linh và rượu gin của tên trung sĩ đi mộ lính ít có khả năng dụ được một người nào đó trong đám dân đen của vương quốc

tình nguyện gia nhập quân đội vương quốc hơn là cái phần thưởng về việc khám phá những hội bí mật ở Ai-rơ-len có khả năng tạo ra những hội cần phải khám phá. Trong lòng mỗi vùng đất bá tước lập tức xuất hiện những tên phản bội mạo xưng là những đại biểu của cách mạng, đi khắp các vùng nông thôn tuyển mộ hội viên, bắt họ thề, tố cáo họ làm vật hy sinh, dẫn họ đến giá treo cổ và bỏ tiền vấy máu vào túi mình. Để có một khái niệm về phường chỉ điểm Ai-rơ-len này và về tác dụng những phần thưởng của chính phủ đối với chúng, chỉ cần trích dẫn một đoạn trong một bài phát biểu của ngài Rô-bớt Pin ở hạ nghị viện:

"Khi tôi là tổng thư ký theo dõi tình hình Ai-rơ-len, thì một vụ giết người đã xảy ra tại vùng nằm giữa Ca-rích ở Su-rơ và Clôm-men. Một ngài... nào đó đã nuôi lòng căm thù không đội trời chung đối với ngài... và đã thuê bốn người, trả cho mỗi người hai đồng ghi-nê, để sát hại ông ta. Dọc theo hai bờ sông Su-rơ có những con đường từ Ca-rích đến Clôm-men; ngài... nào đó đã bố trí trên mỗi con đường hai người, khiến cho ông... không thể có đường thoát. Người bất hạnh đã bị giết một cách ám muội như thế đó và tội ác khủng khiếp này làm cho cả nước xao xuyến đến nỗi chính phủ đã đặt tiền thưởng 500 p.xt. cho kẻ nào tìm ra một tên hung thủ. Và liệu các vị có thể tin được rằng chính tên độc ác mua chuộc bốn tên giết người đã đi đến và tố cáo chúng, sau đó người ta xử tử chúng, còn tôi thì đã tự tay mình trả lại phòng giấy của mình ở lâu đài Đu-blin số tiền 2000 p.xt. cho con quái vật đội lốt người đó".

*Do C.Mác viết ngày 29 tháng Chạp 1858
Đã đăng trên báo "New - York Daily
Tribune" số 5530, ngày 11 tháng Giêng
1859*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

VỀ VẤN ĐỀ GIẢI PHÓNG NÔNG DÂN Ở NGA

I

Béc-lin, ngày 29 tháng Chạp 1858

"Người đề xướng" (theo cách nói của Mát-di-ni) vĩ đại của cách mạng Nga, hoàng đế A-lếch-xan-đơ II đã tiến thêm một bước. Cuối cùng, vào ngày 13 tháng Mười một, Tổng ban của hoàng đế về xoá bỏ chế độ nông nô⁴⁴² đã ký một bản báo cáo đệ trình lên hoàng đế, trong đó trình bày những nguyên tắc tiến hành việc giải phóng nông nô. Những nguyên tắc cơ bản của bản báo cáo này là:

I. Những người nông dân ngay lập tức không còn là nông nô nữa và bắt đầu tình trạng "có nghĩa vụ tạm thời" đối với những địa chủ của họ. Tình trạng này cần kéo dài trong 12 năm. Trong khoảng thời gian đó họ có mọi quyền cá nhân và quyền sở hữu như những thần dân khác đang đóng thuế của đế chế. Sự lệ thuộc của nông nô cùng với tất cả những hậu quả bắt nguồn từ sự lệ thuộc đó được xoá bỏ vĩnh viễn mà không có sự bồi thường nào cho những người chủ cũ, bởi vì như trong bản báo cáo đã nói,

sự lệ thuộc đó đã được vua Nga Bô-ri-xơ Go-đu-nốp¹⁾ đưa ra một cách tùy tiện và sau đó, do sự lạm dụng quyền bính, sự lệ thuộc của những người nông nô đã trở thành một bộ phận không thể tách rời của pháp luật theo tập quán. Như vậy, sự lệ thuộc của những người nông nô được tạo ra do ý muốn của nhà vua, thì nó cũng có thể bị thủ tiêu do ý muốn của nhà vua. Còn về phần tiền chuộc để huỷ bỏ sự lệ thuộc đó, theo lời của các tác giả bản báo cáo, thì việc trả tiền để chuộc lại quyền ấy sẽ là một trang thực sự không đẹp đẽ gì trong lịch sử nước Nga, bởi vì những quyền này theo lẽ tự nhiên là thuộc về nông dân, và hoàn toàn không được tước đoạt của họ.

II. Trong vòng mười hai năm tạm thời có nghĩa vụ, người nông dân vẫn tiếp tục bị cột chặt vào ruộng đất của địa chủ; nhưng trong trường hợp địa chủ không thể dành ra ít ra là năm đề-xi-a-tin ruộng đất cho người nông dân để họ cày cấy cho bản thân mình, thì người nông dân có quyền rời bỏ ruộng đất của địa chủ. Họ có thể bỏ đi nơi khác với điều kiện, nếu họ tìm được một người

1) Sự khẳng định này hoàn toàn không phù hợp với chân lý. Bô-ri-xơ Go-đu-nốp (với sắc lệnh ngày 2 tháng Mười một 1601) đã tước của người nông dân quyền di chuyển từ nơi này đến nơi khác trên lãnh thổ quốc gia và trói chặt họ vào ruộng đất của địa chủ, nơi mà họ đã phụ thuộc vào do họ đã sinh ra hoặc đang sống ở đấy. Dưới triều những người kế tục Bô-ri-xơ Go-đu-nốp thì quyền lực của quý tộc đối với nông dân đã tăng lên nhanh chóng, và cùng với thời gian, tất cả nông dân đã thực sự trở thành nông nô. Song việc đó đã được giữ nguyên là sự tiếm quyền không hợp pháp của quý tộc cho đến khi Pi-ốt Đại đế hợp pháp hoá nó vào năm 1723. Những người nông dân không được giải phóng khỏi những xiềng xích đã trói chặt họ vào những mảnh đất của địa chủ, hiện giờ họ cũng đã biến thành tài sản riêng của địa chủ quý tộc, bọn này có quyền bán họ từng người hoặc từng bầy cùng với đất đai, hoặc không có đất đai và vì lẽ đó bọn này phải chịu trách nhiệm cá nhân trước chính phủ về những người nông dân và về các khoản thuế của họ. Sau đó nữ hoàng Ê-ca-tê-ri-na II, bằng một nét bút, đã biến bốn hoặc năm triệu người nông dân tương đối tự do tại những vùng mới giành được ở miền tây và miền nam thành nông nô. Nhưng ở trong các văn kiện chính thức của Nga không hề có nhà ý nói đến những sự kiện có quan hệ đến hoàng đế Pi-ốt I và nữ hoàng Ê-ca-tê-ri-na II ấy, vì thế hoàng đế Bô-ri-xơ Go-đu-nốp đáng thương phải chịu trách nhiệm về những lỗi lầm của tất cả những người kế tục mình.

nào đó cày cấy được phần đất của họ và nộp thuế thay cho họ vào kho bạc.

III và IV. Mỗi một công xã nông nghiệp giữ quyền sở hữu đối với những nhà ở của các thành viên công xã cùng với những vườn tược, chuồng trại, vườn rau của họ v.v., hàng năm phải trả cho địa chủ một khoản địa tô bằng 3% giá trị đã được định giá của những địa sản đó. Công xã có quyền buộc địa chủ tiến hành định giá địa sản bằng cách chỉ định một uỷ ban hỗn hợp gồm có hai địa chủ và hai nông dân làm việc định giá ấy. Nếu công xã nông nghiệp muốn thì công xã có thể chuộc lại những nông hộ của mình sau khi đã trả giá những hộ đó bằng tiền mặt.

V. Các phần đất mà những địa chủ phải nhượng lại cho nông dân được quy định bằng cách sau: ở những điền trang mà mỗi một nông nô đã gắn chặt với nó được nhận trên sáu đề-xi-a-tin, thì mỗi một nông dân lớn tuổi là nam giới được nhận một phần đất canh tác có diện tích là chín đề-xi-a-tin; ở nơi nào ít đất hơn thì hai phần ba toàn bộ đất canh tác được chuyển cho nông dân; ở nơi nào nông dân gắn với điền trang nhiều đến nỗi hai phần ba đất canh tác không đủ để phân chia ít nhất là năm đề-xi-a-tin cho mỗi người nông dân lớn tuổi là nam giới, thì ở nơi đó đất được chia ra từng phần năm đề-xi-a-tin một, và những người nông dân nào trong khi rút thăm không được nhận phần đất, sẽ nhận giấy thông hành của chính quyền địa phương và tự do đi đến nơi nào họ muốn. Còn về củi thì địa chủ có trách nhiệm nhượng lại cho nông dân ở những cánh rừng của mình theo giá cả được định trước.

VI. Vì tất cả những cái lợi đó, mỗi một nông dân phải làm cho địa chủ những hình thức tạp dịch sau: cứ mỗi một đề-xi-a-tin trong phần đất đã nhận phải làm cho địa chủ mười ngày công cùng với ngựa và mười ngày công không có ngựa (phần đất là chín đề-xi-a-tin, thì số ngày công là 180 ngày trong một năm). Xuất phát từ định mức đó có thể định giá trị mỗi tạp dịch của người nông dân bằng tiền đối với mỗi một tỉnh, bởi vì giá trị của một ngày công tạp dịch chỉ được tính bằng một phần ba giá trị của ngày công lao động tự do. Sau bảy năm đầu, hàng năm một phần bảy công việc tạp dịch đó, và

sau đó mỗi năm tiếp theo thêm một phần bảy nữa có thể được chuyển thành tô lúa mỳ.

VII. Những người hầu hạ, cụ thể là những người không bị cột vào một điền trang nhất định, mà bị cột vào nhà địa chủ hoặc vào chính người chủ của mình, có trách nhiệm hầu hạ chủ trong vòng mười năm, nhưng được nhận tiền công. Thêm vào đó họ có thể chuộc lại tự do vào bất kỳ thời gian nào, với giá đàn ông là 300 rúp, đàn bà là 120 rúp.

IX. Địa chủ vẫn là người đứng đầu công xã nông nghiệp và có quyền phủ quyết đối với những quyết định của công xã, song trong những trường hợp như vậy được phép gửi đơn kháng cáo đến Ủy ban hỗn hợp gồm có địa chủ và nông dân.

Đây là nội dung của văn kiện quan trọng ấy, văn kiện thể hiện một cách gián tiếp những quan điểm của A-lếch-xan-đơ II về vấn đề xã hội cực kỳ trọng đại đối với nước Nga. Tôi đã bỏ qua chương VIII nói về tổ chức công xã nông nghiệp và chương X chỉ nói về những hình thức đã được pháp luật xác định, những hình thức mà theo đó các văn kiện chính thức liên quan đến cuộc cải cách này phải được thể hiện. Một sự so sánh hết sức bề ngoài cũng chỉ ra rằng, bản báo cáo này thực chất chỉ đơn thuần tiếp tục và phát triển cương lĩnh mà Tổng ban đã đề ra vào mùa xuân trước cho các cuộc họp khác nhau của giới quý tộc trong toàn đế chế. Cương lĩnh này có mười điểm tương ứng hoàn toàn với mười chương của bản báo cáo, cương lĩnh thực tế chỉ là phương án được soạn ra nhằm mục đích chỉ cho những người quý tộc cần phải hành động theo hướng nào và những người quý tộc cần phát triển phương án đó thêm. Nhưng những người quý tộc càng đi sâu vào bản chất của vấn đề bao nhiêu thì sự phản kháng của họ càng mạnh mẽ bấy nhiêu và điều đặc biệt đáng chú ý là sau tám tháng chính phủ hình như buộc phải tự mình phát triển phương án đó và soạn ra cái kế hoạch thoát đầu được hình dung như là hành động tự nguyện từ phía quý tộc.

Lai lịch của văn kiện được trình bày ở trên là như thế đó; bây giờ chúng tôi chuyển sang xem xét nội dung của nó.

Nếu giới quý tộc Nga cho rằng "ngày 4 tháng Tám" (năm 1789) chưa đến với họ và vì thế họ không cần phải hiến dâng cho Tổ quốc những đặc quyền của mình, thì Chính phủ Nga tiến lên phía trước nhanh chóng hơn nhiều: chính phủ đã đi đến bản "Tuyên ngôn nhân quyền"⁴⁴³. Thật thế, chỉ cần nghĩ đến một điều là A-lếch-xan-đơ II tuyên bố "những quyền thuộc về nông dân là tự nhiên và không nên tước đoạt những quyền đó của họ!" Quả thật, chúng ta đang sống trong một thời đại khác thường! Vào năm 1846, giáo hoàng La Mã đứng ra làm người khởi xướng phong trào tự do⁴⁴⁴. Năm 1858, nhà độc tài của nước Nga, kẻ chuyên chế thực sự của toàn nước Nga^{1*} đã tuyên bố những quyền của con người! Và chúng ta sẽ còn nhận thấy rằng lời tuyên bố này của Nga hoàng sẽ có những tiếng vang rộng lớn hơn trên toàn thế giới và rốt cuộc sẽ có tác động quan trọng hơn rất nhiều so với chủ nghĩa tự do của giáo hoàng.

Giới quý tộc là phía đầu tiên trong các phía có liên quan mà bản báo cáo này nói đến. Nếu giới quý tộc từ chối không ăn mừng ngày 4 tháng Tám của mình, thì chính phủ nói với giới quý tộc khá rõ ràng, rằng giới quý tộc sẽ bị cưỡng bức phải làm điều đó. Mỗi một chương của bản báo cáo đều chứa đựng một sự thiệt hại vật chất rất đau lòng đối với giới quý tộc. Một trong những phương thức bóc lột của những người quý tộc đối với vốn người của họ là ở chỗ họ cho thuê nông nô của họ, hoặc họ cho phép những nông nô trả một số tiền cống nạp hàng năm (obrok)^{2*} để được di chuyển từ nơi này đến nơi khác và tìm kiếm những phương tiện sinh sống theo ý mình. Cách làm này đi ngược lại những lợi ích của túi tiền của giới quý tộc cũng như lối sống lang thang của nông nô Nga. Đối với giới quý tộc, đó là một trong những nguồn thu nhập chủ yếu. Chương I đề nghị huỷ bỏ nó mà không có một sự bồi thường nào. Nhưng sự việc không hạn chế ở đó. Trên cơ sở chương II, mỗi nông nô mà địa chủ không thể nhượng một phần đất canh tác là năm dê-xi-a-tin, thì được tự do và có thể đi đến nơi nào họ muốn. Trên cơ sở chương III

1* Những từ "kẻ chuyên chế của toàn nước Nga" đã được Mác dùng chữ cái La-tinh để viết ra tiếng Nga.

2* Từ "số tiền cống nạp" đã được Mác dùng chữ cái La-tinh để viết ra tiếng Nga.

- V, địa chủ mất quyền tự do sử dụng khoảng hai phần ba đất đai của mình và buộc phải cấp phần đất đó cho những người nông dân. Đành rằng, bây giờ đây nông dân đã có số đất đai này, nhưng phải đặt dưới sự kiểm soát của địa chủ và với điều kiện thực hiện nghĩa vụ được xác định hoàn toàn theo ý địa chủ. Từ nay trở đi đất đai thực sự phải thuộc về nông dân; họ trở thành người thường xuyên nắm giữ ruộng đất; họ có quyền hoàn toàn chuộc lại nhà cửa của mình và những nghĩa vụ của họ, mặc dù chúng được quy định bằng một số tiền rất lớn, song phải được luật pháp quy định một cách chặt chẽ; điều tệ hại hơn đối với địa chủ là nông dân có thể dùng tiền thay cho nghĩa vụ đó theo giá khá lợi (cho mình). Thậm chí những người gia nô^{1*}, nghĩa là những người hầu trong nhà địa chủ đó được nhận tiền công, và nếu họ muốn thì họ có thể chuộc lại tự do. Còn có một điều tệ hại hơn là những người nông nô phải có quyền ngang hàng với tất cả những công dân khác, mà điều đó thì có nghĩa là họ sẽ có quyền - mà từ trước đến nay họ chưa biết - đệ đơn kiện những người chủ của mình và làm nhân chứng chống lại người chủ trước toà án; mặc dầu địa chủ vốn là người đứng đầu của nông dân trong trang trại của mình và giữ quyền xét xử nào đó đối với người nông dân, tuy nhiên những hành vi cưỡng đoạt đã tạo ra một số đông quý tộc Nga khả năng tích lũy phương tiện để nuôi những con bồ xinh đẹp hợp thời trang ở Pa-ri và để đánh bạc ở những nơi nghỉ mát thuộc nước Đức, trong tương lai sẽ giảm đi rất nhiều. Nhưng để xét đoán về những kết quả của sự giảm bớt thu nhập như thế của những quý tộc Nga, chúng ta hãy xem xét tình hình tài chính của họ. Tất cả những điền chủ thuộc quý tộc Nga đã mắc nợ các ngân hàng tín dụng (do nhà nước lập ra) tổng số là 400 000 000 rúp bạc, để bảo đảm số tiền nợ ấy khoảng 13 000 000 nông nô đã bị cầm cố cho các ngân hàng nói trên. Tổng số nông nô ở Nga (không tính đến nông dân thuộc nhà nước) là 23 750 000 (theo con số thống kê năm 1857). Hiển nhiên là những tiểu điền chủ có ít nông nô hơn là những con nợ chủ yếu của các ngân hàng, trong khi đó những đại điền chủ

1* Những từ "những người gia nô" đã được Mác dùng chữ cái La-tinh để viết ra tiếng Nga.

tương đối ít bị mắc nợ. Từ con số thống kê năm 1857 rõ ràng là khoảng 13 000 000 nông nô thuộc quyền sở hữu của những địa chủ có dưới 1 000 nông nô, trong khi đó số nông nô còn lại là 10 750 000 người thuộc quyền sở hữu của những địa chủ có trên 1 000 nông nô. Rõ ràng là những đại địa chủ này nói chung là bộ phận không bị mắc nợ, còn những tiểu địa chủ nói trên là bộ phận bị mắc nợ trong giới quý tộc Nga. Có lẽ sự tính toán như thế không hoàn toàn chính xác, nhưng nói chung có thể thừa nhận là tương đối đúng.

Số những điền chủ có từ 1 đến 999 nông nô, theo con số thống kê năm 1857, là 105 540, trong khi đó số quý tộc có từ 1 000 nông nô trở lên không quá 4 015 người. Như vậy, thành thử theo sự tính toán khiêm tốn nhất thì chín phần mười giới quý tộc Nga đã mắc nợ các ngân hàng tín dụng rất lớn, hay nói cách khác, là mắc nợ nhà nước. Nhưng, ngoài ra, ai cũng biết rằng giới quý tộc Nga còn mắc nợ cả tư nhân, các chủ ngân hàng, thương nhân, những người Do Thái và những người cho vay nặng lãi, thêm vào đó, đa số trường hợp sự nợ nần đó là rất lớn đến mức họ chỉ là những người sở hữu điền trang trên danh nghĩa. Những người trong bọn họ đang phải đấu tranh chống phá sản, thì đã bị những chi phí nặng nề của cuộc chiến tranh vừa qua bần cùng hoá hoàn toàn, khi đó họ không những phải trả bằng người, bằng tiền và bằng các nghĩa vụ, mà còn không thể nào tiêu thụ được các sản phẩm của mình và họ phải vay nợ với những điều kiện cực kỳ nặng nề. Và hiện giờ người ta đang yêu cầu họ hoàn toàn từ bỏ một phần lớn số thu nhập của mình mà không có bất cứ sự bồi hoàn nào, và điều chỉnh số còn lại sao cho không những giảm bớt số đó, mà còn hạn chế rất nhiều quỹ mô của nó sau này.

Dễ dàng thấy trước những hậu quả của tình hình đó đối với một giới quý tộc như giới quý tộc Nga. Nếu nó không đồng ý với sự suy sụp hoàn toàn hoặc là sự phá sản ngay lập tức của đại đa số trong đẳng cấp của mình với viễn cảnh là trong tương lai sẽ hoà tan vào trong giai cấp quý tộc quan liêu mà địa vị và vị trí hoàn toàn lệ thuộc vào chính phủ, thì nó cần phải chống lại ý định giải phóng nông dân. Nó cũng đã tỏ rõ sự chống đối ấy; rõ ràng là nếu sự chống đối hiện nay của nó trong phạm vi pháp chế tỏ ra bất lực để chống lại ý chí của nhà vua, thì nó sẽ buộc phải áp dụng những thủ đoạn khác, hữu hiệu hơn.

II

Béc-lin, ngày 31 tháng Chạp 1858

Sự chống đối của giới quý tộc Nga đối với những kế hoạch giải phóng nông dân của Nga hoàng đã bắt đầu biểu hiện bằng hai con đường: tiêu cực và tích cực. Những lời phát biểu mà hoàng đế A-lếch-xan-đơ II đã chiếu cố nói với tầng lớp quý tộc của ông ta trong thời gian ông ta đi thăm các tỉnh khác nhau, những lời phát biểu này khi thì tỏ ra mềm mỏng kêu gọi lòng nhân đạo, khi thì phát ra như lời giáo huấn, khi thì chuyển sang giọng ra lệnh hăm dọa gay gắt. Tất cả những lời đó đã dẫn đến cái gì? Những người quý tộc cúi đầu xuống và nghe những lời đó với vẻ ngoan ngoãn phục tùng, nhưng trong thâm tâm họ cảm thấy rằng hoàng đế đã đến với họ để nói, thuyết phục, khuyên nhủ, báo cho họ biết và đe dọa họ, - đây không phải là hoàng đế trước kia có mọi quyền lực, ý muốn của ông ta đã thay thế cho lý trí của ông ta. Chính vì vậy về thực chất họ dám đưa ra câu trả lời phủ định, khi nói chung họ không trả lời một câu nào, không đáp lại những ý kiến của vua Nga, và áp dụng biện pháp đơn giản nhất là kéo dài công việc trong vô số các uỷ ban của họ. Họ không để cho hoàng đế một khả năng nào khác, ngoài khả năng đã có ở nhà thờ La Mã: *compelle intrare*^{1*}. Cuối cùng, sự đồng điệu buồn tẻ của sự im lặng ương ngạnh ấy đã bị Ủy ban quý tộc thành phố Xanh-Pê-téc-bua phá vỡ một cách bạo dạn, uỷ ban này đã hoan nghênh văn kiện do một trong những thành viên của uỷ ban, ngài Pla-tô-nốp, thảo ra và thực tế đó là một thứ "kiến nghị về các quyền"⁴⁵⁵. Những người quý tộc đã yêu cầu chỉ mỗi việc là triệu tập nghị viện quý tộc để cùng với chính phủ giải quyết không những vấn đề cấp bách to lớn này, mà còn tất cả những vấn đề chính trị nói chung. Bộ trưởng nội vụ, ngài Lan-xcôi, đã uống công khước từ không tiếp nhận bản kiến nghị đó, trả nó lại cho

1*- hãy buộc phải đi vào

giới quý tộc và nhận xét một cách bực dọc, rằng tụ tập nhau lại để đưa kiến nghị không phải là công việc của những người quý tộc, họ chỉ cần thảo luận những vấn đề do chính phủ nêu ra cho họ. Tướng Su-va-lốp thay mặt uỷ ban đã chuyển sang tấn công, và bằng cách đe dọa sẽ tự mình chuyển văn kiện đó lên hoàng đế, ông ta đã buộc ngài Lan-xcôi phải tiếp nhận nó. Như vậy, giới quý tộc Nga năm 1858, cũng như giới quý tộc Pháp năm 1788 đã hô khẩu hiệu: *Assemblée des Etats généraux*^{1*} hoặc - như người ta nói ở Mát-xcơ-va - là hội nghị Hội đồng tự quản địa phương hoặc Đu-ma tự quản địa phương^{2*}. Như vậy, do những khát vọng ích kỷ của nó muốn giữ nguyên vẹn nền tảng xã hội lỗi thời hình tháp, giới quý tộc tự mình rơi vào trọng tâm chính trị của hình tháp đó. Ngoài ra, *esprit de vertige*^{3*} - những kiêu dân Pháp già cả đã gọi tinh thần thời đại như vậy - đã xâm chiếm lấy chúng với một sức mạnh khiến đa số quý tộc đã lao vào vòng xoáy của sự say mê tư sản đối với các công ty cổ phần, còn ở những tỉnh miền tây thì thiếu số quý tộc cố chỉ ra rằng họ lãnh đạo công việc tuyên truyền văn học theo một mối và bằng mọi cách bảo vệ nó. Để có một khái niệm về những khuynh hướng can đảm đó, chỉ cần nói rằng vào năm 1858 số lượng những báo hiện có đã lên tới 180 tờ, còn vào năm 1859 thì người ta công bố thêm 109 tờ báo mới xuất bản. Mặt khác, vào năm 1857 có mười sáu công ty được thành lập với số vốn 303 900 000 rúp, còn từ tháng Giêng đến tháng Tám 1858 thì có 21 công ty mới với số vốn 36 175 000 rúp đã được thành lập thêm.

Bây giờ chúng tôi xét đến mặt khác của những cuộc cải cách do A-lếch-xan-đơ II dự định. Không nên quên một điều là Chính phủ Nga thường hay gọi ra cái *fata morgana*^{4*} của tự do trước tầm mắt của giới nông dân như thế nào. Vào thời kỳ đầu của

1*- Hội nghị các đảng cấp toàn quốc

2* những từ "Đu-ma tự quản địa phương và hội nghị Hội đồng tự quản địa phương" đã được Mác dùng chữ cái La-tinh để viết ra tiếng Nga.

3*- tinh thần lệch lạc

4*- ảo ảnh

triều đại mình A-lếch-xan-đơ I đã kêu gọi tầng lớp quý tộc giải phóng những người nông dân của mình, nhưng không có kết quả. Năm 1812, khi người ta kêu gọi những người nông dân ghi tên vào dân binh^{1*} (vào cảnh sát), mặc dù không chính thức, nhưng được sự đồng ý ngầm của hoàng đế, người ta đã hứa hẹn giải phóng họ khỏi sự lệ thuộc nông nô để khen thưởng họ vì lòng yêu nước, đối với những con người đã bảo vệ nước Nga thần thánh, không nên coi họ là những nô lệ lâu hơn nữa. Thậm chí, dưới thời Ni-cô-lai hàng loạt sắc lệnh đã hạn chế quyền lực của quý tộc đối với những người nông nô của họ, đã trao cho những người nông nô (sắc lệnh năm 1842) quyền ký kết với chủ của họ các giao kèo về việc họ ở lại làm việc (vì thế họ gián tiếp được phép kiện chủ của họ trước toà án) đã nhân danh chính phủ nhận (năm 1844) đảm bảo việc nông dân thực hiện những nghĩa vụ trên cơ sở các giao kèo đó và đảm bảo cho những người nông nô quyền (năm 1846) được chuộc lại tự do, nếu điền trang mà nông nô thuộc vào đó phải được đem bán đấu giá, và đã tạo cơ hội (năm 1847) cho nông dân gắn với ruộng đất đó được mua toàn bộ ruộng đất đó một cách hoàn toàn êm thấm, ngay khi ruộng đất đó được đem bán. Cái làm cho chính phủ, cũng như tầng lớp quý tộc rất đổi kinh ngạc chính là những người nông nô đã chuẩn bị sẵn sàng mua ruộng đất và thật sự đã bắt đầu mua từ mảnh này đến mảnh khác, hơn nữa trong rất nhiều trường hợp lãnh chúa hoá ra đã chỉ là người sở hữu trên danh nghĩa, bởi vì tiền của những người nông nô thuộc hãn đã làm cho hãn thoát khỏi nợ nần, đương nhiên, những người nông nô này đã có những biện pháp để phòng cần thiết để thực tế đảm bảo cho mình quyền tự do, cũng như quyền sở hữu ruộng đất. Khi điều đó lộ rõ ra, chính phủ lo sợ trước biểu hiện của tính nhậy bén và tính kiên nghị của những

1* Những từ "dân binh" đã được Mác dùng chữ cái La-tinh để viết ra tiếng Nga.

người nông nô và cả trước sự bùng nổ Cách mạng năm 1848 ở Tây Âu, đã buộc phải tìm kiếm những thủ đoạn chống lại việc áp dụng các đạo luật đe dọa đẩy tầng lớp quý tộc ra khỏi ruộng đất của mình một cách từ từ. Nhưng thủ tiêu sắc lệnh đã quá chậm, vì thế một sắc lệnh khác (ngày 15 tháng Ba 1848) đã mở rộng quyền mua cho mỗi một nông nô riêng rẽ, còn trước đây thì quyền này chỉ thuộc về các công xã nông nghiệp. Biện pháp này không chỉ phá vỡ những sự liên hợp của các làng hoặc các cụm làng của một vùng nào đó, những sự liên hợp cho đến lúc này đã tạo cơ hội cho những người nông nô gom góp vốn để mua lại đất đai, mà ngoài ra biện pháp này còn kèm theo những điều kiện đặc biệt nào đấy. Những người nông nô có thể mua ruộng đất, nhưng không thể mua những con người gắn chặt với ruộng đất ấy, nói cách khác, những người nông nô khi mua tài sản mà họ đã bị lệ thuộc, không chuộc được sự tự do của bản thân mình. Trái lại, họ vẫn là nông nô, hơn nữa tất cả giao kèo mua bán chỉ có hiệu lực khi có sự nhất trí của địa chủ cũ! Thêm nữa, cũng theo sắc lệnh đó, nhiều quý tộc chiếm hữu điền trang của mình, có thể nói là theo uỷ nhiệm của những người nông nô của mình, có quyền, thậm chí được khuyến khích vi phạm sự uỷ nhiệm đó và đòi trả lại cho mình quyền sở hữu hoàn toàn ruộng đất của mình, trong khi đó mọi sự kiện tụng của những người nông nô đều tuyệt đối bị cấm. Kể từ đó những người nông nô không được học tập trong tất cả các trường học, ngoài những trường tiểu học và tất cả những hy vọng giải phóng dường như đã bị tiêu tan, khi cuộc chiến tranh gần đây một lần nữa buộc Ni-cô-lai phải tổng vũ trang cho những người nông nô và, như thường lệ, Ni-cô-lai phải duy trì biện pháp này bằng những lời hứa về việc giải phóng những người nông nô thoát khỏi ách nông nô của họ, - bằng những lời

hứa mà chính phủ đã giao cho những quan chức địa phương cấp dưới của mình phổ biến trong nông dân.

Hoàn toàn hiển nhiên rằng rốt cuộc A-lếch-xan-đơ II đã buộc phải bắt tay vào việc giải phóng nông dân một cách nghiêm chỉnh. Kết quả những sự nỗ lực của ông ta và những đặc điểm chủ yếu trong các kế hoạch của ông ta hiện giờ đã được ban bố, vì đã chín muồi. Những người nông dân sẽ nói gì về việc thử nghiệm trong mười hai năm, cuộc thử nghiệm đã phải kèm theo chế độ tạp dịch nặng nề, thêm vào đó qua thời hạn này họ sẽ phải bước sang tình trạng mà chính phủ không dám ngay cả mô tả một cách chi tiết. Những người nông dân sẽ nói gì về những tổ chức quản lý công xã, toà án và cảnh sát đang thủ tiêu tất cả các cơ quan tự quản dân chủ vốn có từ lâu trong mỗi một công xã nông nghiệp ở nước Nga và đang nhằm mục đích xây dựng hệ thống chính quyền cha truyền con nối của địa chủ theo mô hình bộ luật nông thôn ở Phổ trong những năm 1808 - 1809⁴⁴⁶ - hệ thống hoàn toàn không quen đối với mỗi nông dân Nga, là người mà cả cuộc đời của họ là do công xã nông thôn quản lý, là người mà tư tưởng sở hữu tư nhân về ruộng đất là xa lạ đối với họ, và là người đã coi công xã là người sở hữu những ruộng đất trên đó họ đang sống?

Nếu chúng ta nhớ lại rằng từ năm 1842 các cuộc khởi nghĩa của những người nông nô chống lại những địa chủ và những người quản lý mình đã trở thành hiện tượng truyền nhiễm, rằng thậm chí theo số liệu thống kê chính thức của bộ nội vụ, hàng năm có khoảng gần sáu chục quý tộc bị chết do bàn tay của nông dân, rằng trong thời gian cuộc chiến tranh gần đây, các cuộc khởi nghĩa của họ đã phát triển như vũ bão, mà ở các tỉnh miền tây thì chủ yếu là nhằm chống lại chính phủ (ở các tỉnh này đã có một âm mưu nhằm mục đích chuẩn bị khởi nghĩa, một khi quân đội thù địch của nước ngoài - quân đội Anh - Pháp tiến đến gần

biên giới!) - thì hầu như không còn nghi ngờ gì nữa là, nếu ngay cả như giới quý tộc không chống lại việc giải phóng nông dân, thì mưu toan thực hiện những đề nghị của uỷ ban cũng sẽ là tín hiệu để nổ ra cuộc khởi nghĩa của quần chúng trong dân cư nông thôn Nga. Nhưng chắc là giới quý tộc sẽ phản đối; hoàng đế bị giằng xé giữa sự cần thiết của nhà nước và tính hợp lý thực tiễn giữa sự lo sợ trước giới quý tộc và sự lo sợ trước những người nông nô giận dữ, chắc chắn sẽ dao động, và những người nông nô đã bị kích động đến cực độ bởi những niềm hy vọng lớn lao và cho rằng Nga hoàng đứng về phía họ, nhưng đang bị những người quý tộc trói tay; giờ đây nhất định họ sẽ bắt đầu khởi nghĩa. Song nếu điều đó diễn ra, thì năm 1793 của nước Nga sẽ đến; sự thống trị của việc khủng bố những người nông nô nửa châu Á này sẽ là chưa từng thấy trong lịch sử, nhưng nó sẽ là chỗ ngoặt thứ hai trong lịch sử nước Nga, và rốt cuộc, thay cho nền văn minh giả tưởng do Pi-ốt Đại đế du nhập, sẽ thiết lập một nền văn minh thực sự và phổ biến.

Do C.Mác viết ngày 29 và ngày 31 tháng Chạp 1858

Đã đăng trên báo "New - York Daily Tribune" số 5535, ngày 17 tháng Giêng 1859

In theo bản đăng trên báo Nguyên văn là tiếng Anh

C.MÁC

TÌNH HÌNH Ở PHỔ

Béc-lin, ngày 11 tháng Giêng 1859

Chắc các vị biết câu thành ngữ Đức: "Ở nơi nào không có cái gì cả, thì ở đó hoàng đế mất quyền của mình" ("Wo nichts ist, hat der Kaiser sein Recht verloren"), và nếu quy luật này về sự thiếu một cái gì đó cũng thống trị một nhân vật rất dỗi hùng mạnh như hoàng đế, thì thông tin viên riêng của các vị dĩ nhiên cũng không thể thoát khỏi quy luật ấy. Ở đâu không có các sự kiện, thì ở đó cũng không có gì để kể cả. Đó là lý do rất xác đáng đã buộc tôi trong một vài tuần lễ phải tạm ngừng gửi những bài của mình từ "kinh đô của tinh thần", từ trung tâm, nếu không phải của sự hùng cường của thế giới, thì ít ra cũng là của "Weltgeist"^{1*}. Giai đoạn đầu của phong trào ở Phổ đã kết thúc bằng cuộc bầu cử phổ thông, giai đoạn thứ hai sẽ bắt đầu ngày mai bằng việc khai mạc viện dân biểu. Trong khi đó việc đánh giá tình hình ở đất nước này mà tôi đã nêu ra trong những bức thư trước^{2*} và như tôi đã thấy trong kiện báo Đức in ở Mỹ gửi cho tôi, đã được nhiều người con của dân Tơ-tông Đức ở Mỹ tiếp thu mà không chỉ ra một cách thích đáng nguồn gốc, từ đâu mà họ có được sự sáng

1* - "tinh thần của thế giới"

2* Xem tập này, tr. 755 - 765, 790 - 794.

suốt của mình, - sự đánh giá ấy đã được hoàn toàn xác nhận là chậm chạp, là không thận trọng, tôi thậm chí không nói là bởi tiến trình của các sự kiện, mà đúng ra là, như ngài Giôn-xơn, cái anh chàng huênh hoang đáng nhớ ấy, đã cho là bởi sự trườn bò trên mặt đất, bởi một sự vận động của các sự kiện mà không có sự giúp đỡ của đôi chân, giống như con giun đất vậy. Những dặm đường của người Đức dài hơn của bất cứ dân tộc nào, trái lại, bước đi mà họ dùng để đo con đường của mình lại ngắn hơn nhiều. Chính vì thế ở trong các truyện thần thoại của mình, họ bao giờ cũng mơ ước về đôi hài màu nhiệm cho phép người gập may xỏ chân vào, mỗi bước đi được hơn một li-gơ^{1*}.

Lịch sử mười năm gần đây ở đất nước này đã được trình bày rất phiến diện (dùng một từ được ưa thích của những người Đức, là những người, giống như một con vật kinh viện của Buy-ri-đăng, có nhiều mặt đến nỗi cứ luôn luôn bị kẹt chết cứng ở một chỗ, không đi được về ngả nào) đến nỗi chúng tôi thấy hình như phát biểu một số ý kiến chung nào đó sẽ không phải là thừa. Khi nhà vua có cái đầu ngu độn lên ngôi, ông ta có đầy những ước mơ của một trường phái lãng mạn. Ông ta muốn trở thành một nhà vua theo mệnh trời và đồng thời lại là nhà vua của nhân dân; muốn được bao quanh bởi một lớp quý tộc độc lập với một cơ quan hành chính quan liêu hùng mạnh, muốn trở thành một con người của hoà bình, đồng thời lại lãnh đạo các trại lính, muốn khuyến khích những tự do của nhân dân theo tinh thần của thời kỳ Trung cổ và lại muốn chống lại tất cả những khuynh hướng của chủ nghĩa tự do hiện đại; muốn khôi phục lòng tin của giáo hội và lại muốn khoe khoang về sự phát triển trí tuệ cao của thần dân mình - tóm lại, vừa đóng vai nhà vua của thời kỳ Trung cổ, vừa hành động với tư cách là vua của nước Phổ, cái quái thai của thế kỷ XVIII. Song từ năm 1840 đến năm 1848, mọi cái đã đi ngược lại. Landjunker^{2*} đã hy vọng vào người cộng tác của quốc vương "Politisches Wochenblatt"⁴⁴⁷, ngày này qua ngày khác nó đã

1* - dài khoảng ba dặm

2* - những đại địa chủ quý tộc

tuyên truyền cho sự cần thiết phải áp dụng sự cầm quyền nên thơ của quý tộc trong chế độ tầm thường của Phổ, chế độ này có thể được thực hiện nhờ sự giúp đỡ của giáo viên, sĩ quan, cảnh sát, nhân viên thu thuế và quan lại thông thái, - những đại địa chủ quý tộc này đã buộc phải bằng lòng với những cảm tình bí mật của quốc vương thay vì những nhân nhượng thực tế của quốc vương. Giai cấp tư sản vẫn còn quá yếu để dám hành động một cách tích cực, đã buộc phải kéo lê sau đạo quân các nhà lý luận mà những tín đồ của Hê-ghe đã lãnh đạo trong cuộc chinh phạt chống lại tôn giáo, tư tưởng và chính sách của thế giới cũ. Không một thời kỳ nào trước đây chủ nghĩa phê phán về triết học lại can đảm, lại mạnh mẽ và được mền mại như trong tám năm đầu cầm quyền của Phri-đrich - Vin-hem IV, một ông vua đã muốn thay thế chủ nghĩa duy lý "nông cạn" mà Phri-đrich II đưa vào Phổ, bằng chủ nghĩa thần bí của thời kỳ Trung cổ. Triết học trong thời kỳ này sở dĩ có sức mạnh hoàn toàn là do sự yếu đuối về thực tiễn của giai cấp tư sản, không đủ sức tấn công những thiết chế lỗi thời trong cuộc sống thực tế, giai cấp tư sản đã phải đưa lên phía trước những người duy tâm chủ nghĩa can đảm là những người đã tấn công vào những thiết chế đó trong lĩnh vực tư tưởng. Rốt cuộc, tương tự như tất cả các bậc tiền bối của mình, nhà vua - một người lãng mạn chủ nghĩa, thực ra chỉ là công cụ của một chính phủ quan liêu tầm thường nhất mà ông ta đã uống công tìm cách tô vẽ bằng những tình cảm tinh tế của các thế kỷ đã qua.

Cuộc cách mạng, hay nói đúng hơn, cuộc phản cách mạng do cuộc cách mạng sinh ra đã triệt để làm thay đổi toàn bộ bức tranh. Từ những thích thú kỳ khôi của bản thân, nhà vua Landjucker rút ra được những mối lợi thực sự và đã có thể đẩy chính phủ lùi trở lại địa vị mà nó đã giữ được không những trước năm 1848 và năm 1815, mà thậm chí cả trước năm 1807 nữa. Sự kết thúc đã đến với những lời than vãn lãng mạn rụt rè. Nhưng thay vì những lời than vãn ấy, Thượng nghị viện Phổ đã xuất hiện; quyền của cánh tay chết⁴⁴⁸ đã được khôi phục; quyền xử án của địa chủ đã

này nở xum xuê hơn bao giờ hết ở các điền trang; quyền không nộp thuế một lần nữa đã trở thành đặc điểm của tầng lớp quý tộc; cảnh sát và các quan chức thuộc chính phủ đã phải khom mình trước những nhà quý tộc; tất cả các chức vụ cao nhất đã được ban cho con cháu của tầng lớp quý tộc ruộng đất và giới quý tộc nói chung; những viên chức có học vấn của nhà trường cũ đều bị thanh trừng và vị thay thế bằng những tên tay sai của những kẻ thu tô và địa chủ, còn hết thảy mọi tự do mà cuộc cách mạng đã giành được, - tự do báo chí, tự do hội họp, tự do ngôn luận, quyền đại diện theo hiến pháp, - tất cả các quyền tự do đó dù đã được giữ lại, nhưng chỉ là những đặc ân của giai cấp quý tộc. Mặt khác, nếu trong thời kỳ vừa qua, giai cấp tư sản đã ủng hộ cuộc vận động triết học, thì bây giờ tầng lớp quý tộc đã đào bới nó tận gốc rễ và đã lấy chủ nghĩa Kiền thành thay thế nó. Tất cả các giáo sư có học vấn đã bị đuổi ra khỏi các trường đại học, nhưng viri obscuri^{1*}, Heng-xten-béch, Stan và tuti quanti^{2*} đã chiếm lấy hết thảy các cơ quan giáo dục của Phổ, bắt đầu từ những trường học nông thôn cho đến các trường cao đẳng đào tạo giáo viên ở Béc-lin. Bộ máy cảnh sát và hành chính đã không bị phá bỏ mà nó đã biến thành công cụ đơn thuần của giai cấp cầm quyền. Ngay cả tự do công nghiệp cũng đã bị tấn công; và bởi vì, hệ thống những bằng phát minh sáng chế đã biến thành phương tiện hùng mạnh để bảo hộ, đe dọa và mua chuộc, cho nên những thợ thủ công các thành phố lớn lại bị lừa vào các phường hội, các xưởng thợ, và vào đủ loại những hình thức lỗi thời khác của các thời đại đã qua. Như vậy, tất cả những mơ ước táo bạo nhất của nhà vua vẫn chỉ là mơ ước trong khoảng thời gian tám năm đầu của chế độ chuyên chế của ông ta, đã trở thành hiện thực nhờ có cuộc cách mạng, và đã là thực tế sáng chói, sờ mó được trong khoảng thời gian từ năm 1850 đến năm 1857.

Song mỗi huân chương đều có mặt trái của nó. Cuộc cách mạng đã xua tan những ảo tưởng ý thức hệ của giai cấp tư sản, còn

1*- những kẻ thi hành chính sách ngu dân

2*- những người cùng duộc với chúng

cuộc phản cách mạng thì đã chấm dứt những tham vọng chính trị của nó. Như vậy, giai cấp tư sản đã bị đẩy lùi về những công việc vốn sẵn có của riêng nó - buôn bán và mở mang công nghiệp, - và tôi không nghĩ rằng một dân tộc nào khác trong một thời gian mười năm gần đây đã tiến một bước tương đối lớn như thế theo hướng này, như người Đức và đặc biệt như người Phổ. Nếu các vị đã nhìn thấy Béc-lin mười năm trước đây thì hiện nay các vị sẽ không nhận ra nó. Từ chỗ là một quảng trường duyệt binh nghiêm trang, Béc-lin đã biến thành một trung tâm nhộn nhịp của công nghiệp chế tạo máy của nước Đức. Nếu các vị đi du ngoạn theo dòng sông Ranh của nước Phổ và dọc theo công quốc của Ve-xơ-pha-li thì các vị sẽ bất giác nhớ lại Lan-kê-sia và Y-óc-sia. Nếu nước Phổ chưa thể khoe khoang về I-xắc Pê-rây-rơ của mình, thì trái lại Phổ có hàng trăm Mê-vít-xen đang lãnh đạo những Crédits Mobiliers đủ loại, mà ở Phổ thì những Crédits Mobiliers này còn nhiều hơn các công tước trong Nghị viện Đức.

Cuộc chạy đua điên cuồng để làm giàu, sự khát vọng tiến lên phía trước, tìm kiếm những mỏ mới, xây dựng những nhà máy mới, xây dựng những con đường sắt mới và đặc biệt là góp tiền vào các công ty cổ phần và đầu cơ các cổ phiếu của chúng, - tất cả những cái đó đã trở thành sự mê say hợp thời trang bao trùm lấy mọi giai cấp trong xã hội, từ người nông dân đến tận vương công đội mũ miện, người đã có lúc là reichsunmittelbarer Fürst⁴⁴⁹. Như vậy, các vị nhận thấy rằng những ngày mà giai cấp tư sản than khóc về cảnh bị cầm tù ở Ba-bi-lon của mình và cúi đầu xuống một cách nhục nhã chính là những ngày mà giai cấp tư sản đã trở thành một lực lượng thực tế trong đất nước, trong khi đó kẻ quý tộc kiêu ngạo thực ra đã trở thành kẻ tìm kiếm tiền lời, kẻ đầu cơ giao dịch đang vớ được nhiều tiền. Nếu các vị cần có một ví dụ chứng tỏ triết học đầu cơ tư biện đã biến thành sự đầu cơ thương mại như thế nào thì hãy nhìn vào Hăm-bốc năm 1857. Phải chăng những người Đức tư biện trong thời gian ấy đã không tỏ ra là những kẻ sành sỏi về phương diện bịp bợm? Nhưng phong trào tiến lên ấy của giai cấp tư sản Phổ được tăng

cường bởi việc nâng giá hàng hoá và do đó, bởi sự hạ thấp chung về thu nhập thường xuyên của giới quan liêu đang cầm quyền, đương nhiên, có kèm theo sự phá sản của giai cấp tiểu tư sản và sự tập trung của giai cấp công nhân. Sự phá sản của giai cấp tiểu tư sản trong suốt tám năm gần đây - đó là hiện tượng chung, có thể quan sát thấy khắp mọi nơi ở châu Âu, nhưng không ở đâu hiện tượng đó xảy ra dưới một hình thức gay gắt như ở Đức. Hiện tượng ấy có cần được giải thích như thế nào đó không? Tôi xin trả lời vắn tắt: các vị hãy nhìn vào những nhà triệu phú hiện giờ mà ngày hôm qua đây còn là những người nghèo khổ. Để một người có chiếc túi rỗng tuếch chỉ sau một đêm đã biến thành triệu phú thì cần phải làm cho 1 000 người, mỗi người có 1 000 đô-la, chỉ trong một ngày biến thành những người hành khất. Sở giao dịch phù thuỷ đang gây ra sự thay đổi như thế trong nháy mắt một cách hoàn toàn độc lập với những phương thức chậm chạp hơn mà nền công nghiệp hiện đại dùng để tập trung của cải. Vì thế sự bất bình của giai cấp tiểu tư sản và sự tập trung của giai cấp công nhân đã tăng nhanh trong suốt mười năm gần đây ở Phổ song song với sự trưởng thành của giai cấp tư sản.

Nhưng cũng đã đến lúc gửi lá thư này đến bưu điện, mặc dầu tôi chưa kết thúc Rundschau^{1*} của tôi như "Báo Phổ mới" đã gọi loại bài điểm tình hình là như vậy.

*Do C.Mác viết ngày 11 tháng Giêng 1859
Đã đăng trên báo "New - York Daily
Tribune" số 5548, ngày 1 tháng Hai 1859*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

1* - điểm báo

LỜI NÓI ĐẦU

(TRÍCH CÁC BẢN THẢO KINH TẾ NĂM 1857 - 1858)⁴⁵⁰

I. SẢN XUẤT, TIÊU DÙNG, PHÂN PHỐI, TRAO ĐỔI (LƯU THÔNG)

1. SẢN XUẤT

a) Đối tượng của công trình nghiên cứu này trước hết là nền *sản xuất vật chất*.

Dĩ nhiên, những cá nhân sản xuất trong xã hội, - do đó, một nền sản xuất xã hội nhất định của các cá nhân, - là điểm xuất phát. Người đi săn và người đánh cá đơn độc và riêng lẻ, mà Xmit và Ri-các-đô lấy làm điểm xuất phát, thuộc vào những điều kiện đặt thiếu đầu óc tưởng tượng của thế kỷ XVIII. Những câu chuyện kiểu Rô-bin-xơn đó quyết không phải - như một số người nghiên cứu lịch sử văn minh tưởng tượng - chỉ là một sự phản ứng chống lại lối sống quá tinh vi, hay là một sự quay trở về đời sống tự nhiên đã bị hiểu sai. Cả bản *contrat social* của Rút-xô⁴⁵¹ cũng vậy, nó hoàn toàn không dựa trên một chủ nghĩa tự nhiên như thế khi dùng một kế ước để quy định những mối quan hệ và liên hệ giữa những con người bản chất vốn độc lập. Đó là một ảo tưởng, và chỉ là một ảo tưởng thẩm mỹ của những câu chuyện Rô-bin-xơn lớn, nhỏ mà thôi. Nói cho đúng ra, đó là một sự báo trước của "xã hội công dân" đã được chuẩn bị từ thế kỷ XVI và đã bước những bước khổng lồ trên con đường trưởng thành vào thế kỷ XVIII. Trong cái xã hội tự do cạnh tranh ấy, con người riêng lẻ thể hiện ra như là tách khỏi những mối liên hệ tự nhiên, v.v., trong những thời kỳ lịch sử trước kia đã làm cho cá nhân trở thành một vật phụ thuộc của một tập đoàn người hạn

chế nhất định. Đối với các nhà tiên tri của thế kỷ XVIII (Ri-các-đô và Xmit còn hoàn toàn đứng trên quan điểm của những người này) thì cá nhân đó của thế kỷ XVIII - cá nhân này, một mặt, là sản phẩm của sự tan rã của các hình thái xã hội phong kiến, và mặt khác là sản phẩm của sự phát triển của những lực lượng sản xuất mới, bắt đầu từ thế kỷ XVI - là một lý tưởng đã tồn tại trong quá khứ. Họ cho rằng cá nhân đó không phải là một kết quả của lịch sử, mà là điểm xuất phát của lịch sử, bởi theo quan niệm của họ về bản chất con người, thì cá nhân phù hợp với tự nhiên không phải là một sản phẩm của lịch sử, mà là một cái gì do tự nhiên đã cho sẵn. Cho tới nay, mọi thời đại mới đều mắc phải sự lầm lạc này. Xtiut-át, đối lập về nhiều mặt với thế kỷ XVIII với tư cách một nhà quý tộc, đã đứng trên địa hạt lịch sử nhiều hơn, do đó đã tránh được sự lầm lạc ấy.

Càng đi ngược lại dòng lịch sử, chúng ta càng thấy cá nhân - và do đó cá nhân sản xuất cũng vậy - thể hiện ra là bị lệ thuộc, là một thành viên của một tổng thể lớn hơn: lúc đầu cá nhân đó gắn liền một cách hoàn toàn tự nhiên với gia đình và với gia đình đã phát triển thành thị tộc; sau đó thì gắn liền với công xã dưới những hình thái khác nhau, sản sinh ra do sự đụng độ và hợp nhất giữa các thị tộc. Chỉ mãi tới thế kỷ XVIII, trong "xã hội công dân", các hình thái khác nhau của mối liên hệ xã hội mới thể hiện ra đối với con người riêng rẽ như là một công cụ để thực hiện những mục đích riêng của nó, như là một tất yếu bên ngoài. Nhưng thời đại sản sinh ra quan điểm này - cái quan điểm cá nhân riêng lẻ - lại chính là thời đại của những liên hệ xã hội phát triển nhất (đứng trên quan điểm ấy thì chung nhất). Con người, theo nghĩa đen của nó, là một (ζωον πολιτικόν^{1*} không những là một động vật vốn có tính hợp quần, mà còn là một động vật chỉ có thể tách riêng ra trong xã hội mà thôi. Sự sản xuất của cá nhân riêng lẻ ở bên ngoài xã hội - hiện tượng hiếm có này có thể xảy ra đối với một con người văn minh ngẫu nhiên bị đẩy tới một nơi hoang dã và

1*- động vật xã hội (A-ri-xtốt. "Chính trị", t.I, chương 1).

đã chứa đựng những lực lượng xã hội năng động - cũng là một điều vô lý như sự phát triển ngôn ngữ của những cá nhân không sống *chung* với nhau và nói năng với nhau. Về điểm đó không cần phải nói nhiều hơn nữa. Chúng ta có thể hoàn toàn không đề cập tới điểm đó, nếu như cái điều vô lý ấy, hoàn toàn có thể hiểu được đối với những con người ở thế kỷ XVIII, đã không được Ba-xti-a, Kê-ri, Pru-đông v.v. đưa trở lại một cách nghiêm túc vào khoa kinh tế chính trị cận đại. Dĩ nhiên đối với Pru-đông, v.v. thì thật là dễ chịu khi dựng nên những chuyện thần thoại để giải thích về mặt triết học - lịch sử nguồn gốc của một quan hệ kinh tế nào đó mà ông ta không biết, sự xuất hiện lịch sử của nó, và nói rằng tư tưởng đó đã có sẵn trong đầu óc của A-đam và Prô-mê-tê dưới một hình thái hoàn thiện rồi và sau đó nó được đưa vào, v.v.. Không có gì khô khan và buồn chán bằng cái locus communis^{1*} bịa đặt đó.

Vậy khi nói đến sản xuất, thì bao giờ cũng là nói đến sản xuất ở một giai đoạn phát triển xã hội nhất định - tức là sản xuất của những cá nhân sống trong xã hội. Do đó, để nói tới sản xuất nói chung, có thể là chúng ta phải hoặc giả theo dõi quá trình phát triển lịch sử trong các giai đoạn khác nhau của nó, hoặc giả tuyên bố ngay từ đầu rằng chúng ta đang đụng chạm tới một thời đại lịch sử nhất định, ví dụ tới nền sản xuất tư sản hiện đại, nền sản xuất này trên thực tế là đề tài thật sự của chúng ta. Nhưng tất cả mọi thời đại sản xuất đều có một số nét đặc trưng chung nào đó, một số tính quy định chung nào đó. *Sản xuất nói chung* là một sự trừu tượng, nhưng là một sự trừu tượng hợp lý trong chừng mực nó thực sự nêu lên được cái chung, cố định nó lại, và do đó, tránh cho ta khỏi lấp láy. Tuy nhiên, cái *phổ biến* đó, hay là cái được tách riêng ra thông qua sự so sánh đó, bản thân cũng là một cái gì bị phân chia ra rất nhiều lần và được biểu hiện ra trong những tính quy định khác nhau. Một cái gì đấy trong số đó thuộc về tất cả mọi thời đại, cái khác lại chỉ chung cho một vài

1* - sáo ngữ

thời đại. Một số tính quy định là chung cho thời đại mới nhất cũng như cho thời đại cổ nhất. Nếu không có những tính quy định đó, thì không thể có bất kỳ một nền sản xuất nào cả; tuy rằng các ngôn ngữ phát triển nhất có một số quy luật và tính quy định chung với những ngôn ngữ kém phát triển nhất; nhưng chính cái khác với những cái phổ biến và cái chung đó lại là cái cấu thành sự phát triển của những ngôn ngữ ấy. Cần phải phân biệt những tính quy định có giá trị đối với sản xuất nói chung, chính là để cho sự thống nhất đã bắt nguồn ngay từ chỗ chủ thể, tức là loài người, và khách thể, tức là tự nhiên, vẫn là khách thể và chủ thể ấy - không làm cho người ta quên mất sự khác nhau căn bản. Chẳng hạn, tất cả sự thông minh của các nhà kinh tế học hiện đại, những người này đang chứng minh tính chất vĩnh cửu và sự hoà hợp của các quan hệ xã hội hiện nay, chính là ở chỗ lãng quên sự khác nhau căn bản đó. Ví dụ, họ chứng minh rằng không thể nào có sản xuất nếu như không có công cụ sản xuất, dù cho công cụ sản xuất đó chỉ là bàn tay mà thôi, rằng không thể nào có sản xuất nếu như không có lao động quá khứ đã tích lũy, dù cho lao động đó chỉ là sự khéo léo mà bàn tay của con người đã man dã có được và tích lũy lại, bằng cách luyện tập đi luyện tập lại. Vả lại, tư bản cũng là một công cụ sản xuất, cũng là lao động quá khứ, đã vật thể hoá. Do đó, tư bản là một quan hệ tự nhiên, phổ biến và vĩnh cửu; sở dĩ làm được như vậy chính là vì người ta đã vứt bỏ cái yếu tố đặc thù, chỉ có yếu tố này mới làm cho "công cụ sản xuất", "lao động tích lũy", trở thành tư bản. Vì vậy ta thấy toàn bộ lịch sử của các quan hệ sản xuất - như trong tác phẩm của Kê-ri chẳng hạn - là một sự xuyên tạc có ác ý của các chính phủ.

Nếu như không có sản xuất nói chung, thì cũng không có nền sản xuất phổ biến. Sản xuất bao giờ cũng là một ngành sản xuất *riêng biệt*, như nông nghiệp, chăn nuôi, ngành chế tạo, v.v, hoặc là *toàn thể* những ngành đó. Nhưng kinh tế chính trị học không phải là kỹ thuật học. Ở đoạn khác (sau này) chúng ta sẽ phải trình bày

mối quan hệ giữa các tính quy định chung của sản xuất ở một giai đoạn xã hội nhất định với những hình thái sản xuất đặc thù.

Sau hết, sản xuất cũng không phải chỉ là một thứ sản xuất đặc thù. Nhưng bao giờ sản xuất cũng có một cơ thể xã hội nhất định, một chủ thể xã hội đang hoạt động trong một tổng thể to lớn của các ngành sản xuất. Mối quan hệ tồn tại giữa sự trình bày khoa học và sự vận động hiện thực cũng chưa phải thuộc về đoạn này. Sản xuất nói chung. Những ngành sản xuất đặc thù. Sản xuất coi như là một tổng thể toàn bộ.

Điều đã trở thành một cái mốt là người ta thường hay viết một phần chung làm dẫn luận trước khi đi vào trình bày khoa kinh tế chính trị; phần chung này đúng là cái phần mang nhan đề "Sản xuất" (ví dụ, xem Gi.Xt. Min)⁴⁵² trong đó người ta bàn về các *điều kiện chung* của mọi nền sản xuất.

Cái phần chung này bao gồm hoặc là cần phải bao gồm:

1) Những điều kiện mà nếu thiếu thì không thể nào có thể sản xuất được; trên thực tế, điều này chẳng qua chỉ là nêu những yếu tố căn bản của mọi sản xuất. Nhưng, như chúng ta sẽ thấy, cái đó trên thực tế chỉ quy lại thành một vài tính quy định rất giản đơn, chúng biến thành những điều trùng lặp dài dòng và nhạt nhẽo.

2) Những điều kiện ít nhiều góp phần thúc đẩy sản xuất, ví dụ như trạng thái xã hội tiến lên hay đình trệ ở A-đam Xmit. Muốn cho những yếu tố ấy - có ở A-đam Xmit với tư cách là một *aperçu*^{1*} - có được giá trị của nó, có được một ý nghĩa khoa học, thì cần phải nghiên cứu về *trạng thái năng suất* ở các thời kỳ trong quá trình phát triển của một số các dân tộc, sự nghiên cứu này vượt quá phạm vi đề tài của chúng ta; nhưng chừng nào sự nghiên cứu ấy thuộc về đề tài này thì nó phải được trình bày trong những chương nói về cạnh tranh, tích lũy, v.v.. Còn trong cách đặt vấn đề chung thì câu giải đáp sẽ quy thành cái luận điểm chung nói rằng, một nước công nghiệp đạt tới trình độ sản xuất

1*- nhận xét đại cương

cao nhất của nó, khi mà nói chung, dân tộc đó đạt tới đỉnh cao nhất trong sự phát triển lịch sử của nó. Và quả vậy, một dân tộc ở vào một đỉnh cao trong sự phát triển công nghiệp của nó, khi mà đối với dân tộc đó, điều chủ yếu không phải là lợi nhuận [Gewinn] mà là cái khai thác được [Gewinnen]. Theo ý nghĩa đó, người I-ăng-ki hơn người Anh. Hoặc nữa, những đặc điểm nhất định về chủng tộc, khí hậu, những điều kiện tự nhiên, ví dụ như ở gần biển, đất đai phì nhiêu, v.v. chẳng hạn, thì thuận lợi đối với sản xuất hơn là các đặc điểm khác. Cái đó lại dẫn đến điều trùng lặp sau đây: các yếu tố chủ quan và khách quan của của cải càng có ở một mức cao hơn, thì của cải càng được tạo ra một cách dễ dàng hơn.

Nhưng tất cả những cái đó hoàn toàn chưa phải là những cái mà các nhà kinh tế học thực sự muốn nói đến trong phần chung này. Sản xuất, trái lại, - ví dụ xem Min⁴⁵³ chẳng hạn, - khác với phân phối, v.v. phải được trình bày như là bị đóng khung trong các quy luật tự nhiên vĩnh cửu, độc lập với lịch sử, để rồi sau đó, khi có cơ hội thuận tiện thì len lút đưa các quan hệ *tư sản* vào với tư cách là những quy luật tự nhiên bất di bất dịch của xã hội in abstracto^{1*}. Đó là mục đích ít nhiều có ý thức của toàn bộ cái thủ đoạn đó. Trái lại, trong sự phân phối, con người ta hình như trên thực tế có thể tự cho phép mọi thứ hành động tùy tiện. Hoàn toàn chưa nói đến việc tách rời một cách thô bạo sản xuất và phân phối và mối quan hệ thực tế giữa sản xuất và phân phối, ngay từ đầu, người ta cũng phải thấy rằng, dù cho sự phân phối có khác nhau như thế nào chẳng nữa trong các giai đoạn khác nhau của sự phát triển xã hội, thì đối với phân phối, cũng như đối với sản xuất, vẫn có thể nêu ra những luận điểm chung và tất cả những sự khác biệt lịch sử lại vẫn có thể bị lẫn lộn và xoá nhoà đi trong những quy luật *áp dụng cho con người nói chung*. Ví dụ, người nô lệ, người nông nô, người công nhân làm thuê đều nhận được một số lượng lương thực nhất định cho phép họ có thể tồn

1*- nói chung

tại với tư cách là nô lệ, nông nô, người công nhân làm thuê. Kể đi chinh phục sống nhờ của cống nạp, hay viên quan lại sống nhờ thuế khoá, hay người chủ ruộng sống nhờ địa tô, hay người thầy tu sống nhờ của bố thí, hay người giáo sĩ Do Thái sống nhờ thuế thập phân, - tất cả bọn họ đều nhận được một phần sản phẩm xã hội, phần này được quy định bởi những quy luật khác với phần dành cho người nô lệ, v.v.. Hai điểm cơ bản mà tất cả các nhà kinh tế học đặt trong mục này là: 1) sở hữu, 2) việc bảo vệ sở hữu bằng bộ máy tư pháp, cảnh sát v.v.. Về điểm đó người ta có thể trả lời vắn tắt như sau:

ad 1) ^{1*}Bất kỳ nền sản xuất nào cũng đều là việc con người chiếm hữu những vật phẩm của tự nhiên trong phạm vi một hình thái xã hội nhất định và thông qua hình thái đó.

Theo ý nghĩa đó nói rằng sở hữu (sự chiếm hữu) là một điều kiện của sản xuất, thì đó là một điều lặp lại. Nhưng từ đó mà nhảy lên một hình thái sở hữu nhất định, ví dụ như chế độ sở hữu tư nhân, thì thật là buồn cười. (Hơn nữa điều đó cũng giả định một hình thái đối lập, *việc không có sở hữu*, làm điều kiện). Ngược lại, lịch sử cho chúng ta thấy rằng chế độ sở hữu công cộng (ví dụ, ở người Ấn Độ, người Xla-vơ, người Ken-tơ thời cổ, v.v.) là hình thái nguyên thủy, - dưới hình thức sở hữu công xã, hình thái này còn giữ một vai trò quan trọng khá lâu nữa. Ở đây, chúng ta hoàn toàn còn chưa đề cập tới vấn đề: của cải có tăng lên tốt hơn dưới hình thái sở hữu này hay dưới hình thái sở hữu khác hay không. Nhưng khi người ta nói rằng, nơi nào không có một hình thái sở hữu nào cả thì ở đó cũng không thể có một nền sản xuất nào cả, do đó, cũng không có một xã hội nào cả, thì đấy chỉ là một điều lặp lại. Một sự chiếm hữu mà lại không chiếm hữu gì cả là một *contradictio in subjecto*^{2*}.

ad 2) Việc bảo vệ những cái đã có được, v.v... Nếu đem những điều nhạt nhẽo đó quy thành nội dung thực tế của chúng, thì chúng

1*- về điểm 1

2*- một sự mâu thuẫn ngay trong vấn đề

sẽ nói lên nhiều hơn là những người truyền bá chúng biết. Cụ thể là: hình thái sản xuất đều sản sinh ra những quan hệ pháp lý, những hình thức quản lý, v.v., riêng của nó. Sự thô lỗ và thiếu hiểu biết chính là ở chỗ đặt những hiện tượng gắn liền với nhau một cách hữu cơ vào trong những mối quan hệ qua lại có tính chất ngẫu nhiên và vào trong một mối liên hệ thuần túy lý trí. Các nhà kinh tế học tư sản chỉ cảm thấy một cách mơ hồ rằng dưới chế độ cảnh sát hiện nay có thể sản xuất tốt hơn dưới chế độ quyền của kẻ mạnh, chẳng hạn. Họ chỉ quên rằng quyền của kẻ mạnh cũng là một pháp quyền và nó vẫn tiếp tục tồn tại dưới một hình thái khác trong cái "nhà nước pháp trị" của họ.

Khi các quan hệ xã hội tương ứng với một giai đoạn sản xuất nhất định vừa mới xuất hiện, hoặc khi chúng đã tiêu vong, thì tự nhiên là nhiều sự biến động sẽ xảy ra trong sản xuất, mặc dầu là với một mức độ khác nhau và với một kết quả khác nhau.

Tóm lại: có những tính quy định chung cho tất cả các giai đoạn sản xuất, những tính quy định này được tư duy ghi lại như những tính quy định chung; nhưng cái gọi là *những điều kiện chung* của mọi sản xuất thì chẳng qua chỉ là những yếu tố trừu tượng, không thể giúp ta hiểu được bất kỳ một giai đoạn sản xuất lịch sử hiện thực nào cả.

2- MỐI QUAN HỆ CHUNG GIỮA SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI, TRAO ĐỔI, TIÊU DÙNG

Trước khi phân tích sản xuất sâu hơn nữa, cần phải chú ý tới các mục khác nhau mà các nhà kinh tế học đặt bên cạnh sản xuất.

Khái niệm hời hợt đầu tiên là: trong quá trình sản xuất, các thành viên của xã hội làm cho (tạo ra, cải biến) các sản phẩm của tự nhiên thích nghi với những nhu cầu của con người; phân phối xác định tỷ lệ theo đó mỗi cá nhân tham dự vào sản phẩm đã sản xuất ra; trao đổi đem lại cho cá nhân những sản phẩm nhất định mà anh ta muốn dùng phần nhận được do phân phối để trao đổi

lấy; cuối cùng, trong tiêu dùng, các sản phẩm trở thành những vật phẩm tiêu dùng và đối tượng của việc chiếm hữu cá nhân. Sản xuất tạo ra những vật phẩm thích hợp với các nhu cầu; phân phối, phân chia các vật đó theo những quy luật xã hội; trao đổi lại, phân phối lại cái đã được phân phối theo những nhu cầu cá biệt; cuối cùng, trong tiêu dùng, sản phẩm thoát ra khỏi sự vận động xã hội đó, trực tiếp trở thành đối tượng và kẻ phục vụ cho một nhu cầu cá biệt, và thoả mãn nhu cầu đó trong quá trình tiêu dùng. Như vậy, sản xuất thể hiện ra là điểm xuất phát, tiêu dùng là điểm cuối cùng, phân phối và trao đổi là điểm trung gian, điểm trung gian này lại có hai yếu tố, vì phân phối được quy định là yếu tố xuất phát từ xã hội, còn trao đổi là yếu tố xuất phát từ cá nhân. Trong sản xuất, con người được khách thể hoá, trong tiêu dùng^{1*} thì đồ vật được chủ thể hoá; trong phân phối, dưới hình thái những tính quy định phổ biến có tác dụng chi phối, xã hội đảm nhiệm làm trung gian giữa sản xuất và tiêu dùng; trong trao đổi, mối giới giữa sản xuất và tiêu dùng là tính xác định có tính chất ngẫu nhiên của cá nhân.

Phân phối xác định tỷ lệ (số lượng) sản phẩm dành cho cá nhân; trao đổi xác định những sản phẩm trong đó cá nhân đòi hỏi cái phân do phân phối dành cho mình.

Như vậy sản xuất, phân phối, trao đổi, tiêu dùng hình thành một tam đoạn luận đúng cách: sản xuất là cái chung, phân phối và trao đổi là cái đặc thù, tiêu dùng là cái đơn nhất khép kín tổng thể. Đương nhiên, cái đó đúng là một mối liên hệ, nhưng là mối liên hệ rời rạc bên ngoài. Sản xuất hình như là do các quy luật phổ biến của tự nhiên quy định; phân phối do sự ngẫu nhiên của xã hội quyết định, vì vậy nó có thể ảnh hưởng ít nhiều thuận lợi đến sản xuất; trao đổi nằm ở giữa hai khâu đó, như là một sự vận động xã hội có tính chất hình thức, còn hành vi cuối cùng - tiêu dùng - không những được coi là điểm kết thúc, mà còn là mục đích cuối cùng, nói thực ra là nằm bên ngoài kinh tế, trừ trường

1* - Trong bản thảo: con người

hợp nó tác động trở lại điểm xuất phát và làm cho toàn bộ quá trình bắt đầu lại.

Những đối thủ của các nhà kinh tế chính trị học, - dù cho đó là những đối thủ ở ngay trong lĩnh vực khoa học ấy hay ở ngoài lĩnh vực ấy, - trách cứ họ là đã tách một cách dã man một thể thống nhất ra thành những bộ phận, thì hoặc giả cùng đứng trên một mảnh đất với họ, hoặc giả đứng thấp hơn họ. Không có gì tầm thường bằng việc chê trách các nhà kinh tế chính trị học là đã chú ý đến sản xuất quá nhiều khi coi nó là một cứu cánh. Theo họ, phân phối cũng có ý nghĩa lớn như vậy. Điều trách móc đó dựa trên quan niệm của các nhà kinh tế học cho rằng phân phối tồn tại như là một lĩnh vực riêng biệt, độc lập bên cạnh sản xuất. Hay các yếu tố đó hình như không được lĩnh hội trong sự thống nhất của chúng. Làm như thế là việc tách rời đó không phải là đã được đưa từ hiện thực vào trong sách giáo khoa, mà trái lại từ sách giáo khoa được đưa vào trong hiện thực, làm như thế vấn đề ở đây là điều hoà một cách biện chứng các khái niệm, chứ không phải là nhận thức các quan hệ hiện thực!

a) [Sản xuất và tiêu dùng]

Sản xuất cũng trực tiếp là tiêu dùng. Tiêu dùng về hai mặt, chủ quan và khách quan: cá nhân phát triển các năng lực của mình trong quá trình sản xuất, đồng thời cũng tiêu phí, tiêu dùng các năng lực đó trong hành vi sản xuất, cũng giống như hành vi tự nhiên sinh con đẻ cái là sự tiêu dùng các sức sống. Thứ hai: sản xuất là tiêu dùng các tư liệu sản xuất mà người ta sử dụng, chúng hao mòn đi và một phần (ví dụ như khí đốt) phân giải trở lại thành những nguyên tố cơ bản. Việc tiêu dùng thứ nguyên liệu không giữ lại cái hình thái và những thuộc tính tự nhiên của nó, mà lại mất cái hình thái và những thuộc tính đó đi, thì cũng vậy. Vì thế, bản thân hành vi sản xuất, trong tất cả mọi yếu tố của nó, cũng đồng thời làm một hành vi tiêu dùng. Nhưng các nhà kinh tế học cũng đồng ý với tất cả những điều đó. Sản xuất, coi là trực tiếp đồng nhất với tiêu dùng, và tiêu dùng coi là trực tiếp ăn

khớp với sản xuất, cái đó các nhà kinh tế học gọi là *tiêu dùng sản xuất*. Sự đồng nhất đó giữa sản xuất và tiêu dùng quy lại thành luận điểm của Xpi-nô-da: "determinatio est negatio"⁴⁵⁴.

Nhưng định nghĩa này về tiêu dùng sản xuất được đưa ra chỉ là để tách sự tiêu dùng đồng nhất với sản xuất ra khỏi sự tiêu dùng theo đúng nghĩa của nó, tiêu dùng này nói cho đúng ra lại được quan niệm là cái đối lập thủ tiêu sản xuất. Vậy chúng ta hãy xét tiêu dùng theo đúng nghĩa của nó.

Tiêu dùng đồng thời cũng trực tiếp là sản xuất, cũng giống như trong tự nhiên, tiêu dùng các nguyên tố hoá chất là sự sản xuất ra thực vật. Trong quá trình ăn uống, một trong những hình thức tiêu dùng con người sản xuất ra bản thân cơ thể của mình, - điều đó đã hoàn toàn rõ. Nhưng điều đó cũng có giá trị đối với mọi hình thức tiêu dùng khác, những hình thức tiêu dùng này về mặt này hay mặt khác, mỗi hình thức một kiểu, đang góp phần vào việc sản xuất ra con người. Đó là sự sản xuất có tính chất tiêu dùng. Nhưng khoa kinh tế chính trị nói: sự sản xuất đồng nhất với tiêu dùng đó là một loại sản xuất thứ hai, bắt nguồn từ việc tiêu huỷ sản phẩm của loại sản xuất thứ nhất. Trong loại sản xuất thứ nhất, người sản xuất vật hoá bản thân, trong loại sản xuất thứ hai, cái vật do anh ta sản xuất ra được nhân cách hoá. Như vậy, sự sản xuất có tính chất tiêu dùng này, - mặc dù nó là một sự thống nhất trực tiếp giữa sản xuất và tiêu dùng, - khác một cách căn bản với sản xuất theo đúng nghĩa của nó. Sự thống nhất trực tiếp, trong đó sản xuất nhất trí với tiêu dùng, và tiêu dùng nhất trí với sản xuất, vẫn giữ tính chất phân đôi trực tiếp của chúng.

Vậy, sản xuất trực tiếp là tiêu dùng, tiêu dùng trực tiếp là sản xuất. Mỗi cái trực tiếp là mặt đối lập của nó. Nhưng đồng thời giữa hai cái đó có một sự vận động môi giới. Sản xuất làm môi giới cho tiêu dùng, sản xuất tạo ra những vật liệu cho tiêu dùng, không có vật liệu này thì tiêu dùng sẽ không có đối tượng. Nhưng tiêu dùng cũng là môi giới của sản xuất, bởi vì chỉ có tiêu dùng mới tạo ra chủ thể cho các sản phẩm, chúng là sản phẩm chính

đối với chủ thể này. Sản phẩm chỉ đạt tới sự finish^{1*} cuối cùng của nó trong tiêu dùng. Một đường sắt nếu không có xe chạy, không được sử dụng, không được tiêu dùng đi, thì đường sắt đó chỉ là đường sắt *δυναμει*^{2*} chứ không phải là về mặt hiện thực. Không có sản xuất thì không có tiêu dùng, nhưng không có tiêu dùng thì cũng chẳng có sản xuất, vì trong trường hợp đó sản xuất sẽ không có mục đích. Tiêu dùng tạo ra sản xuất về hai mặt:

1) Chỉ có trong tiêu dùng thì sản phẩm mới thực sự trở thành sản phẩm. Ví dụ, một cái áo chỉ thực sự trở thành một cái áo khi người ta mặc nó; một ngôi nhà không có người ở, trên thực tế, không phải là một ngôi nhà thực sự. Như vậy, khác với vật phẩm đơn thuần của tự nhiên, sản phẩm chỉ qua tiêu dùng mới thể hiện ra là sản phẩm, mới *trở thành* sản phẩm. Tiêu dùng, khi thủ tiêu sản phẩm, mới đem lại cho sản phẩm một sự finishing stroke^{3*}, bởi vì sản phẩm sở dĩ là sản phẩm không phải với tư cách là hoạt động đã vật hoá, mà chỉ với tư cách là một vật thể cho chủ thể đang hoạt động mà thôi.

2) Tiêu dùng tạo ra nhu cầu về một sản xuất *mới*, do đó, nó là động cơ trên ý niệm, thúc đẩy bên trong của sản xuất, động cơ này là tiền đề của nó. Tiêu dùng tạo ra sự kích thích đối với sản xuất, nó cũng tạo ra vật phẩm tác động đến sản xuất khi xác định mục tiêu của sản xuất. Nếu như rõ ràng là sản xuất cung cấp đối tượng cho tiêu dùng dưới hình thái bên ngoài của nó, thì cũng rõ ràng là tiêu dùng *giả định* đối tượng của sản xuất *trên ý niệm*, như là hình ảnh bên trong, như là nhu cầu, như là động cơ và như là cứu cánh. Tiêu dùng tạo ra những đối tượng của sản xuất dưới một hình thức còn là chủ quan. Không có nhu cầu thì không có sản xuất. Nhưng chính tiêu dùng lại tái sản xuất ra nhu cầu.

Phù hợp với điều đó về phía sản xuất có:

1* - hoàn tất

2* - khả năng

3* - hoàn thiện cuối cùng

1) Sản xuất cung cấp cho tiêu dùng vật liệu, vật phẩm. Tiêu dùng không có vật phẩm thì không phải là tiêu dùng. Vậy về mặt đó sản xuất tạo ra, sản xuất ra tiêu dùng.

2) Nhưng không phải sản xuất chỉ tạo ra vật phẩm cho tiêu dùng; nó cũng đem lại cho tiêu dùng tính xác định của nó, tính chất của nó, sự hoàn thiện của nó. Cũng như tiêu dùng hoàn thành sản phẩm với tư cách là sản phẩm, sản xuất cũng hoàn thành việc tiêu dùng. *Trước hết*, vật phẩm không phải một vật phẩm nói chung, mà là một vật phẩm nhất định, phải được tiêu dùng theo một cách thức nhất định, mà cách thức đó lại do bản thân sản xuất định trước. Cái đói là cái đói, nhưng cái đói được thoả mãn bằng thịt nấu, và ăn bằng dao, nĩa, thì khác với cái đói dùng bàn tay, móng và răng nuốt chửng thịt sống. Vì vậy, sản xuất không những tạo ra vật phẩm tiêu dùng mà còn tạo ra phương thức tiêu dùng, điều đó không những về mặt khách quan mà cả về mặt chủ quan. Như vậy, sản xuất tạo ra người tiêu dùng.

3) Không phải sản xuất chỉ cung cấp vật liệu cho nhu cầu, mà còn cung cấp nhu cầu cho vật liệu. Khi tiêu dùng thoát ra khỏi tính chất thô bạo tự nhiên nguyên thủy của nó và mất tính chất trực tiếp của nó, - và bản thân việc tiêu dùng ngừng lại lâu ở giai đoạn này cũng là kết quả của một nền sản xuất bị ngưng trệ lại trong sự thô bạo tự nhiên, - thì bản thân tiêu dùng, với tư cách là sự kích thích, lại được vật phẩm làm môi giới. Nhu cầu mà tiêu dùng cảm thấy đối với cái vật phẩm đó, là do sự tri giác đối với vật phẩm đó tạo ra. Một tác phẩm mỹ thuật - cũng như mọi sản phẩm khác - tạo ra một công chúng hiểu nghệ thuật và có khả năng thưởng thức cái đẹp. Vì vậy, sản xuất không chỉ sản xuất ra một vật phẩm cho chủ thể, mà còn sản xuất ra một chủ thể cho vật phẩm.

Vậy sản xuất tạo ra tiêu dùng: 1) bằng cách tạo ra vật liệu cho tiêu dùng; 2) bằng cách xác định phương thức tiêu dùng; 3) bằng cách làm nảy ra ở người tiêu dùng cái nhu cầu mà đối tượng là sản phẩm do sản xuất tạo ra. Vì vậy, sản xuất sản xuất ra đối tượng tiêu dùng, phương thức tiêu dùng và sự kích thích tiêu dùng.

Cũng vậy, tiêu dùng đẻ ra *khả năng* của người sản xuất, do nó kích thích nhu cầu ở trong anh ta, một nhu cầu hướng vào những mục tiêu nhất định.

Do đó, sự đồng nhất giữa tiêu dùng và sản xuất thể hiện ra dưới ba mặt:

1) *Sự đồng nhất trực tiếp*: sản xuất là tiêu dùng; tiêu dùng là sản xuất. Sản xuất có tính chất tiêu dùng. Tiêu dùng có tính chất sản xuất. Cả hai đều được các nhà kinh tế học gọi là tiêu dùng sản xuất, nhưng họ còn nêu lên một sự khác nhau: cái thứ nhất thể hiện ra là tái sản xuất; cái thứ hai thể hiện ra là tiêu dùng sản xuất. Tất cả những công trình nghiên cứu về cái thứ nhất là những công trình nghiên cứu về lao động sản xuất hay không sản xuất; những công trình nghiên cứu về cái thứ hai là công trình nghiên cứu về tiêu dùng sản xuất hay không sản xuất.

2) Mỗi cái thể hiện ra là phương tiện của cái kia, được cái kia môi giới, - điều đó biểu thị ra trong mối phụ thuộc lẫn nhau của chúng. Đó là sự vận động, nhờ đó mà chúng quan hệ với nhau, và thể hiện ra là rất cần thiết cho nhau, nhưng chúng vẫn nằm ở bên ngoài đối với nhau. Sản xuất tạo ra vật liệu với tư cách là đối tượng bên ngoài cho tiêu dùng; tiêu dùng tạo ra nhu cầu với tư cách là đối tượng bên trong, là mục đích đối với sản xuất. Không có sản xuất thì không có tiêu dùng; không có tiêu dùng thì không có sản xuất. Luận điểm đó được thể hiện ra trong khoa kinh tế chính trị dưới nhiều hình thức khác nhau.

3) Sản xuất không chỉ trực tiếp là tiêu dùng, cũng như tiêu dùng không chỉ trực tiếp là sản xuất; sản xuất cũng không chỉ là phương tiện cho tiêu dùng, cũng như tiêu dùng không chỉ là mục đích của sản xuất, theo ý nghĩa là mỗi cái cung cấp vật phẩm cho cái kia: sản xuất cung cấp vật phẩm bên ngoài cho tiêu dùng, tiêu dùng cung cấp vật phẩm trên ý niệm cho sản xuất. Mỗi cái trong hai cái đó không chỉ trực tiếp là cái kia, và không chỉ là môi giới cho cái kia, mà khi được thực hiện mỗi cái lại tạo ra cái kia, tạo ra bản thân với tư cách là cái kia. Tiêu dùng trước kết hoàn thành hành vi sản xuất bằng cách kết thúc sản phẩm với tư cách là sản

phẩm, bằng cách nuốt sản phẩm đó đi, bằng cách thủ tiêu hình thái vật thể độc lập của nó; bằng cách nâng lên tới trình độ nghệ thuật - thông qua nhu cầu lấp đi lấp lại - cái năng lực đã được phát triển trong hành vi thứ nhất của sản xuất; do đó tiêu dùng không những là hành vi kết thúc nhờ đó mà sản phẩm trở thành sản phẩm, nó còn là hành vi làm cho người sản xuất trở thành người sản xuất. Mặt khác, sản xuất tạo ra tiêu dùng bằng cách tạo ra một phương thức tiêu dùng nhất định, và sau đó bằng cách tạo ra sự kích thích tiêu dùng, tạo ra bản thân năng lực tiêu dùng với tư cách là một nhu cầu. Sự đồng nhất sau cùng này, mà chúng ta đã chỉ rõ ở mục 3, đã được giải thích nhiều lần trong khoa kinh tế chính trị trong mối quan hệ giữa cung và cầu, vật phẩm và nhu cầu, những nhu cầu tự nhiên và những nhu cầu do xã hội tạo ra.

Cho nên đối với một người theo phái Hê-gen thì chẳng có gì giản đơn hơn là coi sản xuất và tiêu dùng là đồng nhất. Và điều đó không những được các nhà văn xã hội chủ nghĩa làm⁴⁵⁵, mà đến cả những nhà kinh tế học tầm thường nhất cũng làm, ví dụ như Xây đã làm điều đó dưới hình thức: khi người ta xem xét một dân tộc, hoặc là loài người in abstracto^{1*}, thì người ta thấy rằng sản xuất của họ là tiêu dùng của họ. Stoóc-xơ đã chỉ rõ sai lầm của Xây bằng cách nhắc lại⁴⁵⁶ rằng một dân tộc chẳng hạn, không tiêu dùng hết toàn bộ sản phẩm của mình mà còn tạo ra các tư liệu sản xuất, tư bản cố định v.v.. Hơn nữa, coi xã hội là một chủ thể duy nhất có nghĩa là xem xét xã hội trên một quan điểm không đúng, thuần túy tư biện. Ở một chủ thể, sản xuất và tiêu dùng thể hiện ra là những yếu tố của cùng một hành vi. Ở đây chỉ cần nhấn mạnh điểm quan trọng nhất là: nếu coi sản xuất và tiêu dùng là hoạt động của một chủ thể hay của một số cá nhân riêng biệt đi nữa, thì trong mọi trường hợp sản xuất và tiêu dùng vẫn thể hiện ra như là những nhân tố của một quá trình, trong đó sản xuất thực sự là điểm xuất phát và do đó cũng là yếu tố

1*- một cảnh trừu tượng

có tính chất chi phối. Với tư cách là một sự cần thiết, là một nhu cầu, bản thân tiêu dùng là một yếu tố bên trong của hoạt động sản xuất, nhưng hoạt động sản xuất này là điểm xuất phát của sự thực hiện, và vì vậy cũng là yếu tố chi phối sự thực hiện, là hành vi của toàn bộ quá trình được quy thành. Cá nhân sản xuất ra một vật phẩm và thông qua việc tiêu dùng vật phẩm đó, lại quay trở lại bản thân mình, nhưng đã là với tư cách một cá nhân sản xuất và tái sản xuất ra chính bản thân. Như vậy tiêu dùng thể hiện ra là một yếu tố sản xuất.

Nhưng trong xã hội mối quan hệ giữa người sản xuất và sản phẩm, khi sản phẩm đã được hoàn thành, là một quan hệ thuần túy bên ngoài, và việc sản phẩm quay trở lại chủ thể tùy thuộc vào những mối quan hệ giữa anh ta và những cá nhân khác. Anh ta không trực tiếp nắm được sản phẩm đó. Cũng vậy, việc chiếm hữu trực tiếp sản phẩm cũng không phải là mục đích của người sản xuất nếu như anh ta tiến hành sản xuất trong xã hội. Xen vào giữa người sản xuất và sản phẩm là *phân phối*; thông qua những quy luật xã hội, phân phối quy định phần của người sản xuất trong thế giới sản phẩm; do đó phân phối xen vào giữa sản xuất và tiêu dùng.

Vậy thì phân phối có phải là một lĩnh vực độc lập đứng bên cạnh và ngoài sản xuất hay không?

b) Sản xuất và phân phối

Nếu nhìn vào các tác phẩm thông thường của khoa kinh tế chính trị, thì một điều đập vào mắt người ta trước tiên là tất cả đều được đặt ra dưới hai hình thức. Ví dụ, trong phân phối có: địa tô, tiền công, lợi tức và lợi nhuận, còn trong sản xuất thì đất đai, lao động, tư bản được coi là những yếu tố của sản xuất. Đối với tư bản thì ngay từ đầu nó nhận được hai tính quy định: 1) là nhân tố của sản xuất; 2) là nguồn của thu nhập, là nhân tố quyết định những hình thức phân phối nhất định. Vì vậy, lợi tức và lợi nhuận cũng biểu hiện ra với tư cách như vậy trong sản xuất, trong chừng mực chúng là những hình thức trong đó tư bản

tăng thêm và phát triển, do đó, là những yếu tố của việc sản xuất ra bản thân tư bản. Với tư cách là những hình thức phân phối, lợi tức và lợi nhuận giả định phải có tư bản, coi là nhân tố của sản xuất. Chúng là những phương thức phân phối dựa trên tiền đề coi tư bản là nhân tố của sản xuất. Chúng cũng đồng thời là những phương thức tái sản xuất ra tư bản.

Tiền công cũng là lao động làm thuê, được các nhà kinh tế học xem xét dưới một đề mục khác: tính quy định mà lao động có ở đây với tư cách là nhân tố của sản xuất thì ở chỗ khác lại biểu hiện ra thành tính quy định của phân phối. Nếu như lao động không được quy định là lao động làm thuê, thì phương thức mà lao động tham dự vào sản phẩm cũng sẽ không thể hiện ra dưới hình thái tiền công, ví dụ trong trường hợp trong chế độ nô lệ. Cuối cùng, địa tô - nếu chúng ta lấy ngay hình thái phát triển nhất của phân phối, theo đó sở hữu ruộng đất dự phần vào sản phẩm - giả định phải có chế độ sở hữu ruộng đất lớn (nói cho đúng ra là nền nông nghiệp lớn) với tư cách là nhân tố của sản xuất, chứ không phải giả định phải có đất đai mà thôi, cũng giống như tiền công không dựa trên tiền đề lao động với tư cách là lao động. Do vậy những quan hệ phân phối và phương thức phân phối chỉ thể hiện ra là mặt trái của các nhân tố sản xuất. Một cá nhân tham gia vào sản xuất dưới hình thức lao động làm thuê, thì lại tham dự vào sản phẩm, vào những kết quả của sản xuất dưới hình thức tiền công. Cơ cấu của phân phối hoàn toàn do cơ cấu của sản xuất quy định. Bản thân sự phân phối là sản vật của sản xuất, - không những về mặt nội dung, vì người ta chỉ có thể đem phân phối những kết quả của sản xuất thôi, mà về cả hình thức, vì phương thức tham gia nhất định vào sản xuất quy định hình thái đặc thù của phân phối, quy định hình thái theo đó người ta tham dự vào phân phối. Thật là một ảo tưởng hoàn toàn khi xếp ruộng đất vào sản xuất và địa tô vào phân phối, v.v..

Vì vậy, một số nhà kinh tế học giống như Ri-các-đô, - người ta đã chê trách họ nhiều nhất là chỉ chú ý tới sản xuất, - đã coi phân phối là đối tượng duy nhất của khoa kinh tế chính trị, bởi

vì do bản năng họ đã chọn những hình thức phân phối, coi đó là những biểu hiện chính xác nhất ghi lại các nhân tố của sản xuất trong một xã hội nhất định.

Đối với một cá nhân riêng lẻ thì dĩ nhiên phân phối thể hiện ra là một quy luật xã hội, quyết định địa vị của anh ta trong khuôn khổ nền sản xuất mà anh ta tiến hành, và do đó có trước sản xuất. Ngay từ đầu cá nhân không có tư bản, cũng không có sở hữu ruộng đất. Từ khi mới sinh ra, do phân phối của xã hội, anh ta phải lao động làm thuê. Nhưng việc anh ta phải lao động làm thuê là do tư bản, sở hữu ruộng đất tồn tại với tư cách là những nhân tố độc lập của sản xuất.

Nếu xem xét cả một loạt các xã hội, thì hình như, về một phương diện khác nữa, phân phối có trước sản xuất và quyết định sản xuất với tư cách là một sự thật có trước kinh tế. Một dân tộc đi chinh phục phân chia đất đai cho những kẻ đi chinh phục và bằng cách đó, xác lập nên một sự phân phối nào đó và một hình thức sở hữu ruộng đất nào đó, và vì vậy mà quyết định cả sản xuất. Hoặc giả nó biến những dân tộc bị chinh phục thành nô lệ và bằng cách đó biến lao động nô lệ thành cơ sở của sản xuất. Hoặc giả, một dân tộc làm cách mạng phá vỡ chế độ đại sở hữu ruộng đất thành những mảnh đất nhỏ, và do đó, qua sự phân phối mới ấy, nó đem lại cho sản xuất một tính chất mới. Hoặc giả luật pháp làm cho sở hữu ruộng đất được duy trì mãi mãi trong tay một số gia đình nhất định, hay phân phối lao động như là một đặc quyền cha truyền con nối và bằng cách đó cố định nó lại theo tinh thần đẳng cấp. Trong tất cả những trường hợp đó, - tất cả đều đã có trong lịch sử, - hình như phân phối không do sản xuất tổ chức và quyết định, mà ngược lại hình như sản xuất lại do phân phối tổ chức và quyết định.

Theo quan niệm hời hợt nhất, thì phân phối biểu hiện thành phân phối sản phẩm, và do đó, hình như nó cách xa sản xuất và tựa hồ như là độc lập đối với sản xuất. Nhưng trước khi phân phối là phân phối sản phẩm, thì nó là: 1) Phân phối những công cụ sản xuất, và 2) điều này là một tính quy định nữa của cũng

một mối quan hệ ấy - phân phối các thành viên xã hội theo những loại sản xuất khác nhau. (Việc các cá nhân phải phục tùng những quan hệ sản xuất nhất định). Rõ ràng rằng phân phối sản phẩm chỉ là kết quả của sự phân phối đó, sự phân phối này đã bao hàm trong bản thân quá trình sản xuất và quyết định cơ cấu của sản xuất. Xem xét sản xuất một cách độc lập với sự phân phối đó, sự phân phối bao hàm trong sản xuất, thì rõ ràng đó là một sự trừu tượng trống rỗng, còn sự phân phối sản phẩm thì trái lại, đã bao hàm sự phân phối mà ngay từ đầu đã là một yếu tố của sản xuất. Chính vì vậy mà Ri-các-đô, người muốn hiểu nền sản xuất hiện đại trong cơ cấu xã hội nhất định của nó, và là nhà kinh tế học *par excellence*^{1*} về sản xuất, đã khẳng định rằng *không phải* sản xuất mà phân phối là đối tượng thực sự của khoa kinh tế chính trị hiện đại. Do đó một lần nữa người ta thấy rõ những điều phi lý của các nhà kinh tế học coi sản xuất là một chân lý vĩnh cửu, trong khi họ gặt lợi sử vào trong lĩnh vực phân phối.

Sự phân phối quyết định sản xuất nằm trong một mối quan hệ như thế nào đối với sản xuất, vấn đề này rõ ràng thuộc về bản thân sản xuất. Nếu như người ta nói rằng, vì sản xuất phải xuất phát từ một sự phân phối nhất định về các công cụ sản xuất, nên theo ý nghĩa đó ít nhất phân phối cũng phải có trước sản xuất, cấu thành tiền đề của sản xuất, - thì người ta có thể trả lời điều đó rằng: sản xuất quả thực có những điều kiện và tiền đề riêng của nó, những điều kiện và tiền đề này cấu thành những yếu tố của sản xuất. Những yếu tố này thoát tiền có thể xuất hiện như là những yếu tố nảy sinh một cách tự nhiên. Bản thân quá trình sản xuất sẽ biến các yếu tố xuất hiện một cách tự nhiên đó thành những yếu tố lịch sử và, nếu như đối với một thời kỳ này chúng biểu hiện ra là những tiền đề tự nhiên của sản xuất, thì đối với một thời kỳ khác chúng lại biểu hiện ra là kết quả lịch sử của thời kỳ đó. Trong bản thân quá trình sản

1* - chủ yếu

xuất, những yếu tố đó luôn luôn thay đổi. Ví dụ, việc áp dụng máy móc đã làm biến đổi sự phân phối công cụ sản xuất cũng như sự phân phối sản phẩm. Bản thân chế độ đại sở hữu ruộng đất hiện đại đồng thời là kết quả của nền thương mại hiện đại và của công nghiệp hiện đại, cũng như của việc áp dụng công nghiệp hiện đại vào trong nông nghiệp.

Tất cả những vấn đề nêu lên trên đây rút cục quy lại thành vấn đề xét xem các điều kiện lịch sử chung tác động đến sản xuất như thế nào, và mối quan hệ giữa sản xuất với sự phát triển lịch sử nói chung ra làm sao. Vấn đề đó rõ ràng là thuộc về sự nghiên cứu và trình bày bản thân công việc sản xuất.

Tuy nhiên, dưới cái hình thái tầm thường mà những vấn đề đó đã được nêu ra ở trên, thì người ta cũng có thể giải đáp chúng một cách vắn tắt như thế. Trong tất cả mọi công cuộc đi chinh phục đều có ba khả năng. Dân tộc đi chinh phục áp đặt phương thức sản xuất của mình cho dân tộc bị chinh phục (ví dụ, người Anh ở Ai-rơ-len và một phần ở Ấn Độ trong thế kỷ này); hoặc giả nó duy trì phương thức sản xuất cũ và chỉ đòi hỏi cống nạp (ví dụ, người Thổ Nhĩ Kỳ và người La Mã); hoặc giả diễn ra một tác động qua lại làm nảy sinh ra một cái gì mới, một sự tổng hợp (một phần trong các cuộc đi chinh phục của người Giéc-manh). Dù sao thì phương thức sản xuất - dù đó là của những người đi chinh phục, hay là của những người bị chinh phục, hoặc nữa là nảy sinh từ sự kết hợp cả hai - vẫn là nhân tố quyết định đối với sự phân phối mới được xác lập. Mặc dù sự phân phối này thể hiện ra là tiền đề của thời kỳ sản xuất mới, nhưng bản thân nó vẫn là một sản phẩm của sản xuất, - không những là của sản xuất lịch sử nói chung mà còn là của một nền sản xuất lịch sử nhất định nữa.

Ví dụ, khi tàn phá nước Nga, người Mông Cổ đã hành động phù hợp với phương thức sản xuất của họ, phương thức chăn nuôi gia súc trên đồng cỏ, mà điều kiện chủ yếu là những khoảng rộng lớn không có người ở. Những người dã man Giéc-manh - mà việc canh tác bằng lao động của nông nô và đời sống riêng biệt ở nông

thôn là phương thức sản xuất cổ truyền - càng dễ có thể bắt các tỉnh La Mã tuân theo những điều kiện đó, vì sự tập trung quyền sở hữu ruộng đất diễn ra ở đó đã hoàn toàn lật đổ các quan hệ nông nghiệp cũ.

Có một quan niệm cổ truyền cho rằng, trong một số thời kỳ nhất định người ta chỉ sống bằng cướp bóc. Nhưng, muốn có thể cướp bóc được thì phải có cái gì để cướp bóc chứ, tức là phải có sản xuất. Và bản thân phương thức cướp bóc lại do phương thức sản xuất quyết định. Ví dụ không thể cướp bóc ở một stock-jobbing nation^{1*} như ở một nước chăn bò được.

Qua bản thân người nô lệ, công cụ sản xuất bị trực tiếp cướp đoạt. Nhưng như vậy thì nền sản xuất của nước mà người ta cướp đoạt nô lệ cho nó phải được tổ chức một cách như thế nào để có thể sử dụng được lao động của nô lệ, hoặc (như ở Nam Mỹ v.v.) người ta phải tạo ra một phương thức sản xuất thích hợp với chế độ nô lệ.

Pháp luật có thể duy trì mãi mãi một công cụ sản xuất nào đấy, ví dụ như đất đai chẳng hạn, ở trong tay một số gia đình nhất định. Các đạo luật đó có một tầm quan trọng về kinh tế chỉ khi nào chế độ sở hữu lớn về ruộng đất phù hợp với sản xuất xã hội, ví dụ như ở nước Anh chẳng hạn. Ở Pháp, người ta đã thực hành chế độ tiểu nông mặc dù có chế độ sở hữu lớn về ruộng đất, vì thể chế độ này đã bị cách mạng phá vỡ. Nhưng nếu duy trì mãi mãi tình trạng ruộng đất manh mún, ví dụ như bằng luật pháp chẳng hạn, thì sẽ như thế nào? Mặc dù có các đạo luật đó, sở hữu vẫn sẽ tập trung lại. Cần phải xác định riêng ảnh hưởng của các đạo luật nhằm củng cố các quan hệ phân phối, và qua đó tác động của chúng đến sản xuất.

c) Cuối cùng, trao đổi và lưu thông

Bản thân lưu thông chỉ là một yếu tố nhất định của trao đổi, hoặc nữa là của trao đổi xét về toàn bộ.

1*- nước có sự đầu cơ chứng khoán phát triển

Vì *trao đổi* chỉ là một yếu tố trung gian, giữa một bên là sản xuất và phân phối do sản xuất quyết định, và bên kia là tiêu dùng còn bản thân tiêu dùng thì thể hiện ra là một yếu tố của sản xuất, vì rõ ràng là trao đổi đã bao hàm trong sản xuất với tư cách là yếu tố của sản xuất.

Trước hết, rõ ràng sự trao đổi hoạt động và năng lực được thực hiện trong bản thân sản xuất là trực tiếp thuộc về sản xuất và là mặt căn bản của sản xuất. Thứ hai, điều đó cũng đúng đối với sự trao đổi sản phẩm, vì sự trao đổi này là phương tiện để sản xuất ra thành phẩm nhằm phục vụ cho sự tiêu dùng trực tiếp. Trong chừng mực đó, bản thân trao đổi là một hành vi bao gồm trong sản xuất. Thứ ba, cái gọi là trao đổi giữa các nhà kinh doanh với nhau, xét về mặt tổ chức của nó, là hoàn toàn do sản xuất quyết định, cũng giống như bản thân hoạt động sản xuất. Trao đổi chỉ độc lập đối với sản xuất, không dính gì với sản xuất ở trong giai đoạn cuối cùng mà thôi, khi sản phẩm được trao đổi trực tiếp để tiêu dùng. Nhưng 1) không có phân công lao động, - dù đó là phân công lao động nguyên thủy hay đã là một kết quả của sự phát triển lịch sử, - thì không có trao đổi 2) trao đổi tư nhân giả định phải có nền sản xuất tư nhân, 3) cường độ trao đổi, tính chất phổ biến cũng như hình thái trao đổi, là do sự phát triển và kết cấu của sản xuất quyết định. Ví dụ, trao đổi giữa thành thị và nông thôn; trao đổi ở nông thôn, ở thành thị v.v.. Do đó, trong tất cả mọi yếu tố của nó, trao đổi hoặc giả trực tiếp bao gồm trong sản xuất, hoặc giả do sản xuất quyết định.

Kết quả mà chúng ta đã đạt tới không phải là ở chỗ sản xuất, phân phối, trao đổi và tiêu dùng là đồng nhất, mà ở chỗ tất cả chúng là những bộ phận của một tổng thể, là những sự phân biệt trong nội bộ một khối thống nhất. Sản xuất chi phối bản thân nó trong toàn bộ sự đối lập của những tính quy định của nó, cũng như chi phối các yếu tố khác. Chính là bắt đầu từ sản xuất mà quá trình lặp lại không ngừng. Trao đổi và tiêu dùng không thể có ý nghĩa chi phối - điều đó tự nó đã rõ rồi. Phân phối với tư cách là phân phối sản phẩm thì cũng vậy. Còn với tư cách là phân phối

các nhân tố sản xuất, thì bản thân nó là một yếu tố của sản xuất. Như vậy là một nền sản xuất nhất định quyết định một chế độ tiêu dùng, một chế độ phân phối, một chế độ trao đổi nhất định, đồng thời cũng quy định *các quan hệ nhất định giữa các yếu tố khác nhau đó đối với nhau*. Dĩ nhiên là về phía nó, *dưới hình thái phiên diện của nó*, cả sản xuất cũng do các yếu tố khác quyết định. Ví dụ, khi thị trường, nghĩa là lĩnh vực trao đổi, mở rộng ra thì quy mô sản xuất cũng tăng lên và sự phân công trong sản xuất cũng biến đổi theo, ví dụ như khi có sự tích tụ tư bản, hay khi dân số ở thành thị và ở nông thôn được phân bố khác đi, v.v.. Cuối cùng, những nhu cầu của tiêu dùng quyết định sản xuất. Giữa các yếu tố khác nhau có sự tác động lẫn nhau. Điều đó thường xảy ra trong bất kỳ một tổng thể hữu cơ nào.

3. PHƯƠNG PHÁP CỦA KHOA KINH TẾ CHÍNH TRỊ

Khi chúng ta xét một nước nào đó về mặt kinh tế chính trị, thì chúng ta thường bắt đầu bằng việc nghiên cứu dân số của nước đó, sự phân chia dân số thành các giai cấp, sự phân bố dân số giữa thành thị, nông thôn và biển, giữa các ngành sản xuất khác nhau, xuất khẩu và nhập khẩu, sản xuất và tiêu dùng hàng năm, giá cả hàng hoá, v.v..

Hình như đó là phương pháp đúng đắn khi bắt đầu từ những cái hiện thực cụ thể, từ những tiền đề thực tế, do đó - ví dụ như trong khoa kinh tế chính trị chẳng hạn - bắt đầu từ dân số, vì đó là cơ sở và chủ thể của toàn bộ quá trình sản xuất xã hội. Tuy nhiên, khi xét kỹ hơn thì người ta sẽ thấy đó là một sai lầm. Dân số là một điều trừu tượng, nếu như người ta không xét tới các giai cấp cấu thành dân số chẳng hạn. Các giai cấp lại là một từ trống rỗng, nếu người ta không hiểu các yếu tố làm cơ sở cho các giai cấp, ví dụ như lao động làm thuê, tư bản, v.v.. Nhưng cái này lại giả định phải có trao đổi, phân công lao động, giá cả v.v.. Tư bản, chẳng hạn sẽ chẳng là cái gì cả nếu như không có lao động làm thuê, không có giá trị, tiền tệ, giá cả, v.v.. Vậy, nếu như người ta bắt đầu từ dân số, thì người ta sẽ có một biểu

tượng hỗn độn về tổng thể, và chỉ thông qua những tính quy định chính xác hơn, bằng sự phân tích, người ta mới đi tới những khái niệm ngày càng giản đơn hơn: từ cái cụ thể, cho sẵn trong biểu tượng, người ta đi tới những trừu tượng ngày càng nghèo nàn hơn, cho tới khi đi đến những tính quy định giản đơn nhất. Từ đó sẽ phải đi ngược lại con đường ấy cho tới khi, cuối cùng, người ta quay trở lại vấn đề dân số, nhưng lần này dân số sẽ không phải là một biểu tượng hỗn độn về một tổng thể, mà là một tổng thể phong phú với rất nhiều tính quy định và quan hệ. Con đường thứ nhất là con đường lịch sử mà khoa kinh tế chính trị đã đi qua trong thời kỳ nó mới xuất hiện. Ví dụ, các nhà kinh tế học thế kỷ XVII bao giờ cũng bắt đầu từ một tổng thể sinh động như: dân số, dân tộc, quốc gia, nhiều quốc gia v.v.; nhưng bao giờ họ cũng kết thúc với việc, thông qua sự phân tích, rút ra một số quan hệ chung trừu tượng có ý nghĩa quyết định như phân công lao động, tiền tệ, giá trị, v.v.. Một khi những yếu tố cá biệt đó đã được cố định lại ít nhiều và được trừu tượng hoá, thì các hệ thống (lý luận) kinh tế đã bắt đầu nảy sinh, chúng đi từ cái giản đơn nhất - như lao động, phân công lao động, nhu cầu, giá trị trao đổi - để đi lên tới quốc gia, sự trao đổi giữa các dân tộc và thị trường thế giới. Phương pháp sau rõ ràng là phương pháp đúng đắn về mặt khoa học. Cái cụ thể sơ dĩ là cụ thể vì nó là sự tổng hợp của nhiều tính quy định, do đó, nó là sự thống nhất của cái đa dạng. Cho nên trong tư duy, nó biểu hiện ra là một quá trình tổng hợp, là kết quả, chứ không phải là điểm xuất phát mặc dù nó là điểm xuất phát thực sự và do đó cũng là điểm xuất phát của trực quan và của biểu tượng. Trên con đường thứ nhất, toàn bộ biểu tượng biến một cách tinh vi thành một tính quy định trừu tượng; trên con đường thứ hai, những tính quy định trừu tượng lại dẫn tới sự mô tả lại cái cụ thể bằng con đường của tư duy. Vì vậy, Hê-gen đã rơi vào ảo tưởng khi cho rằng hiện thực là kết quả của tư duy tổng hợp lại trong bản thân nó, tự đi sâu vào bản thân, từ bản thân nó phát triển lên, trong khi đó thì phương pháp đi từ trừu tượng đến cụ thể chỉ là cái phương pháp nhờ nó mà tư duy quán triệt được cái cụ thể và tái tạo ra nó với

tư cách là một cái cụ thể trong tư duy. Nhưng đó quyết không phải là quá trình phát sinh ra bản thân cái cụ thể. Một phạm trù kinh tế giản đơn nhất, ví dụ như giá trị trao đổi chẳng hạn, giả định phải có tiền đề là dân số - một dân số sản xuất trong những điều kiện nhất định, - cũng như giả định phải có những hình thức gia đình, công xã hay quốc gia, v.v. nhất định. Phạm trù đó không thể tồn tại bằng cách nào khác ngoài cách tồn tại dưới hình thái một quan hệ trừu tượng, phiên diện của một tổng thể cụ thể sinh động đã cho sẵn. Ngược lại, với tư cách là một phạm trù, giá trị trao đổi tồn tại từ thời thái cổ. Vì vậy, đối với ý thức (mà đối với ý thức triết học chính là như vậy), đối với nó, tư duy đang nhận thức là con người hiện thực và vì vậy, chỉ có thể giới đã được nhận thức mới là thế giới hiện thực, - đối với nó thì sự vận động của các phạm trù biểu hiện thành hành vi sản xuất hiện thực (mặc dầu, đáng tiếc thay, hành vi sản xuất này lại chịu một sự thúc đẩy ở bên ngoài), mà kết quả là thế giới; và điều này - ở đây cũng lại là một sự lặp lại - chỉ đúng trong chừng mực mà tổng thể cụ thể - với tính cách là tổng thể được tư duy, với tính cách là cái cụ thể được tư duy - thực sự là một sản phẩm của tư duy, của nhận thức; nhưng đó quyết không phải là sản phẩm của khái niệm đang tư duy và tự phát triển ở bên ngoài trực quan và biểu tượng, mà là sự chế biến trực quan và biểu tượng thành khái niệm. Cái tổng thể, như nó đã thể hiện trong trí óc với tư cách là một tổng thể được tư duy, là một sản phẩm của bộ óc đang tư duy, bộ óc này quán triệt được thế giới theo phương thức vốn có riêng của nó, theo một phương thức khác với phương thức quán triệt thế giới này của nghệ thuật, tôn giáo, tinh thần thực tiễn. Cũng như trước kia, chủ thể hiện thực vẫn ở bên ngoài trí óc, tồn tại như là một cái gì độc lập, chừng nào trí óc còn đối đãi với nó một cách đơn thuần tư biện, đơn thuần lý thuyết. Vì vậy, ngay cả trong phương pháp lý luận, chủ thể, xã hội phải thường xuyên có mặt trong quan niệm của chúng ta như là một tiền đề.

Nhưng liệu các phạm trù giản đơn này có một sự tồn tại độc lập, có tính cách lịch sử hay tự nhiên, trước khi có những phạm trù cụ thể hơn, hay không? *La dépend*^{1*}. Ví dụ Hê-ghe đã có lý khi ông bắt đầu việc nghiên cứu triết học pháp quyền từ chế độ chiếm hữu, coi đó là một quan hệ pháp lý giản đơn nhất của chủ thể. Nhưng không có một sự chiếm hữu nào trước khi có gia đình, hay có các quan hệ thống trị và phục tùng, là những quan hệ cụ thể hơn nhiều. Ngược lại, sẽ có thể nói một cách đúng đắn, rằng có những gia đình, bộ tộc chỉ mới *chiếm hữu* chứ chưa có *sở hữu*. Như vậy là một phạm trù giản đơn hơn thể hiện ra là mối quan hệ của những cộng đồng gia tộc hay bộ tộc đầu tiên đối với sở hữu. Trong một xã hội phát triển hơn, phạm trù này thể hiện ra như là một mối quan hệ giản đơn hơn của một cơ cấu phát triển. Nhưng thực thể cụ thể, mà quan hệ của nó là sự chiếm hữu bao giờ cũng được giả định. Người ta có thể hình dung một người đã man đơn độc chiếm hữu. Nhưng khi đó sự chiếm hữu không phải là một quan hệ pháp lý. Nói rằng trong lịch sử, sự chiếm hữu phát triển thành gia tộc là không đúng. Ngược lại, sự chiếm hữu bao giờ cũng giả định sự tồn tại của cái "phạm trù pháp lý cụ thể hơn" này. Tuy nhiên, ở đây có một phần chân lý là: các phạm trù giản đơn là những biểu hiện của các quan hệ trong đó cái cụ thể kém phát triển hơn có thể được thực hiện trước khi mối quan hệ hay liên hệ phức tạp hơn được xác lập, mối liên hệ này biểu hiện trên ý niệm trong một phạm trù cụ thể hơn; trong khi đó cái cụ thể phát triển hơn lại duy trì chính cái phạm trù này như là một quan hệ phụ thuộc. Tiền đề có thể tồn tại và trong lịch sử đã tồn tại trước khi có tư bản, trước khi có ngân hàng, trước khi có lao động làm thuê, v.v.. Cho nên, đứng về mặt này, người ta có thể nói rằng một phạm trù giản đơn hơn có thể biểu hiện những quan hệ thống trị của một tổng thể kém phát triển hơn, hay biểu hiện những quan hệ phụ thuộc của một tổng thể phát triển hơn, tức là biểu hiện những quan hệ đã tồn tại trong lịch sử trước khi cái tổng thể phát triển lên theo cái chiều

1*- Điều đó là tùy

hướng được biểu hiện trong một phạm trù cụ thể hơn. Về mặt này, tiến trình của tư duy trừu tượng đi từ cái giản đơn nhất lên cái phức tạp là phù hợp với quá trình lịch sử hiện thực.

Mặt khác, có thể nói rằng, có những hình thái xã hội rất phát triển nhưng về lịch sử vẫn còn kém trưởng thành, trong đó người ta tìm thấy những hình thái kinh tế cao nhất, ví dụ như sự hiệp tác, sự phân công lao động phát triển, v.v. nhưng lại không có một thứ tiền tệ nào, như ở Pê-ru chẳng hạn. Trong các công xã Xla-vơ cũng vậy, tiền tệ và sự trao đổi làm nảy sinh ra nó, thì hoặc giả hoàn toàn chưa xuất hiện, hoặc giả chỉ đóng một vai trò rất nhỏ ở trong nội bộ mỗi công xã cá biệt, nhưng lại xuất hiện ở những ranh giới của các công xã, trong những cuộc giao dịch với những công xã khác; nói chung sẽ là sai lầm nếu coi sự trao đổi ở trong cùng một công xã là nhân tố cấu thành đầu tiên. Ngược lại, lúc ban đầu, sự trao đổi thường hay xuất hiện giữa các công xã khác nhau, hơn là giữa các thành viên trong cùng một công xã. Tiếp nữa, mặc dù tiền tệ đã bắt đầu đóng một vai trò nhất định rất sớm và có tính chất nhiều mặt, nhưng ở thời cổ đại thì tiền tệ chỉ thể hiện ra là nhân tố chủ đạo ở những dân tộc phát triển về một mặt, của những dân tộc thương mại. Và ngay ở thời kỳ cổ đại phát triển nhất, ở người Hy Lạp và người La Mã, sự phát triển đầy đủ của tiền, - tức là cái cấu thành tiền đề cho xã hội tư sản hiện đại - cũng chỉ thấy trong thời kỳ những dân tộc này tan rã mà thôi. Như vậy, cái phạm trù hoàn toàn giản đơn này chỉ xuất hiện trong lịch sử với tất cả hiệu lực của nó trong những trạng thái phát triển nhất của xã hội. Nó quyết không xâm nhập vào tất cả mọi quan hệ kinh tế. Ví dụ, trong thời kỳ thịnh đạt nhất của Đế chế La Mã, những thứ thuế mà đảm phụ bằng hiện vật vẫn là nền tảng. Ở đó, nói cho đúng ra, nền kinh tế tiền tệ chỉ phát triển hoàn toàn ở trong quân đội mà thôi, nó chưa bao giờ bao trùm lên toàn bộ quá trình lao động.

Vậy là, mặc dù trong lịch sử, phạm trù giản đơn hơn có thể có trước một phạm trù cụ thể hơn, nhưng trong sự phát triển đầy đủ của nó về bề sâu và bề rộng, nó lại có thể thuộc về một hình

thái xã hội phức tạp hơn, trong khi đó thì một phạm trù cụ thể hơn lại đã được phát triển đầy đủ hơn trong một hình thái xã hội kém phát triển hơn.

Lao động hình như là một phạm trù hoàn toàn giản đơn. Quan niệm lao động trong tính phổ biến này, - với tư cách là lao động nói chung, - cũng đã có từ thời cổ. Tuy nhiên, xét về mặt kinh tế dưới hình thái giản đơn đó, thì "lao động" là một phạm trù cũng hiện đại như các quan hệ đã sản sinh ra cái trừu tượng giản đơn đó. Hệ thống lý luận tiền đúc, chẳng hạn, xác định của cải vẫn còn một cách hoàn toàn khách quan coi đó là một vật tồn tại ở trong tiền tệ (als Sache au ßer sich im Geld). So sánh với quan điểm này thì hệ thống trọng công hay trọng thương đã là một tiến bộ lớn, khi nó chuyển nguồn của cải từ một vật sang hoạt động chủ quan sang lao động thương nghiệp và lao động công nghiệp, nhưng bản thân hoạt động chủ quan này vẫn còn được hiểu một cách hạn chế, như là một hoạt động sản xuất ra tiền. Đối lập với hệ thống đó là hệ thống trọng nông, nó coi một hình thái lao động nhất định - lao động nông nghiệp - là lao động sáng tạo ra của cải, và coi bản thân vật phẩm - không phải dưới cái vỏ tiền tệ nữa, mà là dưới hình thức sản phẩm nói chung - là kết quả chung của lao động. Nhưng theo tính chất hạn chế của hoạt động sáng tạo ra nó, sản phẩm này vẫn còn được coi là một sản phẩm do tự nhiên quyết định, tức là sản phẩm của nông nghiệp, sản phẩm *par excellence*^{1*} của ruộng đất.

Thành tựu to lớn của A-đam Xmit là ông đã gạt bỏ tất cả mọi tính xác định của hoạt động sáng tạo ra của cải; ở ông ta, đó chỉ là lao động mà thôi, không phải lao động công nghiệp, cũng không phải lao động thương nghiệp hay lao động nông nghiệp, mà là cả cái nọ lẫn cái kia. Cùng với tính phổ biến trừu tượng của hoạt động sáng tạo ra của cải, người ta cũng thừa nhận tính phổ biến của vật phẩm được quy định là của cải; đó là sản phẩm nói chung, hay lại là lao động nói chung, nhưng đã là lao động quá khứ, lao

1*- chính cống

động đã vật hoá. Bản thân A-đam Xmit thỉnh thoảng cũng còn quay trở lại hệ thống trọng nông, điều đó chỉ rõ rằng bước chuyển đó khó khăn và to lớn đến như thế nào. Còn đây, dường như có thể cho rằng, bằng cách đó, người ta mới chỉ tìm được biểu hiện trừu tượng cho mối liên hệ giản đơn nhất và lâu đời nhất, trong đó con người thể hiện ra là những người sản xuất, dưới bất kỳ hình thái xã hội nào. Điều đó đúng về một mặt mà xét là đúng, nhưng đúng về mặt khác thì lại là không đúng.

Thái độ không phân biệt đối với một loại lao động nhất định giả định phải có một tổng thể rất phát triển của các loại lao động hiện thực, trong đó không còn có loại nào ở vào địa vị chi phối nữa. Như vậy, những sự trừu tượng chung nhất nói chung chỉ xuất hiện trong điều kiện của một sự phát triển cụ thể phong phú, trong đó cũng một cái ấy thể hiện ra là chung cho nhiều yếu tố hay cho tất cả mọi yếu tố. Khi đó người ta không còn có thể chỉ nghĩ đến cái ấy dưới một hình thái đặc thù nữa. Mặt khác, sự trừu tượng hoá ấy đối với lao động nói chung không phải chỉ là kết quả tinh thần của một tổng thể cụ thể của các loại lao động. Thái độ không phân biệt đối với một loại lao động nhất định phù hợp với một hình thái xã hội trong đó các cá nhân chuyển một cách dễ dàng từ lao động này sang lao động khác và trong đó một loại lao động nhất định nào đó đối với họ chỉ là ngẫu nhiên, cho nên không cần phải phân biệt. Ở đây, không phải chỉ ở trong phạm trù mà ngay cả ở trong thực tế, lao động đã trở thành một phương tiện để tạo ra của cải nói chung và đã mất mối liên hệ đặc biệt của nó với một cá nhân nhất định. Trạng thái này đã đạt tới đỉnh phát triển cao nhất của nó trong cái hình thái hiện đại nhất trong số những hình thái hiện có của xã hội tư sản ở Hợp chúng quốc. Như vậy, chỉ ở đây, sự trừu tượng hoá phạm trù "lao động", "lao động nói chung", lao động sans phrase^{1*}, cái khởi điểm của khoa kinh tế hiện đại, trên thực tiễn mới trở thành chân lý. Thế nhưng, sự trừu tượng giản đơn nhất mà khoa kinh tế chính

1*- không thôi, không thêm gì nữa

trị hiện đại đặt lên hàng đầu, sự trừu tượng biểu thị một quan hệ cổ xưa nhất và có giá trị đối với tất cả mọi hình thái xã hội, - chỉ dưới cái hình thái trừu tượng đó nó mới thể hiện ra trên thực tiễn là chân lý, với tính cách là một phạm trù của xã hội hiện đại nhất. Có người có thể nói rằng, cái Hợp chúng quốc là một sản phẩm lịch sử - tức là thái độ không phân biệt đối với một hình thái lao động nhất định - thì lại thể hiện ra đối với người Nga chẳng hạn, như là một năng khiếu bẩm sinh. Nhưng trước hết, có một sự khác nhau to lớn trong việc liệu những người đã man có thể thích ứng với mọi việc hay không, hay là bản thân những người văn minh tự mình thích ứng với tất cả mọi việc. Và sau đó, đối với người Nga, trên thực tiễn, tương ứng với thái độ không phân biệt ấy đối với một loại lao động nhất định nào đó là sự lệ thuộc cổ truyền của họ vào một loại lao động hoàn toàn xác định, một loại lao động và chỉ có những ảnh hưởng bên ngoài mới có thể bứt họ ra khỏi được.

Ví dụ này về lao động chứng minh một cách hùng hồn rằng, ngay những phạm trù trừu tượng nhất, - mặc dù chúng có giá trị đối với tất cả mọi thời đại chính nhờ cái tính chất trừu tượng của chúng, - dưới bản thân cái tính xác định của sự trừu tượng đó, cũng là sản phẩm của các điều kiện lịch sử, và chỉ đối với những điều kiện này và trong phạm vi những điều kiện này chúng mới có được một giá trị đầy đủ.

Xã hội tư sản là một tổ chức sản xuất phát triển nhất và đại diện nhất trong lịch sử. Vì vậy, các phạm trù biểu thị những quan hệ của xã hội đó, kết cấu của xã hội đó, đồng thời cũng cho ta cái khả năng hiểu thấu được kết cấu và các quan hệ sản xuất của tất cả các hình thái xã hội đã diệt vong; xã hội tư sản đã được xây dựng nên trên những tàn dư và những yếu tố của những hình thái xã hội ấy, một phần kéo theo sau nó những tàn dư còn chưa khắc phục được, một phần thì phát triển đầy đủ tác dụng của những cái trước kia chỉ tồn tại dưới dạng một dấu hiệu báo trước mà thôi, v.v.. Giải phẫu học về con người là cái chìa khoá cho giải phẫu học về con khỉ. Ngược lại, người ta chỉ có thể hiểu

được những dấu hiệu báo trước cái cao hơn trong các loại động vật cấp thấp khi người ta đã biết được bản thân cái cao hơn đó. Như vậy, nền kinh tế tư sản cho ta cái chìa khoá để hiểu nền kinh tế cổ đại, v.v.. Nhưng điều đó tuyệt nhiên không phải theo ý nghĩa mà các nhà kinh tế học đã hiểu, những người này xoá nhoà tất cả những sự khác nhau về mặt lịch sử và coi tất cả các hình thái xã hội đều là những hình thái tư sản. Người ta có thể hiểu được tô hiện vật, thuế thập phân, v.v., khi người ta đã biết địa tô, nhưng người ta không thể coi những cái đó là một.

Tiếp nữa, vì bản thân xã hội tư sản chỉ là một hình thái đối kháng của sự phát triển, cho nên những quan hệ của những hình thái xã hội sớm hơn chỉ tồn tại trong xã hội ấy dưới một dạng hoàn toàn cần cỗi, hay còn dưới dạng biếm hoạ nữa, ví dụ như chế độ sở hữu công xã. Vì vậy, nếu đúng là các phạm trù của nền kinh tế tư sản bao hàm một chân lý nào đấy đối với tất cả mọi hình thái xã hội khác, thì điều đó cũng chỉ có thể chấp nhận cum grano salis^{1*} mà thôi. Những phạm trù kinh tế tư sản ấy có thể chứa đựng những hình thái đó dưới những dạng có thể là phát triển, có thể là cần cỗi, có thể là biếm hoạ, v.v., nhưng đầu sao thì cũng dưới một dạng đã biến đổi một cách căn bản. Cái gọi là sự phát triển lịch sử, nói chung, dựa trên tình trạng là hình thái cuối cùng coi các hình thái đã qua là những giai đoạn để đi tới bản thân nó, và bao giờ nó cũng quan niệm các hình thái xã hội ấy một cách phiến diện, vì nó rất ít khi có khả năng tự phê phán và chỉ tự phê phán trong những điều kiện nhất định hoàn toàn xác định; đương nhiên ở đây không nói tới những thời đại lịch sử tự chúng đã là những thời kỳ suy vong. Đạo Cơ Đốc chỉ có thể giúp cho việc hiểu rõ một cách khách quan các thần thoại trước đây khi sự tự phê phán của nó đã được chuẩn bị tới một mức nào đó, có thể nói là *δυναμει*. Khoa kinh tế chính trị tư sản cũng vậy, nó cũng chỉ đi tới chỗ nhận thức được các xã hội phong kiến, cổ đại, phương đông, khi sự tự phê phán của xã hội tư sản đã bắt

1*- Nguyên văn: với một dấm muối, theo nghĩa bóng: một cách rất hạn chế

đầu. Chừng nào mà khoa kinh tế chính trị tư sản không rơi vào câu chuyện thần thoại để hoàn toàn coi bản thân nó và quá khứ là một, thì chừng đó sự phê phán của khoa kinh tế chính trị tư sản đối với xã hội trước đây - cụ thể là đối với xã hội phong kiến mà nó còn đang phải trực tiếp đấu tranh - cũng giống như sự phê phán của đạo Cơ Đốc đối với Tà giáo, hoặc cũng giống như sự phê phán của đạo Tin lành đối với đạo Thiên chúa.

Nói chung, trong bất kỳ một môn khoa học lịch sử, xã hội nào cũng vậy, khi nghiên cứu tiến trình của các phạm trù kinh tế cần phải thường xuyên thấy rằng chủ thể, - ở đây là xã hội tư sản hiện đại, - đã cho sẵn trong thực tế cũng như trong đầu óc, và vì vậy các phạm trù biểu thị những hình thái tồn tại và những điều kiện tồn tại, thường chỉ là những mặt cá biệt của cái xã hội xác định đó, của cái chủ thể đó, và vì thế, *đối với khoa học cũng vậy*, xã hội đó quyết không phải chỉ xuất hiện từ khi người ta lần đầu tiên nói đến cái xã hội đó *với tính cách là một xã hội như thế*. Cần phải nắm vững điều đó, bởi vì nó cung cấp ngay những lý do có tính chất quyết định để phân chia đối tượng. Ví dụ, không có gì tự nhiên hơn là bắt đầu nghiên cứu từ địa tô, từ chế độ sở hữu ruộng đất, bởi vì nó gắn liền với ruộng đất, là nguồn của mọi sản xuất và của mọi tồn tại, và với nông nghiệp là hình thái sản xuất đầu tiên của mọi xã hội đã được hình thành một cách ít nhiều vững chắc. Nhưng, không có gì sai lầm hơn thế. Mỗi một hình thái xã hội đều có một nền sản xuất nhất định, nền sản xuất này quy định vị trí và ảnh hưởng của tất cả các ngành sản xuất khác và vì vậy, các quan hệ của nền sản xuất đó cũng quy định vị trí và ảnh hưởng của tất cả các ngành sản xuất khác. Đó là cái ánh sáng chung làm cho tất cả mọi màu sắc khác biến mất và làm thay đổi những đặc điểm riêng của chúng. Đó là một thứ ê-te đặc biệt xác định tỷ trọng của tất cả mọi cái gì tồn tại ở trong đó. Ví dụ, các dân tộc chăn nuôi (những dân tộc chỉ làm nghề săn bắn và đánh cá thì nằm ở ngoài cái điểm mở đầu sự phát triển thực sự). Ở các dân tộc này thỉnh thoảng người ta thấy có một hình thái nông nghiệp nhất định. Điều đó quyết định chế

độ sở hữu ruộng đất. Đó là một chế độ sở hữu tập thể và nó duy trì hình thái này với một mức độ nhiều hay ít là tùy theo các dân tộc này duy trì nhiều hay ít những truyền thống của họ; ví dụ chế độ sở hữu công xã của người Xla-vơ. Ở các dân tộc nông nghiệp định cư, sự định cư này đã là một bước tiến quan trọng, - trong đó nông nghiệp đóng vai trò chi phối, như trong các xã hội cổ đại và phong kiến, thì bản thân công nghiệp, tổ chức của nó, và các hình thái sở hữu tương ứng với nó, đều ít nhiều mang tính chất của chế độ chiếm hữu ruộng đất; hoặc là công nghiệp hoàn toàn lệ thuộc vào nông nghiệp, như ở người La Mã thời cổ, hoặc giả là như ở thời Trung cổ, công nghiệp đem áp dụng những nguyên tắc tổ chức nông nghiệp vào thành thị và vào các mối quan hệ của thành thị. Ở thời Trung cổ, ngay cả tư bản, - trong chừng mực nó không phải chỉ thuần túy là tư bản tiền tệ, - cũng có cái tính chất của chế độ chiếm hữu ruộng đất dưới hình thái công cụ thủ công truyền thống, v.v. và v.v..

Trong xã hội tư sản thì ngược lại. Nông nghiệp ngày càng trở thành một ngành đơn thuần của công nghiệp và nó hoàn toàn chịu sự chi phối của tư bản. Địa tô cũng như vậy. Trong tất cả các hình thái xã hội mà chế độ sở hữu ruộng đất thống trị, thì các quan hệ tự nhiên vẫn còn chiếm ưu thế. Còn trong tất cả mọi xã hội mà tư bản thống trị, thì các yếu tố xã hội được tạo ra trong quá trình lịch sử, chiếm ưu thế. Người ta sẽ không thể hiểu được địa tô nếu không có tư bản, nhưng người ta có thể hiểu được tư bản mà không cần có địa tô. Tư bản là lực lượng kinh tế chi phối tất cả trong xã hội tư sản. Nó phải là điểm xuất phát và là điểm tận cùng, và nó phải được lý giải trước chế độ sở hữu ruộng đất. Sau khi đã nghiên cứu riêng biệt tư bản và địa tô, thì phải nghiên cứu mối quan hệ lẫn nhau của chúng.

Như vậy, sắp xếp các phạm trù kinh tế theo cái trình tự mà chúng đóng vai trò quyết định trong lịch sử, là một điều không thể được và sai lầm. Ngược lại, cái trình tự của các phạm trù được quyết định bởi mối quan hệ qua lại của chúng ở trong xã hội tư sản hiện đại, hơn nữa mối quan hệ đó chính là ngược lại với cái

trình tự dường như tự nhiên của chúng hay dường như phù hợp với cái trình tự của sự phát triển lịch sử. Vấn đề không phải là ở vị trí mà các quan hệ kinh tế chiếm giữ trong các hình thái xã hội khác nhau và nối tiếp nhau. Nó càng không phải là ở trình tự nối tiếp của chúng "trên ý niệm" (*Pru-đông*), trong cái quan niệm đảo ngược đó về quá trình lịch sử. Vấn đề là sự phân chia các phạm trù đó trong nội bộ xã hội tư sản hiện đại.

Hình thái thuần túy (tính quy định trừu tượng) trong đó các dân tộc thương nghiệp, - người Phi-ni-ki-a, người Các-ta-giơ, - xuất hiện trong thế giới cổ đại, chính là do địa vị chi phối của các dân tộc nông nghiệp quyết định. Tư bản, với tư cách là tư bản thương nghiệp hay tư bản tiền tệ, xuất hiện đúng trong sự trừu tượng đó ở nơi nào mà tư bản chưa phải là yếu tố chi phối của xã hội. Người xứ Lô-m-bác-di, người Do Thái ở vào vị trí như thế đối với các xã hội kinh doanh nông nghiệp thời Trung cổ.

Đây là một ví dụ khác về vị trí khác nhau của cũng những phạm trù ấy ở những giai đoạn khác nhau của sự phát triển xã hội: một trong những hình thái gần đây nhất của xã hội tư sản, các *joint-stock companies*^{1*}, cũng đã xuất hiện ở thời kỳ đầu của xã hội này dưới hình thức các đại công ty thương mại đặc quyền và giữ một vị trí độc quyền.

Bản thân khái niệm của cải quốc dân ở các nhà kinh tế học thế kỷ XVII, - quan niệm này một phần cũng còn được duy trì ở các nhà kinh tế học thế kỷ XVIII, - đã lộ ra dưới hình thức là của cải chỉ được tạo ra cho quốc gia, và sức mạnh của quốc gia tùy thuộc vào của cải đó. Đó là hình thức còn có tính chất giả dối - vô ý thức, trong đó bản thân của cải và sự sản xuất ra của cải được tuyên bố là mục đích của các quốc gia hiện đại, còn các quốc gia này thì chỉ được coi là phương tiện để sản xuất ra của cải.

Sự phân chia đối tượng rõ ràng phải là như sau:

1) Những tính quy định trừu tượng chung, những tính quy định này vì vậy mà thích hợp nhiều hay ít đối với tất cả mọi hình thái

1* - công ty cổ phần

xã hội, nhưng theo ý nghĩa đã trình bày ở trên. 2) Những phạm trù cấu thành cái kết cấu nội tại của xã hội tư sản và làm cơ sở cho các giai cấp cơ bản. Tư bản, lao động làm thuê, sở hữu ruộng đất. Quan hệ giữa những cái đó với nhau. Thành thị và nông thôn. Ba giai cấp lớn của xã hội. Trao đổi giữa các giai cấp này. Lưu thông. Tồn dư (tư nhân). 3) Sự biểu hiện tập trung của xã hội tư sản dưới hình thái quốc gia. Việc xem xét nó trong mối quan hệ với bản thân nó. Các giai cấp "không sản xuất". Thuế. Công trái. Tồn dư của nhà nước. Dân số. Các thuộc địa. Di dân. 4) Những điều kiện quốc tế của sản xuất. Phân công quốc tế. Trao đổi quốc tế. Xuất khẩu và nhập khẩu. Thị giá hối đoái. 5) Thị trường thế giới và các cuộc khủng hoảng.

4. SẢN XUẤT TƯ LIỆU SẢN XUẤT VÀ QUAN HỆ SẢN XUẤT. QUAN HỆ SẢN XUẤT VÀ QUAN HỆ GIAO DỊCH. CÁC HÌNH THỨC NHÀ NƯỚC VÀ NHỮNG HÌNH THÁI Ý THỨC TRONG MỐI QUAN HỆ CỦA CHÚNG ĐỐI VỚI QUAN HỆ SẢN XUẤT VÀ QUAN HỆ GIAO DỊCH. QUAN HỆ PHÁP LÝ. QUAN HỆ GIA ĐÌNH.

Những chú thích về các điểm cần phải nêu ra ở đây và không được quên:

1) *Chiến tranh* đã đạt tới những hình thái phát triển sớm hơn là hoà bình; cách thức làm thế nào mà một số quan hệ kinh tế nhất định như lao động làm thuê, việc sử dụng máy móc, v.v. đã được phát triển ở trong chiến tranh và trong quân đội sớm hơn là ở trong nội bộ xã hội công dân. Quan hệ giữa sức sản xuất và các quan hệ giao dịch cũng đặc biệt rõ rệt trong quân đội.

2) *Mối quan hệ giữa cách viết sử duy tâm trước đây và cách viết sử hiện thực. Đặc biệt là cái gọi là lịch sử văn minh*, nhưng thực ra đều là lịch sử của các tôn giáo và của các quốc gia. (Tiền đây, cũng có thể nói một cái gì đó tới các phương pháp trình bày lịch sử khác nhau từ trước tới nay. Cái gọi là phương pháp khách quan. Chủ quan (luân lý, v.v.). Triết lý).

3) Các quan hệ sản xuất *cấp hai và cấp ba* nói chung là các quan hệ sản xuất *phái sinh, từ chỗ khác chuyển tới*, chứ không phải là có trước. Vai trò mà các quan hệ quốc tế đóng ở đây.

4) *Những lời chê trách đối với chủ nghĩa duy vật, của loại quan điểm này; thái độ đối với chủ nghĩa duy vật tự nhiên.*

5) *Biện chứng của các khái niệm sức sản xuất (tư liệu sản xuất) và quan hệ sản xuất*, biện chứng mà giới hạn cần được xác định và nó không thủ tiêu sự khác nhau hiện thực.

6) *Quan hệ không giống nhau giữa sự phát triển của sản xuất vật chất và sự phát triển của sáng tác nghệ thuật chẳng hạn.* Nói chung không nên hiểu khái niệm tiến bộ dưới hình thức trừu tượng thông thường. Trong những vấn đề nghệ thuật hiện đại, v.v., sự mất cân đối này còn chưa thật quan trọng và chưa thật khó hiểu bằng sự mất cân đối trong lĩnh vực bản thân các quan hệ xã hội thực tiễn. Ví dụ, so sánh tình hình học vấn ở nước Mỹ và ở châu Âu. Nhưng khó khăn thực sự cần phải phân tích ở đây là: như thế nào mà các quan hệ sản xuất, với tư cách là các quan hệ pháp quyền, lại phát triển không đều nhau. Do đó, ví dụ như mối quan hệ giữa tư pháp La Mã (điều này áp dụng ít hơn đối với hình luật và công pháp) và nền sản xuất hiện đại, chẳng hạn.

7) *Quan niệm này là kết quả của một sự phát triển tất yếu.* Nhưng tính chất chính đáng của ngẫu nhiên. Tại sao lại như vậy. (Vả lại, cả các quyền tự do nữa). (Ảnh hưởng của các phương tiện giao thông. Lịch sử thế giới không phải lúc nào cũng đã tồn tại sẵn; lịch sử với tư cách là lịch sử toàn thế giới là kết quả).

8) *Điểm xuất phát, đương nhiên, là tính quy định của tự nhiên; một cách chủ quan và một cách khách quan; bộ lạc, chủng tộc, v.v..*

Đối với nghệ thuật, người ta biết rằng những thời kỳ hưng thịnh nhất định của nó hoàn toàn không tương ứng với sự phát triển chung của xã hội, do đó cũng không tương ứng với sự phát triển của cơ sở vật chất của xã hội, cơ sở này dường như cấu thành cái xương sống của tổ chức xã hội. Ví dụ, so sánh người

Hy Lạp, hay cả Séc-xpia nữa, với các dân tộc hiện đại. Đối với một số hình thức nghệ thuật, ví như thể anh hùng ca, thậm chí người ta lại còn thừa nhận rằng: những hình thức đó không bao giờ có thể được sáng tạo ra dưới cái hình thức cổ điển lừng lẫy một thời trong lịch sử thế giới, một khi sáng tác nghệ thuật đã bắt đầu với tư cách là sáng tác nghệ thuật; như vậy, người ta thừa nhận rằng trong bản thân lĩnh vực nghệ thuật, một số hình thức nghệ thuật quan trọng chỉ có thể xuất hiện ở giai đoạn thấp của sự phát triển của nghệ thuật. Nếu điều đó diễn ra ở trong giới hạn của nghệ thuật, trong mối quan hệ giữa các loại nghệ thuật khác nhau, thì càng không lấy gì làm lạ khi điều đó cũng diễn ra trong mối quan hệ giữa toàn bộ lĩnh vực nghệ thuật với toàn bộ sự phát triển của xã hội. Khó khăn chỉ là ở chỗ đưa ra được một công thức chung về các mâu thuẫn đó. Chỉ cần xác định tính chất đặc thù của các mâu thuẫn đó là có thể giải thích được những mâu thuẫn đó.

Ví dụ, chúng ta hãy lấy mối quan hệ giữa nghệ thuật Hy Lạp, rồi sau đó hãy lấy mối quan hệ giữa Séc-xpia với thời đại chúng ta. Ai cũng biết rằng thần thoại Hy Lạp không những cấu thành kho tàng của nghệ thuật Hy Lạp, mà còn là miếng đất đã nuôi dưỡng nghệ thuật Hy Lạp nữa. Có lẽ nào cái quan điểm đối với tự nhiên và các quan hệ xã hội, cái quan điểm làm cơ sở cho trí tưởng tượng Hy Lạp, và vì vậy làm cơ sở cho nghệ thuật Hy Lạp lại có thể tồn tại khi đã có những máy dệt tự động, đường sắt, đầu máy xe lửa và điện tín? Thần Vuyn-canh còn có ý nghĩa gì bên cạnh Công ty Rô-bốt và thần Giu-pi-te - bên cạnh ống thu lôi, và thần Héc-mét bên cạnh Crédit Mobilier⁴⁵⁷. Bất cứ một câu chuyện thần thoại nào cũng đều khắc phục, khống chế và hình thành các lực lượng của tự nhiên trong tưởng tượng và nhờ trí tưởng tượng; do đó, nó sẽ biến mất khi người ta thực sự khống chế được các lực lượng này. Bên cạnh vườn hoa Prin-tinh-hau-xơ thì thần Pha-ma⁴⁵⁸ sẽ ra sao? Tiền đề của nghệ thuật Hy Lạp là thần thoại Hy Lạp, tức là tự nhiên và bản thân các hình thái xã hội đã được trí tưởng tượng của dân gian chế biến đi một cách

nghệ thuật và vô ý thức. Đó là những vật liệu của nghệ thuật Hy Lạp. Nhưng không phải bất kỳ loại thần thoại nào, nghĩa là bất kỳ công việc chế biến nào có tính chất nghệ thuật và vô ý thức đối với tự nhiên (ở đây chữ tự nhiên bao hàm tất cả mọi cái vật thể, do đó, bao gồm cả xã hội nữa). Thần thoại Ai Cập không bao giờ có thể là miếng đất hay là cái lòng của người mẹ sản sinh ra nghệ thuật Hy Lạp. Nhưng dầu sao thì cũng là một thứ thần thoại. Như vậy, quyết không phải là một sự phát triển xã hội gạt bỏ mọi quan hệ thần thoại đối với tự nhiên, mọi việc thần thoại hoá tự nhiên, do đó sự thần thoại hoá này đòi hỏi người nghệ sĩ phải có một trí tưởng tượng độc lập với thần thoại.

Mặt khác, A-si-lơ có còn tồn tại được nữa không trong thời đại thuốc súng và đạn chì? Hay là nói chung, trường ca "I-li-át" có thể tồn tại được nữa không bên cạnh bàn in, hay hơn thế nữa, bên cạnh máy in? Và những câu chuyện cổ tích, những bài ca và những năng thơ, do đó những tiền đề tất yếu của loại sử thi, đã chẳng biến đi một cách tất yếu khi chiếc bàn in xuất hiện, hay sao?

Nhưng cái khó không phải là ở chỗ hiểu được rằng nghệ thuật Hy Lạp và thể anh hùng ca gắn liền với những hình thái nhất định của sự phát triển xã hội. Điều khó hiểu là ở chỗ nghệ thuật Hy Lạp, thể anh hùng ca, vẫn tiếp tục đem lại cho ta một sự thoả mãn về thẩm mỹ, và trên một phương diện nào đó, chúng còn được dùng làm tiêu chuẩn, làm cái mẫu mực mà chúng ta không thể đạt tới được.

Một người lớn không thể trở lại thành trẻ con mà không rơi vào tính trẻ con. Nhưng lẽ nào người lớn lại không vui thích trước sự ngây thơ của trẻ con, và lẽ nào người đó lại không được mong muốn diễn lại, trên một mức độ cao hơn, cái bản chất chân chính của mình? Lẽ nào trong bản chất của trẻ con, ở mỗi thời kỳ cái bản tính của nó lại không sống lại trong cái sự thực tự nhiên của nó hay sao? Và tại sao thời niên thiếu của xã hội loài người, trong lịch sử ở nơi nào mà nó đạt tới một sự phát triển đẹp đẽ nhất, lại không được có một sức hấp dẫn mãi mãi đối với chúng ta, với tư cách là một giai đoạn không bao giờ lặp lại nữa? Có

những đứa trẻ không được giáo dục tốt và những đứa trẻ khôn sớm như người lớn. Nhiều dân tộc cổ đại thuộc về loại đó. Những người Hy Lạp là những đứa trẻ bình thường. Sức hấp dẫn của nghệ thuật Hy Lạp đối với chúng ta không mâu thuẫn với cái giai đoạn xã hội chưa phát triển đã sản sinh ra nghệ thuật đó. Ngược lại, sức hấp dẫn đó chính lại là sản phẩm của giai đoạn ấy và nó gắn liền với sự kiện là những điều kiện xã hội chưa chín muồi đã sản sinh ra nghệ thuật đó, và chỉ có trong những điều kiện đó nó mới sản sinh ra được, - những điều kiện xã hội đó đã vĩnh viễn không bao giờ có thể trở lại được nữa.

*Do C.Mác viết vào cuối tháng Tám -
giữa tháng Chín 1857*

*Công bố lần đầu tiên trên tạp chí "Neue
Zeit", t.1, các số 23 - 25, những năm
1902 - 1903*

*In theo bản thảo
Nguyên văn là tiếng Đức*

CHÚ THÍCH

- 1 Mác được mời dự lễ kỷ niệm lần thứ tư ngày thành lập tờ báo của phái Hiến chương "People's Paper" vào ngày 14 tháng Tư 1856 ở Luân Đôn với tư cách là đại biểu chính thức của phái lưu vong cách mạng. Ông đã tận dụng quyền được là người phát biểu đầu tiên để nói lên vai trò lịch sử thế giới của giai cấp vô sản. Sự có mặt của Mác tại lễ kỷ niệm báo "People's Paper" là mẫu mực của mối quan hệ giữa những người sáng lập ra chủ nghĩa cộng sản khoa học với những người theo phái Hiến chương Anh, nó thể hiện khát vọng của Mác và Ăng-ghe-nhien muốn tác động về mặt tư tưởng đến giai cấp vô sản Anh và muốn ủng hộ các lãnh tụ của phái Hiến chương phục hồi lại phong trào công nhân ở Anh trên cơ sở mới, cơ sở xã hội chủ nghĩa.

"The People's Paper" ("Báo nhân dân") là tờ báo hàng ngày của phái Hiến chương, xuất bản ở Luân Đôn từ tháng Năm 1852 do E.Giôn-xơ, một trong những lãnh tụ của phái Hiến chương cách mạng, bạn của Mác và Ăng-ghe-nhien, sáng lập. Từ tháng Mười 1852 đến tháng Chạp 1856, Mác và Ăng-ghe-nhien là cộng tác viên của tờ báo và cũng là người giúp đỡ cả trong việc biên tập báo. Ngoài những bài do Mác và Ăng-ghe-nhien viết riêng cho báo "People's Paper", những bài quan trọng của hai ông đăng trên tờ "New - York Daily Tribune" cũng được đăng lại trên báo này. Trong thời kỳ này, tờ "People's Paper" triệt để bảo vệ lợi ích của giai cấp công nhân và tuyên truyền tư tưởng chủ nghĩa xã hội. Việc Giôn-xơ xích lại gần phái cấp tiến tư sản đã khiến Mác và Ăng-ghe-nhien đình chỉ cộng tác với báo "People's Paper" và dẫn đến sự đoạn tuyệt tạm thời của hai ông với Giôn-xơ. Tháng Sáu 1858, báo chuyển sang tay bọn doanh lợi tư sản. - 9.

- 2 *Rô-bin Gút-phê-lâu* - một con yêu tinh, theo truyền thuyết dân gian Anh,

chuyên đóng vai người che chở và giúp đỡ trong các công việc của con người; một trong những nhân vật chính của vở hài kịch của Sếch-xpia "Giấc mộng đêm hè". - 11.

- 3 Năm 1793 công tước I-óc được cử làm Tổng tư lệnh quân đội Anh trong Khối liên minh chống Pháp lần thứ nhất và được cử sang Pháp theo lệnh của Chính phủ Anh để đánh chiếm Doong-kéc-cơ. Sau cuộc bao vây Doong-kéc-cơ một cách uể oải và vô hiệu quả, các quân đội của khối liên minh đã bị quân đội cách mạng Pháp đánh bại trong trận chiến đấu ở Hồng-xcốt-tơ từ ngày 6-8 tháng Chín 1793; nhờ công tước I-óc không nhàn chiến mà đã vội vã rút lui trước sự tấn công ồ ạt của quân đội Pháp nên quân đội Anh đã tránh được khỏi bị tiêu diệt hoàn toàn.

Sau khi liên minh chống Pháp lần thứ hai được thành lập năm 1799, công tước I-óc được cử đến Hà Lan (lúc đó là Cộng hoà Ba-ta-vi-a) với tư cách là Tổng tư lệnh Liên quân Anh - Nga, vì quân đoàn Anh thuộc Liên quân Anh - Nga đã đổ bộ vào Hen-đéc vào cuối tháng Tám năm đó. Đến tháng Mười, do sự chỉ huy bất tài của công tước, quân đội của khối liên minh bị quân Pháp đánh tan tành. - 13.

- 4 Ở đây Mác trích bài của Cốp-bét "Mr. Cochrane Johnstone" ("Ngài Coóc-rây-nơ Giôn-xtơn") đã đăng trên báo "Cobbett's Weekly Political Register" ngày 5 tháng Bảy 1806, t.X, số 1. Khi viết bài về công tước I-óc, Mác cũng sử dụng cả những bài viết khác của Cốp-bét.

"Cobbett's Weekly Political Register" ("Tin thời sự chính trị hàng tuần của Cốp-bét") - tờ báo hàng ngày của phái cấp tiến, xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1802 đến năm 1835. - 14.

- 5 *Hiệp định đầu hàng An-cơ-ma-rơ* được ký ngày 18 tháng Mười 1799 sau thất bại của quân đội Liên minh chống Pháp lần thứ hai ở Hà Lan do công tước I-óc chỉ huy (xem chú thích 3). Ngoài điều kiện trao trả 8000 tù binh Pháp và Hà Lan, các nước liên minh buộc phải rút quân đội của mình khỏi Hà Lan. - 14.
- 6 *Hoà ước A-đri-a-nô-pôn* được ký vào tháng Chín 1829 giữa Thổ Nhĩ Kỳ và Nga nhờ Nga giành được thắng lợi trong cuộc chiến tranh những năm 1828 - 1829. - 15.
- 7 *Coterie Phốc-xơ* (bè lũ Phốc-xơ) - tên gọi Mác dùng để gọi nhóm "cánh tả" ít người gồm bốn quý tộc thuộc đảng Vích, đứng đầu là Sác-lơ Giêm-xơ Phốc-xơ, được thành lập do kết quả của sự chia rẽ trong đảng Vích sau thắng lợi của cách mạng tư sản Pháp. Thể hiện những lợi ích của giai cấp tư sản công nghiệp Anh, những người ủng hộ Phốc-xơ đã phản đối các cuộc chiến tranh chống Gia-cô-banh và ủng hộ cuộc cải cách Nghị viện Anh. - 16.
- 8 Chế độ bán các chứng chỉ quân hàm sĩ quan xuất hiện ở Anh vào cuối thế

kỷ XVII và sau đó được nhà vua chuẩn y. Trong những năm 1719 - 1720 người ta đã áp dụng giá quy định chính thức cho quân hàm sĩ quan, và về sau giá ấy cũng có vài lần được xem xét và sửa đổi lại. Chế độ này tồn tại đến năm 1871 nhằm bảo đảm vị trí độc quyền của tầng lớp quý tộc Anh trong quân đội. - 17.

- 9 "*Những người bạn của nhà vua*", - tên gọi mà vào nửa cuối thế kỷ XVIII người ta dùng để gọi những người ủng hộ chính sách của vua Gioóc-giơ III; ông là người mưu toan tăng thêm đặc quyền đặc lợi của nhà vua, giành về mình quyền lãnh đạo chính trị, gạt đảng Vích ra khỏi việc cai trị đất nước. Để đạt mục đích ấy, nhà vua đã lợi dụng triệt để cuộc khủng hoảng trong đảng Vích, cuộc khủng hoảng đã nảy sinh do sự xung đột giữa quyền lợi của tư bản thương mại và tư bản công nghiệp với quyền lợi của bọn quả đầu địa chủ. "*Những người bạn của nhà vua*" đã nhiều lần giành được chính quyền. - 17.

- 10 Ý nói đến bài văn đả kích vô danh "A Plain Statement of the Conduct of the Ministry and the Opposition, towards His Royal Highness the Duke of York". London, 1808 ("Trình bày xác thực vấn đề hành vi của nội các và của phe đối lập đối với hoàng tử I-óc"). Luân Đôn, 1808). - 17.

- 11 "*The Morning Chronicle*" ("Tin buổi sáng") - báo hàng ngày của giai cấp tư sản Anh, xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1770 đến năm 1862, cơ quan của phái Vích, vào đầu những năm 50 là cơ quan của phái Pin, về sau là của phái Bảo thủ. - 18.

- 12 Mác trích bài của Uy-li-am Cốp-bét "Duke of York" ("Công tước I-óc") được đăng trên báo "Cobbett's Weekly Political Register" ngày 20 tháng Tám 1808, t.XIV, số 8. - 18.

- 13 *Oai-tơ-hôn* - một phố ở trung tâm Luân Đôn, nơi có một loạt các cơ quan nhà nước, trong đó có Bộ tổng tham mưu của quân đội Anh, Bộ tư lệnh hải quân và các bộ khác (Bộ tài chính, Bộ ngoại giao v.v.). - 20.

- 14 *Kê-li-bân* - nhân vật trong vở kịch của Sếch-xpia "Bão táp", là loại nửa người, nửa quái vật. - 23.

15. Bài "Xác-đi-ni" là một trong những bài do Mác viết cho báo "People's Paper" và đồng thời cũng được đăng trên báo "New - York Daily Tribune".

"*New - York Daily Tribune*" ("Diễn đàn Niu Ốc hàng ngày") - báo Mỹ, xuất

bản từ năm 1841 đến năm 1924. Nhà báo và là nhà hoạt động chính trị nổi tiếng người Mỹ Hô-ra-xơ Gri-li đã sáng lập ra tờ báo, đến giữa những năm 50 tờ báo trở thành cơ quan của nhóm cánh tả của đảng Vích Mỹ, nhưng sau đó trở thành cơ quan của đảng Cộng hoà. Trong những năm 40 - 50, tờ báo đứng trên lập trường tiến bộ và phản đối chế độ chiếm hữu nô lệ. Tham gia tờ báo có một loạt các nhà văn và nhà báo nổi tiếng người Mỹ, một trong những biên tập viên của báo từ cuối những năm 40 là Sác-lơ Đa-na, người chịu ảnh hưởng tư tưởng của chủ nghĩa xã hội không tưởng. Mác bắt đầu cộng tác với báo từ tháng Tám 1851 và kéo dài hơn 10 năm, cho đến tháng Ba 1862; phần lớn các bài viết cho báo "New - York Daily Tribune" là do Ăng-ghe-n viết theo yêu cầu của Mác. Trên các bài của Ăng-ghe-n gửi từ Man-se-xtơ đến Luân Đôn, Mác thường ghi ngày gửi chúng đến Niu Oóc; vì vậy những ngày tháng ghi ở đầu các bài, đôi khi không khớp với ngày viết các bài đó. Một số bài trong số đó được Mác ghi là gửi từ Pa-ri hoặc Béc-lin. Những bài của Mác và Ăng-ghe-n được đăng trên báo "New - York Daily Tribune" bao hàm những vấn đề quan trọng về chính sách đối nội và đối ngoại, về phong trào công nhân, về sự phát triển kinh tế của các nước châu Âu, về sự bành trướng thuộc địa, về phong trào giải phóng dân tộc ở các nước bị áp bức và phụ thuộc, v. v.. Trong thời kỳ thế lực phản động hoành hành ở châu Âu, Mác và Ăng-ghe-n đã lợi dụng tờ báo được phát hành rộng rãi của Mỹ để vạch trần, bằng những tư liệu cụ thể, những tệ nạn của xã hội tư bản chủ nghĩa, những mâu thuẫn không thể điều hoà của nó, cũng như để chỉ ra tính chất hạn chế của nền dân chủ tư sản.

Trong nhiều trường hợp, ban biên tập báo "New - York Daily Tribune" đã có thái độ tuy tiện đối với các bài của Mác và Ăng-ghe-n, đăng nhiều bài làm xã luận không có chữ ký của tác giả. Từ giữa năm 1855, nói chung các bài của Mác và Ăng-ghe-n được đăng trên báo đều không có chữ ký. Trong một số trường hợp, ban biên tập đã xâm phạm vào văn bản của các bài đó. Những việc làm ấy của ban biên tập đã bị Mác nhiều lần phản đối. Từ mùa thu 1857, do cuộc khủng hoảng kinh tế ở Mỹ cũng có ảnh hưởng đến tình hình tài chính của báo, ban biên tập đã đề nghị Mác rút bớt số lượng bài của ông trên báo "New - York Daily Tribune". Mác đã chấm dứt hẳn sự hợp tác với báo khi cuộc Nội chiến ở Mỹ bắt đầu; việc tăng thêm trong ban biên tập những người ủng hộ thoả hiệp với các bang có chế độ chiếm hữu nô lệ và việc báo xa rời các quan điểm tiến bộ đã đóng vai trò đáng kể trong việc Mác cắt đứt quan hệ với báo "New - York Daily Tribune". Những bài của Mác

và Ăng-ghe-n viết trong thời kỳ nằm trong phạm vi tập này, nhưng đã bị ban biên tập báo "New - York Daily Tribune" sửa nhiều, làm biến dạng văn bản của những bài đó thì không được đăng trong tập này. - 24.

- 16 *Ghen-phơ và Ghi-bơ-lanh* - các chính đảng ở I-ta-li-a vào thế kỷ XII - XV, trong thời kỳ đấu tranh giữa các giáo hoàng La Mã và các hoàng đế Đức. Ghen-phơ là những người ủng hộ giáo hoàng, thuộc giới chóp bu của tầng lớp thương nhân và làm nghề thủ công ở các thành phố I-ta-li-a. Ghi-bơ-lanh chủ yếu là những đại biểu của giới quý tộc phong kiến ủng hộ các hoàng đế.

Các cuộc chiến tranh giữa Pháp và Áo (và các quốc gia châu Âu khác) - các cuộc chiến tranh giành quyền thừa kế ở Tây Ban Nha (1701 - 1714) và giành quyền thừa kế ở Áo (1741 - 1748). Kết quả của cuộc chiến tranh thứ nhất là các đảo Xi-xin, Mông-phéc-ra-tô và một phần công quốc Mi-la-nô đã được nhường cho công quốc Xa-voa; Công tước Xa-voa lên ngôi vua năm 1713. Năm 1718, Xi-xin bị Tây Ban Nha giành lại, nhưng để bù lại cái đó, năm 1720 công quốc Xa-voa đã được nhận Xác-đi-ni; cũng trong năm đó trên lãnh thổ Xa-voa, Pi-ê-mông và Xác-đi-ni đã thành lập vương quốc Xác-đi-ni (hay còn gọi là vương quốc Pi-ê-mông), trong đó các đại diện của vương triều Xa-voa trở thành quốc vương. Kết quả của cuộc chiến tranh giành quyền thừa kế ở Áo là vương quốc Xác-đi-ni đã lấy của Áo một phần đáng kể công quốc Pa-vi-a và một phần lãnh địa khác của Áo ở I-ta-li-a. - 24.

- 17 Ý nói đến bị vong lức về tình hình đói khổ của nhân dân I-ta-li-a trong những vùng bị Áo và Pháp chiếm đóng, cũng như trong vương quốc Na-plơ (vương quốc hai đảo Xi-xin), do bá tước Ca-vuốc - Thủ tướng kiêm Bộ trưởng ngoại giao Pi-ê-mông - soạn thảo để đưa ra Hội nghị Pa-ri năm 1856. Vì không được phép đọc bị vong lức tại hội nghị, Ca-vuốc đã trình bày cho những người tham gia hội nghị ngày 8 tháng Tư nghe nội dung của nó bằng một bài phát biểu cực lực phản đối sự bá chủ của Áo trên bán đảo A-pen-nanh. Trong những bức thông điệp gửi ngày 27 tháng Ba và 16 tháng Tư 1856 cho Bộ trưởng ngoại giao Pháp là bá tước Va-lép-xki, chủ toạ hội nghị, những đại diện của Pi-ê-mông đã đưa ra vấn đề làm giảm thế lực của Áo ở I-ta-li-a, xoá bỏ sự chiếm đóng của Áo trên lãnh thổ I-ta-li-a, chấm dứt chính sách phản động và sự khủng bố ở vương quốc Na-plơ. Mặc dù các đại biểu Pháp, Anh và Nga tỏ thái độ đồng tình với bị vong lức của Pi-ê-mông, nhưng vấn đề I-ta-li-a chưa được giải quyết thực sự tại Hội nghị Pa-ri. - 25.

- 18 Trong thời kỳ cuộc Cách mạng 1848 - 1849, Chính phủ Anh thuộc đảng Vích, trong đó huân tước Pan-mốc-xtơn giữ chức bộ trưởng ngoại giao, đã ủng hộ

những cải cách tự do ôn hoà ở I-ta-li-a (trong đó có cả ở Pi-ê-mông) bằng những lời nói suông, nhưng cả năm 1848 lẫn năm 1849 đã không giúp gì cho Pi-ê-mông trong cuộc đấu tranh của họ chống sự bá chủ của Áo ở Bắc I-ta-li-a. - 25.

- 19 Tháng Tư 1849, Chính phủ tư sản Pháp đã cử đến I-ta-li-a một đội quân viễn chinh nhằm can thiệp chống nước Cộng hoà La Mã và phục hồi lại quyền lực thế tục của giáo hoàng. Sau trận đánh khốc liệt ngày 3 tháng Bảy 1849, quân đội Pháp tiến vào La Mã và ở đó đến năm 1870. - 26.
- 20 Mác gọi Lu-i Bô-na-pác-tơ là viên cai ngục ở Cây-en-na, Lam-bét-xa và Be-lơ-I-lơ là có ý ám chỉ rằng từ khi ông ta lên nắm chính quyền ở Pháp đã bắt đầu diễn ra những vụ bắt bớ và đưa đi đầy hàng loạt những người theo phái cộng hoà và những người tham gia cuộc Cách mạng 1848 - 1849.

Cây-en-na - thành phố ở Guy-a-na thuộc Pháp (Nam Mỹ), là nơi lao động khổ sai và là xứ đầy của tù chính trị, nó được mang biệt danh "máy chém lạnh lùng" vì chế độ lao động khổ sai và khí hậu nhiệt đới nghiệt ngã đã làm chết hàng loạt người.

Lam-bét-xa (Lam-bê-dơ) - trại cải tạo của Pháp được xây dựng trên sự điều tàn của thành phố La Mã cổ đại ở Bắc Phi: từ năm 1851 đến năm 1860, là nơi đầy ắp các tù chính trị.

Be-lơ-I-lơ - hòn đảo ở vịnh Bi-xcay; trong những năm 1849 - 1857 là nơi giam giữ các tù chính trị; đặc biệt ở đây đã giam giữ những công nhân tham gia cuộc khởi nghĩa tháng Sáu 1848 ở Pa-ri. - 26.

- 21 Mác có ý mỉa mai khi nói đến những thiệt hại của nước Áo. Mặc dù tại Hội nghị Pa-ri năm 1856, những người được sự uỷ quyền của Anh và Pháp đã tỏ thái độ đồng tình với bản bị vong lục của Pi-ê-mông (xem chú thích 17), nhưng Pháp và Anh không có ý định ngăn chặn một cách nghiêm túc chính sách của Áo ở I-ta-li-a và ở Ban-căng. Chứng minh cho điều đó là việc Áo, Pháp và Anh cùng nhau ký tại Pa-ri ngày 15 tháng Tư 1856 công ước về bảo đảm quyền bất khả xâm phạm của Đế chế Ôt-tô-man. - 27.
- 22 Trong thời kỳ cuộc chiến tranh Áo - I-ta-li-a những năm 1848 - 1849, quân đội của vua Xác-di-ni Sác-lơ An-be đã bị thất bại thảm hại trong trận chiến đấu ở Nô-va-ra (Bắc I-ta-li-a) ngày 23 tháng Ba 1849. Khiếp sợ trước sự nổi giận của nhân dân, Sác-lơ An-be đã từ bỏ ngôi vua ngay tại trận, trao quyền cho con trai mình là Vích-to - Ê-ma-nu-en II và chạy khỏi I-ta-li-a. Ngày 26 tháng

Ba, Vích-to - Ê-ma-nu-en II ký kết đình chiến với Áo, và ngày 6 tháng Tám 1849 ký hoà ước. - 27.

- 23 Có lẽ muốn ám chỉ cuộc hôn nhân do Lu-i Bô-na-pác-tơ sắp đặt cho anh họ của ông ta là hoàng tử Na-pô-lê-ông với Clốt-tin-đa, con gái vua Xác-di-ni Vích-to-Ê-ma-nu-en II; cuộc hôn nhân được tiến hành vào năm 1859. - 28.
- 24 *Nhà tiên tri ở Đen-phơ* tại đền thờ A-pô-lông ở Đen-phơ thuộc Hy Lạp cổ đại đã nổi tiếng bởi những lời tiên tri của ông về các công việc đối nội và chính sách đối ngoại của các quốc gia Hy Lạp và có ảnh hưởng lớn đến chính sách này (những lời tiên tri do một nữ tu sĩ nói ra, nhưng người soạn ra chúng lại là những tu sĩ hiểu rõ tình hình ở Hy Lạp). Cái gọi là *nhà tiên tri ở Tơ-rô-phôn* cổ xưa hơn, không có được ảnh hưởng đó. Nhận xét của Mác rút lại là: những lời phát biểu của các thành viên trong Nghị viện Anh không những không đóng vai trò quyết định trong việc xác định chính sách đối ngoại của Anh, mà còn không có tính chất độc lập, và chỉ là sự phản ánh cái chính sách Pan-mốc-xtơn độc đoán đề ra cho nghị viện. - 28.
- 25 Mác trích bức thông điệp của những đại diện của Pi-ê-mông đề ngày 16 tháng Tư 1856 (xem chú thích 17). - 28.
- 26 "*The Times*" ("Thời báo") - báo hàng ngày lớn nhất ở Anh theo khuynh hướng bảo thủ; được thành lập ở Luân Đôn năm 1785. - 31.
- 27 Mác có ý nói đến cuốn sách: D.Ricardo. "On the Principles of Political Economy, and Taxation. (Đ.Ri-các-đô. "Nguyên lý của khoa kinh tế chính trị và thuế khoá"). Xuất bản lần đầu ở Luân Đôn năm 1817. - 31.
- 28 *Crédit Mobilier* (tên gọi đầy đủ là Société générale du Crédit Mobilier) - một ngân hàng cổ phần lớn của Pháp do anh em Pê-rây-rơ thành lập và được hợp pháp hoá bằng sắc lệnh ngày 18 tháng Mười một 1852. Mục đích chính của Crédit Mobilier là làm môi giới trong việc cho vay tín dụng và thành lập các doanh nghiệp đầu cơ (tham gia vào việc thành lập các xí nghiệp công nghiệp và các xí nghiệp khác). Ngân hàng đã tham gia rộng rãi vào việc xây dựng đường sắt ở Pháp, Áo, Hung-ga-ri, Thụy Sĩ, Tây Ban Nha và Nga. Nguồn thu nhập chính của nó là đầu cơ các chứng khoán của các công ty cổ phần do nó lập ra trên thị trường chứng khoán. Dùng số tiền thu được qua việc phát hành các cổ phiếu của mình - những cổ phiếu chỉ được bảo đảm bằng những chứng khoán của các xí nghiệp khác mà nó nắm - Crédit Mobilier đã mua vét

cổ phiếu của các công ty khác được bảo đảm bằng giá trị của tài sản của chính nó. Do đó, cùng một tài sản thực đã tạo nên một tư bản giả nhiều gấp đôi; dưới dạng cổ phiếu của xí nghiệp này và dưới dạng cổ phiếu của Crédit Mobilier, nơi đã cấp vốn cho xí nghiệp này và vét mua của nó các cổ phiếu. Ngân hàng đã liên kết chặt chẽ với Chính phủ Na-pô-lê-ông III và đã được chính phủ đó bảo trợ. Năm 1867 ngân hàng bị phá sản và năm 1871 bị đóng cửa. Sự xuất hiện của Crédit Mobilier trong những năm 50 của thế kỷ XIX, như một doanh nghiệp tài chính kiểu mới là do những nét đặc trưng của thời kỳ phản động, thời kỳ mà đặc điểm của nó là sự hoành hành không tưởng tượng được của tệ đầu cơ chứng khoán gây lên. Theo mô hình Crédit Mobilier của Pháp, các cơ quan tương tự đã được thành lập trong một loạt các nước Trung Âu. - 32.

29 Na-pô-lê-ông Nhỏ - biệt danh của Lu-i Bô-na-pác-tơ do Vích-to Huy-gô đặt cho ông ta trong bài phát biểu đọc tại phiên họp của Quốc hội lập pháp Pháp năm 1851; biệt danh này đã được loan truyền rộng rãi sau khi xuất hiện bài văn châm biếm của Huy-gô "Na-pô-lê-ông Nhỏ" ("Napoléon le Petit"), bài này được đăng báo năm 1852. - 36.

30 *Hội Dix Décembre* (Hội ngày 10 tháng Chạp) - hội bí mật của Bô-na-pác-tơ, được thành lập năm 1849, chủ yếu bao gồm các thành viên mất gốc về giai cấp, những kẻ phiêu lưu chính trị, những đại biểu của giới quân phiệt, v.v.; các hội viên của hội đã tạo thuận lợi cho Lu-i Bô-na-pác-tơ được bầu làm tổng thống nước Cộng hoà Pháp ngày 10 tháng Chạp 1848 (do đó mà có tên gọi của Hội). Sau này các hội viên của Hội là những người tham gia tích cực và là những người tổ chức các cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851. Mác đã nhận xét một cách cặn kẽ về Hội ngày 10 tháng Chạp trong tác phẩm "Ngày 18 tháng Sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ" (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen Toàn tập, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 1993, t.8, tr.210 – 214,

31 *Phrông-đơ* - phong trào quý tộc và tư sản ở Pháp những năm 1648 - 1653 nhằm chống chế độ chuyên chế. Dựa vào đoàn tùy tùng của mình và dựa vào các đội quân ngoại bang, các lãnh tụ quý tộc của phong trào đã lợi dụng các cuộc khởi nghĩa của nông dân diễn ra lúc bấy giờ và phong trào dân chủ ở các thành phố để phục vụ cho lợi ích của mình. - 39.

32 "*Journal des Débats*" - tên gọi tắt của tờ báo tư sản Pháp ra hàng ngày "Journal des Débats politiques et littéraires" ("Báo tranh luận chính trị và văn

học"), được thành lập ở Pa-ri năm 1789. Trong thời kỳ nền Quân chủ tháng Bảy, là tờ báo của chính phủ, cơ quan của phái Oóc-lê-ăng trong giai cấp tư sản. Trong thời kỳ cuộc Cách mạng 1848, tờ báo thể hiện quan điểm của phái phản cách mạng trong giai cấp tư sản, của cái gọi là đảng trật tự. Sau cuộc đảo chính năm 1851, là cơ quan của phái đối lập ôn hoà Oóc-lê-ăng. - 40.

33 "*Le Moniteur universel*" ("Báo đại chúng") tờ báo hàng ngày của Pháp, xuất bản ở Pa-ri từ năm 1789 đến năm 1901; từ năm 1799 đến năm 1869, là cơ quan chính thức của chính phủ. - 41.

34 Mác có ý nói đến tác phẩm của Phu-ri-ê: "Théorie des quatre mouvements et des destinées générales" ("Học thuyết về bốn vận động và về những số phận chung"). Xuất bản lần đầu ở Pa-ri năm 1808. - 49.

35 Năm 1797, nhằm cứu Ngân hàng Anh khỏi vỡ nợ, Chính phủ Anh của Pít đã ban bố một sắc lệnh đặc biệt quy định tỷ giá bất buộc của tiền giấy và cho phép ngân hàng ngừng đổi tiền giấy ra vàng. Chỉ đến năm 1819 việc đổi tiền giấy ra vàng mới được phục hồi. - 52.

36 Có ý nói đến các sự kiện cách mạng ở Ma-đrít vào mùa hè 1856 đã kết thúc cuộc cách mạng tư sản lần thứ tư ở Tây Ban Nha những năm 1854 - 1856. Tháng Bảy 1856 bọn phản động và những người theo thuyết giáo quyền Tây Ban Nha đã đạt được việc bãi bỏ nội các của phái tiến bộ Ê-xpác-te-rô và dựng lên nội các bảo thủ của tướng Ô' Đôn-nen. Cuộc tấn công này của bọn phản động là tín hiệu báo trước cuộc cách mạng đã từng bị Ô' Đôn-nen đàn áp một cách dã man sẽ lại bùng nổ. - 53.

37 Có ý nói đến cuộc chính biến do Lu-i Bô-na-pác-tơ tiến hành ngày 2 tháng Chạp 1851 mở đầu cho sự tồn tại của chế độ Bô-na-pác-tơ của Đế chế thứ hai. - 54.

38 Năm 1843, một trong những thủ lĩnh của phái Mô-đê-ra-dốt (phái ôn hoà) là tướng Nác-va-ê-xơ đã lợi dụng sự bất mãn của mọi người đối với chính sách nội các của phái tiến bộ do Ê-xpác-te-rô, một nhà độc tài quân sự và là quan nhiếp chính của vương quốc cầm đầu, đã cùng với tướng Côn-sa và những người khác làm cuộc bạo động phản cách mạng. Sau khi phế truất Ê-xpác-te-rô, Nác-va-ê-xơ đã thiết lập và sau đó lãnh đạo nội các mới, nhờ thế đã mở đầu cho mười năm thống trị của bọn phản động ở Tây Ban Nha. - 54.

39 *Ayacuchos* (A-i-a-cu-sô) - biệt danh được dùng để chỉ Ê-xpác-te-rô và các tướng

lĩnh Tây Ban Nha khác, những người tham gia chiến tranh chống lại những người khởi nghĩa tại các thuộc địa của Tây Ban Nha ở châu Mỹ, sau thất bại của quân đội Tây Ban Nha trong trận chiến đấu tại đồng bằng A-i-a-cu-sô ở Pê-ru vào tháng Chạp 1824. Trong thời kỳ chế độ nhiếp chính của Ê-xpác-te-rô (1841 - 1843), các thành viên của phái quân sự do ông ta cầm đầu mà Anh ủng hộ, được gọi là những người A-i-a-cu-sô. -54.

40 Đây nói về cuộc đấu tranh ngoại giao Anh - Pháp xoay quanh vấn đề các cuộc hôn nhân của nữ hoàng Tây Ban Nha I-da-ben-la II và em gái của bà - quận chúa Ma-ri-a-Lu-i-da-Phéc-nan-đa. Lúc đầu người ta sắp đặt cho I-da-ben-la kết hôn với hoàng tử Lê-ô-pôn Cô-buốc-gơ, người có quan hệ mật thiết với triều đình Anh, và sắp đặt cho em gái của bà kết hôn với con trai út của vua Pháp Lu-i - Phi-líp là công tước Mông-păng-xi-ê, nhưng sau đó ít lâu nước Anh buộc phải từ bỏ dự định này và đòi để cho Ma-ri-a - Lu-i-da-Phéc-nan-đa kết hôn với hoàng tử Lê-ô-pôn, còn I-da-ben-la kết hôn với đại diện của giòng họ Buốc-bông Tây Ban Nha là Đôn En-ri-cô. Cầm ghét En-ri-cô vì mối quan hệ của ông ta với phái tiến bộ, mẹ của nữ hoàng I-da-ben-la là Ma-ri-a-Cri-xti-na (Mác gọi bà ta là bà Mu-nhi-ô-xơ, vì bà đã kết hôn không môn đăng hộ đối với công tước A-gu-xtin Phéc-nan-đô Mu-nhi-ô-xơ) đã liên minh với Lu-i-Phi-líp, kết quả là vào tháng Mười 1846, bắt chấp yêu sách của ngoại giao Anh, I-da-ben-la đã kết hôn với Đôn Phran-xi-xcô Đờ A-xi-xơ, anh của Đôn En-ri-cô, còn Ma-ri-a-Lu-i-da-Phéc-nan-đa - với công tước Mông - păng-xi-ê. - 55.

41 Mác có ý nói đến các sự kiện của cuộc cách mạng tư sản lần thứ hai ở Tây Ban Nha những năm 1820 - 1823. Sau khi âm mưu chiếm vùng cách mạng Ma-đrít ngày 7 tháng Bảy 1822 thất bại, vua Tây Ban Nha Phéc-đi-năng VII đã bí mật yêu cầu Liên minh thần thánh giúp đỡ ông ta đàn áp cách mạng. Theo quyết định của Hội nghị Vê-rô-na của Liên minh thần thánh, Pháp phải giúp đỡ Phéc-đi-năng. Quân đoàn viễn chinh Pháp, sau khi tiến vào Tây Ban Nha năm 1823, đã khôi phục lại chế độ chuyên chế ở đây; quân đội Pháp ở lại Tây Ban Nha đến năm 1828. - 56.

42 *Moderados* (phái ôn hòa) - phái của những người ủng hộ chế độ quân chủ chuyên chế ở Tây Ban Nha, đại diện cho quyền lợi của giai cấp đại tư sản và tầng lớp quý tộc tự do; phái này xuất hiện vào đầu cuộc cách mạng tư sản lần thứ hai những năm 1820 - 1823 do sự chia rẽ của phái tự do thành

cánh hữu - Mô-đê-ra-đốt và cánh tả - Êch-xan-ta-đốt, gồm những người ủng hộ sự hạn chế tối đa quyền lực của nhà vua.

Progresistas (những người theo phái tiến bộ) - phái tư sản tự do được thành lập trong những năm 30 của thế kỷ XIX ở Tây Ban Nha; những người theo phái tiến bộ đã dựa vào giai cấp trung và tiểu tư sản thành thị, dựa vào tầng lớp trí thức và một bộ phận giới sĩ quan. Yêu sách chính của những người theo phái tiến bộ là đòi hạn chế nền quân chủ. - 56.

43 Đây nói về các sự kiện ở Ma-đrít trong tháng Sáu - tháng Bảy 1854 đã mở đầu cho cuộc cách mạng tư sản lần thứ tư ở Tây Ban Nha những năm 1854 - 1856. Việc đưa Ri-ô-xơ-i - Rô-xa-xơ, người theo chủ nghĩa quân chủ và một phần tử bảo thủ cuồng nhiệt ngày 17 tháng Bảy 1854 vào nội các mới, do công tước Ri-va-xơ đứng đầu đã gây nên sự bùng nổ quyết liệt mới của cuộc khởi nghĩa. Rút cục là ngày 19 tháng Bảy, nữ hoàng I-da-be-la buộc phải bãi bỏ nội các của Ri-va-xơ mang tên "nội các trái phả" do hoạt động của nó là nhằm đàn áp cuộc khởi nghĩa. Ngày 31 tháng Bảy, Ê-xpác-te-rô được cử làm chủ tịch nội các. - 57.

44 "*Gaceta*" - tên gọi tắt của tờ báo Tây Ban Nha "*Gaceta de Madrid*" ("Báo Ma-đrít"), được thành lập năm 1661; từ năm 1762 là cơ quan chính thức của chính phủ. - 57.

45 Có ý ám chỉ hai tình tiết - thứ nhất là Ê-xpác-te-rô được phong chức bá tước Luy-san-na do giành được thắng lợi trong cuộc chiến đấu chống những người theo phái Các-lốt, và thứ hai là biệt hiệu "lưỡi gươm của cách mạng" không đáng được đặt cho ông ta đã lưu truyền trong nhân dân từ thời kỳ bạo động năm 1843 (xem chú thích 38), khi nội các tiến bộ Ê-xpác-te-rô được thay bằng nội các phản động của cái gọi là phái Mô-đê-ra-đốt (phái ôn hòa). -58.

46 "*La Presse*" ("Báo chí") - báo tư sản hàng ngày của Pháp, xuất bản ở Pa-ri từ năm 1836; trong những năm 50 báo thuộc phe đối lập với chính thể của Đế chế thứ hai. - 59.

47 Ý nói quan điểm phản bội nước đôi của Ê-xpác-te-rô sau cuộc đảo chính của Ô' Đôn-nen ngày 14 tháng Bảy 1856. Mặc dù đã ban bố ngay trong ngày đầu tiên của cuộc đảo chính bản tuyên ngôn kêu gọi ngừng chiến và ủng hộ chính sách của Ô' Đôn-nen, nhưng cùng lúc đó trên đường phố Ma-đrít, Ê-xpác-te-rô lại kêu gọi những người khởi nghĩa chống lại các lực lượng của bọn phản động. Nhưng, do không đứng về phía những người ủng hộ cuộc đảo chính,

cũng không đứng về phía những người khởi nghĩa, Ê-xpác-te-rô đã để mất hết lòng tin chính trị và uy tín trong các cận thần của mình và trong quần chúng cách mạng ở thủ đô. - 61.

48 "*Journal de Madrid*" ("Báo Ma-drít") - báo Tây Ban Nha, xuất bản ở Ma-drít những năm 1855 - 1856. - 61.

49 *Chủ nghĩa Các-lốt* - từ Mác dùng để chỉ trào lưu phản động ủng hộ người có kỳ vọng lên ngôi vua Tây Ban Nha là Đôn Các-lốt, em của Phéc-đi-năng VII. Dựa vào tầng lớp quý tộc phản động, phái giáo quyền và tầng lớp nông dân lạc hậu ở Ba-xcô-ni-a, Na-va-ra, Ca-xti-li-a cổ, A-ra-gông và một phần Ca-ta-lô-ni, những người theo phái Các-lốt đã gây ra một cuộc nội chiến đẫm máu và kéo dài những năm 1833 - 1840. Năm 1833, Đôn Các-lốt muốn chiếm ngôi vua Tây Ban Nha, thay con gái của vua là I-da-be-la II và ông ta đã nổi loạn chống lại mẹ của I-da-be-la II là nhiếp chính Ma-ri-a-Cri-xti-na, người buộc phải tìm chỗ dựa ở những người theo phái tự do khi bà ta hứa với họ một loạt những nhượng bộ. Cuộc chiến tranh Các-lốt thực tế đã biến thành cuộc đấu tranh giữa các phần tử Thiên chúa giáo phong kiến với các phần tử tư sản tự do, và được kết thúc năm 1840 bằng sự thất bại của những người theo phái Các-lốt. - 62.

50 "*The Morning Herald*" ("Truyền tin buổi sáng") - tờ báo hàng ngày của Anh theo khuynh hướng bảo thủ, xuất bản ở Luân Đôn những năm 1780 - 1869. - 62.

51 Ý nói đến cuộc khởi nghĩa tháng Sáu của công nhân Pa-ri năm 1848 và các trận đánh trên chiến lũy vào tháng Năm 1849 ở Dre-xden. - 63.

52 Đây nói về cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Tây Ban Nha chống bọn xâm lược Pháp, được tiến hành trong những năm 1808 - 1814 đồng thời với cuộc chiến tranh trên bán đảo I-bê-ri-cơ chống Na-pô-lê-ông I. Nhờ đề ra sự cần thiết phải tiến hành những cải cách tư sản ở Tây Ban Nha, coi đó là nhiệm vụ trực tiếp, cuộc chiến tranh chống ngoại xâm đã thu hút được tất cả các tầng lớp xã hội của xã hội Tây Ban Nha vào phong trào và kết hợp được với cuộc cách mạng tư sản lần thứ nhất ở Tây Ban Nha. Động lực chính của cuộc chiến tranh này là giai cấp nông dân, giai cấp kiên cường chống lại quân xâm lược dưới hình thức chiến tranh du kích (ghe-ri-la) song song với đấu tranh đòi ruộng đất. Song vì sự nhu nhược của giai cấp tư sản, tầng lớp quý tộc tự do lãnh đạo phong trào chỉ giới hạn ở việc thông

qua bản hiến pháp tự do tư sản ôn hoà năm 1812 (cái gọi là Hiến pháp Ca-đi-xơ, theo tên gọi của thành phố, nơi nghị viện họp thông qua nó). Hiến pháp đã hạn chế quyền của nhà vua, tuyên bố nhà nước là người đại diện cho quyền lực tối cao, chuyển quyền lập pháp cho một nghị viện do cuộc bầu phiếu phổ thông (trừ các gia nhân) bầu ra. Nghị viện có quyền hạn lớn trong lĩnh vực đối nội và đối ngoại. Hiến pháp đã cho phép áp dụng quyền tự trị địa phương, đánh thuế lũy tiến, nghĩa vụ quân sự phổ thông; mỗi một tỉnh thành lập một sở cảnh sát nhân dân địa phương, toàn bộ hệ thống toà án được cải tổ lại. Khi đề ra vấn đề dân chủ hoá đời sống trong nước Tây Ban Nha, Hiến pháp đồng thời cũng duy trì sự thống trị của Tây Ban Nha ở các nước thuộc địa. Cuộc đấu tranh của nhân dân Tây Ban Nha đã đóng vai trò đáng kể trong việc làm sụp đổ các kế hoạch quân sự và chính trị của Na-pô-lê-ông I, người đã buộc phải rút quân đội của mình khỏi Tây Ban Nha sau khi thất bại ở Nga năm 1812. Khi gọi cuộc đấu tranh của nhân dân Tây Ban Nha là phong trào "dân tộc và triều đại", Mác có ý nói đến một điều là cuộc đấu tranh này vừa nhằm chống lại bọn xâm lược nước ngoài, vừa nhằm chống lại triều đình của vua Sác-lơ IV, kẻ buộc phải nhường ngôi cho con trai mình là Phéc-đi-năng VII hồi tháng Ba 1808, chính quyền của Phéc-đi-năng đã được nghị viện thừa nhận với những sự hạn chế nhất định. - 64.

53 Ý nói đến cuộc cách mạng tư sản lần thứ hai ở Tây Ban Nha vào những năm 1820 - 1823. Khẩu hiệu của cuộc cách mạng là triệu tập nghị viện, xoá bỏ toà án giáo hội và tuyên thệ trước Hiến pháp năm 1812 bản hiến pháp này đã được huỷ bỏ vào năm 1814 sau khi Phéc-đi-năng VII từ Pháp trở về Tây Ban Nha. Nhưng phong trào chỉ giới hạn ở chỗ thi hành một loạt các biện pháp chống bè phái và một vài cải cách khác. Một trong những nguyên nhân thất bại của cuộc cách mạng là sự xa rời quần chúng nông dân, một lực lượng mà giai cấp tư sản đã không bảo đảm cho họ những cuộc cải cách ruộng đất triệt để. - 65.

54 Ngày 2 tháng Năm 1808 ở Ma-drít đã bùng nổ cuộc khởi nghĩa nhân dân chống bọn xâm chiếm Pháp, nhưng đã bị tổng tư lệnh quân đội Pháp ở Tây Ban Nha là Mui-rát đàn áp một cách dã man. Trên một nghìn người Tây Ban Nha đã bị giết. - 65.

55 Vào thế kỷ XIX, Tây Ban Nha và các thuộc địa của nó đã được chia ra làm 17 khu quân sự, đứng đầu là các thống tướng (do đó có tên gọi là chế độ thống tướng). Là những thống đốc của nhà vua, các thống tướng có toàn

quyền tối cao trong các khu vực mình phụ trách về dân sự cũng như về quân sự. - 66.

- 56 Ý nói đến thời kỳ phản động phong kiến chuyên chế hà khắc, xuất hiện sau khi Phéc-di-năng VII từ Pháp trở về Tây Ban Nha tháng Ba 1814. Những năm của thời kỳ phản động có đặc điểm là có rất nhiều vụ âm mưu gây chiến tranh, cũng như sự bất lực và sự dao động của Chính phủ Tây Ban Nha; trong thời kỳ từ năm 1814 đến năm 1819 ở Tây Ban Nha đã thay đổi 24 nội các.

Chiến tranh triều đại những năm 1833 - 1840 - xem chú thích 49. - 66.

- 57 Ngày 28 tháng Sáu 1854, lợi dụng sự bất bình của mọi người do tình hình kinh tế trong nước khó khăn, do chính sách phản động của chính phủ và sự thống trị của bọn triều thần, các tướng Ô' Đôn-nen và Đun-xơ, những người khao khát lật đổ nền chuyên chế của Xen-Lu-i để thực hiện mục đích riêng của mình, đã làm cuộc binh biến trong quân đội đồn trú ở Ma-đrít và đã chiến thắng các đội quân chính phủ. Nhưng thấy rõ là không có khả năng giành được sự ủng hộ của nhân dân các thành phố Tây Ban Nha bằng một cuộc cách mạng thuần túy mang tính chất triều đình, Ô' Đôn-nen buộc phải ra một bản tuyên ngôn ngày 7 tháng Bảy ở Man-xa-na-rê-xơ mang tên "Cương lĩnh Man-xa-na-rê-xơ", cương lĩnh bao gồm một số yêu sách của nhân dân - thủ tiêu bọn triều thần, triệu tập nghị viện đã bị giải thể, giảm thuế khoá, thành lập cảnh sát nhân dân và v.v.. Việc lôi cuốn quân chúng nhân dân vào cuộc đấu tranh đã dẫn đến cuộc cách mạng tư sản lần thứ tư ở Tây Ban Nha (1854 - 1856), trong tiến trình của cuộc cách mạng này, năm 1854 đảng của những người tiến bộ, đứng đầu là Ê-xpác-te-rô, đã lên nắm chính quyền. - 66.

- 58 Các đơn vị của *người Crô-át* được tuyển quân chủ yếu từ những người Crô-a-xi và một số các dân tộc Xla-vơ khác, và cả người Hung-ga-ri. Quân Crô-át là thành phần của quân đội Áo do tướng Ra-đét-xki chỉ huy, đạo quân này đã đàn áp cuộc Cách mạng 1848 - 1849 ở I-ta-li-a.

Những tên lính châu Phi của Bô-na-pác-tơ là từ Mác dùng để gọi những người lính Du-a-vơ - lính của các đội quân thuộc địa Pháp được bổ sung từ những người dân An-giê-ri và một phần từ những người châu Âu. Lính Du-a-vơ khét tiếng bởi sự tàn bạo của chúng trong thời kỳ cuộc chiến tranh xâm lược ở An-giê-ri do quân Pháp khởi đầu năm 1830 và kéo dài (có gián đoạn) trong suốt bốn mươi năm.

Các đội quân dưới sự chỉ huy của tướng Vran-ghen đã tham gia vào cuộc

bạo động phản cách mạng ở Béc-lin và tham gia giải tán Quốc hội Phổ hồi tháng Mười một 1848. Khi gọi chúng là "Pô-mê-ra-ni", có lẽ Mác muốn ám chỉ một điều là Vran-ghen, người được cử làm tổng tư lệnh quân khu Branden-buoc năm 1848 đã xuất thân từ Pô-mê-ra-ni. - 67.

- 59 Mác có ý ám chỉ mỉa mai các biện pháp mà khi chuẩn bị đảo chính vào ngày 2 tháng Chạp 1851, Lu-i Bô-na-pác-tơ và phái Bô-na-pác-tơ đã áp dụng và nhờ chúng mà đã mộ cho mình được những người ủng hộ trong số các sĩ quan và binh lính quân đội. Trong các cuộc chiêu đãi và diễu binh ở Xanh-Mô-rê, Xa-tô-ri, v.v., do Lu-i Bô-na-pác-tơ vốn là tổng thống nước cộng hoà tổ chức, người ta thết đãi lu bù các sĩ quan và binh lính giò, thịt lạnh, rượu sâm-banh v.v.. Việc tặng tiền cũng là một trong những biện pháp mua chuộc quân đội. - 67.

- 60 Những tác phẩm nổi tiếng nhất của Mác-Grê-go về thống kê là: "The Resources and Statistics of Nations". London, 1835 ("Nguồn dự trữ và thống kê của đất nước". Luân Đôn, 1835) và "Commercial Tariffs and Regulations, Resources, and Trade, of the Several States of Europe and America" London, 1841 - 1850 ("Thuế suất và những nguyên tắc thương mại, nguồn dự trữ và nền thương mại của các nước ở châu Âu và châu Mỹ". Luân Đôn, 1841 - 1850). - 70.

- 61 *Toà thượng thẩm*, hay toà án chính nghĩa - một trong những toà án cao nhất của nước Anh; sau cuộc cải cách toà án năm 1873 - là chi nhánh của Toà án tối cao. Thẩm quyền của toà án do chủ tịch thượng viện đứng đầu này gồm những công việc liên quan đến quyền kế thừa, đến những điều khoản của hiệp ước, đến các công ty cổ phần, v.v.; thẩm quyền của toà án này trong nhiều trường hợp đã trùng với thẩm quyền của các toà án cao nhất khác. Khác với luật phổ thông Anh được thi hành trong các toà án khác, thủ tục tố tụng trong toà thượng thẩm được tiến hành trên cơ sở của cái gọi là "pháp luật chính nghĩa". - 72.

- 62 Ý nói tới những bữa yến tiệc cổ vũ cho cuộc cải cách bầu cử được tiến hành ở Pháp từ tháng Bảy 1847 đến tháng Giêng 1848, và là khúc dạo đầu của cuộc cách mạng dân chủ tư sản tháng Hai 1848.

Đồng minh đặc biệt - liên minh riêng rẽ của bảy bang Thiên chúa giáo lạc hậu về kinh tế ở Thụy Sĩ được ký năm 1843 nhằm mục đích chống lại cải cách tư sản tiến bộ ở Thụy Sĩ và nhằm bảo vệ những đặc quyền của nhà thờ và của các tu sĩ dòng Tên. Những mưu toan phản động của Đồng minh đặc biệt đã gặp sự phản kháng của những người theo phái cấp tiến tư sản

và phái tự do chiếm ưu thế trong đa số các bang và trong Quốc hội Thụy Sĩ vào giữa những năm 40. Nghị quyết của Quốc hội Thụy Sĩ về việc giải tán Đồng minh đặc biệt vào tháng Bảy 1847 là nguyên do để Đồng minh đặc biệt tiến hành các hành động chiến tranh vào đầu tháng Mười một chống các bang còn lại. Ngày 23 tháng Mười một 1847, quân đội của Đồng minh đặc biệt đã bị các đội quân của Chính phủ liên bang đánh tan.

Nghị viện liên hợp - nghị viện hợp nhất các nghị viện đẳng cấp hàng tỉnh Phổ do vua Phri-đrich Vin-hem IV triệu tập ở Béc-lin vào tháng Tư 1847 nhằm mục đích giải cứu khỏi những khó khăn tài chính nhờ vào khoản vay nước ngoài có bảo đảm. Nghị viện liên hợp khai mạc ngày 11 tháng Tư 1847. Vì nhà vua từ chối đáp ứng những đòi hỏi chính trị bình thường nhất của đại đa số tư sản trong nghị viện nên nghị viện từ chối bảo đảm khoản cho vay. Đáp lại việc làm này, tháng Sáu năm đó, nhà vua đã giải thể nghị viện; điều đó đã làm tăng thêm tinh thần chống đối trong nước và tạo điều kiện xúc tiến cuộc cách mạng ở Đức.

Những cuộc hôn nhân Tây Ban Nha - xem chú thích 40.

Những cuộc tranh cãi xoay quanh vấn đề *Slê-dơ-vích* - *Hôn-stai-nơ* là tên mà Mác dùng để gọi cuộc đấu tranh trường kỳ giữa Hiệp bang Đức với Đan Mạch - một nước mà các công quốc Slê-dơ-vích và Hôn-stai-nơ Đức chịu sự thống trị của nó. Trước cuộc Cách mạng 1848, trong số nhân dân Đức thuộc các công quốc này đã xảy ra phong trào chống bản hiến pháp duy nhất chung cho Đan Mạch và các công quốc mà bản dự thảo của nó đã được công bố ngày 28 tháng Giêng 1848. Theo mục đích của mình, phong trào này là phong trào phân lập và không vượt quá khuôn khổ của phe đối lập tự do ôn hoà, và là phong trào hướng tới việc thành lập ở Bắc Đức một quốc gia tiểu Đức - một chư hầu của nước Phổ phản động. Trong thời kỳ Cách mạng 1848 - 1849, tình hình đã thay đổi. Nhờ ảnh hưởng của các sự kiện cách mạng ở Đức, phong trào dân tộc ở Slê-dơ-vích và Hôn-stai-nơ đã mang tính chất giải phóng và cách mạng. Cuộc đấu tranh để tách Slê-dơ-vích và Hôn-stai-nơ khỏi Đan Mạch đã trở thành bộ phận cấu thành của cuộc đấu tranh của tất cả các lực lượng tiến bộ ở Đức vì sự thống nhất đất nước. - 76.

- 63 "*Le Constitutionnel*" ("Người lập hiến") - tờ báo tư sản hàng ngày của Pháp; xuất bản ở Pa-ri từ năm 1815 đến năm 1870; trong những năm 40 - là cơ quan của phái ôn hoà của những người Oóc-lê-ăng; trong thời kỳ Cách mạng 1848 tờ báo đã thể hiện quan điểm của giai cấp tư sản phản cách mạng tập

hợp xung quanh Chi-e; sau cuộc chính biến tháng Chạp 1851 tờ báo theo phái Bô-na-pác-tơ. - 77.

- 64 "*L'Assemblée nationale*" ("Quốc hội") - tờ báo hàng ngày của Pháp theo khuynh hướng quân chủ - chính thống, xuất bản ở Pa-ri từ năm 1848 đến năm 1857. - 78.

65 Cuộc cách mạng tư sản tháng Bảy 1830 ở Pháp đã có ảnh hưởng đáng kể tới đời sống chính trị, xã hội của Đức, thúc đẩy sự phát triển của phong trào dân chủ và tự do tư sản. Trong một loạt các quốc gia Đức (Brao-nơ-svai-gơ, Dắc-den, Cốc-két-xen v.v.), các hiến pháp đã được công bố. Nhưng giống như ở Pháp, bản hiến pháp mới ("Hiến chương năm 1830") là sự thoả hiệp giữa tầng lớp chóp bu trong giai cấp tư sản - giới tài phiệt - với tầng lớp quý tộc địa chủ, cũng giống như các bản hiến pháp của các quốc gia Đức là sự thoả hiệp giữa giai cấp tư sản với chế độ quân chủ và tầng lớp quý tộc. - 78.

- 66 *Phố Tô-rét-nít* - phố ở Luân Đôn, nơi có Ngân hàng Anh. - 81.

67 Trong thời kỳ lũ lụt ở thung lũng Rôn và Loa-rơ vào mùa xuân 1856, để lấy lòng dân, Na-pô-lê-ông III đã đến các tỉnh bị thiệt hại và dùng thuyền đi qua từng thành phố và các làng mạc bị ngập lụt, đồng thời giúp tiền cho các nạn nhân lũ lụt. Cũng lúc đó, trong thư gửi cho bộ trưởng bộ công tác xã hội, Na-pô-lê-ông III đã yêu cầu thi hành các biện pháp khác nhau mà theo ông ta là có khả năng ngăn ngừa không để tái diễn các trận thiên tai như thế. - 83.

68 *Hội nghị Pa-ri lần thứ hai* là tên gọi do Mác dùng để gọi mả mai bản dự thảo của Hội nghị các nước châu Âu để giải quyết hoà bình vấn đề cái gọi là cuộc xung đột Nơ-sa-ten xảy ra giữa Phổ và Thụy Sĩ vào mùa thu 1856. Công quốc Nơ-sa-ten với lãnh địa Va-lan-gien (tên tiếng Đức là Noi-en-buốc và Va-len-đích), trong những năm 1707 - 1806 là một quốc gia tí hon lệ thuộc vào Phổ. Năm 1806, trong thời kỳ các cuộc chiến tranh của Na-pô-lê-ông, Nơ-sa-ten đã rơi vào tay Pháp. Năm 1815, theo nghị quyết của Hội nghị Viên, nó được nhập vào Liên bang Thụy Sĩ với tư cách là bang thứ 21, và đồng thời vẫn chịu sự phụ thuộc có tính chất chư hầu vào Phổ. Ngày 29 tháng Hai 1848, ở Nơ-sa-ten đã nổ ra một cuộc cách mạng tư sản xoá bỏ sự thống trị của Phổ, và nền cộng hoà được tuyên bố thành lập. Nhưng theo hiệp ước giữa Anh, Pháp và Nga được ký ngày 24 tháng Năm 1852, quyền của vua Phổ ở Nơ-sa-ten lại được thừa nhận. Tháng Chín 1856, ở công quốc này lại bùng nổ cuộc khởi

nghĩa của phái bảo hoàng, những người tham gia cuộc khởi nghĩa đều bị Chính phủ Thụy Sĩ bắt. Vua Phổ yêu cầu thả những người bị bắt. Trả lời việc này, Thụy Sĩ yêu cầu nhà vua từ bỏ quyền của mình ở Nơ-sa-ten. Hội nghị các nước châu Âu về vấn đề Nơ-sa-ten được dự định triệu tập ở Pa-ri vào tháng Ba 1857 (Hội nghị đã khai mạc ngày 5 tháng Ba). Đề nghị về vấn đề do Chính phủ Pháp đưa ra, vì cuộc xung đột đã đe dọa làm bùng nổ chiến tranh ở biên giới Pháp.

Vấn đề Na-plơ đã được những đại diện Pi-ê-mông nêu ra tại Hội nghị Pa-ri năm 1856. Những người này đã tập trung sự chú ý của những người tham gia hội nghị vào chính sách khủng bố ở vương quốc Na-plơ (vương quốc hai đảo Xi-xin). Tại hội nghị, Pháp và Anh đã lên án các biện pháp của chính sách đối nội của chính phủ vương quốc Na-plơ, vì sợ rằng sự phản động cực đoan ngự trị ở đó sẽ dẫn đến sự bùng nổ một phong trào cách mạng. Trong bức thông điệp trao cho chính phủ Na-plơ vào tháng Năm 1856, họ đã yêu cầu thay đổi chính sách của chính phủ này, nhưng họ được trả lời là không đồng ý. Tháng Mười, Pháp và Anh rút các đại sứ của mình khỏi Na-plơ và chuẩn bị sẵn sàng các đoàn tàu chiến - của Pháp ở Tu-lông và của Anh ở đảo Man-ta. Nhưng vì sự bất hoà giữa Anh và Na-pô-lê-ông III, người có ý định phục hồi lại triều đại Bô-na-pác-tơ ở vương quốc Na-plơ nên cuộc viễn chinh Na-plơ đã không xảy ra. - 86.

- 69 *Vấn đề Đa-Nuýp* được Mác dùng để gọi cuộc đấu tranh ngoại giao tại Hội nghị Pa-ri năm 1856, và sau đó, xoay quanh vấn đề thống nhất các công quốc Môn-đô-va và Va-la-ki ở vùng sông Đa-nuýp, những công quốc này sự thống trị tối cao của Thổ Nhĩ Kỳ. Nước Pháp, do hy vọng đưa đại diện của triều đại Bô-na-pác-tơ lên cầm đầu các công quốc đó, đã đề nghị hợp nhất chúng vào quốc gia Ru-ma-ni dưới quyền của một hoàng tử nước ngoài, thuộc một trong số các triều đại cầm quyền ở châu Âu. Nga, Phổ và Xéc-đi-ni đã ủng hộ Pháp. Áo và Anh đã ủng hộ Thổ Nhĩ Kỳ, một nước đã chống lại việc thống nhất các công quốc vì sợ rằng Ru-ma-ni sẽ hướng tới xoá bỏ sự áp bức của Đế chế Ôt-tô-man. Hội nghị chỉ thừa nhận sự cần thiết phải làm sáng tỏ (bằng bầu ra các Hội nghị tư vấn trong các công quốc này) thái độ của chính nhân dân Ru-ma-ni đối với vấn đề thống nhất. Cuộc bầu cử đã được tiến hành, nhưng do sự gian lận nên bọn chống đối việc hợp nhất đã trúng cử vào Hội nghị tư vấn ở Môn-đô-va, việc này đã gây nên sự chống đối từ phía Pháp, Nga, Phổ và Xéc-đi-ni là những nước yêu cầu huỷ bỏ cuộc bầu cử. Vì Thổ Nhĩ Kỳ chậm trả lời nên những nước này đã cắt đứt quan hệ

ngoại giao với Thổ Nhĩ Kỳ vào tháng Tám 1857. Cuộc xung đột đã được dàn xếp nhờ sự hoà giải của Na-pô-lê-ông III, người đã thuyết phục Chính phủ Anh đừng ngăn cản các kế hoạch của Pháp, những kế hoạch cũng có lợi cho cả nước Anh. Cuộc bầu cử ở các công quốc đã được huỷ bỏ, nhưng việc tiến hành cuộc bầu cử mới cũng không giải quyết được vấn đề thống nhất các công quốc. Chỉ đến năm 1859 nó mới được chính người Ru-ma-ni giải quyết.

Nói *vấn đề Bét-xa-ra-bi-a* Mác có ý nói tới cuộc đấu tranh ngoại giao sau khi ký kết Hiệp ước Pa-ri năm 1856. Cuộc đấu tranh này là do sự tranh cãi về những điều khoản không rõ ràng mà hiệp ước quy định đối với biên giới Nga - Thổ Nhĩ Kỳ ở Bét-xa-ra-bi-a, nơi mà một phần của nó đã tách khỏi Nga để nhập vào Thổ Nhĩ Kỳ, cũng như về việc quy định quyền sở hữu ở châu thổ sông Đa-nuýp và ở một trong số đảo ở cửa sông gây nên. Việc có những khó khăn nảy sinh do sự phân chia lại Bét-xa-ra-bi-a, Áo đã hoãn việc rút quân khỏi Môn-đô-va và Va-la-ki, điều đó đã kìm hãm việc giải quyết vấn đề thống nhất các công quốc đó.

Về *vấn đề Na-plơ* và về *Hội nghị Pa-ri* mới xem chú thích 68. - 88.

- 70 Đây nói tới cuộc chiến tranh giành độc lập tại các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ và Mê-hi-cô kéo dài từ năm 1810 đến 1826. Kết quả của cuộc chiến tranh là Tây Ban Nha mất Mê-hi-cô và các thuộc địa Nam Mỹ của mình, chúng đã trở thành những nước cộng hoà độc lập. - 90.
- 71 *Công ty Đông Ấn* thuộc Anh được thành lập năm 1600, là công cụ của chính sách thuộc địa của Anh ở Ấn Độ. Cuộc xâm chiếm Ấn Độ được kết thúc hoàn toàn vào giữa thế kỷ XIX là do các nhà tư bản Anh nhân danh công ty tiến hành, ngay từ đầu công ty này đã được độc quyền buôn bán với Ấn Độ và Trung Quốc. Công ty cũng được trao quyền quản lý các vùng lãnh thổ mà nó chiếm đóng ở Ấn Độ, quyền bổ nhiệm chức tước ở các cơ quan dân sự và quyền thu thuế. Những đặc quyền về thương mại và hành chính của công ty được quy định bằng các giấy phép đặc biệt của công ty mà Nghị viện Anh định kỳ ký lại. Trong thế kỷ XIX, hoạt động thương mại của công ty đã dần dần mất ý nghĩa của nó. Theo sắc lệnh của nghị viện về giấy phép năm 1813 nó mất độc quyền thương mại với Ấn Độ. Nó chỉ được giữ độc quyền thương mại chè và độc quyền thương mại với Trung Quốc. Theo giấy phép năm 1833, công ty mất tất cả đặc quyền thương mại của mình, trong đó có cả độc quyền thương mại với Trung Quốc. Quyền quản lý các lãnh địa của

người Anh ở Ấn Độ được duy trì cho công ty đến năm 1858, khi nó bị xoá bỏ hoàn toàn thì quyền quản lý Ấn Độ được chuyển trực tiếp cho vua. - 90.

72 Năm 1851 ở Trung Quốc đã nổ ra phong trào giải phóng chống phong kiến mang tính chất một cuộc chiến tranh nông dân hùng mạnh. Lúc đầu ở miền nam, ở tỉnh Quảng Tây, sau đó phong trào lan rộng đến các tỉnh trung tâm và bao trùm hầu như toàn bộ khu vực hạ lưu và trung lưu sông Trường Giang. Tháng Giêng 1851, những người khởi nghĩa đã lập nên "Thái Bình Thiên Quốc" với trung tâm là Nam Kinh, do đó toàn bộ phong trào mang tên Thái Bình Thiên Quốc. Những người Thái Bình đã tiêu diệt bọn phong kiến Mãn Thanh đang thống trị Trung Quốc, bãi bỏ thuế khoá, xoá bỏ đại sở hữu phong kiến. Cuộc khởi nghĩa cũng mang sắc thái tôn giáo đặc trưng cho phong trào nông dân, đặc biệt là ở phương đông, nó giáng một đòn vào giới tu hành Phật giáo và các tu viện, đó là chỗ dựa của triều đại Mãn Thanh. Cuộc cách mạng Thái Bình Thiên Quốc đã đặt nền móng cho cuộc đấu tranh rộng lớn của nhân dân Trung Quốc chống chế độ phong kiến và bọn xâm chiếm nước ngoài, nhưng nó không đủ sức xoá bỏ phương thức sản xuất phong kiến ở Trung Quốc. Trong quốc gia Thái Bình đã hình thành một giới thượng lưu phong kiến của mình, nó đã thoả hiệp với các giai cấp thống trị, đó là một trong những nguyên nhân làm cho phong trào suy thoái. Cuộc cách mạng đã giáng một đòn đích đáng vào sự can thiệp công khai của Anh, Mỹ, Pháp (lúc đầu các cường quốc này giúp triều đình Mãn Thanh nhưng nguy trang bằng "sự trung lập") các lực lượng vũ trang của chúng đã cùng với các đội quân của bọn phong kiến Trung Quốc đàn áp cuộc khởi nghĩa Thái Bình vào năm 1864. - 91.

73 Mác ám chỉ một cách mỉa mai các bản tuyên ngôn quá nhiều của Mát-di-ni, lãnh tụ của phong trào giải phóng dân tộc I-ta-li-a, viết sau thất bại của cuộc Cách mạng 1848 - 1849 nhằm kêu gọi nhân dân I-ta-li-a khởi nghĩa chống bọn áp bức Áo và các bọn áp bức khác và tiến tới thống nhất nước I-ta-li-a. Các bản tuyên ngôn mang "hệ tư tưởng Thiên chúa giáo mới - chủ nghĩa thế giới" của Mát-di-ni - như Mác đã nhận xét, - không có ý nghĩa quyết định, bởi vì, do không chính xác, do mâu thuẫn và do những hạn chế có tính chất tư sản trong các quan điểm tư tưởng của Mát-di-ni, do xa rời quần chúng, không nhìn thấy lực lượng cách mạng chủ chốt ở I-ta-li-a mà nhất thiết phải dựa vào nó. Vì không hiểu rằng giai cấp nông dân I-ta-li-a bị áp bức là lực lượng cách mạng, nên trong các bản tuyên ngôn của mình, ông đã kêu gọi nhân dân một cách chung chung, giống như một phạm trù trừu tượng mà không tính đến

các yêu cầu thiết thực và lợi ích của các giai cấp cấu thành nhân dân đó. Tất cả các âm mưu được tổ chức dưới sự lãnh đạo của Mát-di-ni vào những năm 30 - 50 đã bị thất bại do không được sự ủng hộ của quần chúng. - 94.

74 Đây nói tới cuộc chiến tranh Anh - Ba Tư những năm 1856 - 1857 là một trong những giai đoạn của chính sách xâm lược thuộc địa của Anh ở châu Á vào giữa thế kỷ XIX. Nguyên nhân chính thúc đẩy đến việc cắt đứt quan hệ ngoại giao vào cuối năm 1855 giữa Anh và Ba Tư là sự bất hoà giữa công sứ Anh ở Tê-hê-ran và thủ tướng Ba Tư vì một công dân Ba Tư - thư ký của công sứ quán Anh. Nguyên cơ gây ra chiến tranh là âm mưu của các nhà cầm quyền Ba Tư muốn chiếm công quốc He-rát. Thành phố chính của công quốc này là He-rát. He-rát là đầu mối thương mại và là một địa điểm chiến lược quan trọng, giữa thế kỷ XIX nó là nguyên nhân của mối bất hoà giữa Ba Tư, nước được Nga ủng hộ, với Á-p-ga-ni-xtan, nước được Anh khích lệ. Việc quân đội Ba Tư chiếm He-rát vào tháng Chín 1856 đã được bọn thực dân Anh lợi dụng để can thiệp vũ trang nhằm mục đích nô dịch cả Á-p-ga-ni-xtan lẫn Ba Tư. Sau khi tuyên chiến với Ba Tư ngày 1 tháng Mười một, họ đã cử các đội quân của mình đến He-rát. Nhưng cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc bắt đầu ở Ấn Độ từ những năm 1857 - 1859 đã buộc Anh phải vội vã ký kết hoà ước với Ba Tư. Tháng Ba 1857, theo hoà ước ký ở Pa-ri, Ba Tư đã từ bỏ tất cả những tham vọng của mình đối với He-rát. Năm 1863, He-rát đã được sáp nhập vào lãnh địa của thủ lĩnh Á-p-ga-ni-xtan.

Ban biên tập báo "New - York Daily Tribune", sau khi đăng bài này của Mác muộn mất hai tháng, đã bổ sung thêm vào đó các sự kiện liên quan tới cuộc chiến tranh và xảy ra sau khi bài báo được viết. - 95.

75 Đây nói tới các vụ Anh xâm chiếm lãnh thổ ở vịnh Ba Tư. - 97.

76 "*The Economist*" ("Nhà kinh tế học") - tạp chí hàng ngày của Anh về các vấn đề kinh tế và chính trị, được thành lập ở Luân Đôn năm 1843; cơ quan của giai cấp tư sản đại công nghiệp. - 98.

77 "*Journal des Chemins de Fer, des Mines et des Travaux Publics*" ("Báo đường sắt, hầm mỏ và công trình công cộng") - báo tư sản Pháp, xuất bản ở Pa-ri từ năm 1842. - 100.

78 Việc tăng thêm 45 xăng-tim cho mỗi phrăng của tất cả các thuế trực thu do Chính phủ lâm thời Pháp thi hành ngày 16 tháng Ba 1848 đã gây nên sự bất bình đặc biệt từ phía nông dân - bộ phận chủ yếu của những người nộ

thuế. Hậu quả của chính sách này của những người theo phái cộng hoà tư sản là giai cấp nông dân đã đoạn tuyệt với cách mạng và tại cuộc bầu cử tổng thống ngày 10 tháng Chạp 1848 họ đã bỏ phiếu cho Lu-i Bô-na-pác-tơ.

Xưởng quốc gia được thành lập sau Cách mạng tháng Hai 1848 do sắc lệnh của Chính phủ lâm thời Pháp. Mục đích theo đuổi của nó là làm cho những tư tưởng Blăng-Lu-i về tổ chức lao động mất hết uy tín trong công nhân, và mặt khác, là sử dụng những công nhân của các xưởng quốc gia được tổ chức theo lối quân sự vào cuộc đấu tranh chống giai cấp vô sản cách mạng. Vì kế hoạch khiêu khích chia rẽ giai cấp công nhân không thành công và công nhân làm ở các xưởng quốc gia ngày càng thối nát tinh thần cách mạng, nên chính phủ tư sản đã áp dụng một loạt biện pháp nhằm mục đích xoá bỏ các xưởng quốc gia (giảm số lượng công nhân, đưa họ vào làm các công tác xã hội ở tỉnh lẻ, v.v.). Điều này đã gây nên sự căm phẫn cao độ của giai cấp vô sản Pa-ri và là một trong những nguyên cớ khởi đầu cuộc khởi nghĩa tháng Sáu ở Pa-ri. Sau khi đàn áp cuộc khởi nghĩa, Chính phủ Ca-ve-nhắc đã thông qua sắc lệnh ngày 3 tháng Bảy bãi bỏ các xưởng quốc gia. - 103.

79 Mác có ý nói tới các sự kiện liên quan đến tang lễ ngày 7 tháng Giêng 1856 ở Pa-ri của nhà điêu khắc người Pháp Đa-vít Đơ-Ăng-giơ, người nổi tiếng bởi những quan điểm cộng hoà của mình. Trong thời kỳ đó đã lưu truyền một ca khúc cách mạng mà tác giả của nó được coi là nhà thơ Bê-răng-giơ. Khi nhìn thấy nhà thơ Bê-răng-giơ trong đám đông, các sinh viên tham dự buổi tang lễ đã chào mừng ông bằng những tiếng hô "Tự do muôn năm!". Sự thể hiện công khai tình thần chống Bô-na-pác-tơ trong thanh niên Pháp đã kéo theo một loạt người bị bắt ngay sau lễ tang và là nguyên nhân theo dõi về sau này của chính phủ. - 104.

80 "*L'Indépendance Belge*" ("Độc lập của Bỉ") - báo tư sản hàng ngày; thành lập ở Bruy-xen năm 1831; cơ quan của phái tự do. - 107.

81 Sau đây là đoạn mà ban biên tập báo "New - York Daily Tribune" thêm vào: "Và ở đây, ở Mỹ, chúng ta có thể hoàn toàn thấy rõ một điều nữa là: khi toà nhà đổ sập của ngón bịp bợm sụp đổ, nó sẽ chôn vùi cả chúng ta dưới những mảnh vụn của nó. Chúng ta khoe khoang sự phồn vinh của mình, nhưng nó lại được xây dựng trên cát. Chúng ta không hơn gì nước thuộc địa và các nước chư hầu của châu Âu. Chỉ có Na-pô-lê-ông đang phải rời ngôi vua, như là sự kiện đó biểu hiện rõ một cách sâu sắc qua những của cải trong những cái hòm của

kẻ đầu cơ chứng khoán ở phố Uôn-lơ, mà còn biểu hiện rõ một cách sâu sắc hơn thế nữa ở trong xưởng thợ và ở trong ngôi nhà thân thuộc của người lao động Mỹ". - 108.

82 *Hoà ước Cam-pô-phô-mi-ô*, được ký ngày 17 tháng Mười 1797 giữa Pháp và Áo, đã kết thúc cuộc chiến tranh bắt đầu năm 1792 của nước Cộng hoà Pháp chống Áo, nước tham gia vào Liên minh chống Pháp lần thứ nhất. Theo hoà ước, sau khi ra khỏi liên minh này vì quân đội Pháp đã chiến thắng, nước Áo được nhận một phần lớn lãnh thổ của nước Cộng hoà Vơ-ni-dơ (cùng với thành phố Vơ-ni-dơ) và phần lãnh thổ của I-xơ-ri-a và Đan-ma-xi thuộc Cộng hoà Vơ-ni-dơ trên bờ biển A-đri-a-tích; quần đảo I-ô-niêng và lãnh địa của nước Cộng hoà Vơ-ni-dơ ở ven biển An-ba-ni được sáp nhập vào nước Pháp.

Hoà ước Luy-nê-vin đã củng cố những điều kiện của Hiệp ước Cam-pô-phô-mi-ô; nó được ký giữa Pháp và Áo ngày 9 tháng Hai 1801 sau thất bại của các đội quân của Liên minh chống Pháp lần thứ hai. - 109.

83 Theo *Hoà ước Prê-xbuốc* được ký giữa Pháp và Áo ngày 26 tháng Chạp 1805, Áo thừa nhận để Pháp chiếm một phần lãnh thổ I-ta-li-a (Pi-ê-mông, Giê-nơ, Pác-ma, Pi-a-xơ-rơ, v.v.) và nhường cho vương quốc I-ta-li-a (có nghĩa là Na-pô-lê-ông I đã trở thành vua I-ta-li-a) các lãnh địa thuộc về nó ở ven biển A-đri-a-tích - Vơ-ni-dơ, I-xơ-ri-a và Đan-ma-xi, chỉ giữ lại cho mình Tơ-ri-e-xơ.

Theo hiệp ước ở Viên được ký giữa Pháp và Áo ngày 14 tháng Mười 1809 và được gọi là Hoà ước Suên - brun (nó được ký tại pháo đài Suên-brun ở Viên), nước Áo đã nhường cho Pháp Tơ-ri-e-xơ, một phần Crai-na và Kéc-nơ-then, một phần Crô-a-xi, Phi-u-mơ, I-xơ-ri-a với quần đảo và tất cả lãnh địa của mình dọc hữu ngạn sông Xa-va đến biên giới Bô-xni-a. Như vậy toàn bộ miền duyên hải Đan-ma-xi thuộc biển A-đri-a-tích đã chuyển từ Áo sang tay Pháp. - 109.

84 Theo hiệp ước năm 1815 được ký kết tại Hội nghị Viên do các nước Anh, Pháp, Nga, Phổ, Áo và các quốc gia khác ký trước trận Oa-téc-lô một vài ngày, các vùng Lôm-bác-di, Vơ-ni-dơ và một vài công quốc I-ta-li-a lại tách ra để nhập vào Áo. - 109.

85 *Lôi-dơ nước Áo* do Mác dùng để gọi công ty thủy vận được lập ra ở Tơ-ri-e-xơ năm 1833. Lôi-dơ là tên của một chủ hiệu cà-phê ở Luân Đôn, nơi lập ra (cuối thế kỷ XVII - đầu thế kỷ XVIII) công ty đầu tiên của Anh về bảo hiểm tàu thủy, rất nhiều công ty bảo hiểm thủy vận ở các nước châu Âu đã mang tên đó. - 110.

- 86 Xơ-ra-bôn. "Miêu tả đất nước", t.3 – 118.
- 87 *U-xcô-cơ* (tiếng Xéc-bi là Béc-lê-xơ) – người Xla-vơ vùng Ban-căng đã chạy ra vùng duyên hải Đan-ma-xi thuộc A-đri-a-tích sau khi Thổ Nhĩ Kỳ chiếm Bô-xni-a và Héc-xê-gô-vi-na vào nửa cuối thế kỷ XV. Bằng cách tổ chức thành những nhóm quân sự bí mật đặc biệt – từng đôi một (tổ), trong suốt 100 năm, từ thế kỷ XV – XVI, những người U-xcô-cơ đã tiến hành những cuộc đấu tranh chống Thổ Nhĩ Kỳ, tiến hành các cuộc đột kích trên bộ và trên biển nhờ có sự ủng hộ của nhân dân địa phương. Những hành động của người U-xcô-cơ ở vùng biển A-đri-a-tích cũng đã phá hoại cả nền thương mại hàng hải của Vơ-ni-dơ. Cuộc đấu tranh của những người U-xcô-cơ là một hình thức độc đáo của cuộc đấu tranh dân tộc, tôn giáo và giai cấp của cư dân bị chinh phục chống lại bọn xâm lược và bọn điền chủ địa phương. Kỷ niệm về lòng dũng cảm, gan dạ, việc sử dụng vũ khí một cách khéo léo và những chiến công của những người U-xcô-cơ đã được lưu lại đến ngày nay trong các bài dân ca của miền Tây Ban-căng. – 119.
- 88 Mác có ý nói tới tác phẩm III của Ph.Bô-tăng-Bô-prê "Rapports sur les rades, ports et mouillages de la côte orientale du golfe de Venise" ("Báo cáo về các vũng tàu, các cảng và các bến thuyền của bờ đông vịnh Vơ-ni-dơ"), được đăng trong "Annales hydrographiques". T.2, Paris, 1849 ("Biên niên sử thủy văn", t.2, Pa-ri, 1849). – 121.
- 89 *Vấn đề Nơ-sa-ten* – xem chú thích 68. – 124.
- 90 Có ý nói tới một loạt thất bại của công tước Các-lơ dũng cảm vùng Buốc-gun-đi trong các trận giao chiến với quân Thụy Sĩ ở Grăng-xơn (bang Va-át-tơ) ngày 2 tháng Ba 1476 và ở Muốc-tanh (bang Phrai-buốc) ngày 22 tháng Sáu 1476, cũng như trong trận chiến đấu ở thành phố Năng-xi (Đông – Bắc Pháp) ngày 5 tháng Giêng 1477, nơi quân đội của Các-lơ dũng cảm đã bị các đội quân của Thụy Sĩ, Lo-ren, An-dát và Đức đánh tan. – 125.
- 91 Theo Hiệp ước Viên năm 1815, nước Phổ đã nhận một phần Pô-mê-ra-ni – cái được gọi là Pô-mê-ra-ni của Thụy Điển. – 127.
- 92 *Hội nghị Công-xtăng-tanh* (1414 – 1418) đã được triệu tập nhờ sự ủng hộ tích cực của hoàng đế Đức Xi-ghi-dơ-mun-dơ nhằm mục đích củng cố tình hình sa sút của giáo hội Thiên chúa giáo trong điều kiện phong trào Cải cách tôn giáo đã bắt đầu. – 129.

- 93 *Gu-xít* – những người tham gia cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Séc trong những năm 1419 – 1434 chống lại bọn phong kiến Đức và giáo hội Thiên chúa giáo. Người cổ vũ tư tưởng của phong trào Gu-xít là nhà yêu nước vĩ đại và nhà bác học người Séc, lãnh tụ của phong trào Cải cách tôn giáo Séc là I-an Gu-xơ (khoảng 1369 – 1415), phong trào này đã được gọi theo tên của ông. Trong thời gian chiến tranh, quân đội Gu-xít, mà lực lượng chính của nó bao gồm các đội quân nông dân tự do, đã đánh lui 5 cuộc viễn chinh Thập tự quân do giáo hoàng và hoàng đế Đức tổ chức chống Séc. Duy chỉ có sự thỏa hiệp phản động của các phần tử quý tộc Buyech-ghéc-xơ người Séc với các lực lượng của bọn phản động phong kiến bên ngoài mà dẫn đến sự thất bại của cuộc khởi nghĩa nhân dân. Phong trào Gu-xít đã có ảnh hưởng lớn đến cuộc Cải cách tôn giáo ở châu Âu thế kỷ XVI. – 130.
- 94 *Phái Ta-bo* (từ thành phố Ta-bo – trung tâm của phong trào) – phái dân chủ cách mạng trong phong trào Cải cách tôn giáo và phong trào giải phóng dân tộc Gu-xít ở Séc (xem chú thích 93). Những người theo phái Ta-bo đã thể hiện qua các yêu sách của mình nguyện vọng của quần chúng nông dân và tầng lớp dân nghèo thành thị là xóa bỏ toàn bộ chế độ phong kiến. – 130.
- 95 *Liên minh Sman-can-đen* (mang tên của thành phố Phổ Sman-can-đen, nơi nó được ký kết) – liên minh của các công quốc theo đạo Tin lành với một loạt các thành phố đế chế, xuất hiện đầu năm 1531 nhằm bảo vệ sự nghiệp Cải cách tôn giáo chống các công quốc Thiên chúa giáo, đứng đầu là hoàng đế Sác-lơ V. Trong những năm 1546 – 1548 đã xảy ra cuộc chiến tranh giữa đế chế và liên minh, cuộc chiến tranh được kết thúc bằng thắng lợi của Sác-lơ V và bằng sự sụp đổ của Liên minh Sman-can-đen. Chỉ đến năm 1555, những người theo đạo Tin lành mới thắng được Sác-lơ V. – 130.
- 96 *Cuộc chiến tranh ba mươi năm* những năm 1618 – 1648 – cuộc chiến tranh toàn châu Âu lần thứ nhất, do cuộc đấu tranh giữa những người theo đạo Tin lành và những người theo đạo Thiên chúa làm bùng nổ. Cuộc chiến tranh được mở đầu bằng cuộc khởi nghĩa ở Séc chống ách áp bức của nền quân chủ Háp-xbuốc và sự công kích của thế lực phản động Thiên chúa giáo. Sau đó các quốc gia châu Âu tham gia vào cuộc chiến tranh đã chia làm hai phe: giáo hoàng, những người Tây Ban Nha và bọn Háp-xbuốc Áo, và các công quốc Thiên chúa giáo Đức liên kết lại dưới ngọn cờ Thiên chúa giáo chống lại các nước theo đạo Tin lành: Séc, Đan Mạch, Thụy Sĩ, nước Cộng hòa Hà Lan và một loạt các quốc gia Đức tham gia cuộc Cải cách tôn giáo. Các nước

theo đạo Tin lành đã được các vua Pháp và những người chống đối dòng họ Háp-xbuốc ủng hộ. Nước Đức là vũ đài chính của cuộc đấu tranh này, là đối tượng của sự ăn cướp bằng quân sự và tham vọng xâm lược của những kẻ tham gia chiến tranh. Cuộc chiến tranh mang tính chất chống thể lực phản động của bọn phong kiến chuyên chế châu Âu ở giai đoạn đầu đã biến thành một loạt cuộc xâm chiếm nước Đức của bọn xâm lược nước ngoài đang cạnh tranh nhau, đặc biệt là từ năm 1635. Cuộc chiến tranh được kết thúc vào năm 1648 bằng việc ký kết Hoà ước Ve-xtơ-pha-li, hoà ước củng cố thêm tình trạng phân tán chính trị của Đức. - 130.

97 Trong thời kỳ Cuộc chiến tranh ba mươi năm, tuyển đế hầu Bran-đen-buốc là Ghê-oóc-Vin-hem đã ký liên minh với Thụy Sĩ năm 1631, nhưng rất miễn cưỡng tiến hành chiến tranh. Sợ anh rể mình - vua Thụy Điển Gu-xtáp II A-đôn-phơ, người lãnh đạo Liên minh các nước theo đạo Tin lành - xâm chiếm Pô-mê-ra-ni, Ghê-oóc-Vin-hem đã nhanh chóng từ chối giúp đỡ anh rể mình. Năm 1635, ông ta đã phản bội Thụy Điển và ký kết hoà ước với hoàng đế Đức. - 130.

98 Cuộc chiến tranh những năm 1701 - 1714 để *giành quyền* thừa kế ở Tây Ban Nha đã diễn ra giữa một bên là Pháp và Tây Ban Nha với bên kia là Anh, Hà Lan, Áo, Phổ và các quốc gia khác của Đức, đứng đầu là hoàng đế Đức. Khởi đầu giống như một cuộc chiến tranh triều đại giữa những kẻ có kỳ vọng khác nhau để giành ngôi vua Tây Ban Nha, cuộc chiến tranh để giành quyền thừa kế ở Tây Ban Nha đã thực sự biến thành cuộc chiến tranh phân chia lãnh địa của Tây Ban Nha và trở thành cuộc xung đột lớn đầu tiên giữa Pháp và Anh nhằm giành sự thống trị trên biển và ở các thuộc địa. Cuộc chiến tranh đã kết thúc bằng việc phân chia Đế chế Tây Ban Nha thành từng phần, lãnh địa của Đế chế Tây Ban Nha ở Hà Lan và I-ta-li-a được trao cho Háp-xbuốc Áo, Gi-bran-ta và đảo Mê-nóc-ca - cho Anh v.v.. Kết quả của cuộc chiến tranh là làm cho lực lượng hàng hải và thuộc địa của Pháp suy yếu, lãnh địa của Pháp ở Bắc Mỹ đã chuyển sang Anh, nước được lợi nhiều nhất trong cuộc chiến tranh để giành quyền thừa kế ở Tây Ban Nha. - 131.

99 Nước Phổ tham gia cuộc chiến tranh phương Bắc đứng về phía nước Nga chống lại Thụy Điển, năm 1720 đã ký với Thụy Điển hoà ước, theo hoà ước, Phổ nhận một phần Pô-mê-ra-ni của Thụy Điển, đảo U-den-đôm và Vô-lin ở vùng Pô-móc.

Trong những năm 1772, 1793 và 1795 đã diễn ra ba cuộc phân chia nước

Ba Lan (Rê-chor Pa-xpô-li-ta), một nước mà lãnh thổ của nó đã bị phân chia giữa Nga, Phổ và Áo. Nước Nga được phần đất của Lít-va, Bê-la-ru-xi-a và U-crai-na. Phổ và Áo nhận đất bản địa của Ba Lan và phần phía Tây U-crai-na.

Tại Hội nghị Viên năm 1815 nhằm phân chia lại châu Âu giữa những người thắng Na-pô-lê-ông, Phổ nhận miền Bắc Dắc-den, Pô-dơ-nan, tỉnh Ranh và Ve-xtơ-pha-li; còn nước Nga nhận Vương quốc Ba Lan, bao gồm một phần đất Ba Lan thuộc lãnh địa của Phổ trước đây. - 132.

100 Cuộc xung đột với các nhà cầm quyền Trung Quốc ở Quảng Châu tháng Mười 1856 xảy ra là do người Anh khiêu khích. Lãnh sự Anh Pác-cơ đã lợi dụng việc các nhà cầm quyền địa phương Trung Quốc bắt giữ đội thủy thủ của chiếc tàu buôn lậu của Trung Quốc "Ê-râu" làm cớ để gây xung đột, ông ta lại viện cớ rằng con tàu đó treo cờ nước Anh. Kế tiếp sau cuộc xung đột là mệnh lệnh tàn bạo của người đại diện Anh ở Trung Quốc là Giôn Bao-rinh về việc pháo kích Quảng Châu mà không báo trước, đó là bước khởi đầu của cuộc Chiến tranh "nha phiến" lần thứ hai với Trung Quốc những năm 1856 - 1858. 133.

101 Đây nói tới Hiệp ước Anh - Trung Quốc ký ngày 8 tháng Mười 1843 để bổ sung cho Hiệp ước Nam Kinh được ký kết giữa Anh và Trung Quốc ngày 29 tháng Tám 1842. Hiệp ước Nam Kinh bất bình đẳng mang tính chất ăn cướp do những tên thực dân Anh ép buộc Trung Quốc phải ký sau khi kết thúc cuộc Chiến tranh "nha phiến" lần thứ nhất (1839 - 1842), cuộc chiến tranh đã mở đầu cho việc biến nước Trung Quốc phong kiến lạc hậu thành nước nửa thuộc địa. Hiệp ước dự định mở cửa cho thương mại Anh 5 cảng ở Trung Quốc: Hạ Môn, Ninh Ba, Quảng Châu, Phúc Châu, Thượng Hải, ban cho các thương gia nước ngoài toàn quyền buôn bán, tự do cư trú v.v. ở nước này. Hiệp ước quy định cả việc Trung Quốc phải trả khoản tiền lớn bồi thường chiến tranh, chuyển giao cho Anh quyền sở hữu vĩnh cửu đảo Hồng Công và áp dụng một biểu thuế quan mới, thuận tiện đối với người Anh. Theo hiệp ước bổ sung năm 1843, người Anh đã đạt được những sự nhân nhượng mới của Trung Quốc: quyền xây dựng tại các cảng mở cửa những khu cư trú đặc biệt dành cho người ngoại quốc (xét-tôn-men), trị ngoại pháp quyền, có nghĩa là những công dân nước ngoài không chịu sự xét xử của toà án Trung Quốc và áp dụng nguyên tắc tối huệ quốc, có nghĩa là mặc nhiên cho nước Anh được hưởng những đặc quyền mà các quốc gia khác được hưởng của Trung Quốc.

Ở đây có ý nói tới điều 9 của hiệp ước bổ sung, mà chiếu theo nó những người Trung Quốc có quan hệ với người Anh không phải chịu sự xét xử của các nhà cầm quyền Trung Quốc (xem tập này, tr.140-141). - 133.

102 Sau Cuộc chiến tranh "nha phiến" lần thứ nhất (1839 - 1842), vấn đề tranh chấp chủ yếu giữa những người Anh và Chính phủ Trung Quốc là yêu cầu của những thương gia Anh đòi được quyền buôn bán và định cư trong thành Quảng Châu, bởi vì điều 2 của Hiệp ước Nam Kinh không cho phép người nước ngoài trực tiếp làm điều đó. Về mặt này, những cố gắng đạt được của người Anh cũng liên quan cả tới một thực tế là Quảng Châu, là một thành phố duy nhất mà tất cả các quan hệ ngoại giao với Trung Quốc đều được tiến hành thông qua nó, bởi vì sau Cuộc chiến tranh "nha phiến" lần thứ nhất, các quốc gia bên ngoài vẫn chưa có những đại diện ngoại giao của mình ở Bắc Kinh. Vì rằng nhân dân Trung Quốc phản đối việc để cho những người nước ngoài được phép vào nội thành Quảng Châu, nên vấn đề này đã được nêu ra nhiều lần. Tháng Tư 1846, nước Anh đã thoả thuận được với các nhà cầm quyền Trung Quốc, theo đó Quảng Châu đã tuyên bố mở cửa cho những người nước ngoài vào. Nhưng vì làn sóng phản đối mạnh mẽ của cư dân thành phố nên quyết định cuối cùng chưa được thông qua. Năm 1847, sau khi đe dọa, người Anh đã được hứa sau hai năm nữa sẽ được Quảng Châu mở cửa cho vào thành phố. Nhưng đến năm 1849, khi tỉnh trưởng Hồng Công Bôn-hêm đòi thực hiện điều khoản này, ông ta đã buộc phải từ bỏ các yêu sách của mình vì sợ nhân dân nổi dậy. - 136.

103 Trong những năm 50 của thế kỷ XIX, một người Mỹ tên là Uy-li-am Oan-cơ, trước kia là một chủ nô - đã tiến hành một loạt các cuộc viễn chinh mạo hiểm để xâm lược các quốc gia Trung Mỹ. Năm 1855, trong thời kỳ chiến tranh giữa các phe phái ở nước cộng hoà Ni-ca-ra-goa, Oan-cơ, kẻ ủng hộ một trong những phái tham chiến, đã chiếm được thành phố chính của nước cộng hoà - Gra-na-da và sau đó đã tự tuyên bố là tổng thống của Ni-ca-ra-goa, nơi ông ta tự coi mình là kẻ độc tài và dự định phục hồi chế độ chiếm hữu nô lệ. Trong thời kỳ tiến hành cuộc viễn chinh mạo hiểm của mình ở Hôn-đu-rát, Oan-cơ bị bắt làm tù binh và năm 1860 bị xử bắn. Oan-cơ là công cụ của bọn trùm tư bản Mỹ Van-đéc-bin-tơ và Moóc-gan là những tên đang đấu tranh để giành chính quyền ở Ni-ca-ra-goa, nơi chúng dự định xây dựng một kênh đào nối liền Đại Tây Dương và Thái Bình Dương qua lãnh thổ của nước đó. - 138.

104 "*The Daily News*" ("Tin tức hằng ngày") - báo tự do Anh, cơ quan của giai cấp

tư sản công nghiệp; xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1846 đến năm 1930 với tên gọi này. - 139.

105 Lý do dẫn đến Cuộc chiến tranh "nha phiến" lần thứ nhất với Trung Quốc (1839 - 1842) là những biện pháp cưỡng quyết của ủy viên đặc biệt Lâm Di Hội chống lại việc buôn lậu nha phiến của Anh. Lâm Di Hội đã yêu cầu các thương gia Anh ở Quảng Châu giao cho ông ta khối nha phiến dự trữ và ra lệnh quăng nó xuống biển. Lợi dụng việc này, người Anh bắt đầu những hoạt động chiến tranh. - 139.

106 Mác có ý nói tới tình tiết là vào đầu năm 1857, vùng trung tâm của Trung Quốc, một khu vực giàu có và phì nhiêu nhất Trung Quốc, trải dài dọc Trung lưu sông Trường Giang, đã bị nghĩa quân Thái Bình chiếm (xem chú thích 72). - 139.

107 Đây nói tới cái gọi là cuộc xung đột Nơ-sa-ten (xem chú thích 68). - 140.

108 Tại *Dem-pa-khơ* (bang Luy-xéc) ngày 9 tháng Sáu 1386 đã xảy ra trận chiến đấu giữa quân Thụy Sĩ với các đội quân của công tước Áo Lê-ô-pôn III, kết thúc bằng chiến thắng của quân đội Thụy Sĩ.

Tại *Moóc-hác-tanh* ngày 15 tháng Mười một 1315 đã diễn ra trận đánh giữa đội dân binh Thụy Sĩ và đội quân của Lê-ô-pôn Háp-xbuốc, trong trận chiến đấu đó quân Thụy Sĩ đã chiến thắng.

Muốc-tanh và *Grăng-xơn* - xem chú thích 90. - 140.

109 Năm 1798 các đội quân của Chấp chính viện Pháp đã chiếm Thụy Sĩ; tại đây nước Cộng hoà Hen-vê-tích được tuyên bố thành lập và phụ thuộc hoàn toàn vào Pháp. Sự tập trung quyền lực được thiết lập ở Cộng hoà Hen-vê-tích phù hợp với bản hiến pháp được thông qua ngày 12 tháng Tư 1798 đã làm cho cuộc đấu tranh của các bang tiến bộ, nơi các quan hệ tư sản đã phát triển, với những bang gọi là những bang miền núi cũ đang còn lạc hậu về mặt kinh tế và xã hội ngày càng trầm trọng thêm. Khi nói về ba lần khởi nghĩa của các bang miền núi cũ. Ăng-ghe-n có ý nói đến cuộc đấu tranh của các bang đó chống các đội quân Pháp vào tháng Tư, tháng Năm và tháng Tám 1798. Do bị quân Thụy Sĩ đánh bại trong tất cả các cuộc đấu tranh này, các bang cũ buộc phải đầu hàng và gia nhập nước Cộng hoà Hen-vê-tích.

Trong thời kỳ cuộc chiến tranh của nước Pháp chống Khối liên minh chống Pháp lần thứ hai (1798 - 1801) được kết thúc bằng việc ký Hoà ước

Luy-nê-vin (xem chú thích 82), Thụy Sĩ đã trở thành một trong những địa bàn chính của các hoạt động quân sự. - 145.

110 Đây nói tới các cuộc chiến tranh xâm chiếm thuộc địa do thực dân Pháp tiến hành ở An-giê-ri trong những năm 30 - 70 của thế kỷ XIX nhằm chinh phục nước này. Cuộc xâm nhập của Pháp vào An-giê-ri đã gây nên cuộc kháng chiến trường kỳ và kiên cường của nhân dân A-rập. Về phía Pháp cuộc chiến tranh đã diễn ra hết sức khốc liệt. Đến năm 1847 cuộc xâm chiếm An-giê-ri về cơ bản đã hoàn thành, nhưng cuộc đấu tranh của nhân dân An-giê-ri vì độc lập của mình vẫn chưa chấm dứt. - 147.

111 *Cuộc khởi nghĩa Ti-rôn* - cuộc chiến tranh du kích của nông dân Ti-rôn (miền Tây nước Áo) chống quân Pháp, nổ ra vào tháng Tư 1809. Do quân đội Áo hỗ trợ kém nên cuộc khởi nghĩa đã bị quân Pháp và I-ta-li-a đàn áp năm 1810.

Cuộc chiến tranh du kích Tây Ban Nha - xem chú thích 52.

Cuộc khởi nghĩa của phái Các-lốt ở Ba-xơ - xem chú thích 49.

Cuộc chiến tranh của những người miền núi Bắc Cáp-ca-dơ chống Nga hoàng nổ ra vào cuối những năm 20 của thế kỷ XIX do chính sách thuộc địa của Nga hoàng và ách áp bức của bọn phong kiến địa phương được sự ủng hộ của Chính phủ Nga hoàng, gây nên. Nhìn chung, phong trào giải phóng của những người miền núi trong thời kỳ đó cũng mang một vài sắc thái phản động. Đứng đầu phong trào thường là những tín đồ của giáo phái Mua-rít - một trào lưu cuồng tín và hiếu chiến nhất trong những trào lưu phản động của đạo Hồi. Bằng cách dựa vào giới tăng lữ Hồi giáo, lợi dụng sự bất bình của những người miền núi, những người theo giáo phái Mua-rít đã tập hợp được những lực lượng quan trọng chống lại quân đội Nga hoàng. Vào những năm 30 họ đã thành lập được ở Đa-ghê-xtan và Sê-sen một tổ chức nhà nước quân sự mang tính chất tôn giáo, đứng đầu là Sa-min. Thổ Nhĩ Kỳ và Anh - những nước có ý định chiếm Cáp-ca-dơ của Nga, định lợi dụng phong trào do Sa-min đứng đầu vào mục đích xâm lược. Cuộc đấu tranh chống Sa-min, người được bố phòng trong những pháo đài rừng núi, gặp vô vàn khó khăn và kéo dài đến vài chục năm. Sau khi kết thúc cuộc Chiến tranh Crưm, quân đội Nga đã làm cho lực lượng Sa-min bị hết thất bại này đến thất bại khác và đến tháng Tám 1859, đã chiếm lĩnh nơi trú ngụ cuối cùng của lực lượng Sa-min - công sự Gu-níp. Việc hình thành từ những người theo giáo phái Mua-rít một giới quý tộc phong kiến mới, áp bức nông dân khiến nông dân rời bỏ Sa-min, đã góp phần làm cho Sa-min thất bại. - 149.

112 Đầu đề bài báo được đặt theo bản sơ thảo của Mác. - 151.

113 *Những người Xích* là tên gọi mà ở thế kỷ XVI người ta dùng để gọi một giáo phái ở Pen-giáp; học thuyết của giáo phái này về sự bình đẳng (hướng tới việc điều hoà Ấn Độ giáo với Hồi giáo) đã trở thành hệ tư tưởng của cuộc đấu tranh của nông dân diễn ra từ cuối thế kỷ XVII chống bọn phong kiến Ấn Độ và bọn xâm lược Áp-ga-ni-xtan. Sau này từ chính những người Xích đã hình thành một tầng lớp thượng lưu phong kiến, mà những đại biểu của nó đã đứng đầu quốc gia Xích, bao gồm toàn bộ Pen-giáp và một loạt các vùng lân cận vào đầu thế kỷ XIX. - 152.

114 *Hiệp ước Guy-li-xtan*, được ký vào ngày 24 (12) tháng Mười 1813, đã kết thúc cuộc chiến tranh Nga - Ba Tư những năm 1804 - 1813. Hiệp ước đã hợp thức hoá việc đưa vào thành phần Đế chế Nga các nước: Đa-ghê-xtan, Gru-di-a với tỉnh Su-ra-ghen, I-mê-rê-chi-a, Gu-ri-a, Mìn-grê-li-a và Áp-kha-dơ, cũng như các lãnh địa Ca-ra-bắc, Gan-gin, Sê-kin, Si-rơ-van, Đéc-ben-tơ, Cu-bin, Ba-kin và phần phía Bắc Ta-lư-sơ. Nước Nga được trao đặc quyền là có một hạm đội hải quân ở biển Ca-xpien; hiệp ước cũng quy định cả quyền tự do thương mại cho các thương gia của hai phía. - 152.

115 *Hiệp ước Tuốc-man-sai*, được ký ngày 22 (10) tháng Hai 1828 tại làng Tuốc-man-sai, đã kết thúc cuộc chiến tranh Nga - Ba Tư những năm 1826 - 1828 do quốc vương Ba Tư khởi đầu nhằm chiếm các lãnh địa Nga ở Nam Cáp-ca-dơ. Hiệp ước đã quy định biên giới mới giữa Nga và Ba Tư, chủ yếu là dọc sông A-rắc-xơ. Các lãnh thổ của vương quốc Ê-ri-van (dọc hai bờ sông A-rắc-xơ) và Na-khi-sê-van đã tách ra để nhập vào Nga. Quyền tự do đi lại trên biển Ca-xpien cho các tàu buôn Nga và đặc quyền đặt các hạm đội hải quân Nga ở đây đã được xác nhận. Quyền lãnh sự tài phán của Nga được ghi nhận, và một loạt các đặc quyền trong quan hệ buôn bán với Ba Tư cũng được ban hành. - 152.

116 Vào tháng Mười 1833, sau cái chết của người kế thừa ngôi vua Ba Tư là Áp-ba-xơ-mi-rơ-da, người được tuyên bố sẽ kế thừa ông ta là Mô-ham-mét-mi-rơ-da, con trai của ông ta, người được cử cầm quyền A-đéc-bai-gian. Vào tháng Mười 1834, sau khi vị cao niên Phê-thơ A-li, ông của Mô-ham-mét-mi-rơ-da tạ thế, đã xuất hiện không ít những kẻ có kỳ vọng lên ngôi vua. Công sứ Anh Kem-pơ-ben, vì có ý định đặt quốc vương mới phụ thuộc vào Anh, nên đã giúp Mô-ham-mét củng cố vững chắc ngôi vua, cấp tiền

để ông ta hành quân từ Ta-vri-dơ đến Tê-hê-ran. Sĩ quan Anh Lít-xơ đã chỉ huy các đội quân của Mô-ham-mét. - 155.

117 Có ý nói tới *Cuộc chiến tranh Anh - Áp-ga-ni-xtan* lần thứ nhất những năm 1838 - 1842, do Anh tiến hành nhằm mục đích nô dịch thuộc địa Áp-ga-ni-xtan. Tháng Tám 1839 Ca-bun bị chiếm, nhưng vì vào tháng Mười một 1841 ở đây đã nổ ra cuộc khởi nghĩa nên tháng Giêng 1842, những người Anh buộc phải rút lui về Ấn Độ và tháo chạy hốt hoảng. Trong số 4500 lính của quân đội Anh và 12000 người của đội pháo thủ khi về đến biên giới Ấn Độ chỉ còn lại một người. - 156.

118 Về *He-rát* - xem chú thích 74. - 158.

119 Đây nói tới cuộc hành quân Si-va của đội quân viễn chinh do thống đốc quân sự Ô-ren-buốc tướng V.A. Pê-rốp-xki chỉ huy, tiến hành vào tháng Mười một 1839, nhằm xâm chiếm công quốc Si-va. Đội quân bao gồm 5000 người với một số vũ khí và một đoàn xe chở lương thực đã lâm vào những điều kiện cực kỳ khó khăn do thiếu chuẩn bị cho cuộc hành quân mùa đông vượt qua các thảo nguyên hoang vắng; sau khi mất một nửa số người vì bệnh tật ốm đau hàng loạt, Pê-rốp-xki không đến được Si-va, đã buộc phải quay lại Ô-ren-buốc. - 161.

120 Quân Anh và Pháp đã thắng quân Nga ở *In-ke-rơ-man* ngày 5 tháng Mười một (24 tháng Mười) 1854. Sự thất bại của quân Nga là do một loạt những thiếu sót của bộ chỉ huy Nga: đưa quân vào dần dần, ngừng các hoạt động của đội Goóc-tra-cốp giữa lúc trận đánh quyết liệt nhất, và thiếu sự chỉ huy cương quyết của công tước tổng tư lệnh Men-si-cốp.

Xi-pai – các đội quân đánh thuê ở Ấn Độ do bọn thực dân Pháp, Anh và Bồ Đào Nha tuyển mộ trong dân cư địa phương từ giữa thế kỷ XVIII. Người Anh đã sử dụng các đội quân Xi-pai trong quân đội Anh – Ấn để chinh phục Ấn Độ và để giữ vững chính quyền trong các vùng chiếm đóng. – 163.

121 Trong cuốn sổ của Mác năm 1857 có bài được lấy nhan đề là "Ngân sách của Lu-ít". Bản sơ thảo của bài báo gồm hai phần, một phần được Mác gọi là "Ngân sách của ngài Gi-Lu-ít", còn phần thứ hai - "Thuế trực thu và thuế gián thu". - 165.

122 "*The Edinburgh Review*" ("Tập chí E-đin-bóc") - tạp chí văn học - chính trị Anh, xuất bản từ năm 1802 đến năm 1929; trong những năm 50 ba tháng xuất bản một số, có khuynh hướng tự do. - 165.

123 *Phrít-rê-dê-rơ* - những người ủng hộ tự do mậu dịch và sự không can thiệp của quốc gia vào đời sống kinh tế của đất nước. Trung tâm tuyên truyền của phái mậu dịch - tự do là Man-se-xtơ, nơi đây đã lập ra cái gọi là trường phái Man-se-xtơ - một khuynh hướng trong tư tưởng kinh tế phản ánh lợi ích của giai cấp tư sản công nghiệp. Đứng đầu phong trào của phái mậu dịch tự do là hai chủ xưởng dệt - Cốp-đen và Brai-tơ, những người tổ chức ra Đồng minh chống các đạo luật về ngũ cốc năm 1838. Trong những năm 40 - 50, phái mậu dịch tự do đã thành lập ra nhóm chính trị đặc biệt, sau này gia nhập đảng tự do Anh. - 166.

124 Đây nói tới việc ký hoà ước vào tháng Ba năm 1856 sau khi kết thúc Chiến tranh Crưm. 168.

125 *Nội các liên hiệp* - người ta gọi Nội các A-bóc-đin (1852 - 1855) như vậy. Tham gia nội các gồm các đại biểu của đảng Vích, phái Pin và phái cấp tiến, do đó nó có tên mỉa mai là "nội các của mọi thiên tài". - 169.

126 *Những người thuộc phái Pin* - nhóm các đảng viên ôn hoà của đảng To-ri được liên kết lại trong những năm 40 của thế kỷ XIX xung quanh R. Pin và ủng hộ chính sách của ông ta nhượng bộ giai cấp tư sản công - thương nghiệp trong lĩnh vực kinh tế đồng thời duy trì sự thống trị về chính trị của các đại điền chủ và các nhà tư bản tài chính. Năm 1846, vì lợi ích của giai cấp tư sản công nghiệp, Pin đã huỷ bỏ các đạo luật về ngũ cốc, điều này đã gây nên sự bất bình gay gắt của phái bảo hộ mậu dịch của đảng To-ri, dẫn đến sự chia rẽ đảng To-ri và sự phân lập của phái Pin. Từ khi Pin chết vào năm 1850, những người theo phái Pin trở thành một nhóm chính trị, không có một chương trình nhất định. Họ tham gia vào nội các liên hiệp A-bóc-đin (1852 - 1855); vào cuối những năm 50 - đầu những năm 60 họ vào đảng tự do.

Tháng Hai 1852, những người theo phái Pin đã ủng hộ bản sửa đổi của Pan-móc-xtơn đối với dự luật của chính phủ về cảnh sát và chính điều đó đã tạo điều kiện cho sự sụp đổ của chính phủ của huân tước Rôt-xen. Tháng Chạp cũng năm đó, phái Pin đã làm cho Chính phủ Đốc-bi phải từ chức bằng cách phản đối ngân sách do chính phủ đó đề ra. Tháng Hai 1855, sau khi bản sửa đổi của đảng viên đảng cấp tiến là Rô-bác về việc thành lập Ủy ban điều tra hoàn cảnh sống của quân đội ở Xê-va-xtô-pôn đã dẫn đến sự sụp đổ của Nội các A-bóc-đin, những người theo phái Pin đã giúp đỡ cho Pan-móc-xtơn lên cầm quyền bằng cách đồng ý tham nội các của ông ta. Nhưng khi các lãnh tụ của phái Pin - Glát-xtơn, Xít-ni Héc-bơc, và Giêm-xơ Grê-hêm, trở thành

những thành viên của nội các này, một thời gian sau đã đệ đơn từ chức, họ không hài lòng vì Pan-mốc-xơn không thể ngăn cản được việc thành lập uỷ ban của Rô-bác; Pan-mốc-xơn đã nhanh chóng thay họ bằng những đại biểu của đảng Vích. - 171.

127 *Nhà tế bần* được lập ra ở Anh vào thế kỷ XVII; dựa theo "Đạo luật mới về những người nghèo" được thông qua năm 1834, nhà tế bần đã biến thành hình thức duy nhất giúp người nghèo; nhà tế bần là chế độ tù khổ sai và được nhân dân gọi đùa là "trại giam người nghèo". - 172.

128 *Chiến trận Quảng Châu* là tên Mác gọi trận oanh kích của những người Anh ở Quảng Châu vào tháng Mười 1856 (xem chú thích 100). - 175.

129 "The Friend of China" - tên gọi tắt của tờ báo chính thức của Anh "The Overland Friend of China" ("Người bạn trên lục địa của Trung Quốc"), được xuất bản ở Vích-to-ri-a (Hong Công) từ năm 1842 đến năm 1859. - 176.

130 "Lợi nhuận nhiều nhất cho số người đông nhất" hay "hạnh phúc nhiều nhất cho số người đông nhất" - luận điểm chủ đạo của học thuyết của nhà xã hội học tư sản Anh, nhà lý luận của chủ nghĩa vị lợi Ben-tam - đã được ông trình bày trong một loạt tác phẩm. Đạo đức cá nhân hạn hẹp có tính chất tư sản của chủ nghĩa vị lợi, của học thuyết thừa nhận "lợi ích" hay "lợi lộc" là đạo đức chính duy nhất, đã cố gắng chứng minh khả năng có "hạnh phúc" chung và "sự hài hoà" trong xã hội tư bản chủ nghĩa một xã hội bị giằng xé bởi những mâu thuẫn giai cấp. - 177.

131 *Hội hoà bình* - tổ chức tư sản hoà bình chủ nghĩa do giáo phái Quây-cơ thành lập ở Luân Đôn năm 1816. Hội được sự ủng hộ tích cực của phái mật dịch tự do, phái này cho rằng, trong điều kiện hoà bình, nhờ tự do thương mại, nước Anh có thể sử dụng ưu thế công nghiệp của mình đầy đủ hơn và đạt được sự thống trị về kinh tế và chính trị. - 177.

132 Có ý nói tới cuộc cải cách bầu cử lần thứ hai ở Anh, tới cuộc đấu tranh nghị trường vì cuộc cải cách đó được bắt đầu trong những năm 50 của thế kỷ XIX. - 180.

133 Mác có ý nói tới hai lần tấn công thất bại của quân Anh ở pháo đài thứ ba của phòng tuyến Xê-va-xtô-pôn hay còn gọi là Rê-đan Lớn ngày 18 (6) tháng Sáu và ngày 8 tháng Chín (27 tháng Tám) 1855. Mác muốn ám chỉ sự kiện là trong những ngày tấn công Rê-đan, các đội quân Anh, do không tin tưởng vào

bộ tổng tư lệnh của mình và sợ hỏa lực đại bác của Nga, nên trong nhiều trường hợp hoặc là không chịu tấn công, hoặc chạy khỏi chiến trường.

Tháng Mười một 1855, những người Anh đã tham gia củng cố pháo đài Thổ Nhĩ Kỳ *Các-xơ* và chỉ huy bảo vệ pháo đài, sau cuộc bao vây pháo đài kéo dài đã nộp nó cho quân Nga do tướng Mu-ra-vi-ép chỉ huy. - 183.

134. Mác có ý nói tới cuộc xung đột giữa Anh và Mỹ vào cuối năm 1855 do sự cạnh tranh ở Trung Mỹ. Một trong những cái cớ để gây ra xung đột là âm mưu của Anh muốn tuyển mộ cho quân đội mình những binh sỹ tình nguyện ở Mỹ, nước có thái độ trung lập trong một cuộc Chiến tranh Crum. Quan hệ giữa hai nước đã trở nên căng thẳng từ trước do sự bất đồng ý kiến trong việc giải thích Hiệp ước Clây-tôn - Bun-véc được ký giữa Anh và Mỹ năm 1850 về những quy ước kiểm tra con kênh đào được dự định xây dựng trên lãnh thổ Ni-ca-ra-goa giữa Thái Bình Dương và Đại Tây Dương. Năm 1855, do có ý định chống lại những âm mưu của Anh muốn bám trụ trên bờ biển Mo-xki-tô của Trung Mỹ, Chính phủ Mỹ đã ủng hộ Uy-li-am Oan-cơ, một kẻ phiêu lưu người Mỹ đã chiếm Ni-ca-ra-goa và tự tuyên bố mình là tổng thống của nước cộng hoà này hồi tháng Năm 1855. Đáp lại sự phản đối quyết liệt của Anh, Mỹ đã đe dọa Anh là sẽ cắt đứt quan hệ ngoại giao với Anh. Nhưng cuộc xung đột đã được dàn xếp vào tháng Mười 1856 bằng cách Chính phủ Mỹ ít lâu sau sẽ kết án kẻ phiêu lưu Oan-cơ, còn Chính phủ Anh, do tính đến các quan hệ kinh tế chặt chẽ của giai cấp tư sản Anh với Mỹ, đã từ bỏ mọi tham vọng của mình đối với lãnh thổ vùng bờ biển Mo-xki-tô.

Cuộc viễn chinh Na-plơ - xem chú thích 68.

Những cuộc xích mích giả tạo với Bô-na-pác-tơ - Mác gọi sự bất hoà nảy sinh giữa Anh và Pháp sau Hội nghị Pa-ri năm 1856 về một loạt vấn đề quốc tế như vậy. Một trong những nguyên nhân làm cho quan hệ Anh - Pháp xấu thêm là sự xích lại gần Nga của Pháp nổi bật lên trong thời kỳ này. Nhưng sự bất hoà Anh - Pháp không mang tính chất nghiêm trọng và không thể kéo theo những hậu quả nghiêm trọng nào, bởi vì Chính phủ Anh bận đàn áp cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc nổ ra năm 1857 ở Ấn Độ.

Cuộc xâm chiếm Ba Tư - xem chú thích 74.

Vụ thảm sát ở Trung Quốc - Mác gọi trận pháo kích dã man của quân Anh ở Quảng Châu vào tháng Mười 1856 như vậy (xem chú thích 100). - 183.

135 *On-đơ - Bây-li* - tên gọi thành quách của nhà tù Niu-ghết ở Luân Đôn, nơi có toà án hình sự trung ương. - 184.

136 Anh em Ban-đi-ê-ra - người I-ta-li-a, là những sĩ quan của quân đội Áo và là những chiến sĩ đấu tranh để giải phóng I-ta-li-a khỏi ách thống trị của Áo; tháng Sáu 1844, họ đã đổ bộ vào Ca-la-bri để làm cuộc khởi nghĩa chống dòng họ Bước-bông ở Na-plơ và sự thống trị của Áo, nhưng họ đã bị phản bội và bị xử tử. Giêm-xơ Grê-hêm, lúc đó là bộ trưởng nội vụ, đã ra lệnh cho Tổng cục bưu điện Anh giao cho cảnh sát kiểm duyệt thư từ của những người cách mạng I-ta-li-a lưu vong nhằm mục đích báo lại nội dung của chúng cho Chính phủ Áo. Các giới dân chủ đông đảo ở Anh phản nộ vì sự kiện này, đã coi đó là nguyên nhân gây nên cái chết của anh em Ban-đi-ê-ra, bởi vì anh em Ban-đi-ê-ra là những hội viên của hội "Nước I-ta-li-a trẻ" và có quan hệ với Mát-di-ni, người đang sống lưu vong ở Anh. - 186.

137 Trong cuốn sổ tay của Mác năm 1857 bài này được lấy nhan đề là "Pan-móc-xtơn và cuộc tổng tuyển cử". - 190.

138 "*Những người phục sinh*" - ở Anh người ta gọi những người đã bí mật đào xác những người đã chết và báo chúng cho các phòng giải phẫu với cái tên như vậy. Trong những năm 20 của thế kỷ XIX, khi việc làm này đã có quy mô đặc biệt lớn, rất nhiều người đã biết vụ một công dân thành phố Ê-đen-buốc là Uy-li-am Bóc-cơ đã nghĩ ra phương pháp giết người để phục vụ cho mục đích này mà không để lại dấu vết phạm tội. - 190.

139 *Phố Dao-ninh* - phố ở trung tâm Luân Đôn, nơi có dinh thự chính phủ của thủ tướng Anh và một số bộ khác; đồng nghĩa với Chính phủ Anh. - 191.

140 "*Punch*" - tên gọi tắt của tạp chí châm biếm hàng ngày của Anh theo khuynh hướng tư sản tự do "Punch, or the London Chavirari" ("Sự vụng về hay là sự ồn ào ở Luân Đôn"); xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1841.

Cốp-ta Đại đế - tên của nhà tư tế Ai Cập do bá tước Ca-li-ô-xtơ-rô (Giu-dép-pơ Ban-da-mô), một kẻ bịp bợm nổi tiếng ở thế kỷ XVIII nghĩ ra. Dường như ông ta là người đứng đầu "Hội tam điểm Ai Cập" nào đó mà Ca-li-ô-xtơ-rô mạo nhận mình là người sáng lập và là nhà hoạt động của hội đó. Hắn ta quả quyết rằng trong thời gian đi khắp Ai Cập, hắn đã đi sâu vào những bí mật của đạo lý Ai Cập, và trong hoạt động của mình hắn đã tuân theo tinh thần của Cốp-ta Đại đế có sức mạnh toàn năng và biết nhiều, hiểu rộng được hoá thân trong bản thân hắn ta. - 192.

141 *Những cuốn Sách xanh (Blue Books)* - tên chung dùng để gọi các tập văn kiện của Nghị viện Anh và cả các văn kiện của Bộ ngoại giao Anh. Vì bìa bọc màu

xanh nên tập sách có tên gọi như vậy, chúng đã được xuất bản ở Anh từ thế kỷ XVII và là nguồn tư liệu chính thức chủ yếu về lịch sử kinh tế và ngoại giao của nước này. Ở đây có ý ám chỉ cuốn Sách xanh có nhan đề "Correspondence respecting Insults in China. Presented to the House of Commons by Command of Her Majesty, 1857" [London] 1857 ("Các thư tín nói về sự làm nhục ở Trung Quốc. Đã được trình lên hạ nghị viện năm 1857 theo lệnh của đức vua. [Luân Đôn] 1857). - 193.

142 Ngày 4 tháng Mười một 1851, Lu-i-Bô-na-pác-tơ đã gửi cho Quốc hội bản thông điệp mà nội dung của nó là yêu sách my dân đòi phục hồi trong nước quyền phổ thông đầu phiếu. Sau khi Quốc hội bác bỏ bản dự luật do Nội các Bô-na-pác-tơ đưa ra về vấn đề này, Lu-i-Bô-na-pác-tơ đã làm cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851. - 195.

143 Năm 1817, nhằm chấm dứt phong trào dân chủ của quân chúng đòi cải cách bầu cử và chống các đạo luật về ngũ cốc, nội các Li-vóc-pun của đảng To-ri (trong đó Ca-xlê-ri là bộ trưởng ngoại giao, Xít-mút - bộ trưởng nội vụ và Pan-móc-xtơn - quốc vụ khanh về các vấn đề quân sự (ở ngoài nội các), quản lý tài chính quân sự) đã tạm đình chỉ hiệu lực của Habeas Corpus Act và vội vàng tiến hành cái gọi là "Luật bịt mồm bịt miệng" (Gagging act), mà theo luật này quyền hội họp bị hạn chế, các câu lạc bộ của phái cấp tiến bị đóng cửa, các nhân viên của toà thị chính được quyền cấm xuất bản và truyền bá những cuốn sách theo khuynh hướng cấp tiến.

Habeas Corpus Act được Nghị viện Anh thông qua năm 1679. Theo đạo luật này, mỗi một lệnh bắt giữ đều phải nêu lý do, và người bị bắt hoặc phải được đưa ra toà trong một thời hạn ngắn (từ 3 đến 20 ngày) hoặc được tha. Habeas Corpus Act không có hiệu lực đối với tội phản bội Tổ quốc và có thể bị tạm đình chỉ bởi quyết định của nghị viện.

Vụ thảm sát dân ở Man-se-xtơ là tên gọi được Mác dùng để chỉ cuộc đàn áp đẫm máu do quân đội Anh tiến hành ngày 16 tháng Tám 1819 đối với những người tay không tham gia cuộc mít-tinh quần chúng đòi cải cách bầu cử và chống các đạo luật về ngũ cốc diễn ra ở đồng bằng Xanh-Pi-téc (Xanh Pi-téc-xơ-phin-đơ) gần Man-se-xtơ. Vì có những điểm tương đồng với trận đánh ở Oa-téc-lô, những người cùng thời gọi sự kiện này là vụ thảm sát ở Pi-téc-lô.

Các đạo luật về ngũ cốc ở Anh được thi hành năm 1815 đã quy định đánh thuế cao đối với ngũ cốc nhập khẩu và cấm nhập ngũ cốc, nếu như giá một quắc-tơ ngũ cốc ở trong nước thấp hơn 80 si-linh. Do có ảnh hưởng cực

kỳ nghiêm trọng đến tình cảnh của tầng lớp dân nghèo, các đạo luật về ngũ cốc cũng không có lợi cho cả giai cấp tư sản công nghiệp, bởi vì chúng làm tăng giá sức lao động, giảm sức chứa của thị trường trong nước và cản trở sự phát triển ngoại thương. Các đạo luật về ngũ cốc đã được xoá bỏ vào năm 1846 do kết quả cuộc đấu tranh trường kỳ giữa các đại điền chủ và giai cấp tư sản. - 195.

144 Đây nói tới cuộc khởi nghĩa Thái Bình Thiên Quốc (xem chú thích 72). - 198.

145 Mác có ý nói đến các thủ đoạn mỵ dân của Lu-i Bô-na-pác-tơ trong thời kỳ chuẩn bị và tiến hành cuộc chính biến năm 1851 (xem "Ngày 18 tháng Sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ", chương VI và VII, C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1993, t.8). - 200.

146 Ý nói tới cuộc cải cách bầu cử do Nghị viện Anh tiến hành vào tháng Sáu 1832. Cuộc cải cách nhằm chống sự độc quyền về chính trị của tầng lớp quý tộc tài chính và ruộng đất và cho phép các đại biểu của giai cấp tư sản công nghiệp tham gia nghị viện. Giai cấp vô sản và tiểu tư sản là lực lượng chính trong cuộc đấu tranh đòi cải cách, họ đã bị giai cấp tư sản tự do lừa gạt và không được quyền bầu cử. - 201.

147 *Phái chính thống* - những người ủng hộ nhánh trưởng của triều đại Bốc-bông, đại diện cho quyền lợi của chế độ đại chiếm hữu ruộng đất cha truyền con nối, bị lật đổ ở Pháp năm 1792. Năm 1830, sau khi triều đại này bị lật đổ lần thứ hai, phái chính thống đã liên hợp lại thành một đảng chính trị.

Phái Oóc-lê-ăng - phái quân chủ của tầng lớp quý tộc tài chính và giai cấp đại tư sản, những người ủng hộ công tước Oóc-lê-ăng, nhánh thứ của triều đại Bốc-bông, nhánh này cầm quyền từ thời kỳ cuộc Cách mạng tháng Bảy 1830 đến Cách mạng 1848. Trong thời kỳ nền Cộng hoà thứ hai (1848 - 1851), họ đã liên kết với phái chính thống và lập ra cái gọi là đảng trật tự. - 201.

148 Mác trích một bài đăng trên một tờ báo Luân Đôn "The Morning Advertiser". - 203.

149 Âm chỉ huyền thoại về Ăng-tê. - 203.

150 Nói tới sự tham gia của Rôt-xen tại các cuộc hội đàm của các đại biểu Nga, Áo, Pháp, Anh và Thổ Nhĩ Kỳ được tổ chức ở Viên theo sáng kiến của Áo vào tháng Chạp 1845. Tháng Ba 1855, các cuộc hội đàm này đã biến thành đại hội kéo dài đến tháng Sáu 1855. Mục đích của Đại hội Viên là dự thảo một hiệp định để trên cơ sở đó sẽ bắt đầu đàm phán về việc ký hoà ước giữa

những nước tham gia Chiến tranh Crưm. Nội các Luân Đôn không tán thành ý định của Rôt-xen muốn thúc giục Áo làm cho đề nghị của Áo về việc hạn chế lực lượng hải quân Nga ở Hắc Hải mang hình thức tối hậu thư. Nước Nga đã từ chối chấp nhận yêu cầu này của các quốc gia phương Tây, vì thế các cuộc đàm phán đã thất bại. Kết quả là Rôt-xen buộc phải từ chức; bằng chính cách đó Pan-móc-xơn đã thực hiện được mục đích bí mật của mình - làm mất uy tín của đối thủ của mình. - 203.

151 *Pháp lệnh về việc tuyên thệ* (Test Act) năm 1673 yêu cầu những người giữ các chức vụ nhà nước thừa nhận những giáo lý của giáo hội Anh. Pháp lệnh này được huỷ bỏ năm 1828.

Pháp lệnh về các cơ quan thị chính (Corporation Act), được thông qua năm 1661, yêu cầu những người giữ các chức vụ dân cử (chủ yếu muốn nói đến những cơ quan tự quản thành phố) phải thừa nhận những giáo lý của giáo hội Anh. Pháp lệnh được huỷ bỏ năm 1828.

Dự luật về cải cách nghị viện - xem chú thích 146.

Pháp lệnh về các cơ quan tự quản thành phố ở Xcốt-len (1833) và *về việc cải cách các thành phố tự quản ở Anh* (1835) đã áp dụng trong các thành phố lớn, trừ Luân Đôn, một chế độ thống nhất về tự quản thành phố, ở Xcốt-len các cơ quan của nó là do những chủ nhà có mức thu nhập trong năm không dưới 10 pao bầu ra, còn ở Anh - thì do tất cả những người nộp thuế bầu ra. Nhờ pháp lệnh này, phái theo đảng Vích trong giai cấp tư sản đã giành được quyền lực trong đại đa số các thành phố lớn.

Thuế thập phân của nhà thờ là thứ thuế do dân bản địa theo đạo Thiên chúa ở Ai-rơ-len, bắt đầu từ thế kỷ XVI, buộc phải đóng cho giáo hội quốc giáo Anh, nó đã bị xoá bỏ trước sức ép của phong trào quần chúng bằng pháp lệnh năm 1838. Nhưng việc "xoá bỏ" này chỉ liên quan đến hình thức thu thuế: thay việc nộp cho bằng hiện vật, nhà thờ tiếp tục nhận được khoản thu dưới dạng địa đồ đặc biệt bằng tiền nhờ vào việc tăng địa tô của nông dân Ai-rơ-len.

Những tín đồ phi quốc giáo - đại diện của các giáo phái và các trào lưu tôn giáo ở Anh, đã từ bỏ ở mức độ này hay mức độ khác các tín điều của giáo hội chính thống Anh. Dự luật về những tín đồ phi quốc giáo cho phép họ tiến hành nghi lễ kết hôn trong các nhà thờ riêng của họ, đã được Rôt-xen trình hạ nghị viện năm 1834. - 204.

152 *Thuế tem* (stamp duty) và *thuế danh vào các quảng cáo*, (advertisement duty) - hai hình thức đóng thuế của các tờ báo ở Anh được thi hành năm 1712 nhằm mục đích tăng thu nhập của nhà nước và đấu tranh chống báo chí đối lập. Thuế tem và thuế đánh vào các quảng cáo đã làm cho giá báo tăng một cách ghê gớm, hạn chế việc truyền bá chúng và làm cho chúng quá đắt đối với quần chúng đông đảo. Do cú càn về sau càng tăng thêm, chúng đã thành trở ngại đáng kể đối với giai cấp tư sản công nghiệp đang phát triển, do áp lực của giai cấp này, nghị viện buộc phải hạ thấp thuế tem năm 1836, và đến năm 1855 phải huỷ bỏ nó. Thuế đánh vào quảng cáo bị huỷ bỏ năm 1853. Đối với một số ít các báo đắt tiền, việc huỷ bỏ các thuế này là không có lợi, bởi vì nó làm xuất hiện một số lượng lớn báo giá rẻ, gây nên sự cạnh tranh với các báo cũ và làm giảm mức thu nhập của các báo này. - 205.

153 *Đồng minh chống các đạo luật về ngũ cốc* do các chủ xưởng ở Man-se-xtơ là Cóp-đen và Brai-tơ thành lập năm 1838. Nhờ đưa ra yêu sách đòi tự do thương mại hoàn toàn, đồng minh đã xoá bỏ được các đạo luật về ngũ cốc (xem chú thích 143) nhằm mục đích hạ tiền công của công nhân và làm suy yếu địa vị kinh tế và chính trị của tầng lớp quý tộc ruộng đất. Trong cuộc đấu tranh của mình chống bọn điền chủ, đồng minh định lợi dụng quần chúng công nhân, nhưng chính thời kỳ này, những công nhân tiến bộ Anh đã bước lên con đường của một phong trào công nhân được hình thành có tính chất độc lập về chính trị (phong trào Hiến chương). Cuộc đấu tranh giữa giai cấp tư sản công nghiệp và giới quý tộc ruộng đất vì các đạo luật về ngũ cốc kết thúc bằng việc thông qua các dự luật xoá bỏ chúng năm 1846. - 206.

154 Sau đây là đoạn do ban biên tập báo "New - York Dailly Tribune" bổ sung thêm: "Để duy trì sự giao lưu của đạo Cơ đốc và sự giao lưu thương mại với Trung Quốc ở mức độ cao nhất, mong rằng chúng ta hãy đứng ngoài cuộc xung đột này và mong những người Trung Quốc đừng đi đến kết luận rằng tất cả các dân tộc của thế giới phương Tây đã liên kết lại, lập mưu bí mật chống người Trung Quốc". - 212.

155 "*Pester Lloyd*" ("Lôi-đơ-Pét") - báo Hung-ga-ri theo khuynh hướng tự do, cơ quan bán chính thức của Chính phủ Hung-ga-ri, xuất bản ở Bu-đa-pét hai kỳ trong một ngày bằng tiếng Đức từ năm 1853 đến năm 1944. - 213.

156 "*The Morning Post*" ("Bưu điện buổi sáng") - báo bảo thủ hàng ngày ở Anh; xuất bản ở Luân Đôn trong những năm 1772 - 1937. Vào giữa thế kỷ XIX là

cơ quan của các thành viên phái hữu của đảng Vích tập hợp xung quanh Pan-móc-xtơ. - 215.

157 Khi làm sáng tỏ vấn đề về kết quả của cuộc bầu cử ở Man-se-xtơ, Mác sử dụng những bức thư của Ăng-ghe-n để ngày 11, 20 và đặc biệt là bức thư để ngày 31 tháng Ba 1857. - 219.

158 - Tại cuộc mít-tinh của các cử tri ở Man-se-xtơ ngày 18 tháng Ba 1857, để bảo vệ quyền lợi của giai cấp tư sản công nghiệp, Cóp-đen đã chỉ trích kịch liệt chính sách đối nội và đối ngoại của Chính phủ Pan-móc-xtơ, đặc biệt là chính sách xâm lược của ông ta đối với Trung Quốc và Ba Tư. Đồng thời Cóp-đen đã nhận xét xấu về Bóp Lâu và những ứng cử viên khác, những người được chính phủ ủng hộ. - 219.

159 Mác ám chỉ bài ngụ ngôn của Ê-dốp "Về con quạ và con cáo". - 219.

160 *Ngài Giôn Phôn-xáp* - nhân vật trong các tác phẩm của Sếch-xpia "Mấy bà vui tính ở Uyn-do" và "Vua Hăng-ri IV"; loại người khoe khoang, tham ăn, nghiện rượu và dâm dăng. - 217.

161 *Những vị nghị sĩ đỡ đầu của báo chí rẻ tiền* - Mác gọi những người cấp tiền tư sản Man-se-xtơ (đặc biệt là Brai-tơ) như vậy, họ ở ngoài hay trong nghị viện đều đã tích cực tham gia tuyên truyền đòi huỷ bỏ thuế tem và thuế đánh vào quảng cáo (xem chú thích 152). - 218.

162 "*The Manchester Guardian*" ("Người bảo vệ Man-se-xtơ") - báo tư sản Anh, cơ quan của những người ủng hộ tự do mậu dịch (Phái tự do mậu dịch) về sau là cơ quan của phái tự do; được thành lập ở Man-se-xtơ năm 1821. - 218.

163 Là thủ lĩnh của Phái tự do mậu dịch Anh, Brai-tơ đã phản đối sự tham gia của Anh trong cuộc Chiến tranh Crưm. Giống như những người theo chủ nghĩa hoà bình tư sản, Phái tự do mậu dịch cho rằng, không dùng đến chiến tranh, chỉ cần tự do thương mại, nước Anh có thể sử dụng ưu thế công nghiệp của mình với hiệu quả lớn nhất để giành sự thống trị về kinh tế và chính trị. - 219.

164 *Bọn theo đuôi Nghị viện trường kỳ* - những môn đồ của giáo phái độc lập, tức giáo phái của những người ủng hộ giáo hội Tin lành (giáo phái này xuất hiện trong thời kỳ cách mạng tư sản Anh thế kỷ XVII) còn lại trong hạ nghị viện sau khi những người theo phái thanh giáo bị đuổi khỏi hạ nghị viện vào cuối năm

- 1648, nhưng hầu như họ không có quyền lực thực sự nào. Ngày 20 tháng Tư 1653, Crôm-oen đã giải tán bọn theo đuôi Nghị viện trường kỳ. - 219.
- 165 *Bộ trưởng người Anh chính cống* - từ do huân tước Rốt-xen dùng để gọi huân tước Pan-mốc-xơn tại phiên họp hạ nghị viện ngày 25 tháng Sáu 1850, những lời lẽ kiêu căng "civis romanus sum" ("tôi là công dân La Mã") mà ông ta sử dụng trong bài diễn văn đọc tại cuộc họp hạ nghị viện này đã được giai cấp tư sản Anh hưởng ứng nồng nhiệt. Pan-mốc-xơn đã biện bạch cho những hành động của hải quân Anh tấn công Hy Lạp là để bảo vệ một công dân Anh, người gốc Bồ Đào Nha, thương gia Đôn Pa-xi-phi-cô, kẻ có ngôi nhà ở A-ten đã bị cháy. Pan-mốc-xơn tuyên bố rằng, giống như công thức của công dân La Mã "civis romanus sum" bảo đảm cho các công dân La Mã cổ đại uy tín và lòng kính trọng của mọi người, quốc tịch Anh phải là cái bảo đảm sự toàn vẹn và an toàn cho các công dân Anh tại bất kỳ nơi nào họ ở. - 221.
- 166 Ăng-ghe-n có ý nói tới Cuộc chiến tranh "nha phiến" lần thứ nhất ở Trung Quốc những năm 1839 - 1842 (xem chú thích 101). Các tàu chiến Anh xuất hiện ở Quảng Châu vào tháng Chín 1839, nhưng cho đến tháng Sáu 1840, khi hải quân Anh chưa đến Trung Quốc, thì các hoạt động quân sự chỉ mang tính chất đụng độ lẻ tẻ. - 222.
- 167 Ý nói tới Hiệp ước Nam Kinh năm 1842 (xem chú thích 101). - 225.
- 168 Ý nói tới cuộc khởi nghĩa Thái Bình Thiên Quốc ở Trung Quốc (xem chú thích 72). Đúng đầu "Thái Bình Thiên Quốc" do những người Thái Bình thành lập năm 1851 là lãnh tụ của phong trào Thái Bình Thiên Quốc Hồng Tú Toàn, người được những người Thái Bình phong là Thái Bình Thiên Vương. Tháng Ba 1853, sau khi chiếm được Nam Kinh, những người Thái Bình đã lấy nó làm thủ đô của mình. - 226.
- 169 *"The Press"* ("Báo chí") - báo hàng tuần của Anh, cơ quan của đảng To-ri; xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1853 đến năm 1866. - 227.
- 170 *"The Examiner"* ("Người quan sát") - tạp chí hàng tuần của Anh theo khuynh hướng tự do tư sản, xuất bản ở Luân Đôn trong những năm 1808 - 1881. - 228.
- 171 *Nội các của mọi thiên tài* - xem chú thích 125. - 229.
- 172 Đây nói tới các sự kiện của cuộc Chiến tranh Crưm. Tháng Tư 1854, các đoàn tàu chiến của Pháp và Anh đã bắn phá Ô-đét-xa, song, trận bắn phá này mang

- tính chất thị uy nhiều hơn nên thành phố ít bị tổn hại. Thời kỳ này phái Pin nắm chính quyền, đã kịch liệt phê phán lập trường của nghị viện ngay trên báo chí Anh về sự thiếu cương quyết trong khi tiến hành các hoạt động chiến tranh. - 230.
- 173 *"The Sun"* ("Mặt trời") - báo hàng ngày thuộc phái tự do tư sản ở Anh, xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1798 đến năm 1876.
- "The Morning Advertiser"* ("Người đưa tin buổi sáng") - báo hàng ngày của Anh, được thành lập ở Luân Đôn năm 1794; trong những năm 50 của thế kỷ XIX, là cơ quan của giai cấp tư sản cấp tiến. - 230.
- 174 Về sứ mệnh ngoại giao của Rốt-xen ở Viên - xem chú thích 150. - 231.
- 175 "Reports of the Inspectors of Factories to Her Majesty's Principal Secretary of State for the Home Department, for the Half Year ending 31 st October 1856" London, 1857 ("Báo cáo của các viên thanh tra công xưởng trình bộ trưởng nội vụ về nửa năm, tính đến ngày 31 tháng Mười 1856", Luân Đôn 1857). - 233.
- 176 *Các toà án chính nghĩa* - xem chú thích 61. - 233.
- 177 Khi quân Anh bắn phá Quảng Châu hồi tháng Mười 1856 (xem chú thích 100) thiệt hại của hạm đội Anh tổng cộng là 3 người. - 234.
- 178 Mác trích bức thư của kỹ sư Nê-xmít đề tháng Mười một 1852 gửi viên thanh tra công xưởng I.Hoóc-nơ, được đăng trên "Reports of the Inspectors of Factories to Her Majesty's Principal Secretary of State for the Home Department for the Half Year ending 31 st October 1856". London, 1857. - 242.
- 179 Đạo luật cấm trẻ em dưới 9 tuổi lao động tại các xưởng sợi bông, xưởng dệt len, xưởng dệt lanh, xưởng dệt lụa, đã được nghị viện thông qua năm 1833. - 245.
- 180 Nhan đề được dựa theo cuốn sổ tay của Mác năm 1857. - 246.
- 181 *"Great Unpaid"* ("Có tiếng mà không có miếng") - thành ngữ mỉa mai được sử dụng ở Anh để chỉ những người có chức trách ở các toà án hoà giải, nhưng không được một món thù lao nào cho danh hiệu cao quý của mình cả. - 252.
- 182 Nhan đề được dựa theo cuốn sổ tay của Mác năm 1857. - 257.
- 183 Trong cuốn sổ tay của Mác năm 1857 bài này được lấy nhan đề là: "(Cuộc chiến tranh) Trung Quốc - Ba Tư". - 267.

184 Đây nói tới cuộc chiến tranh Anh - Ba Tư những năm 1856 - 1857 (xem chú thích 74) và Cuộc chiến tranh "nha phiến" lần thứ hai chống Trung Quốc những năm 1856 - 1858. Nguyên cớ gây ra cuộc chiến tranh nha phiến lần thứ hai là cuộc xung đột giữa các đại diện Anh và các nhà cầm quyền Trung Quốc ở Quảng Châu (xem chú thích 100). Các hành động gây chiến ở Trung Quốc kéo dài có cách quãng đến tháng Sáu 1858 và được kết thúc bằng hiệp ước Thiên Tân, một hiệp ước ăn cướp. - 267.

185 *Cuộc chiến tranh Nga - Thổ Nhĩ Kỳ những năm 1828 - 1829* do Ni-cô-lai I khởi đầu lấy cớ là để ủng hộ phong trào dân tộc của dân Cơ đốc giáo Hy Lạp chống ách áp bức của Thổ Nhĩ Kỳ. Quân đội Thổ Nhĩ Kỳ được các huấn luyện viên châu Âu chấn chỉnh lại từng bộ phận và trang bị tốt, lúc đầu đã kháng cự mãnh liệt quân đội Nga tập trung ở vùng sông Đa-nuýp (gần Xi-li-xơ-ri, Sum-la và Vác-na) và được chuẩn bị kém. Những cuộc tấn công thắng lợi của quân Nga ngày 11 tháng Sáu (30 tháng Năm) 1829 đã đuổi quân Thổ Nhĩ Kỳ tháo chạy hoảng hốt. Sau khi chấp thuận tất cả các điều kiện của Nga, Thổ Nhĩ Kỳ đã ký Hoà ước A-đri-a-nô-pôn. - 267.

186 L.E.Nolan. "Cavalry; its History and Tactics" (L.E.Nô-lan; "Đội kỵ binh, lịch sử và chiến lược của nó"). Cuốn sách được xuất bản lần đầu năm 1851. - 268.

187 Nguyên cớ để gây ra *Cuộc chiến tranh Nga - Thổ Nhĩ Kỳ những năm 1806 - 1812* là cuộc xung đột Nga - Thổ Nhĩ Kỳ do nước Pháp khêu ra, nhân việc Thổ Nhĩ Kỳ vi phạm một số điều khoản của Hiệp ước Nga - Thổ Nhĩ Kỳ trước kia. Cuộc chiến tranh kéo dài trong nhiều năm, khi thắng, khi bại. Năm 1811, M.I.Cu-tu-dốp được cử làm Tổng chỉ huy quân đội vùng Đa-nuýp, sau đó, trong tiến trình của cuộc chiến tranh đã diễn ra một bước ngoặt có lợi cho Nga, nước đã ký với Thổ Nhĩ Kỳ Hoà ước Bu-ca-rét. - 269.

188 *Ác-na-út* - tên người An-ba-ni gọi theo tiếng Thổ Nhĩ Kỳ. - 269.

189 Tại *Ôn-tê-nít-xa* (một làng ở tả ngạn sông Đa-nuýp) ngày 4 tháng Mười một (23 tháng Mười) 1853, quân Thổ Nhĩ Kỳ đã thắng quân Nga do sự chỉ huy bất tài của tướng Đan-nen-béc-gơ.

Trong trận chiến đấu đẫm máu ở làng *Sê-ta-te* ngày 6 tháng Giêng 1854 (25 tháng Chạp 1853), quân Nga đã bị tổn thất lớn sau khi đuổi quân Thổ Nhĩ Kỳ đến Ca-la-phát.

Trong thời kỳ bao vây kéo dài pháo đài *Các-xơ* của Thổ Nhĩ Kỳ (tháng Sáu - tháng Mười một 1855), ngày 29 (17) tháng Chín, quân Nga bắt đầu tiến

công pháo đài, trận đó đã thất bại vì thiếu lực lượng vây hãm, và cũng vì những người bị vây hãm biết trước được việc chuẩn bị tấn công. Chỉ đến ngày 24 (12) tháng Mười một, quân đồn trú trong pháo đài mới đầu hàng quân Nga.

Sau khi đương đầu với lực lượng trội hơn của đội quân Thổ Nhĩ Kỳ trong trận chiến đấu ở sông *In-gu-rơ* ngày 6 tháng Mười một (25 tháng Mười) 1855, quân Nga đã bị thất bại nặng nề và đã rút khỏi Min-grê-li-a. - 269.

190 *Những kẻ phản bội* - từ mà ở Thổ Nhĩ Kỳ người ta dùng để gọi những thần dân của quốc vương Hồi giáo vốn là những tín đồ Cơ đốc giáo trước kia, nay đã chuyển thành tín đồ Hồi giáo. - 270.

191 Ý nói tới cuộc khởi nghĩa Thái Bình Thiên Quốc (xem chú thích 72). - 273.

192 *Polacos* (Pô-la-cô-xơ) - bè lũ chính trị nắm chính quyền ở Tây Ban Nha từ năm 1850 đến năm 1854; những người Pô-la-cô-xơ liên kết lại không chỉ do những quan điểm chính trị, mà còn vì mối liên hệ huyết thống. Trước cuộc cách mạng Tây Ban Nha những năm 1854 - 1856, tên đó được dùng để gọi những người bạn của Xác-tô-ri-út, người cầm đầu chính phủ. - 276.

193 Nói tới đạo luật do Hội đồng lập pháp Pháp thông qua ngày 28 tháng Năm 1857. - 284.

194 *Bureaux* (ban thường vụ) do Chủ tịch Hội đồng lập pháp Pháp thành lập gồm một số nghị sĩ của Hội đồng lập pháp để xem xét trước các vấn đề. Một số ban thường vụ thường xuyên tồn tại, thành viên của nó được thay đổi theo định kỳ. - 286.

195 Nói tới cuộc chiến tranh Anh - Ba Tư những năm 1856- 1857 (xem chú thích 74). - 292.

196 Nhan đề dựa theo cuốn sổ tay của Mác năm 1857. - 294.

197 Cuộc xâm chiếm *Xin-đơ*, giáp với Áp-ga-ni-xtan về phía tây-bắc Ấn Độ, do bọn thực dân Anh tiến hành năm 1843. Trong thời kỳ chiến tranh Anh - Áp-ga-ni-xtan những năm 1838 - 1842 (xem chú thích 117) bằng cách đe dọa và dùng bạo lực, Công ty Đông Ấn đã được các nhà cầm quyền phong kiến Xin-đơ đồng ý để cho các đội quân của chúng đi qua lãnh địa của họ. Lợi dụng việc này, năm 1843 người Anh đã yêu cầu các lãnh chúa phong kiến địa phương hãy tự coi mình là những chư hầu của Công ty; sau khi đàn áp các bộ tộc

người Bê-lút-gia (dân bản địa của vùng Xin-đơ) nổi dậy, chúng đã tuyên bố sáp nhập toàn khu vực này vào Ấn Độ thuộc Anh.

Pen-giáp (ở tây - bắc Ấn Độ) bị xâm chiếm do cuộc chiến tranh của người Anh với người Xích (1845 - 1846, 1848 - 1849). Năm 1845 bọn thực dân Anh đã lợi dụng các phần tử phản bội trong giới quý tộc Xích để gây xung đột với người Xích và năm 1846 đã biến quốc gia của người Xích thành một công quốc chư hầu. Năm 1848 những người Xích đã khởi nghĩa, nhưng đến năm 1849 họ bị chinh phục hoàn toàn. Việc biến toàn bộ Ấn Độ thành thuộc địa của Anh đã kết thúc bằng cuộc xâm chiếm Pen-giáp. - 294.

198 Năm 1856, bất chấp hiệp ước đã được ký kết, các nhà cầm quyền Anh ở Ấn Độ vẫn tuyên bố rằng viên lãnh chúa địa phương ở Au-đơ (một công quốc ở khu vực phía bắc Ấn Độ) đã bị đánh đổ và sáp nhập lãnh địa của ông ta vào lãnh thổ nằm dưới sự quản lý trực tiếp của Công ty Đông Ấn (xem tập này, tr.581 - 587) - 294.

199 Đây nói tới cuộc khởi nghĩa những năm 1857 - 1859 - cuộc khởi nghĩa lớn nhất của nhân dân Ấn Độ vì nền độc lập dân tộc chống sự bá chủ của Anh. Trước cuộc khởi nghĩa này đã có một loạt cuộc đấu tranh vũ trang chống bọn thực dân Anh. Nguyên nhân chính của cuộc khởi nghĩa này là sự căm phẫn chung của tất cả các tầng lớp nhân dân Ấn Độ trước các biện pháp dã man của chế độ bóc lột thuộc địa: việc đánh thuế quá cao dẫn đến chỗ cướp bóc hết của cải của nông dân và tước đoạt lãnh địa của một số tầng lớp chúa phong kiến; chính sách xâm chiếm các lãnh thổ còn độc lập của Ấn Độ; chế độ nhục hình khi thu thuế và sự khùng bố của các nhà cầm quyền thuộc địa; việc bọn thực dân xâm phạm thô bạo truyền thống thiêng liêng và các tập quán dân tộc tồn tại hàng bao thế kỷ nay. Mùa xuân 1857, cuộc khởi nghĩa bùng nổ (việc chuẩn bị khởi nghĩa đã được tiến hành từ giữa năm 1856) trong số cái gọi là các binh đội Xi-pai (xem chú thích 120) của quân đội Ben-gan đóng ở phía bắc Ấn Độ. Các binh đoàn Xi-pai của quân đội Ben-gan, mà trong tay họ đã tập trung những địa điểm chiến lược quan trọng nhất của vùng này và đại bộ phận pháo binh, đã trở thành hạt nhân quân sự của phong trào. Được tuyển mộ chủ yếu từ những đại biểu của các đẳng cấp cao nhất ở Ấn Độ (Bà-la-môn, Rát-pu-ta-na v.v.) và những người Hồi giáo, quân đội Xi-pai đã phản ánh sự bất bình nói chung của giai cấp nông dân Ấn Độ, giai cấp mà những lính thường Xi-pai đã được tuyển mộ từ đó, cũng như sự bất bình của một bộ phận nào đấy trong giới quý tộc phong kiến ở miền bắc Ấn Độ (đặc biệt là Au-đơ) mà giới sĩ quan Xi-pai đã liên kết chặt chẽ

với nó. Cuộc khởi nghĩa nhân dân, mà mục đích của nó là lật đổ sự bá chủ nước ngoài, đã được tiến hành với quy mô rộng lớn, đã chiếm được các vùng rộng lớn ở miền bắc và trung Ấn Độ, những vùng quan trọng trong số đó là Đê-li, Lác-nau, Can-pua, Rô-hin-can-đơ, trung tâm Ấn Độ và Bun-đen-han-đơ. Động lực chính của cuộc khởi nghĩa là tầng lớp nông dân và dân nghèo làm nghề thủ công ở các thành phố, nhưng quyền lãnh đạo phong trào lại nằm trong tay bọn phong kiến, mà tuyệt đại đa số đã phản bội cuộc khởi nghĩa, sau khi các nhà cầm quyền thuộc địa hứa bảo vệ quyền bất khả xâm phạm đối với sở hữu của chúng vào năm 1858. Nguyên nhân chính làm cuộc khởi nghĩa thất bại là thiếu sự lãnh đạo thống nhất và một kế hoạch hành động chung của những người khởi nghĩa, tình trạng này ở mức độ không nhỏ là do tình trạng cát cứ phong kiến ở Ấn Độ, sự pha tạp về tộc người trong dân cư Ấn Độ, cũng như sự phân chia tôn giáo và đẳng cấp của dân tộc Ấn Độ gây nên. Bọn Anh đã lợi dụng điều này một cách thành công trong cuộc đấu tranh chống cuộc khởi nghĩa, đại đa số chúa phong kiến Ấn Độ đã giúp chúng một cách tích cực trong việc đàn áp cuộc khởi nghĩa. Một điều không kém quan trọng là quân Anh có một ưu thế kỹ thuật quân sự rất lớn. Mặc dù cuộc khởi nghĩa Ấn Độ những năm 1857 - 1859 không động chạm trực tiếp đến một số vùng của đất nước (quân Anh đã ngăn chặn được cho Pen-giáp, Ben-gan và Nam Ấn Độ không có khởi nghĩa), nhưng nó đã làm chấn động toàn bộ Ấn Độ và buộc Chính phủ Anh phải tiến hành một loạt những cải cách trong hệ thống quản lý đất nước. Do liên kết chặt chẽ với phong trào giải phóng dân tộc của các nước khác ở châu Á, cuộc khởi nghĩa Ấn Độ đã làm suy yếu địa vị của bọn thực dân Anh trên đất Ấn Độ, đặc biệt là đã đẩy lùi đến 10 năm việc thực hiện các kế hoạch xâm chiếm của chúng đối với Á-pa-ga-ni-xtan, Ba Tư và một loạt các nước châu Á khác. - 295.

200 *Mô-gôn* - vào đầu thế kỷ XVI những tên xâm lược thuộc nguồn gốc người Túc đã xâm lược Ấn Độ từ phía Đông Trung Á và lập nên đế chế của những Đại Mô-gôn ở bắc Ấn Độ năm 1526. Đại Mô-gôn - một chức tước do người châu Âu đặt cho những người cầm đầu Đế chế Mô-gôn, những người tự gọi mình là Pa-di-sắc. Theo ý kiến của những người cùng thời, thì những người sáng lập ra Đế chế Mô-gôn là những hậu duệ trực tiếp của bọn xâm lược Mông Cổ thời đại Thành Cát Tư Hãn, do đó mà có tên gọi "Mô-gôn" và tên gọi này đã trở thành thông dụng đối với những người theo đạo Hồi ở miền Bắc Ấn Độ. Quốc gia Mô-gôn đã đạt được sự hùng mạnh đáng kể sau khi chinh phục phần lớn Ấn Độ và một phần Á-pa-ga-ni-xtan khoảng giữa thế

kỷ XVII. Song, do những cuộc khởi nghĩa của nông dân và sự trưởng thành của cuộc kháng chiến của nhân dân Ấn Độ chống bọn xâm lược Hồi giáo và cũng do các cuộc chiến tranh tương tàn thường xuyên và sự tăng cường khuynh hướng phân lập phong kiến, Đế chế Đại Mô-gôn đã đi đến suy tàn, và vào nửa đầu thế kỷ XVIII, trên thực tế nó đã bị sụp đổ.

Ở đây có ý nói tới Đại Mô-gôn Ba-kha-đua-sắc II, con trai của Ác-ba-rô II. - 297.

201 Ý nói tới đồn - *Uy-li-am* - pháo đài Anh ở Can-cút-ta, được xây dựng năm 1696 và được gọi tên như thế để kỷ niệm vua Anh thời đó là Uy-li-am III O-răng-giơ. Sau khi quân Anh chiếm Ben-gan năm 1757, các cơ quan chính phủ đã được bố trí trong pháo đài này, và tên gọi của pháo đài được dùng với nghĩa "Chính phủ của tổng thống Ben-gan", còn sau này - với nghĩa "Chính phủ Anh của Ấn Độ". - 297.

202 Tên gọi dựa theo cuốn sổ tay của Mác năm 1857. - 299.

203 Viện dẫn những lần sóng công phần xảy ra cách đó không lâu ở Tây Ban Nha và I-ta-li-a, Mác có ý nói đến cuộc cách mạng ở Tây Ban Nha năm 1856 (xem tập này, tr.53 - 54) và sự sụp đổ cách mạng ở I-ta-li-a năm 1857, nhằm chống áp bức của Áo và các chính phủ quân chủ phong kiến của các quốc gia riêng rẽ ở I-ta-li-a. - 303.

204 *Rát-pu-ta-na* - một trong những nhóm đẳng cấp cao nhất và là một tộc người ở Ấn Độ, cư dân chủ yếu là người Rát-pu-ta-na (nay là Rát-gia-xơ-khan). Rất nhiều người Rát-pu-ta-na sống ở bang Ben-gan, chủ yếu là ở Bi-ha. Những người Rát-pu-ta-na tự coi mình là những người thuộc đẳng cấp quý tộc quân đội. Ở Đế quốc Mô-gôn, những Rát-pu-ta-na được coi như các chiến binh vì sự đoàn kết có tính chất bộ tộc của họ, cái mà quân đội đánh thuê Mô-gôn thường không có. Về quan hệ giai cấp, theo thường lệ, họ thuộc tầng lớp nông dân "vững chắc". Quân Anh sẵn sàng nhận những người Rát-pu-ta-na vào các binh đội Xi-pai của quân đội Ben-gan.

Bà-la-môn ở Ấn Độ Cổ đại được coi là đẳng cấp tư tế. Cùng với sự hình thành chế độ đẳng cấp, đạo Bà-la-môn đã chiếm vị trí cao nhất trong cấp bậc đẳng cấp, tạo thành một trong bốn đẳng cấp cổ nhất của Ấn Độ, mà sau này, trừ những nhà tư tế ra, nó đã lôi cuốn cả những đẳng cấp khác của Ấn Độ, những người thuộc các nghề nghiệp và địa vị xã hội khác nhau, kể cả tầng lớp nông dân bản cùng hoá và thợ thủ công.

Trong quân đội Xi-pai ở Ben-gan (khác với quân đội Bom-bay và Ma-đrát) người ta chỉ tuyển mộ chủ yếu những người Ấn Độ thuộc đẳng cấp cao nhất, và vì thế trong quân đội Ben-gan có rất nhiều người Bà-la-môn và Rát-pu-ta-na. - 306.

205 *Phủ công sử* - dinh của thống đốc Anh (cố vấn chính trị ở công quốc Ấn Độ), trong trường hợp này là thống đốc ở Au-đơ. - 306.

206 Nói tới cuộc chiến tranh những năm 1808 - 1814 vì độc lập của nhân dân Tây Ban Nha chống sự chiếm đóng của Pháp. - 307.

207 Hình như Mác có ý ám chỉ tình tiết là trong thời kỳ diễn ra các kỳ họp mùa hè của nghị viện, các thành viên của Hạ nghị viện Anh thường thích các cuộc vui chơi và thu xếp công việc riêng của mình hơn là những nhiệm vụ đủ loại của nghị viện. Bởi vậy, các diễn giả nhiều lần phải diễn thuyết trước thính giả hầu như vắng tanh. - 309.

208 Ý nói tới cuốn sách của Mông-te-xki-ơ "Considérations sur les causes de la grandeur des Romains et de leur décadence" ("Bàn về những nguyên nhân thăng trầm của người La Mã"), cuốn sách xuất bản khuyết danh lần đầu tiên ở Am-xtéc-đam năm 1734, và cả cuốn: E.Gibbon. "The History of the Decline and Fall of the Roman Empire" (E.Ghi-ban. "Lịch sử suy tàn và sụp đổ của Đế chế La Mã". Xuất bản lần đầu ở Luân Đôn trong những năm 1776 - 1788. - 310.

209 Nói tới đảng To-ri - đảng của giới tài phiệt và đại quý tộc ruộng đất Anh. Sau khi xuất hiện ở thế kỷ XVII, đảng To-ri luôn luôn là người bảo vệ chính sách đối nội phản động, kiên trì bảo vệ các thiết kế cổ xưa và bảo thủ trong chế độ nhà nước Anh, chống lại những cải cách dân chủ trong nước. Cùng với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Anh, đảng To-ri dần dần mất ảnh hưởng chính trị và sự độc quyền nghị viện thuở xưa của mình, dần dần tiên giáng vào đảng này là cuộc cải cách năm 1832 cho phép các đại biểu của giai cấp tư sản công nghiệp tham gia nghị viện. Năm 1846 việc huỷ bỏ các đạo luật ngũ cốc, một đạo luật có lợi cho các điền chủ, đã làm suy yếu nền tảng kinh tế của tầng lớp quý tộc ruộng đất già cỗi ở Anh và dẫn đến sự phân liệt trong đảng. Vào giữa những năm 50, trong đảng To-ri diễn ra một quá trình phân hoá và thay đổi trong thành phần giai cấp của nó (phản ánh quá trình liên kết giữa tầng lớp quý tộc ruộng đất với bọn trùm tư bản), kết quả là vào cuối những năm 50 - đầu những năm 60 của thế kỷ XIX, đảng bảo thủ Anh đã xuất hiện trên cơ sở của đảng To-ri già cỗi. - 311.

210 Đến năm 1773, Công ty Đông Ấn đã có ban thống đốc trong các lãnh địa của mình ở Ấn Độ - ở Can-cút-ta (Ben-gan), Ma-đrát và Bom-bay; tại mỗi một lãnh địa trong số đó có một hội đồng gồm những nhân viên cao cấp của Công ty. Theo "Pháp lệnh về các quy chế quản lý tốt nhất các công việc của Công ty Đông Ấn" năm 1773, mỗi Hội đồng gồm 4 người đã được thành lập, trực thuộc thống đốc Can-cút-ta, người tự xưng là toàn quyền Ben-gan. Toàn quyền và các thành viên của Hội đồng không phải do công ty bổ nhiệm, mà thường là do Chính phủ Anh chỉ định với nhiệm kỳ 5 năm và chỉ có vua mới có thể bãi miễn họ trước thời hạn, nếu có đề nghị của Hội đồng giám đốc của Công ty. Ý kiến đa số trở thành bắt buộc đối với toàn thể Hội đồng; nếu như số phiếu của các thành viên của Hội đồng mà bằng nhau, thì phiếu của toàn quyền có ý nghĩa quyết định. Toàn quyền phải thi hành việc quản lý dân sự và quân sự bang Ben-gan, Bi-ha và Ô-rít-xa và đồng thời có quyền giám sát cao nhất những bang dưới trướng ông ta lúc này là Ma-đrát và Bom-bay trong các công việc liên quan đến việc tiến hành chiến tranh và ký kết hoà ước. Chỉ trong những trường hợp đặc biệt, các bang này mới có thể độc lập hành động. Theo pháp lệnh năm 1784, thành phần của Hội đồng Ben-gan phải giảm xuống còn 3 người, trong đó có tổng lệnh. Chiếu theo pháp lệnh bổ sung năm 1786, trong các trường hợp đặc biệt, toàn quyền có quyền hoạt động độc lập với Hội đồng của mình, cũng như đảm nhận cả chức năng của tổng tư lệnh. Theo pháp lệnh năm 1833, toàn quyền Ben-gan trở thành toàn quyền Ấn Độ, đồng thời vẫn là thống đốc Ben-gan, thành phần của Hội đồng trực thuộc ông ta lại tăng lên đến 4 người, thêm vào đó tổng tư lệnh có thể được đưa vào Hội đồng với tư cách là thành viên bổ sung thứ năm. Toàn quyền và Hội đồng của ông ta có quyền ra các đạo luật cho toàn bộ nước Ấn Độ thuộc Anh. Các chính phủ Bom-bay và Ma-đrát mất quyền này; các Hội đồng trực thuộc các thống đốc của hai bang đó phải bao gồm hai người. Theo pháp lệnh năm 1853, ngoài 4 thành viên cấu thành cái được gọi là Hội đồng nhỏ với những chức năng của cơ quan hành pháp, một Hội đồng mở rộng đã được dự kiến với những chức năng lập pháp, trong đó bao gồm toàn quyền, tổng tư lệnh, chánh án Ben-gan, và một thẩm phán trong thành phần của Tòa án tối cao. Quy chế này của Hội đồng trực thuộc toàn quyền Ấn Độ, được duy trì đến năm 1858. - 312.

211 *Gia-ghi-đa-rơ* - đại biểu của giới quý tộc phong kiến Hồi giáo trong Đế chế Đại Mô-gôn người được nhận để sử dụng tạm thời một số lớn ruộng đất (Gia-ghi-rơ), bởi vì anh ta đã phục vụ trong quân đội và đã cung cấp một số

quân nhất định. Để có lợi cho mình, những người Gia-ghi-đa-rơ đã thu thuế ruộng đất của những nông dân đang sinh sống trên địa hạt Gia-ghi-rơ của họ, cũng như sử dụng lao động của nông dân làm các công việc tạp dịch. Cùng với sự sụp đổ của Đế chế Đại Mô-gôn, những Gia-ghi-đa-rơ đã trở thành những người sở hữu tài sản phong kiến.

I-nam-đa-rơ - những người được hưởng sự ban thưởng đặc biệt thời phong kiến gọi là I-nam. I-nam chủ yếu được ban phát cho các linh mục Ấn Độ giáo và Hồi giáo, cho cả những giáo đường và những trại từ thiện. Đôi khi cả các đại biểu của tầng lớp trên của công xã ở miền Nam Ấn Độ cũng được nhận I-nam. I-nam không phải đóng thuế hoàn toàn hoặc một phần và được thừa kế. Dưới trướng của người Anh, những người I-nam-đa-rơ là chủ của những mảnh đất không phải đóng thuế.

Phri-hôn-đéc - một trong những loại tiểu nông ở Anh bắt nguồn từ "những người sở hữu tự do" thời trung thế kỷ. Phri-hôn-đéc phải nộp cho nhà quý tộc khoản địa tô không đáng kể được quy định bằng tiền về mảnh đất mà ông ta có quyền tự do sử dụng. - 313.

212 Nhan đề được dựa theo cuốn sổ tay của Mác năm 1857. - 316.

213 *Hội đồng thanh tra* các vấn đề Ấn Độ được thành lập do pháp lệnh năm 1784" Về việc quản lý tốt nhất Công ty Đông Ấn và các lãnh địa của Anh ở Ấn Độ. "Thành phần của Hội đồng thanh tra gồm 6 người do vua cử từ những thành viên của Hội đồng cơ mật. Chủ tịch của Hội đồng thanh tra là thành viên của nội các, thực chất là Bộ trưởng phụ trách các vấn đề về Ấn Độ và là một nhà cầm quyền tối cao của nước đó. Các nghị quyết của Hội đồng thanh tra đóng ở Luân Đôn được truyền đến Ấn Độ qua Ủy ban cơ mật bao gồm ba giám đốc của Công ty Đông Ấn. Như vậy là pháp lệnh năm 1784 đã tạo ra chế độ quản lý song trùng đối với Ấn Độ - thông qua Hội đồng kiểm tra (Chính phủ Anh) và Hội đồng giám đốc (Công ty). Hội đồng thanh tra bị huỷ bỏ năm 1858. - 316.

214 *Người Xích* - xem chú thích 113. - 318.

215 Đầu tháng Mười 1854, ở Pa-ri đã loan truyền tin đồn về việc các nước liên minh chiếm Xê-va-xtô-pôn. Giả thuyết đối trá này đã được báo chí chính thức của Pháp, Anh, Bỉ và Đức ủng hộ. Nhưng sau một vài ngày, các báo Pháp buộc phải đăng tin cải chính. - 320.

- 216 "*The Bombay Times*" ("Thời báo Bom-bay") - báo hàng ngày được xuất bản ở Bom-bay bằng tiếng Anh; được thành lập năm 1838. - 320.
- 217 "*Le Pays*" ("Tổ quốc") - báo Pháp hàng ngày, được thành lập ở Pa-ri năm 1849. Trong thời kỳ Đế chế thứ hai (1852 - 1870) - là cơ quan bán chính thức của Chính phủ Na-pô-lê-ông III; có phụ đề "*Journal de l'Empire*" ("Báo cáo Đế chế"). - 323.
- 218 Xem chú thích 69. - 326.
- 219 Trong những năm 1849 - 1850, mong muốn chung của các tầng lớp đông đảo của xã hội Đức muốn thống nhất đất nước đã tác động đến nội các phản động Phổ, buộc nó phải thi hành một số biện pháp cải tổ lại Hiệp bang Đức bất lực nhằm làm cho nước Phổ giành được thắng lợi trong cuộc đấu tranh chống nước Áo để giành địa vị cầm đầu của các quốc gia ở Đức. Do không muốn để cho Phổ dựa vào Áo mà mạnh lên, Ni-cô-lai I đã mời tể tướng Áo, công tước Svác-xen-béc, và thủ tướng Phổ, bá tước Bran-đen-buốc đến Vác-sa-va vào tháng Mười 1850. Trong thời gian gặp mặt (tại đây cả hoàng tử Phổ Vin-hem và hoàng đế Áo Phran-txo I-ô-xíp I cũng có mặt) được gọi là Hội nghị Vác-sa-va này, Ni-cô-lai I đã công khai làm cho mọi người hiểu rằng ông là người cương quyết ủng hộ Áo chống Phổ. - 327.
- 220 "*L' Etoile du Danube*" ("Ngôi sao Đa-nuýp") - báo Ru-ma-ni theo khuynh hướng tự do, xuất bản ở Bruy-xen trong những năm 1856 - 1857. - 327.
- 221 Có ý nói tới phiên họp hạ nghị viện ngày 20 tháng Tám 1857. - 337.
- 222 *Cuộc tranh chấp Đa-nuýp* - xem chú thích 69. - 340.
- 223 Các công quốc Đức là Slê-dơ-vích và Hôn-stai-nơ nằm dưới quyền của vua Đan Mạch suốt một thế kỷ. Nghị định thư Luân Đôn về sự toàn vẹn của nước quân chủ Đan Mạch được Nga, Áo, Anh, Pháp, Phổ và Thụy Điển cùng với các đại diện của Đan Mạch ký ngày 8 tháng Năm 1852, thừa nhận quyền tự trị của các công quốc trong khi vẫn duy trì quyền thống trị tối cao của vua Đan Mạch đối với các công quốc đó. Nhưng bất chấp nghị định thư, Chính phủ Đan Mạch đã ban bố Hiến pháp năm 1855 loại trừ nền độc lập và quyền tự trị trong các công quốc Đức thuộc quyền của Đan Mạch. Đáp lại việc đó, tháng Hai 1857, Quốc hội Đức đã ra sắc lệnh phản đối việc thi hành bản hiến pháp trên tại các công quốc, nhưng vì sơ suất, trong sắc lệnh chỉ nêu Hôn-stai-nơ và Lau-en-buốc (công quốc thứ ba Đức thuộc quyền của

- Đan Mạch), còn Slê-dơ-vích không được nhắc tới. Lợi dụng điểm này, Đan Mạch bắt đầu chuẩn bị đưa Slê-dơ-vích vào lãnh địa của mình, điều đó đã gây nên một sự phản đối không chỉ của Slê-dơ-vích, xứ này không muốn tách khỏi Hôn-stai-nơ, mà cả của Phổ, Áo và Anh - những nước coi hành động của Đan Mạch là sự vi phạm Nghị định thư Luân Đôn. - 341.
- 224 Trong văn bản của điều khoản có chỗ không chính xác. Theo nghị định thư Luân Đôn được ký ngày 8 tháng Năm 1852, Cri-xti-an Guých-xbuốc (sau này là vua Cri-xti-an IX) được công nhận là người kế vị vua Đan Mạch Phrê-ê-rích VII không có con. - 341.
- 225 Theo ghi chú trong cuốn sổ tay của Mác năm 1857 thì bài "Điều tra về những cuộc tra tấn ở Ấn Độ" do ông viết ngày 28 tháng Tám, nhưng không rõ do nguyên nhân nào mà ban biên tập báo "New - York Daily Tribune" đã đăng chậm hơn bài "Cuộc khởi nghĩa Ấn Độ" (xem tập này, tr. 363 - 367), mà ban biên tập đã trích dẫn ở đây và bài đó do Mác viết ngày 4 tháng Chín. - 342.
- 226 "East India (torture)". London, 1855 - 1857 ("Đông Ấn (cực hình)". Luân Đôn, 1855 - 1857). - 342.
- 227 Report of the Commission for the Investigation of Alleged Cases of Torture at Madras". London, 1855 (Báo cáo của Ủy ban điều tra về những cực hình ở Ma-đrát". Luân Đôn, 1855). - 342.
- 228 *Cô-lếch-to-rơ* - viên quan đứng đầu một quận ở Ấn Độ, người Anh. Ông ta vừa là người được giao toàn quyền, vừa là người làm chức năng chính là thu thuế, là người quản lý hành chính và là thẩm phán toà án quận. Với tư cách là người thu thuế, ông ta truy tố những người thiếu thuế, với tư cách là thẩm phán, ông ta kết án họ, với tư cách là đại diện chính quyền hành chính, ông ta thi hành bản án. - 343.
- 229 *Rai-át* - nông dân Ấn Độ; trước khi bọn thực dân Anh thi hành các đạo luật thuế đất mới vào cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX và phá huỷ công xã Ấn Độ - là một xã viên có đủ quyền hạn. Trong các vùng, mà từ năm 1793 người ta đã thi hành cái gọi là chế độ Da-min-đa-rơ (trước tiên ở Ben-gan, Bi-ha, Ô-rít-xa và sau đó thi hành dưới hình thức có sửa đổi đôi chút ở các tỉnh liên hợp và trung tâm, và một phần của tỉnh Ma-đrát), Rai-át trở thành người thuê ruộng đất của địa chủ - Da-min-đa-rơ. Sau khi thi hành chế độ thuế đất "Rai-át-va-ri" vào đầu thế kỷ XIX ở các bang Bom-bay và Ma-đrát,

Rai-át là người sở hữu ruộng đất của nhà nước phải trả thuế tô cho mảnh đất của mình, thuế này do Chính phủ Anh ở Ấn Độ quy định tùy theo ý họ. Theo chế độ "Rai-át-va-ri", những Rai-át đồng thời được tuyên bố là chủ sở hữu những ruộng đất do họ thuê. Kết quả của việc thi hành chế độ thuế đất có tính chất mâu thuẫn về mặt pháp lý này là việc quy định mức thuế đất cao đến nỗi những người nông dân không thể nộp được thuế; vì những người thiếu thuế tăng nhanh, nên ruộng đất của nông dân dần dần chuyển sang tay những kẻ bao mua và những kẻ cho vay nặng lãi. - 344.

230 *A-gra-man* - vua xứ Mô-rê-ta-ni, một trong những nhân vật của trường ca của A-ri-ô-xtô "Rô-lăng giặc dữ". Khi tiến hành chiến tranh với Các-lô Đại đế, A-gra-man đã bao vây Pa-ri, bằng cách đã tập trung phần lớn lực lượng của mình dưới chân thành lũy của thành phố. Nhưng chẳng bao lâu trong doanh trại của những người vây hãm đã bắt đầu xuất hiện những mối bất hoà và bất đồng đã trở thành thành ngữ; Mác ám chỉ việc này khi so sánh trại lính của người Anh ở Đê-li với trại lính của A-gra-man. - 351.

231 "*The Mofussilite*" ("Người tỉnh lẻ") - báo tự do hàng ngày, xuất bản từ năm 1845 bằng tiếng Anh ở Ấn Độ, mới đầu ở Mi-rút, sau đó ở A-gra và Am-ba-la. - 354.

232 Có ý nói tới Đạo luật về giấy phép đặc biệt của Công ty Đông Ấn năm 1853 mà chiếu theo đó các độc quyền của Công ty ở Ấn Độ đã bị cắt xén chút ít. Ban lãnh đạo Công ty Đông Ấn ngày càng phụ thuộc vào quốc vương Anh. Các giám đốc công ty đã bị mất quyền bổ nhiệm chức tước cho các quan lại, số lượng giám đốc được giảm từ 24 xuống còn 18 người, trong số đó có 6 người do vua bổ nhiệm; cương vị của chủ tịch Hội đồng thanh tra (xem chú thích 213), được đánh giá ngang với cương vị của Bộ trưởng phụ trách các vấn đề Ấn Độ. Song người ta lấy thuế của Ấn Độ để bảo đảm trả lợi tức cổ phần cố định cho các cổ đông của công ty. - 359.

233 *Về các hội đồng Bom-bay và Ma-đrát* - xem chú thích 210. - 360.

234 Có lẽ có ý ám chỉ cuộc chiến tranh Anh - Miến Điện năm 1852, kết quả là tỉnh Pê-gu của Miến Điện đã bị sáp nhập vào lãnh địa của Công ty Đông Ấn. - 362.

235 Tại Van-déc (tỉnh phía tây nước Pháp), những người theo chủ nghĩa bảo hoàng Pháp, do lợi dụng được giai cấp nông dân lạc hậu, đã làm cuộc bạo động phản

cách mạng năm 1793. Cuộc bạo động này đã bị quân đội cộng hoà tiêu diệt. Lính của quân đội đó (nói chung là tất cả những người ủng hộ Hội nghị quốc ước) được gọi là "quân xanh".

Du kích Tây Ban Nha - xem chú thích 52.

Người Séc-bi và Crô-a-xi trong quân đội của Rai-a-sích và I-ê-la-sích đã tham gia đàn áp phong trào cách mạng ở Hung-ga-ri và Áo trong thời kỳ cuộc Cách mạng 1848-1849. Tầng lớp quý tộc tư sản hoá ở Hung-ga-ri đã cự tuyệt yêu cầu của người Séc-bi và Crô-a-xi về việc trao cho họ nền độc lập dân tộc, điều đó đã tạo điều kiện cho giới phản động Áo có thể sử dụng các đội quân Séc-bi và Crô-a-xi phục vụ cho lợi ích của mình để đàn áp cuộc khởi nghĩa ở Bu-đa-pét và Viên.

Đội quân tình nguyện được lập ra do sắc lệnh của Chính phủ lâm thời Pháp ngày 25 tháng Hai 1848 để đấu tranh chống lại quân chúng nhân dân đã được giác ngộ cách mạng. Những đội quân này, chủ yếu bao gồm những người vô sản lưu manh, đã được sử dụng để đàn áp cuộc khởi nghĩa tháng Sáu của công nhân Pa-ri. Tướng Ca-ve-nhắc là bộ trưởng quốc phòng, đã đích thân lãnh đạo cuộc đàn áp công nhân.

Các thành viên của *Hội ngày 10 tháng Chạp* bí mật của Bô-na-pác-tơ (xem chú thích 30) là những người tích cực tổ chức hàng loạt các cuộc đàn áp những người cộng hoà và đặc biệt là những người tham gia cuộc Cách mạng năm 1848; những cuộc đàn áp này đã được tiến hành ở Pháp sau khi bầu Lu-i Bô-na-pác-tơ làm tổng thống và sau cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851. - 363.

236 *Da-min-đa-rơ* - dưới thời đế chế của Đại Mô-gôn - là những tên phong kiến, chủ yếu gồm những người gốc Ấn Độ, họ được bảo đảm quyền thừa kế ruộng đất với điều kiện nộp cho chính phủ một phần nhất định số thuế tô mà họ thu được ở những người nông dân bị áp bức. Thuật ngữ "Da-min-đa-rơ" cũng dùng để chỉ cả bọn trưng thuế đất lớn ở Ben-gan. Năm 1793, sau khi biến bọn trưng thuế - Da-min-đa-rơ thành bọn địa chủ thực thụ bằng đạo luật "Về tầng lớp Da-min-đa-rơ vĩnh viễn", Chính phủ Anh đã biến chúng thành chỗ dựa của chính quyền thuộc địa Anh. Tùy theo mức độ xâm chiếm Ấn Độ của người Anh, chế độ Da-min-đa-rơ dưới một hình thức có thay đổi chút ít đã được áp dụng cả trong một số vùng khác của đất nước. - 365.

237 Trong thời kỳ đàn áp cuộc khởi nghĩa ở An-giê-ri năm 1845, tướng Pê-li-xi-ê,

- sau này là nguyên soái Pháp, đã ra lệnh giết chết bằng cách thiêu cháy hàng nghìn nghĩa quân Ả-rập lẫn tránh trong các hang núi. - 366.
- 238 Có ý nói tới tác phẩm cả Cai-út I-u-li-út Xê-da: "Commentarii de bello Gallico" ("Bút ký về chiến tranh Gô-lô"). Sự kiện được thuật lại ở đây có trong quyển thứ 8, do A. Ghi-rơ-xi, cựu sứ giả của Xê-da, đồng thời là bạn của ông, người tiếp tục cuốn hồi ký của ông về chiến tranh Gô-lô, viết. - 366.
- 239 Mác có ý nói tới bộ luật hình sự của Sác-lơ V (Constitutio Criminalis Carolina) do Quốc hội Đức thông qua ở Rê-ghen-xbuốc năm 1532; bộ luật này nổi bật bởi sự tàn bạo cực kỳ của các nhục hình.
- W. Blackstone. "Commentaries on the Laws of England". Vol. I - IV (U. Blêch-xton. "Bình luận về các đạo luật của Anh". T. I - IV). Xuất bản lần đầu ở Luân Đôn trong những năm 1765 - 1769. - 366.
- 240 *Giác-giéc-nau-tơ* (gọi theo tiếng Ấn Độ là Gia-gan-nát-khơ) - một trong những dạng thần Ấn Độ Vi-snu. Nơi nổi tiếng thờ Giác-giéc-nau-tơ là ngôi đền ở thị trấn Pu-ra gần thành phố Các-tác (Đông Ấn Độ). Lợi dụng sự bảo trợ của Công ty Đông Ấn, các nhà tư tế của ngôi đền đã thu được những khoản tiền khổng lồ từ cuộc hành hương đông đúc (bằng cách khuyến khích những phụ nữ sống tại đền làm nghề mại dâm), cũng như từ các buổi lễ xa hoa để cúng tế Giác-giéc-nau-tơ. Đặc biệt ngày hội Rát-khai-át-rơ đã cuốn hút một số lượng lớn người trẩy hội. Trong lễ hội đó thần tượng Giác-giéc-nau-tơ được rước ra trên một chiếc xe khổng lồ và các giáo dân cuồng tín lao xuống dưới gầm xe với sự phấn chấn cao độ. - 367.
- 241 Mô-da, ca kịch "Vụ trộm ở hậu cung" hồi thứ ba, cảnh VI, khúc ca Ô-xmin. - 367.
- 242 Câu này của ban biên tập báo "New - York Daily Tribune" có ý nói tới phóng viên thường trú của mình là nhà văn và nhà báo Hung-ga-ri Phran-tơ Pun-xki, sống lưu vong ở Mỹ sau khi cuộc Cách mạng Hung-ga-ri năm 1848 thất bại. Pun-xki đã viết cho báo những bài điểm tình hình, chủ yếu về các đề tài quốc tế. - 373.
- 243 *Guốc* (hoặc *Guốc-khơ*) - một bộ tộc là cư dân chủ yếu của Nê-pan. Một bộ phận người Guốc sống ở Ấn Độ - ở bang U-ta-rơ Pra-đe-sơ (trước kia là các tỉnh liên hợp của Ấn Độ thuộc Anh) và ở các vùng miền Tây Ben-gan giáp với Nê-pan. - 374.

- 244 Mác có ý nói tới "The Calcutta Gazette" ("Báo Can-cút-ta") - báo Anh, được xuất bản ở Ben-gan từ năm 1784 và là cơ quan chính thức của Chính phủ Anh ở Ấn Độ. - 375.
- 245 *Mu-kha-ram* - tháng âm lịch đầu tiên trong năm của người Hồi giáo; mười ngày đầu tháng đó được coi là những ngày để tang thiêng liêng có liên quan đến truyền thuyết về cái chết của I-man Hu-xây-nơ. Trong những ngày này, các nghi lễ tôn giáo được tổ chức, thường kèm theo những việc tự hành hạ mình. Ngày đầu tiên của Mu-kha-ram là ngày đầu Năm mới. - 376.
- 246 *Ma-rát-khơ* - một bộ tộc của Ấn Độ sinh sống trên lãnh thổ vùng tây-bắc Đê-can. Từ giữa thế kỷ XVII bộ tộc này đã bắt đầu đấu tranh vũ trang chống lại ách thống trị của ngoại bang của bọn phong kiến Mô-gôn, đã giáng một đòn đích đáng vào đế quốc Đại Mô-gôn và góp phần làm cho nó sụp đổ. Trong tiến trình của cuộc đấu tranh, một quốc gia độc lập của người Ma-rát-khơ đã được thành lập, giới chóp bu phong kiến của quốc gia này đã nhanh chóng bước vào các cuộc chiến tranh xâm lược. Vào cuối thế kỷ XVII, quốc gia Ma-rát-khơ đã suy yếu do các cuộc chiến tranh phong kiến tương tàn, nhưng vào đầu thế kỷ XVIII lại hình thành một hợp quốc mạnh của các công quốc Ma-rát-khơ, đứng đầu là đại lãnh chúa - Pê-sva. Do tiến hành chiến tranh với những người Áp-ga-ni-xtan hùng giành quyền thống trị ở Ấn Độ, bọn phong kiến Ma-rát-khơ đã bị thất bại thảm hại vào năm 1761. Bị suy yếu do tham gia vào cuộc đấu tranh giành quyền bá chủ ở Ấn Độ và do những mối bất hoà nội bộ của bọn phong kiến, các công quốc Ma-rát-khơ đã bị Công ty Đông Ấn chinh phục và chiếm được do kết quả của cuộc chiến tranh Anh - Ma-rát-khơ những năm 1803 - 1805.
- Ở đây có ý nói đến các công tước Ma-rát-khơ Tu-ca-gi II Hôn-ca-rơ và A-li Gia Gi-át-gi Xinh-khi-a. - 377.
- 247 *Thảm họa Áp-ga-ni-xtan* - xem chú thích 117. - 378.
- 248 Trong khi viết bài này, Mác đã sử dụng tư liệu nói về tiến trình của cuộc khởi nghĩa ở Ấn Độ do Ăng-ghen thông báo cho ông trong thư đề ngày 24 tháng Chín 1857. - 380.
- 249 Bài này được bắt đầu bằng một câu do ban biên tập báo "New - York Daily Tribune" viết: "Hôm qua chúng tôi đã nhận được toàn bộ các báo Luân Đôn đến ngày 7 tháng Mười". - 384.

- 250 *Đô-áp* (Lưỡng Hà) - trong trường hợp này có ý nói đến lãnh thổ ở Ấn Độ nằm giữa sông Hằng và sông Giam-na - 389.
- 251 *Xan-tan* - một bộ tộc ở Ấn Độ gốc Đra-vít-xơ. Những người Xan-tan sống ở miền núi thuộc Tây Ben-gan, Bi-ha và Bắc Ô-rít-xa. - 389.
- 252 "*The Friend of India*" ("Người bạn của Ấn Độ") - báo Anh được thành lập ở Xê-ram-pu-rơ (Ben-gan) năm 1818; trong những năm 50 được xuất bản mỗi tuần một lần, có khuynh hướng tự do tư sản. - 391.
- 253 "*Military Spectator*" ("Nhà bình luận quân sự") - tuần báo quân sự Anh, xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1857 đến năm 1858. - 391.
- 254 "*The Bombay Courier*" ("Truyền tin Bom-bay") - báo theo lập trường của Chính phủ Anh, cơ quan của Công ty Đông Ấn, được thành lập năm 1790. - 393.
- 255 Biểu này do Mác lập, đã được ông gửi cho tờ "New - York Daily Tribune", có lẽ là đồng thời với bài này, nhưng do ban biên tập đăng riêng trên trang 6 cũng của số báo đó. - 395.
- 256 Trong cuốn sổ tay của Mác năm 1857, bài này có nhan đề "Cuộc khủng hoảng tiền tệ ở Anh. Tạm đình chỉ hiệu lực của Đạo luật Pin". - 404.
- 257 Tiếp theo là đoạn do ban biên tập tờ "New - York Daily Tribune" thêm vào: "Quan điểm này đã được xác nhận bởi những tin tức do tàu "Phun-tôn" mang đến, tin đó đã đến với chúng tôi qua một bức điện báo và sáng hôm nay đã được đăng trên các trang báo của chúng tôi". - 405.
- 258 "*The Globe*" - tên gọi tắt của tờ nhật báo Anh "The Globe and Traveller" ("Trái đất và nhà du hành"), xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1803, cơ quan của đảng Vích, trong thời kỳ đảng này cầm quyền, là tờ báo của chính phủ, từ năm 1866 - cơ quan của phái bảo thủ. - 408.
- 259 *Min-xinh-gơ-lai-nơ* - một đường phố ở Luân Đôn, trung tâm thương nghiệp bán buôn các hàng hoá thuộc địa.
- "*The Standar*" ("Ngon cở") - nhật báo Anh theo khuynh hướng bảo thủ, được thành lập ở Luân Đôn năm 1827. - 408.
- 260 "*The Free Press*" ("Báo chí tự do") - báo tư sản Anh do Uốc-các-tơ và các môn đệ của ông xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1855 đến năm 1865. - 409.
- 261 *Liên minh thuế quan* của các quốc gia Đức đã thiết lập biên giới thuế quan chung, được thành lập năm 1834. Ra đời do sự cần thiết thành lập một thị

- trường toàn nước Đức, về sau nó đã thu hút tất cả các quốc gia Đức, trừ Áo và một số quốc gia nhỏ. Phở đóng vai trò cầm đầu trong liên minh. - 410.
- 262 Mác có ý nói tới sắc lệnh do Na-pô-lê-ông III ký ngày 10 tháng Mười một 1857. Sắc lệnh này đã huỷ bỏ hiệu lực của đạo luật ngày 8 tháng Chín 1856 và ngày 22 tháng Chín 1857 cấm xuất khẩu ngũ cốc, lúa mì và các thực phẩm khác ra nước ngoài. - 411.
- 263 Dưới đó là đoạn do ban biên tập báo "New - York Daily Tribune" viết: "Nếu như chúng tôi không nhầm thì có một điều gì tương tự cũng đã xảy ra ngay ở cả nước này nữa, khi mà các nhà triết học, giống như các đồng nghiệp của chúng ta ở tờ "Times" và tờ "Independent" nghĩ rằng, chỉ cần nhân dân tỏ ra vui vẻ và tung hô ba lần "hoan hô" thì có thể ngăn ngừa được thảm hoạ". - 411.
- 264 *In-ke-rơ-man* - xem chú thích 120. - 412.
- 265 Ngày 25 (13) tháng Mười 1854, ở *Ba-la-cla-va* đã diễn ra trận giao chiến giữa quân đội Nga và quân đội đồng minh, trong trận này, mặc dù có lợi về vị trí, quân Anh vẫn bị thiệt hại lớn do những sai lầm của chỉ huy Anh đã dẫn đến chỗ đội kỵ binh nhẹ Anh bị tiêu diệt. - 413.
- 266 "*The Bombay Gazette*" ("Báo Bom-bay") - báo Anh ở Ấn Độ, được thành lập năm 1791. - 415.
- 267 "*North British Daily Mail*" ("Bưu điện hàng ngày Bắc Anh") - báo tư sản Anh được thành lập ở Gla-xgô năm 1847, cơ quan của giai cấp tư sản tự do. - 421.
- 268 Mác có ý nói tới một loạt tác phẩm của nhà kinh tế học tư sản Anh T. Tu-cơ mang một tên chung "Lịch sử giá cả": "A History of Prices, and of the State of Circulation, From 1793 to 1837". Vol. I - II, London, 1838 ("Lịch sử giá cả và tình hình lưu thông tiền tệ từ năm 1793 đến năm 1837". T. I - II, Luân Đôn, 1838), "A History of Prices, and of the State of the Circulation, in 1838 and 1839". London, 1840 ("Lịch sử giá cả và tình hình lưu thông tiền tệ từ những năm 1838 đến năm 1839". Luân Đôn, 1840), "A History of Prices, and of the State of the Circulation, from 1739 to 1847 inclusive", London, 1848 ("Lịch sử giá cả và tình hình lưu thông tiền tệ từ năm 1839 đến hết năm 1847". Luân Đôn 1848) và T.Tooke and W.Newmarch."A. History of Prices and of the State of the Circulation, during the Nine Yeaes 1848 - 1856". Vol. V - VI, London, 1857 (T.Tu-cơ và

- U. Niu-mác-sơ. "Lịch sử giá cả và tình hình lưu thông tiền tệ trong chín năm, từ năm 1848 đến năm 1856". T.V - VI, Luân Đôn, 1857). - 422.
- 269 *Phố Lôm-bác-đi* - tên một phố ở Luân Đôn, nơi có các ngân hàng lớn và các ngân hàng chiết khấu. Đồng nghĩa với thị trường tiền tệ Luân Đôn. Khác với ngân hàng Anh chỉ chiết khấu những kỳ phiếu hạng nhất thuộc các ngân hàng, còn ở phố Lôm-bác-đi thì tất cả các kỳ phiếu đều được chiết khấu, hơn nữa suất chiết khấu ở đây là cái gọi là lãi suất thị trường, thường xuyên cao hơn suất chiết khấu của Ngân hàng Anh. - 431.
- 270 Mác trích bức thư của Ăng-ghe-nê ngày 17 tháng Chạp 1857 (phỏng theo); trong bài này cũng sử dụng cả những sự kiện khác nêu ở trong thư. - 433.
271. - Nhan đề được đặt theo cuốn sổ tay của Mác năm 1857. - 435.
- 272 "*Opinione*" ("Ý kiến") - nhật báo I-ta-li-a được thành lập năm 1848 ở Turin, cơ quan của phái tự do quân chủ Ca-vuốc. - 438.
- 273 *Crédit Foncier* (Tín dụng ruộng đất) - ngân hàng cổ phần Pháp. Được thành lập năm 1852 trên cơ sở của Ngân hàng ruộng đất Pa-ri cũ. *Crédit Foncier* cho vay ngắn hạn và dài hạn (thời hạn 50 năm) với điều kiện thế chấp bằng bất động sản kèm theo việc trả một số lãi suất nhất định. *Crédit Foncier* được chính phủ trợ cấp một khoản đáng kể.
- Comptoir National d'Escompte de Paris* (Sở chiết khấu quốc gia Pa-ri) - được thành lập năm 1848; thoát đầu nó chiết khấu hối phiếu có hai chữ ký và cho vay tín dụng với điều kiện có thế chấp bằng hàng hoá gửi trong các kho công cộng. Dưới thời Na-pô-lê-ông III, nó mang hình thức công ty cổ phần (từ năm 1853) và có đặc quyền cho vay có thế chấp bằng chứng khoán có lãi của Pháp, cổ phần hoặc các trái khoán của các công ty cổ phần công nghiệp hoặc Công ty cổ phần tín dụng. - 440.
- 274 *Mét-xơ-hau-xơ* - trụ sở của câu lạc bộ sĩ quan và là nhà ăn của quân đồn trú thành phố Lác-na-u. - 442.
- 275 *Trận đánh ở An-ma*, nơi quân Nga giao chiến với binh lực Pháp và Anh, diễn ra ngày 20 (8) tháng Chín 1854; quân đội đồng minh đã thắng nhờ ưu thế về số lượng và lợi thế quân sự lớn của mình, cũng như do sự bất tài của bộ chỉ huy Nga. - 445.
- 276 Lâu đài *U-gu-môn* và trại *La-ê-xanh* - những điểm trên đường tiến vào làng Oa-téc-lô - được coi là cứ điểm tự nhiên thuận tiện cho quân đồng minh trong

- thời kỳ diễn ra trận đánh ở Oa-téc-lô ngày 18 tháng Sáu 1815. Những người bảo vệ hai cứ điểm đã nêu tấm gương phòng thủ kiên cường, mặc dù lực lượng ít ỏi (ở U-gu-môn có tất cả 7 đại đội và 1 tiểu đoàn, còn ở La-Ê-Xanh - 1 tiểu đoàn). Kết quả là quân Pháp không chiếm được cứ điểm thứ nhất và chỉ sau trận chiến đấu kéo dài và bền bỉ, chúng mới chiếm được cứ điểm thứ hai. - 447.
- 277 Trong trận chiến đấu ở *Bô-rô-đi-nô* ngày 7 tháng Chín (26 tháng Tám) 1812, quân đội Na-pô-lê-ông đã thiệt hại khoảng một nửa số quân và quân đội của Cu-tu-dốp thì mất hơn một phần ba quân số. - 447.
- 278 Tháng Mười 1832, các đội quân Anh - Pháp và một phần quân Bỉ đã phong tỏa các cảng Hà Lan và bao vây thành *Ăng-ve* nhằm bắt Hà Lan thực hiện các điều khoản của Hiệp ước Luân Đôn năm 1831 về việc công nhận nền độc lập của Bỉ và trao trả *Ăng-ve* cho Bỉ. Sau một thời gian kiên cường và bền bỉ phòng thủ pháo đài, quân Hà Lan đã phải rút khỏi nơi đây vào cuối tháng Chạp 1832, sau khi ở đây chỉ còn lại những đồng tro tàn.
- Trong thời kỳ bao vây Vơ-ni-dơ vì vào tháng Ba 1848 Vơ-ni-dơ đã nổi dậy chống lại sự bá chủ của Áo, quân đội Áo dưới sự chỉ huy của tướng Hai-nau đã giáng đòn chủ yếu xuống pháo đài *Man-hê-ra*. Quân đồn trú trong pháo đài nhờ tích cực phòng thủ, đã đứng vững trước cuộc bao vây kéo dài và chỉ rút khỏi pháo đài vào tháng Năm 1849, sau khi tại đó tất cả các công sự đã bị tàn phá và phần lớn vũ khí đã bị phá hỏng. - 466.
- 279 Đầu năm 1813, quân đội Đức và Nga thuộc khối Liên minh chống Pháp lần thứ sáu đã bao vây thành phố Đan-tích do Pháp chiếm, nhưng chúng đã gặp phải sự phòng thủ hết sức kiên cường được bố trí trên các ngã đường tiến vào thành phố. Thành phố nằm trong tình trạng bị bao vây suốt mười một tháng rưỡi, trong suốt thời gian đó quân đội Pháp dưới sự chỉ huy của tướng Ra-pơ đã đứng vững được trong ba cuộc bao vây chính quy. Thiệt hại của quân Pháp là 19 nghìn người, thiệt hại của quân đồng minh là 10 nghìn người. - 466.
- 280 Đây nói đến các sự kiện của cuộc Chiến tranh Crưm. Trong thời gian quân đồng minh tấn công pháo đài thứ ba của cứ điểm Xê-va-xtô-pôn (cái gọi là Rê-đan Lớn) ngày 18 (6) tháng Sáu 1855 nhưng thất bại, Uyn-hêm đã chỉ huy một lữ đoàn quân Anh, nhưng tác chiến cực kỳ uể oải và ngoài ra, giữa lúc trận đánh quyết liệt nhất, ông ta lại tiến hành hai chuyến đi đáng nghi ngờ về hậu phương, dường như là để xin viện binh (xem tập này, tr. 474 - 480). - 467.

- 281 Nói đến pháp lệnh của nghị viện năm 1833, pháp lệnh này đã tước của Công ty Đông Ấn độc quyền buôn bán với Trung Quốc và giải thể nó như là một tổ chức thương mại. Nghị viện chỉ để lại cho công ty những chức năng hành chính, sau khi gia hạn giấy phép đặc biệt của nó đến năm 1853. - 470.
- 282 *"The Phoenix"* ("Phượng hoàng") - báo của Chính phủ Anh ở Ấn Độ, xuất bản ở Can-cút-ta. - 472.
- 283 Nhan đề được đặt theo cuốn sổ tay của Mác năm 1858. - 474.
- 284 Nguyên nhân làm cho đội kỵ binh nhẹ của Anh bị tiêu diệt, điều đã gây nên một ấn tượng mạnh mẽ ở Anh, là mệnh lệnh của tổng chỉ huy các đội quân Anh, huân tước Ra-glan, về việc tấn công bằng kỵ binh vào các khẩu đội pháo của quân Nga trong trận chiến đấu ở Ba-la-cla-va ngày 25 (13) tháng Mười 1854. Để biện minh, về sau này huân tước Ra-glan đã khẳng định lỗi đó thuộc về đại uý Nô-lan, người truyền lệnh của ông ta dường như không chính xác. Nhưng sự kiện này thật khó mà xác minh được, vì Nô-lan đã bị giết sau khi truyền lệnh được vài phút. - 479.
- 285 Nhan đề được đặt theo cuốn sổ tay của Mác năm 1858. - 481.
- 286 Âm chỉ âm mưu của Lu-i Bô-na-pác-tơ định làm cuộc đảo chính ngày 6 tháng Tám 1840. Lợi dụng tâm trạng thân Bô-na-pác-tơ lại dấy lên đôi chút ở Pháp, ông ta đã cùng một nhóm những kẻ mưu loạn đổ bộ lên Bu-lô-nhơ nhằm làm cuộc bạo động trong quân đồn trú ở địa phương. Âm mưu này kết thúc bằng sự phá sản hoàn toàn. Bô-na-pác-tơ bị kết án tù chung thân, nhưng năm 1846 đã chạy trốn sang Anh. - 481.
- 287 *"Le Spectateur"* ("Khán giả"), báo Pháp "L'Assemblée nationale" (xem chú thích 64) xuất bản với tên gọi này ở Pa-ri từ tháng Chín 1857 đến tháng Giêng 1858.
- "Le Phare de la Loire"* ("Đèn biển Loa-rơ") - nhật báo Pháp, xuất bản ở Năng-tơ từ năm 1815. - 485.
- 288 Tiếp đó, ban biên tập báo "New - York Daily Tribune" đã thêm vào văn bản bài báo của Mác đoạn sau đây: "Hay là, như một người Mỹ nổi tiếng hiện đang sống ở Pháp viết trong bức thư nhận được từ chiếc tàu "A-phri-ca": "Những người Pháp đang bị ám ảnh bởi những điều linh cảm tồi tệ nhất. Mới đây, tôi có trò chuyện với một người quen của tôi, một người đàn bà rất thông minh và nghiêm nghị, và bà ta đã nói với tôi sotto voce (một cách thì

- thầm), rằng tất cả mọi người, không kể là ai mà bà ta có dịp tiếp chuyện - đều cảm thấy nỗi khiếp sợ nặng nề trước tương lai, trước ngày báo thù, mà thậm chí mỗi nghĩ đến nó cũng đã thấy khủng khiếp rồi. Theo lời của bà ta, các khoản đem cầm cố ở mont-de-pie'té (hiệu cầm đồ) đã giảm đến mức tất cả đều rõ ràng mọi người không còn một cái gì ngoài cái cần thiết nhất, còn điều này, theo ý kiến của bà ta và theo ý kiến của bạn bè bà ta, là dấu hiệu chắc chắn cho thấy rằng thảm họa dứt khoát sẽ tới gần". - 485.
- 289 Có ý nói đến đạo luật về an ninh xã hội được nổi tiếng dưới tên gọi Đạo luật về những người bị tình nghi (loi des suspects), được Hội đồng lập pháp thông qua ngày 19 tháng Hai 1858. Đạo luật đã giao cho chính phủ và hoàng đế toàn quyền phát vãng đến các địa phương khác nhau của Pháp và An-giê-ri hoặc hoàn toàn đuổi khỏi lãnh thổ Pháp tất cả những người bị tình nghi là có thái độ thù địch với Đế chế thứ hai. - 485.
- 290 Có ý nói đến cái gọi là *"Hội ngày 10 tháng Chạp"* (xem chú thích 30). - 486.
- 291 Ở La Mã cổ đại, những quân nhân thuộc đội bảo vệ riêng của hoàng đế được hưởng chế độ đặc ân, gọi là những *prê-tô-ri-an*. Mác dùng từ *prê-tô-ri-an* để gọi những đại biểu của giới quân phiệt Pháp mà Na-pô-lê-ông III đã dựa vào (xem tập này, tr. 412-415). - 486.
- 292 Sắc lệnh phân chia lãnh thổ của Đế chế Pháp làm 5 quân khu đã được ban hành ngày 27 tháng Giêng 1858. Các trung tâm hành chính của các khu này là Pa-ri, Năng-xi, Ly-ông, Tu-lu-dơ và Tua, đứng đầu chúng là các nguyên soái Ma-nhăng, Ba-ra-ghê Đờ In-li-ê, Bô-xcơ, Cát-xtơ-lan và Can-rô-béc. Khi gọi các quân khu là những Pa-sa-lích, Mác sử dụng tên lóng do báo chí cộng hoà đặt cho chúng từ hồi năm 1850 để nhấn mạnh sự giống nhau giữa quyền lực vô hạn của những viên tướng phản động cầm đầu chúng hồi bấy giờ với sự chuyên quyền của những Pa-sa Thổ Nhĩ Kỳ. Năm 1858, việc đề cử Pê-li-xi-ê làm đại nguyên soái để tất cả các khu phải chịu phục tùng ông ta, chỉ được dự kiến, nhưng không được thực hiện. - 486.
- 293 Mác có ý nói đến cuốn tiểu thuyết nổi tiếng thời bấy giờ của Giôn Ben-ni-an "Chuyến đi của một người hành hương". - 486.
- 294 Âm chỉ âm mưu của Lu-i Bô-na-pác-tơ làm cuộc đảo chính ngày 30 tháng Mười 1836. Với mục đích đó, ông ta đã tổ chức ra một vụ âm mưu phản loạn tại

- trung đoàn đồn trú của thành phố Xơ-ra-xbua, âm mưu đó đã kết thúc bằng sự thất bại hoàn toàn. Bô-na-pác-tơ bị bắt và bị trục xuất sang châu Mỹ. - 486.
- 295 Tháng Ba 1855, Na-pô-lê-ông dự định đến Crưm nhằm làm dịu bớt những điều ca thán trong quân đội và trong nước, đẩy mạnh các hoạt động quân sự và xúc tiến việc chiếm Xê-va-xtô-pôn. Nhưng chuyến đi không thành. - 486.
- 296 *Dự luật về ngoại kiều* (hay dự luật về những âm mưu) do Pan-móc-xtơn đưa ra trình hạ nghị viện ngày 8 tháng Hai 1858 trước sức ép của Chính phủ Pháp (ngày 5 tháng Hai, Pan-móc-xtơn đã thông báo là ông ta có ý định đưa trình bản dự luật). Chiếu theo dự luật này, bất kỳ ai sống trong phạm vi của Vương quốc liên hiệp, dù đó là người Anh hay người ngoại quốc, nếu anh ta là người tổ chức hay là người tham gia vào âm mưu định giết một người nào đó ở Anh hay ở bất kỳ một nước nào khác, đều bị toà án Anh xét xử và chịu hình phạt khắc nghiệt. Do sức ép của phong trào quần chúng phản đối, dự luật đã được hạ nghị viện bác bỏ, và Pan-móc-xtơn đã buộc phải từ chức. - 487.
- 297 Theo lệnh của bộ chỉ huy Pháp, tướng Ê-xpi-nắc, chỉ huy quân đoàn viễn chinh đã tiến hành chiến dịch vào tháng Bảy - tháng Tám 1854 chống các đội quân Nga ở Đô-brút-gia (vùng giữa hạ lưu sông Đa-nuýp và Hắc Hải) thuộc Thổ Nhĩ Kỳ. Không gặp quân Nga, nhưng thiệt hại hơn nửa số quân đoàn vì dịch tả phát sinh trong các đội quân. Ê-xpi-nắc đã chấm dứt chiến dịch của mình bằng cuộc rút lui nhục nhã. - 494.
- 298 *Anh hùng Xa-tô-ri* - Mác gọi Lu-i Bô-na-pác-tơ như vậy. Ngày 10 tháng Mười 1850, trong thời gian làm tổng thống nước Cộng hoà Pháp, Lu-i Bô-na-pác-tơ đã tổ chức tại đồng bằng Xa-tô-ri gần Véc-xay một cuộc tổng duyệt binh, và đã tổ chức ngay tại đó một bữa tiệc khao quân. Bằng cách đó, Lu-i Bô-na-pác-tơ cố gắng mua chuộc quân đội để chuẩn bị đảo chính; tại buổi duyệt binh ông ta đã được đội kỵ binh chào mừng bằng những tiếng hô "Hoàng đế vạn tể!". - 495.
- 299 Ngày 9 tháng Nóng (27 - 28 tháng Bảy 1794), cuộc đảo chính phản cách mạng đã diễn ra ở Pháp dẫn đến sự sụp đổ của chính phủ của phái Gia-cô-banh và dẫn đến sự thiết lập nền thống trị của giai cấp đại tư sản. - 495.
- 300 *Pa-le-Roay-an* (cung vua) - cung điện ở Pa-ri, là dinh của Lu-i XIV từ năm 1643

- và từ năm 1692 chuyển thành sở hữu của chi Oóc-lê-ăng thuộc giòng họ Bước-bông. Trong những năm 50 là dinh của bác ruột Na-pô-lê-ông III, vua trước kia của Ve-xơ-pa-li là Giê-rôm Bô-na-pác-tơ và con trai của ông ta là Giô-dép Bô-na-pác-tơ, người được mang tước hoàng tử kế vị của nước Pháp trước khi Na-pô-lê-ông III sinh con trai.
- Ở đây ám chỉ quan hệ căng thẳng giữa Giê-rôm và Lu-i Bô-na-pác-tơ. - 496.
- 301 Nhan đề được đặt theo cuốn sổ tay của Mác năm 1858. - 499.
- 302 Âm chỉ cuộc xung đột xảy ra vào tháng Mười 1856 giữa các đại biểu Anh và các nhà cầm quyền địa phương Trung Quốc ở Quảng Châu. Về phía Trung Quốc, vai trò chủ yếu trong cuộc xung đột thuộc về quan tổng đốc E.Min-sê-nơ, người đã chống lại những yêu sách bất hợp pháp của người Anh. Cuộc xung đột là nguyên cớ để gây ra cuộc chiến tranh "nha phiến" xâm lược lần thứ hai ở Trung Quốc do Chính phủ của Pan-móc-xtơn khởi đầu. Giai cấp tư sản Anh thêm khát thị trường tiêu thụ mới đã hoan nghênh chính sách đối ngoại xâm lược của chính phủ, điều đó đã tạo khả năng cho Pan-móc-xtơn, một đại biểu của bọn quả đầu quý tộc Anh độc đoán đề ra chính sách đối nội và đối ngoại của nước Anh tư sản hầu như suốt cả mười năm (1855 - 1858 và 1859 - 1865).
- Các-bô-na-ri* - những người tham gia hội chính trị bí mật ở I-ta-li-a, xuất hiện vào đầu thế kỷ XIX và mở đầu cho phong trào giải phóng dân tộc ở I-ta-li-a. Những người Các-bô-na-ri đã đặt ra cho mình mục đích là đánh đuổi bọn xâm lược ngoại bang và hạn chế chế độ chuyên chế.
- Về việc từ chức của Pan-móc-xtơn, xem chú thích 309 và 296. - 499.
- 303 Trong Nghị viện Anh, theo truyền thống được hình thành từ xưa, các thành viên của nội các thuộc phái cầm quyền ngồi phía bên phải của Xpi-ke-rơ (chủ tịch) hạ nghị viện, còn các cựu thành viên của nội các thuộc phái đối lập trong thời điểm đó - ngồi ghế đối diện, bên trái của Xpi-ke-rơ. - 500.
- 304 *Sự giải phóng những tín đồ Thiên chúa giáo* - năm 1829 Nghị viện Anh đã huỷ bỏ những hạn chế về các quyền chính trị của những người theo đạo Thiên chúa. Những người theo đạo Thiên chúa, phần lớn là người Ai-rơ-len, có quyền được bầu vào nghị viện và giữ một số chức vụ trong chính phủ; đồng thời điều kiện tuyển cử về tài sản được tăng lên 5 lần. Nhờ thủ đoạn này, các giai cấp cầm quyền Anh hy vọng lôi kéo được tầng lớp chóp bu của giai cấp tư sản Ai-rơ-len và các điền chủ Thiên chúa giáo về phía mình, như vậy sẽ chia rẽ được phong trào dân tộc Ai-rơ-len. - 500.

- 305 Có ý nói đến cuộc đấu tranh đòi cải cách bầu cử do Nghị viện Anh tiến hành năm 1832 (xem chú thích 146). - 500.
- 306 Dòng họ Ca-pu-lét-ti và dòng họ Mông-tê-ghiu - hai dòng họ thù địch nhau trong bi kịch của Sếch-xpia "Rô-mê-ô và Giu-li-ét". - 500.
- 307 Ám chỉ việc tuyên truyền của Cóp-đen chống các đạo luật về ngũ cốc năm 1845. Việc cổ động này đã góp phần làm sụp đổ của nội các bảo thủ của phái Pin. Người cầm đầu đảng Vích là huân tước Giôn Rốt-xen, người được giao lập ra một nội các mới, đã đề nghị Cóp-đen giữ chức thủ trưởng bộ thương mại, nhưng Cóp-đen từ chối đề nghị này. Vì những mâu thuẫn trong đảng Vích, Rốt-xen đã không thành lập được nội các, và ngày 20 tháng Chạp 1845, đảng To-ri lại lên cầm quyền. - 501.
- 308 Đâu-bơ (gọi đầy đủ là Dowbiggin) - tên của một sĩ quan trẻ tham gia cuộc Chiến tranh Crưm, cháu của Bộ trưởng quốc phòng Anh - huân tước Pan-muy-rơ. Câu "Hãy quan tâm đến Đâu-bơ" được Pan-muy-rơ dùng trong một công văn hỏa tốc của ông gửi cho bộ chỉ huy Anh ở Crưm, câu đó đã được lan truyền rộng rãi ở Anh như một chứng cứ cho thấy rằng ngài bộ trưởng quốc phòng quá ít lo lắng đến các công việc quân sự của đất nước mình. - 501.
- 309 Sau vụ mưu sát Lu-i Na-pô-lê-ông của nhà cách mạng I-ta-li-a là Óc-xi-ni, bá tước Va-lép-xki, Bộ trưởng ngoại giao Pháp đã gửi cho Chính phủ Anh công văn hỏa tốc đề ngày 20 tháng Giêng 1858, trong đó, thay mặt chính phủ Pháp, ông ta đã nói lên bằng một giọng rất gay gắt sự bất bình về việc nước Anh cho những người lưu vong chính trị Pháp cư trú. Trong công văn của mình, Va-lép-xki đã công khai nói lên sự cần thiết phải áp dụng những biện pháp thích đáng chống lại việc đó. Công văn khẩn của Va-lép-xki là cái cơ cho Pan-móc-xtơn đưa Dự luật về những âm mưu ra trình hạ nghị viện (xem chú thích 296). - 502.
- 310 Điều bổ sung của Mìn-nơ Ghíp-xơn, một đảng viên của đảng tự do, nghị sĩ của hạ nghị viện do ông ta nêu ra trong lúc đọc lần thứ hai bản Dự luật về những âm mưu tháng Hai 1858, đã chỉ trích Chính phủ Pan-móc-xtơn vì nó đã không trả lời một cách thích đáng công văn thô bạo của Va-lép-xki, điều bổ sung này trên thực tế là sự biểu quyết không tín nhiệm chính phủ; sau khi thông qua điều bổ sung này với đa số phiếu, hạ nghị viện đã bác bỏ dự luật và buộc Chính phủ Pan-móc-xtơn phải từ chức. - 502.

- 311 Tiếp đó là những đoạn do ban biên tập báo "New - York Daily Tribune" thêm vào: "Nhờ đó mà tất cả các thủ đồ của châu Âu tỏ phòai nhẹ nhõm hơn; mỗi một đảng viên đảng tự do cảm thấy tin tưởng rằng cái ngày mà nhân dân vùng dậy một cách thắng lợi, nay càng tới gần hơn nhiều so với tháng trước. Để xác nhận, chúng tôi xin trích một đoạn trong bài diễn văn của một diễn giả nổi tiếng nước Anh và là một trong những nhà hoạt động nhà nước có nhiều hứa hẹn nhất của nước đó, người mà một thời trước kia đã từng là bạn thân thiết của ngài Rô-bóc Pin - tức là ngài Glát-xtôn, đại biểu của trường Đại học Tổng hợp Ốc-xphoóc, trong thời gian thảo luận kéo dài mà kết quả là Pan-móc-xtơn đã bị lật đổ, Glát-xtôn nói:

"Thời buổi của chúng ta là thời buổi khó khăn đối với tự do. Chúng ta đang sống ở thế kỷ XIX. Chúng ta bàn luận về sự tiến bộ; chúng ta tin tưởng rằng chúng ta đang tiến lên phía trước; song một con người có đầu óc quan sát, biết theo dõi các sự kiện ở châu Âu trong những năm gần đây, không thể không nhận thấy rằng, mặc dù phong trào vẫn còn tồn tại, nhưng đó là phong trào đang suy thoái và thụt lùi. Có một số nơi vẫn tồn tại và phát triển các thể chế gây nên sự đồng tình của chúng ta. Nhưng đó là những nơi thứ yếu, có thể nói đó là những nơi hẻo lánh thực sự của châu Âu xét về mặt ý nghĩa vật chất của nó, mặc dù tôi tin tưởng rằng, ý nghĩa tinh thần của chúng bảo đảm cho chúng phát triển lâu dài và thịnh vượng. Nhưng hiện nay, hơn lúc nào hết, trách nhiệm sẽ đổ lên đầu nước Anh; nếu quả thật nó đổ lên đầu nước Anh, lên các nguyên tắc của nước Anh, lên các đạo luật của nước Anh, lên các vị cầm quyền của nước Anh, thì tôi tuyên bố rằng bất kỳ đạo luật nào được Hạ nghị viện này, cái thành trì chủ yếu này của tự do chuẩn y - một hành vi cố gắng xác lập sự đoàn kết về tinh thần giữa chúng ta với những người khao khát củng cố địa vị của mình bằng những cuộc đàn áp, - cũng sẽ giáng một đòn và đặt sự nghiệp thiêng liêng của tự do ở tất cả các nước trên thế giới vào một tình thế khó khăn. (Vỗ tay nhiệt liệt)".

Xin các bạn lưu ý rằng huân tước Đốc-bi đã khẩn khoản yêu cầu ngài Glát-xtôn nhận một chức rất cao trong nội các của mình, rằng trong thời gian gần đây chưa có một thủ tướng nào và sắp tới đây cũng chưa chắc có nhân vật nào như thế lại không hân hạnh chia sẻ với Glát-xtôn trách nhiệm nặng nề nhất" - 503.

- 312 Có ý nói đến sự tàn bạo của bọn thực dân Pháp đối với những bộ lạc Ả-rập trong thời kỳ chiến tranh xâm lược của Pháp ở An-giê-ri (xem chú thích 110). - 504.

- 313 "L'Empereur Napoléon III et l'Angleterre". Paris, 1858 ("Hoàng đế Na-pô-lê-ông III và nước Anh". Pa-ri, 1858). Bài văn đả kích do L.E. La Ghê-rô-ni-e viết và được xuất bản khuyến danh. - 504.
- 314 Nói đến cuộc đàn áp ở Buy-ăng-xơ (Trung Pháp, tỉnh Ăng-đơ) vào đầu năm 1847 của các đội quân chính phủ đối với những công nhân nghèo đói (cư dân ở các làng quê lân cận) - đã tấn công vào các kho lương thực của bọn đầu cơ tích trữ. Những sự kiện ở Buy-ăng-xơ đã khiến cho chính phủ đàn áp khốc liệt; một số người tham gia trực tiếp vào sự kiện đã bị xử tử, những người khác bị tuyên án tù khổ sai. - 504.
- 315 Tháng Tám 1847, thống soái Pháp - công tước Pra-lanh đã giết vợ mình. Trọng tội này của nhân vật cao cấp đã gây nên sự công phẫn trong các giới rộng rãi của xã hội Pháp. Cái chết bất ngờ của công tước sau khi chôn vợ được vài hôm được báo chí Pháp coi là sự tự sát. - 505.
- 316 "*La Patrie*" ("Tổ quốc") - nhật báo Pháp được thành lập năm 1841; năm 1850 báo thể hiện quyền lợi của bọn quân chủ hợp nhất, của cái gọi là đảng trật tự; sau cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851, là báo của phái Bô-na-pác-tơ. - 508.
- 317 "*Những lưỡi lê biết nghĩ*" ("Baïonnettes intelligentes") - thành ngữ mà người ta cho là của viên tướng Pháp theo chủ nghĩa quân chủ Săng-gác-ni-ê. Năm 1849, khi Ma-ra-xtơ, chủ tịch Quốc hội lập hiến Pháp, người theo phái cộng hoà tư sản, cảm thấy có sự đe dọa từ phía những người theo phái Bô-na-pác-tơ, ông đã yêu cầu Săng-gác-ni-ê phái các đơn vị quân đội đến để bảo vệ, quốc hội Săng-gác-ni-ê từ chối và tuyên bố rằng ông ta không thích baïonnettes intelligentes. Bằng cách đó, ông ta đã làm cho mọi người hiểu rằng trong các hoạt động của mình quân đội không cần phải tuân theo những động cơ chính trị. Ở đây Mác ám chỉ một cách mỉa mai quân đội Pháp mang tinh thần Bô-na-pác-tơ, thực tế đã đóng một vai trò đáng kể trong chính sách của Đế chế thứ hai. - 509.
- 318 Trong bài này Mác sử dụng bức thư của Ăng-ghe-nê ngày 17 tháng Ba 1858. - 510.
- 319 Có ý nói đến sự phá sản của cái gọi là Dự luật về ngoại kiều ở Hạ nghị viện Anh vào tháng Hai 1858 (xem chú thích 296) và sự từ chức tiếp sau đó

- của Chính phủ Pan-móc-xơn, kẻ đã ủng hộ về mặt tinh thần chế độ của Na-pô-lê-ông III và tán thành chính sách đối ngoại của Đế chế thứ hai. - 514.
- 320 Nói tới công ước được ký kết giữa Pháp và Bỉ ngày 22 tháng Chín và được phê chuẩn ngày 11 tháng Mười 1856. Công ước hạn chế nước Bỉ trao quyền cư trú cho những người lưu vong chính trị bị kết tội mưu sát hoặc giết các quốc vương nước ngoài hoặc những người trong hoàng tộc. - 514.
- 321 Ám chỉ cuốn sách của Lu-i Bô-na-pác-tơ "Những tư tưởng Na-pô-lê-ông", xuất bản ở Pa-ri năm 1839 (Napoléon - Louis Bonaparte. "Des idées napoléoniennes". Paris, 1839). Cuốn sách đã ca ngợi những nguyên tắc của chính sách Na-pô-lê-ông, những thể chế của Đế chế Na-pô-lê-ông I và lý tưởng hoá cá nhân hoàng đế. - 514.
- 322 "*The Continental Review*" ("Bình luận lục địa") - tạp chí hàng tuần của tư sản Anh xuất bản ở Luân Đôn trong những năm 1858 - 1859. - 514.
- 323 Louis - Napoléon Bonaparte. "Histoire du canon dans les armées modernes" Paris, 1848 (Lu-i - Na-pô-lê-ông Bô-na-pác-tơ. "Lịch sử súng đại bác trong các quân đội hiện đại". Pa-ri, 1848). - 517.
- 324 Ngày 10 tháng Chạp 1848, Lu-i Bô-na-pác-tơ đã được bầu làm tổng thống của nền Cộng hoà thứ hai. - 517.
- 325 "*L'Univers religieux, philosophique, politique, scientifique et littéraire*" ("Thế giới của tôn giáo, triết học, chính trị, khoa học và văn học") - báo của giáo hội Pháp, thành lập ở Pa-ri năm 1833; trong những năm 50 báo này ủng hộ chính sách của Bô-na-pác-tơ. - 518.
- 326 Có ý nói đến A-si-lơ. Theo thần thoại Hy Lạp cổ đại, chỉ có một mình A-si-lơ mới có thể chữa lành những vết thương do mình gây ra cho Tê-lép, con trai của Hê-rắc. - 519.
- 327 *Locus Curtius* (Vực thẳm Cuộc-ti-u-xơ) tên dùng để gọi một địa điểm trên địa phận của quốc dân hội nghị trường La Mã, nơi mà theo truyền thuyết, đất bị sụt xuống thành vực do động đất, và chỉ sau khi chàng trai La Mã Cuộc-ti-u-xơ tự hy sinh thân mình nhảy xuống đấy, nó mới được lấp lại. - 519.
- 328 Ám chỉ sự tham gia của Lu-i Bô-na-pác-tơ vào các đội cảnh sát đặc biệt do Chính phủ Anh tuyển mộ để đàn áp những người theo phái Hiến chương.

- Những đội quân này đóng vai trò quan trọng trong việc giải tán cuộc biểu tình của phái Hiến chương ngày 10 tháng Tư 1848, mà mục đích của nó là trình lên nghị viện đơn thỉnh nguyện lần thứ ba về việc thông qua bản Hiến chương nhân dân. - 520.
- 329 J.Mazzini "To Louis Napoléon". London, (G.Mát-di-ni "Gửi Lu-i - Na-pô-lê-ông" Luân Đôn, 1858). - 521.
- 330 Mác có ý nói đến tính chất ôn hoà, nửa vời của chính sách của tam hùng của nền Cộng hoà La Mã năm 1848 - Mát-di-ni, Xa-phi và Ác-men-li-ni. Những biện pháp của họ đối với giai cấp nông dân, mặc dù cũng có ý nghĩa tiến bộ, nhưng trên thực tế không đưa tới chỗ thay đổi quan hệ ruộng đất ở nông thôn và không mang lại sự cải thiện thiết thực nào cho nông dân I-ta-li-a đang sống trong tình cảnh khổ cực. - 521.
- 331 Đây nói đến cuốn sách: Dureau de la Malle. "Economie politique des Romains" T. I - II, Paris, 1840 (Đuy-rô Đơ La Man-lơ. "Kinh tế chính trị của người La Mã". T. I – II, Pa-ri, 1840) và đến cuốn sách của Mông-te-xki-ơ "Considérations sur les causes de la grandeur des Romains et de leur décadence" ("Bàn về những nguyên nhân thăng trầm của người La Mã"). Xuất bản khuyết danh lần đầu ở Am-xtéc-đam năm 1734. - 522.
- 332 J.Lelewel. "Considérations su l'état politique de l'ancienne Pologne et sur l'histoire de son peuple" - [Paris, 1844] (I.Lê-lê-ven. "Bàn về tình hình chính trị của nước Ba Lan trước kia và lịch sử của nhân dân Ba Lan" [Pa-ri, 1844]. - 522.
- 333 *Marianne* (Ma-ri-an-na) - tên gọi của một hội cộng hoà bí mật ở Pháp xuất hiện năm 1850; hội đã đặt ra mục đích đấu tranh chống Na-pô-lê-ông III. - 523.
- 334 Để được những người lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc ở I-ta-li-a tín nhiệm. Lu-i Bô-na-pác-tơ đã tham gia vào âm mưu chống quyền lực thế tục của giáo hoàng ở La Mã, được tổ chức sau khi giáo hoàng Pi VIII mất. Cuộc khởi nghĩa bùng nổ vì vấn đề đó vào đầu năm 1831 ở Mô-den, Rô-ma-nơ và Pác-ma đã bị quân đội Áo và các lực lượng của Chính phủ I-ta-li-a đàn áp. - 526.
- 335 Nói về bài văn đả kích của Huy-gô - xem chú thích 29. - 528.
- 336 *"The True Briton"* ("Người Anh chân chính") - nhật báo Anh được thành lập ở Luân Đôn năm 1792; vào đầu thế kỷ XIX đã liên kết chặt chẽ với các giới của chính phủ. - 532.

- 337 *Toà án hoàng gia* - một trong những toà án cao nhất của nước Anh, sau cuộc cải cách năm 1873 là bộ phận của Toà án tối cao. Toà án hoàng gia xem xét các vụ án hình sự và dân sự và có quyền thẩm xét lại các bản án của một loạt các toà án cấp dưới. - 533.
- 338 *"Hamburger Korrespondent"* - tên gọi tắt của một tờ báo Đức "Staats und Gelehrte Zeitung des Hamburgischen unparteiischen Korrespondenten" ("Báo chính trị và khoa học của thông tin viên vô tư ở Hăm-buốc"). Trong những năm 50 của thế kỷ XIX, báo xuất bản hàng ngày, có khuynh hướng quân chủ phản động. - 537.
- 339 Âm chỉ việc thi hành ở Pháp hệ thống pháo binh dã chiến mới do Lu-i - Na-pô-lê-ông đề nghị. Theo hệ thống này, tất cả các loại vũ khí pháo binh đều được thay bằng loại đại bác nhẹ 12 pao, và bằng cái gọi là pháo nòng ngắn của Lu-i - Na-pô-lê-ông, loại này có thể bắn bằng những viên đạn pháo không lớn lắm. - 538.
- 340 Nhan đề được đặt theo cuốn sổ tay của Mác năm 1858. - 544.
- 341 Có ý nói đến cuộc chiến tranh Anh - Áp-ga-ni-xtan lần thứ nhất những năm 1838 - 1842 (xem chú thích 117). - 545.
- 342 B.Disraeli. "The Young Duke", Vol. I – III, London, 1831. – 552.
- 343 Nói về những đề nghị về ngân sách do bộ trưởng tài chính Glát-xtôn đưa ra vào tháng Tư 1853 và đã được hạ nghị viện thông qua. - 554.
- 344 R.Price. "Observations on Reversionary Payments; on Schemes for providing Annuities for Widows, and for Persons in Old Age; on the Method of Calculating the Values of Assurances on Lives; and on the National Debt". London, 1771 (P. Prai-xơ. "Những nhận xét về các khoản thanh toán kế thừa, về các dự án bảo đảm trợ cấp hàng năm cho các bà goá và người già nua; về phương pháp tính giá trị bảo hiểm đời sống và về nợ của nhà nước". Luân Đôn, 1771). - 555.
- 345 Âm chỉ những bức thư chúc mừng Na-pô-lê-ông III đăng trên tờ "Moniteur" của các đại tá quân đội Pháp nhân việc cứu sống ông ta trong vụ mưu sát ngày 14 tháng Giêng 1858. Những thư chúc mừng chứa đầy sự đe dọa chống lại nước Anh. – 558.
- 346 *"Le Pouvoir"* ("Quyền lực") - báo Pháp theo phái Bô-na-pác-tơ, được thành lập

- ở Pa-ri năm 1849; xuất bản với tên gọi này từ năm 1850 đến năm 1851. - 560.
- 347 "The New - York Herald" ("Người truyền tin Niu Oóc") - báo Mỹ hàng ngày, cơ quan của đảng cộng hoà; xuất bản ở Niu Oóc từ năm 1835 đến 1924. - 560.
- 348 *Expédition de Boulogne* (cuộc viễn chinh Bu-lô-nơ) - xem chú thích 286. - 561.
- 349 "Reports of the Inspectors of Factories to Her Majesty's Principal Secretary of State for the Home Department, for the Half Year ending 31 st. October 1857". London, 1857 ("Những báo cáo của các viên thanh tra công xưởng trình độ trưởng nội vụ của đức hoàng thượng về nửa năm, tính đến ngày 31 tháng Mười 1857". Luân Đôn, 1857). - 566.
- 350 Ăng-ghe-nơ có ý nói đến hình thức cổ nhất của các công sự phòng thủ xung quanh thành phố và các trại được dân Miến Điện sử dụng rộng rãi. - 576.
- 351 Bằng cuộc tấn công ngày 6 tháng Tư 1812, quân đội Anh dưới sự chỉ huy của Oen-lin-tơn đã chiếm được pháo đài *Ba-đa-i-ốt* ở Tây Ban Nha do quân Pháp chiếm giữ.
- Cuộc tấn công đánh chiếm pháo đài *Xan-Xê-ba-xti-an* do quân Pháp chiếm giữ ở Tây Ban Nha xảy ra ngày 31 tháng Tám 1813. - 577.
- 352 Nói đến bản tuyên bố của toàn quyền Ấn Độ, huân tước Ca-ninh, viết ngày 3 tháng Ba 1858, theo tuyên bố này, tất cả ruộng đất của vương quốc Au-đơ, trong đó có ruộng đất của đại diện chủ phong kiến Ta-lúc-đa-rơ những người tham gia cuộc khởi nghĩa Ấn Độ, đều bị các nhà cầm quyền Anh tịch thu cho Chính phủ Anh. Song, để lôi kéo bọn Ta-lúc-đa-rơ về phía mình, Chính phủ Anh đã thay đổi ý nghĩa bản tuyên bố của Ca-ninh. Bọn Ta-lúc-đa-rơ được hứa sẽ bảo toàn các lãnh địa của chúng sau đó chúng đã phản bội cuộc khởi nghĩa và đã chạy sang phía các nhà cầm quyền Anh.
- Mác đã phân tích có tính chất phê phán bản tuyên bố này trong các bài "Cuộc thôn tính Au-đơ", "Tuyên bố của Ca-ninh và vấn đề chiếm hữu ruộng đất ở Ấn Độ" (xem tập này, tr.581 - 587 và 579 - 601). - 578.
- 353 Mặc dù tổ chức tốt quân đội của mình, một quân đội đã chiến đấu dũng cảm và kiên trì với bọn Anh, nhưng những người Xích vẫn bị thất bại trong các trận giao chiến với các đội quân Anh tại làng Mút-ca (gần Phi-rô-dơ-pua) ngày 18 tháng Chạp 1845, tại Phi-ru-dơ-sắc ngày 21 tháng Chạp 1845 và tại làng A-li-van gần Lu-hi-a-na ngày 28 tháng Giêng 1846. Kết quả của các trận đánh này là những người Xích đã thất bại trong cuộc chiến tranh Anh - Xích

- lần thứ nhất những năm 1845 - 1846, nguyên nhân thất bại của những người Xích là sự phản bội của bộ chỉ huy tối cao của họ. - 579.
- 354 Nhan đề được đặt theo cuốn sổ tay của Mác năm 1858. - 581.
- 355 Mác trích bài tuyên bố của toàn quyền Ấn Độ - huân tước Ca-ninh - ngày 3 tháng Ba 1858. - 581.
- 356 Au-đơ thuộc thành phần của Đế chế Mô-gôn, nhưng vào giữa thế kỷ XVIII, thủ lĩnh Mô-gôn của Au-đơ đã thực sự trở thành người cầm quyền độc lập. Từ năm 1765, người Anh đã biến Au-đơ thành một công quốc phụ (lệ thuộc Anh), trong khi đó quyền lực chính trị thực tế ở đây lại nằm trong tay thống đốc Anh. Nhưng để che đậy sự thật này, người Anh thường gọi viên lãnh chúa Au-đơ là vua. - 582.
- 357 Theo hiệp ước đã được ký kết giữa Công ty Đông Ấn và lãnh chúa Au-đơ năm 1801, lấy cơ chưa trả hết nợ, toàn quốc Ấn Độ là Oen-xli đã chiếm một nửa lãnh địa của lãnh chúa Au-đơ, trong đó có Gô-rắc-pua, Rô-hin-can-đơ và một số vùng khác nằm giữa sông Hằng và sông Giam-na. - 583.
- 358 *Toàn quyền Ấn Độ thuộc Anh và Hội đồng của ông ta* - xem chú thích 210. - 586.
- 359 Viết thêm đoạn này vào bài của Mác, Ban biên tập báo "New - York Daily Tribune" muốn nói đến những thư từ trao đổi được đăng trên báo này ngày 5 tháng Sáu 1858 giữa toàn quyền Ấn Độ Ca-ninh và cao uỷ của Au-đơ là Út-rê-nhân tuyên bố của Ca-ninh về vấn đề Au-đơ. - 597.
- 360 Vào giữa thế kỷ XIX, hầu như toàn bộ Ấn Độ đã nằm dưới bá quyền của Anh. Các công quốc Ca-sơ-mia, Rát-pu-ta-na, một phần Hai-đa-ra-bát, Mai-xu-rơ và một vài công quốc khác nhỏ hơn đã phụ thuộc Công ty Đông Ấn như là những chư hầu. - 597.
- 361 *Da-min-đa-rơ* - xem chú thích 236.
- Ta-lúc-đa-rơ* - xem chú thích 352.
- Xéc-đa-rơ* - đại lãnh chúa phong kiến người Xích. - 597.
- 362 Có ý nói đến đạo luật "Về tầng lớp Da-min-đa-rơ vĩnh viễn" do toàn quyền Ấn Độ Coóc-nu-ô-li-xơ ban bố năm 1793. Theo đạo luật này, hầu như toàn bộ ruộng đất ở Ben-gan, Bi-ha và Ô-rít-xa được tuyên bố là sở hữu của những người Da-min-đa-rơ (xem chú thích 236). - 598.

- 363 Trong công văn khẩn của mình đề ngày 19 tháng Tư 1858, huân tước Ê-len-bô-rô, chủ tịch Hội đồng thanh tra đã không tán thành tuyên bố của toàn quốc Ấn Độ - huân tước Ca-ninh - về vấn đề Au-đơ (xem chú thích 352). Vì công văn khẩn của huân tước Ê-len-bô-rô không được các giới chính trị Anh đồng tình ủng hộ, nên ông ta buộc phải từ chức. - 600.
- 364 *Vị cứu tinh của sở hữu* - Lu-i Bô-na-pác-tơ được gọi như thế trong các thư tín do các hội đồng thị chính của các thành phố khác nhau ở Pháp gửi cho ông ta vào tháng Bảy 1849. - 602.
- 365 "Le Siècle" ("Thế kỷ") - báo Pháp hàng ngày, xuất bản ở Pa-ri từ năm 1836 đến năm 1839. Trong những năm 40 của thế kỷ XIX báo thể hiện quan điểm của bộ phận giai cấp tiểu tư sản, chỉ đòi tiến hành các cuộc cải cách lập hiến ôn hoà; trong những năm 50 - là báo cáo của phái cộng hoà - ôn hoà. - 604.
- 366 "*Figaro*" ("Phi-ga-rô") - báo bảo thủ Pháp, xuất bản ở Pa-ri từ năm 1826, có thời kỳ gián đoạn, trong những năm 50, báo theo khuynh hướng của phái Bô-na-pác-tơ. - 604.
- 367 Ám chỉ việc thủ tướng Anh đồng thời mang cả tước First Lord of Treasury (nghĩa đen là bộ trưởng tài chính, song luôn luôn chỉ có nghĩa là thủ tướng). - 621.
- 368 *Hiến chương nhân dân* bao gồm những yêu sách của phái Hiến chương được công bố ngày 8 tháng Năm 1838 với tính chất là bản dự luật để trình trước nghị viện. Nó gồm 6 điểm: quyền phổ thông đầu phiếu (đối với đàn ông 21 tuổi), bầu cử nghị viện hàng năm, bỏ phiếu kín, bình quân hoá các vùng bầu cử, xoá bỏ điều kiện tài sản đối với các ứng cử viên đại biểu nghị viện, trả thù lao cho các đại biểu. Những bản thỉnh nguyện của phái Hiến chương có nêu những yêu sách thông qua Hiến chương nhân dân đã bị nghị viện bác bỏ.
- Điều kiện tài sản đối với các thành viên của Hạ nghị viện Anh đã được nghị viện huỷ bỏ năm 1858. - 622.
- 369 Đây nói về phong trào chống phong kiến của nông dân U-crai-na chống bọn địa chủ Ba Lan tại một tỉnh của Áo là Ga-li-xi-a năm 1846. Bằng cách tung ra tin đồn khiêu khích rằng hoàng đế Áo đề nghị huỷ bỏ chế độ lao dịch, còn bọn địa chủ Ba Lan (chủ yếu là giai cấp thống trị ở Ga-li-xi-a) thì chống lại việc này, các nhà cầm quyền Áo đã lợi dụng những mâu thuẫn giai cấp và dân tộc giữa giai cấp nông dân và giới quý tộc Ba Lan, lúc đó đang chuẩn bị cuộc khởi nghĩa chống Áo. Không hề ngăn cản những người nông dân đánh

- và tiêu diệt bọn địa chủ Ba Lan trong suốt mấy ngày, sau đó Chính phủ Áo đã đàn áp một cách dã man cuộc khởi nghĩa của nông dân. - 623.
- 370 "*L' Union*" ("Liên minh") - báo hàng ngày của phái quân chủ giáo quyền Pháp. Xuất bản với tên gọi này ở Pa-ri năm 1848 đến năm 1869. - 624.
- 371 Nói tới dự luật được nội các Đốc-bì đưa ra trình nghị viện hồi tháng Ba và được nghị viện thông qua vào tháng Bảy 1858. Dự luật đã trở thành đạo luật với tên gọi "Đạo luật về việc quản lý tốt nhất Ấn Độ". Theo đạo luật này, Ấn Độ chuyển sang thuộc quyền cai quản của nhà vua, còn Công ty Đông Ấn thì bị giải thể có bồi thường cho các cổ đông số tiền là 3 triệu pao xtéc-linh. Chủ tịch của Hội đồng thanh tra bị huỷ bỏ được thay bằng Bộ trưởng phụ trách các vấn đề Ấn Độ, mà trực thuộc nó là một cơ quan tư vấn - Hội đồng Ấn Độ. Toàn quyền Ấn Độ được gọi là phó vương, thực ra chỉ là người thực hiện ý nguyện của Bộ trưởng phụ trách các vấn đề Ấn Độ ở Luân Đôn.
- Mác đã phân tích có tính chất phê phán đạo luật này trong bài "Đạo luật về Ấn Độ" ((xem tập này, tr. 646 - 650). - 634.
- 372 Nhan đề được đặt theo cuốn sổ tay của Mác năm 1858. - 640.
- 373 Nhan đề được đặt theo cuốn sổ tay của Mác năm 1858. - 646.
- 374 Có ý nói đến "Pháp lệnh về các quy chế quản lý tốt nhất các công việc của Công ty Đông Ấn" năm 1773. Pháp lệnh đã giảm bớt thành phần các cổ đông, những người có thể tham gia vào việc quyết định các công việc của công ty và bầu cử Hội đồng giám đốc. Chiếu theo pháp lệnh, tại các hội nghị cổ đông (Hội đồng các cổ đông), chỉ có những chủ cổ phiếu có giá trị không dưới 1000 pao xtéc-linh mới có thể tham gia với quyền có phiếu quyết định. Lúc đầu, toàn quyền Ấn Độ và các thành viên của Hội đồng của ông ta được bổ nhiệm đích danh với thời hạn 5 năm và chỉ có vua mới có thể cách chức trước thời hạn theo đề trình của Hội đồng giám đốc của Công ty. Về sau toàn quyền và Hội đồng của ông ta phải do Công ty bổ nhiệm. Theo pháp lệnh năm 1773, tại Can-cút-ta Toà án tối cao đã được thành lập, thành phần gồm một thẩm phán tối cao và ba người trợ lý của ông ta. - 647.
- 375 *Bộ trưởng phụ trách các vấn đề Ấn Độ và Hội đồng của ông ta* - xem chú thích 371. - 647.
- 376 "*Civis romanus sum*" - biệt danh đặt cho Pan-móc-xơn sau khi ông ta phát biểu tại hạ nghị viện về vấn đề thương gia Pa-xi-phi-cô (xem chú thích 165). - 650.

- 377 "*Somerset Gazette*" - tên gọi tắt của tờ tuần báo Anh "Somerset County Gazette" ("Báo tỉnh Xô-móc-xét") được thành lập ở Tôn-tôn năm 1836. - 651.
- 378 Có lẽ Mác muốn nói đến bài báo đầu tiên của mình viết ngày 16 tháng Bảy 1858 về tiểu thư Bun-vơ Lít-tôn, nhưng không được đăng trên tờ "New - York Daily Tribune". - 652.
- 379 *Ét-xe-tơ-hôn* (Exeter Hall) - toà nhà ở phố Xtơ-ren-đơ ở Luân Đôn, trung tâm tụ họp của những người ủng hộ trào lưu Phúc âm trong Giáo hội Anh từ năm 1831 đến năm 1907. - 655.
- 380 "*The Journal of Psychological Medicine and Mental Pathology*" ("Tập chí y học tâm lý và tâm thần học") - do tiến sĩ Phốc-xơ Uyn-xlâu xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1848 đến năm 1883, có thời kỳ gián đoạn. - 656.
- 381 "Annual Reports of the Commissioners in Lunacy to the Lord Chancellor" 1852, 1854, 1857. [London, 1853 - 1858] ("Các báo cáo hàng năm của các uỷ viên hội đồng về các bệnh tâm thần trình lên đại pháp quan". 1852, 1854, 1857, [Luân Đôn 1853 - 1858]). - 658.
- 382 "Return of Lunatic Asylums in England and Wales". London, 1857 - 1858 ("Báo cáo về tình hình nhà của dành cho người bị bệnh tâm thần ở Anh và Oen-xơ". Luân Đôn, 1857 - 1858). - 661.
- 383 "Report from the Select Committee on Bank Acts" P. I-II, [London] 1857 ("Báo cáo của uỷ ban điều tra hiệu lực của các đạo luật về Ngân hàng Anh". Các phần I - II, [Luân Đôn] 1857). - 665.
- 384 Nhan đề được đặt theo cuốn sổ tay của Mác năm 1858. - 676.
- 385 Đây nói đến các hiệp ước bất bình đẳng được ký vào tháng Sáu 1858 ở Thiên Tân giữa một bên là Anh, Pháp, Nga và Mỹ với bên kia là Trung Quốc, và đã kết thúc cuộc Chiến tranh "nhà phiến" lần thứ hai với Trung Quốc những năm 1856 - 1858. Các hiệp ước này đã mở cho ngành thương mại nước ngoài những cảng mới: trên sông Trường Giang, ở Mãn Châu Lý và trên các đảo Đài Loan và Hải Nam, cũng như cảng Thiên Tân; các đại diện ngoại giao thường trực được phép đến Bắc Kinh. Những người nước ngoài được quyền đi lại tự do khắp đất nước cả bằng đường bộ lẫn đường thuỷ, việc bảo vệ các nhà truyền giáo được bảo đảm. - 676.
- 386 Martin, R.Montgomery. "China; Political, Commercial and Social". Vol. 2, London,

- 1847 (Mác-tin, R.Mông-tơ-gô-mê-ri. "Trung Quốc xét trên phương diện chính trị, thương mại và xã hội". T.2, Luân Đôn, 1847). - 677.
- 387 "*The Merchant's Magazine*" - tên gọi tắt của tạp chí Mỹ "The Merchant's Magazine and Commercial Review" ("Tạp chí thương mại và điểm tình hình thương mại"), do Ph.Han-tơ sáng lập. Tạp chí đã được xuất bản với tên gọi này ở Niu Ốc từ năm 1839 đến năm 1850. - 678.
- 388 Nhan đề được đặt theo cuốn sổ tay của Mác năm 1858. - 681.
- 389 "*Journal de Constantinople*" ("Báo Công-xtăng-ti-nô-plơ") - báo Thổ Nhĩ Kỳ, được xuất bản từ năm 1846 bằng tiếng Pháp; được Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ cấp kinh phí và đóng vai trò một cơ quan bán chính thức, đồng thời cũng là người đưa ảnh hưởng Pháp vào Thổ Nhĩ Kỳ lúc bấy giờ. Báo xuất bản một tháng sáu số. - 690.
- 390 Có ý nói đến cuộc khởi nghĩa Thái Bình Thiên Quốc ở Trung Quốc (xem chú thích 72). - 700.
- 391 Quốc gia của những người Xích - quốc gia phong kiến ở Ấn Độ - xuất hiện vào cuối thế kỷ XVIII trên lãnh thổ Pen-giáp. Dưới quyền của Răng-ghi-tơ Xinh-khơ, người đã bắt tất cả các công quốc địa phương ở Pen-giáp và một loạt các vùng lân cận phụ thuộc vào mình, quốc gia này đã trở nên hùng cường nhất. Dưới thời ông ta, quốc gia của những người Xích đã chiếm được lãnh thổ từ sông Xát-lét-giơ đến khe hẻm Hai-be-rơ và từ Tiểu Tây Tạng ở phía bắc đến biên giới Xin-đơ ở phía nam. Răng-ghi-tơ Xinh-khơ đã thành lập một tổ chức quân sự mạnh ở trong nước. Quân đội của những người Xích được coi là quân đội xuất sắc nhất ở Ấn Độ. Vào giữa thế kỷ XIX, do hai cuộc chiến tranh Anh - Xích (1845 - 1846 và 1848 - 1849), quốc gia của những người Xích mất nền độc lập của mình; Pen-giáp đã bị bọn Anh thôn tính. - 711.
- 392 Nói đến Hiệp ước Thiên Tân (xem chú thích 385). - 719.
- 393 Mác có ý nói đến cuốn sách: J.Mac-Gregor. "Commercial Tariffs and Regulations, Resources, and Trade, of the Several States of Europe and America", London, 1841-1850 (Gi.Mác-Grê-go). "Biểu thuế suất và những nguyên tắc thương mại, nguồn dữ trữ và nền thương mại của các nước riêng biệt ở châu Âu và châu Mỹ". Luân Đôn, 1841 - 1850). - 722.
- 394 "*The Morning Star*" ("Sao Mai") - báo Anh hàng ngày, cơ quan của phái mậu dịch tự do, xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1856 đến năm 1869. - 723.

- 395 *"Daily Telegraph"* ("Điện tín hằng ngày") - báo hằng ngày của Anh, thành lập ở Luân Đôn năm 1855, trong những năm 50 có khuynh hướng tự do. - 724.
- 396 *Tổng ban về vấn đề nông dân* - Ủy ban cơ mật cũ về vấn đề nông dân đã được gọi như thế từ tháng Giêng 1858; tổng ban này do A-lếch-xan-đơ II thành lập ngày 3 tháng Giêng 1857, chủ tịch tổng ban là công tước Oóc-lốp; mục đích của Ủy ban cơ mật là chuẩn bị cải cách chế độ nông nô; đại công tước Côn-xtan-tin chỉ là uỷ viên của uỷ ban này. - 726.
- 397 Mác có ý nói đến sắc lệnh của A-lếch-xan-đơ I ra ngày 20 tháng Hai 1803. "Về việc địa chủ trả tự do cho nông dân sau khi ký kết những điều khoản dựa trên sự thoả thuận của hai bên" và cả những sắc lệnh của Ni-cô-lai I những năm 1842, 1844, 1846 và 1847 (xem tập này, tr. 841-843). - 728.
- 398 Ngày 18 tháng Ba 1848, trong thời gian giải tán cuộc biểu tình tại quảng trường trước cung vua ở Béc-lin, bất ngờ vang lên hai phát súng từ phía bọn lính. Sự khiêu khích này của phía chỉ huy quân sự Phổ là dấu hiệu bắt đầu một cuộc đấu tranh vũ trang trên các chiến lũy ở các đường phố; nó đã kết thúc bằng sự thất bại của các đội quân nhà vua. Kết quả của các cuộc chiến đấu trên đường phố với các đội quân là hơn 400 dân Béc-lin bị giết và trên 1000 người bị thương. Sau khi canh giữ được hoàng cung, sáng ngày 19 tháng Ba, nhân dân khởi nghĩa đã buộc vua ra ngoài ban công và ngả mũ trước thi hài của những chiến sĩ đã ngã xuống. - 731.
- 399 Theo thần thoại Hy Lạp cổ đại, để báo thù vua Phíp Pen-phây, người không công nhận Đi-ô-ni-xơ là thần, Đi-ô-ni-xơ đưa tất cả phụ nữ - thần dân của Phíp vào núi Ki-phê-rôn, tại đây họ đã uống rượu say và đắm mình vào những điệu nhảy tế tửu thần. Trong cơn cuồng điên, những người tế tửu thần đã xé tan xác Pen-phây. - 731.
- 400 Phri-đrich - Vin-hem IV, người mưu toan phục hồi chủ nghĩa lãng mạn phong kiến phản động, năm 1843 đã ra sắc lệnh về việc khôi phục *huân chương Thiên Nga* - huân chương hiệp sĩ tôn giáo thời trung cổ được lập nên năm 1443 và bị tiêu vong trong thời kỳ Cải cách tôn giáo. Nhưng dự định này của vua Phổ không được thực hiện. - 734.
- 401 Nhan đề được đặt theo cuốn sổ tay của Mác năm 1858. Bức thư của Mác gửi cho Ăng-ghe-nơ ngày 8 tháng Mười 1858 đã nói rõ rằng Mác cũng đăng bài đó

- cả trên báo "Free Press" ngày 24 tháng Mười một, sau khi thay đổi phần mở đầu và phần kết luận của bài. - 736.
- 402 Có ý nói đến cuộc viễn chinh của tướng V.A. Pê-rốp-xki (xem chú thích 119) được tổ chức năm 1839 nhằm xâm chiếm Si-va nhưng đã thất bại và cuộc chiến tranh Anh - Áp-ga-ni-xtan lần thứ nhất (xem chú thích 117). Khi nói về những thất bại của quân đội Anh, có lẽ Ăng-ghe-nơ muốn nói đến những khó khăn mà quân đội Anh - Ấn đã vấp phải trong thời gian hành quân đến Ca-bun. - 736.
- 403 Hoàng tử Phổ là một trong những kẻ bị nhân dân căm ghét nhất cầm đầu bọn triều thần phản động; trong những ngày của cuộc Cách mạng tháng Ba 1848 ở Đức, y đã chạy sang Anh. Trong thời kỳ của cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Phran-tơ năm 1849, hoàng tử là tổng chỉ huy các đội quân Phổ, tham gia đàn áp cuộc khởi nghĩa. - 746.
- 404 *Seehandlung* (Thương mại đường biển) - công ty tín dụng thương mại được thành lập năm 1772 ở Phổ. Nhờ được hưởng một loạt những đặc quyền quan trọng của quốc gia, công ty này đã cho chính phủ vay những khoản lớn, thực ra công ty này vừa đóng vai trò nhà băng của chính phủ vừa là người môi giới về tài chính. Năm 1904 nó chính thức được cải tổ thành Ngân hàng nhà nước Phổ. - 747.
- 405 *"Chambre introvable"* ("Nghị viện có một không hai") - viện dân biểu ở Pháp những năm 1815 - 1816, gồm những phần tử cực kỳ phản động. - 748.
- 406 Trong thời gian cái gọi là Hội nghị Vác-sa-va tháng Mười 1850 (xem chú thích 219), Ni-cô-lai đã nói chuyện với đại biểu Phổ, thủ tướng - bá tước Bran-đen-buốc, bằng giọng điệu gay gắt và đe dọa. Sau khi từ Vác-sa-va trở về, bá tước Bran-đen-buốc đã chết đột ngột. Người ta cho rằng cái chết của bá tước là do sự lảng nhục của nhà vua đối với ông ta, và do sự uất ức của thủ tướng Phổ vì dân tộc Phổ bị lảng nhục. - 752.
- 407 *Bộ luật Ma-nu* - tập những lời răn của Ấn Độ cổ đại quy định nghĩa vụ của mỗi người dân Ấn Độ phù hợp với những giáo lý của đạo Bà-la-môn. Ở Ấn Độ người ta tương truyền rằng các đạo luật này là do Ma-nu - ông tổ huyền thoại của loài người soạn ra. - 755.
- 408 *"Volks - Zeitung"* ("Báo nhân dân") - báo dân chủ hàng ngày của Đức, xuất bản ở Béc-lin từ năm 1853.

- "*National - Zeitung*" ("Báo dân tộc") - báo tư sản hàng ngày của Đức, xuất bản ở Béc-lin với tên gọi đề này trong những năm 1848 - 1915; trong những năm 50 theo khuynh hướng tự do. - 761.
- 409 Cuộc cải cách chế độ xã hội của La Mã cổ đại chấm dứt chế độ thị tộc và chuyển sang nhà nước chiếm hữu nô lệ, được coi là của Xéc-vi-út Tu-li-út (thế kỷ VI trước công nguyên). Dựa theo cuộc cải cách này, cư dân La Mã có khả năng sử dụng vũ khí và trước kia đã bị chia ra thành các nhà quý tộc và những người bình dân nay được chia ra thành năm giai cấp chính tùy thuộc vào điều kiện tài sản của họ. Mỗi giai cấp lập ra một số lượng nhất định các đơn vị quân đội - các đội bách quân, đồng thời cũng là những đơn vị chính trị. Đồng thời các hội nghị của các đội bách quân có tầm quan trọng đặc biệt, tại đây, mỗi một giai cấp có bao nhiêu đội bách quân thì được bấy nhiêu phiếu. Quy chế này đem lại ưu thế cho các giai cấp khá giả nhất khi giải quyết các vấn đề chính trị quan trọng nhất. Sự phân chia trước kia của những người La Mã thành các bộ tộc gồm mỗi bộ tộc 100 thị tộc, đã được thay bằng các thị tộc theo địa hạt. - 765.
- 410 *Bán đảo Hê-rắc-lây* - một phần bán đảo Crưm ở phía tây từ In-ke-rơ-man đến Ba-la-cla-va được gọi như vậy; nó là một trong những vùng chiến sự chủ yếu được triển khai nhân cuộc bao vây Xê-va-xtô-pôn. Khi đề cập đến việc chiếm đoạt của Nga một phần nhỏ lãnh thổ, Mác có ý nói đến một phần vùng Bét-xa-ra-bi-a, mà Nga đã buộc phải từ bỏ theo Hoà ước Pa-ri năm 1856. - 766.
- 411 Ni-cô-lai I đã gọi Thổ Nhĩ Kỳ như thế trong buổi toạ đàm với công sứ Anh G.Xây-mua ở Pê-téc-bua ngày 9 tháng Giêng 1853 khi đề nghị phân chia đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ giữa Nga và Anh. Nước Anh đã từ chối đề nghị này vì không muốn nước Nga mạnh lên và muốn duy trì đế quốc Ôt-tô-man yếu đuối. - 766.
- 412 G.W.Cooke. "China: being "The Times" Special Correspondence from China in the Years 1857 - 58". London, 1858, p273 (Gi.U.Cúc. "Trung Quốc: những tin tức đặt biệt từ Trung Quốc gửi cho báo "Times" trong những năm 1857 - 58". Luân Đôn 1858, tr. 273). - 769.
- 413 "*Le Correspondant*" ("Phóng viên") - tạp chí Thiên chúa giáo hàng tháng của Pháp, xuất bản ở Pa-ri từ năm 1829; trong những năm 50 là cơ quan của phái Oóc-lê-ăng. - 774.
- 414 Chức *huân tước chủ tịch Hội đồng nhà nước* (sau này là Hội đồng cơ mật)

- được áp dụng ở Anh vào thế kỷ XVI đã được duy trì trong nội các với tính chất là một chức vụ danh dự, nó là một chức tương tự như bộ trưởng không bộ; người giữ chức đó không có một ảnh hưởng nào đối với các công việc quốc gia. - 779.
- 415 "*Staats Anzeiger*" - tên gọi tắt của một tờ báo Đức hàng ngày "Königlich Preu - ßischer Staats - Anzeiger" ("Người truyền tin quốc gia của nhà vua Phổ"), cơ quan chính thức của Chính phủ Phổ; xuất bản ở Béc-lin với tên gọi này từ năm 1851 đến năm 1871. - 780.
- 416 Un-tơ-đen-Lin-đen (*Unter den Linden*) - một trong những phố chính ở Béc-lin, - 780.
- 417 "*I-li-át*" - trường ca sử thi nổi tiếng của Hy Lạp cổ đại được coi là của Hô-mê, nhà thơ kiệt xuất của Hy Lạp cổ đại.
- "*Ê-da*" - tập anh hùng ca và thần thoại Ai-xơ-len thế kỷ VII - XIII, một trong những công trình vĩ đại nhất của thi ca thế giới. - 790.
- 418 *Hu-đi-brát* - nhân vật của bản trường ca châm biếm cùng tên của nhà thơ Anh Bát-lơ; nhân vật này có nét nổi bật là anh ta có khiếu lập luận và tranh cãi phi lý, và có tài dùng tam đoạn luận để "chứng minh" cho những luận điểm phi lý nhất. - 785.
- 419 "*Le tiers-état c'est tout*" ("Đẳng cấp thứ ba là tất cả") - phỏng theo câu nói "Đẳng cấp thứ ba là gì? - Là tất cả" trong cuốn sách của E.G.Xi-ây-ét "Qu'est-ce que le tiers-état?" ("Đẳng cấp thứ ba là gì?") được xuất bản năm 1789 ngay đêm trước cuộc cách mạng tư sản Pháp. - 785.
- 420 D.Hanse mann "*Preußen und Frankreich*" (Đ.Han-dơ-man. "Phổ và Pháp"). Xuất bản lần đầu năm 1893. - 785.
- 421 *Phái Gô-ta* được thành lập vào tháng Sáu 1849 bởi các đại biểu của giai cấp đại tư sản phản cách mạng và phái tự do cánh hữu, những người đã rời bỏ Quốc hội Phran-phuốc sau khi vua Phổ Phri-đrich - Vin-hem IV từ chối nhận vương miện hoàng đế do Quốc hội trao và không chấp nhận quyết định của đa số cánh tả của Quốc hội về việc thành lập chế độ nhiếp chính để chế. Sự cách mạng thắng lợi, phái này đã đề ra mục đích thống nhất toàn bộ nước Đức, trừ nước Áo, do nước Phổ dưới triều đại của dòng họ Hô-hen-txô-léc cầm đầu. - 787.
- 422 Nói về cuộc chiến tranh của Phổ chống Đan Mạch trong những năm 1848 -

1850. Sau khi thất bại, Phổ buộc phải ký hoà ước với Đan Mạch (năm 1850), mà chiếu theo những điều khoản của nó, Slê-dơ-vích và Hôn-stai-nơ vẫn hoàn toàn lệ thuộc vào Đan Mạch như trước kia. - 787.
- 423 Có ý nói đến nhà văn Đức Puy-clơ-Mu-xcau, tác giả của cuốn sách "Briefe eines Verstorbenen" ("Những bức thư của người quá cố"), xuất bản ở Stút-gát năm 1831. - 788.
- 424 "*Kreuz Zeitung*" ("Báo chữ thập") - tên gọi nổi tiếng của tờ báo hàng ngày cực kỳ phản động của Đức "Neue Preußische Zeitung" ("Báo Phổ mới"), được xuất bản ở Béc-lin từ tháng Sáu 1848 và là cơ quan của bọn triều thần phản cách mạng và bọn địa chủ quý tộc Phổ. Ở phần in tên của tờ báo "Neue Preußische Zeitung" có in hình chữ thập của đội quân lan-ve. - 790.
- 425 Tiếng Đức Krautjunker in (địa chủ) được dịch sang tiếng Anh là fox-hunter (người đi săn cáo), theo cách loại suy từ trò giải trí truyền thống của các chúa đất người Anh - đi săn cáo. - 793.
- 426 *Cái hộp Păng-đơ-rơ* - bể chứa sự độc ác và các mối hiểm khịch; hình tượng văn học được xây dựng trên cơ sở thần thoại Hy Lạp cổ đại về Păng-đơ-rơ, người vì tò mò đã mở cái hũ ra, chứa đủ loại tai hoạ ra, và đã thả chúng ra ngoài. - 801.
- 427 "*Preußische Zeitung*" - tên gọi tắt của một tờ báo Đức hàng ngày "Allgemeine Preußische Zeitung" ("Báo phổ thông Phổ"), cơ quan của chính phủ. Xuất bản với tên gọi này ở Béc-lin từ năm 1853 đến năm 1859. - 803.
- 428 *Treibund* (Liên minh những người trung thành) - tổ chức sô-vanh phản động do những kẻ theo chủ nghĩa quân chủ Phổ thành lập ở Béc-lin vào cuối năm 1848.

Ô-ran-giơ (dòng tu Ô-ran-giơ) - một tổ chức khủng bố phản động do bọn địa chủ và giới tăng lữ đạo Tin lành thành lập ở Ai-rơ-len năm 1795 nhằm đấu tranh chống phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân Ai-rơ-len. Dòng tu này đã tập hợp các phần tử cực kỳ phản động Ai-rơ-len và Anh thuộc tất cả các tầng lớp xã hội và xúi giục có hệ thống những tín đồ đạo Tin lành chống lại những người Thiên chúa giáo Ai-rơ-len. Dòng tu này có ảnh hưởng đặc biệt lớn ở Bắc Ai-rơ-len là nơi có nhiều tín đồ đạo Tin lành sinh sống. Dòng tu này mang tên đó để tưởng nhớ Uy-li-am III Ô-ran-giơ, kẻ đã đàn áp cuộc khởi nghĩa ở Ai-rơ-len những năm 1688 - 1689. - 804.

- 429 Mác có ý nói đến tác phẩm của Tu-sa-rơ - La-phô-xơ "Chroniques de l'Oeil de - Boeuf" ("Kỷ sự tiếp khách") được xuất bản thành tám tập ở Pa-ri trong những năm 1829 - 1833. Oeil de boeuf (nguyên văn: mắt bò) là tên gọi phòng khách lớn trước phòng ngủ của vua Pháp tại cung điện Véc-xây. - 805.
- 430 *Cuộc khởi nghĩa ở Mi-la-nô* ngày 6 tháng Hai 1853 do những người ủng hộ nhà cách mạng I-ta-li-a Mát-di-ni phát động và được những người cách mạng Hung-ga-ri lưu vong ủng hộ. Những người khởi nghĩa, mà đại đa số gồm những công nhân yêu nước I-ta-li-a, đã đặt ra mục tiêu lật đổ ách thống trị của Áo ở I-ta-li-a. Nhưng vì được thành lập trên cơ sở của sách lược âm mưu và không tính đến tình hình thực tế, nên cuộc khởi nghĩa đã nhanh chóng bị thất bại. Mác đã đánh giá cuộc khởi nghĩa trong một loạt bài (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1993, t.8, tr. 689 - 691, 695 - 699, 723-725).
- Một đội quân không đông lắm do nhà dân chủ cách mạng I-ta-li-a C. Pi-da-can cầm đầu đã đổ bộ xuống Xa-pri (tỉnh Xa-léc-nô) vào cuối tháng Sáu 1857 nhằm mục đích phát động khởi nghĩa ở miền Nam I-ta-li-a. Vì không lập được quan hệ với quần chúng nông dân và không được sự ủng hộ của họ, đội quân này đã bị quân đội Na-plơ đánh tan. - 807.
- 431 Ăng-ghe-n có ý nói đến buổi biểu diễn ở I-ta-li-a của nữ diễn viên bi kịch nổi tiếng I-ta-li-a Ri-xtô-ri, người đóng vai nhân vật I-u-di-phơ trong kinh thánh trong vở kịch cùng tên của Gia-cô-mét. Theo truyền thuyết trong kinh thánh thì I-u-di-phơ đã giết tên tướng của Át-xi-ri là Ô-lô-phéc-nơ để cứu nhân dân mình và do đó tạo điều kiện cho các tín đồ Do Thái đánh đuổi kẻ thù ra khỏi đất nước. Kết thúc vở kịch, Ri-xtô-ri đã hát một bài ca, lời bài ca có đoạn: "Bọn chúng phải biết rằng, chiến tranh sẽ là chiến tranh thần thánh, nếu như kẻ ngoại bang đe dọa giang sơn". Những người yêu nước I-ta-li-a đã hưởng ứng bài ca bằng một cuộc tuần hành náo nhiệt nhằm công khai chống bọn xâm lược Áo. Trong thời gian nữ nghệ sĩ lưu diễn ở Pác-mơ, nữ công tước Pác-mơ đã cho phép trình diễn trọn vẹn bài ca vì viện dẫn rằng ở Pác-mơ không có người ngoại quốc. Vở kịch đã làm cho khán giả rất phấn khởi; sau đó dù Ri-xtô-ri có diễn vở kịch nào đi nữa, khán giả cũng yêu cầu chị trình diễn bài ca của vở "I-u-di-phơ", và bất kỳ lần nào cũng được khán giả vỗ tay nồng nhiệt. - 810.

- 432 Có ý nói đến bài của Mông-ta-lăm-be "Un débat sur l'Inde au parlement anglais"

- ("Cuộc tranh luận về Ấn Độ tại Nghị viện Anh"), được đăng trong tạp chí "Le Correspondant", bộ mới. t. IX, ngày 25 tháng Mười 1858. - 811.
- 433 Có ý nói đến sự thất bại của quân đội Phổ ở I-ê-na ngày 14 tháng Mười 1806 kéo theo sự đầu hàng của Phổ trước nước Pháp của Na-pô-lê-ông, đã chứng tỏ sự mục nát hoàn toàn của chế độ chính trị - xã hội của nền quân chủ phong kiến Hô-hen-txô-léc. - 818.
- 434 Tại quần đảo I-ô-niêng, quần đảo chịu sự bảo hộ của Anh từ năm 1815, cũng như ở ngay Hy Lạp, phong trào dân tộc vì sự thống nhất với Hy Lạp đã lớn mạnh trong những năm 50. Tháng Mười một 1858, Glát-xtôn đã được cử đến đảo này với một sứ mệnh đặc biệt. Mặc dù Quốc hội lập pháp Coóc-phơ (hòn đảo chính của quần đảo I-ô-niêng) nhất trí tán thành việc thống nhất với Hy Lạp, Chính phủ Anh vẫn trì hoãn việc quyết định vấn đề này trong nhiều năm. Chỉ đến năm 1864, quần đảo I-ô-niêng mới được trao trả cho Hy Lạp.
- Khi gọi Glát-xtôn là "Hô-me-rơ" có lẽ Mác muốn nói đến sự việc là Glát-xtôn là tác giả của cuốn sách mới xuất bản khi đó: "Studies on Homer and the Homeric Age". Oxford, 1858 ("Lược khảo về Hô-me-rơ và thời đại Hô-me-rơ". Ốc-xphóc, 1858). - 820.
- 435 Năm 1799, đoàn hải quân Nga của đô đốc Ph.Ph.U-sa-cốp đã giải phóng quần đảo I-ô-niêng khỏi chính quyền Pháp. U-sa-cốp đã tuyên bố nền cộng hoà ở quần đảo và thi hành hiến pháp cho phép quần đảo thực hiện quyền tự quản rộng rãi. Năm 1807, quần đảo lại rơi vào tay Pháp, và Na-pô-lê-ông I đã thực sự huỷ bỏ hiến pháp này. Năm 1815 quần đảo được trao cho Anh, nước này đã thiết lập chế độ bảo hộ của mình đối với quần đảo và thi hành ở đó một bản hiến pháp mới để trao toàn quyền cho đại diện của Anh tại quần đảo - huân tước cao uỷ. Sự bất bình trước sự bá chủ của nước ngoài ngày càng tăng trên quần đảo đã buộc Chính phủ Anh (trong đó Grây giữ chức bộ trưởng quốc phòng và thuộc địa) năm 1849 phải tiến hành tại đó cuộc cải cách mở rộng chút ít quyền tự quản địa phương và quyền bầu cử của những người I-ô-niêng. - 824.
- 436 *Vườn hoa Prin-tinh-hau-xơ* - quảng trường ở Luân Đôn, nơi đặt trụ sở của ban biên tập chính của báo "Times". - 825.
- 437 Mác muốn ám chỉ sự việc là Đốc-bì, nguyên Quốc vụ khanh trưởng phụ trách các công việc Ai-rơ-len trong những năm 1830 - 1833 đã thi hành chính sách đàn áp đối với nhân dân Ai-rơ-len. Theo pháp lệnh tạm đình chỉ việc bảo đảm

của hiến pháp (Coercion act) mà Đốc-bì đã tiến hành thông qua nghị viện năm 1833, ở Ai-rơ-len việc tự do hội họp đã bị cấm, tình trạng giới nghiêm được thi hành, các toà án quân sự được lập ra và đình chỉ hiệu lực của Habeas Corpus Act.

Trụ sở Hội tam điểm Ô-ran-giơ - xem chú thích 428. - 827.

- 438 *Hội Phê-ni-ăng* - hội bí mật Ai-rơ-len hình thành từ các câu lạc bộ cách mạng đã bị giải thể ở Ai-rơ-len sau năm 1848; hội tập hợp chủ yếu các viên chức nhỏ, tiểu thương và công nhân. Hội đã liên kết với những người lưu vong cách mạng Ai-rơ-len ở Mỹ. Năm 1858 nhờ sự tuyên truyền của thủ lĩnh của Hội *Phê-ni-ăng* Xtê-phen-xơ, đa số các thành viên của câu lạc bộ đã gia nhập Hội Phê-ni-ăng bí mật. - 830.
- 439 *Ri-bô-ních* (từ chữ ribbon - cái băng) - vào cuối thế kỷ XVIII ở Bắc Ai-rơ-len đã xuất hiện phong trào của nông dân Ai-rơ-len, những người đã được liên kết lại trong các tổ chức bí mật (những người tham gia các tổ chức này đã đeo băng vải màu xanh làm biểu tượng). Phong trào của những người Ri-bô-ních là một trong những hình thức phản kháng của nhân dân chống lại sự chuyên quyền của bọn địa chủ Anh và chống lại việc xua đuổi cưỡng bức những người tá điền phải rời bỏ đất đai. Những người Ri-bô-ních đã tấn công các điền trang của địa chủ, tổ chức mưu sát những tên địa chủ và những tên quản gia mà họ căm thù nhất. Nhưng hoạt động của những người Ri-bô-ních mang tính chất thuần túy địa phương, phân tán, không có cương lĩnh hành động chung nào cả. - 830.
- 440 *"The Daily Express"* ("Tin nhanh hằng ngày") - báo hằng ngày của Chính phủ Anh xuất bản ở Đu-blin từ năm 1851. - 830.
- 441 *"Các chàng trai hành động trước bình minh"* (Peep-6-Day boys) - tên gọi các thành viên của các tổ chức phản động của đạo Tin lành (phái trưởng lão), xuất hiện ở Bắc Ai-rơ-len trong những năm 80 của thế kỷ XVIII nhằm đấu tranh chống những người theo đạo Thiên chúa. Được sự ủng hộ công khai của bọn địa chủ và sự ủng hộ ngầm của Chính phủ Anh kẻ đã nhen lên và khuyến khích sự thù hằn tôn giáo giữa những người Ai-rơ-len để phục vụ cho lợi ích của mình, các thành viên của các hội này thường ập vào nhà những người theo đạo Thiên chúa vào lúc rạng đông (do đó gọi là "Các chàng trai hành động trước bình minh"), và đánh đập họ với lý do tìm vũ khí, vì theo luật thì những người theo đạo Thiên chúa bị cấm không được dùng vũ khí.

"Những người bảo vệ" ("Defenders") - tên gọi các thành viên của các tổ

chức của những người theo đạo Thiên chúa Ai-rơ-len, xuất hiện trong những năm 80 của thế kỷ XVIII nhằm mục đích chống lại "Các chàng trai hành động trước bình minh". - 831.

442 Có ý nói đến *Tổng ban về vấn đề nông dân* (xem chú thích 396). - 833.

443 Mác nhắc đến các sự kiện của cuộc cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII. Đêm *rạng ngày 4 tháng Tám 1789*, Quốc hội lập hiến Pháp, do sức ép của phong trào nông dân đang lên cao, đã long trọng tuyên bố xoá bỏ một loạt các nghĩa vụ phong kiến, mà thực tế đã bị những người nông dân khởi nghĩa thủ tiêu trong thời kỳ đó. Nhưng những đạo luật được ban hành liền sau đó thì chỉ xoá bỏ, không phải trả tiền chuộc, những nghĩa vụ về thân người mà thôi.

Ngày 20 tháng Tám 1789, Quốc hội lập hiến Pháp đã thông qua bản *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền*. Một trong những điểm cơ bản của Tuyên ngôn là sự tuyên bố rằng tự do, sở hữu v.v. là các quyền tự nhiên và không thể tước đoạt của con người. - 837.

444 Để ngăn chặn sự lớn mạnh của phong trào nhân dân, ngay sau khi được bầu năm 1846, giáo hoàng Pi IX đã khởi xướng một loạt những cải cách có tính chất tự do (ân xá một bộ phận tù chính trị, xoá bỏ sự kiểm duyệt trước, v.v.). - 837.

445 Mác có ý nói đến "Quy chế quản lý lệ nông tại các điền trang kế thừa ở tỉnh Xanh-Pê-téc-bua, do Ủy ban quý tộc Xanh-Pê-téc-bua soạn thảo". Mác so sánh văn kiện xuất hiện khoảng ngày 5 tháng Chạp 1857 này với "Đơn thỉnh nguyện về các quyền" do Nghị viện Anh trình vua Sác-lơ I ngày 28 tháng Năm 1628, trong đó yêu cầu hạn chế một cách đáng kể quyền lực của nhà vua. - 840.

446 Năm 1807 ở Phổ đã thi hành cải cách xoá bỏ sự lệ thuộc về con người của nông dân vào địa chủ, nhưng vẫn giữ tất cả nghĩa vụ và quyền cảnh sát tư pháp của địa chủ đối với nông dân. Mặc dù cuộc cải cách này có tính chất nửa vời, bọn địa chủ vẫn cố gắng bằng mọi cách để kìm hãm việc thực hiện nó, chống lại việc thi hành cải cách chế độ tự quản ở nông thôn. Năm 1808 chúng đã giành được quyền chiếm đoạt các thửa ruộng của nông dân. Mặc dù năm 1811, nông dân được quyền chuộc lại các nghĩa vụ phong kiến, nhưng thực tế không phải bao giờ nông dân cũng có thể sử dụng được quyền này vì những điều kiện nặng nề của việc chuộc. Quá trình giải phóng nông dân khỏi tình trạng lệ thuộc có tính chất nông nô ở Phổ đã kéo dài trong nhiều năm. - 844.

447 Âm chỉ Phri-đrich - Vin-hem IV.

"Berliner politisches Wochenblatt" ("Tuần báo chính trị Béc-lin") - cơ quan cực kỳ phản động, xuất bản từ năm 1831 đến năm 1841, báo được sự ủng hộ và sự bảo trợ của thái tử Phri-đrich - Vin-hem (từ năm 1840 là vua Phri-đrich - Vin-hem IV). - 847.

448 *Quyền của cánh tay chết* - ở thời Trung cổ, chúa phong kiến có quyền kế thừa tài sản của người nông nô đã chết. Bởi vì trên thực tế ruộng đất và tài sản của người nông dân đã chết được để lại cho những người kế thừa người đó, nên những người này buộc phải trả cho chúa phong kiến một khoản nộp đặc biệt nặng nề bằng hiện vật hoặc tiền để được thừa kế (mainmorte nghĩa là cánh tay chết). - 848.

449 *Reichsummittelbarer Furst* ở thời Trung cổ, trong thời kỳ tồn tại Đế chế La Mã thần thánh của dân tộc Đức - Quốc vương Đức bị lệ thuộc trực tiếp vào hoàng đế. Trong thời kỳ đó cả Quốc vương Phổ cũng thuộc số các quốc vương như vậy. - 850.

450 Tác phẩm này của Mác là phần mở đầu các bản thảo kinh tế của ông trong những năm 1857 - 1858; các văn bản này cho đến lúc này cũng chỉ mới được Viện Mác - Lênin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên Xô công bố toàn văn bằng tiếng của nguyên bản năm 1939 với nhan đề do ban biên tập đặt: "Grundrisse der Kritik der politischen Oekonomie (Rohentwurf)".

"Lời nói đầu" mà Mác viết từ cuối tháng Tám đến giữa tháng Chín 1857 là bản phác thảo chưa hoàn thành của "Lời nói đầu chung" viết cho tác phẩm kinh tế lớn mà ông dự định, trong đó Mác có ý định nghiên cứu toàn bộ tổng thể vấn đề phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và đồng thời phê phán khoa kinh tế chính trị tư sản. Những điểm cơ bản của dàn bài của tác phẩm lớn này cũng đã được Mác nêu ngay trong "Lời nói đầu". Trong quá trình nghiên cứu tiếp theo, Mác đã nhiều lần thay đổi dàn bài đầu tiên của mình và đã xây dựng nên tác phẩm "Góp phần phê phán khoa kinh tế chính trị" và "Tư bản" theo những dàn bài mới. Bản thảo năm 1857 - 1858 được nói đến trên đây là bản sơ thảo của hai tác phẩm này. "Lời nói đầu" đã được tìm thấy năm 1902 trong các giấy tờ của Mác. Năm 1903 nó đã được đăng bằng tiếng Đức ở Béc-lin, trên tạp chí "Neue Zeit"; được xuất bản bằng tiếng Nga lần đầu năm 1922 ở Pê-tơ-rô-grát trong cuốn sách: C.Mác. "Góp phần phê phán khoa kinh tế chính trị". - 854.

- 451 Có ý nói đến lý luận của Rút-xô về mối liên hệ lẫn nhau giữa con người khi chuyển từ trạng thái tự nhiên sang trạng thái công dân, được phát triển trong tác phẩm của ông: J.J. Rousseau. "Du Contract social; ou, Principes du droit politique". Amsterdam, 1762 (Gi.Gi. Rút-xô. "Về khế ước xã hội hay là những nguyên tắc của quyền chính trị". Am-xtéc-đam. 1762) - 854.
- 452 J.St. Mill. "Principles of Political Economy". Vol.I, London, 1848. Book I, "Production" (G.X. Mi-lơ. "Nguyên lý kinh tế chính trị". T.I, Luân Đôn, 1848, Quyển I, "Sản xuất"). - 858.
- 453 J.St. Mill. "Principles of Political Economy". Vol.I, London, 1848. Book I, "Production". - 859.
- 454 *Determinatio est negatio* - khẳng định là phủ định. Ở đây Mác viện dẫn luận điểm này của Xpi-nô-da theo giải thích của Hê-ghen, sự giải thích này rất nổi tiếng. Ở Xpi-nô-da câu nói này được sử dụng với nghĩa "hạn chế là phủ định" (xem B. Xpi-nô-da. "Thư từ trao đổi, bức thư số 50). - 864.
- 455 Có ý nói đến, chẳng hạn "nhà xã hội chủ nghĩa chân chính" C.Gruyn những quan điểm của ông này về quan hệ giữa sản xuất và tiêu dùng đã bị Mác phê phán trong cuốn "Hệ tư tưởng Đức" (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1986, t.3, tr. 706-711). - 868.
- 456 H.Storch. "Considérations sur la nature du revenu national". Paris, 1824, p. 144 - 159 (A. Stóóc-xơ. "Suy nghĩ về bản chất của thu nhập quốc dân". Pa-ri, 1824, tr. 144 - 159). - 868.
- 457 *Crédit Mobilier* - xem chú thích 28. - 890.
- 458 *Pha-ma* - tên gọi theo tiếng La Mã của nữ thần tin đồn Hy Lạp Ô-xa, là tượng trưng của những tin đồn được lưu truyền nhanh chóng. - 890.

THÂN THỂ VÀ SỰ NGHIỆP CỦA C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

(Tháng Tư 1858 - tháng Giêng 1859)

1856

14 tháng Tư

Nhận lời mời của ban biên tập tờ "The People's Paper" ("Báo nhân dân") cơ quan ngôn luận của phái Hiến chương, Mác đã đến dự lễ kỷ niệm lần thứ tư ngày thành lập tờ báo. Tận dụng quyền được là người phát biểu đầu tiên, ông nói lên vai trò lịch sử toàn thế giới của giai cấp vô sản, Mác chỉ rõ cuộc Cách mạng 1848 - 1849 chưa hoàn thành và nhấn mạnh rằng những mâu thuẫn của xã hội tư bản nhất định sẽ dẫn đến cuộc cách mạng xã hội và dẫn đến sự thắng lợi của giai cấp vô sản. Bản ghi bài phát biểu của Mác được đăng ngày 19 tháng Tư trên tờ "People's Paper" do Giôn-xơ, người được Mác tiếp tục thường xuyên giúp đỡ bằng những bài viết và những lời khuyên của mình, biên tập.

*Nửa cuối tháng
Tư 1856 - tháng
Ba 1857*

Mác tiếp tục công việc nghiên cứu các mối quan hệ Anh - Nga thế kỷ XVII bắt đầu từ tháng Hai 1856. Ông tóm tắt các văn kiện ngoại giao và tài liệu lịch sử bằng tiếng Anh, Đức và Pháp, đặc biệt ông trích dẫn những tác phẩm của Mốt-lơ, Xê-guya, Bôi, v.v..

16 tháng Tư

Khi nghiên cứu triển vọng của cao trào cách mạng mới ở Đức, Mác tiếp tục phát triển tư tưởng về liên minh giữa giai cấp công nhân và nông dân. Trong thư gửi cho Ăng-ghe-n, ông viết rằng "toàn bộ sự nghiệp ở Đức sẽ phụ thuộc vào

khả năng duy trì cuộc cách mạng vô sản bằng một cuộc tái diễn lần thứ hai nào đó cuộc chiến tranh nông dân".

Mác gửi cho Ăng-ghe-nơ cả "Thiên anh hùng ca về đạo quân I-go" trong số các tài liệu khác.

Khoảng 25 tháng Tư Mác viết bài về các cuộc tranh luận ở Thượng nghị viện về việc di chuyển tượng đài công tước I-oóc khỏi quảng trường Oa-téc-lô ở Luân Đôn. Trong bài này, thông qua cuộc đời và hoạt động của công tước, Mác muốn đả phá lối sống ăn bám và những tật xấu của xã hội quý tộc lớp trên ở Anh, bài này được đăng dưới nhan đề Thượng nghị viện và tượng đài công tước I-oóc" trên báo "People's Paper" ngày 26 tháng Tư.

26 tháng Tư Mác gửi cho Ăng-ghe-nơ bức thư mà ông nhận được từ Đức của I-ô-han Mi-ken, cựu thành viên của Liên đoàn những người cộng sản, trong đó I-ô-han Mi-ken đề nghị Mác cho biết quan điểm của mình về vấn đề thái độ của đảng vô sản đối với giai cấp tư sản trong cuộc cách mạng sắp tới; đồng thời Mi-ken cũng trình bày quan điểm của mình là giai cấp vô sản nên tránh mọi biện pháp có thể làm cho giai cấp tư sản khiếp sợ.

Đầu tháng Năm Mác nhận từ Khuê-nơ bức thư chào mừng của A-đôn-phơ Ha-ma-hê-rơ, đại diện cho công nhân ở Khuê-nơ, En-bơ-phen-đơ, và Đô-lin-ghe-nơ. Do sự bất hoà giữa các tổ chức công nhân ở Khuê-nơ và ở Đuyt-xen-đoóc-phơ, Ha-ma-hê-rơ gửi thư cho Mác yêu cầu cử đại biểu từ Luân Đôn tới để thảo luận tại chỗ các vấn đề của phong trào công nhân ở tỉnh Ranh. Mác dự định viết bức thư đến Khuê-nơ và gửi bức thư đó qua vợ mình để bảo đảm bí mật.

Giữa ngày 5 và 15 tháng Năm Mác gửi cho I-man, cựu thành viên của Liên đoàn những người cộng sản ở Đôn-đi tư liệu về Cô-sút để I-man sử dụng cho những bài viết của mình đăng trên một số báo địa phương.

Giữa tháng Năm Ăng-ghe-nơ bắt đầu thực hiện chuyến viễn du đến Ai-rơ-len.

Ông thăm Đu-blin, Hô-lu-ây, Li-mơ-rích, Tô-rây-li và các thành phố khác, ở đâu ông cũng thấy những sự khốn khổ và nghèo khổ của nhân dân Ai-rơ-len do hậu quả của những cuộc chiến tranh xâm lược của người Anh và chính sách thuộc địa của chúng ở Ai-rơ-len.

Khoảng 16 tháng Năm Mác viết bài về chính sách đối nội và đối ngoại của Vương quốc Xéc-đi-ni. Bài viết dưới nhan đề "Xéc-đi-ni" được đăng ngày 17 tháng Năm trên báo "People's Paper" và ngày 31 tháng Năm trên báo Mỹ "New - York Daily Tribune" ("Diễn đàn Niu Oóc hàng ngày").

Khoảng 18 tháng Năm - 3 tháng Sáu Mác bị ốm nặng; đôi khi không thể làm việc được; bác sĩ khuyên ông nghỉ ngơi ở ngoại ô Luân Đôn.

23 tháng Năm Sau khi từ Ai-rơ-len trở về Man-se-xtơ, Ăng-ghe-nơ viết thư cho Mác nêu nhận xét kỹ càng tình hình Ai-rơ-len mà ông gọi là "thuộc địa đầu tiên của Anh".

Tháng Sáu Mác nghiên cứu hoạt động của ngân hàng cổ phần Pháp Crédit Mobilier và viết ba bài về nó. Bài thứ nhất trong loạt bài này đăng trên tờ "People's Paper" ngày 7 tháng Sáu dưới nhan đề "Crédit Mobilier của Pháp". Sau đó tất cả các bài được đăng trên tờ "New - York Daily Tribune" ngày 21, 24 tháng Sáu và ngày 11 tháng Bảy dưới cùng nhan đề đó.

Tháng Sáu - tháng Chín Ăng-ghe-nơ tìm hiểu cuốn sách mới của nhà văn Pháp chuyên viết về vấn đề quân sự Ba-dan-cu-rơ "Chiến dịch Crutn trước khi chiếm Xê-va-xtô-pôn" được viết theo quan điểm của phái Bô-na-pác-tơ. Ông trích từ cuốn đó nhiều đoạn và đặt nhan đề là "Xanh - Ác-nô".

Khoảng 7 tháng Sáu - giữa tháng Bảy Mác cùng với Pi-pơ rời Luân Đôn đến Hun, và từ đó đến với Ăng-ghe-nơ ở Man-se-xtơ.

28 tháng Sáu - 2 tháng Tám Những thư và những tài liệu ngoại giao do Mác sưu tầm, trong đó có kèm theo những giải thích và chú dẫn của Mác được đăng dưới nhan đề "Vạch trần lịch sử ngoại giao thế kỷ XVIII" trên các báo "The Sheffield Free Press" ("Báo tự do

Sép-phin") và trên báo Luân Đôn "The Free Press" ("Báo tự do"). Cuốn sách này lẽ ra chắc phải mở đầu cho tác phẩm mà Mác dự định viết về các mối quan hệ Anh - Nga thế kỷ XVIII. Song, Mác đã ngưng viết cuốn "Vạch trần", vì ban biên tập đã bóp méo nguyên bản và đã tự tiện cắt xén bớt nó.

*Khoảng đầu
tháng Bảy*

Trong thư gửi cho Mi-ken, sau khi đã tham khảo ý kiến Ăng-ghe-nen và V.Vôn-phơ, Mác trình bày cặn kẽ vấn đề đặc điểm và động lực của cuộc cách mạng sắp tới ở Đức. Mác giải thích rõ rằng đồng minh duy nhất của giai cấp vô sản trong cuộc cách mạng sắp tới, là nông dân. Mác yêu cầu phải đấu tranh không khoan nhượng chống giai cấp tư sản. Mi-ken đã phổ biến bức thư của Mác đến các bạn của mình và những người cùng chí hướng.

*25 tháng Bảy
- đầu tháng Tám*

Nhân những sự kiện cách mạng tháng Bảy ở Ma-đrít, Mác viết hai bài nhận xét và đánh giá cuộc cách mạng Tây Ban Nha năm 1856. Những bài này được đăng làm xã luận trên báo "New - York Daily Tribune" ngày 8 và ngày 18 tháng Tám.

Đầu tháng Tám

Ăng-ghe-nen từ chối đề nghị của người anh họ mình là E. Blăng-ki về việc đệ đơn cho chính quyền Phổ xin ân xá cho Ăng-ghe-nen vì ở Đức người ta đang tìm cách bắt Ăng-ghe-nen vì ông tham gia cuộc Cách mạng 1848 - 1849.

*Nửa cuối tháng
Tám*

Ăng-ghe-nen đến Luân Đôn để gặp mẹ, bà tới Anh một thời gian.

*16 tháng Tám
1856 - 1 tháng Tư
1857*

Phần mở đầu dày tới 5 tay sách viết cho tác phẩm Mác dự định viết về các mối quan hệ Anh - Nga thế kỷ XVIII được đăng dưới nhan đề "Vạch trần lịch sử ngoại giao thế kỷ XVIII" trên báo Luân Đôn "Free Press". Khác với bài đầu "Vạch trần" đăng trên các báo "Sheffield Free Press" và "Free Press", bài này dày đủ hơn. Phần mở đầu gồm phần lớn là những bức thư ngoại giao, những văn kiện và những bài văn đả kích lịch sử. Chính tác phẩm mà theo dự định của Mác cần phải có khối lượng 20 tay sách thì chưa được thực hiện.

*Khoảng 30 tháng
Tám*

Mác nhận được tin của V.Vôn-phơ báo cho biết nhà thơ vô sản Đức Ghê-oóc Véc-thơ, cựu thành viên của Liên đoàn những người cộng sản, bạn của Mác và Ăng-ghe-nen, đã chết ở Ha-va-na.

*Khoảng 8 tháng
Chín - tháng
Chạp*

Mác mất nhiều thì giờ vào công việc gia đình vì vợ ông ốm và phải chuyển sang nhà mới, cho nên ông viết rất ít bài cho tờ "New - York Daily Tribune".

Giữa tháng Chín

Mác nhận từ Đa-na 15 bài của Ăng-ghe-nen viết về chủ nghĩa Đại Xla-vơ và ba bài của ông viết về các công quốc Đa-nuýp đã không được ban biên tập tờ "New - York Daily Tribune" đăng, do tác động của Gu-rốp-xki, cộng tác viên của báo, một người theo chủ nghĩa Đại Xla-vơ.

22 tháng Chín

Mác gặp Ô-n-mơ-xtết, đại diện của Công ty xuất bản Mỹ Pát-nem; trong cuộc gặp mặt còn có cả Ph.Phray-li-grát, nhà thơ Đức, cựu thành viên của Liên đoàn những người cộng sản, người mà Mác thường xuyên quan hệ khi ở Luân Đôn. Nhân có cuốn sách của Ba-dan-cu-rơ. Ô-n-mơ-xtết đặt viết bài về cuộc Chiến tranh Crưm, và cả bài về đề tài "Các chiến hạm đánh pháo đài" và các đề tài chiến tranh khác. Ông ta cũng đề nghị Mác viết về Hai-nơ vừa chết cách đây không lâu.

*Khoảng 26 tháng
Chín - khoảng 17
tháng Mười*

Nhân bắt đầu cuộc khủng hoảng thị trường tiền tệ thế giới, Mác viết bốn bài đầu theo chủ đề này. Ba bài trong số đó được đăng làm xã luận trên báo "New - York Daily Tribune" ngày 9, 27 tháng Mười và ngày 1 tháng Mười một và một bài được đăng ngày 15 tháng Chín làm bản tin dưới nhan đề "Cuộc khủng hoảng tiền tệ ở châu Âu".

26 tháng Chín

Ăng-ghe-nen cho Mác biết ông có ý định viết bài tưởng niệm Ghê-oóc Véc-thơ và đăng bài đó trên một trong những tờ báo Béc-lin. Ông trao đổi cảm tưởng của mình về những triệu chứng và viễn cảnh của cuộc khủng hoảng kinh tế đang tới gần; ông dự đoán rằng cuộc khủng hoảng sẽ bùng nổ vào mùa hè năm 1857.

Tháng Mười

Nhân cuộc khủng hoảng kinh tế đang tới gần. Mác lại tiếp

	tục nghiên cứu khoa kinh tế chính trị, đặc biệt ông nghiên cứu một cách kỹ lưỡng vấn đề bạc.
<i>Đầu tháng Mười</i>	Mác chuyển chỗ ở tới một vùng có khí hậu tốt hơn ở Luân Đôn, tới căn nhà có địa chỉ: 9, Gráp-ten-te-re-xơ, công viên Mây-len-đơ, Ha-véc-xtóc-Hin, Hem-xtét-rốt.
<i>Sau ngày 3 tháng Mười</i>	Mác nhận được các bản báo cáo hàng năm của Crédit Mobilier do một người Đức lưu vong tên là R.Hai-nơ-hác gửi từ Pa-ri tới và ông đã sử dụng nó cho các bài viết của mình.
<i>Nửa cuối tháng Mười 1856 - tháng Ba 1857</i>	Mác nghiên cứu lịch sử Ba Lan, ông đặc biệt say mê vấn đề Ba Lan trong các cuộc cách mạng thế kỷ XVIII và thế kỷ XIX, ông đi đến kết luận rằng bắt đầu từ năm 1789, có thể đo tương đối chính xác mức độ mãnh liệt và sức sống của tất cả các cuộc cách mạng căn cứ vào thái độ của chúng đối với Ba Lan; ông đọc tác phẩm của Mi-e-rốt-xláp-xki "Vai trò của Ba Lan trong thế quân bình ở châu Âu" và các tác phẩm của Lê-lê-ven: "Lịch sử Ba Lan", t.I và "Những suy nghĩ về tình hình chính trị của nước Ba Lan cũ và lịch sử của dân tộc Ba Lan".
<i>Khoảng 30 tháng Mười</i>	Ăng-ghen kết thúc bài viết về cuốn sách của Ba-dan-cu-rơ, đặt tên bài đó là "Xanh-Ác-nô". Bài này đã được Mác đánh giá cao và ông gửi nó cho ban biên tập của tạp chí Niu Oóc "Putnam's Monthly" (Nguyệt san của Pát-nem); nhưng bài này không được đăng.
<i>30 tháng Mười</i>	Nhân việc Chính phủ Anh chuẩn bị cuộc viễn chinh vào vịnh Ba Tư để chiếm đảo Ha-rắc (Hác-gơ), Mác viết bài về Ba Tư, trong đó ông vạch trần chính sách đối ngoại xâm lược của Anh ở châu Á. Đến ngày 7 tháng Giêng 1857, sau khi lược bỏ rất nhiều, ban biên tập báo "New - York Daily Tribune" mới đăng bài này dưới dạng xã luận.
<i>Khoảng ngày 7 tháng Mười một và khoảng 21 tháng Mười một</i>	Mác viết cho báo "New - York Daily Tribune" hai bài về cuộc khủng hoảng thương mại và tài chính ở châu Âu. Những bài này được đăng làm xã luận trên báo ngày 22 tháng Mười một và ngày 6 tháng Chạp.

<i>Nửa cuối tháng Mười một</i>	Ăng-ghen nghiên cứu sách báo về vấn đề hải quân để chuẩn bị viết một loạt bài cho tạp chí "Putnam's Monthly"; ông đọc cuốn sách của U.Giêm-xơ "Lịch sử hàng hải Anh" chủ yếu là để phục vụ chủ đề "Các chiến hạm đánh pháo đài".
<i>17 tháng Mười một</i>	Ăng-ghen thông báo cho Mác một loạt sự kiện nói lên sự trầm trọng của cuộc khủng hoảng tài chính ở châu Âu, nguy cơ khủng hoảng ở Pháp, chính sách phiêu lưu của Na-pô-lê-ông III và những điều kiện thuận lợi đang hình thành ở Pháp giúp cho sự khởi đầu của cách mạng và cả sách lược của đảng vô sản trong cuộc cách mạng sắp tới.
<i>Cuối tháng Mười một</i>	Mác viết cho báo "New - York Daily Tribune" hai bài về kinh tế nước Áo; hai bài này được đăng ngày 9 tháng Giêng và ngày 4 tháng Tám 1857 dưới nhan đề "Buôn bán bằng đường biển của Áo".
<i>Khoảng ngày 2 tháng Chạp</i>	Do cuộc xung đột xảy ra giữa Phổ và Thụy Sĩ vì vấn đề Nơ-sa-ten, Mác nghiên cứu lịch sử nước Phổ; ông thông báo cho Ăng-ghen một loạt những ý kiến phê bình về lịch sử Phổ ông viết bài về vấn đề này và bài đó đã được đăng trên báo "People's Paper" ngày 13 tháng Chạp 1856 và trên báo "New - York Daily Tribune" ngày 9 tháng Giêng 1857 dưới nhan đề "Quyền thánh thượng của dòng họ Hô-hen-txô-léc".

1857

<i>Tháng Giêng - tháng Hai</i>	Mác viết bài (chưa hoàn chỉnh) nhằm chống lại bài đả kích của Bru-nô Bau-ơ về nước Nga và Anh. Cũng trong thời gian đó Mác nghiên cứu lịch sử nước Nga và lập bảng tổng kết các sự kiện lịch sử ở Nga từ năm 973 đến năm 1676; ông đọc cuốn sách của Lan-léc-xtéc "Xcăng-đi-na-vơ, nỗi lo sợ và niềm hy vọng của nó".

Tháng Giêng - tháng Ba - Ăng-ghe-n được giao quá nhiều việc ở văn phòng. Do đó ông hầu như hoàn toàn không có thời gian để viết bài cho báo "New - York Daily Tribune".

Mác nghiên cứu cuốn sách của Rê-nô "Lịch sử chính trị và xã hội của các công quốc vùng sông Đa-nuýp" và trích dẫn sách đó.

7 tháng Giêng Mác gửi cho ban biên tập báo "New - York Daily Tribune" bài viết về cuộc xung đột Anh - Trung Quốc ở Quảng Châu, trong đó ông phân tích kỹ lưỡng vụ rắc rối về tàu buôn lậu của Trung Quốc "Ê-râu" là cái cớ để gây ra cuộc Chiến tranh "nha phiến" lần thứ hai ở Trung Quốc. Bài này được đăng làm xã luận trên báo ngày 27 tháng Giêng.

Khoảng ngày 10 tháng Giêng Ăng-ghe-n viết cho báo "New - York Daily Tribune" bài về cuộc chiến tranh trong vùng rừng núi nhân cuộc xung đột Phổ - Thụy Sĩ vì vấn đề Nơ-sa-ten; bài đó được đăng làm xã luận trên báo ngày 27 tháng Giêng.

Nửa cuối tháng Giêng Ăng-ghe-n viết cho báo "New - York Daily Tribune" bài thứ hai về cuộc chiến tranh trong vùng rừng núi, Mác viết bài về tài chính; những bài này không được đăng.

20 tháng Giêng Mác thông báo cho Ăng-ghe-n biết rằng trong khoảng ba tuần lễ báo "New - York Daily Tribune" không đăng một bài nào của ông và Ăng-ghe-n cả.

Khoảng 27 tháng Giêng - đầu tháng Hai Nhân cuộc chiến tranh Anh - Ba Tư, Mác viết cho báo "New - York Daily Tribune" bài về các kế hoạch xâm chiếm của Anh đối với Ba Tư, còn Ăng-ghe-n viết bài về triển vọng của cuộc chiến tranh Anh - Ba Tư; hai bài này được đăng làm xã luận trên báo ngày 14 và 19 tháng Hai.

5 tháng Hai Mác nhận được thư của Mi-ken đề nghị ông cộng tác với tạp chí Hăm-buốc "Das Jahrhundert" ("Thế kỷ"), nhưng ông khước từ vì tạp chí theo khuynh hướng tiểu tư sản.

6 tháng Hai Mác gửi thư cho Đa-na yêu cầu giải thích việc hoạ hoàn mới in các bài của ông trên báo "New - York Daily Tribune" và cho biết ông có ý định rời khỏi báo.

Giữa tháng Hai - đầu tháng Bảy Mác tiếp tục nghiên cứu sách báo kinh tế, đặc biệt là quyển V và quyển VI "Lịch sử giá cả" của Tu-cơ vừa mới xuất bản, tác phẩm của Ma-clê-ốt "Lý luận và thực tiễn của ngành ngân hàng" và trích dẫn chúng.

20 tháng Hai Mác viết cho báo "New - York Daily Tribune" một bài; bài này được đăng ngày 9 tháng Ba với nhan đề "Ngân sách mới của Anh".

27 tháng Hai Mác viết bài "Những cuộc tranh luận tại nghị viện về những hoạt động quân sự ở Trung Quốc", đăng trên báo "New - York Daily Tribune" ngày 16 tháng Ba.

Tháng Ba - tháng Bảy Mác cố gắng làm mới làm việc được vì sức khoẻ của vợ giảm sút nhiều và tình hình vật chất thiếu thốn nghiêm trọng; ông không có tiền để trả tiền thuê nhà; tháng Tư chính ông cũng bị ốm.

6 tháng Ba - 7 tháng Tư Nhân cuộc bầu cử nghị viện mới ở Anh, Mác viết cho báo "New - York Daily Tribune" năm bài "Thất bại của nội các Pan-móc-xơn", "Cuộc bầu cử sắp tới ở Anh", "Những cuộc bầu cử ở Anh", "Thất bại của Cốp-đen, Brai-tơ và Ghíp-xơn" và "Kết quả của những cuộc bầu cử". Các bài này được đăng ngày 25, 31 tháng Ba, 6, 17 và 22 tháng Tư.

Khoảng 18 tháng Ba Mác viết cho báo "New - York Daily Tribune" bài về buôn bán giữa Nga và Trung Quốc. Bài này được đăng làm xã luận ngày 7 tháng Tư.

21 tháng Ba Mác nhận được thư của Đa-na đề ngày 5 tháng Ba, trong đó Đa-na yêu cầu Mác dừng cắt đứt quan hệ với báo "New - York Daily Tribune" và cam kết thanh toán tiền cho ông mỗi tuần chỉ một bài thôi, bất kể bài đó có được đăng hay không. Những bài còn lại thì ông ta hứa đăng tới đâu sẽ thanh toán tới đó. Như vậy, ban biên tập báo chuyển Mác sang hưởng chế độ một nửa nhuận bút. Mác buộc phải chấp nhận những điều kiện này vì tình hình vật chất của mình hết sức khó khăn.

<i>Khoảng 22 tháng Ba</i>	Mác viết thêm cho báo "New - York Daily Tribune" một bài nữa về cuộc xung đột Anh - Trung Quốc ở Quảng Châu. Bài này được đăng làm xã luận ngày 10 tháng Tư.
<i>Đầu tháng Tư</i>	Ăng-ghe-n viết cho báo "New - York Daily Tribune" bài về cuộc viễn chinh có thể xảy ra của người Anh sang Trung Quốc do có cuộc xung đột Anh - Trung Quốc; trong bài này ông nêu rõ những nguyên nhân và tiến trình của các hoạt động quân sự trong thời kỳ cuộc Chiến tranh "nha phiến" lần thứ nhất ở Trung Quốc. Bài này được đăng làm xã luận trên báo ngày 17 tháng Tư.
<i>Ngày 7 và ngày 10 tháng Tư</i>	Nhân việc công bố các bản báo cáo của các viên thanh tra công xưởng Anh về năm 1856, Mác viết các bài "Tình hình công nhân công xưởng" và "Hệ thống công xưởng ở Anh", trong đó ông tố cáo sự bóc lột thậm tệ của các chủ xưởng Anh đối với công nhân. Những bài này được đăng trên báo "New - York Daily Tribune" ngày 22 và 28 tháng Tư.
<i>14 và 28 tháng Tư</i>	Mác viết cho báo "New - York Daily Tribune" bài về Hạ nghị viện được bầu lại, trong đó ông nói về trường phái Man-se-xơ, về phái Vích và phái To-ri, ông viết bài về Áo; cả hai bài đều không được đăng.
<i>Khoảng 16 tháng Tư</i>	Theo yêu cầu của Mác lúc ấy đang ốm, Ăng-ghe-n viết bài về những cải cách trong quân đội Nga sau khi cuộc Chiến tranh Crưm kết thúc. Bài này được đăng làm xã luận trên báo "New - York Daily Tribune" ngày 6 tháng Năm.
<i>21 tháng Tư</i>	Mác nhận được thư của Đa-na đề ngày 6 tháng Tư đề nghị ông cộng tác biên soạn cuốn từ điển bách khoa toàn thư do Đa-na thiết kế - "Bách khoa toàn thư mới của Mỹ" và nhận viết các bài về chiến tranh và một số các bài khác; sau khi tham khảo ý kiến Ăng-ghe-n, Mác chấp thuận.
<i>Cuối tháng Tư tháng Mười</i>	Ăng-ghe-n bị ốm nặng trong một thời gian dài, vì thế ông không thể giúp Mác thường xuyên viết các bài điểm tình hình quân sự cho tờ "New - York Daily Tribune".
<i>Tháng Năm</i>	Mác học tiếng Thụy Điển và Đan Mạch.

<i>Ngày 1, 12 và 15 tháng Năm</i>	Mác viết ba bài thuộc lĩnh vực tài chính về các vụ áp-phe của Ngân hàng hoàng gia Anh và về ngân hàng cổ phần Pháp Crédit Mobilier. Một bài được đăng làm bản tin trên báo "New - York Daily Tribune" ngày 16 tháng Năm dưới nhan đề "Những vụ áp-phe tài chính ở Anh" và hai bài được đăng làm xã luận ngày 30 tháng Năm và ngày 1 tháng Sáu.
<i>Khoảng 20 tháng Năm</i>	Theo đề nghị của Mác, Ăng-ghe-n viết cho báo "New - York Daily Tribune" bài "Ba Tư và Trung Quốc"; bài này được đăng trên báo ngày 5 tháng Sáu.
<i>23 tháng Năm</i>	Mác nhận được thư của Đa-na đề ngày 8 tháng Năm cùng với danh mục các mục từ về quân sự theo vần "A" cho tập đầu "Từ điển bách khoa toàn thư mới của Mỹ" và yêu cầu Mác đặc biệt chú ý đến các mục từ "Quân đội" và "Pháo binh". Ông Đa-na cũng đề nghị Mác viết bài về mỹ học dưới hình thức dễ hiểu cho độc giả Anh và Mỹ. Đa-na cũng hỏi xem Mác có đồng ý cung cấp cho các bài viết về các nhà hoạt động kiệt xuất châu Âu trong các lĩnh vực công nghiệp và thương mại hay không. Mác hỏi Ăng-ghe-n về nguồn tài liệu nói về vấn đề này.
<i>26 tháng Năm</i>	Mác viết bài phê bình bài phát biểu của Ô'Đôn-nen tại Thượng nghị viện Tây Ban Nha nhân các sự kiện trong thời kỳ cách mạng 1854 ở Tây Ban Nha. Bài này của Mác được đăng trên báo "New - York Daily Tribune" ngày 12 tháng Sáu dưới nhan đề "Những sự vạch trần đáng chú ý".
<i>28 tháng Năm</i>	Ăng-ghe-n gửi cho Mác danh mục các mục từ của mình về chủ đề quân sự cho cuốn "Từ điển bách khoa toàn thư mới của Mỹ" theo vần "A".
<i>Cuối tháng Năm - tháng Sáu</i>	Do Đa-na đề nghị viết cho cuốn "Từ điển bách khoa toàn thư mới của Mỹ" bài về mỹ học, Mác nghiên cứu tác phẩm của Ph. T.Phi-sơ, E. Mui-lơ và những người khác.
<i>Tháng Sáu 1857 - tháng Hai 1858</i>	Đồng thời với việc nghiên cứu khoa kinh tế chính trị, Mác làm việc rất nhiều ở thư viện của Viện bảo tàng Anh để thu thập tư liệu cho các bài trong "Từ điển bách khoa toàn thư

	mới của Mỹ". Ông nghiên cứu lịch sử của khoa quân sự thời kỳ cổ đại - ở Ai Cập và Át-xi-ri, ở Hy Lạp cổ đại và La Mã, ghi chép và trích dẫn từ các tác phẩm của Uyn-kin-xơn, Clau-dơ-vít-xơ, Slốt-xơ, Mui-phơ-lin và những người khác.
<i>Nửa đầu tháng Sáu</i>	Ăng-ghen ở Luân Đôn.
<i>Ngày 2 và 12 tháng Sáu</i>	Mác viết bài về đạo luật mới về Ngân hàng Pháp và nhân kết thúc chiến tranh Anh - Ba Tư ông viết bài về Hoà ước Anh - Ba Tư được ký kết ở Pa-ri ngày 4 tháng Ba. Bài đầu được đăng làm xã luận và bài thứ hai được đăng làm bản tin dưới nhan đề "Hiệp ước với Ba Tư" trên báo "New - York Daily Tribune" ngày 20 và ngày 24 tháng Sáu.
<i>19 tháng Sáu</i>	Mác viết cho báo "New - York Daily Tribune" bài "Sự giả dối của Anh" và ghi nó vào sổ tay của mình; bài này không được đăng.
<i>Khoảng ngày 27 tháng Sáu</i>	Mác nhận từ Đa-na danh mục các mục từ theo vần "B" cho cuốn "Từ điển bách khoa toàn thư mới của Mỹ".
<i>29 tháng Sáu</i>	Mác gửi cho Ăng-ghen bức thư do Đa-na gửi cho ông, đề ngày 11 tháng Sáu, trong đó Đa-na khuyên ông không nên viết các bài "Về các pháo đài và các chiến hạm", bởi vì ban biên tập mới của tờ "Putnam's Monthly" không bảo đảm in nó. Đa-na cũng trả lại bài của Ăng-ghen "Xanh-Ác-nô" nói về cuốn sách của Ba-dan-cu-rơ, bài này không được ban biên tập chấp nhận.
<i>30 tháng Sáu</i>	Mác viết cho báo "New - York Daily Tribune" bài về khởi nghĩa trong quân đội Ấn Độ, đây là bài mở đầu cho một loạt các bài do Mács và Ăng-ghen viết về cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc những năm 1857 - 1859 ở Ấn Độ. Bài này được đăng làm xã luận ngày 15 tháng Bảy.
<i>Tháng Bảy</i>	Mác viết tác phẩm kinh tế nhằm phản bác Ba-xti-a và Kê-ri, những nhà kinh tế học tầm thường, "những nhà lý luận" của sự hài hoà giữa các lợi ích giai cấp. Tác phẩm này chưa hoàn thành.

<i>Tháng Bảy 1857</i>	Nhân viết các bài cho cuốn "Từ điển bách khoa toàn thư mới của Mỹ", Ăng-ghen nghiên cứu các tác phẩm của Ruy-xtốp, Cây, Giô-mi-ni, Clau-dơ-vít-xơ và những người khác, và ông trích dẫn từ các tác phẩm này.
<i>tháng Ba 1858</i>	
<i>10 tháng Bảy</i>	Mác viết bài về tình hình ở châu Âu, trong đó đặc biệt là làm sáng rõ vấn đề tình hình tài chính của Pháp. Bài này được đăng làm xã luận trên báo "New - York Daily Tribune" ngày 27 tháng Bảy.
<i>Khoảng 10-24 tháng Bảy</i>	Ăng-ghen viết cho cuốn "Từ điển bách khoa toàn thư mới của Mỹ" nhóm đầu tiên các bài theo vần "A". Mács gửi các bài đó đến Niu Oóc ngày 24 tháng Bảy. Những bài này được đăng năm 1858.
<i>14 tháng Bảy</i>	Trong bức thư gửi cho Ăng-ghen, Mács biểu lộ nỗi lo lắng vô hạn về tình hình sức khoẻ của Ăng-ghen ngày càng xấu đi; ông đề nghị Ăng-ghen nhanh chóng dừng công việc ở văn phòng lại và đi chữa bệnh ở vùng biển, dừng cả việc viết bài cho cuốn từ điển bách khoa toàn thư.
<i>17 tháng Bảy - 14 tháng Tám</i>	Mác viết cho báo "New - York Daily Tribune" năm bài về cuộc khởi nghĩa ở Ấn Độ. Bốn bài được đăng làm bản tin dưới nhan đề "Khởi nghĩa ở Ấn Độ", "Vấn đề Ấn Độ", "Hiện trạng của cuộc khởi nghĩa ở Ấn Độ", "Khởi nghĩa Ấn Độ", và một bài được đăng không có nhan đề, vào các ngày 4, 14, 18 và ngày 29 tháng Tám.
<i>24 - 28 tháng Bảy</i>	Mác sưu tầm tư liệu về Ác-ma-đơ Tây Ban Nha để viết các bài trong cuốn "Từ điển bách khoa toàn thư mới của Mỹ"; ông chép ra rất nhiều đoạn trích về vấn đề đó và gửi chúng cho Ăng-ghen.
<i>28 tháng Bảy - 6 tháng Mười một</i>	Ăng-ghen ốm nằm điều trị tại vùng biển ở Oa-téc-lô gần Li-vóc-pun, trên đảo Oai-tơ và đảo Giốc-xi.
<i>Tháng Tám</i>	Ăng-ghen chuẩn bị viết bài "Quân đội" cho cuốn "Từ điển bách khoa toàn thư mới của Mỹ".
<i>Nửa đầu tháng Tám</i>	Vì bệnh tình của Ăng-ghen, Mács nghiên cứu các sách báo y học mới nhất của Pháp, Anh và Đức nhằm làm rõ căn bệnh và phương pháp chữa bệnh cho Ăng-ghen.

- 7 tháng Tám* Mác viết cho báo "New - York Daily Tribune" bài "Cuộc khởi nghĩa Ấn Độ", bài này không được đăng.
- Khoảng 10 tháng Tám* Ăng-ghe-nơ hoàn thành cho cuốn "Từ điển bách khoa toàn thư mới của Mỹ" hai bài dài - "Ăp-ga-ni-xtan" và "Tấn công" - và hầu như tất cả các bài còn lại theo vần "A"; tất cả các bài này đều gửi cho Mác để gửi đi Niu Oóc. Các bài này được đăng năm 1858.
- 11 tháng Tám* Nhân các cuộc đấu tranh ngoại giao của các cường quốc châu Âu xung quanh vấn đề bầu cử ở Môn-đa-vi-a, Mác viết bài cho báo "New - York Daily Tribune". Bài này được đăng ngày 27 tháng Tám dưới nhan đề "Vấn đề phương Đông".
- Giữa tháng Tám* Côn-rát Sram, cựu thành viên của Liên đoàn những người cộng sản, bạn chiến đấu của Mác và Ăng-ghe-nơ, từ Mỹ trở về đã đến thăm Mác.
- 21 tháng Tám* Nhân bài phát biểu của Pan-móc-xtơn tại Hội nghị viện, Mác viết cho báo "New - York Daily Tribune" bài điểm tình hình chính trị ở châu Âu; bài này được đăng làm xã luận ngày 5 tháng Chín.
- 26 tháng Tám* Mác gửi cho Ăng-ghe-nơ danh mục các mục từ theo vần "B" cho cuốn "Từ điển bách khoa toàn thư mới của Mỹ" do Đa-na biên soạn.
- 28 tháng Tám - 30 tháng Mười* Mác viết cho báo "New - York Daily Tribune" tám bài về cuộc khởi nghĩa ở Ấn Độ, về chính sách áp bức nhân dân Ấn Độ của các nhà cầm quyền Anh ở Ấn Độ và về Công ty Đông Ấn. Bảy bài được đăng làm xã luận các ngày 15, 17, 21 tháng Chín, ngày 3, 13, 23 tháng Mười và ngày 14 tháng Mười một, và một bài được đăng ngày 16 tháng Chín làm bản tin dưới nhan đề "Cuộc khởi nghĩa Ấn Độ".
- Cuối tháng Tám - giữa tháng Chín* Khi bắt tay vào viết tác phẩm kinh tế lớn của mình, Mác phác thảo "Lời nói đầu" cho cuốn sách, trong đó ông phân tích khái quát vấn đề mối quan hệ biện chứng giữa sản xuất, phân phối, trao đổi và tiêu dùng, giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, giữa quan hệ sản xuất và quan

- hệ luật pháp, gia đình và các quan hệ khác dưới chủ nghĩa tư bản. Trong "Lời nói đầu" Mác cũng trình bày ngắn gọn cốt lõi phương pháp nghiên cứu của mình về các hiện tượng kinh tế. Trong phần cuối của "Lời nói đầu", ông vạch ra những điểm cơ bản trong dàn bài của toàn bộ tác phẩm kinh tế của mình. Phần "Lời nói đầu" còn chưa được hoàn thành.
- Tháng Chín - tháng Mười* Ăng-ghe-nơ viết cho cuốn "Từ điển bách khoa toàn thư mới của Mỹ" ít nhất là mười tám bài, trong đó có bài "An-giê-ri"; đồng thời Mác cũng hoàn thành bài "Ăc-ma-da" và chín tiểu sử của các nhà hoạt động quân sự, cũng như tiểu sử của các nhà cách mạng R. Bli-um và I-u Bem cho cuốn từ điển bách khoa thư đó; hầu như tất cả các bài này ông đều viết cùng với Ăng-ghe-nơ. Những bài này được đăng vào năm 1858.
- 8 tháng Chín* Mác viết cho báo "New - York Daily Tribune" bài về Ngân hàng Pháp Crédit Mobilier. Bài này được đăng làm xã luận trên báo ngày 26 tháng Chín.
- 15 tháng Chín - 23 tháng Mười* Mác viết cho báo "New - York Daily Tribune" hai bài về chủ nghĩa ở Ấn Độ và năm bài về chính sách tài chính của Bô-na-pác-tơ, những bài này không được đăng.
- Khoảng 21 tháng Chín* Ăng-ghe-nơ viết xong cho cuốn "Từ điển bách khoa toàn thư mới của Mỹ" một bài dài "Trận chiến đấu". Bài này được đăng năm 1858.
- Khoảng 24 tháng Chín* Ăng-ghe-nơ hoàn thành bài "Quân đội" cho cuốn "Từ điển bách khoa toàn thư mới của Mỹ". Trong bài này, cũng như trong những bài khác về chủ đề chiến tranh, lần đầu tiên Ăng-ghe-nơ làm sáng tỏ trên quan điểm duy vật toàn bộ lịch sử nghệ thuật quân sự bắt đầu từ thời kỳ cổ đại cho đến tận quân đội tư sản thời ông đang sống. Bài này được đăng năm 1858.
- 25 tháng Chín* Trong thư gửi cho Ăng-ghe-nơ, Mác đánh giá cao bài "Quân đội" của Ăng-ghe-nơ và lưu ý với Ăng-ghe-nơ về một vài vấn đề chưa được sáng tỏ trong bài.

Tháng Mười 1857 - cuối tháng Hai 1858 Mác nghiên cứu kỹ lưỡng sự phát triển của cuộc tổng khủng hoảng kinh tế, ông sưu tầm một khối lượng lớn tư liệu về tiến trình của cuộc khủng hoảng ở Anh, Mỹ, Đức, Pháp và các nước khác. Khi trích dẫn, cắt bài từ các báo và đánh dấu những bài trong các báo và tạp chí, Mác dùng những quyển vở riêng để ghi các quá trình và các hiện tượng cơ bản do cuộc khủng hoảng gây ra trong các nước này; ông thảo luận vấn đề khủng hoảng trong những thư từ trao đổi với Ăng-ghe-nen, người đã thông báo cho ông biết rất nhiều điều về tiến trình và hậu quả của cuộc khủng hoảng ở Man-se-xtơ.

Tháng Mười Mác viết "chương về tiền", trong đó ông bóc trần chủ nghĩa không tưởng trong quan niệm của Pru-đông về "tiền lao động" trong điều kiện sản xuất hàng hoá; ông trình bày những luận điểm cơ bản về lý luận giá trị và học thuyết về tiền tệ của mình.

Đầu tháng Mười Mác đến thăm Ăng-ghe-nen ở Xanh - Hê-li-éc (đảo Gióc-xi); ông thăm Côn-rát Sram bị bệnh lao, người đang rất thiếu thốn về vật chất; Mác kiếm cho Sram việc làm phóng viên cho tờ báo Mỹ.

6 tháng Mười Ăng-ghe-nen gửi cho Mác danh mục các bài viết cho cuốn "Từ điển bách khoa toàn thư mới của Mỹ" theo vần "C".

6-29 tháng Mười Trong những bức thư gửi cho Mác, Ăng-ghe-nen nhiều lần thông báo về đời sống của Hác-ni trên đảo Gióc-xi và tình trạng sức khoẻ của Côn-rát Sram, những người mà ông thường xuyên gặp gỡ trong thời gian ông ở Xanh-Hê-li-éc.

26 tháng Mười Mác nhận được thư của Đa-na đề ngày 13 tháng Mười, trong thư Đa-na thông báo rằng, do cuộc khủng hoảng kinh tế nên ban biên tập báo "New - York Daily Tribune" đã cho thôi tất cả các phóng viên châu Âu của mình, trừ Mác và B. Tay-lo; ông ta yêu cầu Mác mỗi tuần chỉ viết một bài; ngoài ra trong thời gian tới chủ yếu là viết về cuộc chiến tranh ở Ấn Độ và về cuộc khủng hoảng.

Tháng Mười một 1857 - đầu tháng Giêng 1858 Mác theo dõi qua báo chí hoạt động chính trị của E. Giôn-xơ, người vì muốn giành được ghế ở Thượng nghị viện, nên ngày càng tiếp tục nhượng bộ giai cấp tư sản cấp tiến; Mác có ý định đến thăm Giôn-xơ và can ngăn ông ta, nhưng vì Giôn-xơ tiếp tục có những hoạt động cơ hội chủ nghĩa nên ông từ bỏ ý định của mình.

Tháng Mười một 1857 - tháng Sáu 1858 Mác viết "chương về tư bản", trong đó ông nêu lên tương đối chi tiết một loạt vấn đề quan trọng nhất của tư bản và trình bày khái quát những nguyên lý của học thuyết của mình về giá trị thặng dư. Trong phần đầu "chương về tư bản", Mác phác thảo dàn bài tác phẩm kinh tế của mình, trong đó ông có ý định nghiên cứu các vấn đề: tư bản, sở hữu ruộng đất, lao động làm thuê, nhà nước, ngoại thương, thị trường thế giới.

6 tháng Mười một Sau một thời gian dài chữa bệnh ở vùng biển, Ăng-ghe-nen trở về Man-se-xtơ.

6, 13 và 27 tháng Mười một Mác viết cho báo "New - York Daily Tribune" ba bài về cuộc khủng hoảng kinh tế ở Anh. Hai bài được đăng làm xã luận trên báo ngày 21 tháng Mười một và 15 tháng Chạp và một bài được đăng làm bản tin ngày 30 tháng Mười một dưới nhan đề "Sự chấn động của nền thương mại Anh".

15 tháng Mười một Ăng-ghe-nen thông báo cho Mác biết những sự theo dõi của mình về tiến trình phát triển của cuộc khủng hoảng kinh tế, về những biểu hiện của nó ở Anh, về ảnh hưởng cách mạng hoá của cuộc khủng hoảng đối với quần chúng nhân dân; ông hy vọng cuộc cách mạng sẽ đến gần, nhân đó ông tăng cường nghiên cứu môn quân sự.

16 tháng Mười một Theo yêu cầu của Mác, Ăng-ghe-nen viết bài về việc người Anh chiếm thành phố Đê-li, một trong những trung tâm chủ yếu của cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc ở Ấn Độ. Bài này được đăng làm xã luận trên báo "New - York Daily Tribune" ngày 5 tháng Chạp.

Sau ngày 24 tháng Mười một Mác nhận được thông báo của I-man về việc các cựu thành viên của Liên đoàn những người cộng sản là Béch-cơ và Rai-phơ, những người bị Toà án Khuên kết án, đã được ra tù, và cũng báo là Buyech-ghéc-xơ, Nốt-i-ung và Ruê-dơ phải còn ngồi tù một năm nữa.

Khoảng 26 tháng Mười một Ăng-ghen hoàn thành việc viết cho cuốn "Từ điển bách khoa toàn thư mới của Mỹ" một bài dài về lịch sử pháo binh. Bài này được đăng năm 1858 dưới nhan đề "Pháo binh".

4, 18 và 25 tháng Chạp Mác viết cho báo "New - York Daily Tribune" ba bài về cuộc khủng hoảng ở châu Âu, những bài này đã được đăng làm xã luận trên báo ngày 22 tháng Chạp 1857 và ngày 5, 12 tháng Giêng 1858.

Ngày 11 tháng Chạp Mác viết cho báo "New - York Daily Tribune" bài về nền sản xuất Anh và cuộc khủng hoảng công nghiệp đang tới gần ở Anh; bài này không được đăng.

18 tháng Chạp Trong thư gửi cho Ăng-ghen, Mác nói ông có ý định cùng Ăng-ghen viết một cuốn sách mỏng về cuộc khủng hoảng và xuất bản nó bằng tiếng Đức vào mùa xuân 1858.

21 tháng Chạp Mác nhận được qua Lát-xan thư của Mác Phrit-len-dơ, biên tập viên của tờ báo tư sản tự do Viên "Die Press" ("Báo chí") đề nghị Mác gửi cho các bản tin Luân Đôn; vì báo này có thái độ đồng tình với chính sách của Pan-móc-xtơn, nên Mác khước từ đề nghị viết các bài về chủ đề chính trị.

25 tháng Chạp Trong thư gửi cho Ăng-ghen, Mác thông báo những kết luận của mình về sự phát triển của cuộc khủng hoảng ở Pháp.

1858

Nửa đầu tháng Giêng Trong lúc kiện toàn học thuyết về lợi nhuận, Mác đọc lại cuốn "Lô-gích" của Hê-ghen; trong thư gửi cho Ăng-ghen, Mác có ghi rằng, giá có thời gian thì "ông sẵn lòng trình bày trong

hai hoặc ba tay sách dưới hình thức dễ hiểu đối với lý trí bình thường của con người cái nhân tố hợp lý có trong phương pháp mà Hê-ghen đã phát hiện ra, nhưng đồng thời đã bị thần bí hoá".

4 và 14 tháng Giêng Ăng-ghen viết cho báo "New - York Daily Tribune" hai bài về cuộc bao vây và tấn công thành phố Lác-nau - trung tâm chính thứ hai của cuộc khởi nghĩa ở Ấn Độ. Bài đầu được đăng làm xã luận và bài thứ hai được đăng làm bản tin dưới nhan đề "Giải phóng Lác-nau" trên báo ngày 30 tháng Giêng và ngày 1 tháng Hai.

Khoảng 7 tháng Giêng Mác viết cho báo "New - York Daily Tribune" bài "Nền thương mại Anh"; bài này được đăng ngày 3 tháng Hai.

7 tháng Giêng Ăng-ghen hoàn thành một lô bài đầu cho cuốn "Từ điển bách khoa toàn thư mới của Mỹ" theo vần "C". Những bài này được đăng trong năm 1859.

8 - khoảng 28 tháng Giêng Mác và Ăng-ghen viết cho cuốn "Từ điển bách khoa toàn thư mới của Mỹ" khoảng mười một bài. Những bài này được đăng trong những năm 1858 - 1859.

22 tháng Giêng Mác viết bài "Công trái sắp tới của Ấn Độ", bài này được đăng trên báo "New - York Daily Tribune" ngày 9 tháng Hai.

23 tháng Giêng Mác báo cho Ăng-ghen biết việc Đa-na đề nghị viết cho cuốn từ điển bách khoa toàn thư một bài không dài lắm về lịch sử cuộc khởi nghĩa ở Ấn Độ. Song vì thiếu tư liệu, Mác không khuyên Ăng-ghen viết bài này; trong thư trả lời, Ăng-ghen đề nghị để ít lâu nữa sẽ viết bài về chủ đề này.

29 tháng Giêng Trong thư gửi cho Ăng-ghen, Mác yêu cầu giải thích về vấn đề chu chuyển của tư bản trong các loại xí nghiệp khác nhau và về ảnh hưởng của chu chuyển của tư bản đến lợi nhuận và giá cả.

29 tháng Giêng - tháng Năm Mác đọc cuốn sách của Lát-xan "Triết học của Hê-ra-clít tối tăm ở E-phê-xơ" và trong những bức thư gửi Ăng-ghen và Phrai-li-grát, Mác đã đưa ra những nhận xét phê bình cuốn

	sách đó; ông cho rằng, cuốn sách được viết theo tinh thần của phái Hê-ghen cũ và là "một tác phẩm bôi bác non nớt".
<i>2 tháng Hai</i>	Ăng-ghen viết cho báo "New - York Daily Tribune" bài về thất bại của tướng Anh Uyn-hêm ở Ấn Độ; bài này được đăng làm xã luận trên báo ngày 20 tháng Hai.
<i>5 - 26 tháng Hai</i>	Mác viết cho báo "New - York Daily Tribune" bốn bài về chính sách đối nội của Na-pô-lê-ông III, về các biện pháp tài chính của Chính phủ Bô-na-pác-tơ và về cuộc khủng hoảng kinh tế ở Pháp, về sự liên minh Anh - Pháp. Ba bài được đăng làm xã luận ngày 22 tháng Hai, ngày 12 và 15 tháng Ba và một bài được đăng làm bản tin ngày 12 tháng Ba dưới nhan đề "Sự lãnh đạo của những người Prê-to-ri-an".
<i>10 tháng Hai</i>	Mác nhận được qua Phrai-li-grát bức thư của Phri-đrich Cam-mơ, một người Đức sống lưu vong ở Mỹ, đã từng tham gia cuộc Cách mạng năm 1848 - 1849, gửi từ Niu Oóc tới với thông báo rằng, ở Niu Oóc đã thành lập Hội cộng sản Đức gồm 30 người. Cam-mơ gửi cho Mac điều lệ của hội và yêu cầu Mac thông báo cho biết tình hình của đảng cộng sản ở châu Âu, đặc biệt là ở Đức, và cũng gửi cả sách báo cộng sản được xuất bản trong 5 năm gần đây và một số cuốn điều lệ của Liên đoàn những người cộng sản. Mac hoãn trả lời cho đến khi nhận được tin tức về Cam-mơ của Ăng-ghen, Vôn-phơ, Phrai-li-grát và I-man.
<i>22 tháng Hai</i>	Trong thư gửi cho Lát-xan, Mac yêu cầu cho biết có thể xuất bản tác phẩm kinh tế chính trị của mình ở Béc-lin không; Mac dự định xuất bản tác phẩm của mình thành từng cuốn lẻ, bởi vì ông không có thời gian, không có phương tiện để viết cả toàn bộ tác phẩm; Mac trình bày với Lát-xan một dàn bài chung của tác phẩm của mình; Mac cũng thông báo sẽ đồng ý viết mỗi tuần một bài về tài chính và thương mại ở Anh, Pháp và Mỹ cho báo Viên "Die Press".
<i>Đầu tháng Ba</i>	Mác nghiên cứu vấn đề hao mòn máy móc nhân việc nghiên cứu chu kỳ tái sản xuất công nghiệp; đặc biệt ông đọc cuốn sách của Báp-bít-giơ "Về kinh tế máy móc và công nghiệp";

	ông yêu cầu Ăng-ghen cho biết trung bình khoảng thời gian bao lâu thì thiết bị máy móc được đổi mới.
<i>2 tháng Ba</i>	Mác lưu ý Ăng-ghen về việc cảnh sát kiểm soát những bức thư của họ.
<i>4 tháng Ba</i>	Trong thư gửi cho Mac Ăng-ghen giải thích tỉ mỉ vấn đề hao mòn của các thiết bị máy móc trong quá trình sản xuất.
<i>9 tháng Ba</i>	Mác viết bài cho tờ "New - York Daily Tribune" về bài phát biểu của Đê-xra-e-li tại Hạ nghị viện, bài này không được đăng.
<i>11 tháng Ba - 22 tháng Tư</i>	Mác viết cho báo "New - York Daily Tribune" bảy bài về chính sách đối nội của Na-pô-lê-ông III và về liên minh Anh - Pháp. Những bài này được đăng ngày 30 tháng Ba, ngày 1, 15, 27 tháng Tư, ngày 8 và 11 tháng Năm dưới nhan đề "Dấu hiệu của thời đại", "Tình hình hiện nay của Bô-na-pác-tơ", "Sứ mệnh của Pê-li-xi-ê ở Anh", "Mát-di-ni và Na-pô-lê-ông", "Những vụ án xét xử những người Pháp ở Luân Đôn", "Liên minh Anh - Pháp" và một bài được đăng không có đầu đề ngày 30 tháng Tư.
<i>Nửa cuối tháng Ba - tháng Tư</i>	Mác bị bệnh đau gan; do đó ông không thể viết tiếp tác phẩm kinh tế chính trị.
<i>29 tháng Ba</i>	Mác nhận được thông báo của Lát-xan cho biết Nhà xuất bản Đun-cơ Béc-lin đồng ý nhận in hai quyển đầu tác phẩm kinh tế chính trị của Mac.
<i>2 tháng Tư</i>	Trong thư gửi cho Ăng-ghen, Mac trình bày dàn bài chi tiết tác phẩm kinh tế của mình, tác phẩm này sẽ gồm 6 quyển: "1) Về tư bản. 2) Sở hữu ruộng đất. 3) Lao động làm thuê. 4) Nhà nước. 5) Ngoại thương. 6) Thị trường thế giới. I. <i>Tư bản</i> được chia làm bốn phần: a) <i>Tư bản</i> nói chung (đó là <i>chủ đề của quyển đầu</i>). b) <i>Sự cạnh tranh</i> . c) <i>Tín dụng</i> . d) <i>Tư bản cổ phần</i> ". Phần đầu của cuốn thứ nhất "Tư bản nói chung" bao gồm ba chương: 1. Giá trị. 2. Tiền. 3. Tư bản.

<i>15 tháng Tư và 8 tháng Năm</i>	Ăng-ghen viết cho báo "New - York Daily Tribune" hai bài về những chi tiết của trận tấn công và cướp phá thành phố Lác-nau của quân đội Anh. Những bài này được đăng làm xã luận trên báo ngày 30 tháng Tư và 15 tháng Năm.
<i>20 và 30 tháng Tư</i>	Mác viết cho báo "New - York Daily Tribune" các bài "Ngân sách của ngài Đì-xra-e-li" và "Những văn kiện quan trọng của Anh"; những bài này được đăng trên báo ngày 7 và 20 tháng Năm.
<i>29 tháng Tư</i>	Trong thư gửi cho Ăng-ghen, Mác nhấn mạnh ý nghĩa quan trọng của phong trào giải phóng nông nô đã phát triển ở Nga.
<i>6 - khoảng 24 tháng Năm</i>	Mác đến ở cùng Ăng-ghen tại Man-se-xtơ; để hồi phục sức khoẻ, ông chơi thể thao, cưỡi ngựa, đồng thời viết "chương về tư bản".
<i>14 và 25 tháng Năm</i>	Nhân việc đăng tuyên bố của toàn quyền Ấn Độ, huân tước Ca-ninh, về tịch thu ruộng đất của các điền chủ ở Au-dơ đã tham gia cuộc khởi nghĩa ở Ấn Độ, Mác viết cho báo "New - York Daily Tribune" hai bài - về cuộc thôn tính Vương quốc Au-dơ và về chế độ chiếm hữu ruộng đất ở Ấn Độ; những bài này được đăng làm xã luận trên báo ngày 28 tháng Năm và ngày 7 tháng Sáu.
<i>27 tháng Năm</i>	Mác viết bài về những mảnh lối tài chính của Bô-na-pác-tơ và về việc tăng cường chế độ độc tài quân sự ở Pháp; bài này được đăng không có đầu đề trên báo "New - York Daily Tribune" ngày 11 tháng Sáu.
<i>Cuối tháng Năm - 6 tháng Bảy</i>	Ăng-ghen viết ba bài về cuộc khởi nghĩa ở Ấn Độ. Những bài này được đăng làm xã luận trên báo "New - York Daily Tribune" ngày 15, 26 tháng Sáu và ngày 21 tháng Bảy.
<i>31 tháng Năm</i>	Trong thư gửi Lát-xan, Mác yêu cầu thông báo cho Nhà xuất bản Đun-cơ rằng vì bị ốm nên ông chậm gửi bản thảo quyển thứ nhất tác phẩm kinh tế của mình, và hứa sẽ tăng cường viết; cũng trong bức thư đó ông cho biết ý kiến của mình về cuốn sách của Lát-xan "Triết học của Hê-ra-clít tối tăm

	ở E-phê-xơ", đồng thời cũng chỉ ra những thiếu sót quan trọng của nó.
<i>Tháng Sáu - đầu tháng Tám</i>	Mác rất cần tiền vì vợ và con gái ông là Ê-lê-ô-nô-ra ốm. Nhờ sự giúp đỡ của Phrai-li-grát Mác đã rút được tiền qua kỳ phiếu mang tên Ăng-ghen, ông nhanh chóng bố trí cho vợ đi chữa bệnh và nghỉ ở Ram-xghết trong một vài tuần.
<i>Nửa đầu tháng Sáu</i>	Mác biên soạn bản chỉ dẫn cho các bản thảo kinh tế của mình viết vào giữa tháng Tám 1857 và tháng Sáu 1858.
<i>8, 11 và 18 tháng Sáu</i>	Mác viết cho báo "New - York Daily Tribune" ba bài về nước Anh. Hai bài được đăng làm bản tin dưới nhan đề "Tình hình thương mại của Anh" và "Chính phủ Anh và vấn đề buôn bán nô lệ" ngày 21 tháng Sáu và ngày 2 tháng Bảy và một bài được đăng làm xã luận ngày 24 tháng Sáu.
<i>Khoảng 21 tháng Sáu</i>	Ăng-ghen hoàn thành một bài dài "Kỵ binh" cho cuốn "Từ điển bách khoa toàn thư mới của Mỹ". Bài này được đăng vào năm 1859.
<i>29 tháng Sáu</i>	Nhân bài phát buổi của Brai-tơ tại Hạ nghị viện, Mác viết bài về thuế khoá ở Ấn Độ. Bài này được đăng làm xã luận trên báo "New - York Daily Tribune" ngày 23 tháng Bảy.
<i>Khoảng cuối tháng Sáu</i>	Mác gặp nhà cách mạng Hung-ga-ri Cláp-ca tại nhà của Phrai-li-grát.
<i>Khoảng 2 tháng Bảy</i>	Mác nhận được thư của Vây-đơ-mai-ơ từ Mỹ gửi tới; Vây-đơ-mai-ơ giới thiệu An-brếch Côn-pơ ở Niu Oóc với ông, và cũng thông báo cho ông tình hình của phong trào công nhân ở Mỹ và những khó khăn của việc thành lập ở đây một tổ chức cách mạng thường trực.
	Cùng thời gian đó Mác nhận được thư của Côm-pơ từ Niu Oóc báo tin Hội cộng sản Đức đã được ông cùng với Phri-đrich Cam-mơ thành lập. Côm-pơ yêu cầu gửi cho ông ta tác phẩm của Mác "Sự khốn cùng của triết học" và các số của tạp chí "Neue Rheinisch Zeitung. Politisch - okonomische Revue" ("Báo Ranh mới. Bình luận kinh tế chính trị") để tuyên

- truyền chủ nghĩa cộng sản khoa học ở Mỹ, cũng như yêu cầu duy trì quan hệ thường xuyên với hội.
- 9 tháng Bảy* Mác viết bài về đạo luật đã được hạ nghị viện thông qua về bãi bỏ quyền lực tối cao của Công ty Đông Ấn ở Ấn Độ. Bài này được đăng làm xã luận trên báo "New - York Daily Tribune" ngày 24 tháng Bảy.
- 14 tháng Bảy* Trong thư gửi cho Mác, Ăng-ghe-nen thông báo những nghiên cứu của mình về sinh lý học đối chiếu, vật lý và các khoa học tự nhiên khác. Ăng-ghe-nen kết luận rằng những phát minh mới nhất trong các môn khoa học tự nhiên càng khẳng định sự đúng đắn của quan điểm biện chứng duy vật đối với việc nghiên cứu tự nhiên. Ăng-ghe-nen tiếp tục nghiên cứu các môn khoa học tự nhiên cả trong những năm tiếp theo.
- Đầu tháng Tám - giữa tháng Mười một* Mác biên soạn quyển thứ nhất tác phẩm kinh tế của mình; ông viết bản mới chương về tiền tệ. Nhân viết chương này, ông đọc cuốn sách mới được xuất bản của Ma-cla-rơn "Lược khảo về lịch sử lưu thông tiền tệ".
- 6 và 10 tháng Tám* Mác viết cho báo "New - York Daily Tribune" hai bài về đạo luật ngân hàng của Rô-bốt Pin năm 1844. Những bài này được đăng làm xã luận trên báo ngày 23 và 28 tháng Tám.
- 17 và 20 tháng Tám* Mác viết cho báo "New - York Daily Tribune" hai bài về Trung Quốc và về việc buôn bán nô lệ ở Cu Ba; những bài này không được đăng.
- 31 tháng Tám - 28 tháng Chín* Mác viết bốn bài lược thuật lịch sử buôn bán thuốc phiện ở Trung Quốc và về Hoà ước Thiên Tân. Ba bài được đăng làm xã luận và một bài được đăng làm bản tin dưới nhan đề "Hiệp ước Anh - Trung Quốc" trên báo "New - York Daily Tribune" ngày 20, 25 tháng Chín, ngày 5 và 15 tháng Mười.
- 14 tháng Chín* Mác viết cho báo "New - York Daily Tribune" bài "Nền thương mại và nền tài chính của Anh"; bài này được đăng trên báo ngày 4 tháng Mười.
- Khoảng 17 tháng Chín* Ăng-ghe-nen viết cho báo "New - York Daily Tribune" bài về cuộc khởi nghĩa ở Ấn Độ, bài này được đăng làm xã luận trên báo ngày 1 tháng Mười.

- 20 và 21 tháng Chín* Mác viết cho báo "New - York Daily Tribune" bài về Hiệp ước Trung Quốc và bài phê bình bản tuyên ngôn mới của Mát-di-ni. Bài đầu không được đăng. Bài phê bình của Mác đối với bản tuyên ngôn được đăng trên báo "New - York Daily Tribune" ngày 13 tháng Mười với nhan đề "Tuyên ngôn mới của Mát-di-ni".
- 1 tháng Mười ngày 29 và 31 tháng Chạp* Mác viết ba bài về vấn đề xoá bỏ chế độ nông nô ở Nga. Một bài được đăng làm xã luận và hai bài khác được đăng làm bản tin nhan đề "Về việc giải phóng nông dân ở Nga" trên báo "New - York Daily Tribune" ngày 19 tháng Mười 1858 và ngày 17 tháng Giêng 1859.
- 2 tháng Mười - 4 tháng Chạp* Mác viết mười bài về chính sách đối nội của Phổ cho báo "New - York Daily Tribune". Những bài này được đăng các ngày 23, 27 tháng Mười, ngày 3, 8, 24, 27 tháng Mười một và ngày 3, 13, 27 tháng Chạp dưới các nhan đề: "Sự điên loạn của vua Phổ", "Chế độ nhiếp chính ở Phổ", "Tình hình ở Phổ", "Nội các mới".
- 7 tháng Mười* Do việc Giôn-xơ chuyển sang cộng tác chặt chẽ với những người theo chủ nghĩa tự do tư sản, trong thư gửi cho Mác, Ăng-ghe-nen lưu ý tới việc tư sản hoá giai cấp công nhân Anh và chỉ rõ nguồn gốc của chủ nghĩa cơ hội trong phong trào công nhân Anh. Ăng-ghe-nen cho rằng sự suy thoái của phong trào Hiến chương và thắng lợi tạm thời của chủ nghĩa cơ hội trong phong trào công nhân Anh trực tiếp gắn liền với địa vị độc quyền của Anh trên thị trường thế giới và với những thuộc địa rộng lớn của Anh.
- 8 - 21 tháng Mười* Trong những bức thư gửi cho nhau, Mác và Ăng-ghe-nen thảo luận về triển vọng của phong trào vô sản trên lục địa.
- Khoảng 2 tháng Mười một* Ăng-ghe-nen viết cho báo "New - York Daily Tribune" bài "Sự truy nã Mông-ta-lăm-be", bài này được đăng trên báo ngày 24 tháng Mười một.
- Giữa tháng Mười một 1858 - 21 tháng Giêng 1859* Mác viết chương mới "Hàng hoá", chỉnh lý lại chương về tiền, sửa lại lần cuối cùng toàn bộ bản thảo và đặt tên cho nó là "Góp phần phê phán khoa kinh tế chính trị. Tập thứ nhất. Quyển I. Về tư bản. Phần I. Tư bản nói chung", ông

gửi bản thảo cho Nhà xuất bản Đun-cơ ở Béc-lin. Quyển đầu tăng lên đến 12 tay sách chứ không phải 5-6 tay sách như dự định và không phải bao gồm ba chương như dự định, mà gồm 2 chương - chương "Hàng hoá" và chương "Tiền hay lưu thông giản đơn". Mác quyết định đăng chương thứ ba "Tư bản nói chung" ở quyển thứ hai.

Khoảng 19 tháng Mười một Mác viết cho báo "New - York Daily Tribune" bài về dự án của Bô-na-pác-tơ điều chỉnh giá lúa mì ở Pháp; bài này được đăng làm xã luận trên báo ngày 15 tháng Chạp.

Cuối tháng Mười một Ăng-ghen viết cho báo "New - York Daily Tribune" bài tổng kết phong trào chính trị - xã hội ở châu Âu năm 1858; qua đó ông xác nhận những dấu hiệu báo trước sự thức tỉnh chính trị rộng khắp của toàn bộ châu Âu. Bài này được đăng làm xã luận trên báo ngày 23 tháng Chạp.

14 và 21 tháng Chạp Mác viết cho báo "New - York Daily Tribune" một bài về Hoà ước Anh - Trung Quốc và một bài khác về bức thông điệp của Biu-kê-nê; những bài này không được đăng.

17 và 29 tháng Chạp 1858 và 11 tháng Giêng 1859 Mác viết cho báo "New - York Daily Tribune" các bài: "Vấn đề quần đảo I-ô-niêng", "Làn sóng sôi sục ở Ai-rơ-len" và "Tình hình ở Phổ"; những bài này được đăng trên báo vào các ngày 6, 11 tháng Giêng và ngày 1 tháng Hai 1859.

BẢN CHỈ DẪN TÊN NGƯỜI

A

A-bớc-đin (Aberdeen), Gioóc-giơ *Goóc-đơn*, bá tước (1784 - 1860) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng To-ri, từ năm 1850 làm lãnh tụ phái Pin, bộ trưởng ngoại giao (1828 - 1830, 1841 - 1846) và thủ tướng Nội các liên hiệp (1852 - 1855). - 13, 15, 23, 188, 229, 628.

A-crôi-đơ (Ackroyd), E-đu-a - chủ xưởng Anh, người theo phái tự do, nghị sĩ. - 218.

A-ghe-xô (Aguesseau), Hăng-ri Các-đen Giăng Ba-ti-xtơ, hầu tước Đ' (1746 - 1826) - nhà ngoại giao Pháp, trong những năm 1803 - 1805 là công sứ ở Cô-pen-ha-ghen. - 535.

A-khmet-sắc Đua-ra-ni (1724 - 1773) - quốc vương Áp-ga-ni-xtan (1747 - 1773), nhân vật thành lập quốc gia Áp-ga-ni-xtan và triều đại Đua-ra-ni. - 152.

A-lếch-xan-đrơ I (1777 - 1825) - hoàng đế Nga (1801 - 1825). - 132, 152, 728, 754, 842.

A-lếch-xan-đrơ II (1818 - 1881) - hoàng đế Nga (1855 - 1881). - 722, 728, 729, 737, 753, 808, 833, 836, 837, 841 - 844.

A-lếch-xây Mi-khai-lô-vích (1629 - 1676) - vua Nga (1645 - 1676). - 725.

A-ma Xinh - em của Cu-ơ Xinh, sau cái chết của người anh (tháng Tư 1858) đã lãnh đạo những người khởi nghĩa ở Au-đơ trong thời kỳ cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc 1857 - 1859 ở Ấn Độ. - 708.

A-ri-xtốt (384 - 322 trước công nguyên) - nhà tư tưởng vĩ đại thời cổ đại; trong triết học dao động giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm; tư tưởng gia của giai cấp chủ nô. - 310, 855.

A-xen-xi-ô (Assensio) - nhà hoạt động chính trị Tây Ban Nha, tham gia cuộc cách mạng tư sản Tây Ban Nha trong những năm 1854 - 1856. - 58.

Ác-gu (Argout), Ăng-toan Mô-ri-xơ A-pô-li-ne, bá tước Đờ (1782 - 1858) - nhà hoạt động nhà nước Pháp, trong những năm 1830 - 1834 giữ một loạt chức vụ trong nội các, Tổng giám đốc Ngân hàng Pháp (1834 - 1857). - 284 - 286.

Ác-mi-tít (Armitage), En-ca-na - nghị sĩ của Nghị viện Anh, một trong những đại biểu của trường phái Man-se-xtơ. - 215.

An-ba (Alba), Gia-cô-bô Lu-i-xơ, công tước (1821 - 1881) - nhà quý tộc Tây Ban Nha, chồng của em gái Ô-giê-ni Mông-ti-giô. - 55.

An-brếch III (khoảng 1350 - 1395) - công tước Áo (1365 - 1395) - 140.

An-brếch III A-khin-lét (1414 - 1486) - tuyển hầu Bran-đen-buốc (1470 - 1486) - 127.

An-brếch Áo - xem *An-brếch III*.

An-brếch Phổ - xem *An-brếch Phri-đrich*.

An-brếch - Phri-đrich (1553 - 1618) - công tước Phổ (1568 - 1618). - 131.

An-xơn (Anson), Gioóc-giơ (1797 - 1857) - tướng Anh, tổng chỉ huy các đội quân Anh ở Ấn Độ (1856 - 1857). - 305.

Au-gu-xta - Ma-ri-a - Lu-i-da Ca-ta-ri-na (1811 - 1890) - vợ của hoàng tử Phổ Vin-hem. - 735, 778, 781 - 782, 804, 805.

Au-ơ-xvan (Auerswald), Ru-đôn-phơ (1795 - 1866) - nhà hoạt động nhà nước Phổ, đại biểu gần với giai cấp tư sản của giới thượng lưu tự do, thủ tướng và bộ trưởng ngoại giao (tháng Sáu - tháng Chín 1848), bộ trưởng không bộ (1858 - 1862) - 779, 784 - 787.

Ăng-đrê (Andrée) Êc-nét - một trong những giám đốc của Ngân hàng cổ phần Pháp Crédit Mobilier. - 371.

Ăng-đrê-ôt-xi (Andréossi), Ăng-toan Phrăng-xoa (1761 - 1828) - tướng Pháp và là nhà ngoại giao, là người tham gia các cuộc hành quân của Na-pô-lê-ông I, đại sứ ở Luân Đôn (1802), ở Viên (1806 - 1809) và ở Công-xtăng-ti-nô-pô-ly (1812 - 1814); người gốc I-ta-li-a. - 529, 534.

Ăng-phăng-tanh (Enfantin), Béc-tê-lê-mi Prô-xpe (1796 - 1864) - nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng Pháp, một trong những môn đồ gần gũi nhất của Xanh - Xi-mông; sau khi Xanh - Xi-mông chết đã lãnh đạo trường phái Xanh - Xi-mông. - 40.

B

Ba-kha-đua-sắc II (1767 - 1862) - hoàng đế cuối cùng (1837 - 1858) của triều đại Mô-gôn Đại đế ở Ấn Độ; từ năm 1849 được hưởng hưu bổng của người Anh và thực tế bị phế truất; năm 1857, trong thời kỳ có cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc ở Ấn Độ lại được những người khởi nghĩa tuyên bố phong làm hoàng đế; sau khi Đê-li bị đánh chiếm vào tháng Chín 1857 bị quân Anh bắt và bị đày đi Miến Điện (1858) - 304, 379, 392.

Ba-king-hêm - (Buckingham), Hen-ri Xtáp-phoóc-đơ, công tước (khoảng 1454 - 1483) - một chúa phong kiến Anh; tạo điều kiện lên ngôi cho Rì-sắc III, sau đó phản bội Rì-sắc và bị xử tử. - 190.

Ba-ra-ghe Đờ In-li-ê (Baraguay d'Hilliers), A-si-lơ (1795 - 1878) - nguyên soái Pháp, tham gia các cuộc hành quân của Na-pô-lê-ông I, sau đó chuyển sang phái Buốc-bông, trong thời kỳ nền Cộng hoà thứ hai là đại biểu Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp, sau cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851 là người theo phái Bô-na-pác-tơ. - 491.

Ba-rô (Barrot), A-đôn-phơ (1803 - 1870) - nhà ngoại giao Pháp, năm 1845 là tổng lãnh sự ở Ai Cập. - 293, 301.

Ba-rô (Barrot), Ô-đi-lông (1791 - 1873) - nhà hoạt động chính trị tư sản Pháp, trước tháng Hai 1848 là thủ lĩnh phái đối lập vương triều; theo chủ nghĩa tự do; tháng Chạp 1848 - tháng Mười 1849 cầm đầu nội các dựa vào khối liên minh bảo hoàng phản cách mạng gồm các phái bảo hoàng. - 301, 811.

Ba-rô-sơ (Baroche), Pi-e Giuy-lơ (1802 - 1870) - nhà hoạt động chính trị Pháp, luật gia; trong thời kỳ nền cộng hoà thứ hai là đại biểu Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp, phân tử theo phái Bô-na-pác-tơ, tham gia một loạt nội các trước và sau khi xảy ra cuộc đảo chính năm 1851. - 484.

Ba-xti-a (Bastiat), Phrê-đê-rích (1801 - 1850) - nhà kinh tế học tầm thường Pháp, kẻ cuồng nhiệt tán dương chủ nghĩa tư bản. - 856.

Bác-be (Berbès), Ác-măng (1809 - 1870) - nhà cách mạng Pháp, nhà dân chủ tiểu tư sản, một trong những người lãnh đạo. Hội cách mạng bí mật trong thời kỳ Quân chủ tháng Bảy, nhà hoạt động tích cực trong Cách mạng 1848 ở Pháp. - 9.

Bác-nác-đơ (Barnard), Hen-ri Uy-li-am (1799 - 1857) - tướng Anh, trong những năm 1854 - 1855 tham gia cuộc Chiến tranh Crưm; năm 1857, trong thời kỳ có cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc ở Ấn Độ đã chỉ huy các đội quân Anh bao vây Đê-li. - 316, 320 - 324, 332, 333, 335, 349, 352, 386.

Ban-đi-ê-ra (Bandiera), anh em Át-ti-li-ô (1810 - 1844) và Ê-mi-li-ô (1819 - 1844) - các nhà hoạt động trong phong trào giải phóng dân tộc I-ta-li-a, là hội viên của Hội "Nước I-ta-li-a trẻ", là những sĩ quan của hạm đội Áo, bị xử tử vì âm mưu phát động khởi nghĩa ở Ca-la-bri (1844). - 186.

Ban-di-a (Bangya), I-a-nốt (1817 - 1868) - nhà báo và sĩ quan Hung-ga-ri, tham gia cuộc cách mạng năm 1848 - 1849 ở Hung-ga-ri; sau khi cuộc cách mạng thất bại là phái viên của Cô-sút ở nước ngoài, đồng thời là cảnh sát bí mật, về sau với tên gọi Mếch-mét-bây, ông đã chuyển sang phục vụ quân đội Thổ Nhĩ Kỳ và hoạt động như là một điệp viên Thổ Nhĩ Kỳ ở Cáp-ca-dơ (1855 - 1858) trong thời kỳ chiến tranh của người Tréc-kê-xi chống nước Nga. - 214, 558, 589, 595, 686 - 692.

Bao-rinh (Bowring), Giôn (1792 - 1872) - nhà hoạt động chính trị Anh, môn đồ của Ben-tam, người theo phái mật dịch tự do; một quan chức thực dân lớn, lãnh sự ở Quảng Châu (1847 - 1852), trong những năm 1854 - 1857 là tỉnh trưởng, tổng tư lệnh và phó đô đốc Hồng Công, làm cả những chức năng ngoại giao và theo dõi thương mại với Trung Quốc, tạo điều kiện để gây ra cuộc Chiến tranh "nha phiến" lần thứ hai 1856 - 1858 với Trung Quốc. - 135, 176 - 180, 186, 188, 194, 210, 366.

Bau-se-rơ (Bourchier), Gioóc-giơ (1821 - 1898) - sĩ quan Anh, tham gia đàn áp cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc những năm 1857 - 1859 ở Ấn Độ. - 385.

Bây-li (Baillie), Hen-ri Giêm-xơ - một quan chức của Chính phủ Anh, thư ký của Hội đồng kiểm tra các vấn đề Ấn Độ. - 585.

Be-ri-ê (Berryer), Pi-e Ăng-toan (1790 - 1868) - luật sư và nhà hoạt động chính trị Pháp, trong thời kỳ nền Cộng hoà thứ hai là nghị sĩ của Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp, thuộc phái chính thống. - 506, 507, 821.

Béc-na (Bernard), Xi-môn Phrăng-xoa (sinh năm 1817) - nhà hoạt động chính trị Pháp, người theo phái cộng hoà; lưu vong ở Anh; năm 1858 bị Chính phủ Pháp kết tội là kẻ tòng phạm trong vụ Oóc-xi-ni mưu sát Na-pô-lê-ông III, nhưng được Toà án hình sự trung ương Anh tuyên bố trắng án. - 558, 559.

Béc-ti-ê (Berthier), Lu-i A-lếch-xăng-đơ (1753 - 1815) - nguyên soái Pháp, tham mưu

trưởng của quân đội Na-pô-lê-ông I (1799, 1805 - 1807, 1812 - 1814); sau sự sụp đổ của đế chế Na-pô-lê-ông (1814) đã ngả theo phái Buốc-bông. - 496.

Ben-tam (Bentham), Giê-rê-mi (1748 - 1832) - nhà xã hội học tư sản Anh, nhà lý luận của chủ nghĩa vị lợi. - 177.

Bê-đô (Bedeau) Ma-ri An-phông-xơ (1804 - 1863) - tướng Pháp và nhà hoạt động chính trị, một phần tử cộng hoà tư sản ôn hoà; trong thời kỳ nền Cộng hoà thứ hai là phó chủ tịch Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp; sau cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851 đã bị trục xuất; trở về Pháp năm 1859. - 507.

Bê-rinh (Baring), Phren-xít (1796 - 1866) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng Vích, nghị sĩ, những năm 1839 - 1841 là bộ trưởng ngân khố (bộ trưởng tài chính), trong những năm 1849 - 1852 là bộ trưởng hải quân (bộ trưởng hàng hải). - 666.

Bê-ten (Bethell), Ri-sốt, nam tước Oét-xbơ-ri (1800 - 1873) - nhà hoạt động nhà nước Anh, phần tử tự do chủ nghĩa; cố vấn trưởng pháp luật (1852 - 1856), là tổng chủ trương lý (1856 - 1858, 1860 - 1861), là bộ trưởng (1861 - 1865). - 186.

Bết-nan-Hôn-vếch (Bethmann - Hollweg), Mô-rít-xơ Au-gu-xơ (1795 - 1877) - luật gia và nhà hoạt động chính trị Phổ, một trong những thủ lĩnh của phái bảo thủ, thượng nghị sĩ, sau đó - đại biểu trong Hạ nghị viện của Quốc hội Phổ (1849 - 1855), bộ trưởng tôn giáo, giáo dục và y tế (1858 - 1862) - 778, 788.

Bi-xmác (Bismarck), Ốt-tô, Phôn *Suên-hau-đen*, công tước (1815 - 1898) - nhà hoạt động nhà nước Phổ và Đức, đại biểu của giới địa chủ Phổ, đại sứ ở Pê-téc-bua (1859 - 1862) và ở Pa-ri (1862); thủ tướng Phổ (1862 - 1871), thủ tướng của đế quốc Đức (1871 - 1890); thực hiện việc thống nhất nước Đức bằng con đường phản cách mạng, kẻ thù điên cuồng chống phong trào công nhân, tác giả của đạo luật đặc biệt chống những người xã hội chủ nghĩa (1878). - 756.

Blăng-ki (BLanqui), Lu-i Ô-guy-xơ (1805 - 1881), nhà cách mạng Pháp, nhà cộng sản không tưởng, người tổ chức ra nhiều hội bí mật và nhiều vụ âm mưu lật đổ, tham gia tích cực cuộc Cách mạng năm 1830; trong thời kỳ Cách mạng năm 1848 đứng về phía cánh cực tả của phong trào dân chủ và vô sản ở Pháp, nhiều lần bị kết án tù. - 9.

Blếch-xô (Blackstone), Uy-li-am (1723 - 1780) - luật gia Anh, kẻ biện hộ cho chế độ quân chủ lập hiến Anh. - 366.

Boa-ten (Boittelle), Xen-phô-ri-en (sinh khoảng năm 1814) đại tá Pháp; cảnh sát trưởng Pa-ri (1858 - 1866). - 512, 516.

Bô-na-pác-tơ - xem *Na-pô-lê-ông I*.

Bô-na-pác-tơ - xem *Na-pô-lê-ông III*.

Bô-na-pác-tơ, dòng họ - triều đại hoàng đế ở Pháp (1804 - 1814, 1815, 1852 - 1870). - 88, 103, 326, 781, 822.

Bô-na-pác-tơ (Bonaparte), Giê-rôm (1784 - 1860) - em trai Na-pô-lê-ông I, vua xứ Ve-xtơ-pha-li (1807 - 1813). - 485 - 487.

Bô-na-pác-tơ (Bonaparte), Giô-dép Sác-lơ Pôn, hoàng tử Na-pô-lê-ông (1822 - 1891) - con trai của Giê-rôm Bô-na-pác-tơ, anh họ của Na-pô-lê-ông III. - 54, 55, 56, 507.

Bô-nin (Bonin), Ê-đu-a (1793 - 1865) - viên tướng và nhà hoạt động nhà nước Phổ, bộ trưởng chiến tranh (1852 - 1854, 1858 - 1859). - 778, 787.

Bô-tăng - *Bô-prê* (Beautemps - Beaupré), Sác-lơ Phrăng-xoa (1766 - 1854) - kỹ sư thủy văn Pháp. - 120.

Bô-xcơ (Besquet), Pi-e Giô-dép Phrăng-xoa (1810 - 1861) - thống soái Pháp, thuộc phái cộng hòa tư sản, sau này theo phái Bô-na-pác-tơ; tham gia cuộc Chiến tranh Crưm những năm 1853 - 1856. - 496.

Bôn-hêm (Bonham), Xa-mu-en Gioóc-giơ (1803 - 1863) - viên quan lại thực dân người Anh, trong những năm 1847 - 1852 là tỉnh trưởng Hồng Công, thực hiện cả những chức năng ngoại giao và theo dõi công việc thương mại với Trung Quốc. - 137, 211.

Bra-vô Mu-ri-lô (Bravo Murillo), Hoan (1803 - 1873) - nhà hoạt động chính trị Tây Ban Nha, thuộc phái Mô-đê-ra-đốt, đứng đầu Chính phủ (1851 - 1852). - 277.

Brai-tơ (Bright), Giôn (1811 - 1889) - chủ xưởng ở Anh, nhà hoạt động chính trị tư sản, một trong những lãnh tụ của phái mậu dịch tự do và người sáng lập ra Đồng minh chống những đạo luật về ngũ cốc; đầu những năm 60 là thủ lĩnh cánh tả của phái tự do; giữ một loạt địa vị bộ trưởng trong các nội các của đảng tự do. - 205, 215 - 220, 622, 634 - 635, 639, 829.

Bran-đen-buốc (Brandenburg), Phri-đrich Vin-hem, bá tước (1792 - 1850) - tướng Phổ, đứng đầu nội các phản động ở Phổ (1848 - 1850). - 753.

Brau-nơ (Brown), Hăm-phri - nhà kinh doanh Anh, nghị sĩ, một trong những giám đốc của Ngân hàng hoàng gia Anh (1853 - 1856), bị kết án vì các hoạt động bịp bợm. - 71, 251 - 256.

Brít-tôn (Brereton) - một quan chức Anh ở Ấn Độ, uỷ viên của quận Lút-hi-a-na ở bang Pen-giáp (1855). - 346.

Brít-xơ (Briggs), Giôn (1785 - 1875) - tướng Anh, trong những năm 1801 - 1835 phục vụ Công ty Đông Ấn, người theo phái mậu dịch tự do, tác giả và biên dịch một loạt các tác phẩm về Ấn Độ và Ba Tư. - 637.

Brô-phê-ri-ô (Brofferio), Ăng-giê-lô (1802 - 1866) - nhà hoạt động chính trị I-ta-li-a, nhà thơ và nhà chính luận, nghị sĩ của Hạ nghị viện Pi-ê-mông từ năm 1848, thủ lĩnh của phe đối lập dân chủ, người ủng hộ Ga-ri-ban-đi. - 28.

Brôi (Broglie), A-sin Sác-lơ Lê-ông Vích-to, công tước (1785 - 1870) - nhà hoạt động nhà nước Pháp, thủ tướng (1835 - 1836), đại biểu Quốc hội lập pháp (1849 - 1851), theo phái Oóc-lê-ăng, cha của An-be Brôi. - 774, 811.

Brôi (Broglie), An-be, công tước (1821 - 1901) - nhà hoạt động chính trị Pháp, nhà chính luận và nhà sử học, đã cộng tác với tạp chí Thiên chúa giáo "Correspondant", sau này giữ một số chức trong nội các. - 774.

Brum (Broughain), Hen-ri Pi-tơ, nam tước (1778 - 1868) - luật gia và nhà văn Anh, trong những năm 20 - 30 là nhà hoạt động xuất sắc của đảng cấp tiến, thủ tướng (1830 - 1834); là người thúc đẩy việc tiến hành cải cách bầu cử năm 1832. - 500, 629.

Brun (Brune), Ghi-ôm Ma-ri An-nơ (1763 - 1815) - nguyên soái Pháp, tham gia các cuộc hành quân của Na-pô-lê-ông I; năm 1799 chỉ huy các đội quân Pháp ở Hà Lan. - 14.

Bun-vơ-Lít-tôn (Bulwer - Lytton), Êt-uốt Gioóc-giơ Lít-tôn (1803 - 1873) - nhà văn Anh và nhà hoạt động chính trị; là người theo phái tự do trong thời kỳ đầu hoạt động của mình; từ năm 1852 theo phái bảo thủ, nghị sĩ, bộ trưởng các thuộc địa (1858 - 1859). - 622, 651, 653 - 656.

Bun-vơ-Lít-tôn (Bulwer - Lytton), Êt-uốt Rô-bóc (1831 - 1891) - nhà ngoại giao và nhà thơ Anh, phó vương Ấn Độ (1876 - 1880), đại sứ ở Pa-ri (1887 - 1891), con trai của Êt-uốt Gioóc-giơ Lít-tôn Bun-vơ-Lít-tôn. - 651 - 656, 660.

Bun-vơ-Lít-tôn (Bulwer - Lytton), Rô-di-na (1802 - 1882) - nhà văn nữ người Anh chuyên viết tiểu thuyết, vợ của Êt-uốt Gioóc-giơ Lít-tôn Bun-vơ-Lít-tôn. - 651 - 656, 660.

Buốc-bông, triều đại - triều đại vua ở Pháp (1589 - 1792, 1814 - 1815 và 1815 - 1830). - 772.

C

Ca-đau-đan (Codoudal), Gioóc-giơ (1771 - 1804) - nhà hoạt động chính trị Pháp, người theo chủ nghĩa bảo hoàng, tham gia cuộc khởi nghĩa phản cách mạng ở Van-dây năm 1793, lãnh tụ của bọn phiến quân "cú mèo" đã nhiều lần thực hiện những âm mưu làm cuộc khởi nghĩa của phái bảo hoàng ở Pháp, năm 1804 bị xử tử vì tội chuẩn bị đảo chính ở Pa-ri. - 532, 533.

Ca-lon-gơ *Phê-nô-lê* (Colonge y Fenollet), Ê-u-xê-bi-ô (1814 - 1874) - tướng Tây Ban Nha, tham gia các cuộc chiến tranh Các-lốt, đứng về phe nữ hoàng I-da-be-la II, năm 1854 là đại tướng của Pam-plô-na. - 277.

Ca-me-rôn (Cameron), Hu-gơ In-nê-xơ - viên quản trị Ngân hàng hoàng gia Anh (1849 - 1855), bị kết án vì các hoạt động lừa bịp. - 70, 71, 253 - 255.

Ca-ninh (Canning), Gioóc-giơ (1770 - 1827) - nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Anh, một trong những lãnh tụ của đảng To-ri, bộ trưởng ngoại giao (1807 - 1809, 1822 - 1827), thủ tướng (1827). - 500, 697.

Ca-ninh (Canning), Sác-lơ Giôn, từ năm 1859 là bá tước (1812 - 1862) - nhà hoạt động nhà nước Anh, theo phái To-ri, sau đó theo phái Pin, cầm đầu Tổng cục bưu điện (1853 - 1855), - thống đốc Ấn Độ (1856 - 1862), kẻ tổ chức việc đàn áp cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc những năm 1857 - 1859 ở Ấn Độ. - 578, 581, 582, 597, 599, 600, 601.

Ca-pô-đi-xơ-ri, I-ô-an, bá tước (1776 - 1831) - nhà hoạt động nhà nước Hy Lạp, trong những năm 1809 - 1822 phục vụ cho nước Nga, tham gia Đại hội Viên trong những năm 1814 - 1815; là Quốc vụ khanh đệ nhị (bộ trưởng) về các vấn đề ngoại giao ở Nga (1815 - 1822), tổng thống Hy Lạp (1827 - 1831). - 824.

Ca-xlê-ri (Castlereagh), Rô-bốt *Xtiu-át*, tử tước (1769 - 1822) - nhà hoạt động nhà nước của Anh, theo phái To-ri, bộ trưởng về các vấn đề chiến tranh và thuộc địa (1805 - 1806, 1807 - 1809), bộ trưởng ngoại giao (1812 - 1822), đã tự sát. - 75, 195, 529, 829.

Ca-ve-nhắc (Cavaignac), Lu-i Ô-gien (1802 - 1857) - tướng và nhà hoạt động chính trị Pháp, người theo phái cộng hòa tư sản ôn hòa; tham gia cuộc xâm lược An-giê-ri (1831 - 1848), nổi bật bằng những biện pháp dã man khi tiến hành

xâm lược; từ tháng Năm 1848 là bộ trưởng chiến tranh; đã đàn áp tàn khốc cuộc khởi nghĩa tháng Sáu của công nhân Pa-ri; đứng đầu chính phủ (tháng Sáu - tháng Chạp 1848), trong thời kỳ nền Cộng hòa thứ hai và sau cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851 đã đứng về phe đối lập với chính phủ Na-pô-lê-ông III. - 301, 363, 495.

Các-đư-en (Cardwell), Êt-uốt (1813 - 1886) - nhà hoạt động nhà nước Anh, lúc đầu theo đảng To-ri, sau đó là một trong những lãnh tụ của phái Pin, về sau theo đảng tự do, bộ trưởng thương mại (1852 - 1855), bộ trưởng về các vấn đề Ai-rơ-len (1859 - 1861), bộ trưởng thuộc địa (1864 - 1866) và bộ trưởng chiến tranh (1868 - 1874). - 229, 666.

Các-lốt, Đôn (1788 - 1855) - em của Phéc-đi-năng VII, tranh ngôi vua Tây Ban Nha, đứng đầu đảng tăng lữ phong kiến phản động gây ra cuộc Nội chiến Tây Ban Nha (1833 - 1840). - 62, 65.

Các-lơ Dũng cảm (1433 - 1477) - công tước Buốc-gun-đi (1467 - 1477). - 125.

Các-lơ-Lút-vích-I-ô-han (1771 - 1847) - hoàng tử Áo, nguyên soái và nhà văn quân sự, tổng tư lệnh trong các cuộc chiến tranh với Pháp (1796 - 1799, 1805 và 1809), bộ trưởng chiến tranh (1805 - 1809). - 148.

Các-xi, Uy-li-am - xem *Uy-li-am-xơ*, Uy-li-am Phê-nu-ích.

Cam-pơ-hau-den (Camphausen), Liu-đôn-phơ (1803 - 1890) - chủ Ngân hàng Đức, một trong những thủ lĩnh của giai cấp tư sản tự do tỉnh Ranh; vào tháng Ba - tháng Sáu 1848 là thủ tướng Phổ, thi hành chính sách phản động thoả hiệp với phe phản động. - 731, 747, 757, 784, 785, 788.

Can-ma (Kalmar) - người Hung-ga-ri, lưu vong sang Thổ Nhĩ Kỳ. - 688, 692.

Can-rô-béc (Canrobert), Phrăng-xoa Xéc-ten (1809 - 1895) - nguyên soái Pháp, người theo phái Bô-na-pác-tơ, một trong những người tham gia tích cực cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851; trong thời gian Chiến tranh Crim (tháng Chín 1854 - tháng Năm 1855) là Tổng tư lệnh quân đội Pháp ở Crim. - 496.

Can-tơ (Kant), I-ma-nu-en (1724 - 1804) - nhà triết học kiệt xuất Đức, thủy tổ của chủ nghĩa duy tâm Đức hồi cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX. - 787.

Cát-xa-nhắc - xem *Gra-ni-ê-Đờ Cát-xa-nhắc* A-đôn-phơ.

Cát-xơ-lan (Castellane) E-xpri - vích-to Ê-li-da-bét Bô-ni-pha-xơ (1788 - 1862) - nguyên soái Pháp, từ năm 1850 chỉ huy quân đồn trú ở Ly-ông, trong những năm 1859 - 1862 chỉ huy quân khu Ly-ông. - 496, 508.

Cát Tư Hãn (khoảng 1155 - 1227) - một kẻ xâm lược nổi tiếng người Mông Cổ, kẻ lập ra đế chế Mông Cổ. - 611.

Cla-ren-dôn (Clarendon), Gioóc-giơ Uy-li-am Phrê-đê-rích *Vi-li-ê-xơ*, bá tước (1800 - 1870) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng Vích, sau tham gia đảng tự do, làm tổng đốc Ai-rơ-len (1847 - 1852), đàn áp dã man cuộc khởi nghĩa Ai-rơ-len năm 1848; bộ trưởng ngoại giao (1853 - 1858, 1865 - 1866, 1868 - 1870). - 26, 188, 208, 231, 631.

Clác (Clerk hoặc Clark), Gioóc-giơ (1787 - 1867) - nhà hoạt động nhà nước Anh, theo phái To-ri, về sau theo phái Pin, bộ trưởng tài chính (1834 - 1835, 1841 - 1845); thứ trưởng bộ ngoại thương và giám đốc xưởng đúc tiền (1845 - 1846). - 229.

Clai-xơ-Rét-xốp (Kleist - Retzow), Han-xơ Hu-gô (1814 - 1892) - nhà hoạt động chính trị Phổ, đứng đầu cánh cực hữu của đảng bảo thủ, một trong những người sáng lập ra tờ "Neue Preußische Zeitung". - 804.

Clan-ri-các-đơ (Clanricarde), U-lích Giôn Đơ *Biéc-gơ*, hầu tước (1802 - 1874) - nhà ngoại giao và nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng Vích, đại sứ ở Pê-téc-bua (1838 - 1841), thủ thư (1857 - 1858). - 12, 23, 501, 651.

Clây (Clay), Uy-li-am (1791 - 1869) - nhà hoạt động chính trị và nhà chính luận Anh, theo phái Vích, nghị sĩ (1832 - 1857). - 166.

Cmê-ti (Kmetz), Đuyéc-đơ (1810 - 1865) - tướng Thổ Nhĩ Kỳ, người gốc Hung-ga-ri, tham gia cuộc cách mạng 1848 - 1849 ở Hung-ga-ri, sau khi cách mạng bị thất bại sống lưu vong ở Thổ Nhĩ Kỳ, tại đó ông đã nhập quốc tịch Thổ Nhĩ Kỳ; trong thời gian nổ ra cuộc Chiến tranh Crưm đã chỉ huy các đơn vị quân Thổ Nhĩ Kỳ ở vùng Đa-nuýp (1853 - 1854), sau đó ở Cáp-ca-đơ (1854 - 1855). - 475.

Coóc-nu-ô-li-xơ (Cornwalliss), Sác-lơ, hầu tước (1738 - 1805) - nhà hoạt động chính trị phản động người Anh; toàn quyền Anh ở Ấn Độ (1786 - 1793, 1805); sau khi trở thành phó vương Ai-rơ-len (1798 - 1801) đã đàn áp cuộc khởi nghĩa Ai-rơ-len năm 1798. - 598.

Coóc-xa-cốp - xem *Rim-xki* - *Coóc-xa-cốp*, A-lếch-xan-đrơ Mi-khai-lô-vích.

Cô-buốc-gơ, dòng họ - dòng họ công tước ở Đức mà nhiều vương triều ở Bỉ, Bồ Đào Nha, Anh và nhiều nước châu Âu khác đều thuộc về hoặc gắn bó với dòng họ này. - 782.

Cô-drinh-ton (Codrington), Uy-li-am Giôn (1804 - 1884) - tướng Anh, Tổng tư lệnh quân đội Anh ở Crưm (1855 - 1856). - 474.

Cô-nô-li (Conolly), Ác-tua (1807 - 1842) - sĩ quan Anh, năm 1840 là công sứ ở Si-va, bị bắt và bị giết ở Bu-ca-ra. - 739.

Cô-sút (Kossuth), La-li-ốt (Lút-vích) (1802 - 1894) - lãnh tụ của phong trào giải phóng dân tộc Hung-ga-ri, lãnh đạo phái dân chủ tư sản trong cuộc Cách mạng 1848 - 1849, đứng đầu chính phủ cách mạng Hung-ga-ri; sau khi cách mạng thất bại, sống lưu vong ngoại Hung-ga-ri. - 214, 687, 692.

Côn-sa (Concha), Ma-nu-en *Gu-the-re-xơ Đơ La* (1808 - 1874) tướng Tây Ban Nha, thuộc phái Mô-đê-ra-đốt, tham gia vào âm mưu chống Ê-xpác-te-rô năm 1843, một trong những kẻ tổ chức vụ đàn áp cuộc cách mạng tư sản năm 1854 - 1856. - 54, 63.

Côn-xtan-tin Ni-cô-la-ê-vích (1827 - 1892) - đại công tước Nga, con trai thứ hai của Ni-cô-lai I, đô đốc, lãnh đạo ngành hải quân (1853 - 1881) và hạm đội (1855 - 1881), trong những năm 1858 - 1861 là uỷ viên của Tổng ban về vấn đề nông dân, tham gia vào việc chuẩn bị và tiến hành cuộc cải cách nông dân năm 1861, toàn quyền Quốc vương Ba Lan (1862 - 1863) - 726.

Cốp-bét (Cobbett), Uy-li-am (1762 - 1835) - nhà hoạt động chính trị và nhà chính luận người Anh, đại biểu nổi tiếng của phái cấp tiến tiểu tư sản, đã đấu tranh đòi dân chủ hoá chế độ chính trị ở Anh, từ năm 1802 xuất bản tờ "Cobbett's Weekly Political Register". - 13, 19, 367, 531.

Cốp-đen (Cobden), Ri-sốt (1804 - 1865) - chủ xưởng người Anh, nhà hoạt động chính trị tư sản, một trong những thủ lĩnh của phái mật dịch tự do và là nhà sáng lập ra Đồng minh chống những đạo luật về ngũ cốc, nghị sĩ. - 174, 179, 185, 192, 201, 203, 205, 215 - 219, 230, 501.

Cra-xốp (Krassow), Các-lơ Rai-nơ-hôn A-đôn-phơ, bá tước (1812 - 1892) - viên tổng trấn ở Phổ, nghị sĩ quốc hội (1849 - 1850, 1850 - 1851, 1851 - 1852), thuộc cánh hữu thị trưởng ở Stơ-ran-đun-đơ (1852 - 1868). - 793.

Cran-uốc-thơ (Cranworth), Rô-bóc Môn-xi *Rôn-phơ*, nam tước (1790 - 1868) - nhà hoạt động nhà nước và luật sư người Anh, thuộc đảng Vích, đại pháp quan (1852 - 1858, 1865 - 1866). - 174.

Cri-xti-na - xem *Ma-ri-a* - *Cri-xti-na*.

Cu-ơ Xinh (chết năm 1858) - một trong những lãnh tụ của những người khởi nghĩa Au-đơ trong thời kỳ nổ ra cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc những năm 1857 - 1859 ở Ấn Độ. - 394.

Cúc (Cooke), Gioóc-giơ Uyn-grốp (1814 - 1865) - nhà sử học và nhà báo tự do Anh, năm 1857 là phóng viên tờ "Times" ở Trung Quốc. - 696, 699, 769.

D

Da-môi-xki (Zamojski), Vla-di-xláp, bá tước - đại tư bản Ba Lan, tham gia cuộc khởi nghĩa năm 1830 - 1831, sau khi cuộc khởi nghĩa bị đàn áp, là một trong những người lãnh đạo Hội lưu vong quân chủ bảo thủ Ba Lan ở Pa-ri; trong thời kỳ Chiến tranh Crưm định tổ chức quân đoàn lính đánh thuê Ba Lan để tham gia cuộc chiến tranh chống nước Nga. - 596.

Đ

Đa-vít d'Ăng-giơ (Davidd' Angers), Pi-e Giảng (1788 - 1856) - nhà điêu khắc nổi tiếng Pháp, người theo phái cộng hoà cánh tả, tham gia cuộc cách mạng năm 1830 và năm 1848, sau cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851 bị trục xuất khỏi Pháp. - 104.

Đại Mô-gôn, triều đại, - triều đại các hoàng đế Ấn Độ (1526 - 1858). - 151, 304.

Đan-hu-đi (Dalhousie), Giêm-xơ En-đơ-riu *Ram-di*, hầu tước (1812 - 1860) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thống đốc Ấn Độ (1845 - 1856), thực hiện chính sách xâm chiếm các thuộc địa. - 344, 347, 586, 587, 638, 648.

Đan-nơ (Danner), Lu-i-da Cri-xti-na, nữ bá tước (1815 - 1874) - vợ ngoài giá thú của vua Đan Mạch Phrê-đê-rích VII. - 341.

Đạo Quang - hoàng đế Trung Quốc (1821 - 1850). - 225.

Đi-xra-e-li (Disraeli), Ben-gia-min, từ năm 1871 là bá tước *Bi-con-xphin* (1804 -1881) - nhà hoạt động nhà nước và nhà văn Anh, một trong những thủ lĩnh của phái To-ri, vào nửa cuối thế kỷ XIX là thủ lĩnh của đảng bảo thủ; bộ trưởng ngân khố quốc gia (bộ trưởng tài chính) (1852, 1858-1859, 1866 - 1868), thủ

tướng (1868 và 1874 - 1880). - 165, 166, 171 - 173, 184 - 186, 201, 227, 228, 231, 309 - 315, 339, 557, 621, 622, 666.

Đô-xơ - Mô-ham-mét (1793 - 1863) - thủ lĩnh Hồi giáo Áp-ga-ni-xtan (1826-1863). - 157.

Đốt (Dodd), Gioóc-giơ (1808-1881) - nhà chính luận Anh, tác giả của nhiều bài báo và tác phẩm, chủ yếu về vấn đề công nghiệp, cộng tác trong các xuất bản phẩm khác nhau loại tra cứu. - 251.

Đơ-lăng-lơ (Delangle), Clốt An-phông-xơ (1797 - 1869) - luật gia và nhà hoạt động chính trị phản động Pháp, từ năm 1847 đến Cách mạng tháng Hai 1848 là viện trưởng Viện công tố; đại biểu của Toà án đế chế (1852 - 1858), bộ trưởng nội vụ (1858 - 1859). - 506.

Đớc-bi (Derby), Ê-đu-ác Gioóc-giơ Giê-phri Xmit *Xten-li*, bá tước (1799 - 1869) - nhà hoạt động nhà nước Anh, lãnh tụ của đảng To-ri, vào nửa cuối thế kỷ XIX là một trong những lãnh tụ của đảng bảo thủ; thủ tướng (1852, 1858-1859, 1866 - 1868). - 171, 174-175, 184, 188, 194, 229, 448, 449, 499 - 502, 554, 559, 599, 600, 646, 647, 652, 821 - 823, 827, 828.

Đơn-da-xơ (Dundas), Hen-ri (1742 - 1811) - nhà hoạt động nhà nước Anh, công tố viên trưởng ở Xcốt-len (1775 - 1783), bộ trưởng nội vụ (1791 - 1794), chủ tịch Hội đồng kiểm tra về các vấn đề Ấn Độ (1793 - 1801), bộ trưởng chiến tranh (1794 - 1801), trong những năm 1804 - 1805 là bộ trưởng hàng hải. - 13.

Đun-xơ-i-Ga-rai (Dulce y Ga - ray), Đô-min-gô, hầu tước (1806 - 1869) - tướng Tây Ban Nha, gia nhập phái Mô-đê-ra-đốt; lãnh đạo cuộc binh biến năm 1854 ở Ma-đrít, mở đầu cuộc cách mạng tư sản những năm 1854 - 1856, năm 1856 đã đàn áp các cuộc đấu tranh cách mạng của quần chúng. - 63.

Đuy-panh (Dupin), Ăng-đrê Ma-ri Giảng Giắc (1783 - 1865) luật gia và nhà hoạt động chính trị Pháp, người theo phái Oóc-lê-ăng, nghị sĩ Quốc hội lập hiến (1848 - 1849) và chủ tịch Quốc hội lập pháp (1849 - 1851), về sau theo phái Bô-na-pác-tơ. - 772.

Đuy-rô Đơ La Man-lơ (Dureau de La Malle), A-đôn-phơ Giuy-lơ Xê-da Ô-guy-xơ (1777 - 1857) - nhà thơ và nhà sử học Pháp. - 522.

E

- E Min-sê-nơ* (chết khoảng năm 1858) - nhà hoạt động nhà nước Trung Quốc, tỉnh trưởng tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây (1852 - 1857). - 134 - 137, 188, 210, 211, 767.
- En-ghin* (Elgin), Giêm-xơ *Bru-xơ*, bá tước (1811 - 1863) - nhà ngoại giao Anh, trong những năm 1857 - 1858 và 1860 - 1861 được cử đến Trung Quốc với tư cách đại diện toàn quyền, phó vương Ấn Độ (1862 - 1863). - 298, 769.
- En-li-xơ* (Ellis), Hen-ri (1777 - 1855) - nhà ngoại giao Anh, công sứ (1814 - 1915), sau đó là đại sứ ở Tê-hê-ran (1835 - 1836). - 156.
- En-xơ* (Elsner), Các Phri-đrich Mô-rít-xơ (1809 - 1894) - nhà hoạt động chính trị và nhà chính luận Xi-lê-đơ, người theo phái cấp tiến, năm 1848 nghị sĩ Quốc hội Phổ, thuộc cánh tả, trong những năm 50 là một trong những biên tập viên của tờ "Neue Oder - Zeitung". - 802.
- Ê-ca-tê-ri-na II* (1729 - 1796) - nữ hoàng Nga (1762 - 1796). - 132, 197, 754, 834.
- Ê-len-bô-rô* (Ellenborough), Êt-uốt Lô, nam tước (1750 - 1818), luật gia người Anh, theo đảng Vích, sau đó theo đảng To-ri, tổng trưởng lý (1801 - 1802), chánh án toà án hoàng gia (1802 - 1818). - 536.
- Ê-len-bô-rô* (Ellenborough), Êt-uốt Lô, bá tước (1790 - 1871), nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng To-ri, nghị sĩ toàn quyền ở Ấn Độ (1842 - 1844), năm 1846 bộ trưởng hải quân (bộ trưởng hàng hải), chủ tịch Hội đồng kiểm tra các vấn đề Ấn Độ (1858), con trai của nam tước Ê-len-bô-rô. - 324, 501, 578, 582, 600, 649.
- Ê-li-da-bét* (1801-1873) - nữ hoàng Phổ, vợ của Phri-đrich Vin-hem IV. - 732 - 735, 746, 751, 780, 805, 816 - 818.
- Ê-li-ôt* (Elliot), Uy-li-am - nhà hoạt động chính trị Anh, nghị sĩ (1802). - 529.
- Ê-ling-tơn* (Eglinton), Ác-si-ban-đơ Uy-li-am Mông-tơ-gô-mê-ri, bá tước (1812 - 1861) - nhà hoạt động nhà nước Anh, theo phái To-ri, toàn quyền ở Ai-rơ-len (1852, 1858 - 1859). - 828, 831.
- Ê-mê-ri-ô* (Emeriau), Mô-ri-xơ Giuy-liêng (1762 - 1845) - đô đốc Pháp, chỉ huy hải đoàn Địa Trung Hải (1811 - 1814). - 119.
- Ê-sbôc-hêm* (Ashburnham), Tô-mát (1807 - 1872) - tướng Anh, năm 1857 được cử cầm đầu đội quân viễn chinh ở Trung Quốc; ông ta được triệu hồi trở lại Ấn Độ do cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc Ấn Độ đã bắt đầu. - 298.
- Ê-van-xơ* (Evans), Gioóc-giơ Đơ Lây-xi (1787 - 1870) - tướng Anh, tham gia cuộc Chiến

- tranh Crutn, nhà hoạt động chính trị theo phái tự do, nghị sĩ. - 332, 337, 338, 518.
- Ê-xô-xu-ra-i - Mô-rô-gơ* (Escosura y Morogh), Pa-tơ-ri-xi-ô Đơ La (1807 - 1878) - nhà văn và nhà hoạt động nhà nước Tây Ban Nha, năm 1856 là bộ trưởng nội vụ trong Nội các Ê-xpác-te-rô. - 57.
- Ê-xpác-te-rô* (Espartero), Ban-đô-me-rô, công tước *Vích-tô-ri-a* (1793 - 1879) - nhà hoạt động chính trị và tướng Tây Ban Nha, thủ lĩnh đảng tiến bộ, nhiếp chính ở Tây Ban Nha (1841 - 1843), đứng đầu chính phủ (1854 - 1856). - 54, 56 - 63, 67, 276.
- Ê-xpi-nắc* (Espinasse), Sác-lơ Ma-ri Êt-pri (1815 - 1859) - tướng Pháp, theo phái Bô-na-pác-tơ, một trong những kẻ tham gia tích cực cuộc chính biến ngày 2 tháng Chạp 1854; năm 1854 đã cầm đầu cuộc viễn chinh ở Đô-brút-gia, năm 1855 tham gia cuộc Chiến tranh Crutn; là bộ trưởng nội vụ và an ninh xã hội (1858), đã thiết lập chế độ khủng bố. - 494, 509, 514, 518, 539, 602.

G

- Gác-nét* (Garnett), I-ê-rô-mi-a (1793 - 1870) - nhà báo Anh, một trong những người sáng lập báo "Manchester Guardian", từ năm 1844 đến năm 1861 là tổng biên tập của báo này. - 218.
- Gác-ni-ê-Pa-giê-xơ* (Garnier - Pagès), Lu-i Ăng-toan (1803 - 1878) - nhà hoạt động chính trị Pháp, theo phái cộng hoà tư sản ôn hoà, năm 1848 thành viên của chính phủ lâm thời. - 311.
- Gác-ni-ê-Pa-giê-xơ* (Garnier - Pagès), Ê-chiên Giô-dép Lu-i (1801 - 1841) - nhà hoạt động chính trị Pháp, nhà dân chủ tư sản, lãnh đạo phe đối lập cộng hoà sau cuộc cách mạng 1830, nghị sĩ hạ nghị viện (1831 - 1834, 1835 - 1841). - 311.
- Ghéc-la-khơ* (Gerlach), Lê-ô-pôn - (1790 - 1861) - tướng Phổ, trong những năm 40 đứng đầu bọn quân thần phản động; năm 1850 là tướng tùy tùng của vua Phri-đrich - Vin-hem IV. - 753, 779.
- Ghê-oóc - Vin-hem* (1595 - 1640) - công tước Bran-đen-buốc (1619 - 1640). - 130.
- Ghi-đô* (Guizot), Phrăng-xoa Pi-e Ghi-ôm (1787-1874) - nhà sử học tư sản và nhà hoạt

động nhà nước Pháp, từ năm 1840 đến cuộc Cách mạng tháng Hai 1848 đã thực sự chỉ đạo chính sách đối nội và đối ngoại của nước Pháp, thể hiện lợi ích của giai cấp đại tư sản tài chính. - 41, 497, 511.

Ghi-dơ, công tước - xem *Hen-rich II Lo-ren-xơ*.

Ghíp-bôn (Gibbon), Ê-đu-a (1737-1794) - nhà sử học tư sản Anh, tác giả của tác phẩm nhiều tập "Lịch sử sự suy đồi và sụp đổ của Đế chế La Mã". - 310.

Ghíp-xơn (Gibson), Tô-mát Min-nơ (1806 - 1884) - nhà hoạt động chính trị Anh, một trong những thủ lĩnh của những người theo phái mật dịch tự do, về sau theo phái tự do, bộ trưởng ngoại thương (1859 - 1865, 1865 - 1866). - 205, 215 - 218, 502.

Gi-rác-đanh (Girardin), Ê-min Đờ (1806-1881) - nhà chính luận tư sản và nhà hoạt động chính trị Pháp, là tổng biên tập báo "Presse" trong những năm 30 - 60, với những thời kỳ gián đoạn, có đặc điểm là cực kỳ vô nguyên tắc trong chính trị. - 99.

Già-cốp I (1566 - 1625) - vua Anh (1603 - 1625). - 757.

Già-cốp II (1633 - 1701) - vua Anh (1685 - 1688). - 530, 757.

Giăng-Ba-kha-đua (1816 - 1877) - quốc vương Nê-pan từ năm 1846, trong thời kỳ nổ ra cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc những năm 1857 - 1859 ở Ấn Độ đã đứng về phía người Anh; tham gia đàn áp cuộc khởi nghĩa. - 374, 545.

Giây-cốp (Jacob), Gioóc-giơ Lơ Grăng-đơ (1805 - 1881) - đại tá Anh, sau này là tướng, năm 1857 tham gia cuộc chiến tranh Anh - Ba Tư và đàn áp cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc những năm 1857 - 1859 ở Ấn Độ. - 337.

Giê-rôm - xem *Bô-na-pác-tơ*, Giê-rôm.

Giê-rôm Na-pô-lê-ông - xem *Bô-na-pác-tơ* Giê-rôm.

Giêm-xơ (James), Êt-vin Giôn (1812 - 1882) - luật sư Anh, nghị sĩ, đã bào chữa cho Béc-na. - 559.

Gioóc-giơ IV (1762 - 1830) - hoàng tử nhiếp chính (1811 - 1820), - vua Anh (1820 - 1830). - 23, 751.

Gioóc-giơ III (1738 - 1820) - vua Anh (1760 - 1820).

Giôn-xơ (Jones), Giôn (1811 - 1878) - sĩ quan Anh, đã chỉ huy một lữ đoàn trong thời kỳ đàn áp cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc những năm 1857 - 1859 ở Ấn Độ. - 17, 731.

Giôn-xơ (Jones), Giôn (1811 - 1878) - sĩ quan Anh, đã chỉ huy lữ đoàn trong thời kỳ cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc 1857 - 1859 ở Ấn Độ bị đàn áp. - 641.

Giôn-xơ (Jones), Hác-phoóc-đơ *Brai-giéc* (1764 - 1847) - nhà ngoại giao Anh, công sứ ở Tê-hê-ran (1807 - 1811). - 96.

Giôn-xton (Johnstone), En-đriu Giêm-xơ Coóc-rây-nơ (sinh năm 1767) - đại tá Anh, thống đốc đảo Đô-mi-ni-ca (1797 - 1803). - 13 - 17.

Glát-xtôn (Gladstone), Uy-li-am I-u-át (1809 - 1898) - nhà hoạt động nhà nước Anh, theo phái To-ri, sau đó theo phái Pin, nửa cuối thế kỷ XIX là thủ lĩnh của đảng tự do; bộ trưởng ngân khố quốc gia (bộ trưởng tài chính) (1852 - 1855, 1859 - 1866) và thủ tướng (1868 - 1874, 1880 - 1885, 1886, 1892 - 1894). - 165, 166, 169 - 173, 186, 188, 201, 230, 231, 666, 820, 821.

Glin (Glyn), Gioóc-giơ Gren-phen (1824 - 1887) - chủ ngân hàng ở Anh, người theo phái tự do, nghị sĩ, bộ trưởng tài chính (1868 - 1873). - 565.

Go-đu-nốp Bô-ri-xơ (khoảng 1551 - 1605) - Nga hoàng (1598 - 1605). - 883.

Goóc-tra-cốp, Mi-kha-in Đmi-tờ-ri-ê-vích, quận công (1793 - 1861) - tướng Nga, chỉ huy các đội quân ở vùng Đa-nuýp (1853 - 1854), tổng chỉ huy quân đội ở Crưm (tháng Hai - tháng Chạp 1855), toàn quyền Vương quốc Ba Lan (1856 - 1861). - 247.

Goóc-đôn (Gordon), A-lếch-xan-đơ - đại tá Anh, con trai của huân tước A-bóc-đin. - 15 - 16.

Goóc-đôn (Gordon) Ác-tua Sác-lơ Ha-min-tơn (1829 - 1912) - nhà hoạt động nhà nước Anh, theo phái Pin, về sau theo phái tự do, nghị sĩ (1854 - 1857), từ năm 1861 đến năm 1890 là toàn quyền ở các thuộc địa khác nhau ở Anh, con trai của huân tước A-bóc-đin. - 229.

Goóc-đôn (Gordon), Giêm-xơ Uyn-lốp-bi (1773 - 1851) - đại tá Anh, trong những năm 1804 - 1809 làm bí thư quân vụ của công tước I-oóc. - 15 - 16.

Goóc-đôn (Gordon), Giôn - thiếu tá Anh, năm 1801 phục vụ trong các đội quân trên đảo Đô-mi-ni-ca. - 15 - 16.

Goóc-đôn (Gordon), Rô-bóc (1791 - 1847) - nhà ngoại giao Anh, đại sứ đặc mệnh ở Công-xtăng-ti-nô-plơ (1828 - 1831), ở Viên (1841 - 1846). - 15 - 16.

Gơ-tơ (Goethe), I-ô-han Vôn-phơ-găng (1749 - 1832) - nhà văn và nhà tư tưởng vĩ đại Đức. - 746, 781, 782.

Gra-ni-ê Đơ Cát-xa-nhắc (Granier de Cassagnac), A-đôn-phơ (1806 - 1880) - nhà báo

Pháp, nhà chính trị vô nguyên tắc, trước cuộc Cách mạng 1848 theo phái Oóc-lê-ăng, sau đó theo phái Bô-na-pác-tơ, đại biểu Hội đồng lập pháp (1852 - 1870), giữ lập trường cực hữu; cộng tác cho báo "Constitutionnel". - 497.

Gran-tơ (Grant), Giêm-xơ Hau-pơ (1808 - 1875) - viên tướng Anh, trong những năm 1840 - 1842 đã tham gia cuộc Chiến tranh "nha phiến" lần thứ nhất chống Trung Quốc và trong các cuộc chiến tranh Anh - Xích (1845 - 1846, 1848-1849); đã tham gia đàn áp cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc những năm 1857 - 1859 ở Ấn Độ. - 480, 545, 549, 642, 707.

Gran-vin (Granville), Gioóc-giơ *Lu-xơn - Gô-e-rơ*, bá tước (1815 - 1891) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng Vích, về sau là một trong những lãnh tụ của đảng tự do, bộ trưởng ngoại giao (1851 - 1852, 1870 - 1874, 1880 - 1885), chủ tịch Hội đồng cơ mật (1852 - 1854, 1855 - 1858, 1859 - 1866), bộ trưởng thuộc địa (1868 - 1870, 1886). - 188, 307.

Grây (Grey), Hen-ri Gioóc-giơ, bá tước (1802 - 1894) - nhà hoạt động nhà nước Anh, theo phái Vích, bộ trưởng quân sự (1835 - 1838) và bộ trưởng quốc phòng và thuộc địa (1846 - 1852), - con trai của Sác-lơ Grây. - 180, 187, 622, 627, 631, 824.

Grây (Grey), Sác-lơ, bá tước (1764 - 1845) - nhà hoạt động nhà nước Anh, một trong những thủ lĩnh của phái Vích, thủ tướng (1830 - 1834). - 499.

Gren-vin (Grenville), Uy-li-am, nam tước (1759 - 1834) - nhà hoạt động nhà nước Anh, theo đảng To-ri, sau đó theo đảng Vích, bộ trưởng ngoại giao (1791 - 1801), thủ tướng (1806 - 1807). - 17, 529, 535.

Grê-hêm (Graham), Giêm-xơ Rô-bốt Gioóc-giơ (1792 - 1861) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng Vích, sau đó theo phái Pin, bộ trưởng nội vụ (1841 - 1846), bộ trưởng hải quân (bộ trưởng hàng hải) (1830 - 1834, 1852 - 1855). - 186, 201 - 205, 229, 230.

Grot-xi (Grotius), Hu-gô (1583 - 1645) - học giả và luật gia Hà Lan, một trong những nhà sáng lập học thuyết tư sản về quyền tự nhiên. - 291.

Gu-rê-a (Gurrea), I-gơ-na-xi-ô - tướng Tây Ban Nha, người theo phái tiến bộ. - 58.

Gu-xtáp II A-đôn-phơ (1594 - 1632) - vua Thụy Điển (1611 - 1632). - 130.

H

Ha-vơ-lốc (Havelock), Hen-ri (1795 - 1857) - tướng Anh, tham gia cuộc chiến tranh Anh - Ấp-ga-ni-xtan lần thứ nhất (1838 - 1842) và cuộc chiến tranh Anh -

Xích lần thứ nhất (1845 - 1846), năm 1857 tham gia đàn áp cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc ở Ấn Độ. - 355, 356, 374, 379, 382, 383, 388, 413, 443, 445, 612, 644.

Hác-côt (Harcourt), Phren-xít Véc-nôn - nhà hoạt động chính trị Anh, theo phái Pin, nghị sĩ. - 229.

Hác-dinh (Hardinge), Hen-ri, tử tước (1785 - 1856) - nhà hoạt động chính trị và nguyên soái người Anh, theo phái To-ri, toàn quyền Ấn Độ (1844 - tháng Giêng 1848), tổng chỉ huy quân đội Anh (1852 - 1856). - 587.

Hác-vi (Hervey), An-phrết - nhà hoạt động chính trị Anh, theo phái Pin, nghị sĩ. - 229.

Hai-nơ (Heine), Hen-rích (1797 - 1856) - nhà thơ cách mạng vĩ đại Đức. - 58.

Ham-môn-đơ (Hammond), Ết-num-đơ (1802 - 1890) - nhà ngoại giao Anh, thứ trưởng bộ ngoại giao (1854 - 1873). - 188.

Hàm Phong (khoảng 1831 - 1861) - hoàng đế Trung Quốc (1850 - 1861). - 683.

Han-dơ-man (Hansemann), Đa-vít (1790 - 1864) - đại tư bản Đức, một trong những thủ lĩnh của giai cấp tư sản tự do tỉnh Ranh, tháng Ba - tháng Chín 1848 bộ trưởng tài chính Phổ, tiến hành chính sách phản bội thoả hiệp với thế lực phản động. - 785, 786.

Hát-sơn (Hudson), Gioóc-giơ (1800 - 1871) - chủ xí nghiệp Anh, chủ sở hữu lớn nhất các đường sắt, theo phái To-ri, nghị sĩ. - 251, 786.

Hau-phơ (Hauff), Vin-hem (1802 - 1827) - nhà văn lãng mạn Đức. - 730.

Hau-xbơ-ri (Hawkesbury), Rô-bốt Ban-cơ *Giên-kin-xơn* (1770 - 1828) - nhà hoạt động chính trị Anh, theo phái To-ri, bộ trưởng ngoại giao (1801 - 1803, 1809), bộ trưởng nội vụ (1804 - 1806, 1807 - 1809), thủ tướng (1812 - 1827). - 530 - 535.

Hăng-ri V - xem *Săm-bo*, Hăng-ri Sác-lơ.

Hây-tơ (Heydt), Au-gu-xơ, nam tước Phôn Đơ (1801 - 1874) - nhà hoạt động nhà nước tư sản Phổ; bộ trưởng thương mại, công nghiệp và các công tác xã hội (tháng Chạp 1848 - 1862). - 779, 788, 789.

Héc-bốt (Herbert), Xít-ni (1810 - 1861) - nhà hoạt động nhà nước Anh, trong thời kỳ đầu hoạt động theo phái To-ri, sau đó theo phái Pin, bộ trưởng hải quân

- (1841 - 1845), bộ trưởng quân vụ (1845 - 1846 và 1852 - 1855) và bộ trưởng chiến tranh (1859 - 1860). - 186, 230.
- Hen-li* (Henley), Giô-dép Uốc-nơ (1793 - 1884) - nhà hoạt động nhà nước Anh, người theo phái To-ri, bộ trưởng thương mại (1852, 1858 - 1859). - 769.
- Hen-rích II Lo-ren-nơ*, công tước *Ghi-dơ* (1614 - 1664) - một trong những nhà hoạt động của phong trào Phrôn-đa ở Pháp - 39.
- Heng-xten-bếch* (Hengstenberg), Êc-nơ-xơ Vin-hem (1802 - 1869) - nhà thần học Đức, là kẻ phản động, giáo sư Trường tổng hợp Béc-lin. - 849.
- Hê-ghen* (Hegel), Giôóc-giơ Vin-hem Phri-đrich (1770 - 1831) - đại biểu lớn nhất của triết học cổ điển Đức, người theo chủ nghĩa duy tâm khách quan, người đã nghiên cứu một cách toàn diện nhất phép biện chứng duy tâm. - 848, 877, 879.
- Hiu-uyt* (Hewitt) - tướng Anh, năm 1857 đã chỉ huy quân đồn trú ở Mi-rút trong thời kỳ xảy ra cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc. - 380.
- Hoóc-nơ* (Horner), Lê-ô-nác (1785 - 1864) - nhà địa chất học và nhà hoạt động xã hội Anh, thanh tra công xưởng (1833 - 1856), người bảo vệ quyền lợi của công nhân. - 235.
- Hoóc-ten-xơ Bô-hác-ne* (1783 - 1837) - mẹ của Na-pô-lê-ông III, vợ của vua Hà Lan Lu-i Bô-na-pác tơ. - 528, 746.
- Hô-hen-txô-léc, triều đại* - triều đại của hầu đế Bran-đen-buốc (1415 - 1701), các vua Phổ (1701 - 1918), các hoàng đế Đức (1871 - 1918). - 124, 128 - 132, 746, 751, 753, 760, 782, 805.
- Hô-hen-txô-léc - Dích-ma-rin-ghen* (Hohenzollern - Sigma-ringen), Các-lơ-An-tôn, hoàng tử (1811 - 1885) - tướng Phổ, thủ tướng (1858 - 1862). - 778, 781.
- Hốc-gơ* (Hogg), Giêm-xơ Uya (1790 - 1876) - nhà hoạt động chính trị Anh, người theo phái To-ri, sau đó theo phái Pin, nghị sĩ nghị viện, trong những năm 1846 - 1847 và 1852 - 1853 chủ tịch Hội đồng chấp chính của Công ty Đông Ấn; thành viên của Hội đồng Ấn Độ (1858 - 1872). - 208, 229.
- Hôn-ca-rơ*, Tu-ca-gi (sinh khoảng năm 1836) - quận công Ma-rát-xki của công quốc Hin-đua của Ấn Độ, trong thời kỳ xảy ra cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc những năm 1857 - 1859, ở Ấn Độ, đã đứng về phía người Anh. - 377.
- Hôn-mơ-xơ* (Holmes), Giôn (1808 - 1878) - đại tá Anh, về sau là tướng, tham gia cuộc chiến tranh Anh - Áp-ga-ni-xtan lần thứ nhất (1838 - 1842) và tham gia đàn

- áp cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc những năm 1857 - 1859 ở Ấn Độ. - 709.
- Hốt-txơ* (Hotze), Phri-đrich (1739 - 1799) - nguyên soái Áo. - 145.
- Hơn-tơ* (Hunt), Phri-mên (1804 - 1858) - nhà chính luận Mỹ, người xuất bản tạp chí "Merchant's Magazine and Commercial Review". - 678.
- Huy-gô* (Hugo) Vích-to (1802 - 1885) - nhà văn vĩ đại Pháp. - 528.

I

- I-a-cô-bi* (Jacobi), Các-lơ Vi-gan-đơ Mác-xi-mi-liêng (1775 - 1858) - bác sĩ khoa tâm thần Đức. - 731.
- I-a-cô-bi* (Jacoby), I-ô-han (1805 - 1877) - nhà hoạt động chính trị và nhà chính luận Đức, nhà dân chủ tư sản, năm 1848 là một trong những thủ lĩnh của cánh tả trong Quốc hội Phổ, năm 1849 nghị sĩ hạ nghị viện, thuộc cánh cực tả; trong những năm 70 gia nhập với những nhà dân chủ xã hội. - 756, 802.
- I-ăng* (Young), Giôn (1807 - 1876) - nhà hoạt động nhà nước Anh, theo phái To-ri, tổng thư ký về các vấn đề Ai-rơ-len (1852 - 1855), cao uỷ tại quần đảo I-ô-niêng (1855 - 1859). - 820, 823.
- I-da-be-la II* (1830 - 1904) - nữ hoàng Tây Ban Nha (1833 - 1868). - 54, 65, 67.
- I-en* (Hyenne) - sĩ quan Pháp, được nổi tiếng nhờ trận đấu súng với nhà báo Pháp Hăng-ri Pe-nơ (1858). - 604.
- I-oóc* (York), Phrê-đê-rích - Au-gu-xơ, công tước (1763 - 1827) - con trai thứ hai của vua Anh Giôóc-giơ III, từ năm 1795 là nguyên soái; tổng tư lệnh quân đội Anh (1798 - 1809, 1811 - 1827). - 12 - 23, 751.
- I-ô-a-sim I Nê-xô-rơ* (1484 - 1535) - tuyền hầu Bran-đen-buốc (1499 - 1535). - 128, 130.
- I-ô-a-sim II Hếch-to* (1505 - 1571) - tuyền hầu Bran-đen-buốc (1535 - 1571). - 128, 130.
- I-ô-a-sim Phri-đrich* (1546 - 1608) - tuyền hầu Bran-đen-buốc (1598 - 1608). - 130.
- I-ô-han-Xi-ghi-dơ-mun-đơ* (1572 - 1619) - tuyền hầu Bran-đen-buốc (1608 - 1619). - 130.

- I-ô-han Xi-xê-rôn* (1455 - 1499) - tuyền hầu Bran-đen-buốc (1486 - 1499). - 127.
- I-xma-in I* (1487 - 1524) - vua Ba Tư (1502 - 1524) - người lập ra triều đại Xê-phê-vít (1502 - 1736). - 151.
- I-xma-in-pa-sa* - tướng Thổ Nhĩ Kỳ, gốc người Tréc-kê-xi, chiến đấu chống nước Nga ở Tréc-kê-xi. - 596.
- In-gli-xơ* (Inglis), Giôn Éc-li Uyn-mốt (1814 - 1862) - tướng Anh, tham gia đàn áp cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc những năm 1857 - 1859 ở Ấn Độ. - 460, 461, 464 - 466.
- In-phan-tơ* (Infante), Pha-cun-đơ (1786 - 1873) - tướng Tây Ban Nha, người theo phái tiến bộ, chủ tịch nghị viện (1854 - 1856), bộ trưởng chiến tranh và hàng hải (1860 - 1863, 1865 - 1868). - 57.

K

- Kéc-nơ* (Kern), Giô-han Côn-rát (1808 - 1888) - nhà hoạt động chính trị và nhà ngoại giao Thụy Sĩ, đại sứ ở Pa-ri (1857 - 1883). - 512.
- Kem-pơ-ben* (Campbell) - sĩ quan người Anh, tham gia đàn áp cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc những năm 1857 - 1859 ở Ấn Độ. - 548, 549.
- Kem-pơ-ben* (Campbell), Cô-lin, nam tước *Clai-đơ* (1792 - 1863) - tướng Anh, sau này là nguyên soái, tham gia vào cuộc Chiến tranh lần thứ hai Anh - Xích (1848 - 1849) và cuộc Chiến tranh Crưm năm 1854 - 1855; tổng tư lệnh quân đội Anh trong thời kỳ xảy ra cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc ở Ấn Độ. - 390, 442 - 445, 446, 458, 460, 467, 474, 475, 476, 478, 480, 543 - 547, 550, 576 - 579, 607, 610 - 613, 640 - 644, 707.
- Kem-pơ-ben* (Campbell), Giôóc-giơ (1824 - 1892) - một quan chức thuộc địa người Anh ở Ấn Độ (1843 - 1874 có những thời kỳ gián đoạn), về sau là nghị sĩ (1875 - 1892), theo phái tự do; tác giả của một số tác phẩm về Ấn Độ. - 638.
- Kê-ri* (Carey), Hen-ri Sác-lơ (1793 - 1879) - nhà kinh tế tư sản tầm thường Mỹ, kẻ biện hộ cho chủ nghĩa tư bản, tác giả của học thuyết phản động hoà hợp lợi ích giai cấp trong xã hội tư bản. - 856, 857.
- Kiéc-sman* (Kirchmann), I-u-li-út (1802 - 1884) - luật gia và nhà triết học Đức, người

theo phái cấp tiến; năm 1848 đại biểu cho Quốc hội Phổ, thuộc trung tâm cánh tả. - 756.

King (King), Pi-tơ Giôn Lốc (1811 - 1885) nhà hoạt động chính trị Anh, người theo phái cấp tiến tư sản, về sau theo phái tự do, nghị sĩ. - 622.

L

- La-bu-se-rơ* (Labouchere), Hen-ri (1798 - 1869) - nhà hoạt động nhà nước Anh, theo phái Vích; bộ trưởng thương mại (1839 - 1841, 1847 - 1852), bộ trưởng thuộc địa (1855 - 1858). - 193.
- La-pin-xki* (Lapinski), Tê-ô-phin (1827 - 1886) - đại tá Ba Lan, tham gia cuộc cách mạng 1848 - 1849 ở Hung-ga-ri, chuyển sang phục vụ quân đội Thổ Nhĩ Kỳ với tên gọi Tếp-phích-bây, đã chiến đấu chống nước Nga ở Tréc-kê-xi (1857 - 1858). - 687 - 693.
- La-sinh-tơn* (Lushington), Sác-lơ Man-néc-xơ - nhà hoạt động chính trị Anh, theo phái Pin, nghị sĩ (1854 - 1857). - 229.
- Lâm Duy Hối* (1758 - 1850) - nhà hoạt động nhà nước Trung Quốc, năm 1839 được cử làm tỉnh trưởng tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây, và là uỷ viên đặc nhiệm về đấu tranh chống tệ buôn bán nha phiến. - 683.
- Lan xcôi*, Xéc-gây Xtê-pa-nô-vích, bá tước (1787 - 1862) - nhà hoạt động nhà nước Nga, theo phái bảo thủ, bộ trưởng nội vụ (1855 - 1861), tham gia cuộc cải cách nông dân năm 1861, - 840.
- Lan-xdao-nơ* (Lansdowne), Hen-ri *Pét-ti-phi-sơ-mô-rít*, hầu tước (1780 - 1863) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng Vích, năm 1806 - 1807 là bộ trưởng ngân khố quốc gia (bộ trưởng tài chính), chủ tịch Hội đồng cơ mật (1830 - 1841, 1846 - 1852), bộ trưởng không bộ (1852 - 1863). - 12, 17, 23.
- Lâu* (Lowe), Rô-bóc (1811 - 1892) - nhà hoạt động nhà nước và nhà chính luận người Anh, cộng tác viên báo "Times", theo phái Vích, về sau theo phái tự do, thủ trưởng thương mại (1855 - 1858), bộ trưởng ngân khố quốc gia (bộ trưởng tài chính) (1868 - 1873), bộ trưởng nội vụ (1873 - 1874). - 193, 216.
- Lây-xi Ê-van-xơ* xem *Ê van-xơ* Giôóc-giơ đơ *Lây-xi*.

Lê-lê-ven (Lelewel), I-ô-a-khim (1786 - 1861) - nhà sử học xuất sắc Ba Lan và nhà hoạt động cách mạng, tham gia cuộc khởi nghĩa Ba Lan 1830 - 1831, một trong những lãnh tụ của cánh dân chủ lưu vong Ba Lan. - 522.

Lê-ô-pôn I (1640 - 1705) - hoàng đế của cái gọi là Đế chế La Mã thần thánh (1657 - 1705). - 131.

Li-bích (Liebig), I-u-xtút (1803 - 1873) - nhà bác học kiệt xuất Đức, một trong những người sáng lập ra ngành nông hoá học. - 271.

Li-xtơ (Lister), Xa-muy-en *Can-li-phơ* (1815 - 1906) - nhà kinh doanh công nghiệp và nhà sáng chế người Anh. - 244.

Linh-huê-xtơ (Lyndhurst), Giôn Xinh-lơ-tôn *Cốp-li*, nam tước (1772 - 1863) - nhà hoạt động nhà nước Anh, luật gia, người theo phái To-ri, thủ tướng (1827 - 1830, 1834 - 1835, 1841 - 1846). - 174, 175, 178, 179.

Lít-xơ (Leeds), Tô-mát *Ô-xbớc-nơ*, từ năm 1689 là hầu tước *Các-mác-ten*, từ năm 1694 là công tước (1631 - 1712) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thủ tướng (1674 - 1679 và 1690 - 1695); năm 1695 bị nghị viện quy tội ăn hối lộ. - 646.

Lô (Law), Giôn (1671 - 1729) - nhà kinh tế học tư sản và nhà tài chính Anh, bộ trưởng tài chính ở Pháp (1719 - 1720), nổi tiếng về hoạt động đầu cơ phát hành tiền giấy, kết thúc bằng một sự phá sản lớn. - 40, 47, 52, 370.

Lô-ren-xơ (Lawrence), - sĩ quan Anh ở Ấn Độ. - 231.

Lô-ren-xơ (Lawrence), Cióc-giơ *Xen-pa-tơ-ních* (1804 - 1884) - tướng Anh, tham gia đàn áp cuộc cuộc nghĩa giải phóng dân tộc những năm 1857 - 1859 ở Ấn Độ, thống sứ ở Rát-pu-ta-na (1857 - 1864). - 394.

Lô-ren-xơ (Lawrence), Giôn Lê-ác-đơ Mê-ác (1811 - 1879) - một quan chức quan trọng trong bộ máy cai trị thuộc địa của Anh, cao uỷ ở Pen-giáp (1853 - 1857), phó vương Ấn Độ (1864 - 1869). - 365, 380, 387, 545, 710.

Lô-ren-xơ (Lawrence), Hen-ri Môn-gô-mê-ri (1806 - 1857) - tướng Anh, thống sứ ở Nê-pan (1843 - 1846), đứng đầu bộ máy chính quyền Anh ở Pen-giáp (1849 - 1853), cao uỷ ở Au-đơ (1857), chỉ huy các đơn vị quân đội Anh ở Lác-nau trong thời kỳ đàn áp cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc những năm 1857 - 1859 ở Ấn Độ. - 296, 319, 356, 382, 461, 462.

Lô-ren-xơ (Lawrence), Phren-sơ (1757 - 1809) - luật gia Anh, từ năm 1796 là nghị sĩ. - 533.

Lốc Kinh - xem Kinh, Pi-tơ Giôn *Lốc*.

Lông-gơ-vin, triều đại - dòng họ công tước Pháp (1505 - 1672). - 125.

Lơ-cau-bơ (Lecourbe), Clốt Giắc (1759 - 1815) - tướng Pháp, tham gia các cuộc chiến tranh cách mạng cuối thế kỷ XVIII và các cuộc hành quân của Na-pô-lê-ông I. - 146.

Lơ-đruy-Rô-lanh (Ledru-Rollin), A-lếch-xăng-đơ Ô-guy-xtơ (1807 - 1874) - nhà chính luận và nhà hoạt động chính trị Pháp, một trong những lãnh tụ của các nhà dân chủ tiểu tư sản, biên tập viên báo "Réforme", năm 1848 thành viên của chính phủ lâm thời, nghị sĩ của Quốc hội lập hiến và lập pháp, mà tại đó ông lãnh đạo phái Núi, sau cuộc tuần hành ngày 13 tháng Sáu, sống lưu vong ở Anh. - 43.

Lu-gác-đơ (Lugard), Êt-uốt (1810 - 1898) - tướng Anh, tham mưu trưởng trong thời kỳ xảy ra cuộc chiến tranh Anh - Ba Tư (1856 - 1857), tham gia đàn áp cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc 1857 - 1859 ở Ấn Độ. - 548.

Lu-i XIII (1601 - 1643) - vua Pháp (1610 - 1643). - 751.

Lu-i XIV (1638 - 1715) - vua Pháp (1643 - 1715). - 78, 97, 525, 530.

Lu-i XVIII (1755 - 1824) - vua Pháp (1814 - 1815 và 1815 - 1824). - 56, 492, 748.

Lu-i Bô-na-pác-tơ - xem *Na-pô-lê-ông III*.

Lu-i-da Buốc-bông, Ma-ri-a-Tê-rê-da (1819 - 1864) - nữ công tước Pác-ma, nhiếp chính công quốc Pác-ma (1854 - 1859). - 810.

Lu-i - Na-pô-lê-ông - xem *Na-pô-lê-ông III*.

Lu-i - Phi-líp (1773 - 1850) - công tước Oóc-lê-ăng, vua Pháp, (1830 - 1848). - 43, 52, 54, 56, 284, 287, 301, 311, 436, 495, 496, 503, 525, 540, 581, 764, 772.

Lu-ít (Lewis), Gióc-giơ *Coóc-nu-ô-lơ* (1806 - 1863) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng Vích, quốc vụ khanh về tài chính (1850 - 1852), từ năm 1852 đến năm 1855 là người xuất bản và biên tập tạp chí "Edinburgh Review", bộ trưởng ngân khố quốc gia (bộ trưởng tài chính) (1855 - 1858), bộ trưởng nội vụ (1859 - 1861) và bộ trưởng chiến tranh (1861 - 1863). - 165, 166, 169 - 171, 501, 554, 555, 666.

Lúc-xăm-bua, triều đại - triều đại các hoàng đế của cái gọi là Đế chế La Mã thần thánh (1308 - 1437 với những thời kỳ gián đoạn), giữ cả các ngôi vua ở Séc (1310 - 1437) và Hung-ga-ri (1387 - 1437). - 128, 129.

M

Ma-da-ri-ni (Mazzarini), Giu-y-li-ô Ray-mông-đô (1602 - 1661) - nhà hoạt động nhà nước Pháp, hồng y giáo chủ, từ năm 1643 là đệ nhất bộ trưởng, trên thực tế là người cầm quyền của nước Pháp trước khi Lu-i XIV đến tuổi thành niên, thi hành chính sách củng cố chế độ chuyên chế Pháp. - 751.

Ma-đô-xơ (Madoz), Pa-xcu-an (1806 - 1870) - nhà hoạt động chính trị và nhà văn Tây Ban Nha, người theo phái tiến bộ, chủ tịch nghị viện năm 1854, bộ trưởng tài chính (1855), tham gia cuộc Cách mạng 1854 - 1856. - 57.

Ma-ki-a-ven (Machiavelli), Ni-cô-lô (1469 - 1527) - nhà tư tưởng chính trị I-ta-li-a, nhà sử học và nhà văn, một trong những nhà tư tưởng của giai cấp tư sản I-ta-li-a ở thời kỳ phôi thai của các quan hệ tư bản chủ nghĩa. - 821.

Ma-la-cốp, công tước - xem *Pê-li-xi-ê* Giảng Giảng.

Ma-nhăng (Magnan), Béc-na Pi-e (1791 - 1865) - nguyên soái Pháp, theo phái Bô-na-pác-tơ, một trong những người tổ chức cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851. - 496.

Ma-nhơ (Magne), Pi-e (1806 - 1879) - nhà hoạt động nhà nước Pháp, người theo phái Bô-na-pác-tơ, bộ trưởng tài chính (1855 - 1860, 1867 - 1869, 1870, 1873 - 1874). - 86, 540.

Ma-ri (Murray), Sác-lơ Ô-ga-xơ (1806 - 1895) - nhà ngoại giao Anh, tổng lãnh sự ở Ai Cập (1846 - 1853), công sứ ở Tê-hê-ran (1854 - 1859). - 292, 338.

Ma-ri-a - Cri-xti-na (1806 - 1878) - nữ hoàng Tây Ban Nha (1829 - 1833), vợ của Phéc-đi-năng VII, nhiếp chính của nữ hoàng (1833 - 1840). - 54, 55, 56, 66, 150, 276.

Ma-ri-a Ốc-lê-ăng, nữ công tước *Nơ-mua* (1825 - 1907) - con gái của công tước Hen-rích II Lông-gơ-vin. - 125.

Ma-tin-đa, công chúa Bô-na-pác-tơ (1820 - 1904) - con gái của Giê-rôm Bô-na-pác-tơ, chị họ của Na-pô-lê-ông III. - 506.

Ma-xê-na (Masséna), Ăng-đrê (1756 - 1817) - thống soái Pháp, một trong những người

tham gia cuộc hành quân của Na-pô-lê-ông I, năm 1814 theo phía Buốc-bông. - 145.

Mác-đô-nan (Macdonald), Giắc Ê-chiên Giô-đép A-lếch-xăng-đơ (1765 - 1840) - nguyên soái Pháp, tham gia các cuộc hành quân của Na-pô-lê-ông I, năm 1799 là tổng tư lệnh quân đội Pháp trong thời gian có các cuộc hành quân ở I-ta-li-a và ở Thụy Sĩ; sau khi Na-pô-lê-ông thoái vị đã phục vụ triều đại Buốc-bông, từ năm 1816 đến năm 1830 giữ những chức vụ cao nhất trong triều đình. - 145.

Mác-Grê-go (Mac Gregor), Giôn (1797 - 1857) - nhà thống kê Anh, theo phái mật dịch tự do, nghị sĩ, nhà sáng lập và là một trong những giám đốc của Ngân hàng hoàng gia Anh (1849 - 1856), tác giả của một loạt các tác phẩm về thống kê. - 70, 722.

Mác-Ma-gông (Mac-Mahon), Ma-ri Êt-mơ Pát-ri-xơ Mô-rít (1808 - 1893) - nhà hoạt động chính trị và nhà quân sự phản động Pháp, người theo phái Bô-na-pác-tơ, tham gia cuộc chiến tranh Crưm, toàn quyền An-giê-ri (1864 - 1870); năm 1870 cầm đầu quân đội Pháp gồm 100 nghìn người đã đầu hàng ở Xê-đan, đã cầm đầu cuộc đàn áp dã man Công xã Pa-ri, tổng thống nền Cộng hoà thứ ba. - 509.

Mác - Nai-lơ (McNeill), Giôn (1795 - 1883) - nhà ngoại giao Anh, công sứ ở Tê-hê-ran (1836 - 1842). - 156.

Mác-tin (Martin), Giêm-xơ, nam tước (1815 - 1886) - luật gia Anh, năm 1857 là tổng chưởng lý, năm 1858 là chủ tịch Toà án hình sự trung ương. - 820.

Mác-tin (Martin), Rô-bốt, Mông-tơ-gô-mê-ri (khoảng 1803 - 1868) - nhà sử học và nhà thống kê người Anh, nhà du lịch nổi tiếng ở phương Đông. - 677, 678.

Mai-an (Miall), Ê-đu-a (1809 - 1881) - nhà hoạt động chính trị Anh, đảng viên đảng cấp tiến tư sản, nghị sĩ (1852 - 1857, 1869 - 1874). - 216.

Man-bô-rô (Marlborough), Giôn *Séc-sin* công tước (1650 - 1722) - một tướng quân của Anh, trong những năm 1702 - 1711 là tổng tư lệnh quân đội Anh trong cuộc chiến tranh giành quyền thừa kế Tây Ban Nha - 144, 474.

Man-cơn (Malcolm), Giôn (1769 - 1833) - nhà ngoại giao và viên quan Anh phục vụ Công ty Đông Ấn, công sứ ở Tê-hê-ran (1799 - 1801), 1808 - 1809, 1810), trong những năm 1826 - 1830 tỉnh trưởng Bom-bay, tác giả của một loạt các tác phẩm về Ấn Độ. - 95, 96.

Man-grây-vơ (Mulgrave), Giôóc-giơ Ô-ga-xtéc *Phíp-xơ*, bá tước (1819 - 1890) - nhà hoạt động nhà nước Anh, theo phái Vích, nghị sĩ, giám đốc ngân khố hoàng gia (1853 - 1858), về sau là toàn quyền ở một loạt thuộc địa Anh. - 193.

- Man-mơ-xbê-ri* (Malmesbury), Giêm-xơ Hô-vác Ha-rít, bá tước (1807 - 1889) - nhà hoạt động nhà nước Anh, theo đảng To-ri, vào nửa cuối thế kỷ XIX là nhà hoạt động nổi tiếng của đảng bảo thủ, bộ trưởng ngoại giao (1852 - 1858 - 1859), thủ thư (1866 - 1868, 1874 - 1876). - 13, 188, 502, 626 - 631.
- Mãn Thanh* - triều đại Mãn Thanh các hoàng đế Trung Quốc (1644 - 1911). - 274.
- Man-toi-phen* (Manteuffel), Ôt-tô Tê-ô-đo, nam tước (1805 - 1882) - nhà hoạt động nhà nước Phổ, đại biểu của giới quan liêu quý tộc, bộ trưởng nội vụ (1848 - 1850), thủ tướng (1850 - 1858). - 732, 751, 762, 779, 788, 806.
- Man Xinh* - đại địa chủ phong kiến ở quốc vương Au-đơ, trong thời kỳ nổ ra cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc 1857 - 1859 ở Ấn Độ đã trở thành một đồng minh của bọn thực dân Anh. - 707, 709.
- Man Xinh* - quận vương Ấn Độ, tháng Tám 1858 liên kết với những người khởi nghĩa, nhưng đầu năm 1859 đã phản bội họ, sau khi phản lại lãnh tụ nổi tiếng của cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc ở Ấn Độ là Tan-ti Tô-pi. - 709.
- Mát-di-ni* (Mazzini), Giu-dép (1805 - 1872) - nhà cách mạng I-ta-li-a, nhà dân chủ tư sản, một trong những lãnh tụ của phong trào giải phóng dân tộc ở I-ta-li-a, năm 1849 đứng đầu chính phủ lâm thời Cộng hoà La Mã; năm 1850 là một trong những người tổ chức Ban chấp hành trung ương của tổ chức dân chủ châu Âu ở Luân Đôn. - 77, 521, 522, 523, 525, 526, 527, 713, 833.
- Mây-xơn* (Mason), Gioóc-giơ Hen-ri *Môn-cơ* (1825 - 1857) - sĩ quan Anh, thống sứ ở Gióc-pua, bị giết trong thời kỳ xảy ra cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc 1857 - 1859 ở Ấn Độ. - 394.
- Mây-tơ-len* (Maitland), Tô-mát (khoảng 1759 - 1824) - tướng Anh, toàn quyền ở Man-ta (1813 - 1824), cao uỷ của quân đảo I-ô-niêng và chỉ huy các lực lượng quân sự Anh ở Địa Trung Hải (1815 - 1824). - 824.
- Méc-xi* (Mercy), đơ - sĩ quan Pháp, năm 1858 bị toà án quân sự xử tử hình vì đã giết một cách dã man một sĩ quan của trung đoàn mình. - 604.
- Mên-buốc* (Melbourn), Uy-li-am *Lam* tử tước (1779 - 1848) - nhà hoạt động nhà nước Anh, theo phái Vích, bộ trưởng nội vụ (1830 - 1834), thủ tướng (1834, 1835 - 1841). - 497.
- Mên-si-cốp*, A-lếch-xan-đrơ Xéc-gây-ê-vích, công tước (1787 - 1869) - nhà quân sự và nhà hoạt động nhà nước của Nga, năm 1853 là đại sứ đặc mệnh ở Công-xăng-ti-nô-pô-lơ, tổng tư lệnh các lực lượng quân và hải quân ở Crưm (1853 - 1855). - 327, 518.

- Mê-ri* (Merry), An-tô-ni - nhà ngoại giao Anh, năm 1802 công sứ ở Pa-ri. - 529, 530.
- Mê-vít-xen* (Mevisson), Gu-xtáp (1815 - 1899) - chủ ngân hàng và nhà hoạt động chính trị Đức, một trong những thủ lĩnh của giai cấp tư sản tự do tỉnh Ranh; nhà sáng lập một loạt các ngân hàng tín dụng - cổ phần và các công ty cổ phần công nghiệp lớn. - 850.
- Mi-lô* (Millaud), Mô-i-dơ (1813 - 1871) - chủ ngân hàng và nhà báo Pháp, đã sáng lập ra một loạt các báo và ngân hàng. - 542.
- Mi-ni-ê* (Minié), Clốt Ê-chiên (1804 - 1879) - sĩ quan và nhà phát minh quân sự Pháp, đã sáng chế ra khẩu súng trường kiểu mới. - 478.
- Mi-re-xơ* (Mirès), Giu-lơ I-xác (1809 - 1871) - chủ ngân hàng Pháp, chủ sở hữu nhiều tờ báo, trong số đó có tờ "Constitutionnel". - 498.
- Min* (Mill), Giôn Xtiu-át (1806 - 1873) - nhà kinh tế và nhà triết học thực chứng tư sản Anh, kẻ hậu bối của trường phái cổ điển của khoa kinh tế chính trị - 668, 858, 859.
- Min-nơ Ghíp-xơn* - xem *Ghíp-xơn*, Tô-mát *Min-nơ*.
- Min-tơ* (Minto), Ghin-béc-tơ Ê-li-ốt, bá tước (1851 - 1814) - nhà hoạt động nhà nước Anh, theo phái Vích, công sứ ở Viên (1798 - 1801), toàn quyền ở Ấn Độ (1807 - 1813). - 96, 534.
- Moóc-ni* (Morny), Sác-lơ Ô-guy-xơ Lu-i Giô-dép, bá tước *Đờ* (1811 - 1865) - nhà hoạt động chính trị Pháp, theo phái Bô-na-pác-tơ; anh cùng cha khác mẹ của Na-pô-lê-ông III, một trong những người tổ chức cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851; bộ trưởng nội vụ (tháng Chạp 1851 - tháng Giêng 1852), đại biểu Hội đồng lập pháp (1854 - 1856, 1857 - 1865), đại sứ ở Nga (1856 - 1857). - 49, 260, 486, 502, 513.
- Mô-da* (Mozart), Vôn-phơ-găng A-ma-đô-xơ (1756 - 1791) - nhà soạn nhạc vĩ đại Áo. - 367.
- Mô-gôn* - xem *Đại Mô-gôn*.
- Mô-gôn Đại đế* - xem *Ba-kha-đua-sắc II*.
- Mô-ham-mét A-li-sắc* - vua xứ Au-đơ (1837 - 1842). - 584.
- Mô-li-e* (Molière), Giảng Ba-ti-xơ (họ thật là Pô-cơ-lanh) (1622 - 1673) - nhà soạn kịch vĩ đại Pháp. - 367, 816.

Môn-críp-phơ (Moncreff), Giêm-xơ (1811 - 1895) - luật gia Anh, nghị sĩ, trạng sư trưởng ở Xcôt-len (1851 - 1852, 1852 - 1858, 1859 - 1866, 1868 - 1869). - 186.

Mông-ta-lăm-be (Montalembert), Sác-lơ (1810 - 1870) - nhà chính luận và nhà hoạt động chính trị Pháp, trong thời kỳ nền Cộng hoà thứ hai là nghị sĩ của Quốc hội lập hiến và lập pháp, người theo phái Oóc-lê-ăng, đứng đầu giới theo đạo Thiên chúa, ủng hộ Lu-i Bô-na-pác-tơ trong thời kỳ đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851, nhưng đã nhanh chóng chuyển sang phe đối lập. - 46, 47, 772 - 776, 811.

Mông-te-xki-ơ (Montesquieu), Sác-lơ (1689 - 1755) - nhà xã hội học tư sản kiệt xuất của nước Pháp, nhà kinh tế, nhà văn, đại biểu của trào lưu khai sáng tư sản ở thế kỷ XVIII, nhà lý luận của chính thể quân chủ lập hiến. - 310, 522.

Mông-ti-giô (Montijo), Ô-giê-ni (1826 - 1920) - nữ hoàng Pháp, vợ của Na-pô-lê-ông III. - 486.

Ma-nhi-ô-xơ Bê-na-ven-tê (Munoz Benavente), Hô-xê (Pu-se-ta) (1820 - 1856) - người đấu bò tốt ở Tây Ban Nha, người tham gia tích cực cuộc cách mạng tư sản 1854 - 1856, một trong những người lãnh đạo các đội vũ trang công nhân ở Ma-đrít; hy sinh trong chiến đấu. - 57, 64.

Mu-nhi-ô-xơ, bà - xem *Ma-ri-a Cri-xi-na*.

Mu-xtô-xi-đi-xơ, An-đrê-a-xơ (1785 - 1860) - nhà bác học và nhà hoạt động chính trị người Hy Lạp, đã nghiên cứu lịch sử của quần đảo I-ô-niêng. - 824.

Mu-xu-ru-xơ-pa-sa (Côn-xtan-tin) (1807 - 1890) - nhà ngoại giao Thổ Nhĩ Kỳ, công sứ, sau đó là đại sứ ở Luân Đôn (1851 - 1885), người gốc Hy Lạp. - 327.

Muy-rát (Murát), I-ô-a-sim (1767 - 1815) - nguyên soái Pháp, tham gia các cuộc hành quân của Na-pô-lê-ông I, năm 1808 chỉ huy các đội quân Pháp ở Tây Ban Nha, vua Na-plơ (1808 - 1815). - 65, 781.

N

Na-đia-sắc (1688 - 1747) - vua Ba Tư (1736 - 1747), đại thống soái, trong những năm 1738 - 1739 đã thực hiện chiến dịch ăn cướp ở Ấn Độ. - 151.

Na-đia-Ét-din (chết năm 1837) - vua xứ Au-đơ (1827 - 1837). - 584.

Na-na Xa-hi-bơ (sinh khoảng năm 1825) - chúa phong kiến Ấn Độ, con nuôi của pê-sva cuối cùng của xứ Bát-gi là Pao II (người cầm đầu quốc gia Ma-rát), là một trong những lãnh tụ của cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc những năm 1857 - 1859 ở Ấn Độ. - 355, 356, 388, 607.

Na-pô-lê-ông I, Bô-na-pác-tơ (1769 - 1821) - hoàng đế Pháp (1804 - 1844 và 1815). - 41, 42, 54, 109, 111, 117 - 122, 144, 146, 149, 366, 397, 380, 467, 496, 497, 502, 503, 504, 519, 520, 528, 535, 697, 728, 737, 781, 787.

Na-pô-lê-ông II - xem *Rai-stát*, Giô-dép Phrăng-xoa Sác-lơ Bô-na-pác-tơ, công tước.

Na-pô-lê-ông III, (Lu-i - Na-pô-lê-ông Bô-na-pác-tơ) (1808 - 1873) - cháu của Na-pô-lê-ông I, tổng thống nền Cộng hoà thứ hai (1848 - 1851), hoàng đế Pháp (1852 - 1870). - 26, 27, 28, 35, 36, 39 - 47, 49, 52, 54, 55, 67, 69, 75 - 78, 82, 83, 86, 88, 97, 100, 103, 108, 183, 195, 196, 200, 201, 202, 231, 257, 261, 266, 286 - 288, 293, 300 - 302, 326, 327, 340, 363, 370, 410, 435 - 437, 440, 481, 482, 483, 485 - 488, 494 - 499, 502, 506, 507, 508 - 514, 517 - 520, 521 - 522, 523, 525 - 527, 533, 540 - 543, 558 - 565, 578, 581, 602 - 605, 624, 625, 631 - 745, 772 - 777, 781, 795, 796, 807, 811, 822.

Na-pô-lê-ông, hoàng tử - xem *Bô-na-pác-tơ*, Giô-dép Sác-lơ Pôn.

Na-xơ (Naas), Ri-sốt Xao-tu-en Biéc-cơ, bá tước Mây-ô (1822 - 1872) - nhà hoạt động nhà nước của Anh, người theo phái bảo thủ, quốc vụ khanh về các vấn đề Ai-rơ-len (1852, 1858 - 1859, 1866 - 1868), phó vương Ấn Độ (1869 - 1872). - 828.

Nác-va-ê-xơ (Narvaez), Ra-môn Ma-ri-a, công tước *Va-len-xi-a* (1800 - 1868) - tướng và nhà hoạt động nhà nước phản động Tây Ban Nha, cầm đầu phái Mô-đê-ra-đốt; đứng đầu chính phủ (1844 - 1846, 1847 - 1851, 1856 - 1857, 1864 - 1865, 1866 - 1868), đàn áp dã man các cuộc đấu tranh cách mạng của quần chúng. - 54 - 56, 276, 277, 283.

Nai-lơ (Neill), Giêm-xơ Gióc-giơ Xmit (1810 - 1857) - tướng Anh, tham gia cuộc Chiến tranh Crưm, trong thời kỳ đàn áp cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc những năm 1857 - 1859 ở Ấn Độ đã hành động một cách vô cùng tàn bạo ở Can-pua - 389.

Nây-pia (Napier), Sác-lơ Giêm-xơ (1782 - 1852) - tướng Anh, tham gia các cuộc chiến tranh chống Na-pô-lê-ông I, năm 1842 - 1843 chỉ huy các đơn vị quân đội ở Ấn Độ chiếm Xin-đơ, năm 1843 - 1847 cai trị Xin-đơ. - 163, 317, 333, 446, 474.

Nê-xmít (Nasmyth), Giêm-xơ (1808 - 1890) - kỹ sư và nhà sáng chế người Anh. - 242.

Nhiếp chính - xem *Vin-hem I*.

Ni-bua (Niebuhr), Bác-tôn Gióoc-giơ (1776-1831) - nhà sử học nổi tiếng của Đức về thời cổ đại. - 753.

Ni-bua (Niebuhr), Mác-cu-xơ Các-xten Ni-cô-lai-xơ (1817 - 1860) - quan chức Phổ, cận thần của Phri-đrich-Vin-hem IV, đồng lý văn phòng của nhà vua (1851 - 1857), con trai của Bác-tôn Gióoc-giơ Ni-bua. - 753.

Ni-cô-lai I (1796 - 1855) - hoàng đế Nga (1825 - 1855). - 152, 249, 725, 728, 737, 738, 753, 778 - 779, 808, 822, 842, 843.

Ni-côn-xơn (Nicholson), Giôn (1821 - 1857) - tướng Anh, năm 1842 tham gia cuộc chiến tranh Anh - Áp-ga-ni-xtan lần thứ nhất, tham gia cuộc chiến tranh Anh - Xích lần thứ hai (1848 - 1849), năm 1857 đã chỉ huy một trong những đội quân Anh trong trận tấn công Đê-li vào thời kỳ nổ ra cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc. - 379 - 380, 386, 391.

Niu-ca-lơ (Newcastle), Hen-ri Pê-lem Phai-xơ Pê-lem Clin-tôn, công tước (1811 - 1864) - nhà hoạt động nhà nước Anh, theo phái Pin, bộ trưởng chiến tranh và thuộc địa (1852 - 1854), bộ trưởng chiến tranh (1854 - 1855), bộ trưởng thuộc địa (1859 - 1864). - 423.

Noóc-cốt-tơ (Northcote), Xtáp-phốt Hen-ri (1818 - 1887) - nhà hoạt động nhà nước Anh, theo phái Pin, về sau gia nhập phái bảo thủ, nghị sĩ (1855 - 1857, 1858 - 1885), giữ nhiều chức vụ trong nội các. - 229.

Nô-xê-dan (Nocedal), Can-đi-đô (1821 - 1885) - nhà hoạt động chính trị và nhà chính luận Tây Ban Nha, thuộc phái Mô-đê-ra-đốt, nghị sĩ Quốc hội, bộ trưởng nội vụ (1856 - 1857). - 277.

Nô-lân (Nolan), Luyn-xơ Êt-út (khoảng 1820 - 1854) - sĩ quan Anh, phục vụ ở Ấn Độ, tham gia cuộc Chiến tranh Crim, tác giả của nhiều cuốn sách nói về kỵ binh. - 268.

Nơ-mua, nữ công tước - xem *Ma-ri-a Oóc-lê-ăng*.

Nữ hoàng Phổ - xem *Ê-li-da-ve-ta*.

O

Oai-tơ-sai-dơ (Whiteside), Giêm-xơ (1804 - 1876) - luật gia Ai-rơ-len, người theo phái To-ri, nghị sĩ, tổng chưởng lý (1858 - 1859, 1866), - 186, 827.

Oan-cơ (Walker), Uy-li-am (1824 - 1860) - một phần tử phiêu lưu người Mỹ, tiến hành một số cuộc viễn chinh để chiếm các quốc gia ở Trung Mỹ, trong đó có Ni-ca-ra-go. - 138.

Oát-xơn (Watson), Hen-ri (1737 - 1786) - kỹ sư Anh, đại tá, từ năm 1764 phục vụ Công ty Đông Ấn, kỹ sư trưởng ở Ben-gan. - 679.

Oen-lin-tôn (Wellington), Ác-tuya *Oen-xli*, công tước (1769 - 1852) - tướng quân người Anh và nhà hoạt động nhà nước Anh, người theo phái To-ri, thủ tướng (1828 - 1830), bộ trưởng ngoại giao (1834 - 1835). - 497.

Oee-xli (Wellesley), Ri-sốt Cô-li, hầu tước (1760 - 1842) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thống đốc Ấn Độ (1798 - 1805), bộ trưởng ngoại giao (1809 - 1872), thống đốc Ai-rơ-len (1821 - 1828, 1833 - 1834). - 583.

Oóc-lê-ăng, công tước - xem *Lu-i - Phi-líp*.

Oóc-lê-ăng, dòng họ - triều đại vua ở Pháp (1830 - 1848). - 513, 578, 581, 604.

Oóc-lốp, A-lếch-xây Phê-đơ rô-vích, công tước (1786 - 1867) - nhà quân sự và nhà hoạt động nhà nước Nga, nhà ngoại giao, lãnh đạo đoàn đại biểu Nga tại Hội nghị Pa-ri năm 1856; chủ tịch hội đồng quốc gia và uỷ ban bộ trưởng (1856); năm 1856 là chủ tịch Uỷ ban trung ương về vấn đề nông dân, chống lại việc xoá bỏ chế độ nông nô. - 25.

Oóc-xi-ni (Orsini), Phê-lít-sơ (1819 - 1858) - nhà cách mạng I-ta-li-a, nhà dân chủ tư sản và nhà cộng hoà, một trong những người tham gia xuất sắc cuộc đấu tranh đòi giải phóng dân tộc và thống nhất nước I-ta-li-a; bị xử tử vì tội mưu sát Na-pô-lê-ông III. - 499, 504, 507, 510, 511, 514.

Ô' Đôn-nen (O' Dennell), En-ri-cơ Hô-xê, bá tước *Dơ La Bi-xba-lơ* (1769 - 1834) - tướng Tây Ban Nha, tham gia cuộc chiến tranh giành độc lập (1808 - 1814); nổi tiếng về lập trường cực kỳ vô nguyên tắc; trong thời kỳ thế lực phản động thống trị (1814 - 1820), vừa duy trì các mối liên hệ với các nhóm tự do, vừa khai báo những người cách mạng cho chính phủ. - 55.

Ô' Đôn-nen (O' Donnell), Lê-ô-pôn-đơ, bá tước *Luy-xen-xli* (1809 - 1867) - tướng và nhà hoạt động nhà nước phản động Tây Ban Nha, một trong những người cầm đầu phái Mô-đê-ra-đốt; thống sứ Cu Ba (1843 - 1848), năm 1854 đã lợi dụng cuộc khủng hoảng cách mạng trong nước để thiết lập nền chuyên chính quân sự; với cương vị bộ trưởng chiến tranh đã chỉ huy vụ đàn áp cuộc cách

mạng tư sản năm 1854 - 1856, đứng đầu chính phủ (1856, 1858 - 1863, 1865 - 1866). - 53 - 59, 62 - 64, 66, 67, 276, 277, 283.

Ô-oen (Owen), U.Đ - một trong những giám đốc của Ngân hàng hoàng gia Anh (1849 - 1854, 1855 - 1856), bị kết án vì các hoạt động bịp bợm. - 71.

Ô-vơ-xtôn (Overstone), Xa-mu-en Giôn-xơ- *Lôi-dơ*, nam tước (1796 - 1883) - chủ Ngân hàng Anh, theo phái Vích, người cổ vũ chính sách tài chính của Rô-bốt Pin và đặc biệt là đạo luật năm 1844 do Pin thảo ra về Ngân hàng Anh. - 400, 430, 666.

Ô-xman (Haussmann) Gióc-giơ Ô-gien (1809 - 1891)- nhà hoạt động chính trị Pháp, người theo phái Bô-na-pác-tơ, tham gia cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851, cảnh sát trưởng tỉnh Xê-na (1853 - 1870). - 542.

Ốc-lên-dơ (Auckland), Gióc-giơ *I-đen*, bá tước (1784 - 1849) - nhà hoạt động nhà nước Anh, theo phái Vích, giữ một số chức vụ trong nội các, toàn quyền ở Ấn Độ (1836 - 1842). - 156, 585, 587.

Ốt-tô (Otto) Lu-i Ghi-ôm (1754 - 1817) - nhà ngoại giao Pháp, công sứ ở Luân Đôn (1800 - 1802), đại sứ ở Viên (1809 - 1813). - 529, 533.

Ô-gien Xa-voa, hoàng tử (1663 - 1736) - tướng quân và nhà ngoại giao của Áo. - 144.

Ôn-tô-pơ (Althorp), Giôn Sác-lơ *Xpen-xơ* tử tước (1782 - 1845) - nhà hoạt động nhà nước Anh, theo phái Vích, nghị sĩ trong những năm 1830 - 1834 là bộ trưởng tài chính. - 23.

P

Pa-kinh-tôn (Pakington), Giôn Xô-móc-xết (1799 - 1880) - nhà hoạt động nhà nước Anh, theo đảng To-ri, vào nửa cuối thế kỷ XIX theo đảng bảo thủ; bộ trưởng phụ trách các vấn đề quân sự và thuộc địa (1852), bộ trưởng hải quân (bộ trưởng hàng hải) (1858 - 1859 và 1866 - 1867), bộ trưởng chiến tranh (1867 - 1868). - 186, 502.

Pa-la-phốc-xơ-i-Men-xi (Palafox y Melci), Hô-xê (1776 1847) – tướng Tây Ban Nha, tham gia cuộc chiến tranh giành độc lập (1808 - 1814), lãnh đạo cuộc phòng thủ Xa-ra-gốt (1808 - 1809). - 58.

Pa-ran-dua Xinh - quận vương Ấn Độ. - 394.

Pa-tốp (Patow), Ê-ra-xmút Rô-béc, nam tước (1808 - 1890) - nhà hoạt động quốc gia Phổ, bộ trưởng thương mại, công nghiệp và công tác xã hội tháng Tư - tháng Sáu 1848), bộ trưởng tài chính (1858 - 1862). - 779, 788.

Pác-cơ (Parkes), Ha-ri Xmit (1828 - 1885) - nhà ngoại giao Anh, khi làm lãnh sự ở Quảng Châu đã thực hiện vụ khiêu khích gây ra cuộc xung đột Anh - Trung Quốc, mở đầu cho cuộc Chiến tranh "nha phiến" lần thứ hai với Trung Quốc (1856 - 1858); là một trong ba uỷ viên thanh tra của châu Âu ở Quảng Châu (1858 - 1859, 1860 - 1861) lãnh sự ở Thượng Hải (1864 - 1865), công sứ ở Nhật Bản (1865 - 1883). - 134 - 135, 176, 194, 209 - 210.

Pác-mơ, nữ công tước thành Pác-mơ - xem Lu-i Bốc-bông, Ma-ri-a-Tê-rê-da.

Pan-mơ (Palmer), Giôn Hô-xli (1779 - 1858) - nhà tư bản tài chính Anh, năm 1830 - 1832 giám đốc Ngân hàng Anh, về sau giữ các chức vụ khác nhau trong các cơ quan tài chính. - 41.

Pan-mơ (Palmer), Rau-đen (1812 - 1895) - nhà hoạt động nhà nước của Anh, lúc đầu theo đảng To-ri, sau đó theo phái Pin, về sau theo phái tự do chủ nghĩa, đại pháp quan (1872 - 1874 và 1880 - 1885). - 229.

Pan-mơ (Palmer), Uy-li-am (1824 - 1856) - bác sĩ Anh, nhằm mục đích lĩnh tiền bảo hiểm đã đầu độc vợ mình, em mình và một người bạn, đã bị xử treo cổ. - 679.

Pan-mốc-xtôn (Palmerston), Hen-ri Giôn *Tem-pơ*, tử tước (1784 - 1865) - nhà hoạt động nhà nước Anh, vào thời kỳ đầu hoạt động thuộc đảng To-ri, từ năm 1830 là một trong những thủ lĩnh của đảng Vích, đã dựa vào các phần tử cánh hữu của đảng này, bộ trưởng ngoại giao (1830 - 1834, 1835 - 1841 và 1846 - 1851), bộ trưởng nội vụ (1852 - 1855 và thủ tướng 1855 - 1858 và 1859 - 1865), - 25, 28, 155, 166, 170 - 174, 182 - 184, 186 - 196, 200 - 209, 215 - 217, 221, 227, 231, 289, 290, 310, 327, 334, 335 - 340, 401, 485, 499 - 502, 518, 552, 557, 561, 584, 586, 621, 628, 648 - 650, 720, 724, 737, 820.

Pan-muy-rơ (Panmure) Phốc-xơ *Môn-lơ*, nam tước (1801 - 1874) - nhà hoạt động nhà nước Anh, người theo phái Vích, quốc vụ khanh về các vấn đề quân sự (1846 - 1852), bộ trưởng chiến tranh (1855 - 1858). - 500.

Pau-lét (Powlett), Uy-li-am, Giôn Phrê-đê-rích - nhà hoạt động chính trị Anh, người theo phái Pin, nghị sĩ. - 229.

Pây-tôn (Paton), Giôn Xtáp-phoóc (1821 - 1889) - sĩ quan Anh, về sau là tướng, tham gia các cuộc chiến tranh Anh - Xích lần thứ nhất và lần thứ hai (1845 -

1846 và 1848 - 1849), tham gia đàn áp cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc những năm 1857 - 1859 ở Ấn Độ. - 386.

Péc-xi-nhi (Persigny), Giảng Gin-be Vích-to, bá tước (1808 - 1872) - nhà hoạt động nhà nước Pháp, đại biểu Quốc hội lập pháp (1849 - 1851), một trong những người tổ chức cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851, bộ trưởng nội vụ (1852 - 1854, 1860 - 1863), đại sứ ở Luân Đôn (1855 - 1858, 1859 - 1860), - 43, 484, 516.

Péc-xi-van (Perceval), Xpen-xơ (1762 - 1812) - nhà hoạt động nhà nước Anh, người theo phái To-ri, tổng chủ ngân lý (1802 - 1806), trong những năm 1807 - 1809 bộ trưởng ngân khố quốc gia (bộ trưởng tài chính), thủ tướng (1809 - 1812). - 22, 497, 527, 751.

Pen-chi-ê (Peltier), Giảng Ga-bri-en (khoảng 1765 - 1825) - nhà chính luận Pháp, theo phái bảo hoàng; sau cuộc cách mạng ngày 10 tháng Tám 1792, sống lưu vong ở Luân Đôn, nơi mà ông đã cho ra các xuất bản phẩm định kỳ khác nhau, đấu tranh gay gắt chống Na-pô-lê-ông I, do đó bị truy tố hình sự - 533, 535, 536.

Pê-li-xi-ê (Pellissier), Giảng Giắc (1794 - 1864) - nguyên soái Pháp, vào những năm 30 - đầu những năm 50 đã tham gia chinh phục An-giê-ri, nổi tiếng về hành động cực kỳ dã man; tổng chỉ huy quân đội ở Crôm (tháng Năm 1855 - tháng Bảy 1856); được phong tước công tước Ma-la-khốp do chiếm đồi Ma-la-khốp; đại sứ ở Anh (1858 - 1859). - 486, 497, 508, 518 - 519, 558.

Pê-rây-rơ (Péreire), I-xắc (1806 - 1880) - chủ Ngân hàng Pháp, người theo phái Bô-na-pác-tơ, nghị sĩ Hội đồng lập pháp, năm 1852 đã cùng với anh trai của mình là Ê-min Pê-rây-rơ lập ra ngân hàng cổ phần Crédit, Mobilier - 36, 40 - 42, 47, 49, 50, 52, 257 - 266, 371, 537, 850.

Pê-rốp-xki, Va-xi-li A-lếch-xây-ê-vích (1795 - 1857) - tướng Nga, thống đốc quân sự Ô-ren-buốc (1833 - 1842, 1851 - 1857), trong những năm 1839 - 1840 chỉ huy cuộc viễn chinh ở Si-va. - 161, 737 - 740.

Pê-ti (Petit) - trợ lý của Công tố viên trưởng Pa-ri (1856). - 107.

Pha-bi-út (Cvin-tút Pha-bi-út Ma-xi-mút) khoảng năm 275 - 203 trước công nguyên) thống soái La Mã cổ đại, đã được gán cho biệt danh Cun-ta-te-rơ (người chậm chạp) do sách lược chờ thời và lảng tránh các trận chiến đấu quyết định trong thời kỳ xảy ra cuộc chiến tranh Pu-ních lần thứ hai. - 13.

Pha-vơ (Favre), Giuy-lơ (1809 - 1880) - nhà hoạt động chính trị và trạng sư Pháp,

từ cuối những năm 50 là một trong những người cầm đầu phe đối lập cộng hoà - tư sản; năm 1858 đã bào chữa cho Oóc-xi-nhi, năm 1870 - 1871 là bộ trưởng ngoại giao trong "chính phủ phòng thủ dân tộc", đã cùng với Chi-e lãnh đạo cuộc đấu tranh chống lại Công xã Pa-ri. - 505, 507, 510.

Phan-côn (Falcon), An-tô-ni-ô - tướng Tây Ban Nha, tham gia cuộc Cách mạng những năm 1854 - 1856 ở Tây Ban Nha, - 54, 61.

Phan-lu (Falloux), An-phrết (1811 - 1886) - nhà văn và nhà hoạt động chính trị Pháp, theo phái chính thống và theo thuyết giải quyền, năm 1848 là người khởi xướng việc giải tán các xưởng dân tộc và là kẻ cổ vũ cho việc đàn áp cuộc khởi nghĩa tháng Sáu ở Pa-ri, trong thời kỳ của nền Cộng hoà thứ hai là nghị sĩ của Quốc hội lập hiến và lập pháp, bộ trưởng giáo dục (1848 - 1849). - 811.

Phai-tơ (Veit), Mô-ri-xơ (1808 - 1864) - nhà xuất bản sách người Đức, theo phái tự do, nghị sĩ của Quốc hội Phổ. - 801.

Phéc-di-năng II (1810 - 1859) - vua Na-plơ (1830 - 1859), biệt hiệu vua bom vì đã oanh tạc Mét-xi-na năm 1848. - 26.

Phéc-di-năng VII (1784 - 1833) - vua Tây Ban Nha (1808 và 1814 - 1833). - 56, 64, 65.

Phéc-di-năng, hoàng tử - xem Phrê-ê-rích - Phéc-di-năng.

Phéc-giuy-xơn (Ferguson), Rô-man-đơ Crô-phoóc-đơ (1773 - 1841) - tướng Anh, nghị sĩ, tại hạ nghị viện đã phản đối những sự lạm dụng của công tước I-oóc. - 22.

Phê-ru-khơ-han - nhà ngoại giao Ba Tư, đã ký kết Hiệp ước Anh - Ba Tư năm 1857: công sứ ở Luân Đôn (1857). - 289, 291, 292.

Phê-thơ-A-li-sắc (1762 - 1834) - vua Ba Tư (1797 - 1834). - 96.

Phi-li-mo-rơ (Phillimore), Giôn Gióc-giơ (1808 - 1865) - luật gia Anh, nhà hoạt động chính trị tự do, người theo phái Pin, nghị sĩ (1852 - 1857). 229.

Phi-li-mo-rơ (Phillimore), Rô-bốt Giô-dép (1810 - 1885) - luật gia Anh, theo phái Vích, sau đó theo phái Pin, nghị sĩ (1852 - 1857), em trai của Giôn Gióc - giơ Phi-li-mo-rơ. - 229.

Phi-líp, công tước Oóc-lê-ăng (1674 - 1723) - nhiếp chính của Pháp (1715 - 1723). - 52, 370, 525.

Phi-líp-xơn. Gri -gô-ri I-va-nô-vích (1809 - 1883) - tướng Nga, tham dự vào việc chinh phục Cáp-ca-đơ. - 588, 689.

Phít-xơ-pa-tơ-rích (Fitzpatrick), Ri-sốt (1747 - 1813) - nhà hoạt động chính trị và tướng Anh, theo phái Vích, nghị sĩ, tổng thư ký về các vấn đề Ai-rơ-len (1782), bộ trưởng chiến tranh (1783, 1806 - 1807). - 16 - 17.

Phít-xơ-rôi (Fitzroy), Hen-ri (1807 - 1859) - nhà hoạt động chính trị Anh, người theo phái Pin, sau đó theo phái tự do, nghị sĩ, thứ trưởng bộ nội vụ (1852 - 1855). - 657.

Phlốt-ven (Flottwell), Ê-đu-a Hen-rích (1786 - 1865) - nhà hoạt động nhà nước Phổ, bộ trưởng tài chính (1844 - 1846), bộ trưởng nội vụ (1858 - 1859). - 750, 779, 802, 803, 814.

Phổ, công chúa - xem *Au-gu-xtơ Ma-ri-a Lu-i-da Ca-ta-ri-na*.

Phổ, hoàng tử - xem *Vin-hem I*.

Phốc-xơ (Fox), Sác-lơ Giêm -xơ (1749 - 1806) - nhà hoạt động nhà nước Anh, một trong những thủ lĩnh của phái Vích, bộ trưởng ngoại giao (1782, 1783, 1806). - 16, 499.

Phốc-xơ (Fox), Uy-li-am Giôn-xơn (1786 - 1864) - nhà hoạt động chính trị Anh, người truyền giáo và nhà chính luận, theo phái mật dịch tự do, về sau là đảng viên đảng tự do, nghị sĩ. - 215.

Phran-txơ I-ô-xíp I (1830 - 1916) - hoàng đế Áo (1848 - 1916). - 327, 734, 746.

Phrê-đê-rích VII (1808 - 1863) - vua Đan Mạch (1848 - 1863). - 340.

Phrê-đê-rích - Phéc-đi-năng (1792 - 1863) - hoàng tử Đan Mạch. - 341.

Phrên-xơ (Franks), Tô-mát Hác-tơ (1808 - 1862) - tướng Anh, tham gia cuộc chiến tranh Anh - Xích lẫn thứ hai (1848 - 1849) và tham gia đàn áp cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc những năm 1857 - 1859 ở Ấn Độ. - 545 - 550.

Phri-đrích I (1371 - 1440) - thống đốc Niu-béc (từ năm 1389), tuyền hầu Bran-đen-buốc (1415 - 1440), người lập ra triều đại Hô-hen-txô-léc. - 128, 129, 130.

Phri-đrích I (1657 - 1713) - tuyền hầu Bran-đen-buốc với tên gọi là Phri-đích III (từ năm 1688), sau đó là vua Phổ (1701 - 1713). - 125, 131, 752.

Phri-đrích II (Đại đế) (1712 - 1786) - vua Phổ (1740 - 1786). - 128, 144, 754, 759, 848.

Phri-đrích II "Sắt" (1413 - 1471) - tuyền hầu Bran-đen-buốc (1440 - 1470). - 128, 129.

Phri-đrích - Vin-hem I (1688 - 1740) - vua Phổ (1713 - 1740). - 752, 753.

Phri-đrích - Vin-hem II (1744 - 1797) - vua Phổ (1786 - 1797). - 752, 754.

Phri-đrích - Vin-hem III (1770 - 1840) vua Phổ (1797 - 1840). - 752 - 754, 779, 785, 788.

Phri-đrích - Vin-hem IV (1795 - 1861) - vua Phổ (1840 - 1861). - 624, 730, 733, 744, 748, 750 - 753, 756, 782, 788, 804, 805, 809 - 810, 815, 848, 849.

Phu-ri-ê (Fourier), Sác-lơ (1772 - 1837) - nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng vĩ đại Pháp. - 49.

Phun-đơ (Rould), A-sin (1800 - 1867) - chủ ngân hàng và nhà hoạt động nhà nước Pháp, người theo phái Oóc-lê-ăng, sau đó theo phái Bô-na-pác-tơ, trong những năm 1849 - 1867 nhiều lần giữ chức bộ trưởng tài chính, bộ trưởng hoàng cung (1852 - 1860). - 260, 486, 497.

Pi-e-ri (Pieri), Giu-đép-pơ An-đrê-a (1808 - 1858) - nhà cách mạng I-ta-li-a, bị xử tử vì tòng phạm với Oóc-xi-ni trong vụ mưu sát Na-pô-lê-ông III. - 511.

Pi-ê-tơ-ri (Pietri), Pi-e Ma-ri (1809 - 1864) - nhà hoạt động chính trị Pháp, người theo phái Bô-na-pác-tơ, cảnh sát trưởng Pa-ri (1852 - 1858). - 506.

Pi-lát, Pông-ti-út-xơ (chết khoảng năm 37) - uỷ viên công tố La Mã (toàn quyền) ở Giu-đê (26 - 36). - 77.

Pi-ôt I (1672 - 1725) - Nga hoàng từ năm 1682 - hoàng đế nước Nga từ năm 1721. - 132, 152, 327, 737, 738, 833, 845.

Pin (Peel), Rô-bóc (1788 - 1850) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thủ lĩnh của phái To-ri ôn hoà (những người theo phái Pin đã đặt theo tên của ông), bộ trưởng nội vụ (1822 - 1827 và 1828 - 1830), thủ tướng (1834 - 1835 và 1841 - 1846); được sự ủng hộ của những người theo phái tự do đã tiến hành huỷ bỏ các đạo luật về ngũ cốc (1846). - 165, 166, 186, 229, 397, 398, 400, 401, 409, 497, 500, 628, 666, 670, 702, 831.

Pin-đa-rơ (khoảng 522 - khoảng 422 trước công nguyên) - nhà thơ trữ tình Hy Lạp cổ đại, đã viết những đoản ca trang trọng. - 191.

Pít (Pitt), Uy-li-am, con (1759 - 1806) - nhà hoạt động nhà nước Anh, một trong những thủ lĩnh của phái To-ri, thủ tướng (1783 - 1801, 1804 - 1806) - 13, 15, 499, 502, 529, 556, 648.

Pla-tô-nốp, A-lếch-xan-đơ Pla-tô-nô-vích - thiếu tá Nga, thủ lĩnh giới quý tộc

huyện, năm 1858 phó chủ tịch Ủy ban quý tộc Pê-téc-bua về vấn đề chuẩn bị cuộc cải cách nông dân năm 1861. - 840.

Pla-xơ (Place), Hăng-ri - nhà tư bản tài chính Pháp, một trong những giám đốc của ngân hàng cổ phần Crédit Mobilier. - 41, 370.

Pô-te-rơ (Potter), Giôn - người theo phái tự do Anh, nghị sĩ, ba lần là thị trưởng Man-se-xtơ. - 217.

Pôm-pê (Gơ-na-i Pôm-pê Ma-gơ-nút) - (106 - 48 trước công nguyên) - tướng và nhà hoạt động nhà nước La Mã. - 118.

Pốt-tin-gơ (Pottinger), Hen-ri (1789 - 1856) - nhà ngoại giao và tướng Anh, công sứ ở Trung Quốc (1841 - 1842), năm 1842 chỉ huy các đội quân Anh trong thời kỳ của cuộc chiến tranh "nha phiến" với Trung Quốc, tỉnh trưởng ở Hồng Công (1843), ở Ma-đrát (1847 - 1854). - 223, 695.

Praxlanh (Praslin), Sác-lơ, công tước *Dơ Soa-dơn* (1805 - 1847) - nhà quý tộc Pháp, được nổi tiếng sau vụ giết vợ mình; sau khi bị bắt đã tự tử bằng thuốc độc. - 505.

Prai-xơ (Price), Rô-sốt (1723 - 1791) - nhà chính luận, nhà kinh tế và nhà triết học luân lý cấp tiến Anh. - 555, 557.

Prô-kê-sơ - Ô-xten (Prokesch - Osten), An-tôn, bá tước (1795 - 1876) - nhà ngoại giao Áo, công sứ (1855 - 1867), sau đó là đại sứ (1867 - 1871) ở Công-xtăng-ti-nô-plơ. - 328.

Pru-đông (Proudhon), Pi-e Giô-dép (1809 - 1865) - nhà chính luận Pháp, nhà kinh tế và xã hội học, nhà tư tưởng của giai cấp tiểu tư sản, một trong những người sáng lập ra chủ nghĩa vô chính phủ. - 40, 856, 887.

Pu-sê-ta - xem *Mu-nhi-ô-xơ Bê-na-ven-tê Hô-xê*.

Puých-clơ (Puckler), Ết-man (sinh năm 1792) - Bộ trưởng nông nghiệp Phổ từ năm 1858. - 788.

R

Ra-đét-xki (Radetzky), Giô-dép, bá tước (1766 - 1858) - thống soái Áo, từ năm 1831

tư lệnh quân đội Áo ở Bắc I-ta-li-a; trong những năm 1848 - 1849 đã đàn áp đã man phong trào cách mạng và phong trào giải phóng dân tộc ở I-ta-li-a; trong những năm 1850 - 1856 toàn quyền ở Vương quốc Lô-m-bác-đi - Vơ-ni-đơ. - 27, 67.

Ra-glan (Raglan), Phi-xrôi Giêm-xơ Hen-ri *Xô-mốc-xét* - nam tước (1788 - 1855) - nguyên soái Anh, trong những năm 1854 - 1855 là tổng chỉ huy quân đội tác chiến tại Crutn. - 474.

Ra-pơ (Rapp), Giảng (1772 - 1821) - tướng Pháp, tham gia các chiến dịch của Na-pô-lê-ông I, từ tháng Giêng 1813 đến tháng Giêng 1814 đã chỉ huy các đơn vị quân đồn trú ở Đan-tích lúc đó đang bị các đơn vị quân Nga và Phổ bao vây. - 468.

Ra-xpai (Raspail), Phrăng-xoa (1794 - 1878) - nhà bác học nghiên cứu tự nhiên lỗi lạc người Pháp, nhà chính luận và xã hội học, người rất gần với giai cấp vô sản cách mạng; tham gia các cuộc cách mạng năm 1830 và 1848; nghị sĩ Quốc hội lập hiến, sau năm 1855 chuyển sang lập trường dân chủ tư sản. - 9.

Rai-khân-spe-gơ (Reichensperger), Au-gu-xơ (1808 - 1895) - luật gia và nhà hoạt động chính trị tư sản Đức; năm 1848 nghị sĩ Quốc hội Phổ; thuộc cánh hữu; từ năm 1852 là thủ lĩnh của các đại biểu Thiên chúa giáo trong Quốc hội Phổ. - 806.

Rai-mơ (Reimer), Ghê-oóc Ếc-nơ-xơ (1804 - 1885) - nhà xuất bản sách ở Đức, theo phái bảo thủ, nghị sĩ Quốc hội Phổ. - 801.

Rai-stát, Giô-dép Phrăng-xoa Sác-lơ Bô-na-pác-tơ, công tước (1811 - 1832) - con trai của Na-pô-lê-ông I và của Ma-ri-a - Lu-i-da; được phái Bô-na-pác-tơ tiến cử lên với tư cách là vật tranh ngôi vua ở Pháp. - 518.

Ran-bia Xinh - quân vương Ấn Độ ở Ca-sơ-mia; trong thời kỳ diễn ra cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc những năm 1857 - 1859 ở Ấn Độ đã đứng về phía Anh. - 391.

Rê-na (Reinhard), Sác-lơ Phrê-đê-rích, bá tước (1761 - 1837) - nhà ngoại giao Pháp, năm 1802 làm công sứ ở Hạ Dắc-den, là người gốc Đức. - 537.

Rê-nô (Benaud) (chết năm 1857) - sĩ quan Anh, tham gia đàn áp cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc những năm 1857 - 1859 ở Ấn Độ. - 356.

Rê-nơ (Renée), Lam-be A-mê-đê (1808 - 1859) - nhà chính luận Pháp, người theo phái Bô-na-pác-tơ, từ năm 1856 là người chịu trách nhiệm xuất bản các tờ báo "Constitutionnel" và "Pays". - 558.

- Ri-a* (Rea), Giôn (1822 - 1881) - nhà hoạt động chính trị Ai-rơ-len, thành viên của hội "Ai-rơ-len trẻ", - 830.
- Ri-các-đô* (Ricardo), Đa-vít (1772 - 1823) - nhà kinh tế học Anh, một trong những đại biểu lớn nhất của khoa kinh tế chính trị tư sản cổ điển. - 31, 854, 870, 872.
- Ri-ô-xơ-i.* - *Rô-xa-vơ* (Ryos y Rosas), An-tô-ni-ô (1812 - 1873) - nhà hoạt động chính trị Tây Ban Nha, thuộc phái Mô-đê-ra-đốt, nghị sĩ; bộ trưởng nội vụ (1858). - 57.
- Ri-sốt* III (1452 - 1485) - vua Anh (1483 - 1485). - 190.
- Ri-xtô-ri* (Ristori), A-đơ-lai-đơ (1822 - 1906) - nữ diễn viên nổi tiếng của I-ta-li-a, - 810.
- Rim-xki* - *Coóc-xa-cốp*, A-lếch-xan-đơ Mi-khai-lô-vích (1753 - 1840) - tướng Nga, năm 1799 chỉ huy quân đội Nga ở Thụy Sĩ; là uỷ viên Hội đồng nhà nước từ năm 1830. - 145.
- Rít* (Reed), Tô-mát (1796 - 1883) - tướng Anh, tham gia đàn áp cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc những năm 1857 - 1859 ở Ấn Độ. - 351, 386.
- Rô-bác* (Rocbuck), Giôn Ác-tu-a (1801 - 1879) - nhà chính luận và nhà hoạt động chính trị người Anh, theo phái cấp tiến tư sản, nghị sĩ, - 186, 201.
- Rô-be-xpi-e* (Robespierre), Mắc-xi-mi-liêng (1758 - 1794) - nhà hoạt động xuất sắc của cuộc cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII, lãnh tụ phái Gia-cô-banh, đứng đầu chính phủ cách mạng (1793 - 1794). - 525.
- Rô-bin-xơn* (Robinson), Xmit P. - thư ký danh dự của Đồng minh chống các đạo luật về ngũ cốc. - 219.
- Rô-béc* (Roberts), Hen-ri (1800 - 1860) - tướng Anh, tham gia đàn áp cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc những năm 1857 - 1859 ở Ấn Độ. - 709.
- Rô-béc-xơn* (Robertson), - lãnh sự Anh ở Thượng Hải (1856). - 92.
- Rô-đơ Đơ Ô-la-nô* (Ros de Olano), An-tô-ni-ô (1808 - 1886) - tướng Tây Ban Nha, thuộc phái Mô-đê-ra-đốt, tham gia cuộc cách mạng tư sản những năm 1854 - 1856. - 55.
- Rô-đơ* (Rose), Hiu Hen-ri (1801 - 1885) - tướng Anh, về sau là thống soái, tham gia cuộc Chiến tranh Crưm, là một trong những người đàn áp cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc của những năm 1857 - 1859 ở Ấn Độ, chỉ huy các đội quân ở Ấn Độ (1860 - 1865), chỉ huy các lực lượng quân sự ở Ai-rơ-len (1865 - 1870). - 546, 550, 612, 642, 643.

- Rô-lin-xơn* (Rawlinson), Hen-ri *Krê-duyích* (1810 - 1895) - nhà sử học người Anh, nhà Đông phương học, là sĩ quan phục vụ ở Ba Tư, uỷ viên Hội đồng Ấn Độ (1858 - 1859), 1868 - 1895), công sứ ở Tê-hê-ran (1859 - 1860). - 290.
- Rô-ma-nốp*, dòng họ - triều đại các vua Nga và các hoàng đế Nga (1613 - 1917). - 27, 822.
- Rốt-béc-tút* (Rodbertus), I-ô-han Các (1805 - 1875) - nhà kinh tế học Đức, tư tưởng gia của giới địa chủ Phổ bị tư sản hoá; trong thời kỳ của cuộc cách mạng 1848 - 1849 là nhà hoạt động chính trị tự do - ôn hoà, đứng đầu trung tâm cánh tả trong Quốc hội Phổ; về sau là người truyền bá các tư tưởng phản động của "chủ nghĩa xã hội quốc gia" Phổ. - 756, 802.
- Rốt-sin-bon* - triều đại của các chủ ngân hàng có các nhà băng ở rất nhiều nước châu Âu, - 87, 287, 442.
- Rốt-sin* (Rothschitd), Giêm-xơ (1792 - 1868) - đứng đầu ngân hàng của gia đình Rốt-sin ở Pa-ri - 40.
- Rốt-len* (Rutland), Sác-lơ Xơ-xin Giôn *Man-ne-xơ*, công tước (1815 - 1858) - nhà quý tộc Anh, theo phái To-ri - 622.
- Rốt-xen* (Russell), Giôn (1792 - 1878) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thủ lĩnh phái Vích, thủ tướng (1846 - 1852) và 1865 - 1866), bộ trưởng ngoại giao (1852 - 1853 và 1859 - 1865), chủ tịch Hội đồng cơ mật (1854 - 1855); trong năm 1855 đại biểu Anh ở Hội nghị Viên, - 12. 171, 173, 174, 184, 185 - 188, 201 - 205, 230, 231, 401, 499 - 501, 649.
- Rốt-xen* (Russell), Uy-li-am Hô-oát (1820 - 1907), - nhà báo Anh, phóng viên quân sự của báo "Times". - 573, 576, 609, 610.
- Ru-lan* (Rouland), Guy-xtáp (1806 - 1878) - nhà hoạt động nhà nước Pháp, người theo phái Bô-na-pác-tơ, bộ trưởng giáo dục quốc dân và tôn giáo (1856 - 1863), Chủ tịch Hội đồng quốc gia (1863 - 1864), Tổng giám đốc Ngân hàng Pháp (1864 - 1878). - 497.
- Rút-xô* (Rousseau), Giảng Giắc (1712 - 1778) - nhà khai sáng kiệt xuất người Pháp, nhà dân chủ, nhà tư tưởng của giai cấp tiểu tư sản. - 854.

- Sa-lông-xô Ô-răng-giơ*, triều đại - dòng họ bá tước, xuất hiện từ thế kỷ XIV. - 125.
- Sác-lơ I* (1600 - 1649) - vua Anh (1625 - 1649), bị xử tử trong thời kỳ của cuộc cách mạng từ sản Anh ở thế kỷ XVII - 757.
- Sác-lơ II* (1630 - 1685) - vua Anh (1660 - 1685). - 757.
- Sác-lơ V* (1500 - 1558) - vua Tây Ban Nha (1516 - 1556), hoàng đế của cái gọi là Đế chế La Mã thần thánh (1519 - 1556). - 130, 336.
- Sác-lơ X* (1757 - 1836) - vua Pháp (1824 - 1830). - 341.
- Sác-lơ-An-be* (1798 - 1849) - vua Xéc-đi-ai (1831 - 1849). - 27.
- Săm-bo* (Chambord), Hăng-ri Sác-lơ, bá tước (1820 - 1883) - đại biểu cuối cùng của dòng họ lâu đời Buốc-bông, cháu của Sác-lơ X, người tranh ngôi vua Pháp dưới cái tên là Hen-rích V. - 496.
- Săng-gác-ni-ê* (Changarnier), Ni-cô-la Ăng Tê-ô-đuyên (1793 - 1877) - viên tướng và nhà hoạt động chính trị tư sản Pháp, theo chủ nghĩa quân chủ, trong thời kỳ của nền Cộng hoà thứ hai là đại biểu Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp, sau cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851 bị bắt và bị đi đày; năm 1859 trở về Pháp. - 509, 514.
- Sem-béc-len* (Chamberlain), Nê-vin Bôi-lơ-dơ (1820 - 1902) - tướng Anh, sau này là nguyên soái, tham gia cuộc chiến tranh Anh - Áp-ga-ni-xtan lần thứ nhất (1838 - 1842) và cuộc chiến tranh Anh - Xích lần thứ hai (1848 - 1849), chỉ huy các đội quân không chính quy Pen-giáp (1854 - 1858), đàn áp cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc những năm 1857 - 1859 ở Ấn Độ, chỉ huy quân đội Ma-đrát (1876 - 1881). - 351, 386, 546, 550.
- Sếch-xpia* (Shakespeare), Uy-li-am (1564 - 1616) - nhà văn vĩ đại Anh. - 12, 17, 179, 190, 256, 530, 890.
- Sép-xhê-ri* (Shaftesbury), An-tô-ni, Ê-sli-cu-pơ, bá tước (1801 - 1885) - nhà hoạt động chính trị Anh, trong những năm 40 đã lãnh đạo nhóm bác ái thuộc đảng To-ri trong nghị viện; từ năm 1847 theo phái Vích. - 190, 655.
- Si* (Shee), Uy-li-am (1804 - 1868) - luật gia người Ai-rơ-len, theo phái tự do, nghị sĩ. - 186.
- Si-lơ* (Schiler), Phri-đrich (1759 - 1805) - nhà văn vĩ đại Đức - 647, 781.
- Slai-ni-xơ* (Schleinitz), A-lếch-xan-đơ, bá tước (1807 - 1885) - nhà hoạt động nhà

- nước Phổ, kẻ phản động, bộ trưởng ngoại giao (tháng Sáu 1848, 1849, 1850, 1858 - 1861). - 779, 787.
- Sô-rơ* (Shore), Giôn *Tin-mút* (1751 - 1834) - toàn quyền Anh ở Ấn Độ (1793 - 1798). - 583.
- Sơ-va-li-ê* (Chevalier), Mi-sen (1806 - 1879) - kỹ sư Pháp, nhà kinh tế học và nhà chính luận, là môn đồ của Xanh-Xi-mông: sau cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851 đã tích cực ủng hộ và tuyên truyền chính sách kinh tế của Na-pô-lê-ông III, đã cộng tác với tờ "Journal des Débats" một thời gian dài. - 40.
- Stai-nơ* (Stein), I-u-li-út (1813 - 1889) - nhà giáo Xi-lê-dơ, nhà chính luận, nhà dân chủ tư sản, năm 1848 nghị sĩ Quốc hội Phổ, thuộc cánh tả. - 802.
- Stai-nơ* (Stein), Mắc-xi-mi-liêng (1811 - 1860) - sĩ quan Áo, trong thời kỳ nổ ra cuộc Cách mạng 1848 - 1849 ở Hung-ga-ri là tham mưu trưởng của quân đội cách mạng, sau khi cuộc cách mạng thất bại, sống lưu vong ở Thổ Nhĩ Kỳ, tại đó đã lấy tên là Phê-rơ-hát-pa-sa, đã chiến đấu chống nước Nga ở Tréc-kê-xi (1857 - 1858). - 596, 684.
- Stan* (Stahl), Phri-đrich I-u-li-út (1802 - 1861) - luật gia và nhà hoạt động chính trị có khuynh hướng cực kỳ phản động; từ năm 1840 giáo sư Trường đại học tổng hợp Béc-lin. - 849.
- Stoóc-xơ*, An-đrây Các-lô-vích (Hen-rích) (1766 - 1835) - nhà kinh tế tư sản Nga, nhà thống kê và nhà sử học, thành viên Viện hàn lâm khoa học Pê-téc-bua, kẻ hậu bối của trường phái cổ điển của khoa kinh tế chính trị tư sản. - 868.
- Su-va-lốp*, Pi-ốt Pa-vlô-vích, bá tước (sinh năm 1824) - thủ lĩnh quý tộc tỉnh Pê-téc-bua, chủ tịch uỷ ban quý tộc Pê-téc-bua về việc chuẩn bị cuộc cải cách nông dân 1861. - 841.
- Svác-xen-béc* (Schwarzenberg), Phê-lích, công tước (1800 - 1852) - nhà hoạt động nhà nước phản động và nhà ngoại giao Áo; sau khi đàn áp cuộc khởi nghĩa ở Viên vào tháng Mười 1848 là thủ tướng và bộ trưởng ngoại giao. - 779.

T

Ta-lây-răng - *Pê-ri-go* (Talleyrand - Périgord), Sác-lơ Mo-ri-xơ, quận công

(1754 - 1838) - nhà ngoại giao nổi tiếng Pháp, bộ trưởng ngoại giao (1797 - 1799, 1799 - 1807, 1814 - 1815), đại diện của nước Pháp tại Hội nghị Viên (1814 - 1815), có đặc tính là cực kỳ vô nguyên tắc trong chính sách và hám lợi. - 202, 530, 531, 537.

Ta-xô (Tasso), Tô-rơ-kva-tơ (1544 - 1595) - nhà thơ nổi tiếng I-ta-li-a, tác giả của trường ca "Giê-ru-xa-lem được giải phóng". - 560.

Tan-mây-ơ (Thalmayr)(còn có tên khác là Éc-min-a-ga) - một người Hung- ga-ri lưu vong ở Thổ Nhĩ Kỳ. - 688.

Tai-tơ (Tite), Uy-li-am (1798 - 1873) - kiến trúc sư Anh, người theo phái tự do, nghị sĩ từ năm 1855. - 657.

Tê-xi-giơ (The siger), Phrê-đê-rích, nam tước *Sem-xphốt* (1794 - 1878) - nhà hoạt động nhà nước Anh, theo phái To-ri, nghị sĩ từ năm 1840, tổng chưởng lý (1845 - 1846, 1852), đại pháp quan (1858-1859, 1866 - 1868). - 186.

Ti-mua (1336 - 1405) - nguyên soái và nhân vật đi chinh phục ở Trung Á, người sáng lập ra triều đại Ti-mua trị vì ở Ma-ve-ra-nắc, Hô-rê-xmơ và Hô-ra-xan (1370 - 1507). 611.

Tốt-tơ-lê-bên, Ê-đu-ác I-va-nô-vích (1818 - 1884) - kỹ sư quân sự xuất sắc của Nga, tướng, một trong những người tổ chức tuyển phòng thủ anh hùng Xê-va-xtô-pôn những năm 1854 - 1855. - 413, 466.

Tơ-nơ-rơ (Turner), Giêm-xơ A-xpi-nan, (1797 - 1867) - nhà hoạt động chính trị Anh, theo phái To-ri, nghị sĩ, chủ tịch Hội liên hiệp thương mại ở Man-se-xtơ. - 217.

Tu-cơ (Tooke), Tô-mát (1774 - 1858) - nhà kinh tế tư sản Anh, thuộc trường phái cổ điển, nhà phê phán học thuyết tiền tệ của Ri-các-đô. - 422.

Tu-cơ-ny (Tukony) (còn có tên khác là Xê-lim-a-ga) - người Hung-ga-ri lưu vong ở Thổ Nhĩ Kỳ. - 688, 692.

Tu-vơ-nen (Thouvenel), Ê-đu-a Ăng-toan (1818 - 1866) - nhà ngoại giao Pháp, đại sứ ở Công-xtăng-ti-nô-plơ (1855 - 1860), bộ trưởng ngoại giao (1860 - 1862). - 325, 692.

Tuy-rơ (Türr), I-stơ-van (còn có tên khác là Ác-mét Ki-a-min-bây) (1825 - 1908) - sĩ quan Hung-ga-ri, sống lưu vong ở Thổ Nhĩ Kỳ, tham gia cuộc Chiến tranh Crưm, đứng về phía quân đội đồng minh và tham gia cuộc chiến tranh của những người Tréc-kê-xi chống lại nước Nga. - 688, 691, 692.

Tuyếch-gô (Turgot), Lu-i Phê-li-xơ Ê-chiên, hầu tước Đơ (1796 - 1866) - nhà ngoại giao

Pháp, người theo phái Bô-na-pác-tơ, tham gia cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851, bộ trưởng ngoại giao (1851 - 1852), đại sứ ở Tây Ban Nha (1853). - 55.

Tuyếc-nê-xăng (Thurneyssen), Ô-guy-xtơ - một trong những giám đốc của ngân hàng cổ phần Pháp Crédit Mobilier. - 370.

U

U-sa-rơ (Houchard), Gian Ni-cô-la (1740 - 1793) - tướng Pháp, năm 1793 chỉ huy quân đoàn Bắc Pháp, đã đánh tan các đội quân Anh của công tước I-oóc. - 13.

Uên-gơ-lin (Weguelin), Tô-mát - thương gia Anh, theo phái tự do, nghị sĩ, giám đốc Ngân hàng Anh năm 1857. - 672.

Un-ru (Unruh), Han-xơ Vích-to (1806 - 1886) - kỹ sư Phổ, nhà hoạt động chính trị tư sản, năm 1848 là một trong những người lãnh đạo chủ yếu trong Quốc hội Phổ; năm 1849 nghị sĩ hạ nghị viện, thuộc cánh tả; sau này là một trong những người lập ra phái những người tiến bộ, sau đó là phái tự do dân tộc. - 756, 802.

Uốc-đơ (Ward), Hen-ri Giôóc-giơ (1797 -1860) - quan chức thực dân Anh, cao uỷ quần đảo I-ô-niêng (1849 - 1855), toàn quyền đảo Xây-lan (1855 - 1860) và xứ Ma-đrát (1860). - 823.

Uốc-lơ (Wardle), Guy-li-am Lô-i-đơ (khoảng 1762 - 1833) - viên đại tá Anh, nghị sĩ, năm 1809 tại hạ nghị viện đã vạch trần những sự lạm dụng của công tước I-oóc. - 19, 20, 22, 23.

Uôn-pôn (Walpole), Xpen-xơ Hô-ra-xơ (1806 - 1898) - nhà hoạt động nhà nước Anh, theo phái To-ri, bộ trưởng nội vụ (1852, 1858 - 1859, 1866 - 1867). - 657.

Út-rêm (Outram), Giêm-xơ (1803 - 1863) - tướng Anh, thống đốc ở Lác-nau (1854 - 1856), năm 1857 chỉ huy các đội quân Anh trong thời kỳ có cuộc chiến tranh Anh - Xích, cao uỷ ở Au-đơ (1857 - 1858), đã tham gia đàn áp cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc những năm 1857 - 1859 ở Ấn Độ. - 388, 461, 467, 544, 545, 548, 549, 600.

Uy-lơ-rơ (Wheeler), - phó chủ tịch Công ty Đông Ấn (1773 - 1780). - 679.

Uy-le-rơ (Wheeler), Huy Ma-xi (1789 - 1857) - tướng Anh, trong những năm 1838 -

1839 tham gia cuộc chiến tranh Anh - Ấp-ga-ni-xtan lần thứ nhất và các cuộc chiến tranh Anh - Xích (1845 - 1846), chỉ huy quân đồn trú ở Can-pua (1856 - 1857), tham gia đàn áp cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc những năm 1857 - 1859 ở Ấn Độ. - 355, 382, 466, 468.

Uy-li-am III Ô-răng-giơ (1650 - 1702) - tổng đốc Hà Lan (1672 - 1702), vua Anh (1689 - 1702). - 125.

Uy-li-am-xơ (Williams), Uy-li-am Phê-nu-ích, nam tước Các-xki (1800 - 1883) - tướng Anh, năm 1855, trong thời kỳ có cuộc Chiến tranh Crưm đã chỉ huy cuộc phòng thủ Các-xơ, nghị sĩ (1856 - 1859), chỉ huy quân đồn trú ở Vu-li-giơ (1856 - 1859). - 186, 475, 477.

Uyn-hêm (Windham), Sác-lơ A-sơ (1810-1870) - tướng Anh, trong những năm 1854 - 1856 tham gia cuộc Chiến tranh Crưm, chỉ huy các đơn vị quân Anh ở La-ho (1857 - 1861), đàn áp cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc những năm 1857 - 1859 ở Ấn Độ. - 467, 473 - 479, 541.

Uyn-hêm (Windham), Uy-li-am (1750 - 1810) - nhà hoạt động nhà nước Anh, theo phái Vích, sau này theo phái To-ri, nghị sĩ, bộ trưởng chiến tranh (1794 - 1801). - 527, 534.

Uyn-xơn (Wilson), Ác-sđây-lơ (1803 - 1874) - tướng Anh, trong thời kỳ cuộc nghĩa giải phóng dân tộc ở Ấn Độ đã chỉ huy các đơn vị quân đội trong cuộc bao vây và tấn công Đê-li (1857) và chỉ huy pháo binh trong cuộc bao vây Lác-nau (1858). - 380, 386, 414, 418, 612.

Uyn-xơn (Wilson), Giêm-xơ (1805 - 1860) - nhà kinh tế học tư sản và nhà hoạt động chính trị người Anh, theo phái mật dịch tự do, nhà sáng lập và biên tập tạp chí "Economist", nghị sĩ, trong những năm 1853 - 1858 bộ trưởng Ngân khố quốc gia (bộ trưởng tài chính). - 172, 561, 562, 666, 695.

Uyn-xơn (Wilson), Gióc-giơ (1808 - 1870) - chủ xưởng và nhà hoạt động chính trị Anh; người theo phái mật dịch tự do, chủ tịch Đồng minh chống các đạo luật về ngũ cốc (1841 - 1846). - 219.

Uyn-xơn (Wilson), N. (chết năm 1857) - đại tá Anh, tham gia đàn áp cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc những năm 1857 - 1859 ở Ấn Độ. - 479.

Uyn-xlâu (Winslow), Phóc-xơ - bác sĩ và nhà báo Anh, tổng biên tập báo "Journal of Psychological Medicine and Mental Pathology". - 656.

Uýt-lốc (Whitlock), Gióc-giơ Gióc-ni-sơ (1798 - 1868) - tướng Anh, từ năm 1818 phục

vụ Công ty Đông Ấn, tham gia đàn áp cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc những năm 1857 - 1859 ở Ấn Độ. - 612, 642.

Uýt-uốc (Whitworth), Sác-lơ (1752 - 1825) - nhà ngoại giao Anh, đại sứ ở Pa-ri (1802 - 1803) thống đốc Ai-rơ-len (1813 - 1817). - 535 - 537.

V

Va-lép-xki (Walewski), A-lếch-xan-đơ Phlo-ri-ăng Giô-dép *Ca-lô-na*, bá tước (1810 - 1868) - nhà ngoại giao và nhà hoạt động nhà nước Pháp, con trai của Na-pô-lê-ông I, có vợ là bá tước Ba Lan Va-lép-xki, là người tham gia cuộc khởi nghĩa Ba Lan những năm 1830 - 1831, sau khi cuộc khởi nghĩa thất bại lưu vong sang Pháp, bộ trưởng ngoại giao (1855 - 1860), chủ trì Hội nghị Pa-ri (1856) - 27, 502.

Vai-ăng (Vaillant), Giảng Ba-ti-xơ Phi-li-be (1790 - 1872) - nguyên soái Pháp, người theo phái Bô-na-pác-tơ, bộ trưởng chiến tranh (1854 - 1859). - 496.

Van-Coóc-len (Van Cortlandt), Hen-ri Sác-lơ (1815 - 1888) - tướng Anh, từ năm 1832 đến năm 1839 phục vụ trong quân đội của người Xích, tham gia cuộc chiến tranh lần thứ nhất và cuộc chiến tranh lần thứ hai giữa người Anh và người Xích (1845 - 1846, 1848 - 1849), đứng về phía những người Anh; tham gia đàn áp cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc những năm 1857 - 1859 ở Ấn Độ. - 335, 354, 374, 388.

Van-đê-xơ (Valdez) - tướng Tây Ban Nha, tham gia cuộc cách mạng những năm 1854 - 1856. - 57, 58.

Van-đếch-cơ (Waldeck) Bê-nê-đích-tơ Phrăng-xơ Lê-ô (1802 - 1870) - nhà hoạt động chính trị Đức, người theo phái cấp tiến tư sản; về nghề nghiệp là nhà luật gia, năm 1848 là một trong những người lãnh đạo cánh tả và phó chủ tịch Quốc hội Phổ; về sau theo phái tiến bộ. - 802.

Van-Xtơ-rô-ben-di (Van Straubenzee), Sác-lơ Tô-mát (1812 - 1892) - tướng Anh, trong những năm 1855 - 1856 chỉ huy lữ đoàn quân Anh ở Crưm và trong những năm 1857 - 1858 chỉ huy các đội quân Anh trong thời kỳ có cuộc Chiến tranh "nha phiến" lần thứ hai với Trung Quốc. - 721.

Vát-xít-A-li-sắc - vua của xứ Au-đơ (1847 - 1856). - 582.

Vây-ô (Veuillot), Lu-i Phrăng-xoa (1813 - 1883) - nhà báo Pháp, người ủng hộ cuồng nhiệt Thiên chúa giáo, tổng biên tập báo "Univers" (1848 - 1860). - 516.

Ve-xtơ-pha-len (Westphalen), Phéc-di-nan (1799 - 1876) - nhà hoạt động nhà nước phản động Phổ, bộ trưởng nội vụ (1850 - 1858). - 750, 786.

Ven-sen (Wenzel), Au-gu-xtơ (1799 - 1860) - quan toà Phổ, nghị sĩ quốc hội (1849 - 1859), người thuộc phái tả. - 816.

Vê-rê-sơ (Verres) - người Hung-ga-ri sống lưu vong ở Thổ Nhĩ Kỳ. - 692.

Vích-to - Ê-ma-na-en II (1820 - 1878) - vua Xéc-đi-ni (1849 - 1861), vua I-ta-li-a (1861 - 1878). 27, 440, 810.

Vích-to-ri-a (1819 - 1901) - nữ hoàng Anh (1837 - 1901). - 571.

Viéc-gi-lơ (Pu-bli-út Viéc-gi-li-út Ma-rô) (70 - 19 trước công nguyên) - nhà thơ La Mã kiệt xuất. - 523.

Vin-hem I (1797 - 1888) - hoàng tử Phổ, hoàng tử nhiếp chính (1858 - 1861), vua Phổ (1861 - 1888), đế chế Đức (1871 - 1888). - 735, 744 - 747, 750 - 753, 756, 757, 761 - 764, 791, 804 - 806, 809, 816, 817, 818.

Vin-hem IV (1765 - 1837) - vua Anh (1830 - 1837). - 584.

Vin-manh (Villemain), A-ben Phrăng-xoa (1790 - 1870) - nhà hoạt động chính trị và nhà văn Pháp, người theo phái tự do, bộ trưởng giáo dục quốc dân (1839 - 1840, 1840 - 1844). - 497, 811.

Vô-gô-ri-đê-xơ (Bô-gô-ri-đi), A-lếch-xan-đrơ (người ta thường quen gọi là A-lê-cô-pa-sa) (khoảng 1823 - 1910) - nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Thổ Nhĩ Kỳ, người gốc Bun-ga-ri, những năm 1856 - 1861 là tham tán sứ quán ở Luân Đôn, đại sứ ở Viên (1876 - 1878), tỉnh trưởng miền Đông Ru-mê-li (1879 - 1884). - 327.

Vô-gô-ri-đê-xơ, Ni-cô-lai (1821 - 1863) - Cai-ma-cam Môn-đô-va (tạm thời đảm nhiệm quyền hoàng đế) (1857 - 1859), gốc người Bun-ga-ri, anh trai của A-lếch-xan-đrơ Vô-gô-ri-đê-xơ. - 325 - 327.

Vô-gô-ri-đê-xơ, Xtê-phan (Bô-gô-rốp, Xtôi-cơ (1775 - 1859) - Cai-ma-cam Môn-đô-va (tạm thời đảm nhiệm quyền quốc vương) (1821 - 1822), gốc người Bun-ga-ri, bố của A-lếch-xan-đrơ và Ni-cô-lai Vô-gô-ri-đê-xơ. - 327.

Vô-ôn (Vaughan), Giôn Lu-te-rơ (sinh năm 1820) - tướng Anh, tham gia đàn áp cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc những năm 1857 - 1859 ở Ấn Độ. 319.

Vô-rôn-xốp, Mi-kha-in Xê-mê-nô-vích, quận công (1782 - 1856) - nhà hoạt động nhà nước Nga, thống soái, trong những năm 1844 - 1854 tổng chỉ huy các đội quân ở Cáp-ca-dơ và toàn quyền Cáp-ca-dơ. - 230.

Vôn-te (Voltaire), Phrăng-xoa Ma-ri (họ thật là A-ru-en (1694 - 1778) - nhà triết học tự nhiên thần luận Pháp, nhà văn châm biếm; nhà sử học, đại biểu xuất sắc của trào lưu khai sáng tư sản thế kỷ XVIII, đấu tranh chống chế độ chuyên chế và đạo Thiên chúa. - 309.

Vút (Wood), Sác-lơ (1800 - 1885) - nhà hoạt động nhà nước Anh, theo phái tự do, trong những năm 1846 - 1852 bộ trưởng ngân khố (bộ trưởng tài chính), chủ tịch Hội đồng kiểm tra các vấn đề Ấn Độ (1852 - 1855), trong những năm 1855 - 1858 là bộ trưởng hải quân đầu tiên, (bộ trưởng hải quân), là Bộ trưởng phụ trách các vấn đề Ấn Độ (1859 - 1866), thủ thư (1870 - 1874). 401, 666.

Vút-bớc-nơ (Woodburn) - tướng Anh, năm 1857 tham gia đàn áp cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc ở Ấn Độ. - 319.

Vút-hau-xơ (Wodehouse), Giôn (1826 - 1902) - nhà hoạt động nhà nước Anh, công sứ ở Pê-téc-pua (1856 - 1858), phó vương Ai-rơ-len (1864 - 1866), quan chủởng ấn (1868 - 1870), bộ trưởng thuộc địa (1870 - 1874, 1880 - 1882). - 629.

Vran-ghen (Wrangel), Phri-đích Hen-rích Êc-nơ-xơ (1784 - 1877) - tướng Phổ, đại biểu xuất sắc của giới quân phiệt phản động, tham gia cuộc bạo động phản cách mạng ở Béc-lin và giải tán Quốc hội Phổ vào tháng Mười một 1848. - 67.

X

Xa-gơ-đen (Sugden), Ê-đu-ác, nam tước Xen-Lê-ô-nác (1781 - 1875) - luật gia và nhà hoạt động nhà nước Anh, người theo phái To-ri, năm 1852 là đại pháp quan. - 500.

Xa-voa, triều đại - một trong những triều đại vua I-ta-li-a, từ năm 1720 đến năm 1861 - cai trị ở Vương quốc Xéc-đi-ni, từ năm 1861 đến năm 1964 - ở Vương quốc thống nhất I-ta-li-a. - 24 - 29.

Xa-xi (Sacy), Xa-muy-en *Xin-ve-xơ-rơ Đơ* (1801 - 1879) - nhà chính luận Pháp, từ năm 1828 là uỷ viên trong ban biên tập báo "Journal des Débats". - 498.

Xác-tô-ri-út (Sartorius), Phéc-nan-đô Lu-i-xơ Hô-xô, bá tước *Xan-lu-i-xơ* (1820 - 1871) - nhà hoạt động nhà nước phản động và nhà chính luận người Tây Ban Nha, một trong những thủ lĩnh của phái Mô-đê-ra-đốt; bộ trưởng nội vụ (1847 - 1851), đứng đầu chính phủ (1853 - 1854). - 276, 277.

Xanh-Giuy-xơ (Saint - Just), Lu-i Ăng-toan (1767 - 1794) - nhà hoạt động lỗi lạc của cuộc cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII, một trong những lãnh tụ của phái Gia-cô-banh. - 41.

Xanh - Xi-mông (Saint-Simon), Hăng-ri (1760-1825) - nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng vĩ đại người Pháp. - 40.

Xát-lơ (Sadleir), Giôn (1814 - 1856) - chủ ngân hàng và nhà hoạt động chính trị Ai-rơ-len, một trong những lãnh tụ của phái Ai-rơ-len ở nghị viện, giám đốc ngân hàng Ti-pê-rê-ri và các cơ quan tài chính khác, năm 1853 là thứ trưởng tài chính, đã tự sát do nhà băng Ti-pê-rê-ri vỡ nợ năm 1856. - 41, 69.

Xát-tôn (Sutton), Giôn Hen-ri Man-ne-xơ - nhà hoạt động chính trị Anh, theo phái Pin, nghị sĩ (1847 - 1857). - 229.

Xây (Say), Giảng Ba-ti-xơ (1767 - 1832) - nhà kinh tế học tư sản Pháp, đại biểu của khoa kinh tế chính trị tầm thường. - 868.

Xây-mua (Seymour), Mai-cơn (1802 - 1887) - đô đốc Anh, trong những năm 1854 - 1856 tham gia cuộc Chiến tranh Crưm, chỉ huy các lực lượng hải quân trong thời kỳ có cuộc Chiến tranh "nha phiến" với Trung Quốc (1856 - 1858). - 133 - 137, 188, 194, 210, 211.

Xéc-ran-nô-i Đô-min-ghe-xơ (Serrano y Dominguez), Phan-xi-xcô (1810-1885) - tướng và nhà hoạt động nhà nước người Tây Ban Nha, bộ trưởng quốc phòng (1843), tham gia cuộc bạo động năm 1856; bộ trưởng ngoại giao (1862-1863), đứng đầu chính phủ (1868 - 1869, 1871, 1874), nhiếp chính vương quốc (1869-1871). - 54.

Xác-van-lét Đờ Xa-vê-đra (Cervantes de Saavedra), Mi-ghen (1547-1616) - nhà văn hiện thực vĩ đại người Tây Ban Nha. - 556.

Xéc-vi-út Tu-li-út (578-534 trước công nguyên) - vua La Mã thứ sáu. - 765.

Xen-Lê-ô-nác - xem *Xa-gơ-đen Ê-đư-ác*.

Xê-ba-xi-a-ni (Sébastieni), Hô-ra-xơ, bá tước (1772-1851) - thống soái Pháp, nhà ngoại giao; trong những năm 1801-1802 thực hiện những nhiệm vụ ngoại giao của

Na-pô-lê-ông I ở Thổ Nhĩ Kỳ, Ai Cập, Xi-ri; bộ trưởng ngoại giao (1830-1832), đại sứ ở Luân Đôn (1835-1840). - 534.

Xê-da (Cai-út I-u-li-út Xê-da) (khoảng 100 - 44 trước công nguyên) - tướng và nhà hoạt động nhà nước nổi tiếng ở La Mã. - 118, 366.

Xê-mê-rơ (Szemere), Béc-ta-lan (1812-1869) - nhà hoạt động chính trị và chính luận Hung-ga-ri, bộ trưởng nội vụ (1848) và đứng đầu chính phủ cách mạng (1849); sau khi cuộc cách mạng thất bại rời khỏi Hung-ga-ri sống lưu vong. - 214.

Xê-phơ-pa-sa - quận công Tréc-kê-xi, phục vụ cho Thổ Nhĩ Kỳ, tham gia cuộc chiến tranh Nga - Thổ Nhĩ Kỳ (1826 - 1828), trong những năm 1855-1859 chỉ huy các hoạt động quân sự của những người Tréc-kê-xi miền núi - chống lại nước Nga. - 588, 594, 687, 688, 692.

Xi-ây-ét (Sieyès), Ê-ma-nu-en Giô-dép (1748-1836) - tu sĩ người Pháp, nhà hoạt động cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII, đại biểu của giai cấp đại tư sản. - 785.

Xi-ghi-dơ-mun-đơ (1368 - 1437) - hoàng đế Đức (1411-1437), là người cuối cùng của triều đại Lúc-xăm-buốc. - 128 - 131.

Xi-mô-ni-sơ, I-van Xtê-pa-nô-vích (1792-1855) - tướng Nga, công sứ ở Tê-hê-ran (1832-1839). - 155.

Xi-môn-xơ (Simens), Lút-vích (1803-1870) - luật gia Đức, một phần tử phản động; năm 1848 đại biểu Quốc hội Phổ; thuộc cánh hữu, bộ trưởng tư pháp (1848-1860). - 788.

Xi-xê-rôn (Mác-cút I-li-út Xi-xê-rôn) (106 - 43 trước công nguyên) - nhà hùng biện và nhà hoạt động chính trị lỗi lạc của La Mã, nhà triết học theo chủ nghĩa chiết trung. - 127.

Xi-xmôn-đi (Sismondi) Giảng Sác-lơ Lê-ô-na *Xi-môn-đơ Đơ* (1773-1842) - nhà kinh tế học Thụy Sĩ, nhà phê bình chủ nghĩa tư bản trên quan điểm tiểu tư sản. - 119.

Xim-pxơn (Simpson), Giêm-xơ (1792-1868) - tướng Anh, năm 1855 tham mưu trưởng (tháng Hai - tháng Sáu), sau đó chỉ huy quân đội ở Crưm (tháng Sáu - tháng Mười một). - 472.

Xinh-khi-a, A-li Gia Giắc-gi (Ba-ghi-rát Rao) (sinh khoảng năm 1835) - quận công Ma-rát cai trị công quốc Gva-li-oóc của Ấn Độ từ năm 1853; trong thời kỳ nổ ra cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc những năm 1857-1859 ở Ấn Độ đã đứng về phía người Anh. - 377, 709.

- Xit-mút* (Sidmouth), Hen-ri *Át-đin-ton*, tử tước (1757-1844) – nhà hoạt động nhà nước Anh, theo phái To-ri; thủ tướng và bộ trưởng ngân khố quốc gia (bộ trưởng tài chính) (1801-1804), giữ chức bộ trưởng nội vụ (1812-1821), đã thi hành các biện pháp đàn áp chống lại phong trào công nhân. – 195, 533.
- Xli-mên* (Sleeman), Uy-li-am, Hen-ri (1788-1856) – quan thuộc địa Anh, sĩ quan, sau đó là tướng, thống đốc ở Gva-li-oóc (1843-1849) và Lác-nau (1849-1854). – 587.
- Xmai-tơ* (Smythe), Giôn Gioóc-giơ - nhà hoạt động chính trị Anh, đại tá, theo phái Pin, nghị sĩ. – 229.
- Xmít* (Smith), A-đam (1723-1790) – nhà kinh tế học Anh, một trong những đại biểu lớn nhất của kinh tế chính trị học tư sản cổ điển. – 710, 858, 881.
- Xmít* (Smith), Giôn Mác-cơ Phrê-đê-rích (1790-1874) – tướng Anh, kỹ sư quân sự, nghị sĩ, - 339.
- Xmít* (Smith), Rô-bốt *Véc-nôn* (1800-1873) – nhà hoạt động nhà nước Anh, theo phái Vích, nghị sĩ, chủ tịch Hội đồng kiểm tra về các vấn đề Ấn Độ (1855-1858). – 316, 318, 501.
- Xô-phi-a* – nữ công tước Áo (1805-1872) – mẹ của hoàng đế Áo Phran-tơ I-ô-xíp I. – 734.
- Xpi-nô-da* (Spinoza), Ba-rúc (Bê-nê-đích) (1632-1677) – nhà triết học duy vật xuất sắc Hà Lan, người theo chủ nghĩa vô thần. – 864.
- Xten-li* (Stanley), huân tước Ê-đu-ác Hen-ri, từ năm 1869 là bá tước Đốc-bi (1826-1893) – nhà hoạt động ngoại giao Anh, theo phái To-ri, trong những năm 60 – 70 theo phái bảo thủ, sau đó theo phái tự do, bộ trưởng thuộc địa (1858, 1882-1885) và bộ trưởng ngoại giao (1866-1868, 1874-1878), con trai của Ê-đu-ác Đốc-bi. – 501, 502.
- Xten-li-Ốp Ôn-đéc-li*, Êt-út Giôn Xten-li, nam tước (1802-1869) – nhà hoạt động nhà nước Anh, theo phái Vích, nghị sĩ, bộ trưởng thương mại (1855-1858), đứng đầu Tổng cục bưu điện (1860-1866). – 448, 452.
- Xtê-pha-ni-a-Lu-i-da* – *A-đri-en-nơ*, họ thời con gái là *Bô-hác-ne* (1789-1860) – nữ đại công tước Ba-đen từ năm 1811. – 782.
- Xtiu-át* (Stewart), Đô-nan-đơ Mác-tin (1824-1900) – sĩ quan Anh, sau này là nguyên soái, tham gia đàn áp cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc những năm 1857-1859 ở Ấn Độ, tham gia cuộc chiến tranh Anh - Áp-ga-ni-xtan lần thứ hai

- (1878-1800); tổng chỉ huy các lực lượng quân sự ở Ấn Độ (1881-1885), uỷ viên Hội đồng Ấn Độ (1885-1900). – 376.
- Xtiu-át* (Steuart), Giêm-xơ (1712-1780) – nhà kinh tế học tư sản Anh, một trong những nhà lý luận lỗi lạc của chủ nghĩa trọng thương. – 855.
- Xtóc* (Stock), Phran-xi-séch – nhân vật lưu vong người Ba Lan, sĩ quan quân đội Thổ Nhĩ Kỳ. – 589, 687, 689.
- Xtốt-dác-tơ* (Stoddart), Sác-lơ (1806-1842) – nhà ngoại giao và sĩ quan Anh, năm 1838 được cử làm công sứ ở Bu-ca-ra, tại đó ông đã bị bắt và bị giết. – 739.
- Xtơ-ra-bôn* (khoảng năm 63 trước công nguyên – khoảng năm 20 sau công nguyên) – nhà địa lý và sử học lớn nhất của Hy Lạp cổ đại. – 118.
- Xtơ-rát-pho Đờ Rết-clíp-phơ* (Stratford de Redcliffe), Xtơ-rát-pho *Can-ninh*, tử tước (1786-1880) – nhà ngoại giao Anh, công sứ (1810-1812, 1825-1828), sau đó làm đại sứ ở Công-xtăng-ti-nô-plơ (1841-1858). – 289.
- Xtơ-rô-ben-di* – xem *Van-xtơ-rô-ben-di*, Sác-lơ Tô-mát.
- Xu-vô-rốp*, A-lếch-xan-đơ Va-xi-li-ê-vích (1730-1800) đại nguyên soái Nga. – 145, 146.
- Xiu Hai Xi* – nhà hoạt động nhà nước Trung Quốc, năm 1834 là quan toà tỉnh Quảng Đông, năm 1836 đã đưa ra dự luật chống buôn lậu thuốc phiện. - 683.
- Xun-tơ* (Soult), Ni-cô-la Giảng (1769-1851) – nguyên soái và nhà hoạt động nhà nước Pháp, nổi tiếng về lập trường cực kỳ vô nguyên tắc trong chính trị, thủ tướng (1832-1834, 1839-1840 và 1840-1847). – 286.

BẢN CHỈ DẪN CÁC XUẤT BẢN PHẨM ĐỊNH KỲ

"Báo Phổ mới" - xem "*Neue Preußische Zeitung*".

"Advertiser" - xem "*The Morning Advertiser*".

"*Allgemeine Preußische Zeitung*" ("Báo phổ thông Phổ") (Béc-Lin). 803.

"*L'Assemblée nationale*" ("Quốc hội") (Pa-ri). - 78.

"*The Bengal Gazette*" - xem "*The Calcutta Gazette*".

"*Berliner politisches Wochenblatt*" ("Tuần báo chính trị Béc-lin"). - 847.

"*The Bombay Courier*" ("Truyền tin Bom-bay") - 393.

"*The Bombay Gazette*" ("Báo Bom-bay"). - 415.

"*The Bombay Times*" ("Thời báo Bom-bay"). - 320, 322.

"*The Calcutta Gazette*" ("Báo Can-cút-ta"). - 375.

"*Cobbett's Weekly Political Register*" ("Tin tức chính trị hàng tuần của Cốp-bét"). - 19.

"*Le Constitutionnel*" ("Ngời lập hiến") (Pa-ri). - 77, 479, 511, 558, 559, 624.

"*The Continental Revier*" ("Bình luận lục địa") (Luân Đôn). - 514.

"*Le Correspondant*" ("Phóng viên") (Pa-ri). - 774.

"*The Daily Express*" ("Tin nhanh hàng ngày") (Đu-blin). - 830.

"*The Daily News*" ("Tin tức hàng ngày") (Luân Đôn). - 139, 351, 353, 389, 407, 559, 820.

"*Daily Telegraph*" ("Điện tín hàng ngày") (Luân Đôn). - 724.

"*Débats*" - xem "*Journal des Débats politiques et littéraires*".

"*Dio e Popolo*" ("Chúa trời và nhân dân") (Giê-nu-ết). - 713.

"*The Economist*" ("Nhà kinh tế học") (Luân Đôn). - 98, 409, 542, 561 - 564, 619, 695, 696, 699, 721.

"*The Edinburgh Review*" ("Tập chí Ê-din-bóc"). - 165, 501.

"*L'Etoile du Danube*" ("Ngôi sao sông Đa-nuýp") (Bruy-xen). - 327.

"*The Examiner*" ("Người quan sát") (Luân Đôn). - 288.

"*Figaro*" ("Phi-ga-rô") (Pa-ri). - 604.

"*The Free Press*" ("Báo chí tự do") (Luân Đôn). - 409, 688.

"*Friend of China*" - xem "*The Overland Friend of China*".

"*The Friend of India*" ("Người bạn của Ấn Độ") (Xê-ram-pua). - 391 - 394.

"*Gacela de Madrid*" ("Báo Ma-đrít"). - 57.

"*The Globe and Traveller*" ("Trái đất và nhà du hành") (Luân Đôn). - 408, 470, 821.

"*Hamburger Korrespondent*" - xem "*Staats und Gelehrte Zeitung des Hamburgischen unparteiischen Korrespondenten*".

"*L'Indépendance belge*" ("Độc lập của Bỉ") (Bruy-xen). - 107.

"*Journal de Constantinople*" ("Báo Công-xtăng-ti-nô-plơ"). - 690.

"*Journal de Madrid*" ("Báo Ma-đrít"). - 61.

"*Journal des Chemins des Fer, de Mines et des Travaux Publics*"

("Báo đường sắt, hầm mỏ và công trình công cộng"). (Pa-ri). - 100.

"*Journal des Débats politiques et littéraires*" ("Báo tranh luận chính trị và văn học") (Pa-ri). - 40, 56, 57, 97, 497.

"*The Journal de Psycho logical Medicine and Mental Pathology*" ("Tập chí y học tâm lý và tâm thần học") (Luân Đôn). - 656.

"*Königlich - Preussischer Staats-Anzeiger*" ("Người truyền tin quốc gia của nhà vua Phổ") (Béc-lin). - 780, 815, 819.

"*Kreuz - Zeitung*" - xem "*Neue Preußische Zeitung*".

"*The Manchester Guardian*" ("Người bảo vệ Man-se-xtơ"). - 218.

"*The Merchant's Magazine and Commercial Review*" ("Tập chí thương mại và điểm tình hình thương mại") (Niu Oóc). - 678.

"*Military Spectator*" ("Nhà bình luận quân sự") (Luân Đôn). - 391.

- "*The Mofussilite*" ("Người ở tỉnh") (Mi-rút, A-gra, Am-ba-la). - 354.
- "*Le Moniteur universel*" ("Báo đại chúng") (Pa-ri). - 41, 53, 55, 82, 102, 260, 266, 483 - 486, 497, 504, 507 - 508, 512, 518, 529, 531 - 540, 543, 560, 797.
- "*The Morning Advertiser*" ("Người đưa tin buổi sáng") (Luân Đôn). - 388, 651.
- "*The Morning Chronicle*" ("Tin buổi sáng") (Luân Đôn). - 18, 407, 823.
- "*The Morning Herald*" ("Truyền tin buổi sáng") (Luân Đôn). - 62. 408.
- "*The Morning Post*" ("Bưu điện buổi sáng") (Luân Đôn). - 215, 227, 230, 330, 408, 651.
- "*The Morning Star*" ("Sao mai") (Luân Đôn). - 723, 821.
- "*National-Zeitung*" ("Báo dân tộc") (Béc-lin). - 761, 762.
- "*Neue Preussische Zeitung*". ("Báo Phổ mới") (Béc-lin). - 790, 815, 851.
- "*New - York Daily Tribune*" ("Diễn đàn Niu Oóc hàng ngày"). - 175, 327, 686, 689.
- "*The New - York Herald*" ("Người truyền tin Niu Oóc"). - 560.
- "*North British Daily Mail*" ("Bưu điện hàng ngày Bắc Anh") (Gla-xgô). - 421.
- "*The Observer*" ("Người quan sát") (Luân Đôn). - 821.
- "*Opinione*" ("Dư luận") (Tu-rin, Phlô-ren-xơ. Rô-ma). - 438.
- "*The Overland Friend of China*" ("Người bạn trên lục địa của Trung Quốc"). - 678. (Hồng Công). - 176, 678,
- "*La Patrie*" ("Tổ quốc") (Pa-ri). - 508, 559, 560, 624.
- "*Le Pays*" ("Đất nước") (Pa-ri). - 323.
- "*Pensiero ed Azione*" ("Tư tưởng và hành động") (Luân Đôn). - 713.
- "*The People's Paper*" ("Báo nhân dân"). - 9.
- "*Pester Lloyd*" ("Lôi-đơ Pét") (Bu-đa-pét). - 213.
- "*Le Phare de la Loire*" ("Đèn biển Loa-rơ") (Năng-tơ). - 485.
- "*The Phoenix*" ("Phượng hoàng") (Can-cút-ta). - 472.
- "*Political Register*" - xem "*Cobbett's Weekly Political Register*".
- "*Politisches Wochenblatt*" - xem "*Berliner politisches Wochenblatt*".
- "*Post*" - xem "*The Morning Post*".
- "*Le Pouvoir*" ("Quyền lực") (Pa-ri). - 560.

- "*The Press*" ("Báo chí") (Luân Đôn). - 227, 322.
- "*La Presse*" ("Báo chí") (Pa-ri). - 59, 99.
- "*La Presse d'Orient*" ("Báo phương Đông") (Công-xtăng-ti-nô-plo). - 687. 692.
- "*Preussische Zeitung*" - xem "*Allgemeine Preussische Zeitung*".
- "*Punch, or the London Charivari*" ("Sự vụng về hay là sự ồn ào ở Luân Đôn). - 192, 504.
- "*Le Siècle*" ("Thế kỷ") (Pa-ri). - 604.
- "*Somerset County Gazette*" ("Báo lãnh địa bá tước Xô-móc-xết") (Luân Đôn). - 651.
- "*Le Spectateur*" ("Khán giả") (Pa-ri). - 485.
- "*Staats-Anzeiger*" - xem "*Königlich Preussischer Staats-Anzeiger*".
- "*Staats und Gelehrte Zeitung des Hamburgischen unparteiischen Korrespondenten*" ("Báo chính trị và khoa học của thông tin viên vô tư ở Hăm-buốc). - 537.
- "*The Standard*" ("Ngọn cờ") (Luân Đôn). - 408.
- "*The Sun*" ("Mặt trời") (Luân Đôn). - 230
- "*The Times*" ("Thời báo") (Luân Đôn). - 31, 32, 75, 97, 113, 138, 180, 186, 192, 288, 290, 299, 306, 317, 340, 350 - 353, 365, 367, 380, 400, 420, 431, 449, 470, 471, 478, 485, 552, 573, 578, 582, 609, 622, 624, 651, 696, 725, 769, 814, 821.
- "*Tribune*" - xem "*New - York Daily Tribune*".
- "*The True Briton*" ("Người Anh chân chính") (Luân Đôn). - 533.
- "*L'Union*" ("Liên minh") (Pa-ri). - 624.
- "*L'Univers religieux, philosophique, politique, scientifique et littéraire*" ("Thế giới của tôn giáo, triết học, chính trị, khoa học và văn học") (Pa-ri). - 518, 558, 560, 604, 624.
- "*Volks-Zeitung*" ("Báo nhân dân") (Béc-lin). - 761.